

**Lược Giảng Kinh
Chiêm Sát Thiện Ác
Nghệp Báo**

占察善惡業報經

略講

**Hán dịch: Thiên Trúc sa-môn Bồ Đề Đăng dịch vào đời Tùy
Chủ giảng: Lão hòa thượng Mật Tam
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảng chánh: Đức Phong và Huệ Trang**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

(trang trống)

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

占察善惡業報經

隋天竺沙門菩提登譯

夢參老和尚講

Hán dịch: Thiên Trúc sa-môn Bồ Đề Đăng dịch vào đời Tùy

Chủ giảng: Lão hòa thượng Mộng Tham

(giảng lần thứ ba, năm 2009)

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

theo bản đăng tải trên trang nhà Hoàng Thiệu Phật giáo

<https://www.liaotuo.com>

Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang

Ghi chú của người chuyển ngữ

Lão pháp sư Mộng Tham đã giảng kinh này ba lần, được ghi lại thành các bản giảng ký như sau: Bản thứ nhất mang tựa đề Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh Giảng Ký (cư sĩ Ngô Bích Đào chỉnh lý, do Nữ Uớc Bồ Đề Tâm Học Hội ấn hành năm 1989). Bản thứ hai ghi là Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh Tân Giảng (giảng năm 1999 tại chùa Phổ Thọ, núi Ngũ Đài), và bản thứ ba chỉ ghi tựa đề Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh (năm 2009). Do bản Giảng Ký đã có người chuyển ngữ sang tiếng Việt từ lâu (không đề tên người dịch), và so với lần giảng thứ hai thì lời giảng lần thứ ba chi tiết hơn, nên chúng tôi chọn chuyển ngữ bản này (và ghi tựa đề là Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo để độc giả khỏi lầm với chánh kinh) nhằm thỏa mãn tâm nguyện giới thiệu các bài giảng của Địa Tạng Tam Kinh hồng khích lệ chính mình cũng như các đồng tu củng cố tín tâm, tin sâu nhân quả, sám trừ nghiệp chướng, phát Bồ Đề tâm, dùng mãnh niệm Phật.

Tập 1

Chư vị Bồ Tát, chúc mọi người cát tường như ý, thân tâm khỏe mạnh.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Nay tôi sẽ thưa với mọi người lý do vì sao phải học kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, và nói đến nhân duyên lịch sử của bộ kinh này. Bộ kinh này kể từ khi được phiên dịch sang tiếng Hán, không có ai học. Kinh được phiên dịch từ đời Tùy [bởi ngài Bồ Đề Đăng], mãi cho đến đời Minh, Ngẫu Ích đại sư dùng thần thông, trí huệ, quan sát Nam Thiệm Bộ Châu, muốn tìm năm vị tỳ-kheo thanh tịnh, nhưng chẳng có! Ngài mong thọ giới, nhưng chẳng thể đắc giới. Do vậy, tìm trong Đại Tạng Kinh làm cách nào thì mới có thể đạt được giới thanh tịnh. Vì thế, Ngài tìm thấy kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo.

Bắt đầu từ Ngẫu Ích đại sư, do Ngài chẳng thể chế ra chiêm sát luân tướng theo như lời dạy của Địa Tạng Vương trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo; chẳng có cách nào, bèn dùng giấy để viết thành những lá thăm [thay cho mộc luân]. Vì thế, chẳng có cách nào truyền bá, hoằng dương pháp này. Thế nhưng Ngài đã viết một bản chú giải cho kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, đặt tên là Chiêm Sát Nghĩa Sớ. Sau đây, pháp này cũng bị đoạn tuyệt, chẳng có ai học. Mãi cho đến thời pháp sư Hoằng Nhất, pháp sư Hoằng Nhất cũng chuyên môn hoằng dương pháp môn Địa Tạng, phát nguyện hoằng dương pháp môn Địa Tạng. Pháp sư Hoằng Nhất đã nói với tôi: “*Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, kinh Đại Thừa Đại Tập Thập Luân, và kinh Địa Tạng, đều thuộc về hệ thống Hoa Nghiêm*”. Có khi chúng ta coi kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo như một thứ bói toán, phê bát tự¹, [cách nhìn ấy] hoàn toàn sai lầm, chẳng phải là ý nghĩa ấy! Hàm nghĩa của kinh này là: Do hiện thời chúng ta đang sống trong thời đại Mạt Pháp, nghiệp chướng sâu nặng, mà cũng chẳng có cách nào liễu giải nhân duyên, cũng chẳng có cách nào liễu giải chính mình. Do vậy, phải dùng phương thức chiêm sát trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Cách chiêm sát này là do sức thần thông của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Tuy chúng ta không có thần thông, nhưng chúng ta cầu Địa Tạng Vương Bồ Tát ban thần thông cho chúng ta, tức là quý vị dùng cách chiêm sát trong kinh Chiêm Sát sẽ có thể biết quá khứ, có thể biết hiện tại, và cũng có thể biết vị lai. Do vậy, pháp sư Hoằng Nhất đề xướng pháp này. Ngài đề xướng, tuy không giảng, nhưng vì Ngài có kỹ thuật, do Ngài học công nghệ, bèn dựa theo

¹ Bát tự tức là giờ, ngày, tháng, năm sanh của một người. Do mỗi yếu tố ấy lại phối hợp với Thiên Can (Giáp, Ất...) và Địa Chi (Tý, Sửu, Dần, Mão...), nên gọi là Bát Tự. Phê bát tự tức là dựa trên giờ, ngày, tháng, năm sanh (Tứ Trụ) mà luận định Ngũ Hành, Âm Dương xung khắc để đoán định vận mạng. Hai cách phê bát tự phổ biến nhất là Tử Vi và Tử Bình.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

thước tắc lớn nhỏ trong kinh Chiêm Sát để chế tạo Chiêm Sát Luân thành công.

Đức Phật dạy kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo còn có một danh nghĩa khác là “*pháp môn Căn Tụ*”. “*Căn Tụ*” (根聚): Căn là sáu căn, cộng thêm sáu trần, cùng với sáu thức, tức là Căn, Trần, Thức, và Căn Bản Vô Minh cùng tụ tập lại. Cho nên pháp môn này được gọi là “*pháp môn Căn Tụ*”. Sau khi quý vị học pháp môn này, sẽ có thể kiên cố tín tâm của chính mình. Vì hiện thời, tín tâm của chúng ta chẳng trọn đủ. Các đạo hữu đang hiện diện đều là đệ tử Tam Bảo tin Phật; chúng ta thường tự cho rằng chính mình có sự tín ngưỡng, có tín tâm. Nhưng xét theo giáo nghĩa do đức Phật đã dạy, tín tâm của chúng ta chỉ là “*hân nhạo tâm*” (欣樂心, tâm ưa thích), chẳng phải là tín tâm! Theo như Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh đã dạy về tín tâm, thì tín tâm có tiêu chuẩn nhất định. Mỗi đạo hữu chúng ta hãy tự nhớ lại, suy ngẫm, quý vị có phải là tín tâm trọn đủ hay không? Tiêu chuẩn của Tín tâm trọn đủ là gì? Nhận biết niệm trước dấy lên điều ác, bèn ngưng dứt chẳng cho niệm sau dấy lên, thì coi như là bậc Bồ Tát có tín tâm. Vị Bồ Tát có tín tâm có thể thị hiện thân thông. Hiện thời, chúng ta chẳng có, chẳng thể chế ngự tâm niệm của chính mình, chẳng thể “một ý niệm không đúng, bèn ngay lập tức ngăn dứt, chẳng để cho nó tiếp tục”. Mỗi vị đạo hữu có thể kiểm nghiệm chính mình, [để nhận biết] sức mạnh nơi tín tâm của quý vị như thế nào, có đủ trình độ này hay chưa? Nếu quý vị đủ trình độ này, quý vị thuộc vào địa vị Sơ Trụ, đã viên mãn Thập Tín, tiến nhập địa vị Sơ Trụ. Nói theo tiêu chuẩn trong kinh Hoa Nghiêm, địa vị Sơ Trụ sẽ có thể tới một trăm thế giới thị hiện thành Phật, thân thông diệu dụng khá lớn. Vậy nên chúng ta hãy tự kiểm nghiệm chính mình, chúng ta có sức mạnh như thế hay chẳng? Chẳng có! Do vậy, tín tâm của chúng ta chẳng trọn đủ! Chúng ta phải khiến cho tín tâm của chính mình kiên định, cầu Địa Tạng Vương Bồ Tát gia trì.

Nhân duyên phát khởi bộ kinh này là do Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hướng về đức Phật thỉnh cầu, Ngài nói: Trong thời Mạt Pháp, thời gian Mạt Pháp của đức Phật là một vạn năm, hoặc là năm ngàn năm, hoặc ba ngàn năm [tùy theo cách nói khác biệt trong mỗi kinh]. Khi đó, tín tâm của chúng sanh chẳng kiên định. Chẳng kiên định tức là tín tâm thoái thất, chẳng thể nào [tinh tấn tu trì] cho đến khi liễu sanh tử, thâm nhập Phật pháp! Tín lực của quý vị chẳng đủ, tức là tín tâm thoái chuyển. Làm thế nào để tín tâm của quý vị có thể kiên định, củng cố tín tâm của quý vị?

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Đấy chính là nhân duyên phát khởi của bộ kinh này. Vì quý vị có tín tâm thì thiện căn mới có thể tăng trưởng, mới có thể tiêu trừ nghiệp chướng, khiến cho thiện nghiệp tăng trưởng, ác nghiệp tiêu mất. Thuở đức Phật tại thế, đã có loại hiện tượng này, huông hồ trong thế gian này, đức Phật đã diệt độ gần ba ngàn năm, tín tâm của chúng ta chẳng thể kiên định, chẳng thể trọn đủ. Vì sao bộ kinh này có nhân duyên tất yếu phải giảng giải, mà vẫn một mực chẳng thể lưu truyền rộng khắp? Vì mọi người đều bị một thái độ thuộc về hình thái xã hội quấy phá, coi pháp này như một kiểu bói toán, phê bát tự, xem tướng! Đức Phật ngăn cấm [các hình thức ấy], đó là phạm giới. Vì sao khi Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thỉnh đức Phật dạy, đức Phật chẳng nói với Ngài? Vì đức Phật đã chế giới, không cho xem bói, phê bát tự, mọi người đều biết điều này! Đức Phật bảo Địa Tạng Vương Bồ Tát hãy nói [pháp môn này], Địa Tạng Vương Bồ Tát có phương tiện thiện xảo. Bồ Tát hành hết thấy phương tiện thiện xảo thuộc về Bồ Tát đạo. Hơn nữa, đối với pháp môn này, Bồ Tát hết sức thiện xảo phương tiện, lại còn có sức thần thông hết sức rộng lớn. Vì thế, đức Phật bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thưa hỏi Địa Tạng Vương Bồ Tát, Địa Tạng Vương Bồ Tát bèn nói ra pháp môn này.

Pháp môn này từ mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, cộng thêm nhãn thức, nhĩ thức, tỵ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, ba lần sáu mươi tám, cộng thêm căn bản vô minh, thành mười chín món. Do vậy, pháp môn Căn Tự này căn cứ trên sáu căn, sáu thức của quý vị, và cảnh giới sáu trần hợp lại, tụ hợp lại một chỗ. Quý vị chiêm sát nghiệp chướng nào nặng nề? Do tất cả những tâm niệm chúng ta dấy lên sẽ cảm quả, quý vị cũng chẳng có cách nào, cho nên khi dấy lên cái nhân, quý vị hãy chuyển hóa nó, đừng để cho nó cảm vờn cái quả. Đó chính là ngay khi quý vị khởi tâm động niệm, sẽ có thể ngăn dứt. Vì thế, bộ kinh này được gọi là pháp môn Căn Tự, ý nghĩa đại khái là như thế đó.

Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đại lược chia thành hai quyển Thượng và Hạ. Quyển Thượng nhằm chuẩn bị cho quyển Hạ. [Pháp môn này] còn được gọi là pháp môn Căn Tự, còn gọi là pháp môn Tâm Địa. Tâm địa trong quyển Hạ căn cứ vào quyển Thượng: Nghiệp chướng của quý vị đã tiêu, thì quý vị mới có thể nhập hai thứ quán đạo, cảnh giới Nhất Thật. Cảnh giới Nhất Thật chính là giáo nghĩa Hoa Nghiêm, hai thứ quán đạo là tu Định và tu Huệ. Thoạt đầu, quý vị chẳng đạt được lợi ích từ quyển Thượng, chẳng thuần thực cách tu hành [được dạy] trong quyển Thượng, mà tu ngay vào quyển Hạ, sẽ tuyệt đối chẳng thành công! Khi quý vị tu hành mỗi ngày, sáng sớm thức dậy, dùng

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Chiêm Sát Luân đề chiêm sát một phen, [hòng nhận biết]: Hiện thời, quý vị hãy còn nghiệp chướng sâu hay cạn, loại nghiệp chướng nào nặng nề? Hoàn toàn chẳng phải là nghiệp chướng nơi mỗi căn, mỗi môn đều nặng, nó có trọng điểm. Sau khi quý vị học tập pháp môn này, sẽ có thể biết trong thân, miệng, ý, phương diện nào [nghiệp chướng] nặng nhất để sám hối đúng trọng điểm. Cho đến khi quý vị đã học, mỗi sáng sớm thức dậy, bèn chiêm sát một lần. Quý vị hãy chú ý, ngày hôm nay chúng ta nên làm gì? Ta làm thế nào để tiêu diệt nghiệp chướng của ta? Hễ nghiệp chướng tiêu mất, trí huệ sẽ tăng trưởng. Trí huệ càng tăng trưởng, nghiệp chướng càng tiêu diệt. Hai điều này giúp nhau thành tựu. Như vậy thì quý vị đã có trí huệ, tu hành sẽ chẳng bị vướng mắc. Đây là đại ý tối sơ của kinh này, tôi giới thiệu đại khái đôi chút với mọi người như thế đó.

Kinh này chỉ có hai quyển, quyển Thượng và quyển Hạ. Quyển Thượng hoàn toàn nhằm phát khởi cho sự tu hành trong quyển Hạ. Trước khi chúng ta có căn cơ ấy, quý vị có thể xem xét từng chuyện trong đời sống hằng ngày. Đây là phương tiện thiện xảo, bản ý của kinh hoàn toàn là để quý vị sử dụng trong tu hành. Có rất nhiều người thuộc hai chúng đệ tử tại gia (các đạo hữu), trong cuộc sống hằng ngày, quý vị hoặc là buôn bán cũng thế, mà đang truy cầu học vấn cũng thế, quý vị muốn chọn lựa hôm nay ra khỏi cửa có tốt lành hay không, có thể chiêm sát một phen. Sau khi chiêm sát, nếu [Chiêm Sát Luân] bảo quý vị chẳng cát tường. Dầu chẳng cát tường, nhưng quý vị lại không thể nào chẳng làm, hãy lễ bái Địa Tạng Vương Bồ Tát. Địa Tạng Vương Bồ Tát đã dạy quý vị một phương pháp, tức là niệm danh hiệu của Ngài một ngàn câu. Niệm danh hiệu Địa Tạng Vương một ngàn câu xong rồi mới thực hiện, tai nạn ấy sẽ hóa thành cát tường. Do vậy, kinh này cần thiết khẩn yếu đối với chúng ta.

Cần thiết khẩn yếu thì lẽ ra phải được hoằng dương phổ biến chứ? Cũng phải có nhân duyên! Các pháp sanh từ nhân duyên; chẳng có duyên thì sẽ chẳng được! Kể từ lúc dịch ra, kinh chẳng có ai giảng, chỉ có Ngẫu Ích đại sư soạn tác phẩm Nghĩa Sớ, pháp sư Hoằng Nhất chế tạo mộc luân (Chiêm Sát Luân), chẳng có ai chú giải. Pháp sư Hoằng Nhất chẳng giảng, Ngài để cho tôi giảng, nhưng khi Ngài (pháp sư Hoằng Nhất) đã viên tịch, tôi mới bắt đầu giảng. Phải là hữu duyên! Chẳng có duyên, quý vị có muốn giảng cũng chẳng được! Duyên có nghĩa là gì? Nghĩa là “*thúc đẩy thành tựu*”. Tôi giảng lần đầu tại Nữ Ước Bồ Đề Học Hội. Bồ Đề Học Hội là một học hội do chính pháp sư Hoằng Giác kiến lập, [thính chúng] đều là các đạo hữu chúng ta. Người nghe kinh cũng chẳng nhiều, hai ba

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chục người đến nghe giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Giảng lần thứ nhất vào năm 1989. Lần thứ hai giảng vào năm 1999, đúng mười năm sau, giảng tại chùa Phổ Thọ, Ngũ Đài Sơn. Giảng lần ấy, nhân duyên thù thắng hơn, chỉ riêng chúng xuất gia (đúng dịp kết hạ an cư) đã gần một ngàn vị, lại còn rất nhiều vị cư sĩ tại gia. Đây là lần thứ hai, từ năm 1989 đến năm 1999. Lần này là lần thứ ba, cũng vào năm 2009, đại khái mỗi lần đều cách nhau mười năm. Chẳng phải là tôi lười nhác, mà là vì chẳng có ai tìm tôi mời giảng. Tôi chẳng thể nói: “Để tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo cho quý vị nhé!” [Nếu nói như vậy], chắc là có người bảo tôi chẳng phải là kẻ khùng, thì cũng là một gã ngốc! Phật pháp phải do người khác thỉnh thì quý vị mới có thể nói. Chẳng có ai thỉnh, quý vị giảng cho người ta, họ có nghe quý vị nói hay không? Nhân duyên phát khởi lần này là do pháp sư Hoàng Giác giới thiệu, mà các vị Trần Văn Long, Dương Vận Nghi, cũng như rất nhiều đạo hữu yêu cầu tôi giới thiệu kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo với quý vị.

Đã là Chiêm Sát thì Chiêm là “*chiêm bốc*” (占卜, chiêm nghiệm, bói toán), Sát (察) là xem xét. Quý vị chiêm bốc rồi xem xét [điều vừa chiêm bốc ấy] có tương ứng với quý vị hay không. Kinh này luôn yêu cầu tương ứng, [giống như] dò số có khớp hay không! “Số” ăn khớp thì mới có hiệu quả. Bộ kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo này đại khái chia thành ba phần. Trong lịch sử, đối với kinh điển được phiên dịch sang tiếng Hán, vào đời Tấn, luật sư Đạo An đã chia [kinh văn của] tất cả các kinh điển được phiên dịch thành ba phần: Phần thứ nhất là Tự Thuyết, phần thứ hai là Chánh Tông, tức phần nương theo giáo nghĩa trong kinh này để tu hành; phần thứ ba là Lưu Thông. Mỗi bộ kinh đều được chia như thế. Đó là quy luật mà các pháp sư giảng kinh đều tuân thủ để dựa theo từng kinh mà phán định: Phần nào trong một bộ kinh là Tự Thuyết, phần nào nhằm hiển thị đạo lý trong kinh ấy (Chánh Tông), phần nào nhằm lưu truyền trong vị lai (Lưu Thông), có ý nghĩa như thế. Chắc là mọi người đã nghe nói những điều này rất nhiều rồi, tôi không nói cặn kẽ, chỉ nói đại khái với mọi người đôi chút. Trong bộ kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo này, điều được nói đầu tiên là nhân duyên phát khởi. Nhân duyên phát khởi chính là Tự Phần. Nay chúng ta trước hết nói về Tự Phần. Tôi nói về kinh văn, mọi người hãy xem nhé!

(Kinh) Như thị ngã văn. Nhất thời, Bà Già Bà nhất thiết trí nhân, tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quạt sơn trung, dĩ thần thông lược, thị

quảng bác nghiêm tịnh vô ngại đạo tràng, dữ vô lượng vô biên chư đại chúng câu, diễn thuyết thậm thâm Căn Tụ pháp môn.

(經)如是我聞。一時，婆伽婆一切智人，在王舍城耆闍崛山中，以神通力，示廣博嚴淨無礙道場，與無量無邊諸大衆俱，演說甚深根聚法門。

(Kinh: Tôi nghe như thế này: Một thời, đức Bà Già Bà (Bhagavān, đức Thế Tôn) là đấng Nhất Thiết Trí ngự tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật, dùng sức thần thông để hiện bày đạo tràng trang nghiêm, thanh tịnh, vô ngại, cùng với vô lượng vô biên các đại chúng nhóm họp, diễn nói pháp môn Căn Tụ rất sâu).

Phần này thường được gọi là Tụ Phần, trần thuật bộ kinh này vừa mới khởi đầu nói về điều gì. Không chỉ bộ kinh này, hết thảy các kinh vừa mới khởi đầu đều là “*nư thị ngã văn*” (Evaṃ Mayā-śrutam, tôi nghe như thế này). Mỗi bộ kinh đều là như thế. Những lời này là do vị kết tập kinh là tôn giả A Nan khi kết tập kinh điển, điều thứ nhất là khiến cho người khác tin tưởng. Sáu loại [thành tựu bắt buộc phải có trong Tụ Phần của mỗi kinh] nhằm khiến cho người ta tin tưởng, “*nhất thời*”, đức Phật ở nơi nào, nói với người nào... Những điều ấy được gọi là Lục Thành Chứng Tín Tụ (六成證信序), [hàm nghĩa] nói sáu loại pháp môn nhằm “*thành*” (成) tức thành tựu, chứng minh, chỉ ra pháp này đáng tin. Chứng Tín Tụ trong Tụ Phần của hết thảy các kinh đều nói như thế. Vì những lời này là do tôn giả A Nan nói khi Ngài kết tập bộ kinh này. “*Nư thị*” là nói đến bộ kinh này, tôi đích thân nghe bộ kinh này, [nói như vậy] nhằm khiến cho mọi người tin tưởng. [Nói như thế với dụng ý]: Thứ nhất là không giả, vì chính tôi tự mình nghe được. Nghe vào lúc nào, do ai nói? Đức Phật nói.

Phàm là kinh Phật thì đều nói “*nhất thời*”, do nguyên nhân nào? Chẳng có tiêu chuẩn thời gian! “*Nhất thời*” tức là khi nhân duyên khiến cho người nghe và người nói gặp gỡ. Đức Phật thuyết pháp có lúc ở trên cõi trời, có khi nói trong nhân gian, có lúc nói tại quốc độ này, có khi nói tại quốc độ khác, thời gian đều chẳng giống nhau, chẳng thể dùng [tiêu chuẩn] thời gian nào để xác định thời gian [cụ thể], chỉ có thể dùng cách nói này (“*nhất thời*”) để ấn định thời gian. Tức là khi nhân duyên khế hợp,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

có người nói, tức vị pháp chủ, có người nghe (thính chúng), thì gọi là “nhất thời”; điều kiện thời gian như thế đó!

Phật là bậc Nhất Thiết Trí, trí huệ hết sức to lớn, trọn đủ hết thảy các trí huệ. Do vậy, Ngài có thể nói hết thảy các pháp, Ngài là người thuyết pháp. Đây là Nhân [tức Chủ Thành Tựu trong sáu món Chứng Tín Thành Tựu].

Ở chỗ nào? Tại thành Vương Xá (Rāja-grha), trong núi Kỳ Xà Quật (Gr̥dhrakūṭa). Chúng ta thường gọi [núi này] là Linh Thú Sơn (靈鷲山). Chắc là người đã từng triều bái Ấn Độ đều tới Linh Thú Sơn. Đức Phật dùng sức thần thông trang nghiêm nơi thuyết pháp hết sức thù thắng, màu nhiệm, thành một đạo tràng rộng rãi, trang nghiêm, thanh tịnh, chẳng có chướng ngại. [Cứ hình dung] bao nhiêu người đến nghe, [nơi ấy] đều có thể dung nạp, sẽ có thể hình dung mức độ rộng lớn của nó.

Người nghe nhiều cỡ nào? Vô lượng vô biên các đại chúng cùng nhóm họp.

Diễn thuyết gì vậy? Pháp môn Căn Tụ rất sâu. Đã là rất sâu, thì sẽ chẳng hời hợt, nông cạn, chẳng phải là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý như chúng ta thường nói. Căn Tụ là lục căn, lục trần, lục thức, mười tám giới; đó gọi là pháp môn Căn Tụ. Vì sao thêm vào chữ “thậm thâm” (甚深, rất sâu)? Thêm vào chữ “thậm thâm” nhằm phân biệt rành rẽ. Có kẻ cho rằng đây là pháp Tiểu Thừa, [nhận định như vậy] tuyệt đối là sai lầm; cho nên phải nói pháp môn này là “thậm thâm”, lục căn, lục trần, lục thức, mười tám giới tụ tập lại. [Đó chính là] Căn Tụ, thuận theo kinh văn [mà giảng giải như thế].

Nhưng đức Phật nói hết thảy các kinh, có khi là trong Tụ Phẩm có Thông và Biệt. “Nhu thị ngã văn” là Thông, “ở trong núi Kỳ Xà Quật, thị hiện vô ngại đạo tràng, diễn thuyết pháp này” là Biệt. Vì nói pháp môn Căn Tụ, chẳng nói pháp nào khác, chẳng phải là nói kinh Pháp Hoa. Kinh Pháp Hoa cũng được nói tại núi Linh Thú. Đó là Biệt, Biệt chẳng phải là Thông, “nhu thị ngã văn” là Thông. Phật ngự nơi nào đó, [điều này thuộc về Xứ Thành Tựu] trong Lục Thành Chứng Tín Tụ. Sáu loại ấy nhằm chứng minh pháp này đáng tin, chẳng phải là ngụy tạo, chẳng phải là tùy tiện nói ra.

Do khi đức Phật nhập Niết Bàn, ngài A Nan hỏi đức Phật: “Sau khi đức Phật diệt độ, lúc con kết tập các kinh do đức Phật đã nói, khởi đầu nên nói như thế nào, khi kết thúc nên nói như thế nào, xin Phật quyết định”. Đức Phật bảo: “Khởi đầu thì nhất định phải nói: Nhu thị ngã văn,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

[một thời], Phật ở tại chỗ nào, có các đại chúng như thế nào tụ họp tại nơi ấy”. Một đàng là thời gian, một đàng là xứ sở, một đàng là nhân sự. Đó chính là cách nói theo Thời, Địa, Sự, Vật, nêu rõ pháp ấy đáng tin. Do ngài A Nan thỉnh vấn trước hết, cho nên đức Phật dạy Ngài, đầu các kinh, ông phải nên nói như thế. Nói như thế, sẽ khiến cho người ta tin tưởng. Ông nói như thế, sự tín ngưỡng của người khác sẽ được thành tựu.

“*Như thị*” hàm ý: Những lời ấy chẳng phải do tôi nói, tôi chỉ được nghe, tôi chỉ là người kết tập. Ngài A Nan tỏ rõ thái độ, thể hiện lời lẽ của người kết tập kinh điển. [Sở dĩ lập ra] Tín Thành Tựu là vì các pháp do đức Phật đã nói mênh mông như biển cả; nếu chẳng có một định nghĩa tiêu chuẩn, quý vị phiên dịch như thế nào cũng đều được, miễn sao chẳng ra ngoài biển Phật pháp, có pháp vị là được rồi. Nhưng đức Phật đã quy định, phải tuân theo quy cách ấy, để khiến cho mọi người tin tưởng. Nhất là trong bộ kinh này, bậc đương cơ là Kiên Tịnh Tín Bồ Tát. Phật pháp sâu như biển cả, chỉ Tín là có thể nhập! Loại pháp môn Căn Tụ này rất khó khiến cho kẻ khác tin tưởng, cho nên phải nhờ Kiên Tịnh Tín Bồ Tát làm người phát khởi. [Kiên Tịnh Tín] tức là thanh tịnh tín, khiến cho người khác tin tưởng, tin được! Tin được gì vậy? Pháp này chẳng nguy tạo, do chính đức Phật nói, nhằm thành tựu lòng tin, cho nên gọi là Tín Thành Tựu.

Điều thứ hai (“*ngã văn*”) là đối tượng nghe. Điều thứ hai này được gọi là Văn Thành Tựu, Văn (聞) tức là nói “*ai nghe [pháp ấy]?*” Pháp này đáng tin, nhưng do ai nghe, “*ai nghe*” chính là Văn Thành Tựu. Ngài A Nan nói, Văn là do ngài A Nan nói: “Đích thân tôi nghe đức Phật, chính tôi nghe thấy”. “*Như thị*” là nói pháp này do đức Phật nói, đáng tin, [còn “*ngã văn*”] là ngài A Nan minh thị: Pháp này do tôi đích thân nghe đức Phật nói. Nhưng có một thắc mắc, chẳng hạn như chúng ta nói tới kinh Địa Tạng, ngài A Nan chẳng hiện diện. Rất nhiều bộ kinh ngài A Nan chẳng có mặt tại hiện trường, có sao vẫn là “*như thị ngã văn*”? Vì trong tương lai, kinh điển sẽ được kết tập để lưu truyền cho đời sau, hễ pháp nào do đức Phật đã nói mà ngài A Nan chưa được nghe, đức Phật sẽ nói lại cho Ngài nghe. Chẳng hạn như kinh Địa Tạng, ngài A Nan không hiện diện, nhưng do ngài A Nan kết tập. Còn có rất nhiều bộ kinh mà ngài A Nan chẳng hiện diện, có kinh là do Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát và A Nan cùng kết tập, nhưng thường là do ngài A Nan đóng vai trò chủ yếu. Do đó, Văn Thành Tựu biểu thị chính tôi (ngài A Nan) đích thân được nghe pháp do đức Phật đã nói. Điều này thuộc về Tín Thành Tựu và Văn Thành Tựu.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Thời Thành Tựu: Phàm [thời điểm] của các pháp do đức Phật đã nói đều là “*nhất thời*”, chẳng có thời gian [cụ thể]! Thời gian trên cõi trời làm sao xác định theo nhân gian cho được? Như kinh Địa Tạng được nói trên cõi trời, quý vị xác định theo thời gian trong nhân gian bằng cách nào? Do vậy, đối với thời gian ấy, chỉ nói là “*nhất thời*”. “*Nhất thời*” nhằm nói lên điều gì? Nghe và nói. Lúc nghe và nói, tức là thời gian đức Phật thuyết pháp ấy và chúng sanh hữu duyên cảm ứng đạo giao; do vậy, đức Phật mới nói ra pháp ấy. [Những điều vừa nói trên đây] chính là:

- 1) Tín Thành Tựu (“*như thị*”).
- 2) Văn Thành Tựu (“*ngã văn*”).
- 3) Thời Thành Tựu (“*nhất thời*”): Có người nói, có kẻ nghe, có thời gian nhất định.

Người nói là Chủ, Chủ là nói đến ai? [Kinh] do đức Phật nói, Ngài là Chủ Thành Tựu. [Như vậy là đã có bốn món thành tựu]: Tín Thành Tựu, Văn Thành Tựu, Thời Thành Tựu, và Chủ Thành Tựu. Điều thứ năm là Xứ Thành Tựu, tức là nói ở chỗ nào? Đức Phật thuyết pháp đều có một nơi chốn. Trước mỗi bộ kinh, đều có sáu loại [chứng thực] như thế, gọi là Lục Thành Chứng Tín Tựu, pháp ấy có sáu loại thành tựu nên đáng tin! Ở nơi nào? Như kinh này được nói tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật. Đã có thời gian, có địa điểm, có người nghe, có vị thuyết pháp chủ, lại còn có đại chúng. Đức Phật thuyết pháp đều có Bồ Tát đại chúng, hoặc là có Thanh Văn đại chúng. Điều này được gọi là Chúng Thành Tựu. Phàm là một pháp hội giảng kinh, đều phải hội đủ các nhân duyên kể trên. Chẳng có sáu loại nhân duyên thành tựu ấy, thì sẽ không được. Chúng được gọi là Lục Thành Chứng Tín Tựu. Đây là tôi nghe như thế, liền nói đúng như tôi đã nghe, người nghe là ngài A Nan, người nói là Thích Ca Mâu Ni Phật, nơi chốn là núi Linh Thứu, còn có các Bồ Tát đại chúng; đó là Chúng [Thành Tựu].

Vì tôi thường giảng ý nghĩa “*tự tại*” này, đó cũng là ý nghĩa “*thành Phật tự tại*”. Vì sao sáu loại được nói trên đây [có khi] không được phiên dịch? Vì sao không phiên dịch? Có khi phiên dịch, có khi không phiên dịch. “*Chẳng dịch*” là do thuộc loại ý nghĩa gia trì: Như Lai vĩnh viễn chẳng thuộc về phiền não, Ngài chẳng có phiền não. Ngài tự tại trong hết thảy các pháp, cho nên chẳng dịch. Thứ hai, trí huệ của đức Phật giống như ngọn lửa, có ý nghĩa “*hùng hực, có thể nung luyện, đốt sạch hết thảy phiền não của quý vị*”. [Sắc thân của Phật] lại còn có ba mươi hai tướng, tám mươi thứ hảo, [cho nên] có ý nghĩa trang nghiêm. Vì đức Phật đã trọn đủ hết thảy các công đức thù thắng; do trọn đủ viên mãn hết thảy các công

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

đức thù thắng, cho nên có khi chẳng dịch. Khi đức Phật tự lợi thì đã viên mãn, đã trọn đủ, các phương tiện huệ mà Ngài dậy lên đều nhằm lợi ích người khác, lợi ích chúng sanh; trong ấy bao hàm rất nhiều ý nghĩa. Trong các kinh luận, có khi nói [về phần Chứng Tín này] rất nhiều, có lúc không nói, có khi nói theo tánh, có lúc nói theo sự tướng. Nếu nói theo tánh thể, thì thường là giảng cho đại Bồ Tát, giống như cảnh giới được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Chuyên đối ứng với bộ kinh hay một bộ luận nào đó, mỗi thứ đều có cách nói khác nhau. Do ở đây chúng ta nói đại lược, cho nên đối với sáu loại thuộc phần Chứng Tín Tự ở đầu kinh, tôi chỉ nói đại khái đôi chút.

Vì kinh này nhằm biểu thị những điều sắp được giảng chính là pháp môn Căn Tự, trong một ngày, chúng ta thường xuyên đem mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nhãn thức, nhĩ thức, ty thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, gom sáu căn, sáu trần, sáu thức, tức mười tám giới, mười tám giới hợp nhất lại được gọi là Căn Tự. Căn Tự chính là tụ hợp hết thảy các tướng cảnh giới lại để nói pháp môn này. Mọi người thường cho pháp này là Tiểu Thừa, vì các điều được nói toàn là hữu tướng. Pháp môn Căn Tự là hữu tướng, tức Căn, Trần, Thức; nhưng đây là hàm nghĩa trong nửa bộ trước, nửa bộ sau chẳng như thế, mà sẽ là tách pháp môn Căn Tự này ra để nói. Mỗi một căn, mỗi một trần, mỗi một thức bao hàm rất nhiều nghĩa lý. Khi tôi giảng đến phần kinh văn tương ứng, mọi người sẽ biết điều này.

Nói sâu hơn chút nữa thì là nói đến cái tâm của chúng ta, hàm nghĩa là “*tâm có thể chuyển cảnh, sẽ giống như Như Lai*”. Trong các pháp môn Căn Tự, mỗi pháp môn đều là tâm; tâm xoay chuyển tướng cảnh giới bên ngoài thì sẽ là Phật. Nhưng tâm chúng ta bị căn xoay chuyển, bị trần xoay chuyển, bị thức xoay chuyển. Mười tám giới đều là tâm, nhưng hề bị chuyển, sẽ chẳng phải là tâm. Đó là mê. Cái tâm bị cảnh chuyển, quý vị thấy núi, sẽ bị chuyển theo núi; thấy nước, sẽ bị chuyển theo nước. Cái tâm không bị cảnh chuyển, mười năm trước thấy núi là núi, thấy nước là nước, mười năm giữa thì thấy núi chẳng phải là núi, thấy nước chẳng phải là nước, mười năm sau thấy núi vẫn là núi, thấy nước vẫn là nước. Trong ba quá trình ấy, lúc mười năm đầu là phàm phu, mọi người thấy núi và nước là núi và nước. Mười năm giữa, tu đạo đã thành tựu, núi chẳng phải là núi, nước cũng chẳng phải là nước. Đợi cho tới khi đạt đến cảnh giới đại Bồ Tát, đạt tới cảnh giới Phật, núi vẫn là núi, nước vẫn là nước. Đó là ý nghĩa “*tùy duyên*”, tùy theo hết thảy chúng sanh duyên nói như thế nào,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

bèn nói theo như thế đó. Pháp môn Căn Tự có hàm nghĩa ấy. Qua tỷ dụ, mọi người sẽ lý giải hàm nghĩa của pháp môn Căn Tự.

Do pháp này, tức là từ pháp hữu tướng chuyển thành pháp vô tướng, từ sự tín giải hữu tướng đạt tới mục đích vô tướng, đừng nên ngờ vực, phải chuyển hóa từng bước một. Kiên Tịnh Tín Bồ Tát là bậc đương cơ, là duyên nhân thỉnh pháp, khiến cho bọn chúng sanh chúng ta trong đời Mạt Pháp có thể cậy vào thần lực của Phật, hoặc nương vào thần lực của Địa Tạng Bồ Tát, sử dụng Chiêm Sát Luân Tướng. Chiêm Sát Luân Tướng hoàn toàn là thần lực của Địa Tạng Bồ Tát, chỉ nương theo phương pháp do Địa Tạng Bồ Tát đã dạy để xử lý. Chúng ta chẳng có sức mạnh ấy, nhưng chúng ta dùng Chiêm Sát Luân, sẽ có thể biết quá khứ, mà cũng có thể biết vị lai.

Chúng ta có một chuyện nầy sanh, hễ chiêm sát, sẽ biết phần nào, đời nào, bộ phận nào nầy sanh vấn đề, quý vị sẽ có thể biết. Phải giải quyết vấn đề ấy như thế nào, chẳng phải chỉ biết suông mà thôi! Trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, Địa Tạng Vương Bồ Tát đã dạy: Quý vị muốn chuyển hóa, muốn tu đạo, mong thành tựu, chuyển phàm thành thánh. Chẳng hạn như nói đến chuyện chuyển phàm thành thánh, chúng ta bị bệnh, bệnh viện chữa trị chẳng lành. Gieo Chiêm Sát Luân, Địa Tạng Bồ Tát dạy đó là do nghiệp chướng, hoặc dạy chúng ta bái sám, hoặc dạy chúng ta niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát bao nhiêu câu đó, quý vị thực hiện đầy đủ, sẽ chuyển được nghiệp ấy. Vì nghiệp đã chuyển, tướng cũng chuyển theo. Khi nghiệp chẳng chuyển, tướng sẽ chẳng chuyển. Nhưng chuyện này phải dựa vào quý vị mà có, điều kiện đầu tiên là quý vị phải có tín tâm quyết định, chớ nên tam tâm nhị ý thì sẽ chẳng có hiệu quả.

Vì tâm chúng sanh phiền não đặc biệt nặng nề, bất luận tin điều gì cũng đều chẳng thể kiên định, mà cũng chẳng thể nầy sanh thanh tịnh. Nay vị đương cơ là ngài Kiên Tịnh Tín; không chỉ kiên định, mà còn thanh tịnh, cho nên ngài Kiên Tịnh Tín làm bậc đương cơ. Trong hội nhóm họp của Phật, khi đại chúng tụ tập, ngài Kiên Tịnh Tín là người phát khởi bộ kinh này. Ngài do tâm đại bi, thấy chúng sanh đời Mạt Pháp, đặc biệt là trong đời loạn, điều gì cũng chẳng nhận biết rõ ràng. Chúng ta hồ đồ, phiền não, điều gì cũng không biết. Do tâm đại bi, Ngài bèn vì chúng ta thỉnh cầu, thỉnh cầu “*dùng phương pháp gì để khiến cho họ (chúng sanh) có thể biết*”.

(Kinh) Nhĩ thời, hội trung hữu Bồ Tát, danh viết Kiên Tịnh Tín, tùng tòa nhi khởi, chỉnh y phục, thiên đản hữu kiên, hiệp chưởng, bạch Phật ngôn: “Ngã kim u thử chúng trung, dục hữu sở vấn, tứ thỉnh Thế Tôn, nguyện thù thính hứa”.

(經)爾時，會中有菩薩名曰堅淨信，從座而起，整衣服，偏袒右肩，合掌白佛言：「我今於此衆中欲有所問。諮請世尊。願垂聽許」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, trong hội có Bồ Tát tên là Kiên Tịnh Tín, từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh đốn y phục, trật vai áo phải, bạch cùng đức Phật rằng: “Con nay ở trong đại chúng này, có điều muốn hỏi, xin đức Thế Tôn rủ lòng cho phép con hỏi”).

Thuở đức Phật tại thế, muốn thỉnh pháp; trước hết, phải thỉnh cầu Ngài đáp ứng. Nay chúng ta cũng như thế, quý vị muốn thỉnh cầu người khác làm chuyện gì, người ta chấp thuận thì quý vị mới có thể làm. Như người khác muốn tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, tôi nhận lời người đó rồi mới nói. Đây chính là ý nghĩa của chữ “*thính hứa*” (聽許) ở đây. Đó là một loại lễ tiết. Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thương xót chúng sanh trong đời mai sau, muốn thỉnh đức Phật thuyết pháp, bèn biểu lộ một nghi thức, tức là người xuất gia trật y ca-sa một bên vai, đầu áp sát đất, đánh lễ đức Phật. Đánh lễ xong, thưa: “Con mong thỉnh Phật khai thị, xin Ngài rủ lòng chấp thuận”. Ngài chấp thuận thì quý vị mới nói; chẳng chấp thuận sẽ không thể nói!

Vốn là từ trong Vô mà sanh Hữu, những lời này có nghĩa là gì? Trong cảnh giới Nhất Thật, chẳng có hết thấy các hình tướng, chẳng có ngôn thuyết; nhưng làm thế nào thì mới có thể đạt tới cảnh giới Nhất Thật? Trước khi đạt tới cảnh giới Nhất Thật, thì phải có tiền phương tiện. Phương tiện đầu tiên nhất chính là: Quý vị mong đạt tới cảnh giới Nhất Thật, tối thiểu là quý vị phải có tín tâm kiên cố. Đệ tử Tam Bảo chúng ta tin tưởng Tam Bảo, như thế là quý vị có tín tâm. Chúng ta đã có tín tâm, nhưng vẫn chưa kiên cố. Niềm tin của chúng ta, thường nói là “*phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo*”, nhưng [cái tín tâm ấy] được kiến lập trên hư vọng, chẳng chân thật! Vì tâm chúng ta chẳng biết cảnh giới Nhất Thật; dẫu có biết thì vẫn chẳng biết chúng nhập bằng cách nào! Nếu muốn đạt tới cảnh giới Nhất Thật, cảnh giới Nhất Thật là cảnh giới gì vậy? Niềm tin

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

kiên định, thanh tịnh! Cảnh giới Nhất Thật là chẳng có cảnh giới, thì mới gọi là cảnh giới Nhất Thật. Hễ có tướng cảnh giới, sẽ chẳng phải là Nhất Thật. Đồng thời, chính mình có tín tâm, có thể khiến cho người khác cũng có tín tâm. Chính mình có tín tâm kiên cố, khiến cho hết thảy chúng sanh đều có tín tâm kiên cố. Đây mới là Kiên Tịnh Tín.

Chúng tôi tách ra để giảng và giải thích cặn kẽ. Khi cái tâm chánh tín của quý vị hết sức kiên cố, lại nhờ vào duyên bên ngoài, duyên có thể khiến cho người khác thanh tịnh. Tuy chúng ta phát tâm rất chân thật, [vẫn cần đến] ngoại duyên của quý vị tốt đẹp. Ngoại duyên chẳng tốt đẹp, tâm quý vị sẽ chẳng thể thanh tịnh được! Tâm thanh tịnh là cái nhân, vẫn phải do duyên xúc tiến thành tựu, tức là thúc đẩy cái nhân ấy thành tựu. Chúng ta chia ra như thế này: Quý vị thật sự khởi tâm là Kiên, duyên từ bên ngoài thúc đẩy thành tựu thì gọi là Tịnh. Tín là hiểu rõ. Liễu nhân là Tín, duyên nhân và liễu nhân là Nhân, tức là cái được duyên giúp sức bèn thành tựu thì gọi là Nhân. Đây là chia chẻ cặn kẽ [để giải thích]. Chẳng chia chẻ chi ly thì gọi là Kiên Tịnh Tín, khiến cho tín tâm của chúng ta có thể kiên cố. Hễ gặp đôi chút hoàn cảnh bèn bị dao động [thì chẳng phải là Kiên Tịnh Tín], chớ nên dao động!

Trong cuộc đời của chúng ta, quý vị gặp rất nhiều thử thách. Bất luận vị đạo hữu nào, khi quý vị chưa phát Bồ Đề tâm, khá là thuận lợi. Vừa phát đại tâm, thử thách ngày càng nhiều để khảo nghiệm! Mọi người đều biết chuyện này, “*bất thọ ma, bất thành Phật*” (chẳng bị ma thử thách, chẳng thể thành Phật). Nói thông thường là như thế đó. Bởi lẽ, quý vị vừa phát tâm, sẽ dẫn khởi hết thảy oán hại của quý vị, khiến cho trong tự tánh bèn nảy sanh chướng ngại. Chướng ngại là nghiệp chướng. Chúng ta thường nói chướng ngại là nghiệp chướng. Nghiệp chướng tức là những chuyện quý vị đã làm sẽ ngăn trở quý vị mong phát tâm tu đạo trong hiện thời. Mỗi vị đạo hữu đều như thế, chẳng phải là thuận buồm xuôi gió mãi cho đến khi thành Phật. Chẳng hề có chuyện như vậy! Bất luận vị Bồ Tát nào, hay vị Phật nào, cũng đều phát ra rất nhiều đại nguyện, lại còn “*phàm là điều gì bất lợi cho chúng sanh, chẳng độ chúng sanh, sẽ chẳng thể thành Phật*”. Quý vị tự liễu thoát, tự liễu thoát thì chỉ có thể là A La Hán.

Do vậy, đức Phật dạy chúng ta, chưa thành Phật quả, trước phải kết duyên với người khác, để tới khi quý vị thành Phật, quý vị sẽ giúp đỡ người kết duyên với chính mình trước. Quý vị chỉ vì chính mình, chẳng chịu giúp đỡ người khác, tức là chẳng hành Bồ Tát đạo mà lại mong thành Phật, chẳng có lẽ ấy!

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Kiên Tịnh Tín Bồ Tát đã phát Bồ Đề tâm, phát đại bi tâm, vì Ngài đã từng trải qua như thế, tín tâm chẳng kiên định. Nay Ngài đã có thể kiên định [tín tâm], đã trải qua kinh nghiệm ấy. Giống như kẻ tu đạo chúng ta, lúc quý vị mới phát tâm, thành khẩn, chân thật, trải qua một hai thử thách, quý vị chẳng thể vững vàng nổi, đạo tâm lui sụt, cho đến hết thấy những người tu đạo đều có chướng ngại như thế, ngay như lạy Chiêm Sát Sám cũng bị chướng ngại! Chẳng phải là vừa phát tâm, quý vị liền kiên định. Khắc phục các phiền não ấy bằng cách nào? Dựa vào sự học tập của quý vị. Quý vị xem kinh luận càng nhiều, đọc càng nhiều, phương pháp đối trị phiền não, đối trị chướng ngại cũng sẽ càng nhiều hơn. Nếu không, quý vị sẽ chẳng có cách nào khắc phục! Chướng ngại vừa đưa tới, hễ gián đoạn thì chẳng phải là đôi ba ngày, mà chẳng biết là bao nhiêu năm!

Tôi nhớ tôi [bắt đầu] tu vào năm 1937, sau khi đã trải qua rất nhiều tai nạn, cho tới khi sang Mỹ; quý vị nói xem từ 1937 đến 1989, cách nhau bao nhiêu năm? Tôi mới gặp được kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, một nhóm đạo hữu ở Nữ Ước mới yêu cầu tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Giảng xong rồi thôi, tôi vẫn chưa tu [pháp Chiêm Sát trở lại]! Từ lúc đó, lại sau mười năm nữa, tức là từ năm 1989 đến năm 1999, tại chùa Phổ Thọ ở Ngũ Đài Sơn, người ta lại mời tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Có người đề nghị, tôi cũng thỏa nguyện cho họ, tôi cũng mong muốn [giảng kinh ấy]. Đến nay lại là mười năm, tôi vẫn chưa tu trở lại, vẫn chẳng dùng Chiêm Sát Luân. Pháp này phải dùng hằng ngày, hết thấy các pháp quý vị vừa đoạn, sau khi đã đoạn, chúng lại tiếp nối, trở lại từ đầu. Mỗi vị đạo hữu chúng ta, bất luận quý vị trì chú nào, hay tu pháp môn nào, hãy chú ý điều gây trở ngại nhất, điều quan trọng nhất, [đó chính là] ngàn vạn phần đừng nên gián đoạn!

Tập 2

Lần trước, chúng tôi nói đến chuyện “*khéo dùng cái tâm*”, tức là học pháp thì phải khéo học. Thế nào là “*khéo học pháp*?” Câu này chính là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát dạy chúng ta phải khéo dùng cái tâm, tức là khi quý vị học pháp, phải khéo vận dụng cái tâm của chính mình. Hàm nghĩa của “*khéo vận dụng*” là hiện thời quý vị đến đây, mọi người cùng nhau học tập bộ kinh này. Cái thân hiện tại của quý vị chẳng có vấn đề, chẳng có một chút sai lầm nào, nhưng cái tâm dễ nảy sinh sai lầm. Nay trong lúc quý vị học kinh này, hãy nhất tâm nhất ý, đừng nghĩ tới chuyện khác,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

ngoại duyên đều buông xuống. Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta: Quý vị phải chế phục cái tâm một chỗ, đó là khéo dùng cái tâm.

Bản thân của việc “*khéo dùng cái tâm*” chính là giáo nghĩa Đại Thừa. Theo giáo nghĩa Đại Thừa; trước hết, quý vị phải tu Quán. Khi mọi người tới đây, tôi nghe mọi người nói chuyện bên ngoài, đàm luận với nhau. Khi đã vào giảng đường này, khi nghe giảng, trước hết, quý vị hãy trầm tĩnh đôi chút, hãy quán cái tâm của quý vị, đó là tu Quán. Trước hết là khiến cho cái tâm suốt ngày xáo động bên ngoài của quý vị ngưng lặng. Đó là “*nghe pháp*”, có nghĩa là hể vào trong đạo tràng này, trần duyên bên ngoài đều buông xuống. Người nghe pháp là như thế, mà người thuyết pháp cũng như thế. “*Pháp sư*” tức là dùng pháp làm thầy, chẳng có “*ngã, nhân*” (ta và người), [tức là chẳng có] Ngã Kiến và Ngã Chấp, dùng pháp làm thầy, dùng pháp để chấp. Pháp sư có nói sai hay không? Nếu nói sai, định nghĩa sai một chữ, sẽ là phạm pháp. Theo pháp thế gian, hể phạm pháp, sẽ có pháp luật quy định [xử phạt]. Nếu pháp sư phạm pháp tới mức độ nào, thì sẽ chịu báo ứng nhân quả [tương ứng mức độ ấy]. Giảng pháp sai lầm sẽ phải chịu nhân quả báo ứng: “*Nói sai một chữ chuyển ngữ, đọa lạc làm thân cáo năm trăm đời*”. Để sau này có nhân duyên, tôi sẽ nói với mọi người về câu chuyện ấy. Ý nghĩa hoằng pháp của pháp sư là “*tiếp nối hưng thịnh chủng tánh của Phật, kế thừa Phật pháp*”. Do vậy, Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta khéo dùng cái tâm để tiếp nối hưng thịnh Phật chủng. Hàm nghĩa của việc thuyết pháp là như thế đó!

Học pháp thì sao? Người nói phải khéo nói, chẳng trái nghịch ý Phật. Giảng bộ kinh này, bộ kinh này có ý nghĩa gì? Chớ nên trái nghịch ý nghĩa của bộ kinh này! Người nghe pháp phải kiên định tín tâm của chính mình. Tôi nói lời này, chắc là mọi người có chút hoài nghi, sẽ nói: “Chúng tôi đến đây nghe kinh mà còn chẳng đạt được tín tâm ư?” Tôi đem tiêu chuẩn của tín tâm thưa với mọi người: “Như thế nào thì mới được coi là có tín tâm?” Cảnh giới cao chúng ta chẳng mong cầu được, cảnh giới thấp thì sao? Nay trong vòng một tiếng rưỡi này, chúng ta tạm thời buông xuống ngoại duyên, thanh tịnh đôi chút, mọi người nhất tâm nhất ý cùng nhau học. Tôi không gì chẳng nhằm gợi ý cho mọi người, nhưng dụng tâm thì mọi người vẫn phải tự mình quán chiếu, dụng tâm để học, dụng tâm tương thông với pháp. Khi quần áo chúng ta mặc dính bụi, bản thủ, quý vị cảm thấy chẳng thoải mái. Nếu trong tâm quý vị có trần cấu, chẳng phải là cũng giống như thế hay sao? Khi quý vị học pháp, chẳng dễ học tập để tiên nhập! Hãy hiểu hàm nghĩa này! Do vậy, nay chúng ta bắt đầu học chánh văn trước. Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thỉnh cầu

Đức Phật nói bộ kinh này, tức là nói về nghiệp báo thiện ác trong nhân gian.

(Kinh) Phật ngôn: “Thiện nam tử! Tùy như sở vấn, tiện khả thuyết chi”.

(經)佛言：「善男子！隨汝所問，便可說之」。

(Kinh: Đức Phật nói: “Này thiện nam tử! Ông muốn hỏi gì, hãy cứ nói ra”).

Nay ông thỉnh cầu, ta chấp thuận. Đức Phật khen ngợi Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: “Thiện nam tử! Ông muốn hỏi điều gì? Ông muốn hỏi gì, ta sẽ nói cho ông biết điều đó”. Đức Phật có hỏi, ắt đáp, chẳng cự tuyệt hết thảy câu hỏi.

(Kinh) Kiên Tịnh Tín Bồ Tát ngôn: “Như Phật tiên thuyết, nhược ngã khứ thế, Chánh Pháp diệt hậu, Tượng Pháp hướng tận, cập nhập mạt thế, như thị chi thời, chúng sanh phước bạc, đa chư suy não, quốc độ số loạn, tai hại tần khởi, chủng chủng ách nạn bố cụ bức nhiều, ngã chư đệ tử thất kỳ thiện niệm, duy trưởng tham, sân, tật đố, ngã mạn. Thiết hữu tương tự hành thiện pháp giả, dẫn cầu thế gian lợi dưỡng, danh xưng, dĩ chi vi chủ, bất năng chuyên tâm tu xuất yếu pháp. Nhĩ thời, chúng sanh đồ thế tai loạn, tâm thường khiếp nhược, ưu úy kỹ thân cập chư thân thuộc, bất đắc y thực sung dưỡng khu mạng. Dĩ như thử đẳng chúng đa chướng ngại nhân duyên cố, ư Phật pháp trung độn căn thiếu tín, đắc đạo giả cực thiểu. Nãi chí tiệm tiệm ư tam thừa trung, tín tâm thành tựu giả, diệc phục thậm thiểu, sở hữu tu học thế gian Thiên Định, phát chư thông nghiệp, tự tri túc mạng giả, thứ chuyển vô hữu. Như thị ư hậu, nhập Mạt Pháp trung kinh cứu, đắc đạo, hoạch tín, Thiên Định, thông nghiệp đẳng, nhất thiết toàn vô”.

(經)堅淨信菩薩言：「如佛先說，若我去世，正法滅後，像法向盡，及入末世，如是之時，衆生福薄，多諸衰惱，國土數亂，災害頻起，種種厄難怖懼逼擾，我諸弟子失其善念，唯長貪瞋嫉妒我慢。設有像似行善法者，但求世間利養，名稱以之爲主，不能專心修出要法。爾時，衆生睹世災亂

, 心常怯弱, 憂畏己身及諸親屬, 不得衣食充養軀命。以如此等衆多障礙因緣故, 於佛法中鈍根少信, 得道者極少。乃至漸漸於三乘中, 信心成就者, 亦復甚鮮, 所有修學世間禪定, 發諸通業, 自知宿命者, 次轉無有。如是於後, 入末法中經久, 得道, 獲信, 禪定, 通業等, 一切全無。

(Kinh: Kiên Tịnh Tín Bồ Tát nói: “Nhu đức Phật đã nói trước kia, nếu ta nhập diệt, sau khi Chánh Pháp đã diệt, Tượng Pháp sắp hết, bước vào đời Mạt Pháp, trong lúc như thế, chúng sanh phước mỏng, có nhiều suy nã, quốc độ nhiều lần loạn lạc, tai họa nhiều lượt dấy lên, các thứ ách nạn kinh sợ, bức bách, nhiều hại. Các đệ tử của ta đánh mất thiện niệm, chỉ tăng trưởng tham, sân, ganh ghét, ngã mạn. Giả sử có người hành những điều tương tự như thiện pháp thì chủ yếu chỉ vì cầu lợi dưỡng, tiếng tăm trong thế gian, chẳng thể chuyên tâm tu pháp xuất yếu. Lúc bấy giờ, chúng sanh thấy cõi đời tai ương, loạn lạc, tâm thường khiếp nhược, lo sợ chính mình và các thân thuộc chẳng có cơm áo để nuôi nấng thân mạng. Do có nhiều nhân duyên chướng ngại như thế, trong Phật pháp, kẻ độn căn, ít tin tưởng [thì nhiều], người đắc đạo cực ít. Cho đến dần dần trong tam thừa, kẻ tín tâm thành tựu cũng hết sức ít ỏi, tất cả những người tu học Thiền Định thế gian, phát sanh những nghiệp thân thông, tự biết túc mạng, sẽ lần lượt trở thành chẳng còn. Sau đó, khi đã bước vào thời Mạt Pháp lâu xa như thế, người đắc đạo, đạt được đức tin, Thiền Định, thân thông v.v... hết thấy hoàn toàn chẳng có”).

“*Kiên Tịnh Tín Bồ Tát ngôn*” tức là Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thưa: “*Nhu Phật tiên thuyết*” (như Phật trước kia đã nói), chẳng phải là trong quá khứ, khi giảng kinh, đức Phật thường nói như thế hay sao? “*Nhuợc ngã khứ thế, Chánh Pháp diệt hậu, Tượng Pháp hướng tận*”, [nghĩa là] Chánh Pháp đã chẳng tồn tại; đức Phật nhập diệt, Chánh Pháp chẳng còn. Thuở đức Phật tại thế thuyết pháp, Chánh Pháp năm trăm năm, [trong thời gian ấy] người chứng quả, người thành đạo nghe pháp liền khai ngộ, khai ngộ sẽ thành đạo. Tượng Pháp thì sao? Tuy người chứng đạo ít, người nghe pháp đều kiên định tín tâm. Sau đó, Tượng Pháp cũng sắp tận, Chánh Pháp năm trăm năm, Tượng Pháp năm trăm năm đều đã tận, tới thời gian cuối, tức là Mạt Pháp. Trong các kinh khác, đức Phật có nói Mạt

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Pháp là một vạn năm, trong thời gian ấy, Chánh Pháp và Tượng Pháp đều diệt tận, chúng sanh khi ấy phước đức mỏng, phước đức rất mỏng, chúng sanh chẳng có phước.

“*Đa chư suy nã*”: “*Suy*” (衰) nghĩa là suy bại, làm bất cứ chuyện gì, thành công thì ít, suy bại thì nhiều. Con người sanh, lão, bệnh, tử, thậm chí chẳng đợi đến già đã bệnh, người chưa già đã chết rất nhiều. Xã hội trong thế gian có hiện tượng gì? “*Quốc độ số loạn*” nghĩa là quốc gia thường xuyên xảy ra tai nạn liên tiếp, quốc độ rất loạn. Các thứ khốn khó, ách nạn chẳng thể nói nổi! Ai nấy đều mang tâm tình sợ hãi, bị hết thảy các sự vật bức bách, quấy nhiễu, [dùng những điều ấy] để hình dung vào thời Mạt Pháp, xã hội có hiện tượng như thế đó. Chuyện này rất dễ hiểu, ai nấy đều biết!

Nói chung, khi Phật pháp tiến vào thời Mạt Pháp, hiện thời [đã cách lúc đức Phật nhập diệt] gần ba ngàn năm, đã bước vào thời Mạt Pháp gần hai ngàn năm. Lúc này, ác pháp đã rất thịnh hành, thiện pháp và hành thiện nghiệp đã bị giảm thiểu rất nhiều. Nếu so sánh giữa hai đảng thiện và ác, [sẽ thấy] thiện giảm, ác tăng, ác pháp gia tăng! Nhìn từ các hiện tượng xã hội, mọi người đều có thể lý giải, phiền não rất nặng nề, bất luận quốc gia nào cũng đều rất bất thường! Vì loạn lạc, bất an, hỏa hoạn, thủy tai, bão tố, động đất, tai họa sanh khởi chẳng ngừng trên quả địa cầu này! Tôi chẳng nói chi tiết về hiện tượng này, ai nấy đều thấy cả rồi!

“*Ngã chư đệ tử thất kỳ thiện niệm*” (Các đệ tử của ta đánh mất thiện niệm): Lũ đệ tử Tam Bảo chúng ta rất dễ tiêu mất thiện niệm, ác niệm tăng trưởng dễ dàng. Tăng trưởng tham, sân, ganh tỵ, chướng ngại. Cũng có người làm các chuyện tương tự, tức là giống như hành thiện pháp, nghĩa là khi chúng ta làm thiện sự, luôn xen tạp rất nhiều thứ bất thiện! Vì sao? Đều vì cầu tiếng tăm, lợi dưỡng thế gian, coi cầu được tiếng tăm, lợi dưỡng là chuyện chánh yếu, cho nên việc chuyên tâm tu pháp xuất thế bị giảm thiểu. Tôi nghĩ các vị đạo hữu đều thấy hiện tượng này, tôi chẳng cần phải nói cặn kẽ, vì các hiện tượng trong xã hội đã cho chúng ta thấy tình trạng này.

Khi Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hướng về đức Phật thỉnh cầu, Ngài đã thưa bày: Hiện thời, trên thế giới này, keo kiệt, tham lam, ghen tỵ, ai nấy đều hoài nghi, thậm chí trong vòng thân nhân, cha con, vợ chồng của chính mình đều hoài nghi lẫn nhau, giữa người với người chẳng có sự tín nhiệm lẫn nhau, tu hành trong lúc ấy hết sức khó khăn. Trong lúc đó, làm thế nào để cái tâm của người tu hành chúng ta liên kết với đại chúng? Vì

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

trong lúc đó, thiện ác chen lẫn, nói theo lời xưa là “*phàm thánh giao tham*”, lúc ấy, đã chẳng có thánh nhân, chẳng còn có thánh nhân sống chung với chúng ta. Đồng thời, trong thời gian ấy, tư tưởng hết sức hỗn loạn, tín niệm thì sao? Bạ thứ gì cũng tin, chẳng phải là chân tín, đánh mất chánh tín. Trong tâm mỗi người toàn là tham, sân, si, ghen tỵ, chướng ngại, ngã mạn, nẩy sanh cái tâm bất lợi cho kẻ khác, tận hết sức nghĩ cách nuốt nhiều, chiếm nhiều. Hiện thời, trên thế giới này, vật chất hữu hạn, quý vị chiếm nhiều hơn, tự nhiên là người khác bị giảm bớt. Tình huống kiêu này rất nhiều! Mỗi chúng sanh do nghiệp chướng, tánh tình rất chẳng an định, hết sức nóng nảy, thô bạo, hễ động tới là nổi giận, thậm chí ra tay đâm đá người khác. Vì sao có hiện tượng kiêu này? Sự tu dưỡng bên trong, tức tu dưỡng nội đức chẳng đủ, chẳng có nội đức. Cho đến kiên thành cúng dường, lễ bái Tam Bảo chẳng nhiều, cầu quý thần chẳng ít. Đây là hiện tượng thật sự, [tu tập, làm thiện sự chi nữa] chuyên vì để nổi tiếng thì nhiều, chứ thật sự vì sanh tử ít lắm!

Do vậy, bộ kinh Thiện Ác Nghiệp Báo này phân tích cho chúng ta nhận biết như thế nào là thiện, chân thiện, nhận biết như thế nào là ác; nhưng trước mắt quý vị có thể nhận biết [thiện, ác], thì đó là đối với chính mình, chẳng phải là hướng ra ngoài, đối với người khác! Quý vị có thể biết nghiệp thiện ác của mình trong quá khứ hay không? Nói đơn giản, trong quá khứ, điều thiện rất dày, thiện nghiệp rất nhiều, trong đời này, quý vị sẽ rất ít tai nạn, cuộc sống rất nhiều hạnh phúc, rất bình lặng, rất an tĩnh, luôn được Tam Bảo gia trì. Ai nấy đều có thể thấy điều này. Nếu quý vị ác nghiệp nặng nề, thiện nghiệp ít ỏi, mọi chuyện đều chẳng được hài lòng. Đồng thời, trong tâm quý vị thường có cảm giác sợ sệt, lo được, lo mất, sợ những gì mình đang có sẽ bị mất đi. Trên thực tế, cũng rất dễ mất đi! Vì thế, tâm chúng ta hết sức bất tịnh, cho nên kinh khuyên dạy chúng ta phải phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo. Chúng ta thường nghe các đạo hữu nói với nhau như thế, các vị pháp sư cũng thường tuyên truyền như thế, mong mỗi các đệ tử Tam Bảo đều có thể tăng trưởng thiện tâm sở, giảm bớt ác tâm sở.

Đồng thời, ở đây đặc biệt nói đến Tăng chúng. Thuở đức Phật tại thế, trong các đại đệ tử của Ngài, có vị phát nguyện chuyên hóa độ kẻ có tiền. Vì sao? Ngài Tu Bồ Đề chuyên tìm những kẻ giàu có, hướng về họ hóa duyên, cho đến khát thực cũng hướng đến kẻ giàu có để khát thực. Có ý nghĩa gì? Ngài nói: “Họ giàu có, rất khó đạt được! Nếu họ chẳng vun bồi phước lần nữa, chẳng gieo phước điền lần nữa, sẽ đánh mất phước điền. Trong khi họ sống thoải mái, tâm hoan hỷ; tới ngày nào đó, bị mất

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

đi, sống cuộc đời khôn khéo, họ sẽ chẳng có cách nào sống sót!” Đây là ý niệm của ngài Tu Bồ Đề. Do vậy, Ngài ôm bát khát thực, chuyên tìm đến nhà giàu có để hóa duyên. Tôn giả Ca Diếp tương phản, chuyên tìm người nghèo. Các vị thánh giả ấy hoàn toàn chẳng xuất phát từ chuyện chính mình ăn ngon hay dở, các Ngài khát thực nhằm vun bồi phước cho chúng sanh. Vì ngài Ca Diếp nói: “Chúng sanh trong đời hiện tại chịu khổ, hãy tạo các thứ thiện căn cho họ, để sau này, họ sẽ chẳng phải chịu khổ nữa!” Nhưng đức Phật phê bình cách làm ấy! Chuyên hóa duyên người giàu có là không đúng, mà chuyên hóa duyên kẻ nghèo nàn cũng trật luôn! [Phải là] hễ gặp duyên gì, bèn chọn lựa duyên ấy! Trong khi quý vị tu hành, dụng tâm như thế nào rất quan trọng! Do vậy, chúng tôi thường nói: “*Khi chúng ta phát tâm, hãy khéo dùng cái tâm*”. Phát tâm như thế nào? Phải phát Bồ Đề tâm.

Thuở đầu, khi tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, có các đạo hữu, tức là thoát đầu khi tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo tại Nữ Uớc, Hoa Kỳ, vị đệ tử ghi chép lời tôi giảng là Ngô Bích Đào đã nêu ra câu hỏi ấy. Chuyên hóa duyên người giàu, hoặc chuyên hóa duyên kẻ nghèo, tức là có chọn lựa. Đức Phật dạy chúng ta: “Đừng chọn lựa! Gặp được ai bèn kết duyên với người ấy”. Bình đẳng phát tâm, đây là phát Bồ Đề tâm.

Bồ Đề tâm, nói thông thường sẽ rất nhiều, nhưng nói theo Đại Thừa Khởi Tín Luận, sẽ có ba tâm chánh yếu. Ba tâm ấy hợp thành Bồ Đề tâm, tức là trực tâm, thâm tâm, và đại bi tâm. Trọn đủ ba tâm ấy, trong một niệm, khi quý vị muốn làm chuyện gì, phải sử dụng trực tâm, thâm tâm, và đại bi tâm. Nhưng chẳng phải là tới khi ấy, quý vị làm chuyện gì mới phân tích, ta phải như thế này thì mới là trực tâm, như thế nọ thì mới là đại bi tâm. Chẳng phải! Ở ngay trong một niệm. Đây là công phu thường ngày của quý vị, chẳng phải là đến khi đối diện với cảnh, [mới vận dụng các tâm ấy]. Hằng ngày quý vị phải thường nghĩ tới trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm. Lúc dụng công thường nhật, phải nghĩ như thế, cho tới khi vận dụng, ba tâm chính là một tâm. Trong ấy có Hiền Giáo và Mật Giáo, cho nên chúng tôi thường nói tới Mật Giáo. Bất luận điều gì cũng đều chẳng lìa khỏi ba tâm này, bất quá danh từ bất đồng [mà thôi]!

Do đó, Văn Thù Bồ Tát gọi chung [việc vận dụng] những thứ ấy là “*khéo dùng cái tâm*”, chỉ nói tổng quát là quý vị khéo biết sử dụng cái tâm. Nói theo phía chúng ta, nói theo giáo nghĩa Đại Thừa thông thường, sẽ là chánh niệm, Chân Như. Phàm là người học theo tông Hoa Nghiêm, vừa khởi đầu đã tu phép Quán gọi là Chân Không Tuyệt Tướng Quán,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chẳng có hết thảy các tướng, chẳng phải là các danh từ như tôi vừa nói trên đây. Nhưng nay chúng tôi đang giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, có phù hợp hay không? Khi giảng kinh văn, tôi sẽ nói với mọi người. Trục tâm, chánh niệm, Chân Như: Trục tâm là một tí công vậy đều chẳng có. Thiền Tông nói khi nhất tâm tu Thiền Quán, trục tâm là “*chánh niệm, Chân Như*”, chẳng nghĩ gì khác, nhiếp niệm tướng, sẽ thẳng thừng đạt tới cảnh giới Như Lai. Nói theo Hiền Giáo thì là “*chánh niệm, Chân Như*”, còn Thiền Tông nói là “*minh tâm kiến tánh*”. Minh tâm kiến tánh chính là chánh niệm, Chân Như. Chúng ta niệm A Di Đà Phật, người niệm Phật niệm A Di Đà Phật, quý vị dùng tâm gì để niệm? Trục tâm, chánh niệm, Chân Như. A Di Đà Phật là chính ta, ta là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là ta. Đây là trục tâm, chánh niệm, Chân Như. Thâm tâm niệm A Di Đà Phật, tức là tiến hơn bước nữa. “*Phật chính là tâm, tâm chính là Phật. Phật chính là tâm ta, tâm ta chính là Phật*”, lý giải kiểu này gọi là “*thâm tâm*”. Thâm tâm tức là hết thảy các thiện pháp ta đã hành đều chẳng có, chỉ là tâm ta biểu hiện. Bất luận đại thiện hay tiểu thiện, đều chẳng lìa khỏi nhất tâm. Thiện chẳng có lớn, mà cũng không có nhỏ. Bồ thí cho người khác một đồng, bố thí cho người ta một vụn, hay một ức tiền, đều bình đẳng, chẳng có nhiều, ít, không có lớn, nhỏ. Đây mới là thâm tâm. Chẳng phân biệt, tâm ta là năng thí (người bố thí) và cái tâm của người nhận bố thí (sở thí) bình đẳng, chẳng có người bố thí và kẻ nhận bố thí. Đó là hiển lộ sâu hơn! Trục tâm, thâm tâm, đại bi tâm: “*Đại bi tâm*” là từ bi trọn khắp, đem pháp do ta đã tu, pháp do ta đã chứng đắc bố thí cho hết thảy chúng sanh. Chúng sanh có thể đạt được hay không? Chỉ tùy thuộc cái tâm của quý vị. Tâm quý vị bố thí cho chúng sanh, chúng sanh sẽ có thể được gia trì.

Tôi vừa mới nói “*phát Bồ Đề tâm*”. Ất cần phải trọn đủ ba loại tâm ấy, ba tâm hợp nhất, thì mới gọi là “*phát Bồ Đề tâm*”. Chúng ta thường nói “*phát Bồ Đề tâm*”, nói đơn giản thì là Giác, Bồ Đề (Bodhi) là Giác, tức là cái tâm giác ngộ hiểu rõ. Tâm giác ngộ hiểu rõ thì ta và người đều cùng có lợi, cho đến vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng, ba tâm ấy trọn đủ trong một niệm. Lúc giảng giải thì phân tích như thế, nhưng khi quý vị vận dụng, ba tâm chính là một tâm, ở ngay trong một niệm. Lúc bình thời, quý vị tu quán tưởng, ba tâm chính là nhất tâm. Khi tôi học tại Tây Tạng, chúng tôi luôn nói theo Mật Tông. [Trong Mật Tông Tây Tạng], tâm thứ nhất được gọi là xuất ly tâm, có cùng một ý nghĩa với trục tâm, chánh niệm, Chân Như. Bất quá, Mật Tông dạy: Trước hết, quý vị phải buông xuống hết thảy, phải xuất ly. Đối

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

với thế gian mà có một chuyện, một vật vướng mắc, quý vị sẽ không thể xuất ly được! Tức là cái tâm xuất ly, hết thấy đều chẳng vướng mắc, chẳng phải chỉ vì chính mình, mà còn khiến cho hết thấy chúng sanh đều có thể xuất ly. Do vậy, vì sao gọi là Mật? Thâm nghĩa của Mật là chẳng hạn như nói đến tâm xuất ly, sẽ khiến cho hết thấy chúng sanh đều xuất ly.

Khi tôi niệm A Di Đà Phật, mong sanh về thế giới Cực Lạc, sẽ mong cho hết thấy chúng sanh đang hứng chịu khổ nạn trong thế giới này và tôi đồng thời sanh về thế giới Cực Lạc. Người đó niệm một câu A Di Đà Phật, chẳng phải vì mong chính mình sanh về thế giới Cực Lạc, mà là mong tất cả hết thấy những ai đang chịu khổ, chịu nạn đều cùng với tôi đồng thời sanh về thế giới Cực Lạc. Đó là tâm đại bi! Nói theo Mật Tông, tâm thứ nhất là tâm xuất ly, tâm thứ hai là tâm đại bi. Trong Hiền Giáo thì nói tâm thứ ba là tâm đại bi, khác biệt về thứ tự, vì Mật Giáo thêm vào tâm Bát Nhã. Tôi được dạy ở Tây Tạng theo kiểu ấy. Tâm xuất ly, tâm đại bi, chính mình trọn đủ tâm xuất ly, khiến cho hết thấy chúng sanh đều có thể xuất ly. Hàm nghĩa của ước muốn ấy chính là tâm đại bi. Trong khi chính mình vừa cầu xuất ly, người ấy trọn chẳng nghĩ chính mình xuất ly là xong! Hễ mong xuất ly, bèn mong hết thấy chúng sanh và ta đồng thời xuất ly, khiến cho hết thấy chúng sanh đều xuất ly. Đó là đại bi thật sự. Chúng ta thường nói “đại bi trọn chẳng phải là ái kiến, trọn chẳng phải là cảm tình”, mà là pháp giới tâm. Phải hiểu đạo lý này! Chẳng phải là xử sự theo cảm tình, chẳng phải là xử sự do lòng yêu mến si mê. Vì sao? Cái tâm thứ ba là Bát Nhã. Tâm Bát Nhã là trí huệ. Bát Nhã tức là trí huệ, được dịch thành “*trí huệ*”. Người trọn đủ đại trí huệ sẽ mong mỗi thành tựu hết thấy chúng sanh, mong họ đạt đến bờ kia.

Vì thế, trọn đủ các loại tâm này, quý vị lại quán tưởng hết thấy các tướng thế gian. Quán tưởng tướng thế gian sẽ chuyển biến thế gian, từ trong tâm của quý vị mà chuyển biến thế gian. Do vậy, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thấy các thứ tai nạn trên thế giới này, bèn nghĩ làm cách nào chuyển biến chúng, khiến cho chúng sanh biết thiện, ác, sau đó sẽ thâm nhập. Trên đây, tôi vừa nói tới mục đích, phần kinh văn kế tiếp nói đến biện pháp, tức là phải dùng biện pháp nào để đạt đến mục đích ấy. Vì thế, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát lại hướng về đức Phật thưa bày.

“*Nhĩ thời*” (爾時, lúc bấy giờ) tức là trong khi thế giới này biến loạn, rung chuyển, bất an, các chúng sanh trông thấy các thứ tai họa, loạn lạc trong thế gian, tâm thường khiếp sợ, trong lòng có cảm giác hoảng

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

hốt, sâu lo bản thân và hết thảy quyền thuộc của mình ngay cả đối với cơm áo trong cuộc sống cũng chẳng no ấm, chẳng có áo cơm duy trì thân mạng. Những nhân duyên chướng ngại của các chúng sanh như thế càng nhiều hơn. Họ còn có thể tin tưởng Phật pháp ư? Kẻ độn căn trong Phật pháp ít tin tưởng, tức là nói nghiệp chướng của họ rất nặng, chẳng tin Phật. Ngay cả tin mà cũng chẳng tin, còn có thể đắc đạo hay chẳng? Kẻ tin Phật ít ỏi, kẻ làm lành sẽ ít đi, kẻ tu đạo sẽ ít đi, người đắc đạo cực ít, thậm chí chẳng có! Đến lúc ấy, trong tam thừa dần dần sẽ là kẻ có tín tâm thành tựu cũng rất ít ỏi. Bất luận Tiểu Thừa, Trung Thừa, hay Đại Thừa, bất luận đối với pháp nào, đều chẳng thể sanh khởi tín niệm. Học Thiên Định thế gian, phát khởi các nghiệp thân thông, tự biết tức mạng, sẽ lần lượt biến thành chẳng còn, căn bản là chẳng có. Kẻ đắc thân thông, đắc trí huệ, trong thế gian này đã không có, cho đến người tự biết quá khứ, đắc Túc Mạng Thông, đều chẳng có. Đó gọi là thời Mạt Pháp, người đắc đạo, người tu đạo, tu Thiên Định, tín tâm kiên định, toàn bộ hết thảy đều chẳng có. Đây là hiện tượng trong thời Mạt Pháp, nay chúng ta đã rất gần [tình trạng đó], tuy vẫn còn chưa tới [mức độ đó]. [Hiện thời], hãy còn có nhiều đạo hữu tin Phật, nhiều người học Phật ngàn ấy. Mạt Pháp một vạn năm, nay chúng ta mới là một hai ngàn năm, còn chưa lún sâu đến mức độ ấy!

Vào thời điểm ấy, chẳng biết pháp xuất yếu, tức là chẳng biết đường lối trọng yếu để thoát khỏi ba ác đạo. Học Phật tu hành nhằm thoát khỏi ba ác đạo, chẳng có ai không biết [điều ấy]. Nếu chẳng biết thì tu bằng cách nào? Chẳng biết, sẽ chẳng tu thành tựu! Người thời ấy (thời Mạt Pháp), căn cơ hết sức chậm lụt, là hạng độn căn. Nói cách khác, chẳng có trí huệ. Đối với Phật pháp chẳng tin, hoặc ít tin tưởng, cho đến chẳng có tăng thượng duyên. Nói cách khác, chẳng có tăng thượng duyên, chẳng gặp đồng tham đạo hữu tốt đẹp, mà cũng chẳng gặp vị thầy nổi tiếng chỉ dạy, chẳng có tăng thượng duyên!

Không chỉ chẳng có người đạt được Nhất Thừa đạo quả, mà cho đến các đạo quả thuộc ba thừa Tiểu, Trung, Đại, hoàn toàn chẳng còn nữa. Hiện thời có nghe thấy ai đắc đạo hay không? Rất ít nghe! Tôi xuất gia tám mươi năm, tôi gặp người đắc đạo, cho rằng người đắc đạo chẳng nhiều! Trong tâm mục của tôi, các vị đại đức tôi tôn kính đại khái có mười mấy vị; nhưng mười mấy vị ấy cũng chẳng phải là đắc đạo, cũng chẳng nói cho tôi biết đời này họ đã chứng đắc quả A La Hán, cho đến hành Bồ Tát đạo, chứng đắc đạo quả, chỉ là tôi cho rằng [họ đắc đạo] mà thôi! Như chúng ta biết đời Đường có Đạo Tuyên Luật Sư chứng đắc Tứ Quả A La Hán, có vị trời chứng minh, dâng cơm cho Ngài. Vị trời ấy nói

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Ngài đã chứng đắc Tứ Quả. Nhưng trong thế giới này, vẫn có các vị đại Bồ Tát mà chúng ta chẳng nhận biết. Các Ngài thị hiện chẳng khác chúng ta cho lắm. Trên thực tế, các Ngài khác hẳn chúng ta.

Trong thời Mạt Pháp, tuy người chứng đạo ít, nhưng các vị Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Địa Tạng, Di Lặc đều ở trong nhân gian, đều chẳng rời khỏi nhân gian. Chúng ta có nhận biết hay không? Chuyện đó tùy thuộc phước đức và trí huệ của mỗi người. Cá nhân quý vị có phước đức và trí huệ, sẽ gặp gỡ. Quý vị chẳng có nhân duyên phước đức và trí huệ, sẽ chẳng nhận biết. Vì ở đây, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát nói, mục đích chủ yếu của Ngài là mong làm cho chúng ta hiểu rõ thiện, ác, hướng thiện, khử ác. Ngài hướng về đức Phật thỉnh cầu là vì lý do này. Đức Phật không nói với Ngài, mà bảo Ngài thỉnh vấn Địa Tạng Vương Bồ Tát. Trong phần sau, chúng tôi sẽ lại nói tiếp điều này.

Trong lời thưa hỏi của Kiên Tịnh Tín Bồ Tát, [lý do có] đoạn thưa hỏi này là do đức Phật thường nói, kinh Phật thường nhắc đến lúc Mạt Pháp, các hiện tượng ấy là hiện tượng gì? Bất quá, Kiên Tịnh Tín nhắc lại những lời đức Phật đã nói để quý vị đừng quên khuấy. Có ý nghĩa như thế đó. Hiện thời, đã đến lúc rồi, hãy nên làm như thế nào để khiến cho những người ấy giác ngộ, có pháp để nương cậy, có pháp để có thể học? Do đó, trong phần trước, tôi đã nêu ra Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta “*hãy khéo dùng cái tâm*”. Đây là tôi dựa theo giáo nghĩa trong kinh Hoa Nghiêm. Trong phẩm Tịnh Hạnh, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đã nói, chúng ta học pháp thì phải biết học! Thế nào là biết học, thế nào là chẳng biết học? Đạt tới mức độ như thế nào thì mới được coi là biết cách học Phật pháp? Đức Phật dạy chúng ta “*khéo dùng cái tâm*”, tức là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát truyền dạy chúng ta “*hãy khéo dùng cái tâm*”. Nhưng đối với việc dụng tâm, chúng ta không biết dùng. Phải học theo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát trong phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm. Trong ấy, có hơn một trăm loại [hạnh thanh tịnh], quý vị vận dụng cái tâm của chính mình như thế nào thì sẽ là khéo dùng cái tâm. Nhưng nói và làm rất khó phù hợp. Nếu chúng ta nói và làm, tức ngôn hạnh phù hợp, cho đến tâm có thể hướng dẫn hạnh, hạnh có thể khơi mở cái tâm, sẽ càng khó có hơn nữa!

Điều thứ nhất, chúng ta phải buông xuống tham, sân, si. Chúng ta niệm hằng ngày, các đạo hữu chúng ta hằng ngày đều phải niệm. Chúng ta chưa buông xuống cái tâm tham được! Bất luận quý vị tham điều gì, có tham luyến, từ bên ngoài sẽ chẳng dễ thấy. Trước kia, trong một ngôi chùa, có một vị lão hòa thượng tu hành rất tốt đẹp, nhìn bề ngoài thì thấy Ngài tu hành hết sức tốt đẹp; nhưng tâm tham chẳng bỏ được! Đó là một

câu chuyện xưa. Sư tích cóp mấy chục năm, tất cả tiền ky cóp, thủa ấy dùng bạc vụn, Sư cho đúc thành một khối đại nguyên bảo (đĩnh bạc), giắt nơi thắt lưng, đi ngủ cũng chẳng lìa khỏi. Có lần Sư đi tiểu, hơi vô ý một chút, sợi dây đeo bị đứt đoạn. Vì sư đeo bạc [lâu ngày] mà không thay dây, sợi dây thừng buộc lưng bị đứt. Dây vừa đứt, cả khối bạc nặng chềnh ềnh rơi tồm vào hố xí mất dạng! Trong chùa miếu thủa ấy, nhà vệ sinh là một cái lều tranh lớn, chẳng giống như bồn cầu [nhỏ nhỏ hiện thời]. Bồn cầu [như hiện thời] sẽ chẳng rơi mất được! Bạc đã rơi vào hầm cầu, làm cách nào đây? Vị lão hòa thượng ấy chẳng buông xuống được, ky cóp lâu như vậy, chết theo bạc luôn. Sư còn có đạo lực, còn có công sức tu hành nhất định! Đã chết rồi, bèn biến thành con rùa đen, bò vào trong hố phân, ôm đĩnh bạc ấy. Ôm lấy đĩnh bạc đó, sư lại báo mộng cho vị sư tri khách, bảo: “Vì tôi không buông xuống được, vì tham luyến mà đọa lạc. Nay xin thầy hãy giúp tôi, cứu tôi”. Trong mộng, [vị sư tri khách hỏi]: “Tôi cứu thầy bằng cách nào?” “Xin thầy thuê người vét sạch hố phân đó. Vét xong, lấy đĩnh bạc ấy để trả công, tiền còn lại thì cúng dường trai Tăng, sám hối cho tôi”. Vị thầy tri khách liền chiếu theo ý ấy để làm cho ông ta. Làm xong, ông ta được cứu, được giải thoát, nhưng ông ta còn có phần nào tu hành. Ngoài tham lam ra, công phu khác vẫn rất tốt đẹp. Nếu chẳng có các công phu khác, sẽ chẳng thể báo mộng cho vị sư tri khách. Đây là một chuyện cũ.

Do vậy, khi chúng ta dụng công tu hành, quý vị có thể kiểm nghiệm thân tâm của chính mình có điều gì đặc biệt chuyên chú hay không? Tôi kể câu chuyện ấy là vì lẽ nào? Sự chuyên chú của vị sư ấy, toàn bộ tinh lực đều dùng vào chuyện tích cóp tiền. Nếu đó chẳng phải là điều chuyên chú nhất, chẳng phải là chuyên chú nơi một cảnh, sẽ chẳng có hiện tượng này. Sao chẳng dùng sự chuyên chú một cảnh ấy vào niệm Phật? Chẳng có thiện căn ấy. Mọi người chúng ta đối với sự tu hành, hoặc niệm Phật của chính mình, hoặc là quý vị chuyên trì một hạnh, hoặc là tụng kinh, tụng kinh Kim Cang, hằng ngày chẳng gián đoạn, vĩnh viễn như thế. Đó gọi là “*công lực*”. Thậm chí quý vị tụng một bộ kinh A Di Đà, lâm chung sẽ tuyệt đối được sanh về [Cực Lạc], sợ điều gì? Gián đoạn! Tụng niệm gián đoạn. Người tu hành chúng ta, nếu mấy chục năm đều như một ngày, chuyên trì một môn đều được! Tôi đã gặp một người, tôi không nêu tên, cũng chẳng nói là ai, là người hiện thời. Đối với Phật, quý vị nói xem ông ta có tin tưởng hay không? Chẳng tin! Quý vị [xem] ông ta chẳng tin ư? Ông ta trì chú Đại Bi. Tôi nghe ông ta niệm chú Đại Bi, niệm đến mức tôi quá luôn, chẳng biết ông ta niệm chú Đại Bi chi nữa! Nhưng ông ta

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

niệm mấy chục năm đều như thế, sống đến chín mươi mấy tuổi, vẫn ăn thịt, chẳng ăn chay, nhưng khi ông ta lâm chung, hết sức tỉnh táo, có lẽ ông ta phải chín mươi ba tuổi rồi! Ông ta dặn dò con mình viết di chúc: “Cha sắp chết, cha sắp ra đi, cha không ăn nữa. Các con giúp cha mời các vị sư phụ đến niệm kinh. Chỉ niệm chú Đại Bi cho cha, đừng niệm gì khác!” Ngoài tin chú Đại Bi ra, thứ gì khác ông ta cũng chẳng tin! Ông ta có thể biết trước lúc mất, biết sắp ra đi. Người khác còn nói với tôi, khi ông ta mất, hết sức sáng suốt. Ông ta nói Quán Âm Bồ Tát đến dẫn dắt ông ta, đến gọi ông ta theo, tiếp dẫn ông ta đi. Tuy chẳng nói đến thế giới Cực Lạc, nhưng ông ta niệm chú Đại Bi, Quán Âm Bồ Tát bèn cứu ông ta. Quán Âm Bồ Tát dẫn ông ta đi.

Chúng ta là những người rất tin Phật, tôi cũng rất tin. Đừng quản hết thấy sai lầm khác của ông ta, đừng quan tâm tới! Ông ta niệm chú Đại Bi vài chục năm như một ngày; chỉ cần quý vị có pháp môn một hạnh, đó gọi là “*công phu*”. Chỉ sợ điều gì? Hôm nay tu pháp này, mai tu pháp kia, hoặc là gián đoạn, sẽ chẳng có hiệu quả! Trong thời Mạt Pháp ngũ trược ác thế này, chúng ta phải thâm nhập một môn, chẳng cần phải nghiên cứu sâu như thế nào! Quý vị niệm một câu A Di Đà Phật, cho tới hiện thời, chưa hề gián đoạn ngày nào, A Di Đà Phật còn chẳng thể tiếp dẫn quý vị ư? Nhưng quý vị phải dựa theo lời dạy của Đại Thế Chí Bồ Tát, chỉ niệm suông không được, “*ức Phật, niệm Phật, tất định kiến Phật*” (nhớ Phật, niệm Phật, nhất định thấy Phật). Quý vị miệng niệm, trong tâm còn phải tưởng. Tâm tưởng thì gọi là “*ức Phật*” (憶佛, nhớ Phật). Miệng niệm Phật, tâm tưởng Phật, Đại Thế Chí Bồ Tát nói [tu hành như vậy], nhất định có thể thấy Phật. Đây là trong hai mươi lăm môn Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát nói Ngài đã chứng đắc môn [Niệm Phật] Viên Thông, chính là “*ức niệm*”. Do trong thời Mạt Pháp có các hiện tượng ấy, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thấy đời ác này vẫn chưa chấm dứt, một mực tiếp diễn. Ác nghiệp của chúng sanh ngày càng nặng nề, trong lúc ấy mà Kiên Tịnh Tín Bồ Tát đã thấy [như thế], Ngài nói trong tương lai sẽ như thế nào nữa?

(Kinh) Ngã kim vị thử vị lai ác thế Tạng Pháp hướng tận, cập Mạt Pháp trung, hữu vi thiếu thiện căn giả, thỉnh vấn Như Lai, thiết hà phương tiện, khai thị hóa đạo, linh sanh tín tâm, đắc trừ suy não. Dĩ bỉ chúng sanh tạo trị ác thời, đa chướng ngại cố, thoái kỳ thiện tâm. Ư thế gian, xuất thế gian nhân quả pháp trung, sở khởi nghi hoặc, bất năng

kiên tâm chuyên cầu thiện pháp. Như thị chúng sanh khả mãn, khả cứu. Thế Tôn đại từ, Nhất Thiết Chúng Trí, nguyện hưng phương tiện nhi hiểu dụ chi, linh ly nghi vãng, trừ chur chương ngại, tín đắc tăng trưởng, tùy u hà thừa, tức hoạch bất thoái?

(經)我今爲此未來惡世像法向盡，及末法中，有微少善根者，請問如來，設何方便，開示化導，令生信心，得除衰惱。以彼衆生遭值惡時，多障礙故，退其善心。於世間，出世間因果法中，數起疑惑，不能堅心專求善法。如是衆生可愍可救。世尊大慈，一切種智，願興方便而曉喻之，令離疑網，除諸障礙，信得增長，隨於何乘，速獲不退？」

(Kinh: Con nay vì những kẻ có chút ít thiện căn trong đời ác khi Tượng Pháp sắp hết và trong đời Mạt Pháp, mà thưa hỏi đức Như Lai lập phương tiện nào để khai thị, giáo hóa, hướng dẫn, khiến cho họ sanh tín tâm, trừ các suy não. Do các chúng sanh ấy gặp phải thời ác, nhiều chương ngại, sẽ lui sụt thiện tâm. Đối với pháp nhân quả thế gian và xuất thế gian, nhiều lượt dấy lòng ngờ vực, chẳng thể kiên định cái tâm, chuyên cầu thiện pháp. Chúng sanh như thế đáng thương, đáng cứu. Đức Thế Tôn đại từ, là đáng Nhất Thiết Chúng Trí, xin hãy khởi phương tiện dạy bảo, khiến cho họ lìa lưới nghi, trừ các chương ngại, tăng trưởng tín tâm, nương theo thừa nào thì sẽ mau chóng đạt được bất thoái?)

Con nay vì trong đời ác tương lai, Tượng Pháp sắp tận, thời Tượng Pháp của chúng ta đã hết, chính là Mạt Pháp. “*Cập Mạt Pháp trung hữu vi thiếu thiện căn giả*” (Và trong đời Mạt Pháp có những người thiện căn ít ỏi): Nay chúng ta cũng đều có thiện căn, nhưng chúng ta đọc tụng kinh điển Đại Thừa, tức là thiện căn rất sâu dày. Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thỉnh cầu là do ý nghĩa này. Trong thuở ngũ trước ác thế, Tượng Pháp đã hết, tiến vào thời đại Mạt Pháp, hãy còn có những kẻ thiện căn ít ỏi, tức là các đạo hữu có thiện căn, phải nên dùng phương tiện như thế nào để giáo hóa, hướng dẫn họ. Ngài mong thỉnh đức Phật thuyết pháp, cũng là thỉnh Phật hãy nói cho mọi người, khiến cho họ sanh tín tâm, có thể khiến cho họ tín tâm kiên định, chẳng có suy bại, ưu não. Vì các chúng sanh ấy trong lúc đó, gặp phải thuở ác thế trong thời Mạt Pháp, chương ngại quá nhiều. Do

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

có lẩm chường ngại, dẫu họ phát khởi thiện tâm, họ không chịu nổi vùi dập, sẽ lui sụt thiện tâm.

Mỗi vị đạo hữu chúng ta hãy tự nhớ lại, chính mình tinh tấn như thế nào, có phải là trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ đều nghĩ tới sanh tử hay không? Ta chẳng làm như vậy, nhưng mỗi ngày nói chung, ta phải nghĩ tới mấy lượt, chẳng phải là hai mươi bốn tiếng đồng hồ đều nghĩ, nhưng khi ta ngủ, tuyệt đối nghĩ tưởng: Ngày mai có bò dậy nổi hay không, chẳng nhất định! Nói không chừng, ngủ rồi chết luôn, đối với sanh mạng thì chẳng có ai đảm bảo được! Chỉ nhớ lại đôi chút, ngày hôm nay ta đã làm những chuyện gì, đã lìa khỏi Tam Bảo khá xa, hay là nương cậy Tam Bảo rất gần? Là xa hay gần, chính mình hiểu rất rõ điều ấy! Ngày hôm nay niệm Phật, lễ Phật, niệm kinh, hay là mong giúp đỡ hết thảy chúng sanh, niệm nào cũng đều phát tâm đại từ bi độ chúng sanh, cái tâm ấy là nhiều, hay là dấy lên tham, sân, si, vì tiếng tăm và lợi dưỡng của chính mình, vì để thân thể của chính mình khỏe mạnh? Cái tâm nào chiếm phần nhiều?

Do vậy, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thưa hỏi Như Lai, trong thuở Mạt Pháp, đối với chúng sanh thiện căn ít ỏi, phải nhờ vào phương tiện thiện xảo nào dẫn dụ họ chẳng thoái thất tín tâm, mà cũng chẳng lui sụt thiện tâm. Để đối với pháp nhân quả thế gian và xuất thế gian, chẳng có chút nghi hoặc nào, có loại pháp nào tiêu trừ nghi hoặc cho họ? Vì họ có nghi hoặc, cho nên chẳng thể kiên định tín tâm, chuyên cầu thiện pháp. Loại chúng sanh này đáng thương xót nhất! Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hướng về đức Phật thỉnh cầu, tạo nhân duyên phát khởi chủ yếu. Điều ấy có nghĩa là bọn chúng sanh trong đời Mạt Pháp chúng ta nghi hoặc, chẳng thể kiên định tín tâm, mà cũng chẳng thể kiên định cầu thiện pháp. Do vậy, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thương xót loại chúng sanh này nhất. Vì thế, Ngài mới hướng về đức Phật thỉnh cầu. Bản thân chúng tôi cảm nhận, mỗi vị đạo hữu đều có thể đối chiếu: Phàm là giảng một bộ kinh nào, nói một pháp nào, đều nhằm khiến cho chúng ta thực hiện, chẳng phải là nói suông mà thôi! Nói suông thì có lợi ích chi đâu? Nói chúng ta gieo thiện căn, thì gieo thiện căn chẳng đáng tin tưởng! Tốt nhất là quý vị hãy hành, hành rồi thì mới có thể đạt được. Người ta nói “một bàn thức ăn này rất ngon lành”, quý vị chẳng ăn, rốt cuộc biết nó là ngon hay dở? Quý vị phải ăn! Quý vị rất đói bụng, lại không chịu ăn, phải nên làm như thế nào đây? Vẫn là chẳng đạt được gì hết, đói thì vẫn cứ đói!

Nay chúng ta thiện căn giảm thiểu. Có thể là có một số đạo hữu, tôi nghe nói nhiều người rất thỏa mãn, cho rằng tín tâm của chính mình rất

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

đầy đủ. Tôi phê bình họ chẳng đủ! Những lời đức Phật đã nói nhằm dạy chúng ta phương pháp, chẳng phải là chúng tôi tự mình tùy tiện định nghĩa. Chính quý vị có thể dùng Thánh Giáo Lượng, tức là dùng kinh pháp do đức Phật đã nói để đối chiếu một phen, xem thử quý vị đã đạt đến vị trí ấy hay chưa? Chưa đạt tới vị trí ấy, tức là tín tâm của quý vị chưa đủ. Tin hay không? Chẳng tin thì cứ dùng kinh đối chiếu một phen! Như thế nào thì mới được coi là có tín tâm thuộc Tín vị Bồ Tát? Có tiêu chuẩn! Nhận biết niệm trước khởi ác, bèn ngưng dứt, chẳng để cho niệm sau dấy lên; điều đó chứng tỏ quý vị đã dự vào Tín vị, là đệ tử thật sự tin Tam Bảo, tin Phật, tin Pháp, tin Tăng. Chẳng dự vào Tín vị, vậy thì quý vị phải vun bồi tín tâm. Nhưng chuyện này có Thánh Giáo Lượng, tức là có hết thảy những lời do đức Phật đã nói để quý vị có thể đối chiếu. Ngay cả Tín vị mà quý vị còn chưa trọn đủ, có thể thoát khỏi sanh tử u? Có thể chẳng luân chuyển trong luân hồi u? Nói theo kinh Hoa Nghiêm, dự vào Tín vị Bồ Tát, có thể nhận biết ý niệm của ta không đúng, biết niệm trước khởi ác, bèn ngưng dứt chẳng cho niệm sau khởi lên. Nếu tín tâm của ta trọn đủ, tín đã thành tựu!

Tín đã thành tựu, dự vào Sơ Trụ là cảnh tượng gì vậy? Thần thông quảng đại. Ta có tín tâm hay không? Thần thông quảng đại tới mức độ nào? Có thể tới thị hiện thành Phật trong một trăm thế giới, hóa độ chúng sanh. Kinh Hoa Nghiêm dạy như thế, chẳng phải là tôi tùy tiện nói. Đó gọi là “*Thập Tín mãn tâm*” (Đã viên mãn các tâm thuộc về địa vị Thập Tín). Nay chúng ta là “*hân nhạo tâm*” (tâm ưa thích), đối với Phật pháp hết sức tin tưởng, hết sức ưa thích, nhưng chưa thể dự vào Tín vị. Chúng ta chẳng thể “*niệm trước vừa dấy ác, bèn ngưng dứt nó, không cho niệm sau khởi lên*”. Nếu vị đạo hữu nào cảm thấy chính mình không có ác niệm, thuần túy là thiện niệm, một niệm ác tâm chẳng dấy lên, quý vị đã trọn đủ Tín. Nếu chẳng có, đối với ai đó chẳng vui thích, quý vị vẫn nổi cáu. Vậy là không được rồi!

Vì thế, trong duyên thế gian, trong nỗi khổ sanh, lão, bệnh, tử, đặc biệt là trong khi bị bệnh, khi bệnh tình nghiêm trọng, khi đau khổ tột bậc, quý vị đã sớm quên bằng Phật, chỉ nghĩ trừ bỏ đau đớn. Quý vị có thể tin tưởng Phật sẽ trừ tai nạn cho quý vị hay không? Phải có tín tâm ấy, giao hết thảy cho Phật, Bồ Tát. Quý vị có tín tâm ấy, bệnh của quý vị chẳng cần phải lo, có hai trường hợp: Một là thọ mạng đã hết, phải chết. Chết rồi, quý vị sẽ sanh vào chón lành, chẳng đọa vào tam đồ, trọn chẳng đọa trong ba ác đạo. Nay các đệ tử Phật đang hiện diện, đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, chết đi, tuyệt đối sẽ chẳng đọa vào ba đạo! Phải tin điều này, chớ

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

nên nghi hoặc, tín tâm kiên định chẳng nghi, đòi đòi kiếp kiếp tiến cao hơn. Nhưng nếu quý vị có thể phát nguyện sanh về thế giới Cực Lạc, [nhưng muốn] khi lâm chung quý vị có thể phát ra cái nguyện ấy, thì lúc bình thời, quý vị phải huân luyện. Phương pháp huân luyện như thế nào? Buổi tối, khi quý vị sắp ngủ, khi sắp ngủ mà vẫn chưa ngủ, quý vị phải phát nguyện.

Điều thứ nhất là quý vị phải đem chuyện đã làm trong ngày hôm nay, chuyện phù hợp Phật giáo, tăng trưởng tín tâm, có lợi ích cho chúng sanh, ta nguyện nó tăng trưởng. Những gì hôm nay ta đã làm sai, trong tâm nghĩ sai, nói lời sai trái, ta hướng về Tam Bảo sám hối, sau đó mới ngủ. Tối mỗi ngày, quý vị nhất định phải làm chuyện ấy. Sáng ra, chẳng thể nói chúng ta làm đều như pháp! Ngay cả Tín vị mà chúng ta vẫn chưa nhập, vẫn chưa đạt đến Sơ Trụ, mỗi ngày chớ nên lần khần, hãy sám hối ngay trong ngày, phát nguyện ngay trong ngày hôm đó, nó sẽ dần dần tăng trưởng. Quý vị phát nguyện lâu ngày, tới khi sắp ngủ, tợ hồ mơ hồ phát nguyện. Tôi thường có chuyện ấy, nhưng chẳng phải là tinh táo cho lắm, đã quên, nhưng lát sau nghĩ tới, sẽ vội vã phát nguyện, sau đó sẽ chẳng quên nữa. Quý vị bảo đó là giả, nhưng điều này thật hơn bất cứ thứ gì khác, còn thật hơn cả chuyện ăn cơm, mặc áo, cho đến khi quý vị mạng chung, sẽ có thể đạt được lợi ích to lớn. Hy vọng mọi người đừng quên; đó gọi là “*khéo dùng cái tâm*”.

Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thưa cùng đức Thế Tôn: - Bạch Thế Tôn! Ngài là đấng đại từ, đại bi, Ngài là bậc trọn đủ hết thảy trí huệ, là bậc Nhất Thiết Trí. Ngài có thể hành phương tiện hay không? Nói ra một phương pháp phương tiện thiện xảo, khiến cho mọi người đạt được lợi ích. Vì chúng sanh trong thời Mạt Pháp nghi hoặc quá nhiều, [các mối nghi hoặc được gọi là] “*nghi võng*” (疑網, lưới nghi), khiến cho [chúng sanh] lìa nghi võng. Nói đơn giản, khi tôi ở núi Ngũ Đài, có rất nhiều người đến núi hỏi tôi: “*Sư phụ ơi! Con niệm Phật rất nhiều năm, lâm chung con có thể sanh về thế giới Cực Lạc hay không?*” Tôi nói: “*Vì sao quý vị hỏi tôi như vậy?*” Người đó nói: “*Con niệm Phật rất nhiều năm, dường như chẳng có hiệu quả chi hết, cảm ứng gì cũng chẳng có. Vậy thì khi con sắp chết, có thể vãng sanh hay không?*” Tôi đáp: “*Chẳng vãng sanh được!*” Người đó hỏi: “*Vì sao?*” Tôi nói: “*Ông hỏi tôi ‘có thể vãng sanh hay không’ là do ông có nghi hoặc. Sanh về thế giới Cực Lạc chẳng có nghi hoặc. Nếu vẫn nghi hoặc ‘có thể vãng sanh hay không’, tức là ông chẳng tin tưởng! Từ nay về sau, ông phải tiêu trừ ý niệm ấy, ‘sanh là*

quyết định sanh!’ Ông có nghi hoặc, sẽ thật sự chẳng đến [Cực Lạc] được. Căn bản là ông chẳng hạ quyết tâm! Đối với Phật pháp mà còn hoài nghi thì làm sao có thể đạt được gì nữa?”

Vì thế, tôi khuyên chư vị đạo hữu: “Bất luận quý vị học pháp nào, chớ nên hoài nghi!” Hoài nghi là chướng ngại lớn nhất, luôn hoài nghi chính mình: “Công lực của ta không đủ, nghiệp chướng của ta rất nặng!” Tôi thường nghe mỗi vị đạo hữu nói với tôi nghiệp chướng của người ấy rất nặng, [người ấy] tin nghiệp chướng của chính mình rất nặng, chẳng tin Phật tánh của chính mình và Phật tánh của Phật chẳng hai, chẳng khác. Vì sao chẳng tin? Đó là biểu hiện nghiệp chướng nặng nề. Đây chẳng phải là biểu hiện nghiệp chướng nặng nề ư? Tôi tin các vị đạo hữu, nếu trước kia quý vị còn có nghi hoặc gì, tôi căn cứ theo lời đức Phật nói, tôi căn cứ theo lời dạy trong kinh Hoa Nghiêm, tôi chẳng lừa dối quý vị. Trước hết, quý vị hãy diệt trừ nghi hoặc. Nghi hoặc là một món trong mười món phiền não. Đối với Phật pháp, quý vị đừng nên sanh nghi hoặc. Giả sử quý vị có nghi hoặc, học gì cũng học chẳng vào, thứ gì cũng chẳng đạt được! Nghi là chướng ngại, là nghi hoặc, Hoặc (惑, phiền não) và nghiệp của quý vị khiến cho quý vị hoài nghi. Quý vị đã nhập Phật môn, hãy tin tưởng lời đức Phật dạy. Bất luận đức Phật nói câu nào, trong đầu ta, chẳng có gì là Đại Thừa hay Tiểu Thừa, chẳng cần phân biệt điều ấy. Quý vị niệm một câu A Di Đà Phật là Đại Thừa hay Tiểu Thừa? Có kinh dạy quý vị Vô Thượng Thừa. Nếu quý vị niệm nào cũng “A Di Đà Phật là ta, ta là A Di Đà Phật”, quý vị là Vô Thượng Thừa. Tiểu hay Đại không phải là do đức Phật dạy pháp lớn hay nhỏ, mà là do cái tâm của chúng sanh. Đối với Khổ, tức [Khổ trong] Khổ, Tập, Diệt, Đạo, nếu trong lúc quý vị chịu đựng đôi chút khổ sở vì tai nạn, ngay trong lúc quý vị đang chịu khổ, ý niệm đầu tiên của quý vị là “do nỗi khổ này của ta, nguyện cho chúng sanh đừng phải chịu loại khổ này”, ý niệm đầu tiên là mong cho chúng sanh [đừng phải hứng chịu nỗi khổ ấy], đó chẳng phải là Tiểu Thừa.

Khổ, Tập, Diệt, Đạo, ai cũng biết phải không? Đối với Khổ, tuy ở trong nhân gian cũng khổ, nhưng tâm quý vị chuyển hóa nó, đó là Đại Thừa. Người căn cơ viên mãn thọ pháp, không pháp nào chẳng viên. Đó là bậc đại căn khí viên mãn, người ấy nghe pháp gì cũng đều là viên. Nếu tâm địa của quý vị rất hạn hẹp, đâu là pháp Đại Thừa, quý vị đọc Hoa Nghiêm vẫn chẳng thể liễu sanh tử, ngay cả pháp Tiểu Thừa cũng chẳng phải! Pháp không có cái Thể nhất định. Hết thấy các pháp chẳng phải là Đại, mà cũng chẳng phải là Tiểu; [Đại hay Tiểu] là do cái tâm của chúng

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

sanh. Người căn cơ viên mãn thọ pháp, không pháp nào chẳng viên. Quý vị dùng tâm Tiểu Thừa để thọ pháp, pháp nào cũng là Tiểu Thừa! Đối với pháp gì, quý vị cũng đều hoài nghi, như thế thì pháp gì quý vị cũng chẳng thể nhập được. Nhất định là chớ nên hoài nghi, “*linh ly nghi võng*” (khiến lìa lưới nghi). Nhưng có một điều phân biệt, hãy tin tưởng lời Phật, chẳng vương trong lưới nghi, đừng tin tưởng ai khác, phải tin tưởng Phật. Thông thường, các đạo hữu chúng ta học kinh Lăng Nghiêm, do kinh ấy được năm mươi mấy vị chú giải, ai nấy chấp vào kiến giải của chính mình, giữa người học kinh Lăng Nghiêm với nhau [lại vương vào kiến giải], chính mình lại khiến cho chính mình mờ mịt! Tốt nhất là học theo Phật, đừng để sự nghi hoặc của chính mình gây chướng ngại. Tín tâm tăng trưởng, đối với bất luận một thừa nào, quý vị cũng sẽ đạt được rất nhanh chóng. Đó là [dụng ý] thỉnh Phật của Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Có hay không một phương pháp tốt đẹp như thế, khiến cho hết thảy chúng sanh đều chẳng hoài nghi, khiến cho chướng ngại trong học Phật, chướng ngại trong học pháp, chướng ngại trong tu hành của họ đều bị tiêu trừ, tín tâm vĩnh viễn tăng trưởng, tu bất cứ một thừa nào cũng đều đạt được địa vị Bất Thoái rất nhanh chóng.

Đây là nguyện lực của Kiên Tịnh Tín Bồ Tát; mấy câu ấy chính là nguyện lực của Ngài. Ngài mong đức Phật sẽ nói một phương pháp tốt đẹp như vậy, khiến cho chúng sanh bất thoái, đạt được lợi ích. Nhưng đối với chúng tôi thì cảm nhận về chỗ này, sẽ là như thế này: Mỗi khi tôi nói đến, hoặc nhìn vào chỗ này, [đều nhận thấy] đây chính là cái tâm đại từ đại bi của Bồ Tát. Vì chúng sanh trong đời Mạt Pháp nghi hoặc đặc biệt nhiều, Bồ Tát mới thỉnh cầu đức Phật dạy một phương pháp khiến cho chúng sanh chẳng nghi hoặc. Phương pháp ấy nhằm tiêu trừ nghiệp chướng của chúng ta, là phương pháp tốt nhất, xin đức Phật nói ra. Vì Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thấy bọn chúng sanh chúng ta trong đời Mạt Pháp chuyện gì cũng đều hoài nghi, cũng chẳng phải là họ [vốn ưa] hoài nghi, mà là những chuyện biến trong xã hội khiến cho họ hoài nghi. Kiên Tịnh Tín Bồ Tát vừa thỉnh cầu như vậy, đức Phật liền bảo Bồ Tát.

(Kính) Phật cáo Kiên Tịnh Tín ngôn: “Thiện tai! Thiện tai! Khoái vấn tư sự, thậm thích ngã ý. Kim thử chúng trung, hữu Bồ Tát Ma Ha Tát, danh viết Địa Tạng. Nhữ ưng dĩ thử sự nhi thỉnh vấn chi, bỉ đương vị nhữ kiến lập phương tiện, khai thị, diễn thuyết, thành nhữ sở nguyện”.

(經)佛告堅淨信言：「善哉！善哉！快問斯事，深適我意。今此衆中，有菩薩摩訶薩，名曰地藏。汝應以此事而請問之，彼當爲汝建立方便，開示演說，成汝所願」。

(Kinh: Đức Phật bảo Kiên Tịnh Tín rằng: “Lành thay! Lành thay! Khéo hỏi chuyện ấy, rất vừa ý ta. Nay trong đại chúng này, có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát, tên là Địa Tạng. Ông hãy đem chuyện ấy thưa hỏi Ngài, Ngài sẽ vì ông kiến lập phương tiện, khai thị, diễn thuyết, thành tựu điều ông mong nguyện”).

“*Phật cáo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát*” (Đức Phật bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát): Ngài thỉnh cầu, đức Phật bèn trả lời. Không chỉ trả lời, vì Bồ Tát thỉnh cầu hay quá, cho nên đức Phật mới nói “*thiện tai, thiện tai*”. “*Thiện tai*” (善哉) có nghĩa là “rất tốt”. Ông hỏi rất đúng, hỏi rất khá, rất hợp tâm ý của ta, rất vừa ý ta, đáng tán thán! Tán thán Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hay lắm. Sau khi đã tán thán, đức Phật phải nên nói. Đức Phật chẳng nói, tán thán xong, Ngài lại chẳng nói. Chẳng nói, mà giới thiệu một vị: - Nay trong đại chúng này có một vị Bồ Tát Ma Ha Tát, tên là Địa Tạng. Ông hỏi vấn đề này hết sức hay, hỏi hết sức đúng lúc, nhưng đối với vấn đề ấy, ta giới thiệu một vị sẽ nói cho ông. Trong pháp hội này, có vị đại Bồ Tát tên là Địa Tạng. Ông đem chuyện này hỏi vị ấy, Ngài sẽ dạy cho ông một phương pháp phương tiện thiện xảo lợi ích chúng sanh. Vị ấy sẽ khai thị diễn thuyết, có thể thỏa mãn ý nguyện của ông.

Đây là nói theo Sự. Nếu nói theo Lý, vì sao đức Phật chẳng nói, mà lại bảo Địa Tạng Vương Bồ Tát nói? Quý vị phải xem đến phần kinh nghĩa tiếp theo thì mới biết. Bộ kinh này có tên là Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Đức Phật đã chế giới, chẳng cho phép đệ tử của Ngài bói toán, xú quẻ, phê bát tự, nhất loạt chẳng cho phép, đó gọi là “*tà mạng*”. Bồ Tát hỏi điều này, đức Phật biết vào thời Mạt Pháp, nếu biết đoán mạng, biết phê bát tự, biết đoán quẻ, sẽ rất dễ giúp đỡ người khác, nhưng kẻ khác sẽ dùng chuyện ấy vào tà môn. Đối với pháp môn luân Chiêm Sát này, đức Phật biết Địa Tạng Vương Bồ Tát nhất định sẽ nói pháp ấy; cho nên đức Phật nói ngài Kiên Tịnh Tín hỏi rất hay, hỏi rất khéo. Bồ Tát hành phương tiện độ chúng sanh, chẳng giống như đức Phật đã chế giới thì Phật chẳng thể nói. Có hàm nghĩa như thế đó. Hàm nghĩa ấy chẳng phải do đức Phật nói, mà do tôi suy đoán. Vì sao đức Phật chẳng

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

nói, mà lại bảo Địa Tạng Vương Bồ Tát nói? Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy chúng ta chiêm sát mộc luân, sử dụng pháp [chiêm nghiệm] tướng mộc luân. Nói cách khác, trong đó phê bát tự, đoán mạng đều có, trong một trăm tám mươi chín thứ [luân tướng] đều có. Khi giảng đến phần kinh văn tương ứng, tôi sẽ giải thích cho mọi người.

Vị Bồ Tát ấy có tên là Địa Tạng. Đối với danh hiệu Địa Tạng, ở đây, trước hết chúng tôi phải nói ý nghĩa bao hàm trong danh hiệu ấy, đến khi giảng về kinh văn, sẽ chẳng nói nữa. Địa là đại địa. Chúng ta hiểu rõ đại địa; nói theo Lý thì là cái tâm của chúng ta, tức là nói theo pháp môn tâm địa. Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo là pháp môn tâm địa. Kinh Đại Thừa Đại Tập Thập Luân là pháp môn tâm địa, kinh Địa Tạng là pháp môn tâm địa, cả ba kinh ấy đều nhất trí. Vì đại địa bao hàm vô lượng vô biên công đức, các thứ chúng ta ăn mặc, sử dụng, hết thảy cuộc sống và sanh mạng của chúng sanh, toàn bộ xuất phát từ đại địa. Đại địa là cha mẹ lợi ích, nuôi nấng thân thiết nhất của chúng sanh. Vì thế, vị Bồ Tát này có danh hiệu là Địa Tạng. Đại địa chứa đựng vô lượng, tức là gì vậy? Cuộc sống và sanh mạng của chúng sanh. Đọa địa ngục, thì địa ngục này, địa ngục kia, và đại địa có hàm nghĩa giống nhau. Đồng thời, khi giảng kinh Địa Tạng, chúng tôi đã có nói: “*Chẳng có địa ngục*”. Địa ngục đã là chẳng có, vì sao đọa địa ngục? Hễ quý vị phạm tội, liền có [địa ngục], tin nổi hay không? Tôi có thể tỷ dụ đơn giản với mọi người như sau: Nhà tù ở Thổ Thành² có hay không? Bất luận hỏi ai, họ đều nói là có. Quý vị có ở trong đó hay không? Ai đã từng ở đó? Đối với quý vị thì chẳng có! Tôi đã đến đó, pháp sư Tịnh Diệu đưa tôi đến đó nói chuyện với tù nhân. Nhà tù ở Thổ Thành, nhà tù ở Đài Trung, tôi đều đã tới, nhưng tôi chẳng bị giam vào ngục, chẳng bị nhốt trong tù, mà là đến thuyết pháp cho họ. Nhân duyên bất đồng! Tuy [các nhà tù ấy] có, nhưng chẳng liên quan gì tới chúng ta, thì cũng như không có! Chúng ta chẳng làm chuyện gì sai trái, địa ngục là “*duy tâm sở hiện*”. Khi quý vị phạm tội, địa ngục tuyệt đối là có. Quý vị chẳng có chuyện ấy, địa ngục sẽ tuyệt đối chẳng có! Đệ tử Tam Bảo trọn chẳng đọa vào địa ngục, là do sức gia trì của Tam Bảo; nhưng quý vị phá hoại Tam Bảo, xâm phạm Tam Bảo, trái nghịch Tam Bảo, sẽ phải đọa vào đó.

Do vậy, bộ kinh này do Địa Tạng Vương Bồ Tát nói, trong kinh Đại Thừa Đại Tập Thập Luân cũng hỏi pháp như vậy. Khi đó, có một vị

² Thổ Thành là một quận nội thành của thành phố Tân Bắc. Danh xưng này bắt nguồn từ thành lũy đắp bằng đất để phòng ngự tại khu vực này dưới đời Thanh.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

đại Bồ Tát hỏi Địa Tạng Bồ Tát, vị đại Bồ Tát ấy tên là Hải Huệ Bồ Tát. Ngài thấy hết thấy lũ lụt, tận hư không khắp pháp giới đều là lũ lụt. Đồng thời, sau lũ lụt, hoàn toàn trống không. Tất cả lũ lụt trong đại thiên thế giới đều chẳng có, hoàn toàn trống không. Vì sao? Hư Không Tạng Bồ Tát đến. Hư Không Tạng Bồ Tát vừa đến, do thần thông của Ngài hiển hiện, đại địa hoàn toàn trống không. Hải Huệ Bồ Tát đến, toàn thể đại địa là biển, chẳng tổn thương loài người, chẳng nhân chìm mọi người. Điều này được hình dung bằng chuyện Địa Tạng Bồ Tát đến [núi Khur La Đê Da] thì các cõi đất tăng cường hưng thịnh, vật chất sung túc. Đó là do oai lực của Bồ Tát. Tôi nói kèm thêm như thế đó!

(Kinh) Thời, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: “Nhu Lai Thế Tôn, vô thượng đại trí, hà ý bất thuyết, nãi dục linh bí Địa Tạng Bồ Tát nhi diễn thuyết chi?”

(經)時，堅淨信菩薩復白佛言：「如來世尊無上大智，何意不說，乃欲令彼地藏菩薩而演說之？」

(Kinh: Lúc đó, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát lại bạch cùng đức Phật: “Nhu Lai Thế Tôn vô thượng đại trí, do vì lẽ nào chẳng nói, mà muốn Địa Tạng Bồ Tát diễn nói?”)

Đức Phật bảo ngài Kiên Tịnh Tín hỏi Địa Tạng Bồ Tát, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hoài nghi, chẳng vui thích cho lắm! Ngài nói: “Con vốn thỉnh đức Phật nói. Vì sao đức Phật chẳng nói, lại bảo con đến hỏi Địa Tạng Bồ Tát?” Lúc đó, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát lại bạch với đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Ngài là bậc vô thượng đại trí, do vì ý gì mà chẳng nói? Do nguyên nhân nào Ngài chẳng nói cho con? Ngài chẳng nói, mà lại giới thiệu con đến xin Địa Tạng Bồ Tát diễn nói, mong Địa Tạng Bồ Tát diễn nói?” Bồ Tát nầy sanh nghi hoặc. Chúng ta nghe bộ kinh này, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát là tín tâm kiên cố, là Bồ Tát Ma Ha Tát, tức bậc đẳng địa đại Bồ Tát. Ngài thay mặt chúng sanh thỉnh pháp, vì Ngài có tâm đại bi, biết hết thấy chúng sanh đều hoài nghi chuyện này, cho nên thay họ thỉnh pháp từ đức Phật. Đức Phật là bậc Nhất Thiết Trí, Ngài chẳng tự nói, mà còn dạy con đến hỏi một vị Bồ Tát khác là do ý nghĩa nào? Tức là đã hoài nghi, lại còn hoài nghi thêm nữa!

(Kinh) Phật cáo Kiên Tịnh Tín: - Nhữ mạc sanh cao hạ tướng.

(經)佛告堅淨信：「汝莫生高下想。」

(Kinh: Đức Phật bảo Kiên Tịnh Tín: - Ông đừng sanh ý tưởng cao, thấp).

Đức Phật liền bảo ngài Kiên Tịnh Tín, “*Phật cáo Kiên Tịnh Tín: - Mạc sanh cao hạ tưởng*”, [nghĩa là] ông chớ nên cho rằng hết thầy các pháp phải do đức Phật nói. Địa Tạng Bồ Tát và ta giống hệt như nhau, chẳng có cao hay thấp. Phật tức là Địa Tạng, Địa Tạng là Bồ Tát. Bởi lẽ, trong phẩm thứ hai của kinh Địa Tạng đã có chép: Đức Phật bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát đã có thể thành Phật từ lâu, nhưng vì nguyện lực, Ngài muốn độ hết sạch chúng sanh rồi mới chúng Bồ Đề. Mọi người chúng ta đều biết điều này. Trong hội này, đức Phật bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát nói: “Có phải ông cho rằng ta nói mới đúng, còn Địa Tạng Bồ Tát nói sẽ chẳng đúng đó chẳng? Sai mất rồi! Địa Tạng Bồ Tát đã ở địa vị Phật, chớ nên sanh ý tưởng cao, thấp!”

Vì hết thầy chúng sanh chẳng biết sự khác biệt giữa Phật và Bồ Tát, chúng ta cho rằng Phật là cao, Bồ Tát phải thấp hơn một bậc. Đây là tâm lý phàm phu! Chẳng hạn như chúng ta phải thấy Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát như thế nào? Văn Thù Bồ Tát là thầy của bảy vị Phật, bảy vị Phật đều được Ngài dạy bảo, Bồ Tát làm thầy của các Ngài, Bồ Tát thành Phật đã lâu! Lại còn có Quán Thế Âm Bồ Tát, chúng ta thấy Ngài đứng bên cạnh A Di Đà Phật làm thị giả. Quán Thế Âm Bồ Tát thành Phật đã lâu! Đừng sanh ý nghĩ cao, thấp, đừng tưởng Phật là cao, còn Bồ Tát là thấp! Đây là vọng tưởng phân biệt của lũ phàm phu chúng ta, ngay cả Kiên Tịnh Tín Bồ Tát cũng phân biệt kiểu này! [Thật ra], đây là Ngài thị hiện! Nếu Ngài [thật sự] có phân biệt kiểu đó, há còn gọi là Kiên Tịnh Tín ư? Ngài đã thành tựu tâm kiên định, làm gương cho phàm phu.

Nếu như Kiên Tịnh Tín Bồ Tát chẳng hướng về đức Phật thưa với đức Phật như vậy, tâm chúng ta [sẽ thắc mắc]: “Vì sao đức Phật chẳng nói, mà phải tìm một vị Bồ Tát để nói?” Bởi chúng ta cho rằng Phật phải cao hơn Bồ Tát một bậc. Vì chúng ta tu hành phải trải qua các địa vị Bồ Tát thì mới có thể thành Phật. Do có ý tưởng “cao, thấp” ấy, cho nên có ý tưởng chấp trước cao, thấp. Có đôi khi [các vị Bồ Tát] là “*thùy tích*”. Thùy tích (垂跡) là thị hiện sự tu hành nơi Tích Môn của Ngài; khi Ngài nói Tích Môn thì là Bồ Tát, còn nơi Bản Môn thì đã thành Phật. Do vậy, trong kinh Địa Tạng có chép Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài Địa Tạng: “*Ta hoàn toàn không chỉ luôn hiện thân Phật thuyết pháp trong thế giới*

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

này, ta cũng thị hiện thân Bồ Tát, thị hiện làm chúng sanh. Trong chín pháp giới đều thị hiện”.

Do vậy, mọi người chúng ta phải có tư tưởng này, như Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát hóa hiện thành một con lợn. Chuyện này ở Ngũ Đài Sơn, quý vị xem các câu chuyện về Văn Thù Bồ Tát, có câu chuyện về con lợn. Bồ Tát hóa hiện thành con lợn ấy. Vì sao biết là Văn Thù Bồ Tát hóa hiện thành con lợn ấy? Có một vị lão tu hành, đến núi triều bái Ngũ Đài Sơn. Khi vị đó sắp xuống núi, bỗng gặp một cụ già chặn đê. Cụ già chặn đê đưa cho ông ta một phong thư, nói: “Ông cầm phong thư này, trên đường thì giao cho người nọ, chuyển thư giùm tôi”. Người đó nhận lấy thư, tiếp nhận sự nhờ cậy của cụ già. [Cụ già căn dặn]: “Trên đường, ông nhất định sẽ gặp!” Người ấy hỏi địa chỉ, [cụ già bảo] “không có địa chỉ, nghe người ta gọi đúng tên thì giao cho người ấy”. Sau đó, đưa cho người ấy phong thư, dặn ông ta đến nơi đó v.v... Thật ra, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát thị hiện thành một con lợn. Đến nơi ấy, người đó cầm phong thư, nghe chủ nhân của con lợn gọi đúng tên, người ấy thấy đó là một con lợn. Vị lão hòa thượng ấy nghĩ: “Mặc kệ nó là lợn hay là người, cứ giao cho nó là được”. Sư giao thư cho con lợn tên Bột Hà ấy, cũng chẳng biết là có đọc hay không. Con lợn liền đứng thẳng lên. Lợn vốn có bốn chân, nó đứng thẳng trên hai chân sau rồi chết. Con lợn ấy là do Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát hóa thân. Lão hòa thượng [chặn đê] trên núi cũng là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát hóa thân, [gởi thư] dặn: “Hãy nên trở về”. Người khác mở thư ra xem, chỉ thấy trong thư có bốn chữ “*hãy nên trở về*”. Con lợn ấy vừa đứng lên liền chết, cho thấy đây là thánh cảnh. “*Thánh cảnh*” là cảnh giới do thánh nhân thị hiện. Cảnh gì, thân phận gì Ngài cũng đều hiện, hóa hiện. Hóa hiện chẳng phải là chân thật; nếu chân thật thì là [tác dụng của] nghiệp.

Do vậy, đức Phật bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: “*Ông đừng nên sanh ý tưởng cao hay thấp*”, có nghĩa là các đạo hữu chúng ta chớ nên sanh ý tưởng cao, thấp. Nay tôi giảng kinh Chiêm Sát Nghiệp Báo, nhưng các đạo hữu ngồi dưới, không chừng còn giảng hay hơn tôi rất nhiều. Đừng nên sanh ý tưởng cao, thấp, mà hãy bình đẳng.

(Kinh) Thử thiện nam tử phát tâm dĩ lai, quá vô lượng, vô biên bất khả tư nghị A-tăng-kỳ kiếp, cứu dĩ năng độ Tát Bà Nhã hải, công đức mãn túc, dẫn y bốn nguyện tự tại lực cố, quyền xảo hiện hóa, ảnh ứng thập phương.

(經)此善男子發心已來，過無量無邊不可思議阿僧祇劫，久已能度薩婆若海，功德滿足，但依本願自在力故，權巧現化，影應十方。

(Kinh: Vị thiện nam tử này kể từ phát tâm đến nay, đã trải qua vô lượng, vô biên chẳng thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp, đã có thể vượt biển Nhất Thiết Trí từ lâu, công đức trọn đủ, chỉ do nương vào sức bốn nguyện tự tại, mà quyền xảo hóa hiện, in bóng trong mười phương).

Đức Phật liên bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: - Vị thiện nam tử này. “Thiện nam tử” là nói đến ai? Chính là nói Địa Tạng Bồ Tát. Đức Phật giới thiệu Địa Tạng Bồ Tát, bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát đừng nên sanh ý tưởng cao, thấp. Ông có biết Địa Tạng Bồ Tát là như thế nào hay không? Vị thiện nam tử ấy kể từ lúc phát Bồ Đề tâm cho tới nay, đã trải qua vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn A-tăng-kỳ kiếp. Nói “vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp”, lại còn thêm “chẳng thể nghĩ bàn”, tức là chẳng có tương thời gian, lâu xa lắm! Ngài đã có thể vượt biển Tát Bà Nhã (Sarvajña) từ lâu, tức là đã sớm thành Phật. Biển Nhất Thiết Trí, Tát Bà Nhã dịch thành Nhất Thiết Trí. Biển Nhất Thiết Trí, công đức trọn đủ. Vì sao Ngài còn chưa thành Phật? Do nương theo sức bốn nguyện, Ngài tự tại. Vì nguyện lực của Ngài là độ hết chúng sanh rồi mới chứng Bồ Đề. Tôi nghĩ các đạo hữu đều nhớ hai câu sau đây: “Địa ngục bất không, thế bất thành Phật” (Địa ngục chẳng trống, thế chẳng thành Phật). Hai câu nói ấy, tôi giải thích như thế nào? Mọi người giải thích như thế nào? Tôi giải thích để mọi người xem có đúng hay không nhé! Địa ngục vốn là không, ngài Địa Tạng đã thành Phật từ lâu. Phật, Bồ Tát thị hiện các loại thân; do vậy, Ngài đáng nên dùng thân Bồ Tát để độ, bèn thị hiện làm Bồ Tát. Mọi người thấy hết thấy các vị Bồ Tát, đều mặc y phục tại gia, để tóc, đeo chuỗi anh lạc, khắp thân là châu báu, mười phần sang quý. Vị Bồ Tát nào mà chẳng sang quý vẹn mười? Các thứ báu ấy đều là chất báu vô giá, sợ rằng chúng ta có mua cũng chẳng mua nổi, chẳng phải là các thứ báu trong nhân gian!

Vì sao Địa Tạng Bồ Tát cạo đầu? Trong các vị Bồ Tát, chỉ có Địa Tạng Bồ Tát hiện thân tỳ-kheo, điều này tốt bậc đặc thù! Do vậy, đoạn văn này là một chứng cứ rõ rệt. Ngài nương theo sức bốn nguyện mà hóa hiện, đừng coi đó là chân thật! Địa Tạng Bồ Tát từ lúc phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo, đã trải qua thời gian chẳng có cách nào tính toán được.

A-tăng-kỳ (Asāṃkhyā) là Vô Ương Số (無央數), tức là “chẳng có con số [nào để tính toán nổi]”. Con số không thể tính toán nổi ấy lại trải qua vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, sẽ là thời gian chẳng thể nào tính toán được! Vì trong sự thị hiện của hết thảy các vị Bồ Tát, khi thị hiện, mục đích là làm như thế nào để chúng sanh đạt được lợi ích, có thể độ chúng sanh, coi điều đó là chánh yếu. Do vậy, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ở Ngũ Đài Sơn thân gì cũng đều hiện. Như vừa rồi tôi mới nhắc đến chuyện Ngài hiện làm lợn, đó chẳng phải là người! Ngài cũng có thể hiện làm lợn, hiện làm hết thảy chúng sanh. Vì sao Ngài phải hiện làm lợn? Đương nhiên là có chú giải cho biết: Như tôi vừa mới nói con lợn ấy tên là Bột Hà. Chủ nhân Bột Hà đối với nó đặc biệt, đặc biệt cung kính Bột Hà, chỗ ăn ở đều quét tước sạch sẽ. Người chủ đó nuôi rất nhiều lợn, lợn được nuôi vừa mập lại béo. Muốn giết con lợn nào, Bột Hà liền đi quanh nó một vòng, con lợn ấy liền bước ra, để cho người ta giết, có thứ tự. Chuyện này chẳng thể nghĩ bàn! Câu chuyện ấy còn rất dài, tôi đây giới thiệu giản lược đôi chút!

(Kinh) Tuy phục phổ du nhất thiết sát độ, thường khởi công nghiệp, nhi u ngũ trược ác thế, hóa ích thiên hậu, diệc y bốn nguyện lực sở huân tập cố, cập nhân chúng sanh ung thọ hóa nghiệp cố dã. Bỉ từng thập nhất kiếp lai, trang nghiêm thử thế giới, thành thực chúng sanh. Thị cố, tại tư hội trung, thân tướng đoan nghiêm, oai đức thù thắng, duy trừ Như Lai, vô năng quá giả. Hựu u thử thế giới, sở hữu hóa nghiệp, duy trừ Biến Cát, Quán Thế Âm đẳng, chư đại Bồ Tát giai bất năng cập. Dĩ thị Bồ Tát bốn thế nguyện lực, tốc mãn chúng sanh nhất thiết sở cầu, năng diệt chúng sanh nhất thiết trọng tội, trừ chư chướng ngại, hiện đắc an ổn.

(經)雖復普遊一切刹土，常起功業，而於五濁惡世，化益偏厚，亦依本願力所熏習故，及因衆生應受化業故也。彼從十一劫來，莊嚴此世界，成熟衆生。是故，在斯會中，身相端嚴，威德殊勝，唯除如來，無能過者。又於此世界，所有化業，唯除遍吉，觀世音等，諸大菩薩皆不能及。以是菩

薩本誓願力，速滿衆生一切所求，能滅衆生一切重罪，除諸障礙，現得安隱。

(Kinh: Tuy lại đạo khắp hết thấy các cõi, thường dấy lên công nghiệp, nhưng đặc biệt chú trọng giáo hóa, lợi ích [chúng sanh] trong đời ác ngũ trược, cũng nương theo sức bốn nguyện huân tập, và cũng do nghiệp của chúng sanh đáng tiếp nhận sự giáo hóa, mà từ mười một kiếp đến nay, Ngài trang nghiêm thế giới này, thành thực chúng sanh. Do vậy, trong hội này, Ngài thân tướng đoan nghiêm, oai đức thù thắng, chỉ trừ Như Lai, chẳng có ai hơn được! Lại nữa, sự nghiệp giáo hóa của Ngài trong thế giới này, chỉ trừ các vị như Biến Cát, Quán Thế Âm v.v... chứ các vị đại Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng. Do sức bốn thế nguyện mà vị Bồ Tát ấy có thể nhanh chóng thỏa mãn hết thấy các điều mong cầu của chúng sanh, có thể diệt hết thấy trọng tội của chúng sanh, trừ các chương ngại, khiến cho họ được an ổn trong hiện tại).

Đức Phật bảo: Tuy Địa Tạng Bồ Tát thị hiện trong hết thấy cõi Phật, đạo khắp hết thấy các cõi nước, “*thường khởi công nghiệp*” tức là nói Địa Tạng Bồ Tát hóa hiện không ngăn mé, không xú sở. Hay nói cách khác, trong đời ác ngũ trược, Ngài ở trong cõi này, tức thế giới Sa Bà mà chúng ta đang ở, do duyên hóa độ chúng sanh đặc biệt sâu nặng. Nhất là do sức bốn nguyện, sức phát nguyện huân tập của Ngài, bằng lòng chịu khổ thay cho chúng sanh, thị hiện giống như chúng sanh. Vì thế, chúng ta thấy kinh Địa Tạng nói Địa Tạng Bồ Tát hóa hiện các thân còn nhiều hơn nhân loại trong thế giới này, vô cùng, vô tận. Ngài tới vô lượng thế giới, nhưng do nguyện lực của Ngài huân tập, thị hiện các thứ tướng của các loại chúng sanh, không nhất định đều là tướng Bồ Tát như trong hiện tại. Ngài đến địa ngục liền hiện tướng địa ngục. Ngài cảm ứng đến mức độ nào? Giống như các đạo hữu chúng ta, đối với Địa Tạng Bồ Tát có cảm, hễ cầu bèn có cảm. Tôi kể một câu chuyện cảm ứng từ sách Địa Tạng Cảm Ứng Lục.

Một người thợ mộc đi đường, thấy trong một cái lều gỗ mục nát có một cây côn, tức là giống như gậy chống. Ông ta nói cây côn này rất lạ, cầm lên nhìn: Đầu cây côn có khắc hình tướng, nhìn chẳng ra hình tướng gì, đen thùi lùì. Ông ta bèn nhặt cây gậy đem về, dựng ở đầu giường. Ông ta xem xét mỗi ngày, cảm tình thì chẳng có cảm tình gì, mà tôn kính cũng chẳng tôn kính chi cả! Cũng chẳng biết là gì, chỉ cảm thấy cây mộc côn ấy

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

khác thường, nhân duyên như thế đó. Ông ta do nghiệp báo bị bệnh ngặt. Bệnh ngặt đại khái là do ác nghiệp trót tạo đã chín muồi, bị bắt xuống địa ngục. Đã xuống địa ngục, ông ta thấy một vị xuất gia, tức hòa thượng đến đó. Diêm vương gia vừa thấy vị hòa thượng đó đến, liền xuống khỏi ngai vàng, đánh lễ vị hòa thượng ấy. Ông ta thấy vị hòa thượng ấy dường như rất quen thuộc, nhưng lại không nhận biết, chẳng hiểu rõ là chuyện như thế nào? Lại thấy vị hòa thượng đó nói với vua Diêm La mấy câu, hòa thượng rời đi. Diêm vương gia liền bảo ông ta: “Do Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo ta, ông là hộ pháp của Ngài, ta thả ông trở về. Sau này, ông hãy gắng tu hành”. Người ấy giống như nằm mộng. Cho đến khi bình phục, ông ta nói: “Dường như tôi chưa hề tiếp xúc vị hòa thượng đó, vì sao Ngài lại cứu tôi?” Bỗng nhiên, ông ta nhìn thấy trên đầu cây gậy ấy có hình tướng của vị hòa thượng đó. Ái chà! Giống hệt như vậy! Lúc đó, ông ta không coi là cây gậy nữa, liền đem thờ phụng. Do ông ta có nhân duyên với Địa Tạng Vương Bồ Tát như vậy, Địa Tạng Vương Bồ Tát cứu ông ta. Chúng ta ngẫm xem, các đạo hữu chúng ta đọc Địa Tạng Tam Kinh, Địa Tạng Bồ Tát có cứu chúng ta hay không? Trong khi quý vị niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, hành theo, quý vị vĩnh viễn nghĩ tới Ngài, sẽ vĩnh viễn chẳng đọa vào tam ác đạo.

Tập 3

Có vị đạo hữu hỏi: “Đức Phật từng chế giới, đệ tử Phật không được tập luyện những chuyện bói toán v.v... Cho nên thỉnh Địa Tạng Bồ Tát tuyên nói. Đức Phật cũng chế giới đệ tử không được phô bày thân thông với người khác. Chỉ có kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo này, vừa mở đầu, đức Phật dùng sức thần thông, phô bày một đạo tràng rộng rãi, trang nghiêm, thanh tịnh, vô ngại. Trong ấy ắt có thâm nghĩa, kính mong lão pháp sư từ bi khai thị”.

Trong Địa Tạng Vương Bồ Tát Tam Kinh, toàn bộ đều là hiển lộ thần thông. Mọi người biết khi đức Phật nói kinh Địa Tạng, chẳng phải ở trong nhân gian, mà là tại Đạo Lợi Thiên. Hơn nữa, khi đức Phật nói kinh Địa Tạng, không có Thanh Văn, không có La Hán, toàn là đại Bồ Tát. Từ phẩm thứ Nhất là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cho đến phẩm thứ Mười Ba là Hư Không Tạng Bồ Tát; đây là kinh Địa Tạng. Kinh ấy toàn là Bồ Tát, chẳng có A La Hán. Đức Phật chế giới là pháp Thanh Văn. Tôi nghĩ mọi người đã đều cùng thọ tam đàn đại giới, cùng thọ một lúc, Bồ Tát Giới dạy chúng ta điều gì? Bồ Tát Giới nhằm trị tâm, nhưng chúng ta ở Đông

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Độ, ở trong quốc độ này, tam đàn đại giới cùng thọ một lúc. Trong tất cả tứ chúng đệ tử chúng ta, có rất nhiều vị đã thọ Bồ Tát Giới, nhưng hằng ngày đều phạm. Chúng ta có trì được Bồ Tát Giới hay không? Đó là tâm, tâm giới! Chỉ cần quý vị vừa khởi tâm động niệm là đã phạm giới. Chúng ta lại còn thọ đều là mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh, tức là giới do Báo Thân Phật nói với Hóa Thân Phật, nói trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Tỳ Lô Giá Na Phật nói với trăm ngàn vị Thích Ca Phật. Trăm ngàn ức vị Thích Ca lại nói Bồ Tát Giới cho trăm ngàn vị Thích Ca Phật, trăm ngàn ức vị Thích Ca Phật hạ sanh trong nhân gian đều ở trong các quốc độ nói Bồ Tát Giới. Chư vị đạo hữu lý giải điều này như thế nào? Vì thế, đức Phật chế giới “chẳng cho phép các đệ tử Phật dùng thần thông hiển lộ cho người khác”, đó là giáo nghĩa Tiểu Thừa. Giáo nghĩa Đại Thừa thì toàn là Bồ Tát. Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát ở Ngũ Đài Sơn thường hiện thần thông. Cho nên phải dùng tâm Bồ Tát để học pháp Bồ Tát. Đây là một việc.

Nhưng do danh tự của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, mọi người thấy giống như bói toán, chẳng phải vậy! Chờ cho đến khi chúng tôi giảng giải kinh văn, quý vị sẽ lý giải cặn kẽ. Quý vị phải lạy Chiêm Sát Sám thì mới có thể dùng Chiêm Sát Luân. Lạy Chiêm Sát Sám tức là lạy mười phương chư Phật, quý vị lạy Chiêm Sát Sám sẽ đạt được luân tướng thanh tịnh. Mục đích của việc sử dụng Chiêm Sát Luân là để đạt được luân tướng thanh tịnh. Đã đạt được luân tướng thanh tịnh, quý vị mới có thể tu hai thứ quán đạo nơi cảnh giới Nhất Thật. Khi quý vị quán Thật Tướng, quán Thật Tướng của các pháp đều là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, nghe danh từ ấy dường như là hình tướng chiêm bôc (占卜, bói toán, xử quẻ), chẳng phải vậy! Sai mất rồi, quý vị đã suy nghĩ sai mất rồi. Quý vị nghe xong kinh Chiêm Sát liền hiểu rõ, phải lạy mười phương chư Phật, lạy mười phương hết thấy các vị Bồ Tát, lạy mười phương tôn pháp, lạy mười phương hết thấy hiền thánh Tăng. Đó gọi là Chiêm Sát Sám Pháp. Khi quý vị dùng Chiêm Sát Luân, chờ cho đến khi quý vị nghe kinh xong, sẽ hiểu, chẳng phải là tùy tiện, chẳng phải là xử quẻ, phê bát tự, hoàn toàn khác hẳn!

Đối với danh từ Chiêm Sát, chiêm sát (占察, chiêm nghiệm, xem xét) gì vậy? Nghiệp báo thiện ác. Lại nữa, khi nói pháp này, trong phần trước, mọi người cũng đã nghe một đoạn Tự Phần, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hướng về đức Phật thỉnh cầu, Ngài nói trong thời kỳ Mật Pháp, tư tưởng [của chúng sanh] hết sức hỗn loạn, tâm chúng sanh hết sức loạn, chẳng

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

biết làm như thế nào cho tốt? Đúng là trong [khi bị vây hãm bởi] nghiệp chướng, bất luận quý vị tu pháp nào, thành tựu cũng đều rất ít. Tôi nói lời này, chẳng phải là tùy tiện nói. Tôi xuất gia đến nay đã tám mươi năm, chính tai nghe thấy “vị này đã đắc đạo, vị kia đã chứng quả” thì trong thế gian Mật Pháp này, quả thật chẳng có! Đừng nói là trong thời kỳ hiện tại, ngay trong thời Ngẫu Ích đại sư, tức là cuối đời Minh, mấy trăm năm trước, Ngài muốn thọ giới tỳ-kheo. Ngài quan sát Nam Diêm Phù Đề (thế giới này của chúng ta), muốn thỉnh năm vị tỳ-kheo thanh tịnh để thọ giới tỳ-kheo, chẳng làm được, tuyệt đối chẳng có. Vì thế, Ngài tìm kiếm trong Đại Tạng Kinh cách nào để có thể đạt được giới thanh tịnh, cho nên mới tìm thấy kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Ngẫu Ích đại sư nghiên cứu, học vấn hết sức nghiêm cẩn, lẽ nào Ngài đề xướng bói toán, phê bát tự ư? Chẳng thế nào! Lại nữa, mấy trăm năm sau Ngẫu Ích đại sư, không có ai đề xướng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Pháp sư Hoàng Nhất kế thừa Ngẫu Ích đại sư, hoằng dương kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, vì Ngẫu Ích đại sư chẳng thể chế ra Chiêm Sát Luân. Ngài không có tài khéo ấy, bèn dùng giấy viết thành các lá thăm để bắt thăm, khác với pháp sư Hoàng Nhất. Pháp sư Hoàng Nhất học nghệ thuật. Do vậy, Ngài làm một bộ Chiêm Sát Luân gồm mười chín thứ nghiệp báo. Mười chín thứ ấy bao gồm căn bản vô minh.

Hàng Nhị Thừa có biết đoạn vô minh hay chẳng? Chẳng biết! Không chỉ chẳng phải là pháp Tiểu Thừa, mà cũng chẳng phải là pháp Đại Thừa bình phàm! Như vậy thì mọi người sẽ hiểu rõ vì sao nói kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, khiến cho tín tâm của chúng ta kiên định. Kiên định vẫn chưa được, còn phải là thanh tịnh tín. Thanh tịnh tín thì không chỉ đoạn sạch Kiến Tư phiền não, mà còn là đoạn vô minh. Kiên Tịnh Tín Bồ Tát là bậc đại Bồ Tát trong các vị Bồ Tát. Ngài đoạn dứt vô minh, chẳng phải là Bồ Tát bình phàm. Vì thế, các đạo hữu chúng ta học bộ kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo này, phải coi đây là pháp Bồ Tát để học. Hơn nữa, [các đại chúng] nghe kinh trong pháp hội này, chẳng có Thanh Văn, chẳng có A La Hán. Mười sáu vị đại đệ tử thường tùy của đức Phật, chẳng hiện diện một vị nào. Trong [đại chúng nghe pháp của] Địa Tạng Tam Kinh, không có A La Hán, toàn là đại Bồ Tát. Vì thế, khi mọi người học, phải sanh khởi cảm giác thù thắng.

Vì cõi này hoằng dương kinh Địa Tạng, thưở đầu còn có quan niệm sai lầm, nói Địa Tạng Bồ Tát là giả, chẳng tin tưởng! Nhưng chúng ta có Cửu Hoa Sơn, Địa Tạng Bồ Tát hiện thân vào đời Đường, chẳng phải giả! Đối với tứ đại danh sơn, đệ tử Phật chúng ta, bất luận tại gia hay xuất gia,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

đều tốt bậc tôn kính. Mọi người đều biết, Cửu Hoa Sơn là nơi Địa Tạng Vương Bồ Tát thị hiện thánh tích. Trên đỉnh Cửu Hoa Sơn là nơi Địa Tạng Vương Bồ Tát lễ kinh Hoa Nghiêm. Tảng đá in hai dấu chân Ngài đứng vẫn còn đó, tôi nghĩ ai đã triều bái Cửu Hoa Sơn đều trông thấy. Tôi rất may mắn, năm 1931, khi triều bái Cửu Hoa Sơn, họ mở tháp của Địa Tạng Bồ Tát trên Cửu Hoa Sơn: [Nhục thân của] một vị lão hòa thượng đã viên tịch hơn một ngàn năm như vậy, tóc vẫn mọc dài, móng tay vẫn mọc dài. Cứ sáu mươi năm mở tháp một lần, cắt một lần. Mỗi lần cắt là sáu mươi năm, mỗi lần đều đặt tại đó, không có ai dám động vào, chẳng cho phép ai lấy đi. Nhưng khi cắt, sẽ đem kéo cắt móng tay và các dụng cụ chỉnh gọn [râu tóc tai, móng tay, móng chân đã dùng trong lần trước] lấy ra, đổi thành một bộ mới để vào đó. Tôi tự mình thấy như thế đó vào năm 1931. Đợi cho đến năm 1991, tôi lại đến, chẳng mở tháp nữa, [chánh quyền Hoa Lục] không cho mở tháp nữa, phong kín luôn. Đấy đều là sự thật, đó là hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát.

Trong kinh này, khi Kiên Tịnh Tín Bồ Tát xin đức Phật chỉ dạy, đức Phật lại tán thán Kiên Tịnh Tín Bồ Tát. Đã tán thán xong, đức Phật nên nói, nhưng Ngài chẳng nói. Vừa rồi, có một đạo hữu hỏi tôi “đức Phật chế giới cấm, không cho đệ tử Phật xem quẻ, bói toán”, vậy thì đức Phật lại nói pháp chiêm sát sẽ chẳng hợp cho lắm. Bồ Tát thì có thể, Bồ Tát có thể nói, [Do vậy bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát] ông hãy thỉnh cầu một vị Bồ Tát Ma Ha Tát trong hội này, tức Địa Tạng Vương Bồ Tát. Trong hội này, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi hiện diện, Văn Thù và Phổ Hiền đều hiện diện. Vì sao đức Phật chỉ định Địa Tạng Bồ Tát nói? Mọi người phải tham cứu điều này, tôi không nói rõ cho mọi người. Mỗi người quý vị phải tự mình tham cứu do nguyên nhân gì, tôi chỉ giải thích đại lược đôi chút như thế. Hàm nghĩa trong mục đích giải thích tuyệt đối là thù thắng.

Kinh này được phiên dịch truyền đến Đông Độ [bởi ngài Bồ Đề Đãng³], tuy Ngẫu Ích đại sư hoàng dương, Ngài hoàn toàn chẳng giảng, pháp sư Hoằng Nhất cũng chẳng giảng. Ngẫu Ích đại sư viết chú giải cho kinh Chiêm Sát, pháp sư Hoằng Nhất chế tạo Chiêm Sát Luận. Chiêm Sát

³ Không có tài liệu nào nói về tiểu sử của vị pháp sư dịch kinh này. Theo Đại Châu San Định Chúng Kinh Mục Lục thì Ngài đến Trung Hoa vào đời Tùy. Sở dĩ gọi là Đại Châu vì lúc này Vũ Tắc Thiên cướp ngôi nhà Đường, xưng quốc hiệu là Đại Châu. Sách được biên soạn vào năm Thiên Sách Vạn Tuế nguyên niên (695) nhà Đại Châu của Vũ Tắc Thiên, do một nhóm hơn bảy mươi vị sa-môn, đứng đầu là ngài Minh Thuyên chủ trì công tác biên soạn. Sau đó, các vị cao tăng thời ấy như Nghĩa Tịnh, Bồ Đề Lưu Chí v.v... đều tham gia biên tập, nên dữ liệu trong sách khá đáng tin.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Luân Tướng gồm mười chín luân tướng do pháp sư Hoàng Nhất làm ra. Pháp sư Hoàng Nhất bảo tôi hãy giảng giải; thoát đầu, tôi cũng chẳng giảng. Sau khi đến Mỹ, tôi và pháp sư Hoàng Giác hai người chúng tôi đến Mỹ. [Thầy Hoàng Giác nói]: “Thầy giảng kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, giảng các bộ đại kinh không có ai nghe. Con nghĩ hãy nên giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo”. Nói đến duyên phận thì rất tốt. Khi quay về, ở Đài Loan, chúng tôi bắt đầu làm Chiêm Sát luân tướng. Ở Đài Loan, tôi bắt đầu làm Chiêm Sát luân tướng cho cư sĩ Vương Thục Phân ở Phương Quảng, dần dần mới phổ biến rộng khắp. Tôi cũng chẳng giảng được mấy lần! Năm 1989, giảng một lần tại Nữ Uớc, năm 1999 giảng một lần tại Ngũ Đài Sơn. Lần này họ mời tôi đến đây giảng, năm nay là năm 2009. Đại khái [mỗi lần giảng] cách nhau mười năm. Cứ mỗi mười năm giảng một lần, cũng chỉ giảng ba lượt. Nhân duyên giống như thế, chính tôi cũng không hiểu. Dầu sao chẳng có duyên, sẽ chẳng thể thành. Các pháp do nhân duyên sanh, chẳng có duyên khởi, nếu quý vị giảng, ai sẽ nghe quý vị nói? Phật pháp mà không có người thính, sẽ chẳng thể tùy tiện nói. Tôi muốn giảng, quý vị muốn giảng điều gì thì có người thính quý vị hay không? Mọi người hãy ngẫm xem, người ta thính quý vị nói kinh gì đó, đầy gọi là “có duyên”, quý vị bèn thuận theo, ứng duyên mà! Cũng có khi có duyên thính, mà chẳng ứng, do cái nhân chẳng chín muồi. Lần này, tôi ở Ngũ Đài Sơn, năm trước bị bệnh rất nặng, thân thể vừa đỡ hơn một chút, tôi đến Thái Nguyên. Đã đến Thái Nguyên, cảm thấy khỏe hơn đôi chút, tôi nói: “Hãy nên sang Đài Loan trước!” Vì thế, mới bắt đầu sang Đài Loan. Tôi do bệnh mà sang Đài Loan, gặp mấy vị thính cầu tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, tôi cảm thấy rất thù thắng. Vì chỉ có ở Đài Loan, Chiêm Sát Luân của chúng tôi mới được lưu truyền rất nhiều. Hiện thời, tại Đại Lục cũng rất phổ biến, nhưng chúng tôi khởi xướng bắt đầu từ Đài Loan. Tuy đã giảng tại Nữ Uớc, nhưng không làm [luân tướng]. Ở Ngũ Đài Sơn thì chỉ giới hạn trong chùa Ngũ Đài Phổ Thọ, chẳng tuyên truyền ra ngoài. Đây là lần thứ ba, là lần giảng gần nhất.

Nay chúng tôi giảng tiếp phần đang nói hôm trước. *“Tuy phục phổ du nhất thiết sát độ, thường khởi công nghiệp, nhi ư ngũ trược ác thế, hóa ích thiên hậu, diệc y bổn nguyện lực sở huân tập cố, cập nhân chúng sanh ưng thọ hóa nghiệp cố dã”* (Tuy lại đạo khắp hết thảy các cõi, thường dấy lên công nghiệp, nhưng đặc biệt chú trọng giáo hóa, lợi ích trong đời ác ngũ trược, cũng nương theo sức bổn nguyện huân tập, và cũng do nghiệp của chúng sanh đáng tiếp nhận sự giáo hóa). Trong đoạn này, đức Phật

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

hướng về Kiên Tịnh Tín Bồ Tát tán thán Địa Tạng Vương Bồ Tát, nói nguyện lực của Địa Tạng Vương Bồ Tát đặc biệt to lớn. Chúng ta đều biết Đại Nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát, “*nguyện lực lớn*” là hóa độ hết thảy chúng sanh, chủ yếu là hóa độ chúng sanh trong địa ngục. “*Địa ngục chẳng trống, thế chẳng thành Phật*” chính là nguyện lực to lớn của Ngài, nêu rõ Địa Tạng Vương Bồ Tát ở trong hết thảy các quốc độ, không chỉ trong thế giới Sa Bà này, mà là trong hết thảy các cõi nước của Phật, Ngài đều lợi ích chúng sanh. Ngài không có quan niệm quốc tịch, không có quan niệm địa vực, chẳng phân biệt đối với chúng sanh. Công trạng của Ngài, tức công trạng lợi ích chúng sanh, được gọi là Công. Nghiệp là nói đến Tác Ý của Ngài, vì Ngài tác ý mà phát khởi hết thảy công đức. Tác ý mong lợi ích hết thảy chúng sanh, làm hết thảy các sự nghiệp cứu độ chúng sanh, kiến lập sự nghiệp cứu độ hết thảy chúng sanh.

Đặc biệt là trong hiện thời, thế giới này của chúng ta được gọi là “*ngũ trược ác thế*”, mọi người đều biết chuyện này. Mỗi vị đạo hữu đều cảm nhận hiện thời chúng ta đang ở trong tình huống nào! Thân hứng chịu, hoàn cảnh quý vị gặp gỡ là tình huống gì, đó gọi là “*huân tập nghiệp*”. Luận Đại Thừa Khởi Tín nói có hai loại huân tập:

- Một là thiện huân tập các ác nghiệp của quý vị, chuyên ác nghiệp thành thiện nghiệp.

- Loại thứ hai là ác nghiệp huân tập thiện nghiệp, thiện đều biến thành ác.

Tôi chẳng cần nói cặn kẽ điều này, mọi người đều đích thân ở trong ấy, quý vị cảm nhận, tận mắt thấy, chính mình nghe thấy. Hiện thời, thế giới này của chúng ta là thế giới gì? Tôi nghĩ quý vị đều biết, tôi chẳng nói cặn kẽ. Thế giới này chính là ngũ trược ác thế, chẳng phải là nơi tốt đẹp. Ở trong thế giới này độ chúng sanh, nguyện lực lớn nhất, mọi người đều biết hai vị đại Bồ Tát đặc biệt nổi bật là Quán Âm và Địa Tạng. Mọi người triều bái Cửu Hoa Sơn, triều bái Ngũ Đài Sơn. Bảy mươi năm trước, hiện tượng tại Cửu Hoa Sơn khi tôi triều bái, chẳng giống như hiện tượng hiện thời! Rặng Cửu Hoa Sơn khởi đầu từ huyện Thanh Nguyên tỉnh An Huy, dọc theo con đường toàn là người tàn phế mãi cho đến trên núi, cụt tay, khuyết chân, mù mắt, toàn là sáu căn chẳng vẹn toàn. Khắp cả núi đều là [kẻ tàn phế], chẳng biết vì sao có hiện tượng ấy! Khi đó, tôi chẳng hiểu Phật pháp, mới xuất gia chưa lâu. Sau đó, lại học Phật pháp, học kinh Địa Tạng mới biết: Đó chính là tướng địa ngục. Do vậy, Địa Tạng Bồ Tát độ địa ngục chúng sanh, chẳng phải là độ trong địa ngục, mà là địa ngục trong nhân gian! Hiện thời, Cửu Hoa Sơn chẳng có hiện tượng

này, đã trừ sạch, chẳng cho phép có hiện tượng ấy. Nhưng sự thật rất ráo là có, trong cõi đời ác ngũ trược này, Địa Tạng Vương Bồ Tát lần này thị hiện thân này, lần sau thị hiện thân kia, tại Cửu Hoa Sơn [có thể thấy] rất rõ rệt, các hóa thân khác của Địa Tạng Bồ Tát rất nhiều. Các câu chuyện [về những thân thị hiện của Bồ Tát] cũng rất u là nhiều!

Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Địa Tạng Vương Bồ Tát từ mười một kiếp đến nay, ở trong thế giới này độ chúng sanh không cách, tới trang nghiêm thế giới này, lợi ích chúng sanh, thành thực chúng sanh. Quý vị chẳng thấy, Địa Tạng Bồ Tát ở trong hội này, thân tướng đoan nghiêm, oai đức thù thắng, “*duy trừ Như Lai, vô năng quá giả*” (chỉ trừ Như Lai, không ai có thể hơn được), có nghĩa là trừ có ta (Phật) thì mới có thể sánh bằng Ngài, mới có thể hơn Ngài được! Chỉ trừ Như Lai, hết thấy các vị Bồ Tát khác đều chẳng có oai đức sâu nặng như Địa Tạng Bồ Tát. [Nói những điều này để] hình dung tán thán Địa Tạng Bồ Tát từ nhiều kiếp lâu xa tới nay, trong thế giới này độ chúng sanh chẳng phải là một hai ngày, Ngài đã độ suốt mười một kiếp. Một kiếp là thời gian dài cỡ nào? Kể từ khi thọ mạng của con người là mười tuổi, cứ mỗi một trăm năm lại tăng thêm một tuổi, tăng cho đến khi con người sống thọ tám vạn bốn ngàn năm. Trải qua tám vạn bốn ngàn một trăm năm, tức là khi [thọ mạng] đã đạt đến tám vạn bốn ngàn năm, cứ mỗi một trăm năm sau lại giảm bớt một tuổi, giảm cho đến khi thọ mạng của loài người chỉ là mười năm. Chu kỳ một tăng một giảm như vậy được tính là một kiếp. Nguyên gốc trong tiếng Ấn Độ là Kiếp Ba (Kalpa). Kiếp Ba dịch sang tiếng Hán là Thời Phần (時分). Đó là một khoảng thời gian trong dòng thời gian. Khoảng thời gian dài nhất thì gọi là Kiếp Ba. Thời gian ngắn nhất gọi là sát-na (kṣaṇa), như một cái nháy mắt của chúng ta là chín mươi sát-na. Thời gian trong một cái nháy mắt của chúng ta là chín mươi sát-na, chẳng thể dùng tinh lực để tính toán số lượng được. Do vậy, chu kỳ một tăng một giảm [của thọ mạng con người] được gọi là một Kiếp. Trải qua mười một kiếp, Địa Tạng Bồ Tát ở trong thế giới này hóa độ chúng sanh. Ngài đã trải qua mười một kiếp, khiến cho chúng sanh trong thế giới này đắc độ, thành thực các chúng sanh. Do vậy, thân tướng của Ngài hết sức trang nghiêm, oai đức hết sức thù thắng, chỉ trừ Như Lai, những người khác đều chẳng thể sánh bằng.

Lại nữa, tất cả hóa nghiệp trong thế giới này, “*hóa nghiệp*” (化業) chính là sự nghiệp hóa độ chúng sanh. Trong thế giới Sa Bà này, không chỉ ngài Địa Tạng, mà còn có các vị đại Bồ Tát khác. “*Duy trừ Biến Cát,*

Quán Thế Âm đấng” (Chỉ trừ các vị như Biến Cát, Quán Thế Âm v.v...). “*Đẳng*” (等) là còn có Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, còn có các vị Bồ Tát khác! Biến Cát (遍吉, Samantabhadra, tốt lành trọn khắp) là Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát, Quán Thế Âm Bồ Tát, cho đến các vị đại Bồ Tát khác thì mới có thể sánh bằng, ngang hàng với Địa Tạng Bồ Tát. Vì nguyện lực của chính Ngài, Ngài mong độ hết thảy chúng sanh đều thành Phật, Ngài có thể thỏa mãn nguyện cầu của hết thảy chúng sanh. Trong thế giới này, chúng sanh thường xuyên gặp tai nạn, cầu Bồ Tát tiêu tai miễn nạn. Cầu hai vị Bồ Tát có hiệu quả tốt nhất, cảm ứng nhanh nhất, chính là cầu Quán Thế Âm và Địa Tạng. Trong phẩm thứ mười hai của kinh Địa Tạng, lúc đức Phật sắp nói xong kinh Địa Tạng, trong phẩm thứ mười hai, đức Phật đã dặn dò Quán Thế Âm Bồ Tát, đức Phật bảo Quán Thế Âm Bồ Tát hoằng dương pháp môn Địa Tạng. Mỗi lần tôi niệm đến phẩm thứ mười hai, tâm tôi suy nghĩ: “Bản thân Quán Thế Âm Bồ Tát đã giáo hóa vô lượng vô biên chúng sanh trong thế giới này, vì sao đức Phật còn căn dặn Quán Thế Âm Bồ Tát hoằng dương pháp môn Địa Tạng Bồ Tát?” Đó là vì khiến cho chúng sanh trong thế giới này càng thêm tin tưởng công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Tôi chỉ cảm nhận, tại Mỹ tôi đã đến một số nơi, có các đạo hữu xin tôi hồi hướng cho họ, tôi nói: “Tôi chẳng có sức. Tôi là một gã phàm phu, có sức mạnh gì đâu! Tốt nhất là quý vị niệm Địa Tạng Bồ Tát, niệm kinh Địa Tạng. Tôi cũng giúp quý vị niệm, tôi chỉ có thể làm kẻ phụ giúp. Quý vị đừng mong tôi cầu tiêu tai miễn nạn”. Tôi nói: “Tôi chẳng làm được! Tai nạn của chính tôi còn chưa tiêu, tôi có thể giúp quý vị tiêu tai miễn nạn ư? Vậy thì do quý vị yêu cầu, tôi làm như thế nào đây? Tôi có thể giới thiệu cho quý vị, mọi người chúng ta cùng nhau cầu Địa Tạng Bồ Tát”. Tôi nói: “Bất quá tôi tu lâu năm hơn quý vị đôi chút, tôi đã học mấy chục năm rồi, chưa từng gián đoạn”.

Vì thế mà tán dương công đức của Địa Tạng Bồ Tát. Vì sao đức Phật tán dương công đức của Địa Tạng Bồ Tát như vậy? Khiến cho mọi người tin tưởng, mục đích là như thế đó. Đức Phật tán dương Địa Tạng Bồ Tát, khiến cho chúng ta khi gặp khó khăn, chúng sanh gặp khó khăn rất nhiều, kinh tế, thói quen trong cuộc sống, bệnh khổ, tai nạn, gặp phải ma quỷ, ma gây nạn, [gặp phải] các vấn đề chẳng thể giải quyết, tốt nhất là quý vị đóng cửa, niệm một vạn câu Địa Tạng Bồ Tát, sẽ có hiệu quả “*dựng sào, thấy bóng*”. Đây là lời Phật dạy, chẳng phải là tôi nói bừa với quý vị. Ngài có thể thỏa mãn sở cầu của hết thảy chúng sanh, mau chóng thỏa mãn sở cầu của hết thảy chúng sanh, hiệu quả hết sức mau chóng.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Bọn chúng sanh chúng ta đều có nghiệp; chẳng có nghiệp, sẽ chẳng sanh trong Sa Bà, Ngài có thể tiêu trừ nghiệp chướng của quý vị. [Lễ niệm Địa Tạng Bồ Tát] có thể tiêu trừ trọng tội của quý vị, hiện thời quý vị sẽ được an ổn. Đây là hiệu quả, tức là hiệu quả của Địa Tạng Bồ Tát.

(Kinh) Hựu thị Bồ Tát danh vi Thiện An Ủy Thuyết Giả, sở vi xảo thuyết thâm pháp, năng thiện khai đạo sơ học phát ý cầu Đại Thừa giả, linh bất khiếp nhược.

(經)又是菩薩名為善安慰說者，所謂巧說深法，能善開導初學發意求大乘者，令不怯弱。

(Kinh: Lại nữa, vị Bồ Tát ấy có tên là Bạc Khéo Nói An Ủi, tức là Ngài khéo nói pháp sâu, có thể khéo khơi gợi, hướng dẫn kẻ sơ học phát tâm cầu Đại Thừa, khiến cho họ chẳng khiếp nhược).

Lại nữa, đức Phật lại bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Địa Tạng Bồ Tát có tên là Thiện An Ủy Thuyết Giả. Tức là trừ danh hiệu Địa Tạng ra, Ngài còn có một danh tự khác, tức là danh xưng về phẩm đức, tức đức hiệu, là Thiện An Ủy Thuyết Giả (善安慰說者, đáng khéo nói an ủi). Thiện An Ủy Thuyết Giả nghĩa là Ngài rất khéo thuyết pháp, có thể hiển thị thiện xảo nghĩa sâu trong Phật pháp, khéo nói pháp sâu! Vì sao ở đây đức Phật bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát là Địa Tạng Bồ Tát khéo nói pháp sâu? Nhằm bảo quý vị: Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo chẳng phải là niềm tin nông cạn, mà là pháp rất sâu. Pháp rất sâu như thế nào? Chính là nửa bộ sau [nói về] cảnh giới Nhất Thật và hai thứ quán đạo

Pháp sư Hoảng Nhất đã bảo tôi, Ngài xếp Địa Tạng Tam Kinh vào hệ thống Hoa Nghiêm. Vì sao? Trong Địa Tạng Tam Kinh, chẳng thấy danh tự Thanh Văn, hoặc danh tự vị La Hán nào, chẳng có! Phạm là pháp do Địa Tạng Bồ Tát nói ra, chẳng có hàng Nhị Thừa, còn Bồ Tát đều là Đại Thừa Bồ Tát Ma Ha Tát. Ngài có thể khơi gợi, hướng dẫn hết thảy những kẻ vừa mới phát tâm, dạy quý vị cầu Đại Thừa. Địa Tạng Bồ Tát giáo hóa chúng sanh đều là cầu pháp Đại Thừa mãi cho đến khi thành Phật, nhưng tu pháp Đại Thừa mà chẳng phát khởi tâm Bồ Đề. Vì sao? Tu pháp Đại Thừa, quý vị phải lợi ích chúng sanh. Từ khi quý vị bắt đầu phát tâm tu pháp, bèn lợi ích người khác. Khi quý vị học Địa Tạng Tam Kinh, Địa Tạng Bồ Tát dạy quý vị, trước hết là dạy quý vị lợi ích người khác; sau đó, mới nói đến chính mình. Chẳng hạn như đối với kinh Chiêm Sát

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Thiện Ác Nghiệp Báo này, quý vị chiêm sát cho người khác có hiệu quả hết sức tốt đẹp, chiêm sát cho chính mình thì không nhất định. Hiệu quả sẽ chậm chạp! Quý vị hỏi chuyện gì, cầu chuyện gì cho chính mình, khi quý vị dùng Chiêm Sát Luân, sẽ có hiệu quả hết sức chậm, một lần chiêm sát chẳng thành, hai lần chiêm sát chẳng thành; nhưng cầu cho người khác, chiêm sát bèn thành! Do vậy, đối với người cầu pháp Đại Thừa, họ đã tin rồi bèn dũng mãnh tinh tấn. Vì sao? Vì khi quý vị dùng cách chiêm sát cho người ấy, tâm chẳng khiếp nhược. Gặp hết thầy trách trở, chẳng hạn như đường đi không thông, quý vị mong được đi thông suốt, cầu khẩn Địa Tạng Vương Bồ Tát, như thế thì sẽ dấy lên sự biến hóa. Do vậy, khiến cho người phát đại tâm, người tu hành, cảm thấy tiền đồ mờ mịt, tâm chẳng định được, cho nên quý vị mới dùng Chiêm Sát Luân để chiêm sát đôi chút.

Đồng thời, đối với pháp sâu này, tôi nói với mọi người nhiều hơn đôi chút. Hết thầy những người phát Bồ Đề tâm chúng ta, phàm là người học Địa Tạng Tam Kinh, quý vị nhất định phải tin tưởng chính mình. Tôi thường hỏi các đạo hữu có tín tâm hay không? Thường là các đạo hữu đều lý giải sai lầm. Hễ hỏi họ có tín tâm hay không? Họ lý giải sai lầm, [tương tín tâm] là “có tin Tam Bảo hay không?” Chẳng phải hàm nghĩa ấy! “Có tín tâm hay không” tức là nói “quý vị có tin vào cái tâm của chính mình hay không?” Tôi thường hỏi các đạo hữu, họ có phát khởi cái tâm hay không? Có tín tâm hay không? Đạo hữu trả lời: “Có chứ! Tôi tin Phật, tin Pháp, tin Tăng”, đó chẳng phải là tín tâm. Có tín tâm hay không, tức là bản thân quý vị có tin tưởng cái tâm của chính mình hay không? Tin tưởng cái tâm ta là gì? Tâm là Phật, tin tâm là Phật, tin tâm thành Phật, tâm chính là Phật, Phật chính là tâm. Đó gọi là “*thâm pháp*”. Quý vị đối với bất luận kinh Đại Thừa Đại Tập Thập Luân, cho đến kinh Địa Tạng, hay kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, Địa Tạng Vương Bồ Tát đều khiến cho quý vị phát khởi thâm tâm, tin chính mình là Phật. Ba bộ kinh ấy đều dạy quý vị thông đạt Thật Tướng. Vì thế, pháp sư Hoàng Nhất bảo tôi: “[*Địa Tạng*] Tam Kinh đều thuộc về hệ thống Hoa Nghiêm”. Khi vận dụng kinh Hoa Nghiêm khiến cho tạp nhiễm chẳng còn, sẽ chứng đắc Chân Như Pháp Tánh Nhất Chân pháp giới. Tam kinh của Địa Tạng Bồ Tát đều dạy quý vị đạt tới mục đích cuối cùng là tiến nhập Chân Như Pháp Tánh. Nhưng Bồ Tát dùng phương tiện cực thiện xảo, chẳng hạn như kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo dùng Chiêm Sát Luân để bảo cho quý vị biết thiện ác nhân quả, nhằm mục đích khiến cho quý vị đạt tới thâm pháp, ngõ hầu chính quý vị thành Phật. Vì hễ học kinh Địa Tạng,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

quý vị niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, sợ hãi gì cũng đều chẳng có, chẳng có cảm giác kinh hoảng, chẳng có cảm giác sợ hãi, mà cũng chẳng hoảng hốt nữa! Đạo lý gì vậy? Địa Tạng Vương Bồ Tát giáo hóa quý. Người sợ quý, quý vị niệm kinh Địa Tạng, quý trông thấy quý vị sẽ đánh lễ! Nhục nhân của quý vị chẳng trông thấy, chứ trong khi quý vị niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, khi quý vị niệm Địa Tạng Tam Kinh, chung quanh quý vị có bao nhiêu vị thần hộ pháp. Như Kiên Lao Địa Thần trong kinh Địa Tạng, đại địa đều thuộc về Kiên Lao Địa Thần; các pháp khác Kiên Lao Địa Thần⁴ chẳng hộ trì. [Đối với pháp môn của] Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, bà ta đều chẳng hộ trì, mà chuyên môn hộ trì đức Địa Tạng. Do vậy, bà ta được gọi là Kiên Lao Địa (堅牢地, đất cứng chắc). Nếu mọi người đã niệm kinh Địa Tạng thì phẩm thứ mười một là phẩm Kiên Lao Địa Thần. Bà ta nói khắp cõi đất đều là con cháu của bà ta: “*Hễ chỗ nào có đại địa, thì sẽ có con cháu của ta. Con cháu của ta đều hộ trì Địa Tạng Bồ Tát*”. Do vậy, tin sâu thâm pháp, tức tự tâm của chúng ta là Phật, “*tâm này làm Phật*”. Bất quá, chúng ta chẳng có khai quang, chẳng trải qua tu luyện, khai quang chẳng thành. Vì quý vị chẳng tu, làm sao có thể khai quang cho nổi? Trải qua tu luyện, vị Phật của quý vị sẽ phóng quang, cho đến khi quý vị thành tựu thì sẽ có thể khai quang!

(Kinh) Dĩ như thị đẳng nhân duyên, u thử thế giới, chúng sanh khát ngưỡng, thọ hóa đắc độ. Thị cố, ngã kim linh bỉ thuyết chi.

(經)以如是等因緣，於此世界，衆生渴仰受化得度。是故，我今令彼說之。

⁴ Kiên Lao Địa Thần (Prthivi) chính là vị thần đất. Trong Địa Tạng Khoa Chú, ngài Thanh Liên khẳng định bà là nữ thần, hiện thân hộ pháp, chưởng quản tất cả hết thảy địa thần trong thế gian. Theo kinh Quán Phật Tam Muội, khi đức Phật thị hiện thành đạo, Ma Vương tới quấy phá, thách thức Ngài có thể kiếm ai làm chứng cho sự tu hành tinh tấn vượt thời gian và không gian của chính Ngài. Đức Phật bèn dùng tay chạm xuống đất, Kiên Lao Địa Thần bèn xuất hiện, chứng minh: Trong cõi tam thiên đại thiên này, không có nơi nào nhỏ bằng một vi trần, mà không phải là nơi Bồ Tát xả thân cầu pháp, tu hành. Tuy thế, theo Địa Thần Nghi Quỹ Ký, vị này có cả hai thân nam và nữ: “*Nam thiên nhục sắc, tả thủ trì bát tịnh hoa, hữu thủ chưởng hương ngoại. Nữ thiên bạch nhục sắc, hữu thủ bảo đương tâm, tả thủ diệp bảo đương cổ*” (Thân nam thiên có màu như da người, tay trái cầm bát đựng hoa, lòng bàn tay phải hướng ra ngoài. Thân nữ thiên có màu trắng, tay phải úp lên ngực, tay trái úp lên đùi).

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

(Kinh: Do các nhân duyên như thế, trong thế giới này, chúng sanh khát ngưỡng, được Ngài giáo hóa bèn đắc độ. Vì thế, nay ta bảo Ngài nói).

Vì vậy, tới cuối cùng, đức Phật bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Vì có nhân duyên ấy, có các nhân duyên như thế đó, trong thế giới này, tức thế giới Sa Bà, là cõi giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật, tất cả các chúng sanh đều khát ngưỡng được Ngài giáo hóa đắc độ. Đức Phật hướng về Kiên Tịnh Tín Bồ Tát giới thiệu Địa Tạng Bồ Tát, giới thiệu công đức, trí huệ, và sức mạnh hóa độ chúng sanh của Địa Tạng Bồ Tát. Vì vậy, ông hướng về ta thỉnh cầu thuyết pháp, ta bảo ông hãy đến thỉnh cầu Ngài. Đó chính là mục đích bảo ông thỉnh cầu Ngài. Từ đoạn kinh văn này, tôi thưa với mọi người: Dựa theo lời giới thiệu của đức Phật, ngàn vạn phần đừng coi kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo thành bói toán, đoán quẻ. Cách nghĩ ấy tuyệt đối sai lầm. Hiện thời, chẳng ngại nói trước. Quý vị sử dụng Chiêm Sát mộc luân, điều thứ nhất là thân thể thanh tịnh, thay quần áo, súc miệng. Sau đó, lễ bái. Lạy đầu tiên nhất định phải lạy Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát; sau đó, lạy mười phương chư Phật, đều là mười phương: Mười phương tôn pháp, mười phương hiền thánh Tăng, mười phương hết thảy chư tôn Bồ Tát. Sau đó mới có thể sử dụng [Chiêm Sát] luân. Quý vị sử dụng luân mà lần đầu tiên, hoặc dùng lần thứ hai, hoặc dùng từ mười lần trở lên, chẳng tương ứng; “*chẳng tương ứng*” là chẳng đáp đúng vào điều quý vị hỏi. Đó là vì quý vị không chí tâm. Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy quý vị: “Tâm vẫn chưa chân thành, chẳng hiện cho quý vị”. Nếu quý vị muốn sử dụng, phải bế quan ba ngày hoặc năm ngày, hoặc từ bảy ngày trở lên, sẽ chiêm sát hằng ngày đều linh. Hễ dùng tới đều linh; quý vị hỏi điều gì, [Bồ Tát] sẽ bảo cho quý vị biết điều đó. Hễ hỏi, bảo quý vị “chuyện này chẳng nên làm”, quý vị tuyệt đối chẳng thể làm. [Chiêm Sát Luân dạy] “chuyện này quý vị nên làm”, quý vị thực hiện, tuyệt đối sẽ thành tựu, chẳng có khuyết điểm!

(Kinh) Nhĩ thời, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát ký giải Phật ý dĩ, tầm tức khuyến thỉnh Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “Thiện tai! Cứu thế chân sĩ. Thiện tai! Đại trí khai sĩ. Như ngã sở vấn, ác thế chúng sanh dĩ hà phương tiện nhi hóa đạo chi, sử lý chư chướng, đắc kiên cố tín. Như Lai kim giả, vị dục linh nhữ thuyết thị phương tiện, nghi đương tri thời, ai mãn vị thuyết”.

(經)爾時，堅淨信菩薩既解佛意已，尋即勸請地藏菩薩摩訶薩言：「善哉！救世真士。善哉！大智開士。如我所問，惡世衆生以何方便而化導之，使離諸障，得堅固信。如來今者，爲欲令汝說是方便，宜當知時，哀愍爲說」。

(Kinh: Lúc bảy giờ, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát đã hiểu ý Phật, lập tức khuyến thỉnh Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Lành thay! Bạc chân sĩ cứu thế. Lành thay! Bạc đại trí khai sĩ. Như lời tôi hỏi, dùng phương tiện nào để giáo hóa, hướng dẫn chúng sanh trong đời ác lià các chướng, có được niềm tin kiên cố. Nay Như Lai muốn ông nói phương tiện ấy, hãy nên biết thời, xót thương nói cho”).

Hiện thời, đức Phật đã nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát như vậy, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát liền lý giải, chẳng hoài nghi nữa. Trước đó, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát vốn mong thỉnh đức Phật nói cho Ngài. Đức Phật không chỉ chẳng nói, lại còn giới thiệu cho Ngài một người khác nói, cho nên hoài nghi, trong lòng không cam tâm. Đức Phật biết Kiên Tịnh Tín Bồ Tát không ưa thích, cho nên mới giới thiệu công đức của Địa Tạng, khiến cho Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hiểu rõ.

“*Nhĩ thời, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát ký giải Phật ý dĩ*” (Lúc bảy giờ, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát đã hiểu ý Phật rồi), do đã hiểu ý Phật, cho nên Ngài sẽ đến bên tòa của Địa Tạng Bồ Tát, khuyến thỉnh Địa Tạng Vương Bồ Tát nói. “*Thiện tai! Cứu thế chân sĩ*” (Lành thay! Bạc chân sĩ cứu đời): Ông là vị đại sĩ chân chánh cứu độ thế gian. Đó là tán thán Địa Tạng Bồ Tát. “*Thiện tai! Đại trí khai sĩ*”: Ông là người có đại trí huệ, khơi mở, hướng dẫn hết thảy chúng sanh. Kiên Tịnh Tín Bồ Tát tán thán Địa Tạng Bồ Tát. “*Như ngã sở vấn*” tức là như vừa rồi tôi đã thỉnh vấn đức Phật, ông đã nghe thấy, vào lúc đời ác trong thời Mạt Pháp sau này, đối với các chúng sanh ấy, phải dùng phương pháp phương tiện nào để khiến cho họ lià khỏi hết thảy chướng ngại? Mỗi tín chúng, tức là mỗi đệ tử đức Phật, đều có rất nhiều chướng ngại, tín tâm của họ chẳng kiên định, dùng phương pháp nào để khiến cho tín tâm của họ kiên định?

Ngay cả tín tâm cũng chẳng kiên định, còn có thể thành tựu nữa chẳng? Tôi thảo luận vấn đề này với mọi người nhiều hơn một chút. Chúng ta đừng tưởng rằng chính mình đã vào cửa Tam Bảo mười năm, hoặc hai mươi năm. Hiện thời, đại khái là tôi còn nhiều hơn quý vị đôi chút, tôi đã nhập Phật môn, xuất gia tám mươi năm, nay tính lại toàn thể

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

tám mươi năm, tôi cảm thấy chính mình vẫn chưa nhập môn! Tôi nói vậy, chắc là mọi người hoài nghi, chuyện nhập môn này chẳng phải là dễ dãi đâu nhé. Chúng ta có thể nhận biết niệm trước đây lên ý niệm chẳng tốt, liền cắt đứt ý niệm bất hảo tiếp đó. Khi sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc sáu trần, trong ấy chẳng có phân biệt, có làm được hay không? [Hiện thời, chúng ta đều là sáu căn tiếp xúc sáu trần], sáu thức lập tức phân biệt, tốt, xấu, yêu, ghét. Yêu ghét rành rành, chẳng thích bèn mong né tránh, yêu thích bèn mong đạt được. Tôi nghĩ mọi người đều gần giống như tôi! Đó đều là tín tâm chẳng kiên định, có thể coi là đã nhập môn được chăng? Phải nói thật thà, chẳng nói với người ngoài, tự mình phải nên nói thật với chính mình. Vì sao chúng ta thành đạo khó khăn như vậy? Chúng ta đoạn Kiến Tư Hoặc luôn khó khăn như thế đó, thấy thứ gì bèn phân biệt thứ đó. Hễ tốt thì mong đạt được, xấu thì mong vứt bỏ, vứt thì cũng chẳng vứt được! Có muốn đạt được thì cũng chẳng đạt được! Tạo nghiệp ở trong đó, quý vị mong vứt bỏ thì trong khi vứt bỏ, sẽ tạo rất nhiều nghiệp. Mọi người có thể cẩn thận ngẫm lại xem!

Trong đời ác thời Mạt Pháp, dùng phương tiện thiện xảo gì thì mới có thể khiến cho họ an tâm tu hành, chẳng bị chướng ngại, mới có thể khiến cho họ đạt được tín tâm kiên cố bất thoái? Tín bất thoái có sức mạnh rất lớn. Vừa rồi, tôi hướng về đức Phật thỉnh cầu, đức Phật dạy tôi đến hỏi ông, khiến cho ông sẽ nói phương tiện ấy. Vậy thì ông nên biết là phải lúc, nay đúng là lúc nên nói, ông hãy thương xót chúng sanh mà nói. Khi ấy, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hướng về Địa Tạng Bồ Tát thưa bày. Đó là mở đầu phần nhân duyên phát khởi tối sơ. Dưới đây, Địa Tạng Bồ Tát chánh thức nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát.

(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngữ Kiên Tịnh Tín Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “Thiện nam tử! Đế thánh, đương vị như thuyết”.

(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩語堅淨信菩薩摩訶薩言：

「善男子！諦聽，當為汝說」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Này thiện nam tử! Lắng nghe! Ta sẽ nói cho ông”).

Địa Tạng Bồ Tát liền bảo: “Nay ta có thể nói cho ông”. Chấp thuận nói cho Kiên Tịnh Tín Bồ Tát. Nhưng ông phải khéo nghe, chăm chú nghe đúng như lý. Mỗi dịp thuyết pháp, đức Phật đều bảo các đệ tử phải lắng nghe, “*đế thính*” (lắng nghe) có nghĩa là quan sát chắc thật, tức là quý vị quan sát kỹ càng, đúng lý, đừng sờ soạng nơi sự tướng. Hàm nghĩa của chữ “*đế thính*” rất sâu! Do vậy, có lần đức Phật thuyết pháp, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát làm duy-na. Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát liền xướng một bài kệ: “*Pháp diên long tượng chúng*” (Các vị long tượng trong tiệc pháp). Ý nói: Người nghe pháp, không phải là rỗng thì đều là voi, tức toàn là bậc đại Bồ Tát. “*Pháp diên long tượng chúng, đương quán Đệ Nhất Đế*”: Các vị đều phải nên quán tưởng Đệ Nhất Nghĩa Đế. “*Đế quán pháp vương pháp*”: Hãy đúng lý, suy xét, quán chiếu, chẳng dùng ngôn từ, hãy khéo nghe, đúng như lý quán sát [pháp của đấng Pháp Vương]. “*Đế quán pháp vương pháp, Pháp Vương pháp như thị*” (quán kỹ pháp của Phật, pháp của Phật như thế): Đức Phật liền bước xuống pháp tòa. Đức Phật đã thuyết pháp xong, chẳng nói một câu nào. Mọi người ngẫm xem: Văn Thù Sư Lợi xướng bài kệ tán ấy, đức Phật đã thuyết pháp xong! Còn có một lần đức Phật thuyết pháp, cũng chẳng nói gì, cầm một đóa hoa, [kinh thường chép là] “*niêm hoa*” (拈花), tức là cầm một đóa hoa, tôn giả Ca Diếp mỉm cười. Đức Phật buông đóa hoa xuống, bước xuống pháp tòa, đã nói xong! Hàm nghĩa trong hai loại sự kiện ấy, chủ yếu là “*thuyết đế thính, đế thính*”. Hàm nghĩa của “*đế thính*” là “*hãy nghe như lý, đừng nghe nơi sự tướng*”. Như đối với việc nghe kể chuyện thì hãy nên nghe [bằng tâm thái] như thế đó, đừng suy tưởng nơi sự tướng, hãy quán chiếu nơi Lý, thì gọi là “*ý hội, tâm chiếu*” (ý lãnh hội, tâm quán chiếu); đó là Đế. “*Đế thính*” thì mới nói với quý vị. Quý vị đừng nghe chuyện này rồi coi như xong, đây chẳng phải là nói với quý vị! Do vậy, mỗi buổi thuyết pháp của đức Phật, đều có rất nhiều vị chứng quả, rất nhiều vị thành đạo, chính là vì họ đã đế thính, tư duy đúng lý!

(Kinh) Nhược Phật diệt hậu, ác thế chi trung, chư hữu tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, u thế gian, xuất thế gian nhân quả pháp trung, vị đắc quyết định tín, bất năng tu học vô thường tướng, khổ tướng, vô ngã tướng, bất tịnh tướng, thành tựu hiện tiền, bất năng cần quán Tứ Thánh Đế pháp, cập thập nhị nhân duyên pháp, diệc bất cần quán Chân Như Thật Tế, vô sanh, vô diệt đẳng pháp. Dĩ bất cần quán như thị pháp cố, bất năng tắt cánh bất tác Thập Ác căn bản quá tội, u

Tam Bảo công đức chủng chủng cảnh giới, bất năng chuyên tín, u tam thừa trung, giai vô định hướng.

(經)「若佛滅後，惡世之中，諸有比丘、比丘尼、優婆塞、優婆夷，於世間，出世間因果法中，未得決定信，不能修學無常想、苦想、無我想、不淨想、成就現前，不能勤觀四聖諦法，及十二因緣法，亦不勤觀真如實際，無生、無滅等法。以不勤觀如是法故，不能畢竟不作十惡根本過罪，於三寶功德種種境界，不能專信，於三乘中，皆無定向。」

(Kinh: Nếu sau khi đức Phật nhập diệt, trong đời ác có các tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, đối với pháp nhân quả thế gian và xuất thế gian, chưa đạt được niềm tin quyết định, chẳng thể tu học vô thường tướng, khổ tướng, vô ngã tướng, bất tịnh tướng, thành tựu hiện tiền, chẳng thể siêng năng quán pháp Tứ Thánh Đế và pháp thập nhị nhân duyên, cũng chẳng siêng năng quán Chân Như Thật Tế, các pháp vô sanh, vô diệt v.v... Do chẳng siêng năng quán các pháp như thế, chẳng thể rốt ráo không tạo các tội lỗi căn bản thuộc về Thập Ác, đối với các cảnh giới công đức của Tam Bảo chẳng thể chuyên tín, đối với tam thừa đều chẳng có định hướng).

Địa Tạng Bồ Tát nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Sau khi đức Phật diệt độ, “*Phật*” là nói tới Thích Ca Mâu Ni Phật, tức là sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật nhập diệt, thế giới này biến thành đời ác, gọi là “*ngũ trước ác thế*”. Mọi người đều biết [ngũ trước là] Kiếp Trước, Kiến Trước, Phiền Não Trước, Mạng Trước, và Chúng Sanh Trước. Toàn là ô trước, mê loạn, chẳng rõ ràng; tới khi đó, đức Phật đã nhập diệt. Nay đức Phật nhập diệt đã hơn hai ngàn năm. Lúc đó, đức Phật sắp nhập diệt, nói xong Địa Tạng Tam Kinh, Ngài bèn nhập diệt. Ở trong thế gian này, ngay trong thuở đời ác ngũ trước, muốn tu pháp xuất thế gian; nói cách khác, chúng ta mong đoạn phiền não, mong liễu sanh tử, chứng đắc quả vị xuất thế gian. Chẳng nói chứng đắc Tứ Quả La Hán, tối thiểu là được “*nhập vị*”. “*Nhập vị*” sẽ có thể đoạn sanh tử, chưa thể đoạn dứt tám mươi tám môn Sở thuộc Kiến Hoặc. Nhưng chúng ta là những người học Đại Thừa không chỉ như thế! Không chỉ là Kiến Tư, chúng ta còn phải đoạn Trần Sa

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

phiền não. Nhưng trong thế gian nhằm lúc đời mạt này, ngay cả Kiến Tư phiền não còn chẳng đoạn được. Trong lúc này là hiện tượng gì? Thế gian lẫn xuất thế gian, dù là nhân hay là quả, đều chẳng tin tưởng nhân quả. Xã hội hiện tại đã không tin tưởng nhân quả, còn cho rằng làm chuyện xấu chẳng bị quả báo, làm chuyện tốt cũng chẳng có quả báo. Họ không tin nhân quả, chẳng hề có tín tâm, khẳng định là chẳng có tín tâm! Các vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni đã xuất gia, hoặc tại gia Tam Bảo đệ tử, tức ưu-bà-tắc và ưu-bà-di, trong lúc này, tín tâm chẳng kiên định.

Ở đây, Địa Tạng Bồ Tát đã nói, nói ngay trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo: Ngài nói khi đó họ chẳng thể tu hành bốn tịnh pháp, chẳng thể tu học vô thường, cũng chẳng thể tu học khổ, chẳng thể tu học vô ngã, chẳng thể tu bất tịnh. Ngay cả nghĩ mà còn chẳng nghĩ tới, há còn có thể thành tựu được ư? Chẳng thành tựu được! Vì Khổ, Tập, Diệt, Đạo là pháp Thánh Đế, bốn loại pháp Thánh Đế chính là khởi đầu, cho đến pháp mười hai nhân duyên đều là pháp nhân quả thuộc về thế gian. Trong pháp nhân quả thế gian, Khổ và Tập là nhân quả thế gian. Khổ là cái quả thế gian. Tập là cái nhân thế gian. Vì quý vị triệu tập rất nhiều cái nhân, làm rất nhiều chuyện xấu, đương nhiên là phải chịu khổ, hứng chịu khổ quả. Diệt là xuất thế gian, [cái nhân của] Diệt là Đạo, tu Đạo nhằm thành tựu xuất thế gian. Trong Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Khổ và Tập là nhân quả thế gian, Diệt và Đạo là nhân quả xuất thế gian. Đạo là tu nhân, Tập là có nhân, ắt sẽ có cái quả thành tựu. Nói thông thường, đạt tới Tứ Quả A La Hán, đoạn dứt Kiến Tư phiền não, thì Tứ Thánh Đế sẽ thành tựu. Vì thông thường, khi mọi người học Phật pháp, sẽ đều học được [những điều này], chúng tôi không giảng Tứ Thánh Đế làm chi, chủ yếu là giảng chuyện thuộc về Địa Tạng Vương Bồ Tát.

Cũng “*chẳng siêng năng quán Chân Như Thật Tế*”, đây là xét theo Tứ Thánh Đế Khổ, Tập, Diệt, Đạo, mười hai nhân duyên. Tu pháp mười hai nhân duyên, đó là sự tự tu của bậc A La Hán. Ở trong núi tự ngộ, trong lúc chẳng có Phật, vị ấy sẽ tự mình ngộ được. Nương theo pháp Tứ Thánh Đế do đức Phật đã dạy để tu, loại A La Hán ấy gọi là Thanh Văn. Nương theo pháp mười hai nhân duyên để tu thì gọi là Duyên Giác. Trong các thừa, họ là Nhị Thừa, tu pháp Nhị Thừa. [Trong thời Mạt Pháp], người tu pháp Nhị Thừa rất ít, người tu pháp Đại Thừa càng ít hơn. Do chẳng siêng năng quán Chân Như Thật Tế, đây là pháp môn duy tâm. Pháp môn duy tâm, quán tâm, đó chính là “*minh tâm kiến tánh*” như chúng ta thường nói. Nương theo Bồ Tát đạo để hành, theo như kinh Hoa Nghiêm đã dạy, sau khi đã mãn tâm Thập Tín, thuộc vào địa vị Tam Hiền Bồ Tát, có thể

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

nhận biết Chân Như, lần lượt chứng nhập và mong cầu, tương tự chứng đắc Chân Như, chẳng phải là thật sự chứng đắc. Đã đạt tới địa vị Sơ Địa Bồ Tát, chứng đắc một phần Pháp Thân, tiêu diệt hết thảy vô minh, từ Sơ Địa tiến tới Thập Địa. Tôi nói những chuyện này đều dựa theo kinh Hoa Nghiêm, vì đây là Hoa Nghiêm Đại Thừa. Loại [hành nhân tu tập] pháp vô sanh vô diệt này chẳng có, ngay cả người tu Tứ Đế, pháp mười hai nhân duyên đều rất ít, há còn có thể tu pháp Đại Thừa ư? Có thể siêng năng quán pháp như thế hay chẳng? Địa Tạng Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: “Đều không có”. Tới lúc ấy, tu pháp Tứ Thánh Đế, tu pháp mười hai nhân duyên, thánh nhân Nhị Thừa đã chẳng còn, cho đến người tu pháp Bồ Tát càng ít, càng chẳng có! Nếu muốn đoạn tuyệt Thập Ác Nghiệp, há có thể làm được ư? Trong lúc ấy, người tạo tội căn bản thuộc nghiệp Thập Ác khá nhiều. Đây là hiện tượng trong hiện thời của chúng ta.

Đối với công đức của Tam Bảo, và các thứ cảnh giới, đều chẳng thể chuyên tín, cứ tiến tiến, lùi lùi. Trong lần trước, tôi đã nói với mọi người về tiêu chuẩn của tín tâm. Trong khi quý vị tin Tam Bảo, gặp nhân duyên đoạn mạng, ép cho quý vị chẳng thể tin Tam Bảo, thế mà quý vị có thể tín tâm kiên định, chẳng nghi, ta thà tin Tam Bảo mà chết, chẳng muốn không tin Tam Bảo để được sống. Có thể có nghị lực kiểu ấy hay không? Có thể nhận biết niệm trước khởi ác, biết ý niệm trong tâm chẳng đúng, bèn ngưng dứt ngay, không để cho niệm sau dấy lên, có tín tâm như thế hay không? Đức Phật thuyết pháp chẳng phải là mơ hồ, mà đều là có tiêu chuẩn nhất định. Chính quý vị đoạn khá nhiều Hoặc, sẽ chứng đắc khá nhiều địa vị thanh tịnh, chính quý vị hiểu rất rõ rệt. Quý vị có thể nhìn thấy hết thảy các sắc đều chẳng phân biệt, chẳng dấy lên ý niệm hay không? Quý vị có thể đối với thứ tốt lẫn thứ xấu, chẳng phân biệt là tốt hay xấu hay không? Phân biệt tốt xấu, chẳng phải là đồ ngốc; đừng coi người ấy là kẻ ngốc, kẻ ngốc chẳng thể phân biệt. Ở trong đó, quý vị chẳng chọn lựa, không sanh cái tâm phân biệt tốt, xấu, thiện, ác, đồng thời chẳng cầu an lạc cho chính mình. Không cầu an vui cho chính mình, còn phải làm chuyện tốt để làm gì? Chỉ mong cho chúng sanh hạnh phúc. Điều này rất thông thường, đây là bậc Bồ Tát.

Trong lúc này mà nếu có các đạo hữu như vậy, có thể siêng năng quán Chân Như Thật Tế, tức là pháp môn quán tâm, quán cái tâm của chính mình. Chân Như Thật Tế là quán tâm, hết thảy vọng niệm chẳng vương mắc, hết thảy các pháp sanh diệt cũng chẳng vương mắc. Quán hết thảy các pháp vô sanh, vô diệt, bất cấu, bất tịnh. Những điều này mọi

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

người đều hiểu, đã đều đọc qua khá nhiều kinh điển Đại Thừa. Vì chẳng thường tu Quán như vậy, chẳng tu hành như vậy, quý vị lại chẳng thể không tạo ác nghiệp. Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Kẻ đó chẳng thể rớt ráo không tạo tội lỗi căn bản thuộc vào Thập Ác, kẻ đó sẽ phạm tội! Bất thiện thì là ác, chẳng có chuyện lơ lửng được! Chẳng làm chuyện tốt thì sẽ làm chuyện xấu, có thể ngưng trụ nơi chẳng thiện chẳng ác hay chẳng? Chẳng thể được! Do hoàn cảnh bên ngoài, do sự thật khách quan, ép cho kẻ ấy chẳng làm ác bèn là hành thiện. Cũng có một số ít người ở trong khoảng giữa, tức chẳng thiện, chẳng ác. Đó là ngán ngủi, tạm thời, ai nấy đều có nghiệp thiện ác xen tạp. Đối với công đức và sức mạnh của Phật Pháp Tăng Tam Bảo, kẻ đó chẳng thể chuyên tâm tin tưởng. Chẳng thể chuyên ròng tin tưởng, sẽ tiến tiến, lùi lùi, lúc thì tin do phù hợp lợi ích, đạt được an lạc, đạt được sự bình lặng bèn tin. Rất tin tưởng, nói là do sức gia trì của Phật, Bồ Tát. Hễ bị trắc trở, chẳng tin nữa, [phản nản] Tam Bảo chẳng có chút sức gia trì nào! Chẳng tin nữa, ôm lòng oán hận!

Không chỉ hai chúng tại gia, mà hai chúng xuất gia cũng [có thái độ giống như vậy] rất nhiều. Khi chánh quyền Đại Lục tiêu diệt Phật pháp, mọi người biết là từ năm 1950 cho đến năm 1980, trong suốt ba mươi năm, tự viện bị phá hủy, chẳng cho phép quý vị làm hòa thượng, không cho phép quý vị xuất gia. Hễ xuất gia là phạm tội. Tin Phật pháp là phạm tội. Trong lúc đó, quý vị có thể kiên trì hay không? Chuyện này tùy thuộc quý vị có thể chẳng tạo mười ác nghiệp hay không. Có những người đã hoàn tục thì chẳng tính. Có kẻ sau khi hoàn tục thì làm cán bộ, làm cán bộ sẽ tạo mười ác nghiệp. Diệt Phật pháp chính là đệ tử của Phật, vì họ hiểu rõ nhất, diệt Phật pháp [bằng cách nào] họ cũng hiểu rõ nhất! Vì thế, đầy đủ đều là những nghiệp thuộc về Thập Ác chẳng thể khoan dung được! Đối với công đức và lợi ích của Tam Bảo, họ còn có thể tin tưởng hay sao? Chẳng tin. Tiểu, Trung, Đại gọi là “ba thừa”. Trong ba thừa, họ chẳng tin một thừa nào, chẳng có định hướng!

Ngay cả tín tâm mà còn không có, há còn có thể tu hành được ư? Do vậy, khi đó, tôi cảm thấy đối với các thứ cảnh giới thuộc về công đức Tam Bảo đều chẳng có! Lúc đó chính là lúc đặc biệt khảo nghiệm bọn đệ tử Tam Bảo chúng ta. Hàng tại gia chẳng nói, đặc biệt là đối với tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, khảo nghiệm gì vậy? [Khảo nghiệm họ có] thật sự nhập đạo, hoặc thật sự tín ngưỡng [hay không]. Khi nói cho êm tai thì nói gì cũng được, khi làm bèn khác hẳn, toàn là nhắm đến lợi ích trong hiện tiền. Trước mắt, quý vị chẳng tin [Phật pháp], thì sẽ được lợi. Chẳng tin vào

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Tam Bảo, mà tin vào gì? Tin vào chủ thuyết của nhà cầm quyền Hoa Lục, sẽ lập tức đạt được lợi lộc; còn tin vào Tam Bảo sẽ bị khốn khổ, bị trừng phạt! Nơi cái ả lợi hại, rất nhiều kẻ đánh mất tín ngưỡng. Bình thời chẳng có gì quan trọng, chẳng thấy được, nhưng trong lúc lợi hại, có liên quan đến lợi ích trong cuộc sống hiện tiền, họ sẽ vứt bỏ tín niệm. Địa Tạng Vương Bồ Tát nói đến loại chúng sanh ấy, họ hoàn toàn quên bẵng các loại cảnh giới nơi công đức của Tam Bảo. Khi đó, quý vị hãy sử dụng Chiêm Sát Luân. Nếu quý vị chẳng nhận biết họ, [vì những biểu hiện bề ngoài] đều là giả tướng, quý vị có thể chiêm sát họ, sẽ biết ngay. Địa Tạng Vương sẽ bảo cho quý vị biết.

(Kinh) Như thị đẳng nhân, nhược hữu chủng chủng chướng ngại sự, tăng trưởng ưu lự, hoặc nghi, hoặc hối, u nhất thiết xứ, tâm bất minh liễu, đa cầu, đa não, chúng sự khiên triền, sở tác bất định, tư tưởng nhiễu loạn, phế tu đạo nghiệp.

(經)如是等人，若有種種諸障礙事，增長憂慮，或疑或悔，於一切處，心不明瞭，多求多惱，衆事牽纏，所作不定，思想擾亂，廢修道業。

(Kinh: Những người như thế, nếu có các thứ chuyện gây chướng ngại, tăng trưởng lo sầu, hoặc ngờ vực, hoặc hối hận, trong hết thảy các chỗ, tâm chẳng hiểu rõ, nhiều mong cầu, nhiều khổ não, các sự trôi buộc, việc làm bất định, tư tưởng nhiễu loạn, bỏ tu đạo nghiệp).

“*Như thị đẳng nhân*” nghĩa là những kẻ như thế đó, trong tu hành, họ có bị chướng ngại hay không? Dù loại chướng ngại sẽ phát sanh. Trong thời Mạt Pháp, tín tâm chẳng kiên định, đủ loại chướng ngại nầy sanh. Đồng thời, chỉ có ưu bi, tức ưu sầu, bi ai, lo lắng, ngờ vực. Đối với bất cứ sự vật gì, tâm cũng đều chẳng hiểu rõ, chẳng có trí huệ, nhưng mong cầu hết sức nhiều mà chẳng đạt được, do nhiều mong cầu nên lắm khổ não. Đó gọi là “*đạt đến mức vô cầu thì quý vị chẳng bị nào hại*”. Chúng ta luôn mong “*cầu nhiều, đạt được nhiều*”. Chẳng đạt được bèn phiền não, đạt được rồi lại sợ mất mát, càng phiền não hơn! Các sự ấy lôi kéo quý vị. “*Sở tác bất định*” tức là mong mọi làm tốt, nhưng làm chẳng nên hôn, tư tưởng nhiễu loạn, tâm chẳng định được, chẳng có chủ ý, chẳng có chủ kiến. Còn có thể tu đạo hay chẳng? Bỏ tu đạo nghiệp, tín

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

tâm đều chẳng thành, vậy còn có thể tu đạo nữa chăng? Chẳng thể tu đạo!

Tôi nói những lời này, nói đến chuyện này, bản thân tôi đã đều đích thân trải qua! So với những chuyện đã trải qua trong ba mươi năm từ năm 1950 đến 1980, so ra, tôi còn bị nhiều hơn ba năm, vì tôi ở trong tù ba mươi ba năm. Các đệ tử Phật ở trong ngục rất nhiều, không chỉ là bọn hòa thượng xuất gia chúng tôi. Tỳ-kheo-ni rất ít, tỳ-kheo-ni chẳng có gì, vì các bà chẳng có lá gan ấy, cũng chẳng phạm tội, chánh phủ chẳng bố buộc các tỳ-kheo-ni. Nhưng vì sao? Tôi tự đánh dấu hỏi với chính mình. Vì sao? Những điều chúng tôi nói thường ngày đều là giả, chẳng phải là người tu đạo thật sự. Người tu đạo thật sự sẽ có cảm ứng, đó gọi là tai nạn. Liên tưởng đến chuyện Tam Vũ Diệt Phật trong lịch sử, vì sao trong các giai đoạn trung gian giữa ba cuộc diệt Phật ấy, toàn là đạo hữu Thiên Tông? Họ chẳng có cách nào, kinh sách bị thiêu hủy, chùa miếu bị hủy hoại, quý vị làm như thế nào đây? Vậy là chỉ có cách tham Thiền, thứ gì ta cũng chẳng cần, tu cái tâm là được rồi. Như thế đó, trong suốt ba mươi năm. Năm 1981, tôi được trả tự do, tôi muốn tìm một bộ Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, chẳng có! Có rất nhiều vấn đề thấy rất bình thường, rất rõ rệt, nhưng cho đến khi sự thật hiện tiền, chẳng có cách nào hết! Chẳng có cách nào, đó là gì? Chúng ta thường nói là nghiệp chướng, do nghiệp đã tạo bèn gây thành tất cả chướng nạn!

(Kinh) Hữu như thị đẳng chướng nạn sự giả, đương dụng mộc luân tướng pháp, chiêm sát thiện ác túc thế chi nghiệp, hiện tại khổ, lạc, cát, hung đẳng sự.

(經)有如是等障難事者，當用木輪相法，佔察善惡宿世之業，現在苦、樂、吉、凶等事。

(Kinh: Có các chuyện chướng nạn như thế, hãy nên dùng cách mộc luân tướng để chiêm nghiệm, suy xét nghiệp thiện ác trong đời trước, và các chuyện khổ, lạc, cát, hung v.v... trong hiện tại).

Có các chuyện gây chướng nạn như vậy, tức các chuyện gây chướng nạn giống như tôi đã nói trong phần trước, vậy thì quý vị hãy dùng mộc tướng luân. Đáng tiếc là lúc đó luân tướng đều chẳng có. Quý vị nghĩ xem, quý vị có dám sử dụng hay không? Đã dùng chẳng được, mà cũng chẳng có, thứ gì cũng đều chẳng có. Hiện thời thì có thể dùng. Có lúc giữa tướng tượng và sự thật cách biệt ngàn dặm. Thuở ấy, tôi nghĩ thế

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

này: Làm sao các người diệt sạch cho được? Các vùng núi hay biên cương chắc là còn có các ngôi chùa nhỏ. Các người nói chung chẳng thể diệt hết sạch được. Sự thật hoàn toàn chẳng phải vậy, chẳng còn chi hết. Ai diệt? Chẳng phải chánh phủ, mà là hòa thượng, cũng như tỳ-kheo-ni. Trong nhà của tại gia cư sĩ, căn bản là cũng chẳng thể cất giấu tượng Phật, mà cũng chẳng thể giấu kinh sách. Có kẻ tại gia nào còn có tượng Phật hay không? Vẫn phải có, đặc biệt là tượng Quán Âm Bồ Tát. Đặc biệt là họ chẳng động đến Cửu Hoa Sơn, Phổ Đà Sơn cũng chẳng bị động đến. Tứ đại danh sơn đến nay vẫn còn bảo lưu, chẳng phải là dễ dàng bị diệt sạch! Nhưng rốt cuộc vẫn là chướng nạn. Có các chuyện chướng ngại như thế đó, quý vị hãy dùng pháp mộc luân tương! Khi đó, tôi thấy điều này, về sau lại giảng điều này, tôi đã thưa với Địa Tạng Vương Bồ Tát, tôi nói: “Bạch Địa Tạng Vương Bồ Tát! Khi đó, con đâu có thể xem kinh Chiêm Sát, đâu có thể dùng Chiêm Sát Luân, thứ gì cũng đều chẳng có”. Đó gọi là Nghiệp.

Quý vị mong chiêm nghiệm, xem xét nghiệp báo thiện ác trong đời trước, hoặc khô, lạc, cát, hung, nếu muốn chiêm nghiệm, suy xét các điều ấy, hãy dùng phép chiêm sát các tướng. Đối với chuyện chiêm sát này, quý vị phải học cách chiêm sát mộc luân trước đã. Chiêm Sát mộc luân [chia thành ba tiểu loại]:

1) Loại thứ nhất gồm mười cái luân. Mỗi cái luân không lớn, phải viết chữ lên. Viết gì vậy? Thân, khẩu, ý ba nghiệp, chủ yếu là thân, khẩu, ý. Thân, khẩu, ý thì thân đã phạm giết, trộm, dâm, miệng thì phạm nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói thô ác, ý niệm thì phạm tham, sân, si. Mười loại này gộp chung lại thành Thập Ác Nghiệp. Khi sử dụng luân tương, có thể thấy được trong thời gian bao lâu? Dùng mười luân ấy, có thể thấy vô lượng kiếp của quý vị. Quý vị dùng Chiêm Sát Luân, kinh văn cho biết, tất cả thiện nghiệp và ác nghiệp của quý vị từ vô lượng kiếp tới nay đều hiện tiền. Văn tự cho chúng ta biết, từ vô lượng kiếp tới nay chưa hề thanh tịnh, nhưng có quá khứ, “*vô lượng kiếp*” là nói đến quá khứ, nhưng do hiện tại vẫn tạo, cho nên có hiện tại. Do quý vị hiện tại đang tạo, nên lại dây dưa đến vị lai. Hiện tại quý vị chẳng thể tiêu trừ nghiệp trong quá khứ! Không chỉ chẳng tiêu, mà còn đang tạo thêm, cho nên dẫn đến tương lai. Quá khứ, hiện tại, tương lai, lại còn thêm căn bản vô minh. Đây là thập luân [thuộc tiểu loại thứ nhất trong Chiêm Sát Mộc Luân], tức mười cái luân. Ý nghĩa của Luân là giống như bánh xe, dường như vĩnh viễn chẳng ngừng, vĩnh viễn xoay như thế. Trừ phi quý vị dùng mười

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

luân, quý vị tu đạo thành tựu, cái bánh xe ấy sẽ ngừng, chẳng còn nữa! Do vậy, bộ luân thứ nhất gồm mười luân.

2) Các luân thuộc tiểu loại thứ hai là tam nghiệp, chỉ có [ba cái luân là] thân, khẩu, ý. Hoàn toàn chẳng phải là thân, khẩu, ý của quý vị đều rất ác, mà cũng chẳng phải là thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp đều bình đẳng. Chẳng phải vậy! Có khi thân nghiệp của quý vị đặc biệt nặng nề, có khi khẩu nghiệp hoàn toàn chẳng nặng, hoặc thân lẫn khẩu nghiệp đều chẳng nặng, nhưng ý nghiệp hết sức nghiêm trọng. Do vậy, làm ba cái luân “*thân, khẩu, nghiệp*” để tương ứng với tam nghiệp, tức thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp. [Trên mỗi mặt của cái luân thuộc loại này còn có các vạch dài, ngắn, đậm hay mỏng, biểu thị thiện hay ác, nặng hay nhẹ]. Khẩu nghiệp bao gồm bốn loại, tức nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói thô ác. Thân nghiệp bao gồm giết, trộm, dâm. Ý nghiệp bao gồm tham, sân, si. Chỉ gieo ba luân ấy, tức là thân, khẩu, ý.

3) Bộ luân thuộc tiểu loại thứ ba, gồm sáu luân. Sáu cái luân này [nơi mỗi mặt của một luân đều] ghi những con số, như một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín [cho đến số mười tám]. Ba con số ấy [tức là gieo sáu cái luân này ba lần, mỗi lần sẽ được các con số hiện ra], khi gieo xong, sẽ cộng lại. Khi chúng tôi giảng đến phần kinh văn tương ứng, sẽ lại giải thích cặn kẽ. Sau đó, sẽ dùng một luân làm mẫu cho quý vị thấy.

Đó gọi là tam luân (ba loại luân). Dùng luân tương ứng để chiêm sát (chiêm nghiệm, suy xét) điều gì? Chiêm sát nghiệp thiện hay ác trong quá khứ của quý vị. Đối với các luân thuộc tiểu loại thứ nhất, hề chiêm sát sẽ biết thiện nghiệp của ta so với ác nghiệp, cái nào nặng hơn, tức là đỏ nhiều hay đen nhiều? Đen nhiều là ác nghiệp nặng nề. Ba loại luân ấy mà đỏ nhiều tức là thiện nghiệp sâu đậm. Nếu chúng ta thấy đen nhiều thì phải làm như thế nào? Bái sám. Đó gọi là Chiêm Sát Sám Pháp, phải lạy mỗi ngày. Sáng sớm mỗi ngày đều gieo Chiêm Sát Luân, cái luân ấy sẽ tùy thời biến hóa. Quý vị lạy cho đến khi nào luân gieo ra toàn là đỏ, tức ba nghiệp thanh tịnh. Khi quý vị đã chiêm sát được tam nghiệp thanh tịnh, chẳng đợi đến lúc ba nghiệp hoàn toàn thanh tịnh, quý vị nằm mộng đều khác hẳn trước kia. Những giấc mộng đáng sợ trước kia chẳng còn nữa! Mộng thấy nghe kinh, hoặc thuyết pháp, hoặc gặp bậc thiện nhân, gặp đạo hữu, vẫn chưa thể mộng thấy Bồ Tát. Đợi cho đến khi gieo một luân, ba nghiệp đều thanh tịnh, luân tương ứng thanh tịnh, quý vị sẽ thường xuyên mộng thấy Bồ Tát. Đây là chiêm sát tội nghiệp trong đời trước.

(Kinh) Duyên hợp cố hữu, duyên tận tắc diệt, nghiệp tập tùy tâm. Tướng hiện quả khởi, bất thất, bất hoại, tương ứng bất sai.

(經)緣合故有，緣盡則滅，業集隨心。相現果起，不失不壞，相應不差。

(Kinh: Do duyên hợp bèn có, duyên tận thì diệt, nghiệp nhóm hợp do tâm. Tướng hiện, quả bèn dấy lên, chẳng mất, chẳng hoại, tương ứng chẳng sai).

Chiêm sát nghiệp trong đời quá khứ, đó là nói tới nhân duyên. Vì thế, Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: “*Duyên hợp cố hữu*” (Do duyên hợp bèn có). Duyên hợp vì hiện thời quý vị có cái duyên mong cầu, cùng với duyên và nhân trong quá khứ, nhân duyên hòa hợp, cho nên bèn có tướng. Nếu ta chẳng có duyên, duyên đã không có thì luân tướng cũng chẳng có, tướng hiện bởi duyên liền diệt. Có duyên bèn hiện, không có duyên bèn không. “*Nghiệp tập*” ở đây chính là khá nhiều các nghiệp đã tích tập trong quá khứ và hiện tại nhóm tụ lại. “*Nghiệp tập tùy tâm*” nghĩa là tâm quý vị chuốc vùi, nghiệp bèn thuận theo cái tâm mà nhóm tụ. Tướng vừa hiện, tức là luân tướng vừa hiện, cái quả bèn dấy khởi, quý vị sẽ thọ báo. “*Tướng hiện, quả khởi, bất thất, bất hoại, tương ứng bất sai*”: Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Khi dùng luân tướng này, sẽ tuyệt đối tương ứng, chẳng sai sót mảy may! Nhưng đối với quý vị, điều chủ yếu là sám pháp! Nếu quý vị chẳng sám, sử dụng ba loại luân [để chiêm sát], sẽ chẳng linh! Quý vị sám, hằng ngày đều sám, hằng ngày đều gieo, luân tướng sẽ tùy thời biến hóa. Tuy quý vị hằng ngày đều sám, nhưng cái tâm chẳng chân thành. Trong kinh vẫn còn nói tới chí tâm, [chia thành các loại]: Chẳng chí tâm, hạ chí tâm, trung chí tâm, và thượng chí tâm. Quý vị chế tâm nhất xứ để sám rồi gieo Chiêm Sát Luân. “*Chế tâm nhất xứ*” có nghĩa là “*tâm vô nhị dụng*”, sẽ hiện tướng bất đồng. Quý vị dụng tâm tạp loạn, tướng Đông, nghĩ Tây, luân tướng bèn cho quý vị biết: Quý vị đừng nên suy nghĩ loạn xạ, chẳng linh nghiệm. Quý vị phải lay lại từ đầu. Đây là nói tới pháp Đại Thừa, pháp Đại Thừa nói “*nhất tâm*” tức là nói đến Chân Như. Chân Như tùy duyên. Chân Như thuận theo các duyên nào vậy? Thuận theo các nghiệp duyên quý vị đã tạo. Quý vị tạo thiện nghiệp, Chân Như sẽ thuận theo thiện nghiệp duyên của quý vị. Quý vị tạo ác nghiệp, Chân Như sẽ thuận theo ác nghiệp duyên của quý vị.

Tôi vừa mới nói “mọi người đều là Phật”, [vị Phật ấy] vốn sẵn có, là Lý cụ (理具, trọn đủ về lý); nhưng do nghiệp duyên của quý vị quá nặng, vị Phật ấy chẳng hiện, ẩn mất. Quý vị sám hối trừ sạch các ác nghiệp duyên ấy, [vị Phật sẵn có] lại hiện, tức bản tánh Phật của quý vị lại hiện. Hết thấy các pháp sanh từ nhân duyên, các pháp sanh từ duyên chẳng trụ trong từng sát-na. Trong một nháy mắt, tâm niệm chúng ta sanh diệt chín mươi lần, niệm này khởi, niệm kia diệt. Một niệm khởi lên trong chín mươi niệm ấy được gọi là sát-na. Trong một sát-na, tức là trong lúc quý vị khởi tâm động niệm, sanh duyên trong suốt một ngày, mỗi niệm đều là sanh duyên. Vì thế, khi quý vị muốn dùng Chiêm Sát Luân, trước hết phải nhận biết nó (hiện tướng) là chân thật, hay hư vọng, hay tiêu diệt. Địa Tạng Bồ Tát sẽ cho quý vị biết: Hiện tướng nào là tiêu diệt? Hiện tướng nào là sanh khởi! Thong thả học tới phần kinh văn phía sau, trong kinh văn sẽ cho quý vị biết, quý vị sử dụng Chiêm Sát luân tướng, [những tướng ấy] sẽ hiển hiện. Quý vị có biết nghiệp trong quá khứ của quý vị nặng cỡ nào hay không? Luân tướng sẽ nói cho quý vị biết. Quý vị thường xuyên bái sám, [các nghiệp ấy] sẽ giảm bớt rất nhiều, [luân tướng] cũng nói rất rõ ràng với quý vị. Nhưng giảm thiểu tới [mức độ chỉ còn sót lại] căn bản vô minh thì rất khó. Do đó, quý vị cứ bái sám đi! Khi nào bái tới mức tắt cả luân tướng đều là màu đỏ⁵. Bốn mặt của mỗi luân tướng có lúc đỏ, có lúc đen. Vạch đỏ lớn tức là đại thiện, vạch đỏ nhỏ tức là tiểu thiện. Vạch đen lớn tức là điều ác quá nặng. Vạch đen nhỏ là điều ác nhỏ. Sự biến hóa của luân tướng được quyết định bởi sự bái sám của quý vị. Đời người của chúng ta có họa và phước, có thiện và ác. Bất luận kẻ nào cũng chẳng phải là thuần thiện hay thuần ác. Kẻ đó có khi làm chuyện tốt, có lúc làm chuyện xấu, thiện ác xen lẫn. Nhưng khi quý vị đánh lễ, trong khi quý vị được Địa Tạng Bồ Tát dạy bảo cách tu hành, màu đỏ sẽ dần dần tăng trưởng (tức điều thiện tăng trưởng), điều ác sẽ dần dần tiêu mất. Tuy vậy, chẳng phải là trong một thời gian ngắn. Có người bái sám suốt hai ba năm, có người bái sám sắp tương ứng thì chướng ngại xuất hiện. Ở Đài Loan, tôi có một tiểu đạo hữu, nó lạy Chiêm Sát Sám hết sức tương ứng, hiện thời thì sao? Nó hoàn tục. Đó gọi là nghiệp chướng phát hiện, nó chống không nổi nghiệp chướng!

⁵ Vì mỗi luân tướng có bốn mặt, trên mỗi mặt viết các chữ (chẳng hạn trong tiểu loại thứ nhất, Ý Ngữ viết bằng màu đen, Bất Ý Ngữ viết bằng màu đỏ), các vạch (trong tiểu loại thứ hai, vạch dài đen đậm tượng trưng cho ác nghiệp nặng), các con số (sẽ có màu đen hay đỏ để biểu thị thiện hay ác).

(Kinh) Như thị để chiêm thiện ác nghiệp báo, hiểu dụ tự tâm, u sở nghi sự, dĩ thủ quyết chi.

(經)如是諦占善惡業報，曉喻自心，於所疑事，以取決之。

(Kinh: Chiêm sát chắc thật nghiệp báo thiện ác như thế, răn nhủ tự tâm, đối với những chuyện nghi nan, dùng pháp này để quyết đoán).

Do vậy, dùng sự chiêm nghiệm nghiệp báo thiện ác chắc thật như thế. “*Để chiêm*” là đúng lý mà chiêm nghiệm, chiêm nghiệm nghiệp báo do thiện nghiệp và ác nghiệp của quý vị. “*Hiểu dụ tự tâm*”: Khiến cho cái tâm của quý vị hiểu rất rõ điều nào là đúng, điều nào là sai! Quý vị chẳng biết, luân tướng sẽ bảo cho quý vị biết, quý vị có thể chọn lựa. Quý vị sanh cái tâm này chẳng đúng, khi quý vị bái sám chẳng chí tâm, hoặc hạ chí tâm (chí tâm bậc hạ) cũng chẳng có, thì [khi gieo các luân tướng], hoàn toàn chẳng có hiệu quả. Điều thứ nhất là phải chí tâm, phải chế tâm nhất xứ. Trong kinh văn thuộc phần sau, chúng tôi sẽ lại nói đến chuyện này. Khi “*để chiêm*” [thì việc gieo Chiêm Sát Luân] chẳng phải là Sự (tức là chẳng phải làm một cách hời hợt, mang tính chất cầu hỏi như bói toán, không thật sự dùng như một phương tiện để khích lệ, tự thẩm định việc tu hành của chính mình), chẳng giống như quý vị gieo luân tướng rồi nhìn, [làm như thế] thì là Sự. “*Để*” là tâm phải tương ứng với nó. Tâm là Lý, phải lý chiêm, đừng nên sự chiêm. Nói cách khác, quý vị phải đúng như lý mà chiêm, phải thật sự dụng tâm. [Chiêm sát] chẳng phải là bói toán. Tới chỗ thầy bói để đoán quẻ, phê bát tự, tôi đưa cho quý vị mấy đồng tiền, quý vị tính cho tôi một quẻ là được. [Chỉ hời hợt coi pháp Chiêm Sát như bói toán], há có tác dụng gì? Chớ nên! Pháp này phải toàn tâm toàn ý đánh lễ, bái sám. [Pháp này] vốn là vô tướng, vô tướng biến thành hữu tướng, hữu tướng lại biến thành vô tướng. “*Hữu tướng*” là hết thấy sự nghiệp tội ác của quý vị đều có tướng. Quý vị lễ lạy là vô tướng, [thì tội chướng] tiêu mất, sẽ là vô tướng. Quý vị có bất cứ chuyện ngờ vực nào, [hoặc thắc mắc] chuyện ấy nên làm như thế nào, chính mình chẳng thể quyết định được, vậy thì quý vị hãy thưa hỏi Địa Tạng Vương Bồ Tát! Quý vị thấp hương, đánh lễ. Đánh lễ xong, quý vị dùng Chiêm Sát Luân để chiêm nghiệm. [Tuy các luân chỉ có mười chín khối, nhưng từ kết quả phối hợp giữa các mặt trong mỗi luân, kết quả] sẽ có một trăm tám mươi

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chín loại. Vì sao? Một trăm tám mươi chín loại là vì tương ứng với lục căn, tức Nhân Căn, Nhĩ Căn, Ty Căn, Thiệt Căn, Thân Căn, Ý Căn là sáu căn, lại thêm Nhân, Nhĩ, Ty, Thiệt, Thân, Ý sáu thức. Sáu căn, sáu thức, cộng thêm sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, ba lần sáu là mười tám, mười tám món ấy cộng thêm căn bản vô minh, thành mười chín loại [cho nên có mười chín khối mộc luân]. Trong ấy có sự biến hóa rất lớn. Sự biến hóa ấy từ đâu mà có? Do cái tâm của quý vị. Suốt một ngày, một thoáng chốc này quý vị nghĩ điều này, chốc lát sau nghĩ tới điều khác, luân tướng sẽ tùy thời biến đổi theo. Nhưng khi quý vị bái sám, quý vị nhất tâm nhất ý bái. Nếu hôm nay quý vị bái rất tương ứng, đã tương ứng thì công lực lễ bái của quý vị sẽ tương ứng với sự dạy bảo của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Khi quý vị bái sám, Địa Tạng Vương Bồ Tát nhất định sẽ đến.

Tập 4

(Kinh) Nhược Phật đệ tử dẫn đương học tập như thử tướng pháp, chí tâm quy y, sở quán chi sự, vô bất thành giả.

(經)若佛弟子但當學習如此相法，至心歸依，所觀之事，無不成者。

(Kinh: Nếu đệ tử Phật có thể học tập tướng pháp như thế thì chuyện được quán không gì chẳng thành tựu).

[“*Tướng pháp*” được nói trong chánh kinh] chính là “*mộc luân tướng pháp*”. Mộc luân tướng pháp là hữu tướng, nhưng tâm chí thành là vô tướng. Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Giả sử chúng sanh trong đời vị lai nếu mong học tập mộc luân tướng pháp thì phải có chí tâm. Kinh văn trong phần sau sẽ nói đến ba loại chí tâm. “*Chí tâm*” có nghĩa là trực tâm, chẳng có chút cong vạy nào, tức là không có niệm tâm thứ hai. Chỉ có một niệm tâm thì là trực tâm. Trực tâm có cùng một hàm nghĩa với chí tâm. Nếu quý vị học tập mộc luân tướng pháp như thế, chí thành, khẩn thiết tin tưởng lời dạy bảo của Địa Tạng Vương Bồ Tát, chiếu theo lời dạy trong kinh văn, chiếu theo những điều nên làm như trong [mộc luân] tướng pháp đã nói để làm theo, mọi chuyện quý vị đã quán sẽ đều đúng lý. “*Đúng lý*” có nghĩa là mọi chuyện đều tương ứng với cái tâm, sự và tâm tương ứng, tâm chính là Lý, Lý có thể thành tựu

Sự. “*Lý có thể thành tựu Sự*” chính là hết thấy mọi sự đều có thể thành tựu.

(Kinh) Bất ưng khí xả như thị chi pháp, nhi phản tùy trực thể gian bốc phệ chủng chủng chiêm tướng cát hung đẳng sự, tham trước, nhạo tập. Nhược nhạo tập giả, thâm chương thánh đạo.

(經)不應棄捨如是之法，而返隨逐世間卜筮種種占相吉凶等事，貪着樂習。若樂習者，深障聖道。

(Kinh: Chớ nên vứt bỏ pháp như thế để ngược ngạo chạy theo, tham đắm, ưa thích luyện tập các thứ bói toán cát hung trong thế gian. Nếu ham thích luyện tập [những thứ ấy] sẽ chương ngại thánh đạo sâu xa).

Nếu chẳng nương theo Chiêm Sát Luân tướng pháp, vứt bỏ pháp môn này, chẳng hạn như coi vấn đề ấy giống như chuyện bói toán, xù quẻ thế gian để tìm biết cát, hung, họa, phước, sẽ hết sức chương ngại thánh đạo! Vì nửa đầu của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo là cơ sở của nửa bộ sau. Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thỉnh cầu do ý nghĩa: “Trong thời kỳ Mật Pháp này, đệ tử Phật tu đạo thành tựu ít ỏi, người thành đạo hết sức ít, do nguyên nhân gì?” Địa Tạng Vương Bồ Tát nói nguyên nhân chủ yếu là do chẳng chí tâm. “*Chẳng chí tâm*”: Tâm không thành khẩn là “*chẳng chí tâm*”. Do vậy, ắt cần phải chí tâm.

Trong phần sau, kinh văn sẽ nói cặn kẽ về chí tâm, sẽ nêu ra ba loại chí tâm, chẳng phải như chúng ta thường nói “*đạt tới chí tâm*”, [“*chí tâm*” như chúng ta thường nói chính là] nhờ vào tướng mà sanh tâm. Tâm có thể sanh ra tướng, đừng nên coi đó như chuyện bói toán, phê bát tự của thế gian, hoàn toàn khác hẳn! Nếu vứt bỏ sự học tập một luân tướng pháp này để học tập pháp thế gian, tức các pháp bói toán, xù quẻ thuộc về hình tướng của thế gian, thì không chỉ chẳng thể đạt được lợi ích, mà trái lại nó còn chương ngại quý vị tu đạo. Pháp như thế là pháp gì vậy? Nói theo hình tướng thì là một luân tướng pháp; nói theo nghĩa, sẽ là cảnh giới Nhất Thật trong kinh văn thuộc phần sau [kinh này]. Vứt bỏ tướng cảnh giới Nhất Thật, chạy theo tướng thế gian thì không chỉ chẳng thể thành tựu, mà còn rất chương ngại thánh đạo. Đến đoạn kinh văn thuộc phần sau, chúng tôi sẽ giảng, chỉ giảng về cảnh giới Nhất Thật. Tướng cảnh giới Nhất Thật ấy cũng chính là “*minh tâm kiến tánh*” được nói trong

Thiên Tông. Mộc luân tướng pháp là do nương theo tướng mà có thể hiểu rõ tâm tánh của chính mình. Phải học tập mộc luân tướng pháp như thế nào?

(Kinh) Thiện nam tử! Dục học mộc luân tướng giả, tiên đương khắc mộc, như tiểu chỉ hứa, sử trường đoản giảm ư nhất thốn. Chánh trung linh kỳ tứ diện phương bình, tự dư hướng lưỡng đầu, tà tiệm khứ chi. Ngưỡng thủ bàng trịch, linh sử dịch chuyển. Nhân thị nghĩa cố, thuyết danh vi Luân.

(經)善男子! 欲學木輪相者, 先當刻木, 如小指許, 使長短減於一寸。正中令其四面方平, 自餘向兩頭, 斜漸去之。仰手傍擲, 令使易轉。因是義故, 說名為輪。

(Kinh: Này thiện nam tử! Muốn học mộc luân tướng, trước hết hãy nên khắc gỗ [thành từng khối] nhỏ chừng bằng ngón út, nhưng giảm kích thước bớt một tấc. Phần chính giữa [của mỗi khối] hãy nên chuốt thành bốn mặt vuông vắn (khối lập phương), phần còn lại cho đến hai đầu thì vát cho nhỏ dần đi. Ngửa tay mà gieo trên chỗ thanh tịnh⁶, khiến cho các khối ấy xoay chuyển. Do vì nghĩa này mà gọi là Luân).

Này thiện nam tử! Nếu ông muốn học mộc luân tướng, ta sẽ nói về ý nghĩa hình tướng: Trước hết, khắc gỗ [thành từng khối], to chừng bằng ngón út, nhưng kích thước giảm bớt một tấc. Phần chính giữa [của mỗi khối gỗ ấy] thì khắc thành bốn mặt vuông vắn, phần còn lại thì vát xéo cho nhỏ dần đi. Ngửa tay để gieo xuống vật thanh tịnh, khiến cho [các khối gỗ ấy] dịch chuyển. Do vì nghĩa này, nên gọi [các khối gỗ đã khắc ấy] là Luân. Nếu mọi người từ xa chẳng thấy rõ hình tướng lắm thì sau đó có thể chuyển tay nhau để xem. Đó gọi là “mộc luân” trong mộc luân tướng pháp.

Kinh này được dịch ra, lịch đại tổ sư chẳng làm mộc luân tướng pháp. Mãi cho đến đời Minh, Ngẫu Ích đại sư mong đắc thanh tịnh giới, Ngài quán khắp Nam Diêm Phù Đề (tức Nam Thiệm Bộ Châu), mong thỉnh năm vị tỳ-kheo thanh tịnh để truyền giới tỳ-kheo mà chẳng có. Vì thế, Ngài chẳng có cách nào, bèn tìm trong Đại Tạng Kinh, tìm được kinh

⁶ “Bàng trịch” (傍擲) được giải thích là cầm luân tướng gần với vật thanh tịnh, như khăn sạch, vải sạch rồi gieo luân tướng xuống đó.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Tuy tìm được kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, nhưng Ngài chẳng biết làm mộc luân, chẳng hiểu hình tướng của mộc luân. Liên quan đến lời mô tả của Địa Tạng Bồ Tát về kích thước của mộc luân, “*khắc gỗ to bằng ngón út, sao cho kích thước của nó giảm bớt một tấc, [phần chính giữa] bốn mặt vuông vức*”, mọi người chuyền tay nhau xem bộ luân tướng này sẽ biết. Khi gieo thì ngửa tay lên, bụm luân tướng để gieo. Do vậy gọi là Luân.

(Kinh) Hựu y thử tướng, năng phá hoại chúng sanh tà kiến nghi võng, chuyển hướng chánh đạo, đáo an ổn xứ. Thị cố danh Luân.

(經)又依此相，能破壞衆生邪見疑網，轉向正道，到安隱處。是故名輪。

(Kinh: Lại do nương theo tướng này mà có thể phá hoại lưới nghi tà kiến của chúng sanh, chuyển hướng theo chánh đạo, tới chỗ an ổn. Vì thế gọi là Luân).

Nương theo luân này, sẽ dấy lên tác dụng gì? Có thể trừ sạch lưới nghi tà kiến của chúng sanh. Chúng ta chẳng thể thành đạo, chẳng thể khai ngộ, [vì] nghi hoặc quá nhiều. Tà tri tà kiến ấy giống như cái lưới bắt cá. Nương theo mộc luân ấy, có thể phá trừ lưới tà kiến, chuyển hướng chánh đạo, đạt tới chỗ an ổn. “Luân” (bánh xe) có nghĩa là nghiền nát, đó là cách nói hình dung: Phiền não, Kiến Tư phiền não, Trần Sa, Vô Minh của quý vị đều có thể bị nghiền nát, phá tan. Vì thế gọi là Luân.

Vì sao pháp do đức Phật đã nói được gọi là “*pháp luân*”, [như kinh thường nói] “*pháp luân thường chuyển*”? Chính là khiến cho pháp do đức Phật đã nói vĩnh viễn tồn tại trên thế gian. Luân ấy hoàn toàn nghiền nát Kiến Tư, Vô Minh, Trần Sa phiền não của quý vị, cho nên gọi là “*pháp luân thường chuyển*”. Mong mỗi pháp luân thường chuyển; do vậy gọi là Luân.

(Kinh) Kỳ luân tướng giả, hữu tam chủng sai biệt. Hà đẳng vi tam? Nhất giả, luân tướng năng thị túc thể sở tác thiện ác nghiệp chủng sai biệt. Kỳ luân hữu thập. Nhị giả, luân tướng năng thị túc thể tập nghiệp cửu cận sở tác cường, nhược, đại, tiểu sai biệt. Kỳ luân hữu tam. Tam giả, luân tướng năng thị tam thể trung thọ báo sai biệt. Kỳ luân hữu lục.

(經)其輪相者，有三種差別。何等爲三？一者、輪相能示宿世所作善惡業種差別。其輪有十。二者、輪相能示宿世集業久近所作強、弱、大、小差別。其輪有三。三者、輪相能示三世中受報差別。其輪有六。

(Kinh: Luân tướng ấy có ba loại sai biệt. Những gì là ba? Một là luân tướng có thể chỉ bày các thứ nghiệp thiện ác sai biệt đã tạo trong đời trước. Luân loại này có mười cái. Thứ hai là luân tướng có thể chỉ bày các tập nghiệp đã lâu hay gần đây, đã tạo nghiệp mạnh, yếu, lớn, nhỏ sai khác. Luân loại này có ba cái. Thứ ba là luân tướng có thể chỉ bày sự thọ báo sai biệt trong ba đời. Loại luân này có sáu cái).

Do vậy, Địa Tạng Vương Bồ Tát nói luân tướng ấy vì sao phải có sai biệt nhiều ngàn ấy? Vì chúng sanh có ý niệm sai khác nhiều ngàn ấy! Đối với ba loại sai biệt, mọi người xem kinh văn sẽ biết ba loại ấy. Ba loại luân tướng, mỗi loại đều có tác dụng riêng:

- Loại luân tướng thứ nhất chỉ bày các nghiệp sai khác trong đời trước. Thiện nghiệp có rất nhiều sai biệt, ác nghiệp cũng có rất nhiều sai biệt. Luân loại này có mười cái, tức là loại luân thứ nhất có mười khối.

- Loại luân tướng thứ hai chỉ bày nghiệp do quý vị đã tạo trong đời trước. Tập nghiệp ấy rất gần đây hay rất lâu. Hiện thị nghiệp ấy là gần hay xa, [“gần” là] nghiệp mới tạo trong một hai đời, [“xa” là] nghiệp đã tạo trong nhiều đời, hoặc vô lượng đời. Nghiệp lực có mạnh hay yếu. Lâu xa hay gần đây là một chuyện, mạnh hay yếu càng có mối quan hệ quan trọng hơn. Mạnh sẽ chuyển đời trước, tức là nghiệp nào có sức mạnh mẽ, nghiệp đó sẽ chuyển đời quý vị theo nó. Tạo nghiệp mạnh hay yếu, tạo nghiệp lớn hay nhỏ sai khác. Luân loại này có ba khối.

- Loại luân tướng thứ ba có thể hiển thị sự thọ báo sai biệt của quý vị trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Loại luân này có sáu khối.

Loại luân thứ nhất gồm mười khối, loại luân thứ hai gồm ba khối, loại luân thứ ba gồm sáu khối, [tổng cộng là] mười chín khối. Con số mười chín do đâu mà có? Do khi chúng ta tạo nghiệp, sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu trần là Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp. Khi Căn và Trần tiếp xúc, chúng chẳng có tác dụng [nếu không có thức]. Nhãn Căn đối ứng Sắc Trần mà giữa đó chẳng có Thức thì Nhãn Căn và Sắc Trần chẳng có tác dụng. Phân biệt hết thấy các sắc, xanh, hồng, đỏ, trắng, đen.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Sự phân biệt màu sắc ấy là do Thức phân định, chẳng do Căn. Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp ở bên ngoài đối ứng với sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân.

Căn đối ứng Trần chẳng dấy lên tác dụng; dấy lên tác dụng là do Thức ở chính giữa. Phân biệt đỏ, hồng, vàng, đen, trắng, lam là do Thức của quý vị nhận biết. [Nhãn] Căn đối Sắc Trần, chính giữa có Nhãn Thức, Nhãn Thức nhận biết màu sắc. Vì ba loại sáu căn, sáu trần, sáu thức hợp lại, thành mười tám. Khi chúng ta tạo hết thấy các nghiệp, sẽ chẳng ra ngoài mười tám loại ấy, lại còn thêm căn bản vô minh, nên thành mười chín luân. Mười chín luân ấy sẽ tính toán, hiển hiện các nghiệp quý vị đã tạo trong quá khứ, hiện tại, và vị lai.

Vị lai còn chưa đến, có thể hiển hiện bằng cách nào? Những gì quý vị đã làm trong đời này. Nghiệp do quý vị đã làm trong đời này là nhân, vị lai bèn chịu khổ quả, hoặc hưởng lạc quả, tùy thuộc quý vị đã tạo nghiệp gì, sẽ phải thọ báo tương ứng. Vì nghiệp do quý vị đã làm trong quá khứ là nhân, những gì đích thân hứng chịu trong hiện tại là quả. Đó gọi là “tam thế nhân quả”, ba thứ luân tương ấy đều có thể hiển hiện. Hễ quý vị vừa gieo [luân tương], quý vị có thể khai thần thông. Thần thông gì vậy? Biết trong quá khứ ta đã làm nghiệp gì, đời này phải hứng chịu quả báo gì! Hết thấy các chuyện ta đã làm trong đời này là nhân; trong vị lai, quý vị nhất định phải thọ báo. Luân tương bảo cho quý vị biết điều ấy. Nếu quý vị muốn biết quả báo cảm vờ do nghiệp thiện hay ác đã tạo trong đời trước, [hãy nên biết quả báo] chính là những gì quý vị phải hứng chịu trong đời này. Luân tương cũng cho quý vị biết rõ: Quý vị đã tạo nghiệp gì, đời này đạt được quả báo ấy. Thiện có thiện báo, ác có ác báo. Chưa báo ứng là vì chưa đến lúc; đã đến lúc, sẽ có báo ứng.

Nhưng trong hết thấy các sự việc chúng ta đã làm, trong các hoạt động của quý vị, bất luận là thiện nghiệp hay ác nghiệp, quý vị đều đang tạo nghiệp. Phàm là những lời lẽ quý vị thốt ra, những điều tâm suy nghĩ, thân gây tạo [đều là nghiệp]. Miệng quý vị nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói lời thô ác. Chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói đôi chiều, chẳng nói lời thô ác; đây là thiện. Nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói lời thô ác là ác. Thân nghiệp tạo giết, trộm, dâm, tư tưởng suy nghĩ tham, sân, si. Tất cả hoạt động trong suốt một ngày của quý vị, ban đêm, khi quý vị ngủ, bèn có độc đầu ý thức⁷ vẫn đang tạo nghiệp chẳng

⁷ Độc đầu ý thức (獨頭意識): Theo Tướng Tông, thức thứ sáu chia thành bốn loại minh liễu (tức thức nhận biết khi căn tiếp xúc trần), định trung (ý thức ở trong định), mộng

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

ngừng, suốt ngày đêm chẳng ngừng! Vì căn bản của mười tám loại ấy là vô minh. Loại vô minh sâu nhất là Nghi. Nó là Hoặc nghiệp sâu nhất, đều sanh từ vô minh, cho nên khi muốn nhận ra nó thì phải dùng mười chín loại luân tướng, tức là dùng mộc luân tướng để gieo.

(Kinh) Nhược dục quán túc thể tác thiện ác nghiệp sai biệt giả, đương khắc mộc vi thập luân. Y thử thập luân, thư ký Thập Thiện chi danh, nhất thiện chủ tại nhất luân, ư nhất diện ký. Thứ dĩ Thập Ác thư đối Thập Thiện, linh sử tương đương, diệc các ký tại nhất diện.

(經)若欲觀宿世作善惡業差別者，當刻木為十輪。依此十輪，書記十善之名，一善主在一輪，於一面記。次以十惡書對十善，令使相當，亦各記在一面。

(Kinh: Nếu muốn quán sự sai biệt của nghiệp thiện hay ác đã tạo trong đời trước, hãy nên khắc gỗ thành mười cái luân. Đối với mười cái luân ấy, bèn ghi tên của Thập Thiện. Mỗi Luân ghi một điều thiện tại một mặt. Kế đó, ghi tên của Thập Ác đối ứng với Thập Thiện, sao cho chúng đối ứng nhau, mỗi điều cũng đều ghi tại một mặt [đối diện với mặt ghi điều thiện] nơi mỗi luân).

Đương nhiên là quý vị vẫn phải học cách sử dụng loại luân pháp này. Dựa theo văn tự, sợ rằng vẫn chưa rõ ràng cho lắm! Tới khi quý vị chiêm sát, đối chiếu với lời dạy của Địa Tạng Vương Bồ Tát [sẽ hiểu rõ hơn]. Quý vị quán thiện nghiệp và ác nghiệp trong quá khứ, chúng được gọi là “*chủng tử*”. Quý vị gieo luân tướng, gieo ra điều thiện, cho biết thiện nghiệp rất nặng, ác nghiệp rất nhẹ. Vì thế, thấy luân tướng đỏ (luân tướng hiện mặt chữ có màu đỏ) biểu thị điều thiện. Ác nghiệp được viết bằng màu đen, nhằm biểu thị ác nghiệp. Còn nếu chẳng thuộc vào thiện mà cũng chẳng rơi vào ác, mặt luân ấy để trống, chẳng viết chữ. Mỗi luân tướng [thuộc loại thứ nhất này] có hai mặt [viết chữ đối diện nhau, nghiệp thiện viết bằng màu đỏ, nghiệp ác viết bằng màu đen, hai mặt còn lại để trống], tùy thuộc quý vị có chủng tử thiện hoặc ác hay không.

trung (ý thức trong giấc mộng) và độc tán (ý thức khởi lên độc lập). Ba loại sau do chẳng liên quan với năm thức trước (nhãn thức, nhĩ thức...), nên được gọi chung là Độc Đầu Ý Thức.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Loại luân tướng thứ hai để nhận biết thiện ác của quý vị là mạnh hay yếu. Trong quá khứ, chúng ta đã tạo ác nghiệp mạnh mẽ, hay thiện nghiệp mạnh mẽ. [Ác nghiệp mạnh mẽ] thì sẽ [biểu thị bằng một vạch] màu đen, thô, nặng; luân tướng hiển thị cho quý vị [như thế đó]. Thiện nghiệp to thì [được biểu hiện trên luân tướng] bằng một vạch đỏ rất dài. [Vạch biểu thị] thiện nghiệp ngắn tức là thiện nghiệp nhỏ. Tạo thiện nghiệp chẳng lớn, thì được biểu hiện bằng vạch ngắn màu đỏ. Loại luân tướng thứ hai để quán nghiệp thiện hoặc ác của quý vị mạnh hay yếu.

Loại luân tướng thứ ba là quả báo trong ba đời quá khứ, hiện tại, và vị lai [được biểu thị trên mỗi luân tướng] bằng các con số, gồm một trăm sáu mươi con số, tức là quả báo phải chịu trong hiện tại. Khi quý vị gieo luân tướng để hỏi chuyện, hoặc là khi quý vị buôn bán cũng thế, hoặc quý vị hỏi chuyện bệnh tật sẽ lành hay nặng hơn, chuyện gì cũng chẳng ra ngoài một trăm sáu mươi con số ấy. Có mười một số thuộc về quá khứ, có mười tám số thuộc vị lai, tức là hai mươi chín số thuộc về quá khứ và vị lai, cộng thêm với một trăm sáu mươi số [thuộc hiện tại], tổng cộng thành một trăm tám mươi chín trường hợp. Con số [một trăm tám mươi chín] được sanh ra như thế đó. Sáu căn, sáu trần, sáu thức, ba lần sáu mươi tám, cộng thêm căn bản vô minh thành mười chín món, hợp thành mười chín cái luân.

Do một trăm tám mươi chín con số ấy, khi dùng một luân liên quan đến ba đời, quý vị muốn hỏi điều gì, bèn gieo luân tướng thuộc loại ấy, chẳng phải là nhất loạt đều gieo hết [cả ba loại luân]. Quý vị hỏi chuyện quá khứ thì gieo luân thuộc về quá khứ; hỏi chuyện vị lai thì gieo luân thuộc vị lai, hỏi chuyện hiện tại thì gieo luân thuộc hiện tại. Cách dùng của ba thứ luân ấy khác nhau; nhưng khi dùng luân, nhất định phải dựa trên bái sám, cầu sám hối, bái Chiêm Sát Sám. Kinh Chiêm Sát có Chiêm Sát Sám Pháp và Tướng Pháp. Quý vị đã thất thanh tịnh, lạy suốt bảy ngày, dùng Chiêm Sát Luân để chiêm sát một phen xem thiện nghiệp, ác nghiệp tồn tại của quý vị lớn, nhỏ, mạnh, yếu, nhiều, ít, luân tướng đều cho quý vị biết tường tận. Vì trong một trăm sáu mươi [con số thuộc hiện tại], thêm vào mười một số [thuộc quá khứ], thành một trăm bảy mươi một, lại thêm mười tám số [thuộc vị lai], thành một trăm tám mươi chín. Vì ba lần sáu thành mười tám, mười tám nhân với mười thành một trăm tám mươi, lại thêm quá khứ, hiện tại, vị lai của đời này, [đời trước, và đời sau, tức là ba lần ba thành chín], cho nên một trăm tám mươi cộng thêm chín bằng một trăm tám mươi chín. Cội nguồn của những con số ấy là như thế đó. Chúng đều hiển thị cái nghiệp của quý vị. Do vậy, khi quý vị sám

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

hồi, trọng điểm là phải phát lộ sám hối. Nghiệp nào nặng bèn sám hối nghiệp ấy, sám hối nghiệp ấy trước hết.

Vì thế, lúc thoát đầu, khi quý vị bắt đầu bái sám, gieo luân tương, đại khái là Thập Nghiệp nơi thân, miệng, ý sẽ đen nhiều, đỏ có thể là không có, hoặc rất ít. Cho đến khi bái sám, sẽ dần dần chuyển biến. Các vị xem luân tương sẽ biết, dần dần chẳng còn đen nữa, biến thành đỏ. “Đỏ” tức là biến tức thế ác nghiệp thành đỏ (thành thiện). Ác là gì? Đó là nói về các đệ tử Phật chúng ta. Sau khi quý vị thọ giới cho đến sau khi đã thọ Tam Quy, đó là thiện, thiện nghiệp sâu nặng, hễ sâu nặng thì [luân tương] sẽ biến thành đỏ. Thiện nghiệp đã sâu nặng thì màu đen của ác nghiệp sẽ dần dần chẳng có. Cho đến khi toàn thể luân tương của quý vị đều biến thành đỏ, công năng sám hối của quý vị đã thành công! Khi đó, lúc quý vị tu đạo, bất luận quý vị tu Thiên Định, tu Chỉ Quán, hoặc là bái sám niệm Phật, luân tương sẽ cho quý vị biết: Đều biến thành đỏ thì chắc chắn sẽ thành tựu.

Sám pháp thuộc nửa trước của bộ kinh nhằm mục đích dùng cho nửa bộ sau, chẳng phải là để hỏi điều thiện, lẽ ác của chúng ta trong nhân gian. Quý vị có thể hỏi thiện ác trong nhân gian, chủ yếu là vì tu đạo. Khi quý vị đã thất, gieo luân tương, quý vị sẽ biết nghiệp chướng của chính mình tiêu trừ đến mức độ nào. Do có phần hạn, sẽ biết thiện nghiệp của chính mình tăng trưởng cỡ nào! Nhưng [có khi] thân nghiệp của quý vị chẳng nặng, hoặc chẳng có, nhưng khẩu nghiệp đặc biệt nặng nề. Do vậy, quý vị bèn chuyên sám hối khẩu nghiệp. Vừa sám hối, vừa hướng về Địa Tạng Vương Bồ Tát thưa bày. Khi thưa bày, quý vị bái sám đã xong, lúc sắp hồi hướng, phải thưa rõ, hướng về Địa Tạng Vương Bồ Tát thưa bày. Đồng thời, trong khi bái sám, khi tu sám pháp này, lúc dùng luân tương, hóa thân của Địa Tạng Vương Bồ Tát nhất định sẽ hiện đến. Vì sao? Đối với [các nghiệp] đỏ và đen của quý vị, nếu Địa Tạng Vương Bồ Tát chẳng đến, quý vị bái sám chẳng thành công!

Trong lúc tu tập, quý vị có thể thí nghiệm đôi chút. Có rất nhiều đạo hữu tu tập, khi chính tôi lễ bái cũng làm như thế, khi hắc nghiệp của quý vị rất nhiều, lúc sám hối, tâm quý vị rất thành khẩn. Thưa bày trong lúc ấy, đặc biệt đòi hỏi điều gì? Chí tâm! Chí tâm chính là thành khẩn. Kinh văn trong phần sau sẽ nói như thế nào thì mới được coi là “chí tâm”, có sơ bộ chí tâm (hạ chí tâm), chí tâm bậc trung, và chí tâm bậc thượng, phải chế tâm nhất xứ. Chí tâm ở mức thấp nhất sẽ chẳng đầy đủ, bái sám chẳng thành tựu. Bất luận quý vị đánh lễ nhiều đến đâu, [do chẳng đủ chí tâm], hiệu quả đều chẳng to lớn!

(Kinh) Ngôn Thập Thiện giả, tặc vi nhất thiết chúng thiện căn bản, năng nhiếp nhất thiết chư dư thiện pháp. Ngôn Thập Ác giả, diệc vi nhất thiết chúng ác căn bản, năng nhiếp nhất thiết chư dư ác pháp.

**(經)言十善者，則為一切衆善根本，能攝一切諸余善法。
。言十惡者，亦為一切衆惡根本，能攝一切諸余惡法。**

(Kinh: Nói Thập Thiện thì đó là căn bản của hết thảy các điều thiện, có thể gồm thâu hết thảy các thiện pháp khác. Nói Thập Ác thì đó là căn bản của hết thảy các điều ác, có thể gồm thâu hết thảy các ác pháp khác).

Do Thập Thiện là căn bản của hết thảy các thiện nghiệp, Thập Ác là căn bản của hết thảy ác nghiệp; cho nên Thập Ác và Thập Thiện là căn bản sơ bộ để sám hối. Khi sám hối, chính quý vị gieo luân tương hằng ngày, luân tương sẽ cho quý vị biết nghiệp nào đặc biệt nặng nề, quý vị bèn đặc biệt sám hối nghiệp ấy. Nghiệp nào nặng nề, tâm quý vị sẽ chú ý điều ấy. Vì thông thường, chướng ngại lớn nhất cho sự tu hành của chúng ta là gì? Chẳng phải là tham, sân, si, mà là nghi. Trong khi quý vị bái sám, điều thứ nhất là quý vị trừ khử nghi, phải sám hối Nghi trước hết. Nếu quý vị chẳng tin tưởng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, quý vị còn lạy kinh làm gì? Chẳng có hiệu quả! Quý vị hoài nghi Địa Tạng Vương Bồ Tát có hiển hiện hay không? Hễ có niệm tâm như thế, đó là nghi! Quý vị đã hoài nghi thì còn có thể đạt được ư? Hoài nghi thì sẽ không đạt được! Càng trọng yếu hơn là nhất định phải chí thành, khẩn thiết, ngàn vạn phần chớ nên có chút kiêu mạn nào! Nếu có mạn tâm, mạn tâm là trợ duyên của tham, sân, si. Tham tâm và ngu si tâm chính là mạn. Mạn là căn bản [phiền não].

Do vậy, hãy chú ý, trong khi quý vị thành khẩn lễ bái, chẳng có chút tâm kiêu mạn nào! Vì sao? Vì quý vị hễ tiến vào sám thất⁸, đối với các phiền não của quý vị, hãy tự quán tưởng trước, đoạn phiền não trước. Phiền não, mạn phiền não, nghi phiền não phải đoạn trước. Khi quý vị tiến vào sám thất để bái sám, chẳng có một tí hoài nghi nào. Điều thứ nhất phải tin tưởng Địa Tạng Bồ Tát, điều thứ hai là phải trừ khử tham. Mạn thuộc vào tham. Tâm tham quá nặng, lòng nghi quá nặng; đó là hai điều đại kỵ trong bái sám. Hơn nữa, bái sám thì ngàn vạn phần đừng nên có

⁸ Sám thất (懺室) là căn phòng, hoặc gian nhà dành riêng để lễ bái sám hối.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

tâm phần hận, tâm não hận, tâm tổn hại kẻ khác, tâm ganh ty. Khi bái sám, bước vào sám thất, bèn đoạn tham, sân, si. Mạn thuộc về tham, hoài nghi thuộc về si, mấy loại [tâm sở như] tùy, hại, phần, não đều thuộc về sân hận, tức tâm sân hận. Trong khi quý vị bái sám, vừa tiến vào sám thất, hãy giữ sao cho cái tâm bình lặng. Điều thứ nhất là tâm an, người ta nói “*tâm an lý đắc*”, tức là tâm quý vị phải an tịnh thì mới có thể đạt được!

Chúng ta đều đã học giáo nghĩa Đại Thừa. Nếu nói theo giáo nghĩa viên mãn, như thế nào thì mới được coi là viên dung vô ngại? Chỉ cần một chữ đã gồm trọn, tức là khi quý vị tiến vào sám thất, toàn bộ đều buông xuống, sẽ là thiện. Vì đó là nghiệp báo thiện ác, [chiêm sát luân tướng nhằm] chiêm sát nghiệp báo thiện ác. Đương nhiên là nếu quý vị chẳng phát Bồ Đề tâm, sẽ chẳng tiến vào sám thất, cũng sẽ chẳng lạy Chiêm Sát Sám. Khi quý vị mong phát Bồ Đề tâm, tiến vào sám thất, lúc cầu sám hối, sám hối thì vô minh phiền não, tập khí, Kiến Tư Hoặc trong quá khứ đều phải đoạn trừ sạch, cho nên mới sám hối. Do trong lúc thông thường, bản thân chúng ta chẳng có sức mạnh ấy, vì sao phải lạy Chiêm Sát Sám? Nhằm cầu Địa Tạng Bồ Tát gia trì chúng ta, khiến cho chúng ta có thể sanh thêm sức mạnh. Khi quý vị đã lạy một ngày, hôm sau khi dùng Chiêm Sát Luân, Địa Tạng Bồ Tát chẳng hóa thân, lúc ấy, Ngài chẳng hóa thân, mà tác ý, luân tướng của quý vị sẽ chẳng thể xác định được. Theo kinh nghiệm của tôi, luân tướng gieo trong bảy ngày đầu tiên đều chẳng phải là chân thật, mà cũng chẳng hiện. Sau bảy ngày [bái sám] dự bị lần đầu đã xong, quý vị bắt đầu bảy ngày [bái sám] lần thứ hai, [luân tướng] sẽ linh nghiệm, hiệu quả sẽ linh nghiệm. Do đó, thị hiện đỏ hay đen là thị hiện tướng, cho quý vị biết nghiệp chướng nào trong quá khứ nặng nề, nghiệp chướng nào rất nhẹ, đó gọi là “*trọng điểm sám hối*”. Do hóa thân của Địa Tạng Bồ Tát ắt hiển hiện, quý vị sẽ gieo luân tướng thành công. Nếu Địa Tạng Bồ Tát chẳng hiện thân, hóa thân của Ngài chẳng đến, luân tướng của quý vị vĩnh viễn bất định, lời đáp chẳng đúng với lời hỏi, luân tướng hiển hiện đều chẳng chuẩn xác.

Nhất định phải chú ý điều này, chú ý gì vậy? Đừng coi giả tướng thành thật. Khi quý vị bái sám, phải nên chú ý điều này! Quý vị bái sám sẽ có thể dùng Chiêm Sát Luân. Hôm nay lễ bái suốt một ngày, hôm nay chẳng gieo [luân tướng]. Hôm nay đã lễ bái suốt ngày, sáng sớm ngày mai, vừa vào sám thất, bèn dùng Chiêm Sát Luân trước. Chiêm sát xong rồi lại bái sám. Trong ngày hôm ấy, đừng dùng Chiêm Sát Luân. Bái sám xong, sáng sớm hôm sau sẽ dùng Chiêm Sát Luân trước để chiêm sát đầu hoạch của ta trong ngày hôm qua. Sau khi quý vị đã bái sám bảy ngày lần

thứ hai, trong bảy ngày lần thứ ba, luân tướng sẽ tùy thời biến đổi. Cho đến khi quý vị đã thực hiện [bái sám] bốn lần bảy ngày, luân tướng sẽ trở lại. Trở lại như thế nào? Lúc đó, màu đỏ [đã thu được do gieo luân tướng thường được coi là] thanh tịnh lại chẳng phải là thanh tịnh⁹! Vì sao? Đó gọi là túc nghiệp phát hiện. Quý vị đã sám hối thanh tịnh [các nghiệp chướng đang] hiện hành, túc nghiệp liền đưa đến! Nợ nần trong hiện tại quý vị vẫn chưa trả xong, nghiệp quá khứ chẳng hiện. Tới khi [nợ nần trong] hiện tại đã thanh tịnh, nó (luân tướng) sẽ quay lại tính toán nghiệp chướng trong quá khứ. Quý vị phải bái sám gấp bội! Sau khi đã bái sám suốt ba thất, bốn thất, năm thất, túc nghiệp cũng dần dần thanh tịnh. Khi đó, tâm địa quý vị hết sức thanh tịnh, phiền não nhẹ nhàng, bái sám rất an tâm. Khi đó, thân tâm sẽ đạt được cảnh giới khinh an. Quý vị ắt phải bái sám rồi mới có kinh nghiệm về chuyện này, chẳng bái thì sẽ chẳng có!

(Kinh) Nhược dục chiêm thử luân tướng giả, tiên đương học chí tâm tống lễ thập phương nhất thiết chư Phật. Nhân tức lập nguyện: “Nguyện linh thập phương nhất thiết chúng sanh, tốc tạt giai đắc thân cận, cúng dường, tư thọ chánh pháp”. Thứ ung học chí tâm kính lễ thập phương nhất thiết pháp tạng. Nhân tức lập nguyện: “Nguyện linh thập phương nhất thiết chúng sanh, tốc tạt giai đắc thọ trì, độc tụng, như pháp tu hành, cập vị tha thuyết”. Thứ đương học chí tâm kính lễ thập phương nhất thiết hiền thánh. Nhân tức lập nguyện: “Nguyện linh thập phương nhất thiết chúng sanh, tốc tạt giai đắc thân cận, cúng dường, phát Bồ Đề tâm, chí bất thoái chuyển”. Hậu ung học chí tâm lễ ngã Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Nhân tức lập nguyện: “Nguyện linh thập phương nhất thiết chúng sanh, tốc đắc trừ diệt ác nghiệp trọng tội, ly chư chướng ngại, tư sanh chúng cù tạt giai sung túc”.

⁹ Do câu này dễ hiểu lầm, nên chúng tôi xin giải thích rườm rà như sau: Trong chánh văn, không nói là chữ viết trên loại luân tướng thứ nhất là đỏ hay đen. Do thuận tiện cho hành nhân, ngài Hoàng Nhất dùng màu đỏ để chỉ thiện nghiệp, màu đen chỉ ác nghiệp. Lời giảng của hòa thượng Mộng Tham chỉ nhằm nói rõ: Sau khi đã sám hối thanh tịnh cho nghiệp hiện tại sau bốn tuần, đã gieo được thuần thiện thì khi gieo luân tướng sau đó, sẽ có thể chẳng thấy thuần là đỏ nữa, mà lại xuất hiện màu đen, như trong các câu kế tiếp, hòa thượng đã giải thích, khi hiện nghiệp (nghiệp trong hiện tại) đã sám hối thanh tịnh, ác nghiệp trong đời trước sẽ hiển hiện, cho nên lại thấy màu đen hiện ra. Ngài diễn tả chuyện này bằng cách nói “*luân tướng thanh tịnh lại chẳng phải là thanh tịnh*”.

(經)若欲占此輪相者，先當學至心總禮十方一切諸佛。因即立願：願令十方一切衆生，速疾皆得親近，供養諮受正法。次應學至心敬禮十方一切法藏。因即立願：願令十方一切衆生，速疾皆得受持讀誦，如法修行，及為他說。次當學至心敬禮十方一切賢聖。因即立願：願令十方一切衆生，速疾皆得親近供養，發菩提心，至不退轉。後應學至心禮我地藏菩薩摩訶薩。因即立願：願令十方一切衆生，速得除滅惡業重罪，離諸障礙，資生衆具悉皆充足。

(Kinh: Nếu muốn chiêm sát luân tướng này, trước hết, hãy nên học chí tâm lễ chung mười phương hết thầy chư Phật. Do vậy, liền lập nguyện: “Nguyện cho mười phương hết thầy chúng sanh đều mau chóng được thân cận, cúng dường, xin lãnh thọ chánh pháp”. Kế đó, nên học chí tâm kính lễ mười phương hết thầy pháp tạng. Do vậy, liền lập nguyện: “Nguyện cho mười phương hết thầy chúng sanh đều mau chóng được thọ trì, đọc tụng, đúng như pháp tu hành, và vì người khác nói”. Kế đó, hãy nên học chí tâm kính lễ mười phương hết thầy hiền thánh. Do vậy, liền lập nguyện: “Nguyện cho mười phương hết thầy chúng sanh, đều mau chóng được thân cận, cúng dường, phát Bồ Đề tâm, cho đến bất thoái chuyển”. Sau đó, hãy nên học chí tâm lễ ta là Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Do vậy, bèn lập nguyện: “Nguyện cho mười phương hết thầy chúng sanh mau được trừ diệt ác nghiệp trọng tội, lìa các chướng ngại, các thứ vật dụng cần thiết cho cuộc sống đều được sung túc”).

Hoàn toàn chẳng phải là chúng ta cầm lấy luân tướng bèn chiêm sát, không thể được! Khi quý vị muốn chiêm sát luân tướng; trước hết, phải học chí tâm. Điều đầu tiên là phải học chí tâm. Phàm là người muốn chiêm sát luân tướng, quý vị muốn tu pháp môn này, trước hết, hãy nên học chí tâm lễ chung mười phương hết thầy chư Phật. Khi lễ mười phương chư Phật, quý vị liền phát nguyện, [đó là ý nghĩa của câu] “*nhân tức lập nguyện*”, nguyện gì vậy? Nguyện cho mười phương hết thầy chúng sanh đều được mau chóng thân cận, cúng dường, xin lãnh thọ chánh pháp. Nguyện thứ nhất là điều nghĩ đến đầu tiên. Quý vị mong bái

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

sám, muốn dùng Chiêm Sát Luân Tướng, thì trước hết, quý vị phải học chí tâm. “Chí tâm” là tâm quý vị chí thành, khẩn thiết, nhiếp tâm quy nhất, đó là “nhất tâm”. Mọi người bái bất cứ sám pháp nào, thì cũng đều là nhất tâm. Tâm của chúng ta há còn có hai cái ư? Khiến cho quý vị nhất tâm là dạy quý vị trong lúc ấy chẳng có chút vọng tưởng nào, bất cứ sự vật nào cũng đều buông xuống. Chí tâm chẳng [đơn giản] như tôi vừa nói. Trong phần sau, kinh văn sẽ nói chí tâm là như thế nào, có ba loại chí tâm. Một là chí tâm lễ mười phương hết thấy chư Phật. Trong khi lễ Phật, bèn phát nguyện. Vì sao ta phải lễ mười phương chư Phật? Mục đích của ta là mong cho mười phương hết thấy chúng sanh đều có thể thanh tịnh cúng dường pháp. Nói đến pháp trước hết, [mong cho họ] sẽ “*tu thọ chánh pháp*” (xin lãnh thọ chánh pháp).

Tiếp đó là học chí tâm kính lễ mười phương hết thấy pháp tạng. Do vậy liền lập nguyện, nguyện cho hết thấy chúng sanh, tức mười phương chúng sanh đều mau chóng được thọ trì, đọc tụng, đúng như pháp tu hành, thọ trì Đại Thừa. Quý vị thọ trì kinh gì cũng đều được. Kinh Kim Cang, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, kinh A Di Đà... Hết thấy các kinh đều bao gồm trong ấy, đều là mười phương pháp tạng. Nhưng khi quý vị tụng kinh, nhất định phải phát nguyện. Tôi đã hỏi rất nhiều đạo hữu, họ cũng đọc tụng Đại Thừa, nhưng chẳng phát nguyện, mà cũng chả hồi hướng! Như thế thì quý vị tụng kinh để làm gì? Chẳng phát nguyện, hiệu quả sẽ chẳng lớn!

Do vậy, trước khi muốn làm chi đó, đều phải phát nguyện: Quý vị muốn đạt tới mục đích gì? Hy vọng điều gì? Không chỉ là pháp môn Địa Tạng, các pháp môn khác cũng đều như thế. Điều trước nhất là kính lễ chư Phật, thứ hai là kính lễ thập phương pháp, thứ ba là kính lễ thập phương hiền thánh tăng. Đó là trước hết bèn lễ kính Tam Bảo, thông thường đều là như thế. Nhưng Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy chúng ta, quý vị lễ mười phương hết thấy chư Phật phải phát nguyện, nguyện cho hết thấy chúng sanh đều có thể thanh tịnh cúng dường, cũng như đều tiếp nhận chánh pháp giống hết quý vị. Hướng về đức Phật thỉnh pháp, thỉnh Phật thuyết pháp thì gọi là “*tu thọ chánh pháp*”. [Như thế] thì mới là lễ Phật Bảo.

Điều thứ hai là lễ hết thấy pháp tạng. Quý vị cũng phải phát nguyện, nguyện cho hết thấy chúng sanh đều có thể thọ trì, đọc tụng, đúng pháp tu hành, thọ trì giáo nghĩa Đại Thừa của đức Phật, có thể chiếu theo các điều kinh đã dạy để hành, chẳng phải chỉ thọ trì suông, chỉ thỉnh đức Phật thuyết pháp rồi thôi, mà còn phải nương theo pháp để tu hành. Kế

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

đó, hãy nên chí tâm kính lễ mười phương hết thầy hiền thánh, do đó liền lập nguyện: Nguyện cho mười phương hết thầy chúng sanh đều nhanh chóng được thân cận, cúng dường, phát Bồ Đề tâm, cho đến chẳng thoái chuyển. Thông thường, viên mãn tâm Thập Tín, dự lên địa vị Sơ Trụ thì sẽ bất thoái. Đó là [trình tự địa vị của Viên Giáo Bồ Tát] theo kinh Hoa Nghiêm. Giáo nghĩa Hoa Nghiêm nói như thế đó. Xét theo ngũ giáo thông thường của Đại Thừa thì đạt đến Thất Địa Bồ Tát mới chẳng thoái chuyển, chứ thông thường, [các địa vị thấp hơn] vẫn bị thoái chuyển. Trong kinh Hoa Nghiêm thì viên mãn tâm Thập Tín, dự vào Sơ Trụ [sẽ chẳng thoái chuyển]. Nói “Trụ” có nghĩa là “chẳng thoái chuyển”. Lễ Tam Bảo như thế đó.

Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta, nếu quý vị muốn học Chiêm Sát Luân, học kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo; trước hết, quý vị phải chí thành, khẩn thiết lễ kính Tam Bảo, sau đây phải phát nguyện, tức là phát nguyện khiến cho hết thầy chúng sanh đều có thể lễ kính Tam Bảo. Chẳng phải là một mình ta, mà là mười phương vô lượng chúng sanh. Lễ Tam Bảo xong bèn lễ ta, tức Địa Tạng Bồ Tát. Hãy nên học chí tâm lễ Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Khi lễ Địa Tạng Bồ Tát, quý vị cũng phải phát nguyện: “Nguyện cho mười phương hết thầy chúng sanh đều có thể trừ diệt ác nghiệp trọng tội, lìa các chướng ngại, các vật dụng cần thiết cho cuộc sống thầy đều sung túc”. Lễ kính Tam Bảo, đây là pháp chủ, tức pháp chủ của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Như nhân gian khách sáo, chỉ tán thán Tam Bảo, chẳng nói đến chính mình, Địa Tạng Vương Bồ Tát chẳng theo thói tục ấy, [Ngài dạy thẳng thừng]: “Quý vị phải lễ ta, tức Địa Tạng Bồ Tát”. Vì quý vị học pháp Địa Tạng, muốn sử dụng Chiêm Sát Luân, phải lễ ta, tức lễ Địa Tạng Bồ Tát. Đồng thời, quý vị cũng phải phát nguyện, [phạm vi phát nguyện] cũng là mười phương: “Nguyện cho hết thầy chúng sanh đều diệt trừ ác nghiệp, trọng chướng, khiến cho họ được đầy đủ các vật dụng cần thiết trong đời sống”. Nói đơn giản thì là khiến cho ai nấy đều có thể phát tài. Phát tài thì mới có vật dụng cần thiết cho cuộc sống, chẳng bị thiếu hụt, thầy đều sung túc, tràn trề!

Đoạn kinh văn này là lễ kính Tam Bảo, được gọi là Tứ Hoàng Thệ Nguyện. Trong hết thầy các kinh, kinh điển Đại Thừa đều trọn đủ Tứ Hoàng Thệ Nguyện. Chí tâm là gì, trong phần sau sẽ nói tỉ mỉ, tôi chỉ nói đại khái. Chí tâm phải đạt tới mức vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, chẳng có ta là người lễ, cũng chẳng có Tam Bảo và Bồ Tát là đối tượng được lễ. Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta trọng thệ như thế thì gọi

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

là “*chí tâm*”. Đó gọi là Vô Tác Tử Hoằng Thệ Nguyên, vô tác, vô nguyên. Ở ngay trong nguyên, nguyên chính là vô nguyên. Vô Tác: Tác chính là vô tác, trong tâm chớ nên chấp trước. Do vậy, trước hết khiến cho quý vị chí tâm. Chí tâm là hết thấy đều buông xuống, một tí chấp trước cũng chẳng có, quý vị mới có thể đạt tới chí tâm trọn khắp mười phương. Nếu không, làm sao có thể trọn khắp mười phương cho được? Cái tâm của chúng ta rất chấp trước, cho nên quý vị bước vào sám thất thì phải buông xuống!

Vì chúng ta đều dùng Chiêm Sát Luân Tướng, thoát nghe thì dường như rất đơn giản! Quý vị dùng Chiêm Sát Luân Tướng, trước khi chiêm sát luân tướng, sẽ có một nghi quỹ. Nghi quỹ ấy chính là lễ kính Tam Bảo. Lễ kính Tam Bảo chẳng phải là [lễ kính] một hai vị, mà là vô lượng, vô biên, tận hư không khắp pháp giới mười phương hết thấy Phật Bảo, tận hư không khắp pháp giới mười phương hết thấy Pháp Bảo, tận hư không khắp pháp giới mười phương hết thấy Tăng Bảo; lại còn phải cúng dường thanh tịnh. Hai chữ này rất khó! Trong tâm thanh tịnh, chẳng có tạp niệm nào khác, chúng ta kiên trì thì thỉnh thoảng mới có thể làm được một lần dễ dàng. Chúng ta có thể làm được, nhưng chẳng thể giữ cho lâu dài. Quý vị bước vào sám thất, từ sáng cho đến tối, đều có thể là cùng một cái tâm ấy hay chẳng? Luôn có thể chẳng dấy lên vọng tưởng hay chẳng? Luôn có thể lễ kính Tam Bảo hay không? Tôi kiểm điểm chính mình, nhận biết chính mình chẳng thể làm được. Tôi nghĩ có bậc đại tâm Bồ Tát đang hiện diện nơi đây có thể làm được, chuyện này chẳng dễ dàng! Nói tới phát tâm thì rất dễ dàng, có thể phát khởi cái tâm dũng mãnh. Vừa nghe thì tâm sám hối nghiệp chướng rất dễ kích động phát khởi, nhưng giữ được cái tâm ấy lâu dài thì khó lắm! Chúng ta lạy suốt một ngày, thứ gì cũng đều có thể kiên trì buông xuống, ngày thứ hai thì sao? Ngày thứ ba thì sao? Tâm dũng mãnh dễ phát khởi, cái tâm giữ vững lâu dài khó sanh! Đó là lý do vì sao khi bái sám, trong ba ngày đầu, quý vị sử dụng Chiêm Sát Luân sẽ thấy hỗn loạn, đơn giản là chẳng tương ứng! Vì cái tâm của quý vị vẫn chưa định được, dùng Chiêm Sát Luân cần phải chí tâm. Chẳng phải giống như tới sạp của thầy bói, tôi đưa cho quý vị mấy đồng, quý vị tính cho tôi một quẻ là được rồi. Đâu có đơn giản như vậy, chẳng hề đơn giản như thế!

Tôi thấy các đạo hữu chúng ta đều đã phát Bồ Đề tâm. Phát tâm dễ dàng, nhưng muốn viên mãn cái tâm ấy, khó lắm! Từ tâm, bi tâm, đại bi tâm, ba tâm đều trọn đủ thì mới là “*phát Bồ Đề tâm*”. Tôi nghĩ trong số chư vị, có rất nhiều vị đã thọ Bồ Tát Giới, đều là đại đạo tâm Bồ Tát. Tôi

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

kể một câu chuyện, tức chuyện về ngài Xá Lợi Phất. Ngài Xá Lợi Phất tính phát Bồ Đề tâm, lìa bỏ Thanh Văn. Phát Bồ Đề tâm thì phải độ chúng sanh. Ngài vừa mới phát đại tâm, Đệ Thích Thiên để chúa, chúng ta thường gọi ông ta là Ngọc Hoàng Đại Đế. Đó là Bồ Tát hóa thân, chẳng phải là Đệ Thích Thiên bình phàm. Khi ngài Xá Lợi Phất vừa phát Bồ Đề tâm trong nhân gian, Đệ Thích Thiên liền đến khảo nghiệm tôn giả, chờ Ngài ở ngay bên đường. Ngài Xá Lợi Phất đã phát Bồ Đề tâm, Đệ Thích Thiên liền hóa thành một cô bé nghèo khổ, chực sẵn bên đường, khóc lóc. Ngài Xá Lợi Phất vừa mới phát tâm, thấy cảnh giới ấy hiện tiền, bèn hỏi cô bé ấy: “Con khóc vì lẽ nào? Ta có thể giúp con hay không?” Cô bé đáp: “Ông không giúp nổi đâu!” Ngài nói: “Ta có năng lực có thể giúp con, hãy nói xem con cần gì?” Cô bé nói: “Mẹ con bị bệnh sắp chết. Lương y kê toa, cắt thuốc. Toa thuốc ấy thì dược liệu rất dễ mua, chất dẫn thuốc khó tìm!” Ngài Xá Lợi Phất hỏi cô ta: “Phải dùng thứ gì để dẫn thuốc?” Cô ta nói: “Phải dùng mắt của người sống”. Ngài Xá Lợi Phất nghe xong, suy nghĩ: “Ta vừa mới phát Bồ Đề tâm, liền gặp chuyện này. Tướng cảnh giới hiện thực đưa tới liền!” Ngài suy nghĩ: “Được rồi, ta thỏa nguyện cho cô bé”, bèn móc một con mắt cho cô ta. Cô bé kêu lên: “Trật rồi! Ông móc sai rồi. Tôi cần con mắt bên trái. Ông móc con mắt bên phải, chẳng được!” Ngài Xá Lợi Phất đáp: “Sao con không nói sớm?” Đã có chút sai sót rồi, nguyện lực còn khiếm khuyết! Ngài suy nghĩ đôi chút: “Thôi được! Dẫn sao ta có thiên nhãn, không sao”, móc luôn con mắt kia cho cô ta. Cô bé cảm lấy, ngửi rồi kêu: “Ồi trời ơi! Tanh thôi, ới chết được! Làm sao có thể cho vào thuốc!” Quãng phệt xuống đất, lại còn giẫm lên. Ngài Xá Lợi Phất nói “đại tâm khó phát”, vừa phát Bồ Đề tâm liền gặp phải cảnh giới như thế. Hai mắt đều móc ra, thế mà vẫn chẳng mãn nguyện! Đệ Thích Thiên liền bảo: “Trả mắt lại cho ông. Ông chẳng thể phát Bồ Đề tâm”.

Mọi người nghe câu chuyện này, có cảm tưởng gì? Hiện thời, chúng ta phát Bồ Đề tâm, tôi nghĩ các đạo hữu chúng ta đều phát Bồ Đề tâm, nhưng chẳng có ai muốn xin chúng ta mắt, cũng chẳng có ai muốn xin chúng ta mũi. Vì sao? Chúng ta vẫn chưa đạt tới tướng cảnh giới ấy, biết chúng ta là hư vọng. Nếu quý vị nhờ vào bái sám hồng chúng thực quý vị phát Bồ Đề tâm, lại được Địa Tạng Bồ Tát gia trì, quý vị sẽ phát đạo tâm.

(Kinh) Như thị lễ dĩ, tùy sở hữu hương, hoa đặng, đương tu cúng dường.

(經)如是禮已，隨所有香華等，當修供養。

(Kinh: Lễ như thế xong, tùy theo các thứ hương hoa đã có, hãy nên tu cúng dường).

Lễ mười phương Tam Bảo xong xuôi, đã lễ Địa Tạng Bồ Tát xong, hãy tận hết sức của chính mình. Tùy thuộc những gì chính mình có, hương cũng thế, mà hoa cũng thế, tùy sức của chính mình để cúng dường chư Phật, đó là “*tu cúng dường*”. Lễ kính Tam Bảo xong rồi, phải tu cúng dường, “*cúng dường*” vẫn là cúng dường Tam Bảo. Sự cúng dường này tùy ý. Tốt nhất là dùng sức mạnh to lớn của quán tưởng để cúng dường. Quý vị chẳng cần mua mấy đóa hoa, mua một ít trái cây làm chi! Hãy vận dụng pháp cúng dường. Pháp cúng dường là nói đến cái tâm; quý vị dùng nguyện lực của cái tâm để cúng dường. Tôi đã nói với rất nhiều đạo hữu: Vào lúc sáng sớm, khi muốn cúng dường chư Phật, quý vị ngồi tại đó, tịnh tâm quán tưởng. Phàm là những chỗ chợ búa, cửa hàng bách hóa, tiệm buôn, hay sạp bán trái cây mà quý vị đã từng tới, hãy quán tưởng đời hết chúng về. Ở Mỹ cũng thế, Bắc Kinh cũng thế, Thượng Hải, Đài Bắc, Đài Trung, Đài Nam, quý vị dùng toàn bộ để cúng dường. Đó gọi là “*ức niệm*”. Tôi từng nói với một đạo hữu như thế, ông ta bảo: “Thầy nói giả trá!” Tôi bảo: “Đó là thật, giả sao được? Cúng dường theo kiểu ông nói thì hai ngày đã hư mất rồi, còn cách cúng dường của tôi vĩnh viễn bất hoại. Chỉ cần tâm ta bất tử, nguyện lực tồn tại, [các thứ đã cúng dường bằng cách quán tưởng ấy] vĩnh viễn thường tồn tại”. Mọi người đừng nên so đo là giả hay thật. Thật ra, tất cả toàn là giả, nguyện lực của quý vị mới là thật! Phát nguyện của chúng ta đều là giả ư? Chẳng phải vậy! Đó mới là thật! Giả thì sẽ hư hoại. Sau khi đã lý giải như vậy, đây chỉ là “*tu cúng dường*”.

(Kinh) Tu cúng dường giả, ức niệm nhất thiết Phật, Pháp, Tăng Bảo, Thế thường biến mãn, vô sở bất tại.

(經)修供養者，憶念一切佛法僧寶，體常遍滿，無所不在。

(Kinh: “Tu cúng dường” là nghĩ nhớ hết thầy Phật, Pháp, Tăng Bảo, Thế thường trọn khắp, không đâu chẳng tồn tại).

Đã tu cúng dường xong, quý vị phải tĩnh tư (靜思, lắng lòng suy nghĩ). Tức là sau khi quý vị đã tiến vào sám thất để sám sám, cúng dường Tam Bảo, lễ kính xong xuôi. Sau đó, hãy ức niệm. Đã cúng dường rồi còn ức niệm, ức niệm gì vậy? Cúng dường xong, bèn ức niệm Tam Bảo: Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo trọn khắp hết thấy mọi nơi, không đâu chẳng tồn tại. Đây mới là thật. Ngay trong đạo tràng của chúng ta, mười phương Tam Bảo đều hiện diện; tâm quý vị chí thành, khẩn thiết quán tưởng. Kinh Phật thường dạy: *“Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu, trường dưỡng nhất thiết chư thiện căn”* (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức, nuôi lớn hết thấy các thiện căn). Tôi nói điều này chắc quý vị không tin! Ở chỗ nào? Ở đây há có Tam Bảo? Chúng ta đều là Tam Bảo! Quý vị đừng hạn chế trong căn nhà này, hãy mở rộng ra, hãy mở rộng cái tâm. Mở rộng tới mức độ nào? Tận hư không, trọn khắp pháp giới, không nơi đâu chẳng phải là thường trụ Tam Bảo. Tâm quý vị lớn cỡ nào, lượng to cỡ nào, pháp sẽ to chừng đó. Điều này có mối liên quan hết sức trọng yếu, chẳng giả; đây mới là thật. Những thứ khác đúng là dễ dàng hư hoại, mà cũng dễ dàng chẳng còn! Cái tâm của quý vị vĩnh viễn bất hoại. Nói như vậy, ta chết chẳng phải là *“đã hoại”* ư? Quý vị chết [là chết nhục thân], chứ cái tâm của quý vị chẳng chết. Sức mạnh quán tưởng, sức mạnh tu hành sám sám của quý vị chẳng tiêu mất chút nào, còn y nguyên! Vấn đề là gì? Là do quý vị chẳng tin, xong luôn! Do vậy, quý vị muốn lạy Chiêm Sát Sám, nhất định phải tin tưởng Địa Tạng Bồ Tát, tin tưởng trong khi ta sám sám, Địa Tạng Bồ Tát sẽ chứng minh cho ta, sẽ gia trì ta, tiêu trừ nghiệp chướng của ta, khiến cho ta có thể thành Phật ngay nơi thân này, thành Phật mau hơn đôi chút. Nếu quý vị chẳng có cái tâm ấy, tốt nhất là đừng nên lạy thì hơn! Ất cần phải kiến lập tín tâm ấy. Do vậy, kinh Chiêm Sát dạy quý vị nhất định phải chí tâm. Tâm chí thành, khẩn thiết, chuyện gì cũng đều có thể thành tựu. Vì thế nói: Trong khi quý vị cúng dường, nhất định phải ức niệm Tam Bảo. Pháp thể của Tam Bảo thường tồn tại, lại còn không chỗ nào chẳng hiện diện, có mặt khắp nơi! Đừng nghĩ Địa Tạng Vương Bồ Tát đang ở trong địa ngục độ chúng sanh! Tận hư không, khắp pháp giới, không chỗ nào chẳng phải là Địa Tạng.

(Kinh) Nguyên linh dĩ thử hương hoa đặng đồng pháp tánh, phổ huân nhất thiết chư Phật sát độ, thi tác Phật sự.

(經)願令以此香華等同法性，普熏一切諸佛刹土，施作佛事。

(Kinh: Nguyên cho các hương, hoa v.v... ấy bằng với pháp tánh, xông trọn khắp hết thấy các cõi Phật, thực hiện Phật sự).

Đồng thời còn phải phát nguyện: Nguyên cho tất cả hương, hoa ta đã dâng cúng là pháp tánh, bằng với pháp tánh, các thứ ta đã cúng, thứ nào cũng đều là pháp tánh. Hết thấy các cõi Phật đều có ta ở trong đó thực hiện Phật sự. Vậy thì nếu quý vị mong cầu sanh về thế giới Cực Lạc sẽ dễ dàng. Quý vị cúng dường, làm Phật sự ở đó. Thế giới Cực Lạc, thế giới Lưu Ly ở phương Đông, thế giới Bất Động ở phương trên, toàn bộ hết thấy các thế giới đều có ta cúng dường trong ấy, pháp tánh trọn khắp hết thấy mọi nơi. Do vậy, mọi người học Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, hãy mở rộng thật lớn cái tâm. Khi tiến vào sám thất, quý vị ắt cần phải làm chuyện ấy! Tôi nghe có người nói với tôi: “Thưa lão pháp sư! Thầy đã giảng Hoa Nghiêm, sao lại còn giảng kèm pháp Tiểu Thừa, giảng về Địa Tạng Vương Bồ Tát?” Ba kinh của Địa Tạng Bồ Tát đều là Hoa Nghiêm, chớ nên hiểu sai! Mọi người đã nghe tôi giảng đoạn kinh cúng dường Tam Bảo này. Tiếp theo đây là chiêm sát luân tướng. Quý vị hãy mở rộng cái tâm!

(Kinh) Hựu niệm thập phương nhất thiết cúng cụ, vô thời bất hữu. Ngã kim đương dĩ thập phương sở hữu nhất thiết chủng chủng hương, hoa, anh lạc, tràng, phan, bảo cái, chư trân diệu sức, chủng chủng âm nhạc, đặng minh, chúc hóa, âm thực, y phục, ngọa cụ, thang dược, nãi chí tận thập phương sở hữu nhất thiết chủng chủng trang nghiêm cúng dường chi cụ.

(經)又念十方一切供具，無時不有。我今當以十方所有一切種種香華瓔珞，幢幡寶蓋，諸珍妙飾，種種音樂，燈明燭火，飲食衣服，臥具湯藥，乃至盡十方所有一切種種莊嚴供養之具。

(Kinh: Lại nghĩ tới hết thấy các vật cúng trong mười phương, không lúc nào chẳng có. Ta nay sẽ dùng hết thấy tất cả các thứ hương,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

hoa, anh lạc, tràng, phan, lọng báu, các thứ trang hoàng màu nhiệm, các thứ âm nhạc, đèn sáng, đuốc, lửa, thức ăn, y phục, mền đệm, thuốc men trong mười phương, cho đến hết thấy tất cả các thứ vật để trang nghiêm cúng dường trọn khắp mười phương).

Lại nghĩ tới hết thấy các vật cúng trong mười phương. Để cúng dường Phật, bèn bày biện các vật cúng. Quý vị bày một mâm hoa quả làm vật cúng, hương hoa đều là vật cúng, chẳng có lúc nào, chẳng có chỗ nào mà chẳng có vật cúng. Chẳng có lúc nào không có, lúc nào cũng đều có. Ta đem tất cả hết thấy các thứ hương, hoa, anh lạc (瓔珞, chuỗi ngọc, hay chuỗi kết bằng các thứ báu), tràng, phan, lọng báu, hết thấy trên châu, mã não, hết thấy các vật trang hoàng màu nhiệm để trang nghiêm trong mười phương. Lại còn có các thứ âm nhạc, đèn soi sáng, đuốc, lửa, thức ăn, y phục, mền đệm, thuốc thang, cho đến trọn hết mười phương các thứ vật cúng dường trang nghiêm.

(Kinh) Ước tưởng dao nghĩ, phổ cộng chúng sanh phụng hiến cúng dường, thường niệm nhất thiết thế giới trung hữu tu cúng dường giả, ngã kim tùy hỷ. Nhược vị tu cúng dường giả, nguyện đắc khai đạo, linh tu cúng dường.

(經)憶想遙擬，普共衆生奉獻供養，常念一切世界中有修供養者，我今隨喜。若未修供養者，願得開導令修供養。

(Kinh: Nghĩ nhớ mong sao trọn khắp chúng sanh đều dâng hiến cúng dường, thường nghĩ tới trong hết thấy các thế giới có những người tu cúng dường, ta nay tùy hỷ họ. Nếu kẻ nào chưa tu cúng dường, nguyện họ sẽ được hướng dẫn, chỉ bảo để tu cúng dường).

Nghĩ nhớ mong tưởng, dùng sự suy niệm của ta để mong cho họ đều cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta cúng dường như thế nào? Chẳng phải là một mình ta, mà là trọn khắp hết thấy chúng sanh đều cùng ta cúng dường. Giống như toàn thể đại chúng đang hiện diện [trong hội giảng kinh này] đều cùng lúc cúng dường. Chẳng phải là chúng ta đều mong sanh về thế giới Cực Lạc ư? Trước hết, hãy cúng dường A Di Đà Phật. Quý vị vừa tác ý là đã cúng dường. Quý vị nói xem, đó là thật hay giả? Quý vị mua mười cân táo, mua mười cân chuối, bày một nhà đầy hoa, hữu hạn, rất ít! Nếu quý vị mở rộng tâm lượng, vận

tâm cúng dường ra xa thì sẽ to lớn. Nếu quý vị luôn ức niệm, luôn cúng dường như thế, ai có thể phá hoại sự cúng dường của quý vị cho nổi? Ai cũng chẳng thể phá hoại được! Quý vị mua mấy đóa hoa thơm, mua một hai cân táo, chúng sẽ hư rất nhanh, hư nát hết!

Không riêng mình ta cúng dường như vậy! Hãy thường nghĩ trong hết thầy các thế giới, người tu cúng dường rất đông. Họ tu cúng dường đều có phần của ta. Khi họ tu cúng dường thì cũng có ta, ta cũng tham gia cúng dường. Đó là nguyện “*phổ giai hồi hướng*” và “*tùy hỷ công đức*” trong mười đại nguyện của đức Phổ Hiền. Trong các thế giới của chư Phật trong mười phương pháp giới, có rất nhiều vị đại Bồ Tát đang thịnh pháp, cúng dường trong ấy, ta đều tham gia, đều tùy hỷ. Đó chính là “*tùy hỷ công đức*” trong mười đại nguyện của đức Phổ Hiền, thường nghĩ bất cứ ai tu cúng dường, ta đều tùy hỷ. Những ai còn chưa tu cúng dường, ta sẽ khuyên họ cùng mọi người tu cúng dường, khiến cho họ tu cúng dường.

(Kinh) Hựu nguyện ngã thân tốc năng biến chí nhất thiết sát độ, w nhất nhất Phật, Pháp, Tăng sở, các dĩ nhất thiết chủng trang nghiêm cúng dường chi cụ, cộng nhất thiết chúng sanh đẳng trì phụng hiến.

(經)又願我身速能遍至一切刹土，於一一佛法僧所，各以一切種莊嚴供養之具，共一切衆生等持奉獻。

(Kinh: Lại nguyện thân ta có thể nhanh chóng đến trọn khắp hết thầy các cõi nước, nơi mỗi chỗ Phật, Pháp, Tăng, đều dùng hết thầy các thứ vật cúng dường trang nghiêm để cùng với hết thầy chúng sanh bình đẳng cảm dâng hiến).

Trước khi quý vị dùng Chiêm Sát Luân, Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy quý vị phải phát nguyện nhiều ngàn ấy, làm nhiều chuyện ngàn ấy. Lại còn phải phát nguyện, nguyện gì vậy? Có thể mau chóng đến hết thầy các sát độ, giống như kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tận hư không biến pháp giới vi trần số chư Phật*” (Chư Phật nhiều như số vi trần tận hư không khắp pháp giới). Phật nhiều như vi trần, mỗi vị Phật đều có một Phật sát (Ksetra, một cõi Phật). Các cõi Phật nhiều như số vi trần, trong mỗi cõi Phật đều có Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, ta đều dùng hết thầy các vật cúng dường trang nghiêm trọn khắp, ta cùng hết thầy chúng sanh đều “*đẳng trì*” dâng hiến. “*Đẳng trì*” (等持) là bình đẳng cảm vô lượng vật cúng dường.

(Kinh) Cúng dường nhất thiết chư Phật Pháp Thân, sắc thân, xá-lợi, hình tượng, phù-đồ miếu tháp, nhất thiết Phật sự, cúng dường nhất thiết sở hữu pháp tạng, cập thuyết pháp xứ, cúng dường nhất thiết hiền thánh tăng chúng.

(經)供養一切諸佛法身色身，舍利形像，浮圖廟塔，一切佛事，供養一切所有法藏及說法處，供養一切賢聖僧衆。

(Kinh: Cúng dường Pháp Thân, sắc thân, xá-lợi, hình tượng, tháp miếu phù-đồ của hết thầy chư Phật, hết thầy Phật sự, cúng dường hết thầy tất cả pháp tạng, và chỗ thuyết pháp, cúng dường hết thầy hiền thánh tăng chúng).

Cúng dường tận hư không khắp pháp giới hết thầy các cõi Phật, cúng dường Pháp Thân, sắc thân, xá-lợi, và hình tượng của hết thầy chư Phật. Có vị Phật là Pháp Thân Phật, có vị Phật đang thuyết pháp, hiện báo thân Phật. Có vị Phật là sắc thân, như Thích Ca Mâu Ni Phật là sắc thân, có vị Phật nhập Niết Bàn, lưu lại xá-lợi. Cúng dường tất cả tượng Phật, chùa miếu, tháp, “phù-đồ”¹⁰ là tháp miếu. Hết thầy Phật sự là “Phật tạng, Phật Bảo”. Cúng dường hết thầy tất cả Pháp Bảo, cũng như chỗ thuyết pháp. Sự cúng dường ấy bao gồm cả pháp tòa, pháp đường để thuyết pháp của chúng ta trong hiện thời. Chúng ta có thấy người cúng dường chúng ta, quý vị có thấy hay không? Chẳng thấy! Bởi lẽ, những điều ấy đều bao gồm trong sự cúng dường Địa Tạng Vương Bồ Tát, tùy thuộc quý vị có tin hay không? Tôi khuyên mọi người hãy tin tưởng. Tất cả các đạo tràng trong mười phương pháp giới đều hành cúng dường, tức cúng dường Phật, cúng dường Phật sự, cúng dường pháp tạng, cũng như [cúng dường] nơi chốn thuyết pháp, cúng dường hết thầy hiền thánh tăng chúng.

Sự cúng dường Tam Bảo ấy có phạm vi to lớn, chúng ta chẳng thể tưởng tượng nổi! Chúng ta mở rộng tâm lượng hơn một chút, chớ nên hạn cuộc. Các vị có biết đức Phật có tài sản to lớn cỡ nào hay không, đức Phật phú quý cỡ nào hay không? Quý vị chẳng đọc kinh Hoa Nghiêm, sẽ không biết sự phú quý của đức Phật. Đến khi quý vị đọc kinh Hoa Nghiêm, sẽ biết sự phú quý của đức Phật là vô hạn, vô lượng. Trong đoạn

¹⁰ Theo từ điển trực tuyến Baidu, Phù-đồ vốn là cách phiên âm khác của chữ Buddha. Tháp thờ Phật được gọi là “Phù-đồ tháp”, nhưng qua thời gian, chữ “tháp” bị rút mất, người ta đồng hóa Phù-đồ với ý nghĩa “tháp thờ”.

kinh này, đức Địa Tạng đã dạy quý vị cúng dường Tam Bảo vô cùng, vô tận!

(Kinh) Nguyện cộng nhất thiết chúng sanh tu hành. Như thị cúng dường dĩ, tiệm đắc thành tựu Lục Ba La Mật, tứ vô lượng tâm.

(經)願共一切衆生修行。如是供養已，漸得成就六波羅蜜，四無量心。

(Kinh: Nguyện cùng hết thảy chúng sanh tu hành. Cúng dường như thế xong, dần dần thành tựu Lục Ba La Mật và tứ vô lượng tâm).

Kế đó là chúng sanh: Nguyện cùng hết thảy chúng sanh, nguyện cho hết thảy chúng sanh đều giống như ta, làm gì thế? Cúng dường Tam Bảo như vừa nói trên đây! Cúng dường như thế xong, cúng dường là có công đức, có phước đức, lại còn có trí huệ. Chẳng có trí huệ, sẽ chẳng thể hưng khởi sự cúng dường ấy. Sự cúng dường ấy lại tăng thêm phước huệ và tiêu trừ nghiệp chướng của quý vị. Quý vị dần dần thành tựu Lục Ba La Mật và Tứ Vô Lượng Tâm. Tứ Vô Lượng Tâm là như mọi người thường niệm, từ, bi, hỷ, xả. Sáu loại Ba La Mật, bao gồm Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiên Định, Trí Huệ, sáu loại ấy và Tứ Vô Lượng Tâm. Như vậy thì quý vị dùng Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiên Định, Trí Huệ, cộng thêm từ, bi, hỷ, xả, tức Tứ Vô Lượng Tâm của chính mình để cúng dường, ngõ hầu từ biển khổ sanh tử đạt tới bờ kia Niết Bàn! Nói đến nguyện lực to lớn, thì quý vị phải như thật phát nguyện thì mới gọi là “*nguyện lực lớn*”, đưa hết thảy chúng sanh từ biển khổ sanh tử đến bờ kia Niết Bàn. Trong khoảng ấy, sẽ hành Lục Ba La Mật, Tứ Vô Lượng Tâm, Thập Độ. Đó gọi là “*pháp cúng dường chư Phật*” (dùng pháp để cúng dường chư Phật). Bồ thí tất cả những gì chúng ta có cho chúng sanh. Hơn nữa, khi cúng dường Tăng bèn thanh tịnh, vô nhiễm. Do loại cúng dường thanh tịnh ấy, quý vị bèn đạt tới Giới Ba La Mật. Trong tâm chẳng có tí phiền não thì là Tinh Tấn Ba La Mật. Hết thảy trần cấu, tạp nhiễm đều tiêu mất, sẽ tiến nhập Thiên; đó là Thiên Ba La Mật. Tâm chẳng sân nã là Nhẫn Ba La Mật. Lìa các giải đãi là Tinh Tấn Ba La Mật. Chẳng có chút tạp loạn nào là Tịch Tĩnh Thiên Định Ba La Mật. Khiến cho hết thảy chúng sanh đều được vui sướng là đại từ. Từ có thể ban vui, đều có thể ban vui cho hết thảy chúng sanh, [khiến cho họ] đạt được vui sướng, khiến cho chúng sanh chẳng có khổ não. Như thế nào

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

thì sẽ có thể khiến cho chúng sanh đều chẳng bị khổ não? Chính là đại bi, bi có thể dẹp khổ. Từ có thể ban vui. Nguyên cho hết thấy chúng sanh đều được vui sướng, cho nên hoan hỷ vô lượng. Tâm của quý vị luôn bình đẳng, chẳng có sai khác, đặc biệt là đối đãi bình đẳng đối với chúng sanh đang khổ sở, chẳng có oán, thân. Đó gọi là Xả Vô Lượng. Từ, bi, hỷ, xả, Lục Độ, vạn hạnh, Tứ Vô Lượng Tâm.

(Kinh) Thâm tri nhất thiết pháp bản lai tịch tĩnh, vô sanh, vô diệt, nhất vị bình đẳng, ly niệm thanh tịnh, tất cánh viên mãn.

(經)深知一切法本來寂靜，無生無滅，一味平等，離念清淨，畢竟圓滿。

(Kinh: Biết sâu xa hết thấy các pháp vốn tịch tĩnh, chẳng sanh, chẳng diệt, một vị bình đẳng, ly niệm thanh tịnh, rốt ráo viên mãn).

Đồng thời phải quán tưởng, ngẫm lại, biết sâu xa hết thấy các pháp vốn tịch tĩnh. Đây là dùng sức quán tưởng. Quý vị quán tưởng hết thấy các pháp chẳng có sanh diệt, vốn tịch tĩnh, bình đẳng, một vị bình đẳng, lìa niệm thanh tịnh, rốt ráo viên mãn. Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng sanh như thế đó. Khi quý vị chưa dùng Chiêm Sát Luân, trước khi chiêm sát, hãy mở rộng tâm lượng. Mọi người nghe tôi đọc đoạn kinh này, quý vị nói xem: “Rốt cuộc kinh Chiêm Sát Nghiệp Báo là Đại Thừa hay Tiểu Thừa?” Xin các vị hãy tự mình phán đoán tường tận!

(Kinh) Hựu ưng biệt phục hệ tâm cúng dường ngã Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, dĩ đương xưng danh. Nhược mặc tụng niệm, nhất tâm cáo ngôn: “Nam-mô Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát”. Như thị xưng danh, mãn túc chí thiên.

(經)又應別復繫心供養我地藏菩薩摩訶薩，以當稱名。若默誦念，一心告言：「南無地藏菩薩摩訶薩」。如是稱名，滿足至千。

(Kinh: Lại còn điều phục cái tâm, chuyên dốc tâm cúng dường ta, tức Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, hãy nên xưng danh, hoặc là thâm tụng niệm, nhất tâm thưa rằng: “Nam-mô Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát”. Xưng danh như thế cho đến đủ số một ngàn câu).

Lại nên điều phục cái tâm, tâm khăng khăng chuyên nghĩ cúng dường Địa Tạng Bồ Tát. Quý vị còn phải chí thành, khẩn thiết cúng dường ta, hoặc xưng danh hiệu của ta, dùng xưng danh để cúng dường, dùng cách thâm tụng niệm để niệm Địa Tạng Bồ Tát. Âm thâm tụng niệm, nhất tâm thưa trình. Quý vị niệm suông, hoặc cung kính lễ bái suông thì vẫn chưa được, vẫn phải hướng đến Địa Tạng Bồ Tát trần thuật, thưa bày cùng Địa Tạng Bồ Tát. Sau đó bèn niệm “*nam-mô Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, nam-mô Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát*”. Xưng danh tụng niệm đủ một ngàn lần, đủ số một ngàn câu. Điều này có ý nghĩa gì vậy? Muốn sử dụng Chiêm Sát Luân, chẳng phải là lấy mộc luân ra rồi gieo ngay. Chẳng phải là như đến sạp coi bói, đưa cho thầy bói mấy đồng, ông ta bèn tính ngay cho quý vị một quẻ!

(Kinh) Kinh thiên niệm dĩ, nhi tác thị ngôn: “Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đại từ, đại bi, duy nguyện hộ niệm, ngã cập nhất thiết chúng sanh, tốc trừ chư chướng, tăng trưởng tịnh tín, linh kim sở quán xứng thật tương ứng”.

(經)經千念已，而作是言：「地藏菩薩摩訶薩，大慈大悲，惟願護念，我及一切衆生，速除諸障，增長淨信，令今所觀稱實相應」。

(Kinh: Đã niệm đủ số một ngàn lần rồi, bèn nói như thế này: “Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đại từ, đại bi, kính mong hãy hộ niệm cho con và hết thảy chúng sanh mau trừ các chướng, tăng trưởng lòng tin thanh tịnh, khiến cho điều con sẽ thấy tương xứng với sự thật”).

Sau khi đã niệm một ngàn câu thánh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát, quý vị lại phát nguyện, hướng về tượng Địa Tạng Bồ Tát thưa bày: “Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, Ngài là đáng đại từ, đại bi. Xin Ngài hộ niệm cho con và hết thảy chúng sanh mau trừ diệt các chướng, khiến cho hết thảy các nhân duyên chướng đạo của con đều trừ diệt. Nay tín tâm của con vẫn chưa trọn đủ, hãy tăng trưởng lòng tin thanh tịnh cho con”. Đây chính là lời thỉnh cầu của Kiên Tịnh Tín Bồ Tát, vì tín tâm của chúng ta chẳng đầy đủ, vẫn chưa thể nói là kiên định, đối với chuyện phát khởi thì vẫn chưa phát khởi. Cho nên, “hãy tăng trưởng tín tâm thanh tịnh của con, khiến cho con gieo luân tương sẽ tương ứng với sự thật. Nếu không, Ngài

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chẳng từ bi, chẳng chiều cô con, luân tướng sẽ chẳng tương ứng”. Đây là thỉnh cầu Địa Tạng Bồ Tát từ bi, khiến cho chuyện ta muốn hỏi sẽ tương ứng, có nghĩa là “*phù hợp*”. Ta hỏi chuyện gì, luân tướng sẽ trả lời cho ta chuyện đó, ta phải nên làm như thế nào. Chúng ta chẳng biết làm như thế nào thì mới nên, bèn dùng luân tướng thỉnh cầu Địa Tạng Vương Bồ Tát chỉ dạy. Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo quý vị phải nên làm như thế này, như thế nọ. “*Thưa bày*”: Khi ta muốn dùng luân tướng, trước đó, phải hướng về Địa Tạng Vương Bồ Tát thưa trình.

(Kinh) Tác thử ngữ dĩ, nhiên hậu thủ chấp mộc luân, u tịnh vật thượng nhi bàng trịch chi.

(經)作此語已，然後手執木輪，於淨物上而傍擲之。

(Kinh: Nói lời ấy xong, sau đó, tay cầm mộc luân, gieo lên vật sạch sẽ).

“*Tác thử ngữ dĩ*”: Lạy như thế xong, thưa bày đã xong rồi mới gieo mộc luân. Chẳng phải là cầm lấy [mộc luân] liền gieo ngay khi đó. Lúc ấy (khi đã lễ bái, phát nguyện xong) mới cầm lấy mà gieo. Mộc luân có ba loại, chẳng phải là cùng gieo [cả ba loại] một lúc. Cần phải gieo vào lúc sáng sớm mỗi ngày thì sẽ gieo thanh tịnh, chẳng được gieo gộp chung ba loại cùng một lúc. Luân gieo ra, sẽ có ba trường hợp: Một là đỏ hoặc đen. Hai là vạch to màu đỏ, hay vạch to màu đen. Ba là vạch nhỏ màu đỏ, hay vạch nhỏ màu đen. Khi quý vị bái sám, mỗi ngày sẽ gieo ba loại luân ấy. Nếu toàn là đỏ, tức bái sám thanh tịnh. Lúc ấy, quý vị cầu gì được đó. Khi gieo luân tướng, phải đặt một cái khăn sạch, hoặc miếng vải sạch, hoặc dùng một miếng plastic [tinh sạch] cũng được, cốt sao thanh tịnh. [Đó chính là ý nghĩa của câu] “*ngưỡng thủ bàng trịch*” (ngửa tay gieo lên một vật sạch sẽ).

(Kinh) Như thị dục tự quán pháp. Nhược dục quán tha, giai diệc như thị, ung tri.

(經)如是欲自觀法。若欲觀他，皆亦如是，應知。

(Kinh: Muốn quán cho chính mình thì làm theo cách như thế. Nếu muốn quán cho người khác, hãy nên biết: Cũng đều nên làm như thế).

Chính mình có chuyện gì thì sẽ gieo luân tướng để hỏi, vậy thì ta gieo thay cho người khác có được hay không? Giúp người khác cũng

được! Chính quý vị tự quán, hay là muốn quán cho người khác, đều được! Quán người khác thì quý vị quán một người nào đó, hoặc quán một vị sư phụ nào đó. Nói đơn giản là quý vị coi Mộng Tham có phải là một hòa thượng tốt hay không, quý vị hãy gieo luân tướng một phen, luân tướng sẽ cho quý vị biết. Tôi sẽ chẳng bảo quý vị tôi không tốt, tôi vẫn chưa thẳng thắn đối trước quý vị sám hối như thế được, chưa thể! Nhưng quý vị có thể hỏi Địa Tạng Bồ Tát: “Vị hòa thượng này có được hay không?” Quý vị gieo luân tướng một phen, Địa Tạng Bồ Tát sẽ bảo quý vị: “Còn chấp nhận được, quý vị có thể tin người đó”. Địa Tạng Vương Bồ Tát tron chẳng lừa quý vị. Ngài nói tốt là tốt, xấu là xấu, quý vị có thể hỏi Ngài. Nếu quý vị muốn bái một vị nào đó làm sư phụ, có thể hỏi “*con có thể bái sư hay không*”, Địa Tạng Bồ Tát sẽ bảo cho quý vị biết. Địa Tạng Bồ Tát chẳng che giấu khuyết điểm, mà cũng chẳng vì tư lợi, chẳng vì tôi là kẻ sùng bái Ngài, hoặc do tôi là đệ tử của Ngài mà Ngài che giấu khuyết điểm của tôi, chẳng hề! Ngài sẽ nói đúng như sự thật. Quý vị muốn quán cho chính mình hoặc quán giùm người khác đều được!

Chúng ta đồng người như thế, khi mọi người muốn học pháp Chiêm Sát Luân, có rất nhiều đạo hữu đều hiểu, có thể truyền bá, mọi người học tập lẫn nhau. Điều thứ nhất là phải thành khẩn, thành khẩn có nghĩa là “*chí tâm*” như kinh này đã nói. Địa Tạng Vương Bồ Tát đã dạy: Chí tâm thì có thượng chí tâm, trung chí tâm, và hạ chí tâm. Thượng chí tâm thì chúng ta đều chẳng đạt được; thánh nhân mới có thượng chí tâm; nhưng chúng ta học hạ chí tâm, chẳng để cho nó tạp loạn, tâm chẳng tạp loạn. Khi quý vị bước vào sám thất, nhất định quăng mọi chuyện bên ngoài ở ngoài cửa sám thất, chớ nên mang chúng vào trong sám thất! Khi đã vào trong sám thất, tâm chẳng có hai niệm. Nếu quý vị chẳng thể, thì hãy “*nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát*”. Quý vị tưởng hình tướng đức Địa Tạng, miệng niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát là đủ rồi. Đó được coi là đã chí tâm, niệm nào cũng đều chẳng rời Địa Tạng Vương Bồ Tát. Quý vị bái sám chẳng đạt được luân tướng thanh tịnh, nhưng quý vị niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, lạy Địa Tạng Vương Bồ Tát, nghiệp chướng cũng tiêu trừ rất nhiều. Do đã tiêu rất nhiều, trong khi quý vị nằm mộng, quý vị gặp phải chuyện gì đó chẳng cát tường, hoặc buôn bán chẳng vừa ý, bất luận bất cứ chuyện gì cũng đều có thể giải quyết. Nhưng bản thân quý vị ắt phải có tâm chí thành. Lừa gạt người khác thì có thể lừa gạt được, chứ chẳng thể lường gạt Địa Tạng Vương Bồ Tát đâu nhé! Tôi nghĩ mọi người đều tin tưởng điều này! Do vậy, phải chí thành, khẩn thiết thưa bày đúng thật. Quý vị đừng cho rằng đối trước tượng [Bồ Tát] mà nói sẽ chẳng linh,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

so với đối trước người khác nói, sẽ linh hơn rất nhiều. Chúng ta chẳng có sức mạnh ấy, tôi chắc chắn chẳng đời gặp quý vị!

Tôi đã tự mình có kinh nghiệm đối với những vấn đề này, nhưng nghiệp chướng của tôi rất nặng. Tôi vừa mới tiễn pháp sư Hoàng Nhất trở về Hạ Môn, liền bế quan tại Thanh Đảo¹¹ để lạy Chiêm Sát Sám. Đã lạy vài tuần, toàn bộ luân tướng đều sắp thanh tịnh thì người Nhật chiếm đóng Thanh Đảo. Sau biến cố ngày Bảy tháng Bảy¹², quân Nhật đánh tới Thanh Đảo, chúng tôi phải hoàn toàn ngưng bái sám. Đó là chướng ngại to lớn. Nhưng kể từ sau khi tôi bái sám luân tướng chẳng thành công, mấy chục năm sau đó, rất đau xót, rất khổ sở! Phải cách mấy chục năm sau nữa, vào năm 1989, tôi mới ở Mạn Cáp Đôn (Manhattan) của Nữ Ước được họ yêu cầu giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, mới lại bắt đầu, chẳng phải là thuận lợi đâu nhé! Sau đấy, lại sau mười năm nữa, từ năm 1989 đến năm 1999, lại ở chùa Phổ Thọ tại Ngũ Đài Sơn giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Sau đó lại cách mười năm, năm nay là năm 2009, từ 1989 cho đến năm 2009, mới được thuyết pháp, giảng giải, học tập. Nhân duyên cùng mọi người học tập là như thế đó, đều là chẳng thể nghĩ bàn, đều là chẳng thể tưởng tượng được!

Tôi đến Đài Loan vốn là muốn rèn luyện thân thể. Tôi ở Ngũ Đài Sơn không khỏe, vừa mới lành bệnh đôi chút. Tôi nói ở trên núi, thân thể chẳng khỏe khoắn, bèn xuống núi đi rèn luyện đôi chút. Tới Thái Nguyên, ở Thái Nguyên cũng rất tốt. Tôi nói phải đi xa hơn một tí, lúc ấy mới nghĩ đến chuyện sang Đài Loan. Vừa nghĩ bèn linh ứng. Sang Đài Loan, tôi hoàn toàn chẳng mong hoàng pháp, giảng kinh lần nữa, cảm thấy chính mình chẳng có sức mạnh ấy. Tuy tôi chưa chịu già, nhưng quý vị mà chín mươi lăm tuổi thì rốt cuộc vẫn là già khom mắt rồi! Chuyện này tốt bậc hiện thực; chẳng phải là do quý vị thừa nhận hay không. Quý vị thừa nhận cũng thế, mà không thừa nhận cũng thế, già thì đã già khom mắt rồi!

¹¹ Thanh Đảo là một thành phố thuộc tỉnh Sơn Đông, nằm trên phía Nam bán đảo Giao Đông.

¹² Nguyên văn “*thất thất sự biến*”, còn gọi là “*Lư Câu Kiều sự biến*”, thường gọi là Marco Polo Bridge Incident trong các sách lịch sử của phương Tây. Đây là cuộc xung đột giữa quân Nhật và chính quyền Trung Hoa Dân Quốc vào ngày 7 tháng 7 năm 1937. Để kiểm soát gây chiến hòng chiếm đóng miền Bắc Trung Hoa, quân Nhật đã khiêu khích, đòi lục soát thành Uyển Bình vì một binh nhì người Nhật bị mất tích khi họ tập trận tại đó. Dù sau đó, người lính ấy đã trở về đội ngũ, người Nhật vẫn tiếp tục khiêu khích, và đôi bên chạm súng tại Lư Câu Kiều, mở ra cuộc chiến Trung Nhật lần thứ hai.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Không chỉ già, mà còn phải chết. Chưa chết thì kể như được Phật, Bồ Tát gia trì, há còn nghĩ tới giảng kinh, chẳng có sức lực ấy! Nay giảng kinh, tôi thấy mọi người nghe xong còn chưa chê trách, phản đối, nhưng khi bắt đầu giảng, tôi vẫn lo ngại mình có thể giảng xong hay không? Nay tôi thấy đại khái là chẳng có vấn đề gì, có thể giảng xong!

Chiêm sát nghiệp báo thiện ác, trong tâm mỗi người chúng ta đều có một cái thước nhỏ. Tuy thước chẳng dài, nhưng đo [cái tâm của chính mình] rất rành rẽ! Nghiệp chẳng nặng, chẳng sanh vào Sa Bà. Nghiệp của chúng ta rất nặng, mới sanh vào Sa Bà, nhưng chúng ta đều có thể nghe Phật pháp, lại còn có thể được nghe rất nhiều Phật pháp. Không chỉ được nghe, mà còn có thể làm theo. Đã nghe rồi còn có thể Tư, Tư là quán tưởng. Không chỉ Tư, mà còn có thể hành, hành chính là Tu. Văn Tư Tu tam-muội trọn đủ. Nghe xong bèn suy xét, ta phải thực hiện. Ta cũng dùng pháp Chiêm Sát Luân này, tự mình chẳng biết nghiệp chướng của chính mình to hay nhỏ. Chúng tôi nhận thấy: Phạm là các đạo hữu đến tham dự pháp hội, nghiệp chướng của quý vị chẳng to cho lắm. Nếu to thì quý vị đã chẳng gặp danh hiệu của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Chẳng được nghe danh hiệu này, mà lại còn có thể học kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, học kinh Địa Tạng, chẳng có cửa đâu nhé, chẳng thể nào được! Mọi người nhất định phải tin tưởng chuyện này!

Nhưng nghiệp chướng của chúng ta nhẹ nhàng, lẽ ra phải thành đạo, nhưng trong khi nghiệp chướng chẳng nặng chẳng nhẹ, mỗi vị đạo hữu [có thể thành tựu hay không], tùy thuộc quý vị nhận biết chính mình, tùy thuộc nỗ lực của mỗi người như thế nào! Người ta nói “*ngiệp chẳng nặng, chẳng sanh Sa Bà*”, tôi nói “*có thể nghe pháp trong Sa Bà thì nghiệp của quý vị chẳng nặng*”. Sanh vào Sa Bà là nghiệp chướng rất nặng, nhưng trong thế giới nghiệp chướng nặng nề này, mà có thể nghe Phật pháp, tức là trong chốn nghiệp nặng, nghiệp của quý vị chẳng nặng! Chúng ta cũng đừng nên vì lão hòa thượng nói nghiệp của ta chẳng nặng mà có thể ăn chơi đàng điếm, không chuyện gì chẳng làm! Nếu như thế thì là nghiệp chướng nặng nề, chẳng phải là không nặng nề! Tôi nói “*ngiệp chướng chẳng nặng*” là do quý vị có thể nghe Phật pháp, có thể hành đúng theo lời dạy, chiếu theo những điều kinh đã dạy để làm; nhưng cũng đừng chớ nên đánh giá mình quá cao. Vì sao? Đánh giá chính mình quá cao, quý vị sẽ chẳng đạt được. Chẳng đạt được, quý vị sẽ ngã lòng, dần dần lui sụt. Có thể nghe [Phật pháp] thì sau đó tốt nhất là nếu quý vị mong bái sám, trước hết hãy niệm thánh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát một vạn câu. Mỗi ngày, quý vị chí tâm một chút thì niệm một vạn câu rất

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

dễ dàng, niệm một vạn câu thánh hiệu. Trong kinh Địa Tạng, Địa Tạng Vương Bồ Tát đã căn dặn chúng ta: “*Quý vị gặp chuyện khó khăn chi đó, hãy niệm danh hiệu ta một vạn câu*”. Khi tôi gặp khó khăn, tôi tính sang Đài Loan, lần đầu không đi được, tôi bèn niệm một vạn câu. Vẫn chẳng được, không xin phép được! Tôi niệm gấp mười lần, niệm mười vạn câu, vẫn chẳng được! Tôi hơi cứng đầu, có rất nhiều chuyện tôi rất cứng đầu, tôi niệm một trăm vạn câu. Chẳng được, tôi bèn niệm ngàn vạn câu, một mực niệm miết. Tôi niệm đến một trăm vạn câu, chính mình cảm nhận được, thủ tục hộ chiếu cũng đều làm xong. Đối với hết thầy các pháp, chúng ta đừng cho là khó, nghe kinh dạy [cảm thấy] rất khó khăn. [Kinh dạy phải] chí tâm, ta chẳng chí tâm; không sao hết! Cứ tu đi, rèn luyện đôi chút sẽ chí tâm!

Tập 5

(Kinh) Chiêm kỳ luân tướng giả, tùy sở hiện nghiệp, tất ưng nhất nhất để quán tư nghiệp, hoặc thuần cụ Thập Thiện, hoặc thuần cụ Thập Ác, hoặc thiện ác giao tạp, hoặc thuần thiện bất cụ, hoặc thuần ác bất cụ, như thị nghiệp nhân chủng loại bất đồng. Tập khí quả báo, các các biệt dị, như Phật Thế Tôn dư xứ quảng thuyết, ưng đương ức niệm, tư duy, quán sát sở hiện nghiệp chủng, dữ kim thể quả báo sở kinh khổ, lạc, cát, hung đẳng sự, cập phiền não nghiệp tập, đắc tương đương giả, danh vi tương ứng. Nhược bất tương đương giả, vị bất chí tâm, danh hư mạo dã.

(經)占其輪相者，隨所現業，悉應一一諦觀思驗，或純具十善，或純具十惡，或善惡交雜，或純善不具，或純惡不具，如是業因種類不同。習氣果報各各別異，如佛世尊余處廣說，應當憶念思惟，觀察所現業種，與今世果報所經苦樂吉凶等事，及煩惱業習，得相當者，名為相應。若不相當者，謂不至心，名虛謬也。

(Kinh: Chiêm nghiệp luân tướng, thuận theo các nghiệp đã hiện [bởi luân tướng], đều nên đối với mỗi tướng mà quán kỹ càng, suy nghiệp, hoặc là thuần đủ Thập Thiện, hoặc thuần đủ Thập Ác, hoặc thiện

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

ác giao xen, hoặc chẳng trọn đủ thuận thiện, hoặc chẳng trọn đủ thuận ác, các chủng loại nghiệp nhân khác nhau như thế, tập khí, quả báo mỗi thứ đều sai khác, như Phật Thế Tôn đã nói cặn kẽ trong các chỗ khác (trong các bộ kinh khác). Hãy nên ức niệm, tư duy, quan sát các nghiệp chủng đã hiện, nếu chúng tương đương với các quả báo, các chuyện khó, vui, cát, hung v.v... đã trải qua trong đời này, và phiền não, nghiệp tập, thì gọi là “tương ứng”. Nếu chẳng tương đương thì là do [hành giả] chẳng chí tâm, gọi là “hư huyễn, làm lạc” vậy).

Đoạn kinh văn này dạy chúng ta: Nếu lúc quý vị muốn sử dụng Chiêm Sát Luân, Chiêm Sát Luân hiển hiện thiện nghiệp hay ác nghiệp. Thiện nghiệp là màu đỏ, ác nghiệp màu đen. Nếu [các nghiệp chủng] đã hiện [bởi luân tướng] tương ứng với những gì quý vị hứng chịu trong hiện thực, tương ứng với tất cả các tình huống trong cuộc sống thì là “hợp”, rất đúng. Nếu chẳng tương ứng, thì là phiền não của quý vị vốn rất nặng nề, tập khí cũng rất nặng. Chuyện gì cũng đều chẳng vừa ý, cho thấy nghiệp của quý vị rất nặng, thế mà khi quý vị dùng luân tướng, toàn là hiện thành màu đỏ tốt lành; đây là “chẳng tương ứng”. Lời đáp chẳng đúng với lời hỏi, nên gọi là “chẳng tương ứng”. Nếu luân tướng hiển hiện “bất sát”, nói là quý vị chẳng có sát nghiệp, nhưng quý vị bệnh khổ lâu ngày, tức là luân tướng chẳng hiển hiện tương ứng! Luân tướng hiển hiện quý vị chẳng có sát nghiệp, sát nghiệp trong quá khứ rất nhẹ, vậy thì đời này đáng lẽ chẳng bệnh tật, ít khổ não, sống lâu, đó mới gọi là “tương ứng”. “Chẳng tương ứng” có hàm nghĩa là gì? Khi quý vị dùng luân tướng, tâm vẫn chưa chí thành, [cho nên] luân tướng chẳng hiện. Đó là một loại hiện tượng. Trong khi quý vị thỉnh cầu, bái sám, muốn dùng luân tướng, Địa Tạng Vương Bồ Tát không hiện, luân tướng chẳng tương ứng. Quý vị cầu một lần, hai lần, ba lần, thậm chí trong một ngày, mười ngày, từ đầu đến cuối, luân tướng chẳng tương ứng, vì cái tâm của quý vị vẫn chưa chí thành quy y. Cái tâm ấy hư vọng, cho nên luân tướng chẳng hiện. Một loại khác là quý vị cảm mà Địa Tạng Vương Bồ Tát vẫn chẳng ứng. [Bồ Tát] chẳng ứng thì luân tướng chẳng tương ứng. Do cái nhân trong quá khứ của chúng ta, các thứ nhân tạo nghiệp và tập khí trong quá khứ, cũng như quả báo trong đời này ắt phải tương ứng với những điều được hiện bởi luân tướng. Đó gọi là “tương ứng”. [Tương ứng] như vậy tức là quý vị đã cầu được Địa Tạng Bồ Tát gia trì. Điều đó gọi là “tương ứng”, chứ lời đáp chẳng phù hợp với lời hỏi thì gọi là “chẳng tương ứng”.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

[Chánh kinh] dạy chúng ta: Khi quý vị dùng Chiêm Sát Luân, điều đầu tiên là phải bái sám, luyện tập chí tâm. Trong phần sau, kinh vẫn sẽ giảng cặn kẽ về chí tâm: Thượng thượng chí tâm là gì, trung đẳng chí tâm là gì, hạ hạ chí tâm là gì? Sẽ giảng cặn kẽ, rất nhiều! Thông thường, chúng ta cũng chẳng quan sát điều này. Quý vị cũng chẳng hiểu bản thân quý vị không chí tâm! [Cứ nghĩ] “dầu sao ta chẳng dấy vọng tưởng gì cả thì là chí tâm”, chẳng phải là thô thiển như thế, [kinh sẽ giảng] rất tỉ mỉ! Kinh dạy: Khi quý vị chiêm sát luân tướng, vì nghiệp nhân khác biệt trong vô lượng kiếp quá khứ, quý vị sẽ có tập khí biểu hiện khác biệt trong hiện tại. Mỗi cá nhân đều có tập khí riêng biệt, mọi người chú tâm [xem xét], nhìn vào động tác của mỗi người, [sẽ nhận thấy] mỗi người có động tác riêng, bất luận là nói năng hay hành động. Đó gọi là tập khí, mỗi người đều khác biệt! Nếu luân tướng hiển hiện chẳng giống tập khí trong cuộc sống của quý vị, tức là quý vị vẫn chẳng chí tâm. Tâm quý vị vẫn chưa thể đạt tới mức chí tâm. Vậy thì trước hết quý vị phải thâm nhiếp cái tâm sao cho đạt tới chí tâm, sau đó mới chiêm nghiệm luân tướng.

(Kinh) Nhược chiêm luân tướng, kỳ thiện ác nghiệp câu bất hiện giả, thử nhân dĩ chứng vô lậu trí tâm, chuyên cầu xuất ly, bất phục nhạo thọ thế gian quả báo. Chư hữu lậu nghiệp, triển chuyển vi nhược, cánh bất tăng trưởng. Thị cố bất hiện.

(經)若占輪相，其善惡業俱不現者，此人已証無漏智心，專求出離，不復樂受世間果報。諸有漏業，展轉微弱，更不增長。是故不現。

(Kinh: Nếu chiêm sát luân tướng mà thiện nghiệp lẫn ác nghiệp đều chẳng hiện, [là do] người ấy đã chứng vô lậu trí tâm, chuyên cầu xuất ly, chẳng còn ưa thích nhận lãnh quả báo thế gian. Các nghiệp hữu lậu lẫn lượt chuyển thành yếu nhỏ, chẳng còn tăng trưởng nữa. Vì thế, chẳng hiện).

Nếu lúc chiêm sát luân tướng, thiện nghiệp lẫn ác nghiệp của quý vị hoàn toàn chẳng hiện. Hễ chiêm sát thì toàn thể đều trống rỗng (tức các luân đều là mặt trống, không có chữ). Chiêm sát một lần là như thế, chiêm sát hai lần cũng thế. Chiêm sát mười lần, tám lần, đều là hoàn toàn chẳng hiện. Thiện cũng chẳng hiện, mà ác cũng chẳng hiện. Bản thân quý vị vẫn chẳng biết rõ, trên thực tế, quý vị đã chứng đắc vô lậu trí. Tâm quý vị đã

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chứng đắc vô lậu trí, cho nên Chiêm Sát Luân chẳng hiện tướng! Chiêm sát luân tướng là nói đến các chúng sanh hoại nghi, và các chúng sanh chưa dự vào địa vị, cho nên mới sử dụng Chiêm Sát Luân. Khi quý vị đã quyết định tin, đã chứng quả, luân tướng sẽ chẳng hiện!

Còn một loại nữa, chính là kẻ tâm chẳng chí thành, [luân tướng] sẽ chẳng hiện. Còn một loại nữa là quý vị chứng đắc Bát Nhẫn, Bát Trí, chứng đắc Kiến Địa, kinh Đại Thừa gọi [địa vị ấy] là Thất Trụ, tức Đại Thừa Thất Trụ. Kinh Hoa Nghiêm thì gọi địa vị ấy là Sơ Trụ. Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát thì tướng gì cũng đều chẳng hiện, [bởi lẽ], trong tam giới, hết thấy Hoặc nghiệp của quý vị đều chẳng có. Ba nghiệp thân, miệng, ý của quý vị trong thế giới này đã chuyển, do đã đoạn Hoặc Chung phân biệt thuộc tam giới, cho nên chúng chẳng hiện. Vì sao? Do quý vị chẳng có nghiệp nhân ấy, chẳng thọ nghiệp quả ấy, cho nên chẳng hiện.

Kinh Chiêm Sát Nghiệp Báo chủ yếu là khiến cho quý vị tránh khỏi nghiệp quả trong đời sau. Ta đáng đọa địa ngục, quý vị đánh lễ, chiêm sát nghiệp báo thiện ác, bái sám, sẽ chẳng đọa địa ngục. Nếu đáng đọa làm ngã quý, [thì do công đức bái sám], sẽ chẳng đọa. Quý vị đã hoàn toàn chẳng có cái nhân ấy, đã đoạn tuyệt, cho nên nó không hiện ra. Từ hiện tại, quý vị có thể tu cho đến khi thành Phật. Do vậy, vào lúc này, loại ấy chẳng hiện. Thuận thiện chẳng hiện, do quý vị đã đạt tới hoàn cảnh thuận thiện, [luân tướng] chẳng hiện. Thuận ác thì do ác tập khí của người ấy quá nặng, quý vị gieo suốt một hai tháng, luân tướng tuyệt đối chẳng hiện. Vì sao? Ác nghiệp quá nặng nề, cho nên chẳng hiện. Vậy thì quý vị ắt phải lễ bái, lễ bái cho đến khi luân tướng hiện, nghiệp chướng sẽ dần dần tiêu mất.

(Kinh) Hựu thuận thiện bất cụ, thuận ác bất cụ giả, thử nhị chủng nhân thiện ác chi nghiệp sở hữu bất hiện giả, giai thị vi nhược, vị năng khiến quả. Thị cố bất hiện.

(經)又純善不具，純惡不具者，此二種人善惡之業所有不現者，皆是微弱，未能牽果。是故不現。

(Kinh: Lại nữa, thuận thiện chẳng đủ, hoặc thuận ác chẳng đủ, hai loại người ấy tất cả nghiệp thiện ác chẳng hiện đều là do chúng nó yếu nhỏ, chưa thể dẫn đến cái quả, cho nên chẳng hiện).

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Lại nữa, “*thuần thiện bất cụ túc*” tức chẳng phải là thuần thiện, thuần ác cũng chẳng đủ, cũng tức là chẳng phải thuần ác. Đối với loại chúng sanh thuộc bậc trung, thiện thiện ác ác, ác ác thiện thiện, luân tương hết sức linh nghiệm, tức là khi thiện nghiệp và ác nghiệp đều chẳng thể quyết định, nó sẽ hiển hiện. Hiển hiện nhằm mục đích khiến cho quý vị tuân theo kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo để tu. Nếu quý vị có thể đạt tới thuần thiện, ác nghiệp sẽ dần dần tiêu mất, thiện nghiệp dần dần tăng trưởng. Kẻ thuần thiện chẳng trọn đủ, luân tương hết sức linh nghiệm. Kẻ chưa đủ mức thuần ác, luân tương hết sức linh nghiệm. Do vậy, nghiệp thiện hay ác chẳng hiển hiện đều là do nghiệp của quý vị yếu ớt, nhỏ nhoi, chẳng thể cảm quả. Thiện nghiệp cũng rất nhỏ nhoi, yếu ớt, chẳng thể cảm thiện quả. Ác nghiệp cũng rất nhỏ nhoi, yếu ớt, chẳng thể cảm ác quả. Do nó lơ lửng nửa vời như thế, cho nên có khi luân tương chẳng hiện. Dầu quý vị gieo luân tương chẳng hiện, nhưng quý vị phải lễ bái [cho đến khi luân tương] ứng hiện, hiện ra để bảo cho quý vị biết. Trong chánh kinh có nói, vì [nghiệp chúng] yếu ớt, nhỏ nhoi, cho nên chẳng thể dẫn đến cái quả.

Thiện nghiệp cũng thế, mà ác nghiệp cũng thế, chẳng dẫn đến quả báo trong hiện tại, cho nên có lúc chẳng hiện. Đối với loại chẳng hiện này, Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy chúng ta: “Quý vị phải tu Duy Tâm Thức Quán”. Đó là tướng cảnh giới trong nửa bộ sau [của kinh này]. Tu Duy Tâm Quán, hoặc Duy Thức Quán thuộc về nửa sau kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. [Các phép Quán ấy] được giảng trong nửa bộ sau. Nếu thiện nghiệp mạnh mẽ, quý vị sẽ cảm vời cái quả là thiện quả. Ác nghiệp mạnh mẽ, quý vị sẽ cảm vời ác quả. Hai thứ nghiệp thiện và ác đều chẳng thể dẫn đến cái quả cho quý vị tiếp nhận [thì luân tương sẽ chẳng hiện]. Khi quý vị bái sám, nó sẽ hiện ra, hiện cho quý vị biết phải nên tu như thế nào!

Ở đây nói tới nghiệp, “*nghiệp*” có nghĩa là Dụng (tác dụng). Thiện thì thiện nghiệp bèn cảm thiện quả, ác thì ác nghiệp cảm ác quả. Đó gọi là “*nghiệp dụng*”, giống như hiện thời chúng ta làm một chuyện chi đó, chuyện ấy được gọi là “*nghiệp*”. Quý vị tạo nghiệp ấy, có khi là thiện nghiệp cảm thiện quả, có khi là ác nghiệp cảm ác quả. Nếu thiện cũng chẳng mạnh, mà ác cũng chẳng mạnh, thì sẽ chẳng cảm quả, ắt cần phải tăng cường [cái nghiệp ấy thì mới cảm quả]. Nghiệp dụng là quý vị tạo tác. Đó là dùng chữ Dụng để giải thích. Nghiệp dụng của quý vị áp dụng vào phương diện nào, tâm quý vị vận dụng vào phương diện nào, sẽ chịu quả nơi phương diện ấy. Vì chúng ta vừa khởi tâm động niệm, bèn rơi vào

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

hai đường: Một đặng là thiện, đặng kia là ác. Khi quý vị sử dụng Chiêm Sát Luân, vận dụng thiện cũng thế, mà là ác thì cũng thế, đều phải đúng lý quan sát. “*Đúng lý quan sát*” tức là điều suy tưởng trong tâm quý vị có phù hợp khít khao với tướng hiển hiện bởi Chiêm Sát Luân hay không. Nếu chẳng phù hợp, tức là chẳng tương ứng, lời đáp chẳng đúng với lời hỏi. Đối với hai loại ấy, một loại là khi quý vị sử dụng Chiêm Sát Luân, khi quý vị thỉnh thánh, Địa Tạng Vương Bồ Tát chẳng hiện. [Bồ Tát] chẳng hiện, quý vị sẽ chẳng thể chiêm sát được. Tất cả các cảnh tướng (tướng cảnh giới) đều là hư vọng. Cho đến khi quý vị bái sám khẩn thiết, chính quý vị sẽ biết nghiệp của chính mình. Mỗi người chúng ta đều biết, quý vị làm chuyện gì cũng đều chẳng thuận ý, mong cầu điều gì cũng đều chẳng đạt được, đều là chuyện trái ý nguyện, toàn là chuyện chẳng vừa lòng, phiền não, chướng não, chướng ngại, ngăn chướng, trở ngại, quý vị liền biết nghiệp chướng của chính mình rất nặng. Chúng tôi thường nghe các đạo hữu nói nghiệp của họ rất nặng, tôi không tin, họ chẳng nói lời chân thật với tôi! Đó chẳng phải là khách sáo! Nghiệp chướng rất nặng, quý vị sẽ chẳng được nghe Phật pháp, ngay cả tên kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo còn chẳng nghe thấy. Điều này do Địa Tạng Vương Bồ Tát nói, chẳng phải do tôi nói. Quý vị được nghe tên kinh tức là quý vị hữu duyên với Địa Tạng Bồ Tát, có duyên với bộ kinh này.

Do những điều quý vị suy nghĩ thuộc về tham, sân, si, thân thể tạo giết, trộm, dâm, miệng nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói thô ác. Nếu thêm chữ Không vào trước những điều đó, sẽ là Thập Thiện Nghiệp; chẳng có chữ Không, thì là Thập Ác Nghiệp. Phạm là nhất cử, nhất động của quý vị, tâm suy nghĩ, thân tạo tác, miệng nói năng hằng ngày, đều thuộc trong mười nghiệp. Chẳng thuộc vào Thập Thiện Nghiệp, thì sẽ thuộc vào Thập Ác Nghiệp, quý vị chẳng thể vượt thoát nổi! Nói đến “*vượt thoát*” thì ta là thánh nhân, chứng Tứ Quả A La Hán, là người chẳng có Kiến Tư Hoặc, sẽ chiêm sát luân tướng để làm chi? Luân tướng chẳng hiện, dấu chiêm sát cũng chẳng hiện. Ý nghĩa của việc dùng luân tướng là chúng ta đối với nghiệp của chính mình, quý vị vẫn hay nói chính mình nghiệp chướng rất nặng, nhưng nặng đến mức độ nào, quý vị chẳng biết! Đây chẳng phải là một vật có thể lấy cân để cân, dùng thước để đo, hòng biết nó lớn, nhỏ, dài, ngắn, nặng, nhẹ, nhiều, ít. Quý vị dùng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo làm thước đo, sẽ biết rốt cuộc thiện nghiệp của chính mình nặng cỡ nào, công sức tu hành rốt cuộc đạt đến mức độ nào. Do vậy, chính quý vị sẽ tự hiểu rõ: Quý vị hoàn toàn làm

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chuyện ác, làm trọn các chuyện ác, chẳng làm tí ti chuyện tốt đẹp nào, hoặc là thuần làm thiện sự, chẳng có mảy may ác nghiệp nào!

Hai loại người ấy rất ít, đại đa số đều là thiện ác xen tạp. Mọi người trong cuộc sống thường nhật, có lúc trong tâm dấy lên thiện niệm, có khi trong tâm lại dấy lên ác niệm. Tứ chúng đệ tử, tức người xuất gia như tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni, [tại gia gồm] ưu-bà-tắc và ưu-bà-di, đương nhiên là thiện nhiều, ác ít. Dẫu có khi tư tưởng dấy lên phiền não, nhưng theo giáo nghĩa Tiểu Thừa, những ý niệm dấy khởi trong tâm thì chẳng tính, vì quý vị chẳng có hành động cụ thể. Theo pháp luật thế gian, điều ta suy nghĩ trong tâm có thể coi là phạm tội ư? Chẳng coi là phạm tội! Ngay trong giới luật do đức Phật chế định, chẳng hạn như nói tới giới sát sanh; đối với giới sát sanh thì phải giết chết người thì mới coi là phá giới sát sanh. Lúc đó, đã giết, nhưng chưa chết; sau đó, đưa vào bệnh viện rồi mới chết, thì đó là tội ở mức độ nhẹ hơn, chẳng hoàn toàn coi là tội sát nhân, cho phép sám hối. Đã giết kẻ đó, một hai tháng sau người ấy mới chết, do thương tích mà chết, xét theo pháp luật, cũng là vì bị thương mà chết. Trong lúc giết, mà [người bị giết] tắt thở, sẽ coi là sát nghiệp thành tựu. Về sau, [nạn nhân] vì bị thương mà chết, thì quý vị vẫn chưa phạm tội sát nhân hoàn toàn. Giới luật gọi đó là tội Tăng Tàn (Saṃghāvaśeṣa), vẫn chưa phạm tội giết chóc rốt ráo. Đây chính là đối với nghiệp dụng bèn phân tích rất cặn kẽ.

Quý vị dùng Chiêm Sát Luân cũng như thế, cái duyên ấy có lúc kịp thời được xúc tiến thành tựu. Như trường hợp sát nhân tội vừa nêu, [nạn nhân] chết ngay khi bị giết tức là ác duyên đã chín muồi. Chẳng giết chết ngay khi ấy, thì ác duyên vẫn chưa nặng nề dường ấy! Pháp luật phân tích rất tỉ mỉ, trong giới luật cũng nói hết sức nghiêm ngặt, lúc nào sẽ tính là phạm giới! Nếu là người học giới luật, sẽ biết “*bát duyên thành phạm*” (tám duyên tạo thành phạm giới); tám duyên ấy quý vị đều trọn đủ thì sẽ phạm giới điều ấy. Trong tám duyên, quý vị chỉ phạm bốn duyên, phạm một nửa thì sám hối cũng dễ hơn. Chỉ cần thiếu một duyên trong tám duyên, sẽ chẳng coi là phạm giới. Đây chính là nghiệp thiện hay ác yếu ớt, nhỏ nhoi chẳng thể dẫn khởi cái quả. Quý vị giết chết người, sẽ dẫn động cái quả rất dữ dội. Không chỉ phải trả báo, mà còn có hoa báo, quả báo, và dư báo. Trong quá khứ, sát nghiệp rất nặng, quý vị đã trả nợ mạng, nhưng đời này quý vị còn lắm bệnh, lắm tai ương; đó gọi là “*dư báo*”. Chuyện này nếu học giới luật, sẽ được giảng giải tỉ mỉ. Mỗi nghiệp có khá nhiều loại duyên. Trọn đủ các duyên ấy thì mới tính là phạm giới. Thiếu một hoặc hai duyên thì vẫn chưa rốt ráo phạm tội, tức là khi quý vị sám hối tội

lỗi thì mới phân biệt. Pháp luật trong xã hội cũng giống như thế: Quý vị giết chết trong lúc ấy, tình huống sẽ ác liệt khác hẳn! Tội càng nghiêm trọng hơn. Giết chưa chết, đưa vào bệnh viện chữa trị, hoặc là sống được một, hai, ba tháng, đó gọi là “*vì thương tích mà chết*”, tình huống bất đồng, tội cũng bất đồng. Do vậy, đối với thuần ác hay thuần thiện, đều phải phân biệt tường tận.

Những điều tôi vừa mới nói ở đây có phạm vi rộng hơn nhân quả, tức là ngoài nhân quả ra, còn có tập khí. Khi người Nhị Thừa học giới luật, hoặc là học pháp luật, học kinh điển, tuy họ đã đoạn nghiệp thiện ác, đã đoạn Kiến Tư Hoặc, nhưng Vô Minh Hoặc chưa đoạn. Tập khí của thiện ác nghiệp vẫn chưa đoạn. Chúng ta gồm rất nhiều người, tập khí của mỗi cá nhân đều khác nhau. Tập khí chẳng phạm tội, thiện thì có thiện tập khí, ác thì có ác tập khí. Nếu từ tâm quá sâu nặng, lòng từ rất to, bi quán rất sâu nặng, trông thấy kẻ khác chịu khổ, tâm người ấy rất khổ sở; đó gọi là từ tâm, nhưng nó chẳng thể phát huy tác dụng, chẳng thể khiến cho người khác tránh khỏi đau khổ. Chỉ có cái tâm suông, đó chẳng gọi là “*dại bi*”. Miễn trừ thống khổ cho người khác, hoặc chịu thay cho họ, hàng phàm phu chẳng thể làm nổi chuyện này! Vì quý vị muốn chịu khổ thay cho người khác chẳng được, chẳng có bản lãnh ấy, nhưng Bồ Tát thì có thể. Như vậy thì quả báo của quý vị đã tiêu mất, nhưng hãy còn có tập khí. Chuyện này đợi cho đến phần kinh văn ở phía sau sẽ lại nói, vì còn phải nói tiếp về cách dùng Chiêm Sát Luân.

(Kinh) Nhược đương lai thế, Phật chư đệ tử, dĩ chiêm thiện ác quả báo đắc tương ứng giả, w ngũ dục chúng cụ đắc xứng ý thời, vật đương tự túc, dĩ khởi phóng dật. Tức ưng tư niệm: “Do ngã túc thể như thị thiện nghiệp cố, kim hoạch thử báo. Ngã kim nãi khả chuyển cánh tấn tu, bất ưng hưu chỉ”. Nhược tạo chúng ách, chúng chủng suy não, bất cát chi sự, nhiều loạn wu bố, bất xứng ý thời, ưng đương cam thọ, vô linh nghi hối, thoái tu thiện nghiệp. Tức đương tư niệm: “Đản do ngã túc thể tạo như thị ác nghiệp cố, kim hoạch thử báo. Ngã kim ưng đương hối bỉ ác nghiệp, chuyên tu đối trị cập tu dư thiện, vô đắc chỉ trụ, giải đãi, phóng dật, chuyển cánh tăng tập chủng chủng khổ tự”. Thị danh Chiêm Sát sơ luân tướng pháp.

(經)若當來世，佛諸弟子，已占善惡果報得相應者，於五欲眾具得稱意時，勿當自縱，以起放逸。即應思念：「由

我宿世如是善業故，今獲此報。我今乃可轉更進修，不應休止」。若遭眾厄，種種衰惱，不吉之事，擾亂憂怖，不稱意時，應當甘受，無令疑悔，退修善業。即當思念：「但由我宿世造如是惡業故，今獲此報。我今應當悔彼惡業，專修對治，及修余善，無得止住，懈怠放逸，轉更增集種種苦聚」。是名佔察初輪相法。

(Kinh: Nếu trong đời tương lai, các đệ tử đức Phật do đã chiêm sát quả báo thiện ác được tương ứng, đối với các vật thuộc về ngũ dục đều được vừa ý, thì chớ nên buông thả, dấy lên phóng dật, mà hãy liên suy nghĩ: “Do thiện nghiệp đời trước của ta như thế, nên nay đạt được quả báo này. Ta nay càng phải nên tấn tu, chớ nên ngưng nghỉ”. Nếu lúc nào gặp các tai ách, các thứ suy não, chuyện chẳng tốt lành nhiều loạn, khiến cho lo sầu, sợ hãi, chẳng vừa ý, hãy nên cam chịu, đừng ngờ vực, hối hận, thoái thất tu thiện nghiệp. Hãy nên suy nghĩ: “Chỉ do ta trong đời trước đã tạo ác nghiệp như thế, nay mắc phải quả báo này. Ta nay nên sám hối các ác nghiệp đó, chuyên tu tập để đối trị, và tu các điều lành khác, chớ nên ngưng nghỉ, lười nhác, buông lung, chuyển thành tích tập thêm các thứ khổ sở chất chứa”. Đó gọi là pháp chiêm sát luân tướng đầu tiên).

Địa Tạng Bồ Tát nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát, nói đến “*đương lai*”, tức là nói đến tương lai, có nghĩa là nói đến thời Mạt Pháp. Các đệ tử của đức Phật, phàm là người quy y Tam Bảo, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di; kẻ chẳng thọ Tam Quy thì không tính. Quý vị đã tin Phật rất nhiều năm, nhưng chẳng thọ Tam Quy thì không tính là đệ tử của Phật môn. Ất phải thọ Tam Quy thì mới tính là “*nhập Phật môn*”. Nếu là Phật tử trong thuở vị lai, tức trong đời mai sau, đã chiêm sát quả báo thiện ác được tương ứng, tức là khi quý vị chiêm sát, những điều kinh điển đã nói tương ứng với toàn bộ tư tưởng và hành vi của quý vị, thì gọi là “*tương ứng*”. Đời trước, quý vị sát nghiệp rất nặng; đời này phải trả báo, hoặc là bệnh tật lâu ngày, mọi việc chẳng vừa ý, luôn bị thương tổn, mắc hại. Đó gọi là “*tương ứng*”.

Đời trước, thiện nghiệp sâu nặng, chưa hề sát sanh, đời này cũng chưa từng bị bệnh, cũng chẳng có kẻ nào tổn thương, làm hại quý vị. Đối

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

với ngũ dục, mọi vật đều được thỏa ý, hài lòng đối với cảnh giới ngũ dục; khi đó, quý vị phải chú ý, đừng nên buông lung! Đã được thỏa mãn, chớ nên đòi hỏi quá mức. Phải nên suy nghĩ như thế nào? Đây là do thiện nghiệp trong quá khứ của ta, cho nên đời này mới đạt được quả báo này. Giả sử từ trên cơ sở này, ta lại tấn tu. “*Tấn tu*” là dũng mãnh tinh tấn toàn làm các thiện nghiệp, chẳng làm chuyện ác. Điều này mang ý nghĩa khuyên lớn, khích lệ. Địa Tạng Vương Bồ Tát khuyên quý vị đừng ngưng nghỉ nơi hiện tại, chớ nên thỏa mãn với hiện tại, vẫn phải nên ra sức nỗ lực tấn tu, phải khiến cho nó tốt đẹp hơn!

Nếu trong đời hiện tại, gặp phải mọi sự đều chẳng vừa ý, gặp phải ách nạn, thường luôn gặp chuyện suy não, chẳng tốt lành, luôn khiến cho quý vị sợ hãi, ưu sầu, không vừa ý, chuyện gì cũng đều trái ý, quý vị đối đãi như thế nào? Cam tâm chịu đựng! Nhân nại, tự nhủ đó là nghiệp chướng của ta trong quá khứ, đừng tạo tác nữa, nay ta thọ báo, trả báo! Hãy nên cam lòng chịu đựng. Chớ nên hoài nghi, chớ nên hối hận! Điều này hết sức quan trọng. Đặc biệt là đối với tứ chúng đệ tử của đức Phật, tức tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, trong quá khứ, quý vị làm chuyện tổn hại người khác. Chuyện tổn hại người khác là trong quá khứ, toàn gây đau khổ cho người khác, chẳng khiến cho kẻ khác hoan hỷ, đời này quý vị hứng chịu, chẳng đạt được vui sướng, mà cũng chẳng được hạnh phúc. Như vậy thì quý vị nên làm như thế nào? Hãy nên chịu đựng chuyện chẳng vừa ý, tức là vui vẻ trả nợ. Nếu không, còn phải trả thêm “tiền lời”.

Khi quý vị trả nợ, quý vị mượn tiền kẻ khác, chẳng cần trả tiền lời ư? Chẳng hạn như giết người thì ta đền mạng cho kẻ đó [là xong]. Đâu có được! Quý vị giết kẻ đó cách nay đã bao nhiêu năm, cách bao nhiêu kiếp rồi! Vẫn phải kèm thêm lợi tức. Quý vị phải trả thêm món tiền lời đó, đó gọi là trong sát nghiệp còn có dư báo. Nếu không, quý vị thấy người ấy sẽ bực bội, chẳng có tí duyên nào, đó là biểu hiện của dư báo. Quý vị chẳng có ân oán gì với người ta, chẳng có chuyện chi hết, đi đường gặp rất nhiều người, mọi người đi qua đi lại, chẳng có tí ti ảnh hưởng tâm lý gì! Quý vị vô duyên với kẻ đó, nhân duyên gì cũng đều không có. Quý vị thấy người khác bèn rất hoan hỷ, tức là có chút quan hệ. Quý vị thấy kẻ đó bèn phiền não, tức là có chút quan hệ. Đây chẳng phải là vô duyên vô có mà yêu thương, cũng chẳng phải vô duyên vô có mà hận. Chuyện này ai nấy đều gặp phải, quý vị có thể tự suy nghĩ.

Do trong quá khứ, quý vị đã tạo ác nghiệp, đời này thân thể quý vị thường bệnh tật, rất nhiều chuyện chẳng vừa lòng, vô duyên vô có ưu sầu,

vô duyên vô có phiền não. Có hay không? Tôi nghĩ chư vị đạo hữu đều có, chẳng hiểu sao trong tâm chẳng thể nín nhịn được, có chuyện ấy chứ? Người khác thấy quý vị rất tốt, bản thân quý vị cảm thấy rất phiền não. Người khác thấy quý vị hưởng thụ, quý vị cảm thấy chẳng như ý. Mỗi vị đạo hữu đều có [cảm nhận như thế], chẳng hạn như các vị đạo hữu xuất gia có phiền não gì vậy? Có gánh nặng gì? Thế nhưng bản thân quý vị vô duyên vô có dấy lên phiền não, chuyện gì cũng đều chẳng vừa lòng, quý vị biết là túc nghiệp quá khứ phát hiện, đó gọi là “*túc nghiệp phát hiện*”. Vì nghiệp quá khứ của quý vị, vì nghiệp túc thế, cho nên quý vị nẩy sanh phiền não. Quý vị phải nhận biết! Trước kia chẳng nhận biết, [nay do] học kinh Chiêm Sát, quý vị bèn nhận biết, hãy nhẫn nại chịu đựng! Cái tâm nhẫn nại ấy cần phải có trí huệ, [nhận biết] túc nghiệp trong quá khứ phát hiện, đó gọi là “*tu hành*”. Chẳng phải niệm A Di Đà Phật, bái sám thì mới là tu hành. Quý vị có thể nhận biết nghiệp của chính mình, có thể tu hành như vậy, đó là tu hành chân chánh!

Do vậy, quý vị suy niệm như thế thì trên đường tu đạo, sẽ chẳng giải đãi, mà cũng chẳng dám buông lung. Vì Kiến Tư Hoặc của chính mình còn chưa đoạn, chưa nói đến Vô Minh phiền não, Hoặc ấy còn rất nặng! Phải tinh tấn, khiến cho các thứ thiện nghiệp tăng trưởng. Đó là yêu cầu cơ bản nhất khi dùng luân tướng của Chiêm Sát Luân. Vì quý vị không biết, Chiêm Sát Luân liền bảo cho quý vị biết: Hiện thời, nghiệp nào của quý vị phát hiện, quý vị ngay lập tức đột phá nó. Vì sao vô duyên vô có phiền não? Cũng như có khi vô duyên vô có hoa tay, múa chân, chẳng hiểu vì sao lại như thế, cao hứng khôn cùng! Chuyện gì khiến cho quý vị cao hứng, quý vị cũng chẳng tìm được nguyên nhân, trong tâm hết sức hoan hỷ. Có thể là hôm nay quý vị lên tụng niệm công khóa bèn tụng niệm tương ứng, hoặc là quý vị cùng đại chúng tu hành, hoặc hôm nay làm một chuyện tốt, khi quý vị dùng Chiêm Sát Luân, Chiêm Sát Luân sẽ cho quý vị biết, sẽ hiển hiện. Vì thế, gọi là Chiêm Sát.

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược dục chiêm sát quá khứ vãng tích tập nghiệp cứu cận, sở tác cường, nhược, đại, tiểu sai biệt giả, đương phục khắc mộc vi tam luân. Dĩ thân, khẩu, ý, các chủ nhất luân, thư tự ký chi. Hựu w luân chánh trung nhất diện thư nhất hoạch, linh thô trường, sử triệt bần. Thứ đệ nhị diện, thư nhất hoạch, linh tế đoản, sử bất chí bần. Thứ đệ tam diện, tác nhất bàng khắc, như hoạch, linh kỳ thô thâm. Thứ đệ tứ diện, diệc tác bàng khắc, linh sử tế thiểu. Đương tri thiện nghiệp trang nghiêm, do như họa sức, ác nghiệp suy hại, do

như tổn khắc. Kỳ hoạch trường đại giả, hiển thị tích thiện lai cứu, hạnh nghiệp mãnh lợi, sở tác tăng thượng. Kỳ hoạch tế đoản giả, hiển thị tích thiện lai cận, thử tập cơ độn, sở tác vi bạc. Kỳ khắc thô thâm giả, hiển thị tập ác lai cứu, sở tác tăng thượng, dư vọng diệc hậu. Kỳ khắc tế thiện giả, hiển thị thoái thiện lai cận, thử tập ác pháp, sở tác chi nghiệp vị chí tăng thượng. Hoặc tuy khởi trọng ác, dĩ tăng cải hối, thử vị tiểu ác.

(經)善男子！若欲占察過去往昔集業久近，所作強弱大小差別者，當複刻木為三輪。以身口意，各主一輪。書字記之。又於輪正中一面書一畫，令粗長使徹畔。次第二面，書一畫，令細短，使不至畔。次第三面，作一傍刻，如畫，令其粗深。次第四面，亦作傍刻，令使細淺。當知善業莊嚴，猶如畫飾，惡業衰害，猶如損刻。其畫長大者，顯示積善來久，行業猛利，所作增上。其畫細短者，顯示積善來近，始習基鈍，所作微薄。其刻粗深者，顯示習惡來久，所作增上，余殃亦厚。其刻細淺者，顯示退善來近，始習惡法，所作之業未至增上。或雖起重惡，已曾改悔，此謂小惡。

(Kinh: Này thiện nam tử! Nếu muốn chiêm sát nghiệp xưa kia đã tích tập trong quá khứ là lâu xa hay gần đây, mạnh, yếu, lớn, nhỏ, sai khác, hãy nên lại khắc gỗ thành ba cái luân. Dùng thân, miệng, ý làm chủ mỗi luân, viết chữ để nhớ [luân nào tương ứng với nghiệp nào trong ba nghiệp thân, khẩu, ý]. Lại nơi một mặt [đối diện với mặt có viết chữ], bèn vẽ một vạch sao cho [vạch ấy] đậm và dài cho đến giáp mí (chỗ tiếp giáp giữa mặt phẳng của luân và hai đầu vót nhọn). Sau đó, nơi mặt thứ hai, bèn vẽ một vạch mỏng, ngắn, sao cho vạch ấy đừng giáp mí. Sau đó, nơi mặt thứ ba bèn khắc gần một cạnh của luân giống như một vạch, sao cho nét khắc thô và sâu. Sau đó, nơi mặt thứ tư, cũng khắc một vạch gần với cạnh của luân sao cho nét khắc nông và nhỏ. Hãy nên biết thiện nghiệp trang nghiêm ví như nét vẽ trang hoàng, ác nghiệp suy hại ví như bị khắc lõm. Vạch dài to, hiển thị tích thiện đã lâu, hạnh nghiệp mạnh mẽ, nhạy bén, việc làm tăng thượng. Vạch nhỏ ngắn hiển thị tích thiện gần đây, mới

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

tu tập, nên tăng chậm lụt, việc làm nhỏ nhoi, mỏng manh. Vết khắc thô sâu hiển thị hành ác đã lâu, việc làm tăng thượng, vương họa còn sót lại cũng dày. Vết khắc nhỏ và nông cạn hiển thị lui sụt điều thiện gần đây, mới tập hành ác pháp, nghiệp đã làm chưa đến mức tăng thượng. Hoặc là tuy đã dấy lên điều ác nặng nề, nhưng đã từng hối cải, dấy gọi là điều ác nhỏ).

Thiện nam tử! Nếu muốn chiêm sát các nghiệp xưa kia đã hành trong quá khứ là lâu xa hay gần đây, nghiệp đã tạo mạnh, yếu, lớn, nhỏ sai khác. Trong quá khứ, rốt cuộc ta đã làm những chuyện gì, hiện thời ta cảm cái quả như thế ấy. Như tứ chúng đệ tử chúng ta, các đệ tử của đức Phật thuộc hai chúng xuất gia và hai chúng tại gia, nếu trong quá khứ, quý vị chẳng có thiện nghiệp nhân, đã tạo cái nghiệp là nhân lành, đời này quý vị sẽ chẳng gặp gỡ Tam Bảo. Dầu gặp cũng chẳng tin, vì chẳng có duyên. Rốt cuộc ta hành thiện nghiệp lớn hay nhỏ, là lâu xa hay gần gũi, sức của thiện nghiệp là mạnh hay yếu, trong tâm chính mình đã có sự nhận biết. Mọi chuyện đều chẳng vừa lòng, dầu tin tưởng Tam Bảo, dầu đã tu hành đôi chút nơi Tam Bảo, nhưng [sự tu hành] chẳng to lớn, chẳng dừng mãnh, sức lực rất yếu ớt, vậy thì khi quý vị chiêm sát, Chiêm Sát Luân sẽ cho quý vị biết: Trong quá khứ, quý vị đã gieo nhân lành hoàn toàn chẳng to. Đời này, quý vị phải cấp tốc tu hành; nếu không, sẽ đánh mất thiện nhân trong đời này. Hãy làm cho thiện nghiệp của chính mình tăng trưởng, ác nghiệp tiêu mất, khiến cho thiện nghiệp to, ác nghiệp bé, thiện nghiệp mạnh, ác nghiệp yếu. Đó chính là nguyên nhân chủ yếu của việc sử dụng Chiêm Sát Luân. Trong đó, quý vị nói ác thì chẳng có điều ác to tát, thiện thì cũng chẳng có điều thiện to lớn, phải nên gia tăng sức mạnh tu hành của chính mình như thế nào? Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta phương pháp; đó chính là khởi nguồn thật sự của Chiêm Sát Luân.

Hãy nên khắc gỗ thành ba cái luân, tức là dùng gỗ vót thành ba cái luân tương [cũng theo đúng hình dạng: Phần chính giữa là khối lập phương, hai đầu vót nhọn như trong phần trước]. Ba cái luân ấy, một luân chủ về khẩu nghiệp, một luân chủ về ý nghiệp, một luân chủ về thân nghiệp. Tức là mỗi nghiệp trong ba nghiệp thân, miệng, ý đều có một luân riêng. “*Thư tự ký chi*” [nghĩa là] thân nghiệp một luân, khẩu nghiệp một luân, ý nghiệp một luân, mỗi nghiệp ứng với một luân (mỗi nghiệp được viết riêng trên một luân) để chiêm sát nghiệp quý vị đã tích tụ trong quá khứ. Nghiệp hiện tại của chúng ta chẳng phải là một đời, hai đời, mà cũng chẳng phải là mười đời, tám đời, mà là trăm ngàn vạn ức đời, tích tụ nơi

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

cái thân hiện tại. Quý vị có biết là các nghiệp ấy lớn hay nhỏ hay không? Thân quý vị trọn đủ đại thiện, hoặc trọn đủ điều thiện không lớn, hoặc là đại ác, hoặc điều ác chẳng lớn lắm, hoặc là trọn đủ điều ác rất lớn mà thiện nhỏ nhoi, hoặc thiện rất lớn mà ác nhỏ nhoi, hoặc cả hai thứ ngang nhau, cũng chẳng phải là đại ác mà cũng chẳng phải là đại thiện, đều ở mức độ vừa phải. Thiện chẳng phải là một kiếp, hai kiếp, mà là ức vạn vạn năm đều làm thiện sự. Thiện nghiệp hết sức mạnh mẽ, nhạy bén, cho nên đời này luôn gặp gỡ thiện duyên, tâm được an lạc. Vào Phật môn, thường dùng mãnh tinh tấn, chẳng giải đãi, được Phật, Bồ Tát gia trì, khai trí huệ, đó là “*đại thiện*”, thuộc loại đại thiện. Tiểu thiện chẳng lâu xa, hoặc là mới phát ý, tức là thiện nghiệp rất mỏng ít. Do vậy, thiện có lớn, có nhỏ, ác cũng có lớn, có nhỏ, cũng có ác nghiệp tích tập đã lâu, mà cũng có ác nghiệp hoàn toàn chưa lâu. Điều ác nhỏ cũng như thế, còn chưa đến mức độ tăng thượng. Bản thân quý vị chớ nên không hiểu rõ đại thiện và đại ác cho lắm, cần phải chiêm sát nghiệp báo thiện ác được hiển thị từ luân tướng.

Luân ấy được chế tạo như thế nào? Ở giữa một mặt, bèn ghi một vạch to đậm và dài, vừa to vừa dài. Vạch ấy được biểu hiện rất đậm, dài đến tận chỗ mặt luân tướng giáp với chót đầu [của luân tướng]. Mặt thứ hai là một vạch nhỏ và ngắn, thể hiện điều thiện ấy cũng chẳng lớn, biểu lộ ý nghĩa thiện nghiệp chẳng lớn, rất nhỏ. Nơi mặt luân thứ ba thì khắc một vạch sao cho nó thô hơn một chút, nhằm biểu lộ [nghiệp ấy] to lớn, sâu đậm, lâu dài, cho nên phải thô và dài. Một dài, một ngắn, một lớn, một nhỏ. Thiện nghiệp màu đỏ, ác nghiệp màu đen. Quý vị xem luân tướng trong hiện thực sẽ biết. Chẳng hạn như cái luân này có bốn mặt, hai mặt [có nét vẽ hay nét khác] màu đỏ, một vạch đỏ ngắn, một vạch đỏ dài, một vạch đen dài, một vạch đen ngắn. Đối với vạch đỏ, chẳng cần khắc sâu, vẽ lên là được rồi, màu đen thì phải khắc sâu. Bốn mặt [của luân tướng thuộc loại thứ hai] là như thế đó. Nếu khi muốn chế tạo, phải chiếu theo kích thước mà làm. Có vấn đề hay không? Sở dĩ pháp này chẳng thể lưu truyền rất phổ biến là do chẳng chế được Chiêm Sát Luân, kinh dạy chẳng rõ ràng cho lắm. Dài, ngắn, vuông, tròn, rớt cuộc làm [mộc luân] to hay nhỏ, miễn sao khi quý vị cầm luân trong tay gieo xuống, nó xoay chuyển là được rồi!

Vạch to, dài, được biểu hiện bằng màu đỏ, tức là quý vị tích thiện đã rất lâu. Không chỉ rất lâu, mà còn tạo thiện nghiệp rất mạnh mẽ, nhạy bén. Đó gọi là “*tăng thượng*”. Vạch ngắn [và có màu đỏ] tức là quý vị hành thiện chưa lâu. Vạch vừa nhỏ vừa ngắn, cho thấy quý vị làm điều

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

thiện rất mỏng, rất ít, vừa mới chuyên biến. Hành ác cũng như thế. Hành ác đã lâu thì nét khắc vừa dài, vừa sâu, lại có màu đen. Mới hành ác chưa lâu thì nét khắc vừa nông vừa nhỏ; nét khắc màu đen thì là ác, nhưng nếu chẳng thay đổi, nét khắc đen ngắn sẽ biến thành dài, [tức là ác nghiệp] nhẹ lại biến thành nặng. Điều được hiển thị bởi luân tướng bắt nguồn từ sự quán tưởng trong tâm quý vị: Tồn giảm là hắc nghiệp, tăng trưởng là thiện nghiệp. Đối với thiện nghiệp, tâm quý vị rất mạnh mẽ; đối với chuyện ác, quý vị rất kính sợ, cho thấy thiện căn của quý vị rất dày.

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược chiêm sơ luân tướng giả, dẫn tri túc thể sở tạo chi nghiệp thiện ác sai biệt, nhi bất năng tri tích tập cửu cận, sở tác chi nghiệp cường, nhược, đại, tiểu. Thị cố tu chiêm đệ nhị luân tướng.

(經)善男子! 若占初輪相者, 但知宿世所造之業善惡差別, 而不能知積習久近, 所作之業強弱大小。是故須占第二輪相。

(Kinh: Này thiện nam tử! Nếu chiêm sát luân tướng thuộc loại đầu tiên thì chỉ biết đời trước đã tạo nghiệp thiện hay ác sai khác, nhưng chẳng thể biết nghiệp đã tích tập từ trước là lâu hay gần, nghiệp đã làm là mạnh, yếu, lớn, nhỏ. Vì thế, cần phải chiêm sát loại luân tướng thứ hai).

Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Nếu chiêm sát loại luân tướng đầu tiên, quý vị sẽ biết ba nghiệp của chúng ta là thiện hay ác, là nặng hay nhẹ, nhưng quý vị chẳng biết điều thiện ấy nặng hay nhẹ cỡ nào, nghiệp đã tích tập từ lâu xa hay gần, là mạnh hay yếu. Khi đó, phải nên chiêm sát loại luân tướng thứ hai.

(Kinh) Nhược chiêm đệ nhị luân tướng giả, đương y sơ luân tướng trung sở hiện chi nghiệp. Nhược thuộc thân giả, trích thân luân tướng. Nhược thuộc khẩu giả, trích khẩu luân tướng. Nhược thuộc ý giả, trích ý luân tướng. Bất đắc dĩ thử tam luân chi tướng, nhất trích thông chiêm. Ứng đương tùy nghiệp chủ niệm, nhất nhất thiện ác, y sở thuộc luân, biệt trích chiêm chi.

(經)若占第二輪相者，當依初輪相中所現之業。若屬身者，擲身輪相。若屬口者，擲口輪相。若屬意者，擲意輪相。不得以此三輪之相，一擲通占。應當隨業主念，一一善惡，依所屬輪，別擲占之。

(Kinh: Nếu chiêm sát loại luân tướng thứ hai, thì hãy nên căn cứ theo nghiệp đã hiện trong loại luân tướng đầu tiên. Nếu [nghiệp đã hiện] thuộc về thân, hãy gieo luân tướng thuộc về thân (tức luân tướng có viết chữ Thân). Nếu thuộc về miệng, hãy gieo luân tướng thuộc về miệng. Nếu thuộc về ý, hãy gieo luân tướng thuộc về ý. Chớ nên dùng cả ba luân tướng này để gieo cùng một lúc hòng chiêm sát chung. Hãy nên thuận theo cái nghiệp chủ yếu, đối với mỗi điều thiện hay ác, bèn dùng cái luân tương ứng để gieo riêng biệt mà chiêm sát).

Gieo loại luân tướng thứ hai, chẳng phải là gieo cùng lúc cả ba cái luân. Đối với loại luân đầu tiên, mười luân thuộc về ba nghiệp thân, miệng, ý thì có thể cùng gieo. Gieo xong, quý vị ghi lại. Nếu là nghiệp thuộc thân thì chỉ gieo luân tướng thuộc thân. Thuộc khẩu thì chỉ gieo luân tướng thuộc khẩu. Thuộc ý thì chỉ gieo luân tướng thuộc ý. Chẳng thể gieo ba luân cùng một lúc! Mặt có vạch đỏ thuộc về thiện, mặt có vạch đen thuộc về ác. Nếu thiện nghiệp sâu nặng, sẽ được hiển hiện bởi cái vạch vừa dài vừa thô, còn thiện nghiệp [mỏng, ít] sẽ được hiển hiện thành cái vạch vừa ngắn vừa mỏng, [cả hai loại này] đều có màu đỏ. Ác nghiệp cũng như thế: Ác nghiệp nặng nề thì hiển hiện thành vạch vừa đen vừa dài, ác nghiệp nhẹ thì là vạch ngắn và nhỏ. Quý vị chiêm sát riêng biệt. Ba cái luân này là ba luân tương ứng với thân, miệng, ý. Trên mỗi luân, nơi bốn mặt, [mỗi mặt sẽ có một vạch]: Một vạch đen to, vạch đen nhỏ ngắn, vạch đỏ to, vạch đỏ nhỏ ngắn. Lại còn ghi “*thân, khẩu, ý*” [nơi một trong bốn mặt ấy]. Luân thuộc về Khẩu thì ghi chữ Khẩu, thuộc về Thân thì ghi chữ Thân, thuộc về Ý thì ghi chữ Ý. Thân một luân để chiêm sát thân nghiệp, khẩu một luân để chiêm sát khẩu nghiệp, và ý một luân để chiêm sát ý nghiệp. Tách riêng ba nghiệp để chiêm sát.

(Kinh) Phục thứ, nhược chiêm sơ luân tướng trung, duy đắc thân chi thiện, u thử đệ nhị luân tướng trung, đắc thân ác giả, vị vô chí tâm, bất đắc tương ứng, danh hư mâu dã. Hựu phục bất tương ứng giả, vị

chiêm sơ luân tướng trung, đắc bất sát nghiệp, cập đắc thân đạo nghiệp; ý tiên chủ quán bất sát nghiệp, nhi u đệ nhị luân tướng trung, đắc thân ác giả, danh bất tương ứng. Phục thứ, nhược quán hiện tại từng sanh dĩ lai, bất nhạo sát nghiệp, vô tạo sát tội, dẫn ý chủ sát nghiệp, nhi u thứ đệ nhị luân tướng trung, đắc thân đại ác giả, vị danh bất tương ứng. Tự dư khẩu ý trung nghiệp bất tương ứng nghĩa, diệc như thị ưng tri.

(經)復次，若占初輪相中，唯得身之善，於此第二輪相中，得身惡者，謂無至心，不得相應，名虛謬也。又復不相應者，謂占初輪相中，得不殺業，及得偷盜業；意先主觀不殺業，而於第二輪相中，得身惡者，名不相應。復次，若觀現在從生以來，不樂殺業，無造殺罪，但意主殺業，而於此第二輪相中，得身大惡者，謂名不相應。自餘口意中業不相應義，亦如是應知。

(Kinh: Lại nữa, nếu chiêm sát loại luân tướng đầu tiên, chỉ được thân là thiện, nhưng trong loại luân tướng thứ hai, [giao ra luân tướng] thân là ác thì tức là [người chiêm sát] chẳng chí tâm, [cho nên] chẳng tương ứng, gọi là hư huyền, làm lạc. Lại nữa, chẳng tương ứng là khi chiêm sát loại luân tướng thứ nhất, được chẳng có sát nghiệp và nghiệp trộm cắp, toan quán nghiệp bất sát trước, nhưng nơi loại luân tướng thứ hai, lại được [kết quả] là thân ác, thì gọi là chẳng tương ứng. Lại nữa, nếu quán hiện tại từ khi sanh ra cho đến nay, chẳng thích sát nghiệp, chẳng tạo tội giết chóc, chỉ có sát nghiệp nơi ý, nhưng nơi luân tướng thứ hai này, lại hiện thành “thân đại ác”, thì gọi là chẳng tương ứng. Đối với các ý nghĩa chẳng tương ứng khác nơi khẩu và ý nghiệp, cũng nên biết là như thế).

Khi quý vị chiêm sát mười nghiệp bằng loại luân tướng thứ nhất, thân nghiệp của quý vị toàn là đồ, tức là thiện, nhưng đến khi quý vị chiêm sát bằng loại luân thứ hai, [kết quả hiện ra] thân là ác, như vậy là không đúng! [Nguyên nhân là do] quý vị chẳng chí tâm, chẳng thành khẩn. Chẳng chí tâm, tâm không chân thành, tùy tiện mà gieo, sai mất rồi! Phải làm như thế nào? Lại lễ bái rồi gieo lại. Có các đạo hữu chiêm sát lần

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

thứ nhất chẳng tương ứng, bèn liên tục chiêm sát. Sai mất rồi! Chẳng thể được! Vì sao? Hãy bái sám một lần nữa! Quý vị lại chiếu theo nghi quỹ bái sám để lạy và cầu thỉnh một lần nữa. Bái sám xong rồi mới gieo lần nữa. Tôi thấy rất nhiều đạo hữu gieo luân tướng lần thứ nhất chẳng linh, [bèn nói] “ta gieo lại”. Tôi nói làm như thế chẳng được! Phải bái sám một lần nữa rồi mới gieo lại. Thông thường, ngày hôm nay ta gieo chẳng linh, ngày mai quý vị lại lạy, hoặc là lại bái sám lần thứ hai. Tôi bảo các đạo hữu mới học, sáng sớm lạy xong chiêm sát lần đầu. Chiêm sát xong, nếu chẳng tương ứng, [tự biết nguyên nhân là do chính mình] chẳng chí tâm, suốt ngày hôm ấy quý vị niệm thánh hiệu Địa Tạng, một vạn câu cũng được, hai vạn câu cũng được. Sáng sớm hôm sau lại lễ bái, lại sám hối, rồi mới gieo. Có khi một ngày lạy năm lần, lạy bốn lần, lần đầu tiên sử dụng Chiêm Sát Luân, lần thứ hai, lần thứ ba đều chẳng dùng, vì vẫn chưa dùng được. Hễ dùng thì vẫn chẳng linh. Quý vị dành suốt một ngày hôm nay, lạy suốt một ngày, sáng sớm hôm sau thức dậy bèn chiêm sát trước. Chiêm sát xong lại bái sám.

Quý vị chiêm sát loại luân tướng thứ nhất, đạt được kết quả thân là thiện nghiệp, chiêm sát loại luân tướng thứ hai thì thân lại là ác; đó gọi là “*chẳng tương ứng*”. Nguyên nhân chẳng tương ứng là do chẳng phù hợp. Vì sao chẳng phù hợp? Chẳng ăn khớp với kết quả trước đó, do tâm quý vị chẳng chí thành. Kinh đã dạy: Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát, tâm kẻ đó chẳng chân thành! Hễ chân thành bèn linh nghiệm, chẳng chân thành sẽ chẳng linh! Nếu quý vị được kết quả từ loại luân tướng thứ nhất là “*bát sát*”, loại luân thứ hai lại là sát, tức gieo loại luân tướng thứ hai, [kết quả] lại là sát, chẳng tương ứng! Gieo loại luân tướng thứ nhất “*có trộm cắp*”, gieo loại luân thứ hai hiện ra “*chẳng có trộm cắp*” thì cũng là chẳng tương ứng. Hễ chẳng đúng thì gọi là “*chẳng tương ứng*”, đáp chẳng đúng điều đã hỏi thì gọi là “*chẳng tương ứng*”. Vậy thì quý vị làm như thế nào? Hôm nay quý vị chẳng gieo nữa, lại bái sám. Hôm nay quý vị lạy năm ba lượt vẫn chẳng gieo, chờ đến sáng hôm sau, sẽ gieo lần nữa. Gieo xong rồi lại lạy. Bắt đầu kể từ khi chính quý vị có thể hiểu Phật pháp, quý vị chẳng ưa thích sát nghiệp, chưa hề nghĩ giết chóc, trông thấy loài trùng cũng chẳng nghĩ tổn thương, làm hại chúng nó. Quý vị chẳng tạo tội thuộc về sát nghiệp, nhưng đến khi quý vị gieo luân tướng, thấy nói là sát nghiệp của quý vị rất nặng, có sát nghiệp. Điều này tuyệt đối chẳng tương ứng. Vẫn phải kiểm nghiệm cái tâm, cho đến khi quý vị gieo loại luân tướng thứ hai, thấy nói thân quý vị phạm đại ác. Đó gọi là chẳng tương ứng. Chẳng có, chẳng tương ứng với sự thật. Đó gọi là

chẳng tương ứng. Khi “tương ứng” và “chẳng tương ứng” tức là khi quý vị gieo luân tương, [kết quả hiển hiện] của loại luân sau chẳng ăn khớp với loại luân trước. Trong tâm quý vị chưa hề có ý niệm sát sanh, cho đến khi quý vị gieo luân tương, luân tương nói quý vị có sát nghiệp, há có thể được hay chẳng? Chẳng xứng hợp thì gọi là “chẳng tương ứng”. Đó gọi là hư vọng, chính quý vị phải biết nghiệm chứng.

Vì Địa Tạng Bồ Tát đã dạy chúng ta ắt cần phải tương ứng. Địa Tạng Bồ Tát bảo chúng ta: Quý vị không thích sát nghiệp, nhưng luân tương hiện ra sát nghiệp, tức là chẳng tương ứng. Hễ luân tương chẳng tương ứng, Ngài dạy quý vị hãy sám hối lần nữa rồi mới gieo lần nữa. Có rất nhiều đạo hữu, khi quý vị gieo luân tương, hãy đặc biệt chú ý: “Đừng vì một hai ngày chẳng tương ứng mà quý vị ngã lòng”. Ngã lòng thì quý vị sẽ chẳng dùng nữa! Một hai ngày, một hai tuần đều chẳng tương ứng, cứ mỗi ngày đều lạy. Đã lạy suốt bảy ngày mà quý vị dùng luân tương vẫn hoàn toàn chẳng tương ứng. Vì sao? Vì tâm quý vị vẫn chưa thấu nhiếp được, quý vị vẫn chưa chí tâm, [cho nên] Bồ Tát chẳng hiển hiện. “*Bồ Tát hiển hiện hay không*” hoàn toàn chẳng phải là chúng ta sẽ thấy hình tướng của Địa Tạng Vương Bồ Tát, chẳng phải như vậy! Mà là [xét theo] luân tương có tương ứng hay không. Chẳng tương ứng thì Bồ Tát chẳng hiện, hễ tương ứng thì Bồ Tát hiện. Quý vị thông qua bái sám, sau đó niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, bản thân sẽ tiêu nghiệp chướng. Tiêu nghiệp chướng đến mức độ nào? Tới mức quý vị có thể chí tâm. Hễ bái sám, trong tâm hết sức tương ứng với chí thành, khẩn thiết. Có các đạo hữu bái sám đến nỗi đau lòng khóc lóc, nghĩ tới nghiệp của chính mình và các khổ nạn phải chịu trong đời này, [như thế thì] sẽ rất dễ tương ứng. Do vậy, coi việc chiêm sát luân tương như đoán mạng, phê bát tự thì không được! [Bói toán] thì quý vị cho [thầy bói] mấy đồng, hẳn sẽ tính một quẻ cho quý vị. [Nếu nghĩ chiêm sát luân tương cũng giống như thế] thì không được. Chẳng phải là quý vị vừa cầu bèn gieo quẻ sẽ linh ứng!

Khi quý vị dùng Chiêm Sát Luân, hãy nghiệm chứng chính mình. Thoạt đầu muốn sử dụng [Chiêm Sát Luân], [bái sám] một hai thất vẫn chẳng thấy tương ứng. Trước hết, hãy sám hối tội hiện hành của mình. Vì chúng ta hết sức lao chao, tâm chẳng định được, làm sao luân tương tương ứng cho nổi? Cho đến khi quý vị lạy một thất, hai thất, người nghiệp chướng nhẹ lạy một thất rồi sử dụng luân tương bèn tương ứng. Nghiệp chướng nặng hơn một chút, quý vị phải lạy hai thất. Có người lạy ba thất, tức hai mươi một ngày, luân tương vẫn khư khư chẳng hiện. Dầu hiện, cũng chẳng tương ứng, chẳng hiển hiện phù hợp. Rõ ràng là chẳng có sát

ngiệp, mà luân tướng hiện ra sát nghiệp. Rõ ràng quý vị chẳng tham, mà luân tướng hiện tham, hoặc tham, sân, si phiền não. Bình thời, quý vị chưa hề nói dối, luân tướng hiện quý vị nói dối, tức là chẳng tương ứng! Chẳng hạn như quý vị thường thích khơi chọc thị phi, ở chỗ Trương Tam kể tội Lý Tứ, ở chỗ Lý Tứ nói xấu Trương Tam; nhưng luân tướng nói quý vị chẳng phạm lỗi nói đôi chiều. Bản thân quý vị vẫn chẳng hiểu rõ chính mình suốt ngày nói đôi chiều! Quý vị ắt cần phải sám hối chuyện tương ứng với luân tướng thì mới sanh ra hiệu quả, vì quý vị sử dụng luân tướng [để sám hối hồng tấn tu đạo nghiệp], chẳng phải là để đoán mạng, phê bát tự, biết hay không? Đây là gì? Tu hành! Quý vị tu hành có Địa Tạng Bồ Tát tới chứng minh. Địa Tạng Bồ Tát chẳng tới chứng minh, quý vị chiêm sát chẳng tương ứng, thắc mắc của quý vị toàn là chẳng được đáp đúng. Đó gọi là “chẳng tương ứng”. Quý vị chẳng vận dụng chiêm sát luân tướng tốt đẹp. Chuyện này chẳng phải là “tôi đưa cho ông mấy đồng thì sẽ tương ứng”, chẳng hề!

Bái sám, quá trình dùng luân tướng chính là quá trình sám hối tội lỗi. Điều quý vị có thể đạt được là do luân tướng hiện cho quý vị, quý vị đã sám hối tội lỗi rất nhiều, phải hiểu đạo lý này. Trong khi quý vị sám hối tội lỗi, tăng trưởng trí huệ, tức là tu khai trí huệ. Cho đến khi trí huệ của quý vị khơi mở, sẽ biết mức độ sám hối của chính mình: Quý vị đã vận dụng Chiêm Sát Luân sám pháp, lại còn có một trăm tám mươi chín thứ giải thích [dành cho loại luân tướng thứ ba]. Cho đến khi quý vị bái sám, [luân tướng] sẽ cho quý vị biết phải nên làm như thế nào. Trong kinh văn thuộc phần sau, sẽ giảng giải một trăm tám mươi chín loại ấy, tức là sáu căn, sáu trần, sáu thức của quý vị, cộng thêm căn bản vô minh thành mười chín món, ghép với mười đời, tức là mười chín nhân với mười đời. Do đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai, mười đời¹³, tạo thành một trăm tám mươi chín thứ ấy. Bất cứ con số nào của quý vị cũng chẳng thể vượt ra ngoài một trăm tám mươi chín thứ ấy. Sáu căn, sáu thức, sáu trần, ba lần sáu thành mười tám giới, cộng thêm căn bản vô minh, chẳng có gì ra ngoài các thứ ấy. Chiêm sát như thế, quý vị sẽ thấy được thiện ác của chính mình từ vô lượng kiếp đến nay. Nghiệp thiện hay ác đều là do sáu căn, sáu trần, sáu thức, lại còn thêm căn bản phiền não vô minh tạo thành. Vì quý vị hằng ngày bái sám để sám trừ tội lỗi, sám sám tương ứng, nghiệp chướng tiêu mất, trí huệ tăng trưởng. Luân tướng là trí huệ của

¹³ Mỗi đời sẽ đều có quá khứ, hiện tại, và vị lai của nó, nên ba nhân với ba thành chín, cộng thêm căn bản vô minh hiện tiền, gọi chung là mười đời.

chính quý vị. Trí huệ của quý vị tăng trưởng, sẽ tự nhiên tương ứng. Quý vị có thể thắc mắc: Tôi sẽ có thể sanh về thế giới Cực Lạc hay không, có thể khai đại trí huệ ngay trong đời này, đời này có thể lễ bái Chiêm Sát Sám đến mức chứng đắc Tứ Quả A La Hán, hoặc chứng đắc địa vị Thất Trụ Bồ Tát hay không? Đợi cho quý vị bái sám đến mức vô tướng, thành tựu vô tướng, vô nguyện, sẽ là đại Bồ Tát. Do vậy, khi còn phân biệt, khi dùng luân tướng, khi trí huệ của quý vị khơi mở, tăng trưởng, trí huệ đã tăng trưởng, quý vị sẽ biết chính mình có trí huệ. Không chỉ là đối với lời chỉ dạy của đức Phật, mà đối với lý luận do Địa Tạng Vương Bồ Tát chỉ bảo, cũng sẽ có trí huệ. Khi quý vị xử lý các vấn đề thế gian, sẽ đều xử lý khá thích đáng. Đối với các vấn đề trong gia đình, xã hội, kinh doanh, sẽ đều có trí huệ, sẽ chẳng có chướng ngại. Chúng ta chưa đắc trí huệ, làm mọi chuyện sẽ chẳng thích đáng, vì chẳng có trí huệ. Đối với một trăm tám mươi chín thứ ấy, quý vị đều chẳng phù hợp, do chẳng có trí huệ. Đợi cho đến khi quý vị đã phù hợp, dù là thiện hay ác cũng vậy, hễ phù hợp bèn mở mang trí huệ. Đã mở mang trí huệ, quý vị bèn có thể đạt được lợi ích. Luân tướng chỉ dạy quý vị điều ấy. Nhưng sử dụng pháp luân tướng thì điều thứ nhất là phải nhẫn nại, đừng nên bộp chộp, lao chao, chẳng phải là như quý vị làm chuyện thế gian, mong sao chóng thành tựu. Chẳng hề thành tựu nhanh chóng được!

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược vị lai thế chư chúng sanh đẳng, dục cầu độ thoát sanh, lão, bệnh, tử, thí học phát tâm, tu tập Thiền Định, vô tướng trí huệ giả, ưng đương tiên quán túc thế sở tác ác nghiệp đa thiểu, cập dĩ khinh trọng. Nhược ác nghiệp đa hậu giả, bất đắc tức học Thiền Định, trí huệ, ưng đương tiên tu sám hối chi pháp. Sở dĩ giả hà? Thử nhân túc tập ác tâm mãnh lợi cố, ư kim hiện tại, tất đa tạo ác, hỷ phạm trọng cấm. Dĩ phạm trọng cấm cố, nhược bất sám hối, linh kỳ thanh tịnh, nhi tu Thiền Định, trí huệ giả, tắc đa hữu chướng ngại, bất năng khắc hoạch. Hoặc thất tâm thác loạn, hoặc ngoại tà sở nã, hoặc nạp thọ tà pháp, tăng trưởng ác kiến. Thị cố, đương tiên tu sám hối chi pháp. Nhược giới căn thanh tịnh, cập túc thế trọng tội đắc vi bạc giả, tắc ly chư chướng.

(經)善男子！若未來世諸衆生等，欲求度脫生老病死，始學發心，修習禪定，無相智慧者，應當先觀宿世所作惡業多少，及以輕重。若惡業多厚者，不得即學禪定智慧，應當

先修懺悔之法。所以者何？此人宿習惡心猛利故，於今現在，必多造惡，毀犯重禁。以犯重禁故，若不懺悔，令其清淨。而修禪定智慧者，則多有障礙，不能克獲。或失心錯亂，或外邪所惱，或納受邪法，增長惡見。是故，當先修懺悔法。若戒根清淨，及宿世重罪得微薄者，則離諸障。

(Kinh: Này thiện nam tử! Nếu các hàng chúng sanh trong đời vị lai muốn cầu độ thoát sanh, lão, bệnh, tử, mới học phát tâm, tu tập Thiền Định, vô tướng trí huệ, trước hết, hãy nên quán ác nghiệp đã làm trong đời trước nhiều hay ít, và nặng hay nhẹ. Nếu ác nghiệp nhiều và sâu dày, chớ nên học ngay Thiền Định và trí huệ, trước hết, hãy nên tu pháp sám hối. Vì có sao vậy? Do người ấy xưa kia cái tâm hành ác mạnh mẽ, bén nhạy, cho nên trong hiện tại ắt tạo ác nhiều, hủy phạm trọng cấm. Do phạm giới trọng, nếu chẳng sám hối cho thanh tịnh mà tu Thiền Định và trí huệ, sẽ có nhiều chướng ngại, [khiến cho] chẳng thể đạt được. Hoặc bị mất trí, làm loạn, hoặc bị tà vạy bên ngoài nhiễu loạn, hoặc tiếp nhận tà pháp, tăng trưởng ác kiến. Vì thế, phải nên tu pháp sám hối trước. Nếu giới căn thanh tịnh và trọng tội trong đời trước ít mỏng, sẽ lìa các chướng).

Địa Tạng Vương Bồ Tát lại bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: - Này thiện nam tử! Nếu chúng sanh trong đời vị lai muốn cầu độ thoát sanh, lão, bệnh, tử, tức là mong liễu thoát sanh, lão, bệnh, tử, mong phát tâm học Phật, mong phát tâm tu tập Thiền Định, tu tập vô tướng trí huệ, trước hết, hãy nên quán ác nghiệp đã tạo trong đời trước nhiều hay ít, cho đến là nhẹ hay nặng. Nếu ác nghiệp nhiều và sâu dày, lúc đó, chớ nên học tập Thiền Định và trí huệ, vì tu cũng chẳng thành tựu, do chính mình có nghiệp chướng rất nặng, chướng ngại rất nhiều. Vậy thì nên làm như thế nào? Trước hết, hãy tu tập pháp sám hối. Đây là Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta phải tu sám hối, đó gọi là “*bái sám*”. Vì sao chúng ta dùng Chiêm Sát Luân một lượt chẳng tương ứng, hai lượt chẳng tương ứng? Vì quý vị có nghiệp chướng ngăn chướng. Đến khi nghiệp chướng tiêu mất, sẽ liền tương ứng. Nghiệp chướng tiêu mất, luân tướng hiện, cũng chính là trí huệ của quý vị tăng trưởng, tội nghiệp tiêu mất. Chẳng phải là tiêu hết, mà là tội nghiệp nhẹ bớt, trí huệ tăng trưởng. Đối với Chiêm Sát Luân Tướng,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

dùng pháp sám hối, quý vị sẽ tiến nhập, đó gọi là trí huệ. Nhưng nếu quý vị chẳng nương theo tướng trạng của luân tướng, Địa Tạng Vương Bồ Tát nói: Nếu quý vị ác nghiệp rất dày, mà toan tu tập Thiền Định, học tập trí huệ, sẽ dễ bị ma dựa, dễ tiến nhập ma cảnh. Thật ra, pháp sám hối nhằm tiêu trừ ma chướng, ma sẽ chẳng hiện. Cách này khác với chuyện tu tập Thiền Định và trí huệ. Chúng ta thường xuyên lao chao, tâm chẳng thể tĩnh lặng được! Nếu quý vị tu tập pháp sám hối rồi mới tu Định, môn Định ấy sẽ chẳng có ma chướng. Đó là sức gia trì của Địa Tạng Vương Bồ Tát do hành nhân nương theo pháp sám hối; nguyên nhân dùng pháp Chiêm Sát là như thế đó.

Địa Tạng Vương Bồ Tát lại nói sâu hơn một tầng nữa. “*Sở dĩ giả hà?*” nghĩa là “*vì sao phải nói như thế?*” Kẻ ấy trong quá khứ đã quen thói ác tâm rất mạnh mẽ, bén nhọn. Kẻ ấy làm ác hết sức mạnh mẽ, căn cội ác nghiệp trong quá khứ rất nặng, ác tập khí rất sâu. Do ác nghiệp và ác tập khí trong quá khứ, hiện tại kẻ ấy nhất định sẽ làm ác lắm nổi, tạo ác nhiều. Dẫu xuất gia, cũng sẽ phạm trọng giới. Trọng giới là bốn căn bản (giết, trộm, dâm, dối). Giả sử chẳng sám hối thanh tịnh, tu Thiền Định, tu trí huệ có thể thành tựu nổi chăng? Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo chủ yếu là để tu hành, khiến cho quý vị sám hối tội lỗi trước đã rồi sau đây mới tu Thiền Định và trí huệ, mới có thể chẳng dấy khởi tà tri tà kiến, mới chẳng có tà giác tri. Hiểu biết chẳng chánh đáng, liễu giải chẳng chánh đáng thì đều là tà tri tà kiến. Như thế thì sẽ tăng trưởng ác kiến. Do vậy, nếu muốn tu hành Định và Huệ, tu hành pháp môn Chỉ Quán, hoặc là cho đến khi thành Phật, trước hết, phải tu pháp sám hối. Nếu sám hối thanh tịnh, khi đó, thọ Tam Quy, thọ Ngũ Giới, cho đến thọ Bát Giới, Bồ Tát giới, giới càng thanh tịnh. Đã thọ giới, bèn có thể giữ được, tức là nghiệp chướng quá khứ chẳng quá nặng nề; hễ tu tập, sẽ chẳng bị chướng ngại. Nếu chẳng tu sám hối, mà tu Định Huệ trước, nghiệp chướng của chính mình quá nặng, tập khí quá sâu, ác tập khí và ác tâm sở quá mãnh liệt, chẳng nói tới quá khứ, mà chính ngay các nghiệp mới tạo của quý vị trong đời này sẽ là nhân duyên gây chướng ngại cho tu Định, tu Huệ. Quý vị không chỉ là tu chẳng thành tựu, mà còn bị ma dựa! Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di đã thọ giới mà chẳng trì giới, cho đến ngay cả Tam Quy cũng trái phạm. Tam Quy chính là giới! Đã thọ Tam Quy rồi mà lại chạy theo tin tưởng Gia Tô giáo (Thiên Chúa giáo)! Rất nhiều kẻ như vậy, chẳng phải là thiếu sót, ngay cả Tam Quy mà cũng trái phạm. Bản thân của Tam Quy cũng là giới, như thế thì sẽ chẳng thể nào không đọa địa ngục, chắc chắn là như thế!

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Nếu lại gặp kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, lại bái sám, hồi cải rồi lại bái sám. Tôi vừa mới nói, [bái sám] một hai thất mà luân tướng chưa hề xuất hiện, đó là do nghiệp chướng rất nặng. Nghiệp do quý vị đã tạo gây chướng ngại cho quý vị, ngay cả sử dụng pháp này mà cũng chẳng thể dùng được. Trước hết, ắt phải sám hối các tội nghiệp ấy rồi mới lại dùng Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, sau đó lại sám hối nghiệp báo. Nói như vậy, chúng ta nhận biết tội nghiệp như thế nào? Nếu dùng giáo nghĩa Đại Thừa, “*tội tánh vốn không, chỉ do tâm tạo*”. Tâm tạo thì dùng tâm sám. Tâm nếu diệt thì tội cũng mất. Tâm mất và tội diệt, hai đằng đều không; đó gọi là chân sám hối, quý vị đã làm được chưa? Đó gọi là vô tướng sám. Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta, quý vị phải từ hữu tướng đạt đến vô tướng. Hữu tướng sám mà quý vị làm chẳng được, há có thể vô tướng sám ư? Do vậy, trong nửa bộ sau của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo này chẳng phải là như vậy, tu Định và tu Huệ, hai thứ quán đạo, cảnh giới Nhất Thật, trực tiếp nhập pháp giới, đó là cảnh giới Hoa Nghiêm. Mục đích chủ yếu của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo là chúng ta tu thành Phật, tướng thế gian được nói kèm theo. Quý vị chiêm sát nghiệp chướng của chính mình nhẹ hay nặng, như thế nào thì sẽ có thể tu Thiền Định, như thế nào thì sẽ có thể tu trí huệ? Do vậy, quý vị phải lạy Chiêm Sát Sám. Mục đích dạy chúng ta dùng Chiêm Sát Sám của Địa Tạng Bồ Tát nằm trong nửa bộ sau. Nửa bộ đầu [của kinh này] nhằm chuẩn bị, mục đích là thành Phật, chẳng phải nhằm học phú quý, tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian.

Đã hiểu đạo lý này, mọi người biết có kẻ bảo “Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo là giáo nghĩa Tiểu Thừa, chẳng phải là Đại Thừa”. Trong kinh này, chẳng có A La Hán, chỉ có Kiên Tĩnh Tín Bồ Tát và Địa Tạng Bồ Tát thuyết pháp, chẳng có ai khác tham gia. Kiên Tĩnh Tín Bồ Tát thỉnh, Địa Tạng Bồ Tát nói. Đồng thời, nửa bộ sau dạy quý vị, trong nửa bộ đầu, tội tánh là thực tại, nửa bộ sau bèn phủ định: “*Tội tánh vốn là không, thể tánh của tội chẳng có, là hư huyền, chẳng chân thật*”. [Nếu tội tánh là] chân thật, quý vị sẽ chẳng thể sám được; vì nó chẳng chân thật, quý vị mới sám trừ được! Tội tánh vốn không, chỉ do tâm tạo, nhưng khi tạo, khởi tâm động niệm, khi tạo tội nghiệp thì rất nhanh chóng, rất dễ dàng. Khi sám thì có thể chẳng dễ, vì chúng ta chẳng đạt được nhất tâm. Có thể đạt tới nhất tâm, đương nhiên là rất tốt! Nay mọi người đều biết phát Bồ Đề tâm, nếu cái tâm tương ứng, chúng ta tu mười đại nguyện vương của đức Phổ Hiền; đó là pháp môn “*duy tâm vô ngại, vô chướng*”, quý vị có thể tương ứng hay không? Lễ khắp mười phương hết thầy chư

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Phật: Đại nguyện thứ nhất là lễ kính mười phương chư Phật, tâm quý vị có thể đạt tới cảnh giới ấy hay không? Nếu niệm Địa Tạng, Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, hoặc niệm Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, niệm nào cũng đều chẳng lìa tâm, tâm chính là Tam Bảo. Cái tâm niệm Địa Tạng Bồ Tát chính là Địa Tạng Bồ Tát, cái tâm niệm Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát chính là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, có làm được hay không? Do vậy, trong khi quý vị chưa sám trừ hết tội, hãy còn thiếu rất nhiều món nợ quý vị chưa trả xong, nếu muốn phát tài to lớn, sẽ chẳng làm được! Quý vị phải trả sạch nợ đã! Trước hết, hãy trả sạch tội nghiệp!

Mỗi vị đại Bồ Tát trong khi lợi ích chúng sanh, mục đích đầu tiên là khiến cho chúng sanh “*lìa khổ, được vui*”. Do mục đích này mà mỗi vị Bồ Tát và hết thảy các đại Bồ Tát phát tâm. Các Ngài làm hết thảy đều vì độ chúng sanh. Giáo nghĩa Đại Thừa dạy: Khi Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, chẳng vì mưu cầu hạnh phúc cho chính mình, chỉ mong chúng sanh được an lạc. Nguyện hết thảy chúng sanh lìa khổ, tâm quý vị kết hợp với tâm của hết thảy chư Phật, Bồ Tát thành một thể. Tâm phàm phu nhanh chóng trở thành Phật tâm, chuyển biến ý niệm thành Phật tâm, có thể làm được hay không? Nếu chẳng làm được, vậy thì phát tâm học theo Phật, học theo Bồ Tát, chuyển biến cái tâm của quý vị trở thành Phật tâm. Làm chẳng được, quý vị sẽ thuận theo nghiệp của chính mình. Quý vị tạo nghiệp gì, nó sẽ lôi quý vị đến nơi đó, tức là bị nghiệp lực xoay chuyển. Các vị đang hiện diện đều phát tâm học Phật, nói Phật làm như thế nào, ta bèn làm như thế ấy. Chẳng làm được! Ngay cả Bồ Tát mà chúng ta cũng đều chẳng làm được, ngay cả sơ phát ý Bồ Tát chúng ta cũng chẳng làm được, chỉ xưng là Bồ Tát! Chúng ta đều đã thọ Bồ Tát giới. Có người đã thọ trọn tam đàn đại giới, thử hỏi các vị xuất gia đạo hữu có phải là Bồ Tát hay không? Là Bồ Tát! Bồ Tát làm chuyện gì, trong tâm Bồ Tát nghĩ chuyện gì, ý niệm của Bồ Tát là gì? Nếu quý vị niệm nào cũng đều là tâm Bồ Tát, nghiệp lực hết sức mạnh mẽ, thì sẽ thuận theo Bồ Tát đạo. Quý vị thường nghĩ đến nghiệp chướng của chúng sanh: Bị bệnh khổ xảy đến, bị bệnh khổ xoay chuyển. Nếu thức ăn ngon miệng, sẽ ăn thêm hai miếng. Chẳng ngon, sẽ chẳng muốn ăn thêm! Trong hết thảy các chỗ, đều có thể kiểm nghiệm cái tâm của chúng ta.

Nay chúng ta có thể cảm nhận “*niệm trước vừa khởi ác, niệm sau chẳng dậy lên*”, chẳng cho nó tiếp tục. Biết nghiệp chướng do chúng ta đã tạo trong quá khứ, nay thân, khẩu, ý một đao cắt phẳng, có sức mạnh ấy hay chẳng? Thiện Tài đồng tử có [sức mạnh ấy]. Trong kinh Pháp Hoa, long nữ cũng có. Hễ có, bèn thành Phật. Chẳng có, sẽ chẳng thể tiêu

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

[nghiệp chướng] một tí nào. Chúng ta chẳng có cái sức ấy, nghiệp tánh vốn là không, do tâm tạo, nhưng chúng ta chẳng thể “không” được! Chẳng thể “không”, quả báo sẽ chẳng mất! Các đạo hữu học giáo nghĩa Đại Thừa thường nói “nghiệp tánh vốn không”, quý vị có thể “không” nơi quả báo hay chẳng? Bệnh là giả, chẳng ăn nhằm gì! [Thế nhưng] khi quý vị bệnh nặng chẳng bò dậy nổi, tôi coi quý vị làm như thế nào? Đó là giả, ta hãy choàng dậy đi làm như thường, có làm được hay không? Ăn nói lớn lối thì ai cũng đều có thể nói được, nhưng chuyện lớn chẳng thể làm được! Nói “*ta chịu khổ thay cho chúng sanh*”, được lắm! Quý vị chịu thay đi! Quý vị đến bệnh viện, nói với tất cả bệnh nhân: “Tôi đều chịu thay cho quý vị, quý vị hãy xuất viện đi!” Làm được hay không? Trong khi nghiệp báo hiện tiền, ăn nói lớn lối vô dụng, thân thể là thân thể, tâm linh là tâm linh, quý vị có thể tách rời hai đấng hay chẳng? Bác sĩ mổ xẻ, phải chích thuốc mê cho quý vị. Quý vị nói: “Chẳng cần chích thuốc mê! Tôi không đau, cứ mổ đi”. Quý vị có bản lãnh ấy hay không? Thân thể quý vị bị bệnh, nói: “Tâm ta chẳng bệnh, không sao hết!” Làm chẳng được! Nếu có thể làm được thì là Bồ Tát, đó là diệu dụng thần thông của Bồ Tát, hoàn toàn chẳng phải là ăn nói lớn lối, mà phải là làm chuyện lớn. Bởi vậy, ắt phải sám hối.

(Kinh) Thiện nam tử! Dục tu sám hối pháp giả, đương trụ tĩnh xứ, tùy lực sở năng trang nghiêm nhất thất, nội trí Phật sự, cập an kinh pháp, huyền tăng phan cái.

(經)善男子! 欲修懺悔法者, 當住靜處, 隨力所能莊嚴一室, 內置佛事, 及安經法, 懸繒幡蓋。

(Kinh: Này thiện nam tử! Nếu muốn tu pháp sám hối thì hãy nên ở chỗ thanh vắng, tùy theo sức mình mà trang nghiêm một cái thất, trong đó bày tượng và đặt kinh pháp, treo phan lọng lụa).

Muốn tu pháp sám hối, quý vị tìm một địa điểm thanh tịnh, tùy theo sức mình để trang nghiêm thanh tịnh một cái thất. Trong đó, thờ một bức tượng Phật, dâng cúng các thứ vật cúng. Lại còn có kinh sách pháp bảo, treo tràng phan, lọng báu.

(Kinh) Cầu tập hương hoa dĩ tu cúng dường.

(經)求集香華以修供養。

(Kinh: Tìm kiếm, gom góp hương, hoa để tu cúng dường).

Tùy theo sức mình. Nếu quý vị chẳng có tiền thì dùng giấy cắt. Dùng giấy làm thành vật cúng cũng được, chẳng cần tốn kém rất nhiều. Cúng dường như thế đó. Vì các đạo hữu bình phàm, chẳng có sức để trang nghiêm một tịnh thất thờ Phật. Cúng dường bảy món quý, tám món báu, sẽ lo chẳng xuê! Hãy tùy duyên, chỉ cần cái tâm chân thật thì sẽ là thật.

(Kinh) Tháo dục thân thể, cập tẩy y phục, vật linh xú uế.

(經) 澡浴身體，及洗衣服，勿令臭穢。

(Kinh: Tắm rửa thân thể, và giặt quần áo, đừng để hôi bẩn).

Đồng thời, phải tắm rửa thân thể, quần áo phải giặt sạch sẽ, cho đừng có mùi hôi hám, sau đây mới bước vào sám thất.

(Kinh) Ư trú nhật phần, tại thử thất nội, tam thời xưng danh, nhất tâm kính lễ quá khứ thất Phật, cập ngũ thập tam Phật. Thứ tùy thập phương diện, nhất nhất tổng quy, nghĩ tâm biến lễ nhất thiết chư Phật sở hữu sắc thân, xá-lợi, hình tượng, phù-đồ miếu tháp, nhất thiết Phật sự. Thứ phục tổng lễ thập phương tam thế sở hữu chư Phật. Hựu đương nghĩ tâm biến lễ thập phương nhất thiết hiền thánh. Nhiên hậu cánh biệt xưng danh, lễ ngã Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Như thị lễ dĩ, ưng đương thuyết sở tác tội, nhất tâm ngưỡng cáo, duy nguyện thập phương chư đại từ tôn, chứng tri hộ niệm: “Ngã kim sám hối, bất phục cánh tạo. Nguyện ngã cập nhất thiết chúng sanh, tốc đắc trừ diệt vô lượng kiếp lai, Thập Ác, Tứ Trọng, Ngũ Nghịch, điên đảo, báng hủy Tam Bảo Nhất Xiển Đề tội”. Phục ưng tư duy như thị tội tánh, dẫn từng hư vọng điên đảo tâm khởi, vô hữu định thật nhi khả đắc giả, bổn duy không tịch. Nguyện nhất thiết chúng sanh tốc đạt tâm bổn, vĩnh diệt tội căn.

(經) 於晝日分，在此室內，三時稱名，一心敬禮過去七佛，及五十三佛。次隨十方面，一一總歸，擬心遍禮一切諸佛所有色身，舍利形像，浮圖廟塔，一切佛事。次復總禮十方三世所有諸佛。又當擬心遍禮十方一切法藏。次當擬心遍

禮十方一切賢聖。然後更別稱名，禮我地藏菩薩摩訶薩。如是禮已，應當說所作罪，一心仰告，惟願十方諸大慈尊，證知護念：「我今懺悔，不復更造。願我及一切衆生，速得除滅無量劫來，十惡四重，五逆顛倒，謗毀三寶一闡提罪」。復應思惟如是罪性，但從虛妄顛倒心起，無有定實而可得者，本唯空寂。願一切衆生速達心本，永滅罪根。

(Kinh: Vào lúc ban ngày, ở trong cái thất ấy, ba thời xưng danh, nhất tâm kính lễ bảy vị Phật trong quá khứ và năm mươi ba vị Phật. Kế đó, đối với mỗi phương trong mười phương, đều lễ chung, tâm tưởng lễ trọn khắp tất cả sắc thân, xá-lợi, hình tượng, miếu tháp phù-đồ, và hết thầy Phật sự của hết thầy chư Phật. Kế đó lại lễ chung mười phương ba đời tất cả chư Phật. Tâm lại tưởng lễ trọn khắp mười phương hết thầy pháp tạng. Kế đó, tâm tưởng lễ trọn khắp mười phương hết thầy hiền thánh. Sau đây, bèn riêng xưng danh, lễ bái ta, tức Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Lễ như thế xong, hãy nên nói tội đã làm, nhất tâm bảm báo, chỉ mong các đấng đại từ tôn trong mười phương chứng biết, hộ niệm: “Con nay sám hối, chẳng còn tạo nữa. Nguyên cho con và hết thầy chúng sanh, mau được trừ diệt mười ác, bốn tội trọng, năm tội nghịch, điên đảo, tội Nhất Xiển Đề hủy báng Tam Bảo từ vô lượng kiếp đến nay”. Lại nên tư duy: Tánh của các tội như thế chỉ từ cái tâm hư vọng điên đảo mà khởi, chẳng chắc thật để có thể đạt được, vốn chỉ là không tịch. Nguyên cho hết thầy chúng sanh mau thấu đạt nguồn tâm, vĩnh viễn diệt trừ tội căn).

“Trú nhật phần”: Thuở đức Phật tại thế, thời gian tại Ấn Độ được chia thành ngày ba thời và đêm ba thời. Ba thời xưng danh, tụng niệm thánh hiệu Địa Tạng. Sau đó lại bái sám. Bước vào sám thất, khi tu sám pháp, nhất tâm kính lễ bảy vị Phật trong quá khứ và năm mươi ba vị Phật. Tại Ấn Độ thuở đó, vào thời cổ, ba thời ban ngày là sơ nhật, trung nhật, và hậu nhật, [ba thời ban đêm] là sơ dạ, trung dạ, và hậu dạ. Ban ngày là từ sáng đến chiều, ban đêm là từ sơ dạ, trung dạ, cho đến hậu dạ, rút cuộc là hai mươi bốn tiếng đồng hồ bái sám.

Trong khi bái sám, trước hết phải đánh lễ bảy vị Phật trong quá khứ. Chúng tôi chẳng nói tới từng vị, mọi người đều biết bảy vị Phật trong

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

quá khứ. Ba vị Phật trong Trang Nghiêm Kiếp là Tỳ Bà Thi Phật (Vipaśyin), Thi Khí Phật ((Sikhin), và Tỳ Xá Phù Phật (Viśvabhū), ba vị ấy. Bảy vị Phật là ba vị Phật trong Trang Nghiêm Kiếp và bốn vị Phật trong Hiền Kiếp. Hiền thời chúng ta thuộc Nhân Hiền Kiếp, bốn vị Phật trong [Nhân] Hiền Kiếp là Câu Lưu Tôn Phật (Krakucchanda), Câu Na Hàm Mâu Ni Phật (Kanakamuni), Ca Diếp Phật (Kāśyapa), và Thích Ca Mâu Ni Phật (Śākyamuni). Trang Nghiêm Kiếp (Vyūhakalpa) và Nhân Hiền Kiếp (Bhadrakalpa) gộp chung lại, ba vị Phật trong Trang Nghiêm Kiếp cộng với bốn vị Phật thuộc Nhân Hiền Kiếp thành bảy vị Phật. Trước hết, lạy bảy vị Phật; sau đó, lại lạy năm mươi ba vị Phật¹⁴. Đó là những vị Phật ắt phải lạy trước khi sám hối. Lạy xong, quy kính chung mười phương, tức là kính lễ hết thầy chư Phật trong mười phương. Nói “*tổng*” ở đây chính là bao gồm lễ sắc thân của Phật. Sắc thân là hóa thân hiện tướng. Hóa thân của Phật chẳng trụ thế, sẽ lưu lại xá-lợi, có hình tượng Phật, có chùa miếu, có tháp. Những thứ ấy đều gọi là “*Phật sự*”, đều cúng dường, trong tâm ức niệm cúng dường. Quý vị lạy Chiêm Sát Sám, trong văn tự chỉ có nghi thức Chiêm Sát Sám, tức Chiêm Sát sám bốn. Sau đây, lễ chung mười phương ba đời hết thầy chư Phật, tức cúng dường Phật Bảo. Lại nên lễ khắp mười phương hết thầy pháp tạng, tức Pháp Bảo. Cung kính lễ mười phương hết thầy hiền thánh tạng, là Tăng Bảo. Lễ mười phương xong, lại riêng xưng danh, lễ bái Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Đây là vị Sám Hối Chủ của chúng ta. Có khi ba lượt xưng danh Địa Tạng Bồ Tát, lễ ba lạy. Trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, một lễ là được rồi, nhưng trên thực tế, thường là đối với vị Sám Hối Chủ, ta đều xưng danh ba lượt, lễ ba lạy.

Mở đầu khóa sám hối, trước hết, lễ mười phương chư Phật. Sau đây, lại phân biệt mà lễ. Lễ như thế xong, hãy nên nêu ra tội đã tạo. Quý vị đã trót phạm sai lầm gì, đều nên nói ra. Có những người ngượng ngùng, không muốn thổ lộ, hãy chọn lúc không có ai trong Phật đường, đối trước

¹⁴ Theo kinh Quán Dược Vương Dược Thượng Bồ Tát và Quán Hư Không Tạng Bồ Tát, ba ngàn vị Phật trong ba kiếp (Trang Nghiêm, Hiền, và Tinh Tú) là những vị do nghe danh hiệu của năm mươi ba vị Phật này bèn thọ trì, liền vượt thoát tội trong vô số kiếp sanh tử. Do vậy, nghi thức Hồng Danh Bảo Sám đã dùng danh hiệu các vị Phật này để lạy sám hối vì các Ngài có nguyện diệt trừ các tội tứ trọng, ngũ nghịch, thập ác cho chúng sanh. Đó chính là các vị Phổ Quang, Phổ Minh, Phổ Tịnh, Đa Ma La Bạt Chiên Đàn Hương, Chiên Đàn Quang... cho đến Vô Lượng Âm Thanh Vương, Tài Quang, Kim Hải Quang, Sơn Hải Huệ Tự Tại Thông Vương, Đại Thông Quang, Nhất Thiết Pháp Tràng Mãn Vương Phật.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Phật thừa trình; đối trước Địa Tạng Vương Bồ Tát thừa bày. Sám hối có nghĩa là biểu đạt “con chẳng còn làm nữa!” Các chuyện ấy là chuyện xấu, đã sám hối rồi, con sẽ chẳng làm nữa. Nguyên con cùng hết thấy chúng sanh mau được tiêu diệt [tội nghiệp] từ vô lượng kiếp đến nay, đã rất xa! Vì khi chúng ta tạo tội, từ vô lượng kiếp đến nay, đã tạo “thập ác, tứ trọng”, tức mười ác nghiệp và bốn trọng tội, ngũ nghịch, điên đảo, hủy báng Tam Bảo, tội Nhất Xiển Đề. Báng Phật thì không chỉ là chẳng tin. Xiển Đề là báng Phật. Niệm như thế xong, chính mình bèn quán tưởng, “*tu duy*” là quán tưởng, nói các tội ấy là điên đảo, hư vọng, chẳng thực tại. Nếu là thực tại thì sẽ chẳng thể sám hối được. Do nó chẳng phải là thực tại, nó có một cái thể tánh thật sự tồn tại để có thể đạt được hay chẳng? Chẳng có! Chẳng có cái gì chắc thật để có thể đạt được! Tội tánh vốn là không, không tịch, khiến cho hết thấy chúng sanh thấu đạt cái tâm, đạt tới tâm lần tội đều sám trừ sạch. Tâm vốn vô sanh, do cảnh mà có. Nếu cảnh mất thì tâm cũng không. Chẳng có cảnh, chẳng có tâm, diệt tội từ căn bản.

Nhưng như thế nào thì mới có thể làm được? Điều thứ nhất là phải tin sâu nhân quả. Nhân quả bất diệt, các pháp do duyên sanh. Duyên sanh chẳng có thể tánh, nhưng nó lại chẳng tiêu mất, vẫn phải trả báo. Tội chẳng có thể tánh, tâm là vô sanh, chỉ là do cảnh mà có. Do vì tướng cảnh giới mà quý vị phạm tội. Đồng thời, quý vị còn phải tin, tin tướng nhân quả chẳng mất. Cái nhân do quý vị đã tạo nhất loạt chẳng mất đi, một chấm, một giọt cũng chẳng để sót, chẳng bị mất đi! Do vậy, phải hổ thẹn. Hễ vào sám thất, phải sanh khởi lòng tầm quý (hổ thẹn). Tầm (慚) là thẹn với chính mình, quý (愧) là hổ với người khác. Chính mình phạm tội đối với người khác, vì kẻ khác mà tổn thương người ta, chẳng lẽ độ đối với người ta, bao gồm rất nhiều trái phạm! Hai chữ Tầm Quý bao gồm rất nhiều điều, do tổn thương rất nhiều người từ vô lượng kiếp đến nay, nhất định sẽ phải hứng chịu quả báo.

Những gì chúng ta hứng chịu trong hiện tại, rất nhiều khổ nạn trong cuộc đời, quý vị chẳng phải là đang thọ báo ư? Người ta nói “*giả sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thọ*” (giả sử trăm ngàn kiếp, nghiệp đã làm chẳng mất, khi nhân duyên hội ngộ, quả báo vẫn tự chịu). Cho đến khi quý vị phải trả báo, sẽ cảm thấy khổ lắm! Sanh bệnh, ngôi tù, tôi đã đều hứng chịu. Đó gọi là “*trả báo*”. Không có quả báo, quý vị sẽ chẳng phải hứng chịu. Quý vị có báo, có nghiệp, thì phải hứng chịu; nhưng khi chúng ta tạo tội thì đều là tiếp

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

nổi, chẳng phải là một đời, hai đời, mà là liên tục tạo ác. Trẻ nít sanh ra bèn dấy khởi tâm tham, tức tham, sân, si; đôi chút chẳng vừa ý liền khóc òa. Trẻ nhỏ vừa sanh ra bèn khóc, một mực cầu giận. Nó chẳng vừa ý bèn khóc, do khổ sở chẳng có cách nào biểu lộ bèn khóc. Đó là cái tâm sân hận phát tác. Quá nhỏ, chẳng thể nói, quý vị đối trước nó hỏi: “Làm gì thế?” Nó lập tức khóc, cái tâm sân hận rất nặng! Vừa biết nói, thấy gì cũng đều chụp lấy, cho là của nó. Tôi từng biết một đứa trẻ, nó còn chưa đầy một tuổi, chưa biết nói, cho nó rất nhiều thứ, hai tay nó giữ chặt, chẳng cho người khác đụng đến! Tập khí ác bẩm sanh, do quá khứ mà ra. Nói đến tội tánh thì đó là tội tánh, đời đời tiếp nối!

Tập 6

(Kinh) Thứ ứng phục phát khuyến thỉnh chi nguyện, nguyện linh thập phương hết thảy Bồ Tát vị thành Chánh Giác giả, nguyện tốc thành Chánh Giác. Nhược dĩ thành Chánh Giác giả, nguyện thường trụ tại thế, chuyển chánh pháp luân, bất nhập Niết Bàn.

(經)次應復發勸請之願，願令十方一切菩薩未成正覺者，願速成正覺。若已成正覺者，願常住在世，轉正法輪，不入涅槃。

(Kinh: Kế đó, lại nên phát nguyện khuyến thỉnh, nguyện cho mười phương hết thảy các vị Bồ Tát chưa thành Chánh Giác, nguyện mau thành Chánh Giác. Nếu đã thành Chánh Giác, nguyện thường trụ trong cõi đời, chuyển chánh pháp luân, chẳng nhập Niết Bàn).

Địa Tạng Bồ Tát dạy người muốn sử dụng Chiêm Sát Luân thì trước đó phải phát nguyện rồi mới có thể dùng. Đây là phát nguyện khuyến thỉnh. Phát ra cái nguyện khuyến thỉnh này, khiến cho hết thảy chướng ngại của chúng ta có thể tiêu mất. Nếu chúng ta dùng Chiêm Sát Luân mà bị chướng ngại, bị chướng ngại thì quý vị rất khó tương ứng. Những gì luân tướng hiển hiện cho quý vị chẳng chánh xác. Vì thế, để chánh xác, Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: “*Quý vị phải phát nguyện khuyến thỉnh*”. Phát nguyện đối với mười phương hết thảy Bồ Tát còn chưa thành Phật, bèn nguyện các Ngài sẽ thành Phật rất nhanh; đã thành Phật thì nguyện các Ngài thường ở lâu trong cõi đời. “*Trụ thế*” là chuyển pháp luân. Phật trụ thế sẽ thuyết pháp, thường trụ lâu dài trong cõi đời thì

sẽ chẳng nhập Niết Bàn quá sớm. Do vậy, nguyện này có thể tiêu trừ ma chướng khi chúng ta tu hành. Vì khi quý vị có ma chướng, tu hành sẽ chẳng thành tựu. Đồng thời, có đạo hữu nói với tôi, mỗi khi có pháp sư giảng kinh, người ấy cũng muốn đến nghe, nhưng hễ sắp đi nghe liền xảy ra chướng ngại. Người ấy ở Thượng Hải bên Đại Lục, chẳng phải là xe bị trục trặc thì có người gọi điện thoại báo có chuyện phải lo liệu, luôn khiến cho ông ta chẳng thể nghe thành công. Đó gọi là chướng ngại, là ma chướng. Vì sao chỉ đợi đến khi ông ta sắp đi nghe kinh, hoặc là muốn tham gia một pháp hội, sẽ xuất hiện các chướng ngại ấy? Đó gọi là nghiệp chướng, chúng ta có thể thấy được! Có những thứ nhằm đúng ngay khi quý vị làm chuyện tốt, cũng như khi hành Bồ Tát đạo, ma chướng bèn xuất hiện. Thuở đức Phật tại thế thuyết pháp, ma vương Ba Tuần thường gây chướng ngại. Ba Tuần thường thỉnh đức Phật hãy nhanh chóng nhập diệt. Chuyện này thường phát sanh.

Vì thế, Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Nếu quý vị muốn sử dụng Chiêm Sát Luân, phải phát nguyện khuyến thỉnh, cần phải phát nguyện: Nguyện cho các vị Bồ Tát chưa được thành Phật sẽ mau được thành Phật. Nguyện các vị Phật đã thành tựu, khuyến thỉnh các Ngài đừng nhập Niết Bàn, thường trụ lâu dài trong cõi đời. Đó gọi là nguyện khuyến thỉnh. Nguyện khuyến thỉnh có cùng ý nghĩa với việc khuyến thỉnh (khuyên mời) thuyết pháp, khuyến thỉnh hết thầy hãy làm Phật sự. Điều này bao hàm ý nghĩa “*quý vị phải phát thiện tâm*”, thiện tâm gì vậy? Thỉnh chư Bồ Tát thuyết pháp. Nếu bản thân chúng ta ở trong sám thất, hoặc trong Phật đường, khi chúng ta niệm kinh, kinh văn dạy quý vị hãy khuyến thỉnh hết thầy chư Phật, Bồ Tát thuyết pháp. Đó gọi là “*đại nguyện khuyến thỉnh*”. Còn đối với hết thầy Bồ Tát đang trụ thế, bèn khuyến thỉnh các Ngài thường trụ thế gian, đừng nên nhập Niết Bàn. Có phải là phát nguyện khuyến thỉnh sẽ nhất định sanh ra hiệu quả hay không? Tùy thuộc vào sự chí tâm của quý vị, mỗi vị đạo tâm chúng sanh phát ý Bồ Tát, chúng ta thường khuyến thỉnh chư Phật, Bồ Tát trụ thế. Vậy thì bản thân quý vị sẽ đạt được gì? Khỏe mạnh, sống lâu, luôn có thể nghe pháp âm. Nguyện lực ấy rất quan trọng.

Lại phải nên phát khởi cái nguyện khuyến thỉnh, khuyến thỉnh mười phương hết thầy Bồ Tát, vì nói theo giáo nghĩa trong Phật giáo, khi Bồ Tát dự vào Đệ Bát Địa, Ngài cho rằng chính mình đã viên mãn, không còn phát nguyện tu hành hướng lên cao hơn nữa để độ chúng sanh, [vì ngộ nhận] “chính mình đã đoạn hết các Hoặc nghiệp, sự nghiệp độ sanh đã viên mãn”, vì Ngài còn chưa thấy được căn bản vô minh của chính

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

mình. Đó là Đệ Bát Địa Bồ Tát. Do vậy, mười phương chư Phật đến khuyên vị ấy, khuyên vị ấy vẫn phải tiếp tục hành Bồ Tát nguyện, bảo cho vị ấy biết “ông vẫn chưa thành Phật”. Chúng ta chẳng thấy điều này, mà cũng chẳng biết vị nào là Bát Địa Bồ Tát, nhưng chúng ta khuyên hết thầy chúng sanh, hết thầy đạo hữu hãy trụ thế. Đó là điều đáng nên làm. Chẳng hạn như gần đây nhất, các vị Bồ Tát liên tục ra đi. Trong các đại đức hiện thời, mọi người đều biết pháp sư Thánh Nghiêm, pháp sư Sám Vân, pháp sư Phật Nguyên tại Đại Lục, trong vòng nửa tháng này đều kế tiếp nhau vãng sanh. Chúng ta có thể thấy điều này. Còn có mười phương Bồ Tát mà nhục nhãn của chúng ta chẳng thể trông thấy. Chúng ta hãy nên niệm nào cũng khuyến thỉnh các Ngài thường trụ dài lâu trong cõi đời. Đại nguyện ấy nhằm thỉnh chư Phật, Bồ Tát trụ thế, hy vọng chư Phật, Bồ Tát gia trì chúng ta, để chúng ta có thể tu thành đạo nghiệp khi còn tuổi thọ, tiêu diệt nghiệp chướng, đạt được thành tựu. Đó là cái nguyện khuyến thỉnh, khuyến thỉnh hết thầy chư Bồ Tát, khiến cho các Ngài thường trụ dài lâu trong cõi đời. Nhục nhãn của chúng ta chẳng thể trông thấy chuyện này, có các vị Bồ Tát mà quý vị không thấy, nhưng phát ra cái nguyện này nhằm ý nghĩa “khiến cho quý vị sớm có ngày được thân cận bạn lành, thân cận thiện tri thức”. Do đạo lý này, Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta phải nên phát nguyện như thế. Đã phát xong nguyện này....

(Kinh) Thứ đương phục phát tùy hỷ chi nguyện, nguyện ngã cập nhất thiết chúng sanh, tất cánh vĩnh xả tất đồ chi tâm, ư tam thế trung, nhất thiết sát độ, sở hữu tu học nhất thiết công đức, cập thành tựu giả, tất giai tùy hỷ.

(經)次當復發隨喜之願，願我及一切衆生，畢竟永舍嫉妒之心，於三世中，一切刹土，所有修學一切功德，及成就者，悉皆隨喜。

(Kinh: Kế đó, lại nên phát nguyện tùy hỷ, nguyện con và hết thầy chúng sanh rốt ráo vĩnh viễn bỏ tâm ganh ghét, trong ba đời, hết thầy các cõi nước, đối với tất cả hết thầy công đức tu học và thành tựu, thầy đều tùy hỷ).

Thông thường, trong vô lượng đời quá khứ, khi chúng ta thấy người ta khéo làm thiện nghiệp, cho đến hết thầy sự nghiệp trong thế gian tốt đẹp hơn, mạnh mẽ hơn chúng ta, quý vị bèn nảy sanh một thứ chướng

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

ngại, ghen ty. Pháp sám này có nguyện tùy hỷ nhằm tiêu diệt chướng ngại ghen ty từ vô lượng đời trong quá khứ của chúng ta, khiến cho chúng ta trông thấy người hơn hẳn chúng ta, bất luận tín ngưỡng Tam Bảo cũng thế, mà hết thấy sự nghiệp tại gia cũng thế, chúng ta đều tán thán, tùy hỷ. Đồng thời, nguyện cho hết thấy chúng sanh đều thành Phật. Sự tùy hỷ này bao trùm mười pháp giới: Chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến lục đạo chúng sanh. Đạo lý này rất sâu. Vì nhất tâm của chúng ta, tức là một niệm tâm trong hiện tiền trọn đủ mười pháp giới. Trong suốt một ngày, quý vị khởi tâm động niệm, có lúc mong thành Phật. Khi niệm kinh, thấy chư Phật, Bồ Tát bèn phát nguyện mong chính mình sớm thành Phật. Niệm ấy của quý vị bèn thuộc vào Phật pháp giới. Do thấy người khác đau khổ, quý vị mong cứu độ, hộ trì họ, độ họ thoát khỏi hết thấy các khổ. Do nguyện ấy, quý vị bèn tiến nhập Bồ Tát pháp giới. Nếu chính quý vị cảm nhận trong cuộc sống, tất cả mọi chuyện đều chẳng thuận tâm, nhằm lìa thế gian, cho đến pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo, pháp mười hai nhân duyên, đó là tâm Nhị Thừa. Bồ Tát cũng thế, mà Thanh Văn cũng thế! Một đàng là nguyện cho hết thấy chúng sanh, độ hết thấy chúng sanh liễu sanh tử; một đàng là liễu thoát sanh tử của chính mình. Lại nữa, đối với tất cả hết thấy thiện cử (善舉, hành động tốt đẹp) trong nhân gian, hết thấy chúng sanh trong lục đạo và chúng ta đều là cùng một tâm, một thể tánh, tức là chính mình chớ nên tham ái hay ghen ty đối với hết thấy chúng sanh. Hãy tiêu trừ cái tâm ấy! Chỉ cần thấy người khác có một tí việc thiện, không chỉ chẳng ghen ty, mà còn phát nguyện tùy hỷ, tức là nguyện tùy hỷ chúng sanh, hồng tiêu trừ cái tâm chướng ngại, đố kỵ từ vô lượng đời trong quá khứ. Hễ thấy người khác dường như hơn ta, bèn sanh lòng bất mãn, hãy tiêu trừ nghiệp chướng ấy!

Trong hết thấy các cõi Phật thuộc quá khứ, hiện tại, vị lai, xét theo thời gian là ba đời, xét theo nơi chốn là trọn khắp hết thấy các cõi, đều có các vị Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, đều có các vị đã viên mãn Bồ Tát đạo thành Phật. Tuy nhục nhãn của chúng ta chẳng thể trông thấy, nhưng tâm chúng ta tùy hỷ, coi công đức của người khác như của chính mình mà tán thán, tùy hỷ, sẽ giống như chính mình đạt được công đức. Công đức tán thán, tùy hỷ thì không chỉ nhục nhãn của chúng ta chẳng thể trông thấy, tuy nhục nhãn của chúng ta không trông thấy, nhưng tư tưởng của quý vị có thể tác ý, nương theo lời dạy của đức Phật. Cho đến hiện tại, chúng tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Nếu quý vị muốn dùng Chiêm Sát Luân, trước hết, phải phát khởi tùy

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

hỷ. Tùy hỷ công đức thành Phật của mười phương ba đời hết thầy chư Phật, tùy hỷ công đức hành Bồ Tát đạo của mười phương hết thầy Bồ Tát, cho đến đối với tất cả thiện nghiệp của hết thầy chúng sanh, quý vị đều tùy hỷ. Tâm lượng hiện hành ấy, cái tâm hiện tại của quý vị có thể mở rộng đến mức độ lớn như vậy, trên là tùy hỷ mười phương hết thầy chư Phật, dưới là tùy hỷ hết thầy chúng sanh. Đối với tất cả các thiện nghiệp dẫu nhỏ nhoi, bé tí, quý vị đều tùy hỷ tán thán, như thế sẽ tiêu diệt thói xấu từ vô lượng kiếp đến nay: “Thấy người khác đạt được điều quý vị chẳng đạt được, quý vị chẳng sanh lòng hoan hỷ, mà còn sanh lòng ghen tỵ”. Sám hối nghiệp chướng ấy, đó là tùy hỷ công đức. Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Khi phát đại nguyện này, tức nguyện tùy hỷ công đức, đó chính là cái nguyện để sám hối nghiệp chướng. Những điều này thuộc về mười đại nguyện vương.

Vì thế, đừng cho rằng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo là Tiểu Thừa. [Nếu hiểu như vậy], sẽ là tuyệt đối sai lầm! Chẳng phải là chúng ta cầm lấy Chiêm Sát Luân rồi thuận tay gieo liền, chẳng thể được! Trước hết, quý vị phải phát nguyện. Chẳng phát nguyện sẽ không thể dùng Chiêm Sát Luân. Mỗi nguyện đều nhất trí với mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, mọi người đều nên hiểu đạo lý này! Chẳng hạn như khi chúng ta đang đi trong đêm đen, nếu có người dùng đèn pin soi đường cho chúng ta, chiếu ra ánh sáng, chúng ta có cảm tạ người ấy hay không? Chúng ta ở trong tam giới, tức Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới, ở trong tam giới thì là hắc ám. Nếu có vị Bồ Tát dùng pháp quang minh để dẫn dắt chúng ta thoát lìa sự tối tăm của tam giới. Đó chính là “hành Bồ Tát đạo”. Vì bản thân chúng ta chẳng làm được, chúng ta bèn tùy hỷ Bồ Tát khác để làm, như Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Quán Tự Tại Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát. Hiện thời, chúng ta học theo Địa Tạng Bồ Tát. Đối với hết thầy sự nghiệp lợi ích chúng sanh do năm vị Đại Sĩ đã thực hiện, chúng ta phát nguyện tùy hỷ sự nghiệp của các Ngài. Không chỉ năm vị đại Bồ Tát ấy, mà đối với mười phương chư Phật, chẳng hạn như A Di Đà Phật đã phát bốn mươi tám nguyện, chúng ta đều tùy hỷ, tán thán, học theo Phật cũng phát đại nguyện giống như thế. Nguyện chẳng phát ra hư huyền. Một niệm tâm hiện tiền của quý vị và tâm A Di Đà Phật như nhau, Phật tâm tức là cái tâm hiện tiền của chính mình. Tâm chúng ta chính là Phật tâm, cho đến tùy hỷ thiện niệm của Bồ Tát, tức là chúng ta đã hành Bồ Tát đạo. Phạm là đối với hết thầy chúng sanh trong mười pháp giới, khi họ còn chưa thành Phật, hoặc sắp dự vào địa vị Phật, nếu người ấy có một thiện niệm đối với chúng sanh, chúng ta

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

đều thấy giống như chính mình thực hiện, quý vị đều tán thán, tùy hỷ. Đó gọi là “*trí huệ phương tiện thiện xảo*”. Hãy thường nên phát ra cái nguyện ấy.

Mỗi vị đạo hữu hãy đều nên thường xuyên phát nguyện. Đó chính như trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát dạy chúng ta phát Bồ Đề tâm, khéo dùng cái tâm. Mọi người đã đọc phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm, phải tùy thuận lời dạy của Văn Thù Bồ Tát để phát tâm tán thán, tùy hỷ. Đó là tâm thanh tịnh. Phật Phật đạo đồng, phương tiện thiện xảo lợi ích chúng sanh của mỗi vị Phật bất đồng, nhưng thành Phật thì đạo quả như nhau. Mỗi vị Bồ Tát cũng như thế. Vì chúng ta đối với đúng, sai, tà, chánh, đều chẳng phân biệt rõ ràng cho lắm, nếu quý vị học dùng Chiêm Sát Luân, cạy vào sức từ bi của Địa Tạng Bồ Tát, chúng ta sẽ học hiểu. Học hiểu gì vậy? Khéo dùng cái tâm. Chiêm Sát Luân chỉ đạo chúng ta khéo dùng cái tâm. Trong khi chúng ta có chướng ngại, rất nhiều sự việc chẳng thể quyết định được, hãy dùng Chiêm Sát Luân! Nói một vấn đề đơn giản, như khi quý vị mua nhà, căn nhà ấy tốt lành hay không? Mua nhà có lợi ích hay không? Quý vị cũng có thể dùng Chiêm Sát Luân, Địa Tạng Bồ Tát sẽ bảo cho quý vị đúng như thật. Quý vị muốn đầu tư một món tiền để kinh doanh, quý vị chẳng nắm chắc đầu tư sẽ lỗ hay lời, cũng có thể sử dụng Chiêm Sát Luân. Địa Tạng Bồ Tát bảo quý vị có thể đầu tư thì sẽ có thể kiếm lời. Nếu [Chiêm Sát Luân] bảo quý vị chẳng thể đầu tư, đầu tư sẽ bị lỗ lã, như vậy thì chớ nên đầu tư.

Tôi nói chuyện này dường như chẳng liên quan đến chuyện tu đạo. Chắc là có đạo hữu ngờ vực Địa Tạng Vương Bồ Tát có quản chuyện ấy hay không? Địa Tạng Vương Bồ Tát từ bi, [loại luân tướng thứ ba trong] Chiêm Sát Luân [hiện ra các con số, hợp thành] một trăm tám mươi chín trường hợp, biểu đạt các vấn đề ấy. Vì sao trong thế gian Địa Tạng Bồ Tát cũng có thể giúp đỡ quý vị như vậy? Khiến cho quý vị tin tưởng Địa Tạng Bồ Tát, khiến cho quý vị dần dần nhập Phật đạo. Nếu lúc ban đầu chẳng cho quý vị đôi chút tiện nghi, quý vị sẽ không tin. Nếu quý vị cầu điều gì, đều cho quý vị biết hết sức chánh xác, quý vị sẽ nói Địa Tạng Bồ Tát đúng là tuyệt vời, ta bèn nhất tâm nhất ý tin tưởng Địa Tạng Bồ Tát. Từ tướng thế gian, Địa Tạng Bồ Tát dần dần dẫn quý vị đến xuất thế gian. Từ xuất thế gian, dần dần chỉ dạy quý vị hành Bồ Tát đạo. Để thật sự liễu thoát sanh tử, phải hành Bồ Tát đạo. Tôi mong phát tài, tài sản thế gian có phát, quý vị cũng chẳng thể đạt được, chẳng đáng tin cậy. [Do vậy], sẽ làm cho quý vị phát Tam Bảo tài, phát pháp tài, vĩnh viễn chẳng mất đi.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Vì lẽ đó, “*Phật pháp trên thế gian, chẳng là thế gian giác*”, có hàm nghĩa này. Kinh còn có câu như thế này: “*Tiên dĩ dục cầu khiên, tiệm linh nhập Phật đạo*” (Trước hết dùng dục để lôi kéo, dần dần khiến cho nhập Phật đạo). Tướng cảnh giới của chúng sanh ở trong ngũ dục. Nếu quý vị dẫn dụ họ học hỏi từ ngũ dục, họ sẽ dần dần nhập Phật đạo. Khi đó, quý vị muốn dạy họ, họ sẽ tin. Mọi người thấy trong các thân hóa hiện của Quán Thế Âm Bồ Tát, có một hình tượng Bồ Tát tay nâng giỏ hoa. Câu chuyện ấy phát sanh như thế nào? Quán Tự Tại Bồ Tát hóa hiện thành một cô gái bán hoa. Đương nhiên cô gái bán hoa ấy tướng mạo hết sức xinh đẹp. Cô xách giỏ hoa đi bán hoa, rất nhiều người bu theo cô, chẳng phải là để mua hoa, mà là do tham cầu sắc đẹp của cô. Rất nhiều người tranh giành, mong lấy cô làm vợ. Quán Thế Âm Bồ Tát liền nói: “Ai trong số quý vị có thể thuộc Quán Thế Âm Phổ Môn Phẩm, tôi sẽ gả cho người đó”. Các vị tú tài có đến mười người hoặc hai mươi người đều có thể thuộc lòng. Cô gái nói: “Các anh nhiều người như vậy, tôi gả cho ai đây? Ai trong số các anh trong một ngày có thể thuộc bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa, tôi sẽ gả cho người đó”. Người như vậy rất ít, chỉ có một học sĩ trong một ngày thuộc trọn bộ kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Anh ta liền kết hôn với cô gái bán hoa. Vừa kết hôn, vào động phòng, cô gái ấy chết ngay. Chàng tú tài đó thấy đúng là vô thường. Vị tú tài ấy họ Mã, trong câu chuyện này có nêu rõ tên tuổi. Từ đó, anh ta phát tâm tu đạo. Đó là từ trong hết thấy các pháp, Phật, Bồ Tát đã trước hết dùng dục để lôi kéo, dần dần khiến cho nhập Phật đạo.

Vì thế, thường là các vị đại Bồ Tát tùy hỷ công đức của chúng sanh, thuận theo nguyện của họ, thỏa nguyện cho họ. Qua tùy hỷ, sẽ dần dần nhập họ hướng tới Phật đạo. Do vậy, đại nguyện thứ năm của Địa Tạng Bồ Tát cũng là đại nguyện thứ năm của Phổ Hiền Bồ Tát, tức đại nguyện tùy hỷ công đức. Trong tùy hỷ công đức, tôi lại nêu một thí dụ. Tôi ở Ngũ Đài Sơn, có rất nhiều đạo hữu đến Ngũ Đài Sơn cúng Thiên Tăng Trai (千僧齋, dâng cơm cho một ngàn vị Tăng), cũng có người tiền bạc chẳng dư dả, chẳng có tiền. Tỉnh Sơn Tây của chúng ta vốn rất nghèo túng, đặc biệt là như huyện Phồn Trì. Các huyện chung quanh Ngũ Đài Sơn như huyện Đại, huyện Phồn Trì, nông dân hết sức túng quẫn, há có tiền để cúng Tăng? Ngay cả cuộc sống của chính họ mà còn chẳng có cách nào! Tôi liền khuyên họ: “Khi người ta cúng, quý vị có thể tán thán, tùy hỷ. Quý vị quán tưởng như chính mình đang cúng, tán thán, tùy hỷ công đức, quý vị sẽ được một phần công đức của họ. Tuy quý vị chẳng bỏ ra một đồng, quý

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

vị tán thán, tùy hỷ thì có được hay không?” Đó gọi là nguyện tán thán, tùy hỷ. Ở đây, khi chúng ta nói tới “*tùy hỷ công đức*” trong hạnh nguyện Phổ Hiền, đó là tùy hỷ tất cả thiện sự của hết thảy chúng sanh, dầu chỉ bằng một mảy, một giọt! Chẳng phải là “vì sao hấn có lắm tiền ngàn ấy? Vì sao ta túng quẫn thế này?” Đó gọi là chướng ngại ghen ty. Như vậy thì không chỉ chẳng có công đức, mà còn có tội. Do đó, công đức tán thán, tùy hỷ trọng yếu dường ấy, chẳng phải là rất thuận tiện ư? Công đức thuận tiện nhất là tùy hỷ tán thán. Quý vị thấy người khác tu hành, đập đầu lễ bái tại đó, quý vị liền tán thán, tùy hỷ, liền được nửa phần công đức của người ấy. Cho nên công đức tán thán, tùy hỷ chẳng thể nghĩ bàn! Nhưng chúng sanh thì ngược lại, thấy người khác có chuyện tốt, bản thân họ chẳng làm, lại gây phiền não, chướng ngại, phá hoại, phát khởi ác nguyện. Một đảng thiện, một đảng ác, mọi người có thể thấy điều này: “Các đệ tử Phật đều tán thán, tùy hỷ”.

Trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, đối với những điều Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta, quý vị phải tư duy cho nhiều, phải phát nguyện. Đã phát các nguyện ấy thì quý vị mới có thể sử dụng Chiêm Sát Luân. Từ mỗi nguyện, quý vị hãy ngẫm xem, kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo rốt cuộc là Đại Thừa hay Tiểu Thừa? Mỗi bộ kinh, bất luận đức Phật nói bộ kinh nào, cũng đều có Sự và Lý. Sự tùy thuận nhân gian, Lý khác hẳn, Lý luôn tiến hướng Phật đạo. Chẳng hạn như Địa Tạng Bồ Tát hóa vô lượng ức thân, lại còn có các thứ cảnh tượng bất đồng để hóa độ chúng sanh. Nhục nhãn của bọn phàm phu chúng ta chẳng trông thấy. Quý vị chỉ phát một nguyện tán thán, tùy hỷ, sẽ được một phần công đức của Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện, quý vị bèn tán thán, tùy hỷ; Văn Thù Bồ Tát phát nguyện, quý vị bèn tán thán, tùy hỷ. Quán Âm Bồ Tát phát nguyện, ta bèn tán thán, tùy hỷ. Đối với tất cả các nguyện của vô lượng chư đại Bồ Tát và mười phương hết thảy chư Phật, quý vị đều tán thán, tùy hỷ, sẽ đạt được khác hẳn! Đó là đại nguyện tùy hỷ. Thấy người khác có đôi chút tốt đẹp, quý vị đều tán thán, tùy hỷ, ngàn vạn phần chớ nên sanh lòng ghen ty, chướng ngại. Đó gọi là tùy hỷ công đức.

(Kinh) Thứ đương phục phát hồi hướng chi nguyện, nguyện ngã sở tu nhất thiết công đức, tư ích nhất thiết chư chúng sanh đẳng đồng thú Phật trí, chí Niết Bàn thành.

**(經)次當復發迴向之願，願我所修一切功德，資益一切
諸衆生等同趣佛智，至涅槃城。**

(Kinh: Ké đó, hãy lại nên phát nguyện hồi hướng, nguyện hết thảy công đức do ta đã tu sẽ giúp cho hết thảy các chúng sanh đều cùng tiến nhập Phật trí, đến thành Niết Bàn).

Đồng thời, Địa Tạng Bồ Tát còn dạy chúng ta phải phát nguyện hồi hướng. Nguyện hồi hướng chính là đem các chuyện tốt đẹp do chính mình đã làm, lễ bái cũng thế, niệm kinh cũng thế, nghe kinh thính pháp cũng thế, hết thảy các công đức đều hồi hướng cho hết thảy chúng sanh, đó gọi là “*hạ hóa*” (hóa độ chúng sanh). Ta chẳng có sức mạnh gì, liền đem những gì ta đã nghe, đã học, đem các công đức ấy đều hồi hướng cho chúng sanh. “*Hướng*” là đem các công đức ấy ban cho chúng sanh, chính mình chẳng tham luyến. Chẳng hạn như ở đây mọi người nghe kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo của Địa Tạng Bồ Tát, công đức nghe pháp này thù thắng, thù thắng nhất. Ta đem công đức thù thắng nhất này hồi hướng, gần là toàn thể Đài Loan, nói rộng hơn là toàn thể Đại Lục, lớn hơn nữa là toàn thể thế giới Sa Bà, quý vị có thể tính toán công đức hồi hướng ấy to hay nhỏ cỡ nào hay chẳng? Vô lượng công đức! Ta đem công đức ấy giúp đỡ hết thảy chúng sanh, nguyện cho những ai chưa nghe Phật pháp đều có thể nghe Phật pháp, nguyện người đã nghe Phật pháp mà tu hành chẳng đắc lực sẽ đều có thể tu hành thành tựu. Cuối cùng, nguyện cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật. Chư vị đạo hữu có phát nguyện này hay không? Nếu chẳng phát; sau này, bất luận quý vị làm một mảy, một giọt chuyện tốt lành, hãy đều hồi hướng. Càng hồi hướng càng to lớn, hiệu quả vô cùng! Đến khi quý vị thành Phật, ngẫm lại một phen, sẽ thấy cái nhân thành Phật của quý vị bắt nguồn từ chuyện ấy. Đem tất cả hết thảy thiện nghiệp của chính mình, bản thân ta chẳng tham đắm, đều hướng tới chúng sanh, đem hết thảy công đức do ta đã tu tập đều giúp cho hết thảy chúng sanh, nguyện chúng sanh trong tương lai sẽ đều có thể thành Phật giống như ta, cùng hướng tới Phật trí, đến thành Niết Bàn!

Trong đoạn kinh văn này, Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo chúng ta: Quý vị muôn dùng Chiêm Sát Luân để chiêm sát nghiệp báo thiện ác ư? Quý vị phải phát các đại nguyện ấy. Sau khi đã phát các đại nguyện ấy, quý vị mới có thể dùng Chiêm Sát Luân. Phước báo ấy lớn hay nhỏ do mỗi cá nhân tu. Chúng ta đừng cho rằng sức của mình chẳng đủ, chúng ta

cũng chẳng có của cải, cuộc sống của chính mình cũng rất khó khăn, ta còn có sức gì để cúng dường chúng sanh, cúng dường Tam Bảo nữa? Thuở đức Phật tại thế, có một câu chuyện như thế này: Thuở đức Phật trụ thế, có một phụ nữ rất nghèo túng, nghèo tới mức độ nào? Ăn mày, đi xin ăn, thứ gì cũng đều chẳng có. Bỗng một hôm, trên đường bà ta nhặt được một đồng vàng. Khi bà ta nhặt được đồng tiền ấy, liền suy nghĩ: “Vì sao ta bần cùng thế này? Hôm nay, ta nhặt được một đồng vàng, dùng nó để trang trải cuộc sống của chính mình thì có thể cầm cự mấy tháng”. Bà ta chẳng làm vậy, tự hỏi: “Vì sao ta bần cùng dường ấy? Chính là vì ta chưa từng bố thí, chẳng tu phước, cho nên ta mới bần cùng”.

Do vậy, bà ta tính đem đồng tiền vàng ấy mua dầu [thắp đèn] cúng Phật để vun bồi phước. Đến tiệm dầu mua dầu, quý vị phải cảm theo một cái bình hay một cái lọ để đựng. Chủ tiệm hỏi bà: “Bà muốn mua dầu, lấy thứ gì để đựng?” Người phụ nữ nghèo nói: “Tôi không có gì để đựng”. Chủ tiệm nói: “Không có gì để đựng! Tôi đổ dầu vào đâu cho bà đây?” Chủ tiệm bèn hỏi bà ta: “Bà mua dầu để làm gì?” Bà ta nói: “Tôi nghèo quá, nhặt được một đồng. Từ quá khứ cho tới hiện thời, tôi chưa từng vun bồi phước đức, nay tôi tính mua dầu cúng Phật”. Chủ tiệm bị bà ta cảm động, nói: “Tôi đưa cho bà một đồ đựng dầu, nhưng một đồng này không đủ mua dầu đổ đầy được”. Ông ta vẫn đồ đầy, nói: “Phần dầu thêm vào cái bình này là do tôi cúng dường. Bà cúng dường Phật coi như là tôi cũng có một phần”. Do vậy, người phụ nữ nghèo ấy mang dầu đến tinh xá Kỳ Viên của đức Phật, muốn đổ thêm vào tất cả các đèn dầu cúng Phật, nhưng không được, chỉ đủ để thêm vào một ngọn đèn. Bà ta bèn đổ dầu vào ngọn đèn cúng Phật. Đồng thời, trong ngày hôm đó, quốc vương đương thời là Ba Tư Nặc chở rất nhiều xe dầu đèn cúng dường đức Phật, mọi ngọn đèn đều được thêm dầu. Sáng sớm ngày hôm sau, trời đã sáng, phải nên tắt đèn. Ngày hôm đó, vị trực nhật là tôn giả Mục Kiền Liên. Tôn giả dập tắt từng ngọn đèn, chỉ có ngọn đèn nhỏ do người phụ nữ nghèo cúng dường thì ngài Mục Kiền Liên không thể dập tắt được. Ngài Mục Kiền Liên nghĩ “ta không dập tắt ngọn đèn này được”, bèn dùng sức thần thông để dập tắt ngọn đèn. Kết quả là không thể dập tắt, mà quang minh càng thù thắng hơn. Khi đó, đức Phật đi ra, bảo tôn giả Mục Kiền Liên: “*Thần thông của A La Hán không thể dập tắt ngọn đèn này được! Vì sao? Bà ta đã dốc cạn sức bố thí*”. “*Dốc cạn sức bố thí*” là như thế nào? Dốc sạch tất cả. Toàn bộ tài sản của bà ta là do nhặt được một đồng tiền, ngoài ra thứ gì cũng đều chẳng có, đó gọi là ‘*kiệt tận thí*’. Kiệt tận thí là thanh tịnh. Bà ta có thể đem tất cả hết thảy những gì chính mình có đều

cúng dường cho Phật. Đó là kiệt tận thí. Trong tâm của bà ta chỉ có một niệm, niệm gì vậy? Cúng dường Phật: “Vì sao phước báo của ta trong quá khứ nghèo túng đến thế? Do chưa từng cúng dường Tam Bảo, nay ta nên cúng dường Phật”.

Đó chỉ là một câu chuyện xưa. Chúng ta phải hiểu rõ: Khi mọi người cúng dường, chẳng phải là vật chất nhiều hay ít, mà là gì? Cái tâm của quý vị. Như chư vị đạo hữu cúng dường hồng bao, quý vị dùng cái tâm gì để cúng dường? Dùng lòng chí thành, khẩn thiết để cung kính cúng dường Tam Bảo, chẳng phân biệt là phàm phu, hay là thánh nhân, hoàn toàn chẳng phân biệt. Đó gọi là tâm thanh tịnh. Cúng Tăng như cúng Phật, chẳng có chút tạp niệm nào, dùng cái tâm thanh tịnh để cúng dường Tam Bảo, phước đức ấy liền to lớn. Hễ có số lượng, có so đo, tính toán, công đức ấy bèn nhỏ nhoi. Cúng dường thì nhất định phải phát nguyện, phát nguyện xong còn phải hồi hướng. Hãy đặc biệt ghi nhớ: Phát nguyện, hồi hướng, bất luận vật chất của quý vị nhiều hay ít, lớn hay nhỏ, trong khi quý vị làm một chuyện tốt, dẫn bản thân sức mạnh ấy nhỏ nhoi, nhưng tâm lực của quý vị to lớn, vật chất bèn biến hóa. Vật chất thuận theo tâm lực của quý vị. Tâm to lớn, số lượng vật chất sẽ to lớn. Tâm nhỏ, số lượng vật chất sẽ nhỏ. Vua Ba Tư Nặc cúng dường mười vạn ngọn đèn, chẳng bằng một ngọn đèn của người phụ nữ nghèo. Quốc vương không coi trọng, đến cũng chẳng đến, sai đầy tớ đến cúng dường là được rồi. Vì thế, dùng tâm để định lượng!

Chúng ta tu hành cũng như thế. Khi quý vị dùng Chiêm Sát Luân, trong khi quý vị niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, quý vị dùng cái tâm gì để niệm? Vấn đề này hết sức nghiêm trọng, nghiêm trọng đến mức độ nào? Do một niệm tâm của quý vị, quý vị sẽ cúng dường tận hư không khắp pháp giới, tâm quý vị tận hư không khắp pháp giới, cúng dường mười phương chư Phật. Chẳng hạn như chúng ta niệm A Di Đà Phật, thân quý vị vẫn ở trong thế giới Sa Bà, nhưng tâm của quý vị đã đến thế giới Cực Lạc. Không chỉ là đến thế giới Cực Lạc, mà thượng phương Bất Động thế giới, Đông phương Dược Sư Lưu Ly Quang Vương thế giới, tâm của quý vị đều đã tới, vừa tác ý, vừa khởi niệm, quý vị đã cúng dường mười phương chư Phật. Công đức quý vị to tát, hay công đức do một niệm, một sự cúng dường là to tát? Sự cúng dường ấy là gì? Pháp cúng dường là tối thắng. Trong hết thảy các thứ cúng dường, pháp cúng dường tối thắng, vì là tâm cúng dường, chẳng phải là hình tướng! Do vậy, trong khi cúng dường, phải đặc biệt chú ý!

(Kinh) Như thị phát hồi hương nguyện dĩ, phục vãng dư tĩnh thất, đoan tọa nhất tâm, nhược xưng tụng, nhược mặc niệm ngã chi danh hiệu, đương giảm tĩnh thù miên. Nhược hôn cái đa giả, ung u đạo tràng thất trung toàn nhiểu tụng niệm.

(經)如是發回向願已，復往餘靜室，端坐一心，若稱誦，若默念我之名號，當減省睡眠。若昏蓋多者，應於道場室中旋繞誦念。

(Kinh: Phát nguyện hồi hương như thế rồi, lại vào trong tĩnh thất, ngồi ngay ngắn nhất tâm, hoặc xưng tụng, hoặc thâm niệm danh hiệu của ta, hãy nên giảm bớt ngủ nghê. Nếu là kẻ nhiều hôn trầm, hãy nên đi nhiều quanh và tụng niệm trong đạo tràng thất).

Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy chúng ta: Quý vị làm các việc như thế xong, phát nguyện hồi hương như thế xong, quý vị mới bắt đầu tu hành, bắt đầu bái sám. Chúng tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo là để quý vị tu hành. Chính quý vị dựng một căn tĩnh thất, ở trong đó, niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, chiếu theo lời dạy của Địa Tạng Vương Bồ Tát trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo để bái sám. Vì thế, trước khi quý vị bái sám, ắt phải phát nguyện, sám hồi, lễ bái. Sau khi đã phát nguyện, hồi hương như thế, tùy theo sức của quý vị lớn hay nhỏ, có thể lập một cái sám thất thanh tịnh. Có sức thì càng tốt, không có sức thì lạy trong phòng ngủ của chính mình cũng được. Nếu có sức, hãy nên lập một gian phòng sạch sẽ, bày một bàn thờ, thờ tượng Địa Tạng Bồ Tát, một lư hương để thắp hương. Tới khi quý vị dùng cơm thì trước hết hãy dâng cúng. Quý vị ăn gì thì cúng dường thứ ấy là được rồi!

Đồng thời, còn phải xưng tụng, hoặc là tụng kinh Địa Tạng, hay tụng kinh Chiêm Sát đều được. Nếu kinh bản cũng chẳng có, vậy thì niệm danh hiệu của ta cũng được. Thâm niệm danh hiệu của ta, niệm Nam-mô Địa Tạng Bồ Tát. Nhưng Bồ Tát dạy quý vị hãy giảm bớt ngủ nghỉ, chớ nên “hôn cái” (昏蓋, bị hôn trầm che lấp tánh giác). “Cái” [ở đây là nói đến] ngủ nghê, do bị nó che phủ, trí huệ sẽ chẳng hiển lộ, bị nghiệp chướng che trùm. Nhưng đối với chuyện chính mình bị hôn trầm, có đạo hữu nói với tôi: Người ấy chẳng vào sám thất thì chẳng buồn ngủ tí nào. Hễ vào sám thất, ngồi xuống liền hôn trầm, liền ngủ gật. Người ấy hỏi tôi vì lý do nào? Tôi nói: “Đó là do nghiệp chướng. Túc nghiệp trong quá

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

khứ của quý vị rất nặng, khiến cho quý vị ngay cả mong bái sám cũng chẳng thể làm!” Lại còn như trong phần trước đã nói, ma con, ma cháu của Ba Tuần kéo đến, chúng nó không để cho quý vị tu hành. Quý vị tu hành tốt đẹp, vượt thoát ma giới; ma con và ma cháu của hắn sẽ mất đi một kẻ. Hắn chẳng mong quý vị thành đạo, nên tạo chướng ngại cho quý vị.

Vì thế, quý vị lìa khỏi hết thầy quấy nhiễu, nhất tâm niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Khi niệm, trong tâm quý vị bèn quán tưởng, niệm nào cũng từ tâm khởi, niệm nào cũng chẳng lìa tâm. Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta niệm như thế nào? Phải từ tâm niệm, chẳng phải niệm suông bằng cái miệng, tâm và miệng phải nhất trí! Khi niệm, mỗi niệm đều từ nội tâm phát ra. Niệm nào cũng từ tâm khởi, từng chữ đều rõ ràng, rành mạch. Từ tâm mà khởi niệm, niệm nào cũng từ tâm khởi, niệm nào cũng chẳng lìa tâm, đó là “*tâm niệm*”. Niệm niệm liên tục như thế, trong tâm quý vị chẳng có ý niệm thứ hai, một chút tạp nhiễm chẳng có. Nhưng ít ngủ nghỉ, chẳng cần ngủ nghề, ngủ nghề khiến cho trí huệ bị che lấp. Thùy Miên Cái trong Ngũ Cái, tức tài, sắc, danh vọng, tiếng tăm, ngủ nghề, năm thứ ấy che lấp trí huệ của quý vị. Ngủ nghề là một Cái trong Ngũ Cái, cho nên khi hành Ban Châu tam-muội (Pratyutpanna Samādhi), chẳng cho quý vị ngủ. Pháp môn ấy chính là đi nhiều quanh trong phòng. Nếu cảm thấy buồn ngủ quá sức, đừng ngồi xuống, hãy đứng lên đi lại. Đi mà vẫn ngủ, có khi đang đi mà người ấy vẫn ngủ, đó là nghiệp chướng rất nặng. Nghiệp chướng rất nặng thì phải nên nhất tâm niệm danh hiệu Địa Tạng, giảm thiểu ngủ nghề. Lúc ấy, quý vị ngồi tu Thiền Định, chẳng thể thành công!

Trước khi bái sám, quý vị vào trong đạo tràng thất, trước tiên hãy vừa kinh hành vừa niệm trong căn phòng ấy, niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, hoặc là niệm Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát. Do giảm thiểu, quý vị bỏ bớt chữ Nam-mô, niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát cũng được. Vì sao chỉ niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát mà có linh cảm? Vì Địa Tạng Bồ Tát đã phát nguyện, chúng ta kết hợp với nguyện của Địa Tạng Bồ Tát. Nguyện lực của Ngài là “*hễ có ai niệm danh hiệu của ta, ta nhất định gia trì người đó, giúp người đó sớm có ngày tiêu trừ nghiệp chướng*”. Vì thế, trong khi quý vị niệm danh hiệu, khi xưng danh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát, dựa theo cái nguyện của quý vị, bản thân quý vị mong cầu điều gì, Địa Tạng Vương Bồ Tát nhất định thỏa nguyện cho quý vị, nhưng tâm quý vị phải niệm sao cho giống với tâm của Địa Tạng Bồ Tát, vì Địa Tạng Bồ Tát phát nguyện mong thành thực hết thầy hữu tình. Đó là tâm đại bi

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

của Ngài. Nếu quý vị kiên thành, khẩn thiết niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát như vậy, Địa Tạng Bồ Tát sẽ giáng lâm gia trì quý vị:

- Một là do tâm của quý vị và tâm Địa Tạng Bồ Tát nhất trí. Quý vị chẳng có niệm thứ hai, chỉ có một niệm Địa Tạng Bồ Tát, cho nên bình đẳng với Địa Tạng Bồ Tát. Vì tâm của quý vị và tâm của Địa Tạng Bồ Tát vốn bình đẳng, một đẳng là ngộ, một đẳng là mê. Quý vị phải chuyển mê thành ngộ. Tâm của quý vị cùng với tánh lý và thể tánh khế hợp, tâm quý vị và tâm Địa Tạng Bồ Tát đã kết hợp khít khao. Địa Tạng Bồ Tát sẽ gia trì quý vị.

- Ý nghĩa thứ hai là chúng sanh trong thế giới Sa Bà này có nhân duyên với sáu mươi hai ức Bồ Tát, nhưng nhân duyên sâu nhất là Quán Thế Âm Bồ Tát, kế đó là Địa Tạng Vương Bồ Tát. Kinh Địa Tạng có nói nhân duyên của Địa Tạng Vương Bồ Tát còn sâu hơn Quán Thế Âm Bồ Tát. Trong phẩm thứ Mười Hai, tức phẩm Kiến Văn Lợi Ích của kinh Địa Tạng, đức Phật đã căn dặn Quán Thế Âm Bồ Tát, yêu cầu Quán Thế Âm Bồ Tát hoằng dương kinh Địa Tạng. Thật ra, Quán Âm và Địa Tạng bình đẳng, chỉ là nhân duyên sai biệt. Quý vị niệm Địa Tạng Bồ Tát sẽ đắc độ nhanh chóng, hay niệm Quán Thế Âm Bồ Tát đắc độ nhanh chóng, còn niệm Bồ Tát khác thì phải tùy thuộc cái duyên. Quý vị có duyên sâu đậm với vị Bồ Tát nào, niệm vị Bồ Tát ấy sẽ có hiệu quả lớn nhất. Vì thế, chúng ta cầu sức gia trì của Bồ Tát, cũng phải xem có duyên hay không.

Chính quý vị có thể cảm nhận, vô duyên thì quý vị chẳng gặp gỡ, có gặp thì quý vị cũng chẳng thể thâm nhập; vì mỗi quan hệ có duyên hay không này hết sức to lớn. Có duyên quý vị vừa niệm sẽ có thể thành tựu nhanh chóng. Vô duyên, quý vị vẫn phải kết duyên trước đã. Đã kết duyên thì mới có thể được gia trì. Vì thế, do nhân duyên, quý vị niệm Địa Tạng Bồ Tát, sẽ càng có thể tương ứng hơn!

(Kinh) Thứ chí dạ phân thời, nhược hữu đặng chúc, quang minh sự giả, diệt ung tam thời cung kính cúng dường, hồi quá, phát nguyện. Nhược bất năng biện quang minh sự giả, ung đương trực tại dư tĩnh thất trung, nhất tâm tụng niệm.

(經)次至夜分時，若有燈燭，光明事者，亦應三時恭敬供養，悔過發願。若不能辦光明事者，應當直在餘靜室中，一心誦念。

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

(Kinh: Kế đó, vào ban đêm, nếu có các thứ quang minh như đèn, đuốc, cũng nên ba thời cung kính cúng dường, hồi lồi, phát nguyện. Nếu chẳng thể lo liệu ánh sáng, hãy nên ở ngay trong tĩnh thất ấy, nhất tâm tụng niệm).

Đồng thời, Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Quý vị niệm danh hiệu của ta cho đến đêm. Kế đó, vào lúc ban đêm, nếu có sức [lo toan], có đèn đuốc, có ánh sáng, quý vị hãy nên cung kính sám hối, phát nguyện. Nếu chẳng có sức, rất nghèo túng, chẳng thể sắp đặt đèn sáng, không thắp nổi đèn. Trong quá khứ là đèn dầu, hoặc là đèn điện [như trong hiện thời], đều phải tốn tiền. Thắp đèn suốt đêm sẽ tốn tiền! Tùy theo khả năng của quý vị, nhưng quý vị cúng dường, hồi lồi, phát nguyện vĩnh viễn chẳng thể ngưng dứt, phải thường xuyên thực hiện. Nếu quý vị có sức lo liệu đèn đuốc, ban đêm quý vị phải vào tĩnh thất, vẫn phải tụng niệm. Nhưng do chẳng thể nào không ngủ, quý vị phải cân nhắc thời gian của chính mình, tùy thuộc sức của chính mình để trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ tận hết sức trì niệm danh hiệu. Nhưng thông thường, chẳng hạn như người xuất gia bọn tôi ở trong thường trụ chẳng có sức mạnh ấy, mà cũng chẳng có nhân duyên, quý vị làm như thế nào? Quý vị tâm niệm, chẳng thương tổn người khác, chẳng quấy nhiễu kẻ khác. Chẳng hạn như khi chúng ta cùng đại chúng tụng niệm công khóa nơi chánh điện, hoặc là quá đường (thọ trai), trong tâm quý vị thâm niệm Địa Tạng Bồ Tát, ai biết? Cũng chẳng có ai quấy nhiễu quý vị! Chẳng hạn như khi chúng ta có lúc phải theo đại chúng, hoặc khi quý vị đi làm, quý vị có thể niệm Địa Tạng Bồ Tát hay không? Quý vị có thể niệm thâm trong tâm, ai cũng chẳng biết cái tâm của quý vị được! Sự tu hành của mỗi cá nhân tùy thuộc quý vị sử dụng cái tâm như thế nào?

Trong đầu của chúng ta có rất nhiều chuyện, chư vị đều có thể cảm nhận được, thoáng chốc, óc mình tưởng cái này, nghĩ cái kia. Trong khi quý vị làm việc, não bộ cũng suy nghĩ rất nhiều chuyện. Trong khi quý vị làm việc nhà, chẳng biết trong óc đã khởi lên bao nhiêu ý niệm, rong ruổi rất nhiều nơi. Quý vị có thể dùng chuyện niệm Địa Tạng Bồ Tát làm một tuyến [suy nghĩ], suốt ngày vĩnh viễn niệm Địa Tạng Bồ Tát. Khi ăn cơm cũng niệm, mặc quần áo cũng niệm, làm việc cũng niệm, lâu ngày trở thành tự nhiên. Đó gọi là phương tiện thiện xảo. Như hiện thời thân thể chúng ta chẳng khỏe mạnh như thế, chẳng thể kiên trì được. Đặc biệt là người có Thùy Miên Cái nặng nề, quý vị liền nhờ niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát để chuyển biến nghiệp chướng Thùy Miên Cái. Thoạt đầu,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

tuần lễ thứ nhất, hoặc trong tuần lễ thứ hai, quý vị vẫn buồn ngủ rất nhiều. Chờ tới khi quý vị dụng công ba tuần, bốn tuần, cho đến năm tuần trở lên, nghiệp chướng dần dần tiêu mất, chẳng ngủ nhiều như thế, công lực của quý vị bèn tăng cường. Thoạt đầu, quý vị chỉ có thể niệm bốn năm tiếng đồng hồ. Sau mấy tuần lễ, quý vị có thể niệm tới tám, chín tiếng đồng hồ. Công phu của quý vị đạt tới mức độ nhất định, một ngày quý vị có thể niệm hơn mười mấy tiếng đồng hồ. Thời gian niệm càng nhiều, phiền não trong tâm càng nhẹ bớt. Phiền não chướng nhẹ nhàng, sức mạnh dụng công của quý vị càng gia tăng. Khi đó, công lực của quý vị tăng cường, một ngày quý vị có thể niệm thánh hiệu từ ba vạn câu trở lên. Quý vị niệm một hai tuần, sẽ đạt được cảm ứng, cảm thấy trong tâm hết sức vui sướng. Đó gọi là “gia trì”. Có lẽ quý vị cũng sẽ thấy thánh tượng, hoặc Địa Tạng Bồ Tát sẽ hiện tướng. Cũng có thể là trong giấc mộng, sẽ mộng thấy Địa Tạng Bồ Tát. Thậm chí, ở trong mộng còn trở dậy bái sám. Đã tỉnh mộng, quý vị có thể vận dụng [sự tu tập] trong khi tỉnh và mộng y hệt nhau, cho thấy quý vị đã có công phu đạt đến mức độ nhất định, chứng tỏ phiền não hiện hành đã giảm khinh; nhưng quý vị chớ nên thỏa mãn. Trong thời gian ấy, phải đặc biệt chú ý: Chớ nên sanh tâm kiêu ngạo chút nào! Hễ nẩy sanh tâm kiêu ngạo, sẽ lui sụt, bị lui sụt lập tức.

Do vậy, nếu là người muốn tu Địa Tạng Sám Pháp, quý vị phải hạ quyết tâm. Trước hết, đừng tự ấn định quá nhiều. Ấn định quá nhiều, sẽ gặp khó khăn! Trước hết, hãy nên ấn định bảy ngày, mười bốn ngày, hoặc hai mươi một ngày, tùy theo công lực của chính mình. Hoặc là trước hết ấn định mười ngày, sau đó lại tăng thêm. Chờ cho tới khi quý vị hành trì đã lâu, công phu vận dụng thành công, quý vị vừa tác ý niệm Địa Tạng Bồ Tát, quấy nhiễu gì cũng đều chẳng thể gián đoạn quý vị, bèn có hiệu quả: Nghiệp chướng cũng đã tiêu mất, hoàn cảnh cũng chuyển biến thuận lợi. Chuyện dụng công này cá nhân quý vị biết, “*ai ăn nấy no*” là ý nghĩa này. Cho đến khi quý vị dụng công tới một mức nhất định, quý vị sẽ nẩy sanh kinh nghiệm. Khi đó, quý vị đã có trí huệ. Trí huệ của quý vị lại hướng dẫn chính mình, quý vị mong dùng trí huệ lợi ích người khác, nhưng khi đó, quý vị vẫn chưa làm được, bèn tạo lợi ích cho chính mình trước đã.

Pháp môn này của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo rất thuận tiện, vì sao chẳng được hoằng dương, mà cũng chẳng phổ biến tại Trung Hoa? Thứ nhất là vì chúng ta chẳng tin, có gặp cũng không tin tưởng! Căn bản là chẳng gặp được, như kinh Hoa Nghiêm đã dạy: “*Thí như ám thất bảo, vô đặng bất năng liễu. Phật pháp vô nhân thuyết, tuy huệ bất năng*”

liều” (Như báu trong nhà tối, không đèn chẳng thể rõ, Phật pháp không ai nói, dấu trí huệ chẳng hiểu). Phật pháp là phương pháp giác ngộ, nhưng chẳng có ai giải thích cho quý vị. Quý vị chẳng biết nhập môn phương pháp giác ngộ ấy bằng cách nào thì vẫn chẳng thể nhập. Khi mới thực hiện, vẫn chẳng thể vừa học liền thông đạt, vẫn chưa được! Đợi cho tới khi quý vị sử dụng đắc lực, đạt được lợi ích, đạt được điều tốt đẹp của nó, quý vị sẽ thông suốt. Vì sao có các đạo hữu vừa nghe pháp liền khai ngộ? Chúng ta thấy tổ sư thường là vừa nghe bèn khai ngộ, [thật ra, các Ngài] chẳng phải chỉ tu trong đời hiện tại, mà là do đã tu nhiều đời nhiều kiếp. Mọi người đều biết Lục Tổ đại sư, Ngài là một gã bán củi, nghe người khác ở trên lầu niệm kinh Kim Cang. Người niệm kinh ấy vẫn chẳng khai ngộ, Ngài ở dưới này vừa nghe như thế đã khai ngộ. Quý vị lý giải như thế nào? Do thiện căn trong quá khứ của Ngài đã đến lúc thành thực! Do vậy, chúng ta tu pháp môn sám hối Địa Tạng, quý vị phải nên biết làm như thế nào! Nay chúng tôi giảng nghi thức, nếu quý vị muốn tu, trước hết, phải hiểu nghi quỹ. Những điều trên đây nhằm dạy cho quý vị biết: Muốn tu pháp môn này, phải hiểu nghi thức, chiếu theo đó để làm như vậy.

(Kinh) Nhật nhật như thị hành sám hối pháp, vật linh giải phế. Nhược nhân túc thê, viễn hữu thiện cơ, tạm thời ngộ ác nhân duyên, nhi tạo ác pháp, tội chướng khinh vi, kỳ tâm mãnh lợi, ý lực cường giả, kinh thất nhật hậu, tức đắc thanh tịnh, trừ chư chướng ngại. Như thị chúng sanh đẳng, nghiệp hữu hậu bạc, chư căn lợi钝, sai biệt vô lượng, hoặc kinh nhị thất nhật hậu, nhi đắc thanh tịnh, hoặc kinh tam thất nhật, nãi chí hoặc kinh thất thất nhật hậu, nhi đắc thanh tịnh. Nhược quá khứ, hiện tại câu hữu tăng thượng chủng chủng trọng tội giả, hoặc kinh bách nhật nhi đắc thanh tịnh. Hoặc kinh nhị bách nhật, nãi chí hoặc kinh thiên nhật nhi đắc thanh tịnh. Nhược cực độ căn, tội chướng tối trọng giả, đản đương năng phát dũng mãnh chí tâm, bất cố tích thân mạng tướng, thường cần xưng niệm, trú dạ toàn nhiên, giảm tỉnh thù miên, lễ sám phát nguyện, lạc tu cúng dường, bất giải, bất phế, nãi chí thất mạng, yếu bất hư tửc. Như thị tinh tấn, u thiên nhật trung, tất hoạch thanh tịnh.

(經)日日如是行懺悔法，勿令懈廢。若人宿世，遠有善基，暫時遇惡因緣，而造惡法，罪障輕微，其心猛利，意力

強者，經七日後，即得清淨，除諸障礙。如是衆生等，業有厚薄，諸根利鈍，差別無量，或經二七日後，而得清淨，或經三七日，乃至或經七七日後，而得清淨。若過去現在俱有增上種種重罪者，或經百日而得清淨。或經二百日，乃至或經千日而得清淨。若極鈍根，罪障最重者，但當能發勇猛之心，不顧惜身命想，常勤稱念，晝夜旋繞，減省睡眠，禮懺發願，樂修供養，不懈不廢，乃至失命，要不休退。如是精進，於千日中，必獲清淨。

(Kinh: Hằng ngày hành pháp sám hối như thế, đừng lười nhác, buông bỏ. Nếu là người đời trước đã có nền tảng tốt lành lâu xa, do tạm thời gặp ác nhân duyên mà tạo ác pháp, tội chướng nhẹ ít, cái tâm dũng mãnh, nhạy bén, ý lực mạnh mẽ, sau bảy ngày sẽ liền được thanh tịnh, trừ các chướng ngại. Các chúng sanh như thế, nghiệp có dày, mỏng, các căn lợi độn sai khác vô lượng, hoặc là qua mười bốn ngày liền được thanh tịnh, hoặc là qua hai mươi một ngày sau, cho đến hoặc tới bốn mươi chín ngày sau liền được thanh tịnh. Nếu quá khứ và hiện tại đều có các thứ trọng tội tăng thượng, hoặc trải qua một trăm ngày liền được thanh tịnh, hoặc trải qua hai trăm ngày, cho đến một ngàn ngày liền được thanh tịnh. Nếu là kẻ cực độn căn, tội chướng nặng nhất, chỉ nên phát tâm dũng mãnh, chẳng có ý tưởng đoái tiếc thân mạng, thường siêng xưng niệm, ngày đêm đi kinh hành, giảm bớt ngủ nghỉ, lễ sám, phát nguyện, vui vẻ tu cúng dường, chẳng lười nhác, chẳng buông bỏ, cho đến chẳng mất mạng sẽ chẳng nghỉ ngơi. Tinh tấn như thế, trong một ngàn ngày, ắt đạt được thanh tịnh).

Hằng ngày hành pháp sám hối như thế, hằng ngày đều dựa theo sự giáo huấn của Địa Tạng Vương Bồ Tát, Ngài dạy sám hối. Sám hối từ vô lượng kiếp đến nay, chẳng phải là một hai chuyện sai lầm nào! Có khi chúng ta làm chuyện sai trái mà chính mình vẫn chẳng biết. Chuyện sai trái từ vô lượng kiếp đến nay, sao quý vị biết nổi? Quý vị chỉ nên sám hối. Ngàn vạn phần đừng nên giải đãi, chớ biếng trễ, buông bỏ. Chẳng hạn như chúng ta bái sám, tôi lấy cá nhân tôi làm thí dụ. Năm 1936-1937,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

thỉnh pháp sư Hoàng Nhất đến chùa Trạm Sơn, tôi thỉnh Ngài nói Chiêm Sát Sám Pháp. Sau khi tiễn Ngài đi, tôi cũng học đòi bẻ quan tu hành. Khi sắp có chút hơi ấm¹⁵, Thanh Đảo bị quân Nhật chiếm đóng. Người Nhật chiếm lãnh Thanh Đảo, tôi chẳng học được nữa! Từ đó đã gián đoạn bao nhiêu năm? Gần hai mươi năm! Sau hai mươi năm, lại ngồi tù ba mươi ba năm, vừa gián đoạn liền gián đoạn hơn năm mươi năm! Ngay cả kinh bốn cũng chẳng được rờ đến, hoàn toàn đoạn tuyệt! Trước kia tu còn cảm thấy chút hơi ấm, nay hơi ấm chẳng còn, biến thành mùa Đông trong núi! Mùa Đông trong núi chẳng có hơi ấm, thợ hồ chẳng có chút hơi nóng nào, mà cũng chẳng nghe, cũng chẳng thấy. Cách đây vài chục năm, tới nước Mỹ, do đạo hữu mời tôi nói về nhân duyên trong quá khứ, họ mới mời tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Chuyện ấy đã cách bao nhiêu năm? Giảng ở Nữ Ước xong, lại cách mười năm, tới chùa Phổ Thọ, họ thỉnh tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Đó là năm một ngàn chín mươi mấy. Nay lại sau mười năm, [mới giảng kinh này lần nữa]. Hết thấy các pháp đều chẳng phải do ý nguyện của chính mình! Quý vị mong tu học hồng thoát khỏi nghiệp chướng, nhưng do ma chướng mà chẳng thể tiếp nối. Chẳng thể tiếp nối là vì nghiệp chướng.

Các vị đạo hữu sau khi nghe pháp, vì sao chẳng thể giải thoát? Thuở đức Phật tại thế, hễ [người nào được] nghe pháp, sẽ đều giải thoát, thành đạo. Tôi từng nghĩ dông dài về vấn đề này. Tôi từ lúc xuất gia cho đến hiện thời, tính tới năm nay đã là tám mươi năm, coi như thời gian rất dài, nhưng trong khoảng ấy, nghiệp chướng phát hiện, rất nhiều nghiệp chướng ngăn trở quý vị. Chúng ta nghĩ như thế nào? Các đạo hữu chúng ta ai nấy đều mong thành Phật, nhưng chẳng phải là quý vị muốn làm liền đạt được! Trong ấy, có rất nhiều chướng ngại; do vậy, trước hết quý vị phải sám trừ nghiệp chướng. Nếu chúng ta tính lái xe trên đường mà trên xe có nhiều chướng ngại, quý vị có thể lái nổi hay không? Quý vị phải trừ bỏ chướng ngại, thì mới có thể lái nổi! Còn có một câu tục ngữ: “*Vị thành Phật quả, tiên kết nhân duyên*” (Chưa thành Phật quả thì kết duyên với người khác trước đã). Nếu quý vị muốn tu đạo thành Phật, trước hết, phải sám hối nghiệp chướng. Điều chủ yếu nhất là sám hối nghiệp chướng. Tiếp đó, Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Quý vị hằng ngày đều hành pháp sám hối như thế, mỗi ngày đều sám hối như thế, đừng lười nhác, bỏ phế. Nếu quý vị lười nhác, bỏ phế, chứng tỏ là trong quá khứ không có thiện căn. Nếu chẳng lười nhác, bỏ phế, có được nhân duyên tu hành tốt đẹp

¹⁵ Tức là có đôi chút cảm ứng.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

này, phước báo của quý vị lớn nhất! Nói đến phước báo, thì quý vị tu hành chẳng bị chướng ngại chính là phước báo lớn nhất. Chẳng phải là phát tài, chẳng phải là danh lợi trong thế gian, mà là trong khi quý vị tu hành, do thiện căn trong quá khứ rất sâu dày, tín niệm Tam Bảo chẳng ngưng dứt, quý vị sẽ chứng đắc rất dễ dàng. Nhưng trong khoảng giữa, do gặp ác nhân duyên, ác pháp và ác nhân duyên là tội, tội chướng của quý vị phát hiện. Nếu nhẹ ít thì quý vị có thể khắc phục, nếu mạnh mẽ thì quý vị sẽ chẳng thể khắc phục nổi! Lại còn có một loại công nghiệp, công nghiệp sẽ chẳng thể khắc phục được. Chẳng phải là một hai người, mà là toàn bộ một vùng, toàn bộ đất nước, quý vị có thể khắc phục nổi hay chẳng? Do đó, sẽ khiến cho đạo nghiệp của quý vị khó thành tựu. Nếu có thể ban một nhân duyên rất tốt đẹp cho quý vị, quý vị có thể dùng bái sám để chiêm sát tướng trạng, Địa Tạng Bồ Tát nói bảy ngày linh ứng, luân tướng của quý vị sẽ đạt được tướng thanh tịnh.

Bản thân tôi cảm thấy nghiệp chướng của chính mình rất nặng, bảy ngày chẳng được thì mười bốn ngày, hai mươi một ngày. Nếu quý vị muốn tiếp tục tu, nhưng chẳng có cơ hội, đó là đại nạn. Khi Nhật Bản xâm lược Trung Hoa, đó chẳng phải là [nghiệp riêng của] một hai người, mà là đại nạn. Nó gây chướng nạn khiến cho quý vị không có sức mạnh nào để diệt trừ. Nếu quý vị có sức diệt trừ các chướng nạn ấy, có thể tu hành như thế, phải cạy vào phước báo thì mới có thể tu hành trong tĩnh thất. Giống như các vị đạo hữu chúng ta, bất luận quý vị niệm Phật cũng thế, mà tu pháp môn khác cũng thế, như các đạo hữu ở Đài Loan thiện căn đều rất sâu dày, chướng duyên chẳng nhiều ngàn ấy, nhưng chính mình gây chướng ngại cho mình, có chịu tu hay không? Nghe pháp thì đã nghe pháp rất nhiều, có chịu làm hay không? Chẳng làm, quý vị sẽ chẳng đạt được! Thiện căn thì có độn căn, sai khác đặc biệt to lớn. Như bảy ngày đạt được thanh tịnh, “đạt được thanh tịnh” hoàn toàn chẳng phải là đã thành đạo, mà là đã đạt được luân tướng thanh tịnh. Sau đó, quý vị tu tập, sẽ thành đạo hết sức mau chóng, chẳng có nghiệp chướng. Chúng ta thường nói nghiệp chướng của chính mình rất nặng, thậm chí đối với giảng kinh cũng đều có nghiệp chướng. Quý vị đã muốn đến nghe kinh, đi được nửa đường bèn xảy ra chướng ngại, quý vị chẳng thể nghe được! Chuyện này quý vị có nghĩ tới hay không? Quý vị chẳng thể nghĩ tới, chẳng biết từ đâu mà nảy sanh, cho nên gọi là nghiệp chướng.

Quý vị đã tạo nghiệp, tức nghiệp phát hiện sẽ chẳng nhất định. Có người bảy ngày sẽ đạt được thanh tịnh, có người hai mươi một ngày thanh tịnh, có người bốn mươi chín ngày sẽ đạt được thanh tịnh, có người một

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

năm, hai năm, ba năm. Nhưng Địa Tạng Bồ Tát bảo chúng ta: Nếu quý vị tu hành ba năm, sẽ tuyệt đối thanh tịnh. Nhưng trong ba năm ấy còn có các chướng ngại khác, hoặc là vì quá khứ hay là vì hiện tại, hoặc vị lai, quý vị vẫn phạm đủ thứ trọng tội, sẽ chẳng đạt được thanh tịnh, phải nói theo tùy tình huống. Quý vị lễ Chiêm Sát Sám đủ bảy ngày, tu bảy ngày sẽ đạt được luân tướng thanh tịnh. Đó là nghiệp chướng cực nhẹ ít. Hoặc là trải qua một trăm ngày bèn đạt được luân tướng thanh tịnh, hoặc là hai trăm ngày, hoặc trải qua một ngàn ngày, tức là thời gian ba năm. Có người căn cơ quá độn, tội nghiệp rất nặng, nhưng quý vị phải phát tâm dũng mãnh, chẳng đoái tiếc thân mạng, xả bỏ thân mạng hiện tại để đổi lấy Pháp Thân tánh mạng. Nghiệp chướng nặng thì làm như thế nào? Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Quý vị phải nên thường siêng năng xưng niệm, đừng giải đãi, hãy thường xuyên xưng niệm danh hiệu của ta. Bất luận ngày hay đêm đều đi nhiều (kinh hành), đi nhiều là đi kinh hành quanh sám thất của quý vị. Ngồi xuống sẽ buồn ngủ, vậy thì quý vị đi lại. Trước kia, ngủ mười tiếng mới tỉnh, hãy giảm bớt xuống tám tiếng, hoặc giảm xuống sáu tiếng, hoặc lại giảm thêm đến ba bốn tiếng, làm như vậy để sám hối. Lễ sám phát nguyện, càng tu tập càng sanh tâm hoan hỷ, vui sướng, càng tu càng vui sướng thì gọi là “*lạc tu*”. Sau đấy, còn phải cúng dường, bốn chữ này phải liên kết với nhau, tức “*lạc tu cúng dường*”. Hết sức vui sướng cúng dường Tam Bảo. Chẳng giải đãi, chẳng buông bỏ như thế, cho đến mất mạng cũng chẳng lui sụt. Nếu tinh tấn như thế đó, một ngàn ngày ắt đạt được thanh tịnh. Địa Tạng Bồ Tát nói thời gian dài nhất là một ngàn ngày, quý vị nhất định được thanh tịnh.

Nghi thức này nhằm dạy chúng ta, mục đích cuối cùng là đạt tới ba nghiệp thanh tịnh. Quý vị cầu sanh thế giới Cực Lạc như vậy, chắc chắn vãng sanh. Sanh thì quyết định sanh, vì sao? Đi thì thật sự chẳng đi. Đức Phật nói sanh về thế giới Cực Lạc chẳng sai, quyết định có thể sanh, nhưng đi thì chẳng đi, chẳng đi là do người ấy chẳng mong sanh. Tôi nói câu này có mâu thuẫn hay không? Chẳng mâu thuẫn tí nào! “*Sanh thì quyết định sanh*” là quý vị đã làm sự nghiệp để vãng sanh, điều đó khiến cho quý vị có thể quyết định sanh. Quý vị chẳng làm chuyện sanh về thế giới Cực Lạc, mà toàn làm chuyện thuộc thế giới Sa Bà, làm sao có thể sanh về thế giới Cực Lạc cho được? Chẳng thể nào! Tôi thấy rất nhiều đạo hữu, “*A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật*”, niệm A Di Đà Phật khá lắm, nhưng trong tâm nghĩ gì, chỉ có chính kẻ đó mới biết! Có rất nhiều người miêng niệm A Di Đà, tâm tưởng thế giới Sa Bà trong hiện tại,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

làm chuyện thuộc thế giới Sa Bà, [như thế thì] chẳng thể vãng sanh được. Tuyệt đối chẳng thể vãng sanh được!

Chúng ta dùng Chiêm Sát Luân Tướng sẽ khác hẳn, khác biệt như thế nào? Nó cho quý vị biết, quý vị chẳng thanh tịnh được. Nay quý vị vẫn làm ác, thanh tịnh bằng cách nào đây? Luân tướng biến đổi hằng ngày. Hiện tại, ở Ngũ Đài Sơn, tôi có đệ tử bé quan tu hành, hỏi tôi: “Thưa sư phụ! Luân tướng của con đều đỏ, đã thanh tịnh. Sau hai tháng, tại sao lại bỗng dưng trở thành đen!” Tôi nói: “Ông hỏi tôi, tôi phải hỏi ngược lại ông. Trong tâm ông nay đang nghĩ cái gì? Tướng từ tâm sanh. Tâm ông nghĩ gì, luân tướng bèn lập tức hiện ra. Tâm ông nghĩ tới chỗ khác, thân ông vẫn đang lễ bái, tụng niệm tại đây, nhưng tâm chẳng để vào đó, luân tướng lập tức biến hiện”. Mỗi vị đạo hữu chúng ta phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo, quý vị có thể kiểm điểm chính mình, cái tâm của quý vị đã biến hóa rất lớn. Từ sáng sớm đến tối, trong thời gian ngắn ngủi ấy, người khác chẳng biết, chứ quý vị chẳng thể dối gạt chính mình được. Quý vị phải thật thà kiểm điểm cái tâm của chính mình! Giả sử quý vị chẳng thoái thất, tinh tấn bất thoái, chẳng giải đãi, chẳng vứt bỏ, trong một ngàn ngày, sẽ tuyệt đối thanh tịnh. Địa Tạng Vương Bồ Tát răn dạy chúng ta như thế đó! Trong bốn mươi chín ngày, quý vị có thể đạt được thanh tịnh. Hoặc là hai trăm ngày, hoặc trải qua một ngàn ngày. Quý vị là căn tánh cực độn, cực ngốc, tội chướng rất nặng, nhưng chỉ cần quý vị tu như vậy, phát tâm dũng mãnh, ngay cả thân mạng cũng chẳng đoái hoài, sau một ngàn ngày, sẽ tuyệt đối thanh tịnh. Hy vọng mọi người đều tuyệt đối thanh tịnh.

Tập 7

Các chúng sanh như thế do nghiệp có dày, mỏng; căn cơ có lợi, độn, sai biệt vô lượng, hoặc mười bốn ngày sau bèn được thanh tịnh, hoặc sau hai mươi một ngày, cho đến bốn mươi chín ngày sau, sẽ được thanh tịnh. Nếu quá khứ lần hiện tại đều có các thứ trọng tội tăng thượng, sẽ trải qua một trăm ngày bèn được thanh tịnh. Hoặc là qua hai trăm ngày, cho đến trải qua một ngàn ngày, bèn được thanh tịnh. Nếu là kẻ căn cơ cực độn, tội chướng nặng nhất, chỉ nên phát tâm dũng mãnh, chẳng đoái tiếc thân mạng, thường siêng năng xưng niệm, ngày đêm đi nhiều (đi kinh hành), giảm bớt ngủ nghỉ, lễ sám, phát nguyện, vui thích tu cúng dường, chẳng lười nhác, chẳng bỏ phế, cho đến mất mạng vẫn chẳng thôi nghỉ. Tinh tấn như thế, trong một ngàn ngày, ắt đạt được thanh tịnh.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo dùng luân tướng thanh tịnh để chứng minh, vì bản thân chúng ta chẳng biết nghiệp chướng của chính mình rốt cuộc là nhẹ hay nặng. Trước khi quý vị bái sám, đương nhiên là dùng Chiêm Sát Luân để chiêm sát một phen; sau đấy, bắt đầu bái sám. Trải qua bảy ngày, vào mỗi sáng sớm, phải ở trong Phật đường, trước khi bái sám bèn dùng Chiêm Sát Luân để chiêm sát xem nghiệp của chính mình là nhẹ hay nặng. Đương nhiên, thoát đầu, khi quý vị bắt đầu sử dụng Chiêm Sát Luân, hằng ngày bái sám, luân tướng sẽ dần dần dấy lên biến hóa. Cũng có khi trải qua bảy ngày, hoặc mười bốn ngày mà [kết quả hiện ra nơi luân tướng] chẳng biến hóa to lớn, cho thấy nghiệp chướng của chính mình rất nặng, hoặc là do trong khi bái sám, tâm chẳng chí thành. Tâm chẳng chí thành, chẳng thể tiêu tội nghiệp được! Trong khi bái sám, do trong quá khứ quý vị đã tạo nghiệp, có nghiệp rất nặng, có nghiệp rất mỏng, chẳng nặng nề. Căn cơ của mỗi người thì cũng có kẻ lợi căn, kẻ độn căn; vì độn căn thì trí huệ rất nông cạn, ít ỏi. Do vậy, khi quý vị bái sám, rất khó tương ứng. Nếu càng chẳng tương ứng, quý vị càng phải nên phát tâm chí thành sám hối gấp bội. Đã là nghiệp quá khứ rất nặng, do hiệu quả bái sám của quý vị trong nhất thời thì vẫn chẳng đạt được thành quả. Tức là quý vị bái sám, hằng ngày đều phải dùng Chiêm Sát Luân để chiêm nghiệm chính mình hiện thời đã sám trừ được nghiệp chướng hay chưa? Luân tướng sẽ cho quý vị biết. Nếu quý vị sám hối bảy ngày, mười bốn ngày mà [kết quả hiện ra bởi] luân tướng vẫn là như thế, thì có hai loại tình huống:

- Một là nghiệp chướng nặng nề.
- Hai là quý vị chẳng chí tâm. Khi bái sám, chẳng thành khẩn!

Khi quý vị vào sám thất, phải mong liễu sanh tử. Quý vị phải có cái tâm mong liễu sanh tử thì mới có thể thay đổi sanh tử. Nếu tâm coi thường, tâm ngạo mạn, tự hồ thuận theo đại chúng niệm Phật, nhưng tâm chẳng chí thành, khi gieo luân tướng, quý vị sẽ chẳng đạt được luân tướng thanh tịnh. Vì căn cơ của chúng ta có lợi và độn, lợi căn thì vừa lạy liền đạt được tương ứng rất dễ dàng. Độn căn thì quý vị lạy bảy ngày, mười bốn ngày, thậm chí lạy suốt một hai tháng, vẫn chẳng đạt được luân tướng thanh tịnh, cho thấy nghiệp quá khứ rất nặng. Quý vị phải nên bi ai sám hối, chí thành, khẩn thiết lễ bái. Có vị phải trải qua hai mươi một ngày, hoặc bảy lần bảy tức bốn mươi chín ngày mà luân tướng vẫn cho thấy [nghiệp chướng] rất nặng. Quý vị cứ tiếp tục lễ bái, vì chúng ta bái sám nhằm mục đích tu đạo được thành tựu. Khi nghiệp chướng của quý vị rất nặng, quý vị tu Quán hoặc tu Định sẽ chẳng thành tựu. Quý vị ắt cần phải

trong lúc sám hối, biết tội của chính mình đã thanh tịnh, đó gọi là “*ngiệp chướng tiêu mất*”. Sau đây, quý vị tu Định, sẽ có thể rất nhanh chóng đạt được thành tựu. Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo chúng ta: Đối với nghiệp đã tạo, có nghiệp rất nặng, rất dày, có nghiệp chướng rất nhẹ.

Căn cơ của người ấy thì sao? “*Căn*” tức là sáu căn, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, có lợi căn và độn căn. Lại còn có lúc trong khi sám hối, đang lễ bái bèn ngã bệnh, hoặc phát sanh các thứ bệnh tật, [khiến cho] quý vị lễ bái chẳng thành công. Trong ấy có rất nhiều sai biệt, hoàn toàn chẳng phải là ai nấy đều có thể lễ bái, đều rất thanh tịnh. Điều này không giống như chúng ta theo đại chúng niệm Phật, chẳng biểu hiện ra, đợi cho đến khi chính mình một mình sám hối, sẽ [cảm nhận] rất rõ ràng. Rất nhiều đạo hữu nói nghiệp chướng của chính mình rất nặng, “*tội của tôi rất lớn*”. Người đó tự nói thì được, giả sử người khác nói “*tội của quý vị rất lớn, nghiệp chướng của quý vị rất nặng*”, ngay lập tức, kẻ đó sẽ bực bội, dấy lên phiền não ngay. Người đó tự mình khách sáo, khiêm hư, có ý nghĩa như thế đó, nhưng luân tướng chẳng khách sáo đối với quý vị. Nghiệp của quý vị khá nặng, [luân tướng bèn biểu hiện] khá nặng. Người ta sám hối bảy ngày bèn thanh tịnh, quý vị sám hối bảy mươi ngày, nghiệp vẫn bất động. Đó thật sự gọi là “*ngiệp chướng nặng nề*”.

Tình huống lúc sám hối khác nhau: Có lúc thời gian [sám hối] ngắn ngủi mà nghiệp chướng đã thanh tịnh; sau đó, lại tu Định, tu Huệ, rất dễ khai trí huệ. Nghiệp chướng nặng nề thì sẽ chẳng mở mang trí huệ to lớn, quý vị bèn tiếp tục lễ bái. Địa Tạng Vương Bồ Tát nói quý vị trải qua một trăm ngày, hai trăm ngày, thậm chí một ngàn ngày mà vẫn chẳng có luân tướng thanh tịnh. Vì kẻ đó hết sức độn căn, nhiều đời, nhiều kiếp đều chẳng được nghe Phật pháp. Do vậy, lần này quý vị gặp gỡ, tuy gặp gỡ nhưng do nghiệp chướng trong quá khứ nặng nề, [cho nên] hiện thời từ đầu đến cuối, chẳng dễ đạt được luân tướng thanh tịnh. Đây là kẻ căn cơ rất độn, nhiều đời bao kiếp vẫn chưa gặp gỡ Phật pháp, tội chướng nặng nề nhất. Nếu thuộc vào tình huống này, luân tướng sẽ chẳng hiện, hoặc vẫn hiện ra tội nghiệp rất nặng.

Quý vị phải phát tâm dũng mãnh, liềm mình. Liềm mình tranh đấu với tội nghiệp của chính mình, chẳng đoái tiếc thân mạng mà sám hối như thế đó. Đồng thời, phải luôn siêng năng xưng danh, tức là xưng niệm danh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát, chẳng phân biệt ngày đêm, ngày lẫn đêm đều đi kinh hành. Nghiệp chướng càng nặng, quý vị càng phải giảm bớt ngủ nghỉ để sám hối nhiều hơn. Lại còn phải tu cúng dường, chớ nên giải đãi như thế. Chớ nên bỏ phước, thậm chí dẫu tử vong, từ đầu đến cuối chẳng

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

ngung nghỉ, cứ một mực lễ bái. Tới khi quý vị sắp chết, Địa Tạng Bồ Tát hiện ra, tiêu trừ nghiệp chướng cho quý vị. Nếu tinh tấn như vậy trong một ngàn ngày (đại khái là trong thời gian ba năm), quý vị nhất định đạt được luân tướng thanh tịnh.

Trong đoạn kinh văn này, Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy chúng ta phải dũng mãnh tinh tấn, đừng nên thoái thất đạo tâm. Trong khi bái sám, tâm quý vị bèn phát nguyện, phát nguyện gì vậy? Đạt tới thanh tịnh mới thôi! Nguyện lực của quý vị là ta phải bái sám sao cho ba nghiệp thân, khẩu, ý của chính mình đều thanh tịnh. Đó là thành tựu cơ bản; sau đấy, tu hai loại quán đạo, sẽ nhất định có thể thành tựu. Nếu trong khi bái sám mà chẳng có luân tướng thanh tịnh, một mực chẳng thanh tịnh, thì khi quý vị tu đạo sẽ chẳng thể thành tựu. Vì thế, trước hết, quý vị phải sám trừ sạch sẽ các tội. Trong nửa sau của bộ kinh này, Địa Tạng Vương Bồ Tát mới dạy quý vị tu Định như thế nào, tu Huệ như thế nào, tức là tu hai loại quán đạo nơi cảnh giới Nhất Thật. Nếu luân tướng chẳng thanh tịnh, khi quý vị tu đạo, sẽ chẳng thể thành tựu!

Còn phải nên chú ý, khi kẻ khác khinh mạn quý vị, hoặc là nói năng hay hành xử cũng thế, đó chính là diệt tội cho quý vị, chúng tỏ [tội nghiệp từ đời trước của quý vị] đã tiêu mất. Càng có nhiều người khinh miệt quý vị, quý vị có thể nhận biết: “Do nghiệp chướng của chính mình nặng nề, cho nên ta chẳng được người khác cung kính. Chính là lúc ta phải nên sám hối tội lỗi thật kỹ!” Bởi lẽ, khi nghiệp chướng nặng nề, phước đức của quý vị chẳng thể hiện tiền. Chẳng có phước đức, đương nhiên là người ta coi thường quý vị. Khi quý vị có phước đức, người khác sẽ cung kính quý vị. Các đạo hữu thuộc hai chúng tại gia khi thân cận các vị sư phụ xuất gia, thường thấy sư phụ đối với các vị bất đồng, vì sư phụ đối với người khác thì rất khách sáo, còn đối với quý vị thì có thái độ hết sức khó chịu. Đương nhiên là quý vị nảy sinh phiền não, vì cho rằng sư phụ không công bằng, trong tâm rất bức bối, chẳng hề biết sư phụ đang tiêu nghiệp chướng cho quý vị. Trong quá khứ, vào đời Đường, có vị Tể Tướng tên là Ngự Triều Ân. Khi quốc sư vào hoàng cung thuyết pháp, Ngự Triều Ân¹⁶ bèn hướng về quốc sư thỉnh pháp. Quốc sư chẳng đếm

¹⁶ Ngự Triều Ân (727-770) quê ở Lô Châu (nay thuộc tỉnh Tứ Xuyên), tinh thông Nho học và Thiền học. Thoạt đầu, ông này làm quan thuộc Môn Hạ Tỉnh dưới đời Đường Huyền Tông. Về sau, khi An Lộc Sơn làm loạn, Đường Huyền Tông phải chạy khỏi kinh đô, ông theo phò Thái Tử Lý Hanh (tức Đường Túc Tông sau này), hầu hạ rất tận tụy, cho nên khi Đường Túc Tông lên ngôi, nhà vua rất sủng ái ông, được phong làm Thiên Hạ Quán Quân Dung Nghi Tuyên Ủy Xử Trí Sứ, thống lãnh đội quân Thần

xia tới ông ta, lại còn phê phán. Ông ta thỉnh pháp gì vậy? Ông ta hỏi quốc sư: “Vô minh do đâu mà khởi?” Quốc sư bảo: “Ngươi là kẻ nô tài mà còn thưa hỏi Phật pháp nổi gì?” Ngự Triều Ân dùng dùng nổi giận: “Ta là nô tài của hoàng thượng, chẳng phải là nô tài của hòa thượng nhà ngươi! Ta là Tể Tướng, chỉ ở dưới hoàng thượng, nhưng trên hết thầy chúng sanh, sao ngươi dám khinh rẻ ta như vậy?” Ông ta hỏi quốc sư: “Phiền nào từ đâu sanh khởi? Phiền nào là gì?” [Thật ra] ông ta hỏi về “vô minh”, chúng tôi đổi thành “*phiền nào*” [cho dễ hiểu]. “Vô minh từ đâu sanh khởi? Vô minh là gì?” Quốc sư không chỉ chẳng trả lời, mà còn quở: “Ngươi là hạng nô tài mà còn muốn thưa hỏi Phật pháp!” Vì vậy, ông ta nổi cáu. Khi ông ta nổi giận, quốc sư bèn bảo: “Vô minh sanh khởi từ đó. Đó chính là vô minh”. Ngự Triều Ân ngay lập tức khai ngộ, đánh lễ quốc sư. Đó gọi là “*nhân duyên thuyết pháp*”, vì hết thầy chúng sanh đều tự hướng về người khác nói: “Tôi nghiệp chướng rất nặng”. Tôi thường nghe các đạo hữu thổ lộ: “Tôi nghiệp chướng rất nặng”; chính kẻ đó có thể nói [như vậy], nhưng nếu quý vị bảo kẻ đó: “Ngươi nghiệp chướng rất nặng, còn đến học Phật pháp à?” Kẻ đó nhất định sẽ giận tím mặt; đó là biểu hiện của nghiệp chướng!

Khi chúng ta sám hối, bản thân chúng ta bái sám, vị được bái là Địa Tạng Vương Bồ Tát, Địa Tạng Bồ Tát là sám chủ. Trong khi quý vị sám hối tội lỗi, khi lạy Địa Tạng Vương Bồ Tát, Địa Tạng Vương Bồ Tát đã sám hối thay cho quý vị. Trong khi quý vị lạy Quán Âm để sám hối, Quán Âm thay quý vị sám hối. Bản thân chúng ta phải nên lý giải: Phạm là các đạo hữu bái sám, quý vị hướng về Địa Tạng Bồ Tát cầu sám hối. Địa Tạng Bồ Tát gia trì, giúp quý vị sám hối, khiến cho nghiệp chướng của quý vị sẽ thanh tịnh rất nhanh chóng. Khi quý vị sám hối, do chính mình rất nóng lòng, hận chẳng thể ngay lập tức sám hối thanh tịnh tội nghiệp. Địa Tạng Bồ Tát cũng vì cái nguyện ấy, nguyện cho hết thầy chúng sanh

Sách bảo vệ kinh đô, kiêm nhiệm chức vụ chưởng quản Nội Thị Tinh, quản lý Quốc Tử Giám, lẫn Hồng Lô Tự Khanh, cũng như được phong làm Tiết Độ Sứ của chín châu, thống lãnh mười vạn đại quân, quyền lực bao trùm triều đình, nên vẫn được coi như là Tể Tướng, lại được phong làm Trịnh Quốc Công. Sau đấy lại đổi thành Hàn Quốc Công. Tuy thông hiểu Phật học, nhưng do tập khí chuyên quyền, kiêu ngạo, ông ta đố kỵ người tài, thích lấn át nhà vua, khinh miệt đồng liêu. Mỗi lần bẩm tấu chánh sự, ông ta dùng bề đảng ép vua phải chuẩn tấu mọi đề nghị của chính mình. Do đó, dần dần ông ta bị nhà vua nghi kỵ, ghét bỏ, cho nên vua Đường Đại Tông đã âm mưu cùng các quan lại đối nghịch với Ngự Triều Ân để giết chết Ngự Triều Ân khi họ Ngự mới 49 tuổi.

chẳng có tội nghiệp. Địa Tạng Bồ Tát cũng giúp quý vị sám hối, nhưng quý vị phải chẳng đoái tiếc thân mạng mà sám hối.

Trong lịch sử, có một người tu hành, tu hành trong hang động. Ông ta vốn tu hành trong hang động, do cảm thấy [cứ tu] như thế thì cơ hội thành công quá ít, bèn ra ngoài sơn động, ngồi nơi vách đá cheo leo. Ở trong hang, Thù Miên Cái rất nghiêm trọng, tu hành cứ ngủ gục mãi. Ông ta tự đặt mình vào tử địa, vì ngồi vách núi ấy chẳng thể ngủ gật. Hễ ngủ gật, sẽ té xuống, chẳng phải là ngã chết tươi ư? Đó là ý nghĩa “*đặt mình vào chỗ chết để sống còn!*” Ông tĩnh tọa nơi vách núi tu Tư Duy (tu Thiên Định). Thân thể chẳng thể kiên trì lâu được, tĩnh tọa bèn hôn trầm, rớt lọt khỏi vách đá. Thần hộ pháp liền lôi ông ta lên. Được thần hộ pháp đỡ lên, ông ta nói với thần hộ pháp: “Trong Nam Thiệm Bộ Châu, người tu hành giống như tôi chắc là rất ít?” Thần hộ pháp bảo: “Người tu hành giống như ông quá nhiều. Thân bò có bao nhiêu lông? Rất nhiều! Ông đừng sanh kiêu tâm, mạn tâm. Đối với kẻ có cái tâm [kiêu ngạo] giống như ông, ăn nói [lớn lối] như ông, trong năm trăm đại kiếp, ta sẽ chẳng đến hộ pháp cho ông”. Thần hộ pháp bỏ đi. Vị lão tu hành ấy suy nghĩ: “Thoạt đầu, tôi cũng đâu có yêu cầu ông hộ pháp? Ông có che chở hay không, tôi vẫn cứ tu hành y hệt!” Ông ta lại ngồi, lại dùng phép Quán để tu hành. Thân thể lại không thể duy trì lâu dài nổi, vừa tĩnh tọa lại hôn trầm, ông ta lại rơi xuống. Hộ pháp lại cứu ông ta lên. Ông ta hỏi thần hộ pháp: “Ông nói trong năm trăm đời chẳng hộ pháp cho tôi, vì sao lại tới nữa?” Thần nói: “Một niệm tâm tinh tấn của ông vượt khỏi năm trăm đại kiếp”, tức là do một niệm tinh tấn vượt hơn năm trăm đại kiếp [mà thần hộ pháp cứu ông ta].

Từ câu chuyện này, chúng ta hiểu rõ: Khi chúng ta tu pháp sám hối, quý vị phải kiên trì, tinh tấn, dũng mãnh, vì hết thấy các vị thần hộ pháp và Bồ Tát đều hộ trì quý vị, chẳng cần phải băn khoăn. Sở dĩ Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta xưng niệm danh hiệu của Ngài vì xưng danh dễ dàng nhất. Quý vị lạy, đảnh lễ, bái sám, lại còn tụng niệm kinh văn, tức là niệm danh hiệu Địa Tạng, nhưng quý vị phải niệm danh hiệu ấy đến mức nhất tâm bất loạn. Cho tới khi quý vị niệm đến mức trong tâm hết sức hoan hỷ, niệm tan sạch mệt mỏi và buồn ngủ, đó là tương ứng. Tâm của quý vị và tâm của Địa Tạng Bồ Tát tương ứng, đó là cảm. Hễ cảm, sẽ được Bồ Tát ứng. Khi chúng ta tu hành, thường cầu cảm ứng. Chớ nên cầu cảm ứng, chỉ cầu bản thân quý vị tu hành dụng công như thế nào? Điều này chính quý vị rất rõ ràng, vì công lực sẽ tự nhiên tương ứng. Quý vị tu hành là cảm; do sức mạnh của cảm mà Bồ Tát liền tự nhiên ứng. Quý vị cảm mà

không có sức, chỉ cầu sông Bồ Tát ứng hiện, sẽ chẳng thể được! Vì đây chẳng phải là chuyện một phía, phải là song phương. Do vậy, khi quý vị tu đạo, chỉ nên cầu chính mình. Đừng nên mới vừa tu hành đã mong cầu được Bồ Tát gia trì, cảm ứng, chẳng thể được! Khi công lực của quý vị đạt tới một mức độ nào đó, [Bồ Tát] sẽ ứng với mức độ ấy. Quý vị chẳng có công lực, sẽ chẳng ứng!

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược dục đắc tri thanh tịnh tướng giả, thí tưng tu hành quá thất nhật hậu, đương ưng nhật nhật u thần triêu đán, dĩ đệ nhị luân tướng cụ an thủ trung, tần tam trích chi. Nhược thân, khẩu, ý giai thuần thiện giả, danh đắc thanh tịnh.

(經)善男子! 若欲得知清淨相者, 始從修行過七日後, 當應日日於晨朝旦, 以第二輪相具安手中, 頻三擲之。若身口意皆純善者, 名得清淨。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Nếu muốn biết tướng thanh tịnh, thoát đầu sau khi đã tu bảy ngày, hãy nên hằng ngày vào lúc sáng sớm, cầm loại luân tướng thứ hai trong tay, lần lượt gieo ba lần [cho mỗi nghiệp]. Nếu thân, miệng, ý đều thuần thiện, thì gọi là “đạt được thanh tịnh”).

Địa Tạng Bồ Tát lại nói: - Thiện nam tử! Nếu ông mong có được luân tướng thanh tịnh, sau khi ông đã tu hành, lễ Chiêm Sát Sám bảy ngày, bảy ngày đầu chớ nên dùng Chiêm Sát Luân. Bảy ngày sau, vào sáng sớm mỗi ngày, lúc vừa mới vào sám thất, hãy dùng loại luân tướng thứ hai. Luân tướng có ba loại, loại luân tướng thứ hai chỉ có ba khối, chỉ nhằm mục đích biện định thân, khẩu, ý của quý vị có thanh tịnh hay không? Quý vị dùng ba cái luân này để gieo, nhằm biện định rõ tam luân thân, khẩu, ý. Nếu khẩu nghiệp thanh tịnh thì [luân tướng đề chữ “khẩu nghiệp”] hiện ra có màu đỏ. Quý vị xem thân, khẩu, ý của chính mình, nghiệp nào thanh tịnh, [luân tướng tương ứng với nghiệp ấy] sẽ hiện ra mặt luân có màu đỏ. Nếu thân, khẩu, ý đều chẳng thanh tịnh, vẫn còn màu đen, tức là quý vị tu hành vẫn chưa đạt tới mức chuyển biến được nghiệp, vẫn chẳng chuyển biến, chẳng lay chuyển nghiệp được. Do vậy, nghiệp vẫn giống y hệt như cũ. Nếu quý vị gieo cả ba lượt (gieo thân luân, khẩu luân, ý luân, mỗi cái luân một lượt), nếu toàn là màu đỏ, chẳng có màu đen, thì là thuần thiện, là thanh tịnh. Nếu có chút đen, [tức là] dẫu một luân tướng có vạch màu đen nhỏ thì cũng chẳng tính là thanh tịnh. Nhưng

sáng sớm hôm nay, quý vị đã gieo được [luân tướng] thanh tịnh, quý vị lại lễ bái suốt một ngày, sáng sớm hôm sau gieo luân tướng, nó lại chẳng thanh tịnh, tức là sự thanh tịnh của quý vị chẳng triệt để. Ất cần phải hằng ngày, lúc nào gieo cũng đều thanh tịnh, đều là màu đỏ, sẽ biết sự tu hành của quý vị đã thành tựu, sẽ chẳng đọa vào tam ác đạo. Quý vị mong cầu [vãng sanh] thế giới Cực Lạc, chắc chắn sẽ có thể sanh được!

(Kinh) Như thị vị lai chư chúng sanh đẳng, năng tu hành sám hối giả, tùng tiên quá khứ cứu viễn dĩ lai, ư Phật pháp trung, các tăng tập thiện. Tùy kỳ sở tu hà đẳng công đức, nghiệp hữu hậu, bạc, chủng chủng biệt dị. Thị cố, bỉ đẳng đắc thanh tịnh thời, tướng diệc bất đồng: Hoặc hữu chúng sanh đắc tam nghiệp thuần thiện thời, tức cánh đắc chư dư hảo tướng. Hoặc hữu chúng sanh đắc tam nghiệp thiện tướng thời, ư nhất nhật, nhất dạ trung, phục kiến quang minh biến mãn kỳ thất. Hoặc văn thù đặc dị hảo hương khí, thân ý khoái nhiên. Hoặc tác thiện mộng, mộng kiến Phật thân lai vị tác chứng, thủ ma kỳ đầu, thán ngôn: “Thiện tai! Nhữ kim thanh tịnh, ngã lai chứng nhữ”. Hoặc mộng kiến Bồ Tát thân lai vị tác chứng. Hoặc mộng kiến Phật hình tượng phóng quang nhi vị tác chứng.

(經)如是未來諸衆生等，能修行懺悔者，從先過去久遠以來，於佛法中，各曾習善。隨其所修何等功德，業有厚薄種種別異。是故，彼等得清淨時，相亦不同：或有衆生得三業純善時，即更得諸餘好相。或有衆生得三業善相時，於一日一夜中，復見光明遍滿其室。或聞殊特異好香氣，身意快然。或作善夢，夢見佛身來爲作證，手摩其頭，嘆言：「善哉！汝今清淨，我來證汝」。或夢見菩薩身來爲作證。或夢見佛形像放光而爲作證。

(Kinh: Các chúng sanh trong đời vị lai có thể tu hành, sám hối như thế là do đã tu tập từ quá khứ lâu xa trước kia đến nay, ai nấy đã từng tu thiện trong Phật pháp, tùy theo sự tu tập mà đạt được các công đức như thế nào, nghiệp có dày hay mỏng đủ loại sai khác. Vì thế, khi họ đạt được thanh tịnh, tướng cũng khác nhau. Hoặc là có chúng sanh khi ba nghiệp

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

được thuận thiện, liền đạt được các hảo tướng khác. Hoặc có chúng sanh khi đạt được thiện tướng nơi tam nghiệp, trong một ngày một đêm, lại thấy quang minh trọn khắp cả nhà. Hoặc ngửi thấy mùi thơm đặc biệt lạ lùng, thân ý vui sướng. Hoặc có giấc mộng tốt lành, mộng thấy Phật đích thân đến làm chứng, đưa tay xoa đầu, khen rằng: “Lành thay! Nay ông thanh tịnh, ta đến làm chứng cho ông”. Hoặc mộng thấy Bồ Tát đích thân đến làm chứng. Hoặc mộng thấy hình tượng Phật phóng quang để làm chứng).

Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Nếu các chúng sanh trong vị lai muốn dùng Chiêm Sát Sám Pháp để tu hành, sám hối, quý vị chẳng biết các nghiệp đã tồn tại từ trong quá khứ của chính mình là lâu hay gần, là cạn hay sâu, trong quá khứ đã tu hành Phật pháp hay chưa, đã nghe pháp rất sâu hay chưa, đã trọn đủ rất nhiều công đức trong Phật môn hay chưa, quý vị đều chẳng biết. Các nghiệp đã tạo nặng hay nhẹ, dày hay mỏng, đủ loại sai khác. Do vậy, khi quý vị gieo Chiêm Sát Luân thanh tịnh, cũng hiện tướng bất đồng. Chẳng hạn như khẩu nghiệp thanh tịnh, vì nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, thốt lời thô ác, toàn bộ [các ác nghiệp ấy đã] chẳng còn, [luân tướng] sẽ hiện vạch đỏ dài và to. Nếu chỉ là đồ đôi chút thì là vừa mới thanh tịnh, còn nhẹ. Nhẹ, nặng, dày, mỏng, đối với ác nghiệp [cũng luận định] như thế!

Khi quý vị gieo Chiêm Sát Luân, do toàn bộ ba nghiệp thân, miệng, ý thuận thiện, chẳng có chút tỳ vết nào. “*Nãi chí chư dư hảo tướng*” (Cho đến các tướng tốt lành khác): Do quý vị đã đạt được thiện tướng ba nghiệp thanh tịnh, còn có các điều khác sẽ theo đến. Những điều nào sẽ theo đến? Ban đêm, quang minh chiếu trọn khắp. Ở trong sám thất của quý vị toàn là quang minh. Ban đêm vốn tối tăm, nhưng trong sám thất của quý vị toàn là quang minh. Đây là một loại [tướng hảo]. Còn có mùi thơm đặc biệt thù thắng, chẳng phải là mùi thơm như đốt đàn hương trong nhân gian, ngửi thấy loại hương đặc biệt. Đồng thời, thân thể của quý vị cảm thấy hết sức vui sướng. Sự vui sướng ấy chẳng phải là sự vui sướng thông thường của chúng ta. Đó gọi là “*thiện tướng*”. Hoặc là nằm mộng thấy ở cùng một chỗ với chư Phật, Bồ Tát, hoặc cùng với các vị đại Bồ Tát tham gia hội thuyết pháp của một đức Phật nào đó. Hoặc mộng thấy Phật tới làm chứng cho quý vị: “Này thiện nam tử! Ông đã thanh tịnh”. Ngài giơ tay xoa đầu quý vị, tán thán: “Lành thay! Lành thay! Vì ông nay đã thanh tịnh, ta đến chứng minh cho ông”. Hoặc mộng thấy Bồ Tát đến làm chứng, hoặc mộng thấy tượng Phật phóng quang minh. Tôi nghĩ chư

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

vị đạo hữu là người tu hành có thể đều đã trải qua, nhưng đây có phải là liễu sanh tử hay không? “Tử” là chuyện nhất thời, thiện tướng chẳng thể chứng minh [hành giả] đã liễu sanh tử. Quý vị vẫn phải tiếp tục tu. Nếu mỗi ngày đều có hiện tượng này thì là quyết định. Hoặc trong lúc quý vị bái sám, có lúc rất tương ứng, có hiện tượng ấy; sau một khoảng thời gian, lại chẳng có, do nghiệp phát hiện, vẫn chưa quyết định. Nói cách khác, quý vị vẫn chưa dựa vào Sơ Trụ, vì tín tâm của quý vị vẫn chưa viên mãn! Nếu loại hiện tượng này thường hiện tiền, chứng tỏ tín tâm của quý vị đã viên mãn, ba nghiệp thanh tịnh, tức ba nghiệp thân, khẩu, ý đều thanh tịnh. Trong khi ấy, lúc quý vị tu đạo, tu Định bèn đắc Định, tu Huệ bèn đắc Huệ. Chúng tôi nêu một thí dụ, hoặc là niệm kinh Pháp Hoa, niệm kinh Hoa Nghiêm, niệm kinh Lăng Nghiêm, thậm chí quý vị niệm Tứ A Hàm, bình thường quý vị xem mà chẳng hiểu nghĩa lý. Cho đến khi quý vị đã lay được luân tướng thanh tịnh, không chỉ hiểu toàn bộ, mà còn tiến nhập. Đó gọi là “*đã khai huệ*”.

(Kinh) Nhược nhân vị đắc tam nghiệp thiện tướng, dẫn tiên kiến văn như thử chư sự giả, tắc vi hư vọng, dối trá, gạt gẫm, phi thiện tướng dã.

(經)若人未得三業善相，但先見聞如此諸事者，則爲虛妄，誑惑詐僞，非善相也。

(Kinh: Nếu ai chưa đạt được thiện tướng nơi ba nghiệp, chỉ là trước đó đã thấy nghe các sự như thế thì đó là hư vọng, dối trá, gạt gẫm, trá ngụy, chẳng phải là thiện tướng).

Nếu quý vị chẳng được hiện tướng [thanh tịnh] nơi ba nghiệp, tức là hiện tướng [thanh tịnh] nơi ba nghiệp thân, khẩu, ý, nhưng trước đó, đã nghe người khác nói, quý vị cũng tự cho là mình đã đạt được. Đó gọi là hư vọng, dối trá, gạt gẫm, chẳng thật! Những thứ đó tuyệt đối chẳng phải là thiện tướng. Đoạn kinh văn này nhằm dạy quý vị: Trong khi quý vị bái sám, sẽ có các tướng cảnh giới phát sanh. Ba nghiệp của quý vị chẳng thanh tịnh thì hẳn có các hiện tượng ấy, chúng sẽ toàn là giả trá, hư dối. Quý vị ắt phải đạt được luân tướng tương ứng! Vì sao phải có luân tướng, phải chiêm sát? Hễ luân tướng tương ứng thì có người trong mộng thấy các tướng cảnh giới, đó là chân thật. [Hoặc là] bỗng dưng ngửi thấy trong thất của ta có mùi rất thơm, cho đến thấy sám thất phóng quang, cho đến

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

nằm mộng rất tốt lành. Thế nhưng luân tướng của ta chưa thanh tịnh, chứng tỏ các điều ấy đều là ma, ma tới quấy nhiễu quý vị. Quý vị ắt cần phải bái sám cho đến khi luân tướng thanh tịnh; sau đó, gặp gỡ các thiện sự ấy. Đó gọi là “*cảnh giới thù thắng*”. Vì khi chúng ta bái sám, học Chiêm Sát Sám Pháp, cho đến học Từ Vân Sám Pháp¹⁷, hoặc học Quán Âm Sám Pháp, sám pháp nào cũng đều như nhau: Hễ tâm quý vị vẫn chưa thanh tịnh mà mộng thấy các tướng cảnh giới, thì chúng đều là hư dối, gạt gẫm, chẳng phải là chân thật. Ngàn vạn phần đừng bị ma chuyển, chớ nên cao hứng. Hễ cao hứng quá sớm, sẽ dễ nhập ma cảnh!

Vì sao chúng ta dựa theo Chiêm Sát Sám Pháp để sám hối? Ở đây, Địa Tạng Bồ Tát sẽ gia trì chúng ta, khiến cho quý vị chẳng bị rơi vào ma cảnh, nương theo pháp để cầu, nương theo pháp để hiện, tuyệt đối thanh tịnh, chẳng hư huyền, làm lạc. Nếu chúng ta tu các sám pháp khác, hoặc tu bằng cách đọc tụng các pháp Đại Thừa khác, hoặc nằm mộng thấy các tướng cảnh giới thù thắng, quý vị đừng sanh tâm hoan hỷ, vì chẳng thể chứng thực. Quý vị nương theo sám pháp [trong kinh Chiêm Sát], luân tướng trong sám pháp chính là sự chứng thực. Vì thường xuyên có kẻ gặp phải ma nghiệp: Nếu chẳng dựa theo lời dạy của Phật, mà có các hiện tượng [tốt lành] ấy, nếu quý vị cao hứng, cho là đã tu thành tựu, sẽ bị ma dựa! Có chuyện ma hóa hiện [hình tướng] Địa Tạng Bồ Tát hay không? Có chứ! Quý vị hoàn toàn chẳng tu Địa Tạng Quán, hoặc tu mà cũng chẳng chân thành chi hết, bỗng dung Địa Tạng Bồ Tát hiện thân. Đó chẳng phải là chân thật. Chẳng hạn như tại hậu sơn của chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai, có một hành giả tự mình tu hành. Ông ta đã mấy lần gọi điện thoại cho tôi, [kể lể] ông ta đã thấy tướng này, tướng nọ. Tôi nói: “Ông hãy dùng Chiêm Sát Luân để chiêm sát đôi chút, vì Địa Tạng Bồ Tát sẽ bảo cho ông biết là thật hay giả”. Sau đó, ông ta gọi điện thoại cho tôi, nói: “Đó là ma, chẳng phải là chân thật. Vì tôi ngã bệnh, chẳng thể lạy được!” Ông ta hỏi “làm cách nào?” Tôi nói: “Ông hãy cứ lạy theo lệ

¹⁷ Đây là Từ Vân Tịnh Độ Sám Nghi do ngài Từ Vân Sám Chủ, tức ngài Tuân Thúc biên soạn. Ngài Tuân Thúc (963-1032), pháp tự Tri Bạch, là một vị cao tăng thuộc tông Thiên Thai. Lúc mới được bảy tháng, Ngài đã khiến cho mẹ kinh dị vì bập bẹ niệm danh hiệu Quán Âm theo mẹ. Do Ngài soạn rất nhiều nghi thức sám hối, nên được tôn xưng là Từ Vân Sám Chủ, hoặc Bách Bản Sám Chủ. Các nghi thức sám hối nổi tiếng nhất của Ngài là Vãng Sanh Tịnh Độ Sám Nghi (thường gọi là Từ Vân Tịnh Độ Sám Nghi, hay Từ Vân Sám Pháp), Kim Quang Minh Hộ Quốc Nghi, Pháp Hoa Tam Muội Sám Nghi, Thịnh Quán Âm Sám Nghi, Xí Thịnh Quang Sám Nghi, Tiểu Di Đà Sám Nghi...

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

thường. Ông lạy như thế nào thì vẫn lạy như thế đó. Cho đến khi ông lạy tiêu mất ma nghiệp ấy, ông sẽ chẳng bị ma xoay chuyển”. Hoặc là khi quý vị tu sám pháp, vừa mới tu mà đã có rất nhiều cảnh tượng (tượng cảnh giới) ùa tới. Cảnh tượng ùa tới, quý vị phải đột phá, chúng chẳng chân thật!

Quý vị nương theo lời dạy của Địa Tạng Bồ Tát tương ứng với pháp, khi luân tướng chưa đạt được ba nghiệp thanh tịnh, bỗng dưng có các thánh cảnh như vậy hiện tiền quá nhiều quý vị bái sám; hoặc người thấy mùi hương, trong nhà phóng quang, hoặc từ cửa sổ lọt vào một tia quang minh, quý vị đừng quan tâm tới nó, vẫn cứ bái sám. Chỉ cần luân tướng hiện tướng thanh tịnh, đó là thật. Vì sao chúng ta phải bái sám, mong cầu Bồ Tát chứng minh? Đừng chấp lấy tướng hư vọng! [Nếu chấp], sẽ dễ dàng nhập ma. Hãy nương theo lời dạy của Bồ Tát, hãy nương theo lời dạy trong kinh văn, như thế thì sẽ chẳng có ma. Vì ngũ dục ma, tức là tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, đều có ma chướng. Điều thứ nhất, phải phân tích rõ ràng ma và chánh. Nếu không, quý vị tu thân mà bị hủy diệt!

(Kinh) Nhược nhân tăng hữu xuất thế thiện cơ, nhiếp tâm mãnh lợi giả, ngã u nhĩ thời, tùy sở ưng độ nhi vị hiện thân, phóng đại từ quang, linh bỉ an ổn, ly chư nghi bố, hoặc thị thần thông, chủng chủng biến hóa. Hoặc phục linh bỉ tự ức túc mạng sở kinh chi sự, sở tác thiện ác, hoặc phục tùy kỳ sở nhạo, vị thuyết chủng chủng thâm yếu chi pháp. Bỉ nhân tức thời u sở hướng thừa, đắc quyết định tín, hoặc tiệm chứng hoạch Sa-môn đạo quả.

(經)若人曾有出世善基，攝心猛利者，我於爾時，隨所應度而為現身，放大慈光，令彼安隱，離諸疑怖，或示神通，種種變化。或復令彼自憶宿命所經之事，所作善惡，或復隨其所樂，為說種種深要之法。彼人即時於所向乘，得決定信，或漸證獲沙門道果。

(Kinh: Nếu ai từng có nền tảng thiện căn xuất thế, nhiếp tâm mạnh mẽ, nhạy bén, trong lúc ấy, ta sẽ tùy theo sự đáng độ mà hiện thân, phóng quang minh từ bi to lớn, khiến cho kẻ đó an ổn, lìa các ngờ vực, sợ hãi,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

hoặc hiển thị thần thông, đủ loại biến hóa. Hoặc lại có thể khiến cho họ tự nhớ chuyện đã trải qua và điều thiện, lẽ ác đã tạo trong đời trước, hoặc lại thuận theo sự ưa thích của họ mà nói đủ loại pháp sâu xa, quan trọng. Kẻ đó ngay lập tức có niềm tin quyết định đối với thừa mà người ấy đã hướng về, hoặc dần dần chứng đắc đạo quả Sa-môn).

Nếu là người có nền tảng thiện căn xuất thế, nhiếp tâm nhạy bén, mạnh mẽ, trong lúc đó, ta (Địa Tạng Bồ Tát) sẽ ứng theo [căn cơ người ấy] đáng nên dùng thân nào để đắc độ mà hiện thân ấy, phóng từ quang to lớn, khiến cho người ấy an ổn, lia các ngờ vực, sợ hãi. Hoặc thị hiện đủ loại thần thông, hoặc lại khiến cho người ấy tự nhớ các chuyện đã trải qua và các điều thiện lẽ ác đã làm trong đời trước. Hoặc lại tùy lòng kẻ đó ưa thích, mà nói các thứ pháp sâu xa, trọng yếu. Người đó ngay lập tức hướng tới “*thừa*” mà chính mình đã hướng về. “*Sở hướng thừa*” là quý vị tu Đại Thừa hay Tiểu Thừa, thì gọi là “*sở hướng thừa*”. Sẽ quyết định tin tưởng cái thừa ấy. “*Tiệm chứng hoạch Sa-môn đạo quả*” (Dần dần chứng đắc đạo quả của Sa-môn): Ở đây là nói đến đạo quả Sa-môn thông thường, [bao gồm] Sơ Quả Hướng, Sơ Quả, Nhị Quả Hướng, Nhị Quả, Tam Quả Hướng, Tam Quả, Tứ Quả Hướng, và Tứ Quả. Tứ Hướng Tứ Quả được gọi là đạo quả đạt được bởi hàng sa-môn.

Địa Tạng Bồ Tát lại dạy chúng ta: Người có nền tảng thiện căn xuất thế, do có thiện căn xuất thế, lại còn có thể hướng thiện, có thể nhiếp tâm nhất trí, vọng tưởng ít, tạp niệm ít, nhiếp tâm mạnh mẽ, nhạy bén, có thể hàng phục vọng niệm, có thể nhiếp tâm tới mức chí tâm. Khi giảng tới [phần kinh văn dạy về] chí tâm, tôi sẽ nói về vấn đề này. Sau đó, Địa Tạng Vương Bồ Tát liền hiện thân, tùy thuận [người ấy] đáng dùng thân nào để độ, bèn hiện thân ấy, phóng đại từ quang. Hiện thân thì cũng có thể là hiện tướng Bồ Tát, tùy thuộc đáng nên dùng pháp nào để khiến cho quý vị đắc độ, Địa Tạng Bồ Tát bèn hiện tướng ấy đến độ quý vị, khiến cho quý vị được an ổn, chẳng còn sanh lòng hoài nghi, chẳng còn sợ hãi nữa. Đồng thời, Địa Tạng Bồ Tát còn nói: “Ta sẽ thị hiện đủ loại thần thông, đủ loại biến hóa, khiến cho hành giả ấy (người bái sám) tự mình nghĩ nhớ túc mạng trong quá khứ”. “*Túc mạng*” (宿命) là tất cả chuyện tu hành trong vô lượng kiếp thuộc đời quá khứ của chính mình đều hiện tiền. Trong ấy cũng có làm thiện nghiệp, mà cũng có làm ác nghiệp, cũng có tu hành mạnh mẽ, và tu hành chẳng mạnh mẽ. Tùy theo sự ưa thích của kẻ đó, mà nói các loại pháp sâu xa, trọng yếu. Tùy thuộc quý vị ưa thích điều

gì, Địa Tạng Vương Bồ Tát sẽ tùy thuận cơ nghi, nói cho quý vị nghe pháp ấy. Người ấy sẽ đối với thừa mà chính mình hướng đến, hoặc là Đại Thừa, Trung Thừa, hoặc Tiểu Thừa mà đạt được niềm tin quyết định, nảy sinh lòng tin quyết định, chẳng còn ngờ vực nữa. Như thế thì sẽ chứng thực pháp mình đã tu, hoặc sẽ dần dần chứng đắc đạo quả của Sa-môn.

Địa Tạng Bồ Tát dạy đoạn này hết sức trọng yếu! Đặc biệt là chúng ta nương theo kinh Chiêm Sát để tu pháp sám hối, hồng tuyệt đối tiêu trừ ác nghiệp. Đối với tướng cảnh giới ác, [có khi] chỉ cần quý vị sám một ngày thì tướng cảnh giới ác sẽ thuận theo mà biến mất nơi sự hóa hiện [của luân tướng]. Có khi [phải sám trong một] thời gian dài, cũng có khi thời gian ngắn. Tôi không có các tướng biến hiện như Địa Tạng Bồ Tát đã nói, nhưng hồi tôi ở Nữ Ước, đại khái là chừng ba bốn tháng, mỗi tối đều nằm mộng. Vừa đặt đầu lên gối để ngủ liền nằm mộng cho tới khi tỉnh giấc mới thôi. Ngày hôm sau, chỉ cần đi ngủ, vừa đặt đầu xuống gối lại nằm mộng. Đại khái là hơn một trăm ngày, tức là hiện ra tất cả những gì từng trải trong đời trước. Có đôi khi tu hành rất tốt đẹp, có lúc tạo nghiệp, có lúc trả nghiệp rồi lại tu hành, từ đời này sang đời khác chẳng ngừng. Bản thân tôi nằm mộng, đại khái là bắt đầu từ cuối đời Đường, đầu đời Tống, mãi cho đến đời hiện tại, tức là khoảng thời gian tôi ở nước Mỹ. Tôi đã kể chuyện này với pháp sư Hoàng Giác, nhưng trong lúc ấy, chẳng sanh tâm quyết định, mà cũng chẳng khai trí huệ. Quý vị cũng chẳng có nghiệp chướng gì, tức là đối với hai đẳng thiện ác, trọn chẳng lệch về thiện, mà cũng chẳng lệch về ác, dường như là vận chuyển bình thường. Đó gọi là nghiệp trong hiện tại và tức thế, những gì đã làm trong quá khứ thoáng hiện từng đời một như thế đó!

(Kinh) Phục thứ, bĩ chư chúng sanh, nhược tuy vị năng kiến ngã hóa thân chuyển biến thuyết pháp, dẫn đương học chí tâm, sử thân, khẩu, ý đắc thanh tịnh tướng dĩ, ngã diệt hộ niệm, linh bĩ chúng sanh tốc đắc tiêu diệt chủng chủng chướng ngại. Thiên ma Ba Tuần bắt lai phá hoại, nãi chí cửu thập ngũ chủng ngoại đạo tà sư, nhất thiết quỷ thần diệt bất lai loạn. Sở hữu Ngũ Cái triển chuyển khinh vi, kham năng tu tập chư Thiền, trí huệ.

(經)復次，彼諸衆生，若雖未能見我化身轉變說法，但當學至心，使身口意得清淨相已，我亦護念，令彼衆生速得消滅種種障礙。天魔波旬不來破壞，乃至九十五種外道邪師

，一切鬼神亦不來亂。所有五蓋展轉輕微，堪能修習諸禪智慧。

(Kinh: Lại nữa, các chúng sanh ấy tuy chưa thể thấy ta hóa thân chuyển biến, thuyết pháp, chỉ nên học chí tâm, khiến cho thân, miệng, ý đã đạt được tướng thanh tịnh, ta cũng hộ niệm, khiến cho các chúng sanh ấy mau chóng tiêu diệt các thứ chướng ngại. Thiên ma Ba Tuần chẳng tới phá hoại, cho đến tà sư trong chín mươi lăm loại ngoại đạo và hết thầy quỷ thần cũng chẳng tới nhiễu loạn. Tất cả Ngũ Cái lần lượt chuyển thành nhẹ ít, có thể kham tu tập các môn Thiền và trí huệ).

“Phục thứ, bĩ chư chúng sanh” (Lại nữa, các chúng sanh ấy) là nói đến những người tu sám pháp. Kẻ chẳng tu Địa Tạng Sám, chẳng tu Chiêm Sát Sám thì chẳng nói tới. “Bĩ chư chúng sanh” là chuyên nói tới những người tu sám pháp. Người tu theo sám pháp Chiêm Sát Sám tuy chẳng thể thấy hóa thân của ta (Địa Tạng Bồ Tát), mà cũng chẳng nghe hóa thân của ta thuyết pháp, hãy nên học cái tâm chí thành là được rồi! Người ấy chỉ cần có thể khiến cho thân, khẩu, ý của chính mình đạt được tướng thanh tịnh [khi chiêm sát bằng Chiêm Sát Luân] thì ta cũng hộ niệm người đó. Câu này có hàm nghĩa như thế đó. Có các vị tuy đã bái sám đến mức thân, khẩu, ý thanh tịnh, nhưng các hiện tượng đã nói trên đây như “Địa Tạng Vương Bồ Tát hiện thân, hoặc thuyết pháp, hoặc gia trì quý vị” dấu chẳng có, chẳng trông thấy hóa thân của ta, cũng chẳng nghe ta thuyết pháp, người ấy hãy nên học chí tâm (trong phần sau sẽ giảng về chí tâm), khiến cho thân, khẩu, ý của người ấy đạt được tướng thanh tịnh, ta cũng hộ niệm loại chúng sanh ấy. Hộ niệm người ấy thì sẽ khiến cho hết thầy chướng ngại của người ấy đều tiêu diệt, tu đạo sẽ thành tựu rất nhanh chóng.

“Hộ niệm” có nghĩa là các tà ma như thiên ma Ba Tuần toan phá hoại sức mạnh tu đạo của người ấy, sẽ đều chẳng thể đến gần, tức là [người ấy đã] được Địa Tạng Vương Bồ Tát hộ niệm. Cho đến các tà sư thuộc chín mươi lăm loại ngoại đạo, hết thầy quỷ thần đều chẳng thể nhiễu loạn người ấy. Khi đó, tất cả tội nghiệp Ngũ Cái, Thập Triền, thứ gì cũng đều chẳng có, người ấy có thể tu Thiền Định, cũng có thể tu trí huệ. Trí huệ là học kinh, học pháp, Thiền Định là tu tập Định. Hai môn Định Huệ, một đẳng là Chỉ, một đẳng là Quán. Có thể tu Chỉ Quán thì sẽ có thể đắc đạo, nhưng đó là người đã đạt được luân tướng thanh tịnh.

(Kinh) Phục thứ, nhược vị lai thế chư chúng sanh đẳng, tuy bất vị cầu Thiên Định, trí huệ xuất yếu chi đạo, dẫn tao chúng chúng chúng ách, bần cùng, khốn khổ, ưu não bức bách giả, diệc ưng cung kính, lễ bái, cúng dường, hối sở tác ác, hằng thường phát nguyện, w nhất thiết thời, nhất thiết xứ, cần tâm xưng tụng ngã chi danh hiệu, linh kỳ chí thành, diệc đương tốc thoát chúng chúng suy não. Xả thử mạng dĩ, sanh w thiện xứ.

(經)復次，若未來世諸衆生等，雖不爲求禪定，智慧出要之道，但遭種種衆厄，貧窮困苦憂惱逼迫者，亦應恭敬禮拜供養，悔所作惡，恆常發願，於一切時，一切處，勤心稱誦我之名號，令其至誠，亦當速脫種種衰惱。舍此命已，生於善處。

(Kinh: Lại nữa, nếu các chúng sanh trong đời vị lai, tuy chẳng vì cầu Thiên Định, trí huệ, đạo xuất yếu, chỉ gặp đủ loại các thứ ách nạn, bần cùng, khốn khổ, ưu não bức bách, cũng nên cung kính, lễ bái, cúng dường, hối hận các điều ác đã làm, luôn thường phát nguyện, trong hết thảy mọi thời, hết thảy mọi chỗ, tâm siêng năng xưng tụng danh hiệu của ta, sao cho chí thành, thì cũng sẽ mau chóng thoát khỏi các thứ suy não. Đã xả mạng này, sẽ sanh trong chốn lành).

Lại nữa, hết thảy chúng sanh vào đời Mạt, tuy chẳng vì cầu Thiên Định, trí huệ, hay đạo xuất yếu, nhưng khi gặp đủ loại các thứ ách nạn, bần cùng, khốn khổ, ưu não bức bách, trong khi ấy, cũng nên cung kính lễ bái, cúng dường, sám hối các điều ác đã làm, sám hối chuyện ác do chính mình đã tạo. “Sám hối điều ác đã làm” chính là sám hối các chuyện ác đã làm trong quá khứ và ác nghiệp hiện tiền. Luôn thường phát nguyện, chính mình thường phát nguyện. Các đạo hữu phải hằng ngày phát cái nguyện ấy, một mặt sám hối, một mặt hồi hướng. Sám hối thì hằng ngày đều phải sám hối, phát nguyện giúp đỡ người khác, lợi ích chúng sanh, đem tất cả những chuyện tốt đẹp ta đã làm hồi hướng cho hết thảy chúng sanh đang chịu khổ, chịu nạn. Sám hối toàn bộ các chuyện sai trái ta đã làm. Bần cùng, khốn khổ, ưu não, các thứ bức bách, gặp phải các tướng cảnh giới ấy hiện tiền, phải nên cung kính, lễ bái, cúng dường. Các thứ ấy đều là ác nghiệp do ta đã làm trong quá khứ đến nay hiện tiền, quý vị hãy

nên sám hối, sửa đổi. Niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát để sám hối. Nếu ác nghiệp ấy phát hiện chẳng quá nghiêm trọng, quý vị làm như thế nào? Trong hết thấy mọi lúc, hết thấy mọi nơi, bất luận trong bất cứ tình huống nào, hãy xung tụng danh hiệu của ta trong hết thấy thời, hết thấy chốn. Xung tụng thì chớ nên hư tình giả ý mà xung niệm, phải chí thành, phải khẩn thiết, các thứ suy não đó sẽ tiêu mất, xả báo thân này, lại sanh vào chốn lành. Đó là chưa nói đến cái nguyện [giúp đỡ chúng sanh] đã phát, nếu quý vị lại còn phát nguyện thêm, cầu sanh về thế giới Cực Lạc, Địa Tạng Vương Bồ Tát sẽ gia trì, khiến cho quý vị được sanh vào thế giới Cực Lạc.

Lũ chúng sanh trong đời Mạt Pháp chúng ta thường bị đủ mọi nhân duyên bức bách trong cuộc sống. Nếu quý vị trông thấy chùa miếu mà có thể đến chùa miếu lễ bái, [*“miếu”* ở đây] chẳng phải là miếu thờ thiện thần, hay là miếu thờ các loại thần thánh, mà là nói đến chỗ thờ phụng Phật, Bồ Tát, nhưng [quý vị] chẳng có tâm xuất ly, mà cũng chẳng cầu Định, cầu Huệ, cũng chẳng mong học pháp môn xuất yếu. Rất nhiều đệ tử Phật chẳng mong các thứ đó, nguyện liễu sanh tử chẳng thiết tha, chẳng phải là người tin Phật. Đệ tử Tam Bảo đều phải liễu sanh tử. Chúng ta có thể tự vấn cái tâm của chính mình: “Có phải là hằng ngày đều cầu liễu sanh tử hay không?” Khoan nói tới hai chúng tại gia ưu-bà-tắc và ưu-bà-di, chỉ nói các đạo hữu xuất gia chúng ta, sáng sớm mỗi ngày lên chánh điện tụng công khóa, quý vị có phát nguyện mong liễu sanh tử hay không? Hằng ngày phát nguyện *“ta mong liễu sanh tử, ta phải đoạn phiền não”*, có làm như thế hay không, chính mình đều hiểu rõ. Người ngoài chẳng hiểu rõ cho lắm, chỉ có chính mình mới biết rõ! Hằng ngày có hối cải các điều ác chính mình đã làm hay chẳng? Có đều phát nguyện sám hối hay không? Có thể thoát khỏi các thứ suy não, chịu nổi các khảo nghiệm hay không? Chính mình hiểu rõ nhất! Người ngoài đều chẳng biết, người ngoài ai biết nổi trong tâm quý vị đang nghĩ gì? Chẳng hạn như mọi người thường nghĩ “khi chúng ta sắp mạng chung, A Di Đà Phật và các vị thánh chúng dùng hương, hoa đến nghênh đón tôi, khiến cho tâm tôi chẳng điên đảo, có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc”; có thể làm được hay không? Nếu quý vị dùng cái tâm tán loạn thì có thể vãng sanh hay không? Kinh A Di Đà nói rất rõ ràng: Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, cho đến bảy ngày, quý vị đắc nhất tâm bất loạn thì mới có thể vãng sanh. Có thể vãng sanh là do đắc nhất tâm bất loạn, chẳng thể vãng sanh là vì tâm quý vị tán mạn. Bản thân quý vị có tin tưởng chính mình hay không? Quý vị cho rằng chính mình có thể vãng

sanh hay không? Nói “ta chắc chắn có thể vãng sanh vì tâm chẳng tán loạn, ý không điên đảo”. Chẳng bị bệnh khổ bức bách, thì cái nguyện do quý vị đã phát sẽ có thể đạt được. Nếu trong lúc tám khổ cùng nung nấu, trong khoảng sanh tử, trong lúc ấy còn có thể [tâm chẳng điên đảo] như thế hay chăng?

Có một bài chú để cầu sanh Tịnh Độ là “*Ông, a-mi-rị-đạt đức-kiệt-cát-lạp hồng*” (Aum amṛta tejhara hūṃ) gồm mười chữ. Nếu trong lúc ấy, quý vị vẫn có thể niệm một câu “*Ông, a mi rị đạt đức kiệt cát lap hồng*” như vậy thì tuyệt đối sẽ có thể vãng sanh. Tới lúc nghiệp chướng hiện tiền, bài chú ấy chẳng hiện tiền! Thường ngày, quý vị niệm mười vạn lần? Chẳng có! Ba vạn lần? Chẳng có! Niệm một vạn lần? Chẳng có! Thậm chí một ngàn lần, có niệm một ngàn lần hay không? Chỉ là hằng ngày niệm “*Ông, a mi rị đạt đức kiệt cát lap hồng*” thì tuyệt đối có thể vãng sanh¹⁸. Tới lúc đó, nghiệp chướng hiện tiền, quên tuốt chú ngữ, chẳng niệm được! Quý vị thường ngày ắt phải dụng công để tiêu nghiệp chướng! Vì tới khi đó, nhất niệm tín tâm của quý vị chẳng thay đổi, dầu còn có nghiệp chướng, nhưng vẫn còn có thần chú của A Di Đà Phật gia trì quý vị. Đó gọi là “*đời nghiệp vãng sanh*”, hoàn toàn chẳng tiêu mất nghiệp chướng, mang theo nghiệp sanh về thế giới Cực Lạc. Khi quý vị đã vãng sanh, nghiệp chướng sẽ chẳng còn, nghiệp chướng đã tiêu mất. Do vậy, tín tâm của chúng ta nhất định phải kiên cố. Bất luận quý vị học một pháp nào, điều kiện đầu tiên là tín tâm phải kiên cố. Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta như vậy, cũng là để khiến cho chúng ta tin tưởng.

***(Kinh) Phục thứ, vị lai chi thời, nhược tại gia, nhược xuất gia
chư chúng sanh đẳng, dục cầu thọ thanh tịnh diệu giới, nhi tiên dĩ tác
tăng thượng trọng tội bất đắc thọ giả, diệc đương như thượng tu sám
hối pháp, linh kỳ chí tâm, đắc thân, khẩu, ý thiện tướng dĩ, tức ưng khả
thọ.***

¹⁸ Do thánh chúng đa số là người thích tu theo Mật Tông Tây Tạng, nên ở đây lão pháp sư nêu ra một cách tu liên quan đến chú ngữ. Xin đừng hiểu lầm phải trì chú này thì mới có thể vãng sanh. Nếu chỉ xét riêng về chú của A Di Đà Phật thì ngoài chú Vãng Sanh, còn có nhiều bài chú khác (chẳng hạn như riêng trong Đà La Ni Tập Kinh đã có mười mấy bài tâm chú của A Di Đà Phật). Ngài nhấn mạnh để được vãng sanh thì phải có sự hành trì chuyên nhất bằng cách trì chú (hay có thể hiểu rộng hơn là trì danh, trì kinh) hằng ngày để tâm chuyên nhất hướng về A Di Đà Phật, thì lúc lâm chung mới có thể nhớ Phật, theo Phật được. Điều này hoàn toàn nhất trí với tư tưởng chuyên chú thâm nhập một môn của chư vị tổ sư Tịnh Độ.

(經)復次，未來之時，若在家若出家諸衆生等，欲求受清淨妙戒，而先已作增上重罪不得受者，亦當如上修懺悔法，令其至心，得身口意善相已，即應可受。

(Kinh: Lại nữa, trong thời vị lai, nếu các chúng sanh tại gia hay xuất gia muốn cầu thọ diệu giới thanh tịnh, nhưng trước đó đã phạm trọng tội tăng thượng, cho nên chẳng được thọ, cũng nên tu pháp sám hối như trên đây, khiến cho chí tâm, đạt được thiện tướng nơi thân, miệng, ý rồi thì cũng đáng được thọ).

“Phục thứ vị lai” là Địa Tạng Bồ Tát lại nhắc nhở chúng ta vì trong thời Mạt Pháp, tức thời vị lai, các chúng sanh tại gia hay xuất gia muốn cầu diệu giới thanh tịnh như Tam Quy, Ngũ Giới, nhưng trong quá khứ đã phạm rất nhiều tội, chẳng có cơ hội thọ Tam Quy, Ngũ Giới. Mười giới, tám giới lại càng chẳng cần phải nói nữa! Tức là chẳng có cơ hội cho chúng ta được thọ diệu giới thanh tịnh. Thậm chí để thọ Tam Quy, Ngũ Giới, cũng phải tiêu diệt trọng tội. Nếu là trọng tội tăng thượng, quý vị có thể có cơ hội thọ giới hay không? Chẳng được, chẳng thọ được! Do quý vị đã tạo trọng tội tăng thượng, cho nên chẳng thể thọ giới; nhưng Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy chúng ta một phương tiện là tu pháp sám hối, hòng đạt được chí tâm và thiện tướng nơi thân, khẩu, ý. Chỉ cần phát xuất từ chí tâm thì sẽ đạt được. Hoặc là quý vị niệm Phật, niệm một câu A Di Đà Phật, quý vị phải chí tâm niệm. Chẳng chí tâm, sẽ chẳng linh nghiệm. Hễ đạt tới chí tâm thì sẽ linh, thọ giới bèn đắc giới, tiêu tai miễn nạn. Nếu quý vị đã diệt tội nạn thì tội nạn cũng tiêu.

(Kinh) Nhược bỉ chúng sanh dục tập Ma Ha Diễn đạo, cầu thọ Bồ Tát căn bản trọng giới, cập nguyện tổng thọ tại gia, xuất gia, nhất thiết cấm giới, sở vị Nhiếp Luật Nghi Giới, Nhiếp Thiện Pháp Giới, Nhiếp Hóa Chúng Sanh Giới, nhi bất năng đắc thiện hảo giới sư, quảng giải Bồ Tát pháp tạng, tiên tu hành giả, ưng đương chí tâm u đạo tràng nội, cung kính cúng dường, ngưỡng cáo thập phương chư Phật, Bồ Tát, thỉnh vì sư chứng, nhất tâm lập nguyện, xưng biện giới tướng. Tiên thuyết thập căn bản trọng giới, thứ đương tổng cử tam chủng giới tu, tự thệ nhi thọ. Thứ diệc đắc giới.

(經)若彼衆生欲習摩訶行道，求受菩薩根本重戒，及願總受在家出家一切禁戒，所謂攝律儀戒，攝善法戒，攝化衆生戒，而不能得善好戒師，廣解菩薩法藏，先修行者，應當至心於道場內，恭敬供養，仰告十方諸佛菩薩，請爲師證，一心立願，稱辯戒相。先說十根本重戒，次當總舉三種戒聚，自誓而受。此亦得戒。

(Kinh: Nếu các chúng sanh muốn tu tập đạo Ma Ha Diễn (Đại Thừa), cầu thọ căn bản trọng giới của Bồ Tát, và thọ chung hết thầy các giới cấm của hàng tại gia và xuất gia, tức là Nhiếp Luật Nghi Giới, Nhiếp Thiện Pháp Giới, và Nhiếp Hóa Chúng Sanh Giới, nhưng chẳng thể có một vị thầy truyền giới tốt lành, thông hiểu rộng rãi Bồ Tát pháp tạng, thì người tu hành trước hết hãy nên chí tâm ở trong đạo tràng, cung kính cúng dường, bái bạch với mười phương chư Phật, Bồ Tát, thỉnh các Ngài làm thầy chứng minh, nhất tâm lập nguyện tuyên đọc, biện định giới tướng. Trước hết, nói mười căn bản trọng giới; kế đó, nêu chung ba loại giới tu, tự thệ thọ trì. Như thế thì cũng đắc giới).

Nếu các chúng sanh muốn học đạo Ma Ha Diễn, Ma Ha Diễn (Mahāyāna) dịch là Đại Thừa đạo. [Người đó] muốn học kinh điển Đại Thừa, hay mong thọ trọng giới của hàng Bồ Tát. Các đạo hữu chúng ta đều đồng thời thọ Bồ Tát Giới, rất nhiều vị đã thọ Bồ Tát Giới. Chẳng thể nào không phạm Bồ Tát Giới! Đặc biệt là đối với mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh, quý vị vừa động niệm đã phạm giới, hoàn toàn khác hẳn giới tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, Tam Quy, Ngũ Giới. Tam Quy, Ngũ Giới, cho đến tám giới, mười giới, tỳ-kheo giới, tỳ-kheo-ni giới đều xét theo sự tướng, quý vị có trái phạm [bằng hành động cụ thể] thì mới tính là rớt ráo phạm tội. Bồ Tát Giới khác hẳn! Bồ Tát Giới là Lý, quý vị vừa động niệm liền phạm giới, chẳng đợi tạo thành sự thật. Vì đây là tâm giới, tâm giới là tâm phạm: Chỉ cần vừa khởi tâm động niệm, quý vị đã phạm giới. Bọn phạm phu chúng ta có thể chẳng khởi tâm động niệm ư? Chẳng làm được! Bất quá “*giới luật*” là nói chung, vì Nhiếp Luật Nghi Giới là các quy củ về đi, đứng, ngồi, nằm. Nhiếp Thiện Pháp Giới biện định thiện pháp hay ác pháp. Giới tự này sâu hơn vì ý nghĩa thiện pháp và ác pháp sâu hơn so

với Luật Nghi Giới. Bồ Tát Giới là Hóa Chúng Sinh Giới (化衆生戒, các giới nhằm hóa độ chúng sanh), phương tiện thiện xảo để hóa độ chúng sanh trong ấy khá nhiều, nhưng quý vị cử tâm động niệm có phù hợp tâm đại bi, có phù hợp tâm đại từ hay không? Giới tụ này phân tích, chú trọng chí tâm. “*Chí tâm*” là quý vị chế tâm nhất xứ, vì tâm thành khẩn chẳng có vọng niệm.

Trong đoạn kinh văn này, Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy chúng ta: Nếu quý vị muốn nhiếp thọ Bồ Tát Giới, hoặc là đắc thọ căn bản giới, cho đến Tam Quy, Ngũ Giới, quý vị thỉnh thầy chứng minh. Thầy là ai? Mười phương chư Phật, Bồ Tát. Thỉnh mười phương chư Phật, Bồ Tát tới chứng minh cho quý vị. Quý vị phải phát nguyện, nhất tâm lập nguyện, chú trọng nơi nhất tâm. Trong phần sau, chúng tôi sẽ chuyên nói về nhất tâm. Liễu giải rõ ràng giới tướng tức là “*xưng biện giới tướng*” (稱辯戒相). Trước hết, nói mười giới căn bản [trong Phạm Võng Bồ Tát Giới], đó gọi là “*trọng giới*”. Sau đó, nói bốn mươi tám giới khinh, các giới ấy được gọi là “*khinh giới*”. Khinh lẫn trọng đều trọn đủ, vì thân, khẩu, ý đều trọn đủ, đối trước Phật chính mình phát nguyện tự thọ. “*Tự thọ giới*” là đối trước tượng Phật, hoặc tượng Bồ Tát, hoặc đối trước tượng Địa Tạng, chẳng có sư phụ truyền giới cho ta. Tìm chẳng được một vị thầy truyền giới cho ta, quý vị đối trước Phật tự thọ, nhưng phải chí tâm. Địa Tạng Bồ Tát nói theo phương tiện thiện xảo: Nếu quý vị có thể chí tâm đối trước Phật thọ giới thì cũng đắc giới. Đó là thọ giới pháp Đại Thừa. Nếu quý vị mong hành Bồ Tát đạo, ắt cần phải thọ Bồ Tát Giới. Thân, khẩu, ý tam tụ tịnh giới, tức là Nhiếp Luật Nghi Giới, Nhiếp Thiện Pháp Giới, và Nhiều Ích Hữu Tình Giới. Bồ Tát phải thọ Nhiều Ích Hữu Tình, tức là lợi ích chúng sanh. [Giới tụ] lợi ích chúng sanh có mười giới trọng và bốn mươi tám giới khinh. Đó gọi là Bồ Tát Giới, chính là các giới lợi ích chúng sanh. Thông thường, người tại gia có hai tụ tịnh giới, còn người xuất gia là năm tụ tịnh giới.

Phải chuyên giảng đôi chút về Đại Thừa Ma Ha Diễn. Chúng ta phát Bồ Đề tâm, muốn hành Bồ Tát đạo. Phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo thì quý vị phải thọ Bồ Tát Giới. Thọ Bồ Tát Giới thì phải nên thọ căn bản trọng giới của hàng Bồ Tát. Đã thọ giới thì phải trì giới, đặc biệt là Nhiếp Thiện Pháp Giới thấu nhiếp hết thảy các thiện pháp. “*Nhiếp*” (攝) có nghĩa là nhiếp thọ (攝受, gồm thấu, nắm giữ), bố thí tất cả thiện pháp cho hết thảy chúng sanh. Đó là nói theo phương diện hành thiện, nói theo phương diện làm chuyện tốt. Nhưng nếu quý vị muốn lợi ích hết thảy

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chúng sanh, điều đầu tiên là phải [hành trì] Nhiếp Luật Nghi Giới. Bồ Tát có Bồ Tát luật nghi, vì Nhiếp Luật Nghi Giới bao gồm hết thấy những quy chế, ngăn cấm dành cho Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa, bao gồm hết thấy các phương tiện “ngăn ác, làm lành”. Đó là Nhiếp Luật Nghi Giới. Thâu nhiếp hết thấy thiện pháp, hết thấy các thiện pháp đều bố thí cho hết thấy chúng sanh [là Nhiếp Thiện Pháp Giới]. Nhiếp Hóa Chúng Sanh Giới (Nhiều Ích Hữu Tình Giới) tức là mong hóa độ chúng sanh thì đức Phật cũng chế định giới luật. Nếu quý vị muốn độ hết thấy chúng sanh, nguyện cho hết thấy chúng sanh đều thành Phật, điều trước tiên, phải trọn đủ hết thấy các giới.

Chẳng có một vị giới sư thanh tịnh, [tức là] chẳng tìm được một vị thầy truyền giới thanh tịnh. Chẳng hiểu giới pháp, sẽ chẳng thể truyền trao giới. Đó gọi là vị giới sư thanh tịnh. Trong giới luật có nói, nếu vị giới sư chẳng thanh tịnh thì vị ấy chẳng được truyền giới, thuyết pháp. Ngẫu Ích đại sư muốn thọ giới, Ngài quan sát, chẳng tìm thấy năm vị giới sư thanh tịnh trong Nam Diêm Phù Đề, chẳng có, chẳng thể được. Ngài tìm trong Đại Tạng Kinh, mới tìm được kinh [Chiêm Sát] Thiện Ác Nghiệp Báo. Trước kia, chẳng có ai nói kinh này, bắt đầu từ Ngẫu Ích đại sư, Ngài tìm được [kinh này] từ Đại Tạng Kinh. Đã tìm được, Ngài bèn dựa theo kinh [Chiêm Sát] Thiện Ác Nghiệp Báo để bái sám, lạy Chiêm Sát Sám, đạt được luân tướng thanh tịnh, bèn đắc giới. Nhưng Ngài chẳng biết cách chế tạo Chiêm Sát Luân. Do đó, pháp này chẳng thể truyền bá. Mãi cho đến thời Hoàng Nhất đại sư, Hoàng Nhất đại sư chuyên hoằng dương những giáo nghĩa của Ngẫu Ích đại sư. Ngài tra cứu mới chế tạo Chiêm Sát Luân, mới phát nguyện hoằng dương kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Ngài chế tạo Chiêm Sát Luân, nhưng chẳng giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Ngẫu Ích đại sư có soạn một bộ Chiêm Sát Nghĩa Sớ cho kinh Chiêm Sát. Ngoài bản chú giải ấy ra, chẳng có bản chú giải nào khác!

Ở đây, [Bồ Tát] bảo chúng ta: Hành thiện thuộc về Nhiếp Thiện Pháp Giới, gồm thâu hết thấy các giới thuộc về thiện pháp. Trong hành thiện, cũng có quy củ để làm lành. Chúng ta làm chuyện tốt, phạm sai lầm mà vẫn chẳng biết. Làm chuyện tốt thì cũng có quy luật để làm chuyện tốt. Đó gọi là Nhiếp Thiện Pháp Giới. Trong giới luật đã nói rất rõ ràng. Khi quý vị hành bố thí, nhiếp thọ chúng sanh, tâm quý vị có tạp niệm hay không? Tâm có thanh tịnh hay chẳng? Điều này có mối quan hệ hết sức to lớn; do vậy, ắt cần phải nghĩ đến. Đồng thời phải hộ niệm chính mình. Như chúng ta đã vô duyên vô cớ tổn thương, sát hại chúng sanh, mà chính

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

quý vị chẳng biết. Thí dụ như sáng dậy, chúng ta vừa bước đi, quý vị biết dưới chân của chính mình đã đạp chết mấy con trùng nhỏ, nhục nhãn của ta có thấy các tiểu sanh mạng bé tí hay không? Điều này có nghĩa là sáng ra, vừa bắt đầu bước đi, quý vị phải niệm bài kệ: *“Tùng triều Dần đán trực chí mộ, nhất thiết chúng sanh tự hồi hộ, nhược ư túc hạ táng kỳ hình, nguyện nhữ tức thời sanh Tịnh Độ”* (Từ sáng giờ Dần đến tối sẫm, hết thấy chúng sanh tự giữ mình, nếu bị mất mạng dưới chân ta, nguyện người lập tức sanh Tịnh Độ). Niệm nào cũng đều quán tưởng đưa các chúng sanh về thế giới Cực Lạc. Vì quý vị chẳng biết chính mình có tổn thương chúng nó hay không? Sáng sớm phải niệm trước bài kệ ấy; sau đó, mới xuống giường, xỏ giày bước đi. Giả sử nói “đã lỡ làm đạp chết chúng, bèn đưa chúng nó về thế giới Cực Lạc, nguyện người lập tức sanh Tịnh Độ”, quý vị có sức mạnh ấy hay không? Chẳng phải do sức của quý vị, mà là do sức của hết thấy chư Phật. Quý vị niệm bài kệ ấy, nhờ vào sức của chư Phật và Bồ Tát để biểu thị quý vị niệm nào cũng lợi ích chúng sanh, niệm nào cũng đều chẳng tổn thương chúng sanh. Do quý vị niệm bài kệ này, sẽ cảm nhận sức gia trì của chư Phật, Bồ Tát.

Bài kệ này là do Văn Thù Bồ Tát nói trong phẩm Tịnh Hạnh của kinh Hoa Nghiêm. Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta: Sáng sớm quý vị thức dậy, khi xỏ giày sắp bước đi, ngàn vạn phần phải chú ý, trước hết hãy niệm bài chú này một lượt, tức bài chú trong kinh ấy, từ sáng sớm mãi cho đến tối, cho đến lúc quý vị lên giường ngủ, chẳng đi lại nữa mới thôi. *“Tùng triều Dần đán trực chí mộ, nhất thiết chúng sanh giai hồi hộ, nhược ư túc hạ táng kỳ hình, nguyện nhữ tức thời sanh Tịnh Độ”*. Đó là đã nguyện, lại còn là hạnh. Tịnh Hạnh là đại nguyện, tức là đại nguyện của Văn Thù Bồ Tát, gồm tất cả một trăm bốn mươi điều, quý vị có thể niệm cho đến khi thành Phật. Thiện Tài đồng tử tham bái Di Lặc Bồ Tát xong, Di Lặc Bồ Tát lại dạy đồng tử trở lại tham yết ngài Văn Thù. Văn Thù Bồ Tát dạy đồng tử niệm điều này (các nguyện trong phẩm Tịnh Hạnh) rồi mới cho phép đến tham bái Phổ Hiền Bồ Tát. Do trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo có rất nhiều kệ tụng của Hoa Nghiêm, cho nên pháp sư Hoằng Nhât phán định kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo là Đại Thừa, chẳng phải Tiểu Thừa, chẳng phải là như các thứ bói toán, phê bát tự, xú quả bình phạm! Tuyệt đối chớ nên lầm lẫn, vì pháp này và các thứ ấy chẳng tương đồng. Pháp này là tâm pháp, là tâm địa pháp môn vì khéo dùng cái tâm.

(Kinh) Phục thứ, vị lai thế chư chúng sanh đẳng, dục cầu xuất gia, cập dĩ xuất gia, nhược bất năng đắc thiện hảo giới sư, cập thanh tịnh Tăng chúng, kỳ tâm nghi hoặc, bất đắc như pháp, thọ u cấm giới giả, dẫn năng học phát vô thượng đạo tâm, diệc linh thân, khẩu, ý đắc thanh tịnh dĩ, kỳ vị xuất gia giả, ưng đương thế phát, bị phục pháp y, như thượng lập nguyện, tự thế nhi thọ Bồ Tát luật nghi tam chủng giới tu, tắc danh “cụ hoạch Ba La Đề Mộc Xoa xuất gia chi giới”, danh vị tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni. Tức ưng thôi cầu Thanh Văn Luật Tạng, cập Bồ Tát sở tập Ma Đức Lạc Già Tạng thọ trì, đọc tụng, quán sát, tu hành.

(經)復次，未來世諸衆生等，欲求出家，及已出家，若不能得善好戒師，及清淨僧衆，其心疑惑，不得如法，受于禁戒者，但能學發無上道心，亦令身口意得清淨已，其未出家者，應當剃髮，被服法衣，如上立願，自誓而受菩薩律儀三種戒聚，則名「具獲波羅提木叉出家之戒」，名爲比丘，比丘尼。即應推求聲聞律藏，及菩薩所習摩德勒伽藏，受持讀誦，觀察修行。

(Kinh: Lại nữa, các hàng chúng sanh trong đời vị lai, muốn cầu xuất gia, và đã xuất gia, nếu chẳng thể có được một vị thầy truyền giới tốt lành và Tăng chúng thanh tịnh, tâm ngờ vực [chính mình] chẳng được thọ giới cấm đúng như pháp, chỉ nên học phát vô thượng đạo tâm, cũng như khiến cho thân, miệng, ý đạt được thanh tịnh rồi, nếu là kẻ chưa xuất gia, hãy nên xuống tóc, mặc khoác pháp y, giống như trên mà lập nguyện, tự thế nhận lãnh ba loại giới tu trong Bồ Tát luật nghi, thì được gọi là “thọ trọn đủ giới Ba La Đề Mộc Xoa xuất gia”, được gọi là tỳ-kheo hay tỳ-kheo-ni. Hãy nên tìm cầu Thanh Văn Luật Tạng, và Ma Đức Lạc Già Tạng (Māṭṛkā)¹⁹ do Bồ Tát tu tập để thọ trì, đọc tụng, quán sát tu hành).

¹⁹ Ma Đức Lạc Già Tạng còn phiên âm là Ma Đát Lý Ca, Ma Trát Lý Ca, Ma Đề Lợi Ca, Ma Đắc Lạc Già, Mục Đắc Ca, Ma Di Di v.v... dịch nghĩa là Mẫu, Mẫu Kinh, Bồn Mẫu, Trí Mẫu, Trì Mẫu, Hành Mẫu, Luận Mẫu, Hành Cảnh Giới v.v... thường dùng để chỉ các khái niệm trọng yếu trong Luận Tạng với hàm nghĩa “những điều cốt lõi được nhắc đi, nhắc lại trong kinh luận nhằm xiển minh giáo nghĩa chân chánh của đức Phật”. Hiểu theo nghĩa rộng, Ma Đức Lạc Già gồm hai thứ:

Địa Tạng Bồ Tát lại nói: - Lại nữa, chúng sanh trong đời mai sau muốn cầu xuất gia, chúng sanh trong vị lai phát tâm mong rời khỏi trần thế, mong xuất gia, hoặc là đã xuất gia mà nói: “Bọn tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni chúng ta mong cầu đắc giới, nhưng chẳng có vị thầy tốt lành thanh tịnh”. Thời Mạt Pháp, tại Nam Diêm Phù Đề vào đời Minh, Ngẫu Ích đại sư tìm năm vị tỳ-kheo thanh tịnh mà chẳng có, tuy thọ giới mà chẳng thành tựu giới. Hiện thời, khi truyền giới trong thời Mạt Pháp, cũng có rất nhiều điều chẳng vâng theo chế định của đức Phật! Đức Phật quy định “*hai mươi tuổi mới có thể thọ giới*”, nhưng chúng ta phương tiện thiện xảo vẫn có thể cho phép “*mượn tuổi*” [nếu xét thấy giới tử đủ tư cách thọ đại giới]. Chẳng hạn như tôi xuất gia, tôi mới mười sáu tuổi, thọ giới tỳ-kheo như thế nào? Đắc giới hòa thượng cho tôi “mượn” một tuổi, hòa thượng truyền giới cho tôi “mượn” một tuổi nữa, đại sư phụ cho tôi “mượn” một tuổi nữa, vị lãnh đạo của tôi, tức vị dẫn lễ sư cho tôi “mượn” một tuổi, liền đầy đủ hai mươi tuổi! Có thể “mượn” được hay không? Đó gọi là “*bịt mũi, bưng mắt*” để mắt khỏi trông thấy, mũi chẳng ngửi thấy là được rồi. Trên thực tế, chẳng thể đắc giới! Trong Nam Thiệm Bộ Châu, tìm năm vị tỳ-kheo thanh tịnh, tìm không ra! Ngẫu Ích đại sư cũng mong đắc thanh tịnh giới, cho nên Ngài tìm tòi trong Đại Tạng Kinh, tìm ra kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, nương theo kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo để phát vô thượng đạo tâm, chiêm sát thì dùng Chiêm Sát Luân để đạt được ba nghiệp thanh tịnh. Địa Tạng Vương Bồ Tát là đắc giới hòa thượng, Địa Tạng Vương Bồ Tát cũng là dẫn lễ sư. Địa Tạng Bồ Tát cũng là tam sư, thất chứng²⁰, và dẫn lễ sư, một mình Địa Tạng Bồ Tát đảm

1. Tỳ Nại Da Ma Đát Lý Ca tức phân cương mục quy chế của các giới luật mà các tỳ-kheo phải nắm vững, tuân thủ.

2. A Tỳ Đạt Ma Luận Thư.

Ngoài ra, đôi khi chữ Ma Đức Lạc Già còn dùng để chỉ riêng các kinh sách thuộc thể loại Ưu Bà Đề Xá (Luận Nghị) trong Luận Tạng.

²⁰ Tam sư thất chứng, hay còn gọi là Thất Sư. Khi thọ Cụ Túc Giới, giới đàn ắt phải có đủ mười vị giới sư này. Tam sư là:

1. Giới Hòa Thượng là vị hòa thượng truyền giới luật cho các giới tử. Vị này là chỗ quy kính cho toàn thể giới tử, nên phải là bậc đạo đức, có giới lạc (số năm tính từ khi thọ Cụ Túc Giới) tối thiểu là mười năm trở lên, nghiêm trì giới luật, có trí huệ.

2. Yết Ma Sư là vị A Xà Lê đảm nhiệm tuyên đọc các bản văn Yết Ma, chủ trì nghi thức bạch Tứ Yết Ma để truyền giới. Vị Yết Ma Sư phải có giới lạc tối thiểu là năm năm trở lên.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

nhiệm. Quý vị niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, sử dụng chiêm sát luân tướng, Chiêm Sát Luân thể hiện ba nghiệp thanh tịnh thì quý vị đắc giới. Địa Tạng Bồ Tát dạy như vậy đây!

Hễ tâm quý vị có điều nghi hoặc, [lo ngại chính mình] chẳng thể đúng như pháp thọ giới cấm, vậy thì quý vị làm như thế nào? Trước hết, quý vị học phát vô thượng đạo tâm. Vô thượng đạo tâm, nói đơn giản là “*phát Bồ Đề tâm*”, khiến cho thân, miệng, ý của quý vị thanh tịnh. Phát Bồ Tát tâm; khi ấy, thân, miệng, ý thanh tịnh, chưa xuất gia bèn có thể xuống tóc xuất gia; đã xuất gia thì quý vị phải lập nguyện, lập nguyện gì vậy? Tự thệ, tức chính mình phát thệ, nguyện nhận lãnh Bồ Tát Giới, thọ Tam Tụ Tịnh Giới (Nhiếp Luật Nghi Giới, Nhiếp Thiện Pháp Giới, Nhiêu Ích Hữu Tình Giới). Khi đó, trọn đủ giới xuất gia Ba La Đề Mộc Xoa (Prātimokṣa), được coi như là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni. Sau đây, đã thọ xong bèn học Tỳ Ni Luật Tạng, và Bồ Tát Ma Đức Lạc Già Tạng, thọ trì, đọc tụng, quan sát, tu hành. Giới tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni thuộc về thanh tịnh Tăng, khi thọ giới là tôn quý nhất, vô thượng nhất, đạt tới mức độ nào? Là bậc thầy gương mẫu của trời lẫn người. Cho đến khi quý vị gieo luân tướng, đạt được luân tướng thanh tịnh, Địa Tạng Vương Bồ Tát truyền trao tam đàn đại giới cho quý vị, [tam đàn là các giới đàn] Sa Di, tỳ-kheo, và Bồ Tát.

Bất quá, đối với vấn đề này, trong Du Già Sư Địa Luận cũng nói như vậy. Thời Tượng Pháp đã qua, trong thời kỳ Mạt Pháp, mong thọ giới hết sức khó khăn, vì không có giới sư thanh tịnh, cho nên quý vị thực hiện vô tác, vô luật, để thọ lãnh vô tác luật nghi. Nhưng trong tâm quý vị chớ nên hoài nghi. Nếu hoài nghi giới sư tức vị thầy truyền giới chẳng thanh tịnh, hoài nghi thanh chúng tham dự truyền giới cho quý vị chẳng thanh tịnh, quý vị sẽ chẳng thể đắc giới. Vì thế, Địa Tạng Bồ Tát hành phương tiện thiện xảo, Ngài lại dạy chúng ta: Nếu quý vị muốn đắc giới mà chẳng có vị thầy truyền giới, quý vị làm như thế nào? Địa Tạng Bồ Tát dạy: Hãy

3. Giáo Thọ Sư là vị thầy truyền dạy oai nghi tác pháp (cử hành các pháp tác), là người hướng dẫn đại chúng. Vị này cũng phải có giới lập từ năm năm trở lên.

Thất Chứng là bảy vị tỳ-kheo đóng vai trò chứng minh trong đàn truyền giới.

Vai trò của vị Dẫn Lễ Sư khá nặng nề, có thể nói đại lược vị này (thường có hai vị) đóng vai trò điều khiển các lễ tiết và nghi thức trong đàn truyền giới từ cung an chức sự (cung thỉnh các vị Tăng đảm nhiệm chức trách trong đàn truyền giới), cung thỉnh các vị tôn chứng nhập giới đàn, cung tiễn, cử tán phạm bái, hướng dẫn nghi lễ cho các giới tử v.v... Vị này phải thông hiểu phạm bái và giới điển, quan trọng nhất là có đạo hạnh, oai nghi đáng kính để đại chúng tuân phục.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

quỳ trước Phật, lạy Chiêm Sát Sám. Bái sám chẳng tu chi khác, chuyên cầu đắc giới. Đó gọi là “*cầu giới bái*” (lạy để cầu giới), chuyên môn cầu đắc giới. Khi đó, phải phát vô thượng đạo tâm; vô thượng đạo tâm là Bồ Đề tâm.

Vô thượng đạo tâm là phát tâm thành Phật. Nhưng quý vị gieo luân tương thuộc về ba nghiệp thân, miệng, ý, nếu luân tương của cả ba nghiệp đều thanh tịnh, ta (Địa Tạng Bồ Tát) sẽ cho quý vị thọ giới. Địa Tạng Bồ Tát nói luân tương nơi ba nghiệp của quý vị đều đã lạy đến mức thanh tịnh, nếu chưa xuất gia thì có thể xuống tóc, có thể khoác pháp y. Địa Tạng Bồ Tát nhận quý vị làm đồ đệ, truyền trao tam đàn đại giới cho quý vị. Thế nhưng chẳng thể giả mạo luân tương đã đạt được thanh tịnh, tuyệt đối phải lạy sao cho ba nghiệp thanh tịnh. Đó gọi là “*tự thọ giới*”. Ngẫu Ích đại sư tự thọ giới như thế, cho nên Ngài đề xướng Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Đó là duyên khởi thọ giới của Ngài.

(Kinh) Nhược tuy xuất gia, nhi kỳ niên vị mãn nhị thập giả, ưng đương tiên thệ nguyện thọ thập căn bản giới, cập thọ Sa Di, Sa Di Ni sở hữu biệt giới. Ký thọ giới dĩ, diệc danh Sa Di, Sa Di Ni. Tức ưng thân cận, cúng dường, cấp thị tiên cụ xuất gia, học Đại Thừa tâm, cụ thọ giới giả, cầu vị y chỉ chỉ sư, thỉnh vấn giáo giới, tu hành oai nghi, như Sa Di, Sa Di Ni pháp.

(經)若雖出家，而其年未滿二十者，應當先誓願受十根本戒，及受沙彌沙彌尼所有別戒。既受戒已，亦名沙彌沙彌尼。即應親近供養，給侍先舊出家，學大乘心，具受戒者，求為依止之師，請問教戒，修行威儀，如沙彌沙彌尼法。

(Kinh: Nếu tuy xuất gia mà tuổi chưa tròn hai mươi, trước hết, hãy nên thệ nguyện thọ mười giới căn bản và tất cả các giới riêng của Sa Di hoặc Sa Di Ni. Đã thọ giới rồi, hãy nên thân cận, cúng dường, hầu hạ vị đã xuất gia trước, có tâm học Đại Thừa, đã thọ giới Cụ Túc, cầu vị ấy làm thầy y chỉ để thưa hỏi, hòng được răn dạy oai nghi tu hành đúng như pháp của Sa Di và Sa Di Ni).

Nếu tuy xuất gia, tuy đã xuất gia rồi, nhưng chưa đầy hai mươi tuổi, vẫn chưa đến hai mươi tuổi, khi đó, chỉ có thể phát nguyện, chẳng thể thọ [Cụ Túc] giới. Trước hết, phát nguyện thọ mười giới của Sa Di

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

(Śrāmaṇera), gồm mười giới căn bản, hoặc là thọ giới Sa Di Ni (Śrāmaṇeri). Kinh đặc biệt chỉ ra: Đối với biệt giới của Sa Di Ni cũng thế, cũng dùng cách gieo luân tương để thọ giới Sa Di hoặc giới Sa Di Ni. Chỉ cần vâng theo kinh Chiêm Sát để thọ giới thì cũng được gọi là Sa Di hay Sa Di Ni. Nhưng phải nên cúng dường, hầu hạ vị đã xuất gia trước, tức vị đã thọ Cụ Túc Giới, có tâm học Đại Thừa. Ở đây nói rất rõ ràng, “*có tâm học Đại Thừa*”, chẳng thể học theo người Tiểu Thừa. Đối với người có tâm học Đại Thừa sẽ làm gì? Chỉ có nương theo vị ấy, tôn vị ấy làm Y Chỉ Sư cho quý vị. Nếu quý vị xuất gia mà có Y Chỉ Sư thì trong vòng năm năm, phải nương tựa vị thầy ấy, chẳng thể rời khỏi thầy, tùy lúc mà xin thầy răn dạy nghi quỹ tu hành như thế nào, trì giới Sa Di hoặc giới Sa Di Ni như thế nào, để thầy tùy dịp dạy bảo quý vị. Nhưng nương theo Địa Tạng Vương Bồ Tát để thọ giới, nếu tuổi chưa tròn hai mươi, Địa Tạng Vương Bồ Tát cũng chẳng truyền [giới Cụ Túc] cho quý vị, quý vị chẳng thể coi là tỳ-kheo hay tỳ-kheo-ni được! Quý vị ít phải tròn hai mươi tuổi [trở lên]. Trước hết, quý vị có thể thọ mười giới căn bản, hoặc biệt giới của Sa Di Ni, có thể thọ Bồ Tát Giới, nhưng vẫn là Sa Di hay Sa Di Ni. Nếu ta chỉ thọ Bồ Tát Giới thì chỉ có thể là tại gia cư sĩ, chứ không thể coi là người xuất gia được. Chẳng thọ giới tỳ-kheo, mà thọ Bồ Tát Giới thì chẳng thể coi là người xuất gia. Phải thọ giới tỳ-kheo hay tỳ-kheo-ni thì mới có thể tính là tỳ-kheo hay tỳ-kheo-ni. Nếu ta đã xuất gia mà chưa tròn hai mươi tuổi, sẽ chẳng thể thọ [Cụ Túc] giới, vì có thọ giới cũng chẳng đắc giới! Do đó, đối với vấn đề xuất gia, thọ giới, và oai nghi, Ngẫu Ích đại sư hết sức coi trọng.

Đồng thời, quý vị nương theo kinh luật, nương theo phương thức này để thọ giới. Để thọ giới thì trước hết phải thân cận, cúng dường Tam Bảo. Trước tiên, quý vị phải phát đạo tâm, phải tìm một vị thầy học Đại Thừa, vị ấy đã thọ Cụ Túc Giới để thân cận, cúng dường. Điều này có nghĩa là nếu có vị xuất gia sớm hơn mình, đã [xuất gia] tròn mười năm, học Đại Thừa, quý vị có thể tôn người như vậy làm sư phụ, để thân cận, cúng dường, theo vị ấy xuất gia. Đừng nương theo người xuất gia Tiểu Thừa, ba nghiệp thân, khẩu, ý của quý vị thường cung kính vị ấy. Sự phát tâm ở đây có sự khác biệt rất lớn, phát đại đạo tâm và chẳng phát đại đạo tâm, hai đẳng đều có sự khác biệt. Phát Bồ Đề tâm thì là Bồ Tát tỳ-kheo. Phát tâm và chẳng phát tâm, Bồ Tát là gì, phàm phu là gì, đó là sự khác biệt nơi phát tâm. Người đã phát Bồ Đề tâm thì là Bồ Tát. Kẻ chưa phát Bồ Đề tâm thì là phàm phu.

Tập 8

(Kinh) Nhược bất năng trị như thị chi nhân, duy đương thân cận Bồ Tát sở tu Ma Đức Lạc Già Tạng, độc tụng, tư duy, quán sát, tu hành. Ứng cần cúng dường Phật, Pháp, Tăng Bảo.

(經)若不能值如是之人，唯當親近菩薩所修摩德勒伽藏，讀誦思惟，觀察修行。應勤供養佛法僧寶。

(Kinh: Nếu chẳng thể gặp người như thế, chỉ nên thân cận Ma Đức Lạc Già Tạng do Bồ Tát tu tập để đọc tụng, tư duy, quán sát, tu hành. Hãy nên siêng cúng dường Phật, Pháp, Tăng Bảo)

Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Thời Mạt Pháp, các tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni đều chẳng dựa theo giới luật để cư xử, vì người chưa đủ hai mươi tuổi đã được thọ giới, học giới! Đã thọ giới rồi lại chẳng hề đọc Luật Tạng. Theo như tôi biết, từ những sự từng trải của tôi thì đại đa số là như thế đó. Trước khi thọ giới, thậm chí thọ Sa Di Giới mà chẳng học giới Sa Di, thọ giới tỳ-kheo mà chẳng học giới tỳ-kheo. Trước khi quý vị thọ giới tỳ-kheo, không thể xem [giới bản của] giới tỳ-kheo, vì điều này do đức Phật chế định. Hãy nên xem Luận Tạng và học các bộ luận, nhưng nếu quý vị đã thọ giới tỳ-kheo thì phải nên xem Luật Tạng. Hiện thời, chúng ta bất luận thọ giới tỳ-kheo hay chưa, các thầy xem giới luật, đọc Luật Tạng rất ít.

(Kinh) Nhược Sa Di Ni niên dĩ thập bát giả, diệc đương tự thệ thọ Tỳ Ni Tạng trung Thức Xoa Ma Na lục giới chi pháp, cập biến học tỳ-kheo-ni nhất thiết giới tự. Kỳ niên nhược mãn nhị thập thời, nãi khả như thượng tổng thọ Bồ Tát tam chủng giới tự.

(經)若沙彌尼年已十八者，亦當自誓受毗尼藏中式叉摩那六戒之法，及遍學比丘尼一切戒聚。其年若滿二十時，乃可如上總受菩薩三種戒聚。

(Kinh: Nếu Sa Di Ni đã mười tám tuổi, cũng nên tự thệ thọ sáu giới pháp của Thức Xoa Ma Na trong Tỳ Ni Tạng (Luật Tạng), và học trọn khắp hết thầy các giới tự của tỳ-kheo-ni. Khi tuổi đã tròn hai mươi, bèn có thể thọ chung ba loại giới tự của Bồ Tát như đã nói trên đây).

Địa Tạng Bồ Tát nói nếu Sa Di, Sa Di Ni đã tròn mười tám tuổi, hãy nên học giới Thức Xoa Ma Na (Śikṣamāṇā), tức là Học Pháp Nữ. Nhưng do [Sa Di Ni] chỉ thọ giới tỳ-kheo-ni, hãy nên học giới luật của tỳ-kheo-ni. Thoạt đầu, phải học ba năm, Sa Di cũng như thế, tỳ-kheo cũng như thế. Khi đã tròn hai mươi tuổi, trong nước ta, trên thế giới này, quý vị tròn hai mươi tuổi thì tam đàn đại giới cùng thọ. Thời đức Phật chẳng phải là như thế, tròn hai mươi tuổi chỉ có thể thọ giới tỳ-kheo, [người muốn thọ] Bồ Tát Giới thì chỉ thọ Bồ Tát Giới.

(Kinh) Nhiên hậu, đắc danh tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni.

(經)然後，得名比丘比丘尼。

(Kinh: Sau đó được gọi là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni).

Sau khi quý vị đã thọ giới [Cụ Túc] thì mới có thể gọi là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni. Hiện thời, có rất nhiều Sa Di xưng bừa là tỳ-kheo, chưa thọ giới mà đã đắp y, có đại chúng tỳ-kheo tùy tùng. Có kẻ mạo nhận là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, chẳng thọ giới mà cũng ở chung với Tăng chúng; đây là phi pháp. Do vậy, Địa Tạng Bồ Tát nói tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni, Sa Di và Sa Di Ni nếu tròn mười tám tuổi thì hãy nên học pháp. Đặc biệt là Sa Di Ni, khi tròn mười tám tuổi, phải học sáu giới pháp²¹ của Thức Xoa Ma Na. Chưa thọ giới thì có thể học nghi quỹ của giới luật, tròn hai mươi tuổi mới có thể thọ giới. Hiện thời, chẳng phải vậy, vì có rất nhiều điều thực hiện chẳng đúng pháp. Nếu tròn hai mươi tuổi, theo đúng pháp thọ giới, theo đúng pháp học giới, đó mới được coi là tỳ-kheo và tỳ-kheo-ni. Nếu chẳng thọ giới, mà vẫn ở chung với đại chúng Tăng, đặc biệt là làm Phật sự. “Phật sự” như chúng tôi nói, thông thường là bán sớ, họ chẳng phân biệt, cứ trà trộn vào Tăng số. Vì làm Phật sự, ít cần phải có bảy vị tỳ-kheo, hoặc tỳ-kheo ni; do chẳng đủ bảy người, Sa Di, hoặc Sa Di Ni cũng tham gia làm Phật sự trong ấy. Đó là phi pháp. Chúng ta biết chuyện này là được rồi. Khi quý vị học giới thì được, chứ nếu nói phổ biến, họ sẽ chẳng tiếp nhận cách nói này của chúng ta. Vì đây là lời đức Phật dạy, chiếu theo quy định trong giới luật thì phải nên làm như thế, đa số là

²¹ Sáu pháp này là các pháp tăng thêm như một bước chuẩn bị cho Cụ Túc Giới ngoài bốn trọng giới căn bản (giết, trộm, dâm, dối). Sáu pháp ấy là chẳng tiếp xúc với người nam có tâm ô nhiễm, chẳng cầm hơn năm đồng, chẳng giết các sanh vật, không nói dối chút nào, không ăn trái thối, và không uống rượu.

chẳng chiếu theo giới để làm! Do vậy, đức Phật gọi hiện thời là Mạt Pháp, Địa Tạng Bồ Tát cũng nói trong thời Mạt Pháp thì làm như thế.

(Kinh) Nhược bỉ chúng sanh tuy học sám hối, bất năng chí tâm, bất hoạch thiện tướng giả, thiết tác thọ tướng, bất danh đắc giới.

(經)若彼衆生雖學懺悔，不能至心，不獲善相者，設作受想，不名得戒」。

(Kinh: Nếu các chúng sanh ấy tuy học sám hối, nhưng chẳng thể chí tâm, chẳng đạt được tướng lành, dấu cho là đã thọ giới, chẳng được gọi là “đắc giới”).

Trong thời Mạt Pháp, nếu quý vị muốn đắc giới thanh tịnh, hãy nương theo lời dạy của Địa Tạng Bồ Tát. Ở đây, chuyên nói về pháp sám hối do Địa Tạng Bồ Tát đã dạy trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Đối với người học pháp sám hối thì yêu cầu đầu tiên là quý vị muốn học kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo là phải chí tâm. Nếu quý vị chẳng đạt được luân tướng thanh tịnh, mà cho rằng đã đắc giới thì là sai lầm. Vì muốn thọ giới Sa Di, Sa Di Ni, hoặc là muốn thọ giới tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni mà chẳng có thầy truyền trao, chúng ta bèn nương theo Chiêm Sát Sám của Địa Tạng Bồ Tát để thọ thì cũng được; nhưng ắt cần phải đạt được luân tướng thanh tịnh. Chẳng đạt được luân tướng thanh tịnh, cứ lay suông rồi cho là mình đã đắc giới; như thế thì cũng chẳng đắc giới!

“*Bất hoạch thiện tướng*” (Chẳng đạt được tướng lành): Nói “ta đã đạt được thiện tướng”, như thế nào là đạt được thiện tướng? Nếu quý vị bái sám, chiếu theo phương pháp do Địa Tạng Bồ Tát đã dạy, xác thực là đạt được ba nghiệp đều thanh tịnh. Vì thế, sám tội thanh tịnh thì gọi là “*thiện tướng*”. Khi nói đến luân tướng thì sẽ phân biệt rõ ràng “luân tướng như thế nào là đạt được thiện tướng? Như thế nào là chẳng đạt được thiện tướng?” hết sức rõ ràng! Quý vị chẳng đạt được tướng ấy, thì chẳng gọi là “*thọ giới*”. Ở đây, chuyên nói tới các tỳ-kheo hoặc tỳ-kheo-ni thọ giới có đắc giới hay không. Như các vị sư phụ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni đã thọ tam đàn đại giới, khi quý vị gieo Chiêm Sát luân tướng để xem khi ta thọ tam đàn đại giới có đáng kể hay không? Chẳng có gì đáng kể hết! Một giới cũng chẳng đắc! [Bởi lẽ], chẳng hợp pháp, chẳng phù hợp giới pháp. Quý vị dựa vào lay Chiêm Sát Sám, ta muốn tìm một vị tỳ-kheo

thanh tịnh, hoặc tỳ-kheo-ni thanh tịnh, hãy dựa theo luân tướng của Chiêm Sát Luân để quyết định. Ở đây chuyên nói về chuyện thọ giới.

(Kinh) Nhĩ thời, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát Ma Ha Tát vấn Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “Sở thuyết chí tâm giả, sai biệt hữu kỷ chủng? Hà đẳng chí tâm năng hoạch thiện tướng?” Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “Thiện nam tử! Ngã sở thuyết chí tâm giả, lược hữu nhị chủng. Hà đẳng vi nhị? Nhất giả, sơ thí học tập cầu nguyện chí tâm. Nhị giả, nhiếp ý chuyên tinh, thành tựu dũng mãnh tương ứng chí tâm. Đắc thử đệ nhị chí tâm giả, năng hoạch thiện tướng. Thử đệ nhị chí tâm phục hữu hạ, trung, thượng tam chủng sai biệt. Hà đẳng vi tam? Nhất giả, nhất tâm. Sở vị hệ tướng bất loạn, tâm trụ liễu liễu. Nhị giả, dũng mãnh tâm. Sở vị chuyên cầu bất giải, bất cố thân mạng. Tam giả, thâm tâm. Sở vị dữ pháp tương ứng, cứu cánh bất thoái. Nhược nhân tu tập thử sám hối pháp, nãi chí bất đắc hạ chí tâm giả, chung bất năng hoạch thanh tịnh thiện tướng. Thị danh thuyết chiêm đệ nhị luân pháp”.

(經)爾時，堅淨信菩薩摩訶薩問地藏菩薩摩訶薩言：

「所說至心者，差別有幾種？何等至心能獲善相？」地藏菩薩摩訶薩言：「善男子！我所說至心者，略有二種。何等爲二？一者、初始學習求願至心。二者、攝意專精，成就勇猛相應至心。得此第二至心者，能獲善相。此第二至心復有下中上三種差別。何等爲三？一者、一心。所謂系想不亂，心住了了。二者、勇猛心。所謂專求不懈，不顧身命。三者、深心。所謂與法相應，究竟不退。若人修習此懺悔法，乃至不得下至心者，終不能獲清淨善相。是名說占第二輪法」。

(Kinh: Lúc bấy giờ, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát Ma Ha Tát hỏi Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Chí tâm như đã nói thì có mấy loại sai biệt? Chí tâm như thế nào thì sẽ có thể đạt được tướng lành?” Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói: “Này thiện nam tử! Chí tâm như tôi đã nói, đại lược có hai loại: Một là chí tâm học tập cầu nguyện thuở đầu. Hai là chí tâm

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

tương ứng với sự nhiếp ý, chuyên ròng, thành tựu dững mãnh. Có được loại chí tâm thứ hai thì sẽ có thể đạt được tướng lành. Loại chí tâm thứ hai lại có ba loại hạ, trung, thượng sai khác. Những gì là ba? Một là nhất tâm, tức là chú tâm suy tưởng chẳng loạn, tâm trụ rành rẽ. Hai là tâm dững mãnh, tức là chuyên câu, chẳng lười nhác, chẳng đoái hoài thân mạng. Ba là thâm tâm, tức là tương ứng với pháp, rốt ráo chẳng thoái chuyên. Nếu ai tu tập pháp sám hối này, cho đến chẳng đạt được chí tâm bậc hạ, sẽ trọn chẳng thể đạt được tướng thanh tịnh. Đó là nói về cách chiêm sát đối với loại luân tướng thứ hai”).

Lúc bấy giờ, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát Ma Ha Tát hỏi Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Chí tâm như Ngài đã nói có mấy loại sai biệt? Do loại chí tâm nào thì sẽ có thể đạt được tướng lành?” Địa Tạng Bồ Tát nói: “Khi muốn lay Chiêm Sát Sám, ắt phải có cái tâm chí thành, khẩn thiết”. Kiên Tịnh Tín Bồ Tát liền hỏi Địa Tạng Bồ Tát: “Cái tâm chí thành như Ngài đã nói là như thế nào? Có bao nhiêu loại khác nhau? Như thế nào thì mới được coi là tâm chí thành? Có tâm chí thành thì mới có thể đạt được thiện tướng, tức là luân tướng thanh tịnh. Vậy thì cái tâm chí thành ấy như thế nào? Như thế nào thì mới được coi là tâm chí thành?” Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hướng về Địa Tạng Bồ Tát thỉnh cầu, chính là thỉnh cầu thay cho chúng ta: “Cái tâm chí thành có khác biệt hay chẳng? Có bao nhiêu loại tâm chí thành? Như thế nào thì mới được coi là chí thành, mới có thể thấy được tướng hảo? Như thế nào thì coi là chẳng chí thành?” Xin Địa Tạng Bồ Tát hãy giảng cặn kẽ về tâm chí thành. Cái tâm chí thành ấy, nói đơn giản, sẽ là tư tưởng thuần tịnh, chẳng có tạp niệm. Chúng ta thường nói “*chí thành khẩn thiết*”, tức là trong tâm câu Địa Tạng Bồ Tát chẳng có một tí tạp niệm nào! Khi lay Chiêm Sát Sám cũng thế, dùng Chiêm Sát Luân cũng thế, hoặc quý vị tụng kinh Địa Tạng, đều phải là trong tâm chí thành khẩn thiết mà niệm. Quý vị thành tâm thì hiệu quả sẽ to hơn nhiều. Nếu chẳng thành tâm thì có công đức, chẳng có trí huệ! Có trí huệ, chắc chắn sẽ có thể thành tâm. Có công đức, tuy quý vị chẳng thành tâm, cứ niệm mãi, cũng có thể đạt đến tâm chí thành.

Kiên Tịnh Tín Bồ Tát xin Địa Tạng Bồ Tát giảng về tâm chí thành. Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói: - Thiện nam tử! Tâm chí thành như ta đã nói, đại lược có hai loại.

Những gì là hai loại?

1) Một là cái tâm chí thành khi mới bắt đầu học tập, cầu nguyện. Đó là loại chí tâm thứ nhất.

2) Hai là chí tâm do tương ứng với sự thâm nhiếp tâm ý, chuyên rờng thành tựu dững mãnh.

Có hai loại tâm ấy thì sẽ có thể đạt được thiện tướng. Thoạt đầu, chúng ta phát tâm phải chí thành thì quý vị mới học tập. Chẳng phải là chúng ta thường nói, thường cho rằng chính mình đã có tâm chí thành ư? Chẳng hề có! Vì cái tâm ấy chính là hân nhạo tâm (欣樂心, tâm ưa thích), chẳng phải là tâm chí thành! Ta hoan hỷ mong cầu pháp này. Khi quý vị muốn dùng Chiêm Sát luân tướng, sẽ có thể sai khác. Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hỏi Địa Tạng Bồ Tát “như thế nào mới được coi là chí tâm”, tức là khi quý vị dụng tâm, phải sử dụng tới mức độ nào thì mới được coi là chí tâm?

Địa Tạng Bồ Tát nói: Cầu nguyện, chính mình phát nguyện, mong mãi nguyện, chí tâm cầu nguyện. Chí tâm tương ứng với sự chuyên rờng thành tựu dững mãnh, điều này rất khó khăn! Chúng ta thường nói “*chí tâm cầu nguyện*”, tức là thâm nhiếp cái tâm tán loạn, xáo động, sao cho chế tâm nhất xứ, lắng lòng, an tâm bái sám trong sám thất. Hoặc là an tâm, tĩnh tâm niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Quý vị bái sám để cầu như thế, thì mới có thể đạt được luân tướng thanh tịnh, mới có thể coi như là người bái sám [thật sự] cầu sám hối. Loại chí tâm thứ hai sâu lắm, ắt cần phải tương ứng với dững mãnh. Loại chí tâm thứ hai lại tách ra: Như thế nào thì mới được coi là chí tâm thật sự dững mãnh, như thế nào thì vẫn chưa đủ? Thông thường, sau khi chúng ta tiến vào sám thất bèn hy vọng [tam nghiệp thanh tịnh]. Chí tâm chính là hy vọng, tức hy vọng sẽ đạt được luân tướng thanh tịnh. Khi chúng ta hỏi các chuyện ấy, hy vọng Bồ Tát sẽ có thể đứng như thật trả lời cho chúng ta. Đó là [câu hỏi] về sự cần phải có chí tâm.

Kiên Tịnh Tín Bồ Tát cảm thấy hai thứ chí tâm như Địa Tạng Bồ Tát đã nói vẫn còn mơ hồ, chúng sanh chẳng thấy rõ ràng. Do đó, Ngài lại tha thiết thỉnh cầu: “Như thế nào mới coi là chí tâm? Như thế nào được coi là chẳng chí tâm?” Cái tâm nguyện cầu của chúng ta chính là hy vọng. Chúng ta phát nguyện, hy vọng sử dụng Chiêm Sát Luân, luân tướng sẽ chỉ bảo chúng ta làm như thế nào? Như thế nào thì được coi là chánh xác? Như thế nào là chẳng chánh xác? Đại khái, thông thường đều là chúng ta đánh lễ ba lạy, sau đó dùng Chiêm Sát Luân để chiêm sát, hoặc là phát nguyện, nhưng vẫn chưa biết chuyên rờng, nhất trí! Do đó, Địa Tạng Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: “Ắt cần phải có tâm chí thành, khẩn thiết!” Chẳng hạn như chúng ta vào Phật đường, lễ ba lạy, ngồi xuống, hoặc là

bắt đầu bái sám, quỳ xuống, quý vị phải nên đem hoàn cảnh bên ngoài, các ý nghĩ khác trong tâm tưởng, bất cứ thứ gì cũng đều buông xuống, chẳng có một niệm xen tạp. Đây là chí tâm. Tôi nghĩ các vị đạo hữu có hiện tượng sau đây: Tôi thấy rất nhiều đạo hữu khi tới sám thất để bái sám, sau khi đã lắng lòng, bèn xúc động thiện căn trong quá khứ. Do thiện căn phát hiện, cảm thấy các nghiệp do chính mình đã tạo trong quá khứ rất nghiêm trọng, bèn cảm xúc, đau đớn khóc ròng mà lễ bái. Có cảm ắt có ứng, cảm ứng lẫn nhau, giống như chúng ta thỉnh chuông: Nếu chúng ta chẳng thỉnh chuông, chuông sẽ không ngân. Quý vị vừa thỉnh, chuông bèn ngân lên. Quý vị chí thành khẩn thiết lạy Địa Tạng Bồ Tát như vậy, chế ngự cái tâm, thâm hồi cái tâm về một chỗ. “*Chuyên*” (專) là chẳng tạp, “*chuyên*” là chuyên tâm, chỉ một dạ bái sám. Các ý niệm khác hoàn toàn bị đoạn dứt, chẳng có! Đây mới là “*ting*” (精, ròng rặt). Tinh ròng đến mức thuần thực, tâm lực chế tâm nhất xứ, dững mãnh tinh tấn. [Đó là “*ting cần*” (精勤, siêng ròng)].

Nếu quý vị chẳng biết tâm niệm trong khi ấy [là như thế nào], tôi dùng một tỷ dụ để nói. Các thứ chúng ta ăn uống sau khi vào dạ dày và ruột tiêu hóa xong, các cặn bã của thức ăn sẽ đều bị bài tiết, [cơ thể] hấp thụ dưỡng chất tinh túy biến thành máu. Tinh túy của các thứ quý vị ăn vào, bốn mươi giọt tinh chất biến thành một giọt máu. Máu đó gọi là “*hỗn huyết*” (混血, máu lẫn lộn), chẳng phải là “*thanh huyết*” (清血, máu trong sạch). Bốn mươi giọt “*hỗn huyết*” biến thành một giọt thanh huyết, máu ấy thanh tịnh. Thường thì máu ứa ra khi bị đâm kim là hỗn huyết, chẳng phải là máu thanh tịnh. Bốn mươi giọt thuần huyết biến thành một giọt tinh, bốn mươi giọt tinh biến thành thần khí. Nói ai đó “*rất có tinh thần*”, thần khí ấy do đâu mà có? Do tinh biến ra. Nói một người “*thần khí rất sung túc*”, tinh khí rất đầy đủ, trong sự biến hóa ấy, thoạt đầu, cái tâm chúng ta rất phập phều, chờ cho đến khi quý vị tĩnh lặng, đạt tới cái tâm thuần tịnh. Cái tâm thuần tịnh ấy lại lần lượt trải qua giai đoạn “*tạp kiến gì cũng chẳng có*”; trong cái tâm ấy chỉ là Địa Tạng Bồ Tát, chỉ trụ trong sự bái sám. Đó mới gọi là “*chí tâm*”.

Chí tâm loại thứ nhất là mới trụ, ngưng dứt tạp niệm và vọng niệm. Loại chí tâm thứ hai có hạ, trung, và thượng:

- Hạ chí tâm có nghĩa là suy nghĩ của quý vị chẳng loạn, chỉ có một sự này, chẳng bị rối loạn bởi các sự khác. Cái tâm của chính mình trụ rành rẽ, rõ ràng phân minh. Đó gọi là “*hạ chí tâm*”. Thông thường, chúng ta chỉ dùng loại chí tâm này, đã cảm thấy rất chí tâm, chưa được!

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

- Loại chí tâm thứ hai là tâm dũng mãnh, chuyên cầu, chẳng biếng nhác, chuyên rờng cầu Địa Tạng Vương Bồ Tát, trước nay chưa hề giải đãi. Sự chí tâm này càng sâu hơn, chẳng đoái tiếc thân mạng, cho đến mất đi thân mạng cũng đều chẳng động tâm, chuyên môn niệm Địa Tạng Bồ Tát như thế. Loại này vẫn chưa đủ sâu.

- Loại tâm thứ ba mới gọi là thâm tâm, tức là trong hiện thời, sám pháp mà quý vị đang lạy, Địa Tạng Bồ Tát mà quý vị đang niệm, cũng như cái tâm quý vị kết hợp với pháp thành một: Tâm chính là pháp, pháp chính là tâm.

Cái tâm thứ nhất là tâm bất loạn, tâm đã trụ rành rành. Tâm thứ hai là dũng mãnh tinh tấn, vì chuyên cầu chẳng lười nhác, thà xả thân mạng [chẳng xả tu hành]. Chí tâm loại thứ hai chẳng đoái hoài thân mạng. Loại tâm thứ ba tương ứng với pháp, cái tâm và sự sám của quý vị kết hợp với Địa Tạng Bồ Tát thành một Thể. Chúng ta nói: Khi chí tâm niệm A Di Đà Phật thì A Di Đà Phật là chính mình, chính mình là A Di Đà Phật. Tâm, Phật, chúng sanh, cả ba chẳng khác biệt!

Khi quý vị tu pháp sám hối, tối thiểu là phải có chí tâm bậc hạ. Quý vị chưa đạt tới mức chẳng đoái tiếc thân mạng, thứ gì cũng đều nương dựa vào sám pháp ấy, chuyên nhất một niệm, sử dụng Chiêm Sát Luân sẽ có thể tương ứng. Nếu ngay cả chí tâm bậc hạ mà cũng không có, dẫu hàng ngày quý vị vẫn sám, quý vị lạy suốt bảy ngày vẫn chẳng có hiệu quả. Tối thiểu là phải đạt tới chí tâm. Chúng ta thường nói “tối nhất tâm bất loạn”, nhưng chí tâm thuộc loại “*nhất tâm bất loạn*” thì vẫn chưa phải là thâm tâm. Quý vị chẳng học, sẽ không biết. Chúng ta nói niệm A Di Đà Phật, thâm tâm niệm A Di Đà Phật, nhưng hễ có thể đạt tới mức thâm tâm niệm A Di Đà Phật, thì chính mình là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là ta, vì tâm và A Di Đà Phật hợp nhất. Đó mới là chí tâm, là thật sự niệm A Di Đà Phật.

Chí tâm bậc hạ là hết thấy các tạp niệm đều chẳng có, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật. Đó chỉ là chí tâm bậc hạ. Còn như niệm A Di Đà Phật đến mức chẳng đoái hoài thân mạng, buông xuống toàn bộ thân tâm của chính mình; đó là loại chí tâm thứ hai. Niệm đến mức thân và Phật hợp nhất thì mới là thâm tâm thật sự. Chẳng hạn như khi chúng ta sám, cầu Địa Tạng Bồ Tát ứng hiện, tự nghĩ tới tội ác của chính mình trong quá khứ, cho đến hết thấy tội ác, hứng chịu oan uổng, hứng chịu hết thấy bức hại. Nghĩ tới những điều đó, trong khi quý vị lạy Địa Tạng Bồ Tát, sẽ có thể cảm ứng đau lòng, tuôn trào nước mắt. Chí tâm như vậy vẫn chưa đủ, phải đạt tới mức “*chính mình là Địa Tạng, Địa*

Tạng là chính mình". “*Địa*” là tâm địa, tâm địa của chính mình hàm tàng Địa Tạng Bồ Tát. Tâm địa của Địa Tạng Bồ Tát bao hàm chúng ta. Hai tâm địa hợp thành một. Địa là đại địa, Tạng là chứa đựng, đại địa chứa đựng hết thảy sự vật. Bản thân chúng ta là Địa Tạng, Địa Tạng chính là tự thân. Cái thân đang lẽ bái và Địa Tạng hợp nhất, đó là “*thâm tâm*”. Trong khi quý vị bái sám tới mức dùng thâm tâm để bái sám, sử dụng Chiêm Sát Luân sẽ tương ứng. Đã đạt đến mức độ ấy, cũng chẳng cần dùng Chiêm Sát Luân nữa, [bởi lẽ], quý vị thấy “*hết thấy các pháp như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, như chớp*”, còn dùng Chiêm Sát Luân làm gì? Chẳng cần! Nhưng quý vị ắt phải thông qua bái sám thì mới có thể đạt tới mức đó, [tức là] dùng Chiêm Sát Luân hồng đạt tới mức chẳng cần dùng Chiêm Sát Luân nữa. Đó là yêu cầu của Địa Tạng Vương Bồ Tát đối với chúng ta khi vào bái sám trong sám thất, hãy nên tâm tâm niệm niệm, trụ trong loại chí tâm thứ ba. Tối thiểu thì quý vị cũng phải trụ tâm rành rành, tức là nhất định phải đạt được loại chí tâm thứ nhất. Khi quý vị lễ bái sám niệm, từng câu phân minh, từng chữ rành rẽ, niệm đến mức “*vô niệm mà niệm, niệm chính là vô niệm*”, đạt đến mức “*tự chính là tha, tha chính là tự*”. Đó mới là chí tâm thật sự.

Chư vị hãy ngắm xem: Thông thường chúng ta niệm Phật cũng thế, mà niệm kinh cũng thế, tu hành bất cứ loại công lực nào, có đạt tới mức chí tâm kiêu này hay chẳng? Đồng thời, quý vị gặp pháp sám hối của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, cảm thấy hết sức thù thắng, vì đây mới là bảo bối thật sự, là vô thượng chí bảo. Nói rộng hơn một chút, quý vị đã tin Phật, tin tưởng lời Phật dạy. Đức Phật chẳng trụ thế, lời đức Phật dạy là kinh điển. Tuy đức Phật chẳng trụ thế, Pháp Bảo còn đó, Pháp Bảo là kinh. Quý vị có thể gặp pháp, gặp gỡ pháp này, gặp được Chiêm Sát Sám Pháp. Quý vị hãy coi đó là của báu vô giá, sẽ sanh ra sức mạnh, bản thân sẽ nảy sanh sức mạnh. Nay chúng ta thấy Pháp Bảo này, thấy bộ kinh này, kể từ lúc kinh được dịch ra tại Trung Hoa, hoàn toàn chẳng có ai chú thích, chẳng được phổ biến tuyên truyền. Trong Đại Tạng Kinh, có rất nhiều thứ tương ứng với chúng ta, nhưng quý vị có duyệt tạng (xem đọc Đại Tạng Kinh) thì mới biết được, vì chẳng có ai giảng, chẳng ai nói, cho nên quý vị chẳng gặp gỡ. Có những người cầm kinh sách, cầm lấy Pháp Bảo rất tùy tiện, chẳng coi trọng chút nào! Tôi thấy có rất nhiều đạo hữu cầm kinh vung vẩy, chẳng biết tánh chất nghiêm trọng của Pháp Bảo, chẳng có tí xú tâm cung kính nào! Quý vị có thể tiến nhập nổi không? Ngay cả chí tâm bậc hạ mà còn chẳng có, ngay cả cái tâm cung kính cũng chẳng có, làm sao quý vị có thể tiến nhập Phật pháp cho nổi? Các đạo hữu

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

vật và đến nghe kinh này, chúng tôi chẳng dám nói quý vị chẳng chí tâm, nhưng tôi cảm thấy chí tâm chưa đủ, vì quý vị chẳng biết sự tôn quý của pháp. Quý vị có nghĩ đến điều này hay không? Hiện thời, kỹ thuật ấn loát phát triển. Lấy một quyển kinh, bất cứ lúc nào cũng có thể in ra rất nhiều bản, quý vị có biết sự khó khăn để có kinh sách [thuở trước] hay không? Tôi có thể kể đôi chút về chuyện này cùng quý vị.

Trong quá khứ, vào đời Đường, các vị sư phụ người Ấn Độ mang kinh sách đến Trung Hoa không nhiều. Do đó, vào thời ấy, có các vị cao tăng đại đức sang Ấn Độ cầu pháp, như pháp sư Huyền Trang, Tam Tạng pháp sư Nghĩa Tịnh, pháp sư Pháp Hiền là các vị chúng ta đều biết, các Ngài đã thành công. Thành công vì các Ngài mang về rất nhiều kinh sách, và phiên dịch rất nhiều kinh sách. Còn có những vị chết giữa đường, thậm chí [đã đến Ấn Độ rồi] trở về [Trung Hoa] mà chẳng có thành tựu gì, vì chẳng học được kinh nào. Các trường hợp như vậy rất nhiều, ra đi một trăm người, trở về còn chưa đến mười người. Thời ấy, đi thỉnh kinh rất khó khăn. Từ Trường An ra đi, mất mấy năm mới tới được Ấn Độ. Hiện thời, chúng ta ngồi phi cơ hai ba tiếng đồng hồ đã tới nơi, nhưng quý vị tuy tới được, kinh sách chẳng còn nữa! Nay quý vị tới Ấn Độ tìm kinh sách, chẳng bằng sang Trung Hoa để tìm, Ấn Độ đã chẳng còn kinh sách, đã đứt đoạn rồi!

Khi đó, thỉnh kinh khó khăn to lớn cỡ nào? Tôi giới thiệu đơn giản cùng mọi người. Tam Tạng pháp sư Nghĩa Tịnh có một bài thơ, chuyên nói về sự khó khăn khi thỉnh kinh. Ngài nói “*Tấn, Tống, Tề, Lương, Đường đại gian*” (trong các thời đại Tấn, Tống²², Tề, Lương, Đường), kể từ đời Tấn mãi cho đến đời Đường, có rất nhiều vị đại đức cảm thấy trong nước (Trung Hoa) chẳng đủ kinh sách, phải sang Ấn Độ thỉnh kinh. “*Cao tăng cầu pháp ly Trường An*” (Cao tăng cầu pháp rời kinh đô Trường An), nghĩa là có rất nhiều vị phát tâm sang Ấn Độ thỉnh kinh. “*Khứ nhân thành bách, quy vô thập*”: Một trăm người ra đi, trở về chưa được mười người, thậm chí mười người trở về, có phiên dịch nổi hay không? Phiên dịch có mãn nguyện của chúng sanh hay không?

Do đó, pháp sư Nghĩa Tịnh mới than thở rằng: “*Tấn, Tống, Tề, Lương, Đường đại gian, cao tăng cầu pháp ly Trường An, khứ nhân thành*

²² Tấn (265-420) do Tư Mã Viêm sáng lập. Tống ở đây là nhà Lưu Tống (420-479) do Lưu Dụ sáng lập, Tề là nhà Nam Tề (479-502) do Tiêu Đạo Thành sáng lập. Lương là Nam Lương (502-557) do Tiêu Diễn (Lương Vũ Đế) sáng lập. Đó là ba triều đại cường thịnh thuộc Nam Triều trong thời Nam Bắc Triều trước thời Tùy-Đường.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

bách, quy vô thập, hậu giả yên tri tiên giả nan” (Tán, Tống, Tề, Lương, Đường các đời, cao tăng cầu pháp lìa Trường An, trăm người đi, chưa được mười về, người sau nào biết nỗi gian nan của người trước): Các vị hiền nhân đời sau, các đệ tử tin Phật tâm kinh Phật, họ có biết kinh này do đâu mà có hay chăng? Họ có biết nỗi gian nan của các vị đại đức thỉnh kinh hay không? Trong khi thỉnh kinh, *“lộ viễn bích thiên duy lãnh kết”* (đường xa, trời biếc, lạnh buốt), đi qua vùng sa mạc, giữa trưa thì như trong tháng Hè, sáng sớm và buổi tối còn lạnh hơn mùa Đông! Cho nên nói *“lộ viễn bích thiên duy lãnh kết”*. Quý vị đi đến nơi đó, nhằm lúc bão cát hết sức lớn, gió thổi cát che lấp mặt trời, *“sa hà giá nhật lực bì đàn”* (cát bay che mặt trời, sức lực kiệt quệ). Thân thể chẳng có tí sức lực nào, hao hết tinh lực, do vậy bị chết giữa đường rất nhiều. *“Hậu hiền như vị am tư chỉ”* (Người đời sau chẳng am hiểu chuyện ấy): Người sau đâu có biết bậc tiên hiền thỉnh kinh đã trải qua rất nhiều khó khăn như thế nào? *“Vãng vãng tương kinh khinh dị khan”* (Thường coi rẻ kinh sách), cầm kinh sách bèn tùy tiện, chẳng coi trọng, vì quý vị không biết kinh sách do đâu mà có!

Tôi đọc lại bài thơ này của Tam Tạng pháp sư Nghĩa Tịnh lần nữa, hy vọng mọi người sẽ thường luôn quán tưởng: *“Tán, Tống, Tề, Lương, Đường đại gian, cao tăng cầu pháp ly Trường An, khứ nhân thành bách, quy vô thập. Hậu giả yên tri tiên giả nan, lộ viễn bích thiên duy lãnh kết. Sa hà giá nhật lực bì đàn, hậu hiền như vị am tư chỉ, vãng vãng tương kinh khinh dị khan”*. Các đạo hữu đời sau chẳng hiểu rõ [sự gian khổ ấy], thường dễ bỏ qua, coi rẻ kinh sách, đâu có biết cỗ nhân phiên dịch kinh sách như thế nào? Hơn nữa, đạo tràng phiên dịch là mấy ngàn người, có vị nhuận sắc văn tự. Vì nhuận sắc văn tự thì phải chăm chú từng chữ để quyết định chữ được dùng có phù hợp với ý nghĩa [trong nguyên văn tiếng Phạn] hay không, cho thấy đạo tràng dịch kinh khó khăn dường nào! Hiện thời, chúng ta xem kinh, do kỹ thuật ấn loát phát triển, nên in bao nhiêu bản đều được, bèn cầm kinh phe phẩy, vung vẩy, chẳng có tâm cung kính.

Do vậy, khai ngộ cũng ít, thành đạo cũng ít, mà chúng quả càng chẳng có. Vì quý vị phải dốc lòng thì mới được đền đáp. Quý vị chẳng trải lòng chi hết, tâm khinh mạn mà mong thành Phật, mong thành đạo, mong liễu sanh tử, há dễ dàng như vậy sao? Nghiệp từ vô lượng kiếp tới nay mà! Do vậy, nay chúng ta được nghe pháp, đối với pháp, nhất định phải coi trọng pháp. Nay chúng ta học kinh này, hoàng dương cũng ít, người sử dụng cũng chẳng nhiều!

Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Quý vị ắt cần phải phát khởi chí tâm. Không chỉ là đối với pháp này, mà quý vị học bất cứ pháp nào, quý vị ắt phải chí thành khẩn thiết tiến nhập thì mới có thâm hoạch. Đừng nói chúng ta học Phật, mong thành Phật, mong liễu sanh tử, hãy nhìn trong thế gian: Quý vị mong kiếm được mấy đồng, học từ Tiểu Học, Trung Học, cho đến Đại Học, cho đến học nghiên cứu sinh, học một môn kỹ thuật, học bản lãnh là để kiếm cơm, hòng có thể ăn ngon một chút, kiếm nhiều tiền hơn một chút. Quý vị mong liễu sanh tử, học Phật pháp, đoạn tuyệt nỗi khốn khổ vì lưu chuyển từ vô lượng kiếp, cái giá ấy cao lắm, quý vị phải trả như thế nào? Chẳng phải là tâm khinh mạn tùy tiện mà có thể đạt được đâu nhé! Hãy xem trong quá khứ, các vị tổ sư đã thành tựu như thế nào?

Nói đến khai ngộ, mọi người nghe nói “*minh tâm kiến tánh, đốn siêu trực nhập, lập tức chứng Bồ Đề*”, quá thuận tiện! Thiền môn thì thấp một nén hương, cắm một nén hương rồi tĩnh tọa, ngay lập tức khai ngộ. Mọi người chỉ thấy khi ấy, chứ vị đại đức Thiền Tông ấy đã tu hành từ vô lượng kiếp đến nay, quý vị đâu có thấy? Chỉ thấy Ngài khai ngộ trong hiện thời! “Ngộ” (悟) chỉ là hiểu rõ mà thôi. Nếu vừa ngộ bèn thành Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật sẽ chẳng thọ ký. Mọi người thấy chỉ có một vị kế thừa Thích Ca Mâu Ni Phật là Di Lặc Bồ Tát. Thuở trước, tôi ở Cổ Sơn, Thiền đường và học đường của chúng tôi thường xuyên tranh cãi, đua mồm tranh mép. Thiền đường nói “chúng ta hãy khai ngộ bèn thành Phật”, khi nào thì khai? Họ nói: “*Thiền môn thấp một nén hương, hương cháy hết bèn khai ngộ, đốn siêu trực nhập, lập tức chứng Bồ Đề*”. Có chuyện tiện nghi như vậy hay không? Nếu [dễ dàng] như vậy thì [ai nấy] đều thành Phật cả rồi, thế giới này chẳng còn chúng sanh nào cả! Chẳng phải là như thế! Chỉ là người ấy đã khai ngộ, hiểu rõ, quý vị có biết người ấy đã tu hành vô lượng kiếp trong quá khứ hay không? Quý vị chỉ nhìn vào nhất thời, không được rồi!

Do đó, các vị đạo hữu chúng ta khi học kinh Phật, phải tôn trọng kinh điển. Quý vị tôn kính Tam Bảo, Phật chẳng trụ thế, Pháp Bảo là Phật, quý vị có thể coi kinh điển như Phật, sẽ gần với chuyện “*khai ngộ, liễu sanh tử*” hơn nhiều. Quý vị phải cung kính, bất luận bộ kinh nào. Tôi thấy rất nhiều đạo hữu niệm kinh A Di Đà, cầm kinh A Di Đà phe phẩy, vung vẩy, chẳng có chút tâm cung kính nào cả! Như thế thì có thể sanh về thế giới Cực Lạc hay không? Tôi nói quyết đoán: “*Quý vị chẳng tôn kính*

kinh A Di Đà, quý vị niệm Phật hoàn toàn giả trá!” Ất cần phải có cái tâm thành khẩn.

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược dục chiêm sát tam thế trung thọ báo sai biệt giả, đương phục khắc mộc vi lục luân. Ư thử lục luân, dĩ nhất, nhị, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát, cửu, thập, thập nhất, thập nhị, thập tam, thập tứ, thập ngũ, thập lục, thập thất, thập bát đẳng số, thư tự ký chi. Nhất số chủ nhất diện các tam diện, linh số thứ đệ bất thác, bất loạn.

(經)善男子! 若欲占察三世中受報差別者, 當復刻木爲六輪。於此六輪, 以一、二、三、四、五、六、七、八、九、十、十一、十二、十三、十四、十五、十六、十七、十八等數, 書字記之。一數主一面各三面, 令數次第不錯不亂。

(Kinh: Này thiện nam tử! Nếu muốn chiêm sát sự thọ báo sai biệt trong ba đời, hãy nên khắc gỗ làm sáu cái luân. Đối với sáu cái luân ấy, dùng các con số một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, mười một, mười hai, mười ba, mười bốn, mười lăm, mười sáu, mười bảy, mười tám để ghi, mỗi số ghi vào một mặt luân. Mỗi luân [có bốn mặt], đều ghi số nơi ba mặt, [mặt còn lại để trống] sao cho thứ tự của các số chẳng sai lầm, chẳng rối loạn).

Thiện nam tử! Nếu muốn chiêm sát sự thọ báo sai khác trong ba đời, ta muốn quan sát quá khứ. Đối với quá khứ, lại có quá khứ, hiện tại và vị lai [của quá khứ]; hiện tại thì lại có quá khứ, hiện tại và vị lai [của hiện tại]; vị lai cũng có hiện tại, quá khứ và vị lai [của vị lai]. Cho nên ba đời bao gồm chín đời, lại cộng thêm căn bản vô minh của quý vị, thành mười đời. Chúng ta thường nói là “*thập thế*” (mười đời). Học kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo thì trước hết phải biết dùng Chiêm Sát Luân. Quý vị khắc gỗ thành sáu cái luân. Luân tướng có tất cả mười chín cái, [loại thứ nhất là mười cái (tương ứng với ba nghiệp nơi thân, bốn nghiệp nơi miệng, và ba nghiệp nơi ý), loại thứ hai gồm ba cái (tương ứng thân, khẩu, ý)]. Ở đây, Bồ Tát đang nói đến loại luân thứ ba gồm sáu cái]. Trước hết, đối với loại luân thứ ba này, [phần chính giữa của mỗi luân] đều có bốn mặt. Trong bốn mặt ấy, ba mặt viết chữ số, một mặt để trống. Một mặt để trống với ý nghĩa: Người ấy đã vượt ngoài con số, chẳng thuộc trong các con số nữa. Sáu cái luân ấy, luân thứ nhất khắc một, hai, ba,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

luân kế tiếp khắc bốn, năm, sáu, luân kế tiếp khắc bảy, tám, chín, luân kế tiếp khắc mười, mười một, mười hai, luân kế tiếp khắc mười ba, mười bốn, mười lăm, cái luân thứ sáu khắc mười sáu, mười bảy, mười tám. Vì sao mỗi luân đều chừa trống một mặt không khắc? Mặt ấy biểu thị: Khi sáu cái luân cùng gieo mà đều ra mặt trống, chẳng có một chữ nào, cho thấy người ấy đã vượt khỏi tam giới, đã được thành tựu, chẳng thể dùng con số để chiêm nghiệm nữa.

Do luân thuộc về thân, khẩu, ý gồm ba cái, vì những con số ấy đều thuộc về thân, khẩu, ý, gộp chung lại sẽ là mười tám số. Mười tám con số ấy biểu thị điều gì? Biểu thị sáu căn, sáu trần, sáu thức của quý vị. Quý vị dùng Chiêm Sát Luân chẳng lìa khỏi sáu căn, sáu trần, sáu thức, ba lần sáu là mười tám. Khi quý vị tạo nghiệp, bất luận tạo thiện nghiệp hay ác nghiệp, chỉ cần quý vị vừa tác ý, sẽ chẳng lìa khỏi mười tám thứ ấy. Nếu chúng ta muốn hỏi thiện ác sai biệt trong quá khứ, hiện tại, vị lai, rốt cuộc là thiện nghiệp hay ác nghiệp, hãy dùng sáu cái luân ấy để chiêm sát. Chỉ chiêm sát bằng loại luân này, sẽ cho quý vị biết là thiện nghiệp trong quá khứ nặng, hay ác nghiệp nặng, hoặc là nghiệp chẳng nặng. Chẳng nặng, sẽ hiện ra mặt trống; mặt trống biểu thị nghiệp chẳng nặng. Cộng các con số ấy lại, nếu chúng tương ứng với điều đang suy nghĩ và nghiệp của quý vị, hễ tương ứng thì là phù hợp. Vì khi chúng ta tạo nghiệp, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, nhãn thức, nhĩ thức, ty thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mười tám món ấy chẳng thiếu món nào. Hễ lìa khỏi mười tám món ấy, sẽ không có. Vì sao có mười chín luân? Vì quý vị có căn bản vô minh, mười tám thứ ấy đều từ căn bản vô minh mà khởi.

(Kinh) Đương tri như thử chư số, giai từng nhất số nhi khởi, dĩ nhất vi bốn. Như thị số tướng giả, hiển thị nhất thiết chúng sanh lục căn chi tụ, giai từng Như Lai Tạng tự tánh thanh tịnh tâm Nhất Thật cảnh giới nhi khởi, y Nhất Thật cảnh giới dĩ chi vi bốn. Sở vị y Nhất Thật cảnh giới cố, hữu bỉ vô minh, bất liễu nhất pháp giới, mậu niệm tư duy, hiện vọng cảnh giới, phân biệt thủ trước. Tập nghiệp nhân duyên, sanh nhãn, nhĩ, ty, thiệt, thân, ý đẳng lục căn. Dĩ y nội lục căn cố, đối ngoại sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp đẳng lục trần, khởi nhãn, nhĩ, ty, thiệt, thân, ý đẳng lục thức. Dĩ y lục thức cố, u sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp trung, khởi vi tướng, thuận tướng, phi vi phi thuận đẳng tướng, sanh thập bát chủng thọ.

(經)當知如此諸數，皆從一數而起，以一爲本。如是數相者，顯示一切衆生六根之聚，皆從如來藏自性清淨心一實境界而起，依一實境界以之爲本。所謂依一實境界故，有彼無明，不了一法界，謬念思惟，現妄境界，分別取着。集業因緣，生眼、耳、鼻、舌、身、意等六根。以依內六根故，對外色、聲、香、味、觸、法等六塵，起眼、耳、鼻、舌、身、意等六識。以依六識故，於色、聲、香、味、觸、法中，起違想、順想，非違非順等想，生十八種受。

(Kinh: Hãy nên biết các con số như thế đều bắt đầu từ số một, lấy một làm gốc. Tướng trạng của các con số ấy đều hiển thị nhóm sáu căn của hết thảy chúng sanh đều từ Như Lai Tạng tự tánh thanh tịnh tâm Nhất Thật cảnh giới mà khởi, nương vào cảnh giới Nhất Thật làm gốc. Tức là do nương vào cảnh giới Nhất Thật mà có vô minh, chẳng hiểu rõ một pháp giới, nghĩ ngợi, tư duy sai lầm, hiện ra cảnh giới hư vọng, phân biệt giữ lấy. Do nhân duyên của tập nghiệp, sanh ra sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Do nương vào sáu căn ở bên trong, đối ứng với sáu trần, tức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ở bên ngoài, dấy lên sáu thức nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý. Do nương vào sáu thức, đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, khởi lên ý tưởng nghịch, ý tưởng thuận, ý tưởng chẳng thuận chẳng nghịch, sanh ra mười tám thứ cảm nhận).

Hãy nên biết các con số như thế đều khởi đầu từ số một, một là căn bản. Số tướng pháp ấy hiển thị nhóm sáu căn của hết thảy chúng sanh. Vì thế, kinh này còn gọi là “*pháp môn Căn Tu*”, vì là pháp môn mà sáu căn và sáu trần đều tụ tập. Sáu căn và sáu trần ấy đều do tự tánh thanh tịnh tâm dấy lên, đó gọi là cảnh giới Nhất Thật, tướng cảnh giới Nhất Thật. Nửa bộ sau [của kinh này] sẽ giảng về cảnh giới Nhất Thật. Vì cảnh giới Nhất Thật là căn bản của chúng ta, nương vào cảnh giới Nhất Thật mà sanh ra vô minh. Do chúng ta chẳng biết pháp giới tánh, chẳng hiểu rõ hết thảy pháp giới, suy niệm, tư duy sai lầm, vọng tưởng, phân biệt làm lạc. Vì thế, hiện ra cảnh giới hư vọng. Do vì có vọng, nên sanh ra lấy, bỏ. Tốt thì muốn giữ lấy, chấp trước chẳng bỏ. Xấu thì chẳng muốn dính dáng,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chẳng làm. Đó gọi là “*tập nghiệp cảm vờ*”. Do nhân duyên quá khứ và nhân duyên hiện tại cảm vờ, sanh ra sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, và ý, bên trong thì dựa theo sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, đối ứng với sáu trần, tức sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp bên ngoài, trong khi Căn đối ứng với Trần, bèn sanh khởi thức. Thức là phân biệt, sanh ra sáu thức. Nếu hợp với cái tâm, thuận theo vọng tưởng của quý vị, quý vị liền vui thích. Đó gọi là “*thuận duyên*”. Chẳng hợp với vọng tưởng của quý vị, quý vị bèn chán ghét, nhưng chẳng lìa được, đó gọi là “*vi duyên*” (違緣, duyên trái nghịch). Cho đến chẳng thiện, mà cũng chẳng ác, chẳng thuận mà cũng chẳng trái nghịch, dấy khởi biến hóa. Đó gọi là Vô Ký (無記). Vô Ký sanh ra biến hóa, tổng cộng là mười tám thứ.

Sở dĩ kinh này được gọi là pháp môn Căn Tụ (根聚) vì sáu căn, sáu trần, sáu thức tụ tập, cộng thêm căn bản vô minh cùng tụ hội. Nhắc lại một lần nữa, sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Căn đối trần chẳng có tác dụng gì, nhưng nếu ở giữa đó có sáu thức, tức Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Ty Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, Ý Thức, sáu thức ấy phân biệt giữa Căn và Trần, ưa thích thì mong đạt được, chẳng ưa thích thì mong lìa bỏ. Mong muốn mà chẳng đạt được, mong bỏ mà bỏ chẳng được thì gọi là “*phiền não*”. Do vậy, kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo [dạy về điều này]. Bởi lẽ, nghiệp do quý vị đã tạo, bất luận là thiện nghiệp cũng thế, mà ác nghiệp cũng thế, đều chẳng lìa khỏi mười tám loại ấy. Vì thế, mười tám con số ấy, mỗi số chính là Căn và Trần tụ tập. Nó còn dấy lên sự biến hóa, mười tám nhân với mười đời, thành một trăm tám mươi. Một trăm tám mươi lại thêm chín cái trong hiện đời, [chỉ tính] mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, [và sáu thức], căn bản vô minh không tính, [nhân với mười đời], cộng thêm hiện tại, thành một trăm tám mươi chín loại. Tổng số là do cộng lại như thế đó. Nếu quý vị muốn học, tôi sẽ cầm luân tương làm mẫu căn kẽ cho quý vị, chứ giảng kinh thì chỉ có thể nói đại khái như vậy!

(Kinh) Nhược vị lai thế Phật chư đệ tử, u tam thế trung, sở thọ quả báo, dục quyết nghị ý giả, vng đương tam trịch thử đệ tam luân tương, chiêm kế hợp số. Y số quán chi, dĩ định thiện ác. Như thị sở quán tam thế quả báo thiện ác chi tướng, hữu nhất bách bát thập cửu chủng. Hà đẳng vi nhất bách bát thập cửu chủng?

**(經)若未來世佛諸弟子，於三世中，所受果報，欲決疑
意者，應當三擲此第三輪相，估計合數。依數觀之，以定善
惡。如是所觀三世果報善惡之相，有一百八十九種。何等爲
一百八十九種？**

*(Kinh: Nếu các đệ tử Phật trong đời vị lai, đối với quả báo phải
hứng chịu trong ba đời, mà muốn dứt lòng nghi, hãy nên gieo loại luân
tướng thứ ba này ba lượt. Chiêm sát bằng cách gộp chung các con số đã
gieo được. Dựa theo số đó để xem xét, biện định thiện, ác. Quán tướng
quả báo thiện ác trong ba đời có một trăm tám mươi chín loại. Những gì
là một trăm tám mươi chín loại?)*

Địa Tạng Vương Bồ Tát nói: Các đệ tử Phật trong đời vị lai, tức hết
thảy các đệ tử đức Phật trong đời mai sau. Vì sao chuyên nói các đệ tử
Phật? Pháp môn Căn Tu chỉ có đệ tử Phật sử dụng. Kẻ tại gia mà coi pháp
này như hình tướng bói toán để sử dụng, sẽ chẳng linh. Chúng ta sử dụng
nó trong “quan phòng”, tức là dùng khi đang bế quan. Kẻ nào dùng luân
tướng để đoán mạng cho người khác, có dùng được hay không? Hễ dùng
[theo kiểu ấy] thì cũng chẳng có hiệu quả, mong kiếm tiền sẽ chẳng làm
được! Bọn xuất gia chúng ta mong kiếm tiền, đó gọi là “sống phi mạng”,
“quẻ” cũng chẳng linh, mà cũng chẳng hiện, chẳng thể chuẩn xác! Nhất
định phải hiểu: Nếu chúng ta dùng chiêm sát luân tướng thì phải biết dùng
Chiêm Sát Luân. [Nếu] người khác thỉnh chúng ta, Địa Tạng Vương Bồ
Tát cho phép quý vị làm giùm người khác. Lợi ích chúng sanh thì làm,
ngàn vạn phần chớ nên kiếm tiền. Nếu lấy tiền, sẽ chẳng linh. Khi muốn
học pháp này, [người dạy] phải đặc biệt nói [rõ ràng với người học:
“Chẳng thể dùng phép này như một trò bói toán kiếm lợi”]. Trên tòa giảng
chẳng có cách nào giảng cho mọi người, nói sao cho mọi người đều hiểu
rõ ràng. Quý vị biết ý nghĩa của một trăm tám mươi chín luân tướng là
được rồi!

Trong đời vị lai, Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo chúng ta: Thời Mạt
Pháp, các đệ tử Phật trong đời vị lai. Ngài nói rất rõ ràng, ắt phải là đệ tử
Phật! Các đệ tử Phật trong đời vị lai, tối thiểu là quy y Tam Bảo, bao gồm
hai chúng tại gia và hai chúng xuất gia. Đối với quả báo trong quá khứ,
hiện tại, vị lai, những gì cái thân hứng chịu trong hiện tại, những điều phải
hứng chịu ấy là báo. Quý vị chẳng biết cái nhân vì sao thân thể chúng ta
chẳng khỏe mạnh như thế này ư? Chúng tôi có một đạo hữu thân thể rất

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

nhiều bệnh, thân thể chẳng khỏe khoắn: “Quý vị hỏi vì sao ư? Trong quá khứ, sát nghiệp của quý vị rất nặng”. Thân thể rất mạnh khỏe, nhưng học chẳng vào, chẳng có trí huệ, quý vị cũng hỏi vì sao ư? Trong quá khứ, quý vị đã tạo rất nhiều nghiệp, đời này chẳng có trí huệ. gieo luân tướng, [để cầu biết chính mình] rốt cuộc đã tạo nghiệp nào? Tức là đối với thân, khẩu, ý, phương diện nào nặng nề? Đó là trọng điểm sám hối của quý vị. Quý vị gieo luân tướng, quán sát tổng số của các con số hiện ra trong sáu cái luân tướng [thuộc loại thứ ba này]. Sau khi đã quan sát, sẽ biết rõ điều thiện và ác của quý vị. Chuyện thuộc loại này rất nhiều, đáng tiếc là người ấy chẳng biết dùng luân tướng, cho nên cũng chẳng thể chiêm sát!

Vào đời Đường, tại chùa Đại Hoa Nghiêm ở Ngũ Đài Sơn, có một vị sư phụ có ngoại hiệu là Ngưu Si Thiên Sư. Vì sao gọi là Ngưu Si (牛師, trâu nhời)? Mọi người đều chửi ông ta giống như trâu, vì đầu óc ông ta chẳng sáng suốt, chỉ có thể nấu cơm cho đại chúng, làm việc nặng, làm lao động. Học pháp thì bất luận niệm Phật, học kinh, hay bái sám, toàn bộ đều không thể lọt vào đầu được. Chẳng phải là đàn độn bình thường, mà là đàn chết luôn! Vì thế, ông ta sanh khởi tâm hổ thẹn, ven theo núi, triều bái năm đỉnh núi của Ngũ Đài, mong gặp Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát [để thưa hỏi]: Vì sao mọi người đều học sẽ thông hiểu đôi chút, học rồi đều có thành công, còn ông ta vì sao chẳng được? Khi ông ta triều bái Ngũ Đài, gặp một cụ già chăn trâu. Cụ già này là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát hóa thân. Cụ già nói với ông ta: “Sư phụ! Tôi thấy thầy quanh qua, quanh lại rất lâu trên núi, thầy làm gì vậy?” Ông ta nói: “Tôi mong gặp Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát”. Cụ già nói: “Thầy muốn gặp Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát để làm gì?” Ông ta nói: “Ai nấy đều gọi tôi là trâu, bảo tôi quá đàn độn! Tôi tạo nghiệp gì?” Khi ấy, ông ta hiểu ra, đây là Văn Thù Bồ Tát hiện tiền, liền quỳ trước Văn Thù Bồ Tát, nhất định cầu Bồ Tát cứu ông ta. Văn Thù Bồ Tát nói: “Ông muốn biết nghiệp của chính mình ư?” Văn Thù Bồ Tát liền đem cái vòng nơi chiếc y ca-sa đang đắp đưa vào miệng ông ta thăm dò, móc trái tim ông ta ra: “Ông có thấy trái tim của ông là tim trâu? Người ta gọi ông là Ngưu Si chẳng sai! Quá khứ ông là vị pháp sư thuyết pháp, trên pháp tòa chửi các vị tỳ-kheo nghe kinh giống như trâu. Đọa lạc đến hiện thời đã là năm trăm đời, đời đời kiếp kiếp [chịu báo như vậy]. Tuy đời này đã xuất gia, nhưng do cái tâm ấy, ông chẳng có trí huệ. Nay do ông đã sám hối, ta đổi tim cho ông. Ông sẽ có thể giảng kinh”. Vừa thay đổi, ông ta liền bắt đầu có thể giảng kinh cho các tỳ-kheo. Mọi người đặt cho ông

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

ta ngoài hiệu là “*Nguru Si pháp sư*”, trong lịch sử có nhân duyên như thế đó.

Nói một câu sai trái, mắng chửi người khác một câu, đều có nhân quả, quý vị mong không có chuyện gì, đâu có được! Đặc biệt là đệ tử Tam Bảo học pháp, mỗi lời nói, mỗi hành vi, quý vị phải đặc biệt chú ý. Ăn nói tùy tiện, đã tạo nghiệp mà vẫn chẳng biết. Nếu chúng ta muốn biết quả báo đang hứng chịu trong hiện tại [là do cái nhân nào], há có lẽ nào đều gặp Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bảo cho quý vị biết như vậy được? Chẳng gặp được đâu! Vậy thì gặp Địa Tạng Vương Bồ Tát, gặp kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Quý vị dùng Chiêm Sát Luân để chiêm sát, Địa Tạng Vương Bồ Tát sẽ bảo cho quý vị biết, cũng chẳng cần phải triều sơn (đến chiêm bái các danh sơn, thánh địa). Quý vị ngồi trong nhà bái sám là được rồi. Vừa gieo, từ trong một trăm tám mươi chín loại, quý vị đều có thể [biết]. Đợi cho tới khi chúng tôi giảng danh tướng của một trăm tám mươi chín thứ ấy, quý vị sẽ biết.

Có một trăm tám mươi chín loại, vì sao chỉ nói con số này? Do đâu mà có một trăm tám mươi chín loại ấy? Chỉ cần quý vị nương theo ba nghiệp thân, miệng, ý, lại thêm căn bản phiền não thành mười, mười nhân với mười. Tức là [ba nghiệp] nhân với ba đời, cộng thêm một căn bản vô minh thành mười. Ba lần sáu tức mười tám nghiệp trong hiện tại. [Mười tám nghiệp ấy] chính là sáu căn, sáu trần, sáu thức, ba loại ấy, [mỗi loại có sáu món], ba lần sáu thành mười tám. Mười tám nhân với mười [nghiệp vừa nói trên đây] thành một trăm tám mươi, cộng thêm mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý và thân, khẩu, ý trong hiện tại (là chín món), thành một trăm tám mươi chín.

[Để chiêm sát] con số này, ắt phải [gieo toàn bộ sáu cái luân thuộc loại thứ ba này] ba lượt. Khi gieo luân tướng, dùng con số từ cái luân thứ sáu do gieo ba lượt thì mới đạt được con số một trăm tám mươi chín. [Các con số nơi] cái luân thứ nhất là một, hai, ba, cho đến cái luân thứ sáu là mười sáu, mười bảy, mười tám. Cộng lại các con số từ ba lần gieo, con số (tổng số) lớn nhất sẽ là một trăm tám mươi chín. [Sở dĩ] gieo ba lượt là vì nhân duyên ba đời, cho nên phải gieo ba lượt. Nếu quý vị gieo ba lượt [mà các mặt luân ngửa lên] đều chẳng hiện, tức là các luân đều hiện mặt trống, tức là mười tám con số (có sáu cái luân, mỗi luân có ba con số) đều chẳng hiện, đều là mặt trống (mặt không ghi số), quý vị đã thành đạo, chẳng thuộc trong con số nữa; nhưng đạt đến mức độ ấy, quý vị cũng chẳng thể dùng Chiêm Sát Luân.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Vì khi quý vị gieo ra những con số ấy, trong khi quý vị dùng Chiêm Sát Luân, Địa Tạng Vương Bồ Tát nhất định hiện tiền. Địa Tạng Vương Bồ Tát hiện tiền thì mỗi lần gieo của quý vị mới chuẩn xác. Quý vị lay một thạt (bảy ngày), hai thạt (mười bốn ngày), nhưng gieo [luân tướng] chẳng đúng số, tức là những gì quý vị suy nghĩ trong tâm và con số hiện ra [nơi các luân tướng] cũng như những điều nói trong kinh Chiêm Sát không phù hợp, đó gọi là “*hư vọng*”. Vậy thì làm như thế nào? Lay lần nữa, gieo lại một lần nữa. Một ngày chẳng tương ứng, hai ngày chẳng tương ứng, có khi bảy ngày, mười bốn ngày vẫn đều chẳng tương ứng. Vì sao? Nghiệp của chúng ta quá nặng. Trước hết, phải lay mười bốn hay hai mươi một ngày để tiêu nghiệp rồi mới lại gieo. Chỉ là hễ tương ứng, thì hàng ngày sẽ tương ứng. Quý vị gieo vào sáng sớm mỗi ngày, sáng sớm mỗi ngày đều tương ứng.

Trong một trăm tám mươi chín con số ấy, mỗi số đều có biểu thị một ý nghĩa riêng. Dưới đây, chúng tôi sẽ đọc một trăm tám mươi chín con số ấy.

(Kinh) Nhất giả, cầu Thượng Thừa đắc bất thoái.

(經)一者、求上乘得不退。

(Kinh: Một là cầu Thượng Thừa được chẳng lui sụt).

Cầu Thượng Thừa đắc Bất Thoái là con số Một. Khi quý vị dùng sáu cái luân tướng [thuộc loại thứ ba] để gieo, gieo cả ba lần, chỉ hiện ra số một. Con số một ấy là gì? Cầu Thượng Thừa đã thành tựu, có thể đạt được quả vị viên mãn. Trong mỗi luân của sáu luân, ba mặt đều có viết chữ [biểu thị một con số từ một cho đến mười tám], một mặt bỏ trống. Sáu cái luân ấy được gieo ba lần, hai lần đều gieo ra toàn là mặt trắng, một lần gieo được năm cái luân đều là mặt trắng, và một cái luân hiện số một. Luân tướng có nhiều số như vậy, quý vị gieo ba lần chỉ được con số một. Nếu Địa Tạng Vương Bồ Tát chẳng đến, hoặc là thần hộ pháp của Địa Tạng Vương chẳng đến, quý vị sẽ chẳng gieo được. Đó là cầu Thượng Thừa, vì ta phát Bồ Đề tâm lợi ích chúng sanh. Nói dễ hiểu hơn là “*cầu Thượng Thừa, đắc Bất Thoái*”. Theo kinh Hoa Nghiêm, hàng Sơ Trụ Bồ Tát, còn trong các kinh Đại Thừa thì là người đã tiến nhập Thất Địa Bồ Tát mới có thể nói là “*bất thoái*”, cũng như hàng Nhị Thừa mà đã chứng đắc quả A La Hán thì mới gọi là “*bất thoái*”.

(Kinh) Nhị giả, sở cầu quả hiện đương chứng.

(經)二者、所求果現當證。

(Kinh: Hai là trong hiện tại sẽ chứng cái quả mong cầu).

Số Hai [biểu thị] cái sẽ chứng cái quả mong cầu trong hiện tại. Đó chẳng phải là cầu sanh thế giới Cực Lạc. Hiện thời mong cầu thành tựu, chứng quả, thành đạo, tức là các phiền não đều đoạn, đoạn Kiến Tư Hoặc, đoạn phiền não. Quả vị này chẳng nhất định, hoặc là quý vị cầu Sơ Quả, cầu Nhị Quả, cầu Tam Quả, hay Tứ Quả, hoặc là ta cầu Bồ Tát Thừa. Số một và số hai đại khái là Đại Thừa.

(Kinh) Tam giả, cầu Trung Thừa đắc bất thoái.

(經)三者、求中乘得不退。

(Kinh: Ba là cầu Trung Thừa bèn được bất thoái).

Số Ba là do người ấy cầm các luân tướng thuộc loại này gieo ba lượt, hiện ra con số Ba, [biểu thị] cầu trung thừa đắc Bất Thoái. Trung Thừa là Duyên Giác. Danh xưng Nhị Thừa là gọi gộp chung hai thừa Tiểu và Trung. Trung Thừa là Duyên Giác, Tiểu Thừa là Thanh Văn, Đại Thừa là Bồ Tát, hợp thành Tiểu, Trung, Đại trong giáo nghĩa.

(Kinh) Tứ giả, cầu Hạ Thừa đắc bất thoái.

(經)四者、求下乘得不退。

(Kinh: Bốn là cầu Hạ Thừa đắc bất thoái).

Con số Bốn là cầu Hạ Thừa đắc bất thoái. Hạ Thừa bao gồm nhân thiên. Muốn sanh lên trời, thì trong Phật giáo, mong sanh lên trời rất dễ dàng! Quý vị làm đôi chút thiện nghiệp, thiện nghiệp thành tựu thì quả báo là có thể sanh lên trời, đời sau có của cải, hoặc đời sau giàu có. [Hưởng quả báo tốt lành] trong nhân thiên khá dễ dàng, chứ chứng quả sẽ khó khăn. Cầu Hạ Thừa có thể được bất thoái. Trước hết, trong một trăm tám mươi chín loại luân tướng, ta gieo ba lần, chỉ hiện ra con số Bốn cũng chẳng dễ dàng. Nếu chẳng phải do Địa Tạng Bồ Tát ứng hiện, [con số ấy] tuyệt đối sẽ chẳng hiện cho quý vị. Mọi người đã nghe kinh, chẳng phải là mong dùng Chiêm Sát Luân liền dùng được! Tôi thấy người dùng rất ít, nhưng khi quý vị sử dụng thì phải hiểu: “Ta nhất định phải sanh tín tâm thanh tịnh kiên định”. Đó là cựa vào Tín thì mới có thể thành tựu. Nếu

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chẳng có tín tâm ấy, các điều đó sẽ chẳng thể thành tựu. Vì sao? Chẳng đạt được. Quý vị chẳng thể đạt được thành tựu. Cầu Hạ Thừa đắc Bất Thoái, bao gồm chuyện chúng ta cầu phước báo nhân thiên.

(Kinh) Ngũ giả, cầu thần thông đắc thành tựu.

(經)五者、求神通得成就。

(Kinh: Năm là cầu thần thông được thành tựu).

Chỉ mong cầu thần thông, chẳng mong cầu các thứ khác, sẽ có thể đạt được!

(Kinh) Lục giả, tu tứ phạm đắc thành tựu.

(經)六者、修四梵得成就。

(Kinh: Sáu là tu bốn loại phạm hạnh bèn được thành tựu).

Sự thanh tịnh này dễ dàng, Phạm Thiên thanh tịnh; nhưng ở đây lại bao hàm một ý nghĩa nữa, bao hàm điều gì vậy? Thanh tịnh chẳng phải là Phạm trong Phạm Thiên, nó bao gồm ý nghĩa tu Tứ Phạm Hạnh bèn được thành tựu. Tứ Phạm Hạnh là phạm hạnh thanh tịnh. Những gì là phạm hạnh thanh tịnh? Tứ Vô Lượng Tâm, tức từ, bi, hỷ, xả, tứ vô lượng. “Phạm” biểu thị thanh tịnh, tức là tu từ, bi, hỷ, xả thành tựu. Cái tâm thường trọn đủ tứ vô lượng tâm từ, bi, hỷ, xả.

(Kinh) Thất giả, tu thế Thiên đắc thành tựu.

(經)七者、修世禪得成就。

(Kinh: Bảy là tu Thiên thế gian bèn được thành tựu).

Tu “thế Thiên” tức là Thiên Định thế gian, chẳng phải là thoát sanh tử, chẳng phải là Thiên Định nhằm liễu sanh tử, mà là Định thuộc vào Tứ Thiên Thiên.

(Kinh) Bát giả, sở dục thọ đắc diệu giới.

(經)八者、所欲受得妙戒。

(Kinh: Tám là do lòng mong muốn bèn được thọ giới mầu nhiệm).

Quý vị bái sám, mục đích bái sám là mong đạt được luân tướng [thanh tịnh]. Khi đạt được luân tướng, sẽ đạt được tướng giới thể. Khi chúng ta cầu giới, nếu không đắc giới thì dùng bái sám để cầu đắc giới, thỉnh Địa Tạng Bồ Tát truyền trao giới. “Sở dục” nghĩa là ta cầu giới, mong đắc giới, đạt được giới thể. “Đắc diệu giới” là đã đắc giới thể.

(Kinh) Cửu giả, sở tằng thọ đắc cụ giới.

(經)九者、所曾受得戒具。

(Kinh: Chín là đạt được giới trọn đủ nơi các giới đã từng thọ).

“Sở tằng thọ” (Đã từng thọ) là trong quá khứ, quý vị đã thọ Ngũ Giới, tám giới, Bồ Tát giới, hoặc là thọ tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni giới, Sa Di, Sa Di Ni giới. Quý vị bái sám với mục đích cầu đắc giới, luân tướng [sẽ hiện tướng] cho biết quý vị đã đắc giới. Đắc thanh tịnh thì luân tướng bèn hiện số chín, [tức là] quý vị gieo ba lượt, các con số gieo được cộng lại sẽ là chín. Ất cần phải là [tổng số của các] con số từ ba lượt gieo, con số hiện ra trong một trăm tám mươi chín trường hợp là chín. Quý vị gieo ba lượt, những mặt khác gieo ra là trống, cộng [những con số từ các mặt có số đã hiện ra] sẽ là chín, thì là đúng (tương ứng) với trường hợp này.

(Kinh) Thập giả, cầu Thượng Thừa vị trụ tín.

(經)十者、求上乘未住信。

(Kinh: Mười là cầu Thượng Thừa, nhưng chưa trụ nơi tín tâm).

Ta mong cầu pháp Thượng Thừa, chỉ có thể cầu đắc tín tâm. Đã trụ trong tín tâm tức là tín thành tựu.

(Kinh) Thập nhất giả, cầu Trung Thừa vị trụ tín. Thập nhị giả, cầu Hạ Thừa vị trụ tín.

(經)十一者、求中乘未住信。十二者、求下乘未住信。

(Kinh: Mười một là cầu Trung Thừa nhưng chưa trụ nơi tín tâm. Mười hai là cầu Hạ Thừa nhưng chưa trụ nơi tín tâm).

Nay tín tâm của quý vị vẫn chẳng thành tựu, quý vị vẫn tiếp tục tu. Bất luận ta tu pháp Tiểu Thừa, Trung Thừa, Đại Thừa, Thanh Văn, Duyên Giác, hay Bồ Tát, nay quý vị vẫn chưa có thành tựu, luân tướng sẽ cho quý vị biết quý vị chưa tu thành. Khi quý vị hỏi “tôi đắc giới hay không”,

hoặc “tu có thành tựu hay không”, luân tướng sẽ cho quý vị biết “chưa tu thành!”

(Kinh) Thập tam giả, sở quán nhân vi thiện hữu.

(經)十三者、所觀人爲善友。

(Kinh: Mười ba: Người được quán là bạn lành).

Người ấy muốn kết bạn với ta, là người tốt hay kẻ xấu? Có thể kết giao với kẻ ấy hay không? Quý vị gieo luân tướng, cộng các con số từ ba lượt gieo thành con số mười ba, [biểu thị] quý vị quan sát người ấy là bạn lành, là người tốt, là thiện nhân.

(Kinh) Thập tứ giả, tùy sở văn thị chánh pháp.

(經)十四者、隨所聞是正法。

(Kinh: Mười bốn: Điều được nghe là chánh pháp).

Những điều quý vị nghe hoặc thấy người khác nói đều là chánh pháp, chẳng sai!

(Kinh) Thập ngũ giả, sở quán nhân vi ác hữu.

(經)十五者、所觀人爲惡友。

(Kinh: Mười lăm: Kẻ được quán là bạn ác).

Đây là xem ta có nên kết bạn với người ấy hay không? Nếu là bạn lành thì quý vị có thể kết giao. Nếu [từ chiêm sát luân tướng, luân tướng bảo] kẻ đó là người xấu, quý vị chớ nên làm bạn với kẻ đó. Nếu quý vị muốn kết giao với ai đó, hãy dùng Chiêm Sát Luân để gieo luân tướng, xem Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo ta có nên kết giao với kẻ đó hay không? Địa Tạng Vương Bồ Tát nói kẻ đó là người tốt thì có thể kết giao. Nói kẻ đó là người xấu thì quý vị chớ nên kết giao.

(Kinh) Thập lục giả, tùy sở văn phi chánh giáo.

(經)十六者、隨所聞非正教。

(Kinh: Mười sáu: Điều được nghe chẳng phải là chánh giáo).

Nếu quý vị nghe người ta giảng kinh, có nơi nào giảng kinh mà quý vị muốn nghe. Trước hết, quý vị hãy chiêm sát một phen. [Luân tướng cho biết] những điều người ấy giảng chẳng phải là chánh pháp. Những điều được nghe chẳng phải là chánh giáo, những điều quý vị nghe người đó nói đều chẳng phải là chánh pháp.

(Kinh) Thập thất giả, sở quán nhân hữu thật đức.

(經)十七者、所觀人有實德。

(Kinh: Mười bảy: Người được quán có đức hạnh thật sự).

Quý vị thấy người ấy diện mạo chẳng sáng sủa, tướng mạo cũng chẳng ra làm sao. Vậy thì quý vị gieo Chiêm Sát Luân đôi chút. [Luân tướng nói] người ấy có thật đức; đức chẳng ở bên ngoài, mà là ở bên trong. Quán người ấy có thật đức, tức là trong tâm hàm chứa đức. Chúng ta thường nói là “*nội thâu*” (內秀, từ trong thâu lộ ra ngoài, tức nét đẹp nội tâm).

(Kinh) Thập bát giả, sở quán nhân vô thật đức.

(經)十八者、所觀人無實德。

(Kinh: Mười tám: Người được quán không có thật đức).

Người ấy chẳng có thật đức, nhưng chẳng phải là người xấu, tức là người ấy đức chưa đủ.

(Kinh) Thập cửu giả, sở quán nghĩa bất thác mậu. Nhị thập giả, sở quán nghĩa thị thác mậu.

(經)十九者、所觀義不錯謬。二十者、所觀義是錯謬。

(Kinh: Mười chín: Nghĩa được quán chẳng sai lầm. Hai mươi: Nghĩa được quán là sai lầm).

Đạo nghĩa được nói trong kinh này, hay trong bộ luận này là chánh xác hay sai lầm? Chẳng sai lầm thì là chánh xác. Nghĩa được quán là sai lầm, quý vị thấy một quyển sách, quý vị chẳng biết, chẳng thể phán đoán những điều sách nói có phải là chánh nghĩa hay không? Vậy thì quý vị hãy gieo Chiêm Sát Luân, [luân tướng] sẽ cho quý vị biết.

(Kinh) Nhị thập nhất giả, hữu sở tụng bất thác mậu. Nhị thập nhị giả, hữu sở tụng thị thác mậu.

(經)二十一者、有所誦不錯謬。二十二者、有所誦是錯謬。

(Kinh: Hai mươi một: Điều đọc tụng chẳng sai lầm. Hai mươi hai: Điều được đọc tụng là sai lầm).

Chuyện này chẳng cần giải thích, vì ai nấy đều có thể hiểu.

(Kinh) Nhị thập tam giả, sở tu hành bất thác mậu.

(經)二十三者、所修行不錯謬。

(Kinh: Hai mươi ba: Điều tu hành chẳng sai lầm).

Điều trước là đọc tụng; còn điều này là hành đạo. Tu hành, hoặc khi quý vị tu Định, có đúng hay không? Quý vị tu Định, sợ hành theo tà định, sợ đi sai đường, hãy dùng Chiêm Sát Luân để chiêm sát một phen. Chẳng sai lầm thì quý vị có thể tiếp tục tu.

(Kinh) Nhị thập tứ giả, sở kiến văn thị thiện tướng. Nhị thập ngũ giả, sở chứng vi chân thật.

(經)二十四者、所見聞是善相。二十五者、有所證爲真實。

(Kinh: Hai mươi bốn: Điều thấy nghe là tướng lành. Hai mươi lăm: Điều đã chứng là chân thật).

Đây là bản thân đã chứng đắc mà chính mình chẳng nhận biết, hoặc là đã đoạn phiền não, hoặc đã đoạn tập khí, cho đến chính mình cho rằng bản thân dường như đã khai ngộ, hoặc hiểu rõ, bèn cầu Địa Tạng Vương Bồ Tát chứng thực cho quý vị một phen.

(Kinh) Nhị thập lục giả, hữu sở học thị thác mậu.

(經)二十六者、有所學是錯謬。

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

(Kinh: Hai mươi sáu: Điều đã học là sai lầm).

Quý vị học điều ấy chẳng chánh xác, chớ nên học!

(Kinh) Nhị thập thất giả, sở kiến văn phi thiện tướng.

(經)二十七者、所見聞非善相。

(Kinh: Hai mươi bảy: Điều được thấy nghe chẳng phải là tướng lành).

Những điều được thấy nghe chẳng phải là thiện tướng. Điều này bao gồm cả chuyện quý vị nằm mộng, mộng thấy Bồ Tát hiện thân! Hoặc là mộng thấy Quán Thế Âm, mộng thấy Địa Tạng Bồ Tát, hoặc mộng thấy A Di Đà Phật. Quý vị bèn gieo quẻ, [luân tướng] sẽ bảo cho quý vị biết đó chẳng phải là thiện tướng, mà là ma nghiệp.

(Kinh) Nhị thập bát giả, hữu sở chứng phi chánh pháp.

(經)二十八者、有所證非正法。

(Kinh: Hai mươi tám: Có những điều đã chứng đắc chẳng phải là chánh pháp).

Chính mình cảm nhận đã chứng đắc, hoặc có thần thông, [nhưng chiêm sát thì luân tướng cho biết] đây là tà môn, chẳng phải là chánh pháp.

(Kinh) Nhị thập cửu giả, hữu sở hoạch tà thần trì.

(經)二十九者、有所獲邪神持。

(Kinh: Hai mươi chín: Có các điều đạt được là do tà thần hộ trì).

Quý vị cảm thấy có hộ pháp, hãy gieo Chiêm Sát Luân. Địa Tạng Bồ Tát cho biết: Đây là tà thần, chẳng phải là chánh thần, quý vị phải đoạn tuyệt.

(Kinh) Tam thập giả, sở năng thuyết tà trí biện.

(經)三十者、所能說邪智辯。

(Kinh: Ba mươi: Điều có thể nói ra là do tà trí biện luận).

Có những người ăn nói khéo lắm, giảng giải rất nhiều thứ. Quý vị hỏi Địa Tạng Bồ Tát, người ấy có phải là trí huệ thật sự hay không? Ngài sẽ dạy: Đó chẳng phải là trí huệ thật sự, mà là tà tri tà kiến. Ngài dạy quý vị chớ nên thân cận.

(Kinh) Tam thập nhất giả, sở huyền tri phi nhân lực.

(經)三十一者、所玄知非人力。

(Kinh: Ba mươi một: Biết điều huyền diệu chẳng phải là do sức người).

“Huyền” có nghĩa là “điều tướng”, hoặc chuyện vi diệu. Nói một người làm chuyện huyền diệu lắm, “huyền diệu” là dường như chẳng thể nghĩ bàn. Hiện tượng huyền diệu chẳng phải do sức người mà có thể thực hiện được, có khi là do tà thần gia trì. Đối với chuyện huyền diệu [được biểu thị bằng con số này], biết là Phật, Bồ Tát gia trì, vì đối chiếu với kinh văn trong phần trước có nói: “Sở kiến văn phi thiện tướng” (Điều thấy nghe chẳng phải là tướng lành).

(Kinh) Tam thập nhị giả, ưng tiên tập quán trí đạo.

(經)三十二者、應先習觀智道。

(Kinh: Ba mươi hai: Hãy nên tu tập quán trí đạo trước đã).

Trong khi quý vị tu hành, chẳng biết căn cơ của chính mình học gì thì tốt đẹp. Địa Tạng Vương Bồ Tát liền bảo cho quý vị biết: Trước hết, hãy học quán tưởng, tức là quán trí đạo, do quý vị quán tưởng sẽ phát ra trí huệ. “Đạo” ở đây là nói tới Bồ Đề đạo. Do quý vị quán tưởng mới có thể nhập đạo, mới có thể phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo.

(Kinh) Tam thập tam giả, ưng tiên tập Thiền Định đạo.

(經)三十三者、應先習禪定道。

(Kinh: Ba mươi ba: Hãy nên tu tập Thiền Định đạo trước).

Đối với căn cơ và tình huống của quý vị, hãy nên tu gì mới nên. [Gieo luân tướng, hiện ra con số này, tức là] Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy quý vị hãy tu Thiền Định trước. Nhưng các đạo hữu tu Thiền Định, có khi trước hết phải “luyện bấp đùi”, tức là luyện xép chéo chân ngồi kiết già.

Chẳng nhất định phải làm như thế! Khi tập Thiền Định, có hai loại, một loại là ngồi, loại khác là hành động. Thiền trong khi hành động là Động. Quý vị niệm kinh cũng thế, vì quý vị làm hết thấy các Phật sự cũng thế, đều có thể nhập Định. Nhưng điều đầu tiên là phải điều hòa cái thân, sau đó phải điều tâm. Đã điều thân và điều tâm rồi thì mới có thể tu Định. Phương pháp điều thân rất nhiều, tùy thuộc quý vị thấy môn nào thích hợp nhất.

Nói đến “*đả tọa*” (tĩnh tọa), thân thể của quý vị phải ngồi sao cho chẳng khòm về trước, chẳng ngửa ra sau, phải ngồi cho ngay ngắn. Ở đây, tôi chẳng cần nói cặn kẽ chuyện này. Khi quý vị muốn học Thiền Định, trước hết phải luyện tập, dần dần có thể nhập môn thì quý vị mới có thể định. Hoặc là trong khi giải nói, cũng có thể nhập định; hoặc trong khi hành động, cũng có thể nhập định. Nhưng trong quốc độ này, [để tu Thiền Định] thân thể của chúng ta hãy nên tĩnh tọa. Tĩnh tọa thì cái tâm của quý vị mới có thể tương ứng. Đối với chúng ta, tĩnh trong động chẳng dễ dàng! Hãy nên tĩnh để tu tập Định.

(Kinh) Tam thập tứ giả, quán sở học vô chướng ngại.

(經)三十四者、觀所學無障礙。

(Kinh: Ba mươi bốn: Quán điều đã học chẳng chướng ngại).

Nếu ta muốn học tập một pháp môn, nhưng chính mình chẳng thể quyết đoán được là đúng hay không, quý vị hãy dùng Chiêm Sát Luân để chiêm sát đôi chút. Địa Tạng Vương Bồ Tát sẽ dạy quý vị. Ngài nói có thể học chẳng bị chướng ngại, có thể thành tựu, quý vị sẽ học.

(Kinh) Tam thập ngũ giả, quán sở học thị sở nghi. Tam thập lục giả, quán sở học phi sở nghi.

(經)三十五者、觀所學是所宜。三十六者、觀所學非所宜。

(Kinh: Ba mươi lăm: Quán điều được học là thích hợp. Ba mươi sáu: Quán điều được học là chẳng thích hợp).

Điều quý vị học có thích hợp [căn cơ] hay không? [Chiêm Sát Luân] sẽ cho quý vị biết có thích hợp hay không. Không thích hợp thì quý

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

vị chẳng cần học. Thích hợp thì có thể đạt được lợi ích, có thể tiến nhập, quý vị hãy học.

(Kinh) Tam thập thất giả, quán sở học thị túc tập. Tam thập bát giả, quán sở học phi túc tập.

(經)三十七者、觀所學是宿習。三十八者、觀所學非宿習。

(Kinh: Ba mươi bảy: Quán điều được học là pháp đã tu tập từ đời trước. Ba mươi tám: Quán điều được học chẳng phải là pháp đã tu tập từ đời trước).

Quan sát điều quý vị học, vì trong quá khứ, quý vị đã từng học tập, [hiện thời], hễ học liền tiến nhập. Đó là điều đã được học tập trong đời trước. Nếu điều quý vị học mà chưa từng học trong quá khứ, sẽ rất xa lạ. Do vậy, trong khi quý vị học tập, chẳng biết ta đã từng học pháp ấy hay chưa. Tương tự, dường như đã học qua, lại dường như chưa hề học qua. Chúng ta xuất gia đều có cảm giác ấy, quý vị cảm giác trong quá khứ chính mình đã xuất gia, đời trước đã từng xuất gia, hiện thời quý vị có cảm giác ấy. Khi quý vị dùng Chiêm Sát Luân, nó sẽ cho quý vị biết trong đời quá khứ quý vị là người xuất gia thì đời này quý vị sẽ có thể tiến nhập.

(Kinh) Tam thập cửu giả, quán sở học thiện tăng trưởng.

(經)三十九者、觀所學善增長。

(Kinh: Ba mươi chín: Quán điều được học sẽ tăng trưởng điều lành).

Xem xét quý vị học [pháp ấy, sẽ] có thể tăng trưởng, [tức là] tăng trưởng thiện căn, tăng trưởng đạo hạnh của quý vị.

(Kinh) Tứ thập giả, quán sở học phương tiện thiểu. Tứ thập nhất giả, quán sở học vô tấn thú.

(經)四十者、觀所學方便少。四十一者、觀所學無進趣

。

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

(Kinh: Bốn mươi: Quán điều được học là phương tiện ít. Bốn mươi một: Quán điều được học chẳng tiến nhập).

Quán điều đã học, phương tiện ít, [tức là] quý vị học pháp môn này chẳng đủ phương tiện thiện xảo. Không có phương tiện thiện xảo, quý vị chẳng thể tiến nhập, hoặc tiến nhập rất khó khăn. Nếu ta học giới, quý vị gieo cái luân ấy, vậy thì trước hết quý vị phải học. Trì giới thì ắt trước hết cần phải biết “*khai, giá, trì, phạm*”. Mỗi điều giới luật đều có rất nhiều khai duyên. Bất luận giới điều nào, sẽ có tám duyên, hoặc sáu duyên, hoặc mười duyên. Khi ta trì giới gặp chướng ngại, làm như thế nào? Đức Phật có mấy loại khai duyên chẳng phạm giới, mỗi giới điều đều có [các loại khai duyên]. Nếu các đạo hữu đã xem Giới Tướng Biểu của pháp sư Hoàng Nhất, quý vị chẳng xem toàn văn giới luật, chỉ xem Giới Tướng Biểu thì cũng có thể hiểu như thế nào là “*khai, giá, trì, phạm*”.

(Kinh) Tứ thập nhị giả, sở cầu quả hiện vị đắc.

(經)四十二者、所求果現未得。

(Kinh: Bốn mươi hai: Chưa đạt được cái quả mong cầu trong hiện tại).

Khi chúng ta tu hành, mong cầu chứng đắc, tuy hiện tại chưa đạt được, trong tương lai, quý vị sẽ có thể đạt được. Chớ nên buông bỏ, cứ kiên trì. Nếu quý vị tu pháp môn này mà trong hiện thời chưa đạt được, trong tương lai cũng chẳng đạt được, quý vị còn học pháp ấy để làm gì? Có thể buông bỏ pháp ấy, chẳng cần học nữa!

(Kinh) Tứ thập tam giả, cầu xuất gia đương đắc khứ.

(經)四十三者、求出家當得去。

(Kinh: Bốn mươi ba: Cầu xuất gia, sẽ đi xuất gia được).

Tôi tính phát tâm xuất gia, bèn thỉnh Địa Tạng Bồ Tát dạy cho biết, có thể xuất gia thành công hay không? [Luân tướng] cho biết “cầu xuất gia sẽ được”, quý vị đi xuất gia! Hễ cầu, liền có thể cầu được!

(Kinh) Tứ thập tứ giả, cầu văn pháp đắc giáo thị.

(經)四十四者、求聞法得教示。

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

(Kinh: Bốn mươi bốn: Cầu nghe pháp sẽ được dạy bảo).

Cầu nghe pháp sẽ được dạy bảo, có thể được nghe.

(Kinh) Tứ thập ngũ giả, cầu kinh quyển đắc độ tụng.

(經)四十五者、求經卷得讀誦。

(Kinh: Bốn mươi lăm: Cầu kinh quyển sẽ được đọc tụng).

Có thể đạt được kinh tụng, có thể có được kinh quyển.

(Kinh) Tứ thập lục giả, quán sở tác thị ma sự.

(經)四十六者、觀所作是魔事。

(Kinh: Bốn mươi sáu: Quán việc làm là ma sự).

Đừng nên làm, quý vị làm chuyện ấy chẳng liên quan gì đến việc tu hành của chính mình, chẳng ăn nhập gì cả, làm sai mất rồi. Quý vị đừng nên làm, nếu làm sẽ sanh ma chướng.

(Kinh) Tứ thập thất giả, quán sở tác sự thành tựu. Tứ thập bát giả, quán sở tác sự bất thành. Tứ thập cửu giả, cầu đại phú tài doanh mẫn.

(經)四十七者、觀所作事成就。四十八者、觀所作事不成。四十九者、求大富財盈滿。

(Kinh: Bốn mươi bảy: Quán chuyện làm thành tựu. Bốn mươi tám: Quán chuyện làm chẳng thành. Bốn mươi chín: Cầu của cải to lớn bèn được tràn đầy).

Cầu của cải to lớn bèn được tràn đầy. Đây là nói theo phía các đạo hữu tại gia. Quý vị mong cầu phát tài, [mà gieo luân tương] được con số này thì sẽ có thể phát tài.

(Kinh) Ngũ thập giả, cầu quan vị đương đắc hoạch. Ngũ thập nhất giả, cầu thọ mạng đắc diên niên. Ngũ thập nhị giả, cầu thế tiền đương đắc hoạch.

(經)五十者、求官位當得獲。五十一者、求壽命得延年。五十二者、求世仙當得獲。

(Kinh: Năm mươi: Cầu quan chức sẽ đạt được. Năm mươi một: Cầu thọ mạng, sẽ được tăng tuổi thọ. Năm mươi hai: Cầu thành tiên trong cõi đời thì sẽ đạt được).

Cầu quan chức sẽ đạt được, cầu thọ mạng sẽ được tăng thọ, cầu thành tiên trong cõi đời sẽ đạt được. Học Đạo giáo, học thuật tu tiên, học Khí Công, khi quý vị học những thứ đó, dùng Chiêm Sát Luân để chiêm sát, [luân tướng] sẽ cho biết quý vị có thể thành công, nhưng [đạt được các thứ đó] sẽ chẳng thể liễu sanh tử, chỉ có thể thành tựu của cải trong thế gian.

(Kinh) Ngũ thập tam giả, quán học vấn đa sở đạt. Ngũ thập tứ giả, quán học vấn thiếu sở đạt. Ngũ thập ngũ giả, cầu sư hữu đắc như ý. Ngũ thập lục giả, cầu đệ tử đắc như ý. Ngũ thập thất giả, cầu phụ mẫu đắc như ý. Ngũ thập bát giả, cầu nam nữ đắc như ý. Ngũ thập cửu giả, cầu thân thiếp đắc như ý. Lục thập giả, cầu đồng bạn đắc như ý.

(經)五十三者、觀學問多所達。五十四者、觀學問少所達。五十五者、求師友得如意。五十六者、求弟子得如意。五十七者、求父母得如意。五十八者、求男女得如意。五十九者、求妻妾得如意。六十者、求同伴得如意。

(Kinh: Năm mươi ba: Quán đạt được nhiều học vấn. Năm mươi bốn: Quán học vấn đạt được ít. Năm mươi lăm: Cầu thầy bạn được như ý. Năm mươi sáu: Cầu đệ tử được như ý. Năm mươi bảy: Cầu cha mẹ được như ý. Năm mươi tám: Cầu con trai, con gái, được như ý. Năm mươi chín: Cầu thân thiếp được như ý. Sáu mươi: Cầu đồng bạn được như ý).

Có thể thỏa mãn ý nguyện tâm sư học đạo của quý vị. Cầu đệ tử được như ý, cầu cha mẹ được như ý, cầu con trai, con gái đều được như ý, cầu vợ hay chồng đều được như ý, cầu đồng bạn được như ý.

(Kinh) Lục thập nhất giả, quán sở lự đắc hòa hợp.

(經)六十一者、觀所慮得和合。

(Kinh: Sáu mươi một: Quán thấy điều lo toan được ứng hợp).

“Sở lự” (所慮) là ưu lự, quý vị làm chuyện gì mà chẳng quyết đoán được, rất lo âu. [Luân tướng] cho biết: Quý vị có thể làm được chuyện ấy, chẳng cần phải lo rầu, có thể hòa hợp (tức là kết quả sẽ thuận theo lòng mong muốn).

(Kinh) Lục thập nhị giả, sở quán nhân tâm hoài khuể.

(經)六十二者、所觀人心懷恚。

(Kinh: Sáu mươi hai: Người được quán ôm lòng giận [đối với ta]).

Quý vị thấy người ấy dường như chẳng thoải mái, quý vị chiêm sát [để biết] vì sao? [Luân tướng] cho biết người đó rất tức giận quý vị, quý vị đừng chọc giận kẻ đó nữa. Nếu quý vị chọc giận hắn, không chừng hắn sẽ trả thù, sẽ xa cách người đó một chút.

(Kinh) Lục thập tam giả, cầu vô hận đắc hoan hỷ. Lục thập tứ giả, cầu hòa hợp đắc như ý.

(經)六十三者、求無恨得歡喜。六十四者、求和合得如意。

(Kinh: Sáu mươi ba: Cầu chẳng hận, được hoan hỷ. Sáu mươi tư: Cầu hòa hợp được như ý).

Xét mối quan hệ giữa người ấy với ta. Ta, người, kẻ khác, con người chẳng lìa mối quan hệ “ta, người, kẻ khác”. Chẳng có tâm sân hận thì người như thế có thể qua lại, đôi bên có thể nảy sinh niềm hoan hỷ. Kẻ ôm lòng giận đối với quý vị sẽ chẳng qua lại. Bản thân người đó bất mãn quý vị, quý vị vẫn thân cận người đó, người đó sẽ trả đũa. Điều này cho thấy chúng ta qua lại với người khác, thưa hỏi Địa Tạng Vương Bồ Tát có giao du được hay không. Đây là nói cho quý vị biết về mối quan hệ giữa con người với nhau.

(Kinh) Lục thập ngũ giả, sở quán nhân tâm hoan hỷ. Lục thập lục giả, sở tư nhân đắc hội kiến. Lục thập thất giả, sở tư nhân bất phục hội.

(經)六十五者、所觀人心歡喜。六十六者、所思人得會見。六十七者、所思人不復會。

(Kinh: Sáu mươi lăm: Tâm người được quán hoan hỷ. Sáu mươi sáu: Được thấy người mà ta nghĩ đến. Sáu mươi bảy: Chẳng gặp lại người ta nghĩ đến).

“Chẳng gặp nữa” là vì người đó chẳng còn trong cõi đời, hoặc người ấy đã hết duyên với quý vị!

(Kinh) Lục thập bát giả, sở thỉnh hoán đắc lai tập. Lục thập cửu giả, sở tăng ố đắc ly chi. Thất thập giả, sở ái kính giả đắc cận chi.

(經)六十八者、所請喚得來集。六十九者、所憎惡得離之。七十者、所愛敬得近之。

(Kinh: Sáu mươi tám: Người được mời gọi sẽ nhóm đến. Sáu mươi chín: Được xa lìa kẻ ta chán ghét. Bảy mươi: Được thân cận với người mà ta yêu kính).

“Sở thỉnh hoán đắc lai tập” là quý vị muốn mời khách, quý vị chiêm sát để biết có mời được hay không. Xa lìa kẻ mà ta chán ghét, được thân cận người mà ta yêu kính.

(Kinh) Thất thập nhất giả, quán dục tụ, đắc hòa tập. Thất thập nhị giả, quán dục tụ, bất hòa tập.

(經)七十一者、觀欲聚得和集。七十二者、觀欲聚不和集。

(Kinh: Bảy mươi một: Quán người muốn tụ tập sẽ nhóm tới. Bảy mươi hai: Quán người muốn tụ tập chẳng nhóm tới).

“Dục tụ” (Muốn tụ tập) là cầu vợ con, cầu bằng hữu, cầu lục thân quyến thuộc có thể tụ hội với nhau. Lại quán người mà ta muốn tụ tập chẳng thể tụ họp, chẳng thể tới, chẳng tụ hội với nhau được!

(Kinh) Thất thập tam giả, sở thỉnh hoán bất đắc lai. Thất thập tứ giả, sở kỳ nhân tất đương chí.

(經)七十三者、所請喚不得來。七十四者、所期人必當至。

(Kinh: Bảy mươi ba: Người được mời gọi chẳng tới. Bảy mươi bốn: Người mà ta mong đợi ắt sẽ đến).

Quý vị thỉnh người ta, hoặc vì người ấy không có thời gian, hay người ta chẳng muốn đến, chớ nên mời nữa. Những con số này đều nhằm báo trước, người được quý vị mời sẽ chẳng đến, quý vị chẳng cần phải mời nữa. Người mà quý vị mời sẽ tới ngay lập tức, quý vị cũng chẳng cần phải chờ đợi. Đây đều là khi quý vị gặp chuyện gấp rút hay hoài nghi, nóng ruột mà mời người ta chẳng được, bèn chiêm sát, [người mà ta mong đợi] có đến hay không? [Luân tướng] bảo “có thể đến” thì quý vị đợi thêm một lát. Nếu [luân tướng] bảo “người được quý vị mời chẳng thể tới”, quý vị chẳng cần phải chờ nữa, người ta chẳng tới!

(Kinh) Thất thập ngũ giả, sở kỳ nhân trụ bất lai.

(經)七十五者、所期人住不來。

(Kinh: Bảy mươi lăm: Người mà ta mong mời tới ở lại, sẽ chẳng đến).

Người mà ta mong đợi chẳng thể tới.

Một trăm tám mươi chín loại này chính là chuyện gì Địa Tạng Bồ Tát cũng bảo cho chúng ta biết. Người học Chiêm Sát tướng pháp muốn sử dụng linh nghiệm, chuyện lớn hay nhỏ gì cũng đều phải đến Phật đường hỏi Địa Tạng Bồ Tát, dâng hương, đánh lễ ba lượt, gieo luân tướng để thỉnh thị Bồ Tát. Chẳng phải là nói quý vị hằng ngày lễ bái [thì sử dụng được ngay], mà là cho đến khi quý vị bái sám viên mãn, sau đấy sử dụng Chiêm Sát Luân tướng pháp này, hễ sử dụng đều linh.

Tập 9

Nói tới “*tập khí*” là nói đến tập khí của tôi, vì tôi lên lớp tại Phật Học Viện đã có thói quen cầm lấy sách giáo khoa rồi lên trước lớp giảng

bài, chẳng có thói quen làm nghi thức [thỉnh pháp sư, cầu gia bị]. [Thuyết pháp tại đạo tràng] thì trước khi thăng tòa, phải thực hiện nghi thức này. Trong các năm qua, đại khái là tôi đã giảng kinh mười mấy năm rồi, do toàn giảng kinh tại Phật Học Viện, cứ cầm sách đến giảng đường bèn giảng, chẳng làm một Phật sự nào, do chẳng có thời gian. Thói quen tạo thành như vậy, sức mạnh của thói quen mà! Nay chúng ta học Chiêm Sát Luân vì muốn thay đổi sức mạnh của thói quen. Sức mạnh của thói quen chính là sanh tử, chẳng phải là liễu sanh tử. Chúng ta phải sửa thói quen sanh tử thành chẳng sanh tử.

Con số hiện ra bởi luân tướng là vì trong tâm chúng ta mong cầu muốn biết điều gì. Quý vị muốn mời một người đến, mời chẳng được. Mời mọc hoặc kêu gọi một người, nhưng người ta chẳng đến. Nhưng quý vị hy vọng người ta sẽ đến, rất nóng ruột chờ đợi, hãy tới Phật đường thưa hỏi Địa Tạng Bồ Tát một phen, thưa: “Con thỉnh người ấy, sẽ có thể đến hay không?” Ở đây, có mấy con số; chẳng hạn như bắt đầu từ số bảy mươi ba, quý vị muốn mời một người mà người ấy chẳng tới được, hoặc là quý vị muốn thỉnh một người, người ấy có thể tới. Có thể tới, nhưng hiện thời chưa đến. Số bảy mươi lăm là mời một người có thể ở lại chỗ quý vị, [người ấy] nhận lời ở lại chỗ quý vị. Quý vị mời người ta, nhưng người ta chẳng thể ở lại chỗ quý vị, mà ở nơi khác. Con số ấy cho chúng ta biết: Chúng ta muốn mời một người có mối quan hệ rất lớn đối với chúng ta, có thể giải quyết vấn đề, cho nên quý vị rất sốt ruột. Vậy thì quý vị thưa hỏi Địa Tạng Bồ Tát, xin Địa Tạng giúp đỡ, quý vị nhất định muốn mời người đó, người ta không đến. Quý vị bèn bái sám, hy vọng Bồ Tát gia trì, người ấy sẽ bị động tâm, sẽ có thể đến!

(Kinh) Thất thập lục giả, sở quán nhân đắc an cát. Thất thập thất giả, sở quán nhân bất an cát.

(經)七十六者、所觀人得安吉。七十七者、所觀人不安吉。

(Kinh: Bảy mươi sáu: Người được quán an tường, tốt lành. Bảy mươi bảy: Người được quán chẳng an tường, tốt lành).

Thân nhân của quý vị hiện thời có vấn đề, chẳng được an tường, tốt lành, quý vị có thể chiêm sát để thưa hỏi. [Luân tướng] sẽ cho quý vị biết: Người được quán (tức người được hỏi về tình hình qua luân tướng) được

an bình, tốt lành, chẳng cần phải bận lòng! Hoặc bảo với quý vị: Người do quý vị quán chẳng an bình, tốt lành, không ổn!

(Kinh) Thất thập bát giả, sở quán nhân dĩ vô thân.

(經)七十八者、所觀人已無身。

(Kinh: Bảy mươi tám: Người được quán đã chẳng còn thân).

Người được quý vị quán đã chẳng còn thân thể. Nói đơn giản là đã chết. Còn có một trường hợp nữa là người mà quý vị quán đã thành đạo. Đã thành đạo thì cũng chẳng có thân. Đã đoạn phiền não, chứng đắc Không Đé, chẳng còn nữa, dầu có thân mà giống như chẳng có thân. Chẳng hạn như tại Ngũ Đài Sơn, một tiểu quý muốn đến bắt một vị hòa thượng. Tiểu quý ấy đến núi tìm vị hòa thượng ấy mà chẳng trông thấy, tìm chẳng được, bèn hỏi thổ địa ở nơi ấy: “Vị sư phụ này vốn ở đây, có sao chẳng có mặt?” Thổ địa nói: “Thầy ấy đang nhập Định”. Điều này cho thấy: Khi quý vị tu đạo, lúc nhập Định, quý thân chẳng trông thấy, thấy trống rỗng. Nếu ai thật sự chứng đắc Không Định, tuy có nhục thể, quý thân đều chẳng trông thấy, giống như là chẳng có. Cho nên quý vị quán thấy người ấy không có thân thể. Trường hợp chết rồi hỏa táng thì cũng chẳng có thân thể.

(Kinh) Thất thập cửu giả, sở vọng kiến đắc đồ chi. Bát thập giả, sở cầu mịch đắc kiến chi.

(經)七十九者、所望見得睹之。八十者、所求覓得見之

•

(Kinh: Bảy mươi chín: Điều mong thấy sẽ được trông thấy. Tám mươi: Thứ tìm kiếm sẽ được thấy).

Người mong trông thấy sẽ có thể nhìn thấy. Quý vị tìm kiếm ai cũng có thể tìm được. Người quý vị cầu mà chẳng được thấy, chẳng trông thấy.

(Kinh) Bát thập nhất giả, cầu sở văn đắc cát ngữ. Bát thập nhị giả, sở cầu kiến bất như ý.

(經)八十一者、求所聞得吉語。八十二者、所求見不如意。

(Kinh: Tám mươi một: Cầu được nghe, sẽ được nghe lời tốt lành. Tám mươi hai: Điều cầu được thấy sẽ chẳng như ý).

Được nghe lời lẽ tốt lành, lợi lạc, có lợi cho quý vị. Quý vị toàn nghe những điều tốt đẹp từ kinh. Quý vị nghe những lời chẳng có ích gì cho quý vị. Chẳng hạn như hiện thời quý vị đến nghe kinh, chúng ta cho rằng rất có lợi ích, bèn thưa hỏi Địa Tạng Vương Bồ Tát, Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy: - Quý vị nghe rồi chẳng hướng lòng vào đó, chẳng có chút lợi ích nào đối với quý vị.

(Kinh) Bát thập tam giả, quán sở nghi tức vi thật.

(經)八十三者、觀所疑即為實。

(Kinh: Tám mươi ba: Quán điều nghi ngờ chính là sự thật).

Nghe các lời lẽ hữu ích hay vô ích cho quý vị, vì quý vị có hoài nghi thì mới phải hỏi. Khi quý vị dùng Chiêm Sát Luân, mong thỉnh Địa Tạng Bồ Tát bảo cho quý vị biết, tức là vì quý vị có hoài nghi. Quý vị muốn kết giao với một người sẽ có lợi hay có hại cho quý vị, hoặc muốn cầu người ta giúp đỡ chuyện chi đó, người ta có chịu giúp đỡ hay không, quý vị hãy chiêm sát, sẽ có thể biết.

(Kinh) Bát thập tứ giả, quán sở nghi vi bất thật.

(經)八十四者、觀所疑為不實。

(Kinh: Tám mươi bốn: Quán điều ta nghi ngờ chẳng phải là thật).

Đây là giả sử hoài nghi người khác chẳng phải là chân thật. Quý vị chẳng cần hoài nghi! Quý vị hoài nghi hiện tượng được thấy chẳng phải là chân thật ư? Chẳng cần phải hoài nghi! Bởi lẽ, quý vị chẳng thể quyết định được thì hãy nên dùng Chiêm Sát Luân. Chiêm Sát Luân sẽ bảo cho quý vị là được rồi!

(Kinh) Bát thập ngũ giả, sở quán nhân bất hòa hợp.

(經)八十五者、所觀人不和合。

(Kinh: Tám mươi lăm: Người được quán chẳng hòa hợp).

Quý vị và người ấy chẳng hòa hợp.

(Kinh) Bát thập lục giả, cầu Phật sự đương đắc hoạch. Bát thập thất giả, cầu cúng cụ đương đắc hoạch.

(經)八十六者、求佛事當得獲。八十七者、求供具當得獲。

(Kinh: Tám mươi sáu: Cầu Phật sự sẽ đạt được. Tám mươi bảy: Cầu đồ cúng sẽ đạt được).

Chúng ta làm một khóa Phật sự, làm Phật sự thì luôn mong cầu thành tựu, cho tới mong đạt được pháp ích (lợi ích nơi pháp). Trước khi làm, quý vị chiêm sát để hỏi một phen. Địa Tạng Vương Bồ Tát sẽ bảo cho quý vị biết: Cầu Phật sự sẽ đạt được! Hoặc là quý vị bái sám, lễ Phật, niệm kinh, [Bồ Tát sẽ cho quý vị biết] có thể thực hiện được, có thể thực hiện thuận lợi.

Lại còn mong cầu một loại vật để cúng dường nào đó thì vật cúng dường mà ta mong cầu sẽ đều có thể đạt được!

(Kinh) Bát thập bát giả, cầu tư sanh đắc như ý。

(經)八十八者、求資生得如意。

(Kinh: Tám mươi tám: Cầu những thứ cần dùng cho cuộc sống được như ý).

Khi quý vị cầu các vật cần dùng cho cuộc sống, [luân tướng] sẽ cho biết: Quý vị có thể đạt được. “*Tư sanh chúng cụ*” bao gồm những vật chúng ta dùng để vun đắp cuộc sống, hoặc là các vật để cúng Phật. [Gieo luân tướng được con số này thì có nghĩa là] quý vị sẽ có thể đạt được như ý.

(Kinh) Bát thập cửu giả, cầu tư sanh thiểu đắc hoạch。

(經)八十九者、求資生少得獲。

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

(Kinh: Tám mươi chín: Cầu vật cần dùng cho cuộc sống chỉ được ít phần).

Tuy đạt được, nhưng rất ít ỏi, quý vị chẳng mãn nguyện.

(Kinh) Cửu thập giả, hữu sở cầu giai đương đắc.

(經)九十者、有所求皆當得。

(Kinh: Chín mươi: Có điều mong cầu đều đạt được).

Quý vị mong cầu đạt được thứ gì đó, đều có thể đạt được.

(Kinh) Cửu thập nhất giả, hữu sở cầu giai bất đắc.

(經)九十一者、有所求皆不得。

(Kinh: Chín mươi một: Có điều mong cầu đều chẳng đạt được).

[Luân tướng] bảo quý vị: Chẳng đạt được.

(Kinh) Cửu thập nhị giả, hữu sở cầu thiểu đắc hoạch. Cửu thập tam giả, hữu sở cầu đắc như ý.

(經)九十二者、有所求少得獲。九十三者、有所求得如意。

(Kinh: Chín mươi hai: Có điều mong cầu chỉ đạt được ít phần. Chín mươi ba: Có điều mong cầu được như ý).

Như ý thì rất tốt.

(Kinh) Cửu thập tứ giả, hữu sở cầu tốc đương đắc.

(經)九十四者、有所求速當得。

(Kinh: Chín mươi bốn: Có điều mong cầu nhanh chóng đạt được).

Điều quý vị mong cầu sẽ đạt được rất nhanh chóng. Chuyện này bao gồm rất nhiều vấn đề, quý vị niệm Phật cầu thấy tướng hảo, hoặc niệm Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc, hoặc quý vị niệm kinh có thể đắc đạo. Hoặc là ta mong có được bộ kinh nào đó, thì sẽ có thể đạt được hay không? Hiện thời, chúng ta ở Đài Loan chẳng có vấn đề gì, quý vị muốn

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

cầu bộ kinh nào cũng đều đạt được. Hồi tôi ở Đại Lục, mong có một bản Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, tôi mới ra khỏi tù, nghĩ chắc là một bộ Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm rất đơn giản! Tôi tìm suốt hai ba năm, chẳng có, chẳng tìm được! Đại Lục có kinh sách hay không? Có chứ, rất nhiều! Nhưng bị niêm phong kín trong Tầng Kinh Lâu của nhà chùa, chẳng cho ai rớ tới. Ai rớ tới sẽ phạm pháp, ai dám mở [lầu tầng kinh ra]? Đều bị niêm phong hết. Muốn cầu một bộ Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm [tưởng chừng] rất đơn giản, [thế mà vẫn chẳng được]. Trước các năm 1977, 1978, 1979, tại Đại Lục chẳng cầu được, tới năm 1980, sau khi [chánh quyền Hoa Lục nói lỏng sự kiểm chế tôn giáo] thì mới có thể tìm được. Chúng ta đừng cho là rất đơn giản, có khi rất nhiều chuyện mà con người chẳng thể ngờ được. Khi đó, mong cầu một bộ Chiêm Sát Luân, tôi còn mong học Chiêm Sát Luân, nhưng chẳng kiếm được bộ nào! Có hay không? Có chứ! Tất cả đều bị niêm phong kín trong chùa Khai Nguyên ở huyện Tuyên Châu, tỉnh Phước Kiến. Tất cả các dụng cụ Phật giáo của pháp sư Hoàng Nhất trước kia đều để tại chùa Khai Nguyên, toàn bộ tất cả hết thấy đồ vật của pháp sư Hoàng Nhất đều bị “đóng băng”. Thứ gì cũng chẳng rớ vào được. Hễ rớ đến sẽ là phạm pháp. Tới năm 1980, [chính quyền] “*mở cửa*” thì mới có. Hết thấy sự vật chúng ta thấy rất đơn giản, tới khi đó, biến thành rất khó khăn! Khi đó, quý vị muốn gieo luân tương, thì ngay cả sách giải thích ý nghĩa các luân tương cũng không có. Tôi biết pháp sư Hoàng Nhất đã làm rất nhiều bộ luân tương để chiêm sát thiện ác nghiệp báo, thuở đó, bị phong kín tại chùa Khai Nguyên, muốn lấy một bộ cũng chẳng được! Sau đó, tôi ở nước Mỹ, cậy pháp sư Viên Chuyết²³

²³ Pháp sư Viên Chuyết sanh năm 1909, pháp danh Huệ Sanh, pháp tự Viên Chuyết, quê ở huyện Liên Giang, tỉnh Phước Kiến. Trước khi xuất gia, Sư là giáo viên tiểu học. Trong thời gian ấy, do đọc nhiều kinh Phật, Sư đã có hoài bão xuất trần. Năm 1934, Sư xin xuất gia tại chùa Quảng Hóa huyện Bồ Điền, tỉnh Phước Kiến. Do giới hạnh khiêm ưu, Sư được đặc cách thọ Cụ Túc Giới vào năm sau. Ngài là vị thị giả nhiều năm của Hoàng Nhất đại sư, thâm nhập Luật Tạng. Ngài sáng lập Phước Kiến Phật Học Viện. Kể từ năm 1937, Sư đã nhiệt tâm đề xướng in kinh sách nhà Phật để bồi dưỡng Tăng tài, cũng như ấn hành nhiều trước tác của ngài Hoàng Nhất. Ngài đã khôi phục chùa Quảng Hóa khi chùa bị dân địa phương và quân đội xâm phạm, biến thành chỗ xô bồ, loạn tạp trong cơn ách nạn Cách Mạng Văn Hóa dưới thời Mao Trạch Đông. Cam chịu những giày vò, trù dập, sách nhiễu, khủng bố, trấn áp của chính quyền, Sư nương nấu tại chùa Khai Nguyên, kiên quyết không đầu hàng trước những mảnh khốc bản thù của chính quyền địa phương. Cho đến năm 1980, khi chính quyền Hoa Lục nói lỏng chánh sách tôn giáo, Sư mới được chính thức cho phép trở về chùa Quảng Hóa. Vừa tận lực trùng tu chùa, vừa bồi dưỡng Tăng tài tuân thủ giới

tìm cách lén lấy một bộ từ chùa Khai Nguyên, gửi sang Mỹ cho tôi. Chuyện thấy rất dễ dàng, nhưng tới khi đó, quý vị chẳng có nhân duyên đạt được! Chúng ta thấy pháp bảo rất nhiều, in ra cũng có thể in [dễ dàng]; tới khi pháp diệt, quý vị mong có được một bộ kinh, chẳng hề có! Đó là lẽ tự nhiên! Khi chưa tới lúc ấy, quý vị sẽ chẳng tin tưởng, [cứ cho rằng]: Hiện thời, đối với kinh, chúng ta một trăm bộ, một vạn bộ đều có thể mua được, quý vị có thể tìm được. Nhưng có khi, ngay cả một bộ cũng chẳng tìm được. Mọi người chẳng chấp nhận [sẽ có chuyện như thế], vì [hiện thời kinh sách có thể] tìm thấy quá dễ dàng, lẽ nào [mai sau] chẳng có? Nếu không, tới lúc đó, quý vị sẽ biết. Qua con số này, Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy: Yêu cầu của quý vị có thể đạt được.

(Kinh) Cứu thập ngũ giả, hữu sở cầu cứu đương đắc.

(經)九十五者、有所求久當得。

(Kinh: Chín mươi lăm: Có điều mong cầu thì phải sau một thời gian dài mới đạt được).

Mong cầu của quý vị phải trải qua một thời gian rất dài mới đạt được.

(Kinh) Cứu thập lục giả, hữu sở cầu nhi tổn thất.

(經)九十六者、有所求而損失。

(Kinh: Chín mươi sáu: Có điều mong cầu bị tổn thất).

Quý vị không chỉ chẳng đạt được điều mong cầu, mà còn bị tổn thất.

(Kinh) Cứu thập thất giả, hữu sở cầu đắc cát lợi.

(經)九十七者、有所求得吉利。

(Kinh: Chín mươi bảy: Có điều mong cầu được tốt lành, lợi ích).

hạnh, Sư lại khôi phục Phật Kinh Lưu Thông Xứ, cũng như tái lập Phước Kiến Phật Học Viện. Các vị Tăng trẻ tốt nghiệp khóa đầu tiên của Trung Quốc Phật Học Viện như Diễn Liên, Giới Thuyên, Tế Quân, Viên Trí v.v... đều lần lượt tới xin học Luật tại Phước Kiến Phật Học Viện.

Điều mong cầu của quý vị là cát tường.

(Kinh) Cửu thập bát giả, hữu sở cầu nhi thọ khổ.

(經)九十八者、有所求而受苦。

(Kinh: Chín mươi tám: Có khi do điều mong cầu mà chịu khổ).

Do điều mong cầu mà quý vị chịu khổ. Quý vị đừng mong cầu [điều đó], hễ mong cầu sẽ chịu khổ. Nếu quý vị muốn cầu vật chi đó, hãy thưa hỏi Địa Tạng Vương Bồ Tát có cầu được hay không? Địa Tạng Bồ Tát bảo quý vị: Không chỉ chẳng đạt được điều mong cầu, mà còn phải chịu khổ.

(Kinh) Cửu thập cửu giả, quán sở thất cầu đương đắc.

(經)九十九者、觀所失求當得。

(Kinh: Chín mươi chín: Quán vật bị mất sẽ tìm lại được).

Chúng ta đánh mất đồ vật, muốn tìm lại. Quý vị quán [luân tướng, gieo được con số này] biết là có thể cầu được, còn tìm được.

(Kinh) Nhất bách giả, quán sở thất cầu bất đắc.

(經)一百者、觀所失求不得。

(Kinh: Một trăm: Quán vật bị mất, chẳng tìm lại được).

Hoặc là vật dụng cũng thế, hoặc là khi quý vị tu hành, không chỉ chẳng tìm được, mà ngược lại còn mất luôn!

(Kinh) Nhất bách nhất giả, quán sở thất tự hoàn đắc.

(經)一百一者、觀所失自還得。

(Kinh: Một trăm lẻ một: Quán vật bị mất đi, tự có lại).

Tự nhiên xuất hiện.

(Kinh) Nhất bách nhị giả, cầu ly ách đắc thoát nan.

(經)一百二者、求離厄得脫難。

(Kinh: Một trăm lẻ hai: Cầu lìa tai ách, được thoát nạn).

Mong cầu thoát lìa ách nạn, hoặc là bệnh khổ, hoặc chịu tai nạn gì đó, hoặc là bị kẻ oán hãm hại chi đó, quý vị chiêm sát thưa hỏi Địa Tạng Bồ Tát, Ngài sẽ nói “*nhANH chóng lìa thoát, có thể lìa thoát được*”.

(Kinh) Nhất bách tam giả, cầu ly bệnh đắc trừ dữ.

(經)一百三者、求離病得除愈。

(Kinh: Một trăm lẻ ba: Cầu lìa bệnh, bèn được lành bệnh).

Cầu khỏi bệnh do bị bệnh tật triền miên lâu ngày, hãy hỏi Địa Tạng Bồ Tát! Địa Tạng Bồ Tát sẽ cho quý vị biết: Bệnh có thể lành.

(Kinh) Nhất bách tứ giả, quán sở khứ vô chướng nạn. Nhất bách ngũ giả, quán sở khứ hữu chướng nạn.

(經)一百四者、觀所去無障難。一百五者、觀所去有障難。

(Kinh: Một trăm lẻ bốn: Quán chỗ đi đến chẳng có chướng nạn. Một trăm lẻ năm: Quán chỗ đi đến sẽ có chướng nạn).

Quý vị muốn đến một chỗ nào, trước khi đi, trước tiên hãy gieo luân tướng xem có đi được hay không. Quán chỗ đến chẳng có chướng nạn, hiệu quả là thoát nhìn có vẻ là chuyện tuyệt đối chẳng làm được, nhưng luân tướng cho quý vị biết có thể làm được, trong tâm quý vị sẽ sáng suốt thực hiện.

Nếu quán chỗ muốn đến có chướng nạn, bảo cho quý đi đến đó hay thực hiện [việc dự định] đều chẳng được, có chướng nạn. Vậy thì quý vị đột phá chướng nạn bằng cách nào?

(Kinh) Nhất bách lục giả, quán sở trụ đắc an chỉ. Nhất bách thất giả, quán sở trụ bất đắc an.

(經)一百六者、觀所住得安止。一百七者、觀所住不得安。

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

(Kinh: Một trăm lẻ sáu, quán chỗ ở được an trụ. Một trăm lẻ bảy: Quán chỗ trụ chẳng yên).

Rất nhiều chuyện chẳng phải là chúng ta có thể ngờ được, ở đây bao gồm những điều gì? Quý vị ở trong ngôi chùa này mà tâm chẳng yên cho lắm, muốn sang ở ngôi chùa khác. Hoặc là mong đi khắp nơi triều bái các danh sơn. Khi gieo luân tướng, [Bồ Tát] bảo quý vị hãy ở yên nơi đây, ngàn vạn phần đừng ra đi. Nếu quý vị ra ngoài, sẽ gặp tai nạn, sẽ chẳng được an định. Quý vị đừng đi, hãy nghe lời Địa Tạng Bồ Tát. Nếu quý vị ở nơi đây, trong tâm bất an, hãy thưa hỏi Địa Tạng Bồ Tát, mong lìa nơi này, tìm nơi khác tốt đẹp hơn. [Bồ Tát] bảo quý vị đừng nên rời đi, quý vị chẳng nên rời đi.

(Kinh) Nhất bách bát giả, sở hướng xứ đắc an khoái.

(經)一百八者、所向處得安快。

(Kinh: Một trăm lẻ tám: Chỗ hướng đến được an vui).

Chỗ quý vị muốn đến có tốt hay không? Nếu quý vị gieo luân tướng được con số Một Trăm Lẻ Tám, tức là [Bồ Tát] bảo quý vị: Chỗ tính đến rất tốt, đi được! Sẽ được an vui!

(Kinh) Nhất bách cửu giả, sở hướng xứ hữu ách nạn.

(經)一百九者、所向處有厄難。

(Kinh: Một trăm lẻ chín: Chỗ muốn đến có ách nạn).

Chỗ hướng tới có nguy nan, không chỉ chẳng tốt, quý vị tới đó sẽ bị trắc trở, sẽ phải chịu khổ, chịu nạn.

(Kinh) Nhất bách nhất thập giả, sở hướng xứ vi ma võng.

(經)一百一十者、所向處為魔網。

(Kinh: Một trăm mười: Chỗ hướng đến là lưới ma).

Đừng tưởng là thánh cảnh.

(Kinh) Nhất bách nhất thập nhất giả, sở hướng xứ nan khai hóa.

(經)一百一十一者、所向處難開化。

(Kinh: Một trăm mười một: Chỗ hướng đến là nơi khó khai hóa).

Quý vị mong tới đó lợi ích và giúp đỡ người khác, chẳng thể được! Đó là chỗ khó khai hóa, quý vị chớ nên tới đó.

(Kinh) Nhất bách nhất thập nhị giả, sở hướng xứ khả khai hóa.

(經)一百一十二者、所向處可開化。

(Kinh: Một trăm mười hai: Chỗ hướng đến có thể khai hóa).

Chỗ đó rất tốt, quý vị đến đó sẽ khá cát tường.

(Kinh) Nhất bách nhất thập tam giả, sở hướng xứ tự hoạch lợi. Nhất bách nhất thập tứ giả, sở du lộ vô nã hại. Nhất bách nhất thập ngũ giả, sở du lộ hữu nã hại. Nhất bách nhất thập lục giả, quân dân ác, cơ cần khởi.

(經)一百一十三者、所向處自獲利。一百一十四者、所遊路無惱害。一百一十五者、所遊路有惱害。一百一十六者、君民惡饑饉起。

(Kinh: Một trăm mười ba: Chỗ hướng đến sẽ tự được lợi. Một trăm mười bốn: Trên đường đi không bị nã hại. Một trăm mười lăm: Trên đường đi có nã hại. Một trăm mười sáu: Vua và dân chúng ác, đói kém nổi lên).

Người nơi ấy chẳng tốt lành, tâm thuật bất hảo, bệnh tật rất nhiều. Cho nên sẽ có tai nạn phát sanh. Tai nạn dấy lên, đói kém và bệnh dịch đều là tai nạn.

(Kinh) Nhất bách nhất thập thất giả, quân dân ác, đa tật dịch.

(經)一百一十七者、君民惡多疾疫。

(Kinh: Một trăm mười bảy: Vua và dân ác, nhiều tật dịch).

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Người trong quốc gia ấy tâm thuật bất hảo, bệnh tật rất nhiều. Nếu quý vị tới nơi ấy, từ người phụ trách quốc gia cho đến mỗi vùng đều là tai nạn. Quý vị đừng đến đó, đến đó sẽ bị khốn đốn, có thể chẳng rời đi được! Đó là quý vị dùng Chiêm Sát Luân [để chiêm sát]. Nếu không dùng thì căn bản là chẳng bận tâm.

(Kinh) Nhất bách nhất thập bát giả, quân dân hảo, quốc phong lạc.

(經)一百一十八者、君民好國豐樂。

(Kinh: Một trăm mười tám: Vua và dân tốt lành, nước giàu vui).

Vua lẫn dân tốt đẹp, quốc gia hưng thịnh, giàu có.

(Kinh) Nhất bách nhất thập cửu giả, quân vô đạo, quốc tai loạn.

(經)一百一十九者、君無道國災亂。

(Kinh: Một trăm mười chín: Vua vô đạo, nước tai ương, loạn lạc).

Người phụ trách chẳng có đạo đức, quốc gia ấy sẽ phát sanh biên loạn.

(Kinh) Nhất bách nhị thập giả, quân tu đức, tai loạn diệt.

(經)一百二十者、君修德災亂滅。

(Kinh: Một trăm hai mươi: Vua tu đức, tai ương, loạn lạc tiêu diệt).

Quý vị thường làm thiện sự, quốc gia ấy thường có thiện nghiệp phát sanh, tất cả các chuyện tai nạn đều dần dần tránh khỏi.

(Kinh) Nhất bách nhị thập nhất giả, quân hành ác, quốc tương phá.

(經)一百二十一者、君行惡國將破。

(Kinh: Một trăm hai mươi một: Vua làm ác, nước sắp mất).

Quốc gia ấy chẳng được an định, sắp gặp họa mất nước.

(Kinh) Nhất bách nhị thập nhị giả, quân tu thiện, quốc hoàn lập.

(經)一百二十二者、君修善國還立。

(Kinh: Một trăm hai mươi hai: Vua tu thiện, nước tái lập).

Đây là hỏi về quốc gia. Quý vị muốn tới đó, bèn gieo luân tướng để hỏi có đến đó được hay không? Chúng ta muốn du hành, quý vị bèn hỏi trước.

(Kinh) Nhất bách nhị thập tam giả, quán sở ty đắc độ nạn.

(經)一百二十三者、觀所避得度難。

(Kinh: Một trăm hai mươi ba: Quán [chỗ muốn đến] là nơi tránh né, vượt qua tai nạn được).

Quý vị nếu muốn ty nạn đến nơi đó, [luân tướng] bảo quý vị có thể đến đó, có thể tránh né tai nạn.

(Kinh) Nhất bách nhị thập tứ giả, quán sở ty bất thoát nạn.

(經)一百二十四者、觀所避不脫難。

(Kinh: Một trăm hai mươi bốn: Quán chỗ trốn tránh chẳng thoát nạn).

Quý vị mong thoát tai nạn, tới nơi ấy sẽ chẳng thoát được. Tai nạn ấy bao gồm rất nhiều thứ. Ở nơi đây, cảm thấy chẳng vui sướng, tu đạo cũng chẳng thành. Đã có thiên tai, lại có nhân họa, cảm thấy tâm lý bất an, bèn gieo luân tướng. Đó là một trường hợp. Còn có một trường hợp nữa, nếu quý vị tu đạo tìm được một nơi chốn thiện lương, giống như chúng ta trước kia sống trong hang núi, một người sống trong nơi đó, chung quanh không có ai. Quý vị ở trong động có an định hay không? Quý vị gieo luân tướng để hỏi. [Luân tướng] cho biết rất tốt, vậy thì quý vị có thể tu đạo ở đó.

(Kinh) Nhất bách nhị thập ngũ giả, sở trụ xứ chúng an ổn.

(經)一百二十五者、所住處衆安隱。

(Kinh: Một trăm hai mươi lăm: Đại chúng ở nơi cư trụ được an ổn).

Ai ở nơi đó cũng đều rất an ổn, chẳng có chuyện gì.

(Kinh) Nhất bách nhị thập lục giả, sở trụ xứ hữu chương nạn. Nhất bách nhị thập thất giả, sở y tụ chúng bất an.

(經)一百二十六者、所住處有障難。一百二十七者、所依聚衆不安。

(Kinh: Một trăm hai mươi sáu: Chỗ ở có chương nạn. Một trăm hai mươi bảy: Nơi đại chúng nương tựa, tụ tập chẳng yên).

Mọi người đều chẳng thể an tâm.

(Kinh) Nhất bách nhị thập bát giả, nhàn tĩnh xứ vô chư nạn.

(經)一百二十八者、閑靜處無諸難。

(Kinh: Một trăm hai mươi tám: Chỗ nhàn tĩnh chẳng có các nạn).

Rất thanh tĩnh vì chẳng có người, chẳng có gì quấy nhiễu, nạn duyên gì cũng đều không có.

(Kinh) Nhất bách nhị thập cửu giả, quán quái dị vô tổn hại. Nhất bách tam thập giả, quán quái dị hữu tổn hại.

(經)一百二十九者、觀怪異無損害。一百三十者、觀怪異有損害。

(Kinh: Một trăm hai mươi chín: Thấy [chỗ ở có điều] quái lạ, nhưng chẳng tổn hại. Một trăm ba mươi: Thấy [chỗ ở] quái lạ và có tổn hại).

Có khi tuy cảm thấy rất kỳ quái, rất quái dị, nhưng sống ở nơi ấy, quý vị chẳng bị tổn hại gì. Có những chuyện như quý vị muốn mua một căn nhà mới, quý vị sống ở đó thường cảm thấy không yên lòng, hoặc hàng xóm hai bên quấy nhiễu, hoặc gia đình của quý vị bất an. Quý vị bèn thưa hỏi Địa Tạng Vương Bồ Tát là được. Nếu lại chẳng dọn nhà được, luân tương lại cho ra kết quả không tốt, làm thế nào đây? Quý vị lạy Chiêm Sát Sám, do lẽ bái sẽ chuyển biến, cũng có thể chẳng phải dọn. Đó

là ý nghĩa cầu thân hộ pháp gia trì, cầu Địa Tạng Bồ Tát gia trì. Chúng ta có chuyện gì hoài nghi thì mới hỏi Chiêm Sát Luân của Địa Tạng Bồ Tát để giúp cho chúng ta chẳng hoài nghi. Nhưng [mục đích] chủ yếu của pháp Chiêm Sát là đối với quý vị, phải như thế nào thì mới có thể tu đạo, đắc đạo, đắc định, đắc huệ. Đối với sự giúp đỡ ấy, kèm theo các điều thiện, ác, tốt, xấu trong thế gian với ý nghĩa lợi lạc trọn khắp. Các điều ấy là kèm theo, chẳng phải là chủ yếu. Mục đích của việc chiêm sát trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo chủ yếu là quý vị cầu định, hoặc cầu huệ như thế nào thì sẽ có thể tiến nhập. Quý vị tu đạo có một nơi chốn, bất luận là [ở cùng] đại chúng cũng thế, ta ở một mình cũng thế; sự chiêm sát trong đoạn kinh văn này nhằm bảo chúng ta: Quý vị tu đạo có thể thành tựu. Nếu ở nơi đây là nơi chẳng thể thực hiện thành tựu, thì không chỉ chẳng thể thành tựu, mà còn rất dễ khiến cho tín tâm của quý vị bị lui sụt.

(Kinh) Nhất bách tam thập nhất giả, quán quái dị, tinh tấn an.

(經)一百三十一者、觀怪異精進安。

(Kinh: Một trăm ba mươi một: Thấy [chỗ ở] quái lạ, do tinh tấn mà được an ổn).

Còn có trường hợp nơi quý vị ở thường có hiện tượng quái dị. Chắc là mọi người chưa trải qua chuyện này, vì sống ở trong núi thì hiện tượng này thường có, do có tinh linh quấy nhiễu. Thông thường, trong núi tinh linh rất nhiều. Khi quý vị ở nơi thanh vắng, khi quý vị muốn tu hành, bọn chúng đến quấy nhiễu, khiến cho quý vị bất an. Chẳng hạn như xưa kia tôi ở tại Long Hồ Ngu trên núi Thượng Phương (thuộc Tô Châu, tỉnh Giang Tô), đó là một chỗ nhỏ bé, vốn có lầu Tàng Kinh, có một bộ Đại Tạng Kinh để có thể duyệt tạng (閱藏, xem đọc Đại Tạng Kinh). Đại khái sống ở đó là một người, chẳng có đến hai người, vì cứ đến đêm, khoảng mười hai giờ, tất cả các tủ đựng kinh đều nghe có tiếng rầm rầm. Sau đó, tôi hỏi vị lão hòa thượng trong chùa, lão hòa thượng bảo tôi: “Có các quỷ thần đến duyệt tạng, thầy nói với họ một tiếng là được rồi”. Tôi theo lời Ngài dặn, nói: “Các vị đừng làm rộn! Quý vị quấy nhiễu tôi, tôi sẽ dờn đơn của các vị, chẳng cho quý vị xem”. Từ đấy về sau, chẳng còn có chuyện ấy nữa. Thật ra, tôi cũng không ở lâu dài nơi đó, tôi cũng rời đi. Chuyện kiêu ấy thường có. Con số nơi luân tướng này nhằm giúp cho người tu đạo khi quý vị cảm thấy bất an đối với nơi mình đang ở, hãy hướng về Địa Tạng

Bồ Tát thưa hỏi! Điều này gọi là “*nội chướng*” vì là phiền não trong tâm của chính mình. Quý vị tu đạo khởi lên chướng duyên, còn có các chướng duyên ngoại lai nữa. Các đạo hữu tại gia cũng có thể sử dụng, cho đến xem cho người khác cũng được, lợi lạc trọn khắp!

(Kinh) Nhất bách tam thập nhị giả, quán sở mộng vô tổn hại.

(經)一百三十二者、觀所夢無損害。

(Kinh: Một trăm ba mươi hai: Quán giấc mộng chẳng có tổn hại).

Mọi người đều thường nằm mộng, có hảo mộng, mà cũng có ác mộng. Nằm mộng rồi bèn gieo luân tướng, [luân tướng] cho biết những điều quý vị thấy trong mộng chẳng tổn hại gì đối với quý vị, không sao cả!

(Kinh) Nhất bách tam thập tam giả, quán sở mộng hữu tổn hại. Nhất bách tam thập tứ giả, quán sở mộng tinh tấn an. Nhất bách tam thập ngũ giả, quán sở mộng vi cát lợi.

(經)一百三十三者、觀所夢有損害。一百三十四者、觀所夢精進安。一百三十五者、觀所夢為吉利。

(Kinh: Một trăm ba mươi ba: Quán giấc mộng có tổn hại. Một trăm ba mươi bốn: Quán giấc mộng là tinh tấn, an lạc. Một trăm ba mươi lăm: Quán giấc mộng là tốt lành, lợi ích).

Quán giấc mộng có tổn hại: Giấc mộng ấy báo trước với quý vị, tai nạn sắp xảy đến. Giả sử quý vị gieo luân tướng, được biết giấc mộng của chính mình có tổn hại, rất đơn giản! Quý vị lễ bái Địa Tạng Vương Bồ Tát [tai nạn ấy] sẽ tiêu trừ. Loại tai nạn này rất dễ tiêu trừ. Đoạn này hoàn toàn là nói thêm mấy câu về giấc mộng. Mỗi người chúng ta nằm mộng, có mấy loại mộng, có loại là thị hiện những điều còn chưa xảy đến, báo trước sự việc cho quý vị sẽ có cảnh giới gì sắp xảy ra. Còn có loại mộng về chuyện đã qua, mộng về chuyện quá khứ. Khi quý vị nằm mộng bèn có cảm giác ta đã làm chuyện sai trái, chẳng nên làm như thế. Thường có chuyện này! Vậy thì khi quý vị gieo luân tướng, cầu Địa Tạng Vương Bồ Tát ngay lập tức chuyển hóa cho quý vị.

(Kinh) Nhất bách tam thập lục giả, quán chướng loạn tức đắc ly.

(經)一百三十六者、觀障亂速得離。

(Kinh: Một trăm ba mươi sáu: Thấy chướng loạn mau được lìa khỏi).

Còn nữa, khi chúng ta tu hành, trong tâm bỗng dung cảm thấy bất an, sanh phiền bức, dấy lên phiền não, có vấn đề! Có vấn đề gì vậy? Hoặc là chuyện tốt. Chuyện tốt là điều vui sướng, chẳng dấy lên phiền não. Hễ dấy lên phiền não thì đối với quý vị đều có chướng nạn, quý vị hãy nhanh chóng khấn cầu Địa Tạng Bồ Tát! Lễ bái, gieo luân tương, luân tương bèn cho quý vị biết: Sẽ rất nhanh chóng lìa khỏi các chướng nạn mà quý vị đang gặp phải trong hiện tại. Khi chúng ta gặp phải chướng nạn, cảm thấy tai nạn sắp xảy đến, điều đầu tiên là hãy sám hối, sẽ có thể tránh khỏi tai nạn nhỏ. Tai nạn lớn có thể biến thành tai nạn nhỏ, biến thành chuyện quý vị có thể khắc phục.

(Kinh) Nhất bách tam thập thất giả, quán chướng nạn tiệm đắc ly.

(經)一百三十七者、觀障難漸得離。

(Kinh: Một trăm ba mươi bảy: Quán chướng nạn sẽ dần dần được rời lìa).

Quý vị mong rời lìa lập tức, chẳng lìa được, dần dần rời khỏi.

(Kinh) Nhất bách tam thập bát giả, quán chướng loạn bất đắc ly.

(經)一百三十八者、觀障亂不得離。

(Kinh: Một trăm ba mươi tám: Quán chướng loạn chẳng lìa được).

Chuyện này khiến cho quý vị khổ não, cho nên cần phải bái sám để lìa khỏi tai nạn.

(Kinh) Nhất bách tam thập cửu giả, quán chướng loạn nhất tâm trừ.

(經)一百三十九者、觀障亂一心除。

(Kinh: Một trăm ba mươi chín: Quán chướng loạn, nhất tâm trừ diệt).

Điều này dành cho các vị tu Quán. Tâm quý vị có thể trừ chướng loạn ấy. Quý vị dùng tu tâm, tu định lực để trừ diệt. Trong đoạn kinh văn này, Địa Tạng Vương Bồ Tát chỉ dạy nhằm khiến cho chúng ta khi tu đạo có thể an tâm, vì nếu chính mình không thể an tâm, trong khi bái sám, hãy thỉnh Địa Tạng Bồ Tát gia trì. Cho nên chúng ta phải bái sám.

(Kinh) Nhất bách tứ thập giả, quán sở nạn tốc đắc thoát.

(經)一百四十者、觀所難速得脫。

(Kinh: Một trăm bốn mươi: Quán các nạn mau được thoát khỏi).

Cái tâm của bọn phàm phu chúng ta rất ít khi an tĩnh. Nói chung là có các chướng nạn. Do vậy, khi quý vị bái sám, hãy thỉnh cầu Địa Tạng Vương Bồ Tát gia trì, khiến cho quý vị mau chóng thoát khỏi các tai nạn ấy.

(Kinh) Nhất bách tứ thập nhất giả, quán sở nạn cứu đắc thoát. Nhất bách tứ thập nhị giả, quán sở nạn thọ suy não. Nhất bách tứ thập tam giả, quán sở nạn tinh tấn thoát. Nhất bách tứ thập tứ giả, quán sở nạn mạng đương tận.

(經)一百四十一者、觀所難久得脫。一百四十二者、觀所難受衰惱。一百四十三者、觀所難精進脫。一百四十四者、觀所難命當盡。

(Kinh: Một trăm bốn mươi một: Quán tai nạn lâu ngày mới được thoát. Một trăm bốn mươi hai: Quán do tai nạn mà bị suy vi, phiền não. Một trăm bốn mươi ba: Quán tuy có tai nạn, nhưng do tinh tấn mà thoát khỏi. Một trăm bốn mươi bốn: Quán do tai nạn sẽ mất mạng).

Quý vị lạy ngày đầu tiên, chẳng lìa khỏi [tai nạn]. Lạy ngày thứ hai, tôi đa là bảy ngày, các tai nạn ấy đều có thể lìa khỏi. Có vị hôm nay bái sám xong, gieo luân tương, [thấy tai nạn đã] giảm nhẹ, nhưng chẳng lìa khỏi. Nhưng qua bảy ngày, tuyệt đối có thể lìa khỏi, lấy bảy ngày làm hạn. Trước khi quý vị bái sám, hãy bình lặng, rất tốt, rất an tĩnh. Nhưng khi quý vị bái sám thì khác hẳn, trong khi lạy, đôi khi nghiệp quá khứ hiện ra, có khi nghiệp hiện tại hiện ra. Nghiệp chướng ấy vốn phải kéo dài

đôi ba tháng, hoặc tới năm sau, hoặc năm sau nữa mới hiện tiền. Do quý vị bái sám, nó bèn hiện ra sớm. Quý vị mong tiêu diệt nó, nó cũng sẽ hiện ra sớm. Nhưng tâm quý vị vững vàng, càng là như thế, quý vị càng sám hồi lễ bái nhiều hơn, càng cầu Địa Tạng Bồ Tát gia trì. Vì sao nói là khi bái sám bèn đau lòng khóc lóc như thế? Một là để tiêu tai nạn, hai là cảm tạ Địa Tạng Vương Bồ Tát, cảm kích Địa Tạng Vương Bồ Tát khiến cho tai nạn của quý vị tiêu mất.

Một lý do nữa là cuộc sống của quý vị rất khó khăn, bỗng dưng có được của cải hoặc thâm nhập ngoài ý muốn. Đó là chuyện chẳng ngờ tới. Rất nhiều vấn đề trong khi quý vị bái sám chẳng thể tưởng tượng được. Nếu không, người ta tu đạo để làm gì? Vì sao phải bái sám? Cầu gia trì hồng tiêu nghiệp chướng, sẽ có những cảm nhận bất ngờ. Hễ có các cảm nhận bất ngờ, cũng đừng nên quá hoan hỷ. Quá hoan hỷ sẽ lại sanh ra ma chướng. Quý vị đã hoan hỷ, ma chướng cũng sẽ đưa tới! Hãy nên giữ thái độ bình thường.

(Kinh) Nhất bách tứ thập ngũ giả, quán sở hoạn đại bất điều.

(經)一百四十五者、觀所患大不調。

(Kinh: Một trăm bốn mươi lăm: Quán thân tâm bất an do Tứ Đại chẳng điều hòa).

“Sở hoạn” (所患) là nói đến lúc thân tâm bất an, hoặc bị bệnh, hoặc chẳng bị bệnh. Tuy không có bệnh, nhưng nảy sanh phiền não, mỗi vị đạo hữu chúng ta đều có [lúc cảm nhận như thế]. Quý vị dễ dàng cảm nhận “đại bất điều”, tức là Tứ Đại [chẳng điều hòa].

Thân thể chúng ta hợp thành bởi Địa, Thủy, Hỏa, Phong, chúng được gọi là Tứ Đại. Cộng thêm Không, Căn, và Thức, mở rộng thành Thất Đại. Bảy đại Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Căn, và Thức chẳng điều hòa. Vậy thì quý vị hãy lễ bái nhiều hơn [để cầu] Tứ Đại điều hòa, hòa hợp.

(Kinh) Nhất bách tứ thập lục giả, quán sở hoạn phi nhân não. Nhất bách tứ thập thất giả, quán sở hoạn hợp phi nhân.

(經)一百四十六者、觀所患非人惱。一百四十七者、觀所患合非人。

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

(Kinh: Một trăm bốn mươi sáu: Quán thân tâm bất an chẳng phải do con người nào loạn. Một trăm bốn mươi bảy: Quán thân tâm bất an là do phi nhân [gây ra]).

Bồng dung vô duyên vô cố, quý vị cảm thấy chẳng thoải mái, hoặc là chẳng cát tường, chẳng phải đau mà cảm thấy đau, khiến cho sự bất an của quý vị nảy sinh chướng ngại, bị quấy nhiễu. Chúng ta nói là “*ma quấy nhiễu*” tức là thân tâm bất an vì “*phi nhân*” quấy nhiễu. “*Phi nhân*” tức chẳng phải loài người, đó là quỷ thần đến quấy nhiễu quý vị. Quý vị cứ thành tâm tiếp tục lễ bái, lễ bái sẽ tiêu mất. Một trăm tám mươi chín thứ là do sáu căn, sáu trần, và sáu thức phát hiện, quý vị cầu Địa Tạng Bồ Tát, chúng sẽ chuyển hóa rất nhanh chóng.

(Kinh) Nhất bách tứ thập bát giả, quán sở hoạn khả liệu trị.

(經)一百四十八者、觀所患可療治。

(Kinh: Một trăm bốn mươi tám: Quán bệnh đang bị có thể chữa trị).

“*Sở hoạn*” ở đây là bệnh tật do Tứ Đại chẳng điều hòa, bệnh ấy có thể chữa trị.

(Kinh) Nhất bách tứ thập cửu giả, quán sở hoạn nan liệu trị.

(經)一百四十九者、觀所患難療治。

(Kinh: Một trăm bốn mươi chín: Quán căn bệnh đang bị khó thể chữa trị).

Có căn bệnh dễ chữa trị bèn lành, có căn bệnh chữa trị rất khó khăn, phải tốn thời gian rất lâu, quý vị phải sốt sắng bái sám hơn! Mục đích của Chiêm Sát Luân là khiến cho chúng ta biết. Sau khi đã biết, sẽ chuyển hóa như thế nào, hoàn toàn chẳng phải là biết rồi để đó!

(Kinh) Nhất bách ngũ thập giả, quán sở hoạn tinh tấn sai. Nhất bách ngũ thập nhất giả, quán sở hoạn cửu trường khổ.

(經)一百五十者、觀所患精進差。一百五十一者、觀所患久長苦。

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

(Kinh: Một trăm năm mươi: Quán bệnh đang bị, sẽ do tinh tấn mà lành. Một trăm năm mươi một: Quán do căn bệnh đang bị, sẽ chịu khổ lâu dài).

Chúng ta đã biết là bị bệnh, làm thế nào để không bệnh nữa? Đương nhiên là tìm thầy thuốc chữa trị. Thầy thuốc trị chẳng lành, vì có rất nhiều bệnh phải tốn thời gian rất dài mới khỏi được. Sau khi quý vị dùng Chiêm Sát Luân để chiêm sát, hãy cầu Địa Tạng Bồ Tát chữa trị cho quý vị.

Kinh Địa Tạng đã dạy, nếu mạng một người sắp hết, tuổi thọ đã hết, Địa Tạng Bồ Tát sẽ tiếp dẫn quý vị đi, bảo cho quý vị biết: “Thọ mạng của quý vị đã tận, đừng chịu khổ ở đây nữa”. Nhục nhãn của chúng ta thấy người ấy đã chết, trên thực tế là Địa Tạng Vương Bồ Tát tiếp dẫn người ấy ra đi; cũng có hiện tượng này!

(Kinh) Nhất bách ngũ thập nhị giả, quán sở hoạn tự đương sai.

(經)一百五十二者、觀所患自當差。

(Kinh: Một trăm năm mươi hai: Quán căn bệnh đang bị sẽ tự khỏi).

Hoặc là chữa trị, hoặc mặc kệ nó, vài ngày sau cũng lành.

(Kinh) Nhất bách ngũ thập tam giả, quán sở hoạn hướng y kham năng trị.

(經)一百五十三者、觀所患向醫堪能治。

(Kinh: Một trăm năm mươi ba: Quán căn bệnh có thể tìm thầy thuốc trị liệu).

Quý vị tìm thầy thuốc, thầy thuốc đến giúp quý vị trị liệu.

(Kinh) Nhất bách ngũ thập tứ giả, quán sở liệu thị đối trị.

(經)一百五十四者、觀所療是對治。

(Kinh: Một trăm năm mươi bốn: Quán cách chữa trị là đúng bệnh).

Đây là nói về pháp. Quý vị gieo Chiêm Sát Luân, [luân tướng] nói quý vị là tham, nhưng bản thân quý vị chẳng tham, hãy đối trị nó. Quý vị nói tham dẫn tới khô. Tham ăn thì quý vị hãy bớt ăn. Thức ăn ngon thì

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

quý vị cũng đừng ăn quá nhiều! Ba nghiệp thân, khẩu, ý, tham, sân, si, ăn uống, cư trụ, đi lại, Chiêm Sát Luân đã báo sẵn cho quý vị biết, chỉ dạy, răn nhắc, cảnh cáo quý vị. Quý vị hãy nên phòng sẵn, thì sẽ có thể trị liệu. Có các trường hợp, Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo quý vị tìm thầy thuốc, quý vị tìm thầy thuốc chữa trị căn bệnh ấy thì sẽ lành, thầy thuốc có thể chữa cho quý vị. [Gieo loại luân tương thứ ba được tổng số] là một trăm năm mươi bốn thì có nghĩa là quý vị chữa trị đúng cách. Nếu quý vị dấy lên phiền não thì phải dựa vào trí huệ để đối trị: Phải niệm nhiều kinh điển Đại Thừa, hoặc là tỉnh tọa để tu Quán. Quán thì mọi người đã đều hiểu cả rồi, các đạo hữu đã đều biết.

(Kinh) Nhất bách ngũ thập ngũ giả, sở phục dược đương đắc lực.

(經)一百五十五者、所服藥當得力。

(Kinh: Một trăm năm mươi lăm: Thuốc uống vào sẽ có hiệu quả).

Quý vị uống thuốc ấy lâu một chút, vì chẳng thể uống thuốc vào sẽ lành bệnh trong một thời gian ngắn được. Uống lâu ngày thì mới có công hiệu. Hoặc là thuốc dinh dưỡng, hay thuốc bổ, có ý nghĩa như thế đó.

(Kinh) Nhất bách ngũ thập lục giả, quán sở hoạn đắc trừ dữ.

Nhất bách ngũ thập thất giả, sở hướng y bất năng trị.

(經)一百五十六者、觀所患得除愈。一百五十七者、所

向醫不能治。

(Kinh: Một trăm năm mươi sáu: Quán căn bệnh đang bị sẽ được lành. Một trăm năm mươi bảy: Tìm thầy thuốc nhưng chẳng thể trị được).

“Sở hướng y bất năng trị” nghĩa là quý vị tìm thầy thuốc đến chữa trị cho quý vị, họ chẳng trị được, bác sĩ chẳng thể chữa trị!

(Kinh) Nhất bách ngũ thập bát giả, quán sở liệu phi đối trị.

(經)一百五十八者、觀所療非對治。

(Kinh: Một trăm năm mươi tám: Chữa trị không đúng cách).

Cách chữa trị của quý vị không đúng với căn bệnh ấy. Đặc biệt là bệnh phiền não, vì trong ấy có rất nhiều bệnh phiền não. Bác sĩ chẳng thể

chữa bệnh phiền não, phải cậy vào chính mình. Chính mình đoạn phiền não bằng cách nào? Quý vị phải tu Quán. Phép Quán tối thượng thượng (最上上觀) đối trị phiền não là như thế nào? Trước hết, quý vị tìm chỗ bắt nguồn của phiền não. Trong tâm vô duyên vô có phiền bức, mất hứng, thấy gì cũng ngứa mắt, chúng ta thường nói là “*nghiệp chướng phát hiện*”, vì bảy đại Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Căn, Thức bên trong chẳng điều hòa. Do bảy đại rối loạn, cho nên chẳng điều hòa. Quý vị phải nên đối trị chúng nó. Đối trị như thế nào? Bác sĩ chẳng có cách nào kê toa được! Quý vị điều hòa cái tâm, chứ uống thuốc chẳng thể khỏi được!

(Kinh) Nhất bách ngũ thập cửu giả, sở phục dược bất đắc lực.

(經)一百五十九者、所服藥不得力。

(Kinh: Một trăm năm mươi chín: Thuốc uống vào chẳng có hiệu quả).

Thuốc này chẳng trị lành căn bệnh ấy. Tâm bệnh thì vẫn phải nên dùng tâm dược để trị. Dùng cái tâm của chính mình để biến thành thuốc chữa trị, vậy thì quý vị hãy tu Quán.

(Kinh) Nhất bách lục thập giả, quán sở hoạn mạng đương tận.

(經)一百六十者、觀所患命當盡。

(Kinh: Một trăm sáu mươi: Do bị bệnh mà mạng sẽ hết).

Không chỉ chẳng trị hết bệnh, thọ mạng của quý vị đã hết, đã tới rồi! Nếu các đạo hữu chúng ta biết chính mình sống thêm một tháng nữa sẽ chết, tôi thấy trong một tháng ấy, quý vị rất tinh tấn, quý vị niệm Phật hoặc tu tập gì cũng đều hết sức đặc lực, thứ gì cũng chẳng hao phí, do biết chính mình sắp chết. Nhưng nếu vẫn mong sống thêm thì phải làm như thế nào? Quý vị phải dùng Chiêm Sát Luân, lạy Chiêm Sát Sám, hoặc lễ Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Phật để kéo dài thọ mạng. Nhưng nói theo tứ chúng đệ tử chúng ta thì thông thường là chán nhàm thế giới này, [biết chính mình] sắp chết, có người rất cao hứng: “Ta có thể lìa khỏi!” Có kẻ rất ử rũ, sợ chết, sợ rất nguy hiểm. Sợ chết mà lại chẳng thể không chết, quý vị làm như thế nào? Hãy liềm mạng bái sám. Có hai loại, thọ mạng của quý vị vốn chưa tận, nhưng do có ngoại lực can thiệp [mà thọ mạng bị chấm dứt], tức là do sức bệnh tật, hoặc bị kẻ khác hãm hại, chẳng có cách nào chữa trị. Mọi người niệm kinh Dược Sư, thấy có chín loại không đáng

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chết mà chết (hoạnh tử). Thọ mạng vốn chẳng tận, do có chín loại chết oan uổng [mà lia đời]. Quý vị phải chuyển biến nó, bái sám sẽ có thể chuyển biến.

“*Sở hoạn giả*” là người mắc bệnh, hoặc gặp phải tai nạn. Nói thông thường, bệnh tật là do Tứ Đại, tức Địa, Thủy, Hỏa, Phong chẳng điều hòa: Địa Đại quá nhiều, Thủy Đại quá nhiều, Hỏa Đại quá nhiều, hay Phong Đại quá nhiều. Phong Đại quá nhiều thì mọi người đều biết rõ. Quý vị thấy những kẻ điên trong nhà thương điên là do Phong Đại đặc biệt nhiều! Chắc là mọi người đều biết bệnh cùi? Bệnh cùi truyền nhiễm hết sức nhanh chóng. Phàm là người mắc bệnh cùi đều bị cách ly, sống một mình, hoặc ở trên núi. Hỏa Đại quá nhiều thì mọi người đều đã thấy, sốt cao, sốt đến nổi tâm trí mê loạn, tinh thần thất thường luôn! Thủy Đại quá nhiều thì sanh ghẻ, chảy mủ. Do vậy, có rất nhiều căn bệnh bác sĩ không có cách nào trị liệu. Nếu chúng ta bị trúng gió, cảm mạo, sổ mũi thì dễ trị. Quý vị chẳng trị thì sau bảy tám ngày cũng lành. Có những bệnh chẳng phải vậy. Các bệnh [như cảm cúm] thì dễ trị, chứ tâm bệnh thì sao? Bệnh thông thường là do Địa, Thủy, Hỏa, Phong bên ngoài tác động, nhưng tâm bệnh chẳng dễ trị. Tâm bệnh thì phải dùng cái tâm để trị. Nói ngược lại về phía người học Phật, quý vị phải xét xem quý vị đang bị bệnh gì để dùng thuốc gì trị liệu.

[Các con số] trên đây [từ số một] cho đến số một trăm sáu mươi đều là những điều hiện thực mà chúng ta gặp phải trong cuộc sống hiện tại. Đó là từ trong cuộc sống hiện thực, Địa Tạng Vương Bồ Tát đã khai thị cho quý vị, một trăm sáu mươi điều này nhằm dạy chúng ta từ khởi tâm động niệm cho đến những gì thân thể phải hứng chịu trong cuộc sống hiện tại. Từ số một tới số một trăm sáu mươi đều là hiện tại, chúng ta phải biết quả báo và nghiệp trong quá khứ. Từ con số một trăm sáu mươi một trở đi, sẽ nói tới những gì ta hứng chịu là do đời trước đã tạo. Chúng ta nhìn vào người hiện thời, sẽ biết người ấy từ đường nào sanh tới.

(Kinh) Nhất bách lục thập nhất giả, tùng địa ngục đạo trung lai. Nhất bách lục thập nhị giả, tùng súc sanh đạo trung lai. Nhất bách lục thập tam giả, tùng ngạ quỷ đạo trung lai. Nhất bách lục thập tứ giả, tùng A Tu La đạo trung lai.

(經)一百六十一者、從地獄道中來。一百六十二者、從畜生道中來。一百六十三者、從餓鬼道中來。一百六十四者、從阿修羅道中來。

(Kinh: Một trăm sáu mươi một: Từ địa ngục đạo đến. Một trăm sáu mươi hai: Từ súc sanh đạo đến. Một trăm sáu mươi ba: Từ ngạ quỷ đạo đến. Một trăm sáu mươi bốn: Từ A Tu La đạo đến).

Vì sao chúng ta biết người ấy đến từ ngạ quỷ đạo? Làm thế nào để có thể nhận biết một người từ nhân đạo tái sanh? Từ nhân đạo sanh trở lại rất ít! Ba con số này chỉ cho địa ngục, ngạ quỷ, và súc sanh, đó gọi là “tam ác đạo”, họ từ tam ác đạo sanh vào [nhân gian]. Một trăm sáu mươi bốn là từ A Tu La đạo sanh tới.

(Kinh) Nhất bách lục thập ngũ giả, tùng nhân đạo trung nhi lai. Nhất bách lục thập lục giả, tùng thiên đạo trung nhi lai.

(經)一百六十五者、從人道中而來。一百六十六者、從天道中而來。

(Kinh: Một trăm sáu mươi lăm: Từ nhân đạo sanh đến. Một trăm sáu mươi sáu: Từ thiên đạo sanh đến).

Từ nhân đạo, từ thiên đạo, tức là từ thiện đạo sanh đến. Chúng ta thấy người từ thiên đạo hay nhân đạo sanh đến, tánh cách rất thiện lương, chẳng thô bạo, hết sức an tường.

(Kinh) Nhất bách lục thập thất giả, tùng tại gia trung nhi lai. Nhất bách lục thập bát giả, tùng xuất gia trung nhi lai.

(經)一百六十七者、從在家中而來。一百六十八者、從出家中而來。

(Kinh: Một trăm sáu mươi bảy: Từ tại gia mà đến. Một trăm sáu mươi tám: Từ xuất gia mà đến).

Mỗi người đều có tập khí riêng. Tập khí là gì? Ngoài thân, khẩu, ý, còn có tập khí. Do thói quen sinh hoạt mỗi người mỗi khác, mỗi người có

tập khí riêng. Hai con số ở đây nhằm truy xét tập khí của mỗi người. Quý vị thấy người ấy hết sức thiện lương, trước nay rất ít nổi giận. Dầu nổi nóng, nghe người khác khuyên bảo, bèn kiềm chế, rất tốt nét. Có những người bất luận quý vị khuyên lơn thế nào, chẳng thể khuyên người đó tốt hơn một chút được. Càng khuyên, càng nóng nảy hơn, dường như là cổ vũ họ vậy. Do chúng ta không tự phân biệt được, Địa Tạng Bồ Tát nói những điều này cho chúng ta phân biệt. Khi quý vị dùng Chiêm Sát Luân, phải suy xét. Khi chúng ta thấy người ấy, quý vị học kinh Chiêm Sát, vừa thấy người đó, liền biết người đó từ đường nào đến. Các đạo hữu ấy không phải là từ thiên đạo thì từ nhân đạo tới. Kẻ từ địa ngục đạo tới sẽ chẳng tin Phật. Từ súc sanh đạo tới thì ngu xuẩn, vô tri, thô bạo; kẻ đó muốn làm gì, quý vị khuyên can, kẻ đó chẳng nghe. Quý vị có thể thấy cá tánh của từng người, vừa thấy liền biết là từ đường nào tới, chẳng cần phải phân tích cận kề. Quý vị chẳng thể nói với người ta: “Người từ địa ngục đạo tới”, kẻ đó không choảng quý vị mới là lạ! Quý vị quan sát, chẳng thể nói với kẻ đó. Vì sao phải quan sát như thế? Quý vị muốn giúp đỡ kẻ đó, muốn hành Bồ Tát đạo, muốn độ chúng sanh. Độ chúng sanh mà ngay cả chúng sanh quý vị chẳng liễu giải thì độ họ bằng cách nào đây? Đối với mỗi người, quý vị phải hiểu rõ cá tánh của họ; sau đó, họ mới có thể tin quý vị. Quý vị thấy người đó từ thiên đạo tới, hoặc từ nhân đạo (loài người) tới, sẽ tuyệt đối khác hẳn. Quý vị quan sát người khác, có người là xuất gia, trong nhiều đời đều xuất gia, tập quán của họ quý vị vừa nhìn là thấy ngay. Quý vị thấy thói quen của vị đó khác hẳn, vì người ấy đời đời kiếp kiếp xuất gia.

(Kinh) Nhất bách lục thập cửu giả, tăng trị Phật cúng dường lai. Nhất bách thất thập giả, tăng thân cúng dường hiền thánh lai. Nhất bách thất thập nhất giả, tăng đắc văn thâm pháp lai.

(經)一百六十九者、曾值佛供養來。一百七十者、曾親供養賢聖來。一百七十一者、曾得聞深法來。

(Kinh: Một trăm sáu mươi chín: Từng gặp gỡ, cúng dường Phật mà đến. Một trăm bảy mươi: Từng đích thân cúng dường hiền thánh mà đến. Một trăm bảy mươi một: Từng được nghe pháp sâu mà đến).

Hoặc có những người đã từng cúng dường Phật, cúng dường Tam Bảo mà sanh trở lại [nhân gian]. Từng cúng dường hiền thánh tăng, từng

nghe pháp rất sâu mà sanh đến. Những điều này không cần phải giải thích, vì mọi người vừa đọc đã hiểu rồi, nhưng nhận biết chẳng dễ dàng, quý vị phải có nhân duyên. Chẳng có nhân duyên thì “*phương dĩ loại tu, vật dĩ quần phân*” (các phương pháp tương đồng tụ tập thành từng nhóm, mọi vật chia theo loài). Quý vị thấy một người thuộc hạng người nào, bạn bè người ấy đều là những kẻ như thế nào, khác hẳn! Đó gọi là “*phương dĩ loại tu, vật dĩ quần phân*”, thuộc loài nào sẽ có tình cảm với những kẻ gần với loài đó. Kẻ đó chơi với bạn bè đều cùng một loại. Vì mọi người rất khó thân cận những kẻ cướp giết, cường đạo, ác ôn. Khi tôi ở Tây Tạng, tới các vùng quê tiếp xúc rất nhiều người, hoặc là tại khu vực Khang (Khams), hoặc các vùng dân tộc thiểu số, tánh tình của họ đích xác thật sự chẳng phải là người. Chúng ta thường nói là “không có tánh người”, khẳng định họ từ súc sanh đạo hoặc từ ngã quý đạo mà sanh tới. Xem cách họ ăn uống chẳng giống với cách ăn uống bình thường của con người, có thể là mọi người chưa thấy. Từ hiện tượng nhận thức bản chất, có khá nhiều chuyện, quý vị nhìn vào hiện hành, hết thấy hành động của người khác, sẽ nhận biết bản chất của họ. Đợi đến khi quý vị học kinh Chiêm Sát đã lâu, học Chiêm Sát Luân đã khá, có khi quý vị phải chiêm sát, có khi đã khá rồi, quý vị chẳng cần chiêm sát nữa! Quý vị lạy Địa Tạng Sám đã lâu, lạy Chiêm Sát Sám đã lâu, vừa trông thấy, tâm liền hiểu rõ. Chẳng chiêm sát mà biết ngay. Có những người xét theo việc làm trong hiện tại của họ, quý vị đoán định họ chết rồi sẽ vào trong đường nào. Quý vị gieo Chiêm Sát Luân, luân tướng sẽ cho quý vị biết.

(Kinh) Nhất bách thất thập nhị giả, xả thân dĩ, nhập địa ngục.

(經)一百七十二者、捨身已入地獄。

(Kinh: Một trăm bảy mươi hai: Đã xả thân bèn vào địa ngục).

Có những kẻ làm chuyện chẳng phải là người nữa, toàn là chuyện đọa địa ngục, quý vị nói xem: Kẻ đó chết đi, chẳng xuống địa ngục thì sẽ đi về đâu? Gần đây tôi xem báo, [thấy đăng tin] một người Mỹ, tức là một đứa trẻ mười bảy tuổi đã giết sạch cả nhà, cha, mẹ, ông bà mười một mạng, họ chẳng ở chung một chỗ với nhau. Nó giết chỗ này xong bèn lái xe qua chỗ khác giết tiếp, giết gọn mười một mạng người. Quý vị nói xem, nó còn là người ư? Nó chết đi, xả thân mạng này, chẳng xuống địa ngục hay sao? Tuyệt đối là đọa địa ngục.

(Kinh) Nhất bách thất thập tam giả, xả thân dĩ, tác súc sanh. Nhất bách thất thập tứ giả, xả thân dĩ, tác ngạ quỷ. Nhất bách thất thập ngũ giả, xả thân dĩ, tác A Tu La.

(經)一百七十三者、捨身已作畜生。一百七十四者、捨身已作餓鬼。一百七十五者、捨身已作阿修羅。

(Kinh: Một trăm bảy mươi ba: Đã xả thân, sẽ làm súc sanh. Một trăm bảy mươi bốn: Đã xả thân, sẽ làm ngạ quỷ. Một trăm bảy mươi lăm: Đã xả thân, sẽ làm A Tu La).

Tôi đã gặp người dùng Chiêm Sát Luân, trước nay chẳng hề có mấy con số này. Vì các đạo hữu hễ có thể dùng Chiêm Sát Luân, sẽ chẳng vào trong ba ác đạo, chẳng thể vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. [Những kẻ đọa vào đó] là do chẳng có chút điều thiện nào, thuần ác, chẳng có thiện nghiệp; lại còn mở mồm ra là chửi bới người khác. Quý vị có nghe họ nói được một câu tốt đẹp nào hay không? Chưa hề! Bất quá chúng tôi cũng chẳng tiếp xúc những kẻ đó. Họ làm ác quá lớn, sau khi mạng chung, nhất định sẽ đọa vào ba ác đạo, chẳng có cách nào!

(Kinh) Nhất bách thất thập lục giả, xả thân dĩ, sanh nhân đạo.

(經)一百七十六者、捨身已生人道。

(Kinh: Một trăm bảy mươi sáu: Sau khi xả thân, sẽ sanh làm người).

Đã xả báo thân này, đổi lấy một cái thân khác, đều là người lành.

(Kinh) Nhất bách thất thập thất giả, xả thân dĩ, vi nhân vương. Nhất bách thất thập bát giả, xả thân dĩ, sanh thiên đạo. Nhất bách thất thập cửu giả, xả thân dĩ, vi thiên vương. Nhất bách bát thập giả, xả thân dĩ, văn thâm pháp.

(經)一百七十七者、捨身已爲人王。一百七十八者、捨身已生天道。一百七十九者、捨身已爲天王。一百八十者、捨身已聞深法。

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

(Kinh: Một trăm bảy mươi bảy: Sau khi xả thân, sẽ làm vua trong loài người. Một trăm bảy mươi tám: Sau khi xả thân, sẽ sanh làm chư thiên. Một trăm bảy mươi chín: Sau khi xả thân, sẽ làm thiên vương. Một trăm tám mươi: Sau khi xả thân, sẽ nghe pháp sâu).

Đã xả thân bèn được nghe pháp sâu, thì đại khái là sau khi xả thân bèn đến thế giới Cực Lạc, hoặc đến các cõi Phật thì mới có thể được nghe pháp sâu. Chẳng sanh vào cõi Phật, làm sao có thể được nghe pháp sâu.

(Kinh) Nhất bách bát thập nhất giả, xả thân dĩ đắc xuất gia.

(經)一百八十一者、捨身已得出家。

(Kinh: Một trăm tám mươi một: Đã xả thân bèn được xuất gia).

Đây là đời sau. Mọi người thấy các vị sư phụ hòa thượng, tỳ-kheo-ni chẳng phải là dễ dàng [xuất gia] như vậy đâu nhé, mà là do nhiều đời tu hành mới đạt được. Nhưng đã được [xuất gia], phải khéo tu hành thêm nữa, hòng tăng thêm điều thiện hơn nữa. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta: “*Thử thân bất hướng kim sanh độ, cánh đãi hà sanh độ thử thân?*” (Đời này chẳng độ thân này, còn đời nào liễu tử sanh). Nếu đời này quý vị chẳng liễu thoát, còn đời đến bao giờ? Đời đến đời nào đắc độ? Thân người khó được, [gieo luân tương để chiêm sát, mà gieo ra con số này thì] sau khi đã xả thân, lại có thể xuất gia.

(Kinh) Nhất bách bát thập nhị giả, xả thân dĩ, trị thánh tăng. Nhất bách bát thập tam giả, xả thân dĩ, sanh Đâu Suất Thiên.

(經)一百八十二者、捨身已值聖僧。一百八十三者、捨身已生兜率天。

(Kinh: Một trăm tám mươi hai: Sau khi đã xả thân, sẽ gặp thánh tăng. Một trăm tám mươi ba: Sau khi đã xả thân, sẽ sanh vào Đâu Suất Thiên).

Sau khi xả thân, sẽ sanh vào Đâu Suất Thiên. Đâu Suất Thiên là tầng trời thứ tư. Vì sao chỉ nói trời Đâu Suất? Vì hiện thời, Di Lạc Bồ Tát đang ở trong nội viện của Đâu Suất Thiên. Quý vị sanh vào Đâu Suất Thiên, sẽ sanh trước mặt Di Lạc Bồ Tát. Đời đến khi Di Lạc Bồ Tát hạ sanh thành Phật, quý vị sẽ thành Bồ Tát. Hãy phát nguyện đi, phát nguyện

sanh về Đâu Suất Thiên.

(Kinh) Nhất bách bát thập tứ giả, xả thân dĩ, sanh tịnh Phật quốc.

(經)一百八十四者、捨身已生淨佛國。

(Kinh: Một trăm tám mươi bốn: Sau khi xả thân, sẽ sanh về cõi Phật thanh tịnh).

Sanh về cõi Phật thanh tịnh, thân quý vị sanh về thế giới Cực Lạc, đó là Tịnh Độ. Sanh về cõi của Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai cũng là Tịnh Độ. Cõi thanh tịnh của chư Phật rất nhiều, nhưng do duyên của chúng ta chẳng sâu, cho nên chẳng biết. Tây Phương Cực Lạc thế giới có duyên rất sâu với chúng ta, người niệm A Di Đà Phật đều có thể sanh về. Hễ niệm A Di Đà Phật sẽ đều có thể vãng sanh. Nếu đời này đã hết thọ mạng, liền sanh về thế giới Cực Lạc. Nếu là trong đời mai sau thì không nhất định là thế giới nào, bất luận cách một đời, cách hai đời, hễ quý vị niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, đời này chưa sanh, đời sau, ba đời sau, chẳng quá mười đời, tuyệt đối có thể sanh, vì quý vị phát nguyện mong sanh về thế giới Cực Lạc. Trong nhân gian chúng ta, mười đời dường như rất dài, còn Phật, Bồ Tát thấy mười đời như trong một niệm mà thôi. Hoặc là đã sanh, hoặc nay sanh, hoặc sẽ sanh, vì sao nói là sẽ sanh? Nay ta chẳng sanh thì trong tương lai cũng chẳng đọa lạc, cũng chẳng làm chuyện xấu xa. Quý vị niệm A Di Đà Phật là chúng tử, nhất định có thể sanh, tùy thuộc bản thân quý vị có đến đó hay không, “*sanh thì quyết định sanh, đi thì thật sự chẳng đi*”, kẻ đó chẳng muốn đi [làm sao vãng sanh cho được. Vãng sanh hay không] phải cậy vào chính mình [có thật sự muốn vãng sanh hay không]? Nhưng quý vị niệm A Di Đà Phật, cầu sanh về thế giới Cực Lạc, chẳng vượt quá mười đời [sẽ được vãng sanh]!

(Kinh) Nhất bách bát thập ngũ giả, xả thân dĩ, tâm kiến Phật.

(經)一百八十五者、捨身已尋見佛。

(Kinh: Một trăm tám mươi lăm: Sau khi đã xả thân liền thấy Phật).

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Đã xả thân này liền có thể thấy Phật. Chưa nói vị Phật nào; vì vậy, không nhất định sanh về thế giới Cực Lạc, cõi Phật nào cũng đều có thể.

(Kinh) Nhất bách bát thập lục giả, xả thân dĩ, trụ Hạ Thừa.

(經)一百八十六者、捨身已住下乘。

(Kinh: Một trăm tám mươi sáu: Sau khi đã xả thân bèn trụ Hạ Thừa).

Xả thân này, quý vị liền chứng đắc Hạ Thừa. Thanh Văn, La Hán đều thuộc Hạ Thừa.

(Kinh) Nhất bách bát thập thất giả, xả thân dĩ, trụ Trung Thừa.

(經)一百八十七者、捨身已住中乘。

(Kinh: Một trăm tám mươi bảy: Sau khi đã xả thân bèn trụ trong Trung Thừa).

Tiểu Thừa là Thanh Văn, Trung Thừa là Duyên Giác, còn Đại Thừa là Bồ Tát.

(Kinh) Nhất bách bát thập bát giả, xả thân dĩ, hoạch quả chứng.

(經)一百八十八者、捨身已獲果證。

(Kinh: Một trăm tám mươi tám: Sau khi xả thân, bèn được chứng quả).

“Hoạch quả chứng” ở đây chẳng nói là quả gì, Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả đều gọi là “chứng quả”, cho đến liễu sanh tử. Chúng ta nói chung là liễu sanh tử.

(Kinh) Nhất bách bát thập cửu giả, xả thân dĩ, trụ Thượng Thừa.

(經)一百八十九者、捨身已住上乘。

(Kinh: Một trăm tám mươi chín: Sau khi đã xả thân, bèn trụ Thượng Thừa).

Thượng Thừa là Bồ Tát.

(Kinh) Thiện nam tử! Thị danh nhất bách bát thập cửu chủng thiện ác quả báo sai biệt chi tướng.

(經)善男子! 是名一百八十九種善惡果報差別之相。

(Kinh: Này thiện nam tử! Đó gọi là một trăm tám mươi chín loại tướng sai biệt về quả báo thiện ác).

Địa Tạng Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Tôi nói với ông một trăm tám mươi chín quả báo thiện ác, sai biệt hết sức to lớn. Đây là nói trong đó còn có rất nhiều biến hóa, sự biến hóa ấy do đâu mà có? Quý vị bái sám, bái sám rồi mới dùng Chiêm Sát Luân. Quý vị hằng ngày bái sám, một niệm tương ứng, quý vị sẽ hoàn toàn biến hóa, từ phạm phu trở thành thánh nhân. Nghiệp chướng của quý vị tiêu trừ, trí huệ bèn tăng trưởng, đức bèn trọn đủ. Đó là một trăm tám mươi chín loại luân tướng.

(Kinh) Như thử chiêm pháp, tùy tâm sở quán chủ niệm chi sự. Nhược số hợp dữ ý tương đương giả, vô hữu quai thác. Nhược kỳ sở trích, sở hợp chi số, số dữ tâm sở quán chủ niệm chi sự bất tương đương giả, vị bất chí tâm, danh vi hư mậu. Kỳ hữu tam trích nhi giai vô sở kiến giả, thử nhân tắc danh dĩ đắc vô sở hữu dã.

(經)如此占法, 隨心所觀主念之事。若數合與意相當者, 無有乖錯。若其所擲所合之數, 數與心所觀主念之事不相當者, 謂不至心, 名為虛謬。其有三擲而皆無所見者, 此人則名已得無所有也。

(Kinh: Pháp chiêm sát như thế, tùy theo chuyện được tâm quán và nghĩ tưởng chủ yếu, nếu con số [hiện ra bởi luân tướng] phù hợp tương đương với ý [của người chiêm sát] thì chẳng sai lệch. Nếu [luân tướng] được gieo và con số cộng lại chẳng tương đương với chuyện được tâm quán và nghĩ tưởng chánh yếu, tức là [người chiêm sát] chẳng chí tâm, gọi là hư mậu, lâm lạc. Nếu gieo cả ba lần mà đều chẳng thấy [con số nào hiện ra] thì người ấy được gọi là đã đắc vô sở hữu).

Nói xong các con số trong luân tướng, Địa Tạng Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Cách chiêm sát Chiêm Sát Luân như tôi vừa mới nói sẽ tùy thuộc vào “tâm sở quán chủ niệm chi sự”, tức là trong tâm người ấy

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chủ yếu nghĩ tới điều gì bèn chiêm nghiệm cái luân ấy. Đối với điều người ấy mong cầu, “*số hợp dữ ý tương đương*” nghĩa là con số do luân tướng hiện ra tương ứng với điều người ấy suy nghĩ trong ý niệm, tức là điều người ấy nghĩ tưởng trùng hợp với con số ấy thì là phù hợp khít khao, chẳng bị sai lầm, bất cứ chuyện gì cũng chẳng sai lầm. Nếu điều người ấy suy tưởng chẳng ứng hợp với con số [do luân tướng hiện ra] thì là “chẳng đúng, chẳng tương ứng”. Chẳng tương ứng tức là cái tâm của quý vị không chân thành, cho nên [luân tướng] vẫn chẳng hiện. Con số do quý vị gieo ra và chuyện quý vị đang nghĩ đến hoàn toàn tương ứng thì là chí tâm. [Tối thiểu là phải] có chí tâm bậc hạ, vì nếu chẳng chí tâm làm chuyện này, dùng Chiêm Sát Luân để bái sám mà chẳng chí tâm, hết thấy sẽ đều là hư vọng. Hư vọng thì không thể là sự thật được! Có trường hợp gieo luân tướng ba lần mà đều chẳng hiện, tức là chẳng gieo ra con số nào hay không? [Nếu đúng như vậy], người ấy đã vượt ngoài thế gian, một là đã chứng đắc tánh Không, hai là đã thành tựu đạo nghiệp, cho nên luân tướng chẳng ứng hiện.

Do vậy, trong tâm quý vị mong cầu điều gì, một con số trong một trăm tám mươi chín con số sẽ xuất hiện phù hợp với chuyện quý vị đang suy nghĩ, cả hai cùng ăn khớp khít khao thì gọi là tương ứng. Sau khi đã tương ứng, nếu sự tình rất xấu, chẳng hạn như quý vị hỏi về bệnh tật, [luân tướng cho biết] bệnh chẳng khỏi được, bác sĩ trị không được, nếu là như vậy thì cái tâm của chúng ta bị thương cỡ nào? Quý vị đừng ngã lòng, hãy tiếp tục niệm thánh hiệu Địa Tạng, câu Địa Tạng Bồ Tát gia trì, Ngài sẽ chuyển biến. Quý vị bị bệnh, gieo luân tướng được biết sẽ phải chết, quý vị hoảng hốt, chẳng muốn chết, vẫn chẳng đành, còn có lục thân quyến thuộc, vậy thì quý vị hãy cầu Bồ Tát! Liều mạng cầu tăng trưởng thọ mạng, Địa Tạng Bồ Tát sẽ kéo dài tuổi thọ cho quý vị. Quý vị làm các chuyện, mong thực hiện thành công, hãy cầu Địa Tạng Bồ Tát gia trì. Quý vị bái sám được tương ứng, nói “*tương ứng*” tức là quý vị gieo luân tướng, [các chữ hoặc con số] đều hiện màu đỏ, chẳng có màu đen, sẽ là chẳng có tội nghiệp, toàn là thiện niệm, toàn là thiện tâm.

(Kinh) Phục thứ, thiện nam tử! Nhược tự phát ý, quán w tha nhân sở thọ quả báo, sự diệc đồng nhĩ.

(經)復次，善男子！若自發意，觀於他人所受果報，事亦同爾。

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

(Kinh: Lại này thiện nam tử! Nếu tự phát tâm quán quả báo phải hứng chịu của người khác thì cũng làm giống như thế).

Chẳng vì cầu cho chính mình, ta dùng Chiêm Sát Luân để cầu cho người nào đó. Người đó ngã bệnh rất nguy hiểm, ta coi thử thọ mạng của người đó đã tận hay chưa bèn cầu xem. [Luân tướng] sẽ cho quý vị biết: Người ấy có thể lành bệnh, chẳng cần phải lo lắng. [Luân tướng] nói người ấy chẳng lành, quý vị và người ấy là bạn bè thân nhất, hoặc là người ấy là thân thuộc của quý vị, hoặc cha mẹ của chính mình, ta có thể thay người đó bái sám để cầu. Người đó ắt cần phải biết, phải nói rõ với người ấy: “Nay tôi bái sám để cầu cho quý vị, tôi lạy Địa Tạng Bồ Tát giùm quý vị”. Trong tâm người ấy cũng biết thì mới có hiệu quả, mới linh nghiệm.

(Kinh) Nhược hữu tha nhân bất năng tự chiêm, nhi lai cầu thỉnh, dục sử chiêm giả, ưng đương trừ lượng, quán sát tự tâm, bất tham thế gian, nội ý thanh tịnh. Nhiên hậu nãi khả như thượng quy kính, tu hành, cúng dường, chí tâm phát nguyện nhi vi chiêm sát, bất ưng tham cầu thế gian danh lợi, như hành sư đạo, dĩ tự phương loạn.

(經)若有他人不能自占，而來求請，欲使占者，應當籌量，觀察自心，不貪世間，內意清淨。然後乃可如上歸敬，修行供養，至心發願而為占察，不應貪求世間名利，如行師道，以自妨亂。

(Kinh: Nếu có người khác chẳng thể tự chiêm sát, đến cầu thỉnh muốn chiêm sát [giùm họ], hãy nên suy tính, quán sát tâm mình, chẳng tham thế gian, trong tâm thanh tịnh. Sau đó, có thể đúng như trên đây mà quy kính, tu hành, cúng dường, chí tâm phát nguyện vì người ấy chiêm sát, chớ nên tham cầu danh lợi thế gian, [hãy chiêm sát] như thực hiện đạo của người làm thầy, đừng tự gây trở ngại, rối loạn [cho đạo nghiệp của chính mình]).

Hoặc là có những người chẳng thể dùng Chiêm Sát Luân, vì họ không biết dùng, do chưa từng học, thì có thể chiêm sát giùm họ. Người ấy chẳng thể tự chiêm sát, quý vị có thể chiêm sát thay cho người đó, nhưng tâm phải chí thành, khẩn thiết y hết [như khi chiêm sát cho chính

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

mình], phải nói rõ với người ấy. Đừng nên tham đắm tiếng tăm, lợi dưỡng thế gian! Chớ nên nói ta giúp người khác bái sám để cầu được tiếng tốt, hoặc để được người ta cúng dường. [Nếu có những ý niệm tham cầu] như thế thì sẽ chẳng linh nghiệm. Không chỉ chẳng linh nghiệm, mà còn có tội, tội gì vậy? Lường gạt vì tiếng tăm, lợi dưỡng. Phạm là vì tiếng tăm, lợi dưỡng thì sẽ nhất loạt chẳng tương ứng! Quý vị lạy cũng uống công, mà luân tướng cũng là giả, do vì chẳng phải là [chí thành, vô vị lợi] như thế! Quý vị ắt cần phải chẳng tham tiếng tăm và lợi dưỡng thế gian, nội tâm thanh tịnh. Sau đó mới có thể bái sám, chiêm sát luân tướng cho người khác. Không làm như thế, chẳng thể chiêm sát cho người khác được! Nếu chẳng do tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng, hãy hành từ bi, hành sư đạo (đạo của người làm thầy) như thế. Nếu chẳng phải là như vậy, chính mình sẽ gây trở ngại cho chính mình, loạn tướng (gây rối loạn cho luân tướng). Đừng coi pháp này như trò bói toán, phê bát tự của thế gian; [nếu coi đó là bói toán, xú quẻ] sẽ là tà đạo. Khi biến chánh pháp thành tà đạo, không chỉ là chẳng có hiệu quả, mà còn có tội. Do sử dụng không chánh đáng, chánh pháp cũng biến thành tà pháp.

(Kinh) Nhược nội tâm bất thanh tịnh giả, thiết linh chiêm sát nhi bất tương đương, đản vi hư mậu nhĩ.

(經)若内心不清淨者，設令占察而不相當，但爲虛謬耳

◦
(Kinh: Nếu nội tâm chẳng thanh tịnh, dẫu chiêm sát mà chẳng tương ứng, chỉ là hư huyễn, sai lầm đó thôi).

Đồng thời, Địa Tạng Vương Bồ Tát còn bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Nếu nội tâm chẳng thanh tịnh, do nội tâm của người ấy (người sử dụng Chiêm Sát Luân) chẳng thanh tịnh, sự chiêm sát của quý vị cũng chẳng tương đương (không chánh xác). Dẫu chiêm sát thì vẫn chẳng tương đương, toàn là “*hư mậu*”, tức là hư vọng và sai lầm. Đây là lời căn dặn cuối cùng của Địa Tạng Vương Bồ Tát: Quý vị sử dụng Chiêm Sát Luân, chớ nên tham đắm tiếng tăm và lợi dưỡng thế gian! Chẳng thể cậy vào thần thông của Địa Tạng Bồ Tát để khoe chính mình có thần thông, chẳng thể được! Đó chính là phạm giới căn bản!

(Kinh) Phục thứ, nhược vị lai thế chư chúng sanh đẳng, nhất thiết sở chiêm bất hoạch cát thiện, sở cầu bất đắc, chúng chúng vu lự,

bức não bố cụ thời, ưng đương trú dạ thường cần tụng niệm ngã chi danh tự. Nhược năng chí tâm giả, sở chiêm tác cát, sở cầu giai hoạch, hiện ly suy não.

(經)復次，若未來世諸衆生等，一切所占不獲吉善，所求不得，種種憂慮，逼惱怖懼時，應當晝夜常勤誦念我之名字。若能至心者，所占則吉，所求皆獲，現離衰惱」。

(Kinh: Lại này, nếu các chúng sanh trong đời vị lai nhằm lúc hết thấy những điều chiêm sát đều chẳng đạt được tốt lành, chẳng đạt được điều mong cầu, các thứ lo sâu bức bách, phiền não, hoảng sợ, hãy nên ngày đêm thường siêng tụng danh hiệu của ta. Nếu có thể chí tâm thì điều được chiêm sát sẽ tốt lành, đều đạt được điều mong cầu, là các suy não trong hiện tại).

Lại nữa, nếu trong đời tương lai, các chúng sanh vì hết thấy các điều chiêm sát chẳng được tốt lành. Toàn thể các điều đã chiêm sát đều chẳng tốt, bất luận gieo bao nhiêu lần, đều chẳng cát tường. Điều gì quý vị mong cầu cũng đều chẳng mãn nguyện, đủ mọi thứ lo rầu, phiền não, sợ hãi, hoảng hốt, cho thấy nghiệp chướng của quý vị rất nặng. Quý vị phải nên làm như thế nào? Ngày đêm, chẳng phân biệt là ban ngày hay buổi tối, ngày đêm thường siêng năng niệm danh hiệu của ta. Cuối cùng, Địa Tạng Vương Bồ Tát căn dặn: Quý vị dùng luân tướng, toàn bộ đều không tốt. Tương ứng thì đã tương ứng, đều chẳng tốt. Quý vị sợ hãi vì chuyện này, hãy nên làm như thế nào? Ngày đêm dùng ngũ nghề, niệm danh hiệu của ta, tức là niệm “*nam-mô Địa Tạng Bồ Tát, nam-mô Địa Tạng Bồ Tát*”. [Đối với danh xưng của Bồ Tát] có kinh ghi là có chữ Vương, tức là “*nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát*”, có kinh chẳng có. Kinh Địa Tạng (kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện) luôn ghi là Địa Tạng Bồ Tát, [những kinh khác] có bản dịch là Địa Tạng Vương Bồ Tát, có bản ghi là Địa Tạng Bồ Tát. Nếu quý vị chẳng đạt được sở cầu, luân tướng đều là chẳng cát tường, do chuyện này, quý vị càng thêm lo rầu, càng thêm khổ não. Khi đó, chẳng có một tí biện pháp nào, quý vị chỉ có một cách thôi: Niệm danh hiệu của ta. Niệm danh hiệu của ta, sẽ có thể miễn trừ tai nạn ấy. Sau đó, quý vị chiêm sát, sẽ từ chẳng cát tường biến thành cát tường, từ chẳng cầu được biến thành có thể cầu được!

Đây là cách sử dụng luân tướng và cách chiêm sát trong Chiêm Sát tướng pháp. Nếu muốn học, quý vị vẫn phải khéo học. Từ những điều vừa

nói trên đây, có thể là khi chiêm sát quý vị vẫn chưa hiểu, phải dùng Chiêm Sát Luân để làm mẫu. Nhưng chẳng bái sám thì quý vị chiêm sát sẽ tuyệt đối chẳng thể tương ứng! Dầu tương ứng thì cũng chẳng thật, vì tùy tiện chiêm sát thì Địa Tạng Bồ Tát chẳng hiện tiền. Cho đến khi quý vị bái sám tương ứng, tâm quý vị ứng hợp với pháp tướng như Địa Tạng Vương Bồ Tát đã dạy; khi ấy, quý vị dùng Chiêm Sát Luân sẽ tương ứng. Hãy xem nửa quyển sau.

(Kinh) Nhĩ thời, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát Ma Ha Tát vấn Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “Vân hà khai thị cầu hướng Đại Thừa giả tấn thú phương tiện?”

(經)爾時，堅淨信菩薩摩訶薩問地藏菩薩摩訶薩言：

「云何開示求向大乘者進趣方便？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát Ma Ha Tát hỏi Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Khai thị phương tiện tiến nhập cho người mong cầu hướng đến Đại Thừa như thế nào?”)

Bái sám xong xuôi, nghiệp chướng đã tiêu mất, có thể tu hành. Mong cầu Đại Thừa, phát tâm Bồ Tát thành Phật. Cách dùng Chiêm Sát Luân được nói trong quyển Thượng trên đây là một phương pháp phương tiện thiện xảo để chuyển hóa dành cho chúng sanh trong đời Mạt Pháp, Họ là những kẻ độn căn, chẳng đủ thiện căn. Nếu đã tiêu mất chướng ngại, chẳng còn chướng ngại nữa, chúng ta thường nói là “trừ nghiệp chướng”. Đã trừ nghiệp chướng, thiện căn bèn tăng trưởng. Khi đó, sẽ bắt đầu tu hành. Tu hành mà chẳng có chướng ngại thì sẽ có thể thành tựu, có thể tiến hướng Đại Thừa. Do vậy, nửa quyển đầu nhằm chuẩn bị cho sự tu hành trong nửa quyển sau. Quý vị chiếu theo nửa quyển đầu để sám trừ nghiệp chướng kỹ càng; lúc ấy, sẽ bắt đầu tu đạo. Kiên Tịnh Tín hỏi Địa Tạng Vương Bồ Tát: Chúng ta sám hối xong, mong cầu Đại Thừa, mong thành Phật, thì phải nên tu như thế nào? “*Tấn thú*” (進趣) là hướng theo, tiến hướng Phật quả, dùng phương tiện thiện xảo gì để tu hành thì mới có thể đạt được?

(Kinh) Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: - Thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh dục hướng Đại Thừa giả, ưng đương tiên tri tối sơ sở hành căn bản chi nghiệp. Kỳ tối sơ sở hành căn bản nghiệp

giả, sở vị y chỉ Nhất Thật cảnh giới, dĩ tu tín giải. Nhân tu tín giải lực tăng trưởng cố, tốc tạt đắc nhập Bồ Tát chủng tánh.

(經)地藏菩薩摩訶薩言：「善男子！若有衆生欲向大乘者，應當先知最初所行根本之業。其最初所行根本業者，所謂依止一實境界，以修信解。因修信解力增長故，速疾得入菩薩種性。」

(Kinh: Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói: - Nay thiện nam tử! Nếu có các chúng sanh muốn hướng đến Đại Thừa, trước hết, hãy nên biết nghiệp căn bản để hành lúc thoát đầu. Nghiệp căn bản để hành lúc thoát đầu chính là nương vào cảnh giới Nhất Thật để tu tín giải. Do sức tu tín giải tăng trưởng, sẽ mau chóng được dự vào chủng tánh Bồ Tát).

“Địa Tạng Vương Bồ Tát Ma Ha Tát nói”, có khi sau chữ Bồ Tát thêm Ma Ha Tát (Mahasattva), tức là bậc đại Bồ Tát trong các vị Bồ Tát, biểu thị bậc Bồ Tát từ đẳng địa (từ Sơ Địa) trở lên thì đều thêm chữ Ma Ha Tát [sau danh xưng Bồ Tát]. Thông thường, bọn chúng sanh chúng ta, trong số các đạo hữu đang hiện diện, hễ đã thọ Bồ Tát Giới, hay nói mở rộng hơn, phàm là ai đã thọ Tam Quy đều gọi là Bồ Tát. Khi quý vị nói “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, lúc đó, quý vị là Bồ Tát, do đã là đệ tử của đức Phật. Nếu chưa thọ Tam Quy Y, bản thân quý vị xem rất nhiều kinh, chẳng thể gọi là đệ tử Phật, vì vẫn chưa tiến nhập Phật môn, ắt cần phải thọ Tam Quy, chánh thức gia nhập Phật môn, thật sự trở thành đệ tử Phật, đều gọi là Bồ Tát. Nhưng chẳng thể gọi là đại Bồ Tát, chẳng thể thêm [danh xưng] Ma Ha Tát. Danh từ Bồ Tát rất phổ biến, vì hễ phát tâm mong giúp đỡ người khác, thì đều gọi là Bồ Tát, giúp cho người khác giác ngộ. Bởi lẽ, trong danh xưng Bồ Tát, Bồ Đề Tát Đỏa (Bodhisattva) dịch sang tiếng Hán là Giác Hữu Tình, vì làm cho hết thảy các hữu tình đều có thể giác ngộ minh bạch. Giác là Phật, tức là đối với Phật pháp, sẽ có thể khiến cho [bản thân và chúng sanh] giác ngộ Phật pháp minh bạch.

Vì thế, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hỏi Địa Tạng Vương Bồ Tát: “Nếu muốn tu hành Bồ Tát đạo, phải có phương tiện thiện xảo như thế nào thì mới có thể tiến nhập?” Địa Tạng Bồ Tát bảo Ngài (Kiên Tịnh Tín Bồ Tát): Nếu có chúng sanh mong cầu Đại Thừa, Đại Thừa và Tiểu Thừa là do liên quan đến cái tâm. Tâm chẳng hoàn toàn vì chính mình, mong lợi ích hết thảy chúng sanh thì gọi là Đại. Tâm quý vị chỉ nghĩ tới những điều tốt đẹp cho chính mình, mặc kệ người khác, chỉ mong chính mình được

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

liễu sanh tử, không cần biết tới chúng sanh, [đó là Tiêu]. Cái tâm quý vị nghĩ khiến cho hết thấy chúng sanh đều liễu sanh tử, còn chính mình liễu sanh tử hay không, chẳng sao hết! Hãy cứ khiến cho hết thấy chúng sanh liễu sanh tử, đấy là tâm Đại Thừa, đó gọi là Bồ Tát. Vậy thì để hành Bồ Tát đạo, điều căn bản nhất là gì? Phải nên làm hạnh nghiệp gì? Làm bằng cách nào thì mới là hành Bồ Tát đạo?

Tu nghiệp căn bản như thế nào? Đó chính là y chỉ cảnh giới Nhất Thật để tu tín giải. Do sức tu tín giải tăng trưởng các duyên, bèn mau chóng được dự vào chủng tánh Bồ Tát. Nếu muốn thành tựu Bồ Tát, phải tiến nhập như thế nào? Giả sử có một loại chúng sanh muốn hành Bồ Tát đạo, thành Bồ Tát; trước hết, quý vị phải biết nghiệp do chính mình đã tạo, nghiệp căn bản nhất phải nên làm như thế nào! Đối với nghiệp căn bản được hành, nghiệp là dụng (tác dụng), tác dụng căn bản nhất được dùng vào chỗ nào? Chính là nương cậy cảnh giới Nhất Thật để tu tín giải. Cảnh giới Nhất Thật là *“không có cảnh giới”*. Đó chính là *“nhập pháp giới”*. Kinh Hoa Nghiêm nói ta mong tiến nhập pháp giới, pháp giới là cảnh giới Nhất Thật. Pháp là tâm, tâm không có giới hạn. Chúng ta thường nói tới pháp giới, pháp giới chẳng có giới hạn, hết thấy các pháp chẳng có giới hạn. Hơn nữa, pháp giới là tâm, tâm sanh ra hết thấy các pháp. Trong kinh Hoa Nghiêm, pháp giới là tâm. Cảnh giới Nhất Thật là nhất tâm. Giới tức là tâm, không hai, không khác, cho nên được gọi là cảnh giới Nhất Thật. Chúng ta hãy nghe nói đến pháp giới, pháp là sanh khởi hết thấy các pháp, thứ gì sanh khởi? Giới. Giới là tâm, tâm sanh ra hết thấy các pháp, hết thấy các pháp lại trở về tâm.

Có thể tiến nhập như thế nào? Cảnh giới Nhất Thật là cảnh giới *“không có cảnh giới”*. Thế nào là cảnh giới Nhất Thật? Phật cảnh giới. Phật cảnh giới là Nhất Thật, các thứ khác đều là hư vọng. Phật cảnh giới là gì? Cảnh giới chẳng có cảnh giới. Cái tâm của chúng ta có tướng cảnh giới gì? Chúng ta quan sát một phen, cái tâm ấy chẳng đứng (chẳng phải là chân tâm), [cái tâm như chúng ta thường nghĩ, thường nhắc tới] chính là vọng tâm hiện tiền. Chúng ta vẫn chưa nhận biết cái tâm, vì vẫn chưa biết chính mình có vọng tâm và chân tâm. Vọng tâm là nương vào chân mà khởi vọng, vọng là do chân thật mà khởi vọng. Vọng vốn chẳng có, nó sanh ra nhằm đối ứng hết thấy cảnh và hết thấy sự. *“Tâm bản vô sanh, nhân cảnh hữu”* (Tâm vốn vô sanh, do cảnh mà có). Cái tâm của chúng ta vốn bất sanh; do vì có hết thấy các tướng cảnh giới, chúng ta mới có hết thấy các tâm. Cảnh giới là hư vọng, vọng tâm của quý vị cũng là hư vọng, *“Tâm bản vô sanh, nhân cảnh hữu”* (Tâm vốn vô sanh, do cảnh mà có),

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

nếu cảnh chẳng có thì sao? Vậy thì tâm cũng chẳng có! Tới khi đó, “*tâm vong, cảnh tịch, lưỡng câu không*” (tâm mất, cảnh lặng, hai đằng đều là không). Hai đằng đều chẳng có, đã thành tựu. Chẳng phải là chúng ta sám hối ư? Đã thật sự sám hối xong. “*Tâm vong, cảnh tịch, lưỡng câu không. Thị tắc danh vi chân sám hối*” (Tâm mất, cảnh lặng, hai đằng đều là không. Đó được gọi là chân sám hối). Sau khi đã hiểu đạo lý này, sẽ biết hết thấy các pháp đều là như thế.

Nếu điều được hành mà chuyên nói là “căn bản”, [lại còn là] “điều được hành căn bản vào lúc tối sơ”, căn bản ấy là gì vậy? Chính là nương vào cảnh giới Nhất Thật. Khi quý vị phát khởi tín tâm, tín tâm vừa giác ngộ, các đạo hữu hiện diện đã liễu giải tín tâm, liễu giải chính mình đang ở trong vọng, chính mình vốn trọn đủ, chẳng sai khác, chẳng hai, chẳng khác với Phật. Tâm của chính mình và mười phương hết thấy chư Phật, cho đến hết thấy chúng sanh, ba thứ chẳng sai biệt, đó là nhất tâm. Cái tâm ấy của quý vị được sanh như thế nào? Tâm vốn vô sanh. Vô sanh do cảnh mà có. Do tướng cảnh giới bên ngoài đã có, cho nên tâm cũng có. Đến khi cảnh vắng lặng, hết thấy các tướng cảnh giới đều tịch tĩnh, chẳng còn nữa, tâm cũng chẳng có! Tới khi quý vị “*tâm mất, cảnh lặng, hai đằng đều không*”, khi đó, hết thấy các tội, hết thấy các thiện đều chẳng thành lập, vì đều không có.

Căn bản để hành lúc tối sơ là quán tâm, tâm là cội gốc của hết thấy các pháp, hoặc còn được gọi bằng một danh từ khác là “*cảnh giới Nhất Thật*”. Trước hết, tu tín tâm. Đã có tín tâm thì sẽ bắt đầu giác ngộ, tôi phải giải thích điều này đôi chút. Hiện thời, chúng ta tín ngưỡng Tam Bảo, cho đến tu hành, đó là cái tâm hân nhạo (欣樂, yêu thích), tâm mong cầu hết sức hoan hỷ. Hân nhạo tâm chẳng phải là tín tâm. Thế nào mới là biểu hiện của tín tâm? Thật sự tin Tam Bảo. Thật sự có tín tâm thì có tiêu chuẩn. Chính quý vị cảm nhận trong tâm ta chẳng dấy lên ác niệm, chẳng có hết thấy ác niệm, toàn là từ bi, cho đến cảm thấy ý niệm của ta chẳng đúng, biết niệm trước khởi ác liền có thể ngưng dứt, khiến cho niệm sau chẳng dấy lên, [như thế thì] đã dự vào Tín vị. Trong khi ý niệm chẳng tốt dấy lên, sẽ ngay lập tức tiêu diệt, trọn chẳng cho nó tiếp nối. Đó gọi là “*có tín tâm*”, đã viên mãn tâm Thập Tín, dự vào địa vị Sơ Trụ. Đã dự vào địa vị Sơ Trụ, có thể thị hiện trong tam thiên đại thiên thế giới hóa độ chúng sanh. Đó là cảnh giới Hoa Nghiêm. Đối với cái tâm của quý vị, quý vị trụ trong cái tâm ấy, sẽ ngộ điều gì? Ngộ cái tâm của chính mình. Đã khai ngộ, minh tâm kiến tánh, đó chính là ngộ được cái tâm. Nói theo giáo

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

nghĩa Hoa Nghiêm, chẳng thể nói như trong nhà Thiên “*hể minh tâm, đã khai ngộ, bèn thành Phật*”, chẳng có điều ấy! Vẫn phải hành Bồ Tát đạo. Chẳng có vị Phật nào không độ chúng sanh! Há có vị Phật nào chẳng độ chúng sanh ư? Chẳng độ chúng sanh, sẽ không thể thành Phật được! Ất cần phải độ chúng sanh thì mới có thể thành Phật. Nhưng nói đến lúc rốt ráo, chúng sanh vốn là không. Phật độ chúng sanh, nhưng Ngài thấy chúng sanh đều là Không, khiến cho chúng sanh đều nhập cảnh Không. Đức Phật thấy hết thấy các pháp đều là không, nhưng chúng sanh chẳng thể “*không*” được. Vì sao chẳng “*không*” được? Do cảnh mà có! Do vậy, các pháp vô sanh, vô diệt là do hàm nghĩa này.

Căn bản để hành thoát đầu là nương vào cảnh giới Nhất Thật; đây là căn bản của chúng ta, đó là căn bản của hết thấy chúng sanh. Nhưng nói theo Khởi Tín Luận, từ Chân Như Môn, quý vị bèn khởi tu nhất tâm, nhị môn. Vì muốn độ chúng sanh, bèn chia nhất tâm thành Sanh Diệt Môn và Chân Như Môn. Sanh Diệt Môn thì hết thấy các pháp là sanh diệt, chẳng thật, hết thấy các pháp đều có. Từ cảnh giới Nhất Thật mà chia thành hai môn, một môn là Sanh Diệt Môn, môn kia là Chân Như Môn, từ sanh diệt tiến nhập Chân Như. Đại Thừa Khởi Tín Luận giảng đạo lý này rất nhiều. Vì người học Phật chúng ta, trong khi quý vị tu hành theo thứ tự, điều đầu tiên là phải tin. Đã tin rồi sau đó bèn giải, giải là Học. Hiện thời, mọi người chúng ta đều cầu giải. Giải là hiểu rõ; đã hiểu rõ, quý vị sẽ thực hiện. Đó là Hành. Hành là tu hành. Chẳng phải hiểu rõ là xong, vẫn phải chiếu theo lời đức Phật dạy chúng ta phải làm như thế nào, chúng ta bèn vâng theo lời dạy mà phụng hành. Đã tin, đã giải đến mức hiểu rõ, nói thông thường là “*khai ngộ*”, đã ngộ, đã học minh bạch, chính mình đã khai phát tự chứng rõ ràng, nhưng do chúng ta đã học hiểu rõ ràng; đó là giải, giải rồi còn phải làm. “*Làm*” nghĩa là hành Bồ Tát đạo. Đó là lợi ích chúng sanh, tức là tu hành. Chữ Hành ấy bao gồm tự lợi và lợi tha.

Tập 10

Khi ấy, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát Ma Ha Tát hỏi Địa Tạng Bồ Tát rằng: “*Vân hà khai thị cầu hướng Đại Thừa tấn thú phương tiện?*” (Khai thị phương tiện tiến nhập cho người mong cầu hướng tới Đại Thừa như thế nào?) Trong quyển Thượng, [Bồ Tát] đã dạy chúng ta: “Nếu muốn học pháp môn Địa Tạng Chiêm Sát, phải nên dùng Chiêm Sát Luân để chiêm sát”. Tôi đã thưa cùng mọi người, đây chẳng phải là bói toán, phê bát tự! Chiêm Sát Luân dùng Chiêm Sát tướng pháp, tác dụng của nó là

gì? Chính là vì khi chúng ta tu đạo, nói theo Thiên Tông là “*minh tâm kiến tánh*”, nếu chúng ta muốn đạt tới minh tâm kiến tánh, hiểu rõ tâm tánh của chính mình, chẳng phải là vừa gieo hay vừa tu bèn minh tâm kiến tánh ngay được! Chẳng dễ dàng như thế đâu nhé! Do vậy, trong các giáo nghĩa tại Trung Hoa trước kia, Thiên Tông nói “*một nén nhang trong Thiền môn, đốn siêu trực nhập, lập tức chứng Bồ Đề*”. Nói hết sức dễ dàng, đơn giản, nhưng chẳng làm được! Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Quý vị mong minh tâm, mong kiến tánh, trước hết, phải biết nghiệp báo thiện ác. Nếu ngay cả nghiệp báo thiện ác của chính mình mà quý vị chẳng biết, nghiệp của quý vị ở chỗ nào? Nghiệp nào nặng nề? Nghiệp vốn chẳng có, do cảnh mà có. Vì quý vị có nhục thể này; do vậy, phải thọ báo. Có nhục thể, ắt sẽ mang theo nhân quả báo ứng. Nhân quả báo ứng là ba đời, mười đời, vô lượng kiếp đến nay! Nửa bộ đầu [của kinh Chiêm Sát nhằm dạy] quý vị cách dùng Chiêm Sát tướng pháp. Khẩu đầu, lễ bái, bái sám, sử dụng Chiêm Sát Luân, mục đích là để quý vị tu tập nửa bộ sau. Chẳng phải là vừa ngồi xuống, bèn “*Thiền môn một nén nhang, đốn siêu trực nhập, lập tức chứng Bồ Đề*”. Vào thời đó, tại Trung Hoa, luôn truyền bá kiểu đó. Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Trước hết, quý vị phải sám hối nghiệp thiện ác trước đã, phải đổ công dốc sức trong ba năm. Nửa bộ đầu [kinh này] đã nói: Dùng thời gian ba năm để bái sám. Hàng lợi căn đã bái sám thanh tịnh rồi mới bắt đầu tu hành. Đã học hiểu Chiêm Sát Sám Pháp, lễ Chiêm Sát Sám thanh tịnh rồi mới tiến hướng Đại Thừa.

Khi đó, theo quyền Thượng, khi lạy Chiêm Sát Sám Pháp, ba nghiệp thanh tịnh, đã đạt được tướng thanh tịnh, lúc ấy, phải nên tu hành như thế nào? Vì thế, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát hỏi Địa Tạng Bồ Tát: Lúc đó, người cầu mong, hướng đến Đại Thừa, chúng ta nói đơn giản là “*cầu hướng đến minh tâm kiến tánh*”, thì tu hành như thế nào? Chúng ta là độn căn, đã tu sám hối để diệt trừ chướng ngại, ba nghiệp đã được thanh tịnh, khi đó mới có thể tiến hướng Đại Thừa đạo. Khi quý vị tu Đại Thừa đạo, chuyện trước tiên là cũng phải có một phương tiện thiện xảo. Hành phương tiện thiện xảo ấy như thế nào? Địa Tạng Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín: “*Thiện nam tử!*” Chữ “*thiện nam tử*” chỉ Kiên Tịnh Tín Bồ Tát. Khi đó, chúng sanh muốn tu Đại Thừa, tu pháp Đại Thừa, hành Bồ Tát đạo, thành Phật. Đó là cái nghiệp căn bản mà quý vị phải nên biết trước tiên. Nghiệp căn bản là phương tiện tối thiểu để quý vị khởi sự tu hành. Nghiệp căn bản là gì? Cảnh giới Nhất Thật. Chúng ta gọi cảnh giới Nhất Thật là “*minh tâm kiến tánh*”, còn trong Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, nó được gọi là Thê, là Minh Thê. Minh Thê là minh tâm. Đối với

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

ngiệp căn bản tối sơ của quý vị, “*ngiệp căn bản*” là nói tới tu hành, chẳng phải là nghiệp trong nghiệp chướng. Nghiệp căn bản là gì? Cảnh giới Nhất Thật chính là Nhất Chân pháp giới được nói trong kinh Hoa Nghiêm. Trong các kinh luận khác, nó được gọi là Chân Như (Tathatā), tiền hướng Chân Như. Chân Như chính là nghiệp căn bản, tức cảnh giới Nhất Thật.

Nhưng nếu muốn mình tâm kiến tánh, cho đến khi thành Phật, trước đó, cũng phải có một phương tiện, tức tu Tín và tu Giải. Do tin mà có thể tiến nhập, tin tưởng cái tâm của chính mình. Cảnh giới Nhất Thật chính là cái nghiệp căn bản của quý vị. Tin tưởng cái tâm là Phật, tâm và Phật chẳng hai, chẳng khác. Tâm, chúng sanh, và hết thảy chư Phật, cả ba là một Thể, cùng một thứ gì vậy? Một cái tâm! Trước hết, quý vị phải tin. “*Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu*” (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức), chỉ Tín mới có thể nhập, Giải là hiểu rõ. Nói đơn giản, Giải là hiểu rõ cái tâm của chính mình. Giải ngộ tự tâm: “Tự tâm là Phật, tâm này là Phật, tâm này thành Phật”. Có tín tâm như vậy, tin “*cái tâm của chính mình là Phật, chẳng hai, chẳng khác với Phật*”. Đó là có chủng tánh Bồ Tát. Tín tâm ấy cũng chẳng dễ sanh khởi! Nửa bộ đầu của kinh này là lễ bái, sám hối, [do sự sám hối ấy] quý vị mới có thể có tín tâm như thế. Nếu nghiệp chướng của quý vị chẳng tiêu, vẫn chưa đoạn Kiến Tư phiền não, tín tâm của quý vị sẽ chẳng thể sanh khởi được! Nếu quý vị muốn đạt được cái căn bản tối sơ, hãy dựa theo kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo để tu hành. Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy chúng ta nghiệp căn bản để hành. Cái nghiệp căn bản ấy, “*ngiệp*” được hiểu theo nghĩa “*tác*” (作, làm, thực hiện), hãy y chỉ cảnh giới Nhất Thật để tín giải. [Chỉ có] Tín thì chưa được, còn phải hiểu rõ, [đó là Giải]. Giải là “*giải ngộ*”, tức là thông qua học tập, sau khi đã tín giải thì mới có thể làm. “*Làm*” chính là tu hành; có tu hành thì mới có thể thành đạo. Trong nửa bộ đầu, tuy quý vị đã tiêu trừ nghiệp chướng, nhưng sức tín giải vẫn chẳng mạnh, vẫn chưa phát nguyện “*ta chính là Phật, Phật là chính ta*”. Ất phải có tín tâm ấy, tin tưởng chính mình sẽ nhất định có thể thành Phật. Vì sao? Vì có chủng tử Phật, chỉ cần phát khởi hiện hành là được rồi!

Đã tín rồi có thể giải, Thiên Tông gọi Giải là khai ngộ, hoặc minh tâm kiến tánh. Thiên Tông Trung Hoa nói “*khai ngộ bèn thành Phật*”. Đã khai ngộ chỉ là tín giải mà thôi! Nói theo giáo nghĩa, quý vị khai ngộ, minh tâm, đã minh tâm thì mới khéo tu hành. Quý vị vẫn phải tu tập, khi ấy mới có thể hành Bồ Tát đạo. Nếu nói theo kinh Hoa Nghiêm, địa vị ấy

là Tín Mãn (信滿, đã viên mãn tâm Thập Tín), dự vào hàng Sơ Trụ Bồ Tát. Viên mãn tâm Thập Tín bèn dự vào Trụ vị Bồ Tát (các địa vị Bồ Tát thuộc Thập Trụ). Vị ấy tin tưởng chính mình và Phật chẳng hai, chẳng khác. Không chỉ là tín, sau đó còn có thể làm (tu tập). Chư Phật thành Phật như thế nào? Các Ngài cũng tu như thế, làm như thế, đấy là sức tín giải mạnh mẽ. Các vị đạo hữu nói: “Chúng tôi đã nhập Phật môn, tin tưởng Tam Bảo, thọ Tam Quy, thậm chí đã xuất gia rất nhiều năm”; giả sử chúng tôi nói họ chẳng đủ tín tâm, họ sẽ không chấp nhận! Nhưng nói theo giáo nghĩa, quả thật là chẳng có tín tâm. Mỗi đạo hữu có thể chiếu theo lời đức Phật dạy để tư duy, đối chiếu như thế một phen!

Nay chúng ta vâng theo lời dạy của Địa Tạng Bồ Tát: “*Hãy tăng cường sức tín giải*”. Có tăng cường thì mới có thể khởi tu. Khởi tu chẳng phải là trong nửa bộ đầu kinh này! Bái sám, lễ Địa Tạng Bồ Tát, lễ Phật, cầu tướng hảo; đấy là tiến nhập một bước sâu hơn. Tín tâm của quý vị đã kiên định, chẳng lui sụt, lại thêm mười nghiệp toàn bộ đều thanh tịnh. Thân, khẩu, ý nghiệp toàn bộ đều thanh tịnh. Cái tâm phát khởi trong lúc ấy là nương vào cảnh giới Nhất Thật. Chúng ta nói cảnh giới Nhất Thật đơn giản là “*minh tâm*”. Nếu chúng ta đã tu tập tín tâm từ đời quá khứ tới nay, lễ bái Chiêm Sát luân tướng, sẽ khiến cho tín tâm của chúng ta kiên định. Trình tự tu hành là “*tín, giải, hành, chứng*”. Nếu quý vị muốn thành Phật, ắt phải hành Bồ Đề đạo. Chẳng thuận theo Bồ Đề đạo, sẽ chẳng thể thành Phật. Nương theo Bồ Đề đạo; trước hết, quý vị phải tín giải, phải tu tín giải trước đã. Nương vào điều gì để tu tín giải? Ý chỉ cảnh giới Nhất Thật. Cảnh giới Nhất Thật là gì? Tin tưởng tâm của chính mình và Phật chẳng hai, chẳng khác. Tâm của chúng sanh trong mười pháp giới là cùng một tâm. Nhất định phải tin tưởng điều này, tin tưởng chính mình trọn đủ tánh thể giống hết như Phật. Sau khi đã nẩy sanh lòng tin, còn phải cầu giải, giải gì vậy? Hiểu hết thấy các pháp toàn là sanh bởi nhân duyên, tánh thể của các pháp sanh khởi bởi duyên là Không. Do vậy, đối với toàn thể Tam Tạng mười hai bộ, có thể dùng bốn chữ [để tóm gọn] là “*duyên khởi tánh Không, tánh Không duyên khởi*”. Do tánh Không, nên mới có thể sanh khởi hết thấy các pháp. Hết thấy các pháp chẳng có bản thể, do duyên khởi mà đạt tới tánh Không. Khi dùng “*duyên khởi tánh Không*” làm một đề mục; trước kia, chúng tôi đã từng giảng, [bài giảng ấy được ấn hành] thành một bản lưu hành riêng về duyên khởi tánh Không. Tôi giảng tại hội Phật Giáo Tân Gia Ba, đề mục là “*duyên khởi tánh Không, tánh*

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Không duyên khởi”. Ở đây, tôi đã dẫn chứng đại lược đôi chút, duyên khởi tánh Không!

Sau khi hết thấy các pháp được sanh ra, từ Tín mà có thể nhập, chỉ tín thì mới có thể nhập, tin gì vậy? Tín hết thấy các pháp duyên khởi tánh Không, tánh Không duyên khởi. Bất luận bộ kinh điển Đại Thừa nào, cũng đều là *“tánh Không duyên khởi, duyên khởi tánh Không”*. Khi chúng tôi giảng kinh này, cũng là như thế. Địa Tạng Bồ Tát nói hết thấy các pháp là duyên khởi, pháp duyên khởi dựa trên tánh Không mà có. Nếu hiểu đạo lý này thì gọi là Giải. Tín tự tâm của chúng ta là Phật. Do tự tâm là Phật, quý vị mới có thể tu thành Phật. Nếu quý vị chẳng có tín tâm ấy, sẽ vĩnh viễn chẳng thể thành Phật. Tín cái tâm là Phật, tin do cái tâm sẽ thành Phật. Tâm, Phật, chúng sanh, cả ba chẳng khác biệt; tuy ba mà một, tuy một mà ba. Tôi đã từng nói với rất nhiều đạo hữu: *“Tánh của người và tánh của Phật chẳng hai, chẳng khác”*. Tâm họ đã thông hiểu. Hãy nhìn loài muỗi, nhìn vào loài kiến, nhìn loài phù du. Phù du (con vò, mayfly) là tên của một loại trùng, hình thể nhỏ bé sống trên mặt nước, sanh ra vào buổi sáng, buổi tối đã chết. Đó là một đời của nó. Đời người trăm năm, giống hệt phù du, bình đẳng! Phù du có Phật tánh, nó có thể thành Phật. Nó do đọa lạc mãi, càng đọa lạc càng bé, càng đọa lạc càng nhỏ hơn, tới khi nó khôi phục, nó có thể khôi phục thân người.

Đạo lý này được gọi là Chân Như. Chân Như do tùy duyên mà sanh khởi hết thấy các pháp, hết thấy các pháp đều quy về Chân Như. Đại Thừa Khởi Tín Luận nói *“nhất tâm, nhị môn, tam đại”*, [nhị môn] tức là tâm sanh diệt và tâm Chân Như. Tâm sanh diệt và tâm Chân Như đều từ nhất tâm mà khởi. [Tam đại] là Thể đại, Tướng đại, và Dụng đại. Do nhất tâm sanh ra Chân Như môn và sanh diệt môn. Hai môn chẳng ra ngoài tam đại, tức Thể, Tướng, Dụng. Tôi thường nói *“kinh Chiêm Sát là một bộ phận của kinh Hoa Nghiêm”*. Đại Phương Quảng: Đại là Thể, Phương là Tướng, Quảng là Dụng. Nửa bộ sau của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo nói về Thể, Tướng, Dụng. Đại Phương Quảng là Thể, Tướng, Dụng. Đại Thừa Khởi Tín Luận nói tâm Chân Như môn là Thể, tâm sanh diệt môn là Tướng và Dụng, đều là nhất tâm. Lìa khỏi tâm, chẳng còn hai pháp. Nếu chúng ta muốn tu hành từ Chân Như môn, sẽ chẳng dễ tiến nhập. Vậy thì hãy theo sanh diệt môn mà vào. Tiến nhập bằng sanh diệt môn như thế nào? Quý vị hãy từ quán tướng, giống như trong nửa đầu của bộ kinh này là bái sám, chiêm sát, hồng tiêu nghiệp chướng. Đó gọi là pháp thuộc về sanh diệt môn. Do vậy, quý vị đã sám hồi ba nghiệp thanh

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

tịnh, Địa Tạng Vương Bồ Tát mới nói hai loại quán đạo đối với cảnh giới Nhất Thật.

Cảnh giới Nhất Thật là gì? Trước hết, hãy nói về cảnh giới Nhất Thật, rốt cuộc cảnh giới Nhất Thật là gì? Nếu muốn giải thích, phải phân tích cái Thể của cảnh giới Nhất Thật là gì? Sau Thể bèn có Tướng; sau Tướng bèn có Tạng. Vốn là Thể, Tướng, Dụng, nhưng trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, nó được gọi là Tạng, Tạng tức là Dụng. Tạng (藏) có nghĩa là “*bao hàm*”, chứa đựng vô lượng diệu dụng. Sự hàm chứa ấy chính là nói đến Thể, Tướng, Dụng. Pháp Thân là nói đến Thể, đây là Phật Tánh mà hết thấy chúng sanh đều trọn đủ, chẳng hai, chẳng khác với Phật. Đây là tổng thể, đây là Phật Tánh. Phật Tánh trọn khắp, cũng chính là cái được gọi là Pháp Thân trong kinh. Chánh nhân là Phật Tánh. Tướng trong Thể, Tướng, Dụng, Bát Nhã. Từ chánh nhân Phật Tánh mà gọi là liễu nhân, tức liễu nhân Phật Tánh. Do quý vị đã chứng đắc Giải Thoát Đức qua sự tu hành, liễu nhân Phật Tánh đã đạt đến giải thoát, thật sự thành tựu. Liễu nhân Phật Tánh được gọi là Giải Thoát Đức, hoặc nói là Pháp Thân Đức. Đối với duyên nhân Phật Tánh, hết thấy các pháp đều sanh bởi nhân duyên. Phật Tánh chẳng có hết thấy các pháp, pháp được sanh bởi nhân duyên toàn là nghĩa Không. “*Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị Không, diệt danh Trung Đạo nghĩa, diệt danh vi giả danh*” (Các pháp sanh bởi nhân duyên, ta nói chúng chính là Không. Điều đó cũng gọi là nghĩa lý Trung Đạo, mà cũng gọi là giả danh).

Thật thể của bộ kinh này là gì? Là cảnh giới Nhất Thật, mà cũng là Tam Quán (Không, Giả, Trung) được nói trong tứ giáo, hay Chân Không Tuyệt Tướng như kinh Hoa Nghiêm đã dạy, Lý Sự vô ngại, chứa đựng trọn khắp, đều bao hàm ý nghĩa Tam Quán. Điều này hẳn giải thích sẽ khá nhiều, [trong Đại Tạng Kinh đã] dùng bao nhiêu quyển kinh văn để giải thích vấn đề này. Bởi lẽ, [nội hàm của] cảnh giới Nhất Thật bao gồm hết sức nhiều. Cảnh giới ấy được gọi là cảnh giới Nhất Thật. Lại nói đến Pháp Thân Đức, Bát Nhã Đức, và Giải Thoát Đức, ba đức là một, một chính là ba. Một và ba chẳng trở ngại lẫn nhau. Nói gộp chung lại, sẽ là cảnh giới Nhất Thật. Ở đây, tôi nói đại lược đôi chút. Cảnh giới Nhất Thật đầu giảng mười tiếng đồng hồ cũng chẳng giảng xong. Ý nghĩa rất sâu! Trong các kinh như kinh Pháp Hoa, kinh Hoa Nghiêm, giảng còn rộng hơn nữa, chúng tôi chỉ đề cập đại lược cùng mọi người.

(Kinh) Sở ngôn Nhất Thật cảnh giới giả, vị chúng sanh tâm thể, tòng bản dĩ lai, bất sanh, bất diệt. Tự tánh thanh tịnh vô chướng, vô ngại, do như hư không, ly phân biệt cố.

(經)所言一實境界者，謂衆生心體，從本以來不生不滅。自性清淨無障無礙，猶如虛空，離分別故。

(Kinh: Nói tới cảnh giới Nhất Thật là nói tâm thể của chúng sanh vốn bất sanh, bất diệt. Tự tánh thanh tịnh chẳng chướng, chẳng ngại, ví như hư không, do là phân biệt).

Vì cảnh giới Nhất Thật là tâm thể của chúng sanh, bản thể cái tâm của hết thảy chúng sanh được gọi là cảnh giới Nhất Thật. Nó vốn chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng như, chẳng sạch. Bản thể của nó là thanh tịnh vô nhiễm, chẳng chướng, chẳng ngại. Dùng điều gì để hình dung tâm thể? Ví như hư không. Chư Phật chứng đắc bản thể, chúng sanh mê muội bản thể. Vì chúng sanh đã mê, cho nên sanh ra vô lượng phân biệt. Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác được gọi là “*tứ thánh pháp giới*”, còn trời, người, A Tu La, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là lục đạo. Chúng ta thường nói “*lục đạo luân hồi*”. Tứ thánh pháp giới gộp chung với lục đạo luân hồi chúng sanh thì gọi là “*mười pháp giới*”. Mười pháp giới là một Thể, là nhất tâm. Bất luận một sanh mạng dầu nhỏ nhoi tới đâu đi nữa, đều có linh hồn, có tánh thể, chẳng hai, chẳng khác với chúng ta. Do tạo nghiệp bất đồng mà đọa lạc vào đường ấy, nhưng tánh thể của nó chẳng mất. Thể của nó và Phật chẳng hai, chẳng khác, là bất sanh, bất diệt, trước nay chưa từng có tướng sanh diệt. Phải nhớ bản thể chẳng phải là hiện tướng (現相, tướng được hóa hiện ra). Bản thể của cái tâm chúng sanh vốn sẵn bất sanh, bất diệt; bản thể ấy vĩnh viễn thanh tịnh, chẳng có chướng ngại. Giống như gì? Giống như hư không, chẳng có phân biệt, rời là phân biệt. Nhưng hễ khởi tâm động niệm, vừa phân biệt liền đánh mất bản thể. Hễ đánh mất bản thể, đã mê, trong khi mê bèn chia cắt. Mê sâu thì đọa lạc càng sâu. Mê cạn, trí huệ hãy còn! Mười pháp giới do mê hay ngộ mà chia ra, đều phân giải từ cái bản thể ấy. Mê muội bản thể đã sâu thì đọa lạc càng sâu!

Đây là nói về cái tâm, [hoặc nói đích xác là] toàn thể cái tâm, chẳng thể thiếu phần nào. Cái tâm thể ấy chẳng có đối đãi, chẳng có tương đối, là tuyệt đãi (絕待, dứt bặt đối đãi). Quý vị chẳng thể cắt, xẻ. Hễ có thể cắt, xẻ, sẽ chẳng phải là tâm thể. Nó cũng chẳng có phương hướng, chẳng có

Đông, Tây, Nam, Bắc, cũng chẳng có người, chúng sanh, hoặc mười pháp giới chi hết. Mười pháp giới chỉ có một tâm thể này, chẳng có cái thứ hai nào khác, điều này chẳng thể nghĩ bàn! Đây là nói về Thể, nơi Phật chẳng tăng, nơi chúng sanh chẳng giảm, bình đẳng phổ biến. Thể trọn khắp hết thấy mọi nơi, giống như hư không trọn khắp hết thấy mọi nơi. Cái tâm thể ấy viên mãn mười phương, rốt ráo nhất tướng, chẳng hai, chẳng khác, chẳng đối, chẳng lạ, chẳng tăng, chẳng giảm. Một niệm tâm thể hiện tiền của hết thấy chúng sanh chẳng hai, chẳng khác với Phật quả viên mãn do Phật đã chứng đắc. Kinh Hoa Nghiêm thường dùng cách nói “*hoành biến thập phương*” (橫遍十方, theo chiều ngang trọn khắp mười phương) để diễn tả ý: Nói theo chiều ngang thì Đông, Tây, Nam, Bắc, chính giữa đều trọn khắp; nói theo cùng tột chiều dọc thì trên dưới vô tận chẳng sai khác. [Tức là nói] “*thụ cùng pháp giới, hoành biến thập phương*” (豎窮法界, 橫遍十方, theo chiều dọc cùng tận pháp giới, theo chiều ngang trọn khắp mười phương), hình dung cái tâm này chẳng hạn cuộc, chính là một niệm hiện tiền của chúng ta.

Mọi người hãy thâm nghĩ, thí nghiệm một chút. Chỉ cần quý vị nghĩ đến các nơi chính mình đã đi qua, chúng sẽ nhanh chóng hiện ra. Quý vị đã đi qua bao nhiêu chỗ, bất luận quý vị tới Nữ Ước của nước Mỹ, tùy tiện đến một nơi nào đó trên thế giới này, tùy tiện chỗ nào quý vị đã đi qua, [hễ nghĩ đến], nó sẽ hiện ra ngay. Chỉ cần quý vị lắng lòng, vừa tưởng, vừa tác ý, nó sẽ hiện ra toàn bộ. Các nơi quý vị chẳng đi qua, do chẳng biết, sẽ không thể tưởng tượng ra được! Phàm là các nơi quý vị đã đến, quý vị vừa tưởng tượng, đều có thể hiện trọn khắp. Nơi quý vị chẳng đi qua, cái tâm quý vị có trọn khắp hay không? Tâm trọn khắp! Vì nay quý vị đang mê; do đã mê cho nên chẳng trọn khắp. Hiện thời, quý vị sử dụng Thức, chẳng phải là tâm. Vì hiện thời ngay cả cái tâm chúng ta cũng chẳng biết, toàn là sử dụng Thức, chẳng đạt tới tâm. Hễ có thể đạt thẳng tới tâm thể, quý vị sẽ thành công!

(Kinh) Bình đẳng phổ biến, vô sở bất chí, viên mãn thập phương, cứu cánh nhất tướng, vô nhị, vô biệt, bất biến, bất dị, vô tăng, vô giảm.

(經)平等普遍，無所不至，圓滿十方，究竟一相，無二無別，不變不異，無增無減。

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

(Kinh: Bình đẳng trọn khắp, không đâu chẳng đến, viên mãn mười phương, rốt ráo nhất tướng, chẳng hai, chẳng khác, chẳng đối, chẳng khác, chẳng tăng, chẳng giảm).

Cái tâm ấy bình đẳng phổ biến, không đâu chẳng đến, viên mãn mười phương, rốt cuộc là tướng gì vậy? Nhất tướng. Nhất tướng là nói tới vô tướng, chẳng có hai tướng, chẳng có tướng nào khác. Cái tâm ấy vĩnh viễn chẳng thay đổi, chẳng khác lạ, nơi Phật chẳng tăng, nơi phàm phu chẳng giảm. Tâm thể của một niệm hiện tiền chúng ta, theo chiều dọc cùng tốt pháp giới, theo chiều ngang trọn khắp mười phương. Quý vị chẳng thể tách biệt, mà cũng chẳng thể nghĩ lường. Nó có thể trọn khắp căn thân và khí giới của hết thầy chúng sanh, có ý nghĩa “*bình đẳng phổ biến*”. Do vậy nói “*viên mãn thập phương, châu biến pháp giới*” (viên mãn mười phương, trọn khắp pháp giới) chính là một niệm tâm hiện tiền của chúng ta. Chúng ta vẫn đang mê, vẫn chẳng ngộ, nhưng do trong nửa bộ đầu [của kinh này], đã bái sám để sám hối các nghiệp, tam nghiệp đã thanh tịnh, quý vị tu hành, tu hành pháp môn duy tâm. Nửa bộ sau của kinh này chính là pháp môn duy tâm. Trước hết, [chánh kinh] giải thích cái tâm này bình đẳng, phổ biến.

(Kinh) Dĩ nhất thiết chúng sanh tâm, nhất thiết Thanh Văn, Bích Chi Phật tâm, nhất thiết Bồ Tát tâm, nhất thiết chư Phật tâm, giai đồng bất sanh, bất diệt, vô nhiễm, vô tịnh, Chân Như tướng cố.

(經)以一切衆生心，一切聲聞辟支佛心，一切菩薩心，一切諸佛心，皆同不生不滅，無染無淨，真如相故。

(Kinh: Do tâm của hết thầy chúng sanh, tâm của hết thầy Thanh Văn, Bích Chi Phật, tâm của hết thầy Bồ Tát, tâm của hết thầy chư Phật, đều cùng là chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng nhiễm, chẳng tịnh, là tướng Chân Như).

Địa Tạng Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: - Do cái tâm của hết thầy chúng sanh mê hay ngộ mà chia ra. Thanh Văn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chư Phật là tứ thánh pháp giới; đó là vì mê hay ngộ cái tâm này mà phân biệt thành từng tầng cấp. Tâm chẳng hai, chẳng khác, do quý vị mê hay ngộ bất đồng mà chia thành cấp bậc. Nơi chúng sanh chẳng giảm bớt tí nào, nơi chư Phật chẳng tăng thêm chút nào! Cái tâm của chúng ta bất

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

sanh, bất diệt, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng nhiễm, mà cũng chẳng thanh tịnh. Đó gọi là tướng Chân Như. Trong phần trước, chúng tôi đã nói “*hãy đạt tới tướng Chân Như*”. Tướng Chân Như là gì? Giải thích như thế này: Toàn thể mười pháp giới đều nương vào tướng Chân Như, từ một tướng Chân Như mà phân biệt. Cái tâm Chân Như và cái tâm sanh diệt, tâm Chân Như là bản thể của chúng ta. Chúng ta phải khôi phục cái bản thể ấy, hết thấy chư Phật đã thành tựu [Chân Như]. [Tâm Chân Như] khác với tâm sanh diệt. Đối với cái tâm sanh diệt, Đại Thừa Khởi Tín Luận nêu ra nghiệp tướng, chuyển tướng, hiện tướng, trí tướng, tương tục tướng, chấp thủ tướng, khởi nghiệp tướng, kế danh tự tướng, nghiệp hệ khổ. Do nghiệp ràng buộc quý vị, đối với chuyện gì, quý vị cũng đều luôn hồ đồ. Nay chúng ta từ ngay trong tướng nghiệp hệ khổ (業繫苦, nỗi khổ do bị nghiệp ràng buộc) mà tiêu diệt tướng nghiệp hệ khổ, quý vị sẽ dần dần tăng trưởng, tức là tăng trưởng tịnh, tiêu diệt nhiễm. Nếu chúng ta muốn tương ứng với Chân Như thì phải diệt, điều thứ nhất là phải thoát ly nghiệp hệ khổ trước đã. Khi chúng ta lạy Chiêm Sát Sám, đã tiêu diệt tướng nghiệp hệ khổ, chẳng có ác, đã thuận thiện, ba luân thân, khẩu, ý, mười nghiệp đều đã thanh tịnh. Địa Tạng Vương Bồ Tát nói: Khi ấy, sau khi chúng sanh đã đạt tướng thanh tịnh [từ luân tướng] thì mới có thể bắt đầu tu hành. Khi chúng ta lễ bái, chiêm sát Chiêm Sát luân tướng, tín tâm đã đạt đến thanh tịnh, ngay khi đó, dùng cái tâm thanh tịnh vô nhiễm ấy để bắt đầu tu hành.

Trong khi quý vị tu hành, ắt cần phải hiểu rõ cái tâm, hiểu rõ tâm thể trước đã. Nhưng chẳng thông qua bái sám, chư vị đạo hữu vẫn chưa từng bái sám, thì hiện thời tâm chúng ta vẫn chẳng đạt tới thanh tịnh, vẫn là thiện và ác xen lẫn, chẳng phải là thuận thiện! Nhưng trong nửa bộ sau của kinh này, Địa Tạng Bồ Tát dạy: Khi tu hành, tâm đã thuận thiện, nghiệp Thập Ác đã hoàn toàn chẳng còn. Địa Tạng Vương Bồ Tát từ bi, nếu quý vị lạy Chiêm Sát Sám ba năm, đã lạy tròn ba năm, tuy vẫn chưa đạt được luân tướng thanh tịnh, nhưng quý vị có thể tu, tức là có thể tu nửa bộ sau, có thể tu quán tâm trong nửa sau bộ kinh này. Hết thấy chư Phật, Bồ Tát, đại A La Hán, tâm đều bình đẳng, chẳng có cấp bậc, chỉ là do mức độ mê hoặc trong tâm [khác biệt], tâm chẳng thanh tịnh, chẳng tiêu trừ các món ô nhiễm. Chẳng hạn như nay chúng ta lạy Chiêm Sát Sám đã đạt được luân tướng thanh tịnh. Luân tướng thanh tịnh tức là [đã đoạn trừ] thô Hoặc, chẳng phải là tế Hoặc. [Nói cách khác], phiền não tham, sân, si hiện hành nơi thân, khẩu, ý của quý vị đều chẳng có, đã tiêu

trừ các vật ô nhiễm ấy; nhưng do chỉ là [tiêu trừ] thô tướng, chưa phải là tế tướng, vẫn chưa đạt tới địa vị “*tâm Phật và tâm chúng sanh bình đẳng*”. Nơi [Phật tâm] sẵn có thì bình đẳng, nhưng trong quá trình tu hành nhằm thanh tịnh cấu nhiễm, nó vẫn chưa bình đẳng. Quý vị có thể khôi phục bình đẳng, khôi phục cái tâm của chúng ta thành Phật tâm, khôi phục chân tâm vốn sẵn có của chúng ta. Phật tâm, chúng sanh tâm, chân tâm, cả ba đều bình đẳng. Tâm vốn bất sanh, bất diệt, bất động, bất tĩnh, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm, do phiền não của chúng sanh khác biệt. Nếu quý vị có thể khôi phục sự tịch tĩnh, khôi phục trực tâm chánh niệm Chân Như, thì sẽ là khôi phục tâm thể của chúng ta.

Cái tâm ấy bao trùm mười pháp giới, tất cả hết thảy các kinh quyền đều nói về “*tam thiên tánh tướng*” (ba ngàn tánh tướng)²⁴. Đại Thừa hay Tiểu Thừa, chẳng có một pháp nào lìa khỏi cái tâm. Lìa tâm sẽ chẳng có hết thảy các pháp. Đây là tâm thể. Vì dấy lên Hoặc nhiễm, tâm dấy lên phân biệt. Tuy dấy lên phân biệt, tất cả vọng tâm phân biệt hoàn toàn là huyễn hóa, chẳng có chút nào chân thật. Chẳng có chút nào chân thật là vì hết thảy các pháp đều từ tâm khởi. Mọi người đều hiểu điều này: “*Tâm sanh thì đủ mọi pháp sanh; tâm diệt thì đủ mọi pháp diệt*”. Làm thế nào để khiến cho cái tâm của chúng ta chẳng sanh? Phạm phu tuyệt đối chẳng làm được điều này, ngay cả thánh nhân Nhị Thừa, chư Phật, Bồ Tát cũng có thứ tự. Tâm thể hiện tiền của chúng ta trong một niệm trọn đủ mười pháp giới. Trong khi quý vị nhất tâm niệm Phật, lúc tâm hướng về Phật, quý vị là Phật pháp giới. Quý vị phát tâm từ bi lợi ích chúng sanh, hành Bồ Tát đạo, sẽ là Bồ Tát pháp giới. Nếu mong chính mình tu hành hồng liễu sanh tử thì là Thanh Văn, Duyên Giác pháp giới; cho đến hết thảy các tâm như tâm tham, tâm kiêu mạn, tâm sân hận... thì đó là lục phàm pháp giới. Dựa theo cái tâm phân biệt để xác định địa vị của quý vị. Hết thảy tâm thể dấy lên phân biệt, chỉ là tướng cảnh giới huyễn hóa, chẳng có thứ gì là chân thật. Bốn câu kệ cuối cùng trong kinh Kim Cang: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ diệc như điện, ưng tác*

²⁴ Do có mười pháp giới (địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, Tu La, nhân, thiên, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật), mỗi pháp giới lại có đủ mười pháp giới. Do vậy, ta có $10 \times 10 = 100$ (thường gọi là bách giới), mỗi giới lại đều có thập như là tánh, tướng, thể, lực, tác (tác dụng), nhân, duyên, quả, báo, bốn mặt cứu cánh, nên $100 \times 10 = 1.000$ (thường gọi là Thiên Như). Mỗi món trong Thiên Như lại có ba thứ thể gian là chúng sanh thể gian, quốc độ thể gian và ngũ âm thể gian, nên $1.000 \times 3 = 3.000$, thường được gọi gộp chung là “*tam thiên tánh tướng*”, hoặc “*tam thiên thể gian*”. Do tất cả những điều này đều từ một niệm tâm phát khởi, nên còn gọi là “*nhất niệm tam thiên*”.

như thị quán” (Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế). Đó cũng là pháp môn quán tâm.

Quý vị hãy ngẫm xem: Hết thấy các pháp, có pháp nào là chân thật? Toàn là huyễn hóa, chẳng chân thật! Thọ, Tưởng, Hành, Thức, Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp mà quý vị dùng đó, có chân thật hay không? Tất cả thấy, nghe, hay, biết của quý vị có phải là chân thật hay không? Đều chẳng phải! Do bên ngoài có các thứ cảnh mà sanh khởi các thứ tâm. Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Một niệm tâm thể hiện tiền trọn đủ Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, hợp chung lại thành một niệm tâm hiện tiền. Chúng ta phải lý giải như thế, phải nhận biết như thế.

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Nhất thiết hữu tâm khởi phân biệt giả, do như huyễn hóa, vô hữu chân thật. Sở vị Thức, Thọ, Tưởng, Hành, ức niệm, duyên lục, giác tri đẳng pháp, chủng chủng tâm số, phi thanh, phi hoàng, phi xích, phi bạch, diệc phi tạp sắc, vô hữu trường, đoản, phương, viên, đại, tiểu, nãi chí tận u thập phương hư không nhất thiết thế giới, cầu tâm hình trạng, vô nhất khu phân nhi khả đắc giả, dẫn dĩ chúng sanh vô minh, si ám, huân tập nhân duyên, hiện vọng cảnh giới, linh sanh niệm trước. Sở vị thử tâm bất năng tự tri, vọng tự vị hữu, khởi giác tri tưởng, kế ngã, ngã sở, nhi thật vô hữu giác tri chi tướng. Dĩ thử vọng tâm tất cánh vô thể, bất khả kiến cố.

(經)所以者何? 一切有心起分別者, 猶如幻化, 無有真實。所謂識受想行, 憶念緣慮覺知等法, 種種心數, 非青非黃, 非赤非白, 亦非雜色, 無有長短方圓大小, 乃至盡於十方虛空一切世界, 求心形狀, 無一區分而可得者, 但以衆生無明癡暗熏習因緣, 現妄境界, 令生念着。所謂此心不能自知, 妄自謂有, 起覺知想, 計我我所, 而實無有覺知之相。以此妄心畢竟無體, 不可見故。

(Kinh: Vì có sao vậy? Hết thấy những ai có tâm dấy lên phân biệt ví như huyễn hóa, chẳng có chân thật. Các pháp được gọi là Thức, Thọ, Tưởng, Hành, nghĩ nhớ, duyên lục, hay biết v.v... các thứ tâm số (tâm sở

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

pháp) chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng, mà cũng chẳng phải nhiều màu, chẳng có dài, ngắn, vuông, tròn, lớn, nhỏ, cho đến hết thấy các thể giới cùng tận mười phương hư không, cầu tìm hình dạng của tâm thì chẳng tìm được điều gì phân biệt riêng lẻ, chỉ vì nhân duyên vô minh si ám của chúng sanh huân tập mà hiện ra cảnh giới hư vọng, khiến cho họ sanh khởi ý niệm. Đó gọi là cái tâm chẳng thể tự biết, hư vọng tự cho là có, dấy lên ý tưởng hay biết, so đo ta và cái thuộc về ta, chứ thật ra chẳng có tướng hay biết. Bởi lẽ, cái vọng tâm ấy rốt ráo chẳng có cái Thể, chẳng thể thấy được).

Địa Tạng Vương Bồ Tát vẫn sợ chúng sanh chẳng lý giải vì sao Ngài lại nói như vậy, [cho nên giải thích bằng cách nêu nghi vấn] “*sở dĩ giả hà?*” (vì có sao vậy). Vì hết thấy những kẻ có tâm, hãy chú ý! Hết thấy kẻ hữu tâm dấy lên phân biệt, nhưng trong sự phân biệt ấy, tất cả hết thấy các pháp hữu vi đều là huyền hóa, chẳng chân thật, [thể mà] chúng sanh coi thành chân thật. Cái tâm của chúng sanh có thứ gì chân thật để biểu hiện ra hay không? Có chứ! Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật hỏi vua Ba Tư Nặc (Prasenajit): “*Đại vương! Ngài thấy sông Hằng lúc mấy tuổi?*” Vua Ba Tư Nặc đáp: “*Đại khái là lúc ba tuổi! Mẹ con dẫn con đến sông Hằng, con nhận biết đó là sông Hằng*”. Đức Phật lại hỏi: “*Năm nay nhà vua bao nhiêu tuổi?*” Vua đáp: “*Sáu mươi hai tuổi*”. Đức Phật nói: “*Hiện thời nhà vua thấy sông Hằng và lúc ba tuổi thấy sông Hằng, có khác biệt hay chẳng?*” Vua Ba Tư Nặc đáp: “*Lúc ba tuổi con cũng thấy như vậy, nay cũng vẫn thấy như vậy*”. [Đức Phật dạy]: “*Vật chất có sai biệt, ba tuổi và sáu mươi hai tuổi có sai biệt, sông Hằng tuôn chảy có sai biệt, cái Thấy của nhà vua chẳng có sai biệt. Ba tuổi cũng thấy như thế, mà hơn sáu mươi tuổi vẫn thấy như thế. Tánh Thấy chẳng sai biệt*”. Khi chúng ta thấy hết thấy các pháp, cái Thấy chẳng sai biệt, nhưng vật chất có thể biến hóa. Hết thấy các pháp hữu vi là giả tướng. Giả tướng sẽ tùy thời biến hóa. Tác dụng thấy của tánh Thấy chẳng biến hóa. Năng kiến (chủ thể thấy, tác dụng thấy của tánh Thấy) nhìn vào sở kiến (cái được trông thấy), sở kiến toàn là vật chất, là giả, tánh Thấy của năng kiến (khả năng có thể trông thấy) là thật. Vạn pháp do tâm khởi, vạn pháp do tâm diệt. Do cái tâm của quý vị phân biệt mà trông thấy tướng cảnh giới huyền hóa, chẳng có thứ gì là thật thể. Bất cứ sự vật nào cũng đều chẳng có thứ gì là thật thể. Từ chỗ này, quý vị ngộ được: Quý vị trông thấy thật thể của vật chất. Tánh Thấy chẳng phải là cái thấy do con mắt trông thấy, mà là thấy Tánh [của vật chất]. Đã hiểu rõ tánh Thấy, nếu quý vị tham đắm thể

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

gian, tìm cầu một vật chân thật, thì hết thấy đều chẳng có! Do vậy, kinh Kim Cang dạy: “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp. Hãy nên quán như thế*”. Khi quý vị quán hết thấy các pháp, [sẽ thấy chúng] toàn là hư vọng, chẳng có thứ gì là chân thật, chẳng có thứ gì là bất biến, chẳng có một pháp nào thường trụ. Quý vị hãy quán cận kề đi!

Địa Tạng Bồ Tát nói với Kiên Tịnh Tín những lời ấy nhằm vào ý nghĩa hiển thị cái tâm: “*Tâm bất biến, tâm chẳng chuyển theo cảnh*”. Tâm có thể chuyển cảnh, sẽ giống như Phật, [kinh thường nói] “*tức đồng Như Lai*”. Tâm của quý vị bị tướng cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, sẽ là phàm phu. Chuyển biến vào đường nào, sẽ rơi vào đường đó, tùy thuộc quý vị chuyển biến lớn hay nhỏ. Chuyện này liên quan tới cuộc sống của chính mình, quý vị hãy kiểm nghiệm đạo lực của chính mình. Quý vị xuất gia, dầu cho ta không xuất gia, nhưng tin Phật, Phật sẽ dạy chúng ta bằng cách nào? Khiến cho chúng ta quán hết thấy các pháp sanh, trụ, di, diệt, vô thường, biến hóa, chẳng thật sự tồn tại. Vì chúng là pháp hữu vi. Hết thấy các pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, quý vị hãy quán đi. Hãy quán tánh thể. Sở dĩ hết thấy phàm phu và thánh nhân khác biệt là do “*sáng mắt, sáng lòng*” [hay không]. Tâm mê, mắt cũng chẳng sáng. “*Mắt*” ở đây chẳng phải là trông mắt, mà là tánh Thấy. Bất quá, nói thông tục là “*sáng mắt, sáng lòng*”, tức là tâm tánh, [hay nói theo một phương diện hạn hẹp hơn] là tánh Thấy. [Thật ra], tánh Thấy chính là tâm tánh, tâm tánh chính là tánh Thấy. Tất cả sắc thân, tất cả Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nghĩ nhớ, duyên lự²⁵, hay biết của chúng ta. Hết thấy các pháp đều là tâm sở pháp (tâm sở pháp, tức các thuộc tánh của tâm tánh, hay nói theo tâm lý học thì là “*tác dụng tâm lý*”) nhiều lượt biến chuyển. Chúng tôi chẳng nói đến Pháp Tướng, [trong Pháp Tướng Duy Thức], tâm có tám món (tám tâm vương, tức tám thức, từ nhãn thức tới ý thức, cộng thêm Mạt Na và A Lại Da), tâm sở (tâm sở) thì có năm mươi một món. Các pháp ấy toàn là tùy duyên mà sanh khởi, là giả, chẳng chân thật. Điều này cũng mang ý nghĩa khiến cho chúng ta đừng tham đắm hết thấy các pháp.

²⁵ Duyên lự (緣慮) thường được giảng là cái tâm duyên theo cảnh giới rồi suy nghĩ các sự vật. Chẳng hạn, như khi chúng ta thấy một đóa hoa, cái tâm bám vào đó (thường được gọi là “*duyên theo*”), nảy sanh đủ mọi ý nghĩ: Hoa đẹp, xấu, có màu gì, có hương thơm hay không, có hình dáng ra sao, thuộc giống gì, quý hay không, nảy sanh ý nghĩ ưa thích hoặc ghét bỏ... Quá trình từ căn tiếp xúc với cảnh, nảy sanh đủ mọi ý niệm suy lường được gọi là Duyên Lự.

Hết thấy các pháp vô ngã, hết thấy các pháp vô thường, hết thấy các pháp chẳng chân thật. Đây là phân tích. Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Hết thấy các pháp hữu vi đều như mộng, huyễn, bọt, bóng, chẳng chân thật. Chúng sanh chẳng phải là như vậy, tùy thuộc mức độ nhận biết hết thấy các pháp của quý vị. Chúng ta thường nói “*khán phá, phóng hạ*” (看破,放下, nhìn thấu, buông xuống). Nói “*buông xuống*” tức là trong tâm bất cứ pháp gì cũng đều chẳng chấp trước, đều chẳng khởi tâm động niệm, có thể làm được hay không? Chính quý vị có thể biết mức độ của chính mình: Người ta đánh, chửi, vũ nhục quý vị, trong tâm quý vị chẳng động niệm mảy may. [Kẻ khác] tán thán, ca ngợi quý vị cũng thế, hoàn toàn bình đẳng. Đối với bất cứ sự vật gì, tâm quý vị cũng chẳng điên đảo. Tâm chẳng điên đảo tức là quý vị chánh niệm hiện tiền, quán hết thấy các pháp đều là Không, đều là vô thường, vô ngã. Như thế thì quý vị sẽ thọ dụng, trong bất cứ lúc nào, trong bất cứ chỗ nào, vẫn đều là tự tại!

Chúng tôi nêu một ví dụ, chẳng hạn như nói tới chuyện sanh bệnh. Khi quý vị sanh bệnh, hãy quán chiếu nhiều hơn. Quán chiếu gì vậy? Căn bệnh ấy do đâu mà có? Bệnh là gì? Giả sử quý vị chẳng có nhục thể, bệnh sẽ không có chỗ để sanh, sanh ở chỗ nào đây? Do quý vị có nhục thể, nhục thể ấy là thật hay giả? Tôi nói lời này, chắc là có người bảo: “Vị lão hòa thượng này đúng là hồ đồ! Ngay cả thân thể mà còn chẳng biết là thật hay giả!” Tôi chẳng hồ đồ, tôi hiểu rõ, thân thể hoàn toàn là giả. Kể cả Thức và tâm của chúng ta đang nói trong hiện thời cũng là giả. Trong khi quý vị bệnh khổ rất nặng, quý vị có thể tách rời thân và tâm hay không? Chẳng hạn như chúng ta làm gì khi đến bệnh viện để giải phẫu? Bác sĩ phải chích thuốc mê để gây tê cho quý vị, khiến cho tâm và nhục thể của quý vị tách lìa. Cái Thức đã bị mê thì mổ xẻ thân thể, quý vị chẳng cảm thấy đau đớn. Khi thuốc mê đã tan, quý vị tỉnh lại. Nếu chẳng chích thuốc mê, quý vị sử dụng sức quán tưởng, khiến cho thức và nhục thể hai đằng tách lìa, thân thể chẳng phải là ta, quý vị có một cái Thức riêng biệt.

Có một người đã từng chết ba lần, kể với tôi: Khi tâm thức của ông ta tách khỏi nhục thể, não bộ giống như bị rách toạc, đau đớn tới cực điểm. Thần thức đã ly khai, thứ gì cũng đều chẳng biết. Ông ta thấy mười phương hư không đều tối om. Ông ta nghĩ: “Ta tới chỗ nào đây?” Ông ta muốn sờ thân thể của mình, “ta mới vừa bị thương”. Vừa nghĩ như vậy liền hồng lét! Vừa nghĩ, [thần thức] đã ngay lập tức trở lại nhục thể, đau đớn lại dấy lên! Đau đến nổi mê man, thần thức của ông ta lại rời lìa, rời lìa lần thứ hai. Đã rời lìa, ông ta lại chẳng thấy đau đớn, dường như là hư

không. Ông ta tìm kiếm một chỗ, tự nghĩ: “Ta nên tới đâu để trị thương?” Trong đầu vẫn biết mình bị thương. Khi vừa nghĩ, thần thức lại trở về nhục thể. Lần này chẳng lìa khỏi nữa, đau thấu trời, nhân viên cấp cứu mang ông ta đi cứu chữa. Ông ta nói với tôi: “Con suy nghĩ vấn đề này. Khi chúng ta đau khổ, có thể làm cho cái thức, đấy vẫn chẳng phải là tâm, mà là thức, có thể khiến cho cái tâm nhận biết và xác thân là cái được nhận biết, hai đằng tách rời. Có thể làm như vậy hay không?”

Lúc thoát đầu, sẽ làm chẳng được. Quý vị thường thực hiện là được. Chẳng cần chích thuốc mê, quý vị có thể tự mình làm chủ. Có thể làm chủ điều gì? Chẳng phải là ta! Sự đau đớn ấy chẳng phải là ta. Vì thế, kinh Lăng Nghiêm có nói: “*Hữu giác giác thống*”, [nghĩa là] quý vị có tri giác, sẽ cảm nhận đau đớn. “*Vô thống thống giác*”, tức là [đau đớn chỉ là nơi thân xác, chứ cái tâm] cảm nhận sự đau đớn ấy chẳng hề bị đau²⁶. Nếu chúng ta có thể tách rời thân xác và cảm giác nhận biết, đương nhiên là lúc thoát đầu, đối với công phu ấy, quý vị sẽ chẳng thể thông thạo cho lắm. Phải vận dụng lâu ngày thì mới hết sức thông thạo được. Đương nhiên là quý vị dùng một hai năm công phu vẫn chưa đủ, vẫn có lúc cảm nhận đau đớn. Tới khi quý vị thật sự vận dụng được, thân xác chẳng cần chích thuốc tê, cứ mổ là mổ thôi! Mọi người đã đọc Tam Quốc Diễn Nghĩa, [trong ấy có chép] Quan Vân Trường nạo xương chữa độc. Ông ta là phàm phu, chưa từng học Phật pháp. Ông ta vừa đánh cờ, vừa [cho lang y] khoét thịt, [tức là] khoét chỗ thịt bị trúng độc, khoét đặng đến xương kêu ken két. Trên dưới bao nhiêu người nghe âm thanh nạo khoét ấy đều [cảm thấy] hết sức đau đớn, còn ông ta tiêu dao tự tại. Vì ông ta đã tách lìa cái tâm và nhục thể của chính mình. Tôi cảm thấy như thế đó, tôi đã thí nghiệm. Năm trước, bệnh khổ rất nhiều, cảm thấy đau đớn, bèn tu pháp Quán này. Quý vị hãy thí nghiệm một phen, tôi thiếu là giảm bớt nỗi đau khổ. Đặc biệt là chất xương của tôi tăng sinh (hyperplasia)²⁷; vì thế, mỗi ngày mỗi giờ đều bị đày đọa rất đau đớn. Xương tăng trưởng rất đau. Rất

²⁶ Đây là lời tự thuật của tôn giả Tất Lăng Già Bà Tha: Khi Ngài nghe đức Phật dạy “*thế gian chẳng có chuyện gì đáng vui sướng*”, bèn chú tâm quán tưởng lời dạy ấy ngay trong khi đi khát thực, đến nỗi không chú ý, đập phải rắn độc. Khi bị rắn cắn đau đớn khôn cùng, Ngài suy nghĩ: “Cái thân ta do có tri giác nên cảm nhận sự đau đớn, nhưng cái tâm ta có thể nhận biết sự đau đớn ấy thì không có nỗi đau đớn nào bên ngoài làm mất đi khả năng nhận biết ấy, cũng như không có nỗi đau nào làm xáo trộn cái tâm được”. Từ đó, Ngài thấy được chân tâm.

²⁷ Đây là hiện tượng một loại tế bào nào tăng trưởng quá mức, sẽ khiến cho một cơ quan nào đó trên thân thể bị phình to.

tự nhiên, có hai loại: Một loại là đau đến hôn mê luôn. Đã hôn mê thì sẽ chẳng biết, đương nhiên cũng chẳng cảm thấy đau khổ. Khi quý vị cảm thấy rất đau đớn, chịu đựng, chẳng phải là chúng ta thường nói “ *tinh thần chiến thắng vật chất*” hay sao? Thân thể là một loại vật chất, quý vị dùng tinh thần chiến thắng nó. Có hai loại: Một loại là kẻ đó phiền não đặc biệt nặng nề, tâm sân hận hết sức to lớn, bị người khác đánh đập liền hận: “Ta nhất định phải trả thù”. Hỏi kẻ đó: “Đau hay không?” Không đau! Đây là phiền não, chẳng phải là tự tại. Kẻ đó thật sự đau đớn, bị đánh nặng đến mức hôn mê luôn. Tôi vừa mới nói người tu đạo chẳng hôn mê, đau đau đớn đớn cách mấy chẳng hôn mê. Dầu nhục thể bị tiêu diệt, vẫn chẳng hôn mê. Vì sao người niệm Phật sanh về thế giới Cực Lạc, hoặc người tu đạo đến lúc mạng chung có thể tự tại? Đó là do công phu thường nhật.

Cho đến khi đó, đến lúc đó mới [tập luyện công phu ấy] sẽ không được! Vì trong hết thấy các tâm, đã có tâm phân biệt. Nếu quý vị chẳng có tâm phân biệt, sẽ là “ *tinh thần chiến thắng vật chất*” như đã nói. Thân thể của quý vị là vật chất, nó chẳng thuộc về tinh thần. Nói là “*đã già rồi*”, tâm quý vị rất mạnh mẽ, trong tâm trước nay chưa hề có chữ Già, hãy khắc phục nó. Nếu quý vị chẳng thể khắc phục, nói “*tôi đã già rồi*”, chân cũng chẳng cứng cáp, đầu óc cũng trì độn, tay cũng chẳng nâng nổi. Có thể khắc phục hay không? Tôi cảm thấy có thể khắc phục, vì bản thân tôi đã khắc phục như thế. Vì sao tôi lại rời Ngũ Đài Sơn? Đó chính là nguyên nhân khắc phục của tôi! Năm ngoái, trong đêm tối, khoảng một hai giờ thức dậy muốn đi tiểu, dậy không nổi! Chẳng thể nhúc nhích cánh tay được! Tôi nói phen này không xong rồi! Chẳng nâng cánh tay này lên được, nào chỉ huy không nổi! Não mất tác dụng chỉ huy, tinh thần vẫn có thể chỉ huy, muốn nâng cánh tay lên nhưng không được, ngó sững nó không động dậy! Tôi nói “*cái thứ quý này giờ chứng rồi*”, lúc đó chẳng phải là bán thân bất toại, mà là “*toàn thân bất toại*”. Tôi tận lực dùng sức chống chọi. Đại khái là từ một giờ cho đến hơn ba giờ, dần dần cánh tay có thể hoạt động. Tôi dùng cánh tay ấy để lay lắc cánh tay kia, dần dần chúng hoạt động. Đã hoạt động được rồi, tôi chẳng dám nằm xuống nữa, cũng chẳng dám ngủ, cứ một mực đi lại. Đại khái là qua chừng bốn năm tiếng đồng hồ, mệt quá, đi không nổi nữa, ngồi xuống. Do hoạt động như vậy bèn linh hoạt, chẳng còn bị lần thứ hai. Giả sử lúc đó, nằm bất động, chẳng phải là bán thân bất toại, thì cũng là toàn thân bất toại, không thể động dậy được. Quý vị đột phá, cho nên tâm có thể chuyển biến vật chất. Mọi người hãy tin tưởng đạo lý này: “*Tâm có thể chuyển biến vật chất*”. Tôi lên lớp ở Ngũ Đài Sơn, nói không ra lời, chẳng dạy được. Giảng kinh

Lãng Nghiêm, giảng đến phen thứ ba trong phần “*thập phiên hiển kiến*” (十番顯見, mười phen chỉ rõ cái Thấy) bèn thấy không xong, đành ngưng giảng. Tới nay cũng chẳng giảng lại ở Ngũ Đài Sơn. Tôi nói như vậy là không được, sống mà chẳng thể dạy thì còn sống để làm gì chớ? Vẫn phải giảng! Có phải là do tại Ngũ Đài Sơn, ở trên núi quá lạnh đó chẳng? Tôi liền xuống Thái Nguyên²⁸. Tới Thái Nguyên, lại dấy vọng tưởng, tính qua Đài Loan một phen. Tôi liền liên lạc với các đạo hữu ở Đài Loan, cho nên mới đến đây. Đã đến đây, hiện thời cũng giảng, cũng tốt đẹp!

Xã hội thường nói “ *tinh thần chiến thắng vật chất*”, còn Phật giáo chúng ta nói: “*Tâm sanh, các pháp sanh. Tâm diệt, các pháp diệt*”. Chúng ta có thể chiến thắng thân thể của chính mình. Dùng gì để chiến thắng? Dùng phương pháp do đức Phật đã dạy “*buông xuống, thấy thấu suốt*”, sẽ tự tại. Nếu quý vị có bệnh thì ba phần bệnh, lại thêm bảy phần lo ngại, xong luôn! Quý vị chẳng thể bỏ dấy nổi! Còn nói đến chuyện ung thư, tôi bị ung thư trực tràng²⁹, chắc là mọi người biết tôi đã tám mươi tuổi, mổ bỏ khối u trực tràng. Bác sĩ bảo tôi: “*Sư phụ! Thầy bình phục rồi cũng chẳng sống quá năm năm*”. Vì tám mươi tuổi mà mổ xẻ, người bị ung thư trực tràng sống tối đa là năm năm. Nhưng nay tôi đã sống thêm cả mười lăm năm rồi, đã vượt mức rồi! Hết thấy mọi sự đều lấy cái tâm làm

²⁸ Thái Nguyên còn được gọi là Tấn Dương, Tinh Châu hoặc Long Thành, là một thành phố lớn của tỉnh Sơn Tây. Vào thời cổ, nơi đây chính là kinh đô của nước Triệu thời Chiến Quốc và các triều đại Tiền Tần, Đông Ngụy, Bắc Tề, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Bắc Hán v.v... Thoạt đầu, nơi đây là lãnh thổ của sắc dân Xích Địch. Vào năm 541 trước Công Nguyên, đại tướng Tuân Ngô đem quân chinh phạt Xích Địch, sát nhập vùng này vào lãnh thổ nước Tấn. Cho đến năm 497, gia tướng Đổng An Vu của Triệu Giản Tử mới xây dựng thành trì tại đây, đặt tên là Tấn Dương Thành. Nơi này trở thành kinh đô của nước Triệu (dưới thời Triệu Liệt Hầu) khi nước Tấn bị ba nhà quý tộc Hàn, Triệu, Ngụy chia cắt. Đến đời Hán, bị đổi thành Tinh Châu. Đời Tùy - Đường, Tấn Dương là thành thị lớn thứ ba sau Lạc Dương và Trường An. Tên gọi Thái Nguyên xuất hiện khi Tần Thủy Hoàng lập quận Thái Nguyên với Tấn Dương là thủ phủ.

²⁹ Trực tràng (Rectum, còn gọi là quảng tràng) là phần ruột thẳng đứng cuối ruột già, nối với hậu môn. Ruột già (đại tràng) có hình giống như chữ U ngược, được chia thành nhiều phần: Phần thứ nhất tức cạnh đứng của chữ U (thông với ruột non), được gọi là thẳng kết tràng (ascending colon). Phần phía dưới của trực kết tràng lại gọi là manh tràng (cecum). Phần ruột già tương ứng với đáy chữ U là hoành kết tràng (transverse colon). Phần ruột già tương ứng với cạnh còn lại của chữ U gọi là giáng kết tràng (descending colon). Phần nối tiếp giữa giáng kết tràng và trực tràng được gọi là át tràng (át trạng kết tràng, sigmoid colon).

chủ đạo, tùy thuộc quý vị sử dụng cái tâm như thế nào. Tôi nói điều này với ý nghĩa là hết thấy những gì có tâm dấy lên phân biệt, tức là tâm quý vị dấy lên phân biệt, hãy coi hết thấy sự vật là huyền hóa, sanh lòng hoan hỷ nhiều hơn, đừng sanh phiền não. Mỗi ngày quý vị cười thêm vài lần, bất cứ chuyện phiền não gì xảy đến với quý vị sẽ đều hóa thành hư huyền. Quý vị đừng để sự việc xoay chuyển, phải xoay chuyển sự vật. Bất luận chuyện gì hiện tiền, quý vị đều xoay chuyển nó. Dầu sao thế giới này vô thường, khổ, không, hư giả, suốt ngày quý vị hãy nghĩ như thế. Khi quý vị thật sự gặp phiền não dấy lên, quý vị hãy nói nó là giả. Tôi nhớ lão pháp sư Đệ Nhân có nói một câu như thế. Khi Ngài bị bệnh, đệ tử của Ngài hỏi: “Thưa lão pháp sư! Ngài chẳng tu Quán sao?” Sư đáp: “*Quán là giả, đau vẫn là thật*”. Nhưng nhất định phải là “*tinh thần chuyển hóa vật chất*”. Vạn pháp từ tâm sanh, vạn pháp do tâm diệt. Do đó, phàm phu nếu muốn thành Phật, quý vị phải chuyển hóa hiện thực.

Nay chúng ta đang ở trong phiền não, toàn thể cuộc sống đều ở trong phiền não, tham, sân, si, mạn, nghi, Thân Kiến, Biên Kiến, Giới Cẩm Kiến, Tà Kiến, quý vị đã thoát khỏi thứ nào? Phải chuyển hóa chúng! Quá khứ đừng nghĩ tới, quá khứ đã đều chẳng còn, nghĩ tới nó làm chi? Đây là căn bệnh lớn nhất của chúng ta, vẫn cứ muốn lôi quá khứ tới hiện tại. Suốt ngày chẳng thể thôi nghĩ tới quá khứ! Quá khứ đã qua đi, há còn có nữa ư? Chẳng thể lôi lại được! Lại còn có kế hoạch cho tương lai cả vạn vạn năm. Quý vị đặt kế hoạch chi nữa, thọ mạng được mấy chục năm! “*Nhân vô bách nhật hảo, thường hoài thiên nhật ưu*” (Người chẳng có được một trăm ngày tốt đẹp, cứ thường lo rầu cả ngàn ngày). Vị lai còn chưa tới, đừng bận lòng! Tới rồi hãy nói. Quá khứ đã qua đi, quý vị đừng nghĩ tới nó. Vị lai còn chưa xảy đến, cũng chẳng quan tâm! Hiện tại thì sao? Hiện tại chẳng ngừng. Ngày hôm qua chẳng phải là ngày hôm nay. Ngày hôm nay lập tức giảng xong thì đợi tới ngày mai lại nói; chẳng bàn đến chuyện ngày mai nữa! Ngày mai là ngày mai, hiện tại chẳng trụ! Giả sử quý vị có thể chẳng nghĩ tới chuyện hôm qua, chuyện hôm nay chẳng trụ, chuyện ngày mai chưa tới, mặc kệ nó! Quý vị có thể đạt tới mức độ ấy, tôi nói: Dầu quý vị chưa thành đạo, tối thiểu là chẳng có phiền não!

Phiền não của con người sanh khởi như thế nào? Quý vị tự mình tìm kiếm, suy nghĩ! Trong quá khứ, vào đời Đường, có một viên Tể Tướng là Ngự Triều Ân. Hoàng đế thỉnh quốc sư³⁰ tới, đương nhiên là Tể

³⁰ Vị quốc sư này chính là ngài Nam Dương Huệ Trung (675-775). Ngài là một trong năm vị đại đồ đệ của Lục Tổ Huệ Năng. Ngài đã học Phật từ nhỏ, thông đạt kinh luật.

Tướng phải hầu vua. Ông ta hỏi quốc sư: “Thưa quốc sư! Tôi muốn hỏi Ngài, phiền não từ đâu mà dấy lên? Phiền não là gì?” Quốc sư trợn mắt, nói: “Nô tài nhà ngươi mà cũng hỏi Phật pháp”. Ông ta nổi cáu liền, đáp: “Tuy ta là nô tài, nhưng ta là nô tài của hoàng thượng. Ta là Tể Tướng, ở trên vạn vạn người. Sao ngươi khinh miệt ta như vậy?” Nổi trận lôi đình rồi! Quốc sư nói: “Ông đừng tức giận, phiền não sanh từ đó. Đó chính là phiền não. Đó là vô minh, vô minh dấy lên từ đó”. Ngay lập tức, Ngự Triều Ân khai ngộ, đập đầu đánh lễ, bái tạ quốc sư. Đó là ứng cơ thuyết pháp. Mọi người hãy nghĩ xem: Chúng ta cũng có thể khai ngộ như thế hay chẳng? Thường là do một câu nói chạm tới linh cảm của quý vị, sẽ ngay lập tức khai ngộ.

Khai ngộ là tích lũy, mọi người có tin hay chẳng? Tôi có thể làm chứng cho quý vị! Tôi chưa học hết Tiểu Học, không có trình độ văn hóa, tới Cô Sơn Phật Học Viện, căn bản là người ta không nhận tôi. Những người theo học kinh Hoa Nghiêm đều là sinh viên đại học, đại học Hoa Nghiêm mà! Nhưng sau hai ba năm vì sao tôi có thể vào học? Sau đó, tôi đến Thanh Đảo, học pháp thế gian, Tứ Thư, Ngũ Kinh gì đi nữa, tôi đều học. Tôi hơn người khác ở chỗ đầu óc đặc biệt lạnh lẽo, đã học rồi chẳng quên. Hiện thời, tôi thừa với mọi người, cho đến xem tiểu thuyết chi nữa, tôi đều dung hội được. Có lúc tôi kể các câu chuyện xưa, đặc biệt là nói tới vấn đề nhân quả, tôi kể cho mọi người nghe truyện Tể Công. Giảng tại làng quê, rất nhiều đạo hữu đâu có trình độ văn hóa gì! Quý vị phải kể những mẩu chuyện, họ nghe rất hứng thú, sẽ có thể tiến nhập trọn vẹn. Nhân quả báo ứng là như thế, họ sẽ tin tưởng. “*Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác*” (Phật pháp ở trong thế gian, chẳng lìa thế gian để giác ngộ). Chỉ cần quý vị hiểu rõ pháp thế gian là Phật pháp, tách lìa cuộc sống thì còn tìm Phật pháp ở đâu? Tìm được không? Trong cuộc sống hằng ngày, quý vị hãy tùy thời buông xuống cái tâm phân biệt, quán tưởng các sự vật hiện tiền, khiến cho chính mình chẳng dấy lên ý niệm phân biệt. Gặp phiền não, quý vị buông xuống, chẳng phiền não, biết đó là giả. Khi vui thích nhất, quý vị cũng biết đây là giả, đừng coi đó thành

Ngưỡng mộ Lục Tổ, Ngài tìm đến Tào Khê cầu pháp, và đắc tâm ấn khi mới mười sáu tuổi. Sau đó, Ngài tu luyện suốt bốn mươi năm. Sau đó, cùng với Hà Trạch Thần Hội, Ngài đã hoằng dương Thiên pháp của Lục Tổ Huệ Năng ở phương Bắc. Ngài nổi tiếng với câu chuyện khi ẩn tu tại vùng núi, có tên cướp kẻ đao sát bụng uy hiếp, thiền sư Huệ Trung vẫn lặng lẽ bất động. Ngài được tôn là quốc sư cả ba đời vua Huyền Tông, Túc Tông, và Đại Tông. Do Ngài từng làm trụ trì chùa Long Quang ở Nam Dương, nên thường được gọi là Nam Dương Huệ Trung.

thật! Chẳng có gì tuyệt diệu hết, hết thảy đều qua đi. Đặc biệt là quý vị ở trong khổ nạn, hãy nên thấy hết thảy các pháp như huyễn. Tôi có thể làm chứng cho mọi người. Tôi ở trong tù khá lâu, ba mươi ba năm. Rất nhiều người trẻ tuổi còn chưa ở tù lâu bằng tôi, từ năm 1950 tới năm 1982! [Bắt đầu tù] tháng Giêng năm 1950 [tôi bị tù], rất đơn giản, quý vị hỏi: “Lão hòa thượng! Vì sao thầy phạm tội?” Tôi đáp: “Tôi chẳng phạm tội!” “Chẳng phạm tội, sao lại ở tù lâu như thế?” “Người ta bắt tôi phải tin theo đảng Cộng Sản Trung Quốc, tôi không tin. Vậy là cứ ở tù đi!” Càng ở tù, càng lâu! Cho đến hiện thời, tôi vẫn là như thế. Ở trong nước là như thế! Các người nhốt thì nhốt, giết thì giết, chẳng sao cả! Tín ngưỡng của tôi chẳng thay đổi! Chắc là mọi người đều biết: Tánh tôi là như vậy đó! Tôi ở Đại Lục cũng là như thế, hiện thời cũng là như thế. Trong tương lai, vĩnh viễn là như thế!

Tin tưởng các pháp do nhân duyên sanh, nhưng các pháp đã do nhân duyên sanh, nhân duyên cũng có thể diệt các pháp, các pháp cũng do nhân duyên mà diệt. Hết thảy những ai có tâm dấy lên phân biệt, huyễn hóa, chẳng thật, chẳng có thứ gì là chân thật, cứ sao vẫn chẳng nghĩ thông suốt? Hiện thời, có các đạo hữu ở đây gởi thư cho tôi, [than thở] trong công việc, trong cuộc sống, trong nỗi hy vọng, có rất nhiều chuyện chẳng như ý. Mọi chuyện làm sao có thể đều như ý cho được? Quý vị sanh vào thế giới Sa Bà, sanh trong [hoàn cảnh] phiền não này, trừ phi quý vị học Phật, buông xuống, thấy thấu suốt, chẳng phiền não, thì sẽ được như ý. Khiến cho kẻ khác vừa ý quý vị ư? Trên thế giới này, từ kẻ làm Tổng Thống cho đến một kẻ ăn mày, quý vị hỏi họ, [sẽ thấy] họ chẳng có lúc nào như ý cả! Trừ phi quý vị hiểu rõ, đoạn dứt phiền não, học Phật sâu xa, lại còn có thể thực hành, thì sẽ được như ý. Học pháp môn gì cũng đều có một tư tưởng trung tâm. Bất luận bộ kinh nào, cũng đều có một tư tưởng trung tâm. Tư tưởng trung tâm là một, chẳng phải là bộ kinh này hay bộ kinh kia [mỗi kinh có tư tưởng riêng biệt], kinh nào cũng đều là “*vô thường, khổ, không, vô ngã*”, nhưng lại tách ra thành Tiểu Thừa và Đại Thừa. Quý vị phải hiểu đạo lý này, vận dụng hết thảy Phật pháp đã học vào trong hành vi, đặc biệt là vận dụng nơi tư tưởng, thì sẽ thành công, tối thiểu là có thể đoạn phiền não. Đặc biệt là đối với chuyện chẳng vừa lòng, nếu quý vị biết suy tưởng thì phải nên tưởng như thế này: “Đời người là như thế đó, tai nạn là như thế đó”. Có rất nhiều người hỏi tôi: “Thầy sống sót ba mươi ba năm trong nhà tù bằng cách nào?” Tôi nói: “Quý vị thấy hiện thời tôi sống rất tốt. Không chỉ sống sót, mà còn sống thọ nữa”.

Phật pháp nói “*vạn pháp duy tâm*”, nay chúng ta đang nói về “*vạn pháp duy tâm*”. Tâm này trọn đủ mười pháp giới. Tứ giáo nói “*tam thiên tánh tướng*” chính là một niệm hiện tiền của quý vị, có thể lý giải hay không? Kinh dạy: Quý vị ắt cần phải dùng đầu óc suy nghĩ, đấu tranh tư tưởng khá nhiều. Nếu không, quý vị tiến nhập bằng cách nào? Quý vị đừng xem [Phật pháp] thành văn tự, học kinh Phật chẳng phải là học văn tự, mà phải dốc sức nơi hành động. Tức là kinh dạy quý vị làm như thế nào, hãy làm như thế đó! Quý vị thực hiện, hãy thử xem, liễu sanh tử như thế nào? Bộ kinh nào cũng đều dạy phải liễu sanh tử, dạy buông xuống, buông xuống bèn tự tại. Kẻ nào không buông xuống được, bèn phiền não. Rất nhiều đạo hữu viết thư cho tôi, [than thở họ đây rầy] phiền não. Tôi cũng chẳng thể trực tiếp nói với họ: “Phiền não ở chỗ nào? Quý vị lấy ra cho người khác xem thử!” Quý vị chẳng lấy ra được! Phiền não là vô hình, vô tướng. Mọi người rất hiểu Phiền (煩) là rất không an định, một chốc như thế này, chốc nọ như thế kia. Thân thể này quý vị [không chế] rất dễ dàng, chứ tâm lý chẳng thể không chế được! Một chốc chạy đến chỗ này, thoáng sau tót qua chỗ kia! Nay đang ngồi nghe giảng ở đây, người đó nghĩ tới xe hơi, nghĩ tới gia đình ở bên ngoài, đầu óc suy nghĩ rất nhiều, chẳng thể chuyên tâm nhất ý được, có thể chẳng khởi phân biệt ư? Phàm là hết thấy những gì có phân biệt, đều là huyền hóa, chẳng chân thật! Quý vị hãy quán như thế.

Cái gọi là Thức, Thọ, Tưởng, Hành, sẽ bao gồm tư tưởng nghĩ nhớ quá khứ. Quá khứ cũng tạo thành chủ ý trong tư tưởng: “Ta đã làm sai chuyện này, ta phải nên sửa chữa như thế nào?” Chuyện đã qua rồi, quý vị có sửa thì cũng đã muộn màng! Đừng nên nghĩ tới nó, hãy buông xuống. Mọi người rèn luyện, chuyện ngày hôm qua đừng lôi kéo sang hôm nay, hãy để nó qua đi. Quý vị có thể buông xuống như thế, tự nhiên sẽ tự tại, sẽ chẳng phân biệt, vì toàn là giả! Đạo lý này rành rành ai nấy đều biết, nhưng chẳng làm được! Đứa trẻ nào được mẹ sanh ra mà mang theo chút gì, nó mang gì đến vậy? Mọi người ngẫm xem, kể cả bản thân chúng ta, quý vị sanh ra đã mang theo gì đến đây? Thứ gì cũng chẳng có! Khi quý vị rời đi, có thể mang theo thứ gì ra đi? Đạo lý rất đơn giản, ai nấy đều hiểu rõ, nhưng chẳng buông lòng tham xuống nổi. Chưa chết thì còn chưa hết tham. Quý vị tham lam bao nhiêu đi nữa, khi mất cũng chẳng mang theo được vật gì, kể cả thân thể của chính mình. Quý vị chết rồi, hỏa táng, biến thành tro bụi. Dầu xây phần mộ đẹp đẽ cách mấy, vẫn vô dụng! Hiện thời, tại Đại Lục có rất nhiều cuộc đất là chỗ mộ cỏ, là các ngôi mộ từ thời

Hán đều bị đào lên hết! Các ngôi mộ gần hai ngàn năm đều bị đào bới. Hai ngàn năm vẫn là rất ngắn, quý vị có thể còn lại gì? Chẳng có! Bất cứ thứ gì cũng chẳng có! Hết thấy các pháp vốn đều là không, chúng sanh chẳng buông xuống được! Quý vị chẳng buông xuống được, [vậy thì] có thể giữ lại gì? Chính mắt chúng ta trông thấy, chuyện trăm năm trước còn có thể tồn tại hay không? Các đạo hữu từ Bắc Kinh tới núi [Ngũ Đài] thăm tôi, tôi thường bảo họ: Khi tôi tới Bắc Kinh, Bắc Kinh mới có hai mươi sáu vạn cư dân. Hiện thời đã hơn một ngàn vạn. Người thuở ấy đã sớm qua đời hết rồi; họ làm sao biết tám cửa thành, tám cửa ải của Bắc Kinh sẽ bị hủy toàn bộ, còn gì nữa chẳng? Mỗi hiện tượng trong hết thấy các pháp thế gian và xã hội hằng ngày nhắc nhở chúng ta “*nhu huyễn, nhu hóa*”. Chúng ta là huyễn hóa khôn cùng, chẳng chân thật.

Cái gọi là Thức, Thọ, Tưởng, Hành, nghĩ nhớ, duyên lự, hay biết, hết thấy các pháp, các thứ tâm số, các thứ suy nghĩ nảy sanh trong tâm, quý vị nói xem, là xanh, là vàng, là đỏ, hay là trắng? Chẳng có màu sắc. Màu sắc gì cũng đều chẳng có, tâm chẳng phải là các thứ sắc. Lại còn có dài, ngắn, vuông, tròn, lớn, nhỏ thì sao? Vọng tưởng chấp trước! Vì thế, nói tới hết thấy các thế giới tận mười phương hư không, quý vị muốn tìm hình dạng của cái tâm, có thể tìm được hay không? Chẳng có! Hơn nữa, vuông có thể biến thành tròn, tròn lại có thể biến thành vuông, hiện tượng biến hóa vô cùng. Thế giới đã chẳng phải luôn [cố định] như vậy, vì sao phải chấp trước? Vì vô minh thâm căn cố đế từ quá khứ. Nói đơn giản, vô minh là về căn bản, điều gì cũng đều chẳng hiểu rõ. Vô minh là không hiểu rõ. Không hiểu rõ điều gì? Không hiểu rõ sanh tử do đâu mà có, không hiểu rõ khổ là gì, lạc là gì? Có tiêu chuẩn hay không? Khổ và lạc vốn chẳng có tiêu chuẩn, đều là cảnh giới hư vọng. Vì sao coi cảnh giới hư vọng thành chân thật? Do điên đảo. Vì thế, gọi là mê; đó là mê; nhưng cái tâm của chúng ta chẳng biết, chính mình không biết. Ai có thể biết chính mình? Chẳng hạn như ngày mai sẽ chết, chẳng có ai biết, luôn nghĩ ngày mai tuyệt đối chẳng chết. Ngày mai lại còn có ngày mai nữa, tuyệt đối chẳng chết; toàn là nghĩ kiểu đó! Có biết chuyện đột nhiên nảy sanh ngoài dự liệu hay chẳng? Thấy hết thấy các pháp hữu vi là hư vọng, mỗi lúc đều có thể biến diệt. Sở dĩ quý vị dấy lên cách nghĩ nhận biết rồi so đo “cái nào là ta, cái nào là của ta”, xác thực là cái hay biết ấy chẳng có tướng chân thật, chỉ là vọng tưởng so đo. Do những gì được suy nghĩ bởi cái tâm vọng tưởng ấy đều chẳng có thứ gì là có thật thể, chẳng thể thấy, đều có tánh chất “có thể bị hư hoại”. Ai có thể tìm một thứ bất hoại trong thế giới này, có hay không? Ai có thể tìm được một thứ bất hoại? Trong

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

thế giới này chẳng có! Tất cả hết thảy ngôn thuyết, lấy ngôn ngữ làm tiêu chuẩn. Viết sách, lập thuyết có thể coi là tiêu chuẩn hay không? Tiền nhân thực hiện [chuyện viết sách, lập ngôn], hậu nhân phủ định các thuyết ấy!

Thật sự là chẳng có, do nghiệp chướng của quý vị từ vô thủy kiếp đến nay huân tập mà thành. Theo Đại Thừa Khởi Tín Luận, nhân duyên huân tập [giống như] quý vị vào trong chỗ làm nhang, cho nên trên thân quý vị tự nhiên có mùi thơm. Nếu có một ngày, chẳng hạn như người làm nghề dọn phân tại Sở Vệ Sinh Bắc Kinh, người ấy suốt ngày phải đụng chạm với phân người, dầu một ngày tắm mấy lượt, vẫn không được! Người khác vẫn né xa kẻ đó, trên thân kẻ đó có mùi hôi thối! Tùy thuộc quý vị làm nghề nghiệp gì! Quý vị có thể tự mình chọn lựa nghiệp, vì sao chẳng chọn thiện nghiệp, toàn là chọn lấy ác nghiệp vậy? Chúng ta thường nói đến nghiệp chướng; đây là một loại. Một loại khác là nhân duyên huân tập từ vô thủy kiếp đến nay, đã coi hết thảy các thứ hư vọng chẳng thật là thật sự có. Chẳng hạn như nhục thể của chúng ta vốn phải hư hoại, nhưng vì bảo vệ tấm thân này, chẳng biết đã phải tốn bao nhiêu trí óc? Bất luận quý vị dùng phương pháp gì đi nữa, đều chẳng thể gìn giữ, che chở cảnh giới hư vọng được! Quý vị phải thấy thấu suốt. Hễ còn muốn sống thêm mấy năm, càng chấp trước, càng sợ, càng có quý! Người ta có câu nói: “*Càng sợ, càng có quý!*” Càng mong sống thêm mấy năm, thọ mạng càng ngắn. Càng nói tới các phương pháp bảo vệ tánh mạng, lại càng chẳng thể duy trì được.

Hiện thời, đối với các thứ bệnh ung thư, vô duyên vô cớ bị bệnh ung thư. Hễ bị ung thư, sẽ chẳng có cách chi hết, rất nhiều [trường hợp phải bó tay như vậy]. Có thể do ý chí của quý vị mà chọn lựa hay không? Thông thường, nếu muốn trường thọ, mà mặt khác, chuyện xấu gì cũng đều làm, khiến cho nhục thể tiêu hao, há có thể trường thọ được ư? Do cái tâm vọng tưởng, do cái tâm sanh khởi các thứ pháp, các thứ pháp lại ảnh hưởng tới cái tâm của quý vị, khiến cho quý vị trong mỗi niệm đều chấp trước, chẳng bỏ được. Điều gì vừa ý thì mong có được, thứ gì không ưa thích thì mong vứt bỏ. Do vì cái tâm cầu được cầu mất ấy, chẳng biết quý vị đã tốn bao nhiêu đầu óc, vẫn chẳng có cách nào, có bỏ cũng bỏ chẳng được! Lìa cũng chẳng lìa nổi, mà mong đạt cũng chẳng đạt được. Cứ mong cầu đạt được, đạt được rồi thì vẫn là hư vọng, do nó chẳng có thật thể. Chỉ vì nhục nhãn của quý vị chẳng trông thấy, cái tâm suy tưởng cũng chẳng thể nghĩ nổi. Vì trong tâm có nhân duyên huân tập, nghiệp chướng từ vô thủy đến nay, đó là huân tập. Huân tập lại phát khởi hiện hành, hiện hành lại tích lũy, tích lũy rồi lại biến thành chủng tử. Do vậy, sanh ra đủ

loại sai lầm. Nếu mong gột sạch các sai lầm ấy, hãy niệm Địa Tạng Bồ Tát cho nhiều!

Tập 11

(Kinh) Nhược vô giác tri năng phân biệt giả, tắc vô thập phương tam thể nhất thiết cảnh giới sai biệt chi tướng.

(經)若無覺知能分別者，則無十方三世一切境界差別之相。

(Kinh: Nếu không có giác tri để có thể phân biệt, sẽ chẳng có hết thảy các tướng cảnh giới sai biệt trong mười phương ba đời).

Lần trước, chúng tôi đã nói tới cái tâm và cảnh giới bên ngoài, cảnh bên ngoài là hư vọng. Tâm sanh hết thảy các tướng cảnh giới, cho nên bèn có [các thứ cảnh giới]. Đó gọi là “*tâm sanh thì các thứ pháp sanh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt*”. Đây là hoàn toàn nói về cái tâm của chúng ta, khiến cho chúng ta liễu tri cái tâm hiện tiền của chính mình. Chúng ta thường nói tới vọng tưởng, vọng tưởng chẳng phải là chân thật, nó là sự tưởng tượng hư vọng. Gốc rễ sanh khởi của sự tưởng tượng hư vọng ấy rất sâu, vọng sanh khởi từ đâu? Nương vào Chân mà khởi. Vì hết thảy chúng sanh từ vô thủy đến nay, do vô minh si ám huân tập mà hiện thành tướng cảnh giới. Cái niệm ấy chính là cái niệm do sự hay biết, là cái niệm do tư niệm (nghĩ nhớ) của quý vị, tự nó chẳng biết chính mình. Mỗi vị đều là như thế, tâm chẳng thể tự biết tâm, hư vọng cho là có. Khi đó, do cảm nhận dấy lên sự hay biết, do sự nhận biết sanh ra cách nghĩ, từ cách suy nghĩ ấy mà chia ra thứ gì là ta, thứ gì là của ta. Nói chân thật, các thứ ấy chẳng có tướng giác ngộ, nhận biết, chẳng hề có tướng. Do cái tâm hư vọng của chúng ta chẳng có thật thể, nó biến hóa khôn lường. Chúng ta có thể thấy được cái tâm của chính mình hay không? Chẳng có vị nào có thể thấy cái tâm. Thấy được cái tâm thì quý vị thành đạo rồi! Điều là do tướng cảnh giới bên ngoài huân tập mà hiện ra; chúng ta gọi hết thảy các tướng biến hiện mà quý vị có thể thấy được là “*tướng cảnh giới hư vọng*”. Tướng sanh từ tâm. Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta, tâm quý vị sanh thì các loại pháp mới sanh, tâm diệt thì các loại pháp diệt. Các loại pháp đều là nhất tâm. Tướng cảnh giới bên ngoài rành rành có thể trông thấy; tuy có thể thấy tướng, trọn chẳng thể đạt được!

Nhưng những điều được giảng trong kinh Phật thì có lúc chuyên bàn về tâm pháp, đoạt hết thấy các tướng cảnh giới, hết thấy các tướng cảnh giới là hư vọng. Nếu chúng ta chỉ bàn về Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Ty Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, Ý Thức, thức thứ bảy Mạt Na, thức thứ tám A Lại Da, đó gọi là “*tám cái tâm*” hay “*tám thức tâm*”. Khi cái tâm của quý vị quán hết thấy các pháp, khi tâm đối trước hết thấy các pháp thuộc tướng cảnh giới bên ngoài, khi thức tâm phân biệt hết thấy các pháp, đó gọi là “*duyên lý giác tri*”, đều là duyên theo ý niệm mà sanh khởi. Do vậy, chúng ta thấy hết thấy sự vật, dài, ngắn, lớn, nhỏ, vuông, tròn, tất cả hết thấy các sự vật, tất cả hết thấy các hình tướng, nói chung đều là sự phân biệt hư vọng của quý vị, khiến cho chúng ta nhận biết hết thấy các pháp. Tất cả hết thấy tướng bên ngoài đều gọi là cảnh giới, nhưng tướng cảnh giới là phân biệt. Chúng ta khởi tâm động niệm, sẽ dấy khởi chấp trước. Chấp trước là đối với cái gì tốt thì chúng ta mong có được, sẽ chiếm làm của mình; đối với cái chẳng vừa ý, bèn mong vứt bỏ. Từ trong ấy mà sanh ra phiền não, mong đạt được mà chẳng đạt được, [cái mong vứt] bỏ mà lại chẳng bỏ được. Vì mong được mà chẳng được, muốn bỏ mà bỏ chẳng được; cho nên điều ấy được gọi là “*nghiệp*”. “*Nghiệp*” có nghĩa là “*tạo tác*”, do chính mình tạo ra. Vốn hết thấy đều là tướng hư vọng, chẳng có; nhưng chúng ta mắc lừa, ngỡ vọng tâm là chân thật. Đó là cảm giác và sự phân biệt của quý vị. Tất cả phân biệt hoàn toàn là giả!

Do vậy, trong kinh vẫn nói quý vị có thể hay biết, phân biệt, tức là phân biệt quá khứ, hiện tại, vị lai trong mười phương. Mười phương là nơi chốn, “*quá khứ, hiện tại, vị lai*” là thời gian. Bất luận nói theo không gian, hay nói theo thời gian, tướng cảnh giới khác biệt hoàn toàn do tâm khởi. Kinh dạy: “*Tâm sanh thì các pháp sanh. Tâm diệt, các pháp diệt*”. Do chúng ta có “*thấy, nghe, hay, biết*”, bèn từ thấy, nghe, hay, biết mà khởi lên phân biệt: Đối với cái chính mình ưa thích, bèn mong đạt được, mong giữ vững, mong nó chẳng thay đổi, chẳng thể được! Cái quý vị mong đạt được lại chẳng đạt được. Cái chẳng mong đạt được là những thứ khiến cho quý vị không ưa thích, muốn lìa bỏ chúng, mà quý vị lại chẳng tách lìa chúng được. Khi quý vị mong đạt được mà chẳng có được, mong lìa bỏ mà chẳng tách lìa được, trong lúc ấy, sẽ nảy sanh rất nhiều phiền não. Mỗi người hãy nhớ lại đôi chút, những chuyện quý vị đã từng trải có phải đều là như thế hay không? Vốn chẳng có, mà do hư vọng, bèn dấy lên chấp trước, hết thấy các sự vật đều là giả. Chẳng hạn như chúng ta “*làm mậu dịch*”, nói thông thường là “*buôn bán*”, quý vị buôn bán lỗ lãi, phát tài hay cạn vốn đều do cái tâm quý vị sanh ra. Vì sao lỗ lãi, chẳng

kiếm tiền được? Phương pháp chẳng đúng! Vì sao phương pháp không đúng? Quý vị chẳng có trí huệ, chẳng thấy được! Không chỉ buôn bán, ngay trong cuộc sống, quý vị làm hết thấy các sự nghiệp đều là như thế. Chuyện ấy cho thấy [những thứ ấy] đều là gì? Toàn là vọng tưởng, chẳng có thứ gì chân thật. Xét theo quan niệm về kiếp người, quý vị sanh ra, mang theo thứ gì tới đây? Mang theo phiền não tham, sân, si tới đây, những thứ khác đều chẳng có! Có đứa trẻ nào sanh ra chẳng phải là không có chi hết? Nhưng quý vị chết rồi, khi thọ mạng này đã hết, bèn mang theo nghiệp chướng đã tạo trong đời này, chẳng bỏ được. Ngoài trừ nghiệp chướng, quý vị còn có thể đạt được gì? Hỏa thiêu cái thân người ấy là đốt cháy nhục thể, có thể thiêu nghiệp chướng hay không? Chẳng thiêu được! Vẫn tiếp tục còn đó!

(Kinh) Dĩ nhất thiết pháp giai bất năng tự hữu, đản y vọng tâm phân biệt cố hữu. Sở vị nhất thiết cảnh giới các các bất tự niệm vi hữu, tri thử vi tự, tri bỉ vi tha. Thị cố nhất thiết pháp bất năng tự hữu, tắc vô biệt dị, duy y vọng tâm, bất tri bất liễu nội tự vô cố. Vị hữu tiền ngoại sở tri cảnh giới, vọng sanh chủng chủng pháp tướng, vị hữu, vị vô, vị bỉ, vị thử, vị thị, vị phi, vị hảo, vị ác, nãi chí vọng sanh vô lượng vô biên pháp tướng. Đương như thị tri, nhất thiết chư pháp giai tùng vọng tướng sanh, y vọng tâm vi bản.

(經)以一切法皆不能自有，但依妄心分別故有。所謂一切境界各各不自念為有，知此為自，知彼為他。是故一切法不能自有，則無別異，唯依妄心，不知不了內自無故。謂有前外所知境界，妄生種種法想，謂有謂無，謂彼謂此，謂是謂非，謂好謂惡，乃至妄生無量無邊法想。當如是知，一切諸法皆從妄想生，依妄心為本。

(Kinh: Do hết thấy các pháp đều chẳng thể tự có, chỉ nương vào vọng tâm phân biệt mà có. Đó gọi là hết thấy cảnh giới, mỗi mỗi đều chẳng tự nghĩ là có. Biết cái này là tự, biết cái kia là tha. Do vậy, hết thấy các pháp đều chẳng thể tự có, cho nên chẳng có khác biệt. Chỉ nương vào vọng tâm, chẳng biết, chẳng rõ bên trong chính nó (vọng tâm) chẳng có [hết thấy các pháp], cho rằng có cảnh giới để biết ở bên ngoài, làm lạc

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

sanh ra đủ thứ pháp tướng, cho rằng có, cho rằng không, cho rằng đây, cho rằng kia, cho rằng đúng, cho rằng sai, cho rằng tốt, cho rằng xấu, cho tới làm lạc sanh ra vô lượng vô biên pháp tướng. Hãy nên biết như thế này: Hết thấy các pháp đều sanh từ vọng tưởng, nương vào vọng tâm làm gốc).

Vì thế, trong đoạn kinh văn này, [Địa Tạng Bồ Tát dạy rõ]: Bản thân của hết thấy các pháp vốn chẳng phải là Có, mà cũng chẳng phải là Không Có. Chúng được thành lập do vọng tưởng phân biệt của chúng sanh. Nương theo cái tâm phân biệt của chúng sanh mà kiến lập hết thấy các pháp. Tất cả hết thấy các tướng cảnh giới bên ngoài toàn là do tâm khởi, hết thấy các pháp đều do cái tâm của chúng sanh mà khởi. Hết thấy các pháp cũng do cái tâm của chúng sanh mà diệt. Bản thân của pháp có cho rằng nó là hữu vi hoặc vô vi hay không? Nó có biết đây chính là Ngã, những cái khác chẳng phải là Ngã hay chẳng? Chẳng có sự phân biệt ấy. Bản thân của pháp chẳng có phân biệt. Quý vị tùy tiện lấy một pháp nào, hết thấy các pháp đều chẳng thể tự có, mà cũng chẳng có sai biệt, đều là nương theo vọng tâm mà định. Do vì duyên có ấy, chẳng biết, chẳng rõ. Chẳng biết, chẳng rõ điều gì? Bên trong đã tự chẳng có, vốn chẳng có, đều là hư vọng. Vì sao có khi chúng ta sanh rất nhiều tâm? Mỗi đạo hữu đều là như vậy, vì tướng cảnh giới đối trước các căn được nhận biết trong hiện tiền, kể cả thân thể của chúng ta, thân thể của chúng ta là tướng cảnh giới của cái tâm, mọi người phải nên quán như vậy, nhận biết như vậy, đều là các cách nghĩ sanh khởi từ hư vọng: “Đây là tốt, đây là chẳng tốt, đây là thiện, đây là ác!” Vốn chẳng có hết thấy các pháp, [thế mà] hư vọng sanh khởi hết thấy các pháp, niệm nào cũng đều chấp trước, phân biệt chẳng bỏ! Thứ gì quý vị chẳng yêu thích, muốn bỏ đi, muốn bỏ mà chẳng bỏ được! Chẳng có trong, ngoài, chẳng có dài, ngắn, chẳng có lớn, nhỏ, chẳng có vuông, tròn.

Vì sao có các vật này nọ? Do vọng tâm so đo, đều là do tâm hư vọng mà chấp trước chẳng xả. Hết thấy chúng sanh đều là như thế; đó là phiền não. Vì khi quý vị mong có được, đối với cái tốt đẹp bèn mong có được, nhưng chẳng đạt được thì cũng nảy sanh phiền não. Đối với cảnh giới chẳng yêu thích, quý vị chẳng muốn trông thấy, nhưng lại chẳng bỏ được. Cái quý vị mong có mà chẳng đạt được, cái mong vứt bỏ chẳng lìa bỏ được, chẳng phải là phiền não ư? Trong hết thấy các pháp, giả sử quý vị cho rằng chúng nó chẳng thật sự tồn tại, là hư vọng, chẳng chân thật, giả trá, do vọng tưởng sanh khởi; đối với vọng tưởng, chúng ta chẳng có

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

cách nào hết, quý vị mong đạt được thì chẳng có, căn bản là chẳng có chi hết! Quý vị mong bỏ thì cũng như thế.

Do đó, dựa theo những điều kinh văn đã nói, Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Hết thấy các pháp chẳng thể tự mình có. Nó hiện hữu bằng cách nào? Do nương theo vọng tâm phân biệt nên mới có, do hư vọng phân biệt nên mới sanh ra. Tức là hết thấy chấp trước, hết thấy các tướng cảnh giới, mỗi thứ đều chẳng thể tự nghĩ là có. Thứ gì là tự? Thứ gì là tha? Biết đấy là chấp trước. Thân thể này gọi là tự, biết cái kia là thân người khác. Hết thấy các pháp chẳng phải tự mình ấn định chính mình là có, cũng chẳng có sai biệt, mà cũng chẳng có bất đồng, nương vào đâu mà sanh khởi? Đó là vọng tâm. Chẳng biết, chẳng hiểu rõ bên trong vốn tự chẳng có. Chúng ta chẳng biết điều này, chẳng thể liễu đạt, chẳng thể hiểu rõ. Thân thể của chúng ta là chẳng có. Nó là tướng cảnh giới; tức là hết thấy các tướng cảnh giới bên ngoài mà ta trông thấy đều là các pháp thuộc vào vọng tưởng. Do các thứ pháp tướng (cách suy nghĩ đối với pháp) được sanh khởi bởi vọng tưởng mà nói là có, hoặc không, nói cái kia, nói cái này, nói là đúng, là sai, nói xấu, nói tốt, cho tới làm lạc sanh khởi vô lượng vô biên pháp tướng do nương theo hình tướng của các pháp. Chỉ nên quán tưởng hết thấy các pháp đều là hư vọng sanh khởi, chẳng chân thật. Chân thật là chẳng thay đổi, chẳng hoại, chẳng khác. Hết thấy các pháp đều chẳng thật sự tồn tại.

Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Nó lấy hư vọng làm căn bản. Bản thân vọng tưởng chẳng thể được, [vậy thì] hết thấy các pháp được sanh bởi vọng tưởng có thể tồn tại hay không? Chúng do hư vọng sanh ra, thế mà [chúng sanh] vẫn chấp trước những cái được sanh bởi hư vọng. Chúng chẳng có, giả danh là “*tướng cảnh giới*” mà thôi! Mọi người đặt cho nó một cái giả danh, chẳng chân thật. Vì hết thấy các cảnh bên ngoài đều là giả, cho nên cái tâm vọng tưởng sanh khởi cũng là giả. Tâm sanh ra vạn pháp, cái tâm vọng tưởng của quý vị sanh ra vạn pháp. Vạn pháp duy tâm, vẫn là giả. Cái tâm ấy chẳng phải là chân tâm, mà là tâm vọng tưởng. Chân tâm chẳng có ngôn thuyết!

(Kinh) Nhiên thử vọng tâm vô tự tướng cố, diệc y cảnh giới nhi hữu, sở vị duyên niệm giác tri tiền cảnh giới cố, thuyết danh vi tâm.

(經)然此妄心無自相故，亦依境界而有，所謂緣念覺知前境界故，說名爲心。

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

(Kinh: Nhưng do cái vọng tâm ấy chẳng có tự tướng, cũng nương theo cảnh giới mà có, tức là duyên theo sự nghĩ tưởng, hay biết tiền cảnh giới, cho nên gọi là tâm).

Chúng ta có thể tìm thấy tướng của cái tâm ấy hay không? Bản thân cái tâm chẳng có tướng. Cái tâm nơi thân thể của chúng ta là “*nhục đoàn tâm*” (肉團心, quả tim thịt), đó chẳng phải là tâm. Quả tim trong nhục thể của quý vị chẳng phải là tâm, nó là một hình tướng mà thôi, đều nương theo cảnh giới bên ngoài mà sanh ra hết thảy duyên niệm. Do duyên niệm mà chúng thực hết thấy các tướng cảnh giới bên ngoài, bèn đặt tên cho cái phù hiệu ấy là Tâm. Chẳng hạn như tim, lá lách, phổi, gan đều là giả danh. Tâm sanh khởi như thế nào? Do tướng cảnh giới bên ngoài mà có. Do có tướng cảnh giới, nên mới có tâm. Tâm do cảnh mà sanh. Tâm vốn là vô sanh, do cảnh mà có. Do tướng cảnh giới bên ngoài mà sanh ra tâm, có thể tìm được cái tâm hay không? Cho đến khi quý vị đã nhận biết cái tâm ấy, đó gọi là “*minh tâm kiến tánh*”, cái tâm ấy mới là thật, chẳng thể diễn tả được, chẳng thể nói ra được. Cái tâm ấy có hình dạng như thế nào? Cái tâm ấy do chúng ta thành tựu. Nếu quý vị sang Đại Lục, nhìn xem Thiên đường trong các chùa miếu, [sẽ thấy] nơi ấy luôn được gọi là Tuyền Phật Trường (選佛場), hàm ý “*tâm đã Không thì mới được coi là thi đậu*”. Tâm quý vị phải Không thì mới thành tựu. Tâm chúng ta có thể Không hay chẳng?

(Kinh) Hựu thử vọng tâm dĩ tiền cảnh giới, tuy câu tương y, khởi vô tiên hậu, nhi thử vọng tâm năng vi nhất thiết cảnh giới nguyên chủ. Sở dĩ giả hà? Vị y vọng tâm bất liễu pháp giới nhất tướng, cố thuyết tâm hữu vô minh. Y vô minh lực nhân cố, hiện vọng cảnh giới, diệt y vô minh diệt cố, nhất thiết cảnh giới diệt. Phi y nhất thiết cảnh giới tự bất liễu cố, thuyết cảnh giới hữu vô minh, diệt phi y cảnh giới cố sanh ư vô minh. Dĩ nhất thiết chư Phật ư nhất thiết cảnh giới bất sanh vô minh cố. Hựu phục bất y cảnh giới diệt cố, vô minh tâm diệt. Dĩ nhất thiết cảnh giới tòng bản dĩ lai, thể tánh tự diệt, vị tăng hữu cố. Nhân như thử nghĩa, thị cố dẫn thuyết nhất thiết chư pháp y tâm vi bản.

(經)又此妄心與前境界，雖俱相依，起無先後，而此妄心能為一切境界源主。所以者何？謂依妄心不了法界一相，

故說心有無明。依無明力因故，現妄境界，亦依無明滅故，一切境界滅。非依一切境界自不了故，說境界有無明，亦非依境界故生於無明。以一切諸佛於一切境界不生無明故。又復不依境界滅故，無明心滅。以一切境界從本已來，體性自滅，未曾有故。因如此義，是故但說一切諸法依心爲本。

(Kinh: Lại nữa, vọng tâm ấy và tiền cảnh giới (cảnh giới bên ngoài hiện tiền đối trước các căn) tuy đều nương vào nhau, nhưng chẳng thể dấy lên thứ tự trước sau, nhưng vọng tâm ấy lại có thể là nguyên chủ (cội nguồn) của hết thấy các cảnh giới. Vì có sao vậy? Chính là do nương theo vọng tâm, chẳng thể hiểu rõ pháp giới nhất tướng được! Vì thế nói “tâm có vô minh”. Do nương vào sức của vô minh làm nhân, hiện ra cảnh giới hư vọng, chúng cũng nương theo vô minh mà diệt. Hết thấy cảnh giới diệt, chẳng nương theo hết thấy cảnh giới thì sẽ chẳng tự thấu hiểu thông suốt được. Nói “cảnh giới có vô minh”, cũng chẳng nương theo cảnh giới mà sanh ra vô minh. Do hết thấy chư Phật ở trong hết thấy cảnh giới đều chẳng sanh vô minh, lại chẳng nương theo cảnh giới mà diệt. Tâm vô minh diệt, do hết thấy các cảnh giới vốn là thể tánh tự diệt, chưa từng có. Do nghĩa như thế, cho nên chỉ nói “hết thấy các pháp nương vào tâm làm gốc”).

Cái tâm chúng ta sử dụng trong hiện tiền đều là tướng cảnh giới hư vọng, chẳng phải là cái tâm [chân thật] của quý vị; nhưng cái vọng tâm ấy của ta và hết thấy các tướng hiện ra trước mắt (chánh kinh gọi các tướng ấy là “*tiền cảnh giới*”) nương tựa lẫn nhau. Tâm do cảnh mà khởi, trông thấy gì, suy nghĩ gì, tâm bèn sanh. Cảnh do tâm sanh. Tâm sanh thì đủ mọi pháp sanh, tâm diệt thì đủ loại pháp diệt. Cái tâm và tướng cảnh giới bên ngoài, cái nào có trước? Cái nào có sau? Quý vị chẳng thể tìm thấy [thứ tự] trước sau. Khi tâm dấy lên, chẳng có trước sau. Chúng ta cho rằng vọng tâm là cội nguồn của hết thấy các tướng cảnh giới. Tâm sanh thì đủ mọi pháp sanh. Tâm là chủ. Nếu tâm diệt thì đủ mọi pháp diệt. Vì sao phải nói như vậy? Theo Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, do vọng tâm chẳng thể biết pháp giới nhất tướng; [cái tâm đang được nói] ở đây là vọng tâm, nó sẽ chẳng biết là pháp giới nhất tướng. Vì thế nói “*tâm có vô minh*”. Chẳng biết pháp giới nhất tướng thì gọi là “*vô minh*”.

Nương theo sức của vô minh mà sanh ra hết thảy các cảnh giới. Do vì vô nên mới nói hữu, vì hữu nên mới nói vô, hữu và vô đối chiếu lẫn nhau. Hết thảy các tướng cảnh giới diệt, cảnh giới chẳng thể tự diệt. Do tâm diệt nên cảnh diệt, do tâm sanh nên cảnh sanh. Tướng cảnh giới có vô minh, vô minh có nghĩa là “không hiểu rõ”. Tướng cảnh giới có vô minh, cái vô minh ấy do cảnh giới mà khởi ư? Cảnh giới sanh ra vô minh, vô minh lại đây khởi hết thảy cảnh giới. Đại Thừa Khởi Tín Luận nói như thế đó. Đây là pháp môn tâm địa trong học Phật.

Mọi người phải kiên nhẫn lắng nghe, quý vị phải quán chiếu: “*Tâm sanh thì các pháp sanh*”. Quý vị vừa động niệm, hết thảy các pháp đều sanh khởi. Tâm diệt tức là thứ gì quý vị cũng đều chẳng nghĩ tới; tâm diệt, hết thảy các pháp đều diệt. Đại Thừa Khởi Tín Luận giảng về vấn đề này, bao nhiêu chương sách [trong bộ luận ấy] đều nhằm thuyết minh vấn đề này. Một niệm bất giác, thoát đầu vì thất niệm (ý chẳng chánh niệm) trong một niệm, bất giác mà có vô minh. Do vì vô minh bèn sanh khởi nghiệp tướng, chuyển tướng, và hiện tướng. [Chuyện này thường được diễn tả là] “*nhất niệm bất giác sanh tam tế*” (do một niệm bất giác mà sanh ra ba tế tướng, tức nghiệp tướng, chuyển tướng, và hiện tướng). Ba tế tướng ấy là căn bản vô minh. Cho đến khi đoạn ba tế tướng ấy, Bát Địa Bồ Tát mới có thể đoạn hiện tướng, Cửu Địa Bồ Tát mới có thể đoạn chuyển tướng, Thập Địa Bồ Tát mới có thể đoạn nghiệp tướng. Đợi cho tới địa vị thứ mười một, tức là thành Phật, thì mới có thể trong một niệm đoạn dứt căn bản vô minh nơi ba tế tướng ấy, thành tựu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Do khi các tướng ấy sanh khởi, nghiệp tướng sẽ tạo nghiệp. Trí tướng, tương tục tướng, khởi nghiệp tướng, nghiệp hệ khổ tướng, mỗi tướng sau thô hơn tướng trước. Tướng sau thô hơn tướng trước tức là niệm sau thô hơn niệm trước. Do niệm sau thô hơn niệm trước, cảm vò chúng sanh thuộc địa vị phàm phu tạo nghiệp. Nghiệp liền trói buộc quý vị (đó là nghiệp hệ khổ tướng), khiến cho quý vị chẳng thoát ra được; nay chúng ta đều đang bị nghiệp trói buộc. Khi nhanh chóng đoạn dứt, sẽ biết nghiệp tánh vốn không, thể tánh của nghiệp chẳng có, là rỗng không. Vì sao mà có? Do cảnh mà có, nghiệp tánh vốn là không, do cảnh mà có [nghiệp]. Cảnh chẳng phải là thật, toàn là giả. Nếu lúc cảnh mất đi, chẳng có hết thảy các tướng cảnh giới. Cảnh giới đã chẳng có, tâm liền sáng tỏ. Sự “*sáng tỏ*” ấy chỉ là đã tiêu trừ các tướng như nghiệp tướng, chuyển tướng, tương tục tướng, nghiệp hệ khổ tướng, khởi nghiệp tướng, nghiệp sẽ chẳng trói buộc quý vị. Chúng ta bị nghiệp trói buộc. Thiện nghiệp của

quý vị cũng là nghiệp, mà ác nghiệp cũng là nghiệp. Vì có ác nên phải tu thiện, đoạn ác, tu thiện. Đoạn ác, ác đã chẳng còn, thiện cũng chẳng lập.

Do vậy, vô minh diệt thì cảnh giới sẽ diệt. Cảnh giới diệt thì hết thấy các tướng đều diệt. Vì cảnh giới có vô minh; nếu chẳng có cảnh giới thì còn có thể sanh ra vô minh hay không? Vô minh sanh trong cảnh giới. Chẳng có cảnh giới, chúng ta nhận biết hết thấy cảnh giới là hư vọng. Do đó, kinh Lăng Nghiêm có nói: “*nhược kiến chư tướng phi tướng*” (nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng), hết thấy các tướng cảnh giới đều chẳng thật, chẳng có, “*tắc kiến Như Lai*” (bèn thấy Như Lai). Cho đến khi tu hành đã tới lúc đó, hoàn toàn là pháp môn tâm địa. Nó sanh khởi như thế nào? Duyên, duyên niệm. Do hết thấy các duyên bên ngoài sanh khởi mới tăng trưởng, từ nghiệp tướng mà sanh, do tăng trưởng mới hiện tướng. Hiện tướng bèn chấp trước, khẳng khăng chấp trước, chấp trước lấy bỏ. Hết thấy các pháp chỉ do một niệm trong tâm. Tất cả hết thấy các pháp, thường được gọi là “*vạn pháp*”, muôn vạn pháp đều có, nương vào cái tâm của quý vị mà chấp trước. Căn bản của hết thấy vọng tâm, tìm cầu hết thấy vọng tướng, căn bản của hết thấy vọng tâm do đâu mà khởi? Tâm vốn chẳng có, có cảnh giới gì bèn hiện cái tâm ấy. Vì tâm vốn vô sanh, do cảnh mà có, cảnh có trước, hay tâm có trước? Quý vị hãy tự tham cứu vấn đề này! [Đối với vấn nạn] “cảnh có trước, hay tâm có trước?”, khi cảnh và tâm sanh khởi, chẳng có trước hay sau. Cảnh có trước hay tâm có trước ư? Duyên theo cảnh mà sanh tâm, cảnh nương vào tâm để hiện. Không có tâm, sẽ chẳng có cảnh. Hết thấy các tướng cảnh giới về căn bản dấy lên như thế nào? Đạo lý này nếu nói ra sẽ rất khó hiểu. Cho đến khi quý vị đã hiểu rõ, sẽ chẳng thể diễn tả được. Chẳng thể dùng ngôn ngữ để biểu đạt, chỉ có thể dùng tâm ý lãnh hội, chẳng thể dùng ngôn ngữ để truyền đạt được.

Đặc thù của Thiên Tông Trung Hoa là minh tâm kiến tánh. Cho đến khi một người đã minh tâm kiến tánh, bảo người ấy nói minh tâm kiến tánh là như thế nào? Tâm là gì? [Dẫu người ấy có nói gì đi nữa], quý vị có hiểu rõ như thế nào hay không? Chẳng hề! Vì thế nói là “*ngôn ngữ đạo đoạn*” (ngôn ngữ dứt bật), [tức là] chẳng có ngôn ngữ, bị đoạn tuyệt. Tâm suy nghĩ thì sao? “*Tâm hành xứ diệt*”, chỉ có thể lãnh hội bằng tâm ý, chẳng thể diễn tả, truyền thuật. Đó là “*minh tâm kiến tánh*” của Thiên Tông. Nhưng nói theo giáo lý, đối với cảnh giới hiện tiền, vọng tâm của quý vị sanh khởi. Quý vị chẳng có vọng tâm, sẽ chẳng có cảnh giới hiện tiền; đó là cảnh nương theo tâm. Nếu tâm chẳng có cảnh, sao nó lại có thể khởi tâm? Do cảnh mà sanh tâm. Do vậy, khi nó dấy lên, rốt cuộc là

tướng cảnh giới hư vọng có trước, hay tâm có trước? Hay là tâm và cảnh hai đấng có sai biệt, nhất định là hai thứ ư? Chẳng phải là hai thứ, một đấng là duyên niệm, một đấng là tâm. Khi dấy lên, sẽ chẳng có cái nào có trước, cái nào sau! Nếu quý vị có thể tìm ra thứ tự trước sau thì đó là vọng tưởng phân biệt, chẳng có trước sau. Nói thông thường, vì tâm ta tưởng nên mới có cảnh giới, do cảnh giới bên ngoài mới sanh khởi cái tâm (vọng tâm) của quý vị. Cảnh giới là nguồn cội. Nếu chẳng có cảnh giới ấy, tâm quý vị chẳng sanh khởi, vì pháp giới nhất tướng chẳng có tướng. Pháp giới nhất tướng là vô tướng. Vọng tâm chẳng biết pháp giới nhất tướng; muốn phân biệt, tìm tòi cội nguồn của tướng cảnh giới, sẽ chẳng tìm được! Vì có sao vậy, do nguyên nhân nào? Do chẳng hiểu rõ pháp giới nhất tướng, có ý nghĩa như thế đó.

Tôi cũng thường nghĩ như thế này, nghĩ như thế nào? Tôi nêu một thí dụ cho mọi người nghe, chẳng hạn như nói về Trường Giang. Chỗ khởi nguồn của Trường Giang, chúng ta tìm ở vùng thượng du thuộc tỉnh Thanh Hải. Trong địa phận tỉnh Thanh Hải, Trường Giang được gọi là sông Thông Thiên. Sông Thông Thiên ở giữa hai huyện Ngọc Thụ và Nang Lũng của tỉnh Thanh Hải. Trên bản đồ, phần thượng du của sông Thông Thiên được người Thanh Hải gọi là “*Niên Sở hà*”. Niên Sở (Nyang Chu tsangpo) là tiếng Tây Tạng, chẳng phải là tiếng Hán. Khu này là khu vực của dân tộc Tây Tạng, là vùng sinh sống của dân thiểu số gốc Tây Tạng. Nhưng sông Niên Sở không có chỗ khởi nguồn, trong phạm vi hai ba ngàn dặm, nước trào lên. Mọi người đừng coi đây là nghe kể chuyện, mà hãy nghĩ là tôi muốn giảng về “*tâm nguyên*” (nguồn tâm), cho nên dùng chuyện này làm thí dụ. Sông Thông Thiên chảy vào địa phận vùng Tây Khang, nay thuộc địa bàn tỉnh Tứ Xuyên. Sông Thông Thiên chảy tới huyện Ngọc Thụ của tỉnh Thanh Hải, không gọi là sông Thông Thiên nữa, mà lại đổi tên thành Kim Sa Giang. Kim Sa Giang chảy từ địa phận tỉnh Tứ Xuyên tới Vân Nam gọi là Nộ Giang. Khi chảy qua Tứ Xuyên, lại đổi tên thành sông Gia Lăng. Sông Gia Lăng chảy tới thành phố Trùng Khánh bèn xuôi dòng, có rất nhiều chi lưu, chẳng phải chỉ là một dòng, [khi đó, sông được] gọi là Trường Giang. Sông Trường Giang chảy từ Nam Kinh trở đi mới được gọi là Dương Tử Giang. Do vậy, Dương Tử Giang chảy vào Thượng Hải, từ Thượng Hải đổ vào biển. Trường Giang kể từ chỗ phát nguyên, một dòng nước mà có vô lượng

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

tên³¹. Vẫn là một dòng nước ấy, chỉ là nước mà thôi, chẳng có địa danh, hễ chảy đến khu vực nào thì được đặt tên bởi người sống tại khu vực ấy. [Dẫu có nhiều tên khác nhau], nước ấy có khác biệt gì? Bản thân nước có tên gì đâu? Có địa khu nào đâu? Hoàn toàn chẳng có, nó là một dòng nước như thế đó.

Chỗ bắt nguồn của Hoàng Hà khá đơn giản, ở ngay trong huyện Hoàng Trung tỉnh Thanh Hải, trong phạm vi khoảng sáu bảy trăm dặm. Nếu muốn xây đường tại Thanh Hải, vùng đất ấy bùn lầy, chẳng có cách nào, người đi bị lún chân, ngựa chạy bị lún vó, làm sao có thể xây quốc lộ cho được? Làm như thế nào? Dùng muối từ biển Tinh Tú. Tinh Tú Hải ở vùng núi thuộc ranh giới huyện Ngọc Thụ và tỉnh lỵ Tây Ninh của tỉnh Thanh Hải. Trong phạm vi khoảng chừng một ngàn dặm, có một cái “hải” ở bên trái và một cái “hải” ở bên phải. Vì sao gọi là Hải? Vốn là hồ nước nhỏ, nhưng nước mặn chát, mùa Hạ biến thành nước, mùa Đông biến thành vũng muối. Vùng Thanh Hải thuộc Khang Khu Tây Tạng (tức tỉnh Kham cũ của Tây Tạng) dùng muối ăn từ chỗ này. Mùa Hè thì hồ là nước, mùa Đông nước biến thành muối, giống như cái biển bị sấy khô vậy. Chỗ đó sâu khoảng chừng năm sáu trượng đều là bùn lỏng, chẳng có cách nào kiến thiết đường sá, liền đổ muối vào lấp. Dùng muối đắp vào, xây dựng đường sá được, nhưng đầu nguồn Hoàng Hà bị chặt đứt, nước ngầm chẳng thể trào lên được nữa! Hoàng Hà là do trời mưa tại vùng núi Thanh Hải và Cam Túc, các con sông nhỏ đổ nước vào dòng chánh. Nước từ chỗ khởi nguồn của Hoàng Hà tại Hoàng Trung bị cắt đứt. Chúng tôi nói hết thấy các tướng cảnh giới ấy theo diện mạo địa lý, tâm sanh thì các pháp sanh, hoàn toàn là tâm sanh. Nếu do sức người sửa đổi, sẽ chẳng còn, bị đoạn tuyệt. Các khu núi bắt nguồn dòng chảy đều là như thế.

³¹ Trên thực tế, Trường Giang có nhiều tên gọi hơn nữa. Sông Niên Sở chảy đến Đương Khúc lại được gọi là Đà Đà Hà (người Mông Cổ gọi nó là Ulan Moron, nghĩa là sông đỏ, Đà Đà nghĩa là dòng sông chảy chậm) chỉ là một nhánh phát nguồn. Một nhánh nguồn khác là sông Đương Khúc (tức sông Damchu trong tiếng Tạng). Đoạn từ Đương Khúc đến Ngọc Thụ được gọi là Thông Thiên. Từ Ngọc Thụ đến huyện Nghi Tân được gọi là Kim Sa Giang. Từ Nghi Tân trở đi được gọi là Trường Giang. Tùy mỗi khu vực, sông lại có những tên gọi khác nhau (tuy tên chính vẫn là Trường Giang) như đoạn từ Nghi Tân đến Nghi Xương được gọi là Xuyên Giang. Đoạn từ Chi Giang đến Thành Lăng Cơ được gọi là Kinh Giang. Đoạn sông chảy trong địa phận tỉnh An Huy lại có tên là Hoàn Giang. Đoạn từ Nam Kinh đến cửa sông Trường Giang gọi là Dương Tử Giang. Danh xưng Dương Tử được đặt từ thời Tùy.

Các pháp nương tựa lẫn nhau. Quý vị hiểu đạo lý này: Vọng tâm của chúng ta càng ngày càng hư vọng sâu hơn, tức là càng bị nhiễm nặng hơn, càng nhiễm càng nặng hơn. Vì thế, Lục Tổ đại sư nói “*nguyên lai vô nhất vật*” (vốn chẳng có một vật), thứ gì cũng đều chẳng có, “*hà xứ nhạ trần ai*” (chỗ nào nhuộm bụi trần). Đây là cội nguồn căn bản; nhưng do kẻ đó chấp trước, vọng tưởng vừa dấy lên, chỗ nào cũng đều là chướng ngại. Người tu đạo dạy quý vị “*đả đắc vọng tưởng tử, hứa nhữ Pháp Thân hoạt*” (đánh chết sạch vọng tưởng, cho Pháp Thân người sống). Quý vị chẳng đánh chết vọng tưởng! Quý vị đã có thể đánh chết vọng tưởng, chẳng dấy lên vọng tưởng, chân tâm liền hiển hiện. Nay chúng ta sanh khởi hết thấy các pháp tướng đều là nương vào sức của vô minh. Vô minh là chẳng sáng suốt, vì sao gọi là vô minh? Vốn chẳng sáng suốt, muốn cầu sáng suốt. “*Cầu sáng suốt*” là hỏng rồi, càng ngày càng hồ đồ, càng ngày càng mờ mịt, dấy khởi hết thấy tướng cảnh giới tham, sân, si, mạn. Nếu biết hết thấy các pháp chẳng tự sanh, vô minh sẽ diệt. Vô minh diệt thì tướng cảnh giới đều diệt. Do đó, Khởi Tín Luận nói: “*Nhất niệm bất giác sanh tam tế*”, tức là hễ một niệm sai lệch, sẽ sanh ra ba tế tướng (nghiệp tướng, chuyển tướng, hiện tướng). “*Cảnh giới vi duyên*” (Cảnh giới làm duyên), tướng cảnh giới bên ngoài làm duyên cho quý vị, trong tâm quý vị bèn duyên niệm, “*trưởng lục thô*” (tăng trưởng sáu thô tướng), càng ngày càng thô, tức là khởi Hoặc. Khởi Hoặc bèn tạo nghiệp. Tạo nghiệp thì nghiệp lại ràng buộc quý vị. Đã bị nghiệp buộc ràng, quý vị sẽ chấp trước, chẳng xả được, tức là bị xoay chuyển trong khuôn khổ. Vì thế, nghiệp sanh từ vô minh!

Do vì duyên có này, Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát nói: “*Nhất thiết chư Phật u nhất thiết cảnh giới bất sanh vô minh*” (Trong hết thấy các cảnh giới, hết thấy chư Phật chẳng sanh vô minh). Giả sử chúng ta thuận theo chư Phật chẳng sanh vô minh, tức là chẳng thuận theo hết thấy các tướng cảnh giới. Hết thấy các cảnh giới chẳng sanh ra vô minh. Do vậy chẳng có diệt. Sanh thì đều là chẳng có sanh, há còn có diệt? Cũng chẳng nương theo tướng cảnh giới mà diệt, cho nên chẳng sanh diệt. Vì nếu quý vị diệt cái tâm vô minh thì cảnh sẽ diệt. Tâm đã mất, cảnh cũng diệt, cảnh đã tịch tĩnh, “*tâm vong, cảnh tịch, lưỡng câu không*” (tâm mất, cảnh lặng, hai đằng đều là không). Hai đằng hoàn toàn chẳng có. Vốn chẳng có, tức là thể tánh của tự thể bất sanh, bất diệt, trước nay chưa từng có. Đó là pháp vị tăng hữu (pháp chưa từng có). Dùng đạo lý này để nói hết thấy các pháp nương vào tâm làm gốc. Do nương vào đạo lý này mới nói: “*Hết thấy các pháp đều dựa vào tâm. Tâm sanh thì các*

pháp sanh; tâm diệt, các pháp diệt". Do vậy, khi tu đạo trong núi, tướng gì cũng chẳng thấy. Quán gì vậy? Quán tâm. Tâm chẳng sanh, pháp liền tịch, tức là pháp cũng vắng lặng. Do vậy mới nói "*tâm sanh thì các pháp sanh, tâm diệt cho nên các pháp diệt*". Đạo lý này rất sâu.

Chẳng hạn như Thiên Tông "*chỉ thẳng vào tâm, kiến tánh thành Phật*". Vì cái tâm của chúng ta do cảnh mà có. Chẳng hạn như Lục Tổ đại sư ở trong đạo tràng của Ngũ Tổ, Ngũ Tổ chuẩn bị giao lại ngôi vị, tuyền lựa tổ sư, tuyền chọn người kế vị. Ngài bảo mọi người hãy soạn kệ. Khi đó, Thần Tú đại sư là Thượng Thủ dưới tòa của Ngũ Tổ, mọi người đều công nhận Ngài là hòa thượng giáo thọ, trí huệ to lớn. Ngũ Tổ bảo mỗi người soạn kệ để Tổ bình luận. Thần Tú đại sư viết: "*Thân thị Bồ Đề thụ, tâm như minh kính đài, thời thời cần phát thức, vật sử nhạ trần ai*" (Thân là cội Bồ Đề, tâm như đài gương sáng, luôn luôn siêng quét dọn, đừng để nhuộm bụi trần). Mọi người đều nói bài kệ này soạn hay quá: Thân thể chúng ta giống như cây Bồ Đề, tâm thanh tịnh như đài gương sáng ngời, sạch bóng. Quý vị phải thường xuyên lau dọn sạch sẽ, kéo bụi bặm phủ lấp cái tâm, sẽ chẳng sáng sạch nữa. Thường xuyên siêng năng lau quét, ngàn vạn phần đừng để bụi bặm vùi lấp! Khi ấy, Lục Tổ đại sư tới đó, Ngài còn chưa xuất gia, ngay cả Sa Di cũng chẳng phải, chưa xuống tóc, là kẻ tại gia tin Phật. Ngài được giao việc giã gạo, tức là giã thóc ra gạo, giã gạo trong phòng xay giã. Ngài nghe chuyện liền hỏi, người khác đọc cho Ngài nghe, tán thán Thần Tú đại sư lỗi lạc lắm! Ngài nói: "Bài kệ ấy hoàn toàn chẳng hay!" Người khác rất kinh ngạc. Ngài cũng tìm một vị cư sĩ, bảo "tôi cũng soạn kệ, ông hãy viết giùm". Ngài nói: "*Bồ Đề bốn phi thụ, minh kính diệp phi đài, nguyên lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai?*" (Bồ Đề chẳng phải cội, gương sáng chẳng phải đài, vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần?) Vốn chẳng có một vật gì nhuộm bụi bặm. Ngài cũng đề bài kệ lên. Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn đại sư vừa trông thấy, cởi giày chùi đi, nói "chẳng hay, chẳng hay". Ban ngày nói "*chẳng hay*", tới tối, Tổ đến chỗ Sư giã gạo, truyền pháp cho Lục Tổ, bảo: "Người hãy đi ngay lập tức". Do mọi người tranh đoạt tổ vị, sợ sẽ có người thương tôn đại sư. Đúng như thế, kẻ toan thương tổn Ngài đuổi theo. Do vậy, Lục Tổ đại sư sống trong đội ngũ cường đạo suốt mười lăm năm.

Sau đó, Sư mới tới chùa Quang Hiếu ở Quảng Châu. Tới chùa Quang Hiếu, có hai vị sư phụ đang tranh luận. Họ thấy cái phan treo tại đó bị gió thổi đong đưa. Một vị hòa thượng nói là gió động, vị kia nói là phan động. Hai người tranh chấp không ngớt. Lục Tổ đại sư bảo hai người bện họ: "*Chẳng phải là gió động, mà cũng chẳng phải là phan động, thứ gì*

động? Tâm nhân giả động”. Nay chúng ta nói điều này là “*tâm sanh nên các loại pháp sanh; tâm diệt, nên các loại pháp diệt*”. Hai vị hòa thượng ấy nghe xong, rất kinh ngạc, bèn thưa trình với Phương Trượng chùa Quang Hiếu: “Có một người như thế tới đây”. Khi đó, Sư là kẻ tại gia, hòa thượng Ấn Tông liền triệu tập mười vị đại sư [làm lễ] thể phát và truyền giới cho Sư. Sau đấy, [ngài Ấn Tông] thỉnh Sư làm Phương Trượng chùa Quang Hiếu, để Ngài truyền pháp, giảng kinh. Nhưng giảng kinh ắt cần phải đọc kinh văn cho người khác, Lục Tổ không biết chữ, nhưng có thể giảng kinh, lại còn giảng rất hay, tuy không biết chữ. Đây là tuy Căn Bản Trí trọn đủ, nhưng chẳng có phương tiện thiện xảo. Vì sao Bồ Tát phải học Ngũ Minh, nguyên nhân là do chuyện này. Căn Bản Trí có thể ngộ đạo. Bồ Tát từ vô lượng kiếp tới nay đối với mỗi chuyện thuộc phương tiện thiện xảo trong sự nghiệp lợi sanh đều học, chẳng học thì sẽ không biết!

Hết thầy chư Phật, hết thầy các tướng cảnh giới chẳng sanh ra Vô Minh Hoặc. Lại nữa, hết thầy cảnh giới vốn chẳng có. Nếu cái tâm vô minh đã diệt, căn bản là hết thầy các tướng cảnh giới đều chẳng có, chúng tự nhiên diệt. Vì vậy, do tâm sanh nên các pháp sanh; do tâm diệt, nên các pháp diệt. Đó gọi là “*đốn đoạn vô minh*” (nhanh chóng đoạn dứt vô minh). Thiên Tông Trung Hoa là “*đốn đoạn vô minh*”. Tuy đốn đoạn vô minh, vẫn phải học sự nghiệp lợi sanh. Đó là lý do vì sao đối với Ngũ Minh, Bồ Tát phải học Ngũ Minh. Thứ nào quý vị không học, sẽ chẳng biết. Khi chư Phật, Bồ Tát lợi ích chúng sanh, phương thức độ chúng sanh của mỗi vị Bồ Tát khác nhau, mỗi vị dùng một pháp môn riêng. Chẳng hạn như chúng ta biết tứ đại danh sơn, Ngũ Đài Sơn Văn Thù Bồ Tát lấy đại trí làm chánh yếu. Địa Tạng Bồ Tát ở Cửu Hoa Sơn dùng đại nguyện làm điều chánh yếu. Phổ Đà Sơn Quán Thế Âm Bồ Tát coi đại bi là chánh yếu. Nga Mi Sơn Phổ Hiền Bồ Tát ở Tứ Xuyên lấy đại hạnh làm điều chủ yếu. Mỗi vị Bồ Tát đều có sở trường lợi sanh, chuyên môn dùng pháp mà Ngài đã chứng đắc để lợi sanh. Do đạo lý này mà Phật pháp có chỗ là thông, lại có chỗ là biệt. Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo do Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thỉnh đức Phật nói, đức Phật bảo Ngài thỉnh Địa Tạng Vương Bồ Tát nói. Nghĩa lý trong nửa bộ sau giống hệt như [các bộ kinh Đại Thừa khác], giáo nghĩa Đại Thừa đều là như thế. Bất quá bậc đương cơ (người đứng ra thỉnh pháp) [trong mỗi kinh] bất đồng, hình thức ngôn ngữ biểu đạt trong sự thuyết pháp [của mỗi bộ kinh] khác nhau. Hết thầy các tướng cảnh giới vốn không có, tâm tịch, cảnh tịch, hai đàng đều không, đều đạt tới nghĩa Không. Đây mới là sám hối thật sự. Dùng luân

tướng để sám hối, nửa bộ đầu [của kinh này] là phương tiện thiện xảo, Địa Tạng Bồ Tát nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Trong hết thấy các tướng cảnh giới, hết thấy chư Phật chẳng sanh vô minh. Do vì các Ngài chẳng cầu một cái Minh, cho nên chẳng sanh vô minh. Vì chẳng nương theo tướng cảnh giới diệt, chẳng sanh thì sẽ chẳng diệt. Các pháp do nhân duyên sanh, đã do duyên sanh thì nhất định sẽ do duyên mà diệt. Các pháp do nhân duyên mà sanh, đã do nhân duyên sanh khởi thì nhất định cũng do nhân duyên diệt. Chẳng sanh thì sao? Chẳng sanh thì chẳng có diệt. Cái tâm vô minh của quý vị đã diệt, tâm vô minh đều diệt hết, hết thấy các tướng cảnh giới cũng diệt. Hết thấy các tướng cảnh giới đã diệt, hết thấy các pháp nương theo tâm làm gốc. Vì thế, “*tâm duy vạn pháp, vạn pháp duy tâm*”.

(Kinh) Đương tri nhất thiết chư pháp tất danh vi tâm, dĩ nghĩa thể bất dị, vi tâm sở nhiếp cố.

(經)當知一切諸法悉名爲心，以義體不異，爲心所攝故

•

(Kinh: Hãy nên biết hết thấy các pháp đều gọi là tâm, do nghĩa thể chẳng khác, đều được thu nhiếp vào tâm).

Địa Tạng Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: “*Ông hãy nên biết*”; đây là nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát. Hết thấy các pháp đều gọi là tâm. Bởi lẽ, dùng nghĩa lý để nói, Thể của hết thấy các pháp là tâm. Hết thấy tâm là Thể của các pháp. Tâm và Thể chẳng khác. Do dùng đạo lý này để nói, cho nên mới nói: “*Hết thấy các pháp đều do tâm sanh ra*”. Là khỏi tâm, sẽ chẳng có hết thấy các pháp. Làm thế nào để hiển lộ cái tâm của chúng ta? Dùng hết thấy các pháp để hiển, tâm duy vạn pháp, vạn pháp duy tâm. Khi mọi người học Viên Giáo trong Phật giáo, chắc là cho rằng Viên Giáo của nhà Phật hết sức mơ hồ, giống như chúng ta nói “*hễ nhỏ một túm râu tóc của người Hồ, chẳng phân biệt được đâu là tóc, đâu là râu*”. Thật ra, giáo nghĩa Viên Giáo phân chia hết sức cặn kẽ! Mọi người thấy mơ hồ là do trí huệ của quý vị chưa đạt mức, quý vị học chẳng vào, cho nên chê là “*mơ hồ*”. Vì sao kinh nào cũng đều chẳng có phân lượng to lớn như kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm? Phải biết Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là viên mãn nhất, nhưng phương pháp để quý vị tiến nhập thì có quá nhiều. Vạn pháp duy tâm, tâm được

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

hiển lộ ở chỗ nào? Tâm duy vạn pháp, vạn pháp duy tâm. Quý vị lật ngược lại: Vạn pháp là tâm, tâm là vạn pháp. Nhưng quý vị có hiểu rõ hay không? Do vậy, sự tu hành trong Thiên Tông chẳng có phương tiện thiện xảo nào khác! Trục tâm, chánh niệm, duy tâm, [rồi lại] trục tâm, chánh niệm, Chân Như, từ vọng tâm của chúng ta mà trực tiếp tiến nhập chân tâm.

Do vậy, chúng ta phải tu hành ba đại kiếp, [hoặc nói theo Viên Giáo sẽ là] vô lượng ức kiếp. Còn phải tu tín, còn phải cầu giải, còn phải hành, hành rồi mới có thể chứng, [thứ tự tu hành là] “*tín, giải, hành, chứng*”. Thiên môn không cần, Thiên Tông nói: “*Thiên môn một nén hương, đốn siêu trực nhập, lập tức chứng Bồ Đề*”, lập tức là giác ngộ. Có thể làm được hay không? Kẻ tham Thiên chẳng ít, có khai ngộ hay không? Thành đạo hay chẳng? Người học Giáo biết “*đã khai ngộ*” hoàn toàn chẳng phải là thành đạo, vẫn phải tu. Khi quý vị thực hiện sự nghiệp lợi sanh, quý vị ắt phải học. Minh tâm kiến tánh chỉ là quý vị đã khai ngộ, đã hiểu rõ cái tâm, nhận biết cái tâm của chính mình, hoàn toàn chưa có kỹ xảo độ sanh. Kinh Hoa Nghiêm là như thế đó, quý vị đạt tới một địa vị nào, bèn có phương pháp lợi sanh [thuộc địa vị đó]. Mỗi địa vị có phương pháp lợi sanh riêng, từ Thập Tín cho tới Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, [đạt tới Diệu Giác] là đã đạt tới rốt ráo. Trong tình huống ấy, Thiện Tài đồng tử tham yết Văn Thù Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát dạy đồng tử tham bái Phổ Hiền Bồ Tát. Khi tham bái Di Lặc Bồ Tát, đồng tử đã thành Đẳng Giác, đã đạt tới địa vị thành Phật. Di Lặc Bồ Tát lại dạy đồng tử trở về tham bái Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Đó là Căn Bản Trí. Văn Thù Bồ Tát bảo đồng tử lại đến tham bái Phổ Hiền Bồ Tát để học phương tiện thiện xảo. Lợi sanh chẳng phải dễ dàng như vậy! Do đó, Bồ Tát phải trải qua bao nhiêu đại kiếp. Chúng ta nói “*ba đại A-tăng-kỳ kiếp*”, đó là giáo nghĩa Trung Thừa, nếu theo kinh Hoa Nghiêm, sẽ là vô lượng vô lượng kiếp. Vì trong hết thảy các pháp, môn nào quý vị không học sẽ không biết, quý vị ắt cần phải học. Tuy đã ngộ Căn Bản Trí, nhưng chưa thấu đạt Hậu Đắc Trí.

Trong hết thảy các pháp đều gọi là tâm. Hết thảy các pháp đều gọi là tâm vì đã ngộ cái Thể chẳng khác biệt, ngộ cái tâm là được rồi. Hết thảy các pháp duy tâm, vì sao nói như thế? Hết thảy các pháp đều quy nhiếp vào tâm, tâm nhiếp hết thảy các pháp, tức là tâm dung nạp hết thảy các pháp. Hết thảy các pháp vẫn quy vào tự tâm. Do vạn pháp duy tâm, còn có một cái tâm sanh vạn pháp. Hai câu này có thể nói đảo lại, tức “*tâm sanh vạn pháp, vạn pháp duy tâm*”. Vạn pháp duy tâm thì mới có

thể “*tâm sanh vạn pháp*”. Nếu không, tâm chẳng thể sanh, cho nên hết thấy các pháp đều gọi là tâm. Do đạo lý này, do nó có nghĩa “*Thể là một*”, vạn pháp cũng có cùng một tâm thể ấy, cái sanh ra vạn pháp là tâm. Tâm thành tựu hết thấy vạn pháp, hoàn toàn thuộc vào tâm. Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp cũng chẳng có tâm. Đảo lại như thể đó, quý vị hãy tham cứu! Trong ấy, chứa đựng vô lượng nghĩa, chẳng phải chỉ đơn giản như thế!

(Kinh) Hựu nhất thiết chư pháp tùng tâm sở khởi, dĩ tâm tác tướng, hòa hợp nhi hữu, cộng sanh, cộng diệt, đồng vô hữu trụ. Dĩ nhất thiết cảnh giới dẫn tùy tâm sở duyên, niệm niệm tương tục cố, nhi đắc trụ trì, tạm thời vi hữu.

(經)又一切諸法從心所起，與心作相，和合而有，共生共滅，同無有住。以一切境界但隨心所緣，念念相續故，而得住持，暫時為有。

(Kinh: Lại nữa, hết thấy các pháp đều từ tâm khởi, làm tướng cho tâm, hòa hợp mà có, cùng sanh, cùng diệt, cùng “chẳng có trụ”. Do hết thấy cảnh giới chỉ tùy tâm mà duyên, tiếp nối trong mỗi niệm mà được trụ trì, tạm thời là có).

Vì hết thấy các pháp đều từ tâm khởi, cho nên “*tâm sanh thì các pháp sanh*”. Tâm sanh khởi hết thấy các pháp; hết thấy các pháp và tác dụng của tâm chẳng thể tách rời được. Bất luận là thiện hay ác hư vọng, rốt cuộc hết thấy các pháp chẳng lìa khỏi tâm. Tâm sanh thiện pháp thuận theo cái Thể của Chân Như; tâm sanh hết thấy ác pháp thì nó lại thuận theo vô minh; ác pháp lấy vô minh làm Thể. Do vậy, các pháp và tâm hòa hợp, chẳng phải là hai. Tâm sanh các pháp sanh; đó là tâm sanh. Tâm diệt, các pháp diệt. [Đó chính là] tâm và vạn pháp cùng sanh, cùng diệt. Tâm chẳng có, tâm là không. Do tâm đã là không, há còn có gì là trụ? Trụ tâm như thế nào? Chẳng trụ! Về căn bản, chẳng có tâm, còn trụ trong cái tâm nào nữa? Mọi người đã đọc kinh Kim Cang, thấy ngài Tu Bồ Đề (Subhūti) thưa hỏi đức Phật: “*Vân hà trụ tâm?*”, [nghĩa là] tâm con chẳng trụ được, hàng phục cái tâm bằng cách nào? Ngài Tu Bồ Đề đã đoạn Kiến Tư Hoặc, là bậc Đại A La Hán, trí huệ bậc nhất, cho nên trong kinh Kim Cang, Ngài đại diện thưa hỏi, hay có thể nói là Ngài thay mặt đại chúng thưa hỏi.

Nói cách khác, tuy Ngài đã đoạn Kiến Tư Hoặc, nhưng Vô Minh và Trần Sa vẫn chưa đoạn, tâm Ngài chẳng trụ, cũng chẳng thể hàng phục cái tâm được. Cho nên Ngài mới thừa hỏi đức Phật trụ tâm và hàng phục cái tâm bằng cách nào. Đức Phật dạy: Hết thấy các pháp chẳng có chỗ để trụ, mà cũng chẳng hàng phục cái tâm. Tâm chẳng trụ vào đâu, hết thấy các pháp đều từ tâm con người mà khởi. Do tâm chẳng trụ, cho nên hết thấy các pháp chẳng trụ. Hết thấy các pháp đều là tướng ở ngoài tâm. Tâm sanh ra hết thấy các pháp, hết thấy các pháp là tướng của tâm. Do tâm sanh ra hết thấy các pháp, cho nên nói: “*Vạn pháp duy tâm. Vạn pháp tức là tâm, tâm là vạn pháp*”. Quý vị hãy tham cứu như thế, quý vị sẽ minh tâm kiến tánh.

Chúng tôi nói suông, chẳng phải là đã khai ngộ. Phàm phu có thể nương theo giáo nghĩa đề lý giải, có thể nói là “*ngang bằng với Phật, bình đẳng với Phật*”, nhưng Kiến Tư phiền não đều chẳng đoạn! Phật là đấng Nhất Thiết Trí. [Những điều chúng tôi trình bày trên đây] là học đòi theo Phật, chỉ học để nói thôi! Có nghĩa là gì? [Có nghĩa là] chưa thể tiến nhập, chưa thể chứng đắc; nhưng quý vị thường huân tập như vậy, sẽ dần dần tiến nhập. Trong kinh này chẳng nói, nhưng Đại Thừa Khởi Tín Luận bảo có hai loại huân tập. Quý vị thường xuyên huân tập trong pháp ấy, thường cùng mọi người học tập pháp ấy, sẽ dần dần tiến nhập. Đó là “*cận châu giả xích, cận mặc giả hắc*” (gần son thì đỏ, gần mực thì đen) như Mạnh Tử đã nói. Quý vị gần chất màu đen, hay gần mực, sẽ tự nhiên bị đen. Quý vị thấy gì bèn học nấy. Có một loại huân tập nữa là “*bổn tánh cụ*” (sẵn có trong bản tánh), còn loại kia là “*huân tập tu*”, tức là hoàn cảnh bên ngoài huân tập sự tu hành của quý vị. Vì thế, tâm và cảnh là nói theo kiểu ấy. Bởi lẽ, hết thấy các pháp từ tâm mà khởi, nó lại tạo thành tướng cho tâm. Hết thấy các pháp tạo thành cái tướng của tâm, hết thấy các tướng lại đều là tâm, [cho nên] tâm và các pháp hòa hợp. Vì tâm sanh, các pháp sanh; tâm diệt, các pháp diệt. Đó lại là cùng sanh, [chánh kinh diễn tả điều này là] “*cộng sanh, cộng diệt*” (cùng sanh, cùng diệt). Hết thấy các pháp sanh, tướng cảnh giới của hết thấy các pháp được duyên bởi tâm. Tâm duyên hết thấy các pháp, duyên vốn không có tâm. Do tâm khởi mà có [hết thấy các pháp hiện hữu], cho nên tâm bèn duyên theo. Duyên gì vậy? Duyên theo hết thấy các tướng cảnh giới. Tâm vốn chẳng sanh, do duyên theo cảnh mà có. Vì duyên theo hết thấy các tướng cảnh giới bên ngoài, tâm bèn duyên theo tướng cảnh giới, do cảnh mà hiển lộ tâm. Duyên chẳng có tự tánh, do đâu mà dậy lên? Duyên chẳng có tự tánh, do tâm mà khởi. Từ tâm khởi, lại quy hoàn cái tâm.

Vì thế, người học Phật mà học giáo nghĩa Viên Giáo, sẽ thấy các lời lẽ đức Phật dạy bảo chúng ta toàn là viên mãn. Quý vị muốn tìm gốc cạnh, sẽ chẳng tìm được, toàn là viên mà! Đầu là đầu? Đầu là đuôi? Chẳng có, tròn xoe! Điều này mọi người phải suy xét, đừng nghe theo văn tự hoặc ngôn ngữ, sẽ chẳng được, phải dùng tâm để khế nhập. Chúng ta thấy vạn pháp, đến cửa hàng bách hóa, chúng ta tới thành phố Đài Bắc để xem, tâm quý vị thuận theo đủ mọi hình trạng, cửa hàng bách hóa cũng thế, nếm các thức ăn nơi chợ búa cũng thế. Các thứ ấy đều do tâm sanh, tất cả hết thảy các tướng cảnh giới do tâm duyên theo. Do vậy, nói “*tâm sanh các pháp sanh; tâm diệt, các pháp diệt*”. Nhưng cái tâm ấy liên tục trong mỗi niệm, vĩnh viễn chẳng ngừng, có thể trụ trì chư pháp. Khi nó trụ trì các pháp thì tạm thời là có.

Đoạn kinh văn này nhằm bảo quý vị: Từ tâm, dấy khởi hết thảy các pháp, đó gọi là Tướng Phần của tâm, tức là Tướng Phần khởi lên bởi cái tâm của chính mình. Hết thảy các pháp làm tướng cho tâm, tâm vô tướng. [*Tâm*] được nói ở đây] chẳng phải là quả tim thịt (nhục đoàn tâm) trong lòng ngực chúng ta. Cái tâm ấy (nhục đoàn tâm) chẳng phải [là chân tâm], nó là giả, sẽ hư hoại. Cho đến khi nhục thể của chúng ta tiêu vong, cái tâm ấy cũng tiêu mất theo! [Tâm được nói] ở đây là chân tâm, chẳng thuận theo Tướng Phần, thuận theo Tướng Phần dấy lên mà làm tướng cho cái tâm ấy. Tâm được hiển lộ như thế nào? Từ tướng mà hiển lộ cái tâm. Nó duyên xa hơn một chút, tức là [duyên theo] Tướng Phần. Tâm ấy và Kiến Phần³² lại hợp thành một; do hòa hợp bền có hết thảy các tướng, tức là

³² Theo giáo nghĩa của Pháp Tướng Duy Thức, tác dụng nhận thức của mỗi tâm vương và tâm sở có bốn phần: Tướng Phần, Kiến Phần, Tự Chứng Phần, và Chứng Tự Chứng Phần:

1) Tướng Phần là đối tượng được nhận thức. Thuật ngữ Duy Thức Học còn gọi là “sở duyên”. Đối tượng của nhận thức gồm tất cả các cảnh cụ thể (như sắc, thanh, hương, v.v...) và trừu tượng (như ảnh tượng, ý tượng, v.v...), luôn luôn có tướng trạng rõ ràng, cho nên được gọi là Tướng Phần.

2) Kiến Phần là chủ thể nhận thức, thuật ngữ Duy Thức Học còn gọi là “năng duyên”. Chủ thể nhận thức bao gồm tất cả tám thức tâm vương và năm mươi một tâm sở. Duy Thức Học nói rằng, “nhận thức luôn luôn là nhận thức cái gì”. Vì vậy, nếu không có đối tượng thì không có nhận thức, và ngược lại, không có chủ thể nhận thức thì không có đối tượng. Do vậy, Kiến Phần và Tướng Phần là hai phần không thể tách rời của tác dụng nhận thức.

3) Tự Chứng Phần (cũng gọi là “tự thể phần”) là phần tự thể thâm sâu của tác dụng nhận thức, tức là tự nó chứng biết hoạt động nhận thức của chính nó. Khi mắt (kiến

Thân Sở Duyên Duyên. Danh từ Phật giáo gọi điều này là Thân Sở Duyên Duyên. Tâm, Kiến Phần, Tướng Phần hợp thành một, hòa hợp mà có hết thấy các tướng. Tâm và cảnh hợp, cảnh có thể hiển lộ tâm. Tâm chính là cảnh. Do tâm sanh, cho nên hết thấy các pháp sanh. Do tâm diệt, nên hết thấy các pháp diệt. Tâm và hết thấy các pháp cùng sanh, cùng diệt. Đây là nghĩa “*tùy duyên*”. Chớ nên phân biệt tâm và cảnh có ranh giới gì, có giới hạn gì! Chẳng có gì hết! Chẳng có ranh giới, là “*cùng sanh, cùng diệt*”. Do hết thấy các tướng cảnh giới được duyên bởi tâm, cho nên mới nói “*do tâm diệt, cho nên các pháp diệt*”. Tâm đã diệt, đương nhiên là cái được duyên bởi tâm cũng diệt theo. Vì thế nói “*tâm sanh, các pháp sanh; tâm diệt, các pháp diệt*”. Hai thứ ấy liên tục trong mỗi niệm thì mới có thể trụ trì hết thấy các pháp, “*vạn pháp sanh từ tâm*” chính là đạo lý này. Nhưng đó là tạm thời có, vạn pháp sanh từ tâm. Sau khi sanh khởi bèn tạm thời là có, nó vẫn phải diệt. Vạn pháp sanh từ tâm, vạn pháp cũng do tâm mà diệt. Do tâm diệt, cho nên các pháp sẽ diệt!

(Kinh) Như thị sở thuyết tâm nghĩa giả, hữu nhị chủng tướng. Hà đẳng vi nhị? Nhất giả, tâm nội tướng. Nhị giả, tâm ngoại tướng. Tâm nội tướng giả, phục hữu nhị chủng. Vân hà vi nhị? Nhất giả, chân; nhị giả, vọng.

(經)如是所說心義者，有二種相，何等爲二？一者、心內相。二者、心外相。心內相者，復有二種。云何爲二？一者、真。二者、妄。

(Kinh: Nghĩa của tâm như vừa mới nói có hai loại tướng. Những gì là hai? Một là tâm nội tướng, hai là tâm ngoại tướng. Tâm nội tướng lại có hai thứ. Thế nào là hai? Một là chân, hai là vọng).

Ý nghĩa của tâm như ta (Địa Tạng Bồ Tát) vừa nói đó, có hình tướng để có thể biểu đạt hay không? Có chứ! Có hai loại tướng. Tâm vốn vô tướng, biểu đạt cái tâm ấy như thế nào? Dùng tướng để biểu đạt. Đạo

phần) thấy (nhận thức) cuốn sách (tướng phần) thì biết rằng mắt thấy cuốn sách (tự chứng phần).

4) Chứng tự chứng phần là phần sâu hơn nữa của tác dụng nhận thức, tức chứng biết một lần nữa về sự chứng biết của tự chứng phần (theo tự điển online Chú Thích Phật Học của Pháp Thí Hội).

lý hiển thị cái tâm là như thế nào? Dùng hai loại tướng để biểu đạt. Có hai loại tướng, những gì là hai? Một là tâm nội tướng, hai là tâm ngoại tướng; tức là tâm có nội tướng và ngoại tướng. Đại Thừa Khởi Tín Luận giảng cái tâm này chia thành hai môn: Một là tâm Chân Như môn, hai là tâm sanh diệt môn. Một tâm chia thành hai môn. Trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, Địa Tạng Vương Bồ Tát chia cái tâm thành nội tâm tướng và ngoại tâm tướng, [Ngài gọi chúng là] tâm nội tướng và tâm ngoại tướng. Nội tâm tướng và ngoại tâm tướng, [mỗi loại] cũng chia thành hai loại. Nội tâm tướng là bất sanh, bất diệt, ngoại tâm tướng là sanh diệt. Nói theo kiểu như vậy thì dường như tâm có trong và ngoài. Nếu hiểu như vậy thì là sai lầm mất rồi! Nội tướng thật sự chẳng phải là nội tướng, tâm chẳng ở trong. Ngoại tướng cũng chẳng phải là ngoại tướng, tâm chẳng ở bên ngoài. Chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, mà cũng chẳng ở giữa. Vì lo ngại hết thấy chúng sanh chấp trước, Địa Tạng Vương Bồ Tát ngay lập tức giải thích tâm nội tướng là gì? Tâm ngoại tướng là gì? Ngài giải thích từng bước. Tâm nội tướng cũng chia thành hai thứ, thế nào là hai? Một là chân, hai là vọng. Tâm nội tướng là gì? Có chân tướng trong tâm và vọng tướng trong tâm. Một đằng là tâm, một đằng là tâm sở. Nung vào Lý Thể của cái tâm mà dấy lên, nó được gọi bằng danh từ Thật Tướng, chính là “*cảnh giới Nhất Thật*” như trong nửa bộ trước đã nói. Cái Chân ấy trọn khắp trong ngoài, trọn khắp tâm Chân Như, và cũng trọn khắp tâm sanh diệt. Tâm sanh diệt cũng là tâm, tâm Chân Như cũng là tâm. Tâm nội cũng là tâm, tâm ngoại cũng là tâm. Chúng dấy lên tác dụng khác nhau, có khởi tác dụng bất đồng.

(Kinh) Sở ngôn chân giả, vị tâm thể bản tướng, như như bất dị, thanh tịnh viên mãn, vô chướng, vô ngại, vi mật nan kiến, dĩ biến nhất thiết xứ, thường hằng bất hoại, kiến lập sanh trưởng nhất thiết pháp cố.

(經)所言真者，謂心體本相，如如不異，清淨圓滿，無障無礙，微密難見，以遍一切處，常恆不壞，建立生長一切法故。

(Kinh: Cái được gọi là “chân” chính là nói đến bản tướng của tâm thể như như chẳng khác, thanh tịnh viên mãn, chẳng chướng, chẳng ngại, kín nhiệm khó thấy, vì nó trọn khắp hết thấy mọi nơi, thường hằng chẳng hoại, kiến lập, sanh trưởng hết thấy các pháp).

Chân là gì? Vọng là gì? “*Sở ngôn chân giả*” (Cái được gọi là Chân), Địa Tạng Vương Bồ Tát tự đặt tựa đề cho lời giải thích của Ngài. Bản tướng của tâm thể như như chẳng khác, chỉ là một tướng. Bản tướng của tâm thể là tướng vô tướng! “*Như như*” có nghĩa là “*bất động, bất biến*”. “*Bất dị như như*”: Như và Như Thị chẳng khác. Tướng của tâm thể chẳng khác, nó thanh tịnh, viên mãn, chẳng có chướng ngại, [đó là ý nghĩa của từ ngữ] “*vô chướng, vô ngại*”. Quý vị muốn thấy, vẫn chẳng thể thấy được, chỉ dùng nghĩa lý để lý giải, [nghĩa lý] ấy kín nhiệm, khó thấy! Cái tâm thể ấy trọn khắp hết thấy mọi nơi. Nó bất hoại, chẳng đổi, chẳng khác, chẳng một, chẳng hai. Nói là một thì chẳng thể được, [ta thường tưởng lầm] “*chẳng phải là một, thì là hai*”, nhưng nói là hai thì cũng chẳng thể được! Chẳng hoại, chẳng biến đổi, thường luôn là như thế. Có thể sanh ra hết thấy các pháp, hết thấy các pháp nương vào nó. Có thể sanh ra hết thấy các pháp, hết thấy các pháp đều nương vào bản tướng của tâm thể. Là chỗ nương tựa của hết thấy các pháp thì là tướng gì vậy? Là tướng tâm duyên. Dùng tâm duyên để duyên niệm sẽ chẳng thể được. Là hết thấy niệm, sẽ chẳng niệm được. Nó là tâm duyên, là ý niệm. Rốt cuộc nó là hình dạng như thế nào? Hư không có hình trạng như thế nào, tướng ấy (tướng của tâm thể) sẽ có hình dạng như thế đó. Do vậy, nó bằng với hư không giới, giống như hư không giới, thường trụ, bất hoại, chẳng thay đổi, bất diệt. Vì nó có thể sanh khởi hết thấy các pháp, hết thấy các pháp sanh từ đó, điều này được nói là “*do tâm sanh, các pháp sanh*”. Hết thấy các pháp từ điều này mà diệt, [nên nói] “*do tâm diệt nên các pháp diệt*”. Đó gọi là tâm sanh diệt. Còn tâm Chân Như thì không có lời lẽ nào để nói. Chân Như là không có ngôn ngữ, là tướng ngôn ngữ, là tướng ngôn thuyết, là Nghiệp Tướng, là Khởi Nghiệp Tướng, là Khổ Tướng, thứ gì cũng đều chẳng có. Tâm Chân Như chân thật, bất động, như như bất động, vậy thì nó được biểu đạt bằng cách nào? Chính là bằng cái tâm sanh diệt. Đều là một cái tâm, [nhưng xét theo Thể hoặc Tướng] thì bèn thành tâm Chân Như hay tâm sanh diệt. Dùng ngay cái tâm sanh diệt để biểu đạt cái tâm Chân Như.

Do khi giảng giải, Địa Tạng Vương Bồ Tát nói rất đơn giản; cho nên trong Đại Thừa Khởi Tín Luận do Mã Minh Bồ Tát trước tác, Ngài (Mã Minh Bồ Tát) đã chia thành nhất tâm, nhị môn, và tam đại, tức là từ một cái tâm [mà chia thành hai môn là] tâm Chân Như môn và tâm sanh diệt môn, [và tam đại là] Thể, Tướng, Dụng. Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy đại lược. Địa Tạng Vương Bồ Tát giảng về cội gốc của cái tâm, về bản

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

tướng của tâm thể. Đó chính là Thể, Tướng, Dụng. Tôi thường nói kinh Chiêm Sát và kinh Địa Tạng đều thuộc hệ thống Hoa Nghiêm. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh dùng các thí dụ để lãnh hội, Đại là tâm thể, Phương là tâm tướng, Quảng là tâm dụng. [Nói gộp chung lại], Đại Phương Quảng là Thể, Tướng, Dụng của chính mình, mà cũng là Thể, Tướng, Dụng của Phật. Sau đây, nói chữ Phật [trong tựa đề kinh Hoa Nghiêm, hàm ý] Phật được biểu hiện như thế nào? [Bằng các từ ngữ] Đại Phương Quảng, tức là Thể, Tướng, Dụng của Phật. Vì thế, đoạn kinh văn này có ý nghĩa giống nhau, bình đẳng với kinh Hoa Nghiêm.

“*Chân*” là gì? Bản tướng của cái tâm. Mỗi người chúng ta đều có, đều sẵn đủ, nhưng chẳng thể dùng được, chẳng thấy được, vẫn chẳng lý giải, vì tự tâm chẳng nhận biết tự tâm, đã mê rồi! Có thể lý giải như thế nào? Tôi nêu thí dụ. Khi tôi ở Đại Lục, thường nhắc tới Trung Quốc Nhân Dân Ngân Hàng [dùng nó làm tỷ dụ]. Đối với người Hoa [tại Đại Lục] thì đó là ngân hàng của họ. Người Hoa nào có thể đến ngân hàng ấy lấy được một đồng hay không? Chẳng lấy được! Ngân hàng là của quý vị, chỉ là quý vị có phần, nhưng muốn dùng lại chẳng dùng được! “*Thể*” giống như vậy đó! Trung Quốc Nhân Dân Ngân Hàng là của nhân dân Trung Hoa. Nhân dân là chủ nhân, mở ngân hàng, nhưng quý vị tới ngân hàng để chi ra một đồng cũng chẳng được! Chúng ta vốn trọn đủ cái Thể ấy, giống hết chư Phật và Bồ Tát. Do chúng ta đã mê, nên chẳng có quyền [sử dụng] (tức chẳng thể sử dụng cái Dụng của Thể), chúng ta đã tự mình đánh mất. Quý vị làm thế nào cho nó hiện ra, hãy vận dụng cái Quyền (Thể) để hiển hiện.

Bản thể của tâm là “*như như bất dị*”. Pháp Như vừa được nhắc đến trong phần trước là bất động, vĩnh viễn bất biến, vĩnh viễn chẳng khác, thanh tịnh viên mãn, chẳng có chướng, mà cũng chẳng có trở ngại, kín nhiệm, khó thấy. Chẳng trông thấy mà có thể thành được ư? Chẳng trông thấy, chẳng có chút tác dụng nào. Hết thấy chúng sanh và Phật chẳng hai, chẳng khác. Chúng ta và chư Phật chẳng khác biệt, như đối với diệu dụng của chư Phật, chúng ta chẳng có một thứ nào! Có thể có hay không? Chẳng có! Chư Phật vô chướng, vô ngại, kín nhiệm khó thấy, trong hết thấy mọi nơi, hết thấy mọi lúc đều chẳng đổi, chẳng hoại. Tâm có thể sanh trưởng hết thấy các pháp, hết thấy các pháp được sanh bởi tâm. Đó là giác. “*Giác*” bao gồm hai loại: Một là giác, hai là bất giác! Đều là giác, cùng một nghĩa giác, nhưng nó lại có một cái giác và một cái bất giác. Người đã giác là chư Phật, Bồ Tát, còn bất giác là phàm phu lục đạo chúng sanh. Cùng là một cái giác mà có giác và bất giác. Nói đến Chân thì

chính là nói đến ý nghĩa Giác, đã giác ngộ bèn là chư Phật. Vì thế, tâm, Phật, chúng sanh, cả ba chẳng sai biệt, chỉ là mê và ngộ. Đã ngộ thì sẽ bình đẳng với chư Phật, mê rồi thì là chúng sanh. Đó là thật, chân thật chẳng sai!

(Kinh) Sở ngôn vọng giả, vị khởi niệm phân biệt, giác tri, duyên lực, ức tướng đẳng sự. Tuy phục tương tục, năng sanh nhất thiết chủng chủng cảnh giới, nhi nội hư ngụy, vô hữu chân thật, bất khả kiến cố.

(經)所言妄者，謂起念分別，覺知緣慮，憶想等事。雖復相續，能生一切種種境界，而內虛偽，無有真實，不可見故。

(Kinh: Nói tới vọng là nói tới các chuyện như khởi niệm phân biệt, hay biết, duyên lực, nghĩ nhớ v.v... Tuy lại có thể liên tục sanh ra hết thảy các thứ cảnh giới, nhưng trong ấy đều là hư ngụy, chẳng chân thật, chẳng thể thấy).

Đoạn trước nói về giác, còn đoạn này nói về bất giác. Trình tự trong bất giác rất nhiều, chẳng phải do một hai câu nói mà có thể nói trọn. Mã Minh Bồ Tát tạo Đại Thừa Khởi Tín Luận, có nói “*nhất niệm bất giác sanh tam tế*”, tức là nói về ba tế tướng, đã phiền não rồi! Phiền não từ vô minh sanh ra. “*Một niệm bất giác*” là nói đến vô minh. “*Tam tế tướng*” là nghiệp tướng, chuyển tướng, và hiện tướng. Bọn phàm phu chúng ta khi muốn đoạn ba thứ tướng ấy thì phải đạt tới Bát Địa Bồ Tát sẽ đoạn hiện tướng, Cửu Địa Bồ Tát đoạn chuyển tướng, Thập Địa Bồ Tát đoạn nghiệp tướng, nhưng [để đạt tới các địa vị ấy], phải trải qua vô lượng kiếp.

Ở đây, [nói tới nội tâm tướng] rõ ràng là nói tổng quát, [chỉ nói đơn giản] một đẳng là chân, một đẳng là vọng. Khi chúng ta đối trước hết thảy sự vật, hễ khởi tâm động niệm, hễ dấy lên phân biệt, mong biết rõ, tức là đối với vấn đề quý vị chẳng hiểu rõ, bèn mong biết rõ. Khởi tâm động niệm là khởi vọng, tức là dấy lên vọng tưởng, phân biệt, hay biết, duyên ức (緣憶, do một sự việc, một tình huống nào đó bèn nghĩ nhớ), mong giác ngộ, duyên niệm (nghĩ ngợi tới một sự việc, tình huống nào đó), suy lường. Quý vị có các sự tướng ấy liên tục chẳng dứt, càng nghĩ càng thô, càng phân biệt càng thô, cho đến dấy lên nghiệp. Hễ tạo nghiệp, sẽ bị nghiệp ràng buộc. Thiện nghiệp sẽ ràng buộc quý vị nơi thiện nghiệp, ác nghiệp sẽ ràng buộc quý vị nơi ác nghiệp. Phàm là khởi tâm động niệm

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

thì gọi là “*khởi nghiệp*” (dấy lên nghiệp). Cái nghiệp ấy sẽ nắm giữ quý vị, quý vị chạy chẳng thoát, muốn đoạn nó khó lắm. Vì sao? Nó càng nhiễm càng thô, lại chẳng ngừng tạo nghiệp. Khi quý vị đã tạo nghiệp, mong tái khôi phục, sẽ hết sức khó khăn. Tạo nghiệp dễ dàng, cho tới khi quý vị tiêu diệt nghiệp chướng, sẽ phải trả giá gấp mười, và cũng trả giá gấp trăm, gấp ngàn lần.

Nay chúng ta muốn gột rửa sạch sẽ, khôi phục sự thanh tịnh vốn có, vì nghiệp tập, nghiệp chướng đã tích lũy nhiều đời, nhiều kiếp, chúng chướng ngại quý vị thấy bản tánh Chân Như. Quý vị muốn gột sạch, nhưng chẳng phải là quý vị đã gây tạo một ngày, một năm, hai năm, mà là vô lượng kiếp, cho nên quý vị gột rửa dễ dàng hay không, tùy thuộc sức lực của quý vị! Như Thiên Tông “*đốn siêu trực nhập, lập tức chứng Bồ Đề*” thì chẳng phải là thật sự chứng Bồ Đề. “*Lập tức chứng Bồ Đề*” nghĩa là đoạn dứt phiền não, kiến đạo. Đã “*chứng đắc*”, vẫn phải tu, vẫn phải rèn luyện dần dần! Giống như chúng ta đã làm sai một chuyện, do vọng tâm của quý vị mạnh mẽ, nhạy bén, sẽ lập tức làm ngay. Cho đến khi quý vị dậy lên thiện tâm, muốn chuyển biến rốt ráo chuyện sai lầm ấy, sẽ phải trả giá rất nhiều. [Chúng ta sám hối nghiệp chướng] có cùng một đạo lý như vậy, khi chúng ta khởi tâm động niệm tạo nghiệp, càng biến đổi, càng thô, càng biến đổi sẽ càng thô nặng hơn!

Thậm chí chúng ta đã hiểu rõ, bắt đầu học Phật, các đệ tử Phật thông thường là trước hết phải quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Chúng ta tự học, đọc rất nhiều kinh luận, vẫn không thể coi là đệ tử Phật môn, vì chưa “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”. Phải thọ Tam Quy, bắt đầu quy y lần nữa! Chúng ta thường nói theo sự tướng, quy y thì có tượng Phật, có Tăng nhân, có pháp Tam Quy. Đó là nói theo sự tướng. Nói theo Lý, Tam Bảo ấy là tự tánh Tam Bảo, trở về cội nguồn. Khi quy y Tam Bảo, khôi phục tự tánh Phật Bảo và tự tánh Tăng Bảo của chính mình. Phật và Tăng hòa hợp là Pháp, quy y tự tánh Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Chúng ta thường nói: “Tôi chỉ cần nương cậy một vị sư phụ, quy y Tam Bảo là đã nhập Phật môn”. Vậy là chưa được! Các vị sư phụ đã xuất gia như chúng tôi, cho tới các vị cư sĩ đạo hữu tại gia, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, tức tứ chúng đệ tử hằng ngày bắt đầu niệm kinh, hoặc là quý vị bái sám, vừa mở đầu bèn “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, chúng ta phải niệm quy y Tam Bảo. Đó chưa phải là thọ Tam Quy, quy y Tam Bảo, mà phải là trong mỗi niệm đều không ngừng quy y Tam Bảo, luôn luôn quy y Tam Bảo. Quý vị niệm một bộ kinh nào, vừa khai kinh, nhất định là quy y Tam Bảo. Nếu mọi người niệm kinh Hoa Nghiêm,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chẳng hạn Hoa Nghiêm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm; trong mười đại nguyện vương, quy y Tam Bảo đã chiếm ba đại nguyện! Quy y Tam Bảo là sám hối nghiệp chướng.

Tam Bảo thường hiện hữu, chẳng phải là trong thời gian ngắn ngủi. Vì sao? Đó gọi là “*giác tri*”, hoặc gọi là giác nghĩa. Bản thân chúng ta giác nghĩa chẳng đủ, sức giác ngộ chẳng đủ, phải cậy vào Tam Bảo gia trì, niệm nào cũng chẳng quên Tam Bảo. Điều thứ nhất, niệm Tam Bảo tiêu trừ nghiệp chướng. Có rất nhiều đệ tử Phật, đã tin Phật mà còn bị ma dựa. Phật đường của họ còn có ma nạn, cảm thấy còn có quỷ thần đến. Chính người ấy chẳng tự biết, [nguyên nhân là do] quý vị quy y chẳng chân thật. Quý vị trọn chẳng thật sự quy y Phật Pháp Tăng Tam Bảo. Quý vị thật sự quy y Phật Pháp Tăng Tam Bảo, há có các ma nạn ấy, quỷ thần còn đến được ư? Khi quý vị quy y Tam Bảo, thần hộ pháp đều ở cạnh quý vị. Chẳng phải là họ hộ trì quý vị, mà là hộ trì Tam Bảo. Vì quý vị niệm nào cũng đều chẳng ngừng nhớ tới Tam Bảo, thì niệm nào cũng được Tam Bảo hộ trì, như thế há còn quỷ thần quấy nhiễu ư? Rất nhiều đệ tử Phật nói “bị quỷ mê hoặc”, Phật đường của họ có quỷ thần xuất hiện. Vậy thì phải tự hỏi chính mình: Quý vị quy y Tam Bảo chẳng chân thật, tối thiểu là phải đặt ra câu hỏi như thế. Nếu quý vị chân thật, sao còn có hiện tượng ấy cho được? Quý vị có biết: Quy y Phật sẽ có khá nhiều vị hộ pháp hay không? Quy y Pháp có khá nhiều hộ pháp hay không? Quy y Tăng có khá nhiều hộ pháp hay không? Nếu tâm chân thật, nguyện sẽ thiết tha. Tâm chẳng chân thật, nguyện chẳng thiết tha, sức hộ trì của Tam Bảo sẽ chẳng gia trì quý vị được! Tam Bảo gia trì trọn khắp, [thế mà] chính mình chẳng cầu Tam Bảo gia trì! Quý vị toàn dấy vọng tưởng. Nếu nói khó nghe hơn một tí, nói quyết liệt hơn một chút thì là “*lòng gạt Tam Bảo*”. Chuyện này mọi người đều có thể suy nghĩ được, nhưng có thể giảm thiểu tội chướng hay không? Có phước báo hay không? Phước báo vẫn có. Chúng ta quy y Tam Bảo, bất luận quý vị là giả, cho đến quý vị chỉ thực hiện bề ngoài, phước báo ấy là phước báo nhân thiên, là phước báo nơi của cải, trong cuộc sống, là các thứ ấy. Nhưng quý vị mong liễu đạo, mong thành tựu thì đối với chuyện quy y Tam Bảo, cái tâm của quý vị phải cùng với Tam Bảo hợp thành một!

Tập 12

Nay chúng ta nói đến cái tâm, nói về duy tâm. Duy tâm cũng chẳng phải là đơn giản như thế. Muốn hiểu rõ duy tâm rất khó, chẳng hiểu rõ tới

mức độ nào? Nếu quý vị hiểu rõ, sẽ khai ngộ. Người ta nói “*minh tâm kiến tánh*”; hễ đã minh, quý vị sẽ liễu sanh tử. Ở đây, Địa Tạng Vương Bồ Tát nói tâm chia thành tâm nội tướng và tâm ngoại tướng, chân tâm, vọng tâm. Tướng nội tâm lại chia thành hai loại, một là chân, hai là vọng. Nói đến “chân” thì là bản tướng của tâm thể, chư Phật đã chứng đắc, hết thấy chúng sanh đều mê. Bản tướng của tâm thể là thanh tịnh, là viên mãn, là như như, chẳng đổi khác. Bản tướng của tâm thể chẳng có chướng ngại, nhưng chẳng dễ thấy được, chẳng dễ hiểu rõ ý nghĩa này, chẳng thể kiến tánh. Cái tâm ấy trọn khắp hết thấy mọi lúc, hết thấy mọi nơi, vốn chẳng có nhiễm cấu, thanh tịnh, viên mãn, nhưng chúng ta chẳng thấy được, nó kín nhiệm khó thấy! Lại vì nó thường luôn là như thế, chẳng biến đổi, chẳng khác, chẳng hoại; hết thấy các pháp đều sanh từ tâm. Do tâm sanh, nên pháp sanh. Tâm diệt, pháp cũng diệt. Đó là nói về tâm thể. Có bản tướng của tâm thể hay không? Có chứ! Tướng gì vậy? Là như như, chẳng có chút cấu nhiễm nào, ly niệm. Đó gọi là “*ly niệm Chân Như*”. Đây là nói cái tâm vốn chẳng có thanh tịnh và hư vọng. Do quý vị động niệm, khởi tâm động niệm, vừa dấy lên ý niệm chẳng thanh tịnh, dấy niệm bèn có phân biệt. Đó gọi là “*tướng vốn có của Bản Giác*”. Hễ khởi tâm động niệm, sẽ đánh mất tướng sẵn có, từ Bản Giác nầy sanh bất giác. Vốn là bản tướng thanh tịnh viên mãn, như Tâm Kinh nói bản tướng của cái tâm là “*vô quái ngại, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm*” (chẳng vướng mắc, chẳng dơ, chẳng sạch, chẳng tăng, chẳng giảm), chẳng có vọng niệm.

Giả sử vừa dấy lên ý niệm, dấy lên ý niệm là vọng. Nói tới vọng thì dấy lên ý niệm phân biệt, duyên lự, thấy, nghe, hay, biết. Ý niệm ấy liên tục trong mỗi niệm, vĩnh viễn chẳng đoạn. Nó sẽ sanh ra hết thấy các tướng cảnh giới. Thông thường, nói theo giáo nghĩa Đại Thừa, cái tâm này vốn là như như bất động. Hễ vừa động niệm thì sẽ sanh ra ba thứ tế tướng, lại nhờ vào duyên bên ngoài, cảnh giới làm duyên, càng tăng trưởng, càng thô, sanh ra sáu loại thô tướng (trí tướng, tương tục tướng, chấp thủ tướng, kế danh tự tướng, khởi nghiệp tướng, nghiệp hệ khổ tướng). Khi vừa mới khởi niệm, cái tướng được duyên bởi tâm bèn chẳng lìa khỏi tâm, vẫn là chân tâm, nhưng cái Chân Như ấy được gọi là “*ly niệm Chân Như*”. Lúc tâm quý vị vừa động niệm, sẽ phân biệt vi tế thành nghiệp tướng, chuyển tướng, và hiện tướng. Đó là “*một niệm bất giác sanh ra ba tế tướng*”. Lúc vừa khởi tâm động niệm, trong ấy chứa đựng ba loại tướng (ba tế tướng). “*Nghiệp*” là chúng ta nói tới tám thức. Khi tướng ban đầu của tám thức vừa chuyển, chuyển thành hiện tướng.

“Hiện” là biểu hiện, sẽ hiện ra tướng cảnh giới; điều này rất vi tế. Khởi niệm phân biệt bèn nghĩ nhớ các chuyện, dần dần sanh ra tướng cảnh giới. Trong ba tế tướng của cái tâm, chẳng có tướng cảnh giới. Lúc đoạn, sẽ rất khó khăn. Khởi lên cảnh như thế: Nghiệp tướng sanh khởi chuyển tướng, chuyển tướng sanh khởi hiện tướng. Bát Địa Bồ Tát đoạn hiện tướng, Cửu Địa Bồ Tát đoạn chuyển tướng, Thập Địa Bồ Tát đoạn nghiệp tướng. Chúng ta phải tu đạt tới công phu Bát Địa, rất khó! Chẳng biết phải trải qua bao nhiêu ức³³ kiếp! Vì thế, khi ấy, do càng chuyển càng thô, đã khởi niệm, đã phân biệt, đã tướng nhớ, niệm sẽ tiếp nối chẳng dứt. Cảnh giới ấy chúng ta vẫn chưa đạt tới.

Nương theo cái tâm Bản Giác vốn sẵn có này, sanh khởi hết thấy các tướng, có tế và thô. [Tướng ấy] mới sanh khởi thì gọi là tế, từ tế mà chuyển thành thô. Càng chuyển càng thô! Vì nó tiếp tục chẳng ngừng duyên lự, nghĩ nhớ, phân biệt; khi đó, nếu muốn phân biệt các tướng ấy thì sẽ có trí tướng, trí trong “trí huệ”. Phải đạt tới Thất Địa Bồ Tát thì mới có thể đạt tới trí tướng. Hễ khởi lên, tức là hễ có trí tướng thì sẽ phân biệt, càng phân biệt càng thô! Sự phân biệt ấy lại còn chẳng ngưng dứt, tiếp nối không ngừng. Nó được gọi là “*tương tục tướng*” (相續相, tướng liên tục, tướng tiếp nối). Do liên tục, bèn dấy lên chấp trước. Chấp trước [thứ chi đó] là tốt thì sẽ giữ lấy, chấp trước nó là xấu thì sẽ muốn vứt bỏ. Cái tâm tương tục khởi lên trí tướng và tương tục tướng. Hễ lấy bỏ bèn dấy lên nghiệp, tức là tốt thì lấy, xấu thì bỏ. Bỏ mà bỏ chẳng được, ưa thích mong lấy mà lấy chẳng được. Những điều này đều thuộc về “*thấy, nghe, hay, biết*” phân biệt của ta. Chúng ta nghĩ nhớ, giác ngộ, hiểu rõ, hoặc mong cầu biết, nhưng cái tâm cầu biết ấy có phân biệt, lấy tốt, bỏ xấu. Tâm ấy càng sanh, càng hư vọng, lìa chân thật càng xa. Có thấy thì cũng chẳng thấy được, toan sờ cũng chẳng sờ được. Hiện thời, chúng ta vẫn chưa đạt tới tình huống ấy, nhưng do trong kinh, Phật, Bồ Tát đã dạy, chúng ta biết chính mình dấy lên ý niệm đều là phân biệt, là vọng tâm. Vì quý vị khởi vọng, khởi niệm, niệm lại chấp vào tướng cảnh giới. Ý niệm hễ sanh, sẽ tạo thành tướng cảnh giới hiện tiền. Tướng cảnh giới ấy cũng do nương vào Bản Giác mà có. Nương vào Bản Giác mà có thì là hư vọng, chẳng có tự thể của hư vọng, chẳng thấy được, mà cũng chẳng sờ được. Vì thế, gọi

³³ Ưc hiểu theo nghĩa hiện thời thông dụng tại Hoa Lục, Đài Loan, Nhật Bản và Đại Hàn hiện thời thì Ưc là 100.000.000 (một trăm triệu). Vào thời cổ, Ưc chỉ là một trăm ngàn. Bắt đầu từ thời Hán trở đi, chẳng hạn như theo các điều ghi chép trong Hán Thư, Ưc được coi là một trăm triệu (đôi khi còn gọi là vạn vạn).

là “vọng”. Trong lúc ấy, nó vẫn ở trong tâm, chẳng phải là ngoài tâm. Trong tâm, tự mình sanh ra tướng, tự mình phân biệt, tự mình duyên lự. Địa Tạng Bồ Tát bảo tâm tướng của chúng ta chia thành nội và ngoại. Những điều vừa mới nói trên đây chính là nội tâm tướng. Ngoại tâm tướng có hình dạng như thế nào?

(Kinh) Sở ngôn tâm ngoại tướng giả, vị nhất thiết chư pháp chủng chủng cảnh giới đẳng, tùy hữu sở niệm, cảnh giới hiện tiền. Cố tri hữu nội tâm cập nội tâm sai biệt.

(經)所言心外相者，謂一切諸法種種境界等，隨有所念，境界現前。故知有內心及內心差別。

(Kinh: Nói tới “tâm ngoại tướng” là nói các thứ cảnh giới của hết thảy các pháp đều do có ý niệm, cho nên cảnh giới hiện tiền. Vì thế biết có nội tâm và nội tâm sai biệt).

Nói tới “tâm ngoại tướng” là nói tới tất cả hình tướng được hiện bởi hết thảy các pháp. Đối với tướng cảnh giới bên ngoài, quý vị vừa “niệm”, “niệm” nghĩa là suy nghĩ, vừa suy nghĩ bèn có tướng cảnh giới bên ngoài. Cái niệm trên đây chính là năng duyên (chủ thể để duyên theo một đối tượng nào đó, chẳng hạn cảnh giới bên ngoài). Cái tâm năng duyên bèn duyên theo sở duyên (đối tượng được duyên), [hay nói cách khác], cái tâm năng duyên duyên theo tướng ở bên ngoài cái tâm. “Ngoại tướng” là cảnh giới. Dấy lên chấp trước đối với tướng cảnh giới, đó gọi là “tâm ngoại tướng”. Đã biết sự sai biệt trong nội tâm thì mới do nội tâm mà khởi lên ngoại tướng. Ngoại tướng là duyên phần (tức là đối tượng được duyên bởi cái tâm, hay còn gọi là Tướng Phần). Cái tâm duyên theo tướng (tức Kiến Phần), trong phần trên [nó được gọi] là năng duyên, còn ở đây là nói tỉ mỉ. Đối với hết thảy các pháp, [kinh văn dùng chữ] “hết thảy các pháp” với ý nghĩa nói đại diện. [Hãy nên hiểu] “hết thảy các pháp” chính là “hết thảy các tướng cảnh giới”. Do quý vị chấp trước tướng cảnh giới hiện tiền, nội tâm liền dấy lên sự sai biệt. Do nghiệp tướng, chuyển tướng và hiện tướng trong phần trước còn chưa dấy lên sự sai biệt, kể từ trí tướng, tương tục tướng trở đi, sẽ lập tức dấy lên tướng sai biệt. [Do chấp trước tướng cảnh giới hiện tiền hay không mà nội tâm lại chia thành tâm nội tướng và tâm ngoại tướng, tức là trong nội tâm lại

chia thành hai loại sai biệt, cho nên chánh kinh mới chép “*nội tâm và nội tâm sai biệt*”].

(Kinh) Như thị đương tri nội vọng tướng giả, vi nhân, vi Thể. Ngoại vọng tướng giả, vi quả, vi Dụng. Y như thử đẳng nghĩa, thị cố ngã thuyết: “Nhất thiết chư pháp tất danh vi tâm”.

(經)如是當知內妄相者，爲因爲體。外妄相者爲果爲用。依如此等義，是故我說：「一切諸法悉名爲心」。

(Kinh: Như thế thì hãy nên biết: Nội vọng tướng là nhân, là Thể, còn ngoại vọng tướng là quả, là Dụng. Nương vào các nghĩa như thế, cho nên ta nói: “Hết thảy các pháp đều gọi là tâm”).

Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy chúng ta: Quý vị phải biết vọng tướng (妄相, tướng hư vọng) trong nội tâm của quý vị. Tướng hư vọng trong nội tâm là vọng tướng (妄想) trong nội tâm. Chúng ta thường nói tới vọng tướng; đó là cái nhân, là Thể. Tất cả vọng tướng của chúng ta, từ vọng tướng mà sanh ra rất nhiều sự vật, cho nên nói vọng tướng là tâm, là Thể, nó cũng làm cái nhân cho hết thảy các pháp. Nhân nhất định cảm quả, cảm khổ báo, lạc báo, thọ báo, cảm các thứ duyên sai khác. Do vọng tướng (tướng hư vọng) trong nội tâm mà cảm xúc tướng cảnh giới bên ngoài. Đó gọi là “*vọng tướng toi bờ*”, khởi lên các thứ tác dụng. Nhưng do các thứ tác dụng chẳng lìa khỏi tâm, chúng ta thường nói chuyện này là “*vạn pháp duy tâm*”.

Nếu nói đảo lại, sẽ là “*tâm sanh vạn pháp, vạn pháp sanh từ tâm, vạn pháp lại trở về tâm*”. Tâm sanh ra vạn pháp, làm cái Thể cho vạn pháp. Tướng và Dụng do Thể sanh ra vẫn quy hoàn nhất tâm. Khi sanh khởi thì gọi là nhân, nhân nhất định cảm quả, nhân ắt cảm quả, quả là Thể. Thể nhất định do tâm mà dấy lên tác dụng. Nhân hay quả cũng thế, Thể hay Dụng cũng thế, chỉ do một tâm. Ngoài tâm không có pháp, hết thảy các pháp đều do tâm sanh, trở về cái tâm. Ngoài tâm thì tướng gì cũng đều chẳng có. Do vậy, tâm sanh thì các pháp đều sanh; tâm diệt thì các pháp đều diệt.

Vì thế, chúng ta biết: Tướng hư vọng bên trong là cái nhân sanh khởi của hết thảy các pháp, là cái Thể của hết thảy các pháp, sanh ra vọng tướng ở bên ngoài. Tướng hư vọng của nội tâm sanh ra tướng hư vọng ở bên ngoài, tướng hư vọng ở bên ngoài là Dụng, là Quả. Nhân ắt cảm quả,

Thê ắt có Dụng. Chúng ta nói “*nhân, quả, Thê, Dụng*”, trong ấy bao hàm “*khởi Hoặc, tạo nghiệp*”. Nói tương phản thì nếu chúng ta tu đạo, tiêu diệt Hoặc, chẳng cho nó tạo nghiệp, quy hoàn nghiệp đã tạo về cái tâm. Do chúng ta chẳng thể lý giải ngoại tướng (tướng bên ngoài), đây là tác dụng của mê. Đối với ngoại tướng, quý vị chẳng thể lý giải, chẳng biết ngoại tướng là duy tâm! Vạn pháp duy tâm mà khởi, nhưng chúng ta không biết, chẳng thể lý giải. Do vậy, từ trong tâm nội tướng mà sanh ra tâm ngoại tướng, nội và ngoại hoàn toàn là một tâm. Vì thế, Phật giáo thường nói “*vạn pháp duy tâm*”, nó sanh khởi từ đó!

(Kinh) Hữu phục đương tri tâm ngoại tướng giả, như mộng sở kiến, chủng chủng cảnh giới duy tâm tướng tác, vô thật ngoại sự. Nhất thiết cảnh giới, tất diệt như thị. Dĩ giai y vô minh thức mộng sở kiến, vọng tưởng tác cố. Phục thứ, ưng tri nội tâm, niệm niệm bất trụ cố, sở kiến, sở duyên nhất thiết cảnh giới, diệt tùy tâm, niệm niệm bất trụ. Sở vị tâm sanh cố, chủng chủng pháp sanh. Tâm diệt cố, chủng chủng pháp diệt. Thị sanh diệt tướng, dẫn hữu danh tự, thật bất khả đắc. Dĩ tâm bất vãng chí u cảnh giới, cảnh giới diệt bất lai chí u tâm, như kính trung tượng, vô lai, vô khứ. Thị cố, nhất thiết pháp, cầu sanh diệt định tướng, liễu bất khả đắc. Sở vị nhất thiết pháp tất cánh vô thể, bản lai thường không, thật bất sanh diệt cố.

(經)又復當知心外相者，如夢所見，種種境界唯心想作，無實外事。一切境界，悉亦如是。以皆依無明識夢所見，妄想作故。復次，應知內心，念念不住故，所見所緣一切境界，亦隨心念念不住。所謂心生故，種種法生。心滅故，種種法滅。是生滅相，但有名字，實不可得。以心不往至於境界，境界亦不來至於心，如鏡中像，無來無去。是故，一切法，求生滅定相，了不可得。所謂一切法畢竟無體，本來常空，實不生滅故。

(Kinh: Lại nữa, hãy nên biết: “Tâm ngoại tướng” là như những gì thấy trong mộng. Các thứ cảnh giới chỉ do tâm tướng tạo ra, chẳng có sự việc thật sự ở bên ngoài. Hết thấy cảnh giới cũng đều như thế, do đều

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

nương theo vô minh và thức như thấy trong mộng, do vọng tưởng tạo ra. Lại nữa, hãy nên biết nội tâm trong mỗi niệm cũng đều chẳng trụ, hết thấy cảnh giới được thấy hoặc được duyên cũng thuận theo cái tâm mà niệm nào cũng đều chẳng trụ. Điều này được diễn tả là “do tâm sanh nên các pháp sanh, do tâm diệt nên các pháp diệt”, là tướng sanh diệt, chỉ có danh tự, thật sự chẳng thể được. Do tâm chẳng đến cảnh giới, cảnh giới cũng chẳng đến cái tâm, như hình tượng trong gương, chẳng đến, chẳng đi. Vì thế, đối với hết thấy các pháp mà cầu tìm cái tướng nhất định của sự sanh diệt, sẽ trọn chẳng thể được. Đó gọi là hết thấy các pháp rốt cuộc chẳng có bản thể, do vốn là thường không, thật sự chẳng sanh diệt).

Địa Tạng Bồ Tát lại nêu một tỷ dụ để giảng tâm ngoại tướng là gì? Như chúng ta nằm mộng, trông thấy các thứ cảnh giới, đó là do quý vị tưởng thành. Tức là do sự tư duy trong nội tâm mà tưởng thành, hoặc là tất cả sự vật bên ngoài lại in bóng dáng vào tâm, đều do tâm khởi. Vì thế, ngoài tâm chẳng có pháp, hết thấy duy tâm. Phật giáo nói “*hết thấy duy tâm*” là nói như thế đó. Vì hết thấy chúng sanh đối với ngoại tướng (tướng bên ngoài) đều mê, chẳng lý giải, chẳng biết tướng bên ngoài là do Tâm Sở sanh ra. Vì thế, Địa Tạng Bồ Tát bảo chúng ta: Hết thấy các tướng cảnh giới đều là như thế, đều chỉ là do tâm tưởng tạo tác, chẳng có hết thấy [cảnh giới] bên ngoài, đều do nội tâm dấy lên. Nói theo phía chúng ta, hết thấy các tướng cảnh giới đều do vô minh khởi. Nếu chúng ta chẳng lý giải vô minh, giống như chúng ta nằm mộng, ba tướng Nghiệp, Chuyển, Hiện là tế tướng, còn trí tướng, tương tục tướng được gọi là Thức, giống như chúng ta nói đến tri thức, thì Tri là bản thể, Thức là tác dụng. Khi đó, sẽ nắm giữ rất nhiều phân biệt. Vì thế, đây là duyên khởi của tâm pháp. Tâm duyên khởi pháp là hết thấy các tướng do tâm của chúng ta duyên niệm mà dấy lên. Chúng ta biết tất cả hết thấy các tướng cảnh giới duyên khởi trọn chẳng phải là chân thật, do tâm sanh. “*Sanh*” là do tâm sanh, “*diệt*” cũng là do tâm diệt. Tâm sanh thì các pháp sanh, do tâm diệt thì các pháp diệt.

Vấn đề này chỉ được nói đại khái trong phần trước như thế, Địa Tạng Vương Bồ Tát lại giải thích vấn đề này. Do vậy, hãy nên biết: Cái tâm của chúng ta, niệm nào cũng chẳng trụ, chẳng có lúc ngưng nghỉ. Niệm nào cũng chẳng trụ thì nói cách khác sẽ là “*niệm nào cũng chẳng ngưng*”. Chẳng hạn như khi chúng ta ngủ, khi chẳng dụng tâm, tâm ta vẫn hoạt động y hệt, hoàn toàn chẳng ngưng. Sự diễn biến này do chính quý vị tạo tác. Cái tâm nằm mộng chẳng ngưng, vọng tâm duyên theo vọng cảnh.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Nội tâm của quý vị niệm niệm chẳng trụ, hết thấy tâm cảnh mà quý vị trông thấy, duyên tướng, và tu tập đều chẳng ngừng trong mỗi niệm. Vì thế, Phật giáo nói: “*Tâm sanh, các pháp sanh. Tâm diệt, các pháp diệt*”. Chúng ta nói “*vạn pháp duy tâm*” như thế đó, nhưng đạo lý này được gọi là “*tâm sanh diệt môn*”. Đại Thừa Khởi Tín Luận nói “*nhất tâm, tam đại, nhị môn*”, thì là hai môn nào vậy? Tâm sanh diệt môn và tâm Chân Như môn. Vì nếu nói tới tướng sanh diệt thì tướng sanh diệt chẳng có thật thể, chỉ có danh tự, chỉ là tên gọi mà thôi. Nếu quý vị tìm cái thật thể thì nó chẳng có, thật sự chẳng thể được!

Trong đoạn kinh văn này, Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Phải nên biết nội tâm của quý vị niệm niệm chẳng trụ. Những gì quý vị trông thấy chính là nội tâm trông thấy, duyên theo hết thấy tướng cảnh giới bên ngoài. Tướng cảnh giới ấy cũng do cái tâm của quý vị dậy lên. Nội tâm dậy lên tướng cảnh giới, nội tâm duyên theo tướng cảnh giới của chính mình, niệm niệm chẳng trụ. Xét theo nghĩa lý, Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Hễ quý vị sanh tâm thì các thứ pháp bèn sanh. Quý vị chẳng sanh tâm, các thứ pháp bèn diệt. Nhưng các thứ pháp và sự sanh diệt ấy chỉ có giả danh. Quý vị tìm thứ gì thật sự tồn tại [trong các thứ pháp và sự sanh diệt ấy], sẽ chẳng tìm được, chẳng có vật gì thật sự tồn tại, chúng là giả danh mà thôi! Do vậy, tâm quý vị đừng nên trụ nơi tướng cảnh giới. Tâm chẳng trụ nơi tướng cảnh giới mà hết thấy tướng cảnh giới bên ngoài cũng chẳng đến cái tâm của quý vị. Do đạo lý này rất khó hiểu, cho nên Địa Tạng Bồ Tát nêu ra một thí dụ. Chẳng hạn như quý vị soi gương, tướng trong gương là thật hay giả? Trong gương có tướng hay không? Chẳng có! Khi quý vị chẳng soi, trong gương chẳng có tướng. Chẳng đến, chẳng đi! Trong hết thấy các pháp, tìm một cái tướng nhất định của sự sanh diệt, chúng ta tìm một tướng nhất định, thứ gì sẽ là tướng nhất định của sự sanh diệt? Đã thuộc loại sanh diệt, sẽ chẳng có tướng nhất định để có thể nói được! Chỉ có danh tự, thật sự là chẳng thể được, chẳng đạt được cái chân thật. Tâm chúng ta chẳng trụ nơi tướng cảnh giới, tướng cảnh giới cũng chẳng đến nơi tâm. Vì vậy, dùng hình tướng trong gương như thế để hình dung. Tướng cũng chẳng đến trong gương, mà gương vốn cũng chẳng thể sanh tướng. Quý vị soi gương, còn có gì đến đi hay không? Chẳng có! Vì thế, nếu muốn thật sự cầu tìm cái tướng sanh diệt trong hết thấy các pháp, tìm một tướng nhất định của sự sanh diệt, nó sanh khởi như thế nào, diệt như thế nào, sẽ chẳng thể được. Vì sao chẳng thể được? Hết thấy các pháp rốt ráo chẳng có bản thể. Thể của chúng nó là

Không, thường Không. Đã là Không, há còn có sanh diệt ư? Trong Không cũng chẳng có sanh diệt.

(Kinh) Như thị nhất thiết pháp thật bất sanh diệt giả, tắc vô nhất thiết cảnh giới sai biệt chi tướng, tịch tĩnh nhất vị, danh vi Chân Như Đệ Nhất Nghĩa Đế tự tánh thanh tịnh tâm. Bỉ tự tánh thanh tịnh tâm trạm nhiên viên mãn, dĩ vô phân biệt tướng cố.

(經)如是一切法實不生滅者，則無一切境界差別之相，寂靜一味，名爲真如第一義諦自性清淨心。彼自性清淨心湛然圓滿，以無分別相故。

(Kinh: Hết thấy các pháp như thế thật sự chẳng sanh diệt, cho nên không có hết thấy tướng cảnh giới sai biệt, tịch tĩnh một vị, gọi là Chân Như Đệ Nhất Nghĩa Đế tự tánh thanh tịnh tâm. Cái tâm tự tánh thanh tịnh ấy trong trẻo, viên mãn, vì chẳng có tướng phân biệt).

Đoạn này nói về “không sanh diệt”. Sanh diệt là tâm, chẳng phải là pháp. Do tâm sanh, nên các pháp sanh; do tâm diệt nên các pháp diệt. Khi chúng tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, giảng điều này cũng rất ngắn, cũng nói đại lược như vậy thôi! Vì bậc đương cơ trong khi ấy là Kiên Tịnh Tín Bồ Tát. Địa Tạng Vương Bồ Tát nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát, Ngài nói như vậy, đương nhiên biết Kiên Tịnh Tín Bồ Tát nhất định có thể lý giải; nhưng bọn chúng sanh chúng ta muốn học thâm nhập, sẽ chẳng thể tiến nhập trong một thời gian ngắn ngủi được! Từ ngôn ngữ cho tới sự tư duy trong nội tâm, quý vị nhờ vào sự tu chứng để chứng thực, quan sát tất cả sự sanh diệt trong tâm quý vị, [quan sát] khởi tâm động niệm trong suốt một ngày, chúng ta cho rằng tâm lại sanh khởi rồi lại diệt. Sanh cũng là tâm, mà diệt cũng là tâm. Chúng ta gọi đó là “*tư tướng*”, thường thích nói tới vấn đề tư tướng. Vấn đề tư tướng là vấn đề sanh diệt, vấn đề sanh diệt chẳng có tướng sanh diệt. Trên thực tế, tướng sai biệt của tất cả hết thấy cảnh giới bên ngoài đều chẳng có, là tịch tĩnh. Cái tự tánh tâm ấy chẳng có tự tánh, được đặt tên là “*Chân Như Đệ Nhất Nghĩa Đế tự tánh thanh tịnh tâm*”, bản tánh thanh tịnh, trong lặng, viên mãn, chẳng dấy lên phân biệt.

(Kinh) Vô phân biệt tướng giả, ư nhất thiết xứ, vô sở bất tại. Vô sở bất tại giả, dĩ năng y trì, kiến lập nhất thiết pháp cố.

(經)無分別相者，於一切處，無所不在。無所不在者，以能依持，建立一切法故。

(Kinh: “Tướng chẳng phân biệt” trong hết thấy mọi nơi, không đâu chẳng hiện diện. “Không đâu chẳng tồn tại” là vì nó có thể nương giữ, tạo lập hết thấy các pháp).

Vì hết thấy các pháp vốn chẳng có, là bất sanh, bất diệt. “Chẳng có sanh diệt” tức là [hết thấy các pháp] chẳng có. Đã chẳng có tướng sanh diệt, làm sao có hết thấy các pháp? Nhưng trong cảnh giới có sai biệt, trong sự sai biệt ấy, tướng sẽ quy vào Thể, tướng quy vào tánh. Tướng cảnh giới sai biệt sẽ chẳng có đến, mà cũng chẳng có đi. Địa Tạng Bồ Tát nêu ra [thí dụ] tướng trong gương; quý vị nói xem, trong gương có tướng hay không? Chẳng có. Khi người ta không soi vào gương, trong gương có tướng hay không? Không chỉ nói riêng về người, mà ngay cả hết thấy các tướng cảnh giới trong gương đều chẳng có. Bản thể của tướng chẳng có sai biệt, vì sao? Rõng không! Chẳng thật sự có, mà cũng là một vị, chẳng phân biệt tướng. Cái tâm của hết thấy bọn chúng sanh chúng ta là cái tâm thanh tịnh, nơi phàm phu chẳng giảm, tại chư Phật và thánh nhân cũng chẳng tăng thêm. Cái tâm ấy là bình đẳng, nơi phàm phu chẳng giảm, tại thánh không tăng, mà cũng chẳng có tướng đến đi, vô tướng! Nhưng cái tâm ấy trọn khắp, giống như hư không, nương giữ nó thì sẽ có thể kiến lập hết thấy các pháp.

“Tướng” ấy là nói tới tướng nào vậy? Tâm tướng. Trong phần trước, Địa Tạng Vương Bồ Tát đã giảng cái tâm cho Kiên Tịnh Tín Bồ Tát, giải thích cái tâm có hình dạng gì, giải thích tướng của cái tâm ấy. Tướng ấy vẫn là tâm, chẳng có hình dạng chi hết. Bất quá, ở đây nói rất đại lược, vì Địa Tạng Bồ Tát chẳng nói với bọn đại chúng chúng ta, mà nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát, nói rất sâu, nhưng đi vào chi tiết thì rất sơ lược. Chúng ta thường nói theo giáo lý, hoặc là dựa trên tứ giáo, hoặc nương theo ngũ giáo, hoặc nương theo Duy Thức, sẽ nói rất nhiều, từ thô thiển tiến đến thâm nhập. Ở đây nói bản tâm thanh tịnh chẳng có phân biệt. Chẳng có phân biệt, há còn có luân tướng mộc luân ư? Nửa bộ đầu [của kinh này] nói về hết thấy phàm phu, nửa bộ sau nói về hết thấy thánh nhân. Quý vị muốn tiến nhập pháp này, ắt cần phải tiêu trừ nghiệp chướng. Do đó, trước hết khiến cho quý vị sám hối tội lỗi. Tội tiêu rồi mới có thể học tập pháp môn duy tâm. Nửa bộ sau là pháp môn duy tâm,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chỉ nói về cái tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh có hình dạng như thế nào? Chẳng có phân biệt, trọn khắp hết thảy mọi nơi. Chỗ nào cũng đều có tâm, nương vào đó, có thể kiến lập hết thảy các pháp.

Vạn pháp duy tâm, đó là nói “*tâm sanh ra vạn pháp*”. Cái tâm thanh tịnh ấy viên mãn, chẳng phân biệt, chẳng hai, chẳng khác với Phật. Phật là tu hành, còn chúng ta là sẵn có. Nếu chúng ta chẳng vốn sẵn có cái tâm thanh tịnh ấy, dầu quý vị tu thế nào đi nữa, vẫn chẳng thể tu thành Phật được! Quý vị nhặt vài cục đá, đem nấu thành cơm, sẽ chẳng làm được. Đá vẫn là đá, đá không thể biến thành gạo. Cái tâm thanh tịnh chỉ có một Thể. Hết thảy các thiện pháp nương vào cái tâm thanh tịnh mà kiến lập; hết thảy ác pháp cũng nương vào cái tâm thanh tịnh mà kiến lập. Tâm chẳng có thiện hay ác. Nếu có tánh chất quyết định, quý vị sẽ chẳng thể đoạn ác được, tu thiện sẽ chẳng tu thành tựu được! Do nó chẳng phải là quyết định, hãy nhận thức cái tâm của chúng ta như thế. Đương nhiên là quý vị phải hiểu rõ điều này! Quý vị cũng chẳng biết dùng Chiêm Sát Luân, dùng Chiêm Sát Luân nhằm hiển hiện. Bởi lẽ, trong Phật pháp giới đều là diệu dụng. Phật lợi ích chúng sanh toàn là Dụng, từ nơi Dụng mà hiển tướng, hiển tâm. Phật có vô cùng vô tận diệu dụng, các vị đại Bồ Tát cũng có vô cùng diệu dụng. Từ Dụng mà hiển hiện cái tâm, phàm phu từ Thể mà minh tâm.

(Kinh) Phục thứ, bỉ tâm danh Như Lai Tạng. Sở vị cụ túc vô lượng vô biên bất khả tư nghị vô lậu thanh tịnh công đức chi nghiệp.

(經)復次，彼心名如來藏。所謂具足無量無邊不可思議無漏清淨功德之業。

(Kinh: Lại nữa, cái tâm ấy gọi là Như Lai Tạng, ý nói: Nó trọn đủ vô lượng vô biên nghiệp công đức thanh tịnh vô lậu chẳng thể nghĩ bàn).

Do đó, cái tâm này được gọi là Như Lai Tạng, trọn đủ vô lượng vô biên nghiệp công đức thanh tịnh vô lậu, chẳng thể nghĩ bàn. Ở đây, thêm vào chữ Nghiệp. Nghiệp có nghĩa là “*tác dụng*”, thể hiện ý nghĩa “*tác dụng là tu hành nhằm hiển hiện*”. Do vì như vậy, quý vị mới có thể trọn đủ. Nếu chẳng phải là vốn sẵn có, dầu quý vị có tu, vẫn tu chẳng thành. Như trong thí dụ tôi vừa mới nêu, quý vị nấu đá mà mong nó thành cơm, sẽ chẳng làm được! Vì nó (cái tâm) sẵn có, cho nên nó có thể làm được. Cái tâm ấy được gọi là Như Lai Tạng. Như Lai Tạng được giải thích là Chân Như. Vì sao gọi là Như Lai Tạng, chẳng gọi là Chân Như? Vì có hai

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

loại ý nghĩa bao hàm trong ấy. Do Chân Như đã ở trong phiền não, nên gọi là Như Lai Tạng. Ý nghĩa này được Đại Thừa Khởi Tín Luận nói như vậy, mà kinh Hoa Nghiêm cũng nói như vậy. Như Lai Tạng là Chân Như nơi phàm phu thì được gọi là Như Lai Tạng. Nếu Chân Như trừ bỏ phiền não chứa đựng trong ấy ra, sẽ chẳng có phiền não, bèn gọi là Pháp Thân. Pháp Thân là thanh tịnh.

“*Phục thứ, bỉ tâm danh Như Lai Tạng*” (Lại nữa, cái tâm ấy được gọi là Như Lai Tạng): Cái tâm ấy chính là một niệm tâm hiện tiền của hết thảy chúng sanh. Một niệm tâm hiện tiền của mỗi vị đạo hữu chúng ta đều trọn đủ Như Lai Tạng tánh, là cái Thể của một niệm tâm chúng ta. Cái Thể của một niệm tâm trong hiện tiền trọn đủ và chứa đựng vô lượng công đức nghiệp dụng, ai nấy đều có thể tu thành Phật. Do ai nấy đều có Như Lai Tạng Tánh, cho nên có thể tu thành Phật. Nếu quý vị chẳng có [Như Lai Tạng Tánh], sẽ tuyệt đối chẳng thể tu thành tựu. Vì cái tâm hiện tiền của chúng sanh trọn đủ vô lượng vô biên nghiệp công đức. Quý vị trọn đủ vô lượng nghiệp công đức trong hiện tiền, cho nên cái tâm ấy được gọi là Như Lai Tạng. Cái tâm ấy bình đẳng với cái tâm của bậc đã thành tựu. Bậc đã tu thành tựu là chư Phật đã chứng đắc Pháp Thân ấy, còn chúng sanh mê muội Pháp Thân ấy. Nếu chúng sanh cũng ngộ thì sao? Chúng sanh đã ngộ thì sẽ chẳng gọi là chúng sanh nữa, mà là Phật. Đó là nói đến duyên khởi. Duyên khởi chính là tu, duyên khởi là Như Lai đã tu hết thảy, đã hành rồi chứng quả, trọn đủ công đức có tánh chất vô lậu. Hết thảy công đức chẳng thể nghĩ bàn của Như Lai vì sao mà có? Do hành mà có. Công đức của Như Lai là do hành (tu hành) mà có, do tu hành mà chứng đắc.

Giả sử chẳng có nghĩa Không, tức là chẳng có đạo lý nghĩa Không này, công đức sẽ chẳng thể kiến lập được! Kiến lập ở chỗ nào? Vì nương vào Chân Không mà kiến lập Diệu Hữu, chứa đựng “*Chân Không chẳng phải không, Diệu Hữu chẳng phải có*”. Diệu Hữu chẳng phải là thật sự có, Chân Không chẳng phải là không. Nó trọn đủ công đức có tánh chất vô lậu. Diệu Hữu phi hữu tức là Chân Không!

(Kinh) Dĩ chư Phật Pháp Thân, tòng vô tử bổn tế lai, vô chương, vô ngại, tự tại bất diệt. Nhất thiết hiện hóa chủng chủng công nghiệp, hằng thường xí nhiên, vị tằng hư tức. Sở vị biến nhất thiết thế giới giai thị tác nghiệp chủng chủng hóa ích cố. Dĩ nhất Phật thân tức thị nhất thiết chư Phật thân, nhất thiết chư Phật thân tức thị nhất Phật thân. Sở hữu tác nghiệp diệt giai cộng nhất. Sở vị vô phân biệt tướng,

bất niệm bỉ thử, bình đẳng vô nhị. Dĩ y nhất pháp tánh, nhi hữu tác nghiệp, đồng tự nhiên hóa, Thể vô biệt dị cố.

(經)以諸佛法身，從無始本際來無障無礙，自在不滅。一切現化種種功業，恆常熾然，未曾休息。所謂遍一切世界皆示作業種種化益故。以一佛身即是一切諸佛身，一切諸佛身即是一佛身。所有作業亦皆共一。所謂無分別相，不念彼此，平等無二。以依一法性，而有作業，同自然化，體無別異故。

(Kinh: Do Pháp Thân của chư Phật từ cội gốc vô thi tới nay chẳng chướng, chẳng ngại, tự tại bất diệt. Hết thấy các thứ công nghiệp hiện hóa thường luôn hưng hực, chưa từng ngưng dứt. Đó gọi là trong trọn khắp hết thấy các thế giới đều thị hiện thực hiện đủ loại hóa độ, tạo lợi ích. Do thân của một vị Phật chính là thân của hết thấy chư Phật, thân của hết thấy chư Phật chính là thân của một vị Phật. Tất cả các nghiệp đã làm cũng đều cùng là một. Tức là chẳng có tướng phân biệt, chẳng nghĩ là đây hay kia, bình đẳng, bất nhị. Do nương vào một pháp tánh mà có nghiệp tạo tác, giống như tự nhiên hóa ra, vì cái Thể chẳng khác biệt).

Quý vị vừa xem đoạn kinh văn này, sẽ cảm thấy rất nhiều chỗ chẳng thể lý giải, chẳng thể tiến nhập được. Bởi lẽ, nghĩa lý trong đoạn kinh văn này đều nhằm hiển tánh, chỉ rõ tâm thể của chúng ta, nói theo Lý. Tiến nhập từ lý tánh rất khó, cho nên phải mượn sự tương đề tỷ dụ, nhờ vào tập quán sanh hoạt của chúng ta để ẩn chứng. Nếu quý vị đem các vấn đề này áp dụng vào cuộc sống để lý giải, quý vị sẽ dần dần có thể ẩn nhập. Ở nơi Thể thì từ vô thi đến nay, hết thấy chúng sanh và mười phương hết thấy chư Phật chẳng hai, chẳng khác, đó là bản thể. Nói theo Lý, vốn chẳng có chướng ngại. Bản thân cái Thể chẳng có sanh diệt, nhưng Tướng và Dụng thì khác hẳn. Trong ấy, chứa đựng cái nghiệp, Thể tuy là như thế, Tướng và Dụng thì khác. Vì sao chẳng giống nhau? Đây là nói tới vô ngã. Chúng sanh ngược ngạo mê mất, tức mê mất cái Thể; do mê cái Thể liền biến hóa, cho nên Dụng sẽ khác biệt. Thể tuy đồng, Dụng có sai biệt. Đối với đạo lý này, nói theo các hiện tượng trong cuộc sống, thì chúng ta đều là người, nhưng ai nấy khác biệt to lớn. Loài người có

các chủng loại trắng, đen, vàng, còn có da đỏ; đó là sự bất đồng, nhưng thân thể đều là người, nhân tánh giống như nhau. Tuy chúng ta và Phật chẳng hai, chẳng khác, nhưng vì chấp trước, hết thấy chúng sanh có Nhân Ngũ Chấp, Pháp Ngũ Chấp, và vô minh chướng, đó là sự bất đồng. Các nghiệp cũng trọn khắp hết thấy mọi nơi, trọn khắp hết thấy mọi lúc, chúng sanh và chư Phật khác nhau, đó là báo hóa khác nhau. Chư Phật là “*tu thành*”, tức đã tu công đức thành tựu, khôi phục Pháp Thân vốn có, cho nên xét theo Tu Đức [giữa Phật] và chúng sanh sẽ khác biệt. Đã tu viên mãn, tu đến mức không còn có gì để tu, mới biết “*vẫn chỉ là khôi phục cái vốn sẵn có*”. Sự nghiệp hóa độ chúng sanh của mười phương hết thấy chư Phật đều là độ chúng sanh thành Phật, nhưng nghiệp dụng khác nhau. A Di Đà Phật thị hiện thế giới Cực Lạc để độ chúng sanh, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thế giới Sa Bà để hóa độ chúng sanh. Đó là chỗ khác biệt.

(Kinh) Như thị chư Phật Pháp Thân biến nhất thiết xứ, viên mãn bất động cố, tùy chư chúng sanh tử thử, sanh tử, hằng vi tác y.

(經)如是諸佛法身遍一切處，圓滿不動故，隨諸衆生死此生彼，恆爲作依。

(Kinh: Pháp Thân của chư Phật như thể trọn khắp hết thấy mọi nơi, do viên mãn bất động, thuận theo các chúng sanh chết đây, sanh kia, luôn làm chỗ nương về).

Pháp Thân của chư Phật đều như nhau, cũng đều trọn hết thấy mọi nơi, đều là “*Phật Phật đạo đồng, viên mãn bất động*”. Nhưng các Ngài có thể thuận theo duyên của chúng sanh. Mỗi vị Phật độ mỗi loại chúng sanh đều tùy thuận cái duyên của chúng sanh. Pháp Thân của chư Phật Như Lai trọn khắp hết thấy mọi nơi. Mười pháp giới đều có trọn đủ Phật, cho tới địa ngục đạo cũng trọn đủ Phật Tánh. Đó gọi là “*Như Lai tùy chúng sanh*”, nhưng chúng sanh lại học Phật bèn dần dần chuyển hóa. Chúng sanh học Phật cũng có thể thành Phật. Đó là “*lưu chuyển*”. Hết thấy chư Phật và chúng sanh chẳng rời nhau, có cùng một thể tánh. Thể tánh chẳng tách rời, chư Phật thường luôn làm chỗ nương cậy cho chúng sanh, chúng sanh nương theo pháp do đức Phật đã dạy bèn có thể thành đạo.

(Kinh) Thí như hư không tất năng dung thọ nhất thiết sắc tướng, chủng chủng hình loại. Dĩ nhất thiết sắc tướng, chủng chủng hình loại,

giai y hư không, nhi hữu kiến lập sanh trưởng, trụ hư không trung, vị hư không xứ sở nhiếp. Dĩ hư không vi Thể, vô hữu năng xuất hư không giới phần giả. Đương tri: Sắc tướng chi trung, hư không chi giới bất khả hủy diệt. Sắc tướng hoại thời, hoàn quy hư không, nhi hư không bốn giới vô tăng, vô giảm, bất động, bất biến.

(經)譬如虛空悉能容受一切色相，種種形類。以一切色相，種種形類，皆依虛空，而有建立生長，住虛空中，為虛空處所攝。以虛空為體，無有能出虛空界分者。當知：色相之中，虛空之界不可毀滅。色相壞時，還歸虛空，而虛空本界無增無減，不動不變。

(Kinh: Ví như hư không đều có thể dung chứa hết thảy sắc tướng, các thứ hình loại. Do hết thảy sắc tướng, các thứ hình loại đều nương vào hư không mà có kiến lập, sanh trưởng, trụ trong hư không, được gồm thâu trong hư không xứ. Do hư không làm Thể, chẳng pháp nào có thể vượt ra ngoài hư không giới. Hãy nên biết: Trong các sắc tướng, hư không giới chẳng thể hủy diệt. Khi sắc tướng hoại, trở về hư không, nhưng giới hạn vốn có của hư không chẳng tăng, chẳng giảm, bất động, bất biến).

Đối với đạo lý này, Địa Tạng Vương Bồ Tát nêu ra một tỷ dụ. Ví như hư không có thể chứa đựng hết thảy sắc tướng, các thứ hình loại. Hư không chứa đựng hết thảy, sắc tướng gì cũng đều có thể hiện. Hết thảy sắc tướng khác nhau, các thứ hình loại, còn bao gồm hết thảy chúng sanh, súc sanh, cũng như những thứ vô tình như núi, sông, đại địa, chẳng sót một thứ nào! Nhưng chúng có thể tách lìa hư không hay chẳng? Bất luận thứ gì sanh trưởng đều chẳng lìa khỏi hư không, đều cùng ở trong hư không. Hư không là Tổng, hết thảy các thứ hình tướng là Biệt. Cái Biệt ấy đều ở trong hư không, được hư không thâu nhiếp. Hư không là cái Thể của hết thảy vật chất, chúng nương vào hư không mà kiến lập, chẳng có sự vật nào có thể rời khỏi hư không để ở riêng một chỗ, chẳng thể được! Ngoài hư không ra, chẳng có chỗ nào để quý vị có thể trụ. Hết thảy sắc tướng ở trong hư không. Hư không vĩnh viễn chẳng bị hủy diệt; hết thảy sắc tướng tùy thời biến hóa. Hết thảy các thứ có hình tướng khi tiêu mất, sẽ trở về hư không. Khi quả địa cầu tiêu mất, bị hủy diệt, sẽ biến thành các hạt bụi

vi tế, các hạt bụi vi tế lại trở vào hư không. Hư không có bị hủy diệt hay không? Hư không vĩnh viễn chẳng bị hủy diệt. Hết thấy các sự vật sanh trưởng và hủy diệt, sanh trưởng thì sanh trong hư không, hủy diệt thì vẫn ở trong hư không. Nơi hư không chẳng tăng, chẳng giảm, bất động, bất biến. Đó là dùng hư không để tỷ dụ. Hư không là cái Thể của hết thấy chúng sanh, mà cũng là dùng hư không để hình dung Pháp Thân của chư Phật.

(Kinh) Chư Phật Pháp Thân diệc phục như thị, tất năng dung thọ nhất thiết chúng sanh chủng chủng quả báo. Dĩ nhất thiết chúng sanh chủng chủng quả báo, giai y chư Phật Pháp Thân nhi hữu kiến lập, sanh trưởng, trụ Pháp Thân trung, vị Pháp Thân xứ sở nhiếp. Dĩ Pháp Thân vi Thể, vô hữu năng xuất Pháp Thân giới phần giả. Đương tri: Nhất thiết chúng sanh thân trung, chư Phật Pháp Thân diệc bất khả hủy diệt. Nhược phiền não đoạn hoại thời, hoàn quy Pháp Thân, nhi Pháp Thân bốn giới vô tăng, vô giảm, bất động, bất biến.

(經)諸佛法身亦復如是，悉能容受一切衆生種種果報。

以一切衆生種種果報，皆依諸佛法身而有建立生長，住法身中，爲法身處所攝。以法身爲體，無有能出法身界分者。當知：一切衆生身中，諸佛法身亦不可毀滅。若煩惱斷壞時，還歸法身，而法身本界無增無減，不動不變。

(Kinh: Pháp Thân của chư Phật cũng giống như thế, đều có thể dung nạp các thứ quả báo của hết thấy chúng sanh. Do các thứ quả báo của hết thấy chúng sanh đều nương vào Pháp Thân của chư Phật để kiến lập, sanh trưởng, trụ trong Pháp Thân, được Pháp Thân xứ sở nhiếp. Lấy Pháp Thân làm thể, chẳng có gì có thể ra khỏi giới hạn của Pháp Thân. Hãy nên biết: Trong thân của hết thấy chúng sanh, Pháp Thân của chư Phật cũng chẳng thể hủy diệt. Nếu khi đoạn hoại phiền não, sẽ trở về Pháp Thân, nhưng phạm vi của Pháp Thân chẳng tăng, chẳng giảm, bất động, bất biến).

Pháp Thân của chư Phật cũng giống như thế, giống như hư không có thể chứa các thứ quả báo của hết thấy chúng sanh. Do quý vị tạo rất nhiều nhân, nhân nhất định cảm quả. Chúng sanh hứng chịu các thứ, các

loại quả báo bất đồng. Quả báo của hết thảy chúng sanh nương vào đâu mà có? Quả báo của hết thảy chúng sanh đều nương vào Pháp Thân của chư Phật để kiến lập, sanh trưởng. Pháp Thân của chư Phật chính là Pháp Thân của chúng sanh. Pháp Thân của chúng sanh chính là Pháp Thân của chư Phật. Quả báo của chúng sanh chính là Pháp Thân của chư Phật. Pháp Thân của chư Phật thâm nhiếp hết thảy chúng sanh. Cái Thể của Pháp Thân nơi hết thảy chúng sanh và Pháp Thân của chư Phật chẳng hai, chẳng khác. Chẳng có chúng sanh nào ra khỏi pháp giới thân, đều thuộc trong pháp giới. Chẳng phải là chúng ta nói “*vạn pháp duy tâm*” đó ư? “*Pháp*” là nói đến tâm, pháp chính là tâm. Tâm chính là pháp. Tâm sanh thì các thứ pháp sanh; tâm diệt thì các thứ pháp diệt, đều thuộc Pháp Thân thâm nhiếp, chẳng có gì ra khỏi giới hạn của Pháp Thân. Hãy nên biết, đây là Địa Tạng Vương Bồ Tát nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Phải biết trong thân của hết thảy chúng sanh, Pháp Thân của chư Phật chẳng thể hủy diệt. Tâm của hết thảy chúng sanh vĩnh viễn chẳng bị hủy diệt. Giả sử chúng sanh chẳng có hết thảy phiền não, sau khi đã đoạn vô minh phiền não, cũng trở về Pháp Thân của Phật. Pháp Thân là chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng như, chẳng sạch, chẳng thay đổi, chẳng động. Đây gọi là Pháp Thân.

Đó là nhờ vào hư không để tỷ dụ Pháp Thân của chư Phật, tỷ dụ gì vậy? Tỷ dụ quả báo hiện tiền của chúng ta. Quả báo hiện tại của chúng sanh khác nhau như vậy, mỗi người có quả báo riêng của người ấy. “*Chúng sanh*” ở đây không chỉ bao gồm nhân loại, mà bao gồm cả súc sanh loại, [hay nói rộng hơn] là các loài hữu tình đều là chúng sanh. Nói theo hàm nghĩa này, thân chúng sanh chính là Pháp Thân của chư Phật. Pháp Thân của chư Phật chứa đựng Pháp Thân của hết thảy chúng sanh. Do vậy, phiền não của chúng sanh đã hết, lại trở về bản thể của Pháp Thân. Đó cũng là chư Phật. Bản thân Pháp Thân chẳng tăng, chẳng giảm, bất sanh, bất diệt. Chúng sanh đã ngộ, bèn khôi phục Pháp Thân. Có câu nói như thế này: “*Đả đắc vọng tưởng tử, hứa nhữ Pháp Thân hoạt*” (Đánh chết sạch vọng tưởng, cho Pháp Thân được sống). Nếu quý vị chẳng có các phân biệt hư vọng, tự nhiên sẽ khôi phục Pháp Thân của chính mình. Pháp Thân bất sanh, bất diệt, chẳng hai, chẳng khác với chư Phật. Lục phạm pháp giới, tức trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, [A Tu La], và tứ thánh pháp giới là Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, cả mười pháp giới chỉ có một tâm này. Tứ thánh là ngộ, do mức độ ngộ sai khác, nên chia thành bốn pháp giới, bốn loại hình tướng. Lục phạm là mê, lục phạm pháp giới mê khác nhau. Pháp Thân tại phạm phu chẳng hề

giảm bớt, nơi Phật cũng chẳng tăng thêm. Pháp Thân vĩnh viễn bất động, bất hoại, chẳng tăng, chẳng giảm như thế. Trong phần trước, tôi đã nói về ý nghĩa của hư không để hình dung Pháp Thân, tức là dùng hư không sánh ví Pháp Thân. Chỉ có mê hay ngộ sai khác. Trừ khử vô minh, thì chẳng phải là hết thấy phàm phu nữa. Đoạn trừ vô minh, sẽ trở thành hết thấy thánh nhân; đoạn rốt ráo bèn thành Phật.

(Kinh) Đản tùng vô thị thể lai, dữ vô minh tâm câu, si ám nhân duyên huân tập lực cố, hiện vọng cảnh giới. Dĩ y vọng cảnh giới huân tập nhân duyên cố, khởi vọng tương ứng tâm, kế ngã, ngã sở, tạo tập chư nghiệp, thọ sanh tử khổ, thuyết bỉ Pháp Thân, danh vi chúng sanh.

(經)但從無始世來，與無明心俱，癡暗因緣熏習力故，現妄境界。以依妄境界熏習因緣故，起妄相應心，計我我所，造集諸業，受生死苦，說彼法身，名爲衆生。

(Kinh: Chỉ do từ đời vô thị tới nay, đã chung đưng với cái tâm vô minh, do sức nhân duyên si ám huân tập, hiện ra cảnh giới hư vọng. Do nhân duyên nương vào cảnh giới hư vọng huân tập, dấy lên cái tâm tương ứng với vọng, so đo ngã và ngã sở (cái thuộc về ta), tạo tập các nghiệp, chịu khổ sanh tử, cho nên gọi Pháp Thân ấy là chúng sanh).

Đoạn này nói cái tâm vô minh của quý vị đã sanh, tức là nghiệp đã dấy lên, bèn tạo nghiệp. Nương theo cái chân tâm sáng suốt, thanh tịnh, vô nhiễm mà chính mình sẵn có, bèn dấy lên bất giác. Chân tâm ấy được gọi là Bản Giác. Nương vào Bản Giác mà dấy lên bất giác, si tâm vô minh căn bản được sanh khởi. Đạo lý này rất khó nói minh bạch, chẳng nói rõ ràng được, chỉ có thể dùng tâm ý thấu hiểu. Chẳng hạn như trong lịch sử, các vị thiện tri thức khai ngộ kiều này rất nhiều. Tôi thường nhắc tới ông Ngự Triều Ân đời Đường đã thưa hỏi quốc sư “phiền nào từ đâu mà khởi?” Hoặc nói: “Vô minh sanh từ đâu? Vô minh là gì?” Quốc sư chẳng trả lời ông ta! Nếu quý vị trả lời, sẽ chẳng nói rõ được. Quốc sư dùng tỷ dụ, phương tiện thiện xảo mà! Sư bảo: “Ngươi là hạng nô tài mà muốn hỏi Phật pháp”. Sư quở mắng Tề Tướng. Tề Tướng liền nổi giận, đáp: “Ta là một đứa nô tài, nhưng là nô tài của hoàng thượng. Một Tề Tướng còn ở trên vạn vạn người”. Đó là câu trả lời cho ông ta. Quốc sư bảo ông ta: “Vô minh từ đó mà khởi. Đó là vô minh”. Chẳng phải là

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

ngươi hỏi ta “vô minh được sanh ra như thế nào ư? Vô minh là gì ư?” Đó chính là vô minh. Nếu giải thích thì sẽ chẳng thể diễn tả rõ ràng được. Chờ đến khi ông ta nổi giận, dùng ngay sự thật để giải thích cho ông ta, ông ta ngay lập tức khai ngộ, hiểu rõ. Trong Thiên Tông có rất nhiều câu “*cơ phong chuyển ngữ*”, đối với căn cơ nào bèn nói pháp ấy. Do vậy, đức Phật giảng hết thảy các kinh, tám vạn bốn ngàn pháp môn nhằm nói với tám vạn bốn ngàn căn cơ. Vô minh như nhau. Vô minh là quý vị bất giác, cái bất giác ấy sanh từ đâu? Từ Bồn Giác mà ra, từ giác ngộ mà ra. Giác ngộ thì mới có Bất Giác, nói tương đối vậy!

Trong si tâm của quý vị, tâm ngu si chính là cái tâm hắc ám. Cái tâm hắc ám ấy và bản thể của Pháp Thân tuy hai mà một, tuy một mà hai. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh nói tới Thể, Tướng, Dụng, Thể là Tướng, Tướng chính là Thể. Thể và Tướng bèn sanh khởi tác dụng (Dụng). Tác dụng là Thể, Tướng; Thể, Tướng chính là tác dụng. Cả ba chính là một, tâm thể, tâm tướng. Do mê cái tâm ấy, cho nên hết thảy tác dụng là chúng sanh. Ngộ cái tâm ấy thì là thánh nhân. Do vì sau khi đã mê cái Thể, bèn dấy nghiệp; nghiệp đã dấy bèn chót chặt quý vị. Đó gọi là nổi khổ sanh tử. Quý vị đã khai ngộ, hiểu rõ, tu hành, khôi phục Bồn Giác của chính mình; đó gọi là “*giải thoát*”. Mê thì vẫn là Pháp Thân này, mà ngộ vẫn là Pháp Thân này.

Do vậy, trong khi quý vị nhất tâm chấp trước hết thảy tướng cảnh giới; khi đó, cái tâm bị vọng tâm làm chủ. Do hết thảy đều là hư vọng; thậm chí khi quý vị tu pháp, cho tới khi chúng ta niệm A Di Đà Phật trong hiện tại, toàn là vọng. Quý vị tu pháp cũng là pháp thuộc vọng tâm, nương theo vọng tâm mà tu vọng pháp (pháp hư vọng). Nhưng trong ấy có chân thật: Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, trời, người, A Tu La, địa ngục, quỷ, súc sanh, mười pháp giới có cùng một tâm. Tâm quý vị dấy lên cảnh giới hư vọng, lấy vọng tâm làm chủ thì là lục phàm; lấy cái tâm thanh tịnh làm chủ để sanh khởi hết thảy các pháp thì là tứ thánh. Vọng cũng là cái tâm này, mà chân cũng là cái tâm này, chịu đựng nổi khổ trong lục đạo luân hồi vẫn là cái tâm này, thành Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác vẫn là cái tâm này. Tùy thuộc quý vị tương ứng với cái tâm nào thì thuộc về pháp giới ấy. Nay quý vị là vọng, có thể đoạn một phần vọng, giải thoát một phần vọng thì phiền não sẽ nhẹ bớt. Người khác chấp trước, nầy sanh phiền não, quý vị chẳng sanh phiền não, chẳng có ý niệm phân biệt. Do đều thuộc trong sự chấp trước của quý vị, đoạn vô minh, đoạn phiền não quyết định vị trí của quý vị, thánh lẫn phàm đều chẳng có tiêu chuẩn nhất định. Quý vị chẳng có phiền não, [chứ nếu] đã đoạn hết

thầy phiền não, sẽ là thánh nhân. Nếu quý vị sanh phiền não thì là chúng sanh.

Phiền não càng nặng, đọa càng sâu. Đọa vào địa ngục, đọa vào ngạ quỷ, đọa vào súc sanh, phiền não đã đạt tới đỉnh điểm. Trong nhân loại, trí thức là sức mạnh, trí thức là trí huệ, là biểu hiện của đoạn phiền não. Người có trí huệ, phiền não liền nhẹ nhàng; kẻ chẳng có trí huệ, phiền não nặng nề. Trong xã hội cũng nói “*trí thức là sức mạnh*”. Kẻ chẳng có trí thức luôn luôn phải phục vụ cho người có trí thức. Tùy thuộc trí thức của quý vị lớn hay nhỏ, trí thức càng lớn thì địa vị chủ nhân của quý vị càng cao.

(Kinh) Nhược như thị chúng sanh trung, Pháp Thân huân tập nhi hữu lực giả, phiền não tiệm bạc, năng yếm thế gian, cầu Niết Bàn đạo, tín quy nhất thật, tu Lục Ba La Mật đẳng nhất thiết Bồ Đề phần pháp, danh vi Bồ Tát.

(經)若如是衆生中，法身熏習而有力者，煩惱漸薄，能厭世間，求涅槃道，信歸一實，修六波羅蜜等一切菩提分法，名爲菩薩。

(Kinh: Nếu trong chúng sanh như thế, do Pháp Thân huân tập mà hữu lực, phiền não dần dần mỏng bớt, có thể chán thế gian, cầu Niết Bàn đạo, lòng tin quy về nhất thật, tu hết thấy các pháp thuộc về Bồ Đề phần như Lục Ba La Mật v.v... thì được gọi là Bồ Tát).

Đây là lấy tâm thể của Bản Giác làm Pháp Thân, nhưng người ấy dùng thiện pháp để huân tập Chân Như, tăng trưởng hết thấy thiện nghiệp, phiền não dần dần nhẹ hơn. Đối với tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian, hết thấy các pháp trong thế gian đều là pháp sanh diệt, người ấy mong cầu một pháp chẳng sanh diệt. Giống như các vị đang hiện diện tại đây, chúng ta đều cầu pháp chẳng sanh diệt, đều mong đoạn phiền não, chứng Bồ Đề, liễu sanh tử. Đó là học pháp chẳng sanh diệt. Từ “*nghe học*”, tức là nghe pháp do đức Phật đã nói, nghe xong bèn tư duy, tư duy ta làm như thế nào, “*làm*” là tu hành. Làm xong, quý vị sẽ thành tựu, thành tựu là đắc đạo. Đại Thừa Khởi Tín Luận nói có hai loại huân tập, một là nhiễm huân tịnh, càng huân càng thô. Mỗi ngày ở chung với kẻ có sát tâm nặng nề, dần dần sát tâm của quý vị cũng nặng nề! Quý vị ở với người có lòng tham, tâm tham của quý vị cũng sanh khởi! Vì sao sẽ sanh khởi lòng

tham? Chẳng có trí huệ. Đó gọi là vô minh ngu si. Quý vị thấy thấu suốt một phần, sẽ nhẹ nhàng một phần. Phương diện này nhẹ, phương diện kia liền nặng. Tham, sân, si của quý vị nhẹ bớt, Giới, Định, Huệ sẽ sâu nặng. Tham, sân, si huân Giới, Định, Huệ; Giới, Định, Huệ liền nhẹ, tham, sân, si liền nặng!

(Kinh) Nhược như thị Bồ Tát trung, tu hành nhất thiết thiện pháp mãn túc, cứu cánh đắc ly vô minh thù giả, chuyển danh vi Phật.

(經)若如是菩薩中，修行一切善法滿足，究竟得離無明睡者，轉名為佛。

(Kinh: Nếu trong các vị Bồ Tát như thế, tu hành hết tất cả thiện pháp trọn đủ, rốt ráo được lìa khỏi giấc ngủ vô minh, sẽ đổi tên thành Phật).

Phật là gì? Chúng sanh là gì? Chẳng có tiêu chuẩn; tùy thuộc hành vi của quý vị để quyết định. Quý vị tu hết tất cả thiện pháp đều thành tựu, đó gọi là Phật. Quý vị tu tập ác pháp, tục ngữ Trung Hoa thường nói là “ác quán mãn doanh” (tội ác chồng chất, tràn ngập), kẻ đó chẳng thể nào không đọa địa ngục, đã tu ác nghiệp quá nhiều! Thiện pháp viên mãn, thì gọi là Phật. Thiện pháp còn chưa trọn đủ viên mãn, so với Phật còn kém đôi chút, thì gọi là Bồ Tát. Đoạn dứt Kiến Tư Hoặc thì gọi là Thanh Văn, Duyên Giác. Mười pháp giới là do Hoặc nghiệp sâu nặng mà phân định, chẳng có Hoặc nghiệp thì là tứ thánh. Đó là dùng thiện ác để phân biệt, hai đường thiện ác, tùy thuộc quý vị đi theo con đường nào!

(Kinh) Đương tri như thị chúng sanh, Bồ Tát, Phật đẳng, dẫn y thể gian giả danh ngôn thuyết cổ nhi hữu sai biệt, nhi Pháp Thân chi Thể tất cánh bình đẳng, vô hữu dị tướng.

(經)當知如是衆生菩薩佛等，但依世間假名言說故而有差別，而法身之體畢竟平等，無有異相。

(Kinh: Hãy nên biết chúng sanh, Bồ Tát, Phật v.v... như thế chỉ nương theo ngôn thuyết giả danh của thế gian nên có sai biệt, nhưng cái Thể của Pháp Thân thì rốt ráo bình đẳng, chẳng có tướng nào khác).

Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Ông hãy nên biết “*chúng sanh, Bồ Tát, Phật*” đều là giả danh trong thế gian. Nương theo giả danh mà an lập khác biệt. Trong phần trước đã nói cái Thể của Pháp Thân trọn khắp hết thấy mọi nơi, trọn khắp hết thấy mọi lúc, trọn khắp hết thấy hữu tình và vô tình, cho nên cái Thể ấy là bình đẳng, chẳng có sai khác.

(Kinh) Thiện nam tử! Thị danh lược thuyết Nhất Thật cảnh giới nghĩa.

(經)善男子! 是名略說一實境界義。

(Kinh: Này thiện nam tử! Đó gọi là nói đại lược về ý nghĩa của cảnh giới Nhất Thật).

Trên đây là nói về chuyện chứng đắc cảnh giới Nhất Thật. Cảnh giới Nhất Thật là gì? Là tâm thể. Địa Tạng Vương Bồ Tát giảng nhiều như vậy, chỉ nhằm giảng một chữ Tâm. Đây là Thật Tướng. Làm thế nào để có thể đạt được Thật Tướng? Phương tiện tối sơ để tiến nhập chính là quý vị tiến hướng điều gì, tin tưởng điều gì, muốn làm gì, làm đúng rồi thì sẽ tiến hướng Phật Thừa, đó là phương tiện tấn thú. Sau khi quý vị hoàn toàn liễu giải tình huống ấy, quý vị sẽ khai ngộ. Đó gọi là Tích Không (析空, chia chẻ cái Không), [tức là] trải qua phân tích dần dần, quý vị sẽ hiểu. Điều này gọi là Tích Không Quán. Nếu lập tức ngộ đạo, thì gọi là Thể Không (體空), tức là không cần phải phân tích, ngay lập tức ngộ cái Thể [của hết thấy các pháp] chính là Không. Quý vị nhận biết hết thấy sự vật đều là Không, vốn thứ gì cũng đều chẳng có, nguyên lai chẳng có một món vật chất nào, nguyên lai chẳng có vật gì, thứ gì cũng chẳng có, nguyên lai là rỗng tuếch. Quý vị tăng thêm rất nhiều phiền não, đó là chẳng Không. Do mong đoạn phiền não, lại tăng thêm một ít thiện nghiệp, đoạn phiền não thì mới chứng Bồ Đề. Đó là “*chẳng Không*”. Thiện thì thuận theo nghĩa Không, còn ác thì trái nghịch nghĩa Không. Do làm thiện sự, tu đạo, sẽ dần dần có thể đạt tới Lý Không. Làm ác chẳng dễ dàng, [do nó] trái nghịch Lý Không. Đây là Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo: Trước hết, giảng rõ ràng đạo lý ấy chỉ là nhất tâm.

(Kinh) Nhược dục y Nhất Thật cảnh giới tu tín giải giả, ưng đương học tập nhị chủng quán đạo. Hà đẳng vi nhị? Nhất giả, duy tâm thức quán. Nhị giả, Chân Như thật quán. Học duy tâm thức quán giả,

sở vị w nhất thiết thời, nhất thiết xứ, tùy thân, khẩu, ý hữu sở tác nghiệp.

(經)若欲依一實境界修信解者，應當學習二種觀道。何等爲二？一者、唯心識觀。二者、真如實觀。學唯心識觀者，所謂於一切時，一切處，隨身口意有所作業。

(Kinh: Nếu muốn nương theo cảnh giới Nhất Thật để tu tín giải, hãy nên học tập hai thứ quán đạo. Những gì là hai? Một là duy tâm thức quán, hai là Chân Như thật quán. Học duy tâm thức quán chính là trong hết thấy mọi lúc, hết thấy mọi nơi, thuận theo các nghiệp đã tạo tác nơi thân, miệng, ý).

Nếu quý vị tu hành, một là học duy tâm thức quán, tức quán duy tâm duy thức. Trong hết thấy mọi lúc, hết thấy mọi nơi, đối với nghiệp đã tạo tác nơi thân, miệng, ý, trong hết thấy các thời, tức suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ, ngày đêm hai mươi bốn tiếng đồng hồ, quý vị ngủ cũng thế, ăn cơm cũng thế, nằm mộng cũng thế, làm việc cũng thế, sáu căn của quý vị, tức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đã tạo tác, cho đến Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp ở bên ngoài, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đối ứng với Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, trong đó nảy sinh sự nhận biết riêng biệt được gọi là nhãn thức, nhĩ thức, tỵ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Ba loại [Căn, Trần, Thức] ấy hợp thành mười tám giới. Trong hết thấy mọi lúc, hết thấy mọi nơi, nghiệp do quý vị đã tạo chẳng rời khỏi mười tám loại ấy. Mười tám loại ấy do đâu mà có? Vô minh. Trong phần trước, chúng tôi đã nói: Chúng nương vào vô minh mà khởi, quý vị hãy nên quan sát hết thấy các pháp, tức là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, nhãn thức, nhĩ thức, tỵ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, mười tám món ấy. Mười tám món ấy, trong khi quý vị đi, ngồi, đứng, nằm, ngủ nghỉ, nói chuyện, ngôn ngữ, bao gồm hết thấy các động tác, thứ gì cũng đều chẳng lìa khỏi. Quý vị cũng chẳng lìa khỏi cảnh giới (Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp)!

(Kinh) Tất đương quán sát, tri duy thị tâm, nãi chí nhất thiết cảnh giới. Nhược tâm trụ niệm, giai đương sát tri, vật linh sử tâm vô ký phan duyên, bất tự giác tri. Ư niệm niệm gian, tất ưng quán sát: Tùy tâm hữu sở duyên niệm, hoàn đương sử tâm tùy trực bỉ niệm, linh tâm tự tri. Tri kỹ nội tâm tự sanh tướng niệm, phi nhất thiết cảnh giới hữu

niệm, hữu phân biệt dã. Sở vị nội tâm tự sanh “trường, đoản, hảo, ác, thị, phi, đắc, thất, suy, lợi, hữu, vô” đẳng kiến, vô lượng chư tướng, nhi nhất thiết cảnh giới vị tăng hữu tướng khởi u phân biệt. Đương tri nhất thiết cảnh giới tự vô phân biệt tướng cố, tức tự phi trường, phi đoản, phi hảo, phi ác, nãi chí phi hữu, phi vô, ly nhất thiết tướng, như thị quán sát. Nhất thiết pháp duy tâm tướng sanh. Nhược sử ly tâm, tắc vô nhất pháp, nhất tướng, nhi năng tự kiến hữu sai biệt dã.

(經)悉當觀察，知唯是心，乃至一切境界。若心住念，皆當察知，勿令使心無記攀緣，不自覺知。於念念間，悉應觀察：隨心有所緣念，還當使心隨逐彼念，令心自知。知己內心自生想念，非一切境界有念，有分別也。所謂內心自生「長、短、好、惡、是、非、得、失、衰、利、有、無」等見，無量諸想，而一切境界未曾有想起於分別。當知一切境界自無分別想故，即自非長、非短、非好、非惡，乃至非有、非無，離一切相，如是觀察。一切法唯心想生。若使離心，則無一法一相，而能自見有差別也。

(Kinh: Điều hã nên quan sát, biết chỉ là tâm, cho đến hết thấy các cảnh giới, nếu tâm trụ niệm, sẽ đều quan sát, nhận biết, đừng để cho tâm vô ký nắm núu, mà chẳng tự hay biết. Trong mỗi niệm, đều nên quan sát: Hễ tâm có điều gì duyên niệm, vẫn nên khiến cho cái tâm theo dõi cái niệm ấy, để tâm tự biết. Biết là nội tâm của chính mình tự sanh tướng niệm, chẳng phải là hết thấy các cảnh giới có niệm, có phân biệt. Tức là nội tâm tự sanh trường các cái thấy như dài, ngắn, tốt, xấu, đúng, sai, được, mất, suy vi, lợi ích, có, không v.v... vô lượng các tướng, nhưng hết thấy cảnh giới chưa từng có ý tưởng dấy lên phân biệt. Hã nên biết hết thấy cảnh giới tự chẳng có ý tưởng phân biệt, tức là tự nó chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng tốt, chẳng xấu, cho đến chẳng có, chẳng không, là hết thấy tướng. Quan sát như thế, hết thấy các pháp chỉ do tâm tướng sanh ra. Nếu là khởi tâm thì không có một pháp, một tướng nào mà có thể tự thấy sai biệt được).

Đi, đứng, ngồi, nằm, nói năng, cử động, Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, nhất cử nhất động của quý vị đều thuộc trong mười hai sự kiện ấy. Quý vị học hiểu thì toàn là tâm, toàn là thức. Quý vị hãy quan sát mười hai loại ấy, hễ lìa khỏi tâm, lìa khỏi thức của ta, thứ gì cũng đều chẳng có, đừng nên dấy lên chấp trước trong ấy. Phá trừ chúng như thế nào? Chẳng phải là quý vị mong đoạn trừ phiền não ư? Quý vị hãy đổ công dốc sức nơi mười hai sự kiện này. Quý vị quan sát tất cả hết thấy hiện tướng (tướng biến hiện, tướng hiện tiền) bên ngoài, kể cả ngôn ngữ của quý vị, bao gồm hành động, bao gồm ngôn ngữ, hành động của hết thấy mọi người, hết thấy hành vi “đi, đứng, nằm, ngồi”, bất cứ ai cũng đều chẳng lìa khỏi! Mắt quý vị thấy hết thấy sắc tướng, tai nghe hết thấy âm thanh, mũi ngửi thơm tho, lưỡi nếm hương vị, tai nghe âm thanh, trong tâm bèn nhận biết. Đó đều là pháp. Hết thấy các sự vật được nhận biết bởi tâm [năm trần, tức, sắc, thanh, hương, vị, hiện bóng trong tâm] thì đều gọi là Pháp. Trong mười hai loại sự vật ấy, quý vị hãy quan sát, có loại nào rời khỏi thức, rời khỏi tâm của quý vị? Hãy đổ công ở chỗ này! Đổ công gì vậy? Thực hiện công phu tu hành. Lìa khỏi Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, há còn có vật gì nữa chẳng? Đã chẳng có, thì những thứ ấy đều ngưng dứt. Khi quý vị quán sát, đã khiến cho các thứ ấy ngưng dứt, đừng để cho chúng quấy nhiễu cái tâm của quý vị.

Khi quán bèn có trí huệ, chiếu rõ toàn là hư vọng, khiến cho cái tâm của quý vị trụ trong tư duy và khởi tâm động niệm, đối với thứ tốt đẹp đừng nắm níu (phan duyên, 攀緣), đối với thứ chẳng tốt thì cũng đừng mong lìa bỏ; tức là chẳng dấy phân biệt, chẳng tham luyến cái tốt đẹp, chẳng vứt bỏ cái không tốt. Đó gọi là “*nhất tâm vô phân biệt*”. Chúng ta luôn có khuynh hướng: Cái tốt thì mong đạt được, sanh lòng mong cầu đạt được, chuyện chẳng tốt thì chẳng muốn nghe nhắc tới, nhưng quý vị chẳng thể không nghe, vì cuộc sống mà quý vị bắt buộc phải làm. Ai bằng lòng làm cu li? Do chẳng có cách nào, đành phải kiếm sống thôi! Nếu quý vị xem nhẹ cuộc sống một chút, dần dần từng bước một, quý vị sẽ tìm được nguồn, truy tận cội. Trước hết, hãy bắt đầu từ nội tâm của chính mình. Tâm chẳng so đo các thứ ấy, đối với thứ ưa thích thì chính mình chẳng mong cầu đạt được, đạt được là họa hại. Đối với thứ chán ghét, cũng chẳng cầu lìa bỏ, thích ứng với mọi tình cảnh, gặp cảnh giới gì bèn tiếp nhận cảnh giới đó!

Nhưng phải nhận biết nó, nhận biết nó như thế nào? Đó đều là giả, là tạm thời, chẳng phải là vĩnh cửu. Điều thứ nhất là quán thân thể này, tôi đã là một trăm năm, cũng có người chẳng sống tới tuổi ấy. Chúng ta lấy hạn độ lớn nhất là một trăm năm để ấn định vậy! Chẳng quán chính mình, hãy quán người khác! Quan sát người đó sanh ra, quan sát người đó chết đi, sau khi đã chết, người đó mang theo thứ gì ra đi? Lúc sanh ra, mang theo thứ gì đến? Trung Hoa có câu tục ngữ: “*Sanh bất đới lai, tử bất đới khứ*” (Sanh chẳng mang theo gì đến, chết chẳng mang theo gì đi). Nhân loại đều là như thế đó, có người nhận biết, có kẻ chẳng nhận biết. Không nhận biết thì sao? Tham cầu chẳng hề ngưng nghỉ, vĩnh viễn truy cầu, tạo nghiệp cho đời sau, toàn là như thế đó, nắm níu khắp nơi. Đó gọi là “*phan duyên tâm*”. Khi kẻ ấy phan duyên (nắm níu sự vật), chính họ vẫn chẳng biết, đang tạo nghiệp, tức là tạo nghiệp sanh tử!

Trong mỗi niệm, quý vị đều phải nên quan sát: Những điều tâm quý vị duyên niệm, tưởng nghĩ, có [ý niệm] “đôi với thứ tốt, bèn duyên niệm chẳng bỏ”, càng nghĩ càng to! Cầu phát tài càng nhiều càng hay, càng lớn càng hay, chẳng dứt, chẳng xong! Chính quý vị hiểu rất rõ ràng, tự hiểu rất rõ cái tâm của chính mình. Đạt được thì là đạt được gì vậy? Quý vị hãy nói theo quan niệm riêng của chính mình, quý vị đạt được thì rốt cuộc có thể đạt được gì? Cuối cùng là chết ngóp, vẫn chẳng phải là mát sạch ư? Hết thấy các tướng cảnh giới bên ngoài, như cửa cái chẳng hạn, rốt cuộc quý vị có đạt được hay không? Đạt được rồi cũng mất đi! Tới lúc quý vị chết, chẳng thể mang theo thứ gì cả! Đó là quan sát ở mức độ thô thiển. Quan sát vi tế, hết thấy các sự có hình, có tướng, có hay biết, hoặc các sự vô hình vô tướng, đều là do tâm của quý vị tưởng ra. Chúng chính là tâm tướng. Tâm tướng hư vọng, chẳng có gì thật sự tồn tại. Khi đó, quý vị niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, đặc biệt là niệm Pháp, niệm pháp gì vậy? Sanh diệt, vô thường, khổ, hết thấy các pháp chẳng có gì là vui sướng. Chúng ta tham luyến, hãy nghĩ tới sanh, lão, bệnh, tử, yêu thương chia lìa, oán ghét phải gặp gỡ, Ngũ Uẩn hừng hực, cầu chẳng được. Tám nỗi khổ chen nhau nung nấu, quý vị có thể lìa được thứ nào? Trong tư tưởng của quý vị bèn suy nghĩ: Tất cả hết thấy các thứ ấy đều là duy tâm sở hiện, duy tâm sở biến, chẳng có thứ gì chân thật, bất biến. Nghĩ như thế, chánh niệm sẽ hiện tiền.

Bất luận dài, ngắn, tốt, xấu, được, mất... những kiến chấp ấy, vô lượng cách nghĩ, quý vị hãy tự quan sát: Chúng đều là phân biệt, do cái tâm của chính mình phân biệt. Sự phân biệt này còn có vấn đề. Quý vị ưa thích cái tốt, muốn đạt được, chiếm làm của mình. Thứ gì quý vị không ưa

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

thích sẽ là chẳng tốt, muốn bài xích nó. Quý vị ngẫm xem, quý vị lấy tu tướng ấy làm sự nhận thức của chính mình. Cái tâm có các tướng ấy hay không? Quý vị hãy quan sát cái tâm của chính mình. Nếu các đệ tử học Phật chúng ta, đã học Phật, đã nhập Phật môn, quý vị nghĩ tới Phật, Pháp, Tăng, có sự duyên niệm ấy! Căn bản là chẳng được nghe Phật pháp, đâu có nghe cũng chẳng tin, kẻ đó có sự duyên niệm ấy hay không? Kẻ đó duyên niệm xe cộ, tiền tài, làm sao để phát tài, [nghĩ tới] sắc. Sắc bao gồm hết thấy những thứ ưa thích, hết thấy vật chất, cái ưa thích thì mong đạt được, cái chẳng ưa thì mong bỏ đi, cho đến đối với sự vật [bèn có quan niệm] dài, ngắn, vuông, tròn, lớn, nhỏ, tốt, xấu, tâm quý vị hãy thường nghĩ các thứ đó đều là hư vọng, chẳng chân thật.

Nội tâm mong chẳng phân biệt những thứ ấy, lià khỏi những thứ ấy. Những thứ đó chẳng có một tiêu chuẩn nhất định. Quý vị cho nó là xấu, người khác cho nó là tốt, quý vị muốn xả, kẻ khác lại tham. Vì sao? Do sức mạnh của thói quen từ vô thủy kiếp tới nay. Cái tâm tạo nghiệp có sức mạnh của thói quen. Rất nhiều người, như các đệ tử Phật chúng ta thấy thứ này chẳng đúng, là sai lầm, nhưng sẽ có rất nhiều kẻ cho đó là đúng, chẳng sai, [đôi bên] sẽ mâu thuẫn. Có những kẻ thuận theo sanh tử, tạo nghiệp thuận dòng sanh tử. Có những người nghịch lại sanh tử, chẳng xuôi theo dòng sanh tử, đi ngược dòng, giống như các đệ tử đức Phật bọn ta vậy. Nhưng bất luận như thế nào, thuận cảnh, nghịch cảnh, tốt, xấu, đúng, sai, đều do tâm sanh. Vì thế, mọi người hãy thường nghĩ “*tâm sanh, các pháp sanh; tâm diệt, các pháp diệt*”, chẳng có pháp nào lià khỏi tâm! Tâm ấy là vọng, tức vọng tâm. Lià khỏi tâm, có pháp nào có thể tự mình tự lập? Giữa pháp này với pháp kia, có sai biệt hay không? Chẳng có sai biệt! Nếu cái tâm của chúng sanh có thể đạt tới mức ấy, quý vị còn có gì là thiện, có gì là ác chi nữa! “*Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không*” (Pháp sanh bởi nhân duyên, ta nói chính là không). Phàm là pháp sanh bởi nhân duyên, thiện pháp cũng là không, mà ác pháp cũng là không! Quan sát hết thấy các pháp như thế, chỉ do tâm tướng sanh. Nếu lià khỏi cái tâm, một pháp, một tướng, sẽ tự thấy chẳng có sai biệt. Có sai biệt là do cái tâm của chúng sanh phân biệt, bản thân của pháp chẳng sai biệt.

Tập 13

(Kinh) Thường ưng như thị thủ ký nội tâm, tri duy vọng niệm, vô thật cảnh giới, vật linh hư phế. Thị danh tu học Duy Tâm Thức Quán.

Nhược tâm vô ký, bất tri tự tâm niệm giả, tức vị hữu tiền cảnh giới, bất danh Duy Tâm Thức Quán. Hựu thủ ký nội tâm giả, tức tri tham tướng, sân tướng, cập ngu si tà kiến tướng, tri thiện, tri bất thiện, tri vô ký, tri tâm lao lự chủng chủng chư khổ.

(經)常應如是守記內心，知唯妄念，無實境界，勿令休廢。是名修學唯心識觀。若心無記，不知自心念者，即謂有前境界，不名唯心識觀。又守記內心者，則知貪想，瞋想，及愚痴邪見想，知善，知不善，知無記，知心勞慮種種諸苦。

(Kinh: Hãy thường nên ghi nhớ nội tâm như thế, biết nó chỉ là vọng niệm, chẳng phải là cảnh giới thật sự, đừng để trôi bỏ. Đó gọi là tu học Duy Tâm Thức Quán. Nếu tâm vô ký (chẳng thiện, chẳng ác), chẳng biết tâm niệm của chính mình, bèn cho là có tiền cảnh giới (cảnh giới đối trước sáu căn) thì chẳng gọi là Duy Tâm Thức Quán. Lại nữa, nhớ kỹ nội tâm, bèn biết tham tướng, sân tướng, và ngu si tà kiến tướng, biết thiện, biết bất thiện, biết vô ký, biết các thứ khổ do tâm nhọc nhằn suy nghĩ).

Trong lúc chúng ta tu tập, phải nên biết cái tâm của chúng ta. Trước hết, phải biết tâm tướng: Tâm đang tư duy điều gì, tâm đang tưởng nhớ điều gì, làm thế nào để trừ bỏ tham, sân, si trong tâm? Làm thế nào để chuyển biến chúng? Đó chính là tu Duy Tâm Thức Quán. Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Quý vị phải biết cái tâm, nhận thức cái tâm của chính mình. Đối với tất cả hết thảy các tướng cảnh giới bên ngoài, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý của chúng ta đối trước Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp; Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp đều là tướng cảnh giới (“*tiền cảnh giới*”). Các tướng cảnh giới ấy “*ly tâm vô tướng*”, [tức là] lìa khỏi cái tâm của quý vị, sẽ chẳng có tướng cảnh giới. Quý vị nhận biết nó, tất cả các tướng cảnh giới đều là tâm của quý vị. Rời khỏi cái tâm thì tướng cảnh giới bên ngoài cũng chẳng còn. Vì chúng ta bị xoay chuyển theo tướng cảnh giới, cái tâm hướng ra ngoài rong ruổi, nắm núm, thuận theo ý niệm mà cảm nhận, dấy lên sự hay biết, nhưng chúng ta muốn ngưng dứt cái tâm, chẳng cho nó dấy lên, chẳng thể nào được! Điều chúng ta có thể làm được là khi cái tâm của quý vị cảm nhận chẳng đúng, nhận biết niệm trước vừa dấy lên điều ác, liền ngưng dứt niệm kế tiếp, chẳng cho nó dấy

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

lên, chẳng cho nó (ý niệm ác ấy) tiếp nối. Quý vị vừa phát giác [tâm mình] dấy lên ý niệm không đúng, liền lập tức ngăn dứt, chẳng cho nó tiếp tục. Vì tâm tưởng và sự tư duy trong tâm của chúng ta trong suốt một ngày tương ứng với thiện pháp thì ít, mà tương ứng với ác pháp thuộc vào tướng cảnh giới nơi sáu trần thì nhiều. Do vậy, hễ quý vị nhận biết ý niệm “tham, sân, si” vừa dấy lên, hãy ngay lập tức cắt đứt nó.

Đoạn kinh văn này dạy chúng ta, có thể nhận biết niệm trước khởi ác, bèn ngưng dứt, chẳng cho niệm sau dấy lên. Công lực như thế đã rất mạnh mẽ, khiến cho nó chẳng thể tiếp nối. Nay chúng ta chưa tu đến mức khởi tâm động niệm đều là thiện niệm, vẫn chưa thể làm được như thế; nhưng điều quý vị có thể làm được là chúng ta nhận biết trong tâm dấy lên ý niệm chẳng đúng, chẳng nghĩ ngợi chi nữa, ngay lập tức chế ngự, chấm dứt nó. Vì những gì cái tâm chúng ta suy tưởng đều là nghiệp bất thiện, do hiện thời bọn chúng sanh chúng ta chẳng tu tâm, công phu tu tập chẳng ra hồn! Hễ quý vị biết chính mình khởi tâm động niệm chẳng đúng, rời lìa Tam Bảo, rời lìa pháp, quý vị có thể chấm dứt nó. Sức mạnh ấy chính là sức mạnh sanh ra sau khi nghe Phật pháp. Chúng tôi thường nói “*nhận biết niệm trước khởi ác, có thể ngưng dứt chẳng cho niệm sau dấy lên, chính là Bồ Tát phát tâm*”. Bản thân chúng ta có cảm thấy bình thường chúng ta tu hành là như thế hay không? Có thể ngưng dứt chẳng cho tâm niệm dấy lên hay không? Chưa thể được! Khi ác nghiệp cảm quả, tức là có sự thật; chẳng tạo thành ác nghiệp thật sự, sẽ chẳng cảm quả! Quý vị mới vừa dấy niệm, liền ngưng dứt, sẽ chẳng thể cảm quả!

(Kinh) Nhược u tọa thời, tùy tâm sở duyên, niệm niệm quán tri duy tâm sanh diệt. Thí như thủy lưu, dăng diệm, vô tạm thời trụ. Tùng thị đương đắc Sắc Tịch tam-muội.

(經)若於坐時，隨心所緣，念念觀知唯心生滅。譬如水流，燈焰，無暫時住。從是當得色寂三昧。

(Kinh: Nếu lúc ngồi (tĩnh tọa), tùy theo cái tâm duyên [vào đâu], trong mỗi niệm đều quán biết chỉ có cái tâm sanh diệt. Ví như dòng nước, ánh lửa nơi đèn, chẳng có lúc nào tạm ngưng trụ. Từ đó, sẽ đắc Sắc Tịch tam-muội).

Khi chúng ta tu tập tĩnh tọa, khi tu hành, tâm quý vị mong tu Định, mong ngồi xuống để định, nhưng quý vị quán chiếu cái tâm của chính

mình chẳng định được, bèn thuận theo các tướng cảnh giới mà cái tâm đang nghĩ tưởng, bất luận tướng cảnh giới nào, cho đến cái tâm duyên theo điều thiện cũng thế, mà duyên theo ác niệm cũng thế, [những ý niệm ấy] đều từ trong tâm dấy lên, thuộc về pháp sanh diệt. Nếu trong khi tĩnh tọa, bất luận tâm duyên vào đâu, trong mỗi niệm, đều thấy biết [các ý niệm] đó chỉ do cái tâm sanh diệt. Khi quý vị chẳng tĩnh tọa, vọng niệm toi bời, quý vị đâu có biết! Cho đến khi quý vị mong lắng lòng, toan dụng công, khi đó, quý vị dấy lên sự quán chiếu để quán chiếu ý niệm trong cái tâm của chính mình toàn là pháp sanh diệt, giống như dòng nước [liên tục chảy], hay ánh lửa nơi ngọn đèn [liên tục cháy sáng]. Có thể trụ trong vô niệm hay chẳng? Nếu có thể tạm thời khiến cho cái tâm tĩnh định, tâm tĩnh lặng chẳng sanh ý niệm, nếu có thể đạt được công phu như thế, quý vị sẽ đạt được Sắc Tịch tam-muội.

Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta Sắc Tịch tam-muội là trong hết thấy mọi chỗ, hết thấy mọi lúc, trong khi quý vị tu hành, khi tu Quán lực, nói thông thường là khi tu nhập Định, ngay trong lúc quý vị đi, đứng, ngồi, nằm, khi đi lại, hoặc là khi chẳng nằm, chỉ ngồi, trong bốn loại hành động “đi, đứng, ngồi, nằm”, quý vị đều có thể tu Quán, đều có thể nhập tịch định, nhưng lúc ngồi là tốt nhất, sức quán chiếu mạnh mẽ! Khi nằm, sẽ dần dần rơi vào trạng thái ngủ thiếp đi. Khi đi lại, cái tâm dễ bị tán mạn. Ngồi xuống, chính mình quán chiếu cái tâm, quán chiếu cái tâm của chính mình sanh khởi như thế nào? Do ý niệm nương theo cảnh giới. Tâm vốn vô sanh, do cảnh mà có. Tâm niệm của quý vị vốn là vô sanh, do vì cảnh giới [mà có ý niệm sanh khởi]. Cảnh giới trong tâm là do nghĩ tới cảnh giới trong quá khứ, hay nghĩ tưởng cảnh giới trong vị lai. “*Tâm vốn vô sanh, do cảnh mà có*”: Tâm niệm của quý vị vốn chẳng có, do quý vị nghĩ tưởng, cảnh giới bèn có. Khi đó, quý vị có thể khiến cho cái tâm tĩnh lặng, trong tâm chẳng có ý niệm gì, đã chẳng nghĩ ngợi quá khứ, mà cũng chẳng nghĩ tới hiện tại, lại càng chẳng mơ tưởng vị lai. Đối với một niệm bất giác, do trong mỗi niệm, niệm nào cũng đều cảm nhận đã định, [cho nên] chẳng có niệm nào là bất giác, chẳng sanh khởi cái tâm bất giác.

Đồng thời, khi ấy bèn tư duy, khi tĩnh tọa bèn quán tưởng, quán điều gì vậy? Quán hết thấy các thứ có hình tướng đều do tâm thức biến ra. Khi đó, quán hết thấy các sắc đều chỉ là tâm, chỉ có sự sanh diệt của cái tâm. Nói theo các giáo nghĩa Đại Thừa khác, “*tâm sanh thì các pháp sanh, tâm diệt thì các pháp diệt*”. Hết thấy các pháp sanh khởi cũng thế, mà khi diệt cũng thế, toàn là tâm niệm của quý vị. Quán có nghĩa là Chiếu. Quý vị tĩnh tọa nhằm mong tu hành. Tu hành là sử dụng trí huệ của

quý vị, tức là dùng tâm niệm để quán chiếu, quán chiếu sao cho hết thấy các động tác (các ý niệm vận hành trong tâm) hoàn toàn ngưng lặng, chẳng tưởng nữa. Quán chiếu khiến cho cái tâm chẳng khởi niệm, tĩnh lặng. Niệm nào cũng quán chiếu cái tâm này, [sẽ thấy cái tâm này] toàn là “*một niệm này dấy lên, một niệm kia diệt mất*”. Quán sự sanh diệt trong cái tâm của quý vị để cắt đứt nó. Dùng sự quán niệm để cắt đứt [các ý niệm khởi lên hay diệt mất], chẳng còn niệm nữa. Đây chính là như Thiền Tông thường nói “*đả đắc vọng tưởng tử, hứa như Pháp Thân hoạt*” (đánh chết vọng tưởng để Pháp Thân được sống). Ý niệm đã tĩnh, ý niệm đã tịch tĩnh, quý vị bèn ngộ “*niệm vốn là tịch tĩnh*”. Khi đã có thể định như vậy, thời gian định càng dài càng hay, chẳng khởi tâm động niệm nữa. Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Quý vị sẽ đạt được Sắc Tịch tam-muội; đạt được ở mức độ ban đầu, quý vị có thể tu dần dần.

(Kinh) Đắc thử tam-muội dĩ, thứ ưng học tập tín Xa Ma Tha quán tâm, cập tín Tỳ Bà Xá Na quán tâm.

(經)得此三昧已，次應學習信奢摩他觀心，及信毗婆舍那觀心。

(Kinh: Đã đắc môn tam-muội ấy rồi, kế đó, hãy nên học tập tín tâm đối với môn quán tâm bằng Xa Ma Tha và tín tâm đối với môn quán tâm bằng Tỳ Bà Xá Na).

Sau khi đã đắc môn tam-muội ấy, hãy nên học tập, tin tưởng môn quán tâm bằng Xa Ma Tha. Chúng ta thường hỏi: “Có tín tâm hay không?” Chẳng có tín tâm! Đây là dạy chúng ta hãy tu tập tín tâm. Khi quý vị đã có thể định, quý vị mới quán, quán cái tâm có thể dần dần lặng dứt. Đây là khi Quán bèn có Chỉ, khi Chỉ bèn có Quán; được gọi là “*Chỉ Quán song vận*” (止觀雙運, vận dụng cả Chỉ lẫn Quán). Chúng ta nói “*Định Huệ song tu*” chính là hàm nghĩa này. Tu tập tin tưởng pháp quán tâm bằng Xa Ma Tha, đồng thời cũng tin tưởng pháp quán tâm bằng Tỳ Bà Xá Na. Điều này có nghĩa là cùng vận dụng Định và Huệ. Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy chúng ta khi tu Xa Ma Tha tức Chỉ và tu Tỳ Bà Xá Na tức Quán, tức là khi tu Chỉ Quán, thì trong khi đó, chúng ta tu tập gì vậy? Tín tâm! Chúng ta thường cho rằng đối với Tam Bảo, chính mình đã sanh khởi tín lực, đã có sức mạnh sanh khởi tín tâm rồi. Thật ra, tín lực vẫn chưa có, tín vẫn chưa “*nhập vị*” (chưa đạt đến mức, hoặc chưa dục vào địa

vị tối thiểu là Sơ Tín). Tín còn chưa nhập vị, làm sao có thể sanh ra sức mạnh cho được? Do đó, phải tu tập.

(Kinh) Tập tín Xa Ma Tha quán tâm giả, tư duy nội tâm bất khả kiến tướng, viên mãn bất động, vô lai, vô khứ, bốn tánh bất sanh, bất diệt, ly phân biệt cố.

(經)習信奢摩他觀心者，思惟內心不可見相，圓滿不動，無來無去，本性不生不滅，離分別故。

(Kinh: Tu tập tín tâm đối với môn quán tâm bằng Xa Ma Tha là tư duy nội tâm chẳng thể thấy tướng, viên mãn bất động, chẳng đến, chẳng đi, bốn tánh bất sanh, bất diệt, do lìa phân biệt).

“Tập tín Xa Ma Tha quán tâm” là tư duy nội tâm chẳng thể thấy tướng, viên mãn bất động, chẳng đến, chẳng đi. Cái tánh sẵn có, cái Thể sẵn có vốn bất sanh, bất diệt, do lìa phân biệt. Đó là bước đầu để chúng ta tu tập Duy Tâm Thức Quán, liễu đạt hết thấy ngoại cảnh đều chẳng có, chỉ do tâm thức hiện, chỉ có nội tâm, chẳng có ngoại cảnh. Chúng ta quan sát tướng của nội tâm là như thế nào? Mọi người hãy quán tướng của nội tâm có hình dạng gì vậy? Trọn chẳng thể được! Chẳng thể thấy tướng, chẳng thể thấy tướng của nội tâm được. Khi quý vị tu hành, mới cảm nhận hết thấy đều là “*nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị Không*” (pháp sanh bởi nhân duyên, ta nói chính là Không). Chúng tôi thường nói tu Không Quán chẳng dễ dàng như thế đó. Ở đây có một đoạn kinh văn rất dài, Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta cách tu Không Quán. Tu Không Quán chỉ là khởi đầu, phải nên có tín lực như thế, tín tâm sẽ sanh ra sức mạnh. Đã có tín lực, quý vị suy tưởng “*chẳng thấy tự tâm của chính mình, chẳng thể thấy tướng của nó được*”, nhưng nó là viên mãn, chẳng có khiếm khuyết. Đây là bốn tâm. Chân tâm của chúng ta và chân tâm của Phật vốn chẳng hai, chẳng khác, viên mãn, bất động, cũng chẳng có tướng đến đi, cũng chẳng có tướng sanh diệt, mà cũng chẳng có tướng phân biệt. Chúng ta có tin hay không? Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy chúng ta tu hành Tín, tức là tin vào cái tâm này. Kinh thường nói “*có tín tâm hay không?*” Chẳng có đạo hữu nào trả lời “*tôi chẳng có tín tâm*”, chẳng hề có! Chẳng có tín tâm thì làm sao có thể nhập Tam Bảo cho được? Có tín tâm! Trên thực tế là chưa “*nhập vị*”, lòng tin của chúng ta là “*mao đạo*” (毛道), [tức là giống như một sợi lông], gió vừa thổi liền bay tuốt. Lòng tin bất định,

giống như sợi lông, chẳng thể chịu nổi gió thổi. Hễ bị thổi bèn bay mất! Trước hết, phải tu tập tín Định, tín Huệ, quán cái tâm của quý vị.

(Kinh) Tập tín Tỳ Bà Xá Na quán tâm giả, tướng kiến nội ngoại sắc, tùy tâm sanh, tùy tâm diệt, nãi chí tập tướng kiến Phật sắc thân, diệt phục như thị, tùy tâm sanh, tùy tâm diệt, như huyễn, như hóa, như thủy trung nguyệt, như kính trung tượng, phi tâm, bất ly tâm, phi lai, phi bất lai, phi khứ, phi bất khứ, phi sanh, phi bất sanh, phi tác, phi bất tác.

(經)習信毗婆舍那觀心者，想見內外色，隨心生，隨心滅，乃至習想見佛色身，亦復如是，隨心生，隨心滅，如幻如化，如水中月，如鏡中像，非心不離心，非來非不來，非去非不去，非生非不生，非作非不作。

(Kinh: Tu tập tín tâm đối với môn quán tâm bằng Tỳ Bà Xá Na là tướng thấy sắc trong ngoài, tùy theo tâm mà sanh, tùy thuộc tâm mà diệt, cho đến tu tập, tướng thấy sắc thân của Phật cũng giống như thế, tùy theo tâm mà sanh, tùy theo tâm mà diệt, như huyễn, như hóa, như trăng trong nước, như hình tượng trong gương, chẳng phải tâm, chẳng lìa tâm, chẳng tới, chẳng không tới, chẳng đi, chẳng không đi, chẳng phải sanh, chẳng phải không sanh, chẳng phải làm, chẳng phải không làm).

“Tập tín Tỳ Bà Xá Na quán tâm”: Tướng thấy nội ngoại sắc. Đối với “thấy nội ngoại sắc” thì tướng của nội sắc là gì? Tướng của ngoại sắc là gì? Thuận theo tâm sanh, thuận theo tâm diệt. Tướng ấy chẳng thể được! Do tâm khởi, nó bèn sanh khởi. Tâm diệt, nó cũng chẳng còn! Vẫn phải tu tập, tướng thấy sắc thân của Phật: Sắc thân của Phật và sắc thân của chúng sanh giống nhau, cũng là tùy thuộc vào cái tâm mà sanh khởi, thuận theo cái tâm mà tiêu mất. Tùy tâm sanh khởi, tùy tâm diệt hoại. Như chúng ta quán sắc tướng của Phật, quán ba mươi hai tướng [đại nhân] và tám mươi thứ hảo của Phật, chúng cũng là tùy sanh, tùy diệt y hệt như vậy: “Tâm sanh, tướng sanh; tâm diệt, tướng diệt”, đều là huyễn hóa! Bóng trăng trong nước thoạt nhìn thì dường như có, chẳng vớt lấy được. Trên thực tế, nó chẳng có. Hình tượng trong gương có hay không? Hình tượng trong gương có phải là thật hay chẳng? Ai nấy đều biết nó chẳng phải là thật. Hết thấy các pháp đều là như thế: Thuận theo cái tâm

quý vị sanh mà pháp sanh. Thuận theo cái tâm quý vị diệt mà pháp diệt, đều là huyễn hóa, chẳng phải là chân thật. Cho nên giống như bóng trắng trong nước, giống hình tượng trong gương, soi vào gương bèn hiện tượng, chẳng phải tâm, chẳng rời tâm, chẳng đến, chẳng không đến, chẳng đi, chẳng không đi, chẳng sanh, chẳng không sanh, chẳng làm, chẳng không làm, hết thấy các pháp đều như thế. Có hay không? Chẳng có! Là không ư? Lại chẳng phải là không!

Do vậy, nêu ra nhiều thí dụ như thế, nhằm nói hết thấy các pháp chỉ là tướng cảnh giới duy tâm, là cảnh giới được duyên bởi tâm, chỉ là tâm, ngoài tâm chẳng có pháp! Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Trong khi quý vị tu hết thấy các pháp, biết hết thấy các pháp đều là Không, hết thấy các pháp là Giả. Không là tu Không Quán; Giả là tu Giả Quán. Giữa Không và Giả, có cái chẳng phải Không, chẳng phải Giả, đó gọi là Trung Quán. Nói Không và Giả là nói theo Sự. Sự đều do Lý mà khởi. Chẳng có Không, chẳng có Giả, hiển thị “chẳng ra ngoài Trung”. Trung Quán là Lý. Do vì Trung Quán có thể thành Giả Quán, có thể thành Không Quán. Chẳng có Trung Quán, sẽ chẳng thành Giả, mà cũng chẳng thành Không. Lý có thể thành hết thấy các Sự, Sự có thể hiển Lý.

Chúng ta chấp trước sắc tướng bên trong; đó gọi là Nội Sắc. Đoạn này giảng về cảnh giới duy tâm: Nội Sắc chẳng có, nó do tâm hiện. Sắc pháp là Sự, nhưng nó có thể hiển Lý. Chẳng có Sự, sẽ chẳng thể hiển Lý. Quý vị chấp trước Thọ, Tướng, Thức, đây chính là “*Sự cũng là Lý*”, nhưng lại có thể thành tựu Sự. Sự có thể hiển Lý. Đó chỉ là Sắc ở bên trong, được gọi là Nội Sắc. Vậy thì Ngoại Sắc là gì? Ngoại Sắc là do thấy Nội Sắc mà sanh khởi. Nội Sắc tùy tâm sanh. Sắc tướng bên trong là “*tâm sanh thì pháp sanh; tâm diệt, sắc ấy cũng diệt*”. Nội Sắc tùy tâm sanh, mà cũng tùy tâm diệt. Ngoại Sắc chẳng phải như vậy. Ngoại Sắc thì quý vị chẳng tưởng, nó vẫn tồn tại. Đây là do chấp trước; nó chẳng quản quý vị chấp trước hay không chấp trước. Quý vị chấp trước Thọ và Sắc, hoặc quý vị chẳng chấp trước Thọ và Sắc. Thọ trong Sắc, Thọ, Tướng, Hành, Thức có nghĩa là “*lãnh nạp*”. Bất luận quý vị chấp trước hay không chấp trước, nó vẫn tồn tại y hệt. Đó là Ngoại Sắc. Nội Sắc thuận theo cái tâm mà sanh diệt. Ngoại Sắc thì tâm quý vị sanh, nó cũng tồn tại; tâm diệt, nó vẫn tồn tại!

Nếu chúng ta mong thấy tướng sanh diệt của Ngoại Sắc, kinh nêu ra một thí dụ. Đối với sắc thân của Phật, chúng ta quán tưởng ba mươi hai tướng và tám mươi thứ hảo của Phật. Quý vị nói “tâm ta đã diệt, [lẽ ra] chẳng có Phật tướng”. [Thế nhưng], tướng nơi Phật tướng vẫn nghiêm

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

nhiên tồn tại, nó chẳng thuận theo cái tâm sanh diệt của quý vị [mà sanh hay diệt theo]. Cho đến đối với Phật, Bồ Tát, La Hán, Thanh Văn, cho tới trời, người, A Tu La, địa ngục, quỷ, súc sanh, tất cả hết thấy sắc tướng trong mười pháp giới, tất cả tướng trạng trong mười pháp giới, do ai tạo tác? Do tạo tác mà có? Hay chẳng nhờ vào tạo tác mà vẫn có? Sắc tướng của mười pháp giới như thế là có hay chẳng có? [Phán định nó] là hữu, là vô, là phi hữu, phi vô, đều chẳng đúng! Như thế nào mới là đúng? Vì hết thấy các pháp vô tánh, chẳng có tánh thể, là duyên khởi, tức là do nhân duyên mà sanh khởi. Vậy thì chúng sẽ do nhân duyên mà tiêu mất ư? Pháp cũng chẳng tồn tại. Nó chẳng có nghĩa tạo tác, chẳng có thể tánh, là các pháp duyên khởi.

Tâm sanh quán tướng như vậy để quán hết thấy các pháp, đó gọi là Nhất Tâm Tam Quán. Tâm nội pháp, tâm ngoại pháp, cho đến đối với tất cả các pháp sanh khởi, Không Quán, Giả Quán, Trung Quán, Không Quán vẫn là tâm, Giả Quán vẫn là tâm, Trung Quán vẫn là tâm. Tâm sanh thì các pháp sanh, nếu tâm diệt thì các pháp diệt. Do vậy, gọi là Nhất Tâm Tam Quán. Chỉ chẳng rời tâm, mà Quán cũng chẳng rời tâm, duy tâm mà thôi! Trong đoạn này, đối với Tỳ Bà Xá Na cũng thế, cho đến khi tu Chỉ, tu Quán, Lô Xá Na tánh, Tỳ Bà Xá Na, Xa Ma Tha, cả hai đều là [cái tâm của chúng ta], Chỉ và Quán bình đẳng. Lại nữa, nói đến Quán thì Quán chính là Chỉ, tức là “*động chính là tĩnh, trong tĩnh có động, trong động có tĩnh. Khi Chỉ bèn có Quán, khi Quán bèn có Chỉ. Chỉ Quán cùng vận dụng*”. Đó là quán Không, quán hết thấy các pháp đều là Không, quán hết thấy các pháp là giả, nhưng chẳng lìa khỏi nghĩa Trung Đạo, do Trung mà hiển hiện. Lý giải như vậy đó!

(Kinh) Thiện nam tử! Nhược năng tập tín thử nhị quán tâm giả, tốc đắc thú hội Nhất Thừa chi đạo.

(經)善男子! 若能習信此二觀心者, 速得趣會一乘之道

•

(Kinh: Nếu thiện nam tử! Nếu có thể tu tập tín tâm đối với hai thứ quán tâm ấy, sẽ mau chóng tiến nhập, lãnh hội đạo Nhất Thừa).

Đồng thời, Địa Tạng Bồ Tát còn giải thích thêm: Thiện nam tử! Nếu có thể tu tập tín tâm đối với hai thứ quán tâm ấy, sẽ mau chóng tiến nhập, lãnh hội đạo Nhất Thừa. Phần kinh văn đang được giảng ở đây toàn nói về Tín. Địa Tạng Bồ Tát chỉ muốn cho chúng ta tin tưởng pháp nghĩa

Đại Thừa, hoàn toàn chưa nói tới chuyện chứng nhập, hãy còn cách biệt rất xa. Chúng ta thường cho rằng chính mình có tín tâm. Địa Tạng Vương Bồ Tát nói chúng ta chẳng có tín tâm. Ngài dạy như thế nào mới được coi là có tín tâm? Quý vị phải tu hành, phải tu hành trong thời gian dài cỡ nào? Người nói theo giáo nghĩa sẽ biết là một vạn kiếp. Nói thông thường, chúng ta quy y Tam Bảo, tín ngưỡng Phật pháp, chúng ta đã có tín tâm, nhưng tín tâm ấy chẳng có cội rễ, chẳng nhập vị. Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, hễ có tín tâm, sẽ tinh tấn tu hành, chẳng lười nhác, luôn luôn niệm Tam Bảo, chẳng đánh mất chánh niệm, huệ tâm thường chiếu, không để cho ý niệm sai lầm [tăng trưởng]. Vừa cảm thấy niệm dấy lên, bèn uốn nắn nó, niệm nào cũng đều trụ nơi Tam Bảo. Do đó, Địa Tạng Bồ Tát giảng đi giảng lại vấn đề này để chúng ta tiến nhập. Tiến nhập gì vậy? Tín tâm. Thiện nam tử! Để có thể tu tập niềm tin đối với hai thứ quán tâm này, thì phải tin tưởng hai thứ quán đạo và cảnh giới Nhất Thật. [Toàn bộ những điều Bồ Tát đã dạy] chỉ nhằm khiến cho chúng ta tin tưởng. Đã tin rồi thì Ngài mới dạy chúng ta tiến nhập bằng cách nào, tu như thế nào! Phải tiến nhập hai thứ quán đạo thì mới có thể tiến nhập đạo Nhất Thừa, mới có thể tiến nhập pháp Nhất Thừa.

(Kinh) Đương tri như thị Duy Tâm Thức Quán, danh vi tối thượng trí huệ chi môn, sở vị năng linh kỳ tâm mãnh lợi, trưởng tín giải lực, tột nhập Không nghĩa, đắc phát vô thượng đại Bồ Đề tâm cố.

(經)當知如是唯心識觀，名爲最上智慧之門，所謂能令其心猛利，長信解力，疾入空義，得發無上大菩提心故。

(Kinh: Hãy nên biết Duy Tâm Thức Quán như thế được gọi là môn trí huệ tối thượng, tức là do nó có thể khiến cho cái tâm nhạy bén, tăng trưởng sức tín giải, nhanh chóng nhập nghĩa Không, phát khởi tâm đại Bồ Đề vô thượng).

Đây gọi là môn Quán gì vậy? Duy Tâm Thức Quán. Hãy nên biết Duy Tâm Thức Quán như thế, vạn pháp duy tâm, vạn pháp duy thức. Quý vị phải dùng sức quán chiếu để nhận biết “vạn pháp duy thức” là gì, “vạn pháp duy tâm” là gì. Đó là pháp môn trí huệ tối thượng. Vì học tập pháp môn trí huệ này, sẽ có thể khiến cho cái tâm của chúng ta bén nhạy. “Mạnh mẽ, nhạy bén” có nghĩa là giống như chúng ta làm chuyện gì rất mạnh mẽ, lanh lợi, chẳng sợ nguy nan. Đã có tín tâm ấy, quý vị tu hành

trong Phật pháp thì mới có thể mạnh mẽ, nhạy bén, mới có thể tăng trưởng sức tín giải của quý vị. Vì sao chúng ta tin chẳng sâu? Do quý vị không lý giải! Quý vị không lý giải, lòng tin sẽ chẳng sâu. Cho tới khi quý vị hiểu rõ, lý giải, tín lực tăng trưởng. Đạt tới gì vậy? Nhanh chóng nhập nghĩa Không. Đó chỉ là khúc nhạc dạo đầu của Không Quán, tức là tiền phương tiện của tu Không Quán. Chẳng có tiền phương tiện, quý vị tu Không Quán sẽ chẳng thành. Địa Tạng Bồ Tát lại bảo chúng ta: Đó là môn trí huệ, là môn trí huệ tối thượng. Ai nấy đều mong đắc trí huệ nhưng chẳng có, vẫn chưa có cửa ngõ để vào! Quý vị còn chẳng có cửa để vào, tiền nhập trí huệ bằng cách nào đây? Những gì chúng ta đã học là Thế Trí Biện Thông, chẳng phải là trí huệ. Trí huệ là liễu sanh tử, chứng Niết Bàn. Chúng ta toàn là Thế Trí Biện Thông của thế gian. Vì đã có tín tâm, trí huệ đã tăng trưởng, chúng ta đã có sức, đối với pháp do đức Phật đã nói, quý vị có thể lý giải, đó gọi là “*tín giải lực*”. Chẳng tin thì làm sao có thể tín giải cho được? Quý vị đạt được tín lực trước đã rồi mới có thể lý giải.

Sự lý giải của chúng ta là tương tự. Đã có sức lý giải, do sức tín giải ấy thì sẽ có thể lý giải, mới có thể tiền nhập Không. Nhập nghĩa Không thì mới có thể phát khởi vô thượng đại Bồ Đề tâm. Mỗi vị đạo hữu chúng ta đều biết phát Bồ Đề tâm là căn bản. Nếu quý vị phê bình kẻ nào đó, nói kẻ đó chẳng phát Bồ Đề tâm, kẻ đó tuyệt đối chẳng chấp nhận. Nhưng quý vị phải thâm nhập, nghiên cứu một phen: Như thế nào thì mới được coi là phát Bồ Đề tâm? Đạt được địa vị Thập Tín, đã có sức tín giải để chứng đắc nghĩa Không. Phát Bồ Đề tâm, Bồ Đề tâm chẳng phải là Hữu, mà là Không; từ trong Không sanh ra Hữu. Thật sự phát đại Bồ Đề tâm, trải qua phân tích, chúng ta lý giải: Đấy mới là phát đại Bồ Tát tâm, biết ngoài tâm chẳng có pháp. Tu Định, tu Huệ như thế được gọi là “*Chỉ Quán viên đốn*”; đó mới gọi là Viên Giáo, Đốn Giáo. Mọi người đều biết Trí Giả đại sư. Trí Giả đại sư sáng lập tứ giáo của tông Thiên Thai, tất cả bọn Tăng nhân chúng ta đều thừa nhận trí huệ của Ngài. Tại gia đệ tử lần xuất gia đệ tử đều thừa nhận trí huệ của Trí Giả đại sư. Khi Ngài viên tịch, đệ tử hỏi Ngài: “Thưa sư phụ, nay thầy đã chứng đắc địa vị gì?” Ngài đáp: “*Nếu ta chẳng xây chùa, hoằng pháp lợi ích chúng sanh, ta có thể đạt tới Sơ Trụ. Vì hoằng pháp lợi sanh, ta chỉ có thể đạt tới địa vị Ngũ Phẩm*”, tức là địa vị thứ năm trong Tín Vị của Viên Giáo. Mọi người biết: Xét theo công lực tu tập Chỉ Quán viên đốn của Trí Giả đại sư, Ngài đạt tới địa vị Ngũ Phẩm trong Chỉ Quán viên đốn, tức là vẫn chưa đạt tới mức sáu căn thanh tịnh. Đạt tới địa vị sáu căn thanh tịnh thì mới dự vào Sơ Trụ trong Viên Giáo. Nói cách khác, vẫn chưa dự vào địa vị Sơ Trụ.

Bồ Tát đã dự vào địa vị Sơ Trụ, có thể thị hiện thân Phật tới cúng dường hết thấy chư Phật trong mười phương pháp giới. Thập Tín viên mãn, dự vào địa vị Sơ Trụ của Viên Giáo, nhập Đệ Nhất Nghĩa Không. “Không” là chẳng chướng ngại, mười phương pháp giới chẳng chướng ngại. Vị Bồ Tát ấy sẽ vĩnh viễn chẳng đọa làm phàm phu, mà cũng chẳng đọa vào Nhị Thừa. Ý nghĩa này hoàn toàn phù hợp với nghĩa lý trong kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm nói như thế, sáu căn thanh tịnh, Đệ Nhất Nghĩa Không, Không thì mới thanh tịnh. Chúng ta nói “*thanh tịnh*” thì phải là đã chứng nhập nghĩa Không, chứng nhập nghĩa Không là đã thanh tịnh rốt ráo. Chúng ta hãy nghe nói đến Tín vị, cảm thấy Tín vị rất thấp. [Thật ra], Tín vị cũng rất cao, Tín vị trong Viên Giáo chẳng dễ dàng đâu nhé! Đối với Tín vị của Viên Giáo, khi quý vị viên mãn Thập Tín, sẽ vĩnh viễn chẳng đọa làm phàm phu, mà cũng chẳng đọa vào Nhị Thừa. Khi đó, tiến nhập địa vị Sơ Trụ của Viên Giáo, đây mới là “*phát đại Bồ Đề tâm*”. Địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo là Phát Tâm Trụ, cho nên gọi là “*phát Bồ Đề tâm*”.

(Kinh) Nhược học tập Chân Như Thật Quán giả, tư duy tâm tánh vô sanh, vô diệt, bất trụ kiến, văn, giác, tri, vĩnh ly nhất thiết phân biệt chi tướng.

(經)若學習真如實觀者，思惟心性，無生無滅，不住見聞覺知，永離一切分別之想。

(Kinh: Nếu học tập Chân Như Thật Quán thì hãy tư duy tâm tánh chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng trụ vào thấy, nghe, hay biết, vĩnh viễn là khỏi hết thấy các ý tướng phân biệt).

Học tập Chân Như Thật Quán, quán hết thấy các pháp đều là Chân Như, đều là Thật Tướng; đó gọi là Chân Như Thật Quán. Tư duy tánh của hết thấy các pháp chính là tâm tánh vô sanh, vô diệt. Hết thấy các pháp đều chẳng sanh, chẳng diệt; tâm tánh vô sanh, vô diệt. Chẳng trụ vào “*thấy, nghe, hay, biết*”, vĩnh viễn chẳng có ý niệm phân biệt. Chẳng có ý tướng phân biệt, đương nhiên là chẳng có sự thật [để phân biệt]. Đây là chân thật tánh môn. Quán như thế nào? Chính là quán tánh chân thật, tư duy tướng tâm tánh vô sanh, vô diệt, chẳng tăng, chẳng giảm, chẳng nhơ, chẳng sạch. Khi chúng ta đọc Tâm Kinh, [thấy chép] Quán Tự Tại Bồ Tát tu môn Quán ấy, Ngài chiếu kiến Ngũ Uẩn đều Không, chẳng có Sắc,

Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp, chẳng có Nhân Giới, cho đến chẳng có Ý Thức Giới, chẳng có vô minh, mà cũng chẳng có “*hết vô minh*”. Đó chính là tướng cảnh giới trong hiện thời, chẳng có hết thấy các ý tưởng phân biệt. Trong khi quý vị quán tưởng Chân Như thật tánh, chẳng trụ vào thấy, nghe, hay, biết.

(Kinh) Tiệm tiệm năng quá Không Xứ, Thức Xứ, Vô Thiếu Xứ, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, đẳng định cảnh giới tướng, đắc Tương Tự Không tam-muội.

(經)漸漸能過空處，識處，無少處，非想非非想處，等定境界相，得相似空三昧。

(Kinh: Dần dần có thể vượt khỏi tướng cảnh giới của các môn Định như Không Xứ, Thức Xứ, Vô Thiếu Xứ, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, đạt được Tương Tự Không tam-muội).

Khi đó, dần dần có thể vượt khỏi tướng cảnh giới của các môn định Không Xứ, Thức Xứ, Vô Thiếu Xứ, và Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ, môn Định ấy cao lắm. Đạt được Tương Tự Không tam-muội, chẳng phải là Chân Không, mà là tương tự tam-muội, vẫn là Tương Tự Không tam-muội.

(Kinh) Đắc Tương Tự Không tam-muội thời, Thức, Tướng, Thọ, Hành thô phân biệt tướng bất hiện tại tiền. Tòng thử tu học, vi thiện tri thức đại từ bi giả thủ hộ, trưởng dưỡng. Thị cố, ly chư chướng ngại, cần tu bất phế, triển chuyển năng nhập Tâm Tịch tam-muội.

(經)得相似空三昧時，識想受行粗分別相不現在前。從此修學，為善知識大慈悲者守護長養。是故，離諸障礙，勤修不廢，展轉能入心寂三昧。

(Kinh: Khi đạt được Tương Tự Không tam-muội, tướng thô phân biệt của Thức, Thọ, Tướng, Hành chẳng hiện ra trước. Từ đó tu học, sẽ được bậc thiện tri thức đại từ bi thủ hộ, trưởng dưỡng. Do vậy, lìa các chướng ngại, siêng tu chẳng bỏ, lần lượt có thể nhập Tâm Tịch tam-muội).

Khi đắc Tương Tự Không tam-muội, thô tướng phân biệt của Thức, Tướng, Thọ, Hành chẳng hiện tiền, đối với hết thảy các pháp chẳng dấy lên tướng phân biệt; nhưng dấy chỉ là thô phân biệt. Từ đó trở đi, bắt đầu tu học. Trong khi quý vị tu tập, có thể được thiện tri thức đại từ bi thủ hộ, trưởng dưỡng. “*Thiện tri thức*” là nói đến bậc đại Bồ Tát. Hết thảy các vị đại Bồ Tát có thể thủ hộ quý vị, khiến cho thiện căn của quý vị tăng trưởng, vun bồi, chẳng bị thoái đọa nữa. Khi đó, chướng ngại trong tu hành của quý vị sẽ ít hơn, có thể chẳng gián đoạn, dững mãi, siêng rông tu tập. Khi đó, có thể nhập định, môn Định gì vậy? Môn Định ấy có tên là Tâm Tịch tam-muội. Trước đó là Sắc Tịch tam-muội, ở đây là Tâm Tịch tam-muội. Đạt được bằng cách nào? Vì quý vị quán tâm tánh, [nhận biết] “*tâm tánh bất sanh, bất diệt*” mà nhập tam-muội, nên gọi là Tâm Tịch tam-muội.

(Kinh) Đắc thị tam-muội dĩ, tức phục năng nhập Nhất Hạnh tam-muội. Nhập thị Nhất Hạnh tam-muội dĩ, kiến Phật vô số, phát thâm quảng hạnh tâm, trụ kiên tín vị, sở vị u Xa Ma Tha, Tỳ Bà Xá Na, nhị chủng quán đạo, quyết định tín giải, năng quyết định hướng.

(經)得是三昧已，即復能入一行三昧。入是一行三昧已，見佛無數，發深廣行心，住堅信位，所謂於奢摩他，毗婆舍那，二種觀道，決定信解，能決定向。

(Kinh: Đã đắc môn tam-muội ấy, lại liền có thể nhập Nhất Hạnh tam-muội. Đã nhập môn Nhất Hạnh tam-muội ấy, sẽ thấy Phật vô số, phát khởi hạnh tâm sâu rộng, trụ nơi địa vị tín tâm kiên định, tức là đối với hai loại quán đạo Xa Ma Tha và Tỳ Bà Xá Na, bèn có tín giải quyết định, có thể quyết định hướng theo [Phật đạo]).

Đã đắc môn tam-muội ấy (Tâm Tịch tam-muội), lại có thể tiến nhập Nhất Hạnh tam-muội. Do đã đắc Tâm Tịch tam-muội, cho nên có thể nhập Nhất Hạnh tam-muội. Đã nhập Nhất Hạnh tam-muội, sẽ có thể thấy vô số Phật. Mười phương chư Phật đều có thể thấy, phát tâm sâu rộng, trụ nơi địa vị tín tâm kiên định. Tin tưởng kiên định điều gì? Hai loại quán đạo Xa Ma Tha và Tỳ Bà Xá Na. Không chỉ tin, mà sau đó còn có thể giải; khi ấy, quyết định hướng theo Phật đạo. “*Quyết định hướng*” là quyết định hướng theo Phật đạo. Đó là địa vị gì vậy? Viên mãn Thập Tín. Khi đó mới gọi là “*có tín tâm*”. Đây là bậc tín tâm viên mãn, đó là chúng

đắc của bậc tín tâm viên mãn. Tin gì vậy? Tin vào môn Nhất Hạnh tam-muội này. Nhất Hạnh tam-muội là do quán tâm của Xa Ma Tha và Chỉ của Tỳ Bà Xá Na; lúc ấy, có thể thấy vô số Phật, phát khởi hạnh tâm rộng lớn. Khi đó, bèn bắt đầu tu tập. Tin Tỳ Bà Xá Na Quán, tin Xa Ma Tha Chỉ, gọi là “*Chỉ Quán song vận*”. Đây gọi là “*Chỉ Quán viên đốn*”. Sáu căn thanh tịnh: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý là sáu căn thanh tịnh, thuộc vào địa vị tín tâm kiên định. Khi đó, tín ngưỡng của quý vị chẳng lui sụt, giải lực cũng chẳng lui sụt, thành tựu địa vị kiên định. Địa vị gì vậy? Địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo. Khi đó, lại trụ trong Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo, phát khởi các địa vị thuộc vào tâm hạnh của bậc Trụ vị Nhất Thừa đại Bồ Tát trong Viên Giáo, sức tín giải trọn đủ.

(Kinh) Tùy sở tu học thế gian chư Thiên tam-muội chi nghiệp, vô sở nhạo trước, nãi chí biến tu nhất thiết thiện căn Bồ Đề phân pháp. Ư sanh tử trung, vô sở khiếp úy, bất nhạo Nhị Thừa.

(經)隨所修學世間諸禪三昧之業，無所樂着，乃至遍修一切善根菩提分法。於生死中，無所怯畏，不樂二乘。

(Kinh: Thuận theo các nghiệp Thiên tam-muội thế gian đã tu học mà chẳng ưa đắm. Cho đến tu trọn khắp hết thấy các pháp thiện căn Bồ Đề phân. Ở trong sanh tử, chẳng khiếp nhược, sợ hãi, chẳng ưa thích Nhị Thừa).

Khi đó, người ấy đã tin tưởng, nhập Chân Như thật kiến. Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng gồm ba mươi địa vị. Tuy có ba mươi địa vị, tiến nhập Sơ Trụ và địa vị cuối cùng là Thập Hồi Hướng, đều có ba mươi địa vị [như vừa nói], thật ra, [địa vị nào trong Tam Hiền cũng] đều đã tiến nhập sáu căn thanh tịnh, tức sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều thanh tịnh.

(Kinh) Dĩ y năng tập hướng nhị quán tâm, tối diệu xảo tiện, chúng trí sở y hành căn bản cố.

(經)以依能習向二觀心，最妙巧便，衆智所依行根本故

•

(Kinh: Do có thể nương vào, hướng đến tu tập hai môn quán tâm là phương tiện thiện xảo màu nhiệm nhất. Đó là căn bản nương vào để vận dụng các trí).

Khi tu hai loại quán đạo ấy, trí huệ và phương tiện thiện xảo của người ấy tăng trưởng. Hành trì pháp ấy (hai loại quán đạo), sẽ nương vào tương tự Bồ Đề tâm, [cái tâm ấy] tương tự chân tâm. Ba mươi địa vị ấy (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng) đều là tương tự Bồ Đề tâm. Gì mới là chân thật? Dụ vào ngôi Sơ Địa, Bồ Tát sẽ thật sự chứng đắc Bồ Đề tâm.

Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng đều gọi là địa vị tương tự. Tuy là Sơ Trụ, cho đến địa vị thứ mười trong Thập Hồi Hướng, tuy có tới ba mươi địa vị, nhưng xét theo Lý, thì [các địa vị ấy] đều giống nhau. Bất quá, xét đại lược thì có cạn hay sâu khác biệt. Khi ấy, hễ đã trụ trong tín tâm thành tựu viên mãn, sẽ giống như đã thành Chánh Giác, nhưng chỉ là tương tự, chẳng phải là chân thật. Khi đạt lên Sơ Địa thì là chân thật, chứng đắc một phần Pháp Thân. Khi trụ vào ngôi Sơ Trụ thì là tương tự chứng Pháp Thân, chẳng phải là thật sự chứng đắc.

(Kinh) Phục thứ, tu học như thượng tín giả giả, nhân hữu nhị chủng. Hà đẳng vi nhị? Nhất giả, lợi căn. Nhị giả, độn căn. Kỳ lợi căn giả, tiên dĩ năng tri nhất thiết ngoại chư cảnh giới, duy tâm sở tác, hư cuống bất thật, như mộng, như huyễn đẳng, quyết định vô hữu nghi lự. Ám cái khinh vi, tán loạn tâm thiếu. Như thị đẳng nhân, tức ưng học tập Chân Như Thật Quán. Kỳ độn căn giả, tiên vị năng tri nhất thiết ngoại chư cảnh giới, tất duy thị tâm, hư cuống, bất thật. Cố nhiệm trước tình hậu, cái chướng sở khởi, tâm nan điều phục. Ứng đương tiên học Duy Tâm Thức Quán.

(經)復次，修學如上信解者，人有二種。何等爲二？一者、利根。二者、鈍根。其利根者，先已能知一切外諸境界，唯心所作，虛誑不實，如夢如幻等，決定無有疑慮。陰蓋輕微，散亂心少。如是等人，即應學習真如實觀。其鈍根者

, 先未能知一切外諸境界, 悉唯是心, 虛誑不實。故染着情厚, 蓋障數起, 心難調伏。應當先學唯心識觀。

(Kinh: Lại nữa, tu học tín giải như trên thì có hai loại người. Những gì là hai? Một là lợi căn, hai là độn căn. Kẻ lợi căn trước hết đã có thể biết hết thấy các cảnh giới bên ngoài chỉ do tâm tạo, hư dối, chẳng thật, như mộng, như huyễn v.v... quyết định chẳng có ngờ lo. Ấm cái nhẹ ít, tâm tán loạn ít. Những người như thế hãy nên học tập ngay Chân Như Thật Quán. Kẻ độn căn do trước đó đã không thể biết các cảnh giới bên ngoài đều chỉ là tâm, là hư dối, chẳng thật. Vì thế, đắm nhiễm tình chấp sâu dày, cái chướng nhiều lượt dấy lên, tâm khó điều phục. Trước hết, phải nên học Duy Tâm Thức Quán).

Đại khái có hai loại người, hai loại nào vậy? Những gì là hai? Một là kẻ lợi căn, hai là kẻ độn căn. Cùng học một pháp, mà có lợi căn và độn căn. Lợi căn là tình huống gì? Kẻ lợi căn trước hết đã có thể biết hết thấy các cảnh giới bên ngoài đều chỉ do tâm hiện. Khi kẻ lợi căn tu pháp, biết hết thấy các pháp đều do các tâm sở (các tác dụng tâm lý của vọng tâm) biến hiện, hết thấy các pháp đều là hư vọng, chẳng thật, chẳng chân thật, đều do tâm hiển hiện. Kẻ đó có thể biết hết thấy các pháp hư vọng chẳng thật, chỉ do tâm tạo tác. Hết thấy các pháp là tướng cảnh giới gì vậy? Giống như chúng ta nằm mộng, hoặc các thứ biến đổi huyễn hóa trong trò xiếc. Khi đó, [tâm kẻ ấy] chẳng nghi hoặc, chẳng suy nghĩ. Đối với hết thấy các pháp, chúng ta đều có nghi ngờ, có suy nghĩ, [kinh thường nói là] có “*nghi lự*” (疑慮). Khi đọc kinh, đối với những lời dạy trong kinh đều ôm lòng hoài nghi, [do những ngờ vực] ấy nhỏ bé, nên quý vị chẳng thể nhận biết. Hết thấy các pháp nếu rời ngoài cái tâm thì sẽ chẳng có pháp, chỉ do tâm tạo tác, đều là hư vọng, chẳng thật, giống như quý vị nằm mộng, hư huyễn chẳng thật. Người vừa mới chứng đắc địa vị này, vừa viên mãn tâm Thập Tín, sẽ chẳng có ngờ vực, đối với hết thấy các pháp đều chẳng ngờ vực.

Do Ấm Cái nhẹ ít, tâm tán loạn cũng ít. Ấm có năm loại, tức Ngũ Ấm, hay Ngũ Uẩn. [Cái là] Ngũ Cái (五蓋, năm thứ che đậy). Nói thông thường, Ngũ Uẩn là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức, những điều ấy được gọi là cảnh giới Ngũ Uẩn. Uẩn (蘊) là gì? Uẩn có nghĩa là “*che lấp, chướng lấp*”, [tức là những thứ] chướng lấp Chân Như Thật Tánh của quý vị. Các Hoặc nghiệp ấy che lấp quý vị. Do quý vị dấy lên rất nhiều phiền

não, các phiền não ấy ngăn chướng chân tâm của quý vị. “Cái” là Ngũ Cái, tức các pháp tham dục cái, sân khuê cái, ngu nghệ, điều (掉, lao chao), hối (悔, hối hận), và nghi. Các pháp ấy được gọi chung là “*phiền não*”, Nghi và Cái là các danh xưng riêng của phiền não mà thôi, đều là phiền não. Quý vị đã phiền não, khiến cho cái tâm của quý vị bị che đậy, trói buộc, chướng ngại, chân tâm chẳng thể hiện hiện được. Do chẳng hiện hiện được, cho nên tu hành sẽ chẳng thể đắc lực. Chẳng có món Cái nào, tu hành sẽ dễ đắc lực. Khi đó, tu tập, hướng đến hai thứ quán đạo, tu cái tâm của chính mình, sẽ có thể tu tập, hướng đến hai thứ quán tâm xảo diệu nhất, có thể vận dụng phương tiện hay khéo. Đó là chỗ nương cậy của hết thầy trí huệ, có thể hành các hạnh căn bản. Đương nhiên là sức tín giải của người ấy đã viên mãn, dựa vào địa vị Sơ Trụ. Tuy chẳng thật sự minh tâm kiến tánh, [chỉ là] tương tự minh tâm kiến tánh, thuộc vào địa vị tương tự, nhưng người ấy đã thông hiểu.

Lại nữa, người tu học tín giải như trên có hai loại, một loại là lợi căn, loại kia là độn căn. Người lợi căn biết hết thầy tất cả tướng cảnh giới bên ngoài đều do tâm tạo tác. Lìa khỏi cái tâm, bên ngoài chẳng có pháp, [thường nói là] “*ngoài tâm chẳng có pháp*”. Hết thầy các pháp đều là tâm, ngoài pháp chẳng có tâm. Hết thầy các pháp đều là tâm, tâm sanh hết thầy các pháp, ngoài pháp chẳng có tâm. Ngay trong khi ấy, người lợi căn có thể hiểu rõ, lý giải, tín giải. Kẻ độn căn sẽ chẳng thể tín giải. Người lợi căn chẳng có nghi hoặc, Ngũ Cái và Ngũ Uẩn đều nhẹ, tâm người ấy thường chẳng tán loạn, tâm luôn ở trong Định. Định có thể sanh ra Huệ. Người lợi căn có thể tiến thêm bước nữa, tu hành Chân Như Thật Quán. Vì sao Sơ Trụ Bồ Tát tương tự thấy Chân Như? Vì vị ấy có thể bắt đầu tu Chân Như Thật Quán. Vị ấy chưa chứng đắc; tuy chẳng chứng đắc, nhưng vị ấy tin tưởng. Tín tâm của vị ấy chẳng giống niềm tin của chúng ta. Chánh tri của vị ấy là do nương vào Thật Tế Lý Địa mà khởi lên niềm tin. Vị ấy biết hết thầy các pháp chỉ do tâm hiện. Hết thầy các pháp là tâm. Đây là bậc lợi căn.

Kẻ độn căn chẳng được như vậy. Đối với hết thầy cảnh giới bên ngoài, kẻ độn căn chẳng trọn đủ tín tâm như vậy, chẳng có lòng tin ấy. Vì kẻ đó nhiễm đắm tập khí thế gian rất nặng, Ngũ Cái và Ngũ Chướng thường dấy lên, trong tâm chẳng khéo điều phục. Đại khái, [nói “kẻ độn căn”] tức là nói tới bọn đại chúng chúng ta. Nay chúng ta chẳng khéo điều phục cái tâm, thường dấy lên Cái, khởi Chướng, vậy thì phải nên làm như thế nào? Hãy học Duy Tâm Thức Quán. Địa Tạng Bồ Tát lại dạy chúng ta

một phương pháp: Tu học Duy Tâm Thức Quán. Nhưng để tín giải cảnh giới Nhất Thật, chúng ta phải tu hành tín lực và giải lực, tức là khi tu Duy Tâm Thức Quán đạt tới mức thật sự tiến nhập, thì gọi là Danh Tự Vị (Danh Tự Tức Phật) trong Viên Giáo. Tin vào cảnh giới Nhất Thật, tu tín, tu giải, gọi là Danh Tự Vị trong Viên Giáo. Vì thế, chia thành độn căn và lợi căn. Lợi căn tu hành nhanh chóng hơn đôi chút, độn căn tu hành chậm trễ hơn một chút, phương pháp có sai khác đôi chút!

(Kinh) Nhược nhân tuy học như thị tín giải, nhi thiện căn nghiệp bạc, vị năng tấn thú, chư ác phiền não bất đắc tiệt phục, kỳ tâm nghi khiếp, úy đọa tam ác đạo, sanh bát nạn xứ, úy bất thường tri Phật, Bồ Tát đẳng, bất đắc cúng dường, thính thọ chánh pháp, úy Bồ Đề hạnh nan khả thành tựu. Hữu như thử nghi bố cập chủng chủng chướng ngại đẳng giả.

(經)若人雖學如是信解，而善根業薄，未能進趣，諸惡煩惱不得漸伏，其心疑怯，畏墮三惡道，生八難處，畏不常值佛菩薩等，不得供養，聽受正法，畏菩提行難可成就。有如此疑怖及種種障礙等者。

(Kinh: Nếu người tuy học tín giải như thế, nhưng nghiệp thiện căn mỏng manh, chưa thể tiến nhập, chẳng thể dần dần chế phục các phiền não ác, cái tâm nghi ngờ, khiếp nhược, sợ đọa vào ba ác đạo, sanh vào chỗ tám nạn, sợ chẳng thường gặp gỡ các vị Phật, Bồ Tát, chẳng được cúng dường, nghe nhận chánh pháp, sợ Bồ Đề hạnh khó thể thành tựu. Có nỗi ngờ vực, sợ hãi, và các thứ chướng ngại như thế đó).

Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy: Nếu có người tuy học tín giải, học tín, học giải như thế, tuy quý vị học tín giải, nhưng chẳng đủ thiện căn, ác nghiệp rất nhiều, thiện căn mỏng yếu. Khi cần tu đạo tiến cao hơn, tốc độ tiên bộ rất chậm, chẳng nhanh chóng như người lợi căn. Do vậy, phiền não dấy lên, quý vị chẳng thể hàng phục được. Nay chúng ta chẳng thể hàng phục phiền não dấy lên trong tâm, nhưng lại vẫn chẳng nhận biết phiền não. Ngay cả phiền não mà còn chẳng nhận biết, hàng phục nó bằng cách nào đây? Chẳng hạn như chúng ta cảm thấy không đúng, niệm trước dấy ác, đừng để cho niệm dấy lên nữa, phải đoạn dứt nó! Nếu có thể đoạn thì là bậc lợi căn, nhận biết niệm trước khởi ác bèn ngưng dứt, không cho

niệm sau dấy lên. Đây là “có thiện căn”. Nhận biết niệm trước dấy ác mà cứ để cho nó tiếp nối, chẳng thể đoạn dứt, hoặc cảm thấy ý niệm trước vừa dấy lên không đúng, [ý niệm ấy] xa lìa đạo liễu sanh tử, ta lập tức có thể ngưng dứt nó. Khá lắm! Chỉ sợ là bị chuyển theo nghiệp, thuận theo nó! Đối với những trường hợp giống như thế, hãy nên tu tập như thế nào? Hãy hàng phục dần dần, hàng phục nó từ từ! Nhưng kẻ ấy ôm lòng nghi ngờ, khiếp đảm, “*khiếp*” (怯) là chẳng dũng mãnh. Đồng thời, sợ đọa vào địa ngục, ngã quý, súc sanh, tức ba ác đạo, rất sợ hãi ba ác đạo. Giả sử đời này bị đọa lạc, đọa lạc trong tam ác đạo thì lại phải nên làm như thế nào? Hoặc là sanh vào chỗ tám nạn, tức là sanh vào nơi chẳng có Phật pháp. Đời này quý vị chẳng gặp gỡ Phật pháp, chẳng gặp gỡ Phật pháp thì tương lai sẽ khó khăn!

Tám chướng ngại gì vậy? Sanh vào địa ngục đọa, đọa lạc địa ngục đọa thì còn có thể tu hành hay không? Pháp cũng chẳng được nghe. Ngã quý, súc sanh, Bắc Câu Lô Châu chẳng nghe Phật pháp. Trường Thọ Thiên, kẻ đui, điếc, câm ngọng học Phật pháp bằng cách nào đây? Chẳng học được! Còn có một loại rất thông minh, Thế Trí Biện Thông, tự cho là thông minh, chẳng tin tưởng Phật pháp. Còn có kẻ sanh trước Phật, hoặc sanh sau Phật. Đó gọi là “*tám nạn*”. Nay Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ, đã là sau thời Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Phật Di Lặc còn chưa giảng sanh, tức là trước thời Phật Di Lặc trụ thế, chúng ta thuộc một trong tám nạn, tức “*Phật tiền, Phật hậu*”. Nhưng chúng ta lại có thể nghe Phật pháp, nay chúng ta có thể học tập kinh Địa Tạng. Đây là một pháp môn đặc thù, coi như chúng ta tránh khỏi một nửa nạn này, còn có Phật pháp để nghe. Trong tình huống như thế này, được gọi là thời Mạt Pháp, tâm chúng ta chẳng tinh thuần như vậy, rất khó hàng phục, nhập đạo, tu đạo, chướng ngại khá nhiều, rất khó khăn! Chúng ta không thể tin tưởng cảnh giới Nhất Thật, cái tâm tín giải chẳng thể dấy lên. Chúng ta cũng chẳng thể nhập địa vị Danh Tự của Viên Giáo, chẳng thể xưng là “*viên nhân*”. Người tin tưởng pháp Viên Giáo được gọi là “*viên nhân*”, viên nhân thì không điều gì chẳng viên mãn. Tri kiến của chúng ta đúng là chẳng viên, méo mó, lệch lạc. Chướng ngại chủ yếu nhất là gì? Thấy người khác đều chẳng đúng, luôn có cảm giác chính mình khá lắm. Đây là [chướng ngại] chủ yếu nhất. Chướng ngại chủ yếu nhất là chẳng trông lòng, chẳng thể tôn trọng hết thầy các pháp, mà cũng chẳng thể tôn trọng hết thầy mọi người, chúng ta làm sao có thể sanh khởi giải ngộ viên mãn cho nổi? Biết hết thầy các cảnh giới đều là tâm, ngoài tâm chẳng có pháp. Nếu có thể có

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

sức tín ngưỡng ấy thì sẽ tuyệt diệu lắm; đó gọi là “viên giải, viên văn” (hiểu viên mãn, nghe viên mãn). Nhiệm đấm tình chấp rất sâu như thế thì lại phải nên làm như thế nào?

(Kinh) Ung w nhất thiết thời, nhất thiết xứ, thường cần tụng niệm ngã chi danh tự.

(經)應於一切時，一切處，常勤誦念我之名字。

(Kinh: Hãy nên trong hết thảy mọi lúc, hết thảy mọi nơi, thường siêng năng tụng niệm danh hiệu của ta).

Cuối cùng, Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Quý vị học gì cũng đều chẳng thành, điều gì cũng chẳng có cách nào [thực hiện], vậy thì tốt nhất là hãy nên niệm danh hiệu của ta là được. Hãy niệm “*Nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát*” là được rồi! Trước hết là tiêu trừ tai nạn, sau đó sẽ tiên nhập. Cuối cùng, Ngài nói: Nếu người tuy học tín giải như thế, nghiệp thiện căn mỏng tanh, tức thiện nghiệp mỏng manh, chẳng thể tiên nhập, hướng tới cao hơn, các ác phiền não chẳng thể tiêu mất dần dần, chẳng thể hàng phục [các phiền não ấy], tâm hoài nghi rất nặng. Ôi chao! Phật đạo dài lâu, vừa thấy “hễ nhập vào tín tâm ấy thì sẽ tốn thời gian tu tập dài ngàn ấy”, liền ngã lòng, khiếp đảm, lại còn sợ hãi, sợ đọa vào ba đường ác, lại sợ đọa trong tám nạn, nói Bồ Đề đạo dài xa, chẳng thể thành tựu được! Có đủ loại kinh sợ, đủ loại chướng ngại như thế đó, đối với hạng người như thế ấy, phải làm như thế nào? Hãy nên trong hết thảy mọi lúc, hết thảy mọi chỗ, thường siêng năng tụng niệm danh hiệu của ta. Chẳng có cách nào khác! Đây là Địa Tạng Bồ Tát đưa ra một pháp môn phương tiện, tu gì cũng chẳng thể tiên nhập, được thôi! Quý vị hãy niệm danh hiệu của ta! Vẫn chẳng thể niệm nổi ư? Hãy nên trong hết thảy mọi lúc, hết thảy mọi chỗ, thường siêng năng tụng niệm danh tự của ta, chỉ cần chẳng gián đoạn. Niệm danh hiệu của Ngài lâu ngày, Địa Tạng Vương Bồ Tát gia trì quý vị, sẽ khiến cho quý vị tâm chẳng tán loạn, có thể đắc định. Định được cái tâm trước đã rồi mới nói đến bước thứ hai!

(Kinh) Nhược đắc nhất tâm, thiện căn tăng trưởng, kỳ ý mãnh lợi, đương quán ngã Pháp Thân, cập nhất thiết chư Phật Pháp Thân, dữ kỷ tự thân, thể tánh bình đẳng, vô nhị, vô biệt, bất sanh, bất diệt, thường, lạc, ngã, tịnh, công đức viên mãn, thị khả quy y.

(經)若得一心，善根增長，其意猛利，當觀我法身，及一切諸佛法身，與己自身，體性平等，無二無別，不生不滅，常樂我淨，功德圓滿，是可歸依。

(Kinh: Nếu đắc nhất tâm, thiện căn tăng trưởng, tâm ý mạnh mẽ, nhạy bén, hãy nên quán Pháp Thân của ta và Pháp Thân của hết thảy chư Phật, cùng với thân của chính mình thể tánh bình đẳng, chẳng hai, chẳng khác, bất sanh, bất diệt, thường, lạc, ngã, tịnh, công đức viên mãn, đáng để quy y).

Khi ấy, nếu đắc nhất tâm, tâm niệm đã thuần thực, niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, cấy vào sức gia trì của Địa Tạng Bồ Tát, cái tâm vọng tưởng của quý vị ít đi, chánh niệm nhiều hơn, thiện căn tăng trưởng, ý niệm sẽ mạnh mẽ, nhạy bén. Ý niệm đã mạnh mẽ, nhạy bén, sẽ chẳng xung niệm suông danh hiệu của ta, mà còn tấn tu thêm bước nữa, sẽ quán Pháp Thân của ta. Pháp Thân của ta là Pháp Thân của hết thảy chư Phật, mà cũng chính là Pháp Thân của chính người tu hành quý vị. Pháp Thân chẳng hai, chẳng sai khác. Mười phương chư Phật và mười phương hết thảy chúng sanh có cùng một Pháp Thân. Vì thể tánh bình đẳng, chẳng hai, chẳng khác, bất sanh, bất diệt, thường, lạc, ngã, tịnh, công đức viên mãn, đáng để quy y. Mọi người đều hiểu điều này. Do vậy, thường siêng năng niệm danh hiệu của ta, sẽ có thể tiêu trừ hôn trầm, tán loạn cho quý vị. Vì quý vị niệm danh hiệu lâu ngày, sẽ tăng trưởng sức mạnh của ý căn, sẽ dần dần tương ứng với cảnh giới Nhất Thật, có thể tin tưởng, tiến nhập. Nhưng quý vị phải thường xuyên tưởng niệm, quán sát Địa Tạng Bồ Tát. Quán sát Địa Tạng Bồ Tát chính là quán sát hết thảy mười phương chư Phật, vì tâm Địa Tạng Bồ Tát là thể tánh của Như Lai, chẳng hai, chẳng khác với mười phương chư Phật. Mười phương hết thảy chư Phật và tất cả hết thảy chúng sanh đều là một cái tâm, chẳng có hai tâm! Tâm là một, chỉ là mê hay ngộ. Mê và ngộ có sự khác biệt to lớn. Hết thảy chúng sanh là mê, mười phương chư Phật là ngộ, nhưng bản tánh chẳng khác biệt. Mê vẫn là tánh này, mà ngộ vẫn là tánh này. Thể tánh ấy từ vô thi đến nay luôn bất sanh, mà cũng là bất sanh, bất diệt, vĩnh viễn thường trụ. Vĩnh viễn thường trụ thì sẽ bất diệt. Chúng ta cũng trọn đủ, vĩnh viễn bất diệt. Đó là thường pháp, chẳng có đối đãi, chẳng có khổ thọ hay lạc thọ chi cả! Vĩnh viễn là lạc. Thể của chúng sanh và Thể của chư Phật là thường, lạc,

ngã, tịnh. Khác biệt ở chỗ nào? Hai chữ! Một đấng là mê, một đấng là ngộ. Vì chúng ta mê, mê mất điều này; hễ ngộ thì sẽ khôi phục!

(Kinh) Hựu phục quán sát kỹ thân tâm tướng, vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, như huyễn, như hóa, thị khả yếm ly.

(經)又復觀察己身心相，無常苦無我不淨，如幻如化，是可厭離。

(Kinh: Lại còn quán sát tướng thân tâm của chính mình là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, như huyễn, như hóa, đáng nên chán lìa).

Lại tiến thêm bước nữa, quán sát thân hoặc tâm của chính mình, vốn chẳng có khổ hay lạc; nhưng chúng ta nay trở thành chúng sanh, do đã mê cái tâm nên khác nhau. Mê thì có hình dáng như thế nào? Thường tướng vô thường! Trong khổ nạn còn có lạc hay chẳng? Đối với vô ngã, bất tịnh, vô thường, coi những thứ ấy là sự thật. Chẳng coi những thứ “*khổ, không, vô thường, vô ngã*” ấy như huyễn, như hóa. Phải nên sanh tâm chán lìa. Đã sanh tâm chán lìa thì sẽ sanh tâm mong cầu, cầu được thanh tịnh.

(Kinh) Nhược năng tu học như thị Quán giả, tốc đắc tăng trưởng tịnh tín chí tâm, sở hữu chư chướng tiếm tiếm tổn giảm. Hà dĩ cố? Thử nhân danh vi học tập văn ngã danh giả, diệc năng học tập văn thập phương chư Phật danh giả, danh vi học chí tâm lễ bái, cúng dường ngã giả, diệc năng học chí tâm lễ bái, cúng dường thập phương chư Phật giả, danh vi học văn Đại Thừa thâm kinh giả, danh vi học chấp trì, thur tả, cúng dường, cung kính Đại Thừa thâm kinh giả, danh vi học thọ trì, đọc tụng Đại Thừa thâm kinh giả, danh vi học viễn ly tà kiến, u thâm chánh nghĩa trung bất đạo báng giả, danh vi u cứu cánh thâm thâm Đệ Nhất Thật Nghĩa trung học tín giải giả, danh vi năng trừ chư tội chướng giả, danh vi đương đắc vô lượng công đức tụ giả. Thử nhân xả thân, chung bất đạo ác đạo, bất nạn chi xứ, hoàn văn chánh pháp, tập tín tu hành, diệc năng tùy nguyện vãng sanh tha phương tịnh Phật quốc độ.

(經)若能修學如是觀者，速得增長淨信之心，所有諸障漸漸損減。何以故？此人名為學習聞我名者，亦能學習聞十

方諸佛名者，名爲學至心禮拜供養我者，亦能學至心禮拜供養十方諸佛者，名爲學聞大乘深經者，名爲學執持書寫供養恭敬大乘深經者，名爲學受持讀誦大乘深經者，名爲學遠離邪見，於深正義中不墮謗者，名爲於究竟甚深第一實義中學信解者，名爲能除諸罪障者，名爲當得無量功德聚者。此人捨身，終不墮惡道，八難之處，還聞正法，習信修行，亦能隨願往生他方淨佛國土。

(Kinh: Nếu có thể tu học phép Quán như thế, sẽ mau chóng tăng trưởng tâm tịnh tín, tất cả các chướng dần dần tổn giảm. Vì sao vậy? Người ấy được gọi là học tập nghe tên ta, mà cũng có thể học tập nghe danh hiệu của mười phương chư Phật, gọi là học chí tâm lễ bái, cúng dường ta, cũng có thể học chí tâm lễ bái, cúng dường mười phương chư Phật, gọi là học nghe kinh Đại Thừa sâu xa, gọi là học chấp trì, biên chép, cúng dường, cung kính kinh Đại Thừa sâu xa, gọi là học thọ trì, đọc tụng kinh Đại Thừa sâu xa, gọi là học xa lìa tà kiến, đối với chánh nghĩa sâu xa chẳng đọa vào hủy báng, gọi là học tín giải nơi Đệ Nhất Thật Nghĩa rất sâu rốt ráo, gọi là có thể trừ các tội chướng, gọi là có thể đạt được vô lượng khối công đức. Người ấy xả thân, trọn chẳng đọa vào ác đạo và chỗ tám nạn, vẫn nghe chánh pháp, tu tín, tu hạnh, cũng có thể tùy nguyện vãng sanh cõi Phật thanh tịnh ở phương khác).

Nhưng tịnh pháp cũng sanh từ một niệm tâm, nhiễm pháp cũng sanh từ cái tâm của quý vị, đều là thể tánh hiện tiền của quý vị. Điều này cổ vũ, khích lệ chúng ta: Chúng ta và hết thầy chư Phật, Bồ Tát, và Địa Tạng Vương Bồ Tát, cho đến A Di Đà Phật mà chúng ta thường niệm, đều có cùng một Thể với A Di Đà Phật. Bản thể của Pháp Thân là như nhau, [chỉ là] mê hay ngộ bất đồng. Nếu chúng ta có thể bỏ mê, bỏ sạch mê, trở về ngộ là được rồi! Như thế thì quý vị phải nên tu hành Chỉ Quán. [Đối với kẻ] nghiệp chướng nặng nề, chẳng thể tu tập được, Địa Tạng Bồ Tát có phương tiện đặc thù “*niệm danh hiệu của Ngài*” để tiêu trừ nghiệp chướng. Tăng trưởng tịnh tín rồi mới tu học Chỉ Quán. Niệm danh hiệu của Ngài như vậy, hết thầy chướng ngại sẽ dần dần tiêu diệt, tổn giảm!

Nếu có người tu học như vậy thì do nguyên nhân gì mà người ấy làm như thế? “*Hà dĩ cố*” (Vì sao vậy?) Người ấy được gọi là “*học tập nghe danh hiệu của ta*”. Vì người ấy cảm thấy học gì khác cũng đều học không nổi, vậy thì cứ tu hành [trì danh] mà thôi. Nghe danh hiệu của ta, niệm danh hiệu của ta, đó gọi là “*học tập nghe danh hiệu của ta*”. Vì sao nghe danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát mà còn phải học tập? Hàm nghĩa ấy sâu lắm. Nếu lý giải Địa là tâm, Tạng là chứa đựng, cái bao hàm tâm của hết thảy bọn chúng sanh chúng ta là Địa Tạng. Địa Tạng chính là cái tâm của chúng sanh. Tâm địa bao hàm tánh công đức vô lậu, cùng một Thể, chẳng hai, chẳng khác với chư Phật, cùng một Thể, chẳng hai, chẳng khác với Địa Tạng. Cái được tâm địa của chúng ta bao hàm là Địa Tạng, Địa Tạng chính là cái tâm của chúng ta. Đó là giáo nghĩa Đại Thừa, nương theo giáo nghĩa Hoa Nghiêm đều nói như thế. Người ấy, tức người niệm danh hiệu của Ngài, được gọi là “*học tập nghe danh hiệu của ta*”. Tôi nghĩ mọi người hãy nghe “*nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát*” cũng đều có thể niệm. Hai loại quán đạo quý vị tu chẳng thành, hãy niệm “*nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát*”, chẳng nên niệm u? Niệm lâu ngày, nghiệp chướng tiêu mất, lại tu hai thứ quán đạo, hãy học bèn tu thành tựu!

Do vì lẽ nào? Người ấy được gọi là học tập nghe danh hiệu của ta, cũng có thể học tập nghe danh hiệu của mười phương chư Phật. Học tập nghe danh hiệu của ta chính là nghe danh hiệu của mười phương chư Phật. Địa Tạng chính là mười phương chư Phật; mười phương chư Phật chính là Địa Tạng. Chúng ta tu hành kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, hiện thời, có rất nhiều kẻ phê bình chúng ta chẳng học giáo nghĩa Đại Thừa, mà học pháp Tiểu Thừa. Mọi người nghe nói [như thế], nhưng đã học [kinh này] liền biết, đây có phải là pháp Tiểu Thừa hay không? Kinh này có giáo nghĩa giống hệt như giáo nghĩa kinh Hoa Nghiêm, giống hệt giáo nghĩa kinh Pháp Hoa, bình đẳng; bất quá nói rất nông cạn. Thậm chí rất nông cạn dường như là đoán quẻ, hoặc bói toán. Đó đều là phương tiện thiện xảo của Địa Tạng Vương Bồ Tát, nhằm dẫn nhập chúng ta có thể đạt tới nhất tâm. Tuy là học nghe danh tự của ta, mà cũng là học tập danh hiệu của mười phương chư Phật, được gọi là “*học chí tâm lễ bái, cúng dường ta*”. Niệm danh hiệu của ta chính là học tập gì vậy? Học tập chí tâm. Học tập nghe danh hiệu của ta, niệm danh hiệu của ta thì là cúng dường ta. Chẳng cần cúng dường nữa, cứ niệm “*nam-mô Địa Tạng Vương Bồ Tát*” thì là quy y Địa Tạng Vương Bồ Tát, nam-mô là quy y.

Cũng có thể học chí tâm lễ bái, cúng dường mười phương chư Phật. Cúng dường, lễ bái ta chính là cúng dường mười phương chư Phật.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

“*Danh vi học văn Đại Thừa thâm kinh giả*”: Chỉ niệm danh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát thì là học kinh điển sâu xa của Đại Thừa. Lại còn gọi là “*học chấp trì, biên chép, cúng dường, cung kính kinh Đại Thừa sâu xa*”: Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy chúng ta, bảo chúng ta niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Quý vị cúng dường mười phương chư Phật, cũng là học nghe kinh điển Đại Thừa sâu xa, cũng là học chấp trì, biên chép, cúng dường, cung kính kinh điển Đại Thừa, gọi là học thọ trì, đọc tụng kinh điển Đại Thừa, gọi là học xa lìa tà kiến, đối với chánh nghĩa rất sâu chẳng đọa vào hủy báng, được gọi là học tín giải nơi Đệ Nhất Thật Nghĩa rốt ráo rất sâu, gọi là có thể trừ các tội chướng, gọi là sẽ đạt được vô lượng khối công đức. Người ấy xả thân, tức là người niệm danh hiệu của ta, khi Báo Thân đã hết, trọn chẳng đọa vào ác đạo, hoặc chỗ tám nạn. Sau khi đã chết, chẳng đọa vào ba ác đạo, mà cũng chẳng đọa trong tám nạn. Còn có thể nghe chánh pháp, tu tập tín tâm tu hành, cũng có thể tùy theo ý nguyện mà vãng sanh các cõi Phật thanh tịnh ở phương khác. Do niệm danh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát, thuận theo ý nguyện, quý vị sanh vào cõi Phật thanh tịnh nào cũng đều có thể. Không chỉ là Tây Phương Cực Lạc thế giới, mà vô lượng cõi Phật thanh tịnh trong mười phương, quý vị niệm thánh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát, Địa Tạng Vương Bồ Tát sẽ đưa quý vị tới đó, nhưng quý vị phải nhất tâm xưng danh, và cũng phải nhất tâm niệm.

Khi xưng danh, hãy quán sát Pháp Thân của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Pháp Thân như nhau, đừng nên hư vọng chấp trước. Phải chán lìa chấp trước! Nếu không, làm sao quý vị có thể nghe danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát cho được? Tất cả các đạo hữu đang hiện diện hãy nên vui mừng, chẳng phải là dễ dàng được nghe danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát đâu nhé! Quý vị có thể nghe thánh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát, tất cả các tai nạn đều tiêu mất. Quý vị có khó khăn gì, có nan đề gì, đừng tu các pháp môn khác, hãy niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát là được rồi! Đoạn kinh văn này dạy chúng ta như thế đó, do chính Địa Tạng Bồ Tát nói. Chẳng phải vị Phật nào nói, mà do chính Địa Tạng Bồ Tát nói. Nhưng niệm danh hiệu của ta cũng chẳng dễ dàng, vẫn phải khéo học, tức là khéo học danh hiệu Địa Tạng. Tụng danh hiệu Địa Tạng có thể lìa hết thủy chướng duyên, tất cả toàn bộ chướng duyên đều tiêu mất.

(Kinh) Phục thứ, nhược nhân dục sanh tha phương hiện tại tịnh quốc giả, ưng đương tùy bỉ thế giới Phật chi danh tự, chuyên ý tụng

niệm, nhất tâm bất loạn. Như thượng quán sát giả, quyết định đắc sanh bỉ Phật tịnh quốc, thiện căn tăng trưởng, tốc hoặch bất thoái.

(經)復次，若人慾生他方現在淨國者，應當隨彼世界佛之名字，專意誦念，一心不亂。如上觀察者，決定得生彼佛淨國，善根增長，速獲不退。

(Kinh: Lại nữa, nếu ai muốn sanh vào các cõi tịnh ở phương khác trong hiện tại, hãy nên thuận theo danh tự của đức Phật trong thế giới ấy, chuyên tâm tụng niệm, nhất tâm bất loạn. Quán sát như trên đây, chắc chắn được sanh vào cõi Phật thanh tịnh ấy, thiện căn tăng trưởng, mau chóng đạt được bất thoái).

Lại nữa, “*nhược nhân dục sanh tha phương hiện tại tịnh quốc giả*” (nếu có người muốn sanh vào cõi thanh tịnh ở phương khác trong hiện tại): Có những người muốn sanh trong cõi Phật thanh tịnh khác ở mười phương trong hiện tại, vậy thì quý vị hãy niệm danh hiệu của đức Phật trong thế giới ấy. Đó là nói tách ra: Nếu quý vị muốn sanh vào cõi Phật thanh tịnh ở phương khác, đức Phật trong thế giới ấy có thánh hiệu là gì, quý vị hãy chuyên tâm tụng niệm [danh hiệu của] đức Phật ấy, nhất tâm bất loạn, đức Phật được niệm ấy sẽ tiếp dẫn quý vị. Quán sát như trên, chắc chắn sẽ được sanh về cõi Phật thanh tịnh ấy, tăng trưởng thiện căn, mau đạt được bất thoái. Thiện căn tăng trưởng rất nhanh, chắc chắn chẳng bị thoái đọa.

Địa Tạng Vương Bồ Tát sợ chúng ta lo lắng, sợ chúng ta chẳng tin nổi, tín tâm chẳng sanh khởi, lại một lần nữa bảo chúng ta “*chắc chắn bất thoái*”. Người cầu sanh Tịnh Độ, nếu muốn được sanh cõi thanh tịnh ở phương khác trong hiện tại, hoặc người có ước vọng muốn sanh về cõi Phật thanh tịnh ở phương khác trong hiện thời, tất cả các cõi Phật, Tây Phương Cực Lạc thế giới, Đông phương Dược Sư Lưu Ly Quang thế giới, thượng phương Bất Động thế giới, đều là các cõi Phật thanh tịnh. Hãy thuận theo danh tự của vị Phật trong thế giới ấy mà chuyên dõc tụng niệm, nhất tâm bất loạn, quán sát như trên, chắc chắn sẽ được sanh về cõi Phật thanh tịnh, tuyệt đối được sanh về cõi Phật thanh tịnh ấy, thiện căn tăng trưởng, mau chóng đắc bất thoái, quyết định tăng trưởng thiện căn, chắc chắn có thể vãng sanh.

(Kinh) Đương tri như thượng nhất tâm hệ niệm tư duy chư Phật bình đẳng Pháp Thân, nhất thiết thiện căn trung kỳ nghiệp tối thắng. Sở vị cần tu tập giả, tiệm tiệm năng hướng Nhất Hạnh tam-muội. Nhược đáo Nhất Hạnh tam-muội giả, tắc thành quảng đại vi diệu hạnh tâm, danh đức tương tự Vô Sanh Pháp Nhân.

(經)當知如上一心繫念思惟諸佛平等法身，一切善根中其業最勝。所謂勤修習者，漸漸能向一行三昧。若到一行三昧者，則成廣大微妙行心，名得相似無生法忍。

(Kinh: Hãy nên biết nhất tâm dốc lòng tư duy Pháp Thân bình đẳng của chư Phật như trên, nghiệp ấy thù thắng nhất trong hết thảy các thiện căn. Đó gọi là siêng năng tu tập, dần dần có thể hướng tới Nhất Hạnh tam-muội. Nếu đạt tới Nhất Hạnh tam-muội, sẽ thành tựu hạnh tâm vi diệu rộng lớn, được gọi là đức tương tự Vô Sanh Pháp Nhân).

Hãy nên biết, nhất tâm dốc lòng tư duy Pháp Thân bình đẳng của chư Phật như trên, thì có một yêu cầu, tức là Địa Tạng Bồ Tát đòi hỏi chúng ta: Nếu quý vị muốn sanh về nơi nào, hãy niệm Pháp Thân bình đẳng của Phật. Pháp Thân ấy vốn bình đẳng, kể cầu sanh và sắc thân của đức Phật trong cõi Tịnh Độ mà ta mong sanh về cách biệt một trời một vực. Pháp Thân là bình đẳng, chẳng hai, chẳng khác. Trong hết thảy các hạnh nghiệp tu hành, trong sự tích lũy hết thảy các thiện căn, pháp môn Niệm Phật thù thắng nhất. Nếu quý vị cầu sanh về thế giới Cực Lạc, hãy niệm A Di Đà Phật. Có những kẻ muốn làm nghề y, mong chữa bệnh cho người khác. Vậy thì quý vị hãy niệm Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai. Đó là thế giới Lưu Ly, cũng là cõi thanh tịnh, cũng thù thắng. Nhưng quý vị phải chuyên tâm, nhất tâm bất loạn, lại còn phải quan sát cõi Phật ấy, chắc chắn sẽ có thể sanh về.

Chúng ta niệm kinh Địa Tạng, hoặc niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, nếu quý vị muốn sanh về thế giới Cực Lạc, hoặc nếu muốn sanh về thế giới của Dược Sư Lưu Ly Quang Phật, Địa Tạng Vương Bồ Tát sẽ đưa quý vị đi. Trong đoạn kinh văn trước đó có nói “*thập phương tịnh Phật quốc độ*”, quý vị muốn sanh về quốc độ nào, Địa Tạng Bồ Tát đều có thể đưa quý vị đến đó. Vì sao? Pháp Thân đồng thể. Pháp Thân của quý vị và Pháp Thân của chư Phật bình đẳng, nhưng do quý vị có phân biệt, quý vị ắt cần phải chuyên niệm, mong sanh về cõi Phật ấy. Phải niệm danh hiệu của đức Phật ấy, ngày đêm niệm, nhất tâm chẳng rời, nhất tâm bất loạn,

niệm nào cũng mong sanh về. Đó gọi là “*nhất tâm*”. Hãy nên biết: Nhất tâm hệ niệm tư duy Pháp Thân bình đẳng của chư Phật như trên. Đó là bảo chúng ta, Địa Tạng Bồ Tát bảo ban chúng ta: Quý vị ắt phải đắc nhất tâm, chú trọng nơi nhất tâm hệ niệm. Trong mỗi niệm, quý vị lại tam tâm, nhị ý, tâm chẳng niệm, miệng thì niệm A Di Đà Phật, nhưng tâm nghĩ tưởng thế giới Sa Bà. Một chốc này nghĩ tới Đài Trung, thoáng sau lại nghĩ tới Cao Hùng, rắc rối rồi, chẳng đi được, chỗ nào cũng chẳng đến được. Quý vị vẫn còn ở tại Đài Loan. Giữ sao cho nhất tâm hệ niệm, chẳng có tạp niệm, rất khó thực hiện điều này!

Niệm Pháp Thân bình đẳng của chư Phật, phép quán tưởng này khá nhiều đạo hữu rất ít khi tu. Miệng niệm A Di Đà Phật, nhưng chẳng quán tưởng A Di Đà Phật. Niệm đẳng miệng thì chưa được, trong tâm phải quán. Quán chẳng phải là niệm, quán là tưởng, là tư duy, trong tâm tưởng Pháp Thân bình đẳng. Trong khi chúng ta niệm A Di Đà Phật, rất nhiều đạo hữu chúng ta niệm A Di Đà Phật, nhưng rất ít người nghĩ “*ta, Phật, và A Di Đà Phật bình đẳng*”, chẳng có ý niệm ấy. [Lại còn suy nghĩ lầm lẫn]: “Bình đẳng thì còn sanh về đó làm gì? Ở đây là được rồi!” Chẳng phải là ý nghĩa đó! Niệm sắc thân của Phật và niệm Pháp Thân của Phật khác nhau, đã hiểu rõ đạo lý này hay chưa?

Do vậy, Địa Tạng Bồ Tát đặc biệt nêu ra, hệ niệm Pháp Thân bình đẳng của chư Phật. Nghiệp tối thắng trong hết thảy các thiện căn, chỉ có pháp môn Niệm Phật thù thắng nhất. Nếu siêng năng tu tập, đó gọi là Nhất Hạnh tam-muội. Pháp môn Niệm Phật như Địa Tạng Vương Bồ Tát đã nói chính là Nhất Hạnh tam-muội. Người hành môn tam-muội này thành tựu cái tâm vi diệu rộng lớn, đó gọi là “*tâm hạnh*”, được gọi là tương tự Vô Sanh Pháp Nhãn.

Tập 14

(Kinh) Dĩ năng đắc văn ngã danh tự cố, diệc năng đắc văn thập phương Phật danh tự cố, dĩ năng chí tâm lễ bái, cúng dường ngã cố, diệc năng chí tâm lễ bái, cúng dường thập phương chư Phật cố, dĩ năng đắc văn Đại Thừa thâm kinh cố, năng chấp trì, thư tả, cúng dường, cung kính Đại Thừa thâm kinh cố, năng thọ trì, đọc tụng Đại Thừa thâm kinh cố, năng u cứu cánh thâm tâm Đệ Nhất Thật Nghĩa trung, bất sanh bố úy, viễn ly phỉ báng, đắc chánh kiến tâm, năng tín giải cố, quyết định trừ diệt chư tội chướng cố, hiện chứng vô lượng công đức tự cố.

(經)以能得聞我名字故，亦能得聞十方佛名字故，以能至心禮拜供養我故，亦能至心禮拜供養十方諸佛故，以能得聞大乘深經故，能執持書寫供養恭敬大乘深經故，能受持讀誦大乘深經故，能於究竟甚深第一實義中，不生怖畏，遠離誹謗，得正見心，能信解故，決定除滅諸罪障故，現證無量功德聚故。

(Kinh: Do có thể được nghe danh tự của ta mà cũng có thể được nghe danh tự của mười phương Phật. Do có thể chí tâm, lễ bái, cúng dường ta, cho nên cũng có thể chí tâm, lễ bái, cúng dường mười phương chư Phật. Do có thể được nghe kinh điển Đại Thừa sâu xa, do có thể chấp trì, biên chép, cúng dường, cung kính kinh điển Đại Thừa sâu xa, do có thể thọ trì, đọc tụng kinh điển Đại Thừa sâu xa, do có thể chẳng sanh sợ hãi đối với Đệ Nhất Thật Nghĩa rốt ráo rất sâu, bèn xa lìa phỉ báng, đạt được cái tâm chánh kiến. Do có thể tín giải, quyết định trừ diệt các tội chướng, sẽ chứng vô lượng khởi công đức trong hiện tại).

Đoạn kinh văn này nhằm giải thích ý nghĩa: Chúng ta niệm danh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát chính là niệm danh hiệu của mười phương chư Phật. Nếu có thể chí tâm cung kính Địa Tạng Vương Bồ Tát, đối trước tượng Địa Tạng Bồ Tát, cũng có thể cúng dường mười phương chư Phật. Do nhân duyên cúng dường ấy cũng giống như được nghe kinh điển Đại Thừa, biên chép, niệm tụng, cho đến dùng hết thầy các vật cúng để cúng dường hết thầy kinh điển Đại Thừa. Đối với tất cả hết thầy tâm, hết thầy hạnh, chỉ cần quý vị niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, chẳng khác nào đọc tụng kinh điển Đại Thừa, tương đương đọc tụng danh hiệu của mười phương chư Phật, công đức đều bình đẳng. Đoạn kinh văn này khiến cho chúng ta lý giải sâu sắc: Dùng thân tâm hiện tại của chúng ta để quán tưởng, đó là Hóa. Hóa nương vào Báo, Báo nương vào Pháp Thân. Pháp Thân của hết thầy chúng sanh và Pháp Thân của chư Phật, Bồ Tát bình đẳng. Đó gọi là Nhất Tâm Tam Quán, kinh Hoa Nghiêm nói đến Nhất Tâm Tam Quán. Đồng thời nói đến tam-muội, tức Nhất Hạnh tam-muội. Nếu lúc chúng ta đã Bát Nhã thất, hành Ban Châu tam-muội, Ban Châu tam-muội là Nhất Hạnh tam-muội. Chúng ta nghe danh hiệu Địa Tạng Bồ

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Tát, nghe danh hiệu của mười phương hết thấy chư Phật đều bình đẳng. Đó là “*viên nghĩa*”.

Do vậy, đoạn kinh văn cuối cùng này của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo thuần túy là ý nghĩa trong Viên Giáo. Do quý vị nghe kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo bèn thấu hiểu viên nghĩa. “*Hiểu*” có nghĩa là tướng pháp nào cũng đều viên. Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Quý vị có thể chí tâm quy y cho tới chí tâm lễ kính, cho đến chí tâm xưng tụng danh hiệu; đây đều là “*viên nghĩa, viên văn, viên tư, viên tu*”, môn Quán Hạnh này được gọi là Nhất Hạnh tam-muội. Kinh giảng Nhất Hạnh tam-muội rất sâu; ở đây, Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta một pháp gọi là “*viên văn, viên tư, viên tu*” để có thể đạt tới Nhất Hạnh tam-muội. Tu một pháp là [tu tập] hết thấy các pháp. Tam-muội nói theo ý nghĩa thông thường là Định, Định trọn đủ Huệ, tức là Định và Huệ tổng trì. Tổng trì Định Huệ gọi là Nhất Hạnh tam-muội. Do vậy, quý vị niệm một kinh chính là niệm hết thấy các kinh, niệm danh hiệu của một vị Bồ Tát chính là niệm danh hiệu của hết thấy chư Phật. Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Trong khi quý vị niệm danh hiệu của ta, phải quán tưởng, quán tưởng “*nghe danh hiệu của ta là nghe danh hiệu của mười phương hết thấy chư Phật*”. Đó là ý nghĩa “*trọn khắp hết thấy*”. Thành khẩn cúng dường Địa Tạng Bồ Tát tức là cúng dường mười phương hết thấy chư Phật. Đó là nói về Phật.

Kể đó là nói về Pháp. Có thể thọ trì, đọc tụng kinh điển Đại Thừa sâu xa, có thể chẳng sanh sợ hãi đối với Đệ Nhất Thật Nghĩa rốt ráo quá sâu. Có các chúng sanh nghe nghĩa sâu của pháp Đại Thừa, nghe cách nói kiểu ấy, sẽ chẳng dám đảm đương. Trong kinh Pháp Hoa, Thường Bất Khinh Bồ Tát trông thấy hết thấy chúng sanh, Ngài đều đánh lễ, thưa “*quý vị là vị lai chư Phật, tôi chẳng dám khinh mạn quý vị*”. Chúng sanh chẳng tiếp nhận, lấy đá phang Ngài, quở Ngài nói quàng nói xiên. Thật ra, hàm nghĩa [của lời tán thán ấy] chính là nghĩa sâu trong Viên Giáo. Lời dạy của Địa Tạng Bồ Tát ở đây cũng có ý nghĩa ấy! Quý vị nghe một pháp chính là hết thấy các pháp. Nay chúng ta nghe kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo chính là kinh điển Đại Thừa sâu xa. Nếu có thể thọ trì, đọc tụng kinh điển Đại Thừa sâu xa, có thể nghe Đệ Nhất Thật Nghĩa sâu xa rốt ráo mà chẳng sanh lòng sợ hãi, nghe loại kinh nghĩa (ý nghĩa trong kinh) như thế này mà chẳng sanh cảm giác sợ hãi, cũng chẳng sanh ý tưởng kỳ đặc (đặc biệt lạ lùng), xa lìa phi báng, đạt được cái tâm chánh kiến, thì đó gọi là “*chánh tri, chánh kiến*”. Chẳng phải như vậy, sẽ chẳng

phải là chánh tri chánh kiến. Như thế là biết “*tâm, Phật bình đẳng; hết thấy các pháp đều bình đẳng*”.

Hiện thời, đoạn kinh văn này nói về địa vị Tín Giải, chẳng phải tu, mà cũng chẳng phải chứng, chỉ là có thể hiểu rõ, liễu giải, tin tưởng, tức là tin tưởng chính mình và chư Phật chẳng hai, chẳng khác, tin tưởng hết thấy các kinh điển Đại Thừa không hai, không khác, tin tưởng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo và hết thấy các kinh điển Đại Thừa chẳng hai, chẳng khác. Nhưng có thể sanh sức tín giải như vậy, nếu chẳng phải là người có thiện căn, sẽ chẳng thể tin được! Chúng ta có thể tin tưởng, tín giải kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo thì cái tâm của quý vị được gọi là chánh kiến, tâm chánh tri chánh kiến. Chẳng có cái tâm tín niệm chánh tri chánh kiến, sẽ chẳng tin kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, sẽ chẳng thể tin nổi!

Đồng thời, Địa Tạng Vương Bồ Tát còn bảo chúng ta: Chắc chắn có thể diệt hết thấy tội chướng, tất cả tội ác chướng ngại của quý vị đều có thể tiêu mất. Hết thấy công năng ấy đều sanh từ sự tín giải của quý vị, tín tâm kiên định chẳng hoại nghi. Nghe kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, quý vị lại có thể tụng trì, lại có thể học tập, công đức vô lượng, “*hiện thân*” (thân hiện tại) có thể chứng đắc vô lượng công đức. “*Hiện thân*” là thân thể đang nghe pháp của quý vị trong hiện thời, có thể đạt được vô lượng khối công đức, chẳng phải là một hai công đức, mà là vô lượng công đức, các công đức ấy cùng tụ tập. Do đó, nghe kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo mà chẳng sanh hoại nghi, chẳng có ý niệm thứ hai, tin tưởng pháp sâu xa do Địa Tạng Vương Bồ Tát đã truyền dạy.

(Kinh) Sở dĩ giả hà? Vị vô phân biệt Bồ Đề tâm, tịch tĩnh trí hiện, khởi phát phương tiện nghiệp chủng chủng nguyện hạnh cố. Năng văn ngã danh giả, vị đắc quyết định tín lợi ích hạnh cố, nãi chí nhất thiết sở năng giả, giai đắc bất thoái Nhất Thừa nhân cố.

(經)所以者何? 謂無分別菩提心, 寂靜智現, 起發方便業種種願行故。能聞我名者, 謂得決定信利益行故, 乃至一切所能者, 皆得不退一乘因故。

(Kinh: Vì có sao vậy? Tức là do tâm Bồ Đề chẳng phân biệt, trí tịch tĩnh hiện, phát khởi các thứ nguyện hạnh thuộc về phương tiện nghiệp. Có thể nghe danh hiệu của ta chính là đạt được tín tâm quyết định

và hạnh lợi ích, cho đến hết thấy những người có thể [nghe rồi tin tưởng], sẽ đều được bất thoái nơi cái nhân của Nhất Thừa).

Vì sao Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta như thế. “Sở dĩ giả hà?” hàm ý: Do nguyên nhân gì mà ta nói như thế? Ta nói như thế là vì ta đang nói Bồ Đề tâm chẳng phân biệt. Đó là ý nghĩa sâu xa của Đại Thừa Bồ Đề tâm. Chẳng có phân biệt, nương theo chân tâm, nương vào cái tâm vô phân biệt mà phát khởi Bồ Đề tâm. Đây là Chỉ Quán song vận, trí tịch tĩnh bèn hiện ra. Tịch tĩnh là Chỉ, trí hiện là Huệ, Định và Huệ cân bằng, Chỉ Quán song tu. Vì ta nói như vậy chính là phương tiện thiện xảo, khiến cho hết thấy chúng sanh có thể phát khởi sự nghiệp phương tiện thiện xảo. Quý vị tu hành nghiệp ấy, căn cứ vào nghiệp ấy để phát tâm, hồng sanh khởi tín giải. Vì đã có tín giải thì mới có thể dấy lên nguyện hạnh. Nếu quý vị chẳng tin, sẽ chẳng thể lý giải, làm sao có thể phát nguyện tu hành cho được? Nương vào sức tín giải, quý vị bèn phát nguyện tu hành. Do quý vị tín giải, phát nguyện tu hành, cho nên mới có thể nghe danh hiệu của ta. Nói nông cạn, [ở đây] Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo chúng sanh thời Mật Pháp trong thườ vị lai: “Nghe danh hiệu của ta chẳng dễ dàng!” Nếu quý vị có thể nghe danh hiệu của ta, đó là vì quý vị đã có các thứ tín nguyện và có tu tập thiện căn trong đời trước, đã có tín tâm quyết định, cho nên đời này mới có thể nghe danh hiệu của ta. Đây chẳng phải là tự khen. Địa Tạng Bồ Tát vì lợi ích chúng sanh trong thời Mật Pháp, mà nói: “Các vị chớ nên vì được nghe danh hiệu của ta mà khởi tâm khinh mạn”, chớ nên! Vì quý vị sẽ chẳng đạt được lợi ích. Chớ nên có khinh tâm và mạn tâm! Quý vị có thể nghe danh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát chẳng dễ dàng đâu nhé, chẳng phải là do thiện căn trong một hai đời.

Vì sao giải thích như thế? Do lòng tin quyết định và hạnh lợi ích. Nghe danh hiệu của Ngài, quý vị lại sanh ra tín lực, rất khó tu được sự lợi ích do lòng tin ấy. “*Nãi chí nhất thiết sở năng giả, giai đắc bất thoái Nhất Thừa nhân*” (Cho đến hết thấy những ai có thể [nghe rồi tin tưởng], đều đạt được cái nhân bất thoái nơi Nhất Thừa): Nghe danh hiệu của ta bèn phát khởi, trì danh cũng thế, lễ bái cũng thế, tu sám hối, tu Nhất Hạnh quán hạnh, đều là cái nhân của bất thoái Đại Thừa, là cái nhân của Nhất Thừa. Hàm nghĩa ở đây là “*Bồ Đề tâm chẳng có phân biệt*”. Chúng ta thường nói “*phát Bồ Đề tâm*”, phát Bồ Đề tâm thì cũng phải có cái tâm phân biệt để phát khởi. Phát Bồ Đề tâm như thế thì chẳng có phân biệt, tức là có thể tin tưởng cảnh giới Nhất Thật, có thể tín giải cảnh giới Nhất

Thật, chẳng cần nhờ vào cái tâm phân biệt. Hễ có tâm phân biệt, sẽ chẳng thể tin tưởng, tín tâm chẳng dễ sanh khởi đâu nhé!

Hơn nữa, đoạn kinh văn này nói đến “*trí tịch tinh hiện*”. Trí tịch tinh hiện thì sẽ tin tưởng môn Xa Ma Tha Chỉ Quán mâu nhiệm. Trong phần kinh văn trước đó, Địa Tạng Bồ Tát đã nói hàm nghĩa của Chỉ Quán, nhưng quý vị hoàn toàn chẳng thể khế nhập, chẳng thể tiến nhập ngay lập tức. Nếu quý vị phát khởi các thứ nguyện lực phương tiện thiện xảo để tu hành, tin tưởng loại quán hạnh Bồ Đề này, chắc chắn sẽ đạt được lợi ích. Vì nếu là kẻ trong quá khứ chẳng có sức tín giải, mà mong được nghe danh hiệu của Địa Tạng Vương Bồ Tát, thì sẽ chẳng thể được, chẳng nghe thấy danh hiệu của Ngài! Nghe danh hiệu cũng có các thứ sai biệt, phần kinh văn dưới đây còn giải thích thêm.

(Kinh) Nhược tạp loạn cầu tâm, tuy phục xưng tụng ngã chi danh tự, nhi bất danh vi văn, dĩ bất năng sanh quyết định tín giải, dẫn hoạch thế gian thiện báo, bất đắc quảng đại thâm diệu lợi ích.

(經)若雜亂垢心，雖復稱誦我之名字，而不名爲聞，以不能生決定信解，但獲世間善報，不得廣大深妙利益。

(Kinh: Nếu tâm tạp loạn, như bản, tuy xưng tụng danh tự của ta mà chẳng được gọi là Nghe, do chẳng thể sanh lòng tín giải quyết định, chỉ đạt được thiện báo trong thế gian, chẳng đạt được lợi ích rộng lớn, sâu xa mâu nhiệm).

Nếu cái tâm tạp loạn, phiền cấu, dấu nghe danh tự của ta, chẳng thể gọi là Nghe; đó là sự phân biệt. Địa Tạng Bồ Tát bảo chúng ta: Nếu quý vị dùng cái tâm tạp loạn, tán loạn, khinh mạn, dùng cái tâm cấu nhiễm, tuy hằng ngày niệm tụng danh hiệu của ta, chẳng thể gọi là Nghe. Trong đoạn này, Ngài cảnh tỉnh chúng ta: Tuy được nghe danh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát chẳng dễ dàng, nhưng khi quý vị được nghe, chớ nên dùng cái tâm tạp loạn, cấu nhiễm để nghe. Vì sao? Tâm tạp loạn, cấu nhiễm, quý vị sẽ chẳng thể tin nổi, niềm tin sẽ là hời hợt, chẳng thể tin sâu đậm Địa Tạng Bồ Tát thật sự có thể cứu độ ta, thật sự có thể khiến cho ta lìa khổ, được vui, chẳng thể sanh khởi cái tâm ấy. Quý vị chẳng thể sanh tín tâm quyết định, chẳng sanh khởi tín giải quyết định. Tuy quý vị nghe danh hiệu Địa Tạng mà cũng như chẳng nghe, giống như chẳng thấy! Vậy thì có công đức hay không? Có chứ! Chẳng phải là công đức để tu đạo,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

thành đạo, mà là phước đức thế gian, [nhưng vẫn giúp cho] quý vị chắc chắn lìa khỏi tam đồ.

Tuy do cái tâm tạp loạn, phiền cấu nghe danh hiệu của ta mà chẳng thể đạt được lòng tin thanh tịnh, nhưng có thể đạt được thiện báo trong thế gian. Thành đạo chẳng dễ dàng, nhưng có thể đạt được quả báo thế gian. Chỉ là chẳng thể đạt được lợi ích sâu xa, mãn nhiệm, chẳng thể thành thánh! Nếu thiện căn sâu dày, người ấy vừa nghe danh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát, sẽ rớt cả lông tóc, có thể đạt được lợi ích sâu xa, to lớn, có thể dùng điều ấy để tu đạo, có thể đoạn Hoặc, có thể chứng chân lý. Do cái tâm tạp loạn, uế nhiễm, thì cũng có thể đạt được phước báo nhân thiên, nhưng chẳng đạt được thiện nghiệp xuất thế.

(Kinh) Như thị tạp loạn cấu tâm, tùy kỳ sở tu nhất thiết chư thiện, giai bất năng đắc thâm đại lợi ích.

(經)如是雜亂垢心，隨其所修一切諸善，皆不能得深大利益。

(Kinh: Cái tâm tạp loạn, cấu nhiễm như thế mà tu hết thấy các điều thiện, sẽ đều chẳng thể đạt được lợi ích to lớn, sâu xa).

Đây là dạy chúng ta: Khi niệm thánh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát, chớ nên khởi tâm tạp loạn, chớ nên khởi tâm cấu nhiễm. Vì dùng cái tâm cấu nhiễm, tâm tạp loạn mà mong đạt được đạo nghiệp thanh tịnh, sẽ chẳng thể đạt được, chỉ có thể đạt được lợi ích thế gian. Nếu có thể vừa nghe liền tin sâu, mở mang tri kiến viên mãn, tin tưởng chính mình và Địa Tạng Vương Bồ Tát chẳng hai, chẳng khác. Địa Tạng tức là chính mình, chính mình là Địa Tạng. Đây là hạng người thuộc loại viên nhân, do sức tín giải và lý giải như thế, sẽ có thể đạt được lợi ích to lớn. Cùng là một niềm tin, tâm tin điều gì vậy? Nêu một thí dụ: Tôi ở Ngũ Đài Sơn, có một người tin Phật, mong cho công ty của chính mình phát tài, bèn niệm Địa Tạng Bồ Tát. Ông ta đã phát tài, đầu tư một món tiền có lời, bèn lên núi cúng dường trai Tăng. Tôi dùng ý nghĩa trong đoạn kinh văn này để giảng cho ông ta: Đó là lợi ích thế gian, ông đừng nên vì danh lợi thế gian, mà hãy làm thiện nghiệp thanh tịnh xuất thế; đó là chân thật. Tướng thế gian sẽ biến huyền bất cứ lúc nào, có được thì sẽ lại có mất! Giả sử dùng cái tâm thật sự liễu sanh tử, cái tâm mong cầu thành Phật, sẽ gọi là “*ngiệp phước điền thanh tịnh*”, sẽ đạt được bất thoái vĩnh viễn. Phước đức thế

gian có được, có mất, thiện nghiệp phước đức xuất thế gian chẳng thể mất đi. Đó gọi là lợi ích sâu xa, to tát!

(Kinh) Thiện nam tử! Đương tri như thượng cần tâm tu học Vô Tướng Thiên giả, bất cứu năng hoạch thâm đại lợi ích, tiệm thứ tác Phật.

(經)善男子! 當知如上勤心修學無相禪者, 不久能獲深大利益, 漸次作佛。

(Kinh: Đây thiện nam tử! Hãy nên biết tâm siêng năng tu học Vô Tướng Thiên như trên, chẳng lâu sau sẽ có thể đạt được lợi ích to lớn, sâu dày, dần dần sẽ thành Phật).

Lợi ích sâu xa, to lớn là sẽ có thể đạt được thành quả gì? Dần dần thành Phật.

(Kinh) Thâm đại lợi ích giả, sở vị đắc nhập Kiên Tín pháp vị, thành tựu Tín Nhẫn cố. Nhập Kiên Tu vị, thành tựu Thuận Nhẫn cố. Nhập Chánh Chân vị, thành tựu Vô Sanh Nhẫn cố.

(經)深大利益者, 所謂得入堅信法位, 成就信忍故。入堅修位, 成就順忍故。入正真位, 成就無生忍故。

(Kinh: “Lợi ích to lớn sâu xa” nghĩa là được nhập pháp vị tin tưởng kiên định, do thành tựu Tín Nhẫn. Nhập địa vị tu tập kiên cố, do thành tựu Thuận Nhẫn. Nhập địa vị Chánh Chân, do thành tựu Vô Sanh Nhẫn).

Trong đoạn văn trước, Địa Tạng Bồ Tát nói: Nếu có thể nghe danh hiệu của ta mà sanh tâm tín giải, chắc chắn sẽ có thể dần dần thành Phật. Đồng thời, Địa Tạng Bồ Tát lại giải đáp [ý nghĩa của] “*thâm đại lợi ích*” (lợi ích sâu xa, to lớn). Thâm đại lợi ích là gì? Được dự vào địa vị Kiên Tín, [chánh kinh gọi địa vị này] là “*kiên tín pháp vị*”. Đó là địa vị Kiên Tín, thành tựu Tín Nhẫn, có thể “*nhẫn khả*” tín tâm của chính mình. “*Nhẫn*” (忍) là “*thừa nhận*”. “*Nhẫn khả*” có nghĩa là tin tưởng chính mình. Tín tâm của chính mình có thể kiên định, chẳng nghi, tùy thuận pháp tánh, tùy thuận tâm thể của chính mình, cho nên có thể thành đạo. Nhập địa vị Chánh Chân, thành tựu Vô Sanh Pháp Nhẫn. Đó gọi là địa vị

Kiên Tín. Nói theo sự phát tâm của quý vị, thì địa vị Kiên Tín là tin tưởng kiên định chính mình nhất định có thể thành Phật. Quý vị tin chắc chính mình có thể thành Phật mà làm Phật sự. Đã có cái tín tâm ấy, lại đến cầu pháp, hoặc là tụng kinh, hoặc lễ Phật, sẽ dần dần có thể thành tựu Pháp Nhân, thừa nhận các pháp, bèn có thể thành Phật. Lúc đó mới có thể phát khởi niềm tin kiên định và thanh tịnh để tu hành. Chúng ta tu hành toàn là như mảy lông trước gió, ba ngày tu hành, hai ngày lao chao, chẳng tu hành chi hết, lúc tiến, lúc lùi, chẳng thể kiên định. Ất cần phải luôn kiên định, tu hành rất khó khăn! Chẳng hạn như khi quý vị bắt đầu phát tâm, nói tôi mỗi ngày niệm một trăm câu thánh hiệu A Di Đà Phật. Chẳng nhiều cho mấy, niệm một trăm câu thôi, chưa đến mười phút, vài phút đã niệm xong. Nhưng quý vị có thể mỗi ngày tới đúng giờ đều niệm, siêng năng chẳng bỏ sót một ngày nào, chuyện này chẳng dễ dàng đâu nhé! Cái tâm nhất thời dễ phát, chứ cái tâm lâu dài sẽ khó khăn. Nói chung là sẽ có khá nhiều chướng ngại, khiến cho quý vị chẳng tu hành được.

Các vị đạo hữu hãy ngẫm nghĩ đôi chút, từ khi quý vị bắt đầu tin Phật, “*quy y Phật, quy theo Pháp, quy y Tăng*”, đơn giản thế đó! Quý vị có thể mỗi ngày sáng sớm thức dậy, ý niệm đầu tiên là “*quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng*”, sau đấy mới có thể làm chuyện khác. Mỗi vị đạo hữu trong tứ chúng, bất luận là xuất gia tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, hay đệ tử tại gia tin Phật, nếu trong ba trăm sáu mươi ngày, quý vị chẳng gián đoạn một ngày nào, ấn định thời gian, ấn định số lượng, một trăm câu, chẳng nhiều cho mấy, đúng không? Quý vị ngồi xuống đó niệm vài phút, số lượng chẳng lớn, nhưng quý vị có thể trong suốt một năm, siêng gắng, chẳng thiếu sót một ngày nào. Bất luận chướng ngại gì, cho đến trong khi bệnh khổ vẫn chẳng gián đoạn. Chẳng cần biết ít hay nhiều, mỗi ngày đều có thể kiên trì chẳng gián đoạn, chuyện này chẳng dễ dàng! Đó là tín tâm kiên định, chẳng nghi! Thông thường, chúng ta tu hành phát tâm, cái tâm dừng mãi dễ phát. Bữa nay, phát tâm dừng mãi rất tinh tấn, rất tu hành; ngày mai, ngày mốt sẽ dần dần chẳng làm nữa! Một tháng, hai tháng, tới tháng thứ ba chẳng làm nữa! Mỗi vị đạo hữu hãy nhớ lại xem, kiên trì một hạnh, lại còn là số lượng chẳng lớn, quý vị ngẫm xem: Mỗi ngày đều chẳng gián đoạn, bất luận chướng ngại gì, điều này khó lắm! Nếu có thể kiên tín như thế thì sẽ nhập vị. Chữ Nhân có nghĩa là “*thúc đẩy thành tựu*”. Nhân Khả, thừa nhận đều thêm vào chữ Nhân. Đó là dự vào địa vị Kiên Tu, do kiên tu mà thành tựu Nhân. Nói theo danh từ pháp số thì là Vô Sanh Nhân. Bồ Tát thuộc các địa vị của Thập Tín vừa mới dự vào Tín vị thì gọi là Tín Nhân, cho đến Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng

thì gọi là Thuận Nhẫn, do thuận theo pháp tánh. Đẳng địa Bồ Tát (đã chứng từ Sơ Địa trở lên) được gọi là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Tu hành như nhau, công phu đúng mức thì là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Chưa đạt tới thì là tùy thuận (Thuận Nhẫn). Nay chúng ta trưởng dưỡng, tu hành trưởng dưỡng, khiến cho thiện căn ngày càng kiên cố, ngày càng to tát, trưởng dưỡng nó.

(Kinh) Hựu thành tựu Tín Nhẫn giả, năng tác Như Lai chủng tánh cố. Thành tựu Thuận Nhẫn giả, năng giải Như Lai hạnh cố. Thành tựu Vô Sanh Nhẫn giả, đắc Như Lai nghiệp cố.

(經)又成就信忍者，能作如來種性故。成就順忍者，能解如來行故。成就無生忍者，得如來業故。

(Kinh: Lại thành tựu Tín Nhẫn, do có thể làm chủng tánh của Như Lai. Thành tựu Thuận Nhẫn, do có thể hiểu hạnh của Như Lai. Thành tựu Vô Sanh Nhẫn, do đạt được nghiệp của Như Lai).

Chúng ta có thành tựu Tín Nhẫn hay chẳng? Nếu tin, mỗi vị đạo hữu chúng ta đều nói mình tin Tam Bảo, vậy thì có đạt tới Tín vị hay không? Có lúc tin, có lúc lại chẳng tin. Thời gian tin nhiều, thời gian không tin ít; đó là có một chút đạo hạnh. Trước nay chưa hề mất lòng tin, chẳng có niệm nào đánh mất lòng tin; đó gọi là “*nhập Tín vị*”, [tức là] đã nhập Tín Nhẫn vị. Tín Nhẫn là tín thành tựu, dựa vào địa vị Sơ Trụ trong Thập Trụ, thuộc vào chủng tánh Như Lai, nhưng chỉ là tương tự, tức tương tự dựa vào chủng tánh Như Lai. Cho tới khi viên mãn ba mươi tâm, tức viên mãn ba mươi tâm thuộc các địa vị Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, dựa vào Sơ Địa, sẽ chẳng phải là tương tự, mà là thật sự nhập chủng tánh Phật, quyết định có thể thành Phật. Vì sao? Tới lúc đó, sở hành mới có thể chẳng hai, chẳng khác với Phật. Sở hành của Sơ Địa Bồ Tát chẳng hai, chẳng khác Phật. Mỗi địa vị đều phải đoạn vô minh, chứng Pháp Thân. Tam Hiền Bồ Tát (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương) gọi là Tương Tự, thuộc địa vị tương tự, tương tự nhập; thật ra, chưa thật sự nhập. Tín vị Bồ Tát còn có thể lui sụt, Trụ vị Bồ Tát chẳng lui sụt. Địa vị Thập Tín và phàm phu vẫn chưa thể coi là thánh. Còn như chúng ta chưa tiến nhập Tín vị, vẫn chưa viên mãn, tín tâm là tiến tiến, lùi lùi, chẳng sanh lòng tin quyết định. Quyết định tín là đã tiến nhập Sơ Trụ, chẳng còn biến đổi nữa.

Do vậy, nói theo giáo lý và giáo nghĩa trong kinh, dùng Thánh Giáo Lượng để suy lường chính mình, quý vị mới biết chính mình rốt ráo tin Phật và tu hành tới mức độ nào, chính quý vị mới tự biết. Điều đó thuộc về phương diện Hành. Tín tâm như thế thì mới có thể vĩnh viễn bất thoái, tin tưởng chính mình chẳng hai, chẳng khác với Phật, tin tưởng chính mình có Phật Tánh, nhất định có thể thành Phật. Đó mới gọi là “*có tín tâm*”. Như các đạo hữu bình phàm, đã nhập Phật môn, thọ Tam Quy, Ngũ Giới, hoàn toàn chẳng nghĩ chính mình có thể thành Phật, cũng không mong tưởng cao như vậy! Thật ra, quý vị vừa nhập Phật môn, vừa thọ Tam Quy, bèn xưng là “*Phật tử*”, [được coi là] đã nhập Phật môn. Phật tử thì phải hành Phật sự. Quý vị đã thọ Tam Quy, nhưng vẫn chẳng thấy hành Phật sự, cứ tiến tiến lùi lùi. Vì sao phải tu hành vô lượng kiếp? Nguyên nhân ở ngay chỗ này, cứ tiến tiến lùi lùi. Đời này quý vị tinh tấn dũng mãnh, đời sau thì sao? Do vậy, đức Phật dạy chúng ta pháp môn phương tiện thiện xảo, dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật, sanh về thế giới Cực Lạc. Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta niệm thánh hiệu Địa Tạng. Kinh này dạy chúng ta, hết thảy lấy xưng danh làm chủ yếu. Ngài dạy chúng ta niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, Địa Tạng Vương Bồ Tát gia trì quý vị, cũng có thể [gia trì] mãi cho tới khi thành Phật. Dần dần có thể thành Phật, chẳng phải là ngay lập tức, cho nên tín tâm của quý vị ắt phải kiên cố, bất thoái.

Các vị đạo hữu hãy xét lại chính mình một phen: “*Bất luận gặp tai nạn nhiều cỡ nào, tín tâm bất thoái*”. Hàm nghĩa trong ấy hết sức sâu xa. Tôi ở trong tù, đạo hữu rất đông, người xuất gia cả đông. Khi đó, có rất nhiều kẻ oán hận, oán hận gì vậy? Phật chẳng gia trì, thân hộ pháp cũng chẳng hộ trì họ! Chẳng phải là không hộ trì quý vị, mà là bản thân quý vị chẳng tiếp nhận hộ trì, đạo tâm lui sụt, quý vị chẳng tin tưởng. Do vậy, đã tin thì dấu gặp tai nạn, gặp phải ma nạn, hoàn toàn chẳng phải là “*đã tin Phật thì tai nạn đều hết sạch*”, chẳng thể được! Chúng ta thường nói “*chẳng thể bị ma khảo, chẳng thể thành Phật*”. Đó cũng là khảo nghiệm đối với sự tu đạo của quý vị. Ma càng nhiều, chướng ngại càng nhiều. Trên con đường tu đạo của quý vị, đâu đâu cũng có chướng ngại! Vì sao? Đáng lẽ phải là chẳng có chướng ngại trong sự tu đạo chứ? Trong quá khứ, tôi đã nêu thí dụ sau đây: Trong quá khứ, một kẻ rất ác, ai cũng chẳng dám động tới hắn. Hắn thiếu tiền, [chủ nợ] cũng chẳng dám đòi. Nhưng kẻ đó thay đổi, muốn làm lành, người ta sẽ dám đòi quý vị. Khi đó, quý vị phải nên trả! Dường như khi chưa phát tâm, chưa tu đạo, chướng ngại còn ít một chút, còn khá thuận lợi. Kẻ đó vừa tin Tam Bảo,

khó khăn ủa đến, nghiệp chướng đều kéo tới, bệnh tật bất ngờ, cho đến các nhân duyên chướng đạo toàn bộ kéo tới. Đó là khảo nghiệm công phu của quý vị. Vì trước kia, quý vị đã đeo chiêu bài “kẻ ác”, vẫn đang làm ác, người ta chẳng dám động tới quý vị. Nay quý vị làm việc thiện, phải nên đền trả nợ cũ. Do vậy, tứ chúng đệ tử nhất định phải nhận thức, nhận thức điều gì? Ma nạn! Quý vị thành đạo chẳng phải là chuyện thuận lợi; đó gọi là mài luyện coi thử tín tâm của quý vị có kiên định hay không. Càng mài giữa, càng kiên định, càng mài càng sáng, đó gọi là “*kiên định*”. Tín tâm chẳng kiên cố, dễ bị thử thách liền ngã lòng, đạo tâm lui sụt. Đặc biệt là lúc gặp phải tai nạn, quốc gia gặp tai nạn, toàn bộ tập thể Phật giáo chúng ta bị tai nạn. Đó chẳng phải là nói suông, mà là thân hứng chịu, là hành động, khảo nghiệm tín tâm của chúng ta có kiên cố hay không? Có thể làm theo lời Phật dạy hay không? Đó gọi là Tín Nhân, tức là tín tâm kiên cố. Chẳng kiên cố, há có thể hành theo lời dạy của Như Lai hay không?

(Kinh) Tiệm thứ tác Phật giả, lược thuyết hữu tứ chủng. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả, tín mãn pháp cố tác Phật. Sở vị y chủng tánh địa, quyết định tín chư pháp bất sanh, bất diệt, thanh tịnh bình đẳng, vô khả nguyện cầu cố. Nhị giả, giải pháp mãn cố tác Phật. Sở vị y giải hạnh địa, thâm giải pháp tánh, tri Như Lai nghiệp, vô tạo, vô tác, u sanh tử, Niết Bàn, bất khởi nhị tướng, tâm vô sở bố cố. Tam giả, chứng mãn pháp cố tác Phật. Sở vị y tịnh tâm địa, dĩ đắc vô phân biệt tịch tĩnh pháp trí, cập bất tư nghị tự nhiên chi nghiệp, vô cầu tướng cố. Tứ giả, nhất thiết công đức hạnh mãn túc cố tác Phật. Sở vị y cứu cánh Bồ Tát địa, năng trừ nhất thiết chư chướng vô minh mộng tận cố.

(經)漸次作佛者，略說有四種。何等爲四？一者、信滿法故作佛。所謂依種性地，決定信諸法不生不滅，清淨平等，無可願求故。二者、解滿法故作佛。所謂依解行地，深解法性，知如來業，無造無作，於生死涅槃，不起二想，心無所怖故。三者，證滿法故作佛。所謂依淨心地，以得無分別寂靜法智，及不思議自然之業，無求想故。四者，一切功德

行滿足故作佛。所謂依究竟菩薩地，能除一切諸障無明夢盡故。

(Kinh: Dần dần thành Phật thì nói đại lược có bốn loại. Những gì là bốn? Một là do tín mãn pháp mà làm Phật, tức là nương vào chủng tánh địa, quyết định tin các pháp bất sanh, bất diệt, thanh tịnh bình đẳng, chẳng có gì để có thể nguyện cầu. Hai là do giải mãn pháp mà làm Phật, tức là nương vào giải hạnh địa để hiểu sâu xa pháp tánh, biết nghiệp của Như Lai chẳng tạo, chẳng làm, đối với sanh tử và Niết Bàn chẳng dấy lên ý tưởng là hai thứ, tâm không sợ hãi. Ba là do chứng mãn pháp mà làm Phật, tức là nương theo tịnh tâm địa, do đắc pháp trí tịch tĩnh chẳng phân biệt và các nghiệp tự nhiên chẳng nghĩ bàn, chẳng có ý tưởng mong cầu. Bốn là do hết thấy công đức hạnh trọn đủ mà làm Phật, tức là nương vào Bồ Tát địa rốt ráo, có thể trừ hết thấy các chướng và giấc mộng vô minh).

Nói như thế, tín tâm đại lược có bốn loại. Những gì là bốn?

1) Một là do tín mãn pháp (tin vào pháp viên mãn) nên làm Phật, tức là nương vào chủng tánh địa, quyết định tín giải. Tín giải điều gì? Bất sanh, bất diệt. Tín giải gì vậy? Thanh tịnh bình đẳng. Chư Phật và chúng sanh, cùng với một niệm tâm hiện tiền của chính mình, ba thứ hợp lại, đó là “tâm, Phật, chúng sanh, cả ba đều bình đẳng”. Phải phát cái tâm viên mãn, tâm Đại Thừa, phát khởi nghĩa Đại Thừa, không có gì để có thể nguyện cầu. Đó là ý nghĩa mãn pháp. “Mãn pháp” có nghĩa là “pháp mãn” (pháp viên mãn). “Pháp mãn” có hàm nghĩa gì vậy? Chính là cảnh giới Nhất Thật viên mãn, chẳng có pháp nào để phân biệt, thì gọi là “mãn pháp”. Do mãn pháp nên làm Phật chính là ý nghĩa này. Do hết thấy đều tin vào mãn pháp nên thành Phật, nhưng “tín mãn pháp thành Phật” tức là chủng tánh của quý vị là Phật. Chủng tánh của mỗi người và chủng tánh của Phật không hai, không khác. Lại tin tưởng hết thấy các pháp là bất sanh, bất diệt. Chúng ta chẳng dễ gì tin được điều này! Rất khó có được tín tâm ấy. Dầu đã tin, cũng chẳng kiên cố. Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: “Cái pháp chẳng phân biệt ấy gọi là cảnh giới Nhất Thật”. Quý vị tin tưởng hết thấy các pháp bất sanh, bất diệt, thanh tịnh, bình đẳng, chẳng như, chẳng sạch, chẳng tăng, chẳng giảm. Đây mới là thuộc vào Tín vị. Có thể tin tưởng hay không? Chẳng có niệm nào hoài nghi, thường

luôn tin tưởng “*ta và Phật chẳng hai, chẳng khác*”, [cũng như] chẳng hai, chẳng khác các vị đại Bồ Tát.

2) Hai là do giải mãn pháp mà làm Phật. Đoạn trước là tín mãn pháp làm Phật, còn ở đây là giải mãn pháp làm Phật, tiến sâu hơn bước nữa. Giải, không chỉ là tín (tin tưởng), mà lại còn nương theo giáo nghĩa do đức Phật đã dạy để lý giải sâu đậm hơn. “*Pháp*” ở đây là nói tới pháp tánh: Thể tánh của các pháp rạng ngời; thể tánh của các pháp chẳng hai, chẳng khác. Hết thấy chúng sanh tu bao nhiêu kiếp thành Phật, thành Phật rồi mới biết chẳng có tạo tác, chẳng có tu hành. Thành Phật chẳng phải là không tu thành, là tiêu mất tội nghiệp mà thôi. Lý giải điều này rất khó, chẳng có sự khác biệt giữa sanh tử và Niết Bàn, phải sanh khởi tín tâm như vậy. Vì sau khi đã có tín tâm như vậy, trong quá trình quý vị tu luyện thành Phật, sẽ chẳng có bất cứ cảm giác sợ hãi, biết hết thấy đều là giả. Trong bốn tánh chẳng có [những thứ ấy], cho nên nói nó là giả.

3) [Ba là do chứng mãn pháp nên làm Phật], hết thấy chư Phật đã chứng minh cho chúng ta, chứng minh hết thấy đều là giả, chẳng có thứ gì là chân thật! Trừ thể tánh của tự tánh ra, hết thấy đều là hư vọng, đều là “*trần ảnh*” (bóng dáng của lục trần phản chiếu trong tâm thức).

4) Bốn là do hết thấy công đức hạnh viên mãn bèn thành Phật, tức là nương vào Bồ Tát địa rốt ráo, có thể trừ hết thấy các chướng, chấm dứt giấc mộng vô minh. Chúng ta đang nằm mộng, vô minh là món Hoặc căn bản nhất. Do vô minh mà dậy lên ba té tướng. Khởi Tín Luận phân biệt [“*tam té tướng*”] là nghiệp tướng, chuyển tướng, và hiện tướng, ba té tướng ấy. Ba té tướng đều là hiện tướng của vô minh. Có thể đoạn ba té tướng, sẽ đắc Bát Địa Bồ Tát. Bát Địa Bồ Tát đoạn hiện tướng, Cửu Địa Bồ Tát đoạn chuyển tướng, Thập Địa Bồ Tát mới có thể đoạn nghiệp tướng. Vì thế, công phu này rất sâu. Nghiệp chướng tiêu mất, công đức hiện tiền, tất cả hết thấy các nghiệp đã tạo tác trong tu hành, tất cả các hạnh để tích lũy công đức đều thực hiện trọn đủ, bèn thành Phật. Thành Phật là Bồ Tát đạt đến rốt ráo. Nơi địa vị Bồ Tát rốt ráo sẽ trừ sạch hết thấy các chướng ngại và giấc mộng vô minh. Công đức hạnh viên mãn chính là nghiệp chướng tiêu mất, khôi phục Pháp Thân vốn sẵn thanh tịnh của quý vị, đã thành Phật rồi.

Tín thành Phật, hiện thời đối với mọi người, phải thành tựu niềm tin thứ nhất là “*thành Phật*”, tức là tin chính mình là Phật. Để có được tín tâm như thế ấy, phải tốn một thời gian khá dài. Giả sử có người hỏi tôi: “*Người có phải là Phật hay không?*” Chẳng dám đảm đương! Vì sao? Sợ người ta đòi tôi phải chứng minh trong hiện tại. [Chẳng hạn như họ nói]:

“Người là Phật, hãy nên bố thí cho ta đôi chút vật dụng chứ? Bố thí cánh tay trên thân thể của người cho ta!” Quý vị chẳng thành Phật, vì chẳng dám cho kẻ đó. Quý vị có chịu cho hay không? Bởi lẽ, muốn biến chúng sanh tâm thành Phật tâm, sự biến hóa ấy sẽ khá khó khăn! Khó tới mức độ nào? Bao nhiêu đại kiếp, chẳng phải là trong một thời gian ngắn. Chúng ta học kinh, chiếu theo lời Phật dạy để học kinh, đã biết, cũng tin, nhưng chẳng dám đảm đương. Vì hiện thời, hễ chúng ta đảm đương, người khác sẽ đòi chúng ta trả giá thật sự. Chúng ta thật sự chẳng trả giá được, cho nên chẳng dám đảm đương. Do vậy, chúng ta ắt cần phải rèn luyện cái tâm, rèn luyện gì vậy? Phải đảm đương. Sau khi đã đảm đương, các sự nghiệp và các công đức do quý vị đã làm đều có thể thành tựu. Chính mình tin tưởng tự mình nhất định có thể thành Phật. Vì sao? Vốn là Phật. Nếu quý vị chẳng có chủng tánh Phật, chẳng có chủng tử ấy, chẳng phải là Phật, dù quý vị làm thế nào, vẫn chẳng thể thành Phật được! Quý vị muốn biến khoai tây thành gạo, chẳng làm được, chủng tử bất đồng! Hoặc là biến cải trắng thành bột mì, chủng tử khác nhau, khác hẳn! [Do chúng sanh và Phật] có cùng một chủng tánh, [chúng sanh] tuyệt đối có thể thành Phật.

Hết thấy chúng sanh chính là Phật, một đấng là sẵn có, một đấng là tu thành. Chư Phật là hiển hiện, tức là hiển hiện cái sẵn có (Phật Tánh). Bản thể sẵn có của hết thấy chúng sanh bị phiền não, bị vô minh và các thứ chướng ngại ngăn trở, phải tiêu trừ chúng thì mới có thể thành Phật. Nếu mọi người chịu dùng Phật giáo để phân biệt, nghiên cứu, Trí Giả đại sư của Thiên Thai Tông đã nêu ra giáo nghĩa Lục Tức Phật, chúng tôi chẳng nói cặn kẽ, vì tốn quá nhiều thời gian. Chúng ta phải nên liễu giải Lục Tức Phật.

(Kinh) Phục thứ, đương tri: Nhược tu học thế gian hữu tướng Thiên giả, hữu tam chủng. Hà đẳng vi tam? Nhất giả, vô phương tiện tín giải lực cố, tham thọ chư Thiên tam-muội công đức, nhi sanh kiêu mạn, vị Thiên sở phục, thoái cầu thế gian. Nhị giả, vô phương tiện tín giải lực cố, y Thiên phát khởi thiên yếm ly hạnh, bố khiếp sanh tử, thoái đạo Nhị Thừa. Tam giả, hữu phương tiện tín giải lực, sở vị y chỉ Nhất Thật cảnh giới, tập cận Xa Ma Tha, Tỳ Bà Xá Na nhị chủng quán đạo cố, năng tín giải nhất thiết pháp duy tâm tưởng sanh, như mộng, như huyễn đẳng. Tuy hoạch thế gian chư Thiên công đức, nhi bất kiên trước, bất phục thoái cầu tam hữu chi quả. Hựu tín tri sanh tử tức Niết Bàn cố, diệc bất bố khiếp, thoái cầu Nhị Thừa.

(經)復次，當知：若修學世間有相禪者，有三種。何等為三？一者、無方便信解力故，貪受諸禪三昧功德，而生憍慢，為禪所縛，退求世間。二者、無方便信解力故，依禪發起偏厭離行，怖怯生死，退墮二乘。三者、有方便信解力，所謂依止一實境界，習近奢摩他毗婆舍那二種觀道故，能信解一切法唯心想生，如夢如幻等。雖獲世間諸禪功德，而不堅著，不復退求三有之果。又信知生死即涅槃故，亦不怖怯，退求二乘。

(Kinh: Lại nữa, hãy nên biết: Nếu tu học thế gian hữu tướng Thiền thì có ba loại. Những gì là ba? Một là do chẳng có sức phương tiện tín giải, tham hưởng công đức của các Thiền tam-muội, bèn sanh kiêu mạn, bị Thiền trói buộc mà lui sụt, trở thành mong cầu thế gian. Hai là do chẳng có sức phương tiện tín giải, nương theo Thiền mà phát khởi hạnh thiên về chán lìa, khiếp sợ sanh tử, thoái đọa thành Nhị Thừa. Ba là có sức tín giải phương tiện, tức là y chỉ cảnh giới Nhất Thật, tu tập, thân cận hai thứ quán đạo Xa Ma Tha và Tỳ Bà Xá Na, có thể tin hiểu hết thấy các pháp chỉ do tâm tưởng sanh, như mộng, như huyễn v.v... Tuy đạt được công đức từ các môn Thiền thế gian, nhưng chẳng khẳng khăng chấp trước, chẳng còn lui sụt, cầu quả trong ba cõi. Lại do tin biết sanh tử chính là Niết Bàn, nên cũng chẳng khiếp sợ, thoái đọa cầu Nhị Thừa).

Lại nữa, hãy nên biết, chúng ta càng phải nên liễu giải sâu hơn bước nữa. Hãy nên biết điều gì? Tu học hữu tướng Thiền của thế gian, từ khởi đầu, [tức là] khởi đầu tu Thiền Định. Địa Tạng Bồ Tát lại dạy chúng ta: Tu tập Thiền Định hữu tướng của thế gian là như thế nào? Tu tập Thiền Định xuất thế gian là như thế nào? Tu hành Thiền Định rốt ráo thành Phật là như thế nào? Trước hết, nói về tu Định thế gian. Thiền là “*tĩnh lực, tư duy*”. Nói đơn giản thì là Định. Trong Định có Huệ. Thế gian Thiền đại lược chia thành ba loại:

1) Một loại là phương tiện tín giải lực, tức là thế gian Thiền cũng được gọi là tam-muội, từ ngữ này có nghĩa là Định. Thế gian Định là do [đạt được] công đức của tam-muội, người ấy (người tu Thiền Định thế

gian) bèn sanh lòng kiêu mạn. Vừa mới đạt được thanh tịnh đôi chút, bèn nảy sanh lòng kiêu mạn. Nhưng do chẳng có sức phương tiện tín giải, cho nên mới sanh lòng kiêu ngạo. Nếu có sức phương tiện tín giải, kẻ đó sẽ chẳng nảy sanh kiêu ngạo. Hễ kiêu ngạo, không chỉ chẳng tu thành Thiền Định, mà còn bị Thiền Định trói buộc. Bị Thiền Định trói buộc, sẽ chẳng thể giải thoát được, biến thành Thiền Định thế gian. Đó là vừa mới tĩnh lặng, vừa mới thanh tịnh, chẳng phải là Định thật sự. Thiền Định thế gian có thể chia ra khá nhiều loại, [thường gọi chung là] Tứ Thiền Bát Định, Cửu Thứ Đệ Định. Chúng tôi không nói chi tiết vì quá dài. Đó là Thiền Định thế gian.

2) Hai là chẳng có sức phương tiện tín giải. Từ Sơ Thiền, phát khởi hạnh thiên về chán lìa, khiếp sợ sanh tử, thoát đọa thành Nhị Thừa. Đây là nương theo Thiền mà sanh khởi cái tâm chán lìa. Từ cái tâm chán lìa, dấy lên hành vi thuộc pháp môn chán lìa. Loại hành vi ấy chẳng có sức tín giải, chẳng phải là tin sâu không nghi, chẳng sanh ra sức mạnh tín giải, chỉ nương vào Thiền Định mà sanh khởi định lực. Vì hành vi chán lìa thế gian mà sanh ra, vì sợ hãi sanh tử, khiếp sợ sanh tử, chẳng dám cầu Đại Thừa, [chấp nhận] “vĩnh viễn lìa sanh tử là được rồi”. Do vậy, vốn mong tu Đại Thừa Định, nhưng thoát đọa vào địa vị Nhị Thừa, [cho rằng] đạt được liễu sanh tử là xong, chưa phát Bồ Đề tâm. Nhưng đây chẳng phải là vĩnh viễn lìa. Chẳng thành Phật, tuyệt đối không thể vĩnh viễn rời lìa! Tuy đã giải quyết Phần Đoạn Sanh Tử, nhưng Biến Dịch Sanh Tử vẫn tồn tại; hàng Nhị Thừa chẳng thể lý giải chuyện này. Ất cần phải phát tâm Đại Thừa, đoạn hai loại sanh tử. Không chỉ đoạn Phần Đoạn Sanh Tử, mà còn phải đoạn Biến Dịch Sanh Tử. Đây là ý nghĩa do Tiểu mà mê lầm Đại vậy!

Lại nữa, giả sử có thể nương theo cảnh giới Nhất Thật, cảnh giới Nhất Thật đã nói trong phần trước, thoát đầu phát tâm như thế là nương theo cảnh giới Nhất Thật, môn Thiền Định để tu tập là “Chỉ Quán song vận”. Khi tu Chỉ, nhất định có sức mạnh trí huệ, có quán lực. Do có quán lực, biết hết thấy các pháp đều sanh từ tâm tưởng, chẳng có hết thấy các pháp. Tâm sanh thì các pháp sanh, đều là do tưởng mà sanh khởi. Do tưởng mà sanh khởi thì chẳng thật sự tồn tại cụ thể. Do vậy, kinh Kim Cang nói: “*Hết thấy các pháp đều như mộng, như huyễn, như bọt nước, như ảnh*”, vì Thể của chúng chẳng thật, chẳng có! Chẳng có một thật thể chân thật, là hư giả, huyễn hóa. Loại Thiền Định này chỉ đạt được sự hưởng thụ nhỏ nhất trong thế gian, tức là đã định, chẳng phiền loạn, hoặc

giảm bớt phiền loạn thế gian mà thôi, chẳng thể liễu sanh tử, mà cũng chẳng thể chứng đắc Niết Bàn.

(Kinh) Như thị tu học nhất thiết chư Thiên tam-muội pháp giả, đương tri hữu thập chủng thứ đệ tướng môn, cụ túc nhiếp thủ Thiên Định chi nghiệp, năng linh học giả thành tựu tương ứng, bất thác, bất mậu. Hà đẳng vi thập?

(經)如是修學一切諸禪三昧法者，當知有十種次第相門，具足攝取禪定之業，能令學者成就相應，不錯不謬。何等為十？

(Kinh: Tu học hết thấy các pháp Thiên tam-muội như thế, hãy nên biết có mười loại tướng môn theo thứ tự, gồm thâu trọn vẹn các nghiệp Thiên Định, có thể khiến cho người học thành tựu tương ứng, chẳng sai, chẳng lầm. Những gì là mười?)

Lại nữa, Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy chúng ta, Thiên Định loại này có mười thứ tướng. Mười thứ tướng ấy đều do Thiên Định dấy lên tác dụng, Thiên Định dấy lên nghiệp dụng. Chúng sanh tu Thiên Định thế gian tương ứng với nguyện vọng của họ, Định lực do họ tu phù hợp với tướng thế gian, chẳng đạt được [lợi ích] xuất thế gian, chẳng thể liễu sanh tử được. Thiên Định liễu sanh tử cũng phải đoạn Kiến Hoặc và Tư Hoặc, Thiên Định thế gian chẳng thể đoạn Hoặc. Do vậy, Địa Tạng Bồ Tát nói chúng sanh muốn tu học hết thấy các pháp Thiên tam-muội, phải nên biết có mười loại tướng môn theo thứ tự. Tu Định có thế gian Định và xuất thế gian Định, có môn tam-muội Định đốn siêu trực nhập, hoặc tu tập vô tướng Thiên Định. Thiên Định thế gian là Thiên Định hữu tướng, nhưng trong loại Thiên Định này có mười loại tướng môn, thành tựu sự nghiệp Thiên Định, thành tựu tác dụng Thiên Định.

Tu học hết thấy các pháp Thiên tam-muội như thế, Địa Tạng Vương Bồ Tát nói nếu tu học hết thấy Thiên Định, tu tập pháp Thiên Định, hãy nên biết, hãy nên hiểu, biết là có thứ tự phải nên hiểu rõ. Có bao nhiêu loại theo thứ tự? Mười loại. Mười loại ấy đều nhiếp thọ nghiệp dụng tu hành của Thiên Định. Quý vị nương theo loại nào tu hành, sẽ tương ứng với loại đó, chẳng sai chạy, chẳng lầm loạn. Đây là nói chung, phải lìa khỏi tướng thế gian để tu tập Thiên Định vô tướng, hoặc là nương vào tướng thế gian để tu tập Thiên Định hữu tướng. Hữu tướng Thiên

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Định và vô tướng Thiên Định đại khái được chia thành mười loại tướng môn, tức là đối với Chi trong “Chi Quán song vận”, có mười tướng môn tu tập Chi. “Chi” là Thiên Định, Thiên Định được nói đơn giản là Chi. Nếu quý vị chẳng dựa theo quy định của mười môn ấy để tu hành, thế gian Thiên cũng chẳng thành được, mà xuất thế gian Thiên càng chẳng thành được! Mười loại môn ấy có hàm nghĩa là gì, dưới đây sẽ giải thích danh tướng của mười môn tu Thiên Định ấy. Sơ Thiên thế gian cũng chẳng dễ thành tựu.

Chúng ta thường khuyết thiếu Định lực, làm chuyện gì tâm cũng chẳng thể quyết định được. Do quý vị chẳng định được, sẽ phán đoán sai lầm: Điều này là đúng hay sai? Làm thế nào mới là đúng, mới có thể thành tựu? Vì quý vị chẳng định, huệ tâm, tức cái tâm trí huệ chẳng thể nảy sanh nổi. Huệ là phân biệt liễu giải. Quý vị lấy hay bỏ, chẳng thể quyết định được, vì chẳng có định lực. Giống như chúng ta làm một chuyện, chuyện ấy có làm được hay không? Còn có người tìm tới quý vị tính hợp tác buôn bán, quý vị muốn làm, cũng muốn kiếm tiền, lại sợ bị lỗ lã, làm như thế nào đây? Chẳng quyết định được! Vậy thì quý vị hãy tu đi. Tu như thế nào? Tu tĩnh lặng.

Chẳng hạn như bình thường chúng ta làm chuyện gì, có người nói với quý vị, lúc đó, quý vị chẳng dám quyết định, “đợi tôi suy nghĩ một lát đã!” “Đợi cho quý vị suy nghĩ” chính là Định. Đã định sẽ sanh trí huệ. Suy nghĩ chuyện ấy từ đầu tới cuối một phen [để quý vị quyết định] nên làm hay chẳng nên làm. Có thể làm chiếm mấy phần, không thể làm chiếm mấy phần? [Suy xét thấy khả năng] có thể làm chiếm sáu phần thì quý vị có thể làm. Không thể làm chiếm sáu phần, vậy thì quyết định tuyệt đối chớ làm. Đây là sức phán đoán của chính mình, điều này vẫn hợp lý. Trong khi chúng ta tu hành, chỉ dựa vào trí huệ của quý vị để quan sát. Khi quan sát, sẽ có phương tiện thiện xảo. Trước khi tu tập, sẽ có hai mươi lăm loại phương tiện, chúng tôi chẳng giải thích từng điều một. Đại khái, chỉ giải thích vài trường hợp, mọi người có thể tự tra cứu. Nói chung thì có mười loại [tướng môn].

(Kinh) Nhất giả, nhiếp niệm phương tiện tướng.

(經)一者、攝念方便相。

(Kinh: Một là tướng phương tiện nhiếp niệm).

Tu tập Thiên Định thì quý vị phải khéo thâm nhiếp ý niệm. Vọng tưởng toại bởi thì có thể tu Thiên Định hay không? “*Nhiếp niệm*” thì chẳng dễ gì có thể ngay lập tức thâm nhiếp ý niệm. Tưởng Đông, nghĩ Tây, hãy thống nhất ý niệm lại. Thống nhất bằng cách nào? Chẳng đơn giản như vậy! Trừ sạch cảnh giới ngũ dục “tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ”. Quý vị có “tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ” thì còn có thể tu hành hay không? Quả trách ngũ dục, bỏ Ngũ Cái. “*Tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ là năm cội rễ của địa ngục*”, hãy quả trách, vứt bỏ chúng. Điều phục năm sự, hành năm pháp. Đó là pháp môn Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, tu Chỉ đơn giản.

(Kinh) Nhị giả, dục trụ cảnh giới tướng.

(經)二者、欲住境界相。

(Kinh): Hai là tướng muốn trụ trong cảnh giới.

Thế nào là “*dục trụ cảnh giới tướng*”? Trong là quán cái tâm của quý vị, cái tâm ấy bất động. Tâm nhất định duyên theo cảnh giới bên ngoài. Tâm nào ắt cũng duyên theo cảnh, ngưng lặng hết thấy cảnh giới, chỉ quán nhất tâm. Nói đơn giản, quý vị khiến cho tất cả suy nghĩ trong tâm đều chẳng suy tưởng nữa, tĩnh lặng nó. Tâm chẳng nắm níu (phan duyên), ngoại cảnh gì cũng đều chẳng nắm níu, thậm chí ngay cả niệm Phật cũng chẳng niệm. Quý vị tĩnh, mong tu Định, niệm Phật chẳng định được. Quý vị chẳng niệm, nhiếp tĩnh, tu định, chẳng có chút tạp niệm nào. Đó gọi là “*trực tâm chánh niệm Chân Như*”. “*Chân*” là chân thật, chẳng dối. “*Như*” là như như bất động, khôi phục cái tâm vốn sẵn có của quý vị. Hễ có một niệm, sẽ đều là hư vọng. Cái tâm tĩnh lặng, ngưng dứt như thế. Mỗi tâm đều có tâm sở, tâm sở sẽ duyên theo tướng cảnh giới, hãy đều ngưng dứt chúng. Phương tiện để nhiếp niệm là như thế đó. Mong trụ trong tướng cảnh giới, khiến cho tướng cảnh giới đều tiêu mất. Khi [cái tâm] muốn trụ trong tướng cảnh giới, hãy khiến cho nó chẳng trụ trong tướng cảnh giới. Khi chúng ta tu Quán, có rất nhiều phương tiện. Tu Sở Tức Quán đếm số, đếm số sẽ tĩnh lặng, đây là phương tiện. Đó là dạy chúng ta trực tâm chánh niệm Chân Như. Quán pháp Chân Như là chân thật, chẳng giả, như như bất động, ngưng lặng các pháp sở duyên.

(Kinh) Tam giả, sơ trụ cảnh giới phân minh liễu liễu, tri xuất, tri nhập tướng.

(經)三者、初住境界分明了了，知出知入相。

(Kinh: Ba là hiểu rành rẽ phân minh cảnh giới vừa mới trụ tâm, biết tướng xuất, biết tướng nhập).

Quán hơi thở, còn gọi là Sổ Tức Quán. Quý vị thở ra, hít vào, một hơi thở ra, một hơi hít vào; thoát đầu là nhận biết rành rẽ, phân minh, định tâm nơi hơi thở ra vào. Đó là phương pháp để tu tập Định, là phương pháp sơ bộ để tu tập Định. Đây chẳng phải là cảnh giới Đại Thừa, mà là phương tiện thiện xảo, tức là phương tiện thiện xảo để tu tập Định. Do sự thiện xảo ấy, cái tâm quý vị có thể an trụ, có thể khiến cho cái tâm an trụ. Đó gọi là quán hơi thở, là một phương pháp tu Định thông thường. Quý vị chú tâm nơi “*xuất nhập tức*”, tức là hơi thở ra vào, quán sát nó, sẽ định, các tạp niệm khác đều chẳng còn nữa. Chỉ có quán hơi thở ra vào, cái tâm trụ nơi hơi thở ra vào. Sau khi cái tâm đã định, lại tu Chân Như Thật Tướng Quán. Chân Như Thật Tướng Quán là bước đầu để tu Chân Không Tuyệt Tướng Quán. Trong kinh Hoa Nghiêm có nói tới Chân Không Tuyệt Tướng Quán, hết thấy các pháp đều là Không. Cái Không ấy là Giả Không, Quán là Chân Không tuyệt tướng. Đó là môn Quán thứ nhất trong Hoa Nghiêm Tam Quán, tức Chân Không Tuyệt Tướng Quán. Chân Không là chẳng có hết thấy các tướng. Đem cái tâm trụ vào đâu? Các pháp đều là Không, trụ nơi Không. Trong quá trình tu hành, tâm quý vị có thể an trụ nơi Không, dần dần sẽ định. Chẳng phải là thoát đầu chúng ta có thể ngay lập tức trụ tâm nơi Không, quý vị phải rèn luyện trước nơi hơi thở ra vào, phải hiểu rõ ràng. Nhưng khi quý vị bắt đầu thực hiện, niệm nào cũng là niệm sai, niệm nào cũng là thất niệm, lại phải kéo cái tâm trở lại. Nhất định phải quán rõ ràng hơi thở ra, hít vào, đợi cho tới khi đối với bất cứ niệm nào, hơi thở ra vào cũng đều chẳng còn nữa, sẽ định. Phương pháp là như thế mà thôi!

(Kinh) Tứ giả, thiện trụ cảnh giới đắc kiên cố tướng.

(經)四者、善住境界得堅固相。

(Kinh: Bốn là tướng khéo trụ trong cảnh giới, đạt được kiên cố).

Tu quán hơi thở ra vào, khiến cho hết thấy các tâm vọng tướng đều chẳng còn. Đó là trụ trong quán hơi thở ra vào.

(Kinh) Ngũ giả, sở tác tư duy phương tiện dũng mãnh chuyển cầu tấn thú tướng.

(經)五者、所作思惟方便勇猛轉求進趣相。

(Kinh: Năm là tướng tạo các phương tiện tư duy dũng mãnh, cầu tiến nhập cao hơn).

Lại tu Chân Như Thật Tướng Quán. Hơi thở ra vào chẳng có, rỗng không. Sau đó, tiến nhập Chân Như Thật Tướng Quán rồi Chân Không Tuyệt Tướng Quán. Trong kinh Hoa Nghiêm, tu Chân Không Tuyệt Tướng Quán tức là hết thấy các pháp chẳng lập, chẳng có. Trong tâm ý niệm gì khác cũng đều chẳng dấy lên, chẳng tư duy. Nhưng quý vị chẳng thể tiến nhập, phải tu phương tiện. Tu cách tiến nhập ấy như thế nào? Tu pháp “*an Bát Nhã*”.

(Kinh) Lục giả, tiệm đắc điều thuận xứng tâm hỷ lạc, trừ nghi hoặc, tín giải tự an ủy tướng.

(經)六者、漸得調順稱心喜樂，除疑惑信解自安慰相。

(Kinh: Sáu là tướng dần dần được điều thuận, vừa lòng, vui mừng, trừ nghi hoặc, tin hiểu, tự an ủi).

“*An Bát Nhã pháp*” là phương tiện thiện xảo quán hơi thở ra vào. Từ phương tiện này mà xúc tiến tới tuyệt tướng (dứt bật các tướng). Đã vận dụng xong phương tiện thiện xảo ấy, chẳng cần tới phương tiện ấy nữa, trong tâm đã điều thuận. Trên đây là phương tiện thiện xảo. Tướng hỷ lạc vừa lòng, trừ nghi hoặc, tín giải, tự an ủi, đó là tu Thể Chân Chỉ Quán. Thể Chân Chỉ [trong Thể Chân Chỉ Quán] tương ứng với Định: Cái tâm của quý vị thật sự định, phát sanh sự tịnh minh (sáng suốt thanh tịnh), quý vị cảm thấy cái tâm của chính mình rất thanh tịnh. Hễ thanh tịnh bèn phát sanh một loại trí huệ, trí huệ là Minh, tức chiếu soi. Khi đó, quý vị nhận biết, chiếu tỏ cái tâm của chính mình, chẳng sanh một niệm, vạn pháp đều là Không. Cảnh giới ấy chẳng phải là một hai tháng bèn có thể tu được. Văn tự chỉ nói đơn giản như thế đó, khi quý vị tu tập rất khó. Trước hết, phải chế ngự cái tâm nhất xứ, chiếu hết thấy mọi nơi, đó gọi là “*giác minh*”.

“*Giác minh*” tức là đối với tín giải, nghi hoặc nào cũng đều chẳng có, đều diệt trừ, đó là tướng trong sáng. Nhưng khi đạt được tướng ấy thì

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

gọi là “*định pháp*”. Định pháp ấy có thể nhiếp trì cái tâm của quý vị; tâm chẳng có một tí tán loạn nào, chế ngự tâm vào một chỗ. Quý vị chế ngự cái tâm vào một chỗ, đạt tới cảnh giới ấy, khi đó, quý vị sẽ mở mang trí huệ. Chuyện nào chẳng hiểu rõ, chẳng lý giải, sẽ ngay lập tức hiểu rõ. Hiểu rõ tức là trí huệ mở mang, sáng tỏ. Nếu đối với những nghĩa lý và văn tự thâm áo trong kinh điển mà chẳng thể tiến nhập ngay khi ấy, hãy lắng lòng, buông xuống hết thấy, tĩnh đến mức thật sự phát sanh sáng suốt, bèn quay lại soi xét vấn đề. Quý vị sẽ lập tức có thể hay biết, sẽ hiểu phải lý giải vấn đề như thế nào. Khi đó gọi là “*an Bát Nhã*”. Đó là lợi ích do tu Định.

(Kinh) Thất giả, khắc hoạch thắng tân ý sở chuyên giả, thiểu phần tương ứng giác tri lợi ích tướng.

(經)七者、克獲勝進意所專者，少分相應覺知利益相。

(Kinh: Bảy là tướng có thể đạt được ý thắng tân do chuyên chú, có chút phần tương ứng với lợi ích do hay biết).

Thoạt khởi đầu, quý vị ắt phải biết rõ ràng từng hơi thở ra, hít vào; đó là Quán. Cho đến khi hô hấp đã ngưng, vì còn hô hấp thì chưa đạt đến Định. Cho đến khi hô hấp đã ngưng dứt, đã đạt đến đôi chút Định nhất định, quý vị bèn hiểu rõ. Đây vẫn là tướng thế gian, chưa phải là xuất thế định. Đã định rồi bèn không, đã Không bèn sanh ra sự minh tịnh. “*Minh tịnh*” là cái tâm của chính mình thanh tịnh, hết sức vui mừng, hết sức sung sướng. Khi đó, sanh ra các tâm sở toàn là thiện tâm sở, sanh ra trí huệ. Đó gọi là tri kiến sáng suốt. Trong tâm chẳng có chút vướng mắc nào, hết sức vui sướng, đó gọi là giải thoát. Khi ấy, hết thấy các tướng cảnh giới trong tâm, thứ gì cũng đều chẳng có. Trong tâm điều hòa, nhu nhuyễn, tịch tĩnh hiện tiền. Điều này được gọi là “*có chút phần tương ứng với Định*”. Đối với tướng cảnh giới ấy, dần dần tấn tu cao hơn thì mới có thể khởi Quán.

Tôi vừa mới nói kinh Hoa Nghiêm giảng về Chân Không Tuyệt Tướng, tướng gì cũng đều chẳng có. Chân Không bất không, Bất Không là gì? Thế. Thế là gì? Chân Như, tức là tướng của pháp giới. Thiên tu trong kinh Hoa Nghiêm thoạt đầu là tướng như thế đó, nhưng đó là thế gian. Đã thành tựu rồi thì mới có thể đạt tới xuất thế gian. Từ đó, có thể tiến nhập hết thấy các pháp Không. Điều này thuộc về Nhân Không. Đã Nhân Không rồi thì mới có thể tiến nhập Pháp Không. Vừa mới tiến nhập

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Pháp Không, lại tiếp tục tấn tu, tiếp tục tấn tu cao hơn; đó là Không nghĩa xuất thế gian. Đạt được sự thắng tấn do ý chuyên chú, tức là sự hay biết có chút phản tương ứng với tướng lợi ích. Mấy câu ấy vừa mới giải thích điều này.

(Kinh) Bát giả, chuyển tu tăng minh sở tập kiên cố, đắc thắng công đức, đối trị thành tựu tướng.

(經)八者，轉修增明所習堅固，得勝功德對治成就相。

(Kinh: Tám là tướng tu hành tăng thêm sáng suốt, tu tập kiên cố, đạt được công đức thù thắng, đối trị thành tựu).

Lại tiến nhập, càng thêm tấn tu định lực ấy, tăng thêm trí huệ của quý vị. Định có thể sanh ra huệ, huệ có thể chiếu. Khi ấy, sẽ đạt được công đức. Tướng tu tập kiên cố, đạt được công đức thù thắng, có thể đối trị thành tựu. Tướng đối trị thành tựu là chẳng tham đắm, nhưng vẫn ở trong tam giới. Đây là cảnh giới Sơ Thiên, vẫn chưa phải là Thiên Định xuất thế gian.

(Kinh) Cửu giả, tùy tâm hữu sở niệm, tác ngoại hiện công nghiệp, như ý tương ứng bất thác, bất mậu tướng.

(經)九者、隨心有所念，作外現功業，如意相應不錯不謬相。

(Kinh: Chín là tướng tùy thuộc cái tâm có ý niệm [muốn làm gì], sẽ thực hiện thành các nghiệp công đức bên ngoài, đều tương ứng như ý, chẳng sai, chẳng lầm).

Do định lực của quý vị tăng trưởng, trí huệ nơi tâm bèn tăng trưởng. Đối với định lực mà quý vị đã tu tập bèn có thể kiên cố. Bất cứ lúc nào, hễ tĩnh tọa bèn có thể sanh ra Định lực. Định thì có sự chiếu soi sáng suốt. Khi ấy, sẽ sanh khởi công đức thù thắng có thể đối trị phiền não. Đối trị phiền não chẳng phải là đoạn, chỉ là đối trị, tức hàng phục nó. Khi ấy, tất cả những tác ý trong tâm quý vị đều có thể sanh ra công đức lợi ích. Khi tác ý (sanh khởi ý niệm), chẳng có ác niệm, mà cũng chẳng có hết thấy các tướng cảnh giới, ngay cả thiện cũng chẳng sanh. Thiện và ác hai đường đều tĩnh lặng, tương ứng với tư tưởng, ý niệm, và cái tâm của quý vị đều chẳng sai, chẳng lầm. Nói theo giáo nghĩa, điều này được gọi

là Cửu Thứ Đệ Định, vì quý vị từ thế gian định mới tiến nhập xuất thế gian định. Xuất thế gian định sâu lắm.

(Kinh) Thập giả, nhược cánh dị tu, y tiền sở đắc nhi khởi phương tiện, thứ đệ thành tựu xuất nhập tùy tâm, siêu việt tự tại tướng.

(經)十者、若更異修，依前所得而起方便，次第成就出入隨心，超越自在相。

(Kinh: Mười là tướng nếu lại tu thêm các pháp khác, nương theo các điều đã đạt được trước đó để khởi phương tiện, theo thứ tự thành tựu xuất nhập tùy tâm, siêu việt tự tại).

Bởi vậy, nếu muốn tu thêm các pháp khác, hãy nương theo sức mạnh đã đạt được trước đó, tức sức mạnh của Định, lại sanh khởi phương tiện, theo thứ tự thành tựu tướng xuất nhập tùy tâm, siêu việt tự tại. Loại cảnh giới này vẫn thuộc vào Tịch Định của nhân gian, thuộc về Tứ Thiên Tứ Vô Sắc Định. Dùng quan niệm này để huân tập hết thấy công phu Thiên Định và định lực trong nhân gian. Nói theo giáo nghĩa, đó chính là sức phương tiện của Thiên Định do Sơ Thiên sanh khởi. Lại tấn tu cao hơn như thế, theo thứ tự thành tựu; khi đó, cái tâm xuất nhập dấy lên ý niệm, hay ngưng dứt ý niệm, tức là khởi tâm động niệm. Lúc ấy, đối với Hữu và Vô, tức là đối với có và chẳng có, không và bất không, sẽ chẳng có ý niệm phân biệt. Tâm niệm chẳng có sự phân biệt ấy. Khi đó mới có thể tiến hơn bước nữa là quán sát cái tâm, hết thấy hơi thở ra vào, khởi niệm, dứt niệm, đều nương theo cái tâm mà tự tại. Loại tướng thứ mười chính là “*thứ đệ tướng*” (tướng theo thứ tự).

(Kinh) Thị danh thập chủng thứ đệ tướng môn, nhiếp tu Thiên Định chi nghiệp.

(經)是名十種次第相門，攝修禪定之業」。

(Kinh: Đó gọi là mười thứ tướng môn theo thứ tự, gồm thu nhiếp tu tập các nghiệp Thiên Định).

[Nói tới chuyện] tu nghiệp Thiên Định này và tác dụng của tu Thiên Định, dù nói theo Duy Tâm Quán, hoặc tu Chân Như Thật Tướng Quán, hoặc Thiên Định theo tướng thế gian, hay xuất thế gian Thiên Định, đều là từng bước một, từ thế gian Định đạt tới xuất thế gian Định.

Đó là nói theo thứ tự, chẳng phải là Đốn Siêu. Thiền Tông chẳng nói theo thứ tự: Đốn siêu trực nhập, quán thẳng vào tâm tánh, quán duy tâm sở hiện, vạn pháp duy tâm, tâm tịnh thì hết thấy các tướng cảnh giới hoàn toàn diệt mất. “*Cảnh diệt, tâm tịnh*”, loại Thiền Định ấy là đại định, đó là xuất thế gian Thiền Định. Nhưng Địa Tạng Vương Bồ Tát nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát như thế này: Phạm phu thoát đầu khởi sự tu Thiền Định, từ Sơ Thiền Thiên cho đến Nhị Thiền Thiên, Tam Thiền Thiên, Tứ Thiền Thiên, đó là gân gũ, nông cạn. Khi Địa Tạng Vương nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát, trong loại Thiền Định nông cạn đã hàm nhiếp Thiền Định rất sâu. Mọi người có hiểu ý nghĩa này hay không? Điều bất đồng với những cách tu Thiền Định nhân gian là gì vậy? Môn Thiền Định ấy chẳng rốt ráo, là môn Thiền Định phương tiện thiện xảo. Vì thế, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát bèn nảy sanh nghi vấn.

(Kinh) Nhĩ thời, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát Ma Ha Tát vẫn Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: “Nhữ vân hà xảo thuyết thâm pháp, năng linh chúng sanh đắc ly khiếp nhược?”

(經)爾時，堅淨信菩薩摩訶薩問地藏菩薩摩訶薩言：

「汝云何巧說深法，能令衆生得離怯弱？」

(Kinh: Lúc bấy giờ, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát Ma Ha Tát hỏi Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: “Vì sao Ngài khéo nói pháp sâu khiến cho chúng sanh lìa khỏi khiếp sợ?”)

Kiên Tịnh Tín Bồ Tát liền thưa cùng Địa Tạng Bồ Tát: Ngài nói pháp này chẳng phải là pháp sâu, phải nên nói pháp rất sâu. Câu “*nhữ vân hà xảo thuyết thâm pháp, năng linh chúng sanh ly khiếp nhược?*” Ý nói: Loại thế gian Thiền Định này chẳng phải là pháp sâu, vẫn mong Địa Tạng Bồ Tát sẽ khéo léo nói thêm phương tiện thiện xảo, hòng khiến cho chúng sanh lìa khỏi ý tưởng khiếp nhược. “*Khiếp*” (怯) là chẳng dám tu, Khiếp đã hàm chứa ý nghĩa Nhược (弱, yếu hèn), chẳng có sức mạnh. Loại chúng sanh này là chúng sanh độn căn mong tu Đại Thừa. Tam Quán “Không, Giả, Trung” là từ tứ giáo [trong tông Thiên Thai] định ra, còn kinh Hoa Nghiêm là Chân Không Tuyệt Tướng Quán, Lý Sự Vô Ngại Quán, và Châu Biến Hàm Dung Quán. Các loại Quán ấy chính là Định, Định chính là Quán.

Đoạn kinh văn này mang ý nghĩa: Phải có phương tiện thiện xảo như thế nào để khiến cho họ có thể tu quán hạnh Đại Thừa, có thể dấy lên sự giác ngộ rất sâu. Kiên Tịnh Tín Bồ Tát nói: Từ trước đến đây, Ngài toàn nói về Thiên Định thế gian, đó là pháp chẳng liễu sanh tử. Mong liễu sanh tử, chúng Niết Bàn, công phu Thiên Định phương tiện thiện xảo Đại Thừa, Thiên Định thuộc cảnh giới Nhất Thật và trí huệ thì chẳng phải là như vậy. Chẳng phải là Bồ Tát luôn lo nghĩ chúng sanh ngu độn, chẳng thể đón nhập cảnh giới Nhất Thật, mà cũng chẳng thể lý giải, các phép Quán ấy chẳng phải là quán hạnh thuộc cảnh giới Nhất Thật ư? Vì thế, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thỉnh Địa Tạng Bồ Tát hãy nói Chân Như Thật Tướng Quán, Lý Sự Vô Ngại Quán, và Châu Biến Hàm Dung Quán thuộc cảnh giới Nhất Thừa. Vì chẳng thể tin cảnh giới Nhất Thật thì mới phải cậy vào phương tiện thiện xảo. Kiên Tịnh Tín Bồ Tát lại thỉnh Địa Tạng Vương Bồ Tát nói pháp rất sâu, đừng lo ngại chúng sanh khiếp nhược. “*Khiếp nhược*” có nghĩa là chẳng thể tiến nhập pháp Đại Thừa do căn tánh kém hèn. Lời này có ý nghĩa khuyến thỉnh, khuyến thỉnh Địa Tạng Bồ Tát hãy nói thâm Định, nói về trí huệ sâu xa. Địa Tạng Bồ Tát dùng phương tiện thiện xảo lại nói với Kiên Tịnh Tín Bồ Tát.

Tập 15

(Kinh) Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn: - Thiện nam tử! Đương tri sơ học phát ý, cầu hướng Đại Thừa vị đắc tín tâm giả, ư vô thượng đạo thậm thâm chi pháp, hỷ sanh nghi khiếp, ngã đương dĩ xảo tiện tuyên hiển Thật Nghĩa nhi an ủy chi, linh ly khiếp nhược. Thị cố, hiệu ngã vi Thiện An Ủy Thuyết giả. Vân hà an ủy? Sở vị độn căn tiểu tâm chúng sanh, văn vô thượng đạo, tối thắng, tối diệu, ý tuy tham nhạo, phát tâm nguyện hướng, nhi phục tư niệm: “Cầu vô thượng đạo giả, yếu tu tích công quảng cực, nan hành khổ hạnh, tự độ, độ tha, kiếp số trường viễn, ư sanh tử trung, cứu thọ cần khổ, phương nãi đắc hoạch”. Dĩ thị chi cố, tâm sanh khiếp nhược.

(經)地藏菩薩摩訶薩言：「善男子！當知初學發意，求向大乘未得信心者，於無上道甚深之法，喜生疑怯，我當以巧便宣顯實義而安慰之，令離怯弱。是故，號我為善安慰說者。云何安慰？所謂鈍根小心眾生，聞無上道，最勝最妙，

意雖貪樂，發心愿向，而復思念：求無上道者，要須積功廣極，難行苦行，自度度他。劫數長遠，於生死中，久受勤苦，方乃得獲。以是之故，心生怯弱。

(Kinh: Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói: - Nay thiện nam tử! Hãy nên biết kẻ sơ học phát ý cầu hướng tới Đại Thừa mà chưa đạt được tín tâm, sẽ đối với pháp vô thượng đạo rất sâu, ưa sanh lòng nghi, khiếp hãi. Ta dùng phương tiện thiện xảo để tuyên dương, hiển thị thật nghĩa hòng an ủi họ, khiến cho họ lìa khiếp nhược. Vì thế, họ gọi ta là Đấng Khéo Nói An Ủi. An ủi như thế nào? Tức là đối với chúng sanh độn căn, cái tâm nhỏ hẹp, nghe vô thượng đạo, thù thắng nhất, mầu nhiệm nhất, ý tuy tham ưa, phát tâm nguyện hướng về, nhưng lại suy nghĩ: “Để cầu vô thượng đạo thì phải tích công lũy đức rộng lớn cùng cực, hành khổ hạnh khó làm, tự độ, độ người khác trong kiếp số dài lâu, chịu đựng siêng khổ dài lâu trong sanh tử thì mới đạt được”. Do bởi lẽ ấy, nên tâm họ sanh khiếp nhược).

Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói: Thiện nam tử! Hãy nên biết kẻ sơ học phát ý, cầu hướng tới Đại Thừa, chưa đạt được tín tâm, đối với vô thượng đạo quá sâu, sẽ thích sanh lòng nghi ngờ, khiếp sợ. Ta sẽ dùng phương tiện thiện xảo để tuyên nói thật nghĩa. Tuyên nói thật nghĩa hòng an ủi, khiến họ lìa khiếp nhược. Do vậy, ta được gọi là Thiện An Ủi Thuyết Giả (đấng khéo nói an ủi). Đoạn kinh văn này ý nói: Phương tiện thiện xảo của Địa Tạng Bồ Tát có thể khiến cho chúng sanh chẳng có tín tâm sẽ sanh khởi tín tâm. Đó là nói về các chúng sanh chẳng tin pháp nghĩa Đại Thừa. Các chúng sanh bình phàm phát tâm thành Phật, đó là giáo nghĩa Đại Thừa. Họ chẳng dám phát cái tâm ấy, cho nên Địa Tạng Bồ Tát mới khuyên họ phát tâm thành Phật, dạy họ mong cầu, hướng về Đại Thừa. Đối với họ mà nói “*liễu sanh tử, đạt được phước báo trong nhân gian*”, các chúng sanh ấy dễ dàng tiếp nhận. [Bảo họ] “*làm thiện sự, đắc thiện báo*”, họ dễ dàng tiếp nhận. [Nêu bảo họ] “*quý vị hãy tin Phật, phát tâm thành Phật*”, [mà họ tiếp nhận, làm theo], chúng sanh loại này ít lắm! Có rất nhiều đạo hữu sau khi đã tin Phật, tôi nghĩ họ chẳng phát tâm thành Phật, gần giống như đoạn kinh văn này đã nói. Chúng ta phát tâm liễu sanh tử đã khá lắm rồi, mong cuộc sống trong hiện thời sẽ được an ủi, có thể giảm bớt các tai họa vô duyên vô cớ là đã mãn nguyện lắm rồi. Còn như nói “*phát tâm xuất gia*”, cho đến “*phát tâm tin Phật, ta vì thành Phật*

mới phát tâm tin Phật”, tôi nghe nói như vậy rất ít. Thật sự là như thế! Chúng sanh thời Mạt Pháp, kẻ phát tâm vâng theo liễu nghĩa Đại Thừa ít ỏi, phát tâm “*liạ khổ, được vui*”, cho đến phát tâm liạ sanh tử cũng ít lắm! Chứ kẻ phát tâm đạt được một ít phước báo trong nhân gian, cầu được an ủi trong đời hiện tại, loại này khá nhiều!

Trong đoạn kinh văn này, Địa Tạng Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Giả sử có một loại chúng sanh mong cầu hướng đến Đại Thừa, nhưng tín tâm chẳng đủ, cho đến người đã phát tâm cầu Đại Thừa sẽ dễ dàng lui sụt. Đối với pháp nghĩa rất sâu này, họ hoài nghi. Họ thấy nói “*hết thấy chúng sanh đều có thể thành Phật*”, đối với lời dạy trong kinh thì một là không tin, hai là tin nhưng hoài nghi. Đối với loại chúng sanh ấy, Địa Tạng Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: “*Ta dùng phương tiện thiện xảo để an ủi họ, khiến cho họ phát Bồ Đề tâm*”. Tôi nói trường hợp này thông tục hơn một chút: Thoạt đầu tin Phật, bèn phát tâm độ chúng sanh, đây mới gọi là tâm Đại Thừa. Đã tin Phật, chẳng vì cầu an lạc cho chính mình, mà nguyện cho chúng sanh được hạnh phúc. Đó gọi là tâm Đại Thừa. Đó là pháp rất sâu. Còn như đã phát tâm, tự mình ngờ vực chính mình có thể làm được hay không? Tôi thường nghe các đạo hữu nói: “Tôi ngay cả chính mình còn chẳng độ được, tôi còn độ người khác ư?” Người nói kiểu ấy rất nhiều! Rất nhiều đạo hữu đã từng nghe thấy. Nghe thấy có người phát tâm Đại Thừa thì như thế nào mới được coi là đã phát tâm Đại Thừa? Từ trước đến giờ, chẳng nói tới chính mình, toàn là nói làm thế nào để khiến cho chúng sanh được nghe Phật pháp? Làm thế nào để khiến cho chúng sanh liạ khổ, được vui? Các vị đạo hữu có thể nghe lẫn nhau nói như vậy. Các đạo hữu tin Phật chúng ta, chẳng vì chính mình, chỉ vì người khác. Do vậy, nói theo giáo nghĩa trong kinh Đại Thừa, chẳng vì cầu an lạc cho chính mình, chỉ mong cho chúng sanh được hạnh phúc. Đó gọi là ý nghĩa “*phát khởi rất sâu*”. Vì sao chẳng thể phát cái tâm như vậy? Do khiếm nhược. Tự mình suy tưởng: “Ta có thể liễu sanh tử đã là tuyệt diệu lắm rồi!” Chỉ có cái tâm cầu xuất ly cho chính mình. Gặp hạng chúng sanh chẳng phát đại tâm ấy, Địa Tạng Bồ Tát khéo an ủi họ, khuyên họ phát Bồ Đề tâm, khuyên hành Bồ Tát đạo. Đó là chuyên nói với hạng chúng sanh chẳng phát đại tâm.

“*Khéo an ủi*” là gì? Có thể khuyên chúng sanh phát đại tâm bằng cách nào? Trừ bỏ cái tâm nhỏ nhen, khiếm nhược, trừ bỏ cái tâm chỉ vì chính mình, an ủi khiến cho họ phát tâm Đại Thừa. An ủi như thế nào? Dùng ngôn ngữ để an ủi. Địa Tạng Bồ Tát thốt ra lời lẽ an ủi. Đối với chúng sanh có cái tâm nhỏ hẹp, tức là chúng sanh chẳng phát Bồ Đề tâm,

chỉ cầu chính mình an lạc, bèn nói pháp môn hành Bồ Tát đạo thành Phật có công đức vi diệu thù thắng. Điều này có nghĩa là: Chẳng phải chính mình có thể đoạn tham, sân, si là được rồi, mà còn phải khiến cho hết thảy chúng sanh đều đoạn tham, sân, si. Khiến cho họ phát tâm, không chỉ là cái tâm cầu xuất ly, mà còn là tâm tiến hướng Đại Thừa, khuyên hết thảy chúng sanh phát tâm thành Phật, phát nguyện “*nguyện hướng đến Phật thừa, chỉ nghĩ tưởng vô thượng đạo*”. “*Vô thượng đạo*” là chuyên nói về Phật Thừa, đạt đến thành Phật rốt ráo. Nhưng thành Phật không chỉ đơn giản là một câu, phải rộng độ hết thảy chúng sanh, viên mãn và thành tựu công đức lợi ích của quý vị và công đức của chúng sanh. Chuyện này chẳng thể [hoàn thành] trong một thời gian ngắn, mà là vô lượng ức kiếp, thời gian tự độ và độ người khác có thể rất dài. Nếu chỉ vì chính mình liễu sanh tử, đoạn dứt phiền não, cho đến đoạn dứt Phần Đoạn Sanh Tử, nói theo đạo nghĩa, nói theo thời gian tu hành thì còn dễ dàng, chứ khiến cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật [chẳng dễ dàng đâu nhé]. Đó là cái nguyện của Địa Tạng Bồ Tát, nguyện cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật. Đó chẳng phải chỉ là nguyện suông mà thôi! Đã nguyện rồi bèn có hành, hành là phát Bồ Đề tâm, khuyến hóa hết thảy chúng sanh thì là Hành.

Trong biển khổ sanh tử, chúng ta thường đều là liễu thoát chính mình. Con người trong khổ nạn luôn mong làm thế nào để chính mình xuất ly, trọn chẳng nghĩ đến làm cho chúng sanh đều xuất ly. Quên bẵng sự thông khổ của chính mình, [chuyên nghĩ độ chúng sanh thoát khổ], đây mới là người phát đại tâm. Địa Tạng Bồ Tát nói Ngài an ủi những kẻ chẳng phát đạo tâm, [tức là] những kẻ độn căn. Cái tâm của họ rất nhỏ, phân định lớn hay nhỏ như thế nào? Cái tâm nhỏ thì sẽ là vì chính mình trước đã, sau đây mới nói tới chuyện độ người khác. Đại tâm thì độ người khác trước đã, chẳng có chính mình, khiến cho hết thảy chúng sanh đều có thể tiến nhập pháp vi diệu rất sâu trong Phật đạo, phát nguyện tiến hướng thành Phật. Đồng thời còn mong tích lũy hết thảy công đức, phải hành khổ hạnh khó hành, chính mình có thể làm được các chuyện mà kẻ bình phàm chẳng thể làm nổi. Thông thường, người hành đạo Bồ Tát, cho đến xả thân mạng để giúp đỡ người khác, chẳng so đo chuyện được mất đối với cá nhân mình. Đó mới gọi là “*hành Bồ Tát đạo*”. Độ người khác chính là độ chính mình.

Tôi thường nghĩ như thế này: Trước khi chúng ta đốt củi, hoặc trong khi đốt củi, lửa chưa bốc lên, phải dùng một cái que nhỏ để khơi lửa. Cái que cời lửa ấy sẽ chọc cho ngọn lửa bốc cao hơn. Củi có không

khí lửa vào thì mới cháy được. Cái que cời lửa ấy ví như hành Bồ Tát đạo, độ hết sạch chúng sanh, nhưng chính mình cũng bị đốt cháy, có hàm nghĩa giống như thế. Dùng điều này làm tỷ dụ, trong khi quý vị độ chúng sanh, khiến cho chúng sanh đoạn phiền não, phiền não của chính quý vị cũng bị đoạn dứt, có hàm nghĩa ấy. Nhưng phải trải qua một thời gian rất dài, chẳng phải là một hai kiếp, mà là nói vô lượng kiếp, hoặc [tối thiểu là] ba đại kiếp, tức là nói tới thời gian cực dài!

Bồ Tát chẳng sợ sanh tử. Quý vị độ chúng sanh, phải ở trong sanh tử khổ nạn để độ chúng sanh, như chúng ta phát tâm cầu sanh thế giới Cực Lạc, tới thế giới Cực Lạc là để quý vị độ người khác, hay người khác độ quý vị? Trong thế giới Cực Lạc, quý vị độ ai? Quý vị có sức mạnh gì để độ kẻ khác hay chăng? Nhưng do cái tâm của chúng ta khiếp nhược, bèn sanh về thế giới Cực Lạc để thành đạo rồi mới trở lại Sa Bà độ chúng sanh. Nếu sanh về thế giới Cực Lạc thì phát đại tâm như thế nào? Chúng ta cầu sanh về thế giới Cực Lạc, giống như chúng ta đi học bản lãnh để giúp đỡ người khác. Chẳng có bản lãnh mà toan giúp người khác, muốn cho người khác lìa khổ, được vui, nhưng chính mình chẳng có phương pháp. Do vậy, cầu sanh về thế giới Cực Lạc để đến học tập ở bên đó, học phương pháp lợi sanh rồi quay trở lại độ người khác. Nhưng phát tâm cầu sanh thế giới Cực Lạc, chẳng phải vì chính mình, mà là vì muốn lợi ích chúng sanh bèn phát tâm cầu sanh thế giới Cực Lạc. Mọi người hãy cân nhắc một phen, hai điều này như nhau: Một là phát tâm sanh về thế giới Cực Lạc để chính mình liễu sanh tử, một đàng là phát tâm tới thế giới Cực Lạc hòng lợi ích chúng sanh. Đó gọi là “*phát Bồ Đề tâm*”.

Nhưng chúng ta ở trong sanh tử, chịu khá nhiều khổ nạn trong lục đạo luân hồi, chúng ta không sợ hãi, bao kiếp dài lâu ở giữa hết thấy chúng sanh khổ nạn để độ chúng sanh khổ nạn. Quý vị mong độ chúng sanh, mà chẳng vào giữa chúng sanh, quý vị có thể độ chúng sanh hay không? Chẳng sợ sanh tử, chẳng sợ hết thấy khổ nạn, phải độ tận chúng sanh. Vì chính mình mà cầu giải thoát thì khá dễ dàng! Nếu khiến cho hết thấy chúng sanh đều giải thoát, chuyện này hết sức khó khăn. Nghĩa Đại Thừa này vừa phát khởi liền thoái đạo, chẳng dễ phát được! Chẳng hạn như ngài Xá Lợi Phất muốn phát tâm Bồ Tát độ chúng sanh. Ngài mới vừa phát Bồ Đề tâm, Đệ Thích Thiên liền hóa thành người để thăm dò Ngài một phen, coi xem Ngài phát đại tâm là thật hay giả. Ông ta liền hóa hiện thành một cô bé nghèo nàn, khóc ở ven đường. Ngài Xá Lợi Phất hỏi cô bé: “Con khóc vì chuyện gì?” Cô bé thưa: “Mẹ con bị bệnh. Thuốc thì tìm được, nhưng chẳng có chất dẫn thuốc”. Ngài Xá Lợi Phất hỏi cô bé:

“[Đề có được] chất dẫn thuốc ấy, sẽ gặp khó khăn gì?” Cô bé đáp: “Hết sức khó!” Ngài Xá Lợi Phất hỏi: “Cần chất dẫn thuốc gì vậy?” Cô bé đáp: “Phải tìm mắt của người còn sống, mắt của người đã chết không được! Phải tìm mắt của người còn đang sống”. Ngài Xá Lợi Phất vừa nghe nói, [suy tưởng]:

“Ta vừa mới phát Bồ Đề tâm đã gặp chuyện này; có nên xả hay không? Không xả thì ta đã phát Bồ Đề tâm. Xả thì bố thí con mắt rất khó, chẳng phải là tiền tài!” Ngài vẫn kiên định thí cho cô ta, liền móc con mắt trái cho cô ta. Cô bé nói: “Ông móc sai mắt rồi! Cháu cần con mắt bên phải!” Ngài Xá Lợi Phất nói: “Sao cháu không nói sớm?” Trong tâm Ngài còn có chút hối hận, nhưng vẫn chưa hoàn toàn lui sụt hối hận, con mắt phải cũng móc ra cho cô ta: “Dẫu sao ta có Thiên Nhãn, không sao! Móc cho cô ta vậy!” Đứa bé ấy cầm lấy con mắt người, chê bai: “Tanh hôi phát ối! Dùng làm thuốc uống sao được?” Vứt đánh phệt xuống đất, lại còn giẫm nát. Ngài Xá Lợi Phất liền thoái thất đạo tâm, nói “*Bồ Tát đạo khó hành*”, chẳng phải là nói suông rồi thôi!

Như ngài Xá Lợi Phất, [xét theo] trí huệ và công đức do Ngài tu được, Kiến Tư Hoặc đều đoạn dứt, phát đại Bồ Đề tâm, mà còn ngã lòng! Chúng tôi cũng thường nói: “Nếu cá nhân chúng ta cũng mong học phát Bồ Đề tâm, giúp đỡ người khác, đợi cho tới khi chính mình chịu khổ nạn, sẽ nghĩ ngay cả độ chính mình còn khó khăn, làm sao giúp đỡ người khác!” Vì sao? Trong khổ nạn bèn hoài nghi Phật, Bồ Tát chẳng linh. [Do ngờ vực] chẳng linh, trong tâm dấy lên hoài nghi. Tự cho rằng chính mình chẳng có sai lầm gì, có sao phải thọ báo? Đó đều là kẻ độn căn Tiểu Thừa. Nếu là người phát đại tâm Bồ Đề, phát khởi cái tâm vô thượng đạo thù thắng nhất, đúng là rất khó. Đã phát tâm, phát nguyện, chúng ta hằng ngày đều phát nguyện. Hằng ngày chúng ta đều xưng bài tán, tức là xưng kệ tụng về Tứ Hoàng Thệ Nguyện: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, phiền não vô tận thệ nguyện đoạn, pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*”. Một điều cũng chẳng làm được! Phát nguyện rộng tuếch! Hễ cảnh giới hiện tiền bèn lui sụt. Gặp phải tai nạn, sẽ chẳng do tai nạn liền giúp đỡ người khác, mà còn bỏ chạy nhanh hơn ai hết! Vậy thì độ chúng sanh bằng cách nào?

Vì thế, chúng sanh độn căn, Tiểu Thừa, mong phát tâm thù thắng, màu nhiệm, nhưng chẳng làm được, khổ hạnh khó khăn lắm! Chúng ta thường nghe nói “chính mình còn chẳng độ được, làm sao độ người khác?” Câu ấy rất thường nghe nói! Nhưng các đệ tử đạo hữu đang hiện diện đều hiểu Phật pháp, quý vị có thể giúp kẻ không tin trở thành tin Phật

pháp, đó là chuyện chẳng dễ dàng. Chẳng phải là quý vị vừa khuyên lơn, họ sẽ tin, quý vị phải hành khá nhiều phương tiện. Gặp phải mấy phen thử thách, quý vị chẳng dám nói nữa. Đặc biệt là đối với người không tin Phật, quý vị khuyên họ tin Phật, đó vẫn là chuyện bình thường. Nhưng đặc biệt là trong lúc nguy nan, chính quý vị còn đang ở trong cảnh nguy nan, giả sử như chúng ta đang ở trong biển khổ sanh tử, chẳng mong chính mình chịu khổ nạn trong biển khổ, lại thấy người khác gặp khổ nạn [bèn phát tâm cứu giúp người đó trước đã]; đấy mới thật sự là lợi ích chúng sanh. Vì thế, hạnh khổ, hạnh khó, tự độ, độ người khác, thời gian dài lâu, chẳng phải là một hai lượt, một ngày, một kiếp, hai kiếp, chẳng phải trong thọ mạng một trăm năm của chúng ta, mà là trong vô lượng, vô lượng đời. Địa Tạng Bồ Tát đối với loại chúng sanh này, khéo an ủi, khéo nói phương tiện. Đây là chúng tôi nói tới định nghĩa chân thật của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. [Thế mà] chúng ta cứ coi kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo giống như một bản kinh tầm thường, hoặc nghĩ nửa đầu của kinh là kinh điển Tiểu Thừa, nửa sau hoàn toàn là cảnh giới Hoa Nghiêm.

(Kinh) Ngã tức vị thuyết chân thật chi nghĩa, sở vị nhất thiết chư pháp bốn tánh tự Không, tất cánh vô ngã, vô tác, vô thọ, vô tự, vô tha, vô hành, vô đạo, vô hữu phương sở, diệt vô quá khứ, hiện tại, vị lai, nãi chí vị thuyết thập bát Không đẳng, vô hữu sanh tử, Niết Bàn. Nhất thiết chư pháp định thật chi tướng nhi khả đắc giả. Hựu phục vị thuyết nhất thiết chư pháp như huyễn, như hóa, như thủy trung nguyệt, như kính trung tượng, như Càn Thát Bà thành, như không cốc hương, như dương diễm, như bào, như lộ, như đăng, như mục ế, như mộng, như điện, như vân. Phiền não sanh tử tánh thậm vi nhược, dị khả linh diệt. Hựu phiền não, sanh tử tất cánh vô thể, cầu bất khả đắc, bốn lai bất sanh, thật cánh vô diệt. Tự tánh tịch tĩnh, tức thị Niết Bàn.

(經)我即爲說真實之義，所謂一切諸法本性自空，畢竟無我，無作，無受，無自，無他，無行，無到，無有方所，亦無過去現在未來，乃至爲說十八空等，無有生死涅槃。一切諸法定實之相而可得者。又復爲說一切諸法如幻如化，如水中月，如鏡中像，如乾闥婆城，如空谷響，如陽焰，如泡

，如露，如燈，如目瞶，如夢，如電，如雲。煩惱生死性甚微弱，易可令滅。又煩惱生死畢竟無體，求不可得，本來不生，實更無滅。自性寂靜，即是涅槃。

(Kinh: Ta liền vì kẻ đó nói nghĩa chân thật, tức là bốn tánh của hết thấy các pháp tự Không, rốt ráo vô ngã, vô tác, chẳng lãnh thọ, chẳng tự, chẳng tha, chẳng đi, chẳng đến, chẳng có nơi chốn, cũng chẳng có quá khứ, hiện tại, vị lai, cho tới nói mười tám thứ Không v.v... Chẳng có sanh tử và Niết Bàn, [cũng như chẳng có] tướng chắc thật của hết thấy các pháp để có thể đạt được. Lại vì họ nói hết thấy các pháp như huyền, như hóa, như trắng trong nước, như hình tượng trong gương, như thành Càn Thát Bà, như tiếng vang nơi hang trống, như ánh nắng ngọn, như bọt nước, như sương, như mắt quáng, như chớp, như mây. Tánh của phiền não và sanh tử hết sức yếu nhỏ, dễ dàng bị diệt mất. Hơn nữa, phiền não và sanh tử rốt ráo chẳng có Thể, cầu chẳng thể được, nó vốn chẳng sanh, lại thật sự chẳng diệt. Tự tánh tịch tĩnh, tức là Niết Bàn).

Gặp loại chúng sanh ấy, Địa Tạng Bồ Tát dùng thiện xảo phương tiện để nói ý nghĩa chân thật với họ. “*Ý nghĩa chân thật*” chính là ý nghĩa thành Phật. Ý nghĩa chân thật là gì? Bốn tánh của hết thấy các pháp tự là Không; đây là ý nghĩa chân thật. Quý vị thấy bất cứ pháp môn nào của Phật, mắt thấy, tai nghe, tâm nghĩ, sáu căn tiếp xúc, đều là ý nghĩa chân thật. Trước hết, chính quý vị cần phải lý giải điều này, vì nó đều phát sanh từ tự tánh. Trước hết, lý giải tự tánh vốn là Không, hết thấy các pháp đều là Không. Tự mình lý giải, lại còn tuyên giảng loại phương pháp ấy cho hết thấy chúng sanh, nói hết thấy các pháp vô ngã, vô nhân, chẳng tự, chẳng tha. “*Chẳng có hết thấy các pháp, chúng là Không*”. Quý vị tự mình chứng đắc, sau đó nói cho người khác. Chính mình chẳng chứng đắc, nhưng tin như thế. Đó là hàng Bồ Tát thuộc Tín vị. Sau đó, hướng về người khác tuyên truyền, nói “*hết thấy các pháp rốt ráo vô ngã*”, liễu đạt các pháp vô ngã. Hết thấy các kinh điển Đại Thừa đều nói như thế. Trong vô ngã, khi chính chúng ta quán tưởng: Đây là Ngã Chấp, chẳng chấp trước Ngã và Ngã Kiến; đối với hết thấy các vấn đề mà ta thấy, chẳng dùng Ngã Kiến để nhìn hết thấy các vấn đề, đạt tới mức độ “*chẳng dùng Ngã Kiến để nhìn nhận hết thấy các pháp*”. Quý vị có nhận biết hay không? Chẳng có chính mình, mà cũng chẳng có người khác. Hết thấy các pháp đều là Không. Chẳng hành, mà cũng chẳng có tu đạo, thành đạo,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

cũng chẳng có nơi chốn chi hết, cũng chẳng có gì là quá khứ, hiện tại, vị lai. Đây là nói “*hết thấy các pháp đều là Không*”. Thậm chí vì họ nói mười tám món Không, hết thấy các pháp đều là Không, chẳng có sanh tử và Niết Bàn. Mười tám món Không sẽ được giảng trong phần sau. Sanh tử và Niết Bàn là tương đối, hết thấy các pháp đều là Không. Vì sao? Chẳng có một cái thể tướng chắc thật để có thể đạt được.

Lại nói hết thấy các pháp như huyễn, như hóa, đều là huyễn hóa, chẳng thật. Hết thấy các pháp như trăng trong nước. Vàng trắng trong nước chẳng thật, nó là hình bóng, mọi người đều hiểu điều này. Hết thấy các pháp giống như hình tượng trong gương, tướng được chiếu soi giống hệt [như vật soi vào gương]. “*Như thành Càn Thát Bà*”: Các [tỷ dụ] khác đều dễ hiểu, [nhưng đối với tỷ dụ này, cần phải giải thích thêm]. Trong tám bộ quỷ thần chúng, có loại quỷ thần Càn Thát Bà (Gandharva). [Thành Càn Thát Bà] có lúc hiện ra, có lúc biến mất. Nếu quý vị ở Sơn Đông, tỉnh Sơn Đông có Lao Sơn (嶗山), cách Thanh Đảo sáu mươi dặm Tàu³⁴. Chúng ta đến Lao Sơn, lúc mặt trời sắp mọc, đứng trên đỉnh Lao Sơn nhìn ra biển Đông, nhìn vào biển cả. Khi đó, trong biển có ảnh tượng dường như là một thành thị. Nếu thời tiết rất quang đãng, đôi khi quý vị thấy [ảnh tượng đó] giống như trong nhân gian chúng ta. Trong đó, rất nhiều người đi, đứng, ngồi, làm chi đó, đều hoàn toàn có. Mặt trời vừa mới mọc lên, [huyễn tượng ấy] chẳng còn nữa. Thành Càn Thát Bà chẳng có, nó chỉ là một hình ảnh [hư huyễn]. [Kinh nói] “*như thành Càn Thát Bà*” nhằm hình dung “chẳng có, trống không”; nhưng có đôi khi nó hiện bóng dáng. Tại Lao Sơn, rất nhiều người trèo lên đỉnh núi Lao Sơn xem “*hải thị, thần lâu*” (thành phố trên biển, lâu đài của loài sò)³⁵. Kinh Phật gọi “*hải thị, thần lâu*” là “*thành Càn Thát Bà*”. Trong tám bộ quỷ thần chúng, có loài Càn Thát Bà. Đó là thành trì của họ, căn bản là chẳng có tòa thành của họ, nó chỉ là bóng dáng. Lại còn có hang trống. Quý vị vào

³⁴ Một dặm Tàu (Hoa Lý) bằng nửa cây số hiện thời. Tương truyền, Lý do Hiên Viên Hoàng Đế chế ra, và được vua Đại Vũ nhà Hạ chuẩn định. Từ một Lý bằng 405 mét thời nhà Hạ, trải qua các đời, Lý dài ngắn khác nhau. Đời Đường chỉ còn 323 mét, đến đời Thanh thì dao động từ 537 cho đến 645 mét. Từ năm 1984, trở đi, chánh quyền Hoa Lục quy định một dặm Tàu là nửa km.

³⁵ Thần lâu (蜃樓): Cổ nhân tin ở ngoài biển có một loài sò lớn (Thần, 蜃), hơi thở của chúng sẽ tạo thành các lâu gác trên mặt biển. “*Hải thị thần lâu*” là từ ngữ để chỉ chung các huyễn cảnh do khúc xạ ánh sáng. Thậm chí các ảo ảnh như những vũng nước đọng trên mặt đường nhựa khi trời nắng gắt cũng được gọi là “*hải thị thần lâu*” hay “*ương diệm*”.

hang núi, gào một tiếng, âm thanh vọng lại gọi là Hưởng (響, tiếng dội, tiếng vang), chẳng có hình mạo! Như ánh nắng ngọn (陽焰, dương diệm, mirage, ảo ảnh trong sa mạc), như bọt trên mặt nước. Như sương, mặt trời vừa mọc bèn tiêu mất. Như ngọn đèn, như mắt có màng mộng, như giác mộng, như tia chớp, như mây. Đó là các từ ngữ hình dung sự trống không, hình dung ý nghĩa rỗng không.

Dùng những điều ấy để tỷ dụ sanh tử phiền não của chúng ta, chúng có hay không? Rỗng tuếch! Nhưng bọn chúng sanh chúng ta chẳng thể Không được! Phiền não xảy tới, bèn ngủ không nổi, ăn không vào, chẳng thể Không! Vì sao chẳng Không được? Họ chẳng nhận biết, chấp trước. Bọt trên mặt nước, sương sớm, tia chớp, hoa đóm trong mắt, nằm mộng khi ngủ. Nằm mộng mà có thể là chân thật ư? Nhưng phàm phu chấp trước, nếu có mộng đẹp, họ sẽ vui thú suốt ngày. Nếu gặp ác mộng, cả hai ba ngày vẫn chẳng yên bụng. Vốn chẳng có [mà cứ chấp trước], đó gọi là “*vọng chấp*”. Do đó, quán phiền não, quán sanh tử như thế đó. Tánh thể của chúng ta, tức bản thể của tự tánh chẳng có phiền não, mà cũng chẳng có sanh tử. Trong tánh thể, nó chẳng tồn tại, tức là đối với thọ mạng của mỗi người chúng ta, đức Phật dạy quý vị tu Quán, bèn nói Giả. Sau khi sanh, lão, bệnh, tử hiện tiền, quý vị có thể quyết đoán là nó giả, sẽ giảm bớt thống khổ. Nhưng chúng ta chẳng tu được. Tuy trong sự thật, nó là giả, cái chân thật sẽ bất hoại. Ai nấy đều cho rằng thân thể của chính mình là thật, nhưng nó sẽ bị hư hoại. Từ lúc được cha mẹ sanh ra, rất bé, dần dần biến thành già, già rồi diệt, diệt thì chẳng còn nữa. Chúng ta nhận biết như thế đó. Nhưng cái bị tiêu diệt là hình tướng, chẳng phải là tâm tánh của quý vị. Đối với phiền não sanh tử, quý vị phải biết [phiền não sanh tử] chẳng có thật thể, là biểu hiện hư giả, còn thật thể thì bất hoại. Quý vị mong cầu trường thọ, chẳng thể được, chẳng thể đạt được! Nếu quý vị đạt tới bất sanh thì cũng chẳng có diệt. Chẳng sanh thì thật sự cũng chẳng có diệt. Thể tánh là tịch tĩnh, chúng ta chẳng chứng đắc điều này. Tuy chẳng chứng đắc, chúng ta hiểu rõ. Hiểu rõ như thế nào? Đức Phật dạy chúng ta hiểu rõ. Đức Phật bảo sanh tử chính là Niết Bàn. Quý vị ở trong sanh tử, có thể nhận biết, có thể xả sanh tử, chứng đắc Niết Bàn. Bởi lẽ, sanh tử là giả, quý vị phải thấy nó là giả, nhận biết nó là giả, sẽ có thể hữu đạo, tức là tu đắc đạo. Đây là hoàn toàn nói về nghĩa Không, Địa Tạng Vương Bồ Tát nói chúng ta về Không. Trước hết, “Không” được quán từ những điều ấy. Hết thấy sự vật, sanh tử cũng thế, mà Niết Bàn cũng thế, hết thấy các pháp chẳng có gì là chân thật, chẳng có nhất định. Tướng ấy là giả tướng,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

vì sao? Cái chân thật sẽ bất biến. Mỗi vị trong chúng ta đều là như thế, đều đang biến. Biến hóa mãi rồi chẳng còn nữa, tiêu mất rồi, chết rồi. Phiền não, sanh tử, Niết Bàn, giả danh mà thôi!

(Kinh) Như thử sở thuyết năng phá nhất thiết chư kiến, tổn tự thân tâm chấp trước tướng cố, đắc ly khiếp nhược.

(經)如此所說能破一切諸見，損自身心執着想故，得離怯弱。

(Kinh: Nói như thế có thể [khiến cho người nghe] phá hết thấy các kiến, tổn hoại các ý tưởng chấp trước nơi thân tâm của chính mình, được lìa khiếp nhược).

Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Quý vị phải thấy các Kiến của chính mình, “Kiến” (見) là cách nhìn nhận vấn đề, năng kiến (能見, chủ thể nhìn, tức cái tâm của ta) nhìn vào sở kiến (所見, đối tượng, sự vật, các pháp được nhìn nhận). Năng kiến là tánh của quý vị, còn sở kiến là hết thấy các tướng. Năng Kiến nhìn vào Sở Kiến, đối với thân thể, đối với cái tâm, [hay nói chung là] đối với thân tâm của quý vị chỉ là một thứ chấp trước mà thôi, chẳng có thật thể. Nay chúng ta có thân thể, thân thể hư hoại, sẽ tiêu mất, chẳng phải là vĩnh cửu. Khi quý vị mười tuổi, thì thời điểm một hai tuổi đã mất đi, thời điểm quý vị chín tuổi đã mất đi, mười tuổi còn đó. Khi quý vị hai mươi tuổi, thời điểm mười tuổi cũng chẳng còn. Đó gọi là pháp sanh diệt, đây là chấp trước của chúng ta. Phải phá trừ chấp trước ấy. Phá trừ hết thấy các kiến, chúng là vọng kiến. Mọi người đọc kinh Lăng Nghiêm sẽ biết, mười phen hiển lộ tánh Thấy. Chấp trước thân tâm nơi thân thể này, chấp trước nó là Có. Thật ra, nó chẳng có. Nhưng hiện thời chúng ta có một thân thể, khi có thân thể, có thể nhận biết thân thể ấy nhất định sẽ tiêu mất. Đó là điều khẳng định, nhất định phải đạt tới. Đạt tới gì vậy? Tiêu mất. Vì sao? Hư vọng. Nó chẳng phải là chân thật. Do vậy, nếu có thể lìa khỏi quan điểm như thế, có thể thâm nhập, thứ gì quý vị cũng thấy thấu suốt, đều buông xuống được. Điều đó khiến cho quý vị “*phá kiến*”, [tức là phá trừ] các vọng kiến ấy.

(Kinh) Phục hữu chúng sanh bất giải Như Lai ngôn thuyết chỉ ý cố, nhi sanh khiếp nhược. Đương tri Như Lai ngôn thuyết chỉ ý giả, sở vị Như Lai kiến bỉ Nhất Thật cảnh giới cố, cứu cánh đắc ly sanh, lão,

bệnh, tử, chúng ác chi pháp, chúng bỉ Pháp Thân thường hằng, thanh lương, bất biến đẳng, vô lượng công đức tụ. Phục năng liễu liễu kiến nhất thiết chúng sanh thân trung, giai hữu như thị chân thật, vi diệu, thanh tịnh công đức, nhi vị vô minh ám nhiễm chi sở phú chướng. Trùng dạ hằng thọ sanh, lão, bệnh, tử, vô lượng chúng khổ, Như Lai u thử khởi đại từ bi ý, dục linh nhất thiết chúng sanh ly u chúng khổ, đồng hoạch Pháp Thân Đệ Nhất Nghĩa Lạc, nhi bỉ Pháp Thân thị vô phân biệt ly niệm chi pháp. Duy hữu năng diệt hư vọng thức tướng, bất khởi niệm giả, nãi sở ưng đắc, dẫn nhất thiết chúng sanh, thường nhạo phân biệt, thủ trước chư pháp. Dĩ diên đảo vọng tướng cố, nhi thọ sanh tử. Thị cố, Như Lai vị dục linh bỉ ly u phân biệt, chấp trước tướng cố, thuyết nhất thiết thế gian pháp tất cánh thể Không, vô sở hữu, nãi chí nhất thiết xuất thế gian pháp diệt tất cánh Thể không, vô sở hữu. Nhược quảng thuyết giả, như thập bát Không. Như thị hiển thị nhất thiết chư pháp, giai bất ly Bồ Đề thể. Bồ Đề thể giả, phi hữu, phi vô, phi phi hữu, phi phi vô, phi hữu vô câu, phi nhất, phi dị, phi phi nhất, phi phi dị, phi nhất dị câu, nãi chí tất cánh vô hữu nhất tướng nhi khả đắc giả. Dĩ ly nhất thiết tướng cố, ly nhất thiết tướng giả, sở vị bất khả y ngôn thuyết thủ, dĩ Bồ Đề pháp trung vô hữu thọ ngôn thuyết giả, cập vô năng ngôn thuyết giả cố. Hựu bất khả y tâm niệm tri, dĩ Bồ Đề pháp trung vô hữu năng thủ, khả thủ, vô tự, vô tha, ly phân biệt tướng cố. Nhược hữu phân biệt tướng giả, tác vi hư ngụy, bất danh tương ứng.

(經)復有衆生不解如來言說旨意故，而生怯弱。當知如來言說旨意者，所謂如來見彼一實境界故，究竟得離生老病死衆惡之法，證彼法身常恆清涼不變等，無量功德聚。復能了了見一切衆生身中，皆有如是真實微妙清淨功德，而爲無明闇染之所覆障。長夜恆受生老病死，無量衆苦，如來於此起大慈悲意，欲令一切衆生離於衆苦，同獲法身第一義樂，而彼法身是無分別離念之法。唯有能滅虛妄識想，不起念者，乃所應得，但一切衆生，常樂分別，取着諸法。以顛倒妄想故，而受生死。是故，如來爲欲令彼離於分別，執着想故

，說一切世間法畢竟體空，無所有，乃至一切出世間法亦畢竟體空，無所有。若廣說者，如十八空。如是顯示一切諸法，皆不離菩提體。菩提體者，非有，非無，非非有，非非無，非有無俱，非一，非異，非非一，非非異，非一異俱，乃至畢竟無有一相而可得者。以離一切相故，離一切相者，所謂不可依言說取，以菩提法中無有受言說者，及無能言說者故。又不可依心念知，以菩提法中無有能取，可取，無自，無他，離分別相故。若有分別想者，則爲虛僞，不名相應。

(Kinh: Lại có chúng sanh do chẳng hiểu ý chỉ trong lời nói của Như Lai, nên sanh khiếp nhược. Hãy nên biết ý chỉ trong lời nói của Như Lai chính là Như Lai do thấy cảnh giới Nhất Thật, rốt ráo được lìa các ác pháp sanh, lão, bệnh, tử, chúng Pháp Thân thường hằng, trong mát, bất biến v.v... vô lượng khối công đức. Lại có thể thấy rõ ràng trong thân của hết thấy chúng sanh đều có công đức thanh tịnh, vi diệu, chân thật như thế, nhưng bị ám nhiễm vô minh che lấp, luôn ở trong đêm dài chịu đựng sanh, lão, bệnh, tử, vô lượng các khổ. Như Lai do vậy bèn dấy lòng đại từ bi, muốn khiến cho hết thấy chúng sanh đều lìa các khổ, cùng đạt được Đệ Nhất Nghĩa Lạc nơi Pháp Thân, nhưng Pháp Thân là pháp vô phân biệt, ly niệm, chỉ có người nào có thể diệt cái thức tưởng hư vọng, chẳng khởi niệm thì mới đạt được. Nhưng hết thấy chúng sanh thường chuộng phân biệt, chấp giữ các pháp. Do vọng tưởng điên đảo nên hứng chịu sanh tử. Vì thế, Như Lai vì muốn cho họ lìa ý tưởng phân biệt, chấp trước, nên nói hết thấy pháp thế gian rốt ráo là Thể không, chẳng sở hữu. Cho đến hết thấy các pháp xuất thế gian cũng là rốt ráo Thể Không, vô sở hữu. Nếu nói rộng thì là như mười tám món Không. Hiện thị hết thấy các pháp như thế đều chẳng rời Bồ Đề Thể. Bồ Đề Thể chẳng có, chẳng không, chẳng phải là không có, chẳng phải là chẳng không, chẳng phải là vừa có vừa không, chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải “không là một”, chẳng phải “không là khác”, chẳng phải là “vừa một vừa khác”, cho tới rốt ráo chẳng có một tướng để có thể được, do lìa hết thấy các tướng. “Lìa hết thấy các tướng” tức là chẳng thể nương theo ngôn thuyết để giữ lấy, do trong pháp Bồ Đề chẳng có người nhận lãnh ngôn thuyết,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

mà cũng chẳng có người nói. Lại chẳng thể nương vào tâm niệm để biết, do trong pháp Bồ Đề chẳng có chủ thể giữ lấy và có đối tượng được giữ lấy, chẳng tự, chẳng tha, do là tướng phân biệt. Nếu có ý tưởng phân biệt thì sẽ là hư vọng, chẳng gọi là tương ứng).

Nay tâm lượng của chúng ta chẳng lớn; do chẳng lớn nên chẳng dám quán chiếu chính mình như thế, không biết sự tử vong của chính mình. Cho đến đâu biết rõ, cũng chẳng dám thừa nhận! Ai nấy đều biết chuyện tử vong: Cho tới lúc tử vong, dầu quý vị chẳng buông xuống, cũng phải buông xuống, muốn chấp trước cũng chẳng chấp trước được, nó tiêu mất. Hãy nên lý giải như thế. Chớ nên sanh ý tưởng khiếp nhược, chớ nên sanh ý tưởng dài lâu. Hãy dừng mãnh quán các vấn đề ấy rốt cuộc sẽ diệt mất. Hễ diệt thì nhất định sẽ tử vong. Do vậy, đức Phật bảo chúng ta, sanh, lão, bệnh, tử, cho đến Ái Biệt Ly (yêu thương phải chia lìa), Oán Tắng Hội (oán ghét mà cứ phải gặp gỡ), Ngũ Âm Xí Thịnh (Ngũ Uẩn lừng lẫy), Cầu Bất Đắc (mong cầu mà chẳng đạt được), tám loại ấy là khổ nạn. Quý vị phải thấy thấu suốt, phải nhận thức chúng: Chúng tùy thuận lẽ Chân mà khởi. Từ trong hư vọng, hư giả, mà nhận biết một cái “*bất sanh, bất diệt, chẳng đổi, chẳng khác, chân thật*” trong ấy, tức là tánh của chúng ta. Những điều này gọi là đạt tới cảnh giới như đã nói trong đoạn kinh văn trước đó, nay Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta cảnh giới Nhất Thật. Pháp “*cảnh giới Nhất Thật*” là khởi nổi khổ sanh tử, sanh, lão, bệnh, tử, cho đến tám khổ, chẳng có các thứ ấy. Đó là tánh thể vốn sẵn có của chúng ta. Đó là Pháp Thân thanh tịnh, chẳng hai, chẳng khác với Phật và Địa Tạng Bồ Tát. Nơi chư Phật, Bồ Tát là công đức, nơi bọn chúng sanh chúng ta là phiền não.

Đồng thời, quý vị quán chiếu, biết rõ chân tánh của chính mình như thế. Mỗi chúng sanh đều sẵn có chân tánh, nó ở ngay trong thân thể của chúng sanh, mà cũng chẳng rời khỏi thân thể. Từ trong thân thể, quý vị tìm tòi chân tánh, chẳng có! Cái tâm của quý vị là thức, là vọng, chẳng phải là thật, nhưng nó trọn đủ. Chân tâm trọn khắp hết thảy mọi nơi! Nếu chúng ta chẳng có tri kiến của Phật, chẳng có phần thật sự nơi Phật, chúng ta sẽ chẳng thể thành Phật! Chúng ta và Phật chẳng hai, chẳng khác, có thể thành Phật, nhưng hiện thời các phiền não ngăn chướng quý vị.

Đồng thời, quý vị phải thấy trong thân của hết thảy chúng sanh đều có công đức chân thật, vi diệu, thanh tịnh của Như Lai; đó là sẵn có. Như Lai do sự tu (tu hành bằng sự tướng) mà phát hiện nó, nêu rõ nó. Sự tu cùng với cái sẵn có hợp làm một, tất cả vô minh, si ám, chướng ngại đều

bị gột sạch. Giả sử trên thân hoặc y phục chúng ta nhuốm bẩn, quý vị gột rửa một lần chẳng sạch, gột rửa hai lần chẳng sạch, gột rửa ba lần thì sẽ sạch. Đó là nói về bồn tánh và tánh thể của chúng ta, chẳng phải là nhục thể (cái thân xác thịt), [bồn tánh, tánh thể] chẳng có sanh, lão, bệnh, tử, cũng chẳng có khổ. Đương nhiên là chẳng có khô, mà cũng chẳng có lạc, chẳng có hết thảy các pháp tương đối, chẳng hai, chẳng khác với Phật.

Trong đoạn văn chương này, Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: “*Chúng sanh đều có thể thành Phật*”. Chỉ cần quý vị chịu tu, chịu nương theo lời dạy của Địa Tạng Bồ Tát, tức là [hành theo] phương pháp và cảnh giới Nhất Thật như Ngài đã dạy trong các đoạn kinh văn trước đó; quý vị hãy thấu hiểu. Nếu có thể ngộ cảnh giới Nhất Thật, sẽ rời lìa sanh, lão, bệnh, tử. Sanh, lão, bệnh, tử là giả tướng, chẳng chân thật. Loại công phu này bất luận quý vị có thể tu cũng thế, mà không thể tu cũng thế, bình thời quý vị phải suy nghĩ như vậy. Trong khi quý vị đau khổ nhất, quý vị có thể thí nghiệm tách rời các cảm giác đau khổ và nỗi khổ của cái thân đang hứng chịu đau khổ. Kinh Lăng Nghiêm dạy chúng ta, chúng ta có cảm giác, cái cảm giác ấy có thể cảm nhận, tức là cảm nhận nỗi đau khổ mà thân thể đang hứng chịu. Sự nhận biết của cái tâm cảm nhận ấy sẽ không đau, tuy nó cảm nhận được sự đau khổ đang hứng chịu. Đồng thời, tôi nghĩ như thế này: Khi tôi nằm bệnh viện, cần phải mổ, trước hết, bác sĩ chích thuốc tê cho quý vị để làm tê thần kinh. Ông ta mổ xẻ chi nữa, quý vị chẳng có cảm giác, mà cũng chẳng đau khổ. Đợi cho đến khi thuốc tê đã tan, quý vị sẽ cảm thấy đau khổ. Nếu không chích thuốc tê, chính quý vị có thể khống chế cái tâm của chính mình, tách lìa tâm và thân thể của chính mình. Chuyện này cần phải có công phu trong một thời gian rất dài, chẳng phải là như tôi vừa mới nói như thế, quý vị vừa học bèn làm được ngay! Khi sức mạnh cảm giác của quý vị đạt tới mức độ rất lớn, chẳng cần chích thuốc mê nữa: Quý vị thấy xác thân và chính mình chẳng có quan hệ. Đây là vấn đề tâm lực, trong lịch sử, loại nhân vật này rất nhiều. Mọi người thấy Quan Vân Trường (Quan Công) nạo xương trị độc. Hoa Đà³⁶

³⁶ Hoa Đà (華陀, không rõ năm sinh-208), tự là Nguyên Hóa, quê ở huyện Tiêu, nước Bái thời Đông Hán, là một thầy thuốc nổi tiếng. Ông cùng với Đông Phụng và Trương Trọng Cảnh được hậu thế xưng tụng là Kiến An Tam Thân Y. Hoa Đà cùng với Biền Thước, Trương Trọng Cảnh và Lý Thời Trân, được xưng tụng là tứ đại danh y của cổ y học Trung Hoa. Về sau, Tào Tháo do thường bị nhức đầu, đã ép ông phải làm thầy thuốc riêng cho mình. Do không thích luồn lọt quyền quý, bị ép bức làm thủ hạ của Tào Tháo, lại xa quê khá lâu, ông lấy cớ nhận được thư nhà, xin về thăm quê. Sau đó, ông cáo bệnh không trở lại. Sau nhiều lần gọi trở lại mà không được, Tào Tháo nổi

khoét thịt, dùng dao nạo trên xương, người khác nghe âm thanh ấy đều run lấy bầy, Quan Công vẫn chơi cờ tướng, chẳng có chuyện chi hết. Điều đó cho thấy tâm lực của ông ta rất mạnh, cái tâm hàng phục cái thân của ông ta. Khi chúng ta đau khổ nhất, quý vị tách rời thân và tâm, tâm và thân trở thành hai chuyện khác nhau. Do vậy, kinh Lăng Nghiêm dạy chúng ta: “*Hữu giác giác thống, vô thống thống giác*” ý nói: Quý vị có cảm giác nhận biết đau đớn, nhưng cái đau ấy không ảnh hưởng cái tâm cảm nhận của quý vị. Nhưng do chúng ta chẳng có sức mạnh ấy, cho nên bác sĩ phải chích thuốc tê. Có trường hợp nào không chích thuốc tê hay không? Có một vị lão hòa thượng khi vào bệnh viện để mổ, chẳng đồng ý cho bác sĩ chích thuốc tê. Bác sĩ nói: “Thầy sẽ đau tới hôn mê luôn”. Sư nói: “Tôi không đau, các ông cứ mổ đi”. Chuyện này cần phải có công phu, chẳng phải là một hai ngày [mà đạt được]! Trong khi quý vị tu, tách rời tinh thần và vật chất, thân thể là vật chất, tinh thần chẳng phải là vật chất, sẽ sanh ra hiệu quả. Tôi đã từng thí nghiệm, cũng sanh ra [hiệu quả]. Quý vị thấy chuyện này ở rất nhiều vị tổ sư, người tu đạo có thể khiến cho [thân và tâm] chia lìa.

Quý vị phải đạt được loại nghĩa lạc này. Như Lai do đó khởi lòng đại từ bi, muốn khiến cho hết thảy chúng sanh lìa khỏi hết thảy khổ nạn, cùng đạt được Đệ Nhất Nghĩa Lạc nơi Pháp Thân. Đó chẳng phải là thân thể. Vừa rồi chúng tôi nói đến thân thể, chứ Pháp Thân chẳng có phân biệt, chẳng có tạp niệm. Khi một người muốn đạt tới vô phân biệt, vô tạp niệm, khi nhất tâm thuần tịnh, ý tưởng hư vọng chẳng dấy lên, có thể ngưng dứt hết thảy các niệm, đó gọi là “*tương ứng với đạo*”. Khi tu hành đạt tới loại cảnh giới này, tức là hình thái ý thức của quý vị đã tách rời cái tâm.

giận, hạ lệnh bắt ông giam cầm trong ngục. Trong ngục, ông chép lại kiến thức về y dược của mình thành bộ Thanh Nang Thư tặng cho người coi ngục để cảm ơn sự hậu đãi của người ấy, nhưng người đó sợ oai Tào Tháo đã cự tuyệt không nhận, ông bèn đốt bỏ tác phẩm ấy. Về sau, ông chết trong ngục. Đệ tử chân truyền của ông là Ngô Phổ và Phàn A. Tương truyền, Phàn A do được Hoa Đà dạy cho thuật châm cứu và phương thuốc Tắt Diệp Thanh Niêm Tán, nên sống hơn trăm tuổi mà vẫn mạnh khỏe, tóc không bạc, nhưng toa thuốc ấy đã thất truyền. Tương truyền Hoa Đà tinh thông nhiều môn y thuật, dùng thuốc rất ít mà công hiệu nhanh lạ. Ông lại không cần dùng cân mà chỉ dùng tay bốc thuốc vẫn đúng cân lượng. Căn cứ theo ghi chép, ông đã biết sử dụng dược liệu hoặc hơi lửa để sát trùng, chế ra loại rượu gọi là Ma Phí Tán để gây tê khi cần mổ xẻ. Ông còn dựa theo cử chỉ của cọp, gấu, nai, vượn và chim để chế ra Ngũ Cảm Hý như một bài tập dưỡng sinh.

Nhưng hết thảy chúng sanh thường thích phân biệt, chấp giữ các pháp. Phật chứng đắc “*thường, lạc, ngã, tịnh*”. Bọn chúng sanh chúng ta thì phân biệt, đối với thường lạc bèn phân biệt, chấp giữ hết thảy các pháp; đó là vọng tưởng điên đảo. Vì sao họ muốn chấp trước? Vì chẳng thể buông xuống vọng tưởng; chấp trước điên đảo, quý vị bèn hứng chịu nỗi khổ sanh tử. Chư Phật Như Lai đã đoạn dứt, khi đoạn dứt, các Ngài chẳng có tướng phân biệt, tức là các Ngài đạt “*thường, lạc, ngã, tịnh*”, đã đoạn dứt các ý tưởng phân biệt, chấp trước. Chuyện này nhờ vào sức tu hành. Tôi vừa mới nói, nếu quý vị tu đúng thật trong một thời gian dài, khiến cho cái tâm và thân thể của quý vị tách lìa, tâm chẳng bị thân thể trói buộc, quý vị sẽ dần dần có thể đạt tới loại cảnh giới này. Sự trói buộc ấy là chấp trước: Quý vị ngỡ thân thể là chính mình. Giả sử quý vị lìa khỏi thân thể, nó chẳng phải là ta. [Thân thể] chẳng phải là quý vị, đau khổ tới mức độ nào đi nữa, cũng chẳng liên can tới quý vị. Công phu này chẳng phải là một hai ngày liền có thể buông xuống, chẳng có chấp trước, chẳng có chấp đầu nhé!

Trong đoạn kinh văn này, Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta, “*rốt ráo Thể không, vô sở hữu*”. Nói tới “*rốt ráo*”, trong bốn thể của cái tâm chúng ta, chẳng phải là thân thể, hết thảy đều là Không. Pháp thế gian là Không, pháp xuất thế gian cũng là Không, rốt ráo là thể Không, hết thảy vô sở hữu. Nếu nói rộng thì như trong kinh thường nói có tất cả mười tám thứ Không. Ở đây, tôi không nói cặn kẽ, chỉ nêu danh từ với mọi người. Các tướng cảnh giới hiển hiện đều là Không. Nội Không, Ngoại Không, trong lẫn ngoài đều là Không. Nhục thể (xác thân) hoàn toàn là Không, nội tâm, ngũ tạng, lục phủ đều là Không. Sắc thân bên ngoài cũng là Không. Bất Không: Bất không thì sẽ chẳng hoại; chẳng hoại thì sẽ không bị diệt mất. Nhục thể của quý vị rốt cuộc đều từ vọng, ai nấy đều là như thế. Trong là thân tâm, ngoài là thế giới, toàn thể thế giới đều đang biến hóa. Thân tâm của quý vị là Không, hình tướng của thế giới bên ngoài là Không. Cái Không ấy cũng là không, cái Không ấy cũng bị trừ bỏ không còn. Sau đó, tiến hơn bước nữa, gọi là Đại Không. Đại Không tiến hơn bước nữa là Đệ Nhất Nghĩa Không. Đệ Nhất Nghĩa Không tiến thêm bước nữa là Vô Vi Không, Hữu Vi Không, Tất Cánh Không, Vô Thủ Không, Tán Không, Tánh Không, Tự Tướng Không, Chư Pháp Không, Bất Khả Đắc Không³⁷, không có pháp, hết thảy các pháp đều chẳng có. Vì sao?

³⁷ Theo từ điển Phật Quang Sơn, thứ tự của Thập Bát Không (Astādaśa Śūnyatāh) hơi khác:

- 1) Nội Không (Adhyātma-sūnyatā): Sáu nội xứ thuộc sáu căn đều là vô ngã, vô ngã sở, chẳng có các pháp như Nhãn, Nhĩ v.v...
- 2) Ngoại Không (Bahirdhā-sūnyatā): Ngoại xứ của sáu trần cũng là vô ngã, vô ngã sở, chẳng có các pháp như Sắc, Thanh v.v...
- 3) Nội Ngoại Không (Adhyātma-bahirdhā-sūnyatā): Sáu căn và sáu cảnh, tức mười hai xứ đều vô ngã, vô ngã sở, và cũng chẳng có các pháp ấy.
- 4) Không Không (Sūnyatā-sūnyatā): Chẳng chấp trước ba loại Không trên đây.
- 5) Đại Không (Mahā-sūnyatā): Trong mười phương thế giới, vốn không có một phương hướng nhất định, đây hay kia.
- 6) Đệ Nhất Nghĩa Không (Paramārtha-sūnyatā): Còn gọi là Thắng Nghĩa Không, Chân Thật Không, tức là lìa các ngoại pháp, sẽ chẳng có tướng Đệ Nhất Nghĩa Thật Tướng để có thể đạt được, chẳng chấp trước Thật Tướng.
- 7) Hữu Vi Không (Sajskṛta-sūnyatā): Các pháp tập khởi do nhân duyên và tướng của các pháp nhân duyên đều chẳng thể đạt được.
- 8) Vô Vi Không (Asajskṛta-sūnyatā): Lìa rời sự chấp giữ đối với Niết Bàn.
- 9) Tất Cánh Không (Atyantā-sūnyatā): Còn gọi là Chí Cánh Không, tức là dùng Hữu Vi Không và Vô Vi Không để phá hết thảy các pháp, rốt ráo chẳng còn sót thừa.
- 10) Vô Thi Không (Anavarāgra-sūnyatā): Còn gọi là Vô Hạn Không, Vô Tế Không, Vô Tiền Hậu Không, tức là hết thảy các pháp tuy sanh khởi từ vô thi, nhưng xả lìa việc chấp tướng đối với pháp ấy.
- 11) Tán Không (Anavakāra-sūnyatā): Còn gọi là Tán Vô Tán Không, Bất Xả Không, Bất Xả Ly Không, tức là các pháp chỉ do hòa hợp mà giả có, cho nên rốt cuộc sẽ là tướng biệt ly, tan diệt, vô sở hữu.
- 12) Tánh Không (Prakṛti-sūnyatā): Còn gọi là Bỏ Tánh Không, Phật Tánh Không, tức là tự tánh Không của các pháp.
- 13) Tự Tướng Không (Svalaksana-sūnyatā): Còn gọi là Tự Cộng Tướng Không, Tướng Không, tức các tướng đồng, dị, tổng, biệt của các pháp đều chẳng thể được.
- 14) Chư Pháp Không (Sarva-dharma-sūnyatā): Còn gọi là Nhất Thiết Pháp Không, tức là đối với các pháp thuộc Uẩn, Xứ, Giới, tự tướng bất định, lìa chấp giữ tướng.
- 15) Bất Khả Đắc Không (Anupalambha-sūnyatā): Còn gọi là Vô Sở Hữu Không, tức là trong các pháp nhân duyên, cầu Ngã và Pháp đều chẳng thể được.
- 16) Vô Pháp Không (Abhāva-sūnyatā): Còn gọi là Vô Tánh Không, Phi Hữu Không, tức các pháp nếu đã hoại diệt, sẽ chẳng có tự tánh để có thể đạt được, pháp vị lai cũng như thế.
- 17) Hữu Pháp Không (Svabhāva-sūnyata): Còn gọi là Tự Tánh Không hoặc Phi Hữu Tánh Không, tức các pháp chỉ do nhân duyên mà có, nên cái Có trong hiện tại chẳng phải là thật sự có.
- 18) Vô Pháp Hữu Pháp Không (Abhāva-svabhāva-sūnyatā): Còn gọi là Vô Tánh Tự Tánh Không. Món Không này bao hàm hết thảy các pháp sanh diệt và vô vi trong ba đời, hết thảy đều chẳng thể được!

Đó là danh hiệu của các món Không dựa theo các kinh Đại Phẩm Bát Nhã, Phóng Quang Bát Nhã, Quang Tánh Bát Nhã, Đại Bát Nhã Kinh, và kinh Nhân Vương Hộ Quốc Bát Nhã Ba La Mật Đa. Các kinh luận khác do gộp vào hay tách ra các món

Rỗng không. Có pháp, hết thấy các hữu pháp cũng đều rỗng không, hữu vi pháp, vô vi pháp toàn bộ đều không. Tổng cộng mười tám loại, hiển thị, nói rộng là mười tám món Không như thế. Ý nghĩa của mười tám món Không rất nhiều, sách vở chỉ nói [tổng quát] là Không thì chỉ có bộ Kinh này.

Hiện thị hết thấy các pháp như thế đều chẳng rời Bồ Đề Thể, hết thấy các pháp được kiến lập dựa trên Bồ Đề. Chúng ta phát Bồ Đề tâm, đó là toàn thể. Hết thấy các pháp đều chẳng rời hết thấy Bồ Đề. Vì sao nói là Không? Nhằm hiển thị Bồ Đề. Bồ Đề là gì? Giác, tức là giác trong giác ngộ. Phát Bồ Đề tâm là quý vị phát khởi cái tâm hiểu rõ, giác ngộ, thì gọi là “*phát Bồ Đề tâm*”. Bồ Đề được dịch thành Giác trong giác ngộ. Giác là hiểu rõ. Bồ Đề Thể là gì? Nó chẳng phải là có. Chẳng phải là Có thì là Không, tức là Vô. [Thế nhưng] nó chẳng phải là Không, chẳng phải là Vô. Phi hữu phi phi hữu (chẳng phải là có, chẳng phải là không có): Coi nó là có hay không có đều chẳng đúng, nó là phi phi hữu! Phi vô cũng chẳng đúng, phi phi vô (chẳng phải là không phải vô). Đối với “*hữu vô câu*” (vừa có vừa không) cũng thêm một chữ Phi, tức “*phi hữu vô câu*” (chẳng phải là vừa có vừa không). Nói một chẳng thể được, tức là “*phi nhất*”. Nói khác cũng chẳng thể, đó là “*phi dị*” (chẳng khác). Đối với chữ Phi này, lại thêm một chữ Phi nữa, với dụng ý trừ bỏ: Phi nhất cũng không đúng, phi dị cũng sai bét, phi phi hữu, phi phi dị. Nhất và Dị phải như thế nào thì mới đúng? “*Nhất dị câu*” (Vừa một vừa khác) cũng sai luôn! Cho đến Tất Cảnh Vô Hữu (rốt ráo chẳng có). Điều này hiển thị hàm nghĩa Không; đó là giải thích cái Không. Chẳng có tướng để có thể đạt được, chẳng có hình để có thể đạt được. Cử tâm động niệm toàn bộ đều là Không. Phi! Chẳng có hết thấy các tướng, hết thấy đều chẳng phải; đây mới là cái Thể của Bồ Đề.

Trong phần trước, chúng tôi đã nói về cảnh giới Nhất Thật, ở đây hiển thị điều gì? Cảnh giới Nhất Thật. [Có thể tạm hiểu những điều vừa nói trên đây] là cảnh giới Nhất Thật, nhưng đó vẫn chưa phải là cảnh giới Nhất Thật, ắt cần phải khế hợp với cái tâm. [Bởi lẽ, những điều vừa trình bày trên đây] chỉ có ngôn thuyết, ngôn thuyết chẳng thể biểu đạt. Dùng ngôn thuyết để biểu đạt sẽ chẳng có ý nghĩa thật sự. Chỉ cần có ngôn thuyết thì sẽ chẳng có nghĩa chân thật. Bởi lẽ, tự tâm thanh tịnh, lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng tâm duyên, lìa hết thấy các tướng. Có tướng hay

Không ấy mà thành ra Thập Tam Không, Thập Tứ Không, Thập Lục Không, Nhị Thập Nhất Không v.v...

không? Đó gọi là Như Lai Tạng. Như Lai Tạng chứa đựng hết thảy các pháp, hàm tàng hết thảy các pháp, kể cả hết thảy các tịnh pháp của Như Lai. Cái Thể ấy, tức bản thể của Như Lai Tạng Tánh dù nói là có hay là không, đều là hý luận. Vì sao? Chẳng phân biệt! Hễ khởi tâm động niệm, hễ có phân biệt thì trật mất rồi! Chỉ có thể thấu hiểu bằng tâm ý, chẳng thể dùng ngôn ngữ để truyền đạt, quý vị lãnh hội bằng cái tâm. Nói tới khai ngộ, thì tâm thần lãnh hội, chẳng thể dùng ngôn ngữ để biểu đạt, ngôn ngữ chẳng thể biểu đạt được! Chỉ cần có ngôn thuyết thì đều chẳng phải là thật nghĩa, cái được biểu đạt bằng ngôn ngữ thì chẳng phải là chân thật, chỉ là hình dung mà thôi. Bồ Đề là lìa hết thảy các tướng.

“*Lìa hết thảy các tướng*” tức là chẳng chấp trước, chẳng dựa theo ngôn thuyết. Nếu dùng ngôn ngữ để giữ lấy tướng Bồ Đề ấy, sẽ chẳng thể giữ được, [vì] ngôn thuyết chẳng có ý nghĩa chân thật. Do trong pháp Bồ Đề, chẳng có tướng ngôn thuyết, chẳng có tướng người tiếp nhận, chẳng có cái có thể nói năng, mà cũng chẳng có cái được diễn tả bằng ngôn thuyết. Trong tâm chẳng có ý niệm, dựa theo ý niệm trong tâm để biết nó là giả, là chẳng thật. Pháp Bồ Đề chẳng thể có cái giữ lấy (năng thủ), mà cũng chẳng có cái bị giữ lấy (sở thủ), chẳng có tự, chẳng có tha. Phàm là phân biệt, đối đãi, thì đều chẳng đúng. Nếu có ý tưởng phân biệt, đó là hư ngụy, chẳng tương ứng với tâm và Bồ Đề. Nói đơn giản, cái Thể của Bồ Đề lìa hết thảy các tướng, lìa hết thảy ngôn thuyết. Dùng ngôn thuyết để giữ lấy cái Thể của Bồ Đề sẽ chẳng đúng. Dùng hết thảy tướng để giữ lấy cái Thể của Bồ Đề cũng trật, do tâm niệm giác tri của quý vị chẳng đúng. Đó gọi là “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xứ diệt*”. Khi quý vị quán thì là quán bằng ý niệm. Khi quán, chẳng phải là khởi tâm động niệm. Lúc đã đạt tới vô tâm, vô tâm nêu giải thích theo ý nghĩa trong Thiên Tông sẽ là “*tâm tâm tương khế*”. Trong khi ấy, ngôn ngữ dứt bật, trong tâm chẳng có tư tưởng gì, [nên gọi là] “*tâm hành xứ diệt*”. Do vậy, chỉ có ngôn thuyết, đều là chẳng có “*thật nghĩa*” (nghĩa lý chân thật). Ngôn thuyết nhằm biểu đạt, hiển thị cho quý vị, nhưng [Bồ Đề Thể] chẳng phải là ngôn thuyết. Nói tới “*tâm*” thì “*tâm*” ở đây chẳng phải là cái tâm, mà có nghĩa là “*pháp*”. Giống như chúng ta nhắc đến “*lửa*” thì “*lửa*” chẳng phải là lửa thật sự. Nếu là lửa thật sự, miệng quý vị sẽ bị đốt cháy. Nói đến “*nước*” cũng chẳng phải là nước, chỉ là từ ngữ mang ý nghĩa biểu đạt!

(Kinh) Như thị đẳng thuyết, độn căn chúng sanh bất năng giải giả, vị vô thượng đạo Như Lai Pháp Thân, dẫn duy Không pháp, nhất hướng tất cánh nhi vô sở hữu. Kỳ tâm khiếp nhược, úy đọa vô sở đắc

trung, hoặc sanh đoạn diệt tướng, tác tăng giảm kiến, chuyển khởi phi báng, tự khinh, khinh tha.

(經)如是等說，鈍根眾生不能解者，謂無上道如來法身，但唯空法，一向畢竟而無所有。其心怯弱，畏墮無所得中，或生斷滅想，作增減見，轉起誹謗，自輕輕他。

(Kinh: Nói như thế thì chúng sanh độn căn chẳng thể hiểu, bèn nói “vô thượng đạo Như Lai Pháp Thân chỉ là pháp Không, một mực rốt ráo chẳng có gì”. Tâm họ khiếp nhược, sợ đọa vào “không có gì để đạt được”, hoặc sanh ý tưởng đoạn diệt, dấy lên kiến giải tăng giảm, đâm ra phi báng, coi rẻ mình lẫn người).

Thuyết pháp như thế, tức là đối với học thuyết như thế, chúng sanh căn khí chậm lụt có thể hiểu hay không? Chẳng thể hiểu. Địa Tạng Vương Bồ Tát nói thuyết pháp theo kiểu đó, các chúng sanh độn căn chẳng thể lý giải, cũng chẳng thể lý giải Pháp Thân của Như Lai, bèn cho rằng: Vô thượng đạo Như Lai Pháp Thân chỉ là pháp Không. Vô thượng Pháp Thân của Như Lai là gì? Không! Cái Không ấy chẳng phải là Ngoan Không (cái không trợ), chẳng phải là cái Không như chúng ta thấy khoảng trống trong phòng ốc, chẳng phải là Không kiểu đó, mà là Pháp Không. Nói đơn giản, đối với Không, quý vị đừng nên chấp trước là được rồi, thứ gì cũng đều chẳng chấp trước. Chúng tôi thường nói “*thấy thấu suốt, buông xuống*”, quý vị thấy thấu suốt, buông xuống, sẽ tự tại. Hễ thấy thấu suốt và buông xuống bèn tự tại. Chúng sanh độn căn chẳng có cách nào lý giải, chẳng thể lý giải. Đây là vô thượng đạo Như Lai Pháp Thân, tuy là Không pháp, nhưng một mực rốt ráo vô sở hữu. Muốn đạt được điều gì, cầu có điều gì đó [từ Pháp Thân] đều chẳng có.

Như thế thì đối với chúng sanh chẳng có tâm lực mạnh mẽ, do tâm lực chẳng mạnh mẽ bèn sanh khiếp nhược. Đã khiếp nhược, Bồ Đề tâm chẳng thể phát khởi. [Hiểu lầm Pháp Thân là rỗng không] như vậy thì thứ gì cũng đều không có, ta tu gì đây? Há còn có gì? Đã chẳng có phiền não, mà cũng chẳng có Niết Bàn, cũng chẳng có sanh tử, cũng chẳng có gì hết; đây chẳng phải là đoạn diệt tướng ư? Nó lại chẳng phải là đoạn diệt. Nếu khởi lên đoạn diệt tướng, khởi lên ý tưởng tăng giảm, cả hai [ý tưởng] tăng và diệt đều chẳng thể. Dưới đây, Địa Tạng Bồ Tát còn tự giải thích.

(Kinh) Ngã tức vị thuyết Như Lai Pháp Thân tự tánh bất không, hữu chân thật Thể, cụ túc vô lượng thanh tịnh công nghiệp, từng vô thí

thể lai, tự nhiên viên mãn, phi tu, phi tác, nãi chí nhất thiết chúng sanh thân trung diệc giai cụ túc, bất biến, bất dị, vô tăng, vô giảm.

(經)我即為說如來法身自性不空。有真實體。具足無量清淨功業。從無始世來自然圓滿。非修非作。乃至一切眾生身中亦皆具足。不變不異。無增無減。

(Kinh: Ta liền vì họ nói tự tánh của Pháp Thân Như Lai chẳng không, nó có cái Thể chân thật, trọn đủ vô lượng hạnh nghiệp công đức thanh tịnh. Từ đời vô thủy đến nay, [tự tánh ấy] tự nhiên viên mãn, chẳng tu, chẳng tạo tác, cho đến trong thân của hết thảy chúng sanh cũng đều trọn đủ, chẳng biến đổi, chẳng khác, chẳng tăng, chẳng giảm).

Nói “*Pháp Thân của Như Lai bất không*”, tức là tự tánh bất không. Pháp Thân của Như Lai bất không, trừ khử hết thảy tướng chấp trước. Nếu quý vị chấp Pháp Thân của Như Lai thành có, sẽ hoàn toàn là sai lầm! Nó là bất không, bất hữu! Chẳng phải Không, chẳng phải Sắc để thấy Như Lai. Chẳng phải là Không, mà cũng chẳng phải có sắc tướng. Thấy Phật như thế, bất không bèn có một cái Thể chân thật. Pháp Thân của Như Lai bất không, có một cái Thể chân thật. Cái Thể chân thật của Pháp Thân Như Lai là gì? Vô lượng công đức thanh tịnh. Đó là vô lượng công đức thanh tịnh nơi cái Thể của Pháp Thân Như Lai. Công đức thanh tịnh có hình trạng như thế nào? Từ vô thủy đến nay, tự nhiên viên mãn, chẳng phải là tu, mà cũng chẳng phải là tạo tác, đó là nói tới Pháp Thân. Trong thân của hết thảy chúng sanh đều trọn đủ, chẳng thay đổi, chẳng khác.

Nơi chư Phật, Bồ Tát chẳng tăng; nơi hết thảy chúng sanh chẳng giảm. Chẳng phải là giữa Pháp Thân của chúng sanh và Pháp Thân của chư Phật còn có một cái hình tướng đối khác bất đồng. Chẳng có! Pháp Thân không có hình tướng. Chúng sanh vốn trọn đủ, chư Phật đã tu thành cái sẵn đủ ấy, tức là “*tu đắc*”. Chúng sanh vốn sẵn mê, nhưng trọn chẳng đánh mất [Pháp Thân]. Ai nấy đều trọn đủ Pháp Thân, ai nấy đều có thể thành Phật. Nếu quý vị đánh mất, sẽ chẳng thể thành Phật. Chẳng mất, chẳng được! Có mất thì cũng chẳng mất được; có được thì cũng chẳng được! Chỉ có thâm khế hội, chẳng thể dùng lời lẽ để diễn tả. Dùng ngôn ngữ để biểu đạt thì sẽ chẳng thể biểu đạt được. Lịch đại tổ sư Thiên Tông chỉ có thể lặng lẽ khế hợp, đều là ngầm khế hợp. Điều ấy được gọi là “*tổ*

Pháp Thân”. Tổ Pháp Thân chẳng do tu đắc, nó là công đức vốn sẵn có, nhưng chẳng khác với Pháp Thân được hiển lộ do tu tập.

(Kinh) Như thị đẳng thuyết, năng trừ khiếp nhược, thị danh an úy.

(經)如是等說，能除怯弱，是名安慰。

(Kinh: Nói như thế đó, có thể trừ khiếp nhược, được gọi là “an úy”).

Vì nói đến cái sẵn đó, đó gọi là “*nói an úy*”. Địa Tạng Bồ Tát dùng cách nói này để diệt trừ cái tâm khiếp nhược cho chúng sanh, [hòng khiến cho chúng sanh] biết chính mình có thể thành Phật, biết chính mình vốn sẵn có Phật tánh. Phật tánh ấy chẳng hai, chẳng khác với Phật. Chúng ta thường nói tới “*linh tánh*”, nhất là người xuất gia, họ hoàn toàn chẳng trải qua học tập như thế nào, nhưng họ liễu giải những điều mà kẻ bình phàm chẳng thể liễu giải. Chúng ta nói đến khai ngộ, sự khai ngộ ấy có đại ngộ, có tiểu ngộ, có những thứ do đã từng học, từng tu tập trong quá khứ, nên gọi là “*túc tập*” (宿習). Gặp gỡ nhân duyên, nó lại hiển hiện, tự nhiên hiển hiện. Có những người học mấy chục năm, có người chẳng học tập mà hiểu toàn bộ. Kẻ học mấy chục năm vẫn không bằng kẻ chẳng học tập chi hết! Phải tính thêm đời trước của người ấy. [Nếu không], sẽ chẳng hiểu [nguyên nhân]. Quý vị phải biết trong đời trước, hoặc trong vô lượng đời, người ấy đã sớm tu tập. Do vậy mà nói đến chuyện này, có trường hợp rất rõ ràng, có trường hợp chẳng rõ ràng, chẳng biểu hiện rõ ràng ra ngoài.

Như có những người tu đạo chẳng hề học tập pháp thế gian, thế mà toàn bộ họ đều hiểu rõ. Chẳng hạn như tôi có một người bạn quen biết từ lâu tên là lão hòa thượng Thọ Dã³⁸. Chúng tôi ở Mỹ, Ngài trở về nước, về

³⁸ Lão hòa thượng Thọ Dã (1908-2001) là một vị cao tăng đương đại, quê ở huyện Vô Tích, tỉnh Giang Tô, họ ngoài đời là Viên. Năm 1928, Ngài y chỉ hòa thượng Đức Tùng chùa Phổ Tế ở Thượng Hải để xuất gia. Năm sau, do giải hạnh tinh nghiêm, được đặc cách thọ Cụ Túc Giới tại chùa Bảo Hoa ở Nam Kinh. Sau đấy, Ngài đến chùa Thiên Ninh ở Thường Châu tham học, cũng như tu Thiền tại chùa Kim Sơn ở Trấn Giang. Năm 1934, Ngài được cung thỉnh làm trụ trì chùa Phổ Tế, rồi tiếp nhận thêm ngôi trụ trì chùa Bích Vân ở Sơn Tây vào năm sau. Ngài đổi chùa Phổ Tế thành thập phương tùng lâm, tham bái khắp nơi để học hỏi về Thiền. Năm 1936, Sư kết lều tranh bế quan suốt bốn năm tại chùa Quảng Tế ở Ngũ Đài Sơn, trích máu chép kinh Hoa Nghiêm. Từ năm 1949 cho đến năm 1972, Ngài chống tích trượng hoằng pháp tại

lại Ngũ Đài Sơn, gặp một vị lão đạo hữu, [cũng là một vị lão hòa thượng]. Vị lão hòa thượng ấy cũng đã viên tịch. Vị đạo hữu ấy nói với Sư: “Thọ Dã ơi! Hôm nào thầy tới Thượng Hải, khi nào tới đó, người nào ra sân bay đón thầy, tôi đều thấy hết”. Sư Thọ Dã nói: “Làm sao thầy thấy vậy?” Ông ta nói: “Tôi thấy bằng tâm. Khi nào máy bay của thầy đáp xuống, những đạo hữu nào ra đón thầy”. Ông ta nói hoàn toàn đúng, nhưng ông ta ở Ngũ Đài Sơn, [chẳng có mặt tại sân bay Thượng Hải]. Điều đó gọi là Thông. Vị lão hòa thượng ấy đã viên tịch, nói ra không sao hết! Nếu lúc thầy ấy còn tại thế, nói ra, sẽ có rất nhiều người tìm đến làm phiền. Thầy ấy đã chẳng còn tại thế. Thầy ấy biết rất nhiều sự vật, biết là Thế. Đã hiểu rõ nó thì lại như thế nào? Đã biết thì lại như thế nào? Chẳng có tác dụng, chẳng dấy lên tác dụng, chẳng sanh ra diệu dụng! Có thể giống như lúc bậc đại Bồ Tát sanh ra diệu dụng, diệu dụng là lợi ích chúng sanh thì có thể sanh ra diệu dụng. Chỉ là có thể biết, trong tâm biết, nhưng chẳng thể phát sanh tác dụng, vẫn chưa tu thành, vẫn chẳng tu tốt đẹp. Nếu có thể sanh khởi tác dụng, sẽ là tu thành, có thể sanh ra diệu dụng. Diệu dụng là chuyện lợi ích chúng sanh.

(Kinh) Hựu phục ngu si kiên chấp chúng sanh, vẫn như thị đẳng thuyết, diệt sanh khiếp nhược. Dĩ thủ Như Lai Pháp Thân bản lai mãn túc, phi tu, phi tác tướng cố, khởi vô sở đắc tướng, nhi sanh khiếp nhược, hoặc kể tự nhiên, đọa tà đảo kiến.

Việt Nam, Cambodia, Mỹ... Tới đâu, Ngài cũng xướng suất xây chùa, đúc tượng. Riêng tại Việt Nam, Ngài từng trụ tích tại các chùa Quán Âm và Bồ Đề Lan Nhã. Do được cúng đất, Ngài đã xây chùa Hoa Nghiêm. Ngài đã trích máu chép một bộ Hoa Nghiêm để thờ trong tháp báu của chùa. Sau đó, Ngài khai sơn chùa Thiên Vương Cổ Sát tại Đà Lạt (dân địa phương thường gọi là chùa Tàu, hay chùa Trầm vì chánh điện thờ tượng Tây Phương Tam Thánh bằng trầm hương chở từ Hương Cảng sang). Dầu bận rộn hoằng pháp, Ngài vẫn tự chép nhiều bộ kinh Hoa Nghiêm (bản 80 quyển). Năm 1969, trước chiến sự khốc liệt thuở đó, các môn nhân khẩn khoản cung thỉnh Ngài trở về Hương Cảng. Năm 1970, Sư định cư tại New Jersey, sáng lập chùa Quang Minh và Mỹ Quốc Phật Giáo Nghiên Cứu Hội, kiêm nhiệm trụ trì chùa Đại Thừa ở New York cho tới năm 1974. Ngài còn giúp trùng tu các chùa Định Huệ và Khai Nguyên ở Vô Tích, giúp xây cất các viện dưỡng lão và nhà trẻ tại quê nhà.

(經)又復愚痴堅執眾生，聞如是等說，亦生怯弱。以取如來法身本來滿足，非修非作相故，起無所得相，而生怯弱，或計自然，墮邪倒見。

(Kinh: Lại có chúng sanh ngu si, chấp trước kiên cố, nghe nói như vậy cũng sanh khiếp nhược. Do họ chấp Pháp Thân của Như Lai vốn sẵn đầy đủ viên mãn, chẳng có tướng tu hay tướng tạo tác, bèn dấy lên [chấp trước đối với] tướng “không có gì để đạt được”, sanh lòng khiếp nhược, hoặc chấp là tự nhiên, đọa vào tà kiến điên đảo).

Địa Tạng Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Nếu các chúng sanh ngu si, tức là các chúng sanh chấp trước chẳng bỏ, khi tâm họ đối với vô thượng đạo, đối với Pháp Thân của Như Lai, tuy họ vốn cũng trọn đủ [vô thượng đạo, Pháp Thân], nhưng vì họ giữ chặt sự ngu si, nên chẳng tin tưởng. Họ chẳng tin đức thân và Pháp Thân chẳng cần phải tu tập hay tạo tác mà có. Sau khi [Pháp Thân] hiển hiện thì vẫn là vốn sẵn có, trọn chẳng do chư Phật tu thành mà tăng thêm một phần, chẳng hề có! Cũng chẳng phải do chúng sanh không tu mà bị giảm bớt. Chẳng hề có! Tu thì cũng là bình đẳng, mà không tu vẫn là bình đẳng; một đẳng hiện, một đẳng chẳng hiện. Đó là gì? Vô sở đắc, nhưng sau khi đã đắc vẫn là vô sở đắc. Chúng ta căn bản là chẳng đắc, vốn mê muội, nay chẳng tu, [cho nên] nó (Pháp Thân) chẳng hiển hiện. Có thật sự bị mất đi hay không? Chẳng mất! Nó vĩnh viễn tồn tại, tánh trọn khắp.

Đối với loại chúng sanh ấy, giả sử nói tới tướng “*chẳng phải tu, chẳng phải tạo tác*” nơi Pháp Thân Như Lai, họ sẽ sanh lòng khiếp nhược đối với [đặc tánh] vô sở đắc [của Pháp Thân Như Lai], hoặc chấp đó là tự nhiên, cho rằng nó tự nhiên mà có, tự nhiên bèn đọa vào tà tri, tà kiến. Sau khi đã chứng đắc viên mãn Bồ Đề, hoàn toàn chẳng có gì để đạt được. Vì không có gì để đạt được, cho nên mới có thể “không pháp gì mà chẳng đạt được”. Chẳng phải là đạt được cái này, vứt bỏ cái kia. Đạt được viên mãn thì gọi là “*vô đắc*”, nó mới khởi đại dụng hiện tiền. Đó là kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, từ chứng đắc cái tướng trọn đủ của Thế mà khởi đại dụng. Đại dụng là sự nghiệp lợi ích chúng sanh, trong lúc đó, tự lợi và lợi tha đều trọn vẹn.

(Kinh) Ngã tức vị thuyết tu hành nhất thiết thiện pháp, tăng trưởng mãn túc, sanh Như Lai sắc thân, đắc vô lượng công đức thanh tịnh quả báo.

(經)我即為說修行一切善法，增長滿足，生如來色身，得無量功德清淨果報。

(Kinh: Ta liền vì họ nói tu hành hết thấy các thiện pháp, tăng trưởng trọn vẹn, sanh ra sắc thân của Như Lai, đạt được quả báo vô lượng công đức thanh tịnh).

Ta nói tu hành hết thấy các thiện pháp; đây là nói toàn bộ kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Địa Tạng Vương Bồ Tát bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: Hết thấy các thiện pháp như ta đã nói trước đó, đều tăng trưởng trọn đủ, quý vị hãy trọn vẹn các thiện pháp ấy. Tăng trưởng thiện pháp thì có hiện tướng (現相, tướng hiện ra) là gì? Sanh ra sắc thân của Như Lai, đây là công đức hiện tướng, tức hiện tướng của hết thấy các thiện pháp. Quý vị thấy sắc thân tướng hảo của Phật; đó là tướng công đức. Quả báo tướng công đức thanh tịnh ấy, bọn chúng sanh chúng ta tuy sẵn đủ, nhưng chẳng tu tập. Đó gọi là “*tố Pháp Thân*”, chẳng có công đức và tướng hảo. Pháp Thân vốn sẵn có, nhưng vẫn chẳng thừa nhận. Như rất nhiều đạo hữu chúng ta, quý vị nói với họ “*chúng ta và Phật chẳng hai, chẳng khác*”, họ chẳng thừa nhận, họ nói “*tôi nghiệp chướng rất nặng, tôi cùng Phật chẳng hai, chẳng khác ư?*” Người ta nói đến cái quý vị sẵn có, chẳng phải là nói về cái tu tập, có hàm nghĩa như thế đó!

(Kinh) Như thị đẳng thuyết, linh ly khiếp nhược. Thị danh an ủi.

(經)如此等說，令離怯弱。是名安慰。

(Kinh: Nói như thế đó, khiến cho họ lìa khiếp nhược. Đó gọi là “an ủi”).

Địa Tạng Bồ Tát nói ta khéo nói như vậy, dùng đủ mọi phương tiện thiện xảo để nói với chúng sanh, khiến cho họ tin tưởng.

(Kinh) Nhi ngã sở thuyết thậm thâm chi nghĩa, chân thật tương ứng, vô hữu chur quá, dĩ ly tương vi thuyết cố. Vân hà tri ly tương vi tương? Sở vị Như Lai Pháp Thân trung, tuy phục vô hữu ngôn thuyết cảnh giới, ly tâm tướng niệm, phi không, phi bất không, nãi chí vô nhất

thiết tướng, bất khả y ngôn thuyết thị, nhi cứ Thế Đế huyễn hóa nhân duyên giả danh pháp trung, tương đãi, tương đối, tác khả phương tiện hiển thị nhi thuyết. Dĩ bỉ Pháp Thân tánh thật vô phân biệt, ly tự tướng, ly tha tướng, vô không, vô bất không, nãi chí viên ly nhất thiết chư tướng cố, thuyết bỉ pháp thể vi tất cánh không, vô sở hữu. Dĩ ly tâm phân biệt, tướng niệm tác tận, vô nhất tướng nhi năng tự kiến, tự tri vi hữu. Thị cố, Không nghĩa quyết định chân thật, tương ứng bất mậu.

(經)而我所說甚深之義，真實相應，無有諸過，以離相違說故。雲何知離相違相？所謂如來法身中，雖復無有言說境界，離心想念，非空，非不空，乃至無一切相，不可依言說示，而據世諦幻化因緣假名法中，相待相對，則可方便顯示而說。以彼法身性實無分別，離自相，離他相，無空，無不空，乃至遠離一切諸相故，說彼法體為畢竟空，無所有。以離心分別，想念則盡，無一相而能自見，自知為有。是故，空義決定真實，相應不謬。

(Kinh: Nhưng nghĩa rất sâu do ta đã nói, chân thật tương ứng, không có các lỗi, do là chẳng mâu thuẫn mà nói. Vì sao biết là nói là mâu thuẫn? Chính là trong Pháp Thân của Như Lai, tuy lại chẳng có cảnh giới ngôn thuyết, là tâm tướng niệm, chẳng phải không, chẳng phải bất không, cho đến chẳng có hết thấy các tướng, chẳng thể dựa trên ngôn thuyết để diễn tả, chỉ bày, căn cứ theo các pháp giả danh thuộc nhân duyên huyễn hóa đối đãi với nhau trong Thế Đế, bèn có thể phương tiện hiển thị để nói. Do tánh của Pháp Thân thật sự chẳng phân biệt, là tự tướng, là tha tướng, chẳng phải là Không, chẳng phải là Bất Không, cho đến do xa là hết thấy các tướng, mà nói pháp thể ấy là rốt ráo không, vô sở hữu. Do là tâm phân biệt, sự suy tướng, nghĩ ngợi bèn chấm dứt, chẳng có một tướng để có thể tự thấy, hoặc tự biết là có. Vì thế, nghĩa Không quyết định là chân thật, tương ứng chẳng lầm).

Nhưng nghĩa rất sâu mà ta đã nói là chân thật, tương ứng, chẳng có lầm lỗi, chẳng có các khuyết điểm, là mâu thuẫn mà nói. Ta nói chẳng hề mâu thuẫn với tánh thể, đã là mâu thuẫn. “Là mâu thuẫn” là gì? Nói tới

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Pháp Thân của Như Lai, tuy chẳng có cảnh giới ngôn thuyết, lìa tâm tưởng niệm, chẳng phải không, chẳng phải bất không, cho đến chẳng có hết thấy các tướng, chẳng thể dựa vào ngôn thuyết để hiển thị, dựa theo các pháp giả danh thuộc về nhân duyên huyền hóa đối đãi lẫn nhau trong Thế Đế để nói, nói như thế đó. Nói tới cái tướng chân thật ấy, vốn chẳng có ngôn thuyết, nhưng phải nương vào ngôn thuyết để hiển thị. Không có ngôn thuyết thì hiển thị bằng cách nào? Chúng sanh làm sao lý giải được? Do vậy, phải nhờ vào ngôn thuyết. Ngôn thuyết là giả, nhằm để nêu bày. Tôi vừa mới nói với mọi người, nói “lửa” thì đó chẳng phải là lửa. Nếu “lửa” được nói đó là lửa thật sự, nó sẽ đốt cháy quý vị. Đó là cậy vào ngôn thuyết để hiển thị. Nếu chẳng nói “lửa” với quý vị, quý vị chẳng biết lửa là nóng, có ý nghĩa “có thể đốt cháy”. Nói “nước”, nói “lửa”, nói Không, nói Giả, tức là dùng ngôn ngữ để biểu đạt, khiến cho quý vị lãnh hội ý nghĩa.

Hết thấy các pháp, ý tưởng trong tâm, duyên niệm thì chẳng thể duyên niệm được. Vì cái tâm của chúng ta là tâm vọng tưởng, càng niệm càng sai, càng niệm càng xa. Nói Không hay nói Bất Không với quý vị, nhằm biểu đạt mà thôi, hòng khiến cho quý vị lãnh hội ý nghĩa ở ngoài lời lẽ. Cho đến chẳng có hết thấy các tướng, chẳng thể dùng ngôn thuyết để hiển thị, dựa trên sự đối đãi trong các pháp giả danh thuộc về nhân duyên biến hóa của Thế Đế, đều là giả lập đối đãi lẫn nhau mà nói như thế. Vì sao? Vì hiển thị chân nghĩa của pháp. Chẳng nói như thế, làm sao chúng ta có thể lãnh hội phần nào được? Đều là nhân duyên hòa hợp. Hết thấy các pháp thuộc vào nhân duyên đều là giả, là không, lìa khỏi nhân, lìa khỏi duyên, chúng sẽ chẳng có. Do đó, trong các kinh khác, đức Phật đã dạy: “*Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị Không, diệc danh Trung Đạo nghĩa*” (Pháp sanh bởi nhân duyên, ta nói chính là Không, cũng là nghĩa Trung Đạo). Nay chúng ta đang nói về nghĩa Trung Đạo, nhưng cũng có thể nói nghĩa Trung Đạo là giả danh. Lập ra một giả danh để biểu thị đôi chút, tức là nói “*Trung Đạo chẳng phải là Trung Đạo*”, nói “*Không chẳng phải là Không*”, phải hiểu hàm nghĩa này. Vì đây là dựa theo Thế Đế để nói pháp thế gian. Pháp thế gian trọn đủ Lý Đế là Lý; nghĩa lý chân thật của thế gian dựa vào đây để hiển thị những gì đã nói, nhưng hết thấy các pháp đều chẳng phải là chân thật, mà là huyền hóa. Tôi vừa mới nói với đại chúng, nhắc đến “lửa”. Nếu đó là lửa thật sự thì nó sẽ thiêu đốt quý vị. Đây một từ ngữ để biểu thị, nói “lửa” nhằm biểu thị, hoàn toàn chẳng phải là lửa [thật sự]. Nhưng vừa nói tới “lửa”, quý vị liền nghĩ ngay tới thiêu đốt, lửa là nóng, khiến cho quý vị có thể lý giải là

được rồi! Nói sanh tử, nói Niết Bàn, khiến cho quý vị có thể hiểu rõ sanh tử là huyền hóa, Niết Bàn là “*bất sanh, bất tử*”, mà cũng là “*bất sanh, bất diệt*”. Đó là chân thật.

Chẳng có cách nào biểu đạt tánh của hết thảy các Pháp Thân. Nó chẳng phải là phân biệt, ngôn ngữ chẳng thể biểu đạt được! Nhưng nếu chẳng có cái để nói, làm sao có thể so sánh cho được? Do vậy, nói tới Pháp Thân và nhục thân; nay chúng ta là nhục thân, là thân huyền hóa, là thân hư vọng, nhưng cái thân hư vọng ấy có Pháp Thân, Pháp Thân trọn khắp hết thảy mọi nơi. Nếu dùng tánh thể của Pháp Thân để nói, thật sự là chẳng có phân biệt, chẳng có ngôn thuyết. Chẳng nói thì chúng sanh có thể lãnh hội bằng cách nào? Dựa vào ngôn thuyết để hiển thị mà thôi! Tự thể của Pháp Thân chẳng có tướng, mà cũng chẳng có tướng nào khác, lấy gì để hiển thị? Nói Không, bất không, chẳng có tướng Không, mà cũng chẳng có tướng Bất Không, cho đến xa lìa hết thảy các tướng. Pháp Thân vô tướng, Pháp Thân có hình dạng gì vậy? Chẳng có! Pháp Thân vô tướng, vì nó xa lìa hết thảy các tướng. Suy tướng đều chẳng đúng. Pháp Thân chẳng thể duyên niệm, quý vị cũng vốn sẵn có Pháp Thân.

Chẳng có một tướng để tự thấy, tự biết là có. Chẳng có một tướng nào tự biết chính mình đã thấy “cái này là có” hoặc “cái kia chẳng đúng”, chẳng thể được. Do vậy, nói nghĩa Không quyết định là chân thật, tương ứng chẳng sai lầm. Vì thế, thêm vào Không để hiển lộ: Nghĩa Không quyết định là chân thật, chẳng phải là hư giả, chẳng không, chẳng khác, chẳng sai lầm!

(Kinh) Phục thứ, tức bỉ Không nghĩa trung, dĩ ly phân biệt, vọng tướng, tâm niệm cố, tác tận tất cánh vô hữu nhất tướng nhi khả Không giả. Dĩ duy hữu chân thật cố, tức vi bất không. Sở vị ly thức tướng cố, vô hữu nhất thiết hư nguy chi tướng, tất cánh thường hằng, bất biến, bất dị. Dĩ cánh vô nhất tướng khả hoại, khả diệt, ly tăng giảm cố. Hựu bỉ vô phân biệt thật thể chi xứ, tòng vô tử thể lai, cụ vô lượng công đức tự nhiên chi nghiệp, thành tựu tương ứng, bất ly, bất thoát cố, thuyết vi bất không.

(經)復次，即彼空義中，以離分別，妄想，心念故，則盡畢竟無有一相而可空者。以唯有真實故，即為不空。所謂離識想故，無有一切虛偽之相，畢竟常恆，不變不異。以更

無一相可壞可滅，離增減故。又彼無分別實體之處，從無始世來，具無量功德自然之業，成就相應。不離不脫故，說為不空。

(Kinh: Lại nữa, từ ngay trong cái nghĩa Không ấy, do là tâm niệm phân biệt, vọng tưởng, cho nên trọn hết rốt ráo chẳng có một tướng để có thể Không. Do chỉ có chân thật, nên chính là Bất Không. Tức là do là thức tướng, chẳng có hết thấy các tướng hư ngụy, rốt ráo thường hằng, chẳng biến đổi, chẳng khác. Do chẳng có một tướng để có thể hoại hay có thể diệt, vì là tăng giảm. Lại nữa, trong chỗ thật thể vô phân biệt đó, từ đời vô thị đến nay, trọn đủ vô lượng nghiệp công đức tự nhiên, thành tựu tương ứng. Do chẳng rời, chẳng thoát, nên nói là Bất Không).

“Phục thứ”, tức [từ ngữ mở đầu] để Địa Tạng Vương Bồ Tát giải thích cao hơn một bước nữa. Trên đây, quý vị vừa mới nói Không, nay lại nói Bất Không. Nghĩa lý Không là gì vậy? Chính là trong cái nghĩa Không ấy, nói theo đạo lý Không, cái Không ấy là khỏi phân biệt, là khỏi vọng tưởng, là khỏi tâm niệm. Phàm là tâm niệm vọng tưởng, phân biệt, thì toàn bộ đều chẳng đúng, cái Không ấy chẳng đúng. Địa Tạng Bồ Tát nói: Nói chân thật rốt ráo thì chẳng có một tướng để có thể Không, vì chỉ có chân thật tức là Bất Không. [Nếu chấp trước] Không, sẽ đọa lạc trong đoạn diệt. [Chấp vào] Bất Không, bèn đọa lạc trong tam hữu (tam giới). Do vậy, phương diện nào cũng đều chẳng thể chấp trước! Nhưng chẳng nói Không, chẳng nói Bất Không, vậy thì sẽ hiển lộ pháp bằng cách nào? Pháp ấy chẳng hiển lộ được. Những điều đó đều là giả ngôn thuyết, giả danh tự, ngàn vạn phần chớ nên chấp trước! Hãy rời là tướng tâm duyên, rời là tướng phân biệt, rời là tướng ngôn thuyết. Hễ phân biệt, duyên niệm, sẽ hoàn toàn chẳng đạt được Chân Như, chẳng hề thấy, mà cũng chẳng thấy được nghĩa Không. [Chúng sanh chấp trước] “Không là đoạn diệt”, đoạn diệt thì còn tu chi nữa? Bất Không là có. Nếu nói Bất Không thì chúng sanh chấp trước: “Bất Không tức là có, vậy thì thân thể của ta cũng là chân thật, gia đình của ta cũng là chân thật”. Họ lại chấp trước Hữu! Vậy thì phải trừ khử chấp trước của chúng sanh. Vì bọn chúng sanh chúng ta dựa vào cái tâm ý thức, do tám thức duyên niệm, những điều đó đều là tướng hư ngụy. [Pháp Thân] chân thật, chẳng biến đổi, chẳng khác, chẳng có một tướng để có thể hoại hay diệt, chẳng có tăng, mà cũng chẳng có giảm.

Lại nữa, [nói tới] “*chỗ thật thể vô phân biệt*” tức là nói tới Pháp Thân. Trong phần trước đã nói về thật thể của Pháp Thân: Từ vô thị đến nay, nó tự trọn đủ, bên trong thì đầy đủ vô lượng công đức, là tự nhiên, chẳng nhờ vào tu tập, chẳng nhờ vào tạo tác mà thành tựu, tương ứng. Nói “*tương ứng*” thì có nghĩa là “*phù hợp khít khao*”. Ly thì cũng chẳng lìa thoát được. Bất ly, bất thoát, tách lìa chẳng đúng, mà không tách lìa cũng chẳng đúng. Đó chính là “*bất tức, bất ly, bất thoát*”, Bất Không được diễn tả như thế đó.

(Kinh) Như thị thật thể công đức chi tụ, nhất thiết chúng sanh tuy phục hữu chi, dẫn vị vô minh ế phú chướng cố, nhi bất tri kiến, bất năng khắc hoạch công đức lợi ích, dữ vô mạt dị thuyết danh vị hữu. Dĩ bất tri kiến bỉ pháp thể sở hữu công đức lợi ích chi nghiệp, phi bỉ chúng sanh sở năng thọ dụng, bất danh thuộc bỉ. Duy y biến tu nhất thiết thiện pháp đối trị chư chướng, kiến bỉ Pháp Thân. Nhiên hậu nãi hoạch công đức, lợi ích. Thị cố, thuyết tu nhất thiết thiện pháp, sanh Như Lai sắc thân.

(經)如是實體功德之聚，一切眾生雖復有之，但為無明障覆障故，而不知見，不能克獲功德利益，與無莫異說名未有。以不知見彼法體所有功德利益之業，非彼眾生所能受用，不名屬彼。唯依遍修一切善法對治諸障，見彼法身。然后乃獲功德利益。是故，說修一切善法，生如來色身。

(Kinh: Khỏi công đức thật thể như thế, hết thấy chúng sanh tuy cũng có, nhưng vì vô minh che lấp, chướng ngại, cho nên chẳng thấy biết, chẳng thể đạt được công đức, lợi ích, chẳng khác gì không có, cho nên nói là “chưa có”. Do chẳng thấy biết tất cả các nghiệp công đức và lợi ích của pháp thể ấy, các chúng sanh đó chẳng thể thọ dụng, [các nghiệp công đức và lợi ích ấy] chẳng gọi là thuộc về họ. Chỉ dựa vào tu trọn khắp hết thấy các thiện pháp để đối trị các chướng hồng thấy Pháp Thân ấy. Sau đó, sẽ đạt được công đức, lợi ích. Vì thế, nói “tu hết thấy các thiện pháp, sanh ra sắc thân của Như Lai”).

Khỏi công đức thật thể như thế, hết thấy chúng sanh tuy cũng có, nhưng bị vô minh che lấp, chướng ngại, cho nên chẳng thấy biết. Chúng

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

sanh đều trọn đủ Pháp Thân, vì sao Pháp Thân không thể hiển hiện? Do vì tri kiến phát xuất từ vô minh, phiền não, cho nên bị chướng lấp, dấu nhìn cũng chẳng thấy, dấu nghĩ cũng chẳng nghĩ ra. Vậy thì phải tu, phải tiêu trừ các chướng ngại ấy. Nhưng đối với chúng ta mà nói, Pháp Thân tuy trọn đủ mà chẳng có. [Bởi lẽ], tuy Pháp Thân trọn đủ, ai nấy đều có trọn đủ Pháp Thân, nhưng ai nấy đều chẳng thể hiển hiện, như thế thì nói là “chẳng có”. Do chẳng thấy biết pháp thể của Pháp Thân, bởi có nhìn cũng chẳng thấy, có nghĩ cũng chẳng suy nghĩ được, tư duy thì cũng suy nghĩ chẳng ra, nhưng nó có thể tạo các nghiệp công đức và lợi ích cho hết thảy chúng sanh, có tác dụng ấy. Mỗi cá nhân chúng ta đều nương vào Pháp Thân để tu tập hòng tăng tấn, tu tập hòng khôi phục Pháp Thân. Nó làm căn bản cho hết thảy các thiện pháp, làm bản thể cho hết thảy các thiện pháp. Điều đó có nghĩa là chúng ta hành Bồ Tát đạo, lợi ích hết thảy chúng sanh; đó là thiện pháp lớn nhất. Khi quý vị lợi ích chúng sanh, phát Bồ Đề tâm, đó chính là hòa hợp với pháp thể. Vì đã phát Bồ Đề tâm, sẽ có thể chứng đắc cái Thể của Pháp Thân. Phát Bồ Đề tâm là [phát khởi] giác tâm. Chúng ta chẳng thể giữ vững giác tâm ấy, phát rồi lại mê, mê rồi lại phát, tuy đã phát rồi lại mê! Giả sử bất thoái, như trong phần trước chúng tôi đã nói “*được dự vào Tín vị*”, từ Tín mà nhập Sơ Trụ, tức là địa vị bất thoái. Vậy thì tín tâm của quý vị chẳng còn lui sụt nữa, đây mới là chân thật.

Điều này được nói rất rõ ràng: Chúng ta đã tự trọn đủ công đức thật thể nơi Tín, nhưng vì bị vô minh chướng ngại mà chẳng thể đạt được, giống như bị mất đi, thật sự chẳng hề bị mất đi, mà là bị vô minh chướng ngại. Nhưng nó cũng chẳng phải là vĩnh viễn mất đi! Khi quý vị phát tâm, nó dường như lại được khôi phục, lại phát khởi ra. Quý vị chẳng phát tâm, hoàn toàn bị vô minh mê muội, tức là đối với bản thể của Pháp Thân, do chúng ta chẳng học Phật, chẳng biết bản thể của Pháp Thân. Khi chúng ta đã học Phật, học giáo nghĩa Đại Thừa, mới hiểu rõ bản thể của Pháp Thân. Cũng tức là chúng ta làm hết thảy các công đức, làm hết thảy sự nghiệp, tu hành hết thảy các thiện pháp, chúng ta sẽ có thể được thọ dụng. Hết thảy chúng sanh đều có thể đạt được. Thiện tâm của quý vị sanh khởi thì vẫn là từ Pháp Thân mà sanh khởi. Vì nội tâm quý vị đã sẵn có, đã có loại căn bản này thì mới có thể sanh ra các thiện pháp. Thiện pháp đã sanh khởi, thì do thiện đã sanh, ác bèn tiêu diệt. Tuy chúng ta chẳng thể thọ dụng công đức của Pháp Thân, nhưng chúng ta hoàn toàn chẳng đánh mất, vẫn trọn đủ. Do vậy, phải tu trọn khắp hết thảy các thiện pháp. Thiện pháp là nói đối ứng với ác pháp, nói theo các chướng ngại nơi Pháp Thân của

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

quý vị. Quý vị tu hết thấy các thiện pháp, khiến cho Pháp Thân của quý vị hiện ra một lần nữa, hồng đối trị các chướng ngại ấy. Hễ chẳng có chướng ngại, chẳng có gì che lấp, ngăn chướng, quý vị sẽ có thể dần dần thấy Pháp Thân.

Dự vào ngôi Sơ Trụ, chính là tương tự thấy Pháp Thân, chẳng phải là chân thật. Vị ấy (Sơ Trụ Bồ Tát) đã hiểu rõ, nhưng chẳng chứng đắc. Ất cần phải đợi cho tới khi thật sự chứng đắc Sơ Địa, vượt khỏi địa vị Tam Hiền Bồ Tát. Chúng ta hiện thời là cái tâm hân nhạo (vui thích). Chúng ta phải phát Bồ Đề tâm, mọi người trước hết phải phát Bồ Đề tâm, phát sanh giác tâm ấy. Giác tâm ấy do đâu mà có? Vẫn là sanh từ Pháp Thân mà chính mình vốn sẵn có. Do cái tâm giác ngộ ấy, dần dần tu hành, rèn giũa. Rèn giũa để tỏ lộ quang minh vốn sẵn có, [tức là] rèn giũa khiến cho quang minh vốn có của Pháp Thân thấu lộ. Do vậy, phải tu hết thấy các thiện pháp. Đồng thời, chúng ta phải tu thành Phật, độ chúng sanh, ắt cần phải có sắc thân, tức là đạt được tướng hảo. Có Phật Báo Thân, có Phật Hóa Thân. Hóa Thân là do Báo Thân mà ra. Tu hành hết thấy các thiện nghiệp là Báo Thân của Phật, vì Báo Thân có thể hòa hợp với Pháp Thân, sẽ là ba thân Pháp, Báo, Hóa. Nay chúng ta là Hóa Thân, tức là nghiệp chướng Hóa Thân, chẳng phải là công đức Hóa Thân; nhưng chúng ta chuyển biến nghiệp chướng Hóa Thân thành công đức Hóa Thân. Công đức Hóa Thân do từ Báo Thân mà đạt được. Vì thế, nay chúng ta phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo, khiến cho chúng ta tu thành công Báo Đức Pháp Thân.

(Kinh) Thiện nam tử! Như ngã sở thuyết thậm thâm chi nghĩa, quyết định chân thật, ly tương vi quá, đương như thị tri.

(經)善男子! 如我所說甚深之義, 決定真實, 離相違過, 當如是知。

(Kinh: Nay thiện nam tử! Như nghĩa rất sâu mà ta đã nói, quyết định chân thật, lìa lỗi mâu thuẫn, hãy nên biết như thế).

Lìa hết thấy các tướng, đừng nên chấp trước. Hễ chấp trước tướng, sẽ chẳng chân thật. Phải chân thật, phải lìa tướng, gìn giữ như vậy thì sẽ giác ngộ như thế đó.

(Kinh) Nhĩ thời, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát thuyết như thử đấng thù thắng phương tiện thâm yếu pháp môn thời, hữu thập vạn ức chúng sanh phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, trụ Kiên Tín vị. Phục hữu cứu vạn bát thiên Bồ Tát đắc Vô Sanh Pháp Nhân. Nhất thiết đại chúng, các dĩ thiên diệp hương hoa cúng dường u Phật, cập Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

(經)爾時，地藏菩薩摩訶薩說如此等殊勝方便深要法門時，有十萬億眾生發阿耨多羅三藐三菩提心，住堅信位。復有九萬八千菩薩得無生法忍。一切大眾，各以天妙香華供養於佛，及地藏菩薩摩訶薩。

(Kinh: Lúc bảy giờ, khi Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói pháp môn sâu xa, trọng yếu về phương tiện thù thắng như thế, có mười vạn ức chúng sanh phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, trụ trong địa vị Kiên Tín. Lại có chín vạn tám ngàn Bồ Tát đắc Vô Sanh Pháp Nhân. Hết thầy đại chúng đều dùng hương hoa màu nhiệm của cõi trời để cúng dường đức Phật và Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát).

Lúc bảy giờ, Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát nói pháp môn sâu xa, trọng yếu về phương tiện thù thắng như thế, có mười vạn ức chúng sanh phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, mong thành Phật bèn phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trụ địa vị Kiên Tín, dự vào Sơ Trụ, Thập Tín viên mãn; khi đó, tín tâm trọn đủ, dự vào địa vị Kiên Tín. Kiên tín thì sẽ chẳng lui sụt, dự vào địa vị Sơ Trụ. Lại có chín vạn tám ngàn Bồ Tát đắc Vô Sanh Pháp Nhân, hết thầy đại chúng đều dùng hương hoa màu nhiệm cõi trời để cúng dường Phật và Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát.

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo chư đại chúng ngôn: “Nhữ đấng các các ưng đương thọ trì thử pháp môn, tùy sở trụ xứ, quảng linh lưu bố. Sở dĩ giả hà? Như thử pháp môn, thậm vi nan trị, năng đại lợi ích. Nhược nhân đắc văn bỉ Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát danh hiệu, cập tín kỳ sở thuyết giả, đương tri thị nhân tốc năng đắc ly nhất thiết sở hữu chư chướng ngại sự, tất chí vô thượng đạo”. Ư thị, đại chúng giai đồng phát ngôn: “Ngã đương thọ trì, lưu bố thế gian, bất cảm linh vong”. Nhĩ thời, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật ngôn: “Thế Tôn!

Như thị sở thuyết Lục Căn Tụ Tu-đa-la trung, danh hà pháp môn? Thử pháp chân yếu, ngã đương thọ trì, linh mật thể trung, phổ giai đắc văn”.

(經)爾時，佛告諸大眾言：「汝等各各應當受持此法門，隨所住處，廣令流布。所以者何？如此法門，甚為難值，能大利益。若人得聞彼地藏菩薩摩訶薩名號，及信其所說者，當知是人速能得離一切所有諸障礙事，疾至無上道」。於是，大眾皆同發言：「我當受持，流布世間，不敢令忘」。爾時，堅淨信菩薩摩訶薩白佛言：「世尊！如是所說六根聚修多羅中，名何法門？此法真要，我當受持，令末世中，普皆得聞」。

(Kinh: Lúc bảy giờ, đức Phật bảo các đại chúng rằng: “Các ông ai nấy đều phải nên thọ trì pháp môn này, tùy theo chỗ mình ở mà lưu truyền rộng rãi. Vì có sao vậy? Pháp môn như thế rất khó gặp gỡ, có thể tạo lợi ích to lớn. Nếu người nào được nghe danh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát và tin lời Ngài dạy, hãy nên biết người ấy có thể mau chóng lìa khỏi hết thảy tất cả các sự chướng ngại, mau chóng đạt đến vô thượng đạo”. Khi đó, đại chúng đều cùng lên tiếng: “Con sẽ thọ trì, lưu truyền trong thế gian, chẳng dám quên mất”. Lúc bảy giờ, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát Ma Ha Tát bạch cùng đức Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Kinh Tu-đa-la nói về Lục Căn Tụ như thế có tên là pháp môn gì? Pháp này thật sự trọng yếu, con sẽ thọ trì, khiến cho trong đời mật đều được nghe trọn khắp”).

Lúc bảy giờ, Kiên Tịnh Tín Bồ Tát bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Trong Tu-đa-la giảng về Lục Căn Tụ như thế”, tức nói về pháp môn này. Tu-đa-la (Sūtra) là Khế Kinh, do phù hợp với tâm lý của chúng sanh, phù hợp diệu pháp của chư Phật [nên gọi là Khế Kinh], “danh hà pháp môn” nghĩa là kinh này có tên gọi là gì? Con nên thọ trì như thế nào, khiến cho chúng sanh trong đời Mật Pháp đều có thể được nghe.

(Kinh) Phật cáo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: “Thử pháp môn danh vi Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, diệc danh Tiêu Trì Chư Chướng

Tăng Trưởng Tịnh Tín, diệc danh Khai Thị Cầu Hương Đại Thừa Giả Tân Thú Phương Tiện Hiện Xuất Thâm Tâm Cứu Cảnh Thật Nghĩa, diệc danh Thiện An Ủy Thuyết Linh Ly Khiếp Nhược, Túc Nhập Kiên Tín Quyết Định Pháp Môn. Y như thị danh nghĩa, như đương thọ trì”. Phật thuyết thử pháp môn dĩ, nhất thiết đại hội tất giai hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

(經)佛告堅淨信菩薩：「此法門名為佔察善惡業報，亦名消除諸障增長淨信，亦名開示求向大乘者進趣方便顯出甚深究竟實義，亦名善安慰說令離怯弱，速入堅信決定法門。依如是名義，汝當受持」。佛說此法門已，一切大會悉皆歡喜，信受奉行。

(Kinh: Đức Phật bảo Kiên Tịnh Tín Bồ Tát: “Pháp môn này tên là Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, cũng tên là Tiêu Trì Các Chương, Tăng Trưởng Tịnh Tín. Cũng tên là Khai Thị Cho Người Mong Cầu Hương Đền Đại Thừa Phương Tiện Để Tiến Nhập, Hiện Lộ Thật Nghĩa Rốt Ráo Rất Sâu. Còn gọi là Pháp Môn Khéo Nói An Ủi Khiến Lìa Khiếp Nhược, Mau Chóng Nhập Niềm Tin Quyết Định Kiên Cố. Nương theo danh nghĩa như thế, các ông hãy nên thọ trì”. Đức Phật nói pháp môn này xong, hết thấy đại hội đều cùng hoan hỷ, tin nhận, phụng hành).

Chúng tôi đã giới thiệu đơn giản kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo xong. Trong khi giảng, trong khi tôi giải nói, mọi người sanh tịnh tín, xin đem công đức ấy hồi hướng cho hết thấy chúng sanh trong thế giới hiện tiền, khiến cho họ miễn trừ tai nạn. Nếu tôi nói có chỗ nào sai lầm, xin hướng về mọi người sám hối. Tôi nói không nhất định toàn bộ đều đúng; có chỗ nào không đúng, đều xin sám hối.

Tập 16

1. Cách sử dụng Chiêm Sát Luân

Chư vị đạo hữu! Chúng tôi đã giảng xong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo; nhưng cách sử dụng [Chiêm Sát Luân] trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo là như thế nào? Làm thế nào để có thể đạt tới cảnh

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

giới Nhất Thật? Nửa bộ trước của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo nói về Sự; phần sau toàn là Lý, thuộc về cảnh giới Hoa Nghiêm. Lý sâu này phải từ Sự mà tiến nhập. Chúng ta chẳng có trí huệ to lớn dường ấy, chẳng thể ngộ nhập từ Lý, phải ngộ nhập từ Sự. Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo có mối quan hệ trọng yếu đối với chúng ta nhất, vì chúng ta chẳng có trí huệ, mà cũng chẳng có thần thông. Nương theo lời dạy của Địa Tạng Vương Bồ Tát, chúng ta hành theo phương pháp do Ngài đã nói, sẽ đều có thần thông. Có thần thông gì vậy? Quý vị biết đời quá khứ chính mình đã làm chuyện gì, là thiện nghiệp hay ác nghiệp, đối chiếu với những gì quý vị phải hứng chịu trong đời này, đời này thọ hưởng quả báo của những gì đã làm trong đời trước. Trong vị lai, bỏ thân mạng này, trong vị lai quý vị sẽ phải chịu quả báo nào. Đó gọi là “*nhân quả ba đời*”. Nhưng chúng ta chẳng có loại thần thông ấy, bèn nương vào thần thông do Địa Tạng Bồ Tát truyền dạy. Đây là nội dung chủ yếu của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Xét theo lý luận, nửa phần sau kinh này là ý nghĩa trong kinh Hoa Nghiêm. Lý phải dùng Sự trong phần trước để hiển lộ.

Mọi người biết Chiêm Sát Luân là một pháp môn đặc thù của Địa Tạng Bồ Tát. Bộ kinh này được phát khởi bởi Ngẫu Ích đại sư đời Minh. Ngẫu Ích đại sư muốn đắc giới tỳ-kheo thanh tịnh, trong khắp Nam Diêm Phù Đề, muốn thỉnh năm vị tỳ-kheo thanh tịnh, nhưng chẳng có! Ngài mong tìm nơi pháp, từ trong Đại Tạng Kinh, trông thấy bộ kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo này. Dựa theo kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo thì phải làm luân tướng. Đó là dựa theo con số [gieo được bởi luân tướng để biết kết quả] mong cầu. Ngẫu Ích đại sư chẳng biết làm luân tướng, chẳng có cách nào, Ngài viết trên giấy [các con số tương ứng], dùng cách rút thăm, xem rút được lá thăm nào bèn tính theo lá đó. Dùng phương pháp ấy để giải quyết vấn đề. Do vấn đề này, [pháp môn Chiêm Sát] chẳng thể truyền bá, chẳng có cách nào! Mãi cho đến thời pháp sư Hoàng Nhất, lão pháp sư Hoàng Nhất học nghệ thuật, Ngài mong tiếp tục hoằng dương đức tướng và công đức của Địa Tạng Bồ Tát, bèn căn cứ theo sám pháp do Ngẫu Ích đại sư biên soạn, chiếu theo nguyên văn của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo để chế tạo Chiêm Sát Luân. Nay tôi trình bày bộ luân tướng ấy là được rồi.

Chiêm Sát Luân có tất cả mười chín cái. Nhóm thứ nhất gồm mười cái, thuyết minh ba nghiệp nơi thân (giết, trộm, dâm), bốn nghiệp nơi miệng (nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói thô ác), và ba nghiệp nơi ý (tham, sân, si). Đây là mười luân. Nhóm thứ hai gồm ba cái luân. Trong

ấy, lại chia thành ba đời là quá khứ, hiện tại, và vị lai. Quá khứ có ba nghiệp thân, miệng, ý của quá khứ, hiện tại có ba nghiệp thân, miệng, ý của hiện tại, vị lai có ba nghiệp thân, miệng, ý của vị lai. Đó là ba cái luân. Nghiệp chướng nơi nghiệp thân, miệng, ý của quý vị nặng nề [được tượng trưng] bằng màu đen, [thể hiện bằng một vạch] sâu và to. Dầu có ác nghiệp, nhưng nghiệp chướng nhỏ thì [được biểu thị trên luân tượng bằng] vạch nhẹ và nhỏ. Đó là chia [các nghiệp nơi] thân, miệng, ý thành nặng và nhẹ. Trong cuộc sống hiện thực, chúng ta phải liễu giải cuộc sống của chính mình trong hiện tại. Vì sao có những sự nghiệp ta làm chẳng thành? Hoặc là tu đạo có chướng ngại? Vậy thì quý vị dùng Chiêm Sát Luân để chiêm sát xem khuyết điểm ở chỗ nào? Sau đó, vâng theo lời dạy của Ngẫu Ích đại sư. Ngài chú giải, giải thích căn cứ trên lời dạy của Địa Tạng Vương Bồ Tát. Luân tượng có mười chín cái, vì sao có mười chín cái luân? Ba nghiệp thân, miệng, ý của chúng ta, cộng thêm căn bản vô minh thành mười. Đối với ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, dùng riêng ba cái luân này để gieo cho quá khứ, hiện tại, vị lai. Nhóm thứ ba gồm sáu cái luân, biểu thị thân, miệng, ý trong đời hiện tại. Vì từ trong ba nghiệp tham, sân, si sẽ bao gồm mười nghiệp, đều có đời quá khứ, đời hiện tại, đời vị lai, cho nên loại luân này có ba nhóm, tổng cộng là mười chín.

Pháp sư Hoằng Nhất biết làm luân tượng. Luân tượng trong hiện thời đều [mô phỏng theo] cách chế tạo của pháp sư Hoằng Nhất. Ngài dựa theo lời dạy của Địa Tạng Vương Bồ Tát trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo về kích thước và quy cách, căn cứ theo tiêu chuẩn ấy để làm. Ba loại luân ấy vốn phát xuất từ kinh, pháp sư Hoằng Nhất chế thành ba loại luân tượng này. Mười chín luân tượng là do nghiệp thân, miệng, ý của chúng ta phát sanh, có tất cả mười chín cái, chia thành ba nhóm. Nhưng khi làm luân tượng mộc luân, chất gỗ nhất định phải là gỗ đàn hương. Thật sự chẳng có [loại gỗ ấy], quý vị dùng loại gỗ khác để thay thế, tốt nhất là gỗ thơm, biểu thị ý nghĩa tôn trọng. Mười chín [luân tượng], chia thành ba nhóm. Kích thước lớn nhỏ không được nhỏ hơn một tấc, chính giữa tạc thành hình lập phương, hai đầu vạt nhỏ dần đi. Đó là lời chỉ dạy trong kinh.

Sở dĩ mộc luân để chiêm sát được gọi là Luân là do ý nghĩa “*pháp luân thường chuyển*”. Luân ấy [được chế tạo] sao cho hễ gieo sẽ gieo dễ dàng. Cầm lắc trong tay là đã có thể xoay chuyển, giống như bánh xe. Luân có ý nghĩa “*chuyển động*”, cho nên gọi là Luân, biểu hiện pháp [của luân tượng] là “*pháp luân thường chuyển*”, có ý nghĩa “*vĩnh viễn chẳng ngừng*”. [Luân] có ý nghĩa “*chuyển*”, tức là “*tiêu diệt phiền não của*

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chúng ta”. Phiền não của chúng ta chẳng ngưng nghỉ, cái Luân ấy nghiền nát, đoạn dứt phiền não và tập khí của chúng ta. Giả sử chúng ta có chuyện hoài nghi, chẳng thể quyết định, [ví dụ như] chẳng thể quyết định nổi pháp môn tu hành. Chẳng hạn như sáng sớm hôm nay, ta thức dậy, trong tâm cảm thấy không thoải mái. Dường như hôm nay rất không thuận lợi, quý vị liền gieo Chiêm Sát Luân rồi mới ra đi. Luân tướng có thể bảo cho quý vị biết: Thế nào là chánh đạo? Thế nào là tà đạo? Quý vị có thể làm, hay chẳng thể làm. Mỗi chuyện quý vị đều có thể vận dụng [mộc luân] để thỉnh ý. Khi quý vị dùng Chiêm Sát Luân, hai tay hợp lại [lay động các luân tướng] để gieo, ngửa tay thả luân xuống một bên. [Chánh kinh] nói “*ngưỡng thủ, bàng trịch*” (仰手,旁擲, ngửa tay, gieo xuống bên cạnh) là gieo như thế, có ý nghĩa [mô tả] động tác. Khi sử dụng Chiêm Sát Luân, hãy dùng một miếng vải sạch, dùng tay để gieo [luân tướng trên đó].

Loại mộc luân thứ nhất gồm mười cái, [tương ứng với] mười nghiệp. Con số Mười biểu thị nơi mỗi nghiệp thân, miệng, ý thì thân ba nghiệp, miệng bốn nghiệp, ý ba nghiệp, tức tham, sân, si, giết, trộm, dâm, nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói thô ác. Đó là mười luân, trên mỗi luân viết [mỗi điều trong mười nghiệp], tức nói đôi chiều, nói thô ác, tham, sân, si... biểu thị mười nghiệp. Khi gieo nghiệp luân thuộc nhóm thứ nhất, trong đời quá khứ, quý vị rốt cuộc đã tạo nghiệp gì, chính mình chẳng biết rõ, bèn dùng mười cái luân ấy để chiêm sát. [Phân chính giữa] luân tướng có bốn mặt, nơi hai mặt [đối diện nhau] có chữ, hai mặt để trống. “*Để trống*” tức là đối với nghiệp ấy, quý vị chẳng có nghiệp nhẹ, mà cũng chẳng có nghiệp nặng, chẳng nặng, không hiển hiện. Hai mặt ấy của mộc luân biểu hiện chẳng có [nghiệp ấy]. Đối với nghiệp ấy, quý vị chẳng là thiện, mà cũng chẳng phải là ác, tức là vô ký. Mặt để trống biểu thị vô ký. Hai mặt kia đối diện nhau, một mặt là thiện, mặt kia là ác. Mọi người có thể tham khảo bản vẽ do Phương Quảng³⁹ in, chiếu theo hình vẽ ấy để khắc. Bức vẽ ấy do pháp sư Hoàng Nhất vẽ. Chúng ta chiếu theo nguyên bản để làm.

Nhóm luân thứ hai, tức loại mộc luân thứ hai gồm ba cái. Ba cái luân tướng ấy biểu thị nghiệp báo do quý vị đã tạo trong quá khứ xưa kia là mạnh hay yếu, tạo nghiệp là nặng hay nhẹ. [Vạch khắc có] màu đen, biểu thị quý vị tạo nghiệp rất nặng. [Vạch khắc] màu đỏ biểu thị quý vị không chỉ chẳng có điều ác, mà còn có điều thiện. Màu đỏ [tương ứng với

³⁹ Tức nhà xuất bản Phương Quảng Văn Hóa Sự Nghiệp tại Đài Bắc.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

điều thiện], đại thiện được biểu thị bằng vạch đỏ rất dài; tiểu thiện thì là vạch đỏ rất ngắn. Đó là tương phản với ác nghiệp, ác được biểu thị bằng màu đen, còn thiện là màu đỏ. Có hai mặt chẳng có con số gì, tức là chẳng thiện, chẳng ác, tức là vô ký.

Luân tướng loại thứ nhất gồm mười cái, loại thứ hai gồm ba cái, loại thứ ba gồm sáu cái. Trong loại thứ ba, ba mặt đều ghi con số, một mặt chẳng có, bỏ trống. Nhưng ắt cần phải gieo ba lượt, tổng số của các con số ấy có thể lên đến một trăm tám mươi chín. Con số một trăm tám mươi chín do đâu mà có? Quả báo trong ba đời, gồm một trăm tám mươi chín loại thiện và ác khác nhau. Vì sao phải gieo ba lượt? Vì một lần sẽ chẳng đủ số. Ba lượt gieo, cộng thành tổng số [tôi đa là] một trăm tám mươi chín. Nếu gieo ba lượt mà chẳng hiện con số nào, đều là mặt trống, cho thấy quý vị đã chứng đắc thánh quả, đã thành tựu, đã thanh tịnh. Nhưng điều này rất khó, nhiều con số ngàn ấy mà chẳng gieo được con số nào. Gieo ba lượt, đâm ra chẳng có con số nào, biểu thị quý vị đã thanh tịnh, đã chứng đắc A La Hán, chứ Tam Quả thánh nhân thì vẫn chưa được (tức là chưa thể gieo ra cả ba lần, sáu cái luân đều không có con số nào).

Phàm là muốn tu chiêm sát mộc luân, chẳng phải là chúng ta cầm lấy [mộc luân] bèn gieo, sẽ chẳng được! Khi quý vị muốn dùng Chiêm Sát Luân, lúc quý vị tu trì, mục đích mong cho chúng ta sử dụng Chiêm Sát Luân đều biến thành tướng thanh tịnh. Vậy thì quý vị hằng ngày bái sám. Nếu tu suốt ba năm mà luân tướng thanh tịnh vẫn chẳng hiện, khi đó, Địa Tạng Bồ Tát sẽ đặc biệt gia trì quý vị. Do gia trì quý vị, Địa Tạng Bồ Tát sẽ hiện. Nhưng quý vị ắt cần phải bái sám suốt ba năm, chẳng gián đoạn một ngày nào, cầu Địa Tạng Bồ Tát gia trì quý vị. Mãn ba năm mà luân tướng thanh tịnh vẫn chẳng hiện; lúc đó, quý vị chỉ niệm thánh hiệu là được rồi! Địa Tạng Bồ Tát sẽ chỉ dạy quý vị. Kinh nói như thế đó, chẳng phải là tôi nói!

Trong phương pháp tu hành, quý vị mong cầu luân tướng thanh tịnh, hãy liền chiêm sát. [Chiêm sát luân tướng] thuộc nhóm thứ nhất, nhóm thứ hai, và nhóm thứ ba để kiểm chứng quý vị thanh tịnh hay chưa? Luân tướng ấy sẽ hiện tướng thanh tịnh hay tướng chẳng thanh tịnh; khi luân tướng hiển hiện, quý vị sẽ hiểu rõ. Muốn sử dụng luân tướng thanh tịnh, có một nghi quỹ. Địa Tạng Bồ Tát đặt ra nghi quỹ, còn nơi chôn tu hành là do Ngẫu Ích đại sư thêm vào. Ở chỗ tu hành, quý vị an trí tượng Địa Tạng Bồ Tát. Các đạo hữu muốn tu Chiêm Sát Sám Pháp, hãy bày một bức tượng Địa Tạng, chí thành, khẩn thiết, đối trước tượng Địa Tạng Bồ Tát lễ bái, cúng dường. Cúng dường tùy theo khả năng lo liệu của quý

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

vị. Nếu nói cúng dường thứ gì quý vị cũng chẳng lo nổi, vậy thì dùng tâm cúng dường là được rồi! Trong tâm quý vị tác ý cúng dường, quán tưởng hương, quán tưởng hoa, quán tưởng vật cúng. Đó là cúng dường bằng ý niệm. Phải năm vóc mọp sát đất chí thành lễ kính; đó là do Ngẫu Ích đại sư thêm vào, do Ngài dựa theo nghi quỹ trong hết thấy các sám pháp. Chúng tôi vừa giảng kinh Địa Tạng Bồ Tát Chiêm Sát, [quý vị thấy chánh kinh] chẳng nói, chỉ nói quý vị chí thành kính lễ mười phương hết thấy chư Phật, chí thành kính lễ mười phương hết thấy các pháp tạng, chí thành kính lễ mười phương hết thấy hiền thánh, chí thành kính lễ Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Đối với mười phương chư Phật lễ một lay, đối với mười phương pháp lễ một lay, đối với mười phương hiền thánh tặng lễ một lay, nhưng đối với Địa Tạng Bồ Tát phải lễ ba lay. Đó là bước đầu tiên nếu muốn sử dụng Chiêm Sát Luân.

Bước thứ hai là phải cúng dường. Chúng ta phải dùng hương, hoa để cúng dường mười phương chư Phật, hoặc cúng dường Địa Tạng Vương Bồ Tát. Phải niệm “*nghiêm trì hương hoa, như pháp cúng dường*” (nghiêm trang cầm hương hoa, đúng như pháp cúng dường). Nguyên cho mây hương hoa này trọn khắp mười phương pháp giới, cúng dường hết thấy chư Phật, tôn pháp, các bậc hiền thánh, thọ dụng, thực hiện Phật sự trong vô biên cõi Phật. Niệm một lượt xong rồi đánh lễ một lay. Đây là điều thứ hai phải làm.

Điều thứ ba là phải xưng danh. Khi chúng ta muốn sử dụng Chiêm Sát Luân, hãy quỳ hai gối trước tượng Địa Tạng Vương Bồ Tát cầu nguyện. Chính mình nguyện rằng: “Đệ tử tên là...”. Như khi tôi bái sám, bèn thưa: “Đệ tử con tên là Mộng Tham, hiện tại là phạm phu sanh tử, tội chướng sâu nặng, chẳng biết nhân duyên nghiệp báo ba đời, ôm nhiều nỗi ngờ vực, chính mình chẳng biết nghiệp chướng nặng hay nhẹ, rất hoài nghi. Kính thỉnh Bồ Tát, kính nương theo ba loại luân tướng do Bồ Tát chỉ dạy”. Muốn sử dụng luân tướng thì phải hướng về Địa Tạng Bồ Tát thưa bày, đúng pháp chiêm sát, chí tâm kính ngưỡng cầu xin Địa Tạng từ tôn, nguyện Ngài dùng sức đại bi, gia bị, cứu vớt, tiếp dẫn, khiến cho con diệt trừ nghi chướng, dạy cho con biết! Khi ấy, còn phải quỳ hai gối sát đất, tức là chúng ta quỳ thẳng, chấp tay niệm Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, phải niệm một ngàn câu. Có rất nhiều đạo hữu khi bái sám chẳng tuân theo nghi quỹ để làm. Không làm theo nghi quỹ, sẽ chẳng có hiệu quả, Chiêm Sát Luân mà quý vị đạt được chẳng đáng tin cậy. Đó là giả, hư vọng. Ất cần chiếu theo nghi quỹ để làm.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Làm xong, quý vị mong cầu chuyện gì, quý vị cầu điều gì, thì phải thưa cùng Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát, đối trước tượng mà thưa. Quý vị chớ hoài nghi Địa Tạng Bồ Tát chẳng nghe thấy, Địa Tạng Bồ Tát cũng chẳng hiện thân thì chẳng linh. Chẳng hoài nghi chút nào! Trong khi quý vị lạy, cúng dường, kinh Địa Tạng có nói, nhưng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo vẫn chưa nói, [kinh Địa Tạng] nói Địa Tạng Bồ Tát nhất định hiện tiền. Nếu không, quý vị sử dụng Chiêm Sát Luân sẽ chẳng linh. Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát đại từ, đại bi, Ngài sẽ hộ niệm ta, lại còn hộ niệm hết thảy chúng sanh. Giả sử quý vị cầu Địa Tạng Bồ Tát chuyện gì, trước hết, phải nghĩ tới hết thảy chúng sanh, chẳng phải chỉ có cầu riêng cho chính mình. Địa Tạng Bồ Tát đại từ, đại bi, quý vị ắt phải phát nguyện, ắt phải phát tâm hòa hợp với Địa Tạng Bồ Tát. Chỉ vì chính mình thì không được, nhất định phải hồi hướng cho chúng sanh. Nếu ta nghi hoặc rất nhiều, ta cũng chẳng biết chuyện ấy phải nên làm như thế nào, hãy thỉnh Bồ Tát dạy cho chúng ta biết. Ta gieo luân tương sẽ tương ứng. Luân tương do ta gieo và những điều Địa Tạng Bồ Tát đã dạy trong kinh sách ứng hợp, đó gọi là “*tương ứng*”. Đó gọi là “*nghi thức*”. Quý vị muốn dùng Chiêm Sát Luân, trước hết, hãy thực hiện nghi thức ấy, sau đó mới có thể dùng Chiêm Sát Luân để chiêm sát. Chẳng phải là cầm lấy [mộc luân] bèn gieo ngay; [nếu gieo ngay] sẽ chẳng linh nghiệm. Phàm điều gì quý vị khẩn cầu, cũng có thể đạt được nghiệp quả thuần thiện, mà cũng có thể đạt được ác quả thuần ác, tùy thuộc quý vị cầu chuyện gì, luân tương sẽ hiển hiện.

Chuyện này giống như đoán quẻ. Lễ bái, cúng dường, xưng danh, khải thỉnh như trên đều đã thực hiện; sau đó, trước hết chiêm sát luân tương thuộc nhóm đầu tiên. Khi bắt đầu, quý vị vừa tiến vào sám thất, chẳng biết trong mười nghiệp của quý vị, môn nào nặng. Miệng bốn nghiệp, thân ba nghiệp, ý ba nghiệp; trước hết, quý vị hãy dùng mười loại này để chiêm sát. Chiêm sát luân tương, cái được hiển hiện là Thập Thiện Nghiệp, hay Thập Ác Nghiệp, quý vị trọn đủ những món nào? Căn cứ theo đó, quý vị chiêm sát luân tương thuộc nhóm thứ hai. Y theo thứ tự, chiêm sát ba nghiệp nơi thân; sau đó chiêm sát bốn nghiệp nơi miệng, sau đó lại chiêm sát ba nghiệp nơi ý. Khi sám hối, những thứ khác sẽ không dùng tới. Nghiệp chương nào của quý vị nặng nề, chỉ sám hối nghiệp ấy. Sau khi đã lạy bảy ngày thì mới có thể dùng Chiêm Sát Luân. [Chẳng bái sám] mà dùng ngay, tuyệt đối sẽ không linh nghiệm. Thoạt đầu, phát hiện [luân tương hiện các vạch] đen thô, đợi sau khi quý vị bái sám một tuần, [nếu là] chúng sanh nghiệp chương nhẹ thì sẽ vừa lễ bái, chiêm sát bèn

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

linh nghiệp. Chúng sanh nghiệp chướng nặng, sẽ chẳng linh. Quý vị hãy lay thêm một tuần nữa. Tối đa là hai mươi một ngày lại sử dụng, hiệu quả sẽ linh ứng.

Luân tướng thuộc nhóm thứ hai phải phối hợp với nhóm thứ nhất, phối hợp với mười nghiệp. Chiêm sát một luân thuộc nhóm thứ nhất cho thấy [hành nhân gieo Chiêm Sát Luân] “chẳng sát sanh, chẳng trộm cắp, chẳng có dâm nghiệp”. Đó là thiện nghiệp. Tối khi quý vị gieo [luân tướng] thuộc nhóm thứ hai, toàn ra màu đen, tức là ác. Đó gọi là “chẳng tương ứng”. Nhóm thứ nhất ắt phải ứng hợp với nhóm thứ hai. Nhóm thứ nhất là thanh tịnh, nhóm thứ hai cũng phải gieo được thanh tịnh là đúng. Nhóm thứ nhất thanh tịnh, nhóm thứ hai chẳng thanh tịnh, đó là hư vọng, chẳng phải là chân thật. Sau khi đã tương ứng, quý vị sẽ biết trong Thập Thiện và Thập Ác nơi thân, miệng, ý, nghiệp nào nặng. Quý vị sám hối nghiệp nặng trước, chuyên vì ác nghiệp nơi thân nghiệp mà sám hối. Thân nghiệp đã sám hối thanh tịnh, lại sám các nghiệp khác. Đó gọi là chí tâm sám hối để chiêm sát. Tôi nói đại lược với mọi người như thế đó. Nếu hiểu điều này, những điều khác sẽ hiểu. Nhưng khi quý vị muốn lay Chiêm Sát Sám, điều đầu tiên là phải biểu thị thân tâm thanh tịnh. Lúc thoát đầu quý vị mới dùng [Chiêm Sát Luân], phải tắm gội, y phục phải thanh tịnh, tiến vào sám thất. Nếu chẳng có sám thất, thì ở nơi phòng ngủ của chính mình, ắt cần phải quét dọn sạch sẽ, thanh tịnh một chút. Trong tâm chớ nên có tạp niệm; khi ấy, cái tâm nhất định phải tĩnh lặng thì mới có thể thực hiện sám pháp này. Đó là ý nghĩa đại khái trong việc sử dụng Chiêm Sát Luân.

Thoạt đầu, khi gieo [các luân tướng thuộc về] mười nghiệp, vì quý vị chẳng biết nơi thân, miệng, ý, giết, trộm, dâm, nói dối, nói đôi chiều, nói thêu dệt, nói thô ác, tham, sân, si, nghiệp nào nặng, quý vị có thể chiêm sát chung. Sau đó, trọng điểm sám hối. Hằng ngày quý vị sám hối xong, chỉ gieo luân tướng về nghiệp đó, các luân khác đều chẳng gieo. Quý vị phải biết thân, miệng, ý chẳng thanh tịnh thì Địa Tạng Vương Bồ Tát nói có khi bảy ngày sẽ thanh tịnh, có khi một tháng, có khi ba tháng, có khi nửa năm. Nếu ba năm mà vẫn chẳng thanh tịnh, khi đó, chẳng cần chiêm sát nữa, hãy chuyên môn niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát sẽ tới gia trì quý vị, Địa Tạng Bồ Tát đến tiêu nghiệp chướng cho quý vị. Đó là chuyên tu pháp môn Địa Tạng, đó gọi là chiêm sát thiện ác nghiệp báo. Cái được chiêm sát chính là nghiệp báo thiện hay ác của quý vị.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Vì sao có một trăm tám mươi chín loại, tôi giải thích đại khái đôi chút với mọi người. Một trăm tám mươi chín tức là chia thành quả báo ba đời: Một trăm sáu mươi loại đầu là đời hiện tại, [những điều thuộc] quá khứ rất nhiều, quá khứ gồm mười một điều, đời vị lai gồm mười tám điều. Đó là nhân duyên quả báo ba đời. Bất luận hiện tại, quá khứ, hay vị lai, điều nào chẳng thanh tịnh, quý vị có thể chuyên môn sám hối. “*Chuyên môn sám hối*” là khi quý vị bái sám, phải hướng về tượng Bồ Tát bày tỏ “*đệ tử có chuyện chi đó, tội nghiệp rất sâu nặng*”. Vì quý vị đối trước người khác sẽ ngượng ngùng, đối trước Địa Tạng Bồ Tát sẽ chẳng có gì ngượng ngùng. Quý vị một mình bái sám, một mình đối trước tượng Địa Tạng Bồ Tát thưa trình. Quý vị chẳng nói, Địa Tạng Bồ Tát cũng liễu giải, nói ra mang ý nghĩa “*phơi bày sám hối*”.

Từ số một đến một trăm sáu mươi, một trăm sáu mươi con số ấy nói về [các chuyện trong] đời hiện tại của quý vị, toàn bộ các nghiệp thiện ác đã làm trong đời hiện tại đều hiển hiện. Từ một trăm sáu mươi một cho đến một trăm bảy mươi một là để hỏi trong đời quá khứ ta đã làm những gì. Nếu quý vị gieo được tổng số một trăm sáu mươi chín, chứng tỏ đời quá khứ quý vị đã cúng dường Phật mà sanh vào đời này. [Gieo được tổng số là] một trăm bảy mươi, tức là cúng dường hết thầy đại chúng hiền thánh tăng mà sanh vào đời này. Một trăm bảy mươi bảy là nghe được pháp sâu. Từ một trăm bảy mươi hai cho tới một trăm tám mươi chín, đó là vị lai. Nay thân thể này xả báo, sẽ đến nơi nào? Loại luân tướng thứ ba có sáu cái luân, quý vị gieo ba lượt, gieo lần đầu tiên, gieo lần thứ hai, gieo lần thứ ba. Tổng số của ba lượt gieo, nếu là một trăm bảy mươi hai thì có nghĩa là khi quý vị xả thân thể này, sẽ đến nơi nào? Xuống địa ngục. Một trăm bảy mươi ba, xả báo thân này sẽ làm súc sanh. Một trăm bảy mươi bốn, xả thân thể này sẽ là ngựa quý. Một trăm bảy mươi lăm, sẽ làm A-tu-la. Một trăm bảy mươi sáu, sanh trong loài người. Một trăm bảy mươi bảy, sanh làm vua trong nhân gian. Một trăm bảy mươi tám, sanh trong thiên đạo. Tiếp tục như thế, cho đến khi quý vị gieo được [tổng số] một trăm tám mươi chín, xả thân thể này, quý vị sẽ thành bậc đại Bồ Tát. Quý vị hãy tự cân nhắc chính mình có chứng quả báo này hay không, hoặc Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, Tứ Quả, hoặc chứng Bồ Tát Thừa. Quý vị đối chiếu từng con số như vậy.

Giả sử gieo được con số chẳng tốt, giống như tôi mới vừa nói “gieo ra con số một trăm bảy mươi hai”. Quý vị gieo một lần được con số này, gieo hai lần cũng được con số này. Liên tục bảy ngày, gieo mười lần, hai mươi lần đều là con số này, tuyệt đối chẳng giá! Vậy thì quý vị hãy sám

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

hồi, hoặc là tiếp tục cúng dường đặc biệt, chẳng phải cúng dường mấy thứ trái cây là xong, chẳng được! Sau đó, quý vị suốt ngày đêm chẳng thay đổi, ngày đêm siêng năng chuyên ròng, chẳng ngủ, Địa Tạng Bồ Tát sẽ có thể cứu quý vị, khiến cho quý vị thoát khỏi địa ngục, chuyển sanh vào nhân đạo. Sau đó, từ nhân đạo lại có thể tiến cao hơn bước nữa là sanh lên trời.

[Con số] một trăm tám mươi chín ấy là do sáu căn, sáu trần, sáu thức, ba lần sáu mươi tám, cộng thêm căn bản vô minh thành mười chín, nhân với mười đời. [Mười đời tức là] quá khứ, hiện tại, vị lai, [mỗi đời lại có ba đời, ba lần ba thành chín, cộng với] một niệm hiện tiền thành mười. Mười nhân với mười tám thành một trăm tám mươi, cộng thêm với quá khứ, hiện tại, vị lai, [mỗi đời lại có ba đời] thành ra chín đời, [cộng chung lại] thành một trăm tám mươi chín. Con số ấy (một trăm tám mươi chín) do như vậy mà có. Chúng ta chẳng có thời gian nói tiếp chuyện này, vì để học tập thì ngay cả để giảng cũng tốn thời gian rất dài. Chúng ta phải tốn nhiều tiếng đồng hồ ngần ấy để nói rõ ràng, tôi vẫn chẳng có bản lãnh này, chẳng có năng lực này, giới thiệu đại khái với mọi người đôi chút. Khi quý vị mong thâm nhập sử dụng Chiêm Sát Luân, phải luyện tập cho nhiều. Đó gọi là “*thần thông*”. Hoặc là đối với kẻ nào quý vị chẳng tín nhiệm, quý vị gieo Chiêm Sát Luân để xem người ấy như thế nào? Luân tướng sẽ cho quý vị biết: Quý vị chớ nên lui tới với kẻ ấy, đó là người xấu! Quý vị hãy nhanh chóng cự tuyệt. [Luân tướng] nói người ấy là người tốt, vậy thì quý vị có thể kết giao. Cùng thuộc loại này, đại khái có mười con số. Giả sử ta cầu sống thêm vài năm, ta muốn hỏi về thọ mạng, quý vị có thể gieo. Nếu gieo được con số năm mươi một, cầu thọ mạng sẽ được tăng tuổi thọ. Nhưng con số này rất khó, đừng cho rằng con số này dễ dàng, con số này chẳng hư giả. Nếu quý vị gieo ba lượt đều chẳng có con số nào, cho thấy quý vị đã không thuộc vào các con số, tức là không thuộc vào các con số của nhân gian, chẳng ở trong lục đạo. Quý vị vượt thoát lục đạo, [cho nên] chẳng có số. Các con số ấy là pháp môn đặc thù của Địa Tạng Vương Bồ Tát Ma Ha Tát, từ đâu mà có? Từ Chân Như Thật Tướng được nói trong nửa quyển sau [của chánh kinh], nương vào lẽ Chân mà dấy lên hết thảy các thiện pháp. Một trăm tám mươi chín loại ấy chính là tình huống đặc thù của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Mọi người có thể thỉnh bản kinh ấy từ nhà xuất bản Phương Quảng.

Hành pháp trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, thoát đầu do Ngẫu Ích đại sư soạn. Sau này, do pháp sư Hoàng Nhất hoàn thành và hoằng dương, [cho nên] mới có Chiêm Sát Luân. Khi Ngẫu Ích đại sư

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

mong thọ giới thanh tịnh, tìm trong Đại Tạng Kinh, [tìm thấy bộ kinh này], liền lay Chiêm Sát Sám. Do lay Chiêm Sát Sám mà đạt được luân tướng thanh tịnh, Ngài đắc giới. Mãi cho đến khi pháp sư Hoằng Nhất tiếp nhận pháp này của Ngẫu Ích đại sư, Sư phát huy, hoằng dương lần nữa. Vì Hoằng Nhất đại sư học nghệ thuật, nên hiểu cách chế tạo Chiêm Sát Luân. Lay sám pháp này thì kinh Chiêm Sát hoàn toàn chẳng nói tới. Ngẫu Ích đại sư đã dựa theo các sám pháp khác như Đại Bi Sám do lịch đại tổ sư đã soạn. Ngẫu Ích đại sư soạn Chiêm Sát Sám Pháp, cho đến lời nguyện, tức lời cầu nguyện đều do Ngẫu Ích đại sư viết.

Đồng thời, Ngài còn cho chúng ta biết: Dựa theo phương pháp của hai loại quán đạo để sám hối. Trong kinh Chiêm Sát, Địa Tạng Bồ Tát dạy chúng ta: Các chúng sanh hãy nên học chí tâm, khiến cho thân, miệng, ý đạt được tướng thanh tịnh. Tướng thanh tịnh ấy là nói tới điều gì vậy? Chính là tướng thanh tịnh được hiện bởi Chiêm Sát Luân; Địa Tạng Bồ Tát chẳng nói căn kẽ. Học chí tâm, chí tâm là chí thành, khẩn thiết, tâm chẳng có tạp niệm, tâm tập trung vào bái sám, cho đến mức quý vị niệm Địa Tạng Bồ Tát mà tâm không tạp niệm. [Nếu hành nhân] lay suốt ba năm, mà vẫn chẳng đạt được luân tướng thanh tịnh, Địa Tạng Bồ Tát nói Ngài vẫn hộ niệm người ấy. Người ấy đã có công phu ba năm, tuy chẳng đạt được luân tướng thanh tịnh, vẫn đặc biệt được Địa Tạng Bồ Tát gia trì và chiếu cố.

Giả sử quý vị muốn cầu pháp Đại Thừa, để biết thoát đầu chính mình hãy còn nghiệp chướng nào, biết các nghiệp chướng căn bản nào tồn tại, quý vị hãy dùng Chiêm Sát Luân. Chẳng dùng Chiêm Sát Luân, chính quý vị không biết. Phải biết cái nghiệp căn bản, nghiệp chướng tồn tại mà quý vị không sám hối, cứ cầu Thiền Định, cho đến học hết thấy các pháp, nói đến chuyện liễu sanh tử, thì hết thấy đều chẳng làm được! Trước hết, quý vị phải tiêu trừ nghiệp chướng. Nghiệp chẳng tiêu, tu các pháp ấy đều chẳng thể thực hiện được. Do vậy, quý vị trước hết phải sám hối nghiệp chướng!

Khi chúng tôi giảng giải, mọi người đều biết dựa vào cảnh giới Nhất Thật, nội tâm do tin tưởng cảnh giới Nhất Thật mà dấy lên tín giải, học hai loại quán đạo, tức là Chỉ Quán song vận: Một là Duy Tâm Thức Quán, hai là Chân Như Thật Tướng Quán. Sám pháp này giúp chúng ta tu hành, nhưng quý vị tu hành mà bị ngã lòng. Có sao tu một năm, hai năm, ba năm, mười năm, đều chẳng đạt được chi cả? Ngã lòng! Hãy dùng Chiêm Sát Luân để nhận biết chướng ngại nào tồn tại. Sau đó, chiếu theo những điều Chiêm Sát Luân chỉ dạy để sám hối. Đã sám hối xong, lại tu

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

cảnh giới Nhất Thật, hai loại quán đạo, sẽ có thể tiến nhập Tâm Tịch tam-muội rất nhanh chóng, cái tâm có thể định được. Nếu chính mình chẳng biết, cứ tu mù luyện đui, tu kiểu nào cũng đều chẳng thể thành tựu! Giống như chúng ta toan biến đá thành cơm, tuyệt đối chẳng thể làm được! Nếu quý vị sám hối hết sạch [các nghiệp chướng ấy] rồi lại tu, hễ tu thì sẽ đạt được! Đó là vì chính mình không biết! Muốn có thể biết, trước hết phải bái sám, dùng luân tướng để gieo. Đó là [Địa Tạng Bồ Tát] giúp những kẻ không có thần thông như chúng ta đạt được thần thông. Quý vị muốn biết nghiệp chướng của chính mình nặng hay nhẹ, hãy gieo ba luân tướng thuộc thân, miệng, ý, coi thử là đỏ hay đen. Đen là ác nghiệp nặng, [vạch đen] nhỏ là ác nghiệp nhẹ. [Vạch] đỏ [to đậm] là thiện nghiệp sâu, [vạch đỏ mỏng, ngắn] nhỏ là thiện nghiệp nhẹ. Trước hết, hãy biết nghiệp chướng hay tội ác, biết rõ ràng chuyện ấy để khi quý vị tu tập, sẽ biết làm như thế nào. Nghiệp thanh tịnh, quý vị sẽ tự nhiên tu rất dễ dàng, tu Định đắc Định, tu Huệ đắc Huệ.

Pháp môn này đặc thù. Địa Tạng Vương Bồ Tát đặc biệt từ bi chỉ dạy chúng ta tu, được gọi là Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Dùng cách chiêm sát này để biết quý vị tồn tại thiện nghiệp sâu đậm, hay ác nghiệp nặng nề, trong lòng quý vị tự biết rõ ràng! Quý vị sám hối thì phải sám hối vào trọng điểm, chẳng Đông quơ một chặp, Tây chụp một chốc, tu rồi mà chính mình vẫn chẳng thể sám hối được! Quý vị nương theo phương pháp sám hối này, biết chính mình tồn tại nghiệp nào, hằng ngày hướng về Địa Tạng Bồ Tát phát lộ. Hằng ngày, quý vị vào sáng sớm bái sám một lần. Thoạt đầu, tu bảy ngày [như thế], hoặc là lạy hằng ngày. Lạy xong, luân tướng đã thanh tịnh. Quý vị phải gìn giữ sự thanh tịnh ấy, hoặc là cách ngày tạo nghiệp, cho nên thường dùng luân tướng để răn nhắc. Cho đến khi quý vị vừa đạt được [luân tướng thanh tịnh], cái tâm đã thanh tịnh, đã định, định nơi thiện nghiệp, chẳng bị thoái đọa nữa, tín tâm mới có thể vẹn đủ. Sám pháp ấy chính là một phương tiện giúp cho chúng ta tu hành.

Còn nữa, trong cuộc sống, các đạo hữu tại gia buôn bán hoặc kinh doanh, đi đường có an toàn hay không, món tiền đem kinh doanh sẽ sanh lợi hay lỗ vốn, trước hết, hãy gieo luân tướng để cầu Địa Tạng Vương Bồ Tát [chỉ dạy]. Nhưng trước đó, quý vị ắt cần phải đả thất. Chẳng phải là hễ nghĩ đến liền gieo thì sẽ linh nghiệm đâu nhé! Chẳng linh nghiệm! Trước đó, quý vị đả thất, đã tu hành theo Địa Tạng Bồ Tát, đã có nền tảng đối với chiêm sát luân tướng, thiện nghiệp của chính mình rất tương ứng. Khi quý vị chiêm sát, hễ chiêm sát bèn linh nghiệm, liền thanh tịnh. Nếu

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chẳng có, quý vị ắt cần phải bái sám trước. Phải trả giá thì mới có thù hoạch. Chẳng trả giá, sẽ chẳng có thù hoạch.

Cho đến khi quý vị gieo [luân tướng], đạt được đều thuận tụy là Thập Thiện Nghiệp. Thập Thiện Nghiệp hoàn toàn chưa đủ! Thiện kiêu ấy chỉ có thể tiến hành tu đạo, chẳng phải là vô tướng sám, chẳng phải là điều thiện vô tướng. Thoạt đầu, chúng ta tin Phật đều có thiện nghiệp, nhưng quý vị chẳng biết nghiệp nào còn tồn tại ẩn sâu trong tư tưởng của chính mình. Nếu quý vị dựa theo Chiêm Sát Luân để liễu giải, sẽ biết trọng điểm. Nếu chẳng thuận theo, khi tu đạo sẽ có chướng ngại, có ma chướng. Quý vị hãy gieo Chiêm Sát Luân, ngưng lại để bái sám. Sau khi quý vị bái sám một thời gian, ác nghiệp và chướng ngại tiêu mất, khi đó, sẽ thuận lợi, thuận lợi tu đạo. Pháp môn đặc thù này của Địa Tạng Bồ Tát chủ yếu là giúp cho quý vị thành tựu đạo nghiệp, thành tựu tín tâm của chính mình. Hiện thời, các đạo hữu tại gia, quý vị muốn cho tín tâm của chính mình bất thoái, hãy thường xuyên chiêm sát đôi chút. Nhưng khi quý vị mới bắt đầu, phải bái sám, hoặc là bảy ngày, mười bốn ngày, hai mươi một ngày. Hễ quý vị bái sám, thiện nghiệp và ác nghiệp ổn định, đặt vững nơi thiện nghiệp, tâm chẳng đặt nơi ác. Khi đó, quý vị làm sự nghiệp gì cũng đều có thể thuận theo lòng muốn.

Thuở ban đầu, tốt nhất là ba người bái sám với nhau, hoặc tối đa là chẳng thể quá mười người. Mọi người bái sám cùng nhau, gia trì lẫn nhau. Thậm chí lạy một mình là tốt nhất, do nghiệp của mỗi cá nhân chẳng dính dáng nhau; nhưng một người bái sám thì sợ lại giải đãi, [cho nên cần có] người nhiều hơn một chút. Do có sức gia trì lẫn nhau, quý vị sẽ chẳng giải đãi!

Nhưng khi dùng Chiêm Sát Sám Pháp, cho đến khi quý vị sám hồi xong, đã đạt được luân tướng thanh tịnh, quý vị chiêm sát mỗi ngày. Đối với nhất cử nhất động của chính mình đều chiêm sát, sẽ hết sức linh nghiệm. Do Địa Tạng Bồ Tát chỉ dạy quý vị, lúc gặp khó khăn gì, hoặc gặp chuyện gì chẳng thuận lợi, quý vị hãy vào Phật đường bái sám, sẽ được Địa Tạng Bồ Tát gia trì. Nhưng nay chúng ta niệm nào cũng niệm Địa Tạng Bồ Tát như thế, tuy có hiệu quả, chỉ là phước đức nhân gian, chẳng dính dáng gì tới chuyện xuất thế, mong liễu sanh tử! Nếu mong xuất thế gian, liễu sanh tử, các vị đạo hữu xuất gia ắt cần phải ngưng lại [việc tu tập pháp môn đang muốn tu] để tối thiểu là lễ ba thất, ba thất tức hai mươi một ngày. Cho đến khi quý vị bái sám hai mươi một ngày xong, tự mình cảm nhận nội tâm rất thanh tịnh. Khi quý vị tọa Thiền hoặc niệm kinh, sẽ có lúc đối với những đạo lý trước kia chẳng thông thuận cho lắm,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

sau khi quý vị bái sám, sẽ tự mình hiểu rõ. Có rất nhiều đạo hữu bái sám, hành theo mấy vị đệ tử của pháp sư Hoàng Nhất ở Tân Gia Ba và Phi Luật Tân, những người ấy hiện thời chẳng còn, đều đã qua đời. Họ đều nương theo pháp môn này mà tu hành để tiến nhập.

Khi các đạo hữu xuất gia bái sám, vì liễu sanh tử, giải thoát, quý vị hãy lay thử xem. Khi quý vị dùng Chiêm Sát Luân, hãy đề phòng mấy chướng ngại. Một là trong tâm phải bình lặng, đừng gấp rút cầu thành tựu. Đối với chuyện tiêu nghiệp chướng, chẳng hề có chuyện chiếm tiện nghi, đừng mong vượt đường tắt! Địa Tạng Bồ Tát nói như thế nào, chúng ta hãy hành theo lời dạy của Địa Tạng Bồ Tát như thế ấy, hiệu quả sẽ rất mạnh mẽ! Chớ nên làm giữa chừng rồi bỏ dở, hoặc là vừa mới đạt được tướng thanh tịnh, hoặc là trong mộng thấy một số cảnh giới, bèn cho rằng chính mình đã đạt được. Sự trải nghiệm ấy vẫn chưa đủ để đắc định, ắt cần phải đắc định, trong tâm quý vị tự hiểu rất rõ ràng!

Định là như thế nào? Tâm quý vị xác thực trông thấy. Trong quá khứ, cái tâm sân hận của chính mình rất nặng, ưa nổi cáu. Chuyện chẳng vừa ý đôi chút liền nổi giận ùng ùng, cáu kỉnh! Cho đến khi quý vị bái sám, đã đạt được tướng thanh tịnh, trong tâm bình an, gặp chuyện gì cũng đều hoan hỷ. Quý vị sẽ biết hiệu quả thật sự nầy sanh, chính mình có thể khảo nghiệm. Chuyện chẳng buồn xuống được trong quá khứ, nay dường như chẳng đáng gì, đã buồn xuống được, quý vị đã đạt rồi. Trong cuộc sống, trong tu đạo, quá khứ quý vị toàn gặp ác mộng, khi quý vị bái sám, từ đây trở đi, ác mộng chẳng hiện. Trong mộng, nếu chẳng phải là đạo hữu tụ họp, thì là tu Phật, tu pháp, chẳng có ác mộng nào khác. Cho đến trong mộng, quý vị có thể làm chủ. Tôi chuyên nói trong mộng, hoặc là khi ngủ, quý vị nhất loạt chẳng thấy các hành vi thuộc về Thập Ác, trái nghịch Thập Thiện Nghiệp! Quý vị biết chính mình thật sự tu trì tiến nhập thiện pháp môn; khi đó, tu tập sẽ dễ thành đạo.

Đoạn thiền nào, tôi nêu một thí dụ: Trong quá khứ, lòng tham rất nặng, rất mê tiền, rất yêu thích một thứ vật phẩm chi đó. Cho tới khi quý vị bái sám, tu hành một khoảng thời gian, sẽ nghiệm nhiên buồn xuống. Trông thấy thứ vật phẩm ấy, trong tâm cũng chẳng động lòng, đã thành công rồi! Tự quý vị có thể nhận biết, thấu hiểu. Trong quá khứ, thiền nào rất nặng, thậm chí khi tĩnh tọa, chẳng định được. Cho tới khi quý vị đã bái sám một khoảng thời gian, thông thường, quý vị tĩnh tọa một tiếng, nay có thể ngồi hai tiếng, ngồi được ba tiếng. Khi tĩnh tọa, có thể an tĩnh. Đó là một loại. Giống như các đạo hữu tại gia, họ làm bất cứ chuyện gì, cũng luôn cảm thấy chẳng hài lòng, làm chuyện gì cũng chẳng thuận lợi. Cho

tới khi quý vị lạy được một thất, hai thất, ba thất, chẳng cần dùng Chiêm Sát Luân, từ trong cuộc sống, có thể tự mình thể nghiệm sự biến đổi. Chẳng phải là hoàn cảnh biến đổi, mà là cái tâm của quý vị thay đổi. Tướng cảnh giới bên ngoài vĩnh viễn là như thế đó, nhưng tâm quý vị đã thiện, [hoàn cảnh] liền thay đổi. Tâm quý vị có thể chuyển biến hoàn cảnh hay không, tùy thuộc chính mình có đủ sức hay không. Nếu sức bái sám của quý vị mạnh mẽ, không chỉ chính mình, mà ngay cả gia đình của quý vị, lớn thì như chùa miếu của các vị sư phụ, cho đến các đạo hữu, đều có thể cùng nhau tu hành, quý vị sẽ biết hiệu quả to lớn. Không chỉ chính mình, mà còn ảnh hưởng tới người khác. Chuyện này chẳng cần “*gieo quẻ*”, quý vị cũng hiểu rõ.

Nếu gặp chuyện gì, bản thân quý vị chẳng thể quyết định, hãy tiến vào sám thất, chiêm sát một phen, Địa Tạng Bồ Tát sẽ quyết định cho quý vị, thử nhiều lần chẳng sai chạy! Như vậy thì quý vị tu hành có lợi gì? Tăng trưởng sức tín niệm, tăng trưởng tín tâm của quý vị. Nếu quý vị niệm kinh Kim Cang, thông thường khi niệm, sẽ chẳng đủ sức lý giải. Sau khi quý vị đã bái sám, sẽ có thể lý giải. Nói “*có thể lý giải*” rốt cuộc câu ấy có hàm nghĩa là gì? Đó là chuyện trong năm 1930 hoặc 1931. Khi lão hòa thượng Ân Thuận ở Cổ Sơn tỉnh Phước Kiến bị thổ huyết, Ngài trở về Phổ Đà Sơn, ở trong một ngôi chùa nhỏ của chính mình để bế quan. Khi bế quan, Ngài duyệt Đại Tạng Kinh. Lúc ở Phước Châu, bác sĩ đoán định Sư chẳng thể sống lâu được! Thổ huyết cả đống không ngừng, Sư bị lao phổi rất nghiêm trọng. Sư duyệt tạng ba năm, lành bệnh, sống đến một trăm tuổi, suốt đời đều ốm đau, suy nhược. Đây là tuyệt đối có sức gia trì. Ở đây, chúng ta nương vào sức gia trì của Địa Tạng Vương Bồ Tát, quý vị có thể tùy thời thưa hỏi, tùy thời có thể thỉnh ý, có thể dùng mộc luân, nhưng chuyện này cần phải học. Hôm nay ở nơi đây, tôi chỉ giới thiệu cho mọi người đôi chút. Nếu muốn nói tường tận, học tường tận, mọi người phải tự dụng tâm học tập. Quý vị có thắc mắc gì, tôi sẽ lại cùng các đạo hữu trao đổi, uốn nắn các sai lầm.

Đây là giống như có một vị thầy, tức Địa Tạng Vương Bồ Tát ở cạnh chúng ta. Có đôi khi đối với luân tướng, Địa Tạng Bồ Tát chẳng hiện, hoặc Ngài chẳng tới hộ pháp, quý vị chẳng gieo [luân tướng] được, từ đầu đến cuối chẳng tương ứng. Chuyện quý vị hỏi và [kết quả] gieo luân tướng hai đàng chẳng ứng hợp, tức là quý vị vẫn chưa đạt tới chí tâm, tức là cái tâm thành khẩn vẫn chưa đủ. Do vậy, khi quý vị bái sám, vẫn chẳng khiến cho chướng ngại và thô chướng hiện hành của quý vị tiêu mất. Tối thiểu là khi quý vị bái sám, thô Hoặc, thô chướng có thể tiêu

mất, luân tướng mới hiện ra càng ngày càng tốt đẹp hơn. Hoặc quý vị tồn tại sát nghiệp rất nặng, sát nghiệp thuộc loại sân hận phiền não, quý vị nhiễm nhiên biến sát nghiệp thành từ bi, cho thấy quý vị đã chuyển hóa. Không chỉ chẳng giết mà còn từ bi, chính mình hiểu rất rõ. Do vậy, pháp Chiêm Sát giúp cho chúng ta có thần thông và trí huệ, nhưng phải có lòng thành. Ý niệm đầu tiên là phải thành tâm, điều thứ hai là chớ nên có tạp niệm.

2. Chiêm Sát Sám Pháp

Chúng tôi đã nói xong kinh Chiêm Sát, cũng như giải thích kèm thêm đôi chút cùng mọi người về cách sử dụng Chiêm Sát Luân để chiêm sát. Lại còn có sám pháp để bái sám. Sau khi đã bái sám thì mới có thể sử dụng Chiêm Sát Luân. Chẳng bái sám, làm sao sử dụng Chiêm Sát Luân cho được? Sám pháp để bái sám do Ngẫu Ích đại sư soạn. Ngẫu Ích đại sư vâng theo lời chỉ dạy của Địa Tạng Bồ Tát, Ngài khuyên chúng ta tu tập. Giả sử mong liễu sanh tử, mong tu chánh pháp, quý vị tu hành luôn luôn có chướng ngại, do duyên chẳng trọn đủ. Mỗi đạo hữu chúng ta, kể từ lúc xuất gia, trong quá trình tu hành, quý vị luôn gặp rất nhiều chướng ngại. Các nghịch duyên trái nghịch ý nghĩ của chúng ta thì chúng ta còn có thể miễn cưỡng tiếp nhận, còn có thể biết tu hành trong nghịch cảnh hiện tiền; nhưng thuận cảnh hiện tiền thì quý vị chẳng biết. Chuyện gì cũng đều rất thuận lợi, chuyện gì cũng đều tốt đẹp, điều này rất nguy hiểm, sẽ gây chướng ngại khiến cho quý vị chẳng thể tu hành. Đó gọi là chướng duyên. Trong chướng duyên, có nghịch và thuận.

Đời quá khứ, chúng ta đã tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, nghiệp chướng nghiêm trọng nhất rất nặng; đời hiện tại, tu đạo gặp rất nhiều chướng ngại. Nói đơn giản, chúng ta xuất gia thọ giới chẳng đạt được giới thể thanh tịnh. Bốn, năm trăm năm trước, vào đời Minh, Ngẫu Ích đại sư mong tìm được năm vị tỳ-kheo thanh tịnh trong Nam Thiệm Bộ Châu, nhưng chẳng tìm thấy. Ngài có thần thông, hướng chi hiện thời, chúng ta lại xa cách nhiều năm ngàn ấy, cho nên khi chúng ta bái sám, trong tâm sẽ có ý tưởng cần phải tu pháp sám hối. Hễ bái sám bèn tu sám hối. Từ nay trở đi, nếu chúng ta chẳng tạo ác nữa, sám hối quá khứ, vị lai bèn hồi cải, chẳng làm nữa. Đó gọi là “sám hối”. Khi quý vị tu pháp sám hối, số người chớ nên nhiều! Mọi người cùng nhau mong tu hành, tối đa là mười người. Nếu tự mình tu một mình thì càng tốt hơn. Nhưng phải có một vị thầy; khi quý vị

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

bái sám, xuất hiện rất nhiều vấn đề, phải có một vị minh sư, tức là một vị thầy thông hiểu sám pháp này chỉ vẽ cho quý vị.

Khi quý vị bái sám, phải dùng Chiêm Sát luân tướng, nhưng để sử dụng Chiêm Sát Luân, chẳng thể có chút giấu giếm nào đối với Địa Tạng Bồ Tát. Ất cần phải sám hối tội nghiệp của quý vị. Trong tâm quý vị có những điều riêng tư, chẳng nói với ai, nhưng đối trước tượng Địa Tạng Bồ Tát, quý vị nhất định phải nói vì sao quý vị bái sám, bản thân quý vị đã phạm tội gì? Bản thân quý vị cảm thấy trong tâm có bí mật chẳng thể nói với ai khác, hãy đều nên nói với Địa Tạng Bồ Tát.

Thể hiện sự cung kính trong bái sám thì nhất định phải tịnh tâm trước đã. Khi lạy, điều đầu tiên là lễ kính mười phương chư Phật; sau đó, phát nguyện, nghiêm trang cầm hương, hoa, chiếu theo phương pháp do Địa Tạng Bồ Tát đã dạy để hành: Phát nguyện, nguyện mây hương, hoa này trọn khắp mười phương pháp giới. Quý vị quán tưởng [như thế đó]. Nếu chẳng làm được, phải nương theo văn tự để niệm. Cúng dường Tam Bảo, cúng dường hết thầy chư Phật, tôn pháp là Pháp Bảo, hiền thánh tăng là Tăng Bảo. Cúng dường hết thầy Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo, khiến cho họ đem các vật cúng của quý vị làm Phật sự. Những điều này trong văn sám hối đều có, mọi người có thể chiếu theo văn sám hối để niệm. Sau đó, phải thỉnh thánh. Tiến vào sám thất, trước hết phải thỉnh thánh. Điều đầu tiên trước hết là phải thỉnh Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Tỳ Bà Thi Phật, quá khứ thất Phật, cho đến Phổ Quảng Phật... tức năm mươi ba vị Phật, cho đến tất cả sắc thân, xá-lợi, hình tượng, phù đồ tháp miếu, hết thầy Phật sự của hết thầy chư Phật. Sám pháp này do Ngẫu Ích đại sư dựa theo kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo [để biên soạn]. Hết thầy các sám pháp đều như thế, nhưng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo chẳng nói; đây là Ngẫu Ích đại sư dựa theo hết thầy các sám pháp để bái sám. Cho đến phụng thỉnh mười phương ba đời hết thầy chư Phật, cho đến đặc biệt thêm vào “*Nam-mô Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh vi diệu pháp tạng*”. Chúng tôi giảng xong kinh này, mọi người đã có ấn tượng: Khi quý vị bái sám, phải thỉnh, thỉnh Pháp Bảo hiện tiền, pháp tánh của Pháp Bảo giống như hư không. Quý vị vừa tác ý bèn hiện tiền, do Không nên mới chẳng có chướng ngại. Sau đó, thỉnh hết thầy hiền thánh tăng. Bộ kinh này do Kiên Tịnh Tín Bồ Tát thỉnh [đức Phật nói]. Chúng ta báo ân Ngài, khi quý vị bái sám, phải nhất tâm phụng thỉnh Kiên Tịnh Tín Bồ Tát. Các kinh khác chẳng có [danh hiệu vị Bồ Tát này], các sám pháp khác vốn chẳng có. Chỉ có khi quý vị lạy Chiêm Sát Sám thì mới phụng thỉnh Kiên Tịnh Tín Bồ Tát. Phải thỉnh Biến Cát Bồ Tát (Phổ Hiền Bồ

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Tát) và Quán Thế Âm Bồ Tát. Sau đó, đặc biệt thỉnh vị sám chủ, sám chủ là Địa Tạng Bồ Tát. Quý vị còn phải thỉnh hộ pháp, hộ pháp là Tứ Vương Thiên, Phạm Vương, Đế Thích, chư thiên, thiên long bát bộ. Sau đó còn phải tụng bài văn phát nguyện. Trong bản [sám pháp] ấy đều có [những điều vừa nói trên đây], tôi chỉ nhắc tới, mọi người hãy theo đó để thỉnh, để niệm. Chỉ xin đức Thích Ca từ phụ, thất Phật Thế Tôn, năm mươi ba vị Phật, hết thấy các vị giác ngộ [chứng minh, gia trì cho hành giả], đều thỉnh các vị Phật ấy. Ta bái sám nơi đây, các vị Phật ấy đều có thân thông, các Ngài sẽ diệu dụng, gia trì ta. Lại còn phải thỉnh quá khứ thất Phật, Tỳ Bà Thi Phật. Đó là sự phát nguyện khi bái sám, tôi không nói cạn kẽ với mọi người. Mọi người hãy dựa theo văn bản sám pháp này để thỉnh năm mươi ba vị Phật. Đó là khi ở trong sám thất, mới vừa bái sám, sau đó, nhất tâm kính lễ Pháp. Thỉnh Phật xong bèn thỉnh Pháp. Thỉnh Pháp xong, tất cả sắc tướng, xá-lợi, tháp miếu, hết thấy Phật sự đã thực hiện của mười phương chư Phật cũng đều phải thỉnh. Đông, Nam, Tây, Bắc, mười phương chư Phật cũng phải thỉnh. Cuối cùng, thỉnh hết thấy các pháp tạng. Thêm vào đó là thỉnh kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Dựa theo sám bản của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, mọi người có thể thỉnh, chiếu theo sám bản để niệm, tôi không giới thiệu cạn kẽ.

Nhưng có một đoạn văn do Ngẫu Ích đại sư biên soạn có hiệu quả rất lớn đối với chúng ta. Phát nguyện, phát nguyện gì vậy? Ta cùng hết thấy chúng sanh, từ đời vô thủy đến nay, ba nghiệp thân, miệng, ý, sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, tạo tội rất nặng. Cho nên chúng ta mới chẳng thấy chư Phật, cũng chẳng được nghe pháp do chư Phật đã nói, lưu chuyển thuận theo sanh tử. Nay chúng ta muốn đoạn dứt, do nay chúng ta được nghe kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, cắt đứt dòng sanh tử. Không chỉ bản thân chúng ta đoạn, mà còn nguyện cho hết thấy chúng sanh trong pháp giới cũng đều cùng với chúng ta đoạn, đoạn hết thấy nghiệp chướng, trừ sạch ba chướng, chí tâm sám hối.

Có một đoạn văn chúng ta phải học niệm: Con cùng với chúng sanh, từ vô thủy tới nay, do vì ái kiến, trong thì so đo “ta, người”, ngoài thì lại thêm bợn ác, chẳng tùy hỷ mảy may điều thiện của người khác, chỉ trọn khắp ba nghiệp đều rộng tạo các tội. Sự tuy chẳng rộng, ác tâm trọn khắp, ngày đêm liên tục, chẳng hề gián đoạn, che giấu, né tránh lỗi lầm, chẳng muốn người khác biết. Chẳng sợ ác đạo, không hổ, không thẹn, bài bác chẳng có mười loại nhân quả. Nay ở trong sám thất, sám hối trọn hết mười loại ấy. Chuyển đổi thành tin sâu nhân quả, sanh lòng hổ thẹn to lớn, sanh lòng sợ hãi lớn lao, phát lộ sám hối, đoạn cái tâm tiếp nối, phát

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Bồ Đề tâm, đoạn ác, tu thiện, ba nghiệp siêng gắng. Sửa đổi lỗi cũ, tùy hỷ điều thiện của thánh phàm đâu chỉ một mảy. Đồng thời, nghĩ nhớ mười phương hết thấy chư Phật, phước lẫn huệ của Phật đều trọn đủ viên mãn. Chư Phật đều có thể cứu vớt chúng ta, tiêu trừ các tội ác do chúng ta đã tạo từ vô thủy kiếp tới nay. Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo cuối cùng giảng “bản tánh là không tịch”. Do vậy, dễ sám hối. Nơi tánh thể của chúng ta chẳng có [tội cấu], chỉ là bị che phủ bởi hết thấy phiền não. Nay đã hiểu rõ, học kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, biết [tánh thể] là không tịch, mong cầu Bồ Đề, mong cầu tịch tĩnh, nguyện cho hết thấy chúng sanh đều cùng chúng ta tu hết thấy các thiện nghiệp, đều đoạn ác nghiệp. Đó là khái thỉnh Tam Bảo gia bị.

Sau đó, chí tâm sám hối, sám hối nghiệp chướng của chúng ta. Đây là chuyện Ngẫu Ích đại sư đã làm. Ta và hết thấy chúng sanh, tự tánh thanh tịnh, cảnh giới Nhất Thật, chư Phật có cùng một Thể. Do nhân duyên vô minh si ám huân tập, hiện ra cảnh giới hư vọng, khiến cho chúng ta nầy sanh chấp trước, vọng niệm. Lại còn có tội nặng và tội nhẹ, khiến cho Định và Huệ của chúng ta đều bị chướng ngại, khiến cho chúng ta luân chuyển lâu dài trong lục đạo, chẳng có thuở thoát ra. Nay chúng ta gặp kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, đó là kỳ hạn để chúng ta thoát ra. Đối với ngoại ma, nội chướng, đều khiến cho chúng bị tiêu mất. Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát là đấng khéo nói an ủi, xé toang mây mê, vệt sạch mây mê, mộng寐 cho chúng ta, gột rửa đổi mới cái tâm ta lần nữa. Xót xa cầu sám hối như thế, cầu sám hối như thế đó. Sau đây, lại khuyến thỉnh chư Phật. Những điều này trong văn sám hối đều có, bất quá, ở đây tôi nói đại lược đôi chút. Sau đó, lại còn tùy hỷ công đức. Cuối cùng, quý vị phải chí tâm hồi hướng, hồi hướng công đức do ta đã tu cho hết thấy chúng sanh, sám hối sạch sẽ hết thấy các tội nghiệp của mình, khiến cho hết thấy chúng sanh đều sám hối sạch sẽ tội nghiệp. Mong mỗi chư Phật gia bị, hồi hướng công đức sám hối và tu hành của chúng ta cho mười phương hết thấy chúng sanh. Sau đó, lại phát nguyện, nguyện Địa Tạng Bồ Tát và mười phương Tam Bảo gia bị chúng ta. Thế giới hiện thực của chúng ta chẳng an định, quốc độ mong manh. Hiện thời, trên thế giới tai nạn nhiều lượt phát sanh, chánh pháp tiêu mất. Chúng ta xoay chuyển, khiến cho tai nạn tiêu trừ, chánh pháp lưu thông, khiến cho hết thấy chúng sanh đều có thể sanh tín tâm thanh tịnh, chẳng có chướng ngại. Trong tu đạo chẳng có ma chướng, chẳng có tà kiến, chẳng có tà tri. Cuối cùng, đem công đức học tập, công đức sám hối, hồi hướng cho thế giới Cực Lạc.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Ngẫu Ích đại sư suốt đời đều cầu sanh thế giới Cực Lạc. Đây là văn sám hồi do Ngài soạn. Không chỉ thân cận Phật Di Đà, sanh về thế giới Cực Lạc để thân cận hết thầy chư Phật, được chư Phật thọ ký rồi lại trở vào trần lao, lại trở về thế giới Sa Bà để độ chúng sanh. Đó gọi là “*phát nguyện*”. Cuối cùng, quy kính Tam Bảo. Trong quá trình quý vị sám hồi phát nguyện, đây là đoạn cuối cùng trong khi quý vị tới sám thất để sám hồi. Điều này giống như quý vị sám hồi bèn có thứ tự nhất định.

Sau khi quý vị đã bước vào sám thất, thoát đầu, tâm quý vị vẫn chưa định được, nhưng quý vị tiến vào sám thất, có mấy vấn đề trọng yếu nhất: “*Khi quý vị tiến vào sám thất, thân tâm nhất định phải thanh tịnh*”. Ngẫu Ích đại sư nói: Khi quý vị vào sám thất, y phục phải sạch sẽ. Khi quý vị vào nhà xí, Ngẫu Ích đại sư yêu cầu: Tốt nhất là phải có y phục dùng riêng trong nhà xí, mặc một cái áo khoác, ra ngoài bèn cởi áo khoác để lại trong nhà xí. Nhất định phải gìn giữ sự thanh khiết. Chúng ta tiến vào sám thất, hay vào Phật đường, Ngẫu Ích đại sư phê bình: [Nếu hành giả] trọn chẳng thanh tịnh, làm sao có thể đạt được thiện quả, được Phật, Bồ Tát gia trì cho được? Phật, Bồ Tát từ bi sẽ chẳng so đo, nhưng thần hộ pháp hết sức so đo. Tâm quý vị thanh tịnh, đó là điều chủ yếu. Có các đạo hữu đi tiểu xong, rửa tay xong liền bước ngay vào sám thất, điều này tuyệt đối chẳng thể được! Chúng tôi thấy rất nhiều đạo hữu lên tụng kinh, căn bản là chẳng thanh tịnh mà liền lên chánh điện. Do vậy, Ngẫu Ích đại sư yêu cầu, thân thanh tịnh quý vị mà có thể làm được, thì tâm cũng sẽ thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh thì mới có thể đạt được sức gia trì.

Tập 17

* **Hỏi:** Con thường nghe nói phát Bồ Đề tâm là nghĩa trọng yếu bậc nhất trong tu học Phật pháp. Phát vô thượng đại tâm có phải chính là tự tánh thanh tịnh tâm, đối với các hành vi, nói năng, im lặng, động, tịnh trong hằng ngày, đi, đứng, ngồi, nằm, phải nên phát như thế nào? An trú như thế nào? Hộ trì như thế nào? Như thế nào thì biết tự tánh ngay lập tức tương ứng với ý tưởng ấy? Lại nữa, cái tâm bao gồm đại từ, đại bi, đại hạnh, đại nguyện, đại xả như thế nào, ngõ hầu do cái tâm ấy mà toàn thể khởi dụng, toàn tu tại tánh? Mong thầy dạy cận kề cho!

Đáp: Nói đơn giản, vị đạo hữu này hỏi về phát tâm: “*Thế nào là phát Bồ Đề tâm?*” Đối với Bồ Đề, trước hết phải hiểu rõ Bồ Đề là gì? Quý vị ngay cả Bồ Đề mà chưa hiểu rõ, phát tâm bằng cách nào đây? Bồ Đề là giác trong giấc ngộ. Bồ Đề là giác, mà cũng là Phật. Ý nghĩa được bao

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

hàm trong “*phát Bồ Đề tâm*” là “*nếu ta muốn thành Phật, quý vị phải phát Bồ Đề tâm*”. Phát Bồ Đề tâm: Phát tâm là một chuyện, hành động lại là một chuyện khác! Quý vị đã phát Bồ Đề tâm, sẽ làm như thế nào? Quý vị đã phát Bồ Đề tâm, hãy nương theo cái tâm do chính mình đã phát để làm. Phải làm theo từng bước một. Đương nhiên là quý vị tín ngưỡng Tam Bảo, tín ngưỡng Tam Bảo thì Phật là Bồ Đề tâm, Pháp vẫn là Bồ Đề tâm, Tăng Bảo vẫn là Bồ Đề tâm. Hằng ngày quý vị niệm Tam Bảo là phát Bồ Đề tâm, nhưng quý vị dùng cái tâm gì để niệm? Quý vị phát Bồ Đề tâm, phải dùng phát Bồ Đề tâm để niệm, tức là dùng cái tâm giác ngộ. Quý vị mong cầu giác ngộ, vậy thì quý vị mỗi ngày phát tâm là một chuyện, hành động lại là một chuyện khác. Quý vị tự mình phát tâm, thân, miệng, ý của quý vị phải nên chiếu theo cái tâm Bồ Đề đã phát để làm. Như thế thì quý vị mới là thật sự phát Bồ Đề tâm. Như thế thì sẽ chẳng có vấn đề!

* Hỏi: Xin hỏi dùng Chiêm Sát Luân để bói toán, có cần phải xưng niệm thánh hiệu Địa Tạng đạt tới định cảnh (nhất tâm bất loạn) thì mới có thể gọi là “*chí thành cảm thông*”, lời hỏi mới tương ứng lời đáp hay không?

Đáp: Khi quý vị muốn dùng Chiêm Sát Luân, điều thứ nhất là quý vị phải niệm [thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát] trước đã. Có thể là vị đạo hữu này chưa nghe kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo. Kinh Chiêm Sát dạy chúng ta: Nếu quý vị sử dụng Chiêm Sát Luân, điều thứ nhất là phải niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát, hoặc là niệm một vạn câu trước đã. Quý vị còn phải bái sám. Quý vị tu bảy ngày thì mới có thể dùng Chiêm Sát Luân. Chuyện này không thành vấn đề, quý vị ắt cần phải niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát thì mới có thể dùng Chiêm Sát Luân, nhưng không nhất định sẽ tương ứng. Quý vị nói chỉ mong sao hãy vừa chiêm sát liền tương ứng, chẳng thể được! Quý vị phải vận dụng công phu bảy ngày, chiêm sát vẫn chẳng thấy tương ứng, điều chủ yếu: “*Trực tâm là đạo tràng*”. Trong tâm quý vị chẳng có tạp niệm nào khác, đó là nhất tâm.

* Hỏi: Thịnh giáo lão hòa thượng, rốt cuộc phải tu hành và do nhân duyên nào thì mới có thể khiến cho cái tâm sớm có ngày khai ngộ, giải thoát, tiến tới lợi ích hết thảy các chúng sanh thân tâm đang chịu khổ, và cũng khiến cho họ đạt được giải thoát?

Đáp: Quý vị hỏi tôi điều này, tôi chẳng có cách nào trả lời! Quý vị phải dùng cái tâm gì thì mới có thể khai ngộ, giải thoát? Mọi người hãy nghe nhé: Người học Phật chúng ta dùng tâm gì thì mới có thể khai ngộ,

giải thoát? Quý vị niệm Phật, niệm đến mức nhất tâm thì cũng có thể khai ngộ, giải thoát. Hoặc bái sám đến mức nhất tâm thì cũng có thể khai ngộ, giải thoát. Vấn đề là phải đạt tới nhất tâm. Nếu quý vị toàn là dấy vọng tưởng; trước hết, hãy tu nhất tâm. Nhất tâm là chí tâm. Chí tâm có thượng chí tâm, hạ chí tâm, và trung chí tâm. Quý vị có thể đạt được hạ chí tâm đã chẳng dễ dàng, hạ chí tâm là nhất tâm bất loạn. Khi quý vị tu hành, hãy không chế hết thảy tạp niệm và vọng tưởng, chẳng để cái tâm có tạp niệm hay vọng tưởng. Dùng cái tâm ấy để lay, để cầu, lúc nào sẽ khai ngộ, lúc nào sẽ giải thoát, tùy thuộc quý vị đổ công dốc sức như thế nào. Nay tôi vẫn chưa khai ngộ, mà cũng chẳng giải thoát, nhưng quý vị muốn đạt tới công phu như tôi phải mất tám mươi năm.

* Hỏi: Tâm thường trụ nơi Phật hiệu, có lúc thanh tịnh, có lúc mê muội, hồ đồ. Nói chung là chẳng có cách nào giữ cho thường hằng, vậy thì phải làm như thế nào?

Đáp: [Nói] “*tâm thường trụ nơi Phật hiệu*” tức là quý vị phải tự mình niệm Phật, chẳng phải “*tâm thường ở trong Phật hiệu*”, mà là cái tâm quý vị thường niệm Phật hiệu. Quý vị chẳng nói Phật hiệu nào. Quý vị niệm A Di Đà Phật cũng là Phật hiệu, mà niệm Thích Ca Mâu Ni Phật cũng là Phật hiệu, mười phương chư Phật cũng là Phật hiệu. Niệm vị Phật nào cũng đều được. Nay quý vị [thắc mắc niệm Phật] “có lúc đạt được thanh tịnh, có lúc mê muội, hồ đồ, chẳng có cách nào giữ cho [sự thanh tịnh] thường hằng, phải làm như thế nào ư?” Bất luận quý vị niệm Phật cũng thế, mà tu các pháp khác cũng thế, điều đầu tiên là đạt tới nhất tâm trước đã. Nhất thời thanh tịnh là tạm thời, vẫn chưa được. Hôm nay, lúc này quý vị niệm Phật thanh tịnh, niệm đến mức nhất tâm bất loạn, ngày mai chẳng làm được. Đó chẳng gọi là nhất tâm. Phải lúc nào, niệm nào cũng đều có thể đạt đến thanh tịnh, khi ấy, quý vị mới có thể khai tri kiến, khai ngộ giải, hoặc là cầu vãng sanh, mới tính là nhập môn. Chẳng phải là thành công, mà chỉ là “*nhập môn*”. Nếu có thể nhất tâm thường luôn bất động thì là thành tựu. Nhất thời thanh tịnh chẳng tính, ai nấy đều có! Vị đạo hữu ấy chỉ cần tin rằng: Hễ là đệ tử Phật, tạm thời có thể thanh tịnh một tiếng đồng hồ hay hai tiếng đồng hồ, hoặc một ngày thanh tịnh, đều có thể đạt được, nhưng cần phải lâu dài. Thành Phật chẳng phải là một ngày. Đạt được thanh tịnh trong một ngày, có nghĩa là phải tu một thời gian dài thì mới có thể định cái tâm được.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

* Hỏi: Tổ sư từng nói “*thọ giới dễ dàng, giữ giới khó*”. Nhất là trong thời đại Mạt Pháp, giữ giới thanh tịnh quá thật chẳng dễ. Muốn giữ đại giới (tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni) thanh tịnh lại càng chẳng dễ. Có phải là chúng ta nên giữ Thập Giới là đủ rồi, so ra khó phạm giới hơn?

Đáp: “*Thọ giới dễ, giữ giới khó*”, quý vị nói đúng lắm! Trong thời kỳ Mạt Pháp, nếu muốn giữ giới tỳ-kheo hay tỳ-kheo-ni thanh tịnh càng khó hơn! Quý vị chẳng phải là tỳ-kheo, mà cũng chẳng phải là tỳ-kheo-ni, quý vị nói tới bốn phận của chính mình là được rồi! Tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni giữ giới chẳng dễ dàng, vậy thì quý vị giữ Tam Quy, Ngũ Giới dễ dàng ư? Quý vị đã thọ Tam Quy nhưng đều trái phạm! Hãy nói xem, đã thọ Tam Quy mà có phạm hay không? Rõ ràng là quý vị đã quy y Phật, nhưng đi coi bói, gieo quẻ, hoặc tin vào ngoại đạo. Đài Loan có rất nhiều đạo giáo, vậy là kẻ như quý vị đã phá Tam Quy. Đã phá Tam Quy, chẳng thể coi là đệ tử Phật được! Hoàn toàn chẳng phải là phá Ngũ Giới, mà là Tam Quy bị phá. Chúng ta có thể trì mười giới hay chẳng? Tôi thấy quý vị mười giới cũng chẳng trì được! Chẳng dễ dàng đâu nhé! Quý vị đã thọ Tam Quy, có thể giữ vững Tam Quy, sẽ chẳng đánh mất phước đức nhân thiên, có biết hay chẳng? Đối với mười giới, nhìn quý vị như vậy thì mười giới vẫn chưa thọ. Thọ rồi hãy nói sau! Quý vị có thể thọ mấy giới bèn trì mấy giới, không nhất định hạn lượng trong mười giới. Đối với chuyện khó phạm giới hơn, tôi có cách nhìn tương phản với quý vị, tôi cảm thấy so ra quý vị dễ phạm giới hơn!

* Hỏi: Sám hối tam nghiệp thanh tịnh rồi mới tu hai thứ quán đạo, nhưng nói theo bọn nghiệp chướng phạm phu chúng con, đại khái cần phải bao lâu thì mới có thể đạt tới cảnh giới Nhất Thật?

Đáp: Vị đạo hữu này hỏi tôi, “lúc nào thì mới có thể đạt tới cảnh giới Nhất Thật?” Tôi có thể trả lời rõ ràng với quý vị là đời này chẳng làm được! Đạt tới cảnh giới Nhất Thật là đã thành tựu, chúng ta thường nói là “*khai ngộ*”. Đã khai ngộ, chẳng đạt tới cảnh giới Nhất Thật, nhưng hiểu rõ cảnh giới Nhất Thật. Chúng tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đã nói rất rõ ràng: Dự vào ngôi Sơ Trụ Bồ Tát. Viên mãn Thập Tín, đã dự vào ngôi Sơ Trụ thì mới có thể coi là tương tự thanh tịnh, chẳng phải là thật sự thanh tịnh. Thật sự thanh tịnh thì đạt tới Sơ Địa Bồ Tát mới có thể thanh tịnh, chẳng còn trái phạm nữa. Có hiểu hay không? Sau khi quý vị đã sám hối tam nghiệp thanh tịnh, khi giảng kinh Chiêm Sát, chúng tôi đã nói rất rõ, quý vị được coi là thuộc vào Tín vị. Ba nghiệp thanh tịnh, đã tin, thật sự tin vào Tam Bảo, thân, miệng, ý chẳng còn tạo tội nữa,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

[tuy vậy], chẳng phải là thanh tịnh rốt ráo. Chỉ có Phật và Phật mới có thể đạt tới thanh tịnh rốt ráo.

* **Hỏi:** Sử dụng Chiêm Sát Luân, vào sáng sớm mỗi ngày, dùng loại luân tướng thứ hai để chiêm sát thân, miệng, ý. Trong đó liên tục hai ngày, đối với mỗi nghiệp thân, miệng, ý, gieo ba lần đều gieo được thiện tướng. Xin hỏi như thế có được coi là thanh tịnh hay không? Sau đó, phải nên tiếp tục nỗ lực tu học ra sao?

Đáp: [Cư sĩ hỏi] “sử dụng Chiêm Sát Luân, dùng loại luân tướng thứ hai để chiêm sát thân, miệng, ý, trong đó liên tục hai ngày, đối với ba nghiệp thân, miệng, ý, gieo ba lượt đều được thiện tướng, xin hỏi như thế có tính là thanh tịnh hay không?” Quý vị dùng Chiêm Sát Luân, Chiêm Sát Luân cho biết, quý vị đều là đồ, chẳng có hắc nghiệp, thì tính là thanh tịnh. Ba nghiệp đã thanh tịnh tức là chuyên ác theo thiện, chỉ tính là thiện nhân (người lành) mà thôi. Đã có tín tâm ấy, sẽ có thể tăng trưởng tín tâm của quý vị. Hãy nên tiếp tục nỗ lực tu tập là được rồi!

* **Hỏi:** 1) Con có một người bạn xương sống từng bị thương nặng. Khi bái sám, nếu theo phương thức năm vóc gieo sát đất để quỳ lạy, sợ vết thương cũ tái phát, có thể dùng phương thức khom mình xá để thay cho cách quỳ lạy năm vóc gieo sát đất hay không? Nếu dùng phương thức khom mình để bái sám, có ảnh hưởng đến hiệu quả bái sám hay không?

2) Con có một người thân thích thân thể suy nhược, sự nghiệp chẳng thuận lợi, chẳng thừa nhận chính mình có nghiệp chướng, chẳng tin tưởng Tam Bảo. Đối với hạng người ấy, dùng phương thức niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát và bái sám để hồi hướng, có khiến cho người ấy sanh lòng tin đối với Tam Bảo, tiến tới niệm Phật, học Phật, bái Phật hay không? Nếu vì người ấy niệm Phật hồi hướng, có thể gánh vác nghiệp chướng cho người ấy hay không?

Đáp: [Quý vị hỏi] “con có một người bạn xương sống từng bị thương nặng. Lúc bái sám, nếu năm vóc đánh lễ, sợ thương tích sẽ phát sanh trở lại, có thể khom mình hay không?” Quý vị ngồi, tâm bái cũng được. Quý vị cứ ngồi, quán tưởng lạy Phật. Trong tâm quán tưởng đang lạy thì cũng coi như thanh tịnh, chú trọng cái tâm, chẳng chú trọng hình thức, quý vị hiểu chứ? Quý vị lại có một vị thân thích, thân thể suy nhược, sự nghiệp chẳng thuận lợi, việc kinh doanh chẳng sanh lợi, chẳng muốn thừa nhận chính mình có nghiệp chướng, rõ ràng là có nghiệp chướng, nhưng chẳng chịu thừa nhận có nghiệp chướng, chẳng tin tưởng Tam Bảo.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Đối với hạng người như thế, dùng phương thức niệm Địa Tạng Bồ Tát và bái sám, có khiến cho người ấy sanh tín tâm đối với Tam Bảo hay không? Điều này chẳng có tiêu chuẩn chi hết. Đối với thắc mắc này, quý vị hãy khuyên nhủ người ấy, làm cho người ấy sanh khởi tín tâm đối với Tam Bảo trước đã. Đức Phật dạy chúng ta rất rõ ràng, Phật pháp sâu như biển cả, chỉ do lòng tin mà có thể nhập. Kẻ đó chẳng có tín tâm, làm sao có thể tu, còn nói gì bái sám? Vậy thì quý vị phải khuyên người đó, cho đến khi nào người ấy thay đổi, có tín tâm. Tín tâm là bước đầu. Nếu muốn đạt tới tín tâm như chúng tôi đã nói trong khi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, khoảng cách rất xa. Vì để tu tín tâm thì phải mất một vạn kiếp, chúng ta đều là tâm tương tự.

* Hỏi: Xin hỏi tại gia cư sĩ có thể sử dụng luân tướng để chiêm sát thiện ác hay không?

Đáp: Vị đạo hữu này hỏi tôi: “Tại gia cư sĩ có thể dùng Chiêm Sát Luân hay không?” Quý vị hỏi tôi, tôi giảng bộ kinh Chiêm Sát Luân này hơn một tháng, quý vị có nghe hay không? Nếu quý vị chẳng nghe, sẽ không biết. Nếu quý vị nghe, sẽ biết. Cho nên có thể sử dụng Chiêm Sát Luân hay không, hãy xem lại kinh Chiêm Sát Nghiệp Báo từ đầu, sẽ thấy. Nếu tôi ở đây giảng lại bộ kinh Chiêm Sát thêm lần nữa, sẽ chẳng có thời gian.

* Hỏi: Đã ngộ Vô Sanh Pháp Nhãn có bái sám nữa không?

Đáp: Khoan nói tới nhập Vô Sanh Pháp Nhãn, mười phương chư Phật đều đang bái sám, quý vị có hiểu hay không? Mười phương chư Phật lễ mười phương chư Phật.

* Hỏi: Thường nghe “*Phật khó độ kẻ vô duyên*”, nhưng Bồ Tát lúc tu trì nơi nhân địa, công đức của thiện hạnh đều hồi hướng cho hết thảy chúng sanh trong pháp giới, chẳng phải là kết duyên với hết thảy chúng sanh ư? Cớ sao tới khi thành Phật, hãy còn có chúng sanh vô duyên, chẳng thể độ?

Đáp: Đạo hữu! Quý vị ra ngoài hỏi những kẻ chẳng tin Phật, tùy tiện hỏi bất cứ ai, hỏi kẻ đó có nhân duyên hay không, xem họ trả lời như thế nào. Nói “*Phật pháp khó độ kẻ chẳng có duyên*”, họ chẳng tin, chẳng tin thì quý vị độ bằng cách nào? Tiêu chuẩn của hữu duyên và vô duyên là như thế nào? Có một tiêu chuẩn là tín. Chẳng tin thì kẻ đó sẽ tuyệt đối

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chẳng thể nhập; đây là tiêu chuẩn. Tiền đề là kẻ đó không tin, đó là vô duyên. Vô duyên sẽ chẳng thể độ.

* Hỏi: 1) Có phải là đối với tội lỗi chẳng thể nói cho người khác biết, mỗi lần bái sám đều phải niệm một lần?

2) Mỗi ngày phải lạy Chiêm Sát Sám mấy lần thì tam nghiệp mới có thể thanh tịnh?

3) Tại Đài Bắc có đạo tràng của lão pháp sư hay không để cộng tu Chiêm Sát Sám?

Đáp: Tội lỗi chẳng thể nói với người khác thì quý vị bái sám, hoặc là lạy Địa Tạng Sám, hoặc lạy Quán Âm Sám, Bồ Tát đều biết. Quý vị chẳng nói, Bồ Tát vẫn biết. Khi quý vị hướng về Bồ Tát thổ lộ, đó gọi là “*phát lộ sám hối*”. Nếu quý vị đã tin tưởng Bồ Tát, chớ nên giấu giếm, Bồ Tát không cần quý vị nói, Ngài vẫn biết! Vì sao còn bảo quý vị phát lộ sám hối? Nêu bày cái tâm của quý vị! Giống như chúng ta vứt bỏ một món đồ chi đó, phát lộ sám hối là buông xả, chẳng còn tái phạm cái tội ấy nữa, có ý nghĩa như thế đó. Quý vị giấu giếm Bồ Tát ư? Ngay cả đối với quỷ thần mà quý vị còn chẳng thể giấu giếm được! Quỷ thần đều có thần thông. Mỗi ngày phải bái mấy lần Chiêm Sát Sám thì ba nghiệp mới có thể thanh tịnh? Chẳng phải là mỗi ngày quý vị lạy Chiêm Sát Sám mấy lần, mà là quý vị lạy để cầu Chiêm Sát Luân hiện tướng thanh tịnh. Chẳng phải là mỗi ngày mấy lần, mà là hằng ngày đều bái. Chẳng có số lần để trắc nghiệm! Lạy chừng nào quý vị đạt tới thanh tịnh mới thôi. “Lão pháp sư có đạo tràng tại Đài Loan hay không ư?” Chẳng có! Có sám thật để tu Chiêm Sát Sám hay không? Chẳng có! Tại Đài Loan, tôi không có đạo tràng.

* Hỏi: Đệ tử lần đầu tiên nghe nói kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo và pháp môn bái sám, đối với việc phụng hành sám pháp này, ngoại trừ chí thành tâm và cung kính tâm, chiếu theo hành pháp do Trí Giả đại sư chế định để thực hiện thì có chỗ nào cần phải chú ý hay không?

Đáp: Nghe nói kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo và pháp môn bái sám, phụng hành sám pháp này, ngoại trừ chí thành tâm và cung kính tâm, chiếu theo hành pháp do Trí Giả đại sư chế định để thực hiện, sẽ giống hệt. [Đối với những điều] chúng tôi đang nói về Chiêm Sát Sám của Địa Tạng Bồ Tát, quý vị hành theo sám pháp của Trí Giả đại sư thì cũng [phải chú ý] giống như vậy. Đại Bi Sám hay rất nhiều sám pháp đều giống nhau, chỉ cần có tâm chí thành là được rồi. Dùng Chiêm Sát Luân thì

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

xung thánh hiệu là điều tất yếu, quý vị ắt cần phải niệm. Vì Địa Tạng Bồ Tát dạy: Khi quý vị muốn sử dụng Chiêm Sát Luân để sám, nhất định phải niệm một ngàn câu thánh hiệu Địa Tạng Vương Bồ Tát. Niệm đủ một ngàn câu rồi mới dùng [Chiêm Sát Luân]. Khi sử dụng mà chẳng linh, quý vị lại lạy và niệm. Khi đã linh, linh thì vẫn chưa phải là kết thúc. Lạy đến mức được linh nghiệm tức là quý vị sử dụng Chiêm Sát tướng pháp sẽ linh nghiệm, có thể tương ứng. Sám pháp nhằm chỉ dạy quý vị sám hối nghiệp ấy đã thanh tịnh hay không. Để sám hối thanh tịnh, quý vị phải lạy, lạy nhằm mong thành đạo. Chẳng sám hối thanh tịnh, lại càng phải sám hối cho thanh tịnh. Nếu thanh tịnh, sẽ chẳng thọ báo, vấn đề là như thế đó. “*Tương ứng*” có nghĩa là những gì trong tâm quý vị suy tưởng và lời dạy trong kinh, cách nghĩ của quý vị và tướng trạng nói trong kinh phù hợp khít khao, thì gọi là “*tương ứng*”. Quý vị suy tưởng mà chẳng giống như kinh đã dạy thì gọi là “*chẳng tương ứng*”. Chẳng tương ứng là gì? Chính là tâm quý vị vẫn chưa chí thành. Quý vị hãy tu lần nữa cho đến khi tâm chí thành, sau đó sẽ tương ứng. Tương ứng nhằm bảo cho quý vị biết điều gì? Cho thấy quý vị có tội, hãy nên sám hối, có ý nghĩa như thế đó. Sám hối đã thanh tịnh, hoàn toàn chẳng phải là đã thành Phật. Sám hối đã thanh tịnh bèn có thể tu pháp. Tu pháp sẽ có thể thành tựu, học pháp sẽ có thể khai trí huệ, mang ý nghĩa này. Bái sám chỉ là sám hối tội lỗi, là bước đầu tiên để sám hối tội lỗi hồng tu hành. Chẳng còn tội, há chẳng thanh tịnh ư? Chẳng có tội, quý vị tu Quán, quán lực thanh tịnh, tức là lúc có thể học pháp, có thể tiến nhập, khai trí huệ, chính mình xem kinh có thể hiểu. Đặc định, tâm thanh tịnh, có thể đắc Định, có thể nhập Định.

* Hỏi: Có phải là cần niệm trước kinh Chiêm Sát Hành Pháp (tức từ trang bốn mươi chín đến trang năm mươi bảy trong kinh bản) một lần rồi mới bắt đầu sám?

Đáp: Quý vị hỏi tình huống này, tôi chẳng hiểu quý vị hỏi điều gì? [Quý vị nói] “từ trang bốn mươi chín đến trang năm mươi bảy trong kinh bản của Chiêm Sát Hành Pháp phải niệm trước một lần!” Chẳng có cách nói ấy! Khi quý vị sám, chính là đối với cái nghiệp [đã hiển thị bởi luân tướng], sám pháp dạy quý vị lễ như thế nào, sắp xếp Phật đường như thế nào? Sắp xếp Phật đường thì quý vị cứ tuân theo lời dạy của Địa Tạng Bồ Tát trong Chiêm Sát Sám Pháp, phải lần lượt lạy chư Phật trước; sau đó, lạy Bồ Tát. Lạy xong lại niệm một ngàn câu thánh hiệu của đức Địa Tạng, vâng theo thứ tự ấy để sám. Nếu thân thể quý vị chẳng thể lễ lạy sám pháp được, Địa Tạng Bồ Tát tạo phương tiện thuận tiện nhất cho quý

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

vị là mỗi ngày niệm một vạn câu thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, sẽ chẳng khác nào bái sám. Trong khi giảng kinh Chiêm Sát, tôi đã nói rất rõ ràng!

* **Hỏi:** Xin hỏi phương thức báo đền ân cha mẹ? Tụng kinh gì hoặc làm điều chi khác?

Đáp: Câu hỏi này là “đền đáp ân cha mẹ như thế nào? Tụng kinh có thể báo ân cha mẹ hay không, hoặc tu hành những điều khác?” Tôi trả lời bằng một chữ, “*năng*” (có thể).

* **Hỏi:** Sư phụ A Di Đà Phật, người ta đều nói “*vô ngã*”, nhưng con tụng kinh thường phát hiện hai cái Ngã. Một là cái Ngã chân thật, và một cái ở trong thân con. Cái Ngã bên trong chẳng bị tình tự của cái Ngã bên ngoài dao động, nhưng lại thuận theo cái Ngã ở bên ngoài mà tụng kinh. Con cũng chẳng nói ra, con cảm thấy đó là tự tánh Ngã, cũng chẳng biết đúng hay không? Người khác nói con “*tẩu hỏa nhập ma*”, con tự cảm thấy chẳng giống như vậy! Chỉ là đệ tử tu mù luyện đui, cứ thích tụng kinh Địa Tạng, chẳng có thầy chỉ dạy, có lúc thật sự hoảng hốt, sợ hãi. Cảm ơn sư phụ khai thị.

Đáp: [Ông nói] “*sư phụ A Di Đà Phật*”, sư phụ chẳng phải là A Di Đà Phật! “Mọi người đều nói vô ngã”, ai nói? Mọi người đều nói vô ngã, Phật nói, chẳng phải là ai nói. Đức Phật bảo cho chúng ta biết, hết thầy phải nhận biết lời Phật dạy là vô ngã. Nhưng [ông nói] khi tụng kinh, sẽ thường cảm thấy có hai cái Ngã. Tôi thấy không chỉ là hai cái Ngã. Ông có vô lượng Ngã, lúc này có vọng tưởng này, thoáng chốc sau có vọng tưởng khác. [Ông nói] “một cái là chân thật ngã, cái kia là nội tại ngã”, xong luôn! Tâm rất loạn, ngay cả chính mình cũng chẳng nhận biết chính mình. Hai cái Ngã chính là hóa thân của ông. Cái Ngã bên trong sẽ chẳng thuận theo cái Ngã bên ngoài, tôi thấy ông luôn thuận theo bên ngoài. Đó là sai lầm! Làm sao một người có hai cái Ngã cho được? Chẳng có! Chỉ có một Ngã, Ngã là ta. Địa Tạng Bồ Tát trăm ngàn vạn ức hóa thân, chỉ là một. Kinh Địa Tạng Bồ Tát nói: Địa Tạng Bồ Tát lễ Phật xong, đem trăm ngàn vạn ức hóa thân quy vào một thân, tức là một. Đạo hữu ơi! Tư tưởng của ông có vấn đề, chớ nên loạn tưởng như thế! Loạn tưởng sẽ dễ bị ma dựa. Không chỉ tu chẳng thành công, mà còn dễ bị ma dựa. Ông lại còn [cho rằng] có cái Ngã bên trong thuận theo cái Ngã bên ngoài cùng nhau tụng kinh, đã là chẳng chánh xác. Ông tụng kinh chính là Ngã tụng kinh, há còn có một cái Ngã nội tại và một cái Ngã ngoại tại! Người ta nói ông “*tẩu hỏa nhập ma*” chẳng sai, nói rất đúng! Bản thân ông cảm thấy chẳng

phải vậy, chỉ là “*đệ tử tu mù luyện đui*”. Đã biết chính mình tu mù luyện đui, sao không quay về chánh đạo? [Ông nói] “con thích tụng kinh Địa Tạng, chẳng có thầy chỉ dạy, có khi rất hoảng hốt, sợ hãi”. Khi niệm kinh Địa Tạng, chớ nên sợ hãi. Vì sao? Địa Tạng Vương Bồ Tát sẽ gia trì ông, cũng chẳng cần phải sợ hãi. Từ nay về sau, ông chỉ có một người, chẳng có hai người. Ông chẳng hóa thân, hóa thân của ông là ma quỷ, chẳng có thứ ấy! Ông suy nghĩ quàng xiên, vừa tụng kinh, vừa rong ruổi theo chuyện bên ngoài, đó có phải là hai cái Ngã hay không? Chẳng có! Hãy thu nhiếp cái tâm của ông lại, chỉ nhất tâm nhất ý niệm kinh Địa Tạng, vọng tưởng sẽ tiêu mất. Nếu không, ông sẽ bị ma dựa!

* Hỏi: 1) Kinh văn theo cách nhìn của kẻ phàm phu như con, mỗi bộ kinh đều hết sức thù thắng, phải thường đọc tụng lâu dài. Phàm nhân có khi muốn đọc kinh này, có khi lại muốn đổi sang đọc kinh khác, như thế thì có tốt hay không? Đối với kinh Dược Sư, nếu như chỉ tụng Dược Sư Tán và niệm danh hiệu Phật Dược Sư, có được hay không?

2) Để sám hối tiêu nghiệp thì đọc tụng bộ kinh nào? Hay là tụng kinh Địa Tạng? Cách tụng như thế nào? Hồi hướng như thế nào?

3) Phải nên niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát Ma Ha Tát, hay là niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát?

Đáp: [Ông thắc mắc] “kinh văn theo cách nhìn của kẻ phàm phu như con, mỗi bộ kinh đều hết sức thù thắng, phải thường đọc tụng lâu dài. Phàm nhân có khi muốn đọc kinh này, có khi lại muốn đổi sang đọc kinh khác, như thế thì có tốt hay không?” Chẳng tốt. Vì sao chẳng tốt? Một bộ kinh, bất luận tụng kinh Kim Cang cũng thế, mà đọc kinh Địa Tạng cũng thế, quý vị đọc bộ kinh nào thì phải thâm nhập. Đọc chẳng phải là niệm văn tự! Kinh luôn có nghĩa lý, dạy quý vị miệng phải ăn nói như thế nào, thân thể làm như thế nào, kinh đặc biệt dạy tâm ta phải suy nghĩ như thế nào. Trong bất cứ bộ kinh nào, cũng đều dạy về ba nghiệp thân, miệng, ý, quý vị hãy nên nhận biết như thế. Quý vị mong đọc một bộ kinh khác, có thể! Quý vị muốn đọc toàn bộ Đại Tạng Kinh cũng được! Nhưng cái tâm của quý vị phải chú trọng, chú trọng điều gì vậy? Một điểm thôi, phàm là kinh do đức Phật đã dạy [thì đọc tụng, tu tập] đều được. Trừ phi quý vị duyệt tạng, phải sống sao cho cái tâm ứng hợp với những điều kinh đã dạy. Bộ kinh nào cũng đều dạy quý vị “*đoạn tham, sân, si; sanh trưởng Giới, Định, Huệ*”, tông chỉ là một: “*Khiến cho quý vị tiêu trừ vọng tưởng, đạt đến chân thật*”. Hãy miệng tụng, tâm tưởng. Đọc kinh Dược Sư chỉ tụng kinh Dược Sư và niệm thánh hiệu Dược Sư Phật, đúng lắm, rất tốt.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Vậy thì quý vị chuyên đọc kinh Dược Sư, niệm thánh hiệu của Phật Dược Sư; đó gọi là “*thâm nhập một môn*”. [Ông lại thắc mắc]: “Đề tiêu nghiệp chướng thì sám hối, đọc tụng bộ kinh nào? Kinh Địa Tạng có được hay không? Cách tụng như thế nào? Hồi hướng như thế nào?” Quý vị niệm kinh Địa Tạng, trong kinh Địa Tạng có [đầy đủ các bước để sám hối]. “*Tụng*” là niệm, niệm kinh Địa Tạng có phần hồi hướng, phần trước nhằm phát khởi cho phần sau, phần cuối cùng là hồi hướng. Mỗi bộ kinh, phần đầu là phát khởi tự, phần sau là hồi hướng. Tụng xong bộ kinh ấy, đem công đức do tụng bộ kinh ấy hồi hướng, gồm ba loại:

1) Một là hồi hướng trí thù thắng của Phật, mong cầu được thành Phật giống như Phật.

2) Hai là phải hướng về chúng sanh, khiến cho hết thảy chúng sanh đều có thể thành Phật.

3) Nhưng quan trọng nhất là hồi hướng cho chính quý vị trong đời hiện tại, tiêu trừ tội nghiệp của quý vị trong đời hiện tại.

[Ông thắc mắc] “*hãy nên niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát Ma Ha Tát hay niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát?*” Hai danh hiệu ấy chẳng có gì khác biệt. Niệm Địa Tạng Vương Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha dịch nghĩa là Đại, tức là Đại Địa Tạng Vương Bồ Tát Ma Ha Tát. Sở dĩ là Bồ Tát Ma Ha Tát, vì trong các vị Bồ Tát, bậc đại Bồ Tát thêm vào danh xưng Ma Ha Tát, tức là bậc đại Bồ Tát trong các vị Bồ Tát. Cũng giống như chúng ta, người được gọi là “*đại nhân*”, tức là người đó có tâm lượng to, phước báo lớn, có hàm nghĩa ấy. Ma Ha Tát bèn dịch là bậc đại Bồ Tát trong số các vị đại Bồ Tát.

* Hỏi: 1) Khi đệ tử sử dụng Chiêm Sát Luân, mong chiêm sát luân tương để biết nghiệp thiện ác của chính mình và thay người nhà chiêm sát thưa hỏi các vấn đề, người nhà chẳng nhiệt tình, mà cũng chẳng đến nơi để tham dự. Xin hỏi là sau khi chiêm sát, khái thỉnh chư Phật, Bồ Tát, lúc phải niệm thánh hiệu của Địa Tạng Bồ Tát, có thể niệm hai ngàn câu hay không để hỏi các vấn đề của chính mình và người nhà hay không?

2) Hay là cần phải chia thành hai lượt nghi quỹ riêng để khái thỉnh, mỗi lần đều là niệm một ngàn câu thánh hiệu để xin chỉ dạy riêng rẽ?

Đáp: Quý vị hỏi về chuyện dùng Chiêm Sát Luân thay cho người khác, được hết, chẳng có vấn đề gì! Quý vị thay người nhà sử dụng Chiêm Sát luân tương, xem thử nghiệp báo của người ấy nặng hay nhẹ, hoặc là người ấy bị bệnh khổ, muốn chiêm sát khi nào người ấy sẽ lành bệnh, có nghiệp chướng gì, quý vị còn có thể niệm kinh Địa Tạng tiêu tai cho

người đó. Làm như vậy đều đúng. Hoặc là niệm thánh hiệu của chư Phật, Bồ Tát. Nếu niệm thánh hiệu Địa Tạng, có thể niệm hai ngàn câu hay không? Quý vị ấn định niệm một vạn câu, tức là niệm nhiều. Quý vị ấn định hai ngàn câu bèn niệm hai ngàn câu, nhưng mỗi ngày đều phải niệm hai ngàn câu. Đồng thời, quý vị định đả một thất, tức là ấn định trong bảy ngày, hoặc hai thất, tức là ấn định thêm bảy ngày nữa. Trong khi đả thất, [nếu ước định] mỗi ngày đều niệm hai ngàn câu, bèn niệm hai ngàn câu. [Ước định] niệm một vạn câu, bèn niệm một vạn câu. Tùy thuộc thời gian của chính mình, tùy thuộc chính mình phát nguyện, chẳng có yêu cầu nhất định nào! Nhưng khi niệm, chớ nên chỉ niệm danh hiệu suông mà thôi! Miệng niệm, tâm tưởng, [tức là] miệng xưng niệm danh hiệu, tâm quán tưởng thánh tượng của Bồ Tát, tâm và miệng như một. Quý vị miệng niệm suông, hiệu quả của câu niệm sẽ chẳng to, quan trọng nhất là phải quán tưởng.

* Hỏi: 1) Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, ắt cần phải trước hết tu pháp sám hối đúng không? Nếu chẳng tu pháp sám hối, vãng sanh có bị chướng ngại hay không?

2) Vì sao có những người niệm Phật khi lâm chung bèn bị hôn trầm, bất tỉnh? Làm thế nào để tránh tình hình ấy phát sanh? Hãy nên hỗ trợ niệm Phật cho người bất tỉnh hôn trầm như thế nào?

Đáp: Quý vị thắc mắc “niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì có cần phải tu pháp sám hối trước hay không” ư? Chẳng cần! Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quý vị niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh Độ là được rồi. Nếu quý vị tu pháp sám hối, trong pháp sám hối cũng có niệm Phật, hai đằng chẳng mâu thuẫn, chẳng bị chướng ngại! Sao lại có chướng ngại cho được? Pháp sám hối càng tăng thêm sự thành khẩn niệm Phật của quý vị. Quý vị sám hối, pháp sám hối là sám hối một khoảng thời gian rồi lại niệm Phật như cũ, đã niệm Phật rồi lại khôi phục cách tu sám hối. Hai đằng giúp nhau thành tựu, chẳng hề tổn hại nhau! Vì sao có những kẻ niệm Phật, khi lâm chung hôn trầm, bất tỉnh ư? Đây là hai việc khác nhau. Hôn trầm, bất tỉnh là một chuyện, hoàn toàn chẳng phải là người ấy niệm Phật chẳng có công đức. Công đức niệm Phật vẫn tồn tại, nhưng người ấy niệm Phật chẳng niệm thành công. Niệm Phật thành công, sẽ chẳng hôn trầm. Nhưng bị bệnh, hoặc tối ngủ thì sao? Chẳng phải là người niệm Phật không ngủ, người niệm Phật cũng phải ngủ. Ngủ rồi còn có thể niệm Phật hay không? Mọi người hãy ngẫm xem, nếu công lực niệm Phật của quý vị rất mạnh, khi ngủ, tâm niệm Phật sẽ chẳng gián đoạn, ý niệm chẳng gián

đoạn. Khi nằm mơ có niệm Phật hay không? Tôi thấy rất nhiều người đều có, họ ngày lẫn đêm đều liên tục khởi lên [ý niệm niệm Phật]. Chuyện này phải cậy vào công lực, chẳng phải là kẻ bình phàm có thể làm được. Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ không nhất định phải tu pháp sám hối, quý vị niệm A Di Đà Phật là đã sám hối. Các bộ kinh đều nói “đời nghiệp vãng sanh”, cách nói ấy rất phổ biến. Chúng ta ở trong thế giới này, ba nghiệp vẫn chẳng thanh tịnh, nhưng niệm Phật rất chuyên tâm, nghiệp chướng trọn chẳng sám trừ sạch sẽ, nhưng niệm Phật liên sanh về thế giới Cực Lạc. Hoàn toàn chẳng phải là tới thế giới Cực Lạc bèn thành Phật, vẫn phải tu hành, đa phần [người vãng sanh] đều mang theo nghiệp. Nếu ở trong thế giới này mà chẳng có nghiệp, đã thanh tịnh, đã thành tựu, người ấy sanh về Cực Lạc để làm gì nữa chớ? Chính người ấy còn sáng tạo một thế giới, mọi người hãy nên hiểu đạo lý này! Niệm Phật mà khi lâm chung bị hôn trầm, hoàn toàn chẳng phải là hề niệm Phật chuyện gì cũng đều có thể giải quyết! Tùy thuộc công lực của quý vị như thế nào! Kẻ đó chẳng đủ công lực, chẳng bị hôn trầm ư? Nếu nói người niệm Phật vì sao còn bị bệnh ư? Tôi nói Thích Ca Mâu Ni Phật còn bị bệnh. Đó là bệnh thế gian, do lục căn chẳng điều hòa. Thân thể này là tướng thế gian, tinh thần của quý vị là tâm linh, đấy mới là thật. Làm thế nào để tránh khỏi tình huống này phát sanh? Như thế nào có thể tránh miễn loại tình huống này phát sanh? Vậy thì lúc quý vị chẳng hôn trầm, hãy khéo dụng công, sẽ có thể tiêu mất hôn trầm. Chúng tôi thấy lúc niệm Phật, có rất nhiều người ngủ gà, ngủ gật. Ở ngay trong Niệm Phật Đường, quý vị thấy khi đả Phật thất, tinh thần kẻ ấy mệt mỏi. Tôi từng ở trong một đạo tràng cùng mọi người niệm Phật, [trông thấy] có kẻ vừa kinh hành niệm Phật theo đại chúng vừa ngủ gật, mà vẫn bước đi. Quý vị đừng thấy kẻ đó đi theo đại chúng [mà tưởng lầm nhé], kẻ đó vẫn đang ngủ. Giống như khi tôi giảng giải, rất nhiều người ngồi nghe, mắt mở trừng trừng, nhưng đang ngủ! Mở to mắt mà vẫn có thể ngủ à? Trong lịch sử, rất nhiều kẻ mở to mắt mà vẫn ngủ. Trương Phi mở to mắt mà ngủ, đúng như thế đó.

* Hỏi: 1) Hiện thời, đệ tử khi mới vừa bắt đầu lạy Địa Tạng Chiêm Sát Sám, có thể đồng thời giúp người nhà cùng lạy hay không? Hoặc là đợi cho đến khi chính mình đã lạy một khoảng thời gian, sẽ giúp người nhà cùng nhau lạy?

2) Trước khi bái sám, có cần phát nguyện trước: “Đệ tử con tên là... nguyện vì chính mình và người nhà là... cùng nhau bái Địa Tạng Chiêm Sát Sám” hay không?

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Đáp: [Ông hỏi] vừa mới bắt đầu lay Địa Tạng Sám, có thể giúp người nhà cùng nhau lay hay không? Rất tốt! Không chỉ tự độ, mà còn có thể độ người khác. Người ta có chịu lay với quý vị hay không, vấn đề ở chỗ này. Hoặc quý vị là gia chủ, cưỡng bách người khác lay theo quý vị, hiệu quả sẽ không lớn. Hãy khuyên người nhà, nói với họ lợi ích do lay Phật. Nếu người ấy kinh doanh mong phát tài, quý vị bảo người ấy lay Địa Tạng Vương Bồ Tát sẽ phát tài, người ấy sẽ tuyệt đối nghe theo lời quý vị cùng lay. Người ấy thân thể rất suy yếu, quý vị khuyên người đó “hãy theo tôi bái Phật, thân thể sẽ khỏe mạnh”. Lay Phật thì vừa vận động lại còn có sức gia trì, quả thật có thể đạt hiệu quả rất nhanh chóng. Chuyện này mà còn phải hỏi tôi, đáng lẽ phải hiểu rồi chứ! Khi quý vị lay Phật chính là phát nguyện. Khi quý vị lay, trước hết phải phát nguyện, sau cùng là hồi hướng. Vị đệ tử nào học điều gì, cho tới niệm một câu A Di Đà Phật cũng phải phát nguyện. Vì sao phải niệm Phật? Đơn giản, tôi thiếu là muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì sao phải niệm Phật? Vì được Phật gia trì! Gia trì quý vị điều gì vậy? Quý vị có mong cầu thì mới niệm. Vấn đề này rất đơn giản, đây là phát nguyện, quý vị hiểu chứ? Quý vị lay Địa Tạng Sám cũng thế, trước hết, hãy phát nguyện, đã phát nguyện rồi mới bắt đầu tu hành. Tu hành xong lại còn hồi hướng. Đây là ba loại trình tự. Bất luận quý vị niệm kinh gì, trước hết đều phải phát nguyện. Phát nguyện rồi tu hành, tu hành xong lại còn phải hồi hướng. Sáng sớm quý vị thức dậy, vào Phật đường, điều đầu tiên là phát nguyện, phát nguyện xong bèn tụng công khóa, tụng công khóa xong còn phải hồi hướng. Đây là trình tự nhất định, đệ tử Phật đều làm như vậy. Chuyện này mà còn đem hỏi tôi có thể hay là không? Tôi trả lời quý vị, có thể! Không chỉ có thể, mà còn phải nên như thế!

* Hỏi: Trong kinh Chiêm Sát Nghiệp Báo quyển Hạ, Địa Tạng Bồ Tát bảo hãy y chỉ cảnh giới Nhất Thật để tu tín giải. Nếu là kẻ lợi căn, hãy nên học Chân Như Thật Quán. Kẻ độn căn thì trước hết phải học Duy Tâm Thức Quán, từ Duy Tâm Thức Quán mà đắc Sắc Tịch tam-muội. Kẻ đó, hãy nên học tín tâm đối với môn quán tâm bằng Xa Ma Tha và môn quán tâm bằng Tỳ Bát Xá Na. Lại nếu là kẻ thiện căn nghiệp mỏng, tâm nghi ngờ, khiếp sợ, trong hết thầy mọi lúc, hết thầy mọi nơi, hãy thường tụng niệm danh hiệu của ta... Nếu đắc nhất tâm, thiện căn tăng trưởng, ý chí mạnh mẽ, nhạy bén, hãy quán Pháp Thân của ta và Pháp Thân của hết thầy chư Phật. Trong kinh nhắc tới Chân Như Thật Quán, tín Xa Ma Tha

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

quán tâm, và quán Pháp Thân của chư Phật, phép Quán ấy và nội dung có phải là có thứ tự cạn sâu khác biệt hay không?

Đáp: “Trong kinh Chiêm Sát Nghiệp Báo quyển Hạ, Địa Tạng Bồ Tát bảo hãy y chỉ cảnh giới Nhất Thật để tu tín giải. Nếu là kẻ lợi căn, hãy nên học Chân Như Thật Quán. Kẻ độn căn thì trước hết phải học Duy Tâm Thức Quán, do Duy Tâm Thức Quán mà đắc Sắc Tịch tam-muội. Kế đó, hãy nên học tín tâm đối với môn quán tâm bằng Xa Ma Tha và môn quán tâm bằng Tỳ Bát Xá Na”. Đoạn này quý vị trích dẫn từ kinh văn. “Nếu người ấy thiện căn nghiệp mỏng, cái tâm nghi ngờ, khiếp sợ, trong hết thảy mọi lúc, hết thảy mọi chỗ, hãy thường nên tụng niệm danh hiệu của ta”. Đó là nguyên văn lời dạy của Địa Tạng Bồ Tát. Quý vị tâm nghi ngờ quá nặng, bái sám có thể thành tựu hay không? Bất cứ chuyện gì cũng đều chẳng tin tưởng, tuy đã học Phật, tín tâm chẳng trọn đủ. Địa Tạng Bồ Tát nói quý vị chẳng thể làm chi khác, tốt nhất là hãy niệm danh hiệu của Ngài là được rồi. Đó là nói với hạng chúng sanh khiếp nhược. Vậy thì quý vị có làm như thế hay không? Quý vị sao lược kinh văn đem hỏi tôi. Khi tôi giảng, quý vị đã nghe qua rồi. [Thắc mắc] Chân Như Thật Tướng Quán, Xa Ma Tha quán tâm, quán Pháp Thân của chư Phật; các pháp quán ấy và nội dung của chúng có phải là có thứ tự sâu cạn khác biệt hay không? Quý vị hãy xem lại kinh Chiêm Sát Nghiệp Báo, tôi đã nói với quý vị rất lâu rồi, chẳng nhắc lại nữa!

* Hỏi: 1) Cầu giải thoát trong cảnh trần lao như thế nào?

2) Khi tĩnh tọa, ngay khi ấy bèn tê chân, thời gian mỗi lần đều gần giống như nhau, bèn muốn duỗi chân ra ngưng tĩnh tọa. Trong giai đoạn này, con chẳng có cách nào tiến bộ. Cung thỉnh lão hòa thượng, con gặp phải bế tắc như thế thì phải nên làm như thế nào?

Đáp: Cầu giải thoát trong cảnh trần lao như thế nào? Quý vị là chúng sanh trong trần lao, mong cầu giải thoát. Khi chúng tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo đã nói: “Quý vị niệm thánh hiệu của Địa Tạng Vương Bồ Tát, lạy Chiêm Sát Sám, sẽ có thể giải thoát”. Còn như tĩnh tọa tê chân bèn không muốn ngồi tiếp, vậy thì quý vị chẳng ngồi. Có khi vừa ngồi bèn suy nghĩ “ta vì chuyện này mà nghỉ ngơi đôi chút, trong giai đoạn này chẳng có tiến bộ”, thưa hỏi lão hòa thượng, “con gặp vướng mắc như thế, hãy nên làm như thế nào?” Quý vị ngay cả tu mà còn chưa tu, đã đạt tới bế tắc ư? Người ta khi công phu đạt tới mức độ nhất định, tiến tu cao hơn chẳng được. Còn như quý vị ngay cả ngồi mà còn chưa ngồi được, đứng cũng chẳng phải, ngồi cũng chẳng ổn, niệm cũng niệm

chẳng thành, hãy khéo an tâm. Tâm quý vị chẳng đặt nơi pháp, cũng chẳng đặt nơi đạo, tức là vẫn chưa tiến nhập tín tâm. Hãy thân cận các đồng tham đạo hữu, hoặc là tại ngôi chùa quý vị thường đến, hoặc là đối với vị sư phụ mà quý vị quy y, xin họ giải thích cho quý vị.

* Hỏi: 1) Khi nghe kinh thánh pháp, dễ bị hôn trầm, thường xuyên là như vậy. Xin hỏi đó là nhân duyên gì? Đối trị như thế nào?

2) Khi tĩnh tọa, chẳng dấy lên ý niệm, nhưng hình ảnh và âm thanh trong quá khứ vẫn trôi lên, làm như thế nào đây? Đó là do nguyên nhân gì?

Đáp: [Đạo hữu hỏi] “tôi hề nghe kinh, thánh pháp, sẽ thường bị hôn trầm; như thế là do nhân duyên gì?” Nhân duyên gì cũng chẳng phải, [mà là do] biếng nhác, giải đãi. Quý vị tới đây nghe kinh, phải phát khởi tín tâm, phải có tâm ưa thích, có tâm lìa khổ, được vui. Nếu quý vị muốn cầu được lợi ích, thăng quan, phát tài trong xã hội, vẫn phải có cái tâm thăng quan, phát tài thì mới có thể cầu được! Từng có vị đạo hữu nói “tôi mong lên chức, niệm Địa Tạng Bồ Tát có linh hay không?” Tôi nói “linh chứ! Khá linh”. Phát tài cũng linh, tùy thuộc quý vị niệm như thế nào? Niệm như thế nào vậy? Thành khẩn, khẩn thiết mà niệm. Cho đến khi quý vị thành khẩn, khẩn thiết niệm tới mức nhất định, quý vị cũng chẳng mong phát tài, chẳng mong phát tài mà vẫn phát tài, như thế đó! Khi tĩnh tọa, chẳng có ý niệm, nhưng nghe thấy âm thanh trôi lên, làm như thế nào ư? Ngay cả cái tâm tham Thiên, cái tâm mong tu học, quý vị đều chẳng đặt tâm mình nơi đó, làm sao có thể tĩnh tọa cho được! Quý vị có ý niệm là vì lẽ nào? Quý vị bộp chộp, hời hợt. Chúng ta làm bất cứ chuyện gì, đều trước hết phải liễu giải chuyện ấy nên làm như thế nào? Quý vị mong tu hành, nói cách khác, vì sao quý vị tu hành, trước hết là do quý vị có ý nguyện, chẳng phải là mù quáng. Nếu ngay cả ý nguyện mà quý vị chẳng có, đầu óc mê muội bèn tĩnh tọa, tĩnh tọa để làm gì? “Tĩnh tọa nhằm mục đích gì?” Trước hết, quý vị phải xác định mục đích. Tĩnh tọa, ta tham học nhằm mong tiến nhập đạo, khiến cho tâm ta đừng bộp chộp, xáo động nữa, sẽ thanh tịnh. Vì sao? Tĩnh lặng thì mới có trí huệ. Quý vị thấy nước lúc cuộn sóng, cái gì cũng chẳng có. Nếu nước thanh tịnh, quý vị đến soi vào nước, bóng dáng liền hiển lộ. Hãy nên hiểu ý nghĩa ấy! Do vậy, nếu quý vị muốn tu hành, trước hết, phải tĩnh cái tâm. Làm như thế nào? Quý vị hỏi tôi làm như thế nào, tôi liền thưa với quý vị: Hãy tĩnh tâm, buông xuống hết thấy sự vụ trong một tiếng đồng hồ hoặc nửa tiếng. Quý vị tĩnh tọa nửa tiếng, dần dần tăng nhiều hơn, cho tới khi quyết định đạt được lợi

ích do tỉnh tọa, quý vị sẽ tu hành lâu hơn. Nói chung, phải có mục đích, bất luận làm bất cứ chuyện gì, quý vị cũng đều phải có mục đích, phải có mục tiêu. Quý vị mơ hồ, ngay cả mục tiêu cũng chẳng có liền tỉnh tọa, ngồi để làm gì? Vì sao tỉnh tọa? Quá mệt mỏi, ngồi xuống nghỉ ngơi cho rồi!

* Hỏi: Năm trước, đệ tử bị bệnh nha chu⁴⁰ (chỉ có một cái răng bị bệnh). Năm ngoái, do mệt nhọc đến nỗi bắp thịt ở đùi bị viêm, đều là bệnh chẳng đến nỗi mất mạng, tới nay vẫn chưa khỏi hẳn. Chuyện chẳng lành kéo tới như thế, tuy đã đi khám bệnh, nhưng vẫn chẳng có cách nào chữa lành. Có phải là do duyên nghiệp chướng phát hiện hay không? Có nên siêng cầu sám hối hay không? Nếu tụng kinh sám hối, mà vẫn chẳng thấy chuyển biến tốt đẹp, có phải là vì nỗ lực chưa đủ hay không?

Đáp: Năm trước, quý vị bị nha chu; năm ngoái, bắp đùi bị nhiễm trùng, nhưng chẳng đến nỗi là bệnh tật trí mạng. Tuy chẳng nguy hiểm tới tánh mạng, nhưng chẳng lành, một mục dây dưa đến nỗi phải đi khám bệnh, chạy chữa, [quý vị thắc mắc] có phải là nghiệp chướng hay không? Quý vị hỏi tôi, tôi nói cho quý vị biết, quý vị đã nói đúng rồi đấy! Đó gọi là nghiệp chướng phát hiện, đúng là nghiệp chướng. Vậy mà quý vị tụng kinh, sám hối, chẳng thấy chuyển biến tốt đẹp, là vì công phu không tới. Vì sao tụng kinh, bái sám mà vẫn chẳng lành? Quý vị chẳng phải là chân tâm tụng kinh, tâm chẳng chí thành, hiệu quả chẳng lớn. Phải chế tâm nhất xứ, cho đến khi quý vị tụng kinh đến nỗi quên sạch bệnh tật, thứ gì cũng đều chẳng có, hiệu quả sẽ tốt đẹp. Còn nữa, quý vị rất coi trọng thân thể này, coi nhẹ tụng kinh, bái sám, niệm Phật, tuyệt đối sẽ vĩnh viễn vô dụng! Quý vị rất coi trọng tụng kinh, bái sám, coi quan trọng hơn thân mạng, bệnh sẽ tuyệt đối tốt hơn. Hãy trao đổi hai đặng một phen, có ý nghĩa như thế đó. Đúng lắm, chính quý vị cũng nói “bản thân nỗ lực chưa đủ”, chuyện này chẳng cần hỏi ý tôi, quý vị hãy nỗ lực. Nỗ lực đủ mức, không bệnh gì chẳng lành!

* Hỏi: Năng sở song vong (Năng và Sở cùng mất), như thế nào để quán Năng Quán cũng là Không? Hơn nữa, tông Thiên Thai nói hai tầng Năng và Sở, hãy nên lý giải như thế nào? Chữ “*nhậm vận*” (任運) trong “*nhậm vận hiện tiền*” lý giải như thế nào?

⁴⁰ Nha chu (牙周, Periodontitis) là một loại bệnh viêm nhiễm nơi các mô mềm quanh nướu răng. Nếu không chữa trị, mô xương quanh chân răng sẽ bị tiêu giảm, khiến răng lung lay và rụng.

Đáp: Trước hết, phải hiểu rõ Năng và Sở. Năng là gì, chính là quán lực của chúng ta. Năng Quán quán Sở Quán. Sở Quán là gì vậy? Đế Lý! Không, Giả, Trung được gọi là Tam Quán. Chân Đế, Tục Đế, và Trung Đế là Tam Đế. Tam Đế Tam Quán. Quán giống như chúng ta gõ vào đầu vò của cái vò, còn Đế thì giống như ta gõ vào cái cán của cái vò. Đế là cái cán. Vấn đề này xét theo lẽ thường thì là định lực; khi chúng ta khởi đầu bèn tu tập Định, sẽ có tiền phương tiện. Tiền phương tiện là gì? Quý vị tu Chỉ trước. Trước khi quý vị tọa Thiền, hay tu Quán, công phu thứ nhất là luyện chân, công phu thứ hai là [chế ngự] tâm tán loạn. Quý vị trước hết phải luyện chân [ngồi xếp bằng] cho vững, ngưng dứt cái tâm tán loạn. Đã ngưng dứt rồi mới khởi quán chiếu. Khởi quán chiếu để quán sự vật một phen, hết thấy sự vật thuần túy đều là chẳng tồn tại, là Không. Nhưng trong cuộc sống hiện thực, nó chẳng Không. Chẳng Không thì là gì? Chính là quán lực làm chủ thể quán (năng quán) để quán đối tượng được quán (sở quán), tức tướng cảnh giới. Hết thấy tướng cảnh giới đều chẳng tồn tại. Trong khi quán trí của quý vị đã thành tựu, dùng trí huệ chiếu thì mới nhận biết “*các pháp đều là Không*”. Vì sao? Chúng thuộc về sanh diệt, chẳng phải là trường cửu, chẳng phải vĩnh viễn tịch diệt. Nhưng trong ấy có một cái bất sanh bất diệt, có một cái thường hằng. Tức là giữa Không và Giả, có một cái Trung Đế. Tam Đế là Không, Giả, Trung Tam Đế; đây là [giáo nghĩa] chủ yếu của tông Thiên Thai, tương đương với nhiệm vụ chủ yếu của cả tông Thiên Thai. Không, Giả, Trung Tam Quán. Dùng quán lực ấy để để quán, tức là quán lực ấy để quán hết thấy các pháp. Quý vị sẽ thấy tất cả hết thấy các pháp chẳng có gì là chân thật, toàn là Không. Vì sao nó là Không? Sanh diệt. Cho đến khi pháp sanh diệt đã diệt, pháp sanh diệt chẳng dấy lên, dùng quán lực để quán pháp sanh diệt, bèn biết nó là giả, là Không. Nhưng có lúc tuy pháp sanh diệt là Không, nhưng trong cuộc sống của chúng ta, nó là chẳng Không. Giữa cái Không và Giả ấy, lại có một tánh chân thật. Vì chúng ta cho là Không, tướng được biến hiện bởi Không là Giả, trong Không và Giả có một tánh chân thật. Đó là giáo nghĩa chủ yếu của tông Thiên Thai, đó được gọi là Trung Quán. Không bèn có đạo lý của Không, nói theo Lý thì đó chính là Đế (chân thật, sự thật), [tức Không Đế]. Giả bèn có đạo lý của Giả, gọi là Giả Đế. Trung Quán có đạo lý của Trung Quán, gọi là Trung Đế. Không, Giả, Trung Tam Quán đối ứng với Chân Quán và Giả Quán, tức là Chân Không Tuyệt Tướng Quán, Lý Sự Vô Ngại Quán, và Châu Biến Hàm Dung Quán. Tam Chỉ, Tam Quán là học giáo nghĩa. Người có thể hỏi về vấn đề này, nhất định là một vị pháp sư, vì các đạo hữu bình phàm sẽ

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chẳng thể nghĩ đến vấn đề này. Tam Quán và Tam Đế toàn là trí huệ học, trí là căn bản, huệ là liễu đạt, huệ là phân biệt. Trí chiếu Lý, huệ chiếu Sự. Nơi Sự thì hết thấy khác biệt, hết thấy chuyện gì cũng đều là huệ giải. Nơi Lý thì chẳng phải vậy; nơi Lý thì là Trí, Trí là chiếu. Trí huệ là chiếu, giống như vầng mặt trời chiếu soi đại địa. Thái dương chẳng phân biệt, cũng chẳng thiên vị, mà là do người tiếp nhận ánh thái dương. Quý vị ở trong nhà, mặt trời có chiếu đến quý vị được không? Quý vị là người tiếp nhận có chướng ngại, chứ thái dương chiếu trọn khắp. Chân Như Thật Tế lý địa ai nấy đều sẵn đủ, bình đẳng, nhưng chính quý vị tự có chướng ngại và nghiệp chướng. Nghiệp chướng đã tiêu thì sẽ chẳng có [chướng ngại]. Tam Quán là Năng, tức là cái có thể quán chiếu Đế, Lý là cái được quán chiếu. Đó là một cặp Năng - Sở. Trong tứ giáo (tông Thiên Thai) thì là Không, Giả, Trung, còn trong ngũ giáo (tông Hoa Nghiêm) thì là Chân Không Tuyệt Tướng, Lý Sự Vô Ngại, và Châu Biến Hàm Dung. Đây là những điều được nói trong kinh Hoa Nghiêm.

Quý vị dùng trí Năng Quán để quán lý sở quán. Sự có thể hiển Lý; ngược lại, Lý có thể thành tựu Sự. Nhưng Lý và Sự vô ngại, Lý có thể thành tựu Sự, Sự có thể hiển Lý, đó gọi là Lý Sự vô ngại. Cảnh giới này trọn khắp hết thấy mọi chỗ, hết thấy mọi lúc, chứa đựng trọn khắp, hoàn toàn là tánh, thật sự đạt tới nhất tâm. Một đẳng là phàm phu, một đẳng là thánh nhân. Thoạt đầu, lúc tu Quán Đế, dùng Quán để chiếu đế lý. Đương nhiên, hiện thời chúng ta đều là phàm phu, nhưng chúng ta có thể tu. Điều thứ nhất là chúng ta quán thấy các sự vật trong thế gian đều là vô thường, nhận biết chúng là vô thường. Vô thường rành rành là Không, hết thấy các pháp đều ở trong Không. Tuy có hình tướng, nhưng đều là rốt ráo Không. Trong tương lai, nhất định trở về Không. Trí huệ của quý vị quán chiếu hết thấy các pháp đều là Không, chẳng có tham luyến.

Nhưng thoạt đầu, trong khi quý vị quán, khi nhận biết các pháp, nó chẳng có tướng chân thật, toàn là giả. Vì là giả, cho nên quý vị mới có thể biết nó rốt cuộc là Không, từ trong Không hiện ra hình bóng, chẳng phải là sự thật, là giả trá. Một đẳng có, một đẳng không. Trong cái hữu và vô khi ấy, có Trung Đế. Khi nói theo Lý thì Trung Đế tùy duyên, cũng là duyên theo cái Không, mà cũng là duyên theo Giả. Đây là Tam Quán. Nhưng có một trí huệ có thể liễu giải sự vật. Đó gọi là Năng. Có trí huệ ấy là vì mỗi vị đạo hữu chúng ta, do được Phật dạy bảo, liền sanh ra trí. Trí ấy chẳng phải của chúng ta, mà là do chúng ta vận dụng giáo nghĩa từ kinh điển. Đức Phật dạy chúng ta, nhưng chúng ta có thể vận dụng để thường xuyên tu luyện, tâm hợp với Phật. Năng quán trí có thể sanh ra

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

hiệu quả, quán cái cảnh được quán, đối với hết thấy các cảnh mới nhận biết chúng là giả, biết hết thấy các pháp đều là giả, duyên theo chúng sanh. Đó gọi là nghĩa tùy duyên. “*Chân*” có nghĩa là “*vốn sẵn đủ*”, cũng chẳng lệch vào Trung, cũng chẳng lệch vào Giả; đó gọi là Trung Đế. Tông Thiên Thai nói về Tam Đế Tam Quán, Không Giả Trung Tam Quán quán Chân Đế, Giả Đế và Trung Đế.

* Hỏi: Đức Phật cách chúng ta đã hai ngàn năm trăm năm. Do đức Phật đã nói ra kinh điển nhiều ngàn ấy đều là chánh pháp, vậy thì định nghĩa của chánh pháp là gì?

Đáp: Chánh pháp là gì? Tà pháp là gì? Tà và chánh phân định như thế nào? Lìa ngoài tâm, lìa khỏi tâm chúng sanh, lìa khỏi tâm chư Phật, các pháp ở ngoài tâm, thì toàn là tà! Nói “*vạn pháp từ tâm khởi, vạn pháp theo tâm diệt*”, phàm là hết thấy các pháp đều quy về tâm; đây là giáo nghĩa Đại Thừa. Phàm là do tâm mà có hình, có tướng, sẽ hoàn toàn chẳng phải là chân thật. Vì sao đức Phật nói hết thấy giới luật? Quý vị thọ Tam Quy, Tam Quy cũng là giới. Quy y Phật, quý vị chẳng thể quy y tà ma, ngoại đạo. Quy y chánh pháp, chẳng quy y tà thuyết. Hết thấy các tà thuyết cho đến văn tự thế gian đều là tà. Hai đường chánh và tà đều từ tâm khởi, “*tâm sanh thì các thứ pháp sanh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt*”. Vì sao kinh điển là chánh pháp? Do từ tâm khởi. Quý vị phải học chánh pháp, trở về với tâm. Chẳng phải là ngoài tâm có pháp, ngoài tâm không có pháp. Các pháp chính là tâm; đó là Chánh. Giữ lấy pháp ngoài tâm thì gọi là tà. Ngoài tâm chẳng có pháp, quý vị phân định như thế nào? Nói “*viên nhân thọ pháp, không pháp nào chẳng viên*”: Người đó là viên căn, viên căn thì thấy hết thấy các pháp do nhân duyên sanh, các pháp do nhân duyên diệt. Phàm là liễu giải nhân duyên thì đều gọi là chánh pháp. Lìa khỏi nhân duyên, sẽ toàn là giả, là tà. Nhân duyên là Không, cho nên đức Phật nói “*nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị Không, diệt danh Trung Đạo nghĩa, diệt danh vi giả danh*” (pháp sanh bởi nhân duyên, ta nói chính là Không, cũng gọi nghĩa Trung Đạo, cũng gọi là giả danh). Đó đều là giả danh tự, chẳng chân thật. Nhưng nó hiển thị nghĩa Trung Đạo, cho nên “*diệt danh Trung Đạo nghĩa, diệt danh vi giả danh*”. Đây là chánh pháp. Lịch đại tổ sư dạy chúng ta “*viên nhân thọ pháp, không pháp nào chẳng viên*”. Đối với các pháp sư học pháp cũng như vậy. Họ học kinh điển liễu nghĩa, thấy hết thấy các pháp toàn là viên, là các pháp sanh bởi nhân duyên, nương theo viên nghĩa mà sanh khởi, chẳng có pháp nào

không viên. Nương theo liễu nghĩa mà đắc các pháp. Hết thấy các pháp đều là liễu nghĩa.

Tập 18

Chư vị Bồ Tát từ bi! Chư vị đạo hữu từ bi! Phạm là người phát tâm đến pháp hội này, mọi người đều là Bồ Tát, phát Bồ Đề tâm, hành Bồ Tát đạo. Vốn là trong khi tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, có đạo hữu xin truyền Tam Quy; hôm nay là thời gian chúng tôi ấn định để truyền Tam Quy. Nhưng các đạo hữu thọ Tam Quy lại mong trước khi truyền trao Tam Quy cho các đạo hữu, tôi sẽ giảng giải cho mọi người. Đơn giản là bàn đôi chút về cái tâm, nói mấy câu thôi! Tôi cũng thỏa mãn mong cầu của mọi người, không ngờ pháp hội hôm nay thù thắng như vậy, có nhiều đạo hữu tham gia đến thế!

Trong các đệ tử học Phật, hiện thời mọi người đều là đệ tử Phật, trong cuộc sống hiện tiền của chúng ta, trong hoàn cảnh này, trong hình thức này, bản thân chúng tôi cảm thấy chẳng tốt đẹp, tai nạn thường xuyên xảy ra. Các đệ tử Phật chúng ta cầu Phật, Bồ Tát gia bị, hãy nên làm như thế nào để cống hiến cho hết thấy chúng sanh khổ nạn trong hiện thời? “*Cống hiến*” có nghĩa là thay mọi người chịu khổ, chịu nạn. Tôi vừa mới gọi mọi người đều là Bồ Tát. Bồ Tát là đại đạo tâm chúng sanh. Tiếng Ấn Độ nói là Bồ Đề Tát Đỏa, dịch sang tiếng Hán là Giác Hữu Tình, khiến cho hết thấy chúng sanh đang chịu khổ chịu nạn được an lạc, được vui sướng. Trước hết, các đệ tử Phật hãy nên phát Bồ Đề tâm, khiến cho họ miễn trừ đau khổ, ách nạn. Chúng ta đều nương theo lời Phật dạy, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát dạy chúng ta: Đối trước hết thấy tai nạn, trong thời gian Mạt Pháp đau khổ, tai nạn thường xảy ra, làm thế nào để cứu độ họ? Trong phẩm Tịnh Hạnh của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát đã dạy “*khéo dùng cái tâm*”. Hôm nay tôi muốn nói với mọi người về chuyện “*khéo dùng cái tâm*”.

Các đệ tử học Phật chúng ta đều hiểu “*tâm sanh vạn pháp, vạn pháp duy tâm*”. Trong cuộc sống hiện tiền, những khổ nạn mà quý vị thấy, nghe, cho đến suy tưởng là do đâu mà có? Tự làm, tự chịu! Chính mình tạo nghiệp, chính mình chịu báo. Hiện thời, vấn đề lớn nhất trước mặt là vấn đề kinh tế; vấn đề kinh tế là tự làm, tự chịu. Tôi chẳng nói cặn kẽ chuyện này, tôi chẳng phải là kinh tế gia, tôi chỉ dựa theo luật nhân quả của Phật giáo để nói. Người ta nói “*thiện có thiện báo, ác có ác báo. Chẳng báo là chưa tới lúc!*” Ở nơi nào tạo nghiệp nặng, người nơi đó

chịu báo sâu nặng. Các vị đạo hữu Đài Loan có thể suy ngẫm một phen, suy ngẫm gì vậy? So sánh đôi chút. So sánh như thế nào? Hãy suy ngẫm trên quả địa cầu này, hiện thời sanh kế khó khăn nhất chẳng phải là Đài Loan. Những nơi khác như Âu Mỹ, Phi Châu, cho đến Úc Châu, đều nghiêm trọng hơn Á Châu. So trong Á Châu, Đài Loan cũng chẳng phải là nghiêm trọng. Rốt cuộc chúng ta đau khổ vì bị kinh tế đình trệ ảnh hưởng, các đệ tử Phật chúng ta phải nên cầu Phật, Bồ Tát gia trì để chuyển biến loại tình huống này.

Chúng ta phải nên làm như thế nào? Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta “*khéo dùng cái tâm*”. Vì tánh chất của tai nạn toàn là do tâm chúng sanh tạo ra. Vì từ cái tâm mà phát sanh nơi thân và miệng, tức là tham, sân, si trong tâm phát khởi thành giết, trộm, dâm, dối nơi thân, và nói dối, nói thêu dệt, nói dối chiêu, nói lời thô ác nơi miệng, tức Thập Ác. Thập Ác Nghiệp trọn khắp toàn thể địa cầu. Bất luận quý vị tới nơi đâu! Hiện thời, trong pháp hội này, tôi cảm thấy các vị đạo hữu đều là thiện lương, đều phát Bồ Đề tâm. Tuy bản thân chúng ta chẳng đích thân bị, nhưng trông thấy chúng sanh đích thân hứng chịu, hãy coi nỗi khổ của chúng sanh giống như bản thân ta đang bị hứng chịu. Vì thế, chúng ta học tập Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát trong phẩm Tịnh Hạnh của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Ngài dạy chúng ta hãy chuyển biến ác tâm, ác hạnh, phải tu cái tâm thanh tịnh, cái hạnh thanh tịnh. Ngài dạy chúng ta bốn chữ, bao trùm phẩm Tịnh Hạnh, mà cũng có thể nói là bao trùm cả bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Bốn chữ nào vậy? “*Khéo dùng cái tâm*”. Tâm chúng ta không ngừng dấy lên tác dụng, không ngừng nghĩ tưởng, không ngừng tư duy. Quý vị phải hướng dẫn cái tâm khéo vận dụng, trước hết, hãy chuyển hóa chính mình, sau đó chuyển hóa những người chung quanh quý vị. Đồng thời phóng xuất sức mạnh ấy ra bốn biển, khiến cho nó sanh ra một sức mạnh nhất định. Trong phẩm Tịnh Hạnh, Trí Thủ Bồ Tát hỏi một trăm mười hạnh, trong ấy bao gồm ách nạn của chúng sanh đang phải hứng chịu trong hiện tại, không chỉ là kinh tế, mà còn giết, trộm, dâm, dối. Nếu chúng ta muốn miễn trừ tất cả các tâm gây ra những tai nạn ấy, phải nên làm như thế nào thì mới có thể miễn trừ các tai nạn ấy? Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát dạy “*hãy khéo dùng cái tâm*”. Phương pháp để khéo dùng là trong cuộc sống hằng ngày, trong tư tưởng và suy nghĩ, phải luôn luôn là niệm nào cũng đều chẳng lìa Tam Bảo, tức [chẳng lìa] Phật, Pháp, Tăng, nương vào sức gia trì thanh tịnh của Phật, Pháp, Tăng, chuyển biến hết thảy các hiện tượng trong xã hội.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Do vậy, kinh Phật dạy “*tâm sanh thì các pháp sanh, tâm diệt thì các pháp diệt*”. Tâm sanh các pháp. Nay trong hội này có hai ba ngàn đạo hữu, mỗi người quý vị chuyển hóa mười người, mười người ấy lại chuyển hóa mười người khác, sức chuyển biến sẽ rất lớn. Các pháp sanh từ tâm, các pháp do tâm diệt, chẳng hạn như mọi người hay nói đến chữ Tham. “*Khéo dùng cái tâm*” tức là nói quý vị chẳng tham. Nếu chẳng tham, tất cả tài nguyên để nuôi sống nhân dân trong thế giới hiện thời sẽ chẳng có vấn đề. Trời bốn mùa mưa gió trưởng dưỡng chúng sanh, đất sanh trưởng lương thực để trưởng dưỡng chúng sanh, nhưng có những kẻ ác lũng đoạn, khiến cho [lương thực, các vật dụng cần thiết cho cuộc sống] chẳng thể phổ biến. Nơi này không có lương thực, nơi kia chất đống vô lượng lương thực. Lý giải vấn đề đói ăn như thế nào? Có những tai nạn dường như là thiên tai, nhân họa; thật ra, thiên tai do con người tạo ra. Nếu con người chẳng tạo nghiệp, trong trời đất sẽ chẳng có tai họa. Người ở nơi này tạo nghiệp rất ác liệt, trời sẽ giáng xuống tai nạn. Đạo lý này đệ tử Phật chúng ta hoàn toàn hiểu rõ: “*Quý vị tạo nghiệp gì, sẽ có quả báo đó*”. Giả sử chúng ta có thể khiến cho ai nấy đều khéo dùng cái tâm, chẳng tạo nghiệp.

Chẳng tạo ác nghiệp, thuận là thiện nghiệp. Quý vị dụng tâm như thế, thiên đạo sẽ báo đáp tốt đẹp, thiện tâm ắt có thiện báo. Đáng tiếc là hiện thời, cái tâm như thế quá ít, muốn tìm ư? Chỉ có thể tìm trong các đệ tử Phật! Mọi người không tin, hãy nhìn chung quanh mình, nhìn vào thành phố quý vị đang sống, thậm chí lớn hơn một chút, mở rộng đến tỉnh này của quý vị, cho đến mở rộng thành toàn thể Đài Loan, người khéo dùng cái tâm đông đảo, đều có thể vận dụng cái tâm giác ngộ. Trong phần trên, tôi đã gọi mọi người đều là Bồ Tát. Bồ Tát sẽ hành Bồ Tát đạo, bố thí hết thầy hạnh phúc cho nhân dân. Bồ Tát tự mình gánh vác hết thầy tai nạn, tức là tâm lượng của Ngài to lớn, lại được gọi là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh. Giả sử mọi người ở Đài Loan đều có thể làm như vậy, hơn hai vạn người chúng ta sẽ chuyển biến vài tỷ người trên cả thế giới, ai nấy đều hướng thiện, thế giới sẽ chẳng còn tai nạn.

Đáng tiếc là vấn đề này chẳng thể thực hiện được. Vì sao? Ngay cả bản thân chúng ta và chính quốc độ Đài Loan này, đối với người ở nơi đây, chúng ta vẫn chẳng thể khiến cho ai nấy đều hướng thiện, chúng ta làm sao có thể chuyển biến thế giới cho được? Đồng thời, mỗi vị đạo hữu đều mong lục thân quyến thuộc của chính mình, những người quý vị quen biết, những người quý vị đã tiếp xúc, đều khiến cho họ hành Thập Thiện Nghiệp, có thể làm được hay không? Từ cái tâm ấy, chúng ta tận lực thực

hiện từ các chúng sanh chung quanh mình, đều khiến cho họ khéo dùng cái tâm, vận dụng cái tâm của chúng ta sao cho toàn là làm chuyện lợi ích người khác. Đó gọi là “*hành Bồ Tát đạo*”, khiến cho cái tâm của chúng ta thường nghĩ tạo hạnh phúc cho người khác. Trong kinh điển, những lời dạy như thế rất nhiều, các đệ tử Phật của chúng ta đều biết, “*chẳng vì an lạc của chính mình, chỉ mong cho chúng sanh được hạnh phúc*”, tôi nghĩ mỗi vị đạo hữu Phật giáo đều biết nói như thế. Nhưng đây chẳng phải là nói suông, phải thực hiện, thực hiện bằng chuyện thực tại. Chắc là có đạo hữu băn khoăn “ta có thể làm được hay không?” Khiến cho toàn thể thế giới đều hóa thành [thuần hành Thập Thiện Nghiệp] là chuyện chẳng thể thực hiện được, nhưng quý vị có thể thực hiện đôi chút từ những người xung quanh mình, sẽ có ảnh hưởng phổ biến. Chẳng hạn như chúng ta ném đá xuống biển, nước sẽ gợn sóng lan thành từng vòng tròn, càng lan càng xa, càng lan ra càng to. Chuyện này có nghĩa là có thể ảnh hưởng thấu đạt. Quý vị có thể khiến cho cái tâm của chính mình thường nghĩ như thế. Đó gọi là “*khéo dùng cái tâm*”, là “*hành Bồ Tát đạo*”. Cho đến sẽ từ khéo dùng cái tâm mà tiến mãi cho đến khi thành Phật.

Nếu giải thích cặn kẽ, “*khéo dùng cái tâm*” bao gồm Tứ Vô Lượng Tâm “*từ, bi, hỷ, xả*”. Nếu mở rộng ra, sẽ là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, Thiền Định. Lục độ, vạn hạnh mà quý vị thực hiện đều từ cái tâm, tâm sanh vạn pháp. Nếu trong hội hiện tại của chúng ta có hai ba ngàn người chẳng tham, sân, si, mỗi người chúng ta ảnh hưởng mười người, hoặc hai mươi người, chẳng mong cầu quá nhiều! Hai ngàn người chúng ta sẽ ảnh hưởng bao nhiêu vạn người? Chúng ta lần lượt hướng ra ngoài gieo rắc, đều dùng cái tâm ấy để ảnh hưởng người khác, càng ảnh hưởng càng lớn. Sức mạnh từ cái tâm ấy lại phát khởi khiến cho [các nghiệp] nơi thân và miệng, như dối với giết, trộm, dâm nơi thân, nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói lời thô ác nơi miệng đều được thêm một chữ Chẳng, tức là chẳng nói dối, chẳng nói thêu dệt, chẳng nói lời thô ác, chẳng nói đôi chiều, chẳng dấy lên ý niệm tham, sân, si, chẳng làm chuyện giết, trộm, dâm. Đó gọi là Thập Thiện. Nếu ảnh hưởng lan truyền, tất cả các đạo hữu ở Đài Loan đều có thể ảnh hưởng hơn hai ngàn vạn người. Hơn hai ngàn vạn người sẽ ảnh hưởng mười ba ức người tại Đại Lục. Lại mở rộng hơn một chút, mười ba ức người có thể trọn khắp toàn bộ thế giới. Dân cư trên cả thế giới vẫn là rất ít. Kinh Phật nói “*vô lượng ức*”, cho nên con số ấy (con số mười ba ức người) vẫn là số ít. Dụng tâm kiểu ấy gọi là “*khéo dùng cái tâm*”. Đây là một cách, dùng các thứ phương thức ứng dụng, đều là Thập Thiện Nghiệp.

Thập Thiện Nghiệp là căn bản để hành Bồ Tát đạo. Thập Thiện Nghiệp hành Bồ Tát đạo; quý vị dùng cái tâm vô lượng đại bi để hành xử. Hành xử bằng cái tâm vô lượng đại từ, vô lượng đại hỷ, vô lượng đại xả; nói gộp chung là “*khéo dùng cái tâm*”. Các đạo hữu hành Bồ Tát đạo, chẳng phải là tự mình ngồi ở niệm kinh Phật đường niệm mấy bộ kinh, hoặc tĩnh tọa mấy chục lần nơi đó, ta tu quán tưởng, nhập Thiền Định. Bồ Tát chẳng phải là như thế. Bồ Tát là trong mỗi niệm đều lấy hết thầy chúng sanh làm căn bản để hành Bồ Tát đạo, chẳng nghĩ tới chính mình, niệm nào cũng đều chẳng lìa khỏi chúng sanh. Các vị đạo hữu tại gia, khi quý vị niệm kinh trong Phật đường của chính mình, do sức quán tưởng, có thể quán tưởng những người chung quanh mình, cho đến quán tưởng thôn, trấn, huyện nơi ta cư ngụ, cho tới mở rộng thành một tỉnh. Tùy thuộc tâm lực của quý vị đạt tới mức độ to cỡ nào, quý vị sẽ có thể sử dụng tâm lực to cỡ nào, bèn khuếch tán cái tâm của quý vị to chừng đó. Quý vị khuếch tán tâm lực đến cả thế giới, thế giới này sẽ ảnh hưởng vô lượng vô biên thế giới khác. Có tin hay không? Đó là sự thật. Vì sao tất cả mọi người niệm kinh A Di Đà đều niệm A Di Đà Phật? A Di Đà Phật cách thế giới này của chúng ta khá xa. Giữa thế giới Sa Bà và thế giới Cực Lạc cách biệt vô lượng thế giới, mỗi thế giới đều có vô lượng chúng sanh. Thế giới Cực Lạc ảnh hưởng chúng ta. Nói theo ý nghĩa, chỉ cần chư vị đạo hữu chúng ta phát tâm, tâm chân thật, quý vị phát nguyện khẩn thiết, tâm chân, nguyện thiết, sẽ biến thành sự thật.

Vì cái tâm của chúng ta có rất nhiều Hoặc (cấu chướng phiền não), quý vị vẫn chẳng thể tin tưởng đạo lý rất sâu. Tôi đã từng hỏi rất nhiều đạo hữu, tôi nói: “Quý vị là vị lai Phật”. Họ trừng mắt, phản đối, chê tôi nói bậy, quở tôi nói móc họ! Rõ ràng là tôi tán thán họ, chân tâm là chuyện như thế đó. Cho đến khi chúng tôi giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, người ta cho rằng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo là Tiểu Thừa. Nay tôi giảng đến nửa bộ sau của kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo, mọi người hãy nghe đôi chút, đó gọi là “*pháp môn tâm địa*”. Quý vị có thể khéo dùng cái tâm, “*khéo dùng*” là “*biết dùng*”. Quý vị vận dụng [cái tâm] to hơn một chút. Lúc nào, niệm nào cũng nghĩ cho chúng sanh được an lạc, chẳng nghĩ tới chính mình. Bồ Tát là gì? Đại đạo tâm chúng sanh. Khi quý vị khéo dùng cái tâm này, khi dùng cái tâm như vậy, quý vị sẽ đắc thần thông. Thần thông là gì? Tôi nghĩ các vị đạo hữu đều mong đắc thần thông, “*thần*” là gì? Chính là tâm! Cái tâm tự nhiên. Mỗi vị đạo hữu chúng ta tâm đều trọn đủ, tâm lượng rất lớn, đáng tiếc là chẳng dùng, đã mê mất cả rồi! “*Thần*” là tâm, “*thông*” là tánh. “*Thần*” gọi là

“*thiên tâm*”, tức là cái tâm tự nhiên mà quý vị vốn sẵn có. “*Thông*” được gọi là huệ tánh. “*Thông*” là cái tâm tự nhiên sanh trưởng vô lượng trí huệ, huệ có thể giải quyết hết thảy nên gọi là “*thần thông*”. Chân tâm huệ tánh quý vị vốn sẵn có, được gọi là “*tâm tánh*”. Tâm tánh là thần thông. Vì nay chúng ta tu hành chưa đủ sức, sức chẳng to đường ấy, quý vị càng thêm gắng tu, nói ta mong cứu độ sáu mươi bảy ức người trên thế giới, khiến cho họ đều được vui sướng. Quý vị hằng ngày niệm kinh, tĩnh tọa tham Thiền, đều nghĩ như vậy, nghĩ tới người khác và hết thảy chúng sanh. Ý nghĩa này thuộc về ý nghĩa trong Hoa Nghiêm, chẳng phải do chính mình mong đắc môn Định nào, mong đắc môn Huệ nào, mong thành tựu chi đó, đều chẳng phải, mà là gì? Khiến cho hết thảy chúng sanh đều được thành tựu, chẳng nghĩ tới chính mình. Vì thế, đại đạo tâm Bồ Tát là như thế. Đây là cảnh giới cao nhất. Từ nay trở đi, quý vị hãy khéo dùng cái tâm.

Chúng tôi lại nói hạn cuộc một chút, khi quý vị làm chuyện gì tốt đẹp, làm xong hãy đem công đức tốt lành do đã làm chuyện ấy, chính mình chớ tham luyến, đừng chấp trước, hồi hướng cho chúng sanh, khiến cho họ được hạnh phúc. Đương nhiên là cái tâm hồi hướng cho toàn thể nhân loại, toàn thể chúng sanh vẫn chưa thể ngay lập tức đạt được! Trước hết, quý vị hãy bắt đầu từ lục thân quyến thuộc chung quanh ta. Khi họ gặp tai nạn, quý vị phát nguyện bằng lòng chịu thay cho họ. Quý vị chẳng có sức mạnh ấy, hãy niệm kinh Địa Tạng để kinh Địa Tạng gia bị cho quý vị sức mạnh ấy, hoặc niệm Phổ Hiền Bồ Tát để Phổ Hiền Bồ Tát gia hộ cho quý vị sức mạnh ấy. Niệm phẩm Phổ Môn, tùy tiện niệm bộ kinh nào, nhưng phải niệm chân thật. Tôi nói “*niệm chân thật*”, có lẽ mọi người nghi hoặc. Chẳng phải là chiếu theo văn tự để niệm, quý vị phải đặc biệt chú ý: Miệng niệm, tâm phải tưởng. Đừng niệm kiêu trả bài, hằng ngày đã niệm lâu lâu, hằng ngày niệm thuộc như nhai cơm, nhưng chẳng để tâm vào đó. Khi niệm kinh, vừa niệm vừa làm chuyện khác, tâm nghĩ tới chuyện khác, miệng vẫn niệm kinh, hiệu quả sẽ chẳng lớn! Khi quý vị niệm bất luận bộ kinh nào, tâm quý vị bị kinh chuyên hóa. Tôi nói “*khéo dùng cái tâm*”, tức là cái tâm của quý vị và bản kinh đang niệm giống nhau. Niệm Quán Thế Âm Phổ Môn Phẩm thì tâm giống như tâm của Quán Thế Âm Bồ Tát, niệm kinh Địa Tạng thì tâm giống như tâm Địa Tạng Bồ Tát. Trong khi quý vị niệm, cái tâm thật sự tiến nhập, trong mộng hiện ra các tướng cảnh giới, chớ nên kể với người khác! Chỉ có thể tự biết, chẳng thể nói với người khác. Bất luận quý vị cầu một bộ kinh nào, đã được gia trì, chớ nên tuyên truyền ra ngoài. Đây chẳng phải là thứ để tuyên truyền, mà

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

là để quý vị tự thọ dụng. Vì quý vị chẳng biết sức mạnh của đối phương, cũng chẳng biết thiện nghiệp và thiện căn của đối phương, chỉ sợ nói ra sẽ tạo ảnh hưởng khiến cho người ta không tin, hoặc người ta còn quở quý vị dùng tà thuyết mê hoặc người khác. Tốt nhất là quý vị áp ủ trong tâm, khiến cho cái tâm khuếch đại to hơn. Khi quý vị đã niệm một bộ kinh rất lâu, chân tâm và niệm tâm của quý vị hòa với bản kinh thành một Thể, sẽ nảy sinh hiệu quả, tự mình chẳng cầu liễu sanh tử, mà sanh tử của quý vị tự liễu! Quý vị chẳng cầu tránh khỏi tai họa, mà tai họa tự nhiên tránh khỏi!

“*Khéo dùng cái tâm*” đạt tới mức độ sâu, nay mọi người hãy thử dùng đôi chút. Dùng như thế nào? Tách rời tâm và thân thể; tâm chẳng phải là thân thể, thân thể cũng chẳng phải là tâm. Quan niệm này của chúng ta hết sức nghiêm trọng, thân và tâm hợp thành một thì là phàm phu. Nếu quý vị có thể tách rời cái tâm và thân thể, sẽ dần dần nhập thánh cảnh. Lúc mới sử dụng thì một hai năm chẳng có hiệu quả to lớn. Quý vị sử dụng mười năm, tám năm, dùng tới ba mươi năm hoặc năm mươi năm, sẽ sanh ra hiệu quả. Như kinh Lăng Nghiêm nói: “*Hữu giác giác thông, vô thông thông giác*”, tức là dạy chúng ta: Quý vị có tri giác, cảm nhận sự điều chi đó không thoải mái, bị thương sẽ đau, nhưng sự đau đớn ấy chẳng ảnh hưởng đến cái Biết, đau đớn chẳng ảnh hưởng tới sự nhận biết ấy. Đau chẳng thấu tới giác. Cái cảm nhận đau đớn là thân thể, chứ cái giác chẳng bị đau. Nếu mỗi vị đạo hữu sử dụng công phu này nhiều hơn đôi chút, trong khi quý vị đau khổ cũng thế, chỉ thể nào phát sanh vấn đề cũng thế, thoát đầu đương nhiên là hiệu quả chẳng lớn. Cho tới khi quý vị sử dụng công phu đã lâu, sanh ra hiệu quả, đau chẳng phải là quý vị, chẳng phải là cái tâm của quý vị, mà là thân thể, quý vị có thể cảm thấy cái đau ấy chẳng thể làm đau tánh giác. Nếu quý vị vận dụng cái tâm như thế, sẽ thật sự đạt tới “*khéo dùng cái tâm*”. Hãy thử xem có thể làm được hay không?

Trong xã hội, chúng ta thường nghe nói “*tinh thần biến đổi vật chất*”. Vật chất cũng có thể biến đổi tinh thần, nhưng thường là nói thông dụng như thế này: Chúng ta thấy tinh thần và vật chất chẳng liên quan! Tôi có một người thân thích làm kinh doanh. Có một lần, chở sang Pháp một thuyền hàng hóa, tâm người ấy hoàn toàn chăm chú vào hàng hóa trên chiếc thuyền ấy, vì đó là toàn bộ tài sản của ông ta. Hàng hóa ấy và tâm ông ta chẳng có mối liên hệ gì, mà cũng chẳng liên quan gì tới thân thể. Khi hàng hóa [mua được sau khi đã bán hết chuyến hàng sang Pháp] chuyển về Trung Quốc, đột nhiên chiếc thuyền ấy bị chìm, tất cả hàng hóa

đều bị chìm sạch. Ông ta mới bốn mươi mấy tuổi, chẳng phải là rất già! Vừa nhận được điện báo, ông ta cầm lấy tờ điện báo, vừa xem nội dung, người khác thấy ông ta bỗng đứng bất động, nhìn xem, đã chết mất rồi! Chẳng có bệnh tật chi hết! Chuyện giống như thế, trong lịch sử rất nhiều. Đó là chẳng khéo dùng cái tâm, cái tâm gắn chặt vào vật chất. Thân thể của chúng ta là vật chất, tâm chẳng phải là vật chất. Người chết rồi, thân thể tiêu diệt, tinh thần (tâm) trọn chẳng chết! Nó sẽ chuyển thế, tùy thuộc thiện nghiệp nặng hay ác nghiệp nặng, tùy thuộc nó chuyển thành gì, chẳng giống nhau! Đó là vật chất biến đổi tinh thần, tinh thần biến đổi vật chất. Nó có thể biến đổi lẫn nhau, đó là quý vị “*khéo dùng cái tâm*”.

Tôi nói đề mục chủ yếu là “*khéo dùng cái tâm*”, tức là nói khi chúng ta tu hành trong bình thời, bất luận quý vị sử dụng pháp môn nào, khi quý vị dụng công, hãy nên học “*khéo dùng cái tâm*”. Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát dùng bốn chữ ấy để dạy chúng ta, làm thế nào để khiến cho những gì chúng ta đã làm đều thanh tịnh? Chính là phẩm Tịnh Hạnh, phẩm Tịnh Hạnh do tâm mà có, quý vị hãy khéo dùng cái tâm. Quý vị khéo dùng cái tâm, biến toàn bộ tịnh hạnh của quý vị trở thành thanh tịnh, miệng thốt lời thanh tịnh, thân thể làm chuyện thanh tịnh, trong tâm suy nghĩ thanh tịnh. Từ phẩm Tịnh Hạnh thanh tịnh này, quý vị lại tiến thêm bước nữa là tu phẩm Phạm Hạnh. Kinh Hoa Nghiêm có thứ tự, thứ tự ấy hết sức nghiêm cẩn. Nếu quý vị chẳng có Tịnh Hạnh Phẩm, mà mong vượt cấp, tu phẩm Phạm Hạnh, tức là nhảy cấp, sẽ chẳng làm được! Điều này khác biệt với những giáo nghĩa khác. Nhưng hễ quý vị đạt được một điều, đã nhập một môn, “*một chính là hết thấy, một đã thành thì hết thấy đều thành*”. Nếu quý vị biết sử dụng “*khéo dùng cái tâm*”, quý vị sẽ thành Phật. Phật tâm là như thế nào, quý vị có thể chiếu theo giáo nghĩa để phán đoán: Tâm ấy là giác, không gì chẳng biết, không gì chẳng hiểu, chẳng có tai nạn nào không thể miễn trừ, nhưng phải hữu duyên. Phật nói “*kẻ vô duyên khó độ*”, chẳng hữu duyên sẽ chẳng cứu giúp được!

Dựa trên đạo lý này, mỗi vị đạo hữu chúng ta nếu muốn kết duyên với chư Phật, Bồ Tát, trước hết, quý vị phải quy y Tam Bảo. Đây là căn bản. Quý vị chưa thọ Tam Quy, tự mình xem kinh Phật, học như thế nào, học cũng rất khó, chẳng được coi là đệ tử Phật môn. Đệ tử Phật môn thì khởi đầu tối thiểu là trước hết quý vị quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Thông thường là dùng sự tướng Tam Bảo, tức là chúng ta thấy tượng Phật, kinh sách, và Tăng nhân, thì gọi là thế gian Tam Bảo. Nhưng khi quý vị quán tưởng, sẽ chẳng phải là thế gian Tam Bảo, rời lìa thế gian Tam Bảo, cho đến theo thứ tự từ hành tín mà đạt tới rốt ráo, Tam Bảo là

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

nhất thể: Hết thầy chúng sanh đều là Phật, hết thầy các pháp đều là tâm, Phật và Pháp hòa hợp là Tăng Bảo. Đó là nhất tâm Tam Bảo. Tam Bảo do tôi truyền trao là sự tướng Tam Bảo, khác hẳn. Từ thế gian Tam Bảo, quý vị đạt tới nhất tâm Tam Bảo, nhập thanh tịnh Tam Bảo. Tam Bảo là nhất tâm.

Trong chốc lát, sẽ có các đạo hữu thọ Tam Quy. Thọ Tam Quy là quy y Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Sau đó, quý vị hãy học khéo dùng cái tâm này, khiến cho cái tâm quý vị được sử dụng giống như tâm Phật, đó là Phật Bảo. Tâm quý vị và giáo pháp do đức Phật đã dạy giống nhau, tức là Pháp Bảo. Tâm chính là Pháp, Pháp chính là tâm. Hết thầy các pháp chính là tâm; tâm và pháp hòa hợp gói gắm nơi thân Tăng nhân, tức là Tăng Bảo. Còn có tự tánh của quý vị vốn trọn đủ Tam Bảo. Thể tánh của bản thể quý vị là Phật Bảo. Tất cả tri thức vận dụng là Pháp Bảo, thân thể và hình tướng của quý vị là Tăng Bảo. Nhưng chúng ta thọ [Tam Quy] là nương theo người khác để thọ, nương theo thầy truyền dạy, thọ lãnh sự tướng Tam Bảo. Dựa theo tượng Phật, và dựa theo giới Tam Quy để thọ. Quy y Phật, quy y theo giới bốn là Pháp, văn bản quy y là Pháp Bảo, vị sư phụ truyền thọ là Tăng Bảo. Nương theo sự thể Tam Bảo, quý vị có thể khéo dùng cái tâm này, biến nó thành tự thể Tam Bảo. Tam Bảo chính là tự thân, tự thân liền trọn đủ Tam Bảo, so ra càng thâm nhập hơn chút nữa. Nhưng quy y thì quý vị mỗi ngày phải hành. Bất luận quý vị niệm kinh nào, khởi đầu đều phải quy y Tam Bảo, chúng tôi chúng ta quy y Tam Bảo chẳng phải là một hai lần, mà là vô lượng lần, lúc nào, niệm nào cũng đều quy y Tam Bảo. Đây chẳng phải là so đo tướng công đức, chẳng phải là so đo tướng lợi ích. Những gì chính mình đã tiếp nhận, đã đạt được đều bố thí, bố thí cho ai? Bố thí cho các chúng sanh chẳng thọ Tam Quy, khiến cho họ đều có thể được Tam Bảo gia trì, đều có thể quy y Tam Bảo. Đó là khéo dùng cái tâm, mà cũng là một cách vận dụng “*khéo dùng cái tâm*”. Phương pháp “*khéo dùng cái tâm*” bao gồm vô lượng vô biên [phương thức], tùy thuộc quý vị suy nghĩ như thế nào.

Tôi thường hỏi các đệ tử làm kinh doanh, tôi nói: Giả sử Tam Bảo gia trì quý vị, khiến cho quý vị kinh doanh nhất định có lời, đạt được lợi ích. Đã đạt được, sẽ làm gì? Câu trả lời chánh xác là ta đạt được để làm gì? Ý niệm đầu tiên là cúng dường Tam Bảo. Cúng dường to lớn chẳng có, tối thiểu là sẽ thắp mấy nén hương, đánh lễ vài lạy, hoặc là mừng Một, ngày Rằm, khi quý vị dùng cơm, hãy nghĩ tới Phật, Bồ Tát. Trước hết cúng dường Phật, sau đó chính mình mới dùng. Đó gọi là “*khéo dùng cái tâm*”. Phạm vi “*khéo dùng cái tâm*” hết sức rộng lớn. Mỗi cử động, mỗi

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

niệm của quý vị đều phải dùng đến, sẽ được long thiên ủng hộ, Tam Bảo gia trì, tự nhiên cát tường. Mỗi khi gặp nơi nào có tai nạn, hoặc có tai họa chiến tranh, nơi đó có đạo hữu, có đệ tử quy y với tôi, tôi nhất định gọi điện thoại hỏi thăm. Tôi nói: “Các đệ tử Tam Bảo có bị hại nhiều hay không? Quý vị hãy khảo sát xem”. Sau đó, họ trả lời: “Chẳng có đệ tử Tam Bảo”. Vì sao tôi liễu giải điều này? Tôi cũng muốn chứng minh một phen sức gia trì của Tam Bảo rốt cuộc to cỡ nào! Nhưng điều này là song phương, chẳng phải là đơn phương. Vòm trời tuy rộng, chẳng thể nhuần thấm cỏ không rể. Chẳng có rể, sẽ chẳng thể gia trì được. Nơi nào người ác rất nhiều, ác nghiệp rất nặng, nơi đó mưa rất ít. Đây là sự thật, quý vị có thể tự điều tra, nghiên cứu. Hiện thời, trong xã hội thường xuyên có tai nạn, bất luận quốc gia nào cũng đều xuất hiện chuyện khác thường. Khác thường là chẳng giống bình thường, được gọi là “tai nạn”. Có nơi về căn bản là chẳng có đệ tử Phật, chẳng có Tam Bảo, các đạo hữu đều có thể lý giải điều này: Các đạo hữu trên toàn cầu chẳng ít, mỗi nơi trên địa cầu tai nạn liên tiếp xảy ra, đệ tử Tam Bảo mắc hại khá ít. Nhưng sau khi quý vị đã thọ quy y Tam Bảo, phải thật sự thực hiện, sức gia trì chẳng phải là vấn đề bình an, mà là vấn đề thành đạo.

Do đó, câu “*khéo dùng cái tâm*” nếu tách ra để phân tích sẽ quá nhiều. Bất cứ sự vật nào cũng đều bao hàm trong chuyện quý vị có khéo dùng cái tâm hay không, quý vị dùng cái tâm như thế nào? Tôi nhắc lại lần nữa, “*khéo dùng cái tâm*” lớn nhất là gì? Như thế nào thì quý vị mới được coi là khéo dùng cái tâm? Quý vị toàn là mong làm cho người khác hạnh phúc, tâm niệm của quý vị luôn nghĩ làm thế nào để hết thấy chúng sanh đều hạnh phúc. Nơi này rất nghèo khổ, rất bần cùng, ta làm thế nào để khiến cho hết thấy các chúng sanh ấy đều có thể hạnh phúc, chẳng bị tai nạn, chẳng nghĩ đến chính mình. Như vậy thì mới thật sự là “*khéo dùng cái tâm*”. Tôi hỏi các đệ tử Phật đang hiện diện, đang hiện diện ở đây toàn là đệ tử Phật, hãy đều nên nghĩ đến nỗi đau khổ của hết thấy chúng sanh, đừng cầu chính mình an lạc! Quý vị niệm kinh cũng thế, bất luận làm chuyện gì cũng thế, hãy nghĩ tới hết thấy chúng sanh đang đau khổ, nghĩ tới chúng sanh đang bị tai nạn. Như thế là “*khéo dùng cái tâm*”. Hôm nay tôi cúng dường mọi người, công hiến mọi người, hy vọng các vị đạo hữu đều có thể khéo dùng cái tâm!

Lược giảng kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo hết

Phụ lục

Địa Tạng Bồ Tát Linh Cảm Lục

*** Chuyện tin Phật cảm ứng của ông Lưu**

Châu Dương Huệ Khanh ghi

Ông Lưu Lập Thành cùng quê ở Thụy Kim, quen biết với gia đình tôi nhiều đời. Năm Dân Quốc 37 (1948) tới Đài Loan, dạy học tại trường Tỉnh Lập Thương Nghiệp Chức Nghiệp ở Chương Hóa, trước sau bảy năm. Ngày Mười Ba tháng Mười Một năm Dân Quốc 43 (1954), bỗng bị ói ra máu. Đến Đài Trung chữa trị. Do ói ra máu quá nhiều, bất tỉnh nhân sự, không thể nói năng. Chúng tôi không biết, đến ngày Mười Bảy biết tin, tới thăm, ông ta đã lâm vào tình cảnh nguy hiểm. Vợ ông ta và các đồng nghiệp quyết định mổ để mong sao có một phần hy vọng trong vạn phần. Nhưng sau khi mổ, dạ dày và ruột đều tốt, chẳng phát hiện khối u ở đâu. Bất đắc dĩ, phải đem chỗ dạ dày có thể phát sanh u loét cắt đi một phần, buộc chặt một đầu chỗ tĩnh mạch có thể tràn huyết. Chúng tôi ở bên cạnh, niệm thánh hiệu Phật, Bồ Tát và Đại Bi thần chú, cầu cho ông ta an ổn.

Tối ngày Mười Tám, khi tôi ở nhà niệm Phật cho ông ta, phảng phất thấy ông Lưu đứng trước mặt. Ngày Mười Chín tới thăm, niệm Phật, trì chú cho ông ta. Ông Lưu nhiều lần chăm chú nhìn tôi, sau đó, duỗi tay co chân, hướng về tôi nói: “Tôi muốn ngồi dậy”. Em trai ông ta là Lập Duyên nói: “Đây là câu nói đầu tiên trong mấy ngày qua”. Tôi cho là điều này tương ứng với chuyện mình thấy tối qua, tự cảm thấy vui mừng. Sau đó, thường đem nước Đại Bi cho ông ta uống, lại còn bồi [nước Đại Bi] lên đầu, trán, chân, tay ông ta. Đồng thời, bác sĩ dùng nhiều loại phương pháp để trị liệu. Dưới tình huống ấy, bệnh tình dần dần ổn định, mọi người cho là kỳ tích chưa từng có, nhưng gốc bệnh chưa trừ, vết mổ chưa lành. Bảy tám ngày sau, bụng lại phình to, cứng rắn như cái trống. Do vậy, phải đổi bệnh viện, mổ lần nữa, rút nước ra hơn một vạn cc (cubic centimeter, phân khối). Bác sĩ nói có thể là biến chứng gan bị xơ hóa, nước liên tục tích lại, bụng tiếp tục căng phình, đã hết cách chữa trị, bất quá chỉ kéo dài thời gian mà thôi!

Ông Lưu thần trí tỉnh táo, tự biết nguy hiểm, nói với tôi: “Bác Châu ơi! Xin cứu con. Xin hãy tiếp nhận con như một đứa con của bác”. Tôi nói: “Chúng ta đời đời có giao tình, quan hệ chẳng tầm thường. Tôi hằng ngày niệm Phật, tụng chú, hồi hướng cho cậu. Cậu phải tin tưởng Phật pháp, thỉnh Phật, Bồ Tát gia hộ”. Ông ta đáp: “Vâng, con nghe theo bác chỉ dạy”. Ông ta nói với vợ: “Tĩnh thủy của bác Châu bồi lên đầu liền

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

thấy thoải mái. Bác vừa đến là tôi cảm thấy dễ chịu! Chúng ta quyết định theo bác Châu tin Phật, người khác nói thế nào đều nhất loạt chẳng quan tâm!” Lại nói với cậu em là Lập Duyên vài lần, và còn dặn dò: “Sau này các người phải giúp ta chú ý”. Vì ông ta vốn tin theo Thiên Chúa Giáo, có nhiều điều cố kỵ, nay quan niệm chuyển biến to lớn. Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên dạy: *“Phàm kẻ cúng kính Địa Tạng Bồ Tát và niệm tụng kinh này, có thể tiêu trừ bệnh khổ, tăng trưởng thọ mạng”*. Gặp đúng dịp chùa Linh Sơn mở Di Đà Phật Thất, tôi nói với ông Lưu và vợ ông ta: “Chờ khi Phật Thất viên mãn, tôi định mời vài Phật hữu cùng tới niệm tụng kinh Địa Tạng, cầu cho ông bình phục”. Trong lúc Phật Thất, tôi và hai vị cư sĩ Cam Vương Tịnh Vĩnh và Sử Phan Tịnh Ngung ở trong biển âm thanh niệm Phật, cũng thường hồi hướng cho ông ta. Do đồng nghiệp của ông ta đề nghị đổi sang uống thuốc Bắc, chẳng thể ở trong bệnh viện, bèn từ Đài Trung chuyển về nhà ở Chương Hóa. Lúc quay về, tôi biếu tượng Phật cho vợ ông ta, muốn ông ta lập Phật đường nơi chỗ ở để lễ bái, cúng dường.

Ngày hôm sau, tức sáng sớm ngày mùng Tám tháng Chạp, cả nhà tràn ngập mùi thơm. Ông ta nói: “Cớ sao có mùi thơm như thế? Đó là mùi đàn hương”. Lại biết tượng Phật vẫn để trên bàn ở phòng ngoài, liền giục vợ: “Sao vẫn không treo tượng Phật lên? Hãy mau treo lên! Lấy dầu thánh giá xuống!” Treo lên, lễ bái xong, chẳng lâu sau bèn chẳng thể nói năng nữa, đột ngột qua đời. Khi đó, chưa đốt chiên đàn, mà mùi thơm lạ vẫn nồng sực. Bệnh của ông Lưu nhiều người nói chẳng cần phải mổ xẻ. Trước lúc xảy ra chuyện, tôi chưa kịp góp ý. Lúc [bệnh tình ông ta] nghiêm trọng, lại sáng chiều tham dự Phật Thất, chưa kịp niệm kinh Địa Tạng Bản Nguyên cho ông ta, khôn ngăn tiếc nuối cùng cực! Bất quá, ông Lưu vừa phát Bồ Đề tâm, một niệm chân thành, chuyển biến quan niệm, tín ngưỡng Phật pháp. Khi lâm chung, [mùi hương] chiên đàn tràn ngập cả nhà. Phật, Bồ Tát cảm ứng đạo giao, tiếp dẫn siêu độ, sức oai thần đúng là chẳng thể nghĩ bàn. Sau khi viên mãn Phật Thất, tôi vẫn mời hai vị cư sĩ Cam và Sử ở liên xã vì ông ta tụng niệm kinh Địa Tạng, hồng tròn tâm nguyện, giúp tăng huệ mạng cho ông ta. Toàn thể thầy trò trường Thương Chức Chương Hóa làm lễ truy điệu ông ta. Chồng tôi và tôi phúng điệu một đôi câu đối như sau:

Ký dĩ nhuệ phát tâm âm, hựu phục hải hội Phật âm, vãng sanh tự hiển chiên đàn thụ.

Tuy nan kế tục thân mạng, thượng khả miên diên huệ mạng, hứa nguyện chung hoàn Địa Tạng kinh.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

(Đã dũng mãnh phát tâm, lại trong biên âm thanh niệm Phật, vãng sanh tự hiển lộ điềm lành hương chiên đàn,

Tuy khó tiếp nối thân mạng, vẫn có thể kéo dài huệ mạng, hứa nguyện hoàn mãn tụng kinh Địa Tạng Bốn Nguyện).

Một niệm tâm thành, khắp viện tỏa hương, đón về Cực Lạc.

Bảy năm cảm ứng, cả nhà buồn khóc Định Quân Sơn⁴¹.

Vì chúng minh chí thành tin Phật, chẳng phân chia ranh giới, có cảm liền ứng, ảnh hưởng nhanh chóng. Vì chúng tỏ thân mạng này có phần hạn, huệ mạng có thể kéo dài, đặc biệt ghi đại lược chuyện ông Lưu tin Phật pháp, đạt được cảm ứng như trên.

Ngày Hai Mươi Một tháng Hai năm Dân Quốc 44 (1955).

Bài đăng trên tạp chí Bồ Đề Thụ, số mười tám, phát hành trong tháng Ba năm Dân Quốc 44.

** Bệnh nặng được cứu giúp*

Chàng Vương Phước Sơn là con út của cư sĩ Lâm Quý Ngọc (chủ nhiệm Bồ Đề Học Viện ở Tân Thành, tức Penang), rất hiền đức, hiếu thảo với mẹ. Gần đây, anh ta mắc bệnh nhiệt, sốt rất cao, thuốc thang vô hiệu. Cư sĩ Trí Hải do thấy cư sĩ Quý Ngọc nghe pháp bèn tận lực hành, đối với pháp vụ, thấy chuyện nghĩa bèn dũng mãnh làm, dầu xông vào nơi nước sôi lửa bỏng, vẫn vui vẻ làm quên mệt, hết sức khâm phục, mà cũng hết sức thương xót cứu giúp. Ông tận lực khuyên con bà ta hãy quy y Địa Tạng đại sĩ, hòng cầu Ngài từ bi gia hộ để cởi gỡ oan khiên đời trước, lại còn thay bà báo tin cho lão pháp sư Hội Tuyền là bậc tinh thông y học. Ở chỗ pháp sư có loại Hàu Táo⁴² trị bệnh nhiệt rất hay, Sư bèn tặng cho dùng, liền thấy công hiệu. Uống ba thang, bệnh sốt cao khỏi hẳn, gia đình

⁴¹ Định Quân Sơn là trận chiến đấu quyết liệt giữa Lưu Bị và Tào Tháo vào năm 219 Công Nguyên, kết thúc chiến dịch tiến chiếm Hán Trung dang dở giữa Lưu Bị và Hạ Hầu Uyên (tướng của Tào Tháo) suốt một năm. Nhờ chiến thắng trận này, Lưu Bị nắm quyền kiểm soát Hán Trung, đặt cơ sở vững vàng cho nước Thục trong thời Tam Quốc.

⁴² Hàu Táo (猴枣) là tên một loại thuốc Đông Y, Tây Y thường gọi là Rhesus Macque Bozoar. Vị thuốc này còn có tên là Hàu Tử Táo, Dương Trường Táo, Hàu Đan, hoặc Thân Táo, là một loại sạn lấy từ bao tử của một loài khỉ có tên khoa học là Macaca Mulatta Zimmermann. Thuốc được sản xuất từ Quảng Đông, Hà Nam, Hà Bắc, Ấn Độ, Mã Lai, có vị đắng, tánh ôn, có công hiệu trừ viêm, giải độc, tiêu thũng, chủ trị các bệnh ho hen viêm nhiệt, động kinh...

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

và thân thuộc của chàng Vương nghe tin, không ai chẳng hoan hỷ, cảm động. Một là cảm Địa Tạng đại sĩ phi thường cảm ứng, hai là cảm mộ ân đức phương tiện từ bi gia hộ của lão pháp sư và cư sĩ Trí Hải.

**** Bà Đường Nhược Lan tự thuật chuyện cảm ứng do khắc in kinh Địa Tạng Thập Luân***

Năm Dân Quốc 10 (1921), mẹ tôi bị bệnh nguy kịch, nhằm lúc tôi đang làm việc tại trường sư phạm nữ giới Bắc Kinh. Trở về tỉnh nhà chưa được mười ngày, mẹ đã mất, gặp đúng lúc quê nhà loạn lạc, chưa thể cầu siêu được. Năm Dân Quốc 13 (1924), tôi ở trường Tiểu Học Sư Phạm dành cho nữ sinh tại Từ Châu, mộng thấy vì mẹ cúng chay mà buồn thương. Tính ra, vừa đúng ngày mẹ mất đã ba năm. Năm Dân Quốc 14 (1925), trở về trường Đông Đại chọn lựa kinh Phật để tu tập. Năm Dân Quốc 15 (1926), bèn trường kỳ trai giới. Năm Dân Quốc 16 (1927), tụng kinh Địa Tạng, mộng thấy mẹ bảo bà đã vào Địa Tạng Viện. Năm Dân Quốc 30 (1941), cha mất, tụng kinh [hồi hướng cho cha], lại mộng thấy cha được vào Địa Tạng Viện. Năm Dân Quốc 31 (1942), cha mẹ đều đã tám mươi [nếu còn sống], bèn tính cúng trai tăng, vâng theo lời dạy của pháp sư Chánh Cang, bỏ tiền khắc in hai quyển đầu của kinh Thập Luân.

**** Ghi chép về chuyện bệnh liệt mà cảm mộng được ban thuốc
Duệ Tông ghi***

Duệ Tông mắc bệnh tê bại đã lâu ngày, có người nói là do bệnh phong thấp, mấy lượt điều trị mà rốt cuộc chẳng thấy hiệu quả. Mỗi khi chuyển mùa, thời tiết biến đổi, bệnh liền phát ra. Tứ chi sưng phồng, không có sức cử động, các đốt xương khắp thân hết sức đau đớn. Duệ Tông cuộc sống gian nan, không nơi nương cậy, nào có tiền bạc dư dả để cầu tìm thuốc hay, nhưng bệnh khổ trời buộc, khó thể chịu đựng. Trong tình cảnh muôn phần chẳng biết làm cách nào, bỗng nghĩ chỉ có cầu Phật, Bồ Tát từ bi gia hộ, khiến cho nghiệp chướng của Duệ Tông ngấm tiêu, bệnh trầm kha chóng lành. Do vậy, bèn tự ấn định tụng niệm thánh hiệu của hai vị đại sĩ Quán Âm và Địa Tạng, quy định khóa trình mỗi ngày, nhất tâm trì niệm, cầu được ngấm ngấm gia hộ. Hơn một tháng, đêm mộng thấy mình tới một nơi có tòa nhà trệt gồm hai gian, trong ngoài cách biệt. Có hai vị trượng phu to lớn, mỗi người ở trong một gian, Duệ Tông trọn chẳng quen biết, liền vào thẳng gian trong. Một vị trượng phu

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

đứng dậy, dường như đang làm chi đó. Duệ Tông lại gần xem kỹ, vị ấy bèn cười hỏi: “Người bị bệnh gì?” Duệ Tông liền thưa sự thật, lại nói: “Tôi chẳng có sức chữa trị”. Vị đó cười chẳng nói. Vị trưởng phu ở gian ngoài, ngồi tựa vào ghế, nghiêm nhiên bất động, mắt chẳng nhìn Duệ Tông, dường như chẳng liên quan gì. Tới lúc ấy, bỗng nói: “Không uống trà là tốt nhất”. Chỉ một câu ấy, Duệ Tông bèn từ biệt, trở ra. Tỉnh giấc biết là mộng. Mộng là chuyện thường, không cho là lạ, cũng chẳng nhớ tới. Thấm thoát hơn một tháng, vô tình bỗng chứng nghiệm. Vì sao nói như vậy? Duệ Tông có tật mê trà, [trà phải pha sao cho] sắc lẫn vị rất đậm đặc. Nay tuy chẳng nhớ lời nói trong mộng, nhưng mỗi khi uống trà xong, lập tức có cảm giác. Trải qua mấy lần kinh nghiệm, cảm thấy lời nói trong mộng đích xác là có ý nghĩa. Mỗi lần uống trà, bệnh liền phát ra. Nếu uống nước sôi, bệnh sẽ giảm nhẹ. Quan sát, chứng nghiệm như thế, rành rành chẳng sai, bèn chẳng dám uống trà nữa, thường uống nước sôi, Chẳng lâu sau, bệnh rút cuộc bỗng nhiên lành. Từ đấy trở đi, chẳng còn phát ra nữa, lạ thay! Kinh dạy: “*Thuốc A Già Đà, trị chung vạn bệnh*”, quả chẳng phải là lời suông! Ghi lại đại lược, mong báo ân Phật, và giúp cho người đồng bệnh. Tịnh tông học nhân Duệ Tông Phương Thánh kính ghi.

** Chuyện linh cảm do trích máu vẽ tượng*

Thánh Tử ghi

Cư sĩ Thành Phục Sơ ở huyện Thái An, tỉnh Cam Túc, từ lúc mười sáu tuổi đã chịu ảnh hưởng sai lầm bởi luận thuyết của Trình Châu (Trình Hạo và Châu Đôn Di, tức những người chủ trương học thuyết Tống Nho), tự gánh trách nhiệm bài xích Phật giáo và Lão giáo. Ông ta ở nơi hẻo lánh, chẳng có bậc cao tăng hoằng pháp để thân cận, bèn coi thuyết của Trình Châu là danh ngôn chí lý. Từ đó liền vâng theo thuyết ấy để bài xích Phật giáo và Đạo giáo, chứ thật ra, đối với duyên do của đạo Phật và đạo Lão, thật sự trọn chẳng biết gì! Năm Dân Quốc 16 (1927), mắt phải kéo màng, chẳng thể thấy rõ mọi vật. Đến năm Dân Quốc 20 (1931), mắt trái cũng thế. Thoạt đầu, ông ta vẫn cho là đạo trời vô tri; sau đó, đại ngộ tri kiến của chính mình sai trái, bèn cùng với con cực lực sám hối, thống thiết sửa đổi lỗi trước, quy y Ấn Quang đại sư, tận lực tu tịnh hạnh, phỏng theo ông Viên Liễu Phàm lập mạng, noi gương ông Du Tịnh Ý sửa tâm. Tuy được tâm địa quang minh, mắt vẫn mù tối như cũ, bèn tự soạn văn phát nguyện sám hối. Con ông ta là cư sĩ Tịnh Niệm (pháp danh Siêu

Kiên), trích máu vẽ hình Phật, dùng son chép kinh. Kế đó, lại được thượng sư Trì Tùng⁴³ truyền dạy mật chú, sớm chiều trì tụng. Tới năm Ất Hợi, tức ngày Mười Bảy tháng Mười Một năm Dân Quốc 24 (1935), sáng dậy, ông dâng hương, niệm tụng. Công khóa vừa xong, trời vừa mới hừng sáng, ông lễ bái các thánh hiệu. Trong lúc lễ tới Đại Nguyên Địa Tạng Vương Bồ Tát, vừa nói chữ Bồ, chưa kịp thốt ra chữ Tát, bỗng thấy kim quang trước bàn Phật vụt sáng, giống như tia chớp lóe dài trên hư không. Từ đó trở đi, mắt lại có thể thấy mọi vật.

*** Địa Tạng Bồ Tát linh cảm ký**
Vưu Sư Khang ghi

Cư sĩ Nhạc Sư Húc ở Trung Châu Phật Kinh Lưu Thông Xứ tại Hà Nam, vợ mất sớm, một gái đã lấy chồng, trong nhà chỉ có một mẹ già. Năm Dân Quốc 20 (1931), mẹ bị xe kéo⁴⁴ va phải, khiến cho đùi trái bị thương, chữa trị chẳng lành. Suốt ngày cựa nằm trên giường, tiêu tiểu, cho đến ăn uống đều cậy cư sĩ nâng đỡ. Sáng tối hễ mẹ gọi, ông liền chạy đến,

⁴³ Thượng Sư Thích Trì Tùng (1894-1972), pháp danh Mật Lâm, tự hiệu Sư Tráng Sa Môn, mật hiệu Nhập Kim Cang. Sư quê ở Sa Dương, tỉnh Trực Lệ, là bậc cao tăng tinh thông Hiển giáo lẫn Mật giáo, từng sang Nhật học Đông Mật và Thai Mật. Sau khi trở về Trung Hoa, Sư tự gánh vác trách nhiệm phục hưng Mật Tông tại Trung Hoa theo truyền thống do các vị tổ sư Thiện Vô Úy và Kim Cang Trí đời Đường, gọi truyền thống ấy là Đường Mật. Sau khi cha mẹ mất, Sư xuất gia tại chùa Thiết Ngưu ở huyện Sa Dương vào năm Tuyên Thống thứ hai (1910), thọ Cụ Túc Giới vào năm 1912 tại chùa Quy Nguyên thuộc Hán Dương, tỉnh Hồ Bắc. Sư từng tốt nghiệp từ Hoa Nghiêm Đại Học của pháp sư Nguyệt Hà, sau đó học giáo nghĩa Thiên Thai với hòa thượng Tổ Ấn chùa Ngọc Tuyên ở huyện Đương Dương (tỉnh Hồ Bắc); được công nhận là truyền nhân của tông Lâm Tế. Trong thời gian này, Sư cũng chú tâm nghiên cứu giáo nghĩa của các tông Thiên Thai, Pháp Tướng, Hoa Nghiêm, Tam Luận, Luật Tông và Tịnh Độ. Năm 1922, sau khi đọc bộ Pháp Luân Bảo Sát, Sư đã có ý nguyện phục hưng Đường Mật. Do nhận thấy truyền thừa Đông Mật vẫn còn hưng thịnh tại Nhật Bản, Sư sang chùa Cao Dã (Kōyasan) ở Kỳ Y bán đảo (Kii hanto) theo học với Kim Sơn Mục Thiệu A Xà Lê thuộc Cổ Nghĩa Chân Ngôn Tông để học hai bộ quán đánh Kim Cang Giới và Thai Tạng Giới. Sau đó, Sư còn học Thai Mật (Mật Tông của tông Thiên Thai) tại núi Tỷ Duệ (Hiei). Trở về Trung Hoa, Ngài chú tâm hoằng dương Đông Mật. Ngài ở lại Hoa Lục sau khi chánh quyền Trung Cộng thành lập. Năm 1966, Cách Mạng Văn Hóa nổ ra, Ngài và các môn nhân bị chánh quyền đuổi khỏi chùa Tịnh An. Sư viên tịch năm 1972 tại Thượng Hải.

⁴⁴ Đây là loại xe có một thùng xe trải đệm làm chỗ ngồi, phía trước có hai càng gỗ to, do người kéo chạy trên phố, thường gọi là “*nhân lực xa*” (jinriksha).

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chẳng cởi đai áo. Thâm thoát đã mấy năm, vất vả vạn phần, chẳng có cách nào kinh doanh, tiền vốn cũng đã dùng sạch. Ngày Hai Mươi Ba tháng Giêng năm Dân Quốc 23 (1934), Sư Khang dẫn bạn là Trương Khế Chánh đến thăm, thấy tình trạng mẹ ông vẫn như cũ. Cư sĩ vẻ mặt tiêu tụy, râu tóc bạc trắng. Sư Khang biểu ông năm đồng, ông kiên quyết chẳng nhận, bèn bỏ bên gối của mẹ. Ông cùng Sư Khang bèn phát tâm trong một trăm ngày, mỗi ngày niệm một ngàn câu thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, tính ra được mười vạn biến, ân cần trân trọng hồi hướng cho mẹ, nguyện tiêu trừ trọng tội Thập Ác, lìa khổ, được vui. Cho tới năm giờ sáng ngày Hai Mươi Chín, mẹ bảo con, thân bỗng nhẹ nhàng, lại còn cảm thấy rất đói. Cư sĩ liền dâng một chén mì. Cụ ăn xong hoan hỷ, lại đòi ăn táo. Cư sĩ vui mừng nói: “Mẹ đã lành bệnh rồi”. Mẹ đáp: “Chẳng phải vậy! Chỉ sợ mẹ con ta phải già biệt mãi mãi”. Nói như thế xong, chưa nuốt táo xuống, đột ngột qua đời. Cư sĩ vội gõ khánh, niệm Phật hiệu. Bỗng có ông Châu Đồng Sanh đến nói đêm qua mộng thấy mẹ [của ông Nhạc] hướng về ông cáo biệt: “Sáng mai tôi sẽ đi”. Trong lòng nghi ngờ, cho nên đến thăm, mới biết cụ đã mất, chất lười than lạ! Tôi ngày Ba Mươi Một, đã an táng mẹ xong, cư sĩ đau lòng vì mẹ mất, một thân trở trọi, buồn khóc khan cả tiếng, bỗng nghe có người bảo: “Ông chớ nên khóc mẹ nữa, bà ta đã được Địa Tạng Bồ Tát tiếp dẫn rồi”. Ông trợn mắt nhìn quanh, cửa nẻo đóng chặt, có ai đến nói đâu? Ông nhớ tới chuyện Sư Khang niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát hồi hướng, tin là do oai đức của Địa Tạng đại sĩ gia bị, bèn phát nguyện hằng ngày tụng thánh hiệu Đại Sĩ, hồi hướng cho vong mẫu.

** Địa Tạng Quán Âm linh cảm ký*

Lâm Giác Hiền ghi

Quán Âm Bồ Tát trọn đủ tâm đại từ bi, thương xót chúng sanh, dùng ba mươi hai ứng thân độ thoát hết thảy hữu tình. Ngàn tay, ngàn mắt cứu các khổ ách. Địa Tạng Bồ Tát có đại hồng nguyện, chúng sanh chưa độ hết, thề chẳng thành Phật. Kể từ khi Giác Hiền quy y Tam Bảo, được nghe đại pháp, biết hai vị Đại Sĩ Quán Âm và Địa Tạng có nhân duyên to lớn không ai hơn đối với chúng sanh trong cõi Sa Bà, có thể làm nơi nương cậy cho hết thảy khổ não, sanh tử, bệnh tật. Do vậy, đôi khi Giác Hiền tu trì thánh hiệu của hai vị Đại Sĩ. Nếu gặp hiểm nạn, đau khổ, trì niệm càng thiết tha. Phàm những điều khẩn cầu, không gì chẳng ứng nghiệm. Giữa tháng Bảy, tháng Tám năm Dân Quốc 28 (1939), mắc bệnh

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

gần chết. Tiên nghiêm và bào huynh đều tinh thông y thuật, nhưng đều cùng cảm thấy bó tay, lo lắng muôn phần. Người đến thăm bệnh cũng đều lắc đầu than thở, cho là chẳng thể cứu nổi. Giác Hiền tuy bệnh nặng, thần thức vẫn thanh tỉnh, tự biết bệnh này nếu muốn sống mà chẳng cậy vào sự gia bị của chư Phật, Bồ Tát, sẽ không thể được!

Khi đó, pháp sư Hoàng Nhất và pháp sư Tánh Thường đều trụ tích tại chùa Phổ Tế thuộc làng Liên Hồ trong ấp của tôi. Pháp sư Tánh Thường nghe Giác Hiền ngã bệnh, đích thân đến thăm viếng, an ủi, đưa cho một bó hương nén, bảo: “Đốt hương này, chí thành khẩn thiết niệm thánh hiệu Quán Âm và Địa Tạng, chắc chắn sẽ sớm có ngày chẳng cần thuốc mà bệnh lành”. Giác Hiền bèn càng ngày đêm tín niệm, người nhà cũng luôn luôn trợ niệm, bệnh liền chuyển biến. Cho tới khi thắp hết bó hương, bệnh đã gần như mất hẳn. Trong khi bệnh và sau khi bị bệnh, trong giấc ngủ thường có điều kinh sợ. Chẳng hạn như bỗng thấy núi lớn sụp đổ đè xuống thân. Nếu Giác Hiền niệm to thánh hiệu của Đại Sĩ, liền có một quả núi lớn khác bay tới chặn ngọn núi sắp lở, tiêu tán trong chốc lát! Cảnh tượng như thế, chẳng phải chỉ một. Giác Hiền chẳng có gì để báo đáp hồng ân của Đại Sĩ, kính cẩn ghi chép sự tích linh cảm này để dấy khởi tín nguyện [cho người khác].

** Địa Tạng Bồ Tát tiếp dẫn phụ nữ tiết hạnh sanh Tây*

Trần Bội Ngọc ghi

Người chị dâu đã quá vãng của tôi là Trương Thị, húy Thọ Thân, pháp danh Thắng Thọ, là người huyện Tấn Giang, tỉnh Phước Kiến. Bà sanh trưởng trong gia đình hiền thiện, thông minh từ bé. Lúc hơi lớn lên bèn đọc sách Nho, ở nhà trọn hết niềm hiếu đễ. Tới tuổi cài trâm, gả về Giang Hạ (thuộc tỉnh Hồ Bắc), trở thành cháu dâu cả của ông Hựu Đường. Kết hôn mới được bốn mươi chín ngày, chồng đã bị bệnh chết, bà liền tự thệ thủ tiết. Mẹ chồng bị bệnh lâu ngày, thuốc men vô hiệu, bà cắt thịt đùi chế thuốc. Do lòng hiếu cảm vời, mẹ chồng sống thêm được ba năm. Thân thích trong ngoài tới nay vẫn ca ngợi. Ở nhà, từ em chồng, chị em dâu, các cháu, cho đến tôi tớ, xóm giềng, không ai chẳng hòa hợp, nhân ái, khen ngợi đức tánh của bà. Có người do đói kém, bệnh tật xin giúp đỡ, dầu đang trong cảnh khốn khó, bệnh tật, bà vẫn tận lực giúp đỡ, lo toan, chưa từng bỏ sót, nhưng chính mình ăn tiêu đạm bạc, quần áo, thức ăn đều giản dị, sơ sài.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Tháng Năm năm Dân Quốc 35 (1946), vị đại đức đương thời là pháp sư Hoằng Nhất trụ tích ở Ôn Lăng hoàng dương chánh pháp. Chị dâu vốn khâm ngưỡng khuôn phép đạo hạnh của Ngài từ trước, rủ tôi cùng tới chỗ pháp sư, thọ Tam Quy Y, bèn ăn chay trong các tháng Hai, tháng Sáu, và tháng Chín. Tôi cũng do túc nghiệp, chưa về nhà chồng, chồng đã mất sớm. Vào cửa [nhà chồng] mười mấy năm, sáng tối gắn bó với chị dâu, được chị rủ lòng yêu thương như chị em ruột.

Chẳng ngờ căn bệnh ung thư vú từ trước tái phát, ngày càng nguy kịch, giằn vặt mấy tháng, cho đến giờ Tuất ngày mùng Hai tháng Sáu âm lịch năm nay, chị xả báo sanh Tây. Chị mất rồi, tấm thân tàn này từ đây học đạo một mình, không ai bầu bạn. Than ôi, đáng thương thay! Lúc bệnh tình của chị mới trở nên nguy kịch, chị liền phát tâm ăn chay trường, buông xuống hết thầy, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Bệnh ngày càng nặng, cả nhà lớn nhỏ mười mấy người, và mời thêm vài phụ nữ ăn chay trường, ngày đêm luân lưu, chia phần trợ niệm Phật hiệu chẳng ngớt. Anh ruột của chị là cư sĩ Chấn Đình lại nhiều lượt tới khuyên lơn, sách tấn, khiến cho chánh niệm của chị càng rạng ngời.

Trong lúc chị hấp hối, đưa cháu nội thừa tự tên là Thừa Kinh, trong lúc mọi người đang tụ tập đông đảo, đèn điện chiếu sáng ngời, bỗng hoảng sợ hét âm lên, sắc mặt tái mét. Mọi người vội an ủi, hỏi han chuyện gì. Nó nói: “Sau tòa của bà nội, chợt thấy hình tướng một vị Phật. Thân cao hơn khung cửa, đầu đội mũ có góc cạnh, thân khoác y bách nạp, tay cầm gậy, dẫn bà nội ra đi”. Lúc đó, trong nhà có treo thánh tượng Địa Tạng Bồ Tát. Mọi người mới hiểu là do đức dày của chị, đã cảm vời Địa Tạng Bồ Tát đại thánh nhân tới đón tiếp, quyết định sanh về Tây Phương chẳng ngờ chi! Chị đích thân trải qua cảnh giới thù thắng ấy. Hết thầy mọi việc khâm liệm, tổng táng đều tuân theo chế định của Phật để xử lý. Năm ngày sau, trà-tỳ (jhāpita, hỏa táng) ở Anh Sơn, chưa đầy hai tiếng, đã cháy sạch. Linh cốt trắng sạch, cứng chắc, bỏ vào hũ sứ, chứa vừa đủ. Nay tạm gởi tại Di Đà Nham ở núi Thanh Nguyên, chờ chọn được ngày lành, sẽ dựng tháp kỷ niệm. Tôi cảm niệm hạnh nghiệp bình sanh của chị dâu cả, dầu vẫn chương giản dị, quê kệch, thiếu bóng bẩy, vẫn vội ghi đại lược như thế.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Thanh Nhân đối với Trương nữ sĩ thẹn được dự vào hàng nhân mat⁴⁵, luôn được nghe nói về phước đức trang nghiêm của bà. Buổi sáng hôm nữ sĩ xả báo, tôi theo ông sui gia là bào huynh Chấn Đình của bà Trương tới nhà bà tùy hỷ niệm Phật, hồi hương. Lại nghe chuyện Thừa Kinh thấy thánh tượng Địa Tạng, liền gọi Thừa Kinh lại hỏi dò, thấy nó nói giống hệt như mọi người đã nói. Đứa bé này tuy mới chín tuổi, thân thể đã khá vạm vỡ, đã đi học mấy năm. Nó thông minh, sáng láng, là một đứa trẻ theo kiểu hiện đại, trọn chẳng tin Phật pháp. Nay bỗng tự nói chính mắt thấy thánh tượng, thần thái khác lạ, có thể biết là do đức dày của bà Trương cảm vơi, Địa Tạng Bồ Tát phương tiện ứng hóa chẳng ngờ! Chánh pháp đã vào mùa Thu, quần sanh nghiệp nặng, chướng sâu, được nghe danh hiệu một vị Phật, danh hiệu một vị Bồ Tát còn chưa thể được, huống hồ trông thấy Bồ Tát ư? Chẳng nở để chuyện này bị vùi lấp, nên kính cần biên thêm vài lời thừa thãi vào sau [bài viết của bà Trần Bội Ngọc]. Diệp Thanh Nhân kính đề.

** Nam-mô đại nguyện Địa Tạng Vương Bồ Tát Phùng Huệ Lai ghi*

“Chúng sanh độ hết, mới chứng Bồ Đề. Địa ngục chẳng trống, thể chẳng thành Phật”. Đây là đại nguyện của Địa Tạng Bồ Tát. Trước kia, tôi đã từng cảm Bồ Tát rủ lòng từ, đích xác là chẳng thể nghĩ bàn, bèn rửa bút ghi lại. Kể từ khi tôi tin Phật tới nay, thoáng chốc đã mười lăm năm, do thân dự vào trong giới quân đội, chính trường, khổ vì chẳng có thời gian rảnh rỗi để tu trì. Kinh Địa Tạng cũng chưa hề tụng qua. Năm Dân Quốc 32 (1943), tôi phục vụ trong bộ chỉ huy phòng không ở huyện Hưng Ninh, tỉnh Quảng Đông. Trong các đồng nghiệp có hai vị họ Trần đều thích bắn chim, tôi bèn phát tâm khuyên ngăn, thừa dịp tuyên dương Phật pháp, cực lực tán thán các thứ công đức và oai thần của Địa Tạng Bồ Tát. Hai ông họ Trần và quyến thuộc của họ, và cùng một ông họ Hứa nghiêm nhiên được Phật pháp cảm hóa, ai nấy đều lập đàn, niệm thánh hiệu của Bồ Tát. Nhất là ông Hứa tín tâm kiên cố, tu trì tinh tấn.

Cho tới mùa Thu năm nay, tôi do bị bệnh, bèn xin thôi việc, trở về quê. Ngày nọ, ở nhà, ngẫu nhiên giở kinh Địa Tạng Bồ Tát ra xem,

⁴⁵ Nhân mat (姻末): Danh xưng để gọi hàng hậu bối đối với bậc trưởng bối trong quan hệ hôn nhân. Ở đây, theo mạch văn, có lẽ bà Thanh Nhân là chị, em, hay con cháu của con dâu hoặc con rể của ông Chấn Đình (anh trai bà Trương).

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

chỉ vừa xem đôi ba trang, bỗng mùi hương từ kinh tỏa ra. Trong khoảng sát-na, mùi hương lạ đây nhà, lúc lâu sau chẳng tan. Khi đó, tôi đang mang bệnh chưa khỏi, do nhà nghèo, không có sức chữa bệnh. Mấy ngày sau, còi cảnh báo khẩn cấp vang lên, tôi vội chạy trốn. Vừa mới ra khỏi cửa, máy bay giặc lùn (Nhật) đã đến, ném bom lung tung. Tôi do tâm thân bị bệnh lâu ngày, gặp cơn kinh hãi ấy, hôn mê ngã lăn ra đất, trúng gió mất hồn! Khi đó, người nhà đã chạy vào hào trú ẩn, không ai biết. Tính ra, tôi chết ngất từ ba giờ chiều tới bảy giờ mới tỉnh, đã bốn giờ trôi qua. Lạ nhất là chưa đầy hai ngày, bệnh đã lâu bỗng dung khỏi hẳn. Đây hoàn toàn nương vào sức từ bi của Phật, Bồ Tát mà ra, nay nhớ lại thánh ân, đặc biệt đăng lên tạp chí Giác Hữu Tình⁴⁶ để ghi nhớ mãi.

** Oai thân của Địa Tạng Bồ Tát*

Thích Huệ Khánh ghi

Ngụ ịạ⁴⁷ đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên, tán thán các thứ công đức cứu độ chúng sanh của Bồ Tát. Do vậy, nhớ lại năm xưa triều bái Cửu Hoa, trên đường đã trải qua hoạn nạn, cảm được Bồ Tát rủ lòng Từ [cứu độ]. Xin kính cần thuật lại như sau:

Ngày mùng Một tháng Mười âm lịch năm Dân Quốc 32 (1943), tôi ngồi chuyên xe sáng tới Nam Kinh, nhằm lúc phi cơ màu trắng của nước ta ném bom vùng Hạ Quan, toàn vùng bị giới nghiêm, đến nỗi chuyên xe sang Vu Hồ bị trễ. Tới được Vu Hồ thì đã nửa đêm, đèn đuốc đã tắt hết, cũng chẳng có ánh sao. Giặc lùn kiểm tra rất ngặt. Trạm xe cách thành phố khoảng một dặm, khách ngồi xe ai nấy tự tìm đường. Chỉ có tôi đi một mình, không đồng bạn, lạ nước, lạ cái, đêm tối lại càng chẳng phân biệt được phương hướng. Đang trong lúc chần chừ, bỗng một vị Tăng đi đến, kéo tôi tiến lên, dẫn đến nhà trọ ngủ nhờ. Tôi dò hỏi Sư từ đâu đến và chỗ trụ tích, nhưng Sư niệm Phật một tiếng, vái chào từ biệt. Sau này nghĩ lại, hiển nhiên là Bồ Tát thị hiện. Đó là chuyện thứ nhất.

⁴⁶ Tạp chí Giác Hữu Tình là tạp chí Phật giáo xuất bản tại Thượng Hải, ra số đầu tiên vào ngày mùng Một tháng Mười năm 1939, do ông Trần Pháp Hương làm chủ biên và phát hành, được xuất bản bởi Thượng Hải Đại Pháp Luân Thư Cục. Thoạt đầu là bán nguyệt san, từ năm 1948 trở đi, đổi thành nguyệt san, đình bản vào tháng Hai năm 1953, phát hành tất cả 236 kỳ.

⁴⁷ Do y ca-sa được chằm từ các mụn vải, nên gọi là ịạ y (áo chằm ghép), Tăng sĩ cũng được gọi là ịạ tăng. Ở đây, sư Huệ Khánh khiêm tốn xưng là “ngụ ịạ” (ông tăng ngụ sĩ).

Sáng hôm sau, chuyển xe tới Đại Thông, chuyển sang Đồng Phố, lại thuê một chiếc đò nhỏ tới huyện Thanh Dương, đường thủy khoảng sáu mươi dặm. Theo lời phu thuyền: “Thuyền ắt đi qua Hồ Kỳ Sơn, nơi đó có giặc cướp chiếm đóng. Chúng thấy người từ khu tạm chiếm (tức người từ khu vực chiếm đóng bởi người Nhật) đi qua, thường xả súng bắn. Từ hồi chiến tranh tới giờ, người bị chết đông lắm!” Người nghe không ai chẳng sợ hãi, nhưng tôi trọn chẳng để ý, bởi lẽ, tâm thiết tha triều bái Bồ Tát, đã gác hẳn sanh tử ra ngoài. Dầu có nguy hiểm, ắt được Bồ Tát gia bị. Do vậy, trong tâm bình thản. Mặt trời đã lặn về Tây, đêm đen im vắng, gió tuyết rất lạnh. Mười giờ, đò bắt đầu chèo đi. Tôi liền an ủi, bảo bốn lái buồm ngồi cùng đò đừng nên sợ hãi, hãy nhất tâm xưng niệm thánh hiệu Bồ Tát. Tôi tự mình ngồi ngay ngắn, chấp tay, kiên thành thàm cầu nguyện, suốt bốn tiếng đồng hồ chẳng buông tay. Người cùng ngồi đò cũng im lặng, không thốt ra tiếng, chỉ nghe tiếng nước suối chảy róc rách. Thuyền xuôi theo dòng, hai bờ rừng cây dày đặc, đỉnh núi cao ngất ngưởng. Thú gào, quỷ rú, âm thanh thê lương. Trăng mờ, tuyết quay cuồng, ai nấy đều run sợ. May mắn là chẳng có chuyện ngoài ý muốn nảy sanh, bình yên vượt qua. Đó là chuyện được oai thần của Bồ Tát hộ niệm thứ hai vậy.

Tới Thanh Dương, mới vừa tảng sáng, tường thành sụp lở, vách nhà nghiêng đổ, hiếm có quán xá nào còn nguyên vẹn. Đó là dấu tích trận oanh tạc bừa bãi của giặc lùn vào cuối Hạ năm Dân Quốc 31 (1942). Từ đó lên núi, tính ra đường dài một trăm hai mươi dặm, băng tuyết phủ kín đường, người đi đường bó chân! Có chỗ là đường núi suốt mười sáu dặm, càng khó trèo lên. Muốn tìm người dẫn đường mà chẳng thể được! Bỗng gặp một vị Tăng muốn tới chùa Thúy Phong, bèn có bạn đồng hành. Phương tiện khéo phù hợp, khiến cho người ta vui mừng ngoài lòng mong mỏi. Do loại nhân duyên thù thắng này, lại càng tin sâu đậm Bồ Tát âm thàm gia bị. Đây là điều thứ ba.

Chiều hôm ấy, nghỉ tại chùa Thúy Phong. Sáng hôm sau muốn đến Cửu Hoa. Từ chỗ ấy đến Cửu Hoa là tám mươi dặm, đường núi quanh co, gập ghềnh khó đi. Lại thêm tuyết đóng thành băng, đường lồi ngoằn ngoèo, trơn trượt, cực khó lên núi. Vị Đương Gia chùa Thúy Phong lưu tâm giữ lại, bảo năm nay rét buốt hiếm thấy trong tám mươi năm qua. Nhưng tôi quyết chí, thề lên núi lễ Phật, nào dám sợ khó khăn chẳng lên đường. Do vậy, bàn bạc với một vị đồng tham: Sáng hôm sau bắt đầu lên núi. Đường núi khúc khuỷu, tuyết đọng cả thước, chẳng nhận được đường nẻo, gió bắc như đao. Vượt qua mấy rặng núi, đường núi càng thêm hiểm trở,

gập ghềnh, băng tuyết càng trơn trượt. Đi một bước, ngã một bước, nhiều lượt té rồi đứng dậy, tuyết thấm ướt sũng thân, đau tận cốt tủy. Chỉ cốt chí triều bái Bồ Tát, kiên thành xung niệm thánh hiệu. Hết thấy khổ sở cũng liền được giải trừ. Lão đảo vịn nắm, trèo qua một rặng núi, ngược mắt nhìn bốn phía: Tuyết trắng xóa mênh mông không ngần mé; các rặng núi chẳng thấy rõ hình trạng, chỉ thấy các chóp núi cao thấp. Khi đó, tôi đã dốc cạn sức lực đi nửa ngày, vị đồng tham chân tay lạnh cứng, mặt bị gió táp như bị đao khứa, không thể bước nổi nữa. Bốn phía không người, há tìm được chỗ nghỉ chân? Không ngờ, đi mấy bước nữa, nơi sườn núi, phát hiện một túp lều tranh, vừa khéo có thể ẩn náu. Nhóm lửa hơi ấm, hơi cảm thấy ấm áp bèn tiếp tục lên đường. Chiều xuống, khí trời chuyển lạnh, gió tuyết càng dữ dội. Núi cao, đường trơn, dần dần đêm đã xuống, toàn thân run lẩy bẩy, răng va lộp cộp. Thế núi cao thấp quanh co, càng thêm khó đi. Chỉ có nhiếp tâm chánh niệm, dốc hết sức tiến về trước, vừa đi vừa té, vòng theo đường núi vượt qua ngọn núi. Thấy xa xa phía trước có đỉnh tháp lơ mờ, biết là thánh địa của Bồ Tát đã gần, kinh hỷ quên mệt, bước chân tự nhiên nhẹ nhàng, bèn tới được núi. Nếu chẳng có oai thần của Bồ Tát bảo vệ, gia hộ, ắt tuyết sâu, núi cao chót vót, đông cứng ngã xuống không thể dậy nổi, chắc sẽ táng thân trong băng cốc. Đó là chuyện thứ tư.

Tới núi, bèn nghỉ tại chùa Quảng Tế, cách bảo tháp chẳng xa. Ngay tới đó bèn đến tháp triều bái, chiêm lễ kim dung nhục thân của Bồ Tát. Canh tháp suốt một đêm, tán thán Bồ Tát công đức như thế, thệ nguyện rộng sâu, khiến cho tôi năm vóc gieo sát đất, cung kính đánh lễ bốn trăm lạy. Nhớ trong kinh Địa Tạng, đức Thế Tôn đã xưng dương Bồ Tát có sức oai thần từ bi to lớn chẳng thể nghĩ bàn trong mười phương thế giới, cứu giúp, che chở hết thấy chúng sanh tội khổ. Kim khẩu của đức Phật đã tuyên nói như thế, khiến cho mọi người cảm động cùng cực, khóc lóc, lễ bái trọn chẳng mệt mỏi. Sáng sớm hôm sau tới khắp các chùa. Danh sơn thánh địa đều có bậc cao tăng đại đức đốt ngón tay, thiêu cánh tay, thấp đèn, đủ mọi cách cúng dường. Nghe phong thái ấy, không ai chẳng tán thán. Tiếc là chiến tranh loạn lạc mấy năm, khách hành hương thưa thớt, chùa miếu tiêu điều. Lại còn có mấy ngôi chùa danh tiếng như Đông Nhai, Long Hoa v.v... đều bị giặc lùn phóng hỏa thiêu hủy. Cái tội hủy hoại tháp miếu, chẳng thể sám hối, tan nhà mất nước, chưa đủ để đền tội vậy!

Kính xét vùng núi Cửu Hoa là đạo tràng công đức của Địa Tạng Bồ Tát, có chín mươi chín ngọn, chót vót, ngất ngờng, trèo lên rất khó. Do Bồ Tát thệ nguyện hoằng thâm, có đại nhân duyên với chúng sanh, cho

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

nên trong thuở thái bình, khách hành hương tấp nập, đen đặc cả đường, như đi trên đất bằng. Huệ Khánh lần này lên núi chiêm bái, nương theo một niệm chí thành, xưng tụng thánh hiệu của Bồ Tát, trên đường gặp mấy hiểm nạn, đều được chuyển nguy thành an. Nay đặc biệt ghi lại, sao lục đăng trên tạp chí Giác Hữu Tình, hồng tuyên dương ân đức của Bồ Tát.

** Ghi chép về chuyện Địa Tạng Bồ Tát phóng quang Dương Đông Tô ghi*

Ngày Rằm tháng Hai năm Dân Quốc 33 (1944), sáng sớm, tôi lên Tán Mỹ Lô lễ Phật. Tới tám giờ tối, lại ở trong Phật đường, đối trước Quán Âm Đại Sĩ trì tụng danh hiệu của chư Phật, Bồ Tát. Do mong yên tĩnh, bèn tắt đèn, đứng nghiêm trang, chấp tay hướng về Phật, miệng niệm, tâm quán, không nhìn ngó, dứt suy tưởng, tự cảm thấy kiên thành hơn lúc ban ngày. Tiếp đó, tụng thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát một ngàn câu. Lúc sắp tụng đủ số, bỗng thấy ánh sáng chói lọi, to như cái chén, chiếu lóa mắt như đèn, cách tượng Quán Âm Đại Sĩ ba thước về phía trái. Thoạt đầu, tôi nghĩ là có người cầm đèn đi qua sân, ánh sáng rọi lên vách tường. Nhưng quay đầu nhìn ra ngoài cửa sổ, trăng còn chưa mọc, ngoài sân vắng vẻ, trọn chẳng có người qua lại. Kế đó, nghĩ đây chắc là thị giác sai lầm, liền nhìn chỗ ấy, bỗng [ánh sáng] ảm mất, chẳng thấy nữa. Bèn trở về chỗ cũ, xưng tụng như cũ, quang minh lại sáng lên, cao hơn chỗ đã hiện đôi chút. Tôi mới nghĩ ra, nơi đó thờ một bức tượng Địa Tạng Bồ Tát đứng, tức là bức vẽ do em trai tôi là Trí Phương vẽ năm trước. Về sau, quên mộ in ra để tặng cho người trong nước cúng dường rộng rãi, bèn đoán chắc là Bồ Tát phóng quang chẳng nghi ngờ. Vội gọi em tôi nhìn để xem có thấy giống như tôi hay không. Cha tôi cũng từ nhà trong chạy tới, cùng xưng tụng thánh hiệu. Quang minh hiện ra mấy phút mới mất.

Thoạt đầu, mẹ tôi nghe theo lời khuyên của người cùng ấp là cư sĩ Hạng Trí Nguyên, ăn chay trường, thờ Phật suốt mười năm. Cả nhà bị cảm hóa, không ai chẳng sùng tín Tam Bảo. Trước sau, quy y các vị đại sư Ấn Quang, Trì Tùng, Diệu Chân. Mấy năm qua, ý nguyện hoằng pháp của anh em tôi càng thêm tha thiết. Đầu tháng Giêng năm nay, mẹ tôi mắc bệnh, cánh tay phải khó thể co duỗi, đi lại khó khăn. Cha tôi thì bên cạnh vú cũng nổi khối u đang chờ chữa trị. Anh em tôi biết là do túc nghiệp cảm vôi, nếu chẳng do Phật lực gia bị, sẽ chẳng có hiệu quả. Vì thế, càng thêm siêng năng niệm Phật.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Tối đêm Hai Mươi Chín, mẹ bị cứng lưỡi chẳng nói được, giống như bị trúng phong. Anh em tôi bèn phát nguyện: “Ngoài xưng tụng danh hiệu chư Phật ra, còn trì thêm kinh Địa Tạng Bồ Nguyện, đồng thời vì mẹ sám hối nghiệp chướng”. Bệnh quả thật bớt dần. Ấy là từ khi song thân bị bệnh tới nay, kiên thành tụng danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát chẳng phải chỉ là một ngày vậy. Vậy thì đêm qua [Bồ Tát] phóng quang, thật sự là Bồ Tát hiển hiện sự linh dị để kiên cố tín tâm cho anh em tôi. Do vậy, cả nhà hoan hỷ tán thán, đều tin bệnh của song thân nhất định sớm thuyên giảm. Ân đức của Bồ Tát đúng là ghi tâm khắc cốt, cảm kích vô cùng. Kinh Bồ Nguyện dạy: *“Nhược vị lai thế, hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, dục cầu hiện tại, vị lai bách thiên vạn ức đấng nguyện, bách thiên vạn ức đấng sự, đản đương quy y, chiêm lễ, cúng dường, tán thán Địa Tạng Bồ Tát hình tượng. Như thị sở nguyện, sở cầu tất giai thành tựu”* (Nếu trong đời vị lai, có thiện nam tử, thiện nữ nhân, muốn trăm ngàn vạn ức các nguyện, trăm ngàn vạn ức các sự trong hiện tại, chỉ nên quy y, chiêm lễ, cúng dường, tán thán hình tượng Địa Tạng Bồ Tát. Sở nguyện, sở cầu như thế thảy đều thành tựu). Phàm gặp bệnh tật, tai ách, họa hại, nếu có thể kiên thành lễ kính Địa Tạng Bồ Tát, sẽ tự có thể được Bồ Tát rủ lòng che chở, độ thoát. Công đức quy kính chẳng thể nghĩ bàn, chỉ do người đời phát tâm mà thôi. Ngày hôm sau của ngày Địa Tạng Bồ Tát phóng quang trong tháng Hai năm Giáp Thân (1944), đệ tử Dương Tô Đồng ở Như Cao, pháp danh Nhân Tăng kính thuật.

*** Địa Tạng Bồ Tát thánh ân ký**
Tô Duệ Minh ở Thường Thực ghi

Nhà tôi có mấy người, chỉ có mẹ chồng ăn chay trường, kiên thành tín phụng Phật giáo. Tôi tuy tin có Phật, Bồ Tát, tuy vâng thờ, nhưng không chuyên dốc. Cho đến khi mẹ chồng qua đời, các vị cư sĩ thuộc liên xã ai nấy đều trợ niệm. Tôi tiếp xúc các vị cư sĩ lâu ngày, cũng bèn kiên thành tín phụng Tam Bảo. Pháp sư Chánh Mông thuộc Tịnh Hạnh Liên Xã ở trấn Lộc Uyển tuyên dương Phật giáo, chẳng tiếc sức thừa. Sư càng ưa thích hoàng dương công đức cứu khổ độ nạn của Địa Tạng Bồ Tát, khuyên các xã viên trì tụng kinh Địa Tạng, ắt có cảm ứng. Kể từ khi pháp sư xướng suất, hướng dẫn tới nay, không đầy mấy tháng, quả nhiên sự cảm ứng lần lượt hiện ra. Do vậy, tôi đem các sự tích gom lại, ghi lại dưới đây để thành một bài trần thuật sự linh cảm chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát.

Một, con dâu của tôi sau khi sanh bị nhiễm bệnh, thần trí mơ hồ, nói năng điên rồ. Đã nhiều ngày như thế, chẩn trị bằng thuốc Tây lẫn thuốc Bắc đều chẳng có hiệu quả. Tôi do tin Phật, lại còn vâng theo lời chỉ dạy của pháp sư Chánh Mông, bèn mời các vị cư sĩ trong liên xã cùng nhóm lại lễ tụng kinh Địa Tạng. Vừa mới tụng hết quyển Thượng, bệnh tình của con dâu bỗng dung mất hẳn, thần trí nhanh chóng tỉnh táo. Tới khi tụng xong quyển Trung và quyển Hạ, nó thoả mái ngủ say. Chẳng mấy chốc bèn lành bệnh.

Hai, người thợ bạc họ Tiền mắc bệnh lạ, cổ sưng phồng, miệng chẳng thể nuốt thức ăn được. Trải qua mấy bữa như thế, đau đớn muôn phần, lại còn thường kêu: “Ông X... (là một vị cư sĩ hiền thành tín phụng Phật giáo trong trấn này) đang ở thiên đường, tôi đang ở trong địa ngục. Ông X... hãy mau cứu tôi”. Người nhà bèn tới thỉnh vị cư sĩ ấy, lại thỉnh các đồng đạo tụng kinh Địa Tạng trong liên xã. Đã tụng xong, bệnh nhân bỗng nói: “Vừa rồi có người đến giải thoát cho tôi thoát khỏi cảnh bị treo lơ lửng”. Bệnh khỏi hẳn.

Ba, bà họ Đỗ bị bệnh thương hàn khá nặng, chữa trị bằng Tây Y lẫn Trung Y, bệnh trạng vẫn như cũ. Cả nhà bà Đỗ vốn tín phụng Phật giáo. Họ ăn chay trường, bèn vì bà ta phúng tụng kinh Địa Tạng. Vừa mới làm xong, nhiệt độ nhanh chóng giảm xuống, bà ta ngay lập tức lành bệnh.

Bốn, mẹ tôi lúc bảy mươi chín tuổi, bất ngờ mắc bệnh thống phong, hai chân co quắp, chẳng duỗi ra được, đau đớn chẳng thể nói nổi. Nằm bệnh mấy năm, cụ bỗng qua đời. Về sau, tôi mộng thấy mẹ nói: “Chân đau khó thể chịu đựng”. Tôi nghĩ là do tưởng nhớ mà thành mộng, chẳng để ý tới. Về sau, ở trong Liên Xã nhắc tới chuyện ấy, pháp sư Chánh Mông khuyên tụng kinh Địa Tạng, bảo “nhất định có thể khiến cho người đã mất siêu thoát tội khổ”. Tôi bèn phát tâm, thỉnh một vị đạo lữ cùng tụng. Tụng tới ngày thứ sáu, mộng thấy mẹ đến bảo: “Đã thoát khỏi, trừ hẳn các khổ”. Ngày thứ bảy, tụng xong, hồi hướng, lại mộng thấy mẹ vãng sanh Tây Phương, tôi tiễn đi. Ôi! Oai thần của Bồ Tát gia bị chón u minh, đáng tin lắm thay!

Năm, trong trấn của tôi có đứa con của ông Đường Nhị Quan và cháu nội của Vương Tam Thư đều mắc bệnh, thuốc men vô hiệu. Do nghe sức oai thần linh cảm của Địa Tạng Bồ Tát, họ liền kiên thành tụng kinh Địa Tạng, con cháu họ đều được lành bệnh.

*** Địa Tạng Bồ Tát thánh oai ký**

Phương Dục Huệ ghi

Mùa Xuân năm Dân Quốc 34 (1945), kẻ địch hoành hành, kẻ bắt hiếu này hầu hạ mẹ ở Thượng Hải. Nhà của người chị cũng ở tại đất Hồ (Thượng Hải), nhưng cha do công chuyện, bị kẹt tại Trấn Giang. Ngày Hai Mươi Tám tháng Tư (tức ngày Mười Bảy tháng Ba âm lịch), được điện báo từ Trấn Giang cho biết cha bỗng bị bệnh nặng. Tôi bàn bạc với mẹ và chị, toan sang đó chăm sóc. Mẹ bảo giao thông không thuận tiện, tiền thuê xe vừa quá mắc vừa khó kiếm, lại còn kẻ tiểu nhân dòm ngó, ngụy ác đa đoan, thân gái yếu đuối không nên khinh suất ra đi, cho nên chẳng đi được. Do lo lắng cho cha già, cõi lòng rối loạn. Hôm sau, tôi bèn qua nhà chị bàn bạc, do trời đã tối, chị bèn giữ lại ngủ, ở cùng phòng với cháu gái. Khu vực ấy quản chế đèn lửa rất nghiêm, mười giờ đêm bèn cắt điện, phải đi ngủ trước mười giờ. Kẻ bắt hiếu này bận lòng vì cha già, trần trọc chẳng ngủ được. Phòng ngủ ở trên lầu ba, trước sau đều có cửa sổ.

Đêm đã khuya, ánh trăng soi rạng ngời, đang trong lúc trầm tư, bỗng thấy có rất nhiều người lũ lượt kéo tới, đứng ở ngoài cửa nhà, chỉ có một người vượt qua mọi người tiến vào, rõ ràng là cha già. Đang trong lúc tôi kinh nghi, cha đã tới đứng trước giường, thê lương kêu nhũ danh của kẻ bắt hiếu này, bảo: “Cha đã xong đời rồi, đã đi rồi, con có biết hay không?” Ngay khi ấy, tâm tôi biết là chuyện bất thường, bởi vẻ mặt cha rất thảm nã, chỉ đành nén đau thương, miễn cưỡng an ủi: “Con đã biết rồi, cha đừng buồn bã. Sống chết có số, cái thân máu thịt, ai nấy đều chẳng thể giữ mãi. Ngoại trừ Phật lực, chẳng có pháp giải thoát nào khác! Mấy năm qua con dốc sức khuyên cha niệm Phật chính là vì ngày hôm nay! Tuy cha chưa nghe theo, nhưng cũng vì đó mà lập nguyện quy y. Do một niệm nhân lành, chưa chắc đã không được hưởng lợi ích. Xin cha rút cuộc hãy nghe theo”. Cha sắc diện càng buồn thảm hơn, nói: “Không kịp rồi, cha sắp theo họ đi rồi”. Khi nói bèn giơ tay chỉ ra ngoài nhà. Người ở bên ngoài nhà cũng nhiều lượt thò đầu ngó vào trong như thể giục giã. Cha quay đầu, nói vọng lại với họ: “Đã cho phép tôi tới đây, xin hãy đợi một chút. Tôi có đôi lời căn dặn con gái của mình”. Cụ xoay lại nói với kẻ bắt hiếu này: “Huê con! Cha cần con niệm Phật để siêu độ, cứu bạt. Hết sức hối hận thường ngày chẳng nghe lời con khuyên”. Nói xong, cụ lại nhìn ra ngoài bảo: “Tôi sẽ đi ngay”. Rồi vỗ về kẻ bắt hiếu này, bảo: “Cha đi đây! Hãy nhớ kỹ, siêu bạt cứu độ cho cha”. Sau đó, cụ điềm nhiên giở gót ra đi. Bất hiếu vội hỏi cha còn muốn nói gì nữa hay không? Cha quay đầu lại, nhìn tôi bảo: “Không có chi nữa. Con chỉ cần nhớ kỹ cha đang đợi con siêu bạt, cứu độ”. Cha giơ tay bưng mặt, dường như giấu nước mắt. Bất hiếu cũng khóc rờn, không nhin nổi nữa! Đi tới cửa, cha nhìn lại lần

nữa nói: “Ta chờ con siêu độ, cứu bạt”. Ra tới bên ngoài, trong đám người ấy có một kẻ tay cầm một vật dài, giống như xích sắt, trông lên người cha. Bất hiểu từ xa trông thấy, nóng ruột, giơ tay can ngăn: “Đây là cha tôi, tôi tin thờ Phật pháp, tự tin là có thể cầu xin Phật lực giải tội cho cha. Cha tôi quyết sẽ chẳng đến nỗi ở lâu trong chôn tôi tằm, lấy một tháng làm hạn, thề sẽ siêu độ, cứu bạt. Xin hãy thương tình nương tay, ắt sẽ đền đáp đức dày”. Người ấy quả nhiên thu tay, chỉ dẫn mọi người lôi cha tôi đi. Chốc lát, các tướng đều biến mất. Tôi thử gọi các cháu, chúng nó đều đang ngủ say, chưa tỉnh. Rất may là chuyện trong lúc ấy chẳng kinh động mọi người.

Hơn nữa, chồng chị tôi tánh tình nhút nhát, chị lại tự phụ chẳng mê tín, tôi bèn giấu kín [chuyện ấy], chẳng nói. Nhưng biết cha ắt đã tạ thế, suốt đêm chẳng ngủ, thâm niệm Phật hiệu. Sáng ra, trở về trường rất sớm. Đồng nghiệp đưa cho một bức điện báo, nói gởi đến từ tối hôm qua. Nước mắt ràn rụa, tôi biết cha quả nhiên đã qua đời hôm qua. Than ôi, đau đớn thay! Bắt đầu ngay từ ngày hôm ấy, tôi vì cha niệm Phật. Tuy Dục Huệ đã quy y Phật mấy năm, nhưng trước sau chưa đọc kinh tạng, chỉ biết phụng trì danh hiệu. Vì vậy, để cầu xin cho cha, cũng chỉ kiên thành niệm tụng danh hiệu Phật, Bồ Tát, chí tâm đánh lễ, cầu đảo mà thôi.

Tới hôm Hai Mươi Lăm tháng Hai, cha đã qua đời tám ngày. Trong đêm, khi tôi mới vừa quỳ tụng, bỗng thấy một luồng Phật quang, chiếu thẳng tới phương Đông Bắc, trải dài như một tấm lụa trắng, cha quỳ lạy trong đó. Từ đó, tôi sáng tối lễ tụng, đều thấy ánh sáng ấy. Thoạt đầu chỉ thấy một mình cha lễ bái trong ánh sáng. Dần dà, quang minh chiếu càng xa hơn, người theo cha đánh lễ cũng ngày càng đông hơn. Có người khoác áo, đội mũ, hình dạng như quan phủ, cũng bày hương án lễ lạy trong quang minh. Điều lạ nhất quang minh ấy ắt chỉ thẳng vào góc Đông Bắc, các phương khác chẳng thấy gì.

Cho đến ngày mùng Tám tháng Tư, nhằm ngày khánh đản đức Phật Thích Ca, trong hôm ấy, khi tôi dâng trái cây, lễ bái, tụng niệm, thấy trong quang minh có nhiều người lễ bái, hết như mấy ngày trước. Tới tối, tụng niệm khóa tụng như thường lệ, liền khấu đầu niệm tụng tôn hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Đột nhiên thấy Bồ Tát hiện hình tượng Tăng Già, cầm trượng giông xuống đất, bèn có kim quang vọt lên, tạo thành một vàng lớn, sức chấn động rất mạnh. Tôi vừa mới nghiêm túc quỳ, chi thể bị chấn động run lật bật, chẳng thể kiềm chế được. Trong quang minh cũng có khá nhiều người hơn hở, hân hoan, tản ra bốn phía. Có mấy người còn thông thả vọt lên không, dường như được sanh vào đường lành. Lúc đó, Phật

quang chói lọi, chẳng thể nhìn lâu, người [hiện ra trong quang minh] đông đảo. Có người bay lên, có người tản ra bốn phía, có người thông dong, có người gấp gáp, chưa biết rõ rốt cuộc cha là tình trạng như thế nào? Tụng tôn hiệu của Địa Tạng Bồ Tát xong, bèn theo thứ tự lễ bái, trì niệm tôn hiệu của Phật, Bồ Tát, dồn mắt nhìn kỹ, chẳng còn thấy ánh sáng thanh tịnh ở phương Đông Bắc nữa. Tâm trộm cảm thấy an ủi, biết cha tôi ắt nương nhờ Phật ân mà siêu thoát. Tính lại thời gian đã mất hai mươi một ngày. Ôn Phật sâu dày, Phật lực to lớn, thật chẳng thể suy lường, buồn vui chen lẫn, lễ bái, cảm tạ không thôi.

Sáng ngày Mồng Chín thức dậy, theo thường lệ lễ tụng, ngẫu nhiên đưa mắt ngó về phía Tây, bỗng thấy có những căn nhà thâm thấp xúm xít, không ngờ tới một trăm mấy chục nhà. Phòng ốc đều hẹp nhỏ, nhưng khá ngăn nắp, đẹp đẽ, san sát ngay hàng thẳng lối với nhau, như tạo thành một thôn xóm vậy. Cách thôn xóm ấy dăm ba bước, lại có một ngôi nhà nhỏ xây cất khác lạ, bốn phía không sang cả, hoa lệ, tường vách mới sạch. Cha tôi ở trong đó, đi vòng quanh nhà chẳng ngừng chân chút nào, dường như nhàm chán, nhưng chẳng có gì để tự tiêu khiển. Tôi biết linh hồn cha ắt lẫn quẩn nơi mộ địa. Các ngôi nhà đã thấy chính là khu mộ công cộng thuộc giáo đường. Bởi lẽ, thời cuộc chẳng yên ổn, chẳng dám quản quan tài tại nhà quàn, cho nên cây người tới Trấn Giang mua một khu đất, chôn tạm nơi đất khách, chờ tương lai sẽ chuyển về quê. Khu đất gần với một nghĩa địa công cộng của Thiên Chúa Giáo, cho nên thấy như thế.

Do vậy, tôi kiên thành thàm cầu nguyện, cầu nguyện cho cha, lễ bái, cầu xin ân Phật, [khiến cho cha] tín tâm kiên định mãi mãi, luôn giữ thiện niệm. Cầu đảo được một lúc, quả nhiên thấy cha phủ phục xuống đất. Sau đó, mỗi lần lễ tụng, liền thấy cha ở phía Tây trong căn nhà nhỏ, mọp lạy làm lễ. Nếu thấy cha xoay vần quẩn quanh, bèn cầu Phật, liền thấy cha lập tức phủ phục xuống đất lễ bái. Cảm ứng nhanh chóng, chẳng khác gì đối trước mặt thừa bầy. Ôi! Lạ thay! Chín ngày lễ tụng xong xuôi, tôi từng xem bản đồ, mới biết Trấn Giang quả nhiên ở phía Tây của Yết Phó⁴⁸, chứng tỏ những điều đã thấy chẳng phải là hư vọng.

⁴⁸ Yết Phó gọi đầy đủ là Hoàng Yết Phó là một khu vực của Thượng Hải dọc theo bờ sông Hoàng Phố. Danh xưng này bắt nguồn từ truyền thuyết Xuân Thân Quân (Hoàng Yết) nước Sở (làm quan Tả Tư Đồ thời Sở Tương Vương, về sau làm Lệnh Doãn dưới thời Sở Khảo Liệt Vương) đã cho đào con sông này để khai thông thủy lợi, mở mang nông nghiệp. Đất Thượng Hải do vậy gọi là Thân (sông Thân Giang bắt nguồn từ chữ Thân trong phong hiệu Xuân Thân Quân).

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Lại nữa, vào ngày Hai Mươi Lăm tháng Ba khi mới thấy Phật quang, chỉ giới hạn nơi góc Đông Bắc, khi đó, tôi cũng chẳng hiểu nguyên do. Một hôm, giờ xem quyển Địa Tạng Bồ Tát Bản Tích Linh Cảm Lục, có chép chuyện Đốc Bưu Đặng Tông ở Dương Châu vào đời Đường chết đi, được sứ giả cõi âm dẫn ông đi thăm địa ngục, nói là [địa ngục] ở phương Đông Bắc, mới giật mình, hiểu ra nguyên do. Thế tục có thuyết Địa Tạng Bồ Tát dùng trượng đánh vỡ cửa ngục Cửu U, nay do những điều tội đích thân chứng nghiệm, [mới biết] thuyết ấy cố nhiên là lời thật. Oai thần của Phật pháp đúng là chẳng thể nghĩ bàn. Tôi bèn kính cẩn dựa theo sự thật mà ghi thuật lại, hòng có cơ duyên bảo khắp các thiện tín, ngõ hầu hoằng dương chánh pháp, những mong Phật quang soi thấu, rộng cứu bạt những kẻ trầm luân trong tam đồ. Nữ đệ tử Tam Bảo Phương Dục Huệ kính ghi chép lại sau khi cha đã tạ thế hai tháng.

** Địa Tạng Bồ Tát thánh đức ký*

Khuong Trí Thanh ghi

Tháng Bảy mùa Thu năm Bính Tuất, chị tôi mắc bệnh thương hàn nguy kịch, các bác sĩ đều bó tay. Nhằm lúc đó, tôi chăm sóc bên cạnh, mà kinh Địa Tạng Bồ Tát Nguyên đã dạy rõ: Nếu đem tất cả thân bảo, y phục của người bệnh [bán lấy tiền, dùng] để vẽ hình tượng Địa Tạng, thì người ấy do nghiệp báo đáng phải bệnh nặng, nhưng nhờ công đức ấy, sẽ liền được lành bệnh, tuổi thọ tăng thêm. Tôi bèn thay chị phát nguyện thí nhẫn vàng để góp phần chút ít trong việc quyên góp đúc tạo tượng Địa Tạng Bồ Tát bằng đồng ở chùa Quảng Tế tại Cửu Hoa Sơn, và bảo chị cũng cầu nguyện như thế. Trong khoảnh khắc, như buồm căng gió, chị hạ sốt, tỉnh táo, bệnh giảm bảy tám phần mười. Những người chăm sóc chung quanh không ai chẳng chặt lưỡi than tạ.

Lại nữa, bảy ngày sau đó, vừa mới sáng sớm, chị tôi thấy một vị lão Tăng cầm tích trượng từ phòng khách thông thả bước vào buồng ngủ, đứng bên cạnh giường, chị tôi chấp tay tỏ lòng cung kính, chợt chẳng thấy đâu nữa. Từ đó, các chứng bệnh như “chân chẳng có sức, tinh thần uể oải” bỗng nhiên hết sạch. Do vậy, biết Bồ Tát đã rủ lòng hiện thân trong sáu đường, phổ độ hữu tình, thần thông, oai đức chẳng thể nghĩ bàn! Chị tôi sau khi khỏi bệnh, đã lập chí tu tịnh nghiệp, hằng ngày trì danh hiệu Phật, mỗi tháng ăn chay sáu ngày, gặp ai cũng khuyên dạy. Lại còn bảo tôi thay chị soạn bài ghi chép về sự linh cảm để mong người thấy kẻ nghe rộng khắp cùng sanh chánh tín, cùng gieo tịnh nhân.

***Địa Tạng Bồ Tát thánh ân ký**

Giác Thuần ghi

Tôi xưa kia do bị bệnh mà xuất gia. Kể từ khi xuất gia tới nay, chưa hề mắc phải bệnh nặng. Đôi khi Tứ Đại chẳng điều hòa, tu pháp Chỉ Quán, nghỉ ngơi, sẽ lập tức lành bệnh. Mùa Xuân năm nay, tức năm Dân Quốc 36 (1947), tới Hàng Châu dâng hương. Đặc biệt tổ chức thuyền hành hương, trên đường đi mở Phật Thất, biến thuyền thành đạo tràng, ngày đêm niệm Phật chẳng ngừng. Thuyền nhỏ, người đông, ở trong thì bị nóng, ở ngoài chịu lạnh.

Trở về đến Vô Tích, liền mệt mỏi, chẳng chú ý. Tới ngày Hai Mươi Ba tháng Tư, phát bệnh nghiêm trọng. Hơn mười ngày, chẳng nuốt nổi hạt gạo, hớp nước! Tới nửa đêm ngày Ba Mươi, đang trong lúc nguy hiểm cùng cực, thấy Địa Tạng Bồ Tát tay trái cầm bát, tay phải cầm trượng, đứng ở trước giường, khuyên nhủ tôi trấn định niệm Phật. Sáng sớm hôm sau, [bệnh tình] chuyển thành khá hơn. Ngày mùng Năm tháng Năm, uống được nước cháo. Cho tới hôm tám Phật thì bình phục như cũ. Nay giao cho Đại Pháp Luân Thư Cục xuất bản một trăm quyển Địa Tạng Bồ Tát Bổn Tích Nhân Duyên để báo đáp ân sâu, đặc biệt ghi lại [nguyên do].

Mười hai câu chuyện trên đây đều trích lục từ nguyệt san Giác Hữu Tình.

*** Địa Tạng Bồ Tát linh cảm ký**

Ngô Kính Nhân ghi

Cư sĩ Hoàng Đức Xuân người xứ Ninh Ba, ở đường Y Trang tại Châu Phố thuộc khu Phố Đông của Thượng Hải, mở tiệm giấy Di Nguyên đã mấy chục năm. Ông đã quy y với pháp sư Ấn Quang từ lâu, hằng ngày tụng kinh Kim Cang, giữ sáu ngày chay rất nghiêm cẩn. Gần đây, Kính Nhân bận bịu, rất lâu chưa gặp gỡ. Lần này, Châu Phố Liên Xã cử hành Di Đà Phật Thất tới ngày Hai Mươi tháng Mười Một công đức viên mãn. Do gởi thư, tôi tới bưu cục. Cục trưởng bảo tôi: “Hoàng cư sĩ ở cách vách, từ mùa Đông năm ngoái cho tới nay, do bị bệnh, đã đem chuyện thọ trì kinh Kim Cang và lục trai nhiều năm nhất loạt vứt bỏ, phá giới. Do vậy, hồn đạo trong địa phủ, ngày đêm kêu gào, trải đủ mọi nỗi khổ trong địa ngục, còn hiện ra hình tướng thọ khổ! [Người nhà] từng mời đạo sĩ tác pháp cầu đảo, vô hiệu! Ông là sư huynh, sư đệ của ông ta, hãy nên đến thăm. Thử coi ông ta còn nhận ra ông hay không?”

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Vì thế, Kính Nhân tới tiệm của ông ta, liền nghe tiếng gào thét âm ỉ. Tới gần giường, liền hỏi: “Ông có nhận ra tôi hay không?” Ông ta liền đáp: “Lão sư huynh mau cứu tôi. Tôi đã chịu hết các nỗi khổ trong địa ngục rồi”. Khi đó, thần thức của ông ta đã hôn mê, nói năng quàng xiên. Trên bàn, thịt xương bừa bãi. Tôi trách ông ta chớ nên ăn những thứ ấy, lại khuyên ông ta nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Kính Nhân giúp ông ta niệm một hồi, chưa thấy hiệu quả to lớn gì. Kế đó, nhớ lại lúc mẹ tôi bị bệnh, dường như có oán đối dây dưa, tôi thỉnh tịnh lữ niệm thánh hiệu Địa Tạng và kinh Địa Tạng Bồ Nguyện, mẹ bèn được thoát khỏi. Tôi bèn khuyên quyến thuộc của ông ta, mau thỉnh tịnh lữ niệm kinh Địa Tạng bảy bộ, và một vạn câu thánh hiệu Địa Tạng, sẽ có thể được Bồ Tát gia bị lành bệnh. Kế đó, tôi khuyên ông ta chuyên niệm thánh hiệu rồi cáo từ.

Ngày mồng Sáu tháng Mười Hai, nhằm ngày tụ hội của Liên Xã, Kính Nhân lại đến dự hội, liền nghe cư sĩ Trần Gia Tuấn nói: “Hoàng cư sĩ đợi ông đã nhiều ngày. Ông ta bị bệnh, đã được Địa Tạng Bồ Tát gia bị, mỗi ngày một khỏe hơn. Hôm trước, đã niệm xong bảy bộ, liền thấy hiệu quả kỳ diệu. Nay hứa nguyện niệm trọn một trăm lễ tám bộ. Nay tinh thần ông ta ngày một tốt hơn, đã như người thường. Hiện thời, đã đem cái đồng hồ vàng ông ta rất yêu mến bán đi, và để ra một khoản tiền là bao nhiêu đó, chờ ông đến, liền cậy ông thỉnh thánh tượng Địa Tạng Đại Sĩ, cúng vào chùa Vĩnh Định và Châu Phố Liên Xã. Lại còn nguyện tùy sức lo liệu, giúp kinh phí cho Ấn lão pháp sư tôn tạo tháp. Từ đây, nhất tâm niệm thánh hiệu Phật, Bồ Tát, nay đã trì Thập Trai. Dần dần sẽ tiến tới ăn chay trường. Ông ta mong ước ông đến”.

Tới khi gặp mặt Kính Nhân, ông ta liền chấp tay cảm tạ, và thuật sự linh cảm của Bồ Tát. Từ đây về sau, tâm nguyện mỗi mỗi đều đúng như ông Trần đã kể chẳng khác. Ông ta lại khẩn khoản cậy tôi viết giùm bài ký ghi lại chuyện linh cảm để hiển thị thánh đức của Bồ Tát. Kính Nhân không giỏi viết lách, chỉ kính cẩn chép lại sự thật như thế đó. Lại nguyện các vị đồng nhân cùng sanh chánh tín, hồng mãn đại nguyện độ hết chúng sanh của Bồ Tát thì xã hội may mắn lắm thay, pháp môn may mắn lắm thay!

(Trích từ Hoằng Hóa Nguyệt San phát hành vào tháng Ba năm Dân Quốc 33 - 1944).

*** Cầu Địa Tạng Bồ Tát biết được tên họ của cha**
Dật Thanh ghi

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Tôi ba tuổi từ biệt cha mẹ, đổi họ, làm con nuôi người khác. Tới lúc hai mươi bốn tuổi xuất gia, cha mẹ ruột đã mất sớm. Từ lúc nương náu cửa Phật, thường dấy lên ý niệm cầu siêu [cho cha mẹ], nhưng khổ chẳng biết tên họ cha mẹ, chẳng có cách nào hồi hướng. Gần đây, do thấy Hồng Phiệt Đường ở núi Phổ Đà sẽ có Phật sự Thuyết U Minh Đại Giới vào ngày Mười Tám tháng Tư. Tôi bèn bàn bạc với vị Trụ Trì là ngài Chiêu Công. Sư bảo: “Nếu chẳng biết tên họ, sẽ chẳng thể truyền trao”. Tôi nghe nói, trong lòng càng thêm đau xót, hỏi thêm: “Còn có cách nào để đắc độ hay không?” Chiêu Công bảo: “Hay là thầy phát tâm khẩn thiết, chí thành, xót xa cầu xin Địa Tạng Bồ Tát dạy cho biết tên họ của cha mẹ thì sẽ tiện làm. Bỏ cách này, chẳng có cách nào khác!”

Tôi liền y giáo phụng hành, chí thành, khẩn thiết, đối trước tòa của Địa Tạng Bồ Tát lễ bái, cầu đảo. Tới khoảng giờ Tý đêm ngày Mười Bảy, trong mộng thấy rõ một tờ giấy viết chữ, ghi tên cha là ba chữ Kim Chung Liên, bất giác vui mừng tốt độ, tỉnh giấc. Đợi tới hôm sau, báo cho Chiêu Công, và kể cho chư Tăng trong chùa nghe, họ đều tán thán hy hữu. Bồ Tát đại nguyện, đại lực, tùy nguyện mà thỏa lòng mong cầu, đúng là chẳng thể nghĩ bàn. Tôi nay thuật lại, chẳng phải để khoe khoang khác lạ, mà vì sợ người đời có kẻ bi thương giống như tôi, để họ có thể nhất loạt phát tâm mà làm theo.

Hơn nữa, Bồ Tát lòng Từ sâu xa, lòng Bi to lớn, tùy thuận chúng sanh. Ngoại trừ kẻ tâm chẳng dốc hết lòng thành, làm chuyện trái nghịch Phật, e rằng khó được cảm thông. Nếu chí thành, khẩn thiết cầu đảo, tùy thuận lời đức Phật dạy, chánh tín mong cầu, tự nhiên có cảm liên thông, cảm ứng như dùi gõ xuống mặt trống [liền vang ra tiếng]. Vì thế, ghi lại để mong sao hễ có người mong cầu thì cũng có thể gián tiếp giúp đỡ được!

(Hoằng Hóa Nguyệt San, phát hành vào tháng Bảy năm Dân Quốc 33 -1944).

*** Ghi chép về sự linh cảm trong pháp hội Địa Tạng tại Lạc Thanh Phật Giáo Cư Sĩ Lâm**

1. Phóng quang hiện điềm lành

Ngày Hai Mươi Bốn tháng Bảy năm Kỷ Sửu, lần đầu mở pháp hội Địa Tạng tại Lạc Thanh Hồng Kiều (thuộc tỉnh Chiết Giang), những vị phát khởi là Triệu Thường Hoa, Trương Trọng San, Quý Thạch Thần, Vương Mộng Ngân, Trịnh Kỳ Xuân, Thượng Chí Khoan v.v... Từ sáng

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

hôm ấy, cử hành Địa Tạng Phật Thất. Tông chỉ là cầu an bình cho người nơi ấy. Buổi sáng trì niệm danh hiệu Địa Tạng, hai giờ chiều thì mời cư sĩ Hồ Thiên Bộc tuyên giảng kinh Địa Tạng, chia ra bảy buổi sẽ giảng xong. Mỗi ngày thính chúng hơn ngàn người, long trọng tột bậc một thuở. Tối ngày Hai Mươi Bốn, từ tám giờ cho tới lúc gà gáy sáng mới thôi, cư dân lân cận thấy trên không trung tỏa ra quang minh sáng rực, chiếu thẳng vào nóc đại điện Cư Sĩ Lâm, gần như mười mấy ngọn đèn dầu. Khi đó, có nhân viên tuần tiễu của khu vực đi qua, thấy luồng sáng ấy, nghi trong Cư Sĩ Lâm có chuyện gì khác thường, bèn trèo lên tường dòm vào, chỉ thấy trong Cư Sĩ Lâm vắng lặng, chẳng có tiếng gì, chỉ thấy trước bàn Phật thấp đèn có đóm sáng to bằng hạt đậu mà thôi! Nhân viên tuần tra hết sức lấy làm lạ, liền tiếp bốn năm đêm đều phóng quang như thế. Lòng nghi ngờ của người ấy không tháo gỡ được, trong vòng bảy ngày, đều sai người ngấm ngầm theo dõi, trọn chẳng thấy hành động nào khác lạ!

Mồng Một tháng Bảy nhuận, pháp hội chưa giải tán, nhân viên tuần tiễu khu vực tới Cư Sĩ Lâm tra hỏi ngọn nguồn ánh sáng lúc ban đêm, ai nấy đều nói “chẳng biết”. Các cán bộ khu vực trọn chẳng tin tưởng, đi khắp các phòng truy tìm đèn thấp bằng dầu, quả thật chẳng có đèn! Cư sĩ Trương Vân Lô bảo: “Đạo tràng phóng quang, đâu đâu cũng có, chưa hề có chi là lạ! Quang minh hiện ra, không gì chẳng do Địa Tạng Bồ Tát thị hiện điềm lành”. Các nhân viên khu vực chẳng còn truy vấn nữa, đều nể nể khen lạ!

Do vậy, sau khi linh ứng, các cư sĩ càng thêm tín tâm kiên cố, hội viên tăng tới hơn ba trăm người. Do đạo tràng phóng quang, mọi người cùng thấy, cùng hòa hợp. Các làng ở Lạc Đông đồng thời trước sau kiến lập pháp hội Địa Tạng, có tất cả ba chỗ: Một là tại Thọ Xương Cổ Tự làng Đạm Khê; hai là chùa Quảng Ứng tại làng Vọng Hạnh, ba là Địa Tạng Điện thuộc vùng núi Nam Phố. Mỗi nơi đều có một hai trăm người tham dự. Phật pháp vùng Lạc Đông hưng thịnh đều bắt nguồn từ chuyện Địa Tạng Bồ Tát phóng quang.

2. *Mộng thấy người đòi đầu*

Trong ấp này, ông Từ Doãn Vượng là tín đồ Thiên Chúa Giáo. Mẹ chết, bạn bè khuyên ông trì niệm kinh Địa Tạng. Thoạt đầu, ông Từ chẳng cho là đúng, về sau nghĩ tới ơn cha mẹ, chẳng thể không báo đáp, [cảm thấy] Phật giáo nói hết sức đúng, bèn phát nguyện trì niệm kinh Địa Tạng. Bản thân ông ta còn bị bệnh, suốt mấy năm vẫn chưa lành. Bỗng mộng

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

thấy một ông già bảo hãy uống nước sắc từ dây Lệ Tây Qua⁴⁹, bệnh liền khỏi hẳn. Liên cúng gỗ Chương⁵⁰ cho chùa Mộc Tiêu để chạm khắc ba bức thánh tượng. Một đêm, lại mộng thấy người đến đòi ba cái đầu, ông sợ sẽ gặp họa lạ lùng, sáng chiều bất an. Mấy hôm sau, Tăng sĩ chùa Mộc Tiêu tới báo, tượng Phật đã khắc xong, còn thiếu ba cái đầu. Ông Từ mới hiểu ý nghĩa của giấc mộng, lại cúng nốt số gỗ Chương còn thừa. Từ đó trở đi, ông chí tâm thờ Phật, tụng niệm chẳng mỗi mết.

3. Bệnh nguy cấp chóng lành

Con của người chủ quản pháp hội ở Nam Phố là cư sĩ Vương Kinh Hoa bị bệnh nguy ngập, mấy tháng chẳng thể rời giường được, thuốc thang, cầu đảo vô hiệu. Trong lúc tổ chức Địa Tạng Thất, ông Vương nhất tâm lo liệu sự vụ trong pháp hội, không về nhà thăm con. Ông đối trước Phật phát nguyện gánh vác trách nhiệm hoàng dương Phật pháp, cầu [Tam Bảo] thăm gia hộ cho con ông khỏi bệnh. Một hôm, hàng xóm tới núi bảo Vương cư sĩ: “Con ông bị bệnh, nay bỗng nhiên khỏi hẳn”. Vương cư sĩ chẳng tin, trở về nhà thăm con. Quả nhiên thấy con đã có thể đi bộ một mình trước sân, nhanh chóng nghĩ tới chuyện ăn uống. Địa Tạng Bồ Tát linh cảm nhanh chóng dường ấy!

4. Cứu người sẩy chân nơi vách núi

Mồng Một tháng Bảy nhuận năm ngoái, tại trấn Nam Đãng thuộc Lạc Thanh, người quản sự Địa Tạng Điện tại vùng núi Nam Phố là hai vị cư sĩ Châu Lộc Minh và Châu Văn Thuyên. Do chuyện phóng quang linh dị tại bốn hội (Liên Xã tại Hồng Kiều, Lạc Thanh), họ cũng phát khởi cử hành Địa Tạng Phật Thất, cung thỉnh pháp sư Đế Nhất của bốn hội chủ trì Phật Thất, cùng với cư sĩ Lâm Hạo Sĩ đến tuyên giảng kinh Địa Tạng. Thính chúng hơn sáu trăm người. Ngôi điện ấy ở trên đỉnh núi Nam Phố, nước uống phải xuống lưng chừng núi để gánh, đi về hơn sáu trăm bước. Đường núi khúc khuỷu khó đi. Một ông phát nguyện, nước dùng trong bảy ngày pháp hội sẽ do một mình ông ra sức gánh về. Trời nóng, người

⁴⁹ Lệ Tây Qua là một giống dưa hấu trái lớn, đặc sản của thành phố Vị Nam, tỉnh Thiểm Tây. Từ đời Hán, giống dưa này đã là nông sản mỗi năm phải tiến cống lên triều đình.

⁵⁰ Chương là một loại cây thuộc họ Long Não, có tên khoa học là *Cinnamomum camphora*, thường gọi là Camphor Laurel.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

đông, mỗi ngày dùng tới hai mươi mấy thùng nước. Sáng ngày mùng Hai, gà vừa gáy, ông thức dậy đi gánh nước. Trời mưa, sinh lầy, bước vội sẩy chân, sắp ngã xuống núi, bỗng có người ở bên cạnh xóc nách, hết sức mạnh mẽ. Lúc đó, ông choáng váng, thở phì phò, bỗng thấy có người nâng đỡ, cứu giúp, liền hô “*đa tạ, đa tạ*”, chẳng nghe ai ừ hử chi hết! Chăm chú nhìn lại, bốn phía tối đen, chẳng thấy dấu vết ai, chỉ thấy ánh đèn lồng chiếu sáng lơ mờ trên quang gánh. Ông vội trở về, kể cặn kẽ chuyện ấy với mọi người, người nghe không ai chẳng chắt lưỡi! Pháp sư Đệ Nhất bảo đại chúng: “*May mắn là Địa Tạng Bồ Tát hiển linh cứu tánh mạng cho ông. Nếu không, danh dự của pháp hội bị hao tổn. Ông này phát nguyện, gánh nước cho đại chúng, công đức rất lớn. Vì thế, trong cơn nguy nan, được Bồ Tát cứu giúp*”. Chuyện này khiến cho thiện tín trong địa phương bội phần thành kính, phát tâm lợi ích chúng sanh sâu xa. Có mấy tín đồ Thiên Chúa Giáo cũng quy y Phật pháp.

5. Mộng thấy Bồ Tát

Vị quản sự của pháp hội Địa Tạng tại trấn này là cư sĩ Quý Thạch Thần luôn làm việc thiện. Một hôm, ông tụng kinh Địa Tạng, biết tình trạng khổ sở trong địa ngục, tâm hết sức kinh hoàng. Lại thấy trong kinh có nói, muốn biết chỗ cha mẹ sanh về, có thể tụng kinh Bản Nguyện của Bồ Tát, sẽ được Bồ Tát chỉ dạy. Do vậy, ông phát nguyện, ăn chay, tụng kinh. Hơn ba mươi ngày, trong giấc mộng, thấy Địa Tạng Bồ Tát ngồi trên tòa sen, phóng quang minh tốt lành tỏa rạng, chiếu khắp đại địa, pháp tướng trang nghiêm, bảo Quý cư sĩ rằng: “Cha mẹ ông còn đang ở trong cõi âm”. Liền dẫn ông tới một nơi, thấy cha mẹ ông đều ngồi trong điện, lần chuỗi niệm Phật. Chưa kịp nói gì, gà đã gáy sáng, ông giật mình thức dậy, thắp hương, quỳ trước Bồ Tát, phát đại nguyện lần nữa, nguyện cho cha mẹ sớm sanh về Cực Lạc, suốt đời ăn chay, kiêng giết. Mỗi ngày, dẫn bạn trăm công ngàn việc, đều trì tụng một biến kinh Địa Tạng, gánh lấy trách nhiệm hoằng dương Phật pháp cứu bạt các chúng sanh khổ sở. Mấy năm qua chưa từng mệt mỏi tí nào. Tổ chức pháp hội Địa Tạng, Quý cư sĩ dốc sức phần lớn.

6. Đứa con đã chết sanh lên trời

Cư sĩ Triệu Gia Câu là người ở Cự Độ thuộc làng Thiên Thành trong ấp này, tin Phật tột bậc chuyên dốc. Con ông bị bệnh chết sớm,

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Triệu cư sĩ trong lúc bi thương, phát nguyện cầu cho con được giải thoát. Ông trì niệm thánh hiệu Địa Tạng Bồ Tát sắp đủ một vạn biến. Trong lúc hoảng hốt, thấy con từ xác chết ngồi dậy, dần dần thẳng lên, khoác áo lông, chân đi hài mây, mắt thấy rõ ràng, ông nhìn sững, nhưng đã chẳng thấy đầu nữa. Triệu cư sĩ thấy tướng trạng lạ lùng ấy, tin là Bồ Tát linh cảm, biết đứa con đã chết được sanh lên trời, không còn ngờ chi!

7. *Mộng thấy pháp tướng*

Ông Lâm Hiến Pháp ở phố Đông của trấn này trọn chẳng tin Phật. Một đêm, trong mộng thấy Địa Tạng Bồ Tát từ trời giáng xuống, thân mặc ca-sa, đầu đội mào hoa sen, oai dung chói ngời, chẳng dám ngắm nhìn. Bên cạnh có một đôi câu đối, trong đó có một Khuyển (犬) viết xéo và một chữ Ngôn (言) ở chính giữa mà ông chẳng nhận ra. Hôm sau hỏi người khác, mới biết là chữ Ngục (獄), ông có thể nhớ đại lược, đọc nối lại thì thành các chữ “*địa ngục bất không*”, mới biết Địa Tạng Bồ Tát hiển thánh. Ông liền phát nguyện niệm Phật, tham gia bốn hội, phụng hành hết sức chuyên dốc.

8. *Dùng guồng xe nước mà tát ao phóng sanh chẳng cạn*

Hồng Kiều Cư Sĩ Lâm cách chùa Tịnh Tông mấy bước. Tăng chúng trong chùa chuyên tu Tịnh Độ, giới hạnh đầy đủ, mọi người kính trọng. Hai vị thượng nhân Huệ Trác và Duy Tây lại càng xuất sắc nhất. Trong chùa có ao phóng sanh, nuôi nhiều loài thủy tộc. Sau khi giải phóng (sau khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập), người địa phương dùng xe guồng tháo nước trong ao để bắt cá kiếm lợi. Tăng chúng trong chùa hướng về họ khuyên can, nói đủ điều tình lý, họ chẳng nghe, vẫn xúm nhau cùng tát nước. Từ sáng tới tối, chẳng tháo cạn được một thước nước, các guồng nước bị hủy hoại cực nhiều. Mọi người hô to là chuyện lạ: “Nước trong ao dùng xe guồng tát suốt ngày chẳng cạn; trong ấy ắt có duyên có!” Họ bèn phá guồng nước, bỏ đi.

8. *Đoạn trừ ác mộng*

Mẹ ông Tiết Kỷ Cao ở trấn này là hàng xóm của cư sĩ Triệu Thường Hoa. Bà cụ Tiết đêm thường bị ác mộng, kêu gào rất to. Hàng

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

xóm bị kinh động, gần như chẳng ngủ yên. Ông Triệu bảo bà cụ: “Kinh Địa Tạng dạy, đêm gặp nhiều ác mộng, hãy trì niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát đủ một vạn biến, sẽ chẳng còn ác mộng nữa”. Bà cụ nói: “Thật sự có chuyện ấy thì tôi sẽ thử xem”. Bà cụ bèn ngày đêm trì danh hiệu A Di Đà Phật, danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Từ đấy trở đi, chẳng còn bị ác mộng nữa.

** Địa Tạng Bồ Tát linh cảm ký Đỗ Huệ Bốn ghi*

Mùa Xuân năm Dân Quốc 45 (1956), cư sĩ Lý Văn Khải khuyên tôi trì tụng kinh Địa Tạng. Do vậy, bắt đầu từ cuối tháng Ba âm lịch năm nay, vào mỗi sáng sớm, tôi tụng một bộ kinh Địa Tạng, trì niệm thánh hiệu mấy trăm câu. Lại tự nghĩ [bản thân] chướng sâu, nghiệp nặng, phước mỏng, huệ cạn, khi niệm tụng, vọng niệm đua nhau nổi lên, chưa thể nhất tâm chuyên niệm. Nhưng trong vòng hai năm nay, từng mộng thấy vong linh của quyến thuộc và thân hữu, không ai chẳng được Bồ Tát cứu bạt, khiến cho các tiên linh lìa khổ được vui. Trong đời người, mười chuyện thường là đã hết tám chín chuyện chẳng như ý. Chúng sanh trải bao kiếp đến nay tạo các ác nghiệp do nghiệp lực cảm vờ, thành tựu đủ thứ các cảnh giới phiền não. Kể từ khi tôi tụng kinh tới nay, chuyện chẳng như ý dần dần giảm bớt, đối với các việc đời, thuận theo lòng mong, nghịch cảnh ít hiển hiện. Có lúc do dùng lý trí vô tự tánh để quán chiếu các pháp sanh bởi nhân duyên, sân tâm dần dần nén xuống. Công sức niệm tụng của tôi nông cạn, mỏng manh, vẫn chưa có sự linh dị đặc biệt thù thắng gì, nhưng trong tiểu thiên địa của cá nhân, đã được hưởng phước lợi, thân tâm nhẹ nhàng, an lạc. Dù thấy lòng từ bi rộng lớn của Bồ Tát, hộ niệm chúng sanh không điều nhỏ nhặt nào chẳng thấu đến.

Đức Thích Ca vì mẹ thuyết pháp trên cung trời Đao Lợi, phát khởi nói bộ kinh Địa Tạng này để tận hiếu. Sự thật chủ yếu trong kinh là các thứ hạnh nguyện tận hiếu cứu mẹ của Địa Tạng Bồ Tát đã hành trong khi tu nhân. Phàm người đọc tụng kinh này, trước hết, hãy nên hiếu kính cha mẹ như Phật sống trong nhà. Nếu cha mẹ đã qua đời, bèn dùng công đức tụng kinh để hồi hướng. Địa Tạng Bồ Tát sẽ khiến cho lìa khổ được vui. Sách Linh Cảm Lục đều có các sự thật để chứng minh.

Kinh dạy: “*Thiện nam tử, thiện nữ nhân, dục cầu hiện tại, vị lai bách thiên ức đẳng nguyện, bách thiên vạn ức đẳng sự, đản đương quy y, chiêm lễ, cúng dường, tán thán Địa Tạng Bồ Tát hình tượng, như thị sở*

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

nguyện, sở cầu, tất giai thành tựu” (Thiện nam tử, thiện nữ nhân, muốn cầu trăm ngàn ức các nguyện, trăm ngàn ức các sự trong hiện tại và vị lai, chỉ cần quy y, chiêm lễ, cúng dường, tán thán hình tượng Địa Tạng Bồ Tát, sở nguyện như thế, sở cầu tất đều thành tựu). Kinh lại còn dạy: Phân thân của Địa Tạng Bồ Tát trọn khắp trăm ngàn vạn ức hằng sa thế giới. Mỗi thế giới hóa trăm ngàn vạn ức thân, mỗi thân độ trăm ngàn vạn ức người, khiến cho họ quy kính Tam Bảo, vĩnh viễn lìa khỏi sanh tử, đạt tới niềm vui Niết Bàn. Sự nhiếp hóa ấy to rộng gần như trọn hết hư không giới. Chúng ta đọc tụng tôn kinh, quy kính Địa Tạng Bồ Tát, khẩn cầu được nhiếp nhập trong biển nguyện từ bi của Bồ Tát, đạt được Bát Nhã Ba La Mật Đa, đồng thời phát Bồ Tát tâm, rộng độ chúng sanh. Như thế thì sẽ có thể độ mình, độ người, viên mãn Bồ Đề.

Trung Hoa Dân Quốc năm 47 (1958), nhằm tiết Xuân, Đỗ Huệ Bồn kính ghi.

** Ghi chép các sự linh cảm đích thân từng trải trong bốn mươi năm Nhiếp Vân Đài ghi*

Mùa Đông năm Tuyên Thống nguyên niên (1908) nhà Thanh trước kia, vợ tôi là Tiêu phu nhân mắc chứng tử giãn (sản giật)⁵¹, run rẩy, bất tỉnh nhân sự. Sau khi sanh xong, hôn mê chẳng tỉnh, nhắm mắt, cầm khẩu suốt hai ngày đêm. Tôi ngồi canh bên giường, không biết làm cách nào. Bệnh nhân bỗng mở mắt gọi tên tôi và tên đứa con bé: “Mau đánh lễ Quán Thế Âm Bồ Tát”. Tôi hỏi: “Bồ Tát ở chỗ nào?” Vợ tôi nói: “Ở trên bệ cửa sổ”. Chúng tôi lễ xong, bệnh nhân đã có thể mở mắt, thần trí thanh tỉnh, nói năng như thường. Tôi hỏi: “Bồ Tát mặc y phục gì?” Vợ tôi đáp: “Mặc trường bào trắng, thêu chữ Vạn”. Năm sau, vợ tôi đặc biệt may một chiếc trường bào thêu chữ Vạn, tôi đích thân tới Phổ Đà, dâng vào chùa. Khéo sao, có tiến sĩ Ngũ Đình Phương ngồi cùng thuyền. Ông ta cực lực nói về lợi ích của ăn chay. Từ đấy trở đi, tôi không ăn các loại thịt nữa, nhân duyên ấy cũng rất lạ lùng! Vợ tôi vâng theo lời dạy của mẹ tôi, mỗi tháng hễ đến ngày mùng Chín đều trì Quán Âm Trai, và dâng hương, lễ

⁵¹ Tử giãn chứng (子癇症, Eclampsia) là chứng bệnh co giật, động kinh trong khi thai nghén, hoặc sau khi sanh con. Nguyên nhân là do sản phụ bị huyết áp cao, hay có lượng protein khá cao trong máu, hoặc do các nội tạng bị trục trặc. Thường là sau khi co giật, sản phụ có thể bị hôn mê. Biến chứng do sản giật có thể gây viêm phổi, xuất huyết não, suy thận, thậm chí ngừng tim.

bái. Khi mẹ bệnh nguy kịch, [vợ tôi] thường cắt thịt ở cánh tay mình nấu thuốc dâng mẹ, chí tâm chân thành, hiếu thảo. Cho nên trong khi bệnh, cô ta được Đại Sĩ hiển linh cứu bạt, chẳng phải là chuyện ngẫu nhiên.

Năm Dân Quốc 13 (1924), tôi do làm ăn thất bại, đóng cửa suy ngẫm lỗi mình. Hằng ngày đọc kinh Kim Cang và Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm. Một mình tôi ở trong căn phòng nhỏ trên lầu ba, là một căn phòng tròn, có đỉnh bằng kiếng, hết sức sáng sủa. Trong căn phòng ấy chẳng có vật gì, chỉ có một bàn đọc sách và một chiếc ghế là chỗ tôi tụng kinh. Một hôm, khi đang tụng phẩm Phổ Môn, bỗng nghe mùi đàn hương, nhưng tôi hoàn toàn chẳng có lư hương. Tụng kinh xong, tới phòng thờ tổ tiên xem, cũng chẳng có ai thắp hương. Đó là lần đầu tiên ngửi thấy mùi hương.

Tháng Giêng âm lịch năm Dân Quốc 15 (1926), tôi tới Tô Châu, ở nhà của cư sĩ Lý Bách Nông. Cư sĩ dạy tôi tụng Lăng Nghiêm chú tâm⁵² chỉ có bảy câu, ông ta bảo tôi: “Chú này có oai lực vô thường, tụng sẽ có lợi ích to lớn”. Đêm ấy, nhằm tiết Nguyên Tiêu (Rằm tháng Giêng), tôi và cư sĩ tới khu đất hoang ở Nam Viên để tản bộ ngắm trăng. Khu đất ấy rất ít người, họ đều sống bằng nghề trồng rau. Đêm xuống, nhà nào cũng đều đóng cửa, vắng lặng, chẳng có tiếng động gì. Tôi thầm tụng chú ngữ đã học ban ngày, tới một câu câu hoang, bỗng nghe mùi hương lạ ngát mũi, trong vòng trăm bước, hoàn toàn không có nhà nào. Tôi hỏi Lý cư sĩ: “Ông có ngửi thấy mùi hương hay không?” Cư sĩ nói: “Đã ngửi thấy, có phải ông đang trì chú hay không?” Mùi hương ấy kỳ diệu, càng thơm hơn trầm đàn, hiển nhiên là do thần chú cảm ứng.

Năm Dân Quốc 15 (1926), mỗi sáng tôi cùng các vị cư sĩ như Ngô Giác Sơ v.v... đọc một quyển Hoa Nghiêm Kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm. Ông Phó Hàn Phi là sinh viên du học đã tốt nghiệp về ngành dệt tại Mỹ, làm việc trong xưởng Hằng Phong. Mỗi sáng cũng đến tụng niệm. Một hôm, vào lúc giữa Đông, nhằm ngay lúc tụng kinh, bỗng nghe mùi hoa quế. Bốn người tụng kinh cùng ngửi thấy. Tụng kinh xong, vào nhà hỏi người khác thì họ cũng ngửi thấy mùi hương, thật sự chẳng có hết thảy các vật có mùi thơm!

⁵² Lăng Nghiêm Chú Tâm chính là bảy câu cuối của chú Lăng Nghiêm, tức: “*Án a na lệ tỳ xá đê, bệ ra bạt xà ra đà rị, bàn đà bàn đà nễ, bạt xà la, bát ni phán, hổ hồng đồ rô úng phán, sa bà ha*” (Aum anale, visade vīra-vajra-dhare, bandha bandhani, vajra-pāṇiḥ phat hūṃ trūṃ phat svāhā).

Năm Dân Quốc 17 (1928), tôi ở nhà chính, đối trước tượng Đại Sĩ lễ bái xong, lên lầu tới phòng mẹ. Mẹ hỏi: “Hương con vừa đốt có mùi thật dễ chịu, đúng là mùi hương chẳng tầm thường”. Tôi đáp: “Đúng ạ! Trong ấy có trầm hương”. Nhưng sao mẹ lại có thể ngửi thấy? Chuyện này thật lạ, do trong mười mấy năm qua, khứu giác của mẹ chẳng thể phân biệt thơm, thối, dầu dỉ sát vào mũi cũng chẳng nhận biết mùi được. Do vậy, hỏi mẹ: “Hôm qua con phối chế hồng linh đan⁵³ và xạ hương, băng phiến trong phòng này, mẹ cũng ngửi thấy mùi hương hay không?” Mẹ đáp: “Chẳng ngửi thấy!” Tôi thưa: “Con đối trước Đại Sĩ vì mẹ ngâm cầu cảm ứng cho mẹ”. Mẹ hết sức hoan hỷ, bởi lẽ, chỗ thấp hương ở dưới nhà cách phòng mẹ ở trên lầu rất xa, thế mà mẹ có thể ngửi thấy mùi hương rất thơm. Đó chẳng phải là Đại Sĩ thị hiện linh dị thì là gì vậy?

Năm Dân Quốc 16 (1927), tôi dẫn cư sĩ Quách Hàm Trai ở Tương Âm đi triều bái Phổ Đà. Do vậy, tới chùa Dục Vương lễ xá-lợi. Trước hết, đến chùa Thiên Đồng lễ Phật. Chùa Thiên Đồng là đạo tràng cổ nổi tiếng cách chùa Dục Vương rất gần. Cuối đời Thanh, cao tăng Bát Chỉ Đầu Đà trụ trì chùa này. Bát Chỉ Đầu Đà vốn là con em nhà nông. Cha Ngài là tá điền cho nhà của Quách cư sĩ. Cư sĩ lúc bé thường chơi đùa chung với Sư. Về sau, cha của Sư giao Đầu Đà cho vị Sư trong chùa làm đồ đệ. Sư trọn chẳng học hành, do ở trong chùa học khóa tụng, mới tạm biết chữ. Sư coi chuyện thiên tư tối tăm, ngu độn, đối với ý nghĩa trong kinh chẳng thể liễu giải là chuyện đáng tiếc, bèn từ biệt thầy, triều bái Phổ Đà, và tới chùa Dục Vương lễ xá-lợi hồng mở mang trí huệ. Sư ở chùa Dục Vương mấy năm. Vào ngày Phật đản, Sư đốt hai ngón tay cúng Phật, chỉ còn lại tám ngón, nên xưng là Bát Chỉ đầu đà. Năm sau, vẫn tự cảm thấy huệ ngộ vẫn chưa khai, bèn khoét thịt trên lưng, tra bác, đổ dầu vào để thấp đèn. Trở về Trường Sa, lúc qua hồ Động Đình, lên lầu Nhạc Dương, Sư bỗng nghĩ ra một câu thơ: “*Động Đình ba tống nhất Tăng lai*” (Động Đình sóng tiễn Tăng rời bước). Tới Trường Sa, gặp một vị Tăng, có tiếng là thơ hay, bèn đem câu thơ ấy ra hỏi. Tăng nói: “Câu này rất hay. Tương lai ông ắt sẽ

⁵³ Hồng linh đan (紅靈丹), còn gọi là Giáng Lô, Bát Bảo Hồng Linh Tán, là một loại thuốc có nguyên liệu chủ yếu là hùng hoàng (realgar, tức sulfur arsenic), hỏa tiêu (saltpetre), và nhũ hương (frankincense). Các thành phần phụ là nguyệt thạch (borax, còn gọi là băng sa), thanh thê thạch (lapis chloriti), băng phiến (borneol), châu sa (cinabaris, tức sulfur thủy ngân), và xạ hương (musk). Trung Y tin loại thuốc này có tác dụng hoạt huyết, chống viêm, tiêu đàm, thường dùng để trị cảm mạo trúng phong, đau răng, ho suyễn, bệnh kinh phong ở trẻ em, hoặc loạn thổ tả v.v...

thành nhà thơ”. Tăng bèn dạy Sư đọc ba trăm bài thơ Đường, vì trước kia Sư chưa hề đọc qua bất cứ bài cổ thi nào!

Sau khi từ chùa Dục Vương quay về, Sư đối với kinh điển bèn có thể hiểu, giải hạnh tương ứng, được Tăng giới tôn sùng, nhưng Đầu Đà vẫn tu tập các thứ khổ hạnh, như cơm thừa trong bát ăn của chó, cơm nhặt trong bếp, Ngài đều lấy ăn. Ngài nổi tiếng với tài làm thơ, đại thi nhân cuối đời Thanh là Vương Nhậm Thu thường xưng họa với Ngài. Về sau, Ngài sang Ninh Ba làm phương trượng chùa Thiên Đồng suốt mười mấy năm mới mất. Tháp (mộ của Tăng lập tháp) ở ngoài chùa Thiên Đồng. Cảnh tháp dựng ngôi miếu ba gian, bên trong thờ tượng vẽ của Đầu Đà niệm Phật hơn hai tiếng đồng hồ, nói là cùng bạn cũ hàn huyên. Vừa mới rời khỏi chùa, trước chùa có rừng cây to, rộng khoảng một dặm, chúng tôi đi trong rừng sâu, kiệu của ông Quách đi phía trước tôi. Đi mấy chục bước, ông Quách ngẩng đầu nhìn về phía sau, hỏi tôi: “Ông có ngửi thấy mùi thơm hay không?” Tôi đáp: “Không ngửi thấy”. Đi thêm mấy chục bước nữa, ông Quách lại hỏi, tôi đều trả lời “không ngửi thấy”. Về sau, ông Quách nói: “Mùi hương xông tận tới chỗ sâu trong rừng mới ngừng”. Hiển nhiên là Đầu Đà thị hiện sự linh cảm.

Xưa nay, bậc đại đức trong Thiên Tông khai ngộ không thể tính xuể, cũng có vị đắc Văn Tự Bát Nhã (trí huệ). Đầu Đà do tu rông khổ hạnh mà mở mang huệ ngộ, là một người chưa hề học làm thơ mà bỗng dưng có thể làm thơ, lại còn tài cao tốt vời tới mức khó thể nghĩ tưởng! Sau khi Đầu Đà qua đời, thi nhân Trần Tấn Nguyên khắc in di tập của Sư. Ông Vương Nhậm Thu viết lời tựa như sau: “*Phong cách thơ của Đầu Đà cao vời, có thể sánh bằng vị Tăng... đời Đường*”. Năm sau, lại viết thêm lời tựa, có đoạn ghi: “*Năm trước tôi viết lời tựa, nói thơ của Đầu Đà có thể sánh với vị Tăng... đời Đường, nay nghĩ lại nói như thế chẳng thích đáng cho lắm! Bởi lẽ phong cách thơ của Đầu Đà cao vời, vị Tăng nọ chẳng thể sánh bằng!*” Hai lời tựa đều được khắc vào tập thơ ấy, đủ thấy sự khâm phục và ngưỡng mộ tột bậc của họ.

Thơ là đạo, người bình phàm chưa dễ liễu giải nổi! Thi cử vào đời Thanh xưa kia, ai nấy đều làm thơ, đến nổi viện Hàn Lâm đặc biệt coi người có tài khéo làm thơ là trọng yếu. Đại để cái gọi là “*khéo*”, tức là văn điệu réo rắt, từ ngữ gọt giũa, bóng bẩy, nhưng theo cái nhìn của bậc thi nhân, [làm thơ kiểu đó] chỉ đáng để bịt vò, chẳng thể đạt tới mức độ đại nhã được! Đầu Đà thoát đầu chưa đọc cổ thi, mà có thể viết thành lời thơ thanh nhã. Về sau, Sư đương nhiên cũng đọc cổ thi, nhưng đọc sách

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

rất ít, đương nhiên là chẳng thể viết hoa mỹ, bóng bẩy được. Đó chính là chỗ hay đẹp trong thơ Ngải thuần do chất phác, tự nhiên, dùng ngay tình cảnh trước mắt để chân thật viết ra. Đồng, lại có phong độ, vắn điệu, ý vị tối cao, đó gọi là “*ngẫu hứng*” (văn học gia theo trào lưu mới là ông Lâm Ngữ Đường tuyên chọn mười tác giả lớn thời Minh – Thanh, đã lấy chuyện ngẫu hứng làm tiêu chuẩn chủ yếu. Chín vị trong đó đều là những người học Phật). Sau khi khai ngộ trong Thiên Tông, có thể mở miệng tự hợp đạo mâu, biện tài vô ngại, cũng như các chuyện thuộc Văn Tự Bát Nhã khác. Do sự thị hiện linh cảm mùi hương này, cũng biết Đầu Đà khai ngộ chứng quả thành tựu rất cao. Lại xét theo các vị đại thi nhân thuộc các triều đại Tấn, Ngụy, Lục Triều, Đường, Tống, trong mười vị thì tám chín vị là Phật học gia, hoặc được truyền thừa niềm tin Phật pháp, cũng đủ thấy mối quan hệ giữa Phật học và thi ca Trung Hoa, bởi Phật học coi trù Ngã Chấp là công phu thấu triệt trước sau. Ngã Chấp đã trừ, thiên chân mới hiển lộ.

Tôi và Quách cư sĩ cùng tới chùa Dục Vương lễ xá-lợi (xá-lợi là thân Phật khi hỏa táng, xương kết thành từng hạt nhỏ long lanh, tròn xoe). Hai năm trước tôi đã được chiêm lễ một lần. Xá-lợi được cất trong một chiếc tháp nhỏ bằng sắt, bên hông có khe hở để có thể nhìn vào. Xá-lợi to bằng hạt hồ tiêu, dùng một cái cán nhỏ bằng kim loại làm thành cái móc khảm xá-lợi treo lơ lửng, như cái dùi chuông hay khánh. Lần trước, tôi thấy xá-lợi và cái cán treo đều là màu hoàng kim. Lần này, tôi và Quách cư sĩ đều thấy là màu lam âm đạm, đều nghĩ là bất thường, bèn đối trước Phật sám hối. Ban đêm, mỗi người lễ Phật mười lạy. Sáng sớm hôm sau, lại xin quan sát, hai người thấy đều là kim sắc, giống hệt như tôi đã thấy trong năm trước. Tôi tưởng xá-lợi vốn được thếp vàng bên ngoài, nhưng sao hôm trước lại thấy biến thành màu lam, sáng sớm hôm sau lại biến thành kim sắc. Tăng, ni và cư sĩ các nơi lên núi lễ Phật và lễ xá-lợi mỗi ngày nhiều đến mấy chục người. Sau khi lễ bái, vị Tăng trực nhật trong điện thờ sẽ thỉnh [tháp thờ xá-lợi] từ khám thờ trong điện ra, dẫn [mọi người] vào chỗ giếng trời ở sau điện, quỳ trên bờ đoàn để xem. Người xem mỗi người thấy hình sắc mỗi khác, có người thấy màu trắng, có người thấy màu đỏ, hoặc thấy là màu đen, hoặc chẳng thấy gì. Tôi đã hỏi nhiều người đều chẳng giống nhau, đó là tùy thuộc nghiệp lực của mỗi người cảm vời.

*** Địa Tạng Bồ Tát thân thông lược cảm ứng lược**
Cổ cư sĩ ghi

Mùa Hạ năm nay (năm Dân Quốc 80 - 1991), tôi triều bái Cửu Hoa Sơn trở về, trăm mối cảm xúc ngổn ngang. Một hôm, trong Định nghĩ mình đã từng ở Nhục Thân Điện (điện thờ nhục thân của Địa Tạng Bồ Tát), đã từng lễ bái, cầu thỉnh Bốn Tôn Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát gia trì đệ tử có thể tâm sanh chánh niệm, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, phát huy sở trường, lợi ích chúng sanh. Tiến cao hơn là phỏng theo Bốn Tôn phát ra hoàng nguyện, cứu độ chúng sanh, [khiến cho họ] lia khổ được vui. Do thoát đầu tu tập Thiền Định bèn chí thành khát vọng có thể ở trong Định lại lần nữa chiêm ngưỡng, lễ bái Bốn Tôn Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Do vậy, bèn nương theo hơi thở, nhiều lượt niệm danh hiệu Nam-mô Bốn Tôn Địa Tạng Vương Bồ Tát Ma Ha Tát. Cho tới khi hơi thở thông thuận, bèn vừa quán tưởng hình tướng trang nghiêm của phân thân đức Địa Tạng trong Nhục Thân Điện tại Cửu Hoa, vừa thông thả, tâm niệm “*Nam-mô đại bi, đại nguyện, đại thánh đại từ bốn tôn Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát*”, từng lượt một giống như khi nhiều tháp đã niệm danh hiệu đức Địa Tạng. Bỗng dưng hồn nhiên vong ngã, hết thấy đều không, ngay cả lưỡi đang đề lên vòm họng, thân, khẩu, ý đều tiêu mất hết, trong ngực có luồng khí lớn xông thẳng lên đỉnh đầu. Tuy kinh ngạc trong chốc lát, nhưng do miệng niệm danh hiệu Địa Tạng, tâm thần nhanh chóng trấn định. Từ ngực cho đến đỉnh đầu, bỗng thấy tia chớp kim quang lóe lên, rỗng rang tợ hồ thần thức du hành trong hư không, khiến cho con người vui sướng chẳng thể nghĩ bàn. Hồi lâu mới như vừa tỉnh mộng, lại trở về thế giới hiện thực, nghe tiếng động chung quanh. Bất quá, sau khi đã có kinh nghiệm thù thắng trong lần ấy, đối đãi với thế gian tợ hồ khoan dung, từ bi, vô ngã hơn. Hy vọng có thể thường giữ được nổi quan hoài ấy, mãi cho tới khi đạt tới cảnh giới Không Huệ Ba La Mật “*vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*” như kinh Kim Cang đã chép, đạt tới Niết Bàn bất sanh bất diệt thì mới chẳng phụ Địa Tạng Bồ Tát đã rủ lòng xót thương.



Hồi hương

Nếu việc chuyển ngữ này đem lại may mắn lợi lạc nào cho những đồng tu căn cơ kém cỏi, nghiệp chướng sâu nặng như mặt nhân thì nguyện do công đức này, lịch đại tổ tiên, phụ mẫu, sư trưởng, thiện ác tri thức, lũy thế oán thân trái chủ, cừu gia oán đối, các hành nhân Tịnh nghiệp và mười phương pháp giới chúng sanh đều được thoát khỏi u đồ, xóa bỏ kiến chấp môn đình, pháp môn, vãng sanh Cực Lạc, tấn tu đạo nghiệp. Cũng nguyện do công đức này, bệnh dịch Corona mau chóng tiêu trừ để mọi người được an cư lạc nghiệp, các đạo tràng, tự viện khôi phục sinh hoạt bình thường để các Phật tử có cơ hội tấn tu, sách tấn lẫn nhau vun bồi thiện duyên, chóng thành Phật quả.

Lược Giảng Kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo

Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng